minh võ

HỒ CHÍ MINH

nhận định tổng hợp

hồ chí minh nhận định tổng hợp

hồ chí minh nhận định tổng hợp.
minh võ

bìa: ***Midway Press***
trình bày: ***Midway Press,*** tranh bìa **internet**
sưu nhặt từ http://congnghe-sx.com/upload/files/Ho_Chi_Minh_tong_hop.pdf; http://www.geocities.ws/xoathantuong/minhvo/mv_00.htm
ấn hành: ***Anywhere***

Copyright © 2014 **by Trần Vũ**

hồ chí minh
nhận định tổng hợp
minh võ

Lời Nói Đầu

Từng nghe nói *trong mỗi con người luôn tiềm ẩn một thiên thần và một ác quỷ.*

Nhưng con người không phải là thần cũng chẳng phải là quỷ. Lý tưởng mà con người theo đuổi, thành quả mà con người đạt được cùng với hành vi biểu hiện cuộc sống của con người sẽ cho phép nhận diện con người nghiêng về phía thần hay về phía quỷ.

Điều này càng đúng khi áp dụng với những người đấu tranh chính trị. Mục tiêu mà họ theo đuổi, phương thức dành quyền lực mà họ thi thố, quyền lực mà họ vận dụng, ảnh hưởng vai trò của họ tác động vào sinh hoạt xã hội nói chung ... chính là nền tảng cụ thể nhất để đánh giá họ nghiêng về phía nào.

Hồ Chí Minh là người tham gia đấu tranh chính trị và là một nhân vật lịch sử Việt Nam. Thời kỳ đấu tranh của Hồ Chí Minh cũng là thời kỳ lịch sử Việt Nam gắn liền với

nhiều biến cố trọng đại của thế giới trong thế kỷ 20. Vì thế, Hồ Chí Minh còn được coi là một nhân vật lịch sử của thế giới trong thế kỷ vừa qua.

Nhưng, có những nhân vật lịch sử thường xuyên hiện ra giữa ánh sáng chói chang thì cũng có những nhân vật lịch sử luôn lẩn khuất sau nhiều lớp sa mù. Có những nhân vật lịch sử hoàn toàn trở thành dấu tích dĩ vãng ngay sau khi từ giã cõi đời thì cũng có những nhân vật lịch sử tiếp tục tác động vào mọi sinh hoạt của nhiều thế hệ tiếp nối.

Hồ Chí Minh không nằm trong số nhân vật lịch sử mau chóng trở thành dĩ vãng. Ông trút hơi thở cuối cùng từ ngày 2 tháng 9 năm 1969, nhưng gần như vẫn có mặt trong từng biến cố của Việt Nam sau ngày đó. Hồ Chí Minh cũng không nằm trong số nhân vật lịch sử mà toàn bộ cuộc sống và con người là những trang sách luôn mở rộng cho bất kỳ ai muốn tìm đọc. Cuộc sống và con người Hồ Chí Minh lẩn khuất sau nhiều lớp màn che với những màu sắc trái ngược để luôn là một bí ẩn giữa những huyền thoại.

Chính vì thế, Hồ Chí Minh trở thành đối tượng được diễn tả theo nhiều cách khác biệt, thậm chí trái ngược như ngày với đêm, như trắng với đen.

Nhiều nhà văn, nhà báo, nhà viết sử trên thế giới đã coi Hồ Chí Minh là một chính trị gia tài ba, một người nặng tinh thần quốc gia chủ nghĩa hơn là tinh thần quốc tế chủ nghĩa dù Hồ Chí Minh là người cộng sản. Một số tác giả còn đi xa hơn không ngần ngại gọi Hồ Chí Minh là nhà ái quốc của Việt Nam. Đa số các tác giả này đều nghĩ rằng Hồ Chí Minh đã được toàn thể hoặc ít nhất là phần lớn dân chúng Việt Nam tôn kính và tin tưởng. Nhiều tác giả đã nhắc tiếng

"Bác" mà người dân Việt Nam dùng gọi Hồ Chí Minh, nhắc chuyện Hồ Chí Minh được sùng bái như một vị thần, được dân chúng ở vài nơi lập miếu thờ và coi đó như bằng chứng xác minh nhận định của họ là trong trái tim người dân Việt Nam, Hồ Chí Minh đã có vị thế của một *"lãnh tụ vĩ đại"*, một "*anh hùng cứu quốc*", một "*cha già dân tộc*"...

Đồng thời, không thiếu những người cầm bút khác lại nhìn Hồ Chí Minh như kẻ đại phản quốc đối với dân tộc Việt Nam. Dưới mắt những tác giả này, Hồ Chí Minh đã say mê lý tưởng cộng sản tới mức sẵn sàng đưa đất nước và đồng bào vào những thảm cảnh đau đớn cùng tột để cố giành thắng lợi cho Khối Đệ Tam Quốc Tế trong cuộc đối đầu với các quốc gia Tây Phương. Không những thế, Hồ Chí Minh còn là con người tàn ác xảo trá, trọn đời là một chuỗi dài thủ đoạn hiểm độc. Chứng cớ viện dẫn cho nhận định này là hành vi sát hại các nhà ái quốc vào thời gian trước và sau 1945 để nắm độc quyền lãnh đạo, hành vi bịp bợm tuyên bố giải tán Đảng Cộng Sản năm 1945, hành vi dối gạt dư luận tự tô vẽ một bề ngoài thánh thiện trong khi sống nhầy nhụa như một kẻ vô luân, hành vi tắm máu nửa triệu người vô tội với chính sách cải cách ruộng đất thời khoảng 1953-1955, hành vi cưỡng chiếm miền Nam bằng võ lực gây nên cuộc chiến đẫm máu suốt 20 năm, và trên hết là sự đẩy lui đất nước vào cảnh sống đọa đày trong ngu dốt, đói nghèo và ngục tù áp chế cho tới ngày nay... Tất nhiên, theo những tác giả này, hình tượng Hồ Chí Minh trong trái tim người dân Việt Nam chỉ có thể diễn tả bằng những từ thóa mạ đã xuất hiện ngay từ 1945-46 như *"cáo Hồ"*, *"quỷ vương"*, *"ma đầu"*... Bằng chứng cao hơn hết cho

sự khiếp hãi và lòng thù hận của người dân Việt Nam đối với Hồ Chí Minh là sự kiện hàng triệu người bỏ trốn khỏi miền Bắc năm 1954 và ít nhất hơn hai triệu người đã bất chấp mọi nỗi hiểm nghèo, kể cả sóng gió đại dương, bỏ quê hương vượt biển ra đi sau ngày 30.4.1975.

Tóm lại, ý kiến nhận định về Hồ Chí Minh rải rác trong hàng trăm tác phẩm viết về chiến tranh Việt Nam và về tiểu sử Hồ Chí Minh được chia làm hai loại rõ rệt, hoàn toàn trái ngược. Một bên coi ông như thần tượng, một bên coi ông là "*tên phản quốc số một của thời đại*".

Sự kiện này không chỉ xảy ra với riêng Hồ Chí Minh và có thể dễ dàng gạt qua nếu Hồ Chí Minh không thuộc hàng ngũ đấu tranh chính trị, tức cuộc sống và hành vi của ông không gắn liền với các biến cố chung trong một giai đoạn lịch sử. Ở trường hợp này, dù ông là thiên thần hay ác quỉ thì ảnh hưởng lớn nhất vẫn không vượt khỏi giới hạn thúc đẩy sự ngưỡng mộ hay khinh ghét đối với riêng một cá nhân biệt lập. Sự ngưỡng mộ hay khinh ghét dành cho một nghệ sĩ chẳng hạn không trở thành mối bận tâm của xã hội, vì đó là biểu hiện quyền tự do và không hề dẫn tới những nhận định sai lạc về các biến cố chung đã diễn ra.

Sự kiện này vẫn có thể gạt qua dù Hồ Chí Minh thuộc hàng ngũ đấu tranh chính trị nhưng nằm trong số những nhân vật lịch sử đã hoàn toàn trở thành dĩ vãng. Những bạo chúa như Tần Thủy Hoàng, Neron... những lãnh tụ tàn ác như Hitler, Staline... ngay giờ phút này vẫn có thể còn được một số người ngưỡng mộ và tiếp tục là đề tài ca ngợi của một số người cầm bút nào đó trên thế giới. Nhưng việc bày tỏ sự ngưỡng mộ những nhân vật này và

sự xuất hiện các tác phẩm ca ngợi họ không thể khiến đổi ngược thực chất mọi biến cố mà họ từng tham dự. Đồng thời, dù được chiếu sáng bằng ánh hào quang nào thì họ cũng không thể vượt khỏi vai trò dấu tích của một thời đã khuất để tác động nổi vào tiến trình sinh hoạt chung của xã hội hiện nay.

Hồ Chí Minh nằm ngoài cả hai trường hợp trên.

Với tư cách chính trị gia, con người và hoạt động của Hồ Chí Minh gắn kết với hàng loạt biến cố có tầm mức xoay chuyển hẳn chiều hướng sinh hoạt xã hội Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ qua. Không thể bác bỏ dấu ấn Hồ Chí Minh trên thực tế Việt Nam kể từ đầu thập niên 1940 hay nói một cách khác, lịch sử Việt Nam từ thời điểm trên không thể tách khỏi con người và hành động của Hồ Chí Minh.

Nhu cầu đánh giá chính xác các biến cố đương nhiên bao gồm nhu cầu đánh giá chính xác về con người và hành động của Hồ Chí Minh. Tác động hỗ tương giữa người và việc ở đây rất rõ ràng. Điều này đã lý giải sự trạng có một số đông người cầm bút trên thế giới viết về Hồ Chí Minh. Con người và tên tuổi Hồ Chí Minh chưa hẳn đủ tầm vóc khiến nổi số người trên chọn đề tài Hồ Chí Minh, nhưng mức tác động vào đời sống thế giới của vấn đề Việt Nam từ nửa thế kỷ qua đòi hỏi phải được tìm hiểu thấu đáo và trong tiến trình đánh giá các biến cố tại Việt Nam, các tác giả không thể không đánh giá về nhân vật Hồ Chí Minh.

Tiến trình đánh giá các biến cố tại Việt Nam chưa dừng lại vì nhiều ẩn số vẫn chưa tìm được giải đáp dứt khoát. Chứng cớ cụ thể là đang hiện diện song song hai lối nhìn trái ngược về Hồ Chí Minh.

Cần xác định ngay rằng sự hiện diện hai lối nhìn trái ngược về riêng một con người không phải động cơ chủ yếu thúc đẩy việc tiếp tục nhận dạng Hồ Chí Minh. Nhận dạng Hồ Chí Minh hoàn toàn không cần thiết nếu nằm ngoài ý nghĩa là một đoạn đường trên con đường nhận dạng một thời kỳ lịch sử. Vấn đề được đặt ra, và bắt buộc phải đặt ra, chính là yêu cầu thẩm định chính xác về mọi biến cố tại Việt Nam, trong đó không thể bỏ qua sự thẩm định chính xác về nhân vật Hồ Chí Minh.

Yêu cầu trên càng khẩn thiết do tính nối dài liên tục của những biến cố khởi đầu từ thập niên 1940. Cho tới nay, thực tế và tương lai Việt Nam không chỉ in hằn dấu vết những biến cố đã qua mà tiếp tục bị nhào nặn, bị khuôn nén bởi chính những biến cố đó. Nếu hình dung Việt Nam như một con thuyền thì con thuyền Việt Nam chưa ra khỏi cảnh ngộ quay cuồng giữa cơn lũ dấy lên từ hơn nửa thế kỷ qua. Điều kiện tất yếu cho nỗ lực định hướng vượt qua sóng gió để thuận mái xuôi dòng chính là sự đáp ứng đòi hỏi nhận thức chính xác về cơn lũ.

Ngoài ra, sự hiện diện của Hồ Chí Minh trong các biến cố đang tiếp diễn tại Việt Nam là điều không thể phủ nhận. Tính tới nay, Hồ Chí Minh đã qua đời tròn 34 năm, nhưng dưới chế độ hiện nay trong nước, từng ngày từng giờ tên Hồ Chí Minh vẫn được nhắc nhở như ánh sáng soi đường cho mọi công việc và khuôn mẫu sống cho mọi lứa tuổi, từ trẻ đến già. Hồ Chí Minh không chỉ là dấu ấn trên thực tế của một thời kỳ mà tiếp tục là động cơ chi phối thực tế xã hội Việt Nam. Vì thế, việc nhận dạng Hồ Chí Minh còn vượt xa thêm khỏi ý nghĩa một đoạn đường nhận dạng các biến cố lịch sử.

Phải nhận dạng Hồ Chí Minh, nếu muốn đánh giá chính xác các biến cố đã và đang diễn ra trên đất nước Việt Nam. Và, càng phải nhận dạng Hồ Chí Minh, nếu muốn đánh giá chính xác hướng tương lai của đời sống Việt Nam dưới ảnh hưởng trùm lấp mọi phương diện sinh hoạt xã hội của ông.

Đây là hai động cơ chủ yếu thúc đẩy sự hình thành nội dung cuốn sách này - nhận dạng một con người đã và đang tiếp tục chi phối đời sống Việt Nam để góp phần nhận dạng một giai đoạn lịch sử, đồng thời góp phần đánh giá chính xác chiều hướng diễn biến của thực tế xã hội Việt Nam hiện nay.

*

Qua nhận định của những tác phẩm mà chúng tôi được đọc, nhân vật Hồ Chí Minh đã được quan sát từ nhiều góc độ và được khắc họa bằng nhiều màu sắc. Chân dung nhân vật Hồ Chí Minh không chỉ là một hình tượng mà bao gồm toàn bộ khía cạnh sống của con người từ tâm tưởng, ý chí, lời lẽ, hành vi, tương quan, sự nghiệp ... thậm chí gồm cả những nét diễn tả theo huyền thoại và theo cảm xúc riêng của một số người viết.

Tất nhiên, các góc độ quan sát khác biệt đã đưa đến những bức chân dung khác biệt và không thể có sự tương hợp hoàn toàn giữa các bức chân dung. Nhưng mức độ khác biệt dù mở lớn tới cùng cực vẫn chỉ đặt vào mọi bức chân dung hai màu sắc chủ yếu để có thể phân thành hai loại tương phản như đã nhắc ở trên.

Lý do nào khiến xuất hiện hai loại chân dung Hồ Chí Minh tương phản như thế?

Bằng cách nghĩ bình thường, người ta dễ dàng cho rằng sự kiện trên chỉ do thế đứng đối nghịch của các tác giả trong tình trạng phân tranh từng diễn ra tại Việt Nam. Ngay từ tháng 8-1945, chính trường Việt Nam đã có sự đối đầu giữa những người chọn chủ nghĩa Cộng Sản làm lý tưởng và những người tham gia đấu tranh với tinh thần quốc gia yêu nước. Cuộc phân tranh kéo dài đã tác động vào hướng suy tư của nhiều người cầm bút trên thế giới và dần dần hình thành thái độ hỗ trợ phía này hoặc phía khác.

Các tác giả thuộc phe Cộng Sản hoặc nghiêng về phe này dĩ nhiên phải ca tụng Hồ Chí Minh, phải tìm thấy ở nhân vật này mọi đức tính của một con người cao cả, một bậc anh hùng. Ngược lại, các tác giả thuộc phe đối kháng không thể nhìn nhận Hồ Chí Minh là người yêu nước vì vai trò cán bộ Quốc Tế Cộng Sản của ông ta và không ngần ngại đổ hết mọi sự tàn ác gian trá lên đầu kẻ tiêu biểu cho phe đã đánh bại mình.

Sự thực có giản dị như vậy không?

Đành rằng không thể phủ nhận thái độ hận thù do phe phái, nhưng không thể vì thế mà dễ dàng đẩy hết người trên khắp thế giới vào phe này hay phe kia để tùy tiện đánh giá mọi nhận định đã được phát biểu.

Trong thực tế, bên cạnh những người cộng sản Việt Nam vốn là thủ hạ của Hồ Chí Minh cầm bút ca ngợi lãnh tụ vẫn có nhiều người cầm bút trên thế giới không hề đứng chung trận tuyến với họ có cái nhìn về Hồ Chí Minh phần nào tương hợp với họ. Đồng thời, bên cạnh những người Việt Nam thù hận Cộng Sản sẵn sàng thóa mạ Hồ

Chí Minh cũng có không ít người cầm bút trên thế giới chưa từng chọn thế đứng chống đối Cộng Sản đã khắc họa Hồ Chí Minh như một tai họa đối với dân tộc Việt Nam.

Hơn nữa, trong số những tác phẩm xóa bỏ các huyền thoại tô vẽ cho Hồ Chí Minh và coi ông ta như một kẻ xảo quyệt, tham tàn lại có những tác phẩm mà tác giả chính là người cộng sản Việt Nam. Cũng không thể quên rằng nhiều tài liệu được các tác giả dùng làm cơ sở cho nhận định chính là tài liệu được lưu trữ hoặc công bố bởi các cơ quan hay giới chức từ Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh.

Thái độ thù hận phe phái dù là một thực tế nhưng không đủ để lý giải sự nhận định trái ngược đang có về Hồ Chí Minh.

Theo thiển kiến, nhận định trái ngược này xuất phát từ quan niệm khác nhau về lý tưởng và tiếp theo là quan niệm khác nhau về lý tưởng mà Hồ Chí Minh theo đuổi.

Sự đánh giá cao lý tưởng cộng sản với mục đích đấu tranh giai cấp trên toàn thế giới hay đánh giá cao lý tưởng quốc gia với mục đích đấu tranh giải phóng dân tộc là nền tảng thứ nhất hình thành cái nhìn khác biệt về Hồ Chí Minh. Nền tảng thứ hai hình thành cái nhìn khác biệt là sự xác định về lý tưởng của bản thân Hồ Chí Minh. Dù Hồ Chí Minh là cán bộ của Đệ Tam Quốc Tế với những nhiệm vụ rõ rệt được trao phó từ Liên Xô nhưng vẫn có người cho rằng Hồ Chí Minh không theo con đường đấu tranh giai cấp mà là một người yêu nước.

Những nhận định khởi từ nền tảng thứ nhất có thể dễ dàng giải thích bằng thế đứng nghiêng về phía này hay phía khác và cũng dễ dàng thẩm định mức độ chân xác do

dụng ý để cao hoặc hạ thấp đối tượng. Từ nền tảng này, thế đứng của người cầm bút luôn giữ vai trò quyết định sự hình thành các nhận định được phát biểu trong khi yêu cầu khắc họa chính xác về đối tượng có thể sẵn sàng bị gạt bỏ nếu cần thiết.

Những nhận định khởi từ nền tảng thứ hai không nằm trong vòng chi phối của các thế đứng nghiêng về phía này hay phía khác nên có thể kể là biểu hiện hoàn toàn hướng nhìn chủ quan của người cầm bút. Nhưng hướng nhìn chủ quan của bất kể cá nhân nào cũng không thoát khỏi qui luật hình thành dựa trên tác động của mọi mặt diễn hóa sự sống bao gồm từ cảnh ngộ, tâm tư riêng biệt của từng cá nhân tới khung cảnh thực tế chung của thời đại thông qua cách tiếp nhận cũng hoàn toàn riêng biệt của từng cá nhân. Một thảm cảnh chiến tranh, một hành vi tranh đấu, một lời nói dịu dàng, một giai thoại cảm động hay vóc dáng, cử chỉ của một nhân vật nào đó... luôn ghi lại dấu ấn khác nhau trong tâm tư của các đối tượng để từ đó dẫn tới những hướng nhận định không thể tương hợp. Những nhận định trái ngược từ nền tảng này rất khó khăn cho nỗ lực giải thích và thẩm định mức chân xác vì không giới hạn theo một định hướng và vô cùng phức tạp.

Dù vậy, đối diện với những nhận định đã có về Hồ Chí Minh vẫn là bước bắt buộc phải qua để xóa những lớp mây mù che khuất một khuôn mặt thật đầy bí ẩn hầu có thể hoàn tất cái công việc nhận dạng chính xác về một nhân vật lịch sử mà nhu cầu thực tế Việt Nam đang đòi phải đáp ứng.

Chúng tôi sẽ cố gắng xem xét tất cả những nhận định trên từ nhiều góc độ, phân tích trên cả 3 phương diện lịch

sử, chiến lược sách lược và chủ thuyết với mong ước đi tới một nhận định tổng hợp thể hiện mức chính xác hơn.

Khi dùng từ tổng hợp, chúng tôi đã nhớ tới từ ngoại ngữ synthétique hay synthetical và có thể khiến bạn đọc liên tưởng tới các từ synthèse hay synthesis vừa có nghĩa khoa học vừa có nghĩa triết học đã được biết trong quá trình biện chứng tam cấp của Hégel: *Đề* (*thèse*), *Phản Đề* (*antithèse*), và *Hợp Đề* hay *Tổng Đề* (*synthèse*)[1]. Sự liên tưởng như vậy không có hại gì, vì trong hàng trăm tác phẩm viết về Hồ Chí Minh, hoặc hàng ngàn câu nói ca tụng hay chỉ trích ông, quả tình, nói chung, có hai xu hướng trái ngược nhau, như *đề* với *phản đề*. Nếu từ đó đưa ra một nhận xét cân bằng hơn thì cũng là một thứ *tổng đề* hay *hợp đề* nào đó.

Nghĩa khoa học của từ *tổng hợp* (*synthèse*) thì biểu hiện cụ thể bằng công việc tại các phòng thí nghiệm: *phân tích* (*analyse, analysis*) và *tổng hợp* (*synthèse, synthesis*). Đem nước phân tích sẽ thành khinh khí và dưỡng khí. Đem 2 chất khí này tổng hợp theo tỷ lệ H_2O sẽ có nước. Như vậy tổng hợp khác hẳn tổng cộng và càng khác với *pha trộn* (*mélange*).

Chính trong khái niệm đó, chúng tôi chọn từ *tổng hợp* với ý nghĩ xác định không theo đuổi công việc pha trộn hay chỉ đúc kết, tổng cộng các nhận định đã được phát biểu về Hồ Chí Minh.

Nhưng việc phân tích và tổng hợp khoa học luôn đòi phải có chất xúc tác thì việc nhận dạng một con người không thể thiếu nhận thức về môi trường sống của con người đó. Tác động hỗ tương giữa môi trường sống và con

người không chỉ giúp xác định mức chính xác của các biến cố liên hệ đến con người mà còn giúp thấu triệt quá trình hình thành những nét đặc trưng của chính con người. Môi trường của một con người luôn thay đổi theo thời gian và con người cũng có thể liên tục thay đổi môi trường nên việc đáp ứng nhu cầu nhận thức về khía cạnh này đòi hỏi không thể rời xa những thay đổi đó.

Một cách cụ thể, để nhận dạng Hồ Chí Minh, bắt buộc phải nhìn lại những môi trường sống của ông khi còn là cậu bé Nguyễn Sinh Cung tự Cuông hay Coong hay Bé Con, khi mang tên Nguyễn Tất Thành để đến trường cho tới lúc xuất dương, khi mang tên Ba ở trên tàu biển, khi mang tên Nguyễn Ái Quốc ở Pháp chung với các nhà cách mạng Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh (và có thể cả Phan Châu Trinh), khi một mình mang cái tên đó, khi lấy tên Lý Thụy, Vương, Tống Văn Sơ, Hồ Quang... ở Trung Hoa và ở Xiêm, khi chọn cái tên cuối cùng Hồ Chí Minh *"để ghi nhớ không nguôi người vợ Trung Hoa Tăng Tuyết Minh"*, một nữ hộ sinh Kitô giáo, một đảng viên cộng sản trung kiên và một người chung tình.[2]

Tất nhiên khi nhận dạng một nhân vật đấu tranh, những ghi nhận về môi trường sống không thể khuôn hạn trong thực trạng sinh hoạt kinh tế, xã hội, văn hóa mà bắt buộc phải mở rộng qua phạm vi chính trị với những ghi nhận chính xác về các biến cố, các lực lượng cùng các chủ thuyết, các chiến lược sách lược đấu tranh... Thiếu những ghi nhận trên, bức tường trở ngại sẽ trở thành bất khả vượt với độ cao vòi vọi.

Bởi vì, bằng cách nào để nhận dạng nhân vật Hồ Chí

Minh khi không thấu hiểu về chủ nghĩa cộng sản, không thấu hiểu về chiến lược sách lược của tổ chức Đệ Tam Quốc Tế (cụ thể là Liên Xô), không thấu hiểu về cách thức Cộng Sản thu dụng, đào tạo Hồ Chí Minh cùng nhiệm vụ ông đã nhận lãnh? Và bằng cách nào để nhận dạng Hồ Chí Minh, khi không thấu hiểu về tổ chức Đảng và Chính Phủ do ông lãnh đạo, không thấu hiểu về chủ trương đường lối của ông trong cuộc chiến Việt Nam, không thấu hiểu về cái chế độ mà ông đã để lại như một di sản?

Ý thức về yêu cầu đó khiến chúng tôi hiểu rằng dù chọn từ tổng hợp để định danh cho công việc của mình, giới hạn hiểu biết của chúng tôi khó cho phép chúng tôi vượt qua mức độ chỉ góp phần cho nỗ lực tiến tới một nhận định tổng hợp về Hồ Chí Minh.

*

Về suy luận, chúng tôi phối hợp phương pháp cổ điển giản đơn của Aristote (384-322 B.C) từng phổ cập bởi các triết gia lớn như Saint Thomas Aquinas (1225-1274), René Descartes (1596-1650)... với biện chứng pháp của Friedrich Hégel (1770-1831), duy vật biện chứng của Karl Marx (1818-1883), suy diễn theo cả *diễn dịch pháp* (*deduction*) lẫn *quy nạp pháp* (*induction*), vừa khởi từ các nguyên tắc cơ bản của chủ thuyết để đi tới những sự kiện cụ thể, vừa đi ngược từ những sự kiện cụ thể trở về các nguyên tắc cơ bản của chủ thuyết. Nói một cách nôm na, xét cây để hiểu quả, và ngược lại, xem quả để biết cây.

Đây là một con đường gập ghềnh, nhưng chúng tôi không còn chọn lựa nào khác để có thể đạt kết quả tương đối hợp với mong mỏi.

Chúng tôi hy vọng phương pháp này sẽ giúp vượt khỏi khuyết điểm võ đoán rất thường xẩy ra với tất cả mọi người để góp phần tích cực vào công việc loại bỏ những đám mây mù cho tới lúc này vẫn không ngừng che phủ nhân vật Hồ Chí Minh và vì thế vẫn tiếp tục ngăn trở mọi nỗ lực đánh giá chính xác về thực tế lịch sử Việt Nam nửa thế kỷ qua. Nhưng chúng tôi đạt được mức độ nào trong công việc vẫn là vấn đề của thực tế và hoàn toàn theo sự lượng định của bạn đọc.

*

Nội dung sách được chia làm 3 phần.

Phần I và II giới thiệu và phân tích sơ lược về những tác phẩm viết về đề tài Hồ Chí Minh đã xuất bản, gồm 2 loại: *Loại tiểu sử* và *loại nhận định*.

Mỗi loại này đều được chia thành 2 theo phân loại tác giả:

- 1. Tác giả ngoại quốc

- 2. Tác giả Việt Nam.

Những tác phẩm được giới thiệu hầu hết đều trên dưới 500 trang với nội dung đa dạng và phức tạp. Do đó, chúng tôi chỉ tóm tắt những ý kiến trực tiếp liên hệ đến nhân vật Hồ Chí Minh hoặc giúp tìm hiểu bối cảnh sống của Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên cuộc chiến Việt Nam, đảng CSVN, Quốc Tế CS, chủ nghĩa CS, chiến lược chiến thuật CS ... đều là những bối cảnh cần lưu ý. Việc chọn lọc và trưng dẫn ý kiến của các tác giả tùy theo nhu cầu của đề tài và mục đích của cuốn sách. Có những ý chúng tôi trưng dẫn nhiều lần có thể do được nhiều tác giả cùng lập lại, có thể do muốn nhấn mạnh sự tương đồng hay dị biệt giữa các

tác giả và cũng có thể do dụng ý để độc giả tự giải thích lý do tại sao đã có sự đồng ý hoặc bất đồng về một vấn đề nào đó.

Khi chọn giới thiệu các tác phẩm, chúng tôi không đặt nặng vấn đề xu hướng chính trị mà trước tiên dựa vào tầm vóc nội dung và mức độ đóng góp cho vấn đề nhận dạng Hồ Chí Minh. Tuy vậy nếu xét về xu hướng đối nghịch của các tác giả được giới thiệu, chúng tôi vẫn giữ được mức tỷ lệ tương đối cân bằng. Thực ra, ngoài các tác giả đứng hẳn về một phe rõ rệt, thái độ chính trị của các tác giả, dù có thể gọi là đối nghịch, vẫn rất đa dạng thay đổi từ cực tả sang cực hữu hoặc ngược lại với nhiều sắc thái khác nhau.

Chúng tôi cũng không gạt bỏ một số tác giả thực sự là thủ hạ của Hồ Chí Minh hoặc một số tác giả chống đối không che dấu thái độ hằn học với ông Hồ, dù sự việc này có thể khiến những nhà nghiên cứu không đồng ý vì phải đối diện với thái độ tôn sùng quá độ hoặc những từ ngữ thiếu tao nhã. Theo chúng tôi, thái độ tôn sùng mù quáng của thủ hạ cũng có thể phản ảnh phần nào tính cách của nhân vật trong khi giữa thảm họa chết chóc, đau thương xẩy ra với hàng chục triệu sinh linh, tiếng nói của các nạn nhân hay nhân chứng từng trải những cảnh tàn bạo khủng khiếp, biểu hiện sự phẫn nộ và lòng đau xót cũng có một giá trị đóng góp tích cực cho công việc nhận dạng nhân vật có cuộc đời gắn liền với sự trạng đó.

Trong Phần III, chúng tôi chắt lọc một số ý kiến khác nhau cùng những dữ kiện đa dạng mà các tác giả cung cấp đã được giới thiệu nơi phần I và II để tìm lời giải thích cho mọi vấn đề liên quan đến nhân vật Hồ Chí Minh và cuộc

chiến tranh Việt Nam theo hướng góp phần giúp độc giả đánh giá một cách tổng hợp về nhân vật này.

Ý kiến của các tác giả rất phức tạp, vừa trái ngược gay gắt vừa bao gồm từ cực tả sang cực hữu vừa mở rộng liên quan đến rất nhiều vấn đề.

Trong nỗ lực của mình, chúng tôi đã tập trung các ý kiến đó trong một số điểm chủ yếu thường gây tranh cãi như sau:

- Hồ Chí Minh là quốc gia hay cộng sản?

- Hồ Chí Minh đã có thể là một Tito Việt Nam?

- Hồ Chí Minh có chịu trách nhiệm về việc bán đứng nhà cách mạng Phan Bội Châu, về phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, về cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu, về vụ Tết Mậu Thân...?

- Hồ Chí Minh là người có lòng nhân ái hay chỉ khéo đóng kịch?

- Hồ Chí Minh đã bị Lê Duẩn, Lê Đức Thọ lấn át kiềm chế nên gây ra cuộc chiến đẫm máu sau 1954?

- Nếu Hồ Chí Minh còn sống đến 1975, tình hình Việt Nam đã tốt đẹp hơn?...

Những vấn đề nêu trên sẽ được lý giải trong các chương của Phần III.

Minh Võ

CHÚ THÍCH:

[1] *Về sau Karl Marx, học trò của Hégel, cho là duy tâm nên đã biến chế ra một quá trình* "tam cấp" *khác của biện chứng pháp duy vật: Quyết thể* (*affirmation*)*, Hủy thể* (*négation*) *và Hủy thể của hủy thể* (*négation de la négation*)*. Hay Khẳng Định, Phủ Định và Phủ Định của Phủ Định.*

[2] *Theo tác giả Trung Cộng Hoàng Tranh cho biết năm 2001.*

Thư Nhà Xuất Bản

Xin góp thêm một nén nhang.

Đó là ý nghĩ đến với chúng tôi khi quyết định gửi tác phẩm này tới tay bạn đọc. Ý nghĩ có vẻ hoàn toàn xa với sách vở nhưng đã dấy lên từ những dòng chữ của Minh Võ.

Chủ điểm của tác giả hết sức rõ ràng là nhìn lại những huyền thoại về một nhân vật mà toàn bộ cuộc đời đã gắn kết chặt chẽ với từng biến cố của đất nước Việt Nam suốt nửa thế kỷ qua.

Những huyền thoại đó đã được ghi chép, được nhắc kể bởi hàng trăm người cầm bút trên khắp thế giới để biến thành đủ loại màu sắc vừa dị thường vừa ngược ngạo đến mức người đi tìm chân dung nhân vật khó tránh cảnh bị vây hãm giữa một vùng rừng rậm.

Với mong mỏi tìm vạch một hướng nhìn không bị ngáng trở bởi cảnh chen chúc hỗn loạn rối mù của đủ loại cây cành, Minh Võ đã cố đẩy mọi huyền thoại trở lại điểm

xuất phát để nhận rõ từ tính chất đến động cơ thúc đẩy hình thành.

Đôi mắt có hai đồng tử đã biến nhân vật thành mẫu người siêu việt dị thường khởi nguồn ra sao?

Việc nhân vật được coi như vị cha già của dân tộc, như bậc anh hùng cứu quốc vĩ đại nhất lịch sử Việt Nam xuất phát từ đâu?... Hàng loạt những câu hỏi như thế đã được giải đáp để cây không che mất rừng và rừng không che khuất mắt người.

Nhưng những lời giải đáp mà tác giả đưa ra cho từng huyền thoại lại luôn khua động một âm vang tưởng chừng đã nín bặt từ lâu dưới bề dày của năm tháng.

Từ từng dòng chữ, từng trang sách, không ít hình ảnh cũ trong cuộc sống quê hương đã bừng dậy để khơi gợi một cảm giác não nề.

Hơn bảy trăm trang sách điểm lại các huyền thoại về nhân vật Hồ Chí Minh qua sự nhắc kể của hàng trăm cây bút trên thế giới đã liên tục đặt người đọc vào tâm cảnh ngổn ngang xoay quanh những tai ương biến dân tộc Việt Nam thế kỷ 20 thành một dân tộc bất hạnh nhất trong lịch sử nhân loại.

Ở khắp nơi trên thế giới hẳn không ai còn ngạc nhiên khi nghe kể về những bất hạnh do thời thế mà người dân Việt Nam đã phải trải suốt hơn năm mươi năm qua.

Nhưng có lẽ không mấy ai nghĩ tới nỗi bất hạnh vượt lên hết thảy mọi nỗi bất hạnh mà người dân Việt Nam đã phải nhận chịu và tiếp tục nhận chịu cho tới giờ này. Nỗi bất hạnh đó là hàng ngày vẫn phải nghe vẳng bên tai những lời lẽ liên tục gợi nhắc các tai ương mà mọi người

phải gánh chịu theo kiểu cách diễn tả là những chứng tích huy hoàng của một thời kỳ vẻ vang nhất đối với người dân Việt Nam.

Qua từng trang sách của Minh Võ, người đọc sẽ nghe lại lời tán tụng của Duiker:

"Ông Hồ đã chiếm được một chỗ trong ngôi đền thờ những anh hùng cách mạng từng đấu tranh mạnh mẽ để những người cùng khổ trên thế giới có được tiếng nói đích thực của họ".

Người đọc cũng phải nghe lại lời Halberstam:

"Hồ Chí Minh là anh hùng số một, anh hùng duy nhất của Việt Nam... là hiện thân cuộc cách mạng của dân tộc ông, là nhà ái quốc vĩ đại nhất Việt Nam ở thế kỷ 20".

Người đọc càng không thể không nghe lời tán tụng của Hélène Tourmaire:

"Hình ảnh của Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh với sự kết hợp đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin và tình cảm của một người chủ gia tộc, tất cả bao bọc trong dáng dấp rất tự nhiên".

Những cực hình tàn khốc nhất chưa dễ khuất phục nổi sức chịu đựng của con người, nhưng quả là hết sức cay cực khi đối diện với những con người thản nhiên vỗ tay tán thưởng và xưng tụng những tấn tuồng hành hạ đồng loại.

Cho nên, những dòng chữ từ tác phẩm của Minh Võ đã dắt dẫn rất mau ý nghĩ hướng về những nạn nhân của mọi tai ương đau đớn trên đất nước Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ qua.

Xin tất cả hãy nghỉ yên dù vào lúc này vẫn còn phải nghe vọng lại từ một thế giới khác những giọng điệu bất nhân ca ngợi các thế lực tàn nhẫn đã vùi lấp cuộc đời, huỷ hoại mạng sống của không biết bao nhiêu kẻ hiền lương.

Cuốn sách này không nhắm tranh cãi với những kẻ chỉ mang hình dạng con người mà xin được coi như một nén nhang tưởng nhớ tất cả các nạn nhân đã bị đoạ đày và uổng tử suốt hơn nửa thế kỷ qua.

Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG

Phần I

NHẬN ĐỊNH VỀ HỒ CHÍ MINH – từ một số tác phẩm loại tiểu sử

Chương 1
William J. Duiker và *Ho Chi Minh, a life*

Tuần báo *Far Eastern Economic Review - Kinh Tế Viễn Đông* số ra ngày 8/8/2002 bị hạn chế phổ biến tại Hà Nội vì đăng một bài có tựa đề *Các nhà kiểm duyệt bàn cãi về tiểu sử ông Hồ*. Sự việc này đã dẫn tới lời qua tiếng lại giữa hãng thông tấn Reuters và phát ngôn viên ngoại giao Phan Thúy Thanh của Hà Nội. Chung quy chỉ vì tác phẩm *Ho Chi Minh, a life*[1] của William J. Duiker mà một số người tại Hà Nội có ý định dịch ra tiếng Việt.

Ngoài lời tán tụng của một số sử gia Mỹ nổi tiếng như Douglas Pike, Marilyn Young, tờ Washington Post đã nhận định tác phẩm của William J. Duiker "có lẽ đầy đủ và có uy tín nhất từ trước đến nay" trong các sách nói về Hồ Chí Minh. Stanley Karnow, nhà báo lão thành trở thành sử gia tên tuổi với cuốn *Vietnam, a history* cũng viết "*Người ta đã viết nhiều về Hồ Chí Minh, nhưng chưa có cuốn nào bằng (equals) cuốn của W. J. Duiker*". Chữ bằng ở đây có thể

được hiểu theo nhiều nghĩa: Hay, hấp dẫn, nhiều chi tiết mới hoặc nhiều trang nhất. Quả tình cho tới nay chưa có cuốn tiểu sử Hồ Chí Minh nào nhiều trang như cuốn này: 700 trang khổ lớn.

Để hoàn thành tác phẩm, Duiker đã dành 20 năm cho việc đọc và gặp gỡ những tác giả đi trước, những nhân chứng, những người cầm bút ở Mỹ, Úc, Âu châu, Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản... Ông nêu ra hàng loạt tên tuổi, trong đó phần lớn là viên chức các cơ quan tại Hà Nội như Viện Mác Lênin, Viện Sử Học, Đại Học Hà Nội và những nhân vật Cộng Sản Việt Nam mà ông gọi là các học giả và nhà nghiên cứu thường quan tâm tới Hồ Chí Minh hay tới cuộc cách mạng Việt Nam. Một số người còn được ông nêu đích danh như Nguyễn Huy Hoàn ở Viện Bảo Tàng Hồ Chí Minh, Trần Thanh, bốn nhà sử học Phùng Hữu Phu, Lê Mậu Hân, Phạm Xanh, Phạm Công Tùng cùng các nhân vật Hà Huy Giáp, Đặng Xuân Kỳ, Đỗ Quang Hưng, Ngô Phương Ba, Văn Tạo, Trần Hữu Đính, kể cả Lưu Doãn Huỳnh thuộc Viện Liên Lạc Quốc Tế của Cộng Sản Việt Nam ...

Cuối lời Tựa, tác giả *"tha thiết mãi mãi cám ơn Yvonne*[2] *tỏ ra kiên nhẫn chịu đựng ông Hồ, người đã trở thành gần như một thành viên của gia đình"*...

Những lời trên cho thấy tác giả chẳng những sống với nhân vật của mình mà còn lôi cuốn cả vợ con chia xẻ tình cảm của mình đối với ông Hồ. Rõ ràng phải cảm phục ông Hồ lắm, tác giả mới có thể kết thúc tác phẩm như sau: *"Bất kể cuối cùng người đời phán xét về di sản của ông để lại cho dân tộc mình ra sao, ông Hồ đã chiếm được một chỗ trong ngôi*

đến thờ những anh hùng cách mạng từng đấu tranh mạnh mẽ để những người cùng khổ trên thế giới có được tiếng nói đích thực của họ"[3].

Duiker trách nhà cầm quyền Paris và Washington *"đã bỏ lỡ cơ hội không nắm tay Hồ Chí Minh khi ông này giơ tay cho họ bắt, để đến nỗi đem lại hậu quả thảm khốc cho nhân dân Việt Nam và cho cả thế giới."*[4] Theo Duiker, chính tổng thống Truman chịu phần lớn trách nhiệm về tình hình Việt Nam do hành vi năm 1945 bác bỏ lá thư của Hồ Chí Minh xin Hoa Kỳ ủng hộ khi ông mới chân ướt chân ráo về nước. Tác giả nhìn lại thời điểm này qua tường trình, báo cáo của mấy nhân vật trung cấp Hoa Kỳ có dịp tiếp xúc với Hồ Chí Minh những năm 1945/46 như Archimedes Patti, Charles Fenn vốn là những người ngay thẳng, không có kinh nghiệm về cung cách ứng xử của ông Hồ.

Thực ra, cũng khó quyết đoán là Duiker quá tin ở những tài liệu trên để nghĩ như thế hay ông đã dùng những tài liệu trên như điểm tựa cho ý nghĩ vốn có của mình mà người đọc có thể lượng trước qua sự cảm phục đối với nhân vật Hồ Chí Minh.

Khi xây dựng tác phẩm, Duiker đã được tài trợ để qua Việt Nam, qua Liên Xô thu góp tài liệu, đồng thời lại có sẵn tài liệu của nhiều tác giả đi trước. Khối tài liệu mà ông sử dụng hết sức dồi dào và đa dạng vì bao gồm từ tài liệu chính thống tới tài liệu đả phá do ông tham khảo ở một vài tác giả chống Cộng. Khi phân tích tài liệu, Duiker luôn tỏ ra vô tư bằng cách nêu lên nhiều giả thuyết trái ngược, nhưng phần lớn kết luận của ông bao giờ cũng ngả theo tài liệu chính thống trước các nghi vấn đang gây tranh cãi.

Chẳng hạn trong nghi vấn về vụ nhà cách mạng lão thành Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt, Duiker đưa ra rất nhiều lời biện bạch để cho rằng chính Nguyễn Thượng Huyền, một người thân tín của cụ Phan, đã báo cho Pháp bắt cụ Phan chứ không phải Lâm Đức Thụ là kẻ cộng tác mật thiết với Hồ Chí Minh như sử gia Phạm Văn Sơn hay tác giả Hoàng Văn Chí và nhiều tác giả khác đã viết. Riêng tác giả Việt Thường, một nhà báo cộng sản hoạt động cho đến 1976 tại miền Bắc đã quả quyết người âm mưu bán đứng cụ Phan chính là Hồ Chí Minh. Khi nói về nghi vấn này, Duiker cũng không nhắc tới cái chết của Lâm Đức Thụ mà theo một số tác giả là do Hồ Chí Minh chủ trương để giữ bí mật việc ông ta có dính vào vụ báo cho Pháp bắt cụ Phan, mặc dù Duiker từng nhắc tới mối liên hệ khăng khít giữa Lâm Đức Thụ và Hồ Chí Minh[5].

Karnow khen Duiker đã *giải mật* (*demystifies*) về nhân vật Hồ Chí Minh, làm cho các huyền thoại, các bí ẩn được sáng tỏ. Nhưng chính Duiker lại viết ở cuối đoạn mở đầu: "*Ngồi trên tòa cao của đền thánh dành cho các anh hùng cách mạng, Hồ Chí Minh hẳn sẽ thích thú biết rằng, ít nhất qua cuốn tiểu sử này, cái dáng dấp huyền bí bao quanh ông vẫn còn nguyên vẹn* (*remains intact*)."[6]

Có thể hiểu đó là lời thú nhận sự bất lực trong việc giải tỏa các nghi vấn về tiểu sử Hồ Chí Minh và cũng có thể hiểu đó lời khẳng định thái độ tôn trọng đối với nhân vật nên cố ý giữ sự nguyên vẹn cho những huyền thoại đã có. Theo dõi những trang sách, người đọc khó bác bỏ cách hiểu thứ hai qua nhiều trường hợp lãng quên của tác giả trước một số sự việc.

Ở đoạn viết về tương quan giữa Hồ Chí Minh với Mikail Borodin, Duiker lập lại nguyên vẹn tài liệu của Hồng Hà[7] với nhiều chi tiết hơn từ việc hai người ở chung tại khách sạn Lux Mạc Tư Khoa tháng 12/1923 và thường trò chuyện với nhau bằng tiếng Anh tới việc được cử sang Trung Hoa với tư cách phụ tá và thông dịch cho Borodin lúc đó là Trưởng Phái Bộ Liên Xô bên cạnh chính phủ Trung Hoa Dân Quốc tại Quảng Đông và cuối cùng cũng kết luận y hệt Hồng Hà: *"Chỉ riêng vợ chồng Borodin biết căn cước thực của ông"*[8].

Nhưng chính Hồ Chí Minh dưới bút hiệu Trần Dân Tiên đã kể khác hẳn về tương quan với Borodin. Ông Hồ kể rằng lúc đó ông qua Trung Quốc để tìm đường về nước với mục đích truyền bá lý tưởng bình đẳng, tự do, bác ái học được ở Pháp. Tại Trung Quốc, ông phải đi bán báo và thuốc lá để kiếm sống nên nhân đó mới đọc thấy lời quảng cáo tìm thông ngôn và đã đến xin việc với Borodin. Trần Dân Tiên là một trong 5 bút hiệu của Hồ Chí Minh nên lời kể trên chính là lời tự kể. Duiker đã tới Việt Nam sưu tầm đủ loại tài liệu về Hồ Chí Minh chắc chắn không thể bỏ qua tập tự truyện của Hồ Chí Minh. Tuy vậy, Duiker coi như không hề có cuốn sách của Trần Dân Tiên[9]. Tại sao?

Có thể cho rằng Duiker đã gạt cuốn sách sang bên chỉ đơn giản là do thấy những lời kể trong đó sai với sự thực chăng? Cách giải thích này e khó hợp lý khi lời kể sai sự thực kia chính là lời tự kể của nhân vật đang được nhận dạng. Hơn nữa, mỗi lời kể sai về sự thực bản thân của bất kỳ ai đều phải có hậu ý và trong trường hợp Hồ Chí Minh,

hậu ý đó không thể dễ dàng bỏ qua, nhất là đối với một sử gia đang làm công việc tìm hiểu về con người và cuộc sống của chính Hồ Chí Minh.

Nghi vấn thứ nhất cần được giải đáp là lý do khiến Hồ Chí Minh kể sai như thế. Hồ Chí Minh chỉ muốn vẽ ra một cảnh gian khổ để tự đề cao hay muốn che giấu vai trò đảng viên Cộng Sản Quốc Tế ? Ý nghĩa của dụng ý đề cao hoặc che giấu đó là gì?

Nghi vấn thứ hai là công việc thực sự của Hồ Chí Minh lúc đó tại Trung Hoa. Hồ Chí Minh là phụ tá cho Borodin với nhiệm vụ phát triển ảnh hưởng Đệ Tam Quốc Tế qua Trung Hoa và Đông Nam Á hay đúng như Hồ Chí Minh kể là chỉ muốn đem tinh thần tự do, bình đẳng, bác ái của Cách Mạng Dân Quyền Pháp về truyền bá tại Việt Nam? Ngay cả khi tin tưởng tuyệt đối các tài liệu của Liên Xô và tác phẩm của Hồng Hà cũng không thể không xét đến lời kể của chính Hồ Chí Minh dù đã được ông che giấu dưới một cái tên khác.

Nghi vấn thứ ba nằm trong thời điểm Hồ Chí Minh đưa ra lời kể trên. Đó là năm 1948, sau khi xuất hiện ý hướng xoay chiều của người Pháp trong cuộc chiến Việt Nam và vấn đề chống Cộng đã được đặt lại trong dư luận ở nhiều nơi, kể cả vùng Pháp chiếm đóng lẫn vùng kháng chiến. Tình thế lúc đó đã dẫn tới việc Hồ Chí Minh phải che mờ các khuôn mặt cộng sản quá khích như Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Tôn Đức Thắng ... bằng tấm màn cải tổ chính phủ hồi tháng 7/1947 với sự trình diện một số nhân vật tên tuổi cũ hoặc không lộ rõ màu sắc cộng sản như Phan Kế Toại, Tạ Quang Bửu, Hoàng Minh Giám ...

Cuốn sách của Hồ Chí Minh có tương quan với tình hình trên không và ý nghĩa tương quan đó ra sao? Trong khuôn khổ nghi vấn này cũng không thể bỏ qua tiết lộ của Pierre Brocheux, tác giả cuốn *Ho Chi Minh*, cho biết ngay từ đầu năm 1948, Hồ Chí Minh đã có bản dịch tiếng Pháp của cuốn sách và trao cho một nhân viên Cộng Sản Việt Nam tại Miến Điện để dịch ra tiếng Anh cùng các thứ tiếng khác. Như vậy, khi nhận dạng Hồ Chí Minh, không thể bỏ qua cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* do mức độ quan trọng của cuốn sách theo đánh giá của chính ông ta.

Ngoài những nghi vấn về hậu ý khi viết sách, sự hiện diện của cuốn sách cũng là một nghi vấn cần xét về nhân cách của người viết. Một người viết hồi ký kể sai về một sự việc luôn bị nhìn là kẻ bất khả tín thì một người cố tình giấu mặt để tô vẽ mình bằng những huyền thoại tự tạo chứng minh mình có một cuộc sống vô cùng thánh thiện, mình đã được toàn dân tôn xưng là anh hùng cứu nước, được toàn dân coi là cha già dân tộc cần nhận dạng ra sao?

Có lẽ lời giải thích hợp lý nhất về việc Duiker bỏ qua cuốn sách kia chỉ có thể dựa trên phát biểu của chính tác giả là ít nhất qua cuốn tiểu sử của tác giả, cái dáng dấp huyền bí bao quanh ông vẫn còn nguyên vẹn.

Duiker không muốn phá vỡ các huyền thoại mà Hồ Chí Minh đã tự dựng lên về mình nên mới coi như không có cuốn sách. Bởi vì, nếu đưa cuốn sách ra mổ xẻ để đối chiếu với thực tế, hoặc chỉ để đối chiếu với một số tài liệu khác, thì hình ảnh thực của Hồ Chí Minh khó có thể giúp ông Hồ chiếm được một chỗ trong ngôi đền thờ những anh

hùng cách mạng từng đấu tranh mạnh mẽ để những người cùng khổ trên thế giới có được tiếng nói đích thực của họ như lời diễn tả của Duiker.

Thực ra, Duiker không chỉ tránh va chạm tới các huyền thoại xuất phát từ lời kể của chính Hồ Chí Minh mà còn góp thêm một số huyền thoại qua cuốn sách dày cộm của mình.

Khi nói về thời niên thiếu của Hồ Chí Minh, Duiker viết: *"Mẹ Cung (**Hồ**) cũng có chút ít kiến thức văn chương Việt Nam và thường ru con ngủ bằng hát ca dao hay ngâm những vần thơ trích trong truyện Kiều cổ điển, một truyện tình thương tâm của cặp tình nhân vướng vào mạng lưới luân lý cổ truyền."*

Nói về bà của Hồ Chí Minh, Duiker viết: *"Đến đêm, bà của Cung, trước khi đặt cháu lên võng thường đọc cho bé nghe về chuyện những bậc anh hùng. Cung thông minh và tò mò nên nhanh chóng hấp thụ kiến thức".*[10]

Duiker còn kể chuyện ông Cử Sắc, thân phụ Hồ Chí Minh, đã từ chối không nhận tiệc khao để đem phân phát thịt trâu cho dân nghèo và thường kể cho con nghe về những thần thoại, những bậc anh hùng Việt Nam trong quá khứ.[11]

Tác giả cũng đưa cả ông thợ rèn hàng xóm ra để chứng tỏ cậu bé Cung đã được tiêm nhiễm tinh thần dân tộc từ nhỏ như thế nào. Qua sự diễn tả của tác giả, ông thợ rèn này đã kể cho Cung nghe về mọi chuyện tranh đấu trong lịch sử Việt Nam từ chuyện Lê Lợi, chuyện Mai Thúc Loan, chuyện Phan Đình Phùng tới phong trào Cần Vương...[12]

Điểm tựa cho sự bác bỏ hay nhìn nhận những diễn tả trên hết sức mơ hồ kể cả trong trường hợp tác giả nêu nổi

bằng chứng cụ thể cho cái nếp sinh hoạt thơ ấu của cậu bé Cung là như thế và ông thợ rèn hàng xóm là một người rất thông hiểu về lịch sử Việt Nam. Vì ngay trong trường hợp này vẫn không có gì xác nhận cậu bé đã được ru ngủ bằng những vần thơ Kiều, được nghe kể mọi chuyện về Lê Lợi, về Mai Thúc Loan ... và xác nhận cậu bé đã nhanh chóng hấp thụ kiến thức. Dù muốn dù không, vẫn phải nhìn nhận diễn tả trên chỉ phản ảnh quan niệm quen thuộc về ảnh hưởng tác động vào xu hướng tinh thần của con người để dựa trên bối cảnh chung của xã hội nông thôn Việt Nam cuối thế kỷ 19 mường tượng ra vài cảnh sống coi như tiêu biểu của nhân vật. Nói một cách khác, tính chất tưởng tượng đã thay thế tính chất sử liệu trong diễn tả này.

Nhưng, chuyện mẹ ru con ngủ bằng ca dao và truyện Kiều, chuyện bà kể cho cháu nghe về các anh hùng dân tộc, chuyện bố cõng con trên đường vừa đi vừa kể về các thần thoại và các nhân vật lịch sử Việt Nam, chuyện ông thợ rèn hàng xóm hun đúc lòng yêu nước của cậu bé bằng sự nhắc lại những cuộc khởi nghĩa, những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm v.v... lại được Duiker gom thành tiền đề cho lời xác quyết về nhiệt tình yêu nước của Nguyễn Tất Thành khi Thành lên đường vào mùa hè 1911 để *ra đi tìm phương cứu nước*.[13]

Và, để giữ vững xác quyết này, Duiker đã đưa ra một giải thích hoàn toàn chủ quan trước nghi vấn đang được đặt ra về lá đơn đề ngày 15/9/1911 của Hồ Chí Minh xin được nhập học trường thuộc địa như một học sinh nội trú với mong mỏi sẽ trở nên hữu ích cho nước Pháp ... Nhiều tác giả coi lá đơn này như chứng cớ cho thấy Hồ Chí Minh

không hề nghĩ đến chuyện đấu tranh vào lúc đó nhưng Duiker quả quyết ý định thực sự của Nguyễn Tất Thành khi viết lá đơn trước hết là *để giấu kín ý đồ cứu nước của mình và kế đó chỉ là để có cơ hội học hỏi thêm*[14]. Nếu sự việc chỉ đơn giản như vậy và còn biểu hiện tính thận trọng, tính cầu tiến rất đáng nêu gương cho giới trẻ thì tại sao Hồ Chí Minh giấu kín việc viết lá đơn và đảng Cộng Sản Việt Nam cũng coi như không có lá đơn, kể cả khi được lôi ra khỏi Thư Khố Paris đầu thập niên 1980?

Theo Duiker, ngoài nhiệt tâm yêu nước, Hồ Chí Minh còn có một nhãn quan chính trị rất sắc bén mà chứng cớ cụ thể là đã chê nhà cách mạng Phan Bội Châu, không thèm nhận lời mời tham gia phong trào Đông Du từ trước khi cụ Phan xuất ngoại, năm 1904. (**15**) Giả dụ lời mời được đưa ra vào năm 1904 thì lúc đó Hồ Chí Minh đang là nhân vật như thế nào? Tiểu sử Hồ Chí Minh ghi ông sinh năm 1890, giấy tờ hộ tịch tại làng Kim Liên ghi Hồ Chí Minh sinh năm 1894, còn thông hành của ông khi từ Pháp qua Nga ghi sinh năm 1895. Vậy năm 1904, Hồ Chí Minh chỉ là cậu bé mới 9 tuổi hoặc tối đa 14 tuổi. Một cậu bé ở cỡ tuổi đó đã có đức tính gì và đóng góp gì để nhận được lời mời tham gia cách mạng và có thể tin nổi rằng cậu bé đó đủ nhận thức bác bỏ đường lối hoạt động của một phong trào đấu tranh chăng?

Thực ra, câu trả lời nằm sẵn ở ngay cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*. Trong cuốn sách này, Hồ Chí Minh đã viết *"ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là Công Hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng"*. Lời mô tả này nhắm cho thời kỳ

trước khi Hồ Chí Minh qua Mỹ tức là thời gian mà Hồ Chí Minh đã ngoài 20 tuổi. Một chàng trai ngoài 20 tuổi vẫn chưa biết thế nào là chính đảng, thế nào là bãi công có thể là hậu thân của cậu bé chỉ mới trên dưới 10 tuổi đã biết phán xét, và phán xét sắc bén, đường lối đấu tranh của những nhà cách mạng tiền bối chăng? Nếu không muốn nhìn tới cuốn sách của Hồ Chí Minh thì Duiker vẫn không thể không biết một câu tương tự do chính mình đã trích dẫn là Hồ Chí Minh sau này đã nói với nhà báo Mỹ Anna Louise Strong rằng cho tới khi viếng thăm Hoa Kỳ khoảng 1913, ông chẳng biết gì về chính trị[16].

Sự mâu thuẫn và bỏ sót rõ rệt nhất của Duiker còn nhiều hơn trong những trang nói về cuộc sống tình cảm riêng của Hồ Chí Minh. Về khía cạnh này, Duiker có khá nhiều tài liệu nhưng có vẻ không lưu tâm. Duiker nhắc tên một loạt các người vợ, người tình của Hồ Chí Minh như Nguyễn Thị Minh Khai, Tăng Tuyết Minh, Đỗ Thị Lạc, Nông Thị Xuân, Nguyễn Thị Phương Mai... một cô ở Pháp, vài cô ở Nga và cả chuyện ông Hồ nhờ một cán bộ cao cấp Trung Cộng giới thiệu cho một cô gái trẻ để hưởng tuổi già ... theo lối nhìn dành cho những chi tiết lặt vặt và vui vui trong đời một lãnh tụ. Có thể đây là lối nhìn mà chính Duiker đã có nhưng cũng có thể đây là chủ đích định hướng nhận dạng đối tượng mà tác giả muốn có nơi người đọc. Dù thuộc trường hợp nào, cách diễn tả của Duiker cũng bị vướng mắc khá nhiều.

Chỉ qua trường hợp Nguyễn Thị Minh Khai đã thấy rõ vướng mắc đó. Duiker tỏ ra có khá nhiều tài liệu. Duiker biết Nguyễn Thị Minh Khai là chị của Nguyễn Thị Minh

Giang, vợ Võ Nguyên Giáp. Duiker biết liên hệ tình cảm giữa Hồ Chí Minh và Nguyễn Thị Minh Khai là bí ẩn rắc rối nhất trong đời ông Hồ. Duiker biết bút hiệu T.Lan chính là viết tắt tên Trần Thái Lan, một tên khác của Nguyễn Thị Minh Khai. Nhưng Duiker không nhắc tới chi tiết cuộc tình bí ẩn này mà chỉ đưa ra những danh xưng rất dễ gây lúng túng cho người đọc. Chẳng hạn khi Duiker gọi Minh Khai là *"vợ Quốc"*, khi gọi là *"vợ cũ"*, khi gọi là *"vợ Lê Hồng Phong"* và Duiker còn ghi rõ Lê Hồng Phong chính thức kết hôn với Minh Khai tại Liên Xô[17].

Sự việc này cho thấy Duiker đã coi nhẹ vấn đề tới mức không lưu tâm tới các nghi vấn về tương quan giữa Hồ Chí Minh với Nguyễn Thị Minh Khai hoặc chỉ dựa theo tài liệu của Đảng Cộng Sản Việt Nam[18] để giữ vẹn màu sắc thần thánh cho Hồ Chí Minh. Trong trường hợp sau, việc ông dùng danh xưng *"vợ cũ của Quốc"* để gọi Nguyễn Thị Minh Khai không hẳn là do cẩu thả mà chính là cố ý tạo sẵn lời giải thích cho bất kỳ thắc mắc nào có thể nẩy ra về cuộc tình bí ẩn trên. Người thắc mắc sẽ tự tìm cho mình lời giải thích rằng Nguyễn Thị Minh Khai là "vợ cũ" của Hồ Chí Minh vì đã chia tay với nhau, sau đó mới trở thành vợ Lê Hồng Phong. Cách giải thích này có thể giúp thay đổi hẳn cái nhìn về phẩm cách của Hồ Chí Minh so với tình tiết thực của mối tình tay ba qua ghi nhận của nhiều tác giả mà Duiker đã bỏ qua.

Theo những tình tiết này thì Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai từng hứa hôn từ khi qua Trung Quốc làm việc tại Đông Phương Bộ Quốc Tế Cộng Sản năm 1930. Năm 1931, Minh Khai bị mật thám Pháp bắt giữ cho tới

năm 1934 mới được thả. Đây là lúc Lê Hồng Phong và Minh Khai được chọn làm đại biểu tham dự Đại Hội Quốc Tế Cộng Sản lần thứ 7 tại Mạc Tư Khoa. Lê Hồng Phong lên đường trước, còn Minh Khai ở lại thụ huấn với Hồ Chí Minh để chuẩn bị cho việc tham gia Đại Hội. Thời gian ngắn ngủi này dẫn tới việc Minh Khai có thai với Hồ Chí Minh và khi hai người tới Mạc Tư Khoa đã có sự can thiệp của tổ chức Đảng ở đây để Hồ Chí Minh và Minh Khai chính thức thành hôn. Do đó mới có nghi vấn về bản giá thú của Hồ Chí Minh với Minh Khai lưu trữ tại Văn Khố Mật Liên Xô.

Theo bộ sách 10 tập của Cộng Sản Việt Nam, *Hồ Chí Minh Biên Niên Tiểu Sử*, thì 3 đại biểu của Đông Phương Bộ Quốc Tế Cộng Sản tham gia Đại Hội Quốc Tế Thanh Niên lần 6 khai mạc tại trụ sở công đoàn Liên Xô, Mạc Tư Khoa ngày 25/9/1935 là Hồ Chí Minh, Minh Khai và Tú Hưu (*tức Hoàng Văn Nọn*). Tài liệu ghi rõ tên trong Đảng của Hồ Chí Minh lúc đó là Teng Man Huon, còn tên trong Đại Hội là Lin. Không có tài liệu nào của Cộng Sản nói về sự có mặt của Lê Hồng Phong bên cạnh Hồ Chí Minh hay Nguyễn Thị Minh Khai tại Nga vào thời gian này. Khi Nguyễn Thị Minh Khai về nước năm 1936, Hồ Chí Minh cũng xin về nhưng chuyến đi bị hủy bỏ nên mãi cuối năm 1938, Hồ Chí Minh mới về tới Quế Lâm, làm việc tại Văn Phòng Bát Lộ Quân dưới cái tên mới là Hồ Quang, cấp bậc Thiếu Tá.

Không có tài liệu nào cho biết thêm về tương quan giữa Hồ Chí Minh với Nguyễn Thị Minh Khai, ngoài những tài liệu của Đảng nói về việc Nguyễn Thị Minh Khai có một người con gái và nói đó là con của Lê Hồng Phong. Lê Hồng Phong bị bắt năm 1938 tại Chợ Lớn sau khi chia tay với Hồ

Chí Minh tại Hong Kong để về nước. Cuộc gặp gỡ giữa Lê Hồng Phong và Hồ Chí Minh diễn ra hết sức bí mật nên việc bị bắt của Lê Hồng Phong cũng thành một nghi vấn là có thể do bàn tay hãm hại của ông Hồ vì ông vẫn biết Lê Hồng Phong chưa nguôi thù hận về câu chuyện tình với Minh Khai nên ra tay trừ khử.

Duiker có ghi Hà Huy Tập, một đảng viên cùng đợt với Lê Hồng Phong, từng tố cáo với Quốc Tế Cộng Sản về việc Hồ Chí Minh đã gây ra tai họa cả trăm đảng viên bị sát hại. (**19**) Tuy nhiên, Duiker không đả động tới nghi vấn về vụ bị bắt của Lê Hồng Phong, dù chỉ để cập để bác bỏ.

Thực ra, Duiker bỏ qua rất nhiều nghi vấn và sự việc trong cuộc đời tình cảm của Hồ Chí Minh bằng lối kể lửng lơ. Qua cuốn sách của Duiker, người đọc không hiểu diễn biến cuộc sống vợ chồng của Hồ Chí Minh và Tăng Tuyết Minh ra sao, không nắm vững hết tương quan tình cảm giữa Hồ Chí Minh với Nguyễn Thị Minh Khai thế nào, không biết gì về cái kết cục bi thảm dành cho Nông Thị Xuân cùng số phận tất cả những người tình khác...Dường như Duiker chỉ đề cập tới khía cạnh này để chứng tỏ đã đọc nhiều, biết nhiều và nhất là không thể tránh né để chứng tỏ cái nhìn vô tư của một sử gia. Duiker đã chọn một cách để cập có cân nhắc để không gây tác hại cho cái nhìn vốn có của mình dành cho nhân vật được ngưỡng mộ. Dù vậy việc phổ biến cuốn sách bằng tiếng Việt vẫn gặp rắc rối vào tháng 8/2002 như đã ghi ở đầu chương.

Nhưng ngay những người ngăn cản việc phổ biến tác phẩm của Duiker tại Hà Nội chắc chắn cũng phải nhìn nhận Duiker đã góp phần rất tích cực cho việc đánh giá

cao tinh thần yêu nước và tài ngoại giao của Hồ Chí Minh. Tương tự một số tác giả khác có cảm tình với Hồ Chí Minh, Duiker xác quyết ông Hồ là người yêu nước thương dân, người hiền hậu khoan dung và những tàn hại mà nhân dân Việt Nam phải gánh chịu đều do thủ hạ lộng quyền, tiêu biểu là nhóm Lê Duẩn, gây ra.

Theo Duiker, Lê Duẩn không chấp nhận đường lối ôn hòa được Liên Xô cổ võ giữa thập niên 1950 và đã được ghi vào nghị quyết của Đảng, vì Duẩn tin theo chủ thuyết Mao Trạch Đông, chủ trương thống nhất đất nước bằng bạo lực là điều mà Hồ Chí Minh không tán thành. Duiker không trưng dẫn một tài liệu nào làm điểm tựa cho lập luận này nhưng rõ ràng là một biện bạch rất cần thiết cho lối nhìn đã có về Hồ Chí Minh thể hiện từ hình ảnh những cảnh đời thơ ấu của cậu bé Nguyễn Sinh Cung qua sự tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành tới hành vi của Tổng Thống Mỹ Truman năm 1945 từ chối ủng hộ Hồ Chí Minh mà Duiker gọi là sai lầm. Theo diễn tả của Duiker, Hồ Chí Minh luôn là người thánh thiện, nhiệt tình với dân với nước nhưng luôn bị lâm cảnh gánh chịu tai tiếng về những thảm họa. Cuộc chiến Việt Nam 1945-1954 là do Tổng Thống Truman gián tiếp gây nên bởi bác bỏ đề nghị xin ủng hộ của Hồ Chí Minh và cuộc chiến Việt Nam 1954-1975 là do chủ trương của Lê Duẩn. Nhưng chính Duiker lại tỏ ra tự mâu thuẫn khi ghi nhận rằng Hồ Chí Minh là người ủng hộ việc bổ nhiệm Lê Duẩn vào chức bí thư thứ nhất tức là chức vụ có quyền cao nhất trong Đảng với lý do *để có thể an tâm rằng kẻ kế vị ông sẽ dành ưu tiên cao cho vấn đề thống nhất đất nước.*[20]

Với ghi nhận này, khó thể nghĩ Hồ Chí Minh chống lại chủ trương dùng bạo lực của Lê Duẩn và không chia xẻ trách nhiệm về những thảm cảnh sau này của đất nước.

Hai điểm nhấn mạnh khác của Duiker trong bức chân dung Hồ Chí Minh là tinh thần quốc gia và tính khoan hòa nhân ái.

Tinh thần quốc gia của Hồ Chí Minh là điều được Duiker nhắc liên tục từ đầu tới cuối tác phẩm qua hình dạng một người yêu nước và tranh đấu vì chủ nghĩa dân tộc. Cho nên Duiker cho rằng Hồ Chí Minh không phải là người theo đường lối Cộng Sản Quốc Tế và khẳng định Hồ Chí Minh chỉ muốn làm vừa lòng Stalin khi nhắn với Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam rằng phải tuyệt đối tuân theo chính sách mặt trận thống nhất đã được thông qua tại Đại Hội 7 Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản chứ không thực sự muốn thi hành các điểm đã nêu, trong đó có điểm 4 mà Hồ Chí Minh đã nhắc lại như sau: "*Chúng ta không thể nhượng bộ điều gì cho nhóm Tờ-Rốt-Kít. Chúng ta phải làm tất cả mọi việc có thể được để lột mặt nạ của chúng là những con chó của Phát Xít và tiêu diệt chúng về chính trị.*"[21]

Song song với lời bào chữa được đưa ra, Duiker lại ghi về mối tương quan và các hoạt động của Hồ Chí Minh trong thời gian ở Trung Hoa luôn nằm trong tầm chi phối của Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản. Những nhân vật liên hệ với Hồ Chí Minh như Manuilsky, Joseph Ducroux có bí danh Serge Lefrank, Hilaire Noulens ... đều là người của Đệ Tam Quốc Tế và hoạt động của Hồ Chí Minh đều do Đệ Tam Quốc Tế chỉ thị. Duiker còn nêu các tài liệu cho biết Hồ Chí Minh đã được Đệ Tam Quốc Tế cấp phương

tiện tiền nong cũng như việc thành lập các Đảng Cộng Sản Đông Dương và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được Đệ Tam Quốc Tế hướng dẫn ra sao. Có thể bảo mối tương quan và các hoạt động đó cũng chỉ là cách lấy lòng Stalin chăng?

Vả lại, chính Duiker đã cho biết Hồ Chí Minh hết sức yêu kính và trung thành với Lênin và còn trích dẫn một bài viết của ông Hồ trên tờ Sự Thật - Pravda của Liên Xô số ra ngày 27/1/1924 với lời kết như sau: *"Khi còn sống, người là cha, là thày, là đồng chí và cố vấn của chúng ta. Nay người là ngôi sao dẫn đường đưa tới cách mạng xã hội. Lênin sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta. Người bất tử."*

Đi xa hơn, Duiker trích phát biểu của một đảng viên Cộng Sản Pháp rất thân với Hồ Chí Minh nhưng về sau bỏ Đảng, từng gọi Hồ Chí Minh là *"Staliniste"*, người theo chủ nghĩa Stalin thuần thành.[22]

Như thế, Hồ Chí Minh không chỉ bị Cộng Sản chi phối do nhận nhiệm vụ, nhận tiền trợ cấp để hoạt động cho các mục tiêu của Đệ Tam Quốc Tế mà bản thân Hồ Chí Minh đã tự nguyện đi theo con đường của Đệ Tam Quốc Tế vì lòng tin tuyệt đối dành cho các lãnh tụ tổ chức này. Những tài liệu trích dẫn trên là những trở lực khó vượt qua để khoác cho Hồ Chí Minh bộ áo người quốc gia yêu nước, dù mức độ ước mong của Duiker lớn tới cỡ nào.

Khía cạnh khác của Hồ Chí Minh mà Duiker đề cao là tính khoan hòa, lòng nhân hậu và sự thấu triệt về phương thức đấu tranh. Theo Duiker, Hồ Chí Minh là người chịu ảnh hưởng luân lý Khổng Mạnh nên luôn chú trọng các tiêu chuẩn đạo đức như cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, chân thành phục thiện, cầu học cầu tiến, lễ độ khiêm cung và trên hết là khoan hòa độ lượng...

Tất nhiên Duiker không có dịp trực diện với Hồ Chí Minh mà chỉ ghi theo một số nhân chứng nào đó và qua suy diễn. Trên thực tế, nếu có những nhân chứng đã kể Hồ Chí Minh có các đức tính trên thì cũng không thiếu nhân chứng xác nhận Hồ Chí Minh là kẻ đại gian đại ác và như thế vấn đề lại trở thành tranh cãi. Cách duy nhất mà người nhận dạng Hồ Chí Minh phải chọn chính là nhìn thẳng vào những gì liên hệ tới cuộc sống và hoạt động đã được ghi lại.

Trước mắt Duiker đã có những thảm cảnh lịch sử Việt Nam từ 1945, có những nạn nhân của chính sách cải cách ruộng đất, có những người Cộng Sản Đệ Tứ Quốc Tế bị Hồ Chí Minh gọi là *những con chó của Phát Xít* và ra lệnh tiêu diệt...

Trước mắt Duiker chắc chắn cũng có những tài liệu cho biết ngày 28/12/1967, Hồ Chí Minh đã họp Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng quyết định mở đợt tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 trên toàn miền Nam và tháng 3/1968, trong khi toàn miền Nam chìm trong máu lửa tóc tang, Hồ Chí Minh đã hào hứng sáng tác 2 bài thơ *"Vô Đề"* được Đảng lưu lại như di sản quý báu:

I
Đã lâu chưa làm bài thơ nào
Đến nay thử làm xem ra sao
Lục mãi giấy tờ vẫn chưa thấy,
Bỗng nghe vần "thắng" vút lên cao
II
Thuốc kiêng rượu cữ đã ba năm
Không bệnh là tiên sướng tuyệt trần

Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn
Một năm là cả bốn mùa Xuân.[23]

Một người lấy cảnh chết chóc đau khổ của đồng bào mình làm nguồn hứng sáng tác thơ, trong khi chính người đó từng tuyên bố với báo chí *"gộp tất cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi"*[24] liệu có thể là con người nhân ái và trung thực, chân thành không?

Duiker còn có thể nhìn lại điều chính mình đã đưa ra để xác định tầm thấu triệt phương thức đấu tranh của Hồ Chí Minh qua sự việc cuốn *Con Đường Kách Mệnh* của Hồ Chí Minh gần như giống hệt cuốn *Kinh Bổn của Người Cách Mạng* của Sergey Nechayev.

Theo Duiker, Nechayev nhấn mạnh đến vai trò của người làm cách mạng chẳng khác gì một dụng cụ mù quáng của mục tiêu cách mạng. *"Anh ta phải tàn nhẫn, nham hiểm như Machiavel, trong khi cổ võ cho mục đích cách mạng. Anh ta phải tỏ ra tuyệt đối phục tùng đảng của anh ta và sẵn sàng từ bỏ mọi liên hệ bạn bè và gia đình. Cũng phải sẵn sàng hy sinh những tiêu chuẩn đạo lý đã được nhìn nhận một cách phổ quát, để có thể nói dối, ăn gian vì lợi ích cách mạng.... Nói chung cuốn sách đã được Lênin tán thưởng và trở thành thánh kinh của nhóm đa số (quá khích) của ông".*[25]

Nechayev từng được Lênin coi như một thứ siêu Machiavel. Khi thấy Hồ Chí Minh giống hệt Nechayev ắt không thể kết luận khác được rằng Hồ Chí Minh là một con người chỉ sống và hành sử bằng thủ đoạn mà thôi. Trong trường hợp này, diễn tả Hồ Chí Minh bằng hình ảnh một người mang nặng ảnh hưởng luân lý Khổng Mạnh chỉ

có thể hiểu là quá mù mịt về Khổng học hoặc cố tình thay trắng bằng đen. Hơn nữa, chính Duiker đã bảo Hồ Chí Minh là đệ tử thuần thành của cả Lênin lẫn Stalin thì dựa vào đâu để nói được rằng Hồ Chí Minh là con người khoan dung, nhân ái, khi chính những người Cộng Sản Liên Xô đã triệt hạ tượng đài của các nhân vật này, coi Lênin là kẻ gian xảo và gọi Stalin bằng biệt danh *tên đồ tể*?

Phải nhìn nhận rằng W. J. Duiker đã đưa ra một tác phẩm đồ sộ hơn hẳn những tác giả trước ông với rất nhiều chi tiết về Hồ Chí Minh. Ông đọc nhiều, có một khối tài liệu phong phú nên giúp người đọc hiểu thêm cả những hoàn cảnh và nhân vật xoay quanh đối tượng của mình. Dù chỉ viết về tiểu sử Hồ Chí Minh, Duiker đã dựng lại nhiều khung cảnh chiến tranh Việt Nam cũng như tình hình thế giới sau Đệ Nhị thế chiến, tình hình nội bộ Liên Xô cùng mối quan hệ Liên Xô - Đức Quốc Xã, cuộc hôn phối cưỡng ép Quốc - Cộng Trung Hoa trong thời gian kháng Nhật và một số hoạt động đảng phái tại Việt Nam.

Ưu điểm của Duiker là cố phân tích tới từng chi tiết của mọi vấn đề. Nhưng ưu điểm này lại là một phần nguyên do đưa tác giả tới nhiều điểm tự mâu thuẫn khi gặp các chi tiết quá phức tạp vượt khỏi tầm xác định. Ưu điểm này cũng khiến lộ rõ những cố tình tránh né của tác giả trước nhiều chi tiết được bỏ qua.

Phần khác, theo chúng tôi, tác giả có vẻ bị chi phối bởi định kiến về con người Hồ Chí Minh nên không chịu đặt cuộc chiến mà ông Hồ chủ trương vào đúng bối cảnh chiến tranh ý thức hệ cộng sản hay đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Duiker đã nhắc đến *đề cương Lênin về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thuộc địa* và ghi nhận việc Lênin hô hào *liên kết với các giai cấp phi vô sản để đánh đổ chủ nghĩa đế quốc trong một quốc gia chỉ là chiến thuật giai đoạn và có điều kiện*. Nhưng Duiker lại không chịu nhìn sâu vào chiến lược sách lược toàn bộ cuộc đấu tranh đó để xác định vai trò của Hồ Chí Minh với tính chất chủ yếu là lệ thuộc vào Liên Xô.

Chính vì thế, Duiker không đếm xỉa đến nỗi đau khổ cùng cực của nhân dân Việt Nam với tính cách nạn nhân trực tiếp trong quá trình theo đuổi lý tưởng của Hồ Chí Minh cũng như không nhận ra những lời lẽ đầu môi chót lưỡi và thủ đoạn xảo trá của một chính trị gia tham tàn, mặc dù trong chương IX, tác giả đã viết: *Môn học chính mà ông Hồ dậy các học viên đàn em của ông là tuyên truyền*[26] và nhắc đến cái tên trung đội võ trang tuyên truyền giải phóng quân được đặt cho đạo quân bé nhỏ đầu tiên của Võ Nguyên Giáp khi mới thành lập.

Có thể bảo tất cả cuộc chiến Việt Nam nằm gọn trong 2 chữ tuyên truyền theo các nguyên tắc đấu tranh của Lênin dưới ảnh hưởng tinh thần vô luân Nechayev mà Hồ Chí Minh tín phục và tuân thủ. Nếu không do cố ý bởi sự chi phối bởi một định kiến thì chỉ có thể nói là đã hoàn toàn lạc hướng khi đề cập tới vai trò Hồ Chí Minh trong cuộc chiến Việt Nam mà không nhìn thẳng vào tính chất này.

Trong trường hợp nhìn tác phẩm của Duiker ở khía cạnh lạc hướng, có thể giải thích là trong quá trình thu góp tài liệu, Duiker chỉ tiếp xúc giới hạn với một số khuôn mặt khoa bảng thuộc các cơ quan Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam và chỉ đọc những tác phẩm chính thống tức là những

tác phẩm đã được nhào nặn, đo lường rất kỹ về từng chi tiết trước khi phổ biến. Trong giới hạn này, vóc dáng lãnh tụ luôn luôn là vóc dáng được tô điểm vì hình thành từ cái nhìn của thủ hạ và gay gắt hơn là cái nhìn đã được uốn nắn.

Trên thực tế, cái nhìn từ phía quần chúng, thậm chí từ phía nạn nhân, có thể có một giá trị đóng góp tích cực hơn do tính trung thực vì vừa phản ảnh tâm tư của đám đông vừa chưa bị uốn nắn. Suốt nửa thế kỷ qua, con người và sự nghiệp Hồ Chí Minh đã được nhiều thế hệ dân chúng Việt Nam đánh giá qua không ít những mẩu chuyện cười, những vần *"thơ ghế đá"* ... và đây là nguồn tài liệu mà Duiker bỏ qua. Tư cách sử gia của tác giả *Hồ Chí Minh, a life* rõ ràng bị hạn chế do sự chăm chút cho mặt được chiếu sáng của tấm huy chương, trong khi tấm huy chương nào cũng có mặt trái của nó.

Chúng tôi nghĩ rằng sự việc xảy ra vào tháng 8/2002 về việc phổ biến cuốn sách tại Việt Nam có thể đã gợi nhắc tác giả về một ý nghĩ nào đó.

Duiker nghĩ sao khi những người Cộng Sản Việt Nam đặt thẳng vấn đề phải cắt bỏ một số chi tiết trong cuốn sách mới được phép phổ biến tại Việt Nam? Trong lá thư gửi nhà xuất bản Hyperion Books, New York, nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia tại Hà Nội đã ghi rõ *cần bỏ đi một vài đoạn không phù hợp với những thông tin hiện có trong hồ sơ của chúng tôi.*

Duiker đã viết cuốn sách dựa trên phần lớn tài liệu chính thức và nhận định từ những nhân vật của chế độ. Nhưng sách vẫn không thể phổ biến vì cách khai thác tài liệu không phù hợp với cái nhìn của chế độ và chế độ cũng

không giấu kín ý đồ muốn kiểm duyệt mọi lời phát biểu của tác giả. Chế độ đó có thể phù hợp với mong mỏi của toàn thể những người dân Việt Nam vẫn đòi hỏi dân chủ tự do từ 1945 tới nay không và chế độ đó là di sản của ai?

Ít nhất có thể Duiker cũng phải nhìn lại câu phát biểu mà ông đã viết: "*Ông Hồ đã chiếm được một chỗ trong ngôi đền thờ những anh hùng cách mạng từng đấu tranh mạnh mẽ để những người cùng khổ trên thế giới có được tiếng nói đích thực của họ*". Hồ Chí Minh đã tạo ra cái di sản ngăn cấm ngay tiếng nói của một sử gia thì có thể là bậc anh hùng đã đấu tranh mạnh mẽ cho tiếng nói đích thực của những kẻ cùng khổ được cất lên chăng?

21-07-2006

Chú thích

* Nhà xuất bản Tiếng Quê Hương, Tái bản lần 1, Virginia, 2006

** Cựu nhân viên ngoại giao tại Việt Nam, giáo sư Emeritus khoa Sử Đông Á, đại học Penn State, thạo tiếng Nga, Pháp, Hoa, Viêt. Đã ngưng giảng dạy.

1 Nhà xuất bản Hyperion Books, New York, 2000.

2 Vợ tác giả.

3-4 SĐD tr. 577, 574

5 Theo Duiker, chính vợ Lâm Đức Thụ giới thiệu Tăng Tuyết Minh cho ông Hồ tại nhà Borodin để sau đó Tăng Tuyết Minh trở thành vợ ông Hồ. Về Tăng Tuyết Minh, theo tài liệu của giáo sư Hoàng Tranh, Viện Phó Viện Khoa Học Xã Hội Quảng Tây, Trung Cộng tiết lộ cuối năm 2001 thì năm 1926, ông Hồ mang tên Lý Thụy, 36 tuổi đã làm hôn lễ với cô nữ hộ sinh Tăng Tuyết Minh, một thiếu nữ Quảng Châu, 21 tuổi, tín đồ Cơ Đốc giáo. Lễ cưới cử hành tại nhà hàng Thái Bình là nơi một năm trước, Chu Ân Lai làm lễ cưới với Đặng Dĩnh Siêu. Hoàng Tranh cho biết 2 chữ "Chí Minh" trong tên của HCM có nghĩa là nhớ mãi không quên (**Tăng Tuyết**) Minh.

6-8 SĐD tr. 7, 113 nguyên văn: Only Borodin and his wife were aware of his identity. His tức của Nguyễn Ái Quốc, lúc ấy mang tên Lý Thụy.

7 Bác Hồ trên đất nước Lênin, tr. 148

9 Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch.

10-11-12-13-14-15 SĐD tr. 18, 19, 14, 42, 47, 26.

16 SĐD tr. 5, nguyên văn: "since he later told the US journalist Anna Louise Strong that during his visit to the USA he knew nothing about politics".

17 SĐD tr. 225

18 Tự Điển Nhân Vật Lịch Sử, Nxb Văn Hóa, Sài Gòn 1999, tr.644 ghi: "Nguyễn Thị Minh Khai lúc nhỏ tên là Vịnh. Năm 1930 sang Trung Quốc làm việc ở Văn Phòng Đông Phương Bộ Quốc Tế Cộng Sản. Năm 1931 bị mật thám Pháp bắt ở Hong Kong, năm 1934 được trả tự do. Trong năm này bà cùng Lê Hồng Phong được cử làm đại biểu chính thức đi dự đại hội lần thứ 7 của Quốc Tế Cộng Sản tại Mạc Tư Khoa. Sau đó họ làm lễ thành hôn. Tại đấy bà vào học trường Đại Học Đông Phương Staline. Năm 1936, bà được phân công tác ở Sài Gòn, ngày 30/7/1940 bà bị địch bắt. Ngày 28/8/1941 bà bị xử bắn tại Hóc Môn. Hưởng dương 31 tuổi".

19-20 SĐD tr. 222, 499, nguyên văn: "Whatever the case, the appointment appeared to have the blessing of HCM, who could rest assured that his successor would give priority to the national reunification".

21-22 SĐD tr. 235, 95, nguyên văn: "According to Boris Souvarine, the French Communiste who later left the revolution movement, Nguyen Ai Quoc had now become an accomplished Stalinist".

23 HCM, Biên Niên Tiểu Sử - T. 10, tr. 139, 161, 163.

24 Trả lời báo Granma, Cuba ngày 14.7.1969 - HCM, Biên Niên Tiểu Sử - T. 10, tr. 373.

25-26 SĐD tr. 135, 258

Chương 2
JEAN LACOUTURE và *HCM, A Political Biography*

Trước khi xuất hiện tác phẩm ***Hồ Chí Minh, a life*** của William J. Duiker, các nhà nghiên cứu thường đánh giá cuốn ***Hồ Chí Minh, a political biography*** của Jean Lacouture là tác phẩm đầy đủ nhất về tiểu sử Hồ Chí Minh. Nhiều người còn cho là cuốn sách viết hay nhất.

Jean Lacouture, sinh năm 1921, người Bordeaux, thành phố nổi tiếng về rượu chát của miền Nam nước Pháp. Tại đây ông theo bậc trung học tại trường Dòng Tên Jésuite[*], rồi đại học văn khoa. Sau đó, ông lên Paris học luật và sinh sống tại đây. Ông là học giả, sử gia, nhà báo, nhà ngoại giao - tùy viên báo chí của Pháp tại Đông Dương từ 1945 đến 1947. Ông viết cho nhiều tờ báo ở Mỹ. Trong khoảng ba chục tác phẩm của ông có 6 cuốn về Việt Nam trong đó được lưu ý là cuốn ***Việt Nam giữa hai cuộc hưu chiến.***

Nguyên tác tiếng Pháp cuốn ***Hồ Chí Minh, a political***

biography xuất bản lần đầu năm 1967. Một năm sau, bản dịch Anh văn của Peter Wiles được Random House, New York cho ra mắt tại Mỹ. Sách viết theo thứ tự thời gian gồm 15 chương từ *Người Dân Quê, Người Di Dân, Người Chiến Sĩ*... cho đến *Bác Hồ và Chú Sam,* sau hết là *Trận Đánh Cuối Cùng*.

Ngay những trang đầu tác giả đã cho thấy hết sức khâm phục và ngưỡng mộ đối tượng của mình. Tác giả nói rõ nhận định về Hồ Chí Minh là *người tranh đấu cho cả lý tưởng cách mạng Lênin lẫn chủ nghĩa dân tộc Việt Nam*. Đặc biệt tác giả ca ngợi Hồ Chí Minh là con người hành động, hay như có người chua chát mà cũng chính xác gọi là *"kẻ khuấy động" (agitator), "kẻ thức trong khi mọi người ngủ".*[1]

Tác giả cũng không kém ngưỡng mộ cha của Hồ Chí Minh là phó bảng Nguyễn Sinh Huy (hay Sắc), vì cho rằng ông ta bị huyền chức, không phải vì nghiện rượu hay biển thủ công quỹ mà vì bài Pháp và ủng hộ phong trào Cần Vương, cổ võ cho nhà cách mạng Phan Bội Châu.

Về cách đối xử của Hồ Chí Minh với anh chị em, tác giả kể khi bà Thanh lên Hà Nội thăm em đã làm chủ tịch nước được ông Hồ tiếp đón niềm nở (*with open arms*) và khi người anh trai, Nguyễn Sinh Khiêm chết, ông Hồ có gửi điện văn về làng chia buồn, xin lỗi do phải lo việc nước hơn việc nhà. Tác giả cẩn thận ghi chú là lúc ấy[2] chiến trường sôi động, ông Hồ đang phải chiến đấu trong bí mật.

Chương II, *Kẻ Di Dân*, nói về hoạt động của Hồ Chí Minh tại Pháp. Sống cực khổ, thất nghiệp, dành thì giờ đọc sách, viết báo, tìm gặp những người có xu hướng cách mạng thuộc nhiều nước Pháp, Nhật, Nga...Tác giả bảo

Hồ Chí Minh *"tập hợp xung quanh mình những Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thế Truyền"*, phần đông lớn hơn cả chục tuổi. Tác giả cũng tiết lộ rằng chính bộ trưởng Albert Sarraut[3] cho biết *tên Nguyễn Ái Quốc là một bút hiệu của nhà cách mạng Phan Chu Trinh*. Và ở mấy trang sau, tác giả xác nhận bản thỉnh nguyện thư 8 điểm mà Hồ Chí Minh trình ở Hội Nghị Hòa Bình Versailles đã được soạn thảo chung với Phan Văn Trường dưới sự hướng dẫn của Phan Chu Trinh. Hai chi tiết này trái ngược hẳn với các văn kiện chính thức của Cộng Sản Việt Nam vẫn nói tên Nguyễn Ái Quốc là biệt danh của ông Hồ và bản thỉnh nguyện thư trên cũng do ông Hồ nghĩ ra và tự viết.

Đầu chương III,[4] tác giả kể chuyện *"anh chàng lịch lãm, dễ thương Georges Pioch đã làm gương để khuyên Hồ học đàm thoại và ăn nói trước công chúng. Với mục đích đó, Hồ đi dự các cuộc họp tại Câu Lạc Bộ Faubourgh do Leo Poldes lập. Hồ tham gia thảo luận, thoạt tiên còn lúng túng, ngượng nghịu, cố không nói lắp, không nói nhịu..."* Qua chi tiết này, Hồ Chí Minh đã được "đào tạo" rất sớm về nghệ thuật tuyên truyền và nói trước quần chúng nên tiến bộ nhanh về các mặt này trong thời gian trau dồi thêm ở Liên Xô từ 1933 đến 1938.

Tuy nhiên, tác giả chê ***Bản án chế độ thực dân Pháp*** viết rất dở, và cho rằng có lẽ do ông Nguyễn Thế Truyền, người để tựa cho nó, đã viết chứ không phải Hồ Chí Minh. Đây là chi tiết khiến người đọc khó tránh khỏi ý nghĩ Jean Lacouture đánh giá cao đối tượng đến mức không bao giờ chịu tin là Hồ Chí Minh làm một cái gì dở hay kém! Một việc chính Hồ Chí Minh đã đem ra khoe là

do mình làm vẫn có thể là do ai đó làm, trong trường hợp nhận thấy không phải việc hay, việc tốt! Trong chương này tác giả cũng dành nhiều trang nói về tờ báo *Le Paria* mà Hồ Chí Minh chủ trương và đã dành ra 2 năm để nuôi sống nó, dù rằng nó vẫn sống thêm 2 năm nữa, sau khi ông Hồ bỏ đi Nga rồi.

Chương IV nói về công thống nhất đảng của Hồ Chí Minh. Tác giả ghi từ 1933 đến 1938 là thời gian Hồ nghỉ ngơi và nghiên cứu nhiều tại Mạc Tư Khoa. Trong thời gian này Hồ tham dự đại hội 7 của Đệ Tam Quốc Tế. "*Nhưng Lê Hồng Phong, chứ không phải Hồ đã được bầu vào trung ương Đệ Tam Quốc Tế. Sau đó ít lâu, Phong về Đông Nam Á, bị bắt và chết trong tù*". Tác giả không nói rõ địa điểm, thời điểm và trường hợp của sự việc này.

Chương V, *Tù Nhân*, tác giả kể lại việc Hồ Chí Minh kín đáo về nước cuối tháng 1-1941, sau 30 năm vắng mặt, lập bản doanh ở vùng "giải phóng" Pác Bó, thuộc tỉnh Cao Bằng và ở đây hơn 1 năm. Dịp này Hồ đã đặt tên ngọn núi là núi Karl Marx và dòng suối là suối Lênin. Tại đây Hồ triệu tập hội nghị toàn phần trung ương đảng kỳ 8. Mặt Trận Việt Minh ra đời trong một túp lều lá với một chiếc bàn duy nhất. Tại hội nghị này có mặt Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Thụ, Vũ Anh, Phùng Chí Kiên, Võ Nguyên Giáp.

Tác giả dành gần trọn trang 75 nói về lòng yêu nước của Hồ Chí Minh, cho rằng Hồ nay mới được tự mình kêu gọi tới lòng yêu nước của nhân dân, lập nên các đoàn thể Cứu Quốc, và dành chỗ cho mọi tầng lớp nhân dân, không chỉ có công nhân, mà cả nông dân, tiểu tư sản, thậm chí cả địa chủ yêu nước.

Mở đầu chương VI, *Người Giải Phóng*, tác giả nói đến việc Hồ Chí Minh cổ võ cho chính sách *"xâm nhập"* tổ chức Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội. Qua trung gian tướng Trương Phát Khuê, Hồ đã đạt được ý nguyện. Nhưng chính phủ lâm thời liên hiệp do Trương Bội Công làm thủ tướng chỉ dành cho Hồ một chức bộ trưởng không hứa hẹn gì nên Hồ tìm cách gây liên hệ với liên quân Hoa - Mỹ để thoát hiểm. May mà *"phe Trương Bội Công xâu xé lẫn nhau"*, trong lúc Hồ bắt đầu lên đường về nước. Chính phủ lâm thời kia hoàn toàn tan rã, nhưng phe Hồ Chí Minh, nhờ có đoàn du kích quân và những mạng lưới riêng, vẫn tồn tại.

Về nước, Hồ ký lệnh thành lập *"trung đội võ trang tuyên truyền giải phóng quân gồm 34 người giao cho Võ Nguyên Giáp điều khiển"*.[5] Khi thấy lực lượng Việt Minh lớn mạnh, Pháp dự tính đem quân tiêu diệt. Nhưng còn đúng 3 ngày nữa khởi động thì bị quân Nhật thình lình đảo chính, bắt giam hết người Pháp.

Tháng 6-1945, Hồ Chí Minh cho lệnh tấn công.

Theo lời kể của Võ Nguyên Giáp sau này thì lúc đó do quá bệnh và yếu Hồ thều thào nói trong cơn mê sảng: *"Dù cho phải đốt cả dẫy Trường Sơn thì cũng quyết dành cho được nền độc lập"*. Trưng dẫn câu này, tác giả có thể chỉ nhắm ghi lại một sự việc thực tế hoặc đề cao tinh thần tranh đấu cho dân tộc của Hồ Chí Minh. Nhưng câu nói được trưng dẫn cũng cho thấy Hồ Chí Minh không phải con người ôn hòa và những chiến dịch vườn không nhà trống, tiêu thổ kháng chiến, những chiến thuật cảm tử, biển người hay cuộc chiến đẫm máu sau này không thể bảo do nhóm Lê

Duẩn - Lê Đức Thọ hay các thủ hạ khác chủ trương và ép buộc Hồ Chí Minh phải chiều theo như nhiều tác giả vẫn nêu trong tác phẩm của mình.

Ngày 29-8-1945, thành phần chính phủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo được công bố. Theo Jean Lacouture, nhiều nhà báo thắc mắc Hồ Chí Minh là ai? Vài kẻ thạo tin bảo đó là lãnh tụ cộng sản Nguyễn Ái Quốc. Có người hỏi Hồ có đúng không thì ông chỉ khiêm tốn thoái thác. Jean Lacouture diễn tả Hồ Chí Minh vừa là người khiêm tốn muốn tránh né sự lưu tâm của mọi người vừa là người luôn đặt dân tộc lên cao hơn hết nên coi nhẹ việc xác định màu sắc lý tưởng của bản thân. Nếu tác giả nhìn sự việc trên qua bối cảnh chính trị Việt Nam và xu hướng tâm lý quần chúng lúc đó đối với Cộng Sản thì có thể nhận định khác hơn.

Trong chương VII, tác giả thuật việc phái đoàn Mỹ tới Hà Nội cuối tháng 8-1945 đã được các người cộng sản hoan nghênh và "*khi quốc thiều Mỹ nổi lên, chính Võ Nguyên Giáp giơ nắm tay lên chào kính*.(CS chào bằng nắm tay). *Họ muốn giữ liên lạc chặt chẽ với Mỹ ở Hà Nội. Họ khai thác triệt để tinh thần chống thực dân của người Mỹ đối với các vấn đề Á châu. Thiếu tá Archimèdes Patti, đại úy Farris và ngay cả tướng Gallagher thường thấy xuất hiện cùng với Hồ Chí Minh và chính phủ của ông, trong thời gian xung đột Việt Pháp sắp sửa xảy ra*"...[6]

Trong chương XI, tác giả tiếp tục ca ngợi Hồ Chí Minh là *một kiểu mẫu cao nhất và hầu như độc đáo, một người có tương quan gắn bó nổi bật với quần chúng và là một người với sức xét đoán vượt trội, với những năng khiếu đột hứng và trí thông minh kỳ diệu để đóng vai hòa giải giữa các đám đông*

buộc phải đối đầu với chiến tranh vô tận với gian khổ, hà khắc hay một chế độ bạo tàn.[7]

Tác giả minh chứng uy lực và bản lãnh vượt trội của Hồ Chí Minh bằng sự thuật lại những lời đối đáp với tướng Salan. Khi viên tướng Pháp hỏi Hồ Chí Minh rằng có lo ngại gì khi đi xa để đất nước trong tay những cán bộ trẻ nóng nảy như Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp không, ông Hồ đã trả lời: *Họ làm được cái gì mà không có tôi? Chính tôi đã tác thành cho họ mà*!

Toàn bộ chương XII được Lacouture dành chứng minh Hồ Chí Minh vừa là người cách mạng vô sản, vừa là nhà ái quốc. Theo tác giả, "*điều cần nhấn mạnh trên hết là sự lưỡng diện của mọi cử động của ông Hồ khiến ông trở thành một người theo chủ nghĩa dân tộc* (quốc gia) *trên hết, cũng như một người theo chủ nghĩa quốc tế trên hết, hơn tất cả các lãnh tụ cộng sản*".

Lacouture giải thích về nhận định trên như sau: "*Ông ta quốc gia nhất, vì không có lãnh tụ cộng sản nào khác đã thực hiện được cuộc cách mạng trong xứ sở mình với ít ngoại viện và ít cán bộ nước ngoài; không ai hết, kể cả Mao hay Tito hay Castro lại có thể mắc nợ người ngoài ít đến thế*".[8] Tác giả đánh giá: "*Quả thật, ông ta đã dấn thân vào một nỗ lực vô cùng tận để hoàn thành được sự tổng hợp giữa những yêu cầu của một bên là chủ nghĩa quốc tế vô sản và một bên là chủ nghĩa quốc gia dân tộc Việt Nam...*"[9]

Theo đà suy nghĩ dành trọn ưu ái cho đối tượng, tác giả nhìn thấy việc thành lập Mặt Trận Việt Minh, việc tuyên bố giải tán Đông Dương Cộng Sản Đảng rồi cho sống lại dưới cái tên Đảng Lao Động Việt Nam đều thể hiện tài

trí và quyết tâm thực hiện chủ nghĩa quốc gia dân tộc của ông Hồ. Thậm chí tác giả còn cho rằng việc thay thế Đông Dương Cộng Sản Đảng bằng Đảng Lao Động là một thượng sách và là *một bước tiến trên đường dân tộc hóa, vì đảng cũ có tính quốc tế, phi dân tộc do bao gồm cả Miên, Lào... trong khi Đảng Lao Động mang cái tên được định tính rõ rệt là đảng Lao Động Việt Nam.*

Thắc mắc của người đọc trước nhận định này là giới hạn hết sức khó hiểu về nhận thức chính trị của một tác giả tầm cỡ Jean Lacouture. Bởi vì chủ nghĩa quốc tế vô sản luôn xác định triệt để bác bỏ tinh thần quốc gia dân tộc, trong khi bất kỳ người tìm hiểu chính trị nào cũng dư tài liệu để hiểu dễ dàng nội dung bản đề cương chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thuộc địa của Lê Nin có thể tóm tắt trong lời tuyên bố của Staline đã trở thành giáo điều bất khả di dịch về chiến lược chiến thuật đấu tranh Cộng Sản:*"Tất cả mọi đảng Cộng Sản và công nhân, hãy giương cao ngọn cờ dân tộc, dân chủ mà tiến lên"*.

Người Cộng Sản không bao giờ theo đuổi mục tiêu tổng hợp giữa yêu cầu của chủ nghĩa quốc tế với yêu cầu của chủ nghĩa dân tộc mà chỉ coi chủ nghĩa dân tộc, dân chủ là phương tiện cần khai thác - những ngọn cờ chiêu bài - trong một thời kỳ nào đó trên đường tranh đấu. Việc Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương tháng 11-1945 chỉ là một bước lui chiến thuật để tránh áp lực chống đối và cái tên Đảng Lao Động Việt Nam ra đời cũng mang chung ý nghĩa. Những điều đó chỉ phản ảnh tài năng và thủ đoạn của Hồ Chí Minh trong hành động chứ không phản ảnh mục tiêu phụng sự của ông ta.

Trên thực tế, Hồ Chí Minh đã trình diễn bộ mặt quốc gia dân tộc trước dư luận bằng thủ đoạn tinh vi vào những thời điểm cần che kín bộ mặt Cộng Sản. Người trình diễn bộ mặt quốc gia dân tộc và người theo chủ nghĩa dân tộc trên hết luôn luôn là hai người khác nhau.

Jean Lacouture đã có 6 tác phẩm viết về đề tài Việt Nam không lẽ chưa từng đọc những tài liệu chính thức lưu trữ tại Viện Mác-Lênin nhắc tới sự hiểu lầm của một số người lúc đó như Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập về xu hướng tư tưởng của Hồ Chí Minh trong quan hệ giữa yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế khi hoạch định chiến lược, chiến thuật đã dẫn tới việc có lá thư của Ban Lãnh Đạo Hải Ngoại Đảng Cộng Sản Đông Dương gửi Quốc Tế Cộng Sản ngày 31-3-1935 với luận điệu gay gắt: *"Những tàn dư của hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa cách mạng ... là một trở ngại rất nghiêm trọng cho sự phát triển chủ nghĩa cộng sản... Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin* (tên Hồ Chí Minh lúc đó) *viết một cuốn sách mỏng phê phán chính mình và những khuyết điểm đã qua"*[10].

Sự hiểu lầm này được *"giải độc"* [11] tại Mạc Tư Khoa nhân dịp Đại Hội 7 Quốc Tế Cộng Sản tháng 8-1935 tán trợ quan điểm vận dụng chính sách Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất để tiến hành đấu tranh. Quan điểm này được ghi lại trong nghị quyết Đại Hội Đông Dương Cộng Sản Đảng lần thứ 8 từ ngày 10 tới 19-5-1941 tại Pac Bó với diễn giải: *"Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc... thì quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được"*[12] Mục tiêu được nêu rõ ở đây là quyền lợi của bộ phận giai cấp còn vấn đề giải phóng dân tộc chỉ là bước đi sách lược bắt buộc phải qua.

Hơn nữa, nếu cứ dứt khoát cho rằng Hồ Chí Minh là người muốn tổng hợp yếu tố dân tộc chủ nghĩa với yếu tố quốc tế vô sản chủ nghĩa, *một người cộng sản quốc gia*, thì thực tế đã cho thấy trong cảnh luôn bị kiểm tỏa, bị kiểm soát từng ý tưởng như thế, ông Hồ khó giữ nổi mạng sống chứ đâu có thể nhận được cái quyết định mật số 60 ngày 29-9-1938 từ Viện Nghiên Cứu Các Vấn Đề Dân Tộc Và Thuộc Địa của Quốc Tế Cộng Sản trao cho trở về nước tiếp tục công tác.[13]

Một cứ điểm của Lacouture về *tính quốc gia nhất* của Hồ Chí Minh so với mọi lãnh tụ Cộng Sản khác như Mao Trạch Đông, Tito, Castro... là *ít mắc nợ nước ngoài trong khi tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng ở nước mình*. Trước hết, ít mắc nợ nước ngoài chưa hẳn đã là quốc gia nhất, vì Lênin, Stalin có thể còn ít mắc nợ nước ngoài hơn. Nhưng trên thực tế, Hồ Chí Minh có mắc nợ nước ngoài không? Cứ điểm trên của Jean Lacouture dù nhắm đề cao Hồ Chí Minh nhưng lại không được củng cố bằng bài báo chính thức sau của một tác giả Cộng Sản Việt Nam:

Sáng ngày 10-1-1950, trong cảnh mùa đông rét mướt, Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã bí mật rời khỏi thủ đô kháng chiến Tuyên Quang bắt đầu chuyến đi thăm Liên Xô, Trung Quốc. Một chuyến đi không tổ chức tiễn đưa linh đình và một tiểu đội tự vệ đã đưa Người lên Cao Bằng sang Trung Quốc qua cửa Thủy Khẩu - Long Châu, tỉnh Quảng Tây. Tại đây, ngày 20-1-1950, Người gặp Trần Canh, bạn chiến đấu Trung Quốc hồi Người ở Diên An (1938) và Trần Canh đã tổ chức đưa Người đi Bắc Kinh theo một mật lệnh của Thủ Tướng Chu Ân Lai.

Từ Quảng Tây, Bác Hồ đến Bắc Kinh vào ngày 26-1-1950

và đồng chí Chu Ân Lai đã tổ chức đón tiếp và hội đàm với Người. Sau đó, Người cùng với Chu Ân Lai đáp máy bay từ Bắc Kinh sang thăm Liên Xô... Giữa tháng 2-1950, Xtalin tổ chức đón tiếp và hội đàm với Chủ Tịch Hồ Chí Minh tại điện Kremlin ... Hai bên đã quan tâm đến quan hệ giữa Đảng - Nhà Nước và sự viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam.

Về quan hệ giữa Đảng và Nhà Nước, Xtalin đề nghị tạm thời chưa công khai mối quan hệ giữa hai Đảng vì lúc này Đảng ta chưa ra hoạt động công khai mà nhấn mạnh đến quan hệ giữa hai Nhà Nước. Trước mắt cần thành lập Đại Sứ Quán Việt Nam tại Liên Xô và sau đó cử vị Đại Sứ đầu tiên của nước ta ở Liên Xô là đồng chí Nguyễn Lương Bằng. Xtalin cũng đề nghị ta nên mở các chiến dịch lớn, mở rộng các khu giải phóng, nhất là khu vực tiếp giáp với Trung Quốc để tạo điều kiện thuận lợi cho mối quan hệ với các nước bên ngoài. Về viện trợ thì Liên Xô giúp đỡ Việt Nam cả về vật chất lẫn tinh thần. Trước mắt, Liên Xô viện trợ cho Việt Nam thuốc men, xe vận tải, các loại vũ khí nặng như pháo cao xạ, súng đại bác, cối hạng nặng... Viện trợ của Liên Xô sẽ được chuyển tới qua con đường Trung Quốc, vừa nhanh chóng vừa bí mật. Đây cũng là lý do để chúng ta mở chiến dịch Biên Giới tháng 10.1950...

Đầu tháng 3.1950, Chủ Tịch Hồ Chí Minh rời Matxcơva bay về Bắc Kinh và ngày 4-3-1950, Người đã hội đàm với Thủ Tướng Chu Ân Lai. Trong cuộc hội đàm này, phía Trung Quốc đồng ý để vùng Quảng Tây tiếp giáp với Việt Nam làm nơi tiếp nhận viện trợ, điều dưỡng, chữa trị thương bệnh binh, mở lớp đào tạo, học tập, bồi dưỡng cho cán bộ, học sinh và cử một phái đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc qua Việt Nam mà Trưởng Phái Đoàn đầu tiên là tướng Trần Canh...[14]

Quá nhiều tài liệu và thực tế đã bác bỏ những lời thuyết phục của Jean Lacouture về *tính lưỡng diện* trong mọi cử động của Hồ Chí Minh vì từ tương quan, hành sử tới hướng suy nghĩ của Hồ Chí Minh không khi nào rời xa khỏi phong trào quốc tế vô sản.

Chương XIII được tác giả dành để phân tích ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Cộng đối với cách mạng xã hội Việt Nam, nhất là đối với cá nhân Hồ Chí Minh. Theo Lacouture, Hồ Chí Minh nghiêng về Liên Xô do chịu ảnh hưởng nhiều, mang ơn nhiều và cũng có cảm tình nhiều hơn. Tác giả viện dẫn sự kiện Hồ Chí Minh được Liên Xô cử làm phụ tá cho Borodin trong phái đoàn bên cạnh chính phủ Tôn Dật Tiên là một sứ mạng đặc biệt, sự kiện Hồ Chí Minh được cử làm đại diện Đệ Tam Quốc Tế để giải quyết mâu thuẫn giữa các đảng cộng sản tại Đông Dương, tổ chức, thành lập các đảng Cộng Sản Xiêm, Mã Lai, Nam Dương vv.., sự kiện Hồ Chí Minh được tham dự đại hội 6 Đệ Tam Quốc Tế trong khi Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai không được tham dự... để khẳng định Hồ Chí Minh phải nghiêng về phía Liên Xô hơn. Tác giả tăng thêm sức mạnh cho lập luận của mình bằng sự trưng dẫn một câu tuyên bố của Hồ Chí Minh khi trả lời Danielle Hunebelle, đại diện Truyền Hình Pháp, tháng 7/1964. Danielle Hunebelle hỏi: "*Liệu Bắc Việt trong tình trạng bị cô lập có thể sẽ bó buộc trở thành một vệ tinh của Trung Cộng không? Ông Hồ giơ tay lên quả quyết: Không bao giờ!*"[15] Dẫn chứng loại này khó có giá trị tích cực, vì cũng tương tự như lời cam kết của Hồ Chí Minh với tướng Trương Phát Khuê vào tháng 9/1944 là "*tôi có một lời bảo đảm đặc biệt với ông*

rằng chủ nghĩa Cộng Sản sẽ chưa được thực hiện ở Việt Nam trong vòng 50 tới"[16] và câu trả lời *"tôi luôn luôn là một người yêu nước, tranh đấu cho độc lập, thống nhất thật sự của tổ quốc tôi"*, khi một nhà báo Mỹ đưa ra câu hỏi *"Cụ có phải người Cộng Sản không"* vào tháng 3/1949[17].

Dù vậy, tác giả vẫn tin Hồ Chí Minh mặn mà với Mạc Tư Khoa và tẻ lạnh với Bắc Kinh, đồng thời cho biết thái độ này không được chia xẻ bởi tất cả đảng viên, kể cả các ủy viên bộ chính trị. Tuy nhiên, tác giả tỏ ra dè dặt về trường hợp Lê Duẩn, cho rằng thái độ của Lê Duẩn là *một bí ẩn* (*an enigma*), vì các nhà phân tích kinh nghiệm như giáo sư P. J. Honey của Anh vẫn tin chắc Duẩn phải nghiêng về Liên Xô...trong khi thực sự Duẩn rất quyết liệt trong vấn đề chiến lược cách mạng. Cuối cùng, theo tác giả, Lê Duẩn là người theo lập trường trung dung tương tự Hồ Chí Minh nên ông Hồ mới trao cho chức bí thư thứ nhất.

Chương XIV, *Bác Hồ và Chú Sam*, nói về liên hệ giữa Hồ Chí Minh và một số nhân vật Mỹ thời kỳ trước 1946, về bản yêu sách 8 điểm gửi đến hội nghị Versailles họp tại Pháp tháng 6/1919 do sáng kiến của tổng thống Mỹ Willson, về những lần Hồ Chí Minh dừng chân trên đất Mỹ khoảng 1915-1916, về viên phi công Shaw bị rớt máy bay được Phạm Văn Đồng dẫn đến gặp Hồ, về việc Hồ Chí Minh trích tuyên ngôn Độc Lập của Mỹ đem vào tuyên ngôn độc lập 2/9/1945, về cả bài thơ viết trong tù của Hồ Chí Minh có nhắc đến Wendell Willkie, ứng cử viên tổng thống đối thủ của Roosevelt, và về việc Hồ nghiên cứu Tam Dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên, trong đó Tôn Dật Tiên nói nhiều đến A braham Lincoln, v.v. Tác giả nhấn mạnh chính sách

chống thực dân của tổng thống Mỹ Roosevelt coi đó là điểm khiến Hồ Chí Minh thực lòng muốn có quan hệ tốt đẹp với Mỹ. Tác giả còn ghi rõ xu hướng ủng hộ, chống đối, hay ngờ vực ông Hồ của những nhân vật Mỹ ở Hà Nội, Sài Gòn, Hoa Nam đồng thời không quên cả sự kiện ở Hà Nội những năm 1945-46 đã có một hội Hữu Nghị Việt Mỹ và trên khắp phố phường luôn xuất hiện nhiều biểu ngữ bằng tiếng Anh, chứ không có biểu ngữ nào bằng tiếng Pháp, tiếng Trung Hoa, hay tiếng Nga v.v.

Tất cả những sự kiện lớn nhỏ được đưa ra để chứng tỏ Hồ Chí Minh không giành được sự ủng hộ của Mỹ không phải thiếu thành tâm cộng tác mà chỉ vì chính sách đối ngoại của chính quyền Truman lúc đó dựa theo quan điểm của nhà ngoại giao sành sỏi Dean G.

Acheson đã bỏ đường lối của cố tổng thống Roosevelt để quay ra ủng hộ Pháp vì thấy rằng lúc ấy Pháp cần cho việc chống cộng sản thế giới. Tác giả viết chương này khá công phu, tham khảo tác phẩm của nhiều tác giả như Jean Sainteny, Hilaire de Berrier, Robert Shaplen, Devillers, Bernard Fall, Enrica Colotti-Pischel... và trích nhiều đoạn trong ***Hồ Chí Minh*** tuyển tập**.**

Với khối lượng tài liệu đó, tác giả phân tích tương đối kỹ từng hành động, thái độ của ông Hồ và còn tỏ ra không muốn gạt bỏ những lời phê bình chỉ trích Hồ Chí Minh là kẻ giả dối, nham hiểm, có nhiều hậu ý được toan tính kỹ cho hành động... Chương này đóng góp lớn cho việc tạo sức lôi cuốn của tác phẩm, tuy nhiên hình ảnh Hồ Chí Minh vẫn hiện ra với những màu sắc nghiêng về phía biểu hiện cảm quan riêng của tác giả.

Chương XV cũng là chương cuối, *Trận Đánh Cuối Cùng*, mở đầu bằng lời của ông Hồ: "Hôm nay là trường hợp con châu chấu chọi với con voi. Nhưng ngày mai con voi sẽ bị mổ *lòi ruột ra*". Hồ Chí Minh lấy ý từ một ngạn ngữ Việt Nam *"Nực cười châu chấu đá xe,* Tưởng rằng chấu ngã chẳng dè xe nghiêng" *và có lẽ đã đổi thành* "Hôm nay châu chấu chọi voi. Ngày mai voi sẽ bị lòi ruột ra".

Jean Lacouture viết chương này năm 1967 khi cuộc chiến Việt Nam đang sôi bỏng. Tác giả gần như dành trọn ba chục trang sách cho chủ đề truy tầm trách nhiệm gây chiến thuộc về ai. Để giải đáp, tác giả phân tích tỉ mỉ nhiều sự kiện với các tài liệu chứng minh lòng yêu nước, yêu hòa bình của Hồ Chí Minh, chứng minh thái độ chống đối của nhân dân miền Nam với chính quyền Ngô Đình Diệm và tinh thần hiếu chiến của chính giới Mỹ.

Về con người Hồ Chí Minh, tác giả ghi lại cuộc gặp gỡ với ông Hồ tháng 11-1961, khi tác giả tới Hà Nội và được Phạm Văn Đồng đang là Thủ Tướng lúc đó tiếp kiến. Tác giả kể lại lúc ông đang cùng Phạm Văn Đồng bàn về những vấn đề chính trị, chiến tranh, tìm xem có cách nào để Pháp đứng ra làm trung gian hòa giải ... thì Hồ Chí Minh mở cửa bước vào.

"Tiếng chân đi nhẹ nhàng tựa hồ tiếng kêu xào xạc của tơ lụa. Ông Hồ mỉm cười và làm hiệu cho chúng tôi cứ ngồi. Rồi nói: "Thủ tướng giải thích về chính sách tốt hơn tôi. Tôi chỉ tới dự như một người bạn và chuyện gẫu về thời xa xưa. Bây giờ thành phố Paris thế nào?"[18] *Cung cách xuất hiện đó của một nhân vật lãnh đạo quả tình dễ tạo ấn tượng sâu sắc và đầy sức lôi cuốn.*

Jean Lacouture khó rời xa quan niệm về tính lưỡng diện của Hồ Chí Minh vừa yêu chủ nghĩa cộng sản vừa yêu nước nên luôn cho rằng ông Hồ chủ trương tiến hành thống nhất trong hòa bình như hiệp ước Genève 1954 quy định là sẽ tổ chứ c Tổng Tuyển Cử vào tháng 7-1956. Chính quyền Ngô Đình Diệm dưới áp lực của Mỹ bác bỏ việc mở Tổng Tuyển Cử[19] nên Hà Nội không còn con đường nào khác để đi tới thống nhất ngoài việc ủng hộ các cuộc nổi dậy của nhân dân miền Nam từ 1957, nhất là từ tháng 9/1959.

Tác giả trưng dẫn Gerald C. Hickey viết trong ***Làng xã tại Việt Nam*** rằng ngay từ 1958 ở miền Nam đã có tổ chức gọi là Mặt Trận Giải Phóng và Harold Hinton thuộc đại học George Washington nói cuộc cách mạng chống phe Diệm đã bắt đầu từ 1957.

Mốc thời gian 1957-1958 được nhấn mạnh để chứng minh cuộc chiến nổ ra là do chính nhân dân miền Nam nổi lên chống chín h quyền miền Nam không chịu thi hành hiệp ước Genève 1954 mở Tổng Tuyển Cử để thống nhất đất nước vào năm 1956 chứ Hồ Chí Minh và chế độ Hà Nội hoàn toàn không chủ trương gây chiến. Tác giả còn trưng dẫn lời bộ trưởng ngoại giao Trần Văn Đỗ của miền Nam lúc ấy công nhận trong mấy năm trước 1960 chỉ có 300 quân Bắc Việt xâm nhập miền Nam.

Cách diễn tả được hỗ trợ bằng nhiều tài liệu vẫn lộ rõ ý hướng dắt dẫn người đọc hiểu rằng cuộc chiến nổ ra do dân chúng miền Nam nổi dậy chống chính quyền miền Nam theo Mỹ đi ngược nguyện vọng thống nhất của dân tộc và mức hỗ trợ quân sự của Hà Nội dành cho phong trào tranh đấu tại miền Nam hoàn toàn không đáng kể, nếu không

có sự kiện Mỹ ồ ạt đưa quân tới sau 1963. Tuy thế, tác giả không dám xác quyết hẳn về tính chất độc lập của tổ chức Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam mà nhận định rằng ban đầu được thành lập do cùng thỏa thuận với nhau, về sau được Hà Nội ủng hộ và che chở để trở thành *"tự trị về* chiến thuật, nhưng bị kiểm soát về chiến lược". [20]

Tác giả cũng đưa ra một thời khoảng lu mờ của Hồ Chí Minh từ 1961 đến 1964 trên chính trường miền Bắc và nhắc đến việc nhà vô địch về du kích Lê Duẩn trở thành bí thư thứ nhất của Đảng từ tháng 9-1960. Thời khoảng 1961 -1964, chiến cuộc miền Nam thực sự chuyển hướng để bùng nổ dữ dội nên có vẻ tác giả muốn viện dẫn tình trạng lu mờ để giữ nguyên tính ôn hòa của Hồ Chí Minh và nhìn nhận Hồ Chí Minh đã bị nhóm Lê Duẩn lấn áp.

Nhưng như thế thì tác giả lại quên bản thân tác giả từng cho là Lê Duẩn có thể theo con đường trung dung và chính Hồ Chí Minh đã ủng hộ việc đưa Lê Duẩn lên nắm chức bí thư thứ nhất vì Lê Duẩn có chủ trương tương tự về vấn đề thống nhất.

Dù vậy, tác giả vẫn trút trách nhiệm gây chiến cho chính quyền miền Nam, nhất là chính quyền Mỹ. Về sự kiện này, tác giả nhắc lại vai trò của Mỹ phía sau cuộc đảo chính 1-11-1963 tại Sài Gòn và cho rằng *"ông Diệm đã phải lấy mạng sống trả giá sự thất bại, sự vụng về và ý muốn làm một đồng minh quá độc lập không đúng lúc*[21] *của Hoa Kỳ"*. Tác giả cũng nhắc thêm lời ông Hồ nói với một nhà ngoại giao Ấn Độ vài tuần trước khi ông Diệm chết *"Diệm có thể là người yêu nước, theo cách của ông ta"*, để nhấn mạnh về sự can thiệp của người Mỹ mà theo tác giả diễn tả thì sau cái

chết của 2 nhân vật lãnh đạo Ngô Đình Diệm và Kennedy trong tháng 11-1963, những người hiếu chiến tha hồ đem chiến tranh vào Việt Nam.

Sau khi trút hết cho Mỹ trách nhiệm gây chiến với nhiều sự việc chứng minh, tác giả giải thích lời bác bỏ ngưng chiến của Hà Nội vào lúc Mỹ ngỏ ý muốn thương lượng là do thực tế tình hình đã đẩy cả hai phe vào thế phải tiếp tục chiến tranh. Tác giả ghi nhận là Hà Nội tỏ ra cứng rắn sau khi Hồ Chí Minh sang Bắc Kinh gặp Mao Trạch Đông nhưng cho rằng Hồ Chí Minh không bị Bắc Kinh chi phối vì *Mao không thể ra lệnh hòa hay chiến cho Hà Nội được.*

Jean Lacouture đã đưa ra hàng loạt sự kiện theo sách vở, báo chí, lời phát biểu của các nhân vật và phân tích tỉ mỉ với cái nhìn khá thấu đáo. Có điều, nhiều tài liệu cũng có giá trị đóng góp không thiếu ý nghĩa lại không được nhìn đến, đặc biệt là hàng đống tài liệu phản ảnh chủ trương, hành động của Hồ Chí Minh và chính quyền Miền Bắc được ghi lại rất chi tiết trong các hồ sơ chính thức.

Trước hết, mọi tài liệu của Hà Nội đều ghi rõ và không ngừng lập lại hai nhiệm vụ chiến lược do Chủ Tịch Hồ Chí Minh và Đảng đề ra cho toàn quân, toàn dân là *"Xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đấu tranh giải phóng miền Nam"*. Và, chỉ cần nhìn lướt qua tập 8 của bộ hồ sơ chính thức ***Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử*** đã có thể đối diện với hàng loạt sự việc và lời nói của Hồ Chí Minh diễn tả ý hướng và chủ trương của ông ta liên hệ tới cuộc chiến tại miền Nam Việt Nam ra sao.

Ngày 7-5-1956, Hồ Chí Minh đưa ra lời tuyên bố về nhiệm vụ của Quân Đội, nhấn mạnh rằng: *"Quân đội ta*

phải tiến đến chính quy và hiện đại hóa để bảo vệ công cuộc xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội ở miền Bắc và hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà".[22]

Về tiến hành đấu tranh tại miền Nam, Hồ Chí Minh phân tích trong phiên họp Bộ *Chính Trị ngày 20-1-1961 như sau:* "Cần phân tích chỗ yếu, chỗ mạnh của địch, từng hoàn cảnh để hành động, phải đề phòng nổi dậy non, chủ quan, nhưng cũng tránh bỏ lỡ cơ hội...

Trước tình hình này, chú ý vũ trang nhưng phải coi trọng hàng đầu công tác xây dựng Đảng".[23]

Tại phiên họp Bộ Chính Trị ngày 2-10-1961, về cùng vấn đề, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *"Miền Nam cần nhận định thêm tình hình quốc tế để đối phó cho khéo... Ta không lấy đấm trị đấm mà lấy mưu mẹo diệt nó, trừ bọn ác đi để bảo vệ cơ sở, phong trào dần sẽ lên".*[24]

Ngày 3/12/1961, Hội Nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng lần thứ 6 thảo luận về việc đưa Đảng Bộ miền Nam ra công khai dưới tên gọi Đảng Nhân Dân Cách Mạng Miền Nam Việt Nam với lập luận Miền Nam đã có Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng thì cũng phải có chính đảng của mình.[25]

Tháng 9/1963, khi đi nghỉ tại Quảng Châu, Hồ Chí Minh đã gặp gỡ Chu Ân Lai, Trần Nghị và phát biểu về cuộc chiến tại miền Nam: *"Đừng nói phải đánh 5 năm, 10 năm, dù có 20 năm, 30 năm, thậm chí 50 năm cũng phải đánh".*[26]

Hồ Chí Minh còn chỉ thị trực tiếp về những việc cụ thể. Ngày 10 -12-1963, tại phiên họp Bộ Chính Trị về cuộc chiến miền Nam, Hồ Chí Minh đã chỉ thị: *"Nên nêu khẩu hiệu* "Người Việt không đánh người Việt". *Và, giải thích thêm:* "Ta vừa tiêu diệt, vừa tuyên truyền".[27]

Đây là thời khoảng mà theo Lacouture, Hồ Chí Minh bị lu mờ. Nhưng sự hiện diện liên tục kể trên của Hồ Chí Minh trong các hoạt động của Đảng lại chứng tỏ ngược lại. Ngoài ra, ý hướng biểu lộ qua lời lẽ, công việc chỉ cho thấy Hồ Chí Minh luôn chủ trương dùng võ lực để giải quyết vấn đề thống nhất. Cũng qua biểu lộ từ những lời lẽ và hoạt động trên, hình ảnh người yêu nước của Hồ Chí Minh đã nhòa nhạt hẳn dưới hình ảnh một con người đầy tham vọng và cuồng tín theo đuổi lý tưởng riêng của mình, một con người không chỉ nham hiểm xảo trá mà còn không hề tiếc xương máu đồng bào trên phương diện hành động đấu tranh.

Trên thực tế, Cộng Sản Việt Nam đã chuẩn bị cơ sở cho việc thực hiện chủ trương này từ giữa năm 1954 qua việc cài người nằm lại bí mật tại miền Nam dưới rất nhiều hình thức.

Dựa theo vài ý kiến và tài liệu mơ hồ của những người hoàn toàn xa lạ với thực tế Việt Nam như Gerald C. Hickey, Harold Hinton... để kết luận cuộc chiến Việt Nam do người dân miền Nam nổi dậy chống chính quyền miền Nam sau năm 1956 là thiếu cân nhắc nếu không muốn nói là cố tình xuyên tạc sự thực, nhất là khi coi Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là một tổ chức chính trị hoàn toàn tự phát của nhân dân miền Nam chứ không phải bộ phận công cụ của Cộng Sản Hà Nội.

Về điểm này, chính Lacouture đã chỉnh lại quan điểm của Gerald C. Hickey bằng ý kiến cho rằng tổ chức được thành lập do cùng nhau thỏa thuận với sự ủng hộ của Hà Nội nhưng về sau chỉ còn là tổ chức tự trị về chiến thuật

trong khi bị Hà Nội kiểm soát về chiến lược. Ngay ý kiến này của Lacouture cũng xa rời thực tế vì thực tế đã xác nhận dứt khoát rằng đó chỉ là một tổ chức do Cộng Sản Hà Nội dựng lên làm chiêu bài cho việc tấn công miền Nam bằng quân sự mà thôi.

Cho nên chỉ có thể nhìn cuộc chiến miền Nam là hậu quả tất yếu của chủ trương dành quyền thống trị cho người Cộng Sản tại Việt Nam và là bước đi tiếp nối trong chiến lược đấu tranh dưới ngọn cờ dân tộc chủ nghĩa mà Stalin đã hoạch định và Hồ Chí Minh triệt để tuân thủ từ những năm trước 1940. Cuộc chiến đó là không thể tránh khi người Cộng Sản chưa nắm trọn được quyền hành. Ngay cả trường hợp có tổng tuyển cử thống nhất năm 1956 nhưng nếu kết quả nghiêng về phía miền Nam chẳng hạn thì dù có sự can thiệp của người Mỹ hay không, cuộc chiến vẫn bùng nổ bằng những lý do nào đó. Cuộc chiến hoàn toàn không nhắm giải quyết nguyện vọng của người dân mà chỉ nhắm mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa Cộng Sản.

Lúc tác giả kết thúc tác phẩm thì chiến tranh chưa kết thúc và Hồ Chí Minh chưa qua đời. Tác giả đã tiên tri rằng *"nếu ông Hồ không thể thấy nước ông được độc lập, thống nhất thì đàn em ông sẽ còn sống để thấy điều đó"*.

Lacouture có thể rất vui khi thấy lời tiên tri của mình trở thành sự thực vào tháng 4/1975. Nhưng cái đất nước Việt Nam thống nhất và độc lập mà Lacouture vẫn nghĩ là Hồ Chí Minh dành trọn đời để đấu tranh đạt tới có phù hợp với nguyện vọng của người dân không?

Câu trả lời đã được chính Lacouture đưa ra trong tác phẩm ***Le voyage à travers une victoire*** viết vào năm

1976, sau chuyến viếng thăm Sài Gòn. Cái thực tế não nề khiến tác giả hoàn toàn thất vọng kia hẳn không thể tách rời khỏi mục tiêu cuộc đấu tranh của nhân vật mà tác giả từng khâm phục!

CHÚ THÍCH

[*] *Tiếng Pháp là Jésuite. Gọi Dòng Tên, vì lấy tên Chúa Giêsu (Jesus) đặt cho dòng. Chữ Jésuite từ chữ Jesus mà ra.*

1 *SĐD tr. 4*

2 Năm 1950

3 Từng là toàn quyền Đông Dương

4-5-6 SĐD tr. 34, 89, 115

7 SĐD tr.205-215, nguyên văn: *HCM is first and foremost a man of original and personal style, a man with a distinctive relationship with the people... Hồ with his magisterial powers of judgement, his inspirational gifts and his miraculous ability to act as mediator among masses, doomed to never-ending war, austerity and a harsh, often brutal regime.*

8-9 SĐD tr. 23, 233

10 *Đỗ Quang Hưng* ***- Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh -*** Nxb Lao Động, Hà Nội 1999.

11 *Đỗ Quang Hưng đặt từ này trong ngoặc kép.*

12 **Văn Kiện Đảng 1930-1945 -** T. III, tr. 196

13 Hồ Chí Minh nhận quyết định số 60 ký ngày 29-9-1938 sau khi gửi thỉnh nguyện thư cho một cán bộ Quốc Tế Cộng Sản. Hồ Chí Minh về Nga năm 1934 dự Đại Hội 7 Quốc Tế Cộng Sản tháng 8-1935 và Đại Hội 6 Quốc Tế Thanh Niên tháng 9-1935. Năm 1936, Hồ Chí Minh xin về hoạt động tại Đông Dương nhưng được lưu lại Viện Nghiên Cứu Các Vấn Đề Dân Tộc và Thuộc Địa và không được giao công tác gì nên ngày 6-6-1938 đã viết lá thư thỉnh nguyện có những câu sau: "Tôi viết thư gửi đồng chí để xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này. Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó. Hoặc là giữ tôi ở lại đây. Hãy giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị đồng chí là đừng để tôi sống quá l âu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài Đảng." - **HCM, BNTS -**T.2, tr. 60

14 Hồ Thức Hòa - Lao Động, Xuân Canh Thìn, Hà Nội 2000.

15 SĐD tr. 248

16 **Hồ Chí Minh, Biên Niên Tiểu Sử -** T.2, tr. 205

17 **Hồ Chí Minh Toàn Tập -** T.5, tr. 575

18 SĐD tr. 283-284

19 Lúc đó, chính quyền Miền Nam chỉ nêu điều kiện tiên quyết là Miền Bắc phải ban hành các quyền tự do căn bản, đặc biệt là tự do ngôn luận để tiến tới Tổng Tuyển Cử.

20 SĐD tr. 294, nguyên văn: *Tactically autonomous, strategically controlled***.**

21 SĐD tr. 285, nguyên văn: *unduly independentally.*

22-23-24-25-26-27 **HCM, BNTS -**T.8, tr. 164, 21, 150, 176, 457, 492.

Chương3
PIERRE BROCHEUX và *Hồ Chí Minh*

Tác phẩm về Hồ Chí Minh của Pierre Brocheux, chuyên gia Pháp về các vấn đề Đông Dương, mang tựa đề ***Hồ Chí Minh*** do Presses de Sciences PO xuất bản tháng 5-2000. So với tác phẩm của Jean Lacouture (1970), David Halberstam (1971), Nguyễn Khắc Huyên (1971) Wilfred Burchett (1972), Paul Mus (1972)... và của Daniel Hemery (1990) rồi William J. Duiker (2000) là những tác giả nổi tiếng về tiểu sử Hồ Chí Minh thì đây là tác phẩm tương đối mới, không những về thời gian phát hành mà cả về cách nhìn. Đặc biệt trong phần thư mục, tác giả đã nêu tên hoặc tác phẩm của một số nhân vật Việt Nam thuộc phía quốc gia tại hải ngoại như các giáo sư Lê Hữu Mục, Tôn Thất Thiện, Nguyễn Khắc Huyên, Bùi Xuân Quang... Giáo sư Bùi Xuân Quang còn được nêu trong số 10 người được tác giả ghi ơn vì đã giúp ông hoàn thành tác phẩm. Tác giả cho biết đã đọc tác phẩm ***Hồ Chí Minh, a life*** của

W. J. Duiker, khi còn là bản thảo[1]. Như thế, có thể bảo Brocheux đã hoàn thành cuốn Hồ Chí Minh với cả tài liệu, ý kiến và kinh nghiệm của Duiker.

Khi cả hai cuốn sách cùng ra trong năm 2000, bà Judy Stow, nhà bình bút của đài BBC, đã so sánh và cho rằng Pierre Brocheux cân nhắc, thận trọng hơn, nêu lên được nhiều nghi vấn không thấy trong tác phẩm của Duiker. Theo Judy Stow, Duiker vẫn nhìn Hồ Chí Minh theo cái nhìn cũ dù nhiều tài liệu mật về cộng sản thế giới đã được bạch hóa do tình hình thay đổi. Riêng Brocheux tỏ ra thận trọng khi đặt mọi giá trị nhận định trên hai yếu tố thời gian và thực giả đan xen của những sự kiện. Về thời gian, Brocheux cho rằng chưa đủ mức để những xúc động thời thế lắng xuống hầu đạt tới cái nhìn thật chính xác về một nhân vật lịch sử như Hồ Chí Minh. Cũng từ yếu tố thời gian này nên chưa thể phân biệt rạch ròi giữa chính sử với huyền thoại vốn luôn luôn đan xen, chồng chéo trên nhân vật Hồ Chí Minh.

Sách gồm 18 chương gom vào 2 phần chính.

Chương 1, phần I, tác giả dành thuật lại những gì Hồ Chí Minh viết về mình dưới bút hiệu Trần Zân Tiên[2] và T.Lan trong hai cuốn ***Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*** và ***Vừa đi đường vừa kể chuyện***. Đây là điểm khác biệt hẳn so với các tác phẩm viết về Hồ Chí Minh đã xuất bản. Trong các tác phẩm này, không tác giả nào dành hẳn một chương để nói về những điều mà Hồ Chí Minh tự viết về chính mình.

Brocheux không chỉ đề cập tới cuốn sách do Hồ Chí Minh dùng bút hiệu khác để tô điểm cho mình mà còn

nhìn cung cách lưu tâm của Hồ Chí Minh dành cho cuốn sách như một sự kiện cần lưu ý. Theo Brocheux, vào năm 1948, Hồ Chí Minh đã có bản dịch Pháp ngữ cuốn ***Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*** trao cho một nhân viên phụ trách phòng thông tin Cộng Sản Việt Nam ở Ngưỡng Quang, Miến Điện, tên Hoàng Nguyên, chỉ thị cho nhân vật này tìm người dịch ra Anh ngữ và sau này ra nhiều thứ tiếng khác.

Tác giả cho rằng chủ đích của Hồ Chí Minh đặt vào hai cuốn sách này là khiến cho người dân yêu mến lãnh tụ và vững tin vào chiến thắng cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản. Chủ đích thứ nhất nằm trong cuốn ***Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*** còn cuốn ***Vừa đi đường vừa kể chuyện*** dành cho chủ đích thứ hai.

Tác giả trích dẫn từ cuốn ***Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch***: *"Đàng khác ông (Hồ) yêu trẻ con và chúng yêu ông. Lòng hiếu thảo được chia sẻ*: *"Nhân dân gọi Hồ chủ tịch là "Cha Già của dân tộc"*.[3] Tác giả chỉ trích dẫn mà không bình luận. Tuy nhiên, câu trích dẫn trên từ bản dịch Pháp ngữ khó thể có tác động làm nẩy ra những ý nghĩ về Hồ Chí Minh so với cái đoạn nguyên tác tiếng Việt mà chính Hồ Chí Minh đã viết như sau:

"Mọi người kính mến Hồ Chủ Tịch, nhất là thanh niên và nhi đồng. Ở ngoài mặt trận khi xung phong các chiến sĩ hô lớn: *"Vì Tổ Quốc và vì Bác Hồ, tiến lên!" Vì Bác Hồ mà những người lao động trong nhà máy và trên đồng ruộng tăng thêm năng suất. Đối với nhi đồng, tên Bác Hồ như là một người mẹ hiền. Chỉ nhắc đến tên Bác là các em trở nên ngoan ngoãn.*

Về Hồ Chủ Tịch, còn nhiều chuyện khác, viết thành nhiều

quyển sách nhỏ, làm thành những bài hát, bài thơ. Một vài chuyện nhỏ kể dưới đây cũng đủ tỏ lòng kính mến của nhân dân Việt Nam đối với Bác Hồ.

Một bức ảnh nhỏ của Người ở Hà Nội có đồng bào mua tới giá một trăm ba mươi vạn đồng. Ở Nam Bộ, một chiến sĩ du kích họa sĩ bị thương ở chiến trường, trong khi chờ đợi cứu thương đến, đã lấy máu mình vẽ lên áo ảnh Hồ Chủ Tịch. Hội Phụ Nữ Cứu Quốc gửi tặng Hồ Chủ Tịch một bộ áo lụa. Hồ Chủ Tịch tặng anh em thương binh bộ áo này. Ban Tổ Chức Giúp Đỡ Thương Binh đem bán đấu giá bộ áo này, thu được bốn mươi sáu vạn bảy nghìn đồng. Nhưng rất nhiều đoàn thể nhân dân từ Nam đến Bắc yêu cầu kéo dài thời hạn bán đấu giá, mong mua được bộ áo ấy với giá đắt hơn.

Những chuyện như trên còn nhiều, kể không hết được. Thanh niên, nhi đồng các nước bạn cũng thường gửi thư thăm hỏi Bác Hồ. Nhân dân gọi Chủ Tịch là Cha Già của dân tộc, vì Hồ Chủ Tịch là người con trung thành nhất của Tổ Quốc Việt Nam".[4]

Giả dụ mọi chuyện ghi trên không hề bịa đặt thì khi nghe một người khác kể lại về mình như vậy, một người thành thực và khiêm cung hẳn khó tránh áy náy về sự tâng bốc mà mình nhận được. Nhưng đây lại là những dòng chữ do một người mượn tên khác để tâng bốc bản thân trước quần chúng thì con người đó sẽ được nhìn ra sao? Brocheux không bình luận có lẽ vì thấy chẳng cần bình luận và cũng có thể vì chưa dứt khoát theo một cách đánh giá nào đó.

Riêng người đọc có thể thấy cái danh hiệu tôn sùng *Cha Già Dân Tộc* đã do Hồ Chí Minh đưa ra gợi ý rất sớm[5] rồi

sau này thành mệnh lệnh cho đàn em tôn sùng và truyền bá sự tôn sùng đó trong quần chúng. Nhưng nếu Brocheux có thể im lặng không đưa ra một bình luận nào thì nhà báo Mỹ David Halberstam hẳn phải nghĩ về một nhận định từng nêu ra trong tác phẩm viết về tiểu sử Hồ Chí Minh với tựa đề ***Ho***. Halberstam từng quả quyết: *"Titô, Stalin, Khrutschev, Mao Trạch Đông... hết thảy đều mắc bệnh tôn sùng cá nhân. Riêng Hồ Chí Minh thì không"*![6]

Thật khó hình dung nổi một người không hề mắc bệnh tôn sùng cá nhân mà lại muốn người dân khắp nước gọi mình là *Cha già dân tộc*, muốn những chiến binh đang quằn quại với thương tích giữa mặt trận nghĩ ngay tới việc lấy máu để vẽ hình ảnh mình, muốn đặt mình ngang với tổ quốc qua cái khẩu hiệu tự chế *"Vì Tổ Quốc và vì Bác Hồ Tiến lên !"*....

Trong cuốn ***Vừa đi đường vừa kể chuyện,*** Hồ Chí Minh dành một số trang nói về sự tàn ác của Đức Quốc Xã, về những khó khăn trở ngại của Liên Xô và Trung Cộng trong cuộc chiến chống kẻ thù, nhưng cuối cùng bao giờ Cộng Sản cũng chiến thắng. Brocheux cho rằng Hồ Chí Minh nhắc lại những chuyện này để khuyên nhân dân Việt Nam nuôi chí quyết thắng và cũng là cách in vào tâm trí nhân dân sự tin tưởng chắc chắn rằng cuối cùng chủ nghĩa cộng sản vẫn toàn thắng. Ông Hồ kết thúc cuốn sách ***Vừa đi đường vừa kể chuyện*** bằng câu: *Chủ nghĩa xã hội chắc chắn sẽ là một thực tại trên toàn thế giới: điều đó cũng sáng tỏ và chắc chắn như mặt trời mọc ở hướng Đông.*[7]

Đoạn này trong tác phẩm ***Vừa đi đường vừa kể chuyện*** bản tiếng Việt do Hồ Chí Minh viết như sau:

"Những câu chuyện trên đây Bác vừa đi đường vừa kể. Tối đến chỗ nghỉ, chúng tôi nhớ được chừng nào ghi lại chừng nấy. Từ những câu chuyện đó, chúng tôi càng thấy rõ:

- Một là lực lượng của Mỹ-Tưởng mạnh như thế (hơn 8 triệu quân) mà cũng bị giải phóng quân đánh tan; phát xít Đức-Ý-Nhật hung dữ như thế mà cũng bị hồng quân Liên Xô tiêu diệt.

- Hai là, phe đế quốc chủ nghĩa ngày càng suy sụp, phe xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh.

- Ba là, trước đây phát xít Đức đã hết sức dùng mọi cách hung ác trong âm mưu chống Cộng, kết quả chúng đã thất bại một cách tồi tàn. Ngày nay, đế quốc Mỹ đang đi theo vết xe chống Cộng của Hitle, chắc chắn rằng số phận của đế quốc Mỹ cũng sẽ kết thúc một cách thảm hại như số phận của Hitle.

- Bốn là, chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ thực hiện khắp thế giới: Điều đó cũng rõ rệt và chắc chắn như mặt trời mọc từ phương Đông".[8]

Lưu tâm đặc biệt tới hai cuốn sách này, Brocheux tỏ ra thận trọng và phân tích sự việc tương đối khách quan hơn Duiker trong việc xác định xu hướng lý tưởng của Hồ Chí Minh. Brocheux không bị chìm ngập giữa khối lượng tài liệu để lâm cảnh cây che mất rừng và lẫn lộn giữa thuật chuyện với phân tích sự việc[9] như cảnh Duiker vướng phải và Borcheux đã nhận ra, khi đọc bản thảo của tác giả này.

Brocheux còn dành thêm 2 chương khác dẫn những ý kiến ngược chiều về Hồ Chí Minh. Qua 2 chương này, Brocheux có vẻ muốn chứng tỏ sự vô tư trong khi nhận định bằng cách đối diện với cả lời khen lẫn tiếng chê. Nếu

trước mắt Brocheux đã hiện ra một Hồ Chí Minh trong vóc dáng của nhà hiền triết, nhà ngoại giao lỗi lạc... qua diễn tả của các đồng chí, các thủ hạ, thì Hồ Chí Minh cũng hiện ra trong vóc dáng một kẻ đạo văn, kẻ chuyên đóng kịch... qua diễn tả của phía chống đối.

Nhưng Brocheux không hoàn toàn khách quan như muốn chứng tỏ qua cách thức cân nhắc các tài liệu được vận dụng, chính xác hơn là cách thức cân nhắc những tài liệu thuộc phía chống đối. Tuy dành hẳn một chương cho những tài liệu này, Brocheux đã đọc tài liệu trong sự bán tín bán nghi và thường ngả theo xu hướng sẵn sàng bác bỏ hoặc đẩy sự việc về một phía nào đó không liên quan tới đối tượng đang hiện ra trước mắt. Chẳng hạn Brocheux đã hai lần nhắc đến Hoàng Văn Hoan nhưng chỉ nhắc để nói về việc Hoàng Văn Hoan kết tội Lê Duẩn, rồi kết luận đó là sự thanh toán một món nợ giữa hai cá nhân Hoan - Duẩn mà thôi. Tất nhiên trên căn bản đó, mọi phát biểu của Hoàng Văn Hoan trở thành không đáng tin dù qua những phát biểu này, người đọc có thể nhận diện chính xác Hồ Chí Minh với những sự việc diễn ra liên tục nhiều năm từ thuở Hồ Chí Minh trà trộn giữa hàng ngũ những người cách mạng Việt Nam tại Hoa Nam trước 1945.

Ngay cả khi trưng dẫn Bảo Đại và Vũ Thư Hiên để nói về chuyện Hồ Chí Minh đóng kịch, Brocheux cũng tỏ ra không tin đó là những lời nói thật. Thậm chí khi trích lời Vũ Đình Hùynh do Vũ Thư Hiên ghi lại trong tác phẩm ***Đêm Giữa Ban Ngày,*** Brocheux vẫn dè dặt viết thêm *"Nếu người ta chấp nhận lời chứng của Vũ Đình Huỳnh ... - Si l'on accepte le témoignage de Vũ Đình Huỳnh..."*[10]

Tác phẩm ***Đêm Giữa Ban Ngày*** với độ dày bảy trăm trang chứa đựng rất nhiều sự kiện phản ảnh cái nhìn về Hồ Chí Minh của nhiều thành phần khác nhau ngay tại miền Bắc Việt Nam đều không được Brocheux nhắc tới, kể cả những vụ án chính trị tàn khốc như vụ tướng Lê Liêm bị Hồ Chí Minh hứa hỗ trợ rồi bỏ mặc cho thủ hạ trấn áp và chuyện Phó chủ tịch Quốc Hội Dương Bạch Mai bị đầu độc do chống lại nghị quyết 9 thúc đẩy đưa quân xâm nhập miền Nam...

Brocheux còn bỏ quên nhiều tác phẩm chứa đựng các sự việc phản ảnh con người Hồ Chí Minh của nhiều tác giả chống đối hay Cộng Sản ly khai như Kiều Phong, Việt Thường, Hoàng Văn Chí, Hoàng Quốc Kỳ... Vì vậy, chỉ riêng cái tài đóng kịch của Hồ Chí Minh đã khiến Brocheux băn khoăn bán tín bán nghi dù có thể khẳng định đóng kịch đã trở thành *bản tính tự nhiên - une seconde nature* - do là thói quen lâu năm của ông Hồ.

Cảm tưởng rõ rệt của người đọc khi gấp cuốn sách lại là Brocheux chỉ nhìn vào tài liệu sách vở mà không nhìn vào các sự kiện lịch sử Việt Nam trong thời gian Hồ Chí Minh nắm quyền như thanh toán người đối lập, kể cả người chung lý tưởng cộng sản - phe đệ Tứ Quốc Tế -, ban hành chính sách cải cách ruộng đất, mở chiến dịch Tết Mậu Thân 1968 tổng tấn công miền Nam với những thảm cảnh tàn phá chết chóc trong đó có 3000 thường dân gồm cả các nhà văn hóa, từ thiện ngoại quốc bị giết hoặc chôn sống trong mồ tập thể ở Huế ....

Brocheux cũng không bày tỏ một ý nghĩ gì về tiếng than oán cất lên liên tục nhiều năm qua của người dân

Việt Nam và những hành động quyết liệt xa lánh cái chế độ mà Hồ Chí Minh đã dựng lên trên đất nước Việt Nam bằng xương máu của hàng triệu người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ...

Khuôn bó cái nhìn trong giới hạn những tài liệu sách vở với định kiến nghi ngờ các tiếng nói chống đối nên trước mắt Brocheux, Hồ Chí Minh vẫn hiện ra như thần tượng của người dân Việt Nam. Dường như việc Hồ Chí Minh là con người tham vọng đến mức giả dối, tàn ác vẫn là điều khó hiểu và vì thế là điều khó tin đối với không ít người cầm bút Tây Phương.

Cho nên, tuy không xác quyết Hồ Chí Minh là *người quốc gia yêu nước nhất* như Jean Lacouture, không xác quyết Hồ Chí Minh là người đấu tranh mạnh mẽ cho những người cùng khổ trên thế giới như Duiker, nhưng Brocheux vẫn hết sức dè dặt trong nhận định về con người Hồ Chí Minh.

Thái độ dè dặt này thể hiện ngay trong việc Brocheux trưng dẫn tài liệu về một giai đoạn hoạt động của Hồ Chí Minh từ cuốn sách mà Hồ Chí Minh tự viết về mình dưới bút hiệu Trần Zân Tiên và cuốn sách của sử gia Cộng Sản Việt Nam là đại tá Hồng Hà, ***Bác Hồ trên đất nước Lê-Nin***. Đó là giai đoạn Hồ Chí Minh sống tại Quảng Đông năm 1925 mà Brocheux ghi lại giống như tài liệu của Hồng Hà. Trong trường hợp này, sự giả dối và đóng kịch không còn do người khác kể vì hiện hình bằng chính việc làm của Hồ Chí Minh mà Brocheux đã gạt qua do có thể coi như lời nói không đáng tin, cụ thể là nói dối. Tuy vậy, Brocheux không hề nêu chỉ một dấu hỏi về sự được tôn sùng của Hồ Chí Minh trong dân chúng Việt Nam.

Dầu sao thì đặt bên cạnh Duiker hoặc nhiều tác giả khác, Brocheux đã thận trọng và phân tích sự việc tương đối khách quan hơn, đặc biệt về xu hướng lý tưởng của Hồ Chí Minh. Với Brocheux, màu sắc quốc gia yêu nước của Hồ Chí Minh có vẻ nhòa nhạt hơn trong khi niềm tin của Hồ Chí Minh đặt vào chủ nghĩa Cộng Sản hiện ra khá đậm đà, nhất là qua những đoạn trích từ tác phẩm ***Vừa đi đường vừa kể chuyện*** với lời quả quyết *chủ nghĩa cộng sản toàn thắng là thực tại như mặt trời lúc nào cũng mọc ở hướng Đông.*

Hiện nay, giá trị của lời quả quyết kia là điều không còn ai cần bàn tới, nhưng chẳng lẽ cũng không cần nhắc tới thực tế này, khi đánh giá về con người và sự nghiệp của kẻ đã nỗ lực chạy theo ảo tưởng bằng không biết bao nhiêu xương máu và đau khổ của người dân?

Tóm lại, hình ảnh nhân vật Hồ Chí Minh qua tác phẩm của Brocheux tuy bớt nhiều nét tô vẽ thiên lệch, nhưng chưa vượt khỏi mức hạn chế đó. Lý do chủ yếu có lẽ như Brocheux đã nêu ra, thời gian chưa đủ dài cho các xúc động thời thế lắng xuống để những người làm công việc chép sử có đủ tỉnh táo phá vỡ tình trạng đan xen chồng chéo giữa huyền thoại với chính sử, và vì thế, sự thực vẫn chìm khuất trong khói mù gian trá.

Như vậy, dù đã có thêm tác phẩm của Brocheux, người đọc vẫn phải tiếp tục hy vọng vào thời gian để chờ tới một ngày nào đó trong tương lai, nếu muốn được nhìn rõ bộ mặt thực của nhân vật Hồ Chí Minh.

Chú thích

[1] Tác phẩm này phát hành năm 2000, nhưng không đề tháng còn cuốn của Brocheux ghi rõ ra vào tháng 5-2000.

[2] Tác giả giữ nguyên chữ "Z" theo lối viết của Hồ Chí Minh thay cho chữ "D" trong tiếng Việt.

[3] *Những mẩu chuyện về đời* **...** - bản Pháp văn, tr. 149.

[4] *Những mẩu chuyện về đời* ... - bản Việt văn, tr. 165-166.

[5] Sách viết xong đầu năm 1948, ít nhất phải khởi sự từ 1947.

[6] *Ho*, D. Halberstam, Nxb Random House, NY, 1971, tr. 16.

7-9-10 SĐD tr. 90, 75, 59.

[8] *Vừa đi đường vừa kể chuyện* - bản Việt văn, tr. 97.

Chương 4
DAVID HALBERSTAM và *Ho*

Nhà báo David Halberstam sinh năm 1934, từng nổi tiếng về các tác phẩm viết về chiến tranh Việt Nam như ***The Making of a Quagmire*** và ***The Best and the Brightest***.

Năm 1964, lúc làm phóng viên cho tờ *Times*, Halberstam được tặng giải Pulitzer về báo chí. Năm 1971 nhà xuất bản Random House, New York phát hành cuốn tiểu sử Hồ Chí Minh của Halberstam với cái tựa vẻn vẹn có hai mẫu tự ***Ho*** dưới bức chân dung Hồ Chí Minh đầy vẻ khắc khổ.

Cuốn sách mỏng 120 trang thu gọn trong 6 chương được tái bản năm 1987. Halberstam dựng lại cuộc đời Hồ Chí Minh dựa phần lớn vào tài liệu trích từ tác phẩm của Jean Lacouture là một trong 10 cuốn mà tác giả tham khảo. Ngoài ra, tác giả cũng trích thêm tài liệu của một số chuyên viên nghiên cứu về Việt Nam như Paul Mus, Bernard Fall, Joseph Buttinger, Robert Shaplen...

Halberstam dành trọn chương đầu nói về bối cảnh xã hội Việt Nam lúc Hồ Chí Minh ra đời, một xã hội bất công do thực dân Pháp tạo nên, với những đặc quyền đặc lợi dành ưu tiên cho người da trắng và giáo hội Công Giáo. Halberstam viết: *"Hầu hết những địa vị ưu thế có đặc quyền đặc lợi đều nằm trong tay người công giáo... Người Tây phương coi người công giáo Việt Nam như là người tốt, có học thức hơn, được rèn luyện kỹ hơn, văn minh hơn, có thể trở thành mẫu mực cho xứ sở trong tương lai. Trái lại, những người Việt Nam khác có vẻ hèn kém; về phần họ, những người này càng ngày càng trở nên chua chát đắng cay, không thể nào nổi lên trong chính xứ sở của mình"*.

Nhận định bao quát hóa đầy tính chủ quan này thường đến rất dễ dàng với không ít người làm công việc phân tích thực tế và do đó người đọc có thể gặp ở nhiều tác phẩm khác. Chẳng hạn trong tác phẩm ***Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại*** của Chính Đạo, người đọc cũng bắt gặp những nhận định tương tự chiếm gần một phần tư tổng số trang của cuốn sách chỉ trích những nhân vật tiêu biểu của tập thể tín hữu công giáo thời ấy như Paulus Hùynh Tịnh Của, Petrus Trương Vĩnh Ký, Ngô Đình Khả, Ngô Đình Khôi, Nguyễn Hữu Bài, Ngô Đình Diệm vv...

Mở đầu chương 2, Halberstam giới thiệu Hồ Chí Minh *"là khuôn mặt phi thường của thời đại - một phần là Gandhi, một phần là Lênin, tất cả là Việt Nam. Có lẽ, hơn bất cứ nhân vật nào trong thế kỷ, ông Hồ là hiện thân cuộc cách mạng của dân tộc ông đối với dân tộc ông và cả đối với thế giới."*[1]

Sau đó tác giả đã để trong ngoặc đơn, nêu nhận xét rằng ngay sau trận Điện Biên Phủ, nhân dân bất bình

với Đảng,nhưng vẫn thận trọng không trách cứ Hồ Chí Minh. *"Cộng sản trách nhiệm về những điều xấu; bác Hồ về những điều tốt."* Cũng ở chương này, tác giả ghi lại lời Hồ Chí Minh tâm sự với nhà báo Mỹ Harold Isaacs: *"Tôi cô đơn lắm, chẳng có gia đình, chẳng có gì... Đã có lần tôi có vợ đấy..."*

Tác giả tiếp tục bày tỏ sự ngưỡng mộ phẩm hạnh của Hồ Chí Minh bằng nhận định Hồ Chí Minh là người không mắc bệnh sùng bái cá nhân như phần lớn các lãnh tụ khác. *"Tito, Stalin, Khrushchev, Mao... hết thảy đều có tật sùng bái cá nhân. Nhưng Hồ thì không..."*[2]

Chương 3 nói về việc Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Cộng Sản, tác giả trích thuật một số đoạn trong một bài viết của Hồ Chí Minh, *Con đường dẫn tôi tới chủ nghĩa Lênin*[3]: *"Một đồng chí trao cho tôi đọc* ***Luận cương về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân*** *của Lênin được công bố trên tờ Nhân Đạo (Humanité)...Tôi quá đỗi vui mừng. Dù chỉ ngồi một mình trong phòng, tôi cũng la lớn lên như nói trước đám đông: "Hỡi các bậc tuẫn tiết, hỡi đồng bào! Đây rồi, điều mà chúng ta cần, đây là con đường giải phóng chúng ta!... Chủ nghĩa Lênin không những là cẩm nang, địa bàn dành cho chúng ta, những người cách mạng và nhân dân; nó cũng là mặt trời rực sáng soi đường dẫn lối tới thắng lợi cuối cùng, tới xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa.*[4]

Cho rằng Hồ Chí Minh thực sự có thanh thế sau khi bỏ phiếu tán thành Đệ Tam Quốc Tế của Lênin và trở nên đảng viên sáng lập đảng Cộng Sản Pháp, Halberstam trích dẫn lời của Bernard Fall khẳng định cuộc đời Hồ Chí Minh đã thay đổi hẳn từ đó. Tất nhiên, bước đầu tiên trên đoạn đường mới này của Hồ Chí Minh là việc rời Pháp sang

Nga năm 1923. Về sự việc này, Halberstam ghi theo lời kể của Trần Dân Tiên rằng Hồ Chí Minh tới Moscow sau khi Lênin đã chết và không nêu ý kiến về những chi tiết trái ngược ghi trong các tài liệu khác.

Để cập tới thời kỳ Hồ Chí Minh hoạt động tại Hoa Nam, Halberstam dựa khá nhiều vào tài liệu của Jean Lacouture và tán đồng hầu hết ý kiến của tác giả này về các giai đoạn đấu tranh theo sách lược Cộng Sản mà Hồ Chí Minh đã thực hiện qua hành động cụ thể là xâm nhập các tổ chức đấu tranh yêu nước của người Việt Nam tại đây[5] để lũng đoạn và chuyển hóa thành tổ chức cộng sản. Halberstam trích dẫn nhận định của Lacouture nhấn mạnh tới hai bước đi giai đoạn trong sách lược của Quốc Tế Cộng Sản, theo đó *giai đoạn đầu đặt nặng mục tiêu cách mạng dân tộc kêu gọi những thành phần ý thức nhất trong mọi giai cấp với dự kiến thiết lập một chế độ dân chủ tư sản và giai đoạn hai nhắm mục tiêu dẫn tới xã hội chủ nghĩa chỉ thực hiện sau khi đã chuyển hóa các điều kiện kinh tế và xã hội, là việc có thể phải mấy thập niên mới đạt được*.[6]

Khác biệt giữa hai tác giả là Lacouture ghi nhận, qua sự việc này, thâm ý cùng sự tuân thủ tuyệt đối của Hồ Chí Minh đối với sách lược giai đoạn do Quốc Tế Cộng Sản hoạch định, trong khi Halberstam hết lời tán tụng tài trí của Hồ Chí Minh. Theo đà tán tụng đó, Halberstam không nhắc đến chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản khi nói về việc thống nhất 3 đảng và liên đoàn Cộng Sản thành Đông Dương Cộng Sản Đảng ngày 3-2-1930 tại khán đài sân vận động Hồng Kông, coi như đây là sáng kiến độc lập của Hồ Chí Minh.[7]

Một điểm khác biệt nổi bất khác so với những tác giả muốn dập xóa nhiều tin tức bất lợi để tạo hình ảnh Hồ Chí Minh phù hợp sự ngưỡng mộ của mình là Halberstam đã xác nhận việc Hồ Chí Minh báo cho mật thám Pháp bắt Phan Bội Châu để lãnh 150 ngàn bạc Đông Dương tiền thưởng.[8]

Halberstam nêu ra bốn lý do để biện bạch việc làm trên là hành vi thể hiện tài trí hơn người của Hồ Chí Minh trong đấu tranh cách mạng:

- Thứ nhất, Hồ Chí Minh thấy rõ cụ Phan đã già nua, lạc hậu, không còn là người của cách mạng nữa.

- Thứ hai, cụ Phan dù bị bắt cũng chắc chắn giữ được mạng sống vì uy tín quốc tế của cụ sẽ khiến người Pháp không dám đem cụ ra xử tử.

- Thứ ba, báo cho mật thám Pháp bắt cụ Phan, Hồ Chí Minh và các đồng chí sẽ nhận được một món tiền lớn vốn rất cần cho việc điều hành đại sự.

- Thứ tư, loại được cụ Phan khỏi sân khấu chính trị, Hồ Chí Minh và các đồng chí sẽ nhanh chóng thu nhận - *pick up* - được rất nhiều thanh niên nhiệt huyết lưu vong đang tập trung xung quanh cụ Phan lúc đó.[9]

Mức tài trí này còn được chứng tỏ thêm bằng sự an toàn của Hồ Chí Minh khi hàng trăm ngàn người bị sát hại trong cuộc thanh trừng đẫm máu vào thời gian Staline tiêu diệt phe cánh Trotsky và cũng là thời gian Hồ Chí Minh từ Hoa Nam trở về sống tại Nga. Halberstam trích dẫn ý kiến của Bernard Fall coi việc Hồ Chí Minh thoát nạn là điều lạ và giải thích vì *"Hồ trung thành vô điều kiện với Stalin và Stalin biết rõ điều ấy."*[10]

Hồ Chí Minh không những sống sót qua cuộc thanh trừng của Staline mà còn được tin cậy để nhận nhiều công tác quan trọng tại Trung Hoa và Đông Nam Á. Năm 1938, Hồ Chí Minh về Hoa Nam làm việc và nghiên cứu học hỏi thêm, rồi mùa đông 1940 cùng với Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp về lập khu giải phóng ở Pac Bó thuộc tỉnh Cao Bằng, đó là lần đầu tiên Hồ bí mật về nước sau 30 năm xa quê hương.[11]

Chương 4 ghi lại hoạt động của Hồ Chí Minh trong việc thành lập phong trào yêu nước, nhưng Halberstam đã dành những dòng đầu nói về việc Hồ Chí Minh đặt tên một ngọn núi là núi Karl Marx và một dòng suối là suối Lênin.

Năm 1942, Hồ Chí Minh bí mật qua Trung Hoa để tìm cách liên hệ với chính phủ Tưởng Giới Thạch. Tuy cải trang như một nhà báo Trung Hoa làm việc ở Việt Nam, Hồ Chí Minh vẫn bị bắt ngay sau khi vừa qua biên giới.

Dịp này, Phạm Văn Đồng báo cáo về là Hồ đã chết!

Theo Võ Nguyên Giáp sở dĩ có sự lầm lẫn chỉ vì Phạm Văn Đồng hiểu lầm hai tiếng Trung Hoa, đọc gần giống nhau nhưng nghĩa trái ngược. (*Thoát rồi* thành ra *Chết rồi*:"*Chu liu! Chu liu! - Xuất liễu! Xuất liễu* (*very fit*) thành ra *Su liu! Su liu! - Tử liễu! Tử liễu!* (*already dead*)". Hồ bị giam 13 tháng.

Về sau Trung Hoa Quốc Dân Đảng muốn dùng lực lượng Việt Minh để lấy tin tức và hậu thuẫn nên thả Hồ Chí Minh và còn tặng 100 ngàn đồng để chi dụng. Với phương tiện cùng kinh nghiệm tình báo và phản tình báo học được từ Liên Xô, Hồ Chí Minh lại quay về nước.[12]

Chương 5, nói về cuộc kháng chiến chống Pháp và trận Điện Biên Phủ.

Hồ Chí Minh về Hà Nội ngày 25-8-1945, sáu ngày sau cách mạng tháng 8. Ngày 30-8-45, thành phần chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được loan báo. Có nhà báo trực tiếp hỏi Hồ Chí Minh có phải Nguyễn Ái Quốc không, Hồ Chí Minh chỉ lửng lơ trả lời mình là người cách mạng đã đấu tranh để giải phóng dân tộc Việt Nam. Halberstam cho rằng như vậy có nghĩa là cái tên chẳng quan trọng gì đối với Hồ Chí Minh.

Tất nhiên khi xác quyết như vậy, Halberstam không đề cập đến sự chống đối Cộng Sản của nhiều đoàn thể chính trị Việt Nam yêu nước, không nói đến thái độ e dè của đại đa số dân chúng trước danh từ Cộng Sản và nhất là, không nhắc lại nỗi kinh hoàng của một số người trước những cuộc bạo động của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh hồi đầu thập niên 30 với khẩu hiệu *"Trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ"* để có thể thấy lúc đó Hồ Chí Minh dù có muốn cũng không dám công khai xác nhận trước dư luận rằng mình chính là Nguyễn Ái Quốc.

Dù vậy, Hồ Chí Minh vẫn không tránh được một khó khăn vào dịp ký kết với Pháp bản thỏa ước 6-3-1946. Dư luận chung đều thấy nội dung thỏa ước dành quá nhiều ưu tiên cho người Pháp trong khi đặt nhẹ quyền lợi của Việt Nam. Halberstam ghi nhận là dư luận đả kích Hồ Chí Minh đã nhượng bộ Pháp quá đáng, thậm chí còn có người cáo buộc Hồ Chí Minh là gián điệp cho Pháp, một kẻ phản quốc.[13]

Hồ Chí Minh bắt buộc phải giải thích và đã khóc khi lên tiếng trước công chúng: *"Tôi, Hồ Chí Minh, đã luôn luôn*

lãnh đạo đồng bào đi theo con đường dẫn tới tự do; tôi đã dùng cả cuộc đời tôi tranh đấu cho tổ quốc được độc lập. Đồng bào biết tôi thà chết chứ không thể phản bội tổ quốc. Tôi thể tôi đã không phản bội đồng bào".[14]

Theo Halberstam, lời lẽ và cách giải thích của Hồ Chí Minh đã được nhân dân hoan hỉ chấp nhận bản thỏa ước![15]

Trấn an được dư luận, Hồ Chí Minh qua Pháp theo dõi hội nghị Fontainebleau. Đây là thời gian tại Việt Nam, Võ Nguyên Giáp, ở cương vị bộ trưởng quốc phòng thay thế Phan Anh, đã dùng *"kỹ thuật tổ chức cứng rắn tuyệt hảo để âm thầm quét sạch các phần tử quốc gia đối địch".*[16]

Sau đó, Võ Nguyên Giáp đưa quân số Việt Minh lên 100 ngàn, riêng tại miền Bắc, Việt Minh đã có 75 ngàn chống với 15 ngàn quân Pháp. Do đó ngày 18-12-1946 Việt Minh có thể khai chiến và dành thắng lợi vào tháng 5-1954. Trước mắt David Halberstam, mọi thủ đoạn mà Hồ Chí Minh và Cộng Sản thi thố để thu phục nhân tâm đồng thời quét sạch các phần tử đối địch gồm hầu hết là người yêu nước đều biểu hiện mức tài trí đáng khâm phục và không thể chê trách, dù đó là những trò xảo trá, dã man kể cả là tội ác đối với dân tộc.

Sự ngưỡng mộ mà Halberstam dành cho Hồ Chí Minh tiếp tục được bày tỏ qua những trang dành nói về cuộc chiến mà Halberstam gọi là cuộc chiến tranh cách mạng, trong đó địch của Pháp ở khắp mọi nơi, còn về phía Việt Minh thì rừng là bạn, đêm tối là bạn, một thôn nữ cũng có thể là mật báo viên của Việt Minh, sẵn sàng chỉ cho biết quân Pháp di chuyển đi đâu, quân số bao nhiêu. Trong chiến tranh cách mạng, Việt Minh lấy ít thắng nhiều,

nhanh chóng tập trung, nhanh chóng rút lui. Đánh vào lúc xuất kỳ bất ý, làm cho đối phương bó buộc phải bám sát lấy đất. Đất trở nên bãi sình lầy, càng ngày càng lún sâu. Và sau này, Mỹ cũng đã sa lầy như Pháp.

Về thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ, theo Halberstam, do Pháp không hiểu địch, lầm tưởng Việt Minh không có đại bác, hoặc giả có đại bác cũng không biết xử dụng. Vì vậy, Pháp định lấy cái thung lũng lòng chảo ở Điện Biên Phủ làm mồi nhử Việt Minh đem quân đến để tiêu diệt. Nhưng ngay khi trận chiến xảy ra ngày 13-3-1954, viên chỉ huy trưởng pháo binh Pháp đã tự tử vì biết mình lầm. Điện Biên thất thủ 56 ngày sau.

Sau hiệp định Genève 1954, Hồ Chí Minh về Hà Nội trên chiếc xe Dodge 4/6, chiến lợi phẩm lấy được của quân đội Pháp, ăn mặc như một nông dân và Halberstam ca ngợi Hồ Chí Minh là anh hùng số một, anh hùng duy nhất của Việt Nam.[17]

Chương 6 cũng là chương cuối được dành nói về thất bại của Mỹ và trích lời tiên tri của Bernard Fall: "*Mỹ đang đi vào vết chân của Pháp...- The Americans... were walking in the same footsteps*" (*as the French*) - dù cựu ngoại trưởng Foster Dulles từng kiêu hãnh nói Mỹ không có tham vọng thực dân như Pháp. Halberstam cho rằng Mỹ đã lầm khi chọn (?) Ngô Đình Diệm (*a bad choice*) vì Ngô Đình Diệm có ít cơ sở chính trị lại thừa hưởng một xã hội chia rẽ đến tuyệt vọng, đồng thời, chê trách chính quyền Ngô Đình Diệm và Mỹ cản trở cuộc tổng tuyển cử dự trù tổ chức vào năm 1956.

Theo Halberstam, chính sách cải cách điền địa của ông Diệm đem số ruộng đất mà Việt Minh lấy của người giầu

chia cho dân nghèo trước kia để hoàn trả các địa chủ là một chính sách nửa vời, làm mất lòng người dân nông thôn.

Khác với Jean Lacouture, Halberstam nhìn nhận năm 1959 Hà Nội gửi quân xâm nhập miền Nam và cuộc chiến tranh Đông Dương thứ II đã bắt đầu từ đó. *"Hầu hết các nhà quan sát đều tin rằng quyết định khai chiến được làm ở Hà Nội và mọi đường đi nước bước, chiến lược đều được hoạch định ở Hà Nội."*

Tất nhiên Halberstam tin là phần thắng sẽ nghiêng về miền Bắc như Bernard Fall từng tiên đoán và giải thích thêm về lý do đưa đến kết quả này là miền Bắc làm cách mạng được nông dân ủng hộ còn miền Nam quan cách, dùng toàn người của Pháp; tướng lãnh thì từ hạ sĩ của Pháp mà lên, cho nên phải thua. (**18**)

Kết thúc cuốn sách, Halberstam ghi Hồ Chí Minh chết ngày 3-9-69 và ca tụng Hồ Chí Minh *"là nhà ái quốc vĩ đại nhất Việt Nam ở thế kỷ 20 - He was the greatest patriot of his people in this century"*.

Điểm nổi bật qua tác phẩm ***Ho*** là quan điểm nghiêng hẳn về một phía của tác giả, chính xác là quan điểm tán trợ phía Cộng Sản. Halberstam đã đồng hóa chủ nghĩa Cộng Sản với tinh thần cách mạng yêu nước và biến tinh thần này thành nền tảng cho mọi chủ trương hành động của Hồ Chí Minh và những người Cộng Sản. Dưới ánh hào quang của tinh thần yêu nước, mọi sự việc thuộc về phía Cộng Sản đều hiện ra rực rỡ trong khi phía đối nghịch luôn bị đẩy chìm vào bóng tối.

Có thể nói không sợ sai lạc bao nhiêu là Halberstam đã trở thành tín đồ cuồng nhiệt của cái Đạo có tên là Hồ

Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam. Cho nên, ngay cả việc bán một người yêu nước được người khắp năm châu kính phục như Phan Bội Châu cho mật thám Pháp, việc tàn sát những người yêu nước khác chính kiến, việc phát động chiến tranh để đẩy dân chúng cả hai miền Nam Bắc vào tóc tang máu lửa suốt hai mươi năm ... đều là những hành vi tài trí đáng ca ngợi.

Dù sao, trên căn bản này, Halberstam đã xác định những sự việc trên thực sự có xẩy ra chứ không tìm cách chối bỏ như một số tác giả khác tuy ngưỡng mộ Hồ Chí Minh nhưng chưa đạt tới độ tôn thờ của một tín đồ sùng đạo như Halberstam.

Chú thích

1-2-4 SĐD tr. 12, 20, 39.

3 Theo Bernard Fall, bài này đăng trên tạp chí Xô-viết "Những vấn đề Đông Phương" tháng 4-1960.

5 Xâm nhập, lũng đoạn tổ chức Tâm Tâm Xã của các đồ đệ Phan Bội Châu để sau đó biến thành tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội.

6 SĐD tr.46, nguyên văn: The first (stage) was basically national, appealing to the most conscientious elements in every class with a view to establish a bourgeois-democratic regime; the second led to socialism only after a transformation of economic and social conditions that might take several decades...

7-9-11-12 SĐD tr. 52, 45, 58, 61, 68.

8 *Từ Thực Dân Đến Cộng Sản* - Hoàng Văn Chí, nói 100,000đ. Xin xem chương chót phần I, về HVC.

13 SĐD tr. 86, nguyên văn: Hồ was accused of being a spy, a French agent, a betrayer.

14 SĐD tr. 87, nguyên văn: I, Hồ Chí Minh have always led you along

the path to freedom; I have spent my whole life fighting for our country's indepen-dence. You know I would rather die than betray the nation. I swear, I have not betrayed you.

15–16 SĐD tr. 87, 91, nguyên văn: using his tough**,** brilliant organizational techniques to quietly wipe out some rival nationalists.

17 SĐD tr. 104, nguyên văn: He was a national hero now, the only one; the country was his.

18 SĐD tr. 113, nguyên văn: By 1964 the ARVN had been defeated by an indigenous peasant army. It was just as Ho had predicted.

Chương 5
BERNARD FALL và *Ho Chi Minh on Revolution*

Trước khi tử nạn ngày 21-2-1967 ở vùng sình lầy ***Dãy Phố Buồn Thiu*** [*] phía bắc Huế, Bernard Fall đã hoàn tất việc chuẩn bị ấn hành 2 tác phẩm được giao cho nhà xuất bản Frederick A. Praeger. Đó là cuốn ***The Two Viet Nams*** sẽ được tái bản và cuốn ***Ho Chi Minh on Revolution*** vừa viết xong.

Bernard Fall, sinh năm 1926, ký giả Pháp, nhưng cha mẹ đều là người Áo gốc Do Thái và là nạn nhân của chế độ Quốc Xã Đức. Năm 1942, khi mới 16 tuổi, Bernard Fall đã gia nhập hàng ngũ kháng chiến Pháp chống Đức, sau đó tốt nghiệp đại học Paris và Munich rồi hoạt động trong lãnh vực báo chí. Ông là một nhà báo đã có mặt trên nhiều chiến trường Việt Nam trước và sau 1954, từng gặp gỡ nhiều nhân vật lãnh đạo cả hai miền Nam Bắc và có một tác phẩm viết rất sớm về Việt Nam là cuốn ***La Rue Sans Joie***. Tác phẩm ***Ho Chi Minh on Revolution*** có lẽ là tác phẩm cuối cùng của Bernard Fall.

Trong tác phẩm này, tác giả đã chọn lựa và giới thiệu phần lớn những văn kiện do Hồ Chí Minh viết từ 1920 đến 1966 dựa theo tài liệu từ bộ ***Hồ Chí Minh tuyển tập*** bằng ngoại ngữ, bố cục thành 5 phần, kèm theo lời bàn và chú thích ở cuối trang như sau:

- 01: Đi tìm sứ mạng 1920-1924.

- 02: Con Đường Quốc Tế Cộng Sản 1924-1930

- 03: Chiến tranh cách mạng và giải phóng1930-54

- 04: Tái thiết và những sai lầm 1954-1960

- 05: Tái chiến 1960-1966

Mở đầu sách, tác giả giới thiệu một nhận định chung về các chính trị gia nổi tiếng thế giới và chia thành 2 loại. Loại thứ nhất gồm những người vừa có khả năng lãnh đạo vừa có văn tài như Julius Caesar, Napoleon I, Winston Churchill và Charles De Gaulle... Loại thứ hai gồm những người chỉ nổi bật nhờ khả năng tổ chức, lãnh đạo như Louis XIV, Tito, Lyndon B. Johnson... Hồ Chí Minh được xếp vào loại thứ hai này với lời diễn giải *"ông ta quá bận bịu về hoạt động, tổ chức, bày mưu tính kế để cuối cùng thành cha già dân tộc - He has been too much the doer, the organizer, the conspirator and, finally, the father of his own country..."*

Trước khi viết ***Ho Chi Minh on Revolution***, Bernard Fall đã hai lần kể tiểu sử Hồ Chí Minh trong các tác phẩm ***Le Viet Minh*** và ***The Two Viet Nams***.[1] Trong ***Ho Chi Minh on Revolution***, Bernard Fall chỉ lập lại những tài liệu và cái nhìn đã có về đối tượng. Bernard Fall cho biết Hồ Chí Minh từng theo học trường Quốc Học, Huế - *"Quốc Học Huế được lập theo sáng kiến của ông Ngô Đình Khả, thân phụ ông Diệm... Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng,*

Ngô Đình Diệm đều là học sinh trường nổi tiếng này. Theo Phạm Văn Đồng thì ông Hồ bỏ Quốc học vào năm 1910 mà không có bằng cấp gì."

Cũng như Jean Larteguy cho rằng cha của Hồ Chí Minh bị bãi chức không vì lý do nghiền rượu và biển thủ công quỹ, Bernard Fall nói cụ Nguyễn Sinh Huy là người yêu nước nhất định không chịu học tiếng Pháp nên người Pháp ghét bỏ mà sa thải. Còn anh chị em của Hồ Chí Minh đều là những nông dân cần cù với đồng ruộng, hoàn toàn xa lánh mọi hoạt động chính trị. Khi viết tác phẩm ***Ho Chi Minh on Revolution***, vào năm 1967, Bernard Fall đã nghe được nhiều nguồn tin nói Hồ Chí Minh có vợ, nhưng tác giả ghi lại là *cả Hồ Chí Minh lẫn những người xung quanh đều phủ nhận hoàn toàn các tin đồn này*.

Đánh giá cao con người Hồ Chí Minh, Bernard Fall nhắc việc giáo sư P. J. Honey của đại học đường Luân Đôn đã ví Hồ Chí Minh với thánh Gandhi của Ấn Độ, khi trả lời một cuộc phỏng vấn truyền hình năm 1966. Tác giả cũng ghi lại chi tiết Hồ Chí Minh được biết tới như một kẻ giả dối, kẻ có tài đóng kịch - *Ho is known to be a talented comedian* - và cho là điều này không đúng, vì *"nếu đúng vậy thì Hồ đã thành công trong việc diễn chỉ một màn kịch duy nhất cho những khán giả gồm từ các người Cộng Sản Tây phương đến các nông dân Việt Nam và cả những sĩ quan mật vụ OSS của Mỹ suốt trong 40 năm mà không một lần bị lộ tẩy."*

Tác giả không tin Hồ Chí Minh có khả năng diễn xuất cao như thế nên tỏ ra đồng ý với Honey. Nhận định của Honey năm 1966 được Bernard Fall lập lại năm 1967 và 4 năm sau, đến phiên nhà báo Mỹ Halberstam đưa vào bức

chân dung Hồ Chí Minh của mình:*"Hồ Chí Minh một phần là Gandhi, một phần là Lenin, tất cả là Việt Nam"*.

Thực ra, người đọc khó nắm vững *cái phần Gandhi, cái phần Lenin,* kể cả *cái toàn thể Việt Nam* mà Halberstam nói bao gồm trong con người Hồ Chí Minh cụ thể là những gì. Riêng Bernard Fall nói rõ là Hồ Chí Minh có sự thẳng thắn bộc trực của Gandhi và cho rằng đặc tính này đã giúp Hồ Chí Minh bảo toàn được uy tín khi chế độ Hà Nội phạm những lỗi lầm khủng khiếp trong chính sách cải cách ruộng đất. Tính thẳng thắn bộc trực đó biểu hiện bằng những giọt nước mắt không cần che đậy và những lời thành khẩn nhận lỗi trước công chúng nên dễ dàng được chấp nhận và tin phục.

Về dư luận chê trách Hồ Chí Minh tán đồng việc chia đôi đất nước ở vĩ tuyến 17 vào tháng 7-1954, Bernard Fall cho rằng thà chấp nhận như thế còn hơn phải đương đầu với một cuộc thế chiến.

Tác giả so sánh hai nhân vật lãnh đạo hai miền Nam - Bắc Việt Nam thời đó với nhận định sau: "*Cả 2 ông Ngô và Hồ đều độc thân và đều được coi như cha già của dân tộc. Nhưng chỉ có ông Diệm nhận chức ấy, vì đó là truyền thống quan lại. Còn ông Hồ thì từ chối không nhận. Chỉ nhận làm Bác mà thôi*".[2]

Bernard Fall không cho biết dựa vào cơ sở nào để xác định như vậy nhưng người đọc có thể thấy rõ tác giả hoàn toàn không biết việc Hồ Chí Minh đã dùng bút hiệu Trần Dân Tiên viết sách nhắc nhở dân chúng suy tôn mình là *cha già dân tộc* và có lẽ cũng không có dịp hiểu rõ về người đang lãnh đạo miền Nam lúc đó.

Phác họa tư tưởng Hồ Chí Minh, Bernard Fall nhận định Hồ Chí Minh có xu hướng quốc gia hơn xu hướng cộng sản và kết luận:*"Nói như một số học giả Tây phương gần đây rằng Hồ để lòng trung thành với chủ nghĩa Cộng Sản trên lòng yêu tổ quốc là không đúng. Thực ra nói ngược lại mới đúng"*

Với Bernard Fall, cuộc gặp gỡ Hồ Chí Minh vào tháng 7-1962 cũng lưu lại một mối thiện cảm đặc biệt. Bernard Fall đã kể lại trong ***Ho Chi Minh on Revolution*** cuộc gặp gỡ đó gần giống như Jean Lacouture từng kể về cuộc gặp gỡ với Hồ Chí Minh năm 1961. Cũng như Jean Lacouture, Bernard Fall được Phạm Văn Đồng tiếp kiến tại Phủ Chủ Tịch và khi đang trò chuyện cùng Phạm Văn Đồng thì Hồ Chí Minh nhẹ nhàng bước vào, tham gia câu chuyện rất tự nhiên cởi mở. *"Hồ ngồi xuống sát bên tôi với nét mặt chợt lóe rạng vẻ đùa cợt, vỗ lên đùi tôi: Vậy ra ông là chàng thanh niên đã quan tâm nhiều đến mọi chi tiết nhỏ nhặt về cuộc đời của tôi đó à? - Hồ sits down next to me, a humourous gleam on his face, and slaps me on the thigh: So you are the young man who is so much interested in all the small details about my life."*

Tác giả chú thích thêm rằng mình từng viết một cuốn sách mang tựa đề ***Le Viet Minh***, trong đó có phần tóm lược tiểu sử Hồ Chí Minh và đoán là Hồ Chí Minh đã biết về cuốn sách đó. Con người luôn được bao phủ bằng huyền thoại đã xuất hiện thật giản dị thân mật và tiếp nối câu chuyện bằng lời lẽ cởi mở như đang tâm sự với một người bạn để nói lên sự mất lòng dân của chính phủ Sài Gòn, sự đánh giá sai của Mỹ về ý chí của nhân dân Việt Nam sẵn sàng chiến đấu lâu dài, dù là hàng chục năm, để bảo vệ đất

nước. Rồi Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *"Chúng tôi sẽ vận động dư luận thế giới ủng hộ chúng tôi chống lại cuộc chiến tranh phi nghĩa chống nhân dân miền Nam Việt Nam."*

Khi Bernard Fall hỏi trong trường hợp có cơ hội, ông có chịu thương lượng để đi đến một giải pháp nào đó không, Hồ Chí Minh đáp là sẵn sàng nhưng chỉ với những người sẵn sàng ngồi cùng bàn với chúng tôi để trò chuyện - *causer.*

Hồ Chí Minh còn tỏ ra hết sức thoải mái cho biết về hình thức hiệp thương giữa hai miền trong tương lai, miền Nam muốn hình thức nào cũng được, kể cả hình thức giao thương như giữa hai nước Đức, mặc dù sự hiện diện của bức tường Bá Linh.

Toàn bộ lập trường của miền Bắc về cuộc chiến đang diễn ra tại miền Nam và các vấn đề liên quan tới Miên, Lào qua lời tuyên bố của Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng đã được Bernard Fall ghi âm để phổ biến trên báo và sau đó, ghi lại trong tác phẩm. Câu hỏi chính của Bernard Fall đặt ra cho Phạm Văn Đồng: *"Xin cho biết những điều kiện để Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa có thể chấp nhận một cuộc dàn xếp xung đột hiện có ở miền Nam?"*

Sau đây là một số lời Phạm Văn Đồng tuyên bố:

"Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã nói khá đầy đủ về vấn đề này, nhưng tôi xin nhấn mạnh mấy điểm sau: Nguồn gốc và nguyên nhân trực tiếp của tình hình cực kỳ nguy hiểm ở miền Nam là sự can thiệp vũ trang của Mỹ và chế độ độc tài của Ngô Đình Diệm do Mỹ dựng nên để dùng làm công cụ cho việc can thiệp."

Tiếp theo, Phạm Văn Đồng xác định những điểm

chủ yếu trong lập trường của miền Bắc đối với tình hình lúc đó:

- *Thứ nhất*: *Ủng hộ lập trường của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam.*

- *Thứ hai*: *Tin tưởng với sự ủng hộ của nhân dân thế giới, miền Nam sẽ ra khỏi hoàn cảnh nguy hiểm.*

- *Thứ ba*: *Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tôn trọng hiệp định Genève, tiếp tục hợp tác với Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến và hy vọng sẽ thành công.*

Về bản hiệp định Genève 1962 trung lập hóa Ai Lao vừa được ký kết, Phạm Văn Đồng cho biết: *"Chúng tôi sẽ tôn trọng hiệp định về Ai Lao và sẽ bằng mọi giá giữ bang giao tốt đẹp với Cam Bốt."*

Phần phỏng vấn Hồ Chí Minh gồm 11 câu đối đáp, trong đó có 3 câu chủ yếu liên quan đến cuộc chiến miền Nam.

- Hỏi thứ 1: *Đây là cuộc chiến ý thức hệ, hay chiến tranh dành độc lập?*

· Đáp: *Mỹ phá hoại hiệp định Genève, lại làm cuộc chiến tranh xâm lược, buộc nhân dân VN phải đứng lên bảo vệ tổ quốc đến cùng.*

- Hỏi thứ 4: *Chủ Tịch có cần chí nguyện quân của phía đồng minh (ý nói Liên Xô và Trung Cộng) và các quốc gia thân hữu không, hay chỉ cần vật liệu hợp thời đại?*

· Đáp: *Muốn đánh Mỹ mạnh như thế, phải dựa vào sức mình đồng thời vận động để có viện trợ đắc lực nhất của quốc tế. Hàng chục vạn chí nguyện quân các nước Xã Hội Chủ Nghĩa và những nước khác đã tuyên bố sẵn sàng cùng chúng tôi đánh Mỹ. Cám ơn họ. Khi cần sẽ kêu gọi họ giúp.*

- Hỏi thứ 5: *Có thể hy vọng ở những hoạt động của nhóm thiểu số được gọi là tự do ở Mỹ không?*

· Đáp: *Chúng tôi cho rằng phong trào ở Mỹ chống* ***cuộc chiến tranh bẩn thỉu này*** *là một hỗ trợ tích cực cho chính nghĩa của chúng tôi. Mặc dầu bị chính quyền bách hại, phong trào này vẫn không ngừng phát triển.*

Ghi lại những lời tuyên bố trên, tác giả không lưu tâm đối chiếu với thực tế để đưa ra một nhận định nào mà chỉ làm công việc lưu trữ chứng liệu về hành vi và lời lẽ trong một thời điểm trên con đường theo đuổi cách mạng của Hồ Chí Minh.

Nhưng cũng có thể hiểu đây là một lối mô tả nhân vật mà Bernard Fall đã lựa chọn theo cách đưa các sự việc và ngôn ngữ của nhân vật ra nói thay cho nhận định của mình. Lựa chọn này không hề gây ngạc nhiên vì Bernard Fall từng khẳng định Hồ Chí Minh là người đặt lòng trung thành với tổ quốc trên lòng yêu chủ nghĩa Cộng Sản. Vì thế, Bernard Fall tỏ ra không hề ngờ vực tính chân xác của những lời nói và có vẻ không hề băn khoăn cân nhắc thêm về thực chất của mọi biến cố đang diễn ra, cụ thể là cuộc chiến tại miền Nam lúc đó.

Cũng vì thế, trong số 85 văn kiện của Hồ Chí Minh được đề cập, Bernard Fall đánh giá chỉ có ***Bản án chế độ thực dân Pháp*** in ở Paris năm 1926 là quan trọng, mặc dù cho biết chỉ gồm mấy tập mỏng lên án chế độ thực dân một cách thô thiển, ngây ngô.[3] Để củng cố cho nhận định Hồ Chí Minh luôn nhắm mục tiêu đấu tranh chống thực dân, giải phóng dân tộc, Bernard Fall viện dẫn thêm dư luận chung tại Á Châu như sau: *"...Tại phần lớn Á châu và theo*

phần đông các nhà chuyên môn về Đông Nam Á thì Hồ được coi như có tinh thần quốc gia trước, rồi mới là người Cộng Sản - hầu như mãi cho đến trận Điện Biên Phủ."

Trong tương quan giữa Hồ Chí Minh với Cộng Sản, Bernard Fall ghi lại vài điểm mốc thời gian và một số văn kiện. *"Hồ đã bỏ phiếu xin gia nhập Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản, chống lại các đảng viên xã hội và trở thành một trong những người sáng lập đảng Cộng Sản Pháp, ngày 30-12-1920."*[4]

Về việc Hồ Chí Minh rời Pháp đi Nga lần đầu, Bernard Fall đưa ra một số chi tiết khác hẳn với các tác giả khác bằng sự khẳng định Hồ Chí Minh tới Nga dự đại hội kỳ 4 của Đệ Tam Quốc Tế từ tháng 11 đến tháng 12-1922 và như vậy từng được gặp Lênin - như báo *Nhân Dân* xuất bản tại Hà Nội đã loan trong số ra ngày 12-5-1961.

Theo Bernard Fall, Hồ Chí Minh cũng được đảng Cộng Sản Pháp phái sang Nga tham dự Đại Hội I của tổ chức Quốc Tế Nông Dân khai diễn ngày 10-10-1923 tại điện Kremlin và đã có dịp gặp nhiều lãnh tụ Đệ Tam Quốc Tế như Radek, Zinoviev, Bukharin, Dimitrov và Trotsky ... Đây là lần thứ nhì, Hồ Chí Minh tới Nga và có mặt tại Mạc Tư Khoa ngày 23-1-1924, hai ngày sau khi Lenin qua đời.

Một bài viết của Hồ Chí Minh đăng trên tờ *Le Paria - Kẻ Cùng Khổ*, số tháng 7-1924, sáu tháng sau khi Lênin chết, nhan đề *Lênin và các dân tộc Phương Đông*, được Bernard Fall trích lại, trong đó Hồ Chí Minh gọi Lênin là thủ trưởng, là lãnh tụ, là thầy của các dân tộc phương Đông, ca tụng Lênin là thiên tài, có đời tư trong sáng, coi rẻ sự sang trọng, một lòng yêu thích lao động để đi tới kết

luận: *"Tóm lại chính sự vĩ đại, sự mỹ miều của bậc thầy này đã ảnh hưởng to tát trên các dân tộc Á châu và thu hút trái tim họ đến với Người".*[5]

Bernard Fall cũng trích một bài viết khác với tựa đề *Lênin và Đông Phương* đăng trên tờ *Le Sifflet* ở Paris ngày 21-1-1926. Trong bài này, Hồ Chí Minh xỉ vả nhóm Đệ Nhị Quốc Tế Cộng Sản là tổ chức tiểu tư sản gồm những tên xã hội chủ nghĩa gian xảo, làm lợi khí cho bọn bóc lột và lừa đảo, đồng thời cổ võ *"Lênin đã mở ra một kỷ nguyên mới, thực sự cách mạng, tại nhiều thuộc địa khác nhau."*[6]

Bản báo cáo của Hồ Chí Minh gửi Đệ Tam Quốc Tế tháng 7-1939 ghi rõ 8 điểm liên quan đến đường lối của đảng Cộng Sản Đông Dương cũng được trích trong ***Hồ Chí Minh on Revolution*** trong đó có điểm 4 mạt sát những người Cộng Sản Đệ Tứ Quốc Tế, chủ trương *"phải tiêu diệt chúng về chính trị"* và điểm 5 chỉ thị cho Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương giữ liên lạc chặt chẽ với Mặt Trận Bình Dân Pháp, *"vì mặt trận này cũng tranh đấu cho tự do dân chủ và có thể giúp đỡ chúng ta"*[7]

Những tài liệu trích dẫn về tương quan giữa Hồ Chí Minh với Đệ Tam Quốc Tế chỉ chủ yếu nhắm đề cao tinh thần quốc gia của Hồ Chí Minh qua sự kiện Hồ Chí Minh chấp nhận gia nhập Đệ Tam Quốc Tế do tin tưởng tuyệt đối ở chủ trương bênh vực các dân tộc bị trị của Lenin

Bernard Fall nhìn nhận rằng bước ngoặt quan trọng nhất trong đời đấu tranh của Hồ Chí Minh là việc gia nhập Đệ Tam Quốc Tế, nhưng xác định Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục là người yêu nước đấu tranh chống thực dân chứ không phải đệ tử trung thành của chủ nghĩa quốc tế vô

sản. Dù vậy, những hoạt động của Hồ Chí Minh trong thời gian ở Trung Hoa và Đông Nam Á được Bernard Fall ghi lại đều cho thấy luôn diễn ra trong vòng chi phối của Đệ Tam Quốc Tế.

Theo Bernard Fall, Đệ Tam Quốc Tế chỉ định Hồ Chí Minh đứng ra tổ chức Liên Đoàn Các Dân Tộc Bị Áp Bức Châu Á là một tổ chức bình phong của Đảng Cộng Sản Nam Hải dự kiến sau này gồm các quốc gia Triều Tiên, Nam Dương, Mã Lai, Ấn Độ, Trung Hoa và Việt Nam. Đảng quốc tế dự kiến này sẽ chi phối mọi hoạt động của các cán bộ cộng sản trong vùng Đông Nam Á cho đến thời gian chín muồi để thành lập các đảng cộng sản tại mỗi nước.**8** Đây là lúc Hồ Chí Minh làm phụ tá và thông dịch cho phái đoàn Borodin cạnh chính phủ Trung Hoa Dân Quốc. Thời gian này, Hồ Chí Minh tận dụng mọi tương quan để mở rộng vây cánh, trong đó có việc chọn các thanh niên Việt Nam nhiệt huyết gửi vào trường Võ Bị Hoàng Phố của Tưởng Giới Thạch. Đích thân Hồ Chí Minh cũng đứng ra huấn luyện và mỗi tam cá nguyệt đào tạo từ 20 tới 30 người trở thành những *chuyên viên khuấy động* (agitators).

Trong khoảng thời gian giữa tháng 1-1925 và tháng 7-1927 (lúc Tưởng Giới Thạch chia tay với cộng sản), Hồ Chí Minh đã đào tạo được 200 cán bộ để đưa về hoạt động tại Đông Dương. "Đối với những kẻ chứng tỏ không đáng tin cậy, hoặc sau khi tốt nghiệp trường Hoàng Phố mà từ chối không theo cộng sản, Hồ dùng một liều thuốc rất công hiệu: sai đảng viên cộng sản tiết lộ danh tánh họ cho tình báo Pháp. Sở an ninh trong nước sẽ tóm cổ họ ngay khi về tới."**9**

Ngày 28/8/1942 đến đầu tháng 10-1943, Hồ Chí Minh bị tướng Trương Phát Khuê của Trung Hoa Dân Quốc bắt giữ với lý do vừa là cộng sản, vừa là gián điệp cho Pháp. Về sau, chính Trương Phát Khuê nói không có chuyện bắt giữ mà chỉ phái Hồ Chí Minh đi Côn Minh thụ huấn theo yêu cầu của giới quân sự Mỹ tại đó.

Bernard Fall quả quyết việc Hồ Chí Minh bị bắt rồi *được Mỹ can thiệp* để tướng Trương Phát Khuê tha là có thật. Bernard Fall kể tiếp là sau khi được tha, Hồ Chí Minh đồng ý hợp tác với tướng Trương Phát Khuê lúc đó là Tư Lệnh Đệ Tứ Chiến Khu Trung Hoa Dân Quốc và là người chủ trương hợp nhất các đoàn thể đấu tranh Việt Nam lưu vong thành một tổ chức cách mạng Việt Nam thống nhất trong đó có sự hiện diện của tổ chức Việt Minh, mặc dù cộng sản bị cấm hoạt động.[10]

Hội nghị thống nhất được triệu tập ở Liễu Châu từ ngày 4 đến ngày 16/10/1943 nhưng không dẫn tới kết quả do đại diện các phe phái liên tục kình chống nhau. Vừa ra khỏi nhà giam, Hồ Chí Minh đã chứng tỏ cho Trương Phát Khuê thấy rằng chỉ có mình mới thực hiện được việc thống nhất các phe thành một lực lượng hữu hiệu và 6 tháng sau đó, tại hội nghị thống nhất được triệu tập từ ngày 25 đến ngày 28/4/1944, Trương Phát Khuê đòi các phe phải dành cho Hồ Chí Minh một ghế bộ trưởng trong "*Chính phủ lâm thời Cộng Hòa Việt Nam*".[11]

Biên Niên Tiểu Sử ghi tháng 8-1944, Hồ Chí Minh được Trương Phát Khuê đồng ý cho rời Liễu Châu trở về Việt Nam. Trương Phát Khuê còn đồng ý cho Hồ Chí Minh chọn đem theo 18 thanh niên tin cậy cùng đi.

Trước khi lên đường, Hồ Chí Minh cam kết với Trương Phát Khuê: "... Điều mà tôi quan tâm hiện nay là độc lập và tự do cho nước Việt Nam chứ không phải là chủ nghĩa cộng sản. Tôi có một lời bảo đảm đặc biệt đối với ông rằng: Chủ nghĩa cộng sản sẽ chưa được thực hiện ở Việt Nam trong vòng 50 năm tới".[12]

Bernard Fall không nhắc tới tài liệu này mà tiếp tục diễn tả tài trí của Hồ Chí Minh.

Theo Bernard Fall, tuy được sự tin cậy của các tướng lãnh Trung Hoa Dân Quốc, Hồ Chí Minh đã lượng đoán được chính những người này cùng với Pháp sẽ là đối thủ khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt. Hồ Chí Minh cũng rất thực tế để thấy là trong tình thế tương lai đó, nếu nhận được sự giúp đỡ của Mỹ sẽ tốt hơn rất nhiều so với sự giúp đỡ từ phía Liên Xô và Trung Cộng.

Vì vậy, mùa đông 1944, Hồ Chí Minh đã tìm cách bắt liên lạc với đại tá Helliwell, là người cầm đầu OSS (tiền thân của CIA) hoạt động ở Hoa Nam, đang có trụ sở tại Côn Minh.

Helliwell bảo OSS chỉ cho Hồ Chí Minh 6 khẩu súng ngắn 38 ly nhưng thực ra các nhóm du kích Việt Minh đã được tăng cường bởi nhiều toán OSS và súng đạn của Mỹ. Theo Bernard Fall, đây là lý do chủ yếu khiến Hồ Chí Minh cố ngăn chặn mọi sự phô trương bộ mặt cộng sản và từ bỏ luôn cái tên Nguyễn Ái Quốc để nhận tên Hồ Chí Minh từ 1944.

Nhiều người Mỹ có quan hệ lúc đó tỏ ra tin tưởng Hồ Chí Minh từ bỏ chủ nghĩa cộng sản, nhất là trước sự trạng Hồ Chí Minh đã được Trung Hoa Dân Quốc hợp tác và hỗ

trợ. Sau ngày 2/9/1945, những người Mỹ này gần như luôn có mặt thân thiện bên cạnh Hồ Chí Minh hoặc các đồng chí của ông ta, trong khi cờ Mỹ tung bay tại nhiều nơi ở Hà Nội. Dư luận dân chúng trong nước và ngay cả một số người Nhật, người Pháp có mặt tại Hà Nội đều nghĩ Việt Minh đã được Mỹ ủng hộ.

Về sau người ta được biết rằng vì tin Hồ Chí Minh được Mỹ ủng hộ nên vua Bảo Đại và những người quốc gia ủng hộ ông mới êm thắm nhường quyền lãnh đạo đất nước cho Việt Minh.[13]

Và, Bernard Fall ghi lại cách hành động sau đó của Hồ Chí Minh: *"Khi thấy rõ Mỹ không còn ủng hộ nữa, Hồ đã quay ngược 180 độ, bắt đầu kêu gọi hợp tác với Pháp. Chính trong thời kỳ này mà Hồ hành động như người Việt Nam trước, như người cộng sản sau. Ông ta quyết tâm làm cho cái Nhà Nước Việt Nam (Dân Chủ Cộng Hòa) sống sót bằng bất cứ giá nào. Nhưng, tuần trăng mật có tính cách thân Tây phương kéo dài chẳng bao lâu. Khi Hồ thương thuyết với Pháp ở Fontainebleau thì đồng chí của ông là Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giầu, Nguyễn Bình, Phạm Văn Bạch thanh toán "các kẻ nội thù của chế độ" gồm các nhà lãnh đạo các giáo phái, các quan lại (N gô Đình Khôi), các nhà trí th ức (như Phạm Quỳnh), nhóm Trotskit, và các người yêu nước chống cộng."*[14] *Đặc biệt về tình hình miền Nam, Bernard Fall viết: "Tại Nam Kỳ, cả hai phía, giáo phái và Việt Minh đã giải quyết thanh toán những phần tử cảm tình của đối phương như sau: Trói lại từng chùm rồi thả xuống sông Mê Kông cho chết trôi ra biển. Thế mà huyền thoại về bác Hồ tốt bụng vẫn tồn tại cho đến ngày nay".*[15]

Tác giả đưa ra một nhận xét hết sức tinh tế: *"Chiến tranh Đông Dương bùng nổ đã đơn giản hóa những khó khăn về chính trị của ông Hồ. Không cần phải đối xử với phe đối lập bằng bàn tay bọc nhung nữa: Cứ việc gọi họ một cách đơn giản là Việt gian."*[16] Bernard Fall không che giấu cảm giác ghê rợn khi nhắc các thủ đoạn thanh trừng, chém giết nhưng có vẻ chấp nhận là hành vi không thể tránh để đấu tranh giải phóng đất nước.

Trong khuôn khổ cái giá bắt buộc phải trả đó của người dân Việt Nam để có độc lập và tự do, Bernard Fall còn trưng dẫn thêm lời kêu gọi sự đóng góp của tất cả mọi người cho chiến thuật *"tiêu thổ kháng chiến"* do Hồ Chí Minh đưa ra: *"Để chiến đấu, chúng ta phải tiến hành phá hoại. Nếu ta không làm, quân Pháp sẽ làm. Nếu nhà chúng ta vững chắc đủ để* dùng làm căn cứ, chúng sẽ vận dụng chiến xa và tầu chiến tấn công chúng ta, và chúng sẽ đốt phá tài sản của chúng ta. Đó là lý do ta phải phá hoại trước khi Pháp có thể chiếm dụng tài sản của chúng ta (...) Ngoài mặt trận chiến binh hy sinh tính mạng cho tổ quốc; sao ta lại tiếc một đoạn đường, một cửa cống hay một căn nhà mà quân Pháp có thể dùng để tấn công tổ quốc?"[17]

Tất cả những hành động đó trước mắt Bernard Fall đều chỉ phản ánh tài năng lãnh đạo của Hồ Chí Minh để đưa đất nước vượt khỏi những thử thách và chiến thắng các kẻ thù. Tác giả kể thêm rằng giữa năm 1956, tinh thần cán binh từ Nam tập kết ra Bắc xuống thấp và họ bất mãn về những bất công mà chế độ dành cho họ. Hồ Chí Minh đã thuyết phục họ bằng *"lá thư gửi các cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc"* đề ngày 19-6-1956. Trong thư, Hồ Chí Minh hứa

cho sửa chữa những sai sót khiến đời sống vật chất và tinh thần của họ mất ổn định đồng thời kêu gọi họ nhịn nhục, thông cảm. Hồ Chí Minh cũng khích lệ họ bằng lời khuyên *"nên tin tưởng ở sự lãnh đạo và sự hùng mạnh càng ngày càng tăng của Liên Xô"* . Ngoài ra, Hồ Chí Minh khẳng định cuộc chiến chống chế độ Ngô Đình Diệm là cuộc chiến có chính nghĩa và miền Bắc càng ngày càng củng cố sẽ là căn cứ vững mạnh cho cuộc chiến đó.

Cũng trong phạm vi đối đầu với những khó khăn, Bernard Fall đã nhắc đến chính sách Cải Cách Ruộng Đất tại miền Bắc 1953-1955. Trong lá thư đề ngày18 -8-1956 gửi nông dân và cán bộ, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh *"sự hoàn thành thắng lợi của Cải Cách Ruộng Đất tại miền Bắc... là một chiến thắng vĩ đại*[18]*..."* Sau lời nhấn mạnh đó, Hồ Chí Minh lên tiếng nhìn nhận đã có những sai lầm đáng tiếc và hứa cho sửa sai. Cuối cùng ông kêu gọi nhân dân đoàn kết quanh đảng và chính phủ để làm cho thôn quê hạnh phúc và phồn thịnh hơn...

Tài năng và sự khéo léo của Hồ Chí Minh còn biểu hiện rõ rệt trước tình trạng chia rẽ trầm trọng giữa Liên xô và Trung Cộng tại đại hội lần thứ 22 đảng Cộng Sản Liên Xô từ tháng 10 đến tháng 11 năm 1961.

Bernard Fall thuật lại khi phái đoàn Trung Cộng giận dữ rời hội trường bỏ về nước, Hồ *Chí Minh đang ngồi sát bên Khrushchev. Ông không dám ngồi nán lại, nhưng cũng không dám bỏ về nước, nên rút lui êm rồi* "rong chơi ở các vùng thuộc châu Âu của Nga, bắt tay mọi người, ôm hôn các em bé giống như đang đi vận động tái cử tại vùng Minks hay Kovno."

Khả năng chinh phục và lôi cuốn của Hồ Chí Minh được Bernard Fall nhấn mạnh trong mấy lời tuyên bố do Hồ Chí Minh đưa ra khi những cuộc oanh kích của không lực Mỹ dồn dập trút xuống miền Bắc từ ngày 7-2-1965 tác động vào tinh thần mọi người. Nhiều cấp lãnh đạo chế độ miền Bắc đã hoang mang chao đảo đẩy nội bộ Đảng vào tình trạng giao động khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng này khiến ngay cả chuyên gia phân tích tình hình nổi tiếng P. J. Honey của Anh Quốc đã nghĩ rằng Hồ Chí Minh đang bị nhóm đàn em thân Bắc Kinh lấn áp. Nhưng đúng lúc đó Hồ Chí Minh lên tiếng và dựng lại tinh thần toàn đảng toàn dân chỉ bằng mấy lời giản dị nhưng mạnh mẽ: "*Chúng ta mạnh vì chúng ta có chính nghĩa, vì nhân dân từ Bắc tới Nam đoàn kết... chúng ta sẽ chiến thắng.*"

Cuối cùng Hồ Chí Minh đã chiến thắng.

Nhưng chiến thắng của Hồ Chí Minh mang lại gì cho đất nước Việt Nam?

Điều này Bernard Fall không lưu tâm có lẽ vì cho rằng nằm ngoài chủ đề tác phẩm. Khi viết ***Ho Chi Minh on Revolution*,** Bernard Fall tỏ ra chỉ tập trung vào ý hướng giới thiệu một con người hành động cố vượt qua những tình thế khó khăn để đạt mục tiêu cuối cùng. Chính vì thế, Bernard Fall đặt nhẹ ngay cả khía cạnh đạo đức của đối tượng để chỉ nêu bật hiệu quả của những hành động và cuối cùng là sự thành công trong mục tiêu đấu tranh giải phóng đất nước.

Bernard Fall khác với các tác giả khác ở điểm nhìn nhận Hồ Chí Minh và các đồng chí đã thẳng tay loại trừ các phần tử khác chính kiến ngay từ thời còn hoạt động ở Hoa Nam

bằng cách đẩy những người này vào tay mật vụ Pháp và gán cho họ hai tiếng Việt Gian để tàn sát trong cuộc chiến sau đó... Trong khi cho rằng Hồ Chí Minh nặng lòng yêu tổ quốc hơn chủ nghĩa Cộng Sản, Bernard Fall cũng nhìn nhận Hồ Chí Minh rất gắn bó với Đệ Tam Quốc Tế và cuộc đời của ông đã đổi hướng do sự gắn bó này.

Thắc mắc khó tránh với người đọc là Bernard Fall tìm ra căn bản nào cho sự kết hợp lòng yêu nước với chủ nghĩa cộng sản, khi chính ông đã có quá nhiều thời gian để hiểu rõ thực tế xã hội tại các quốc gia do cộng sản thống trị từ Nga qua Đông Âu tới Trung Quốc và nhất là chính ông đã nhìn nhận những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất ở miền Bắc Việt Nam là khủng khiếp? Hơn nữa, bản thân Bernard Fall và gia đình từng là nạn nhân của một danh nhân mà Hồ Chí Minh có vẻ dập khuôn theo là Hitler. Có bao giờ Bernard Fall tự hỏi hết thẩy người dân sống trên nước Đức trước năm 1945 đều mong mỏi Hitler sống mãi để phục vụ nước Đức không, dù đời sống của người dân Đức đạt mức rất cao so với cảnh lầm than của người dân dưới chế độ Hồ Chí Minh?

Bernard Fall có thể hợp lý khi chỉ diễn tả tài trí của một con người mà theo ông xứng đáng là một danh nhân, một kẻ phi thường. Nhưng chắc chắn Bernard Fall không bao giờ cho phép mình phát biểu rằng một danh nhân như Hitler là người yêu nước, thương dân, một người đã dành trọn đời cho lý tưởng phụng sự người khác.

Với ***Ho Chi Minh on Revolution***, Bernard Fall đã làm cái điều mà ông không thể làm với Hitler.

Chú thích

[*] Tên một vùng đất phía Bắc Trung Phần Việt Nam do Bernard Fall đặt và cũng là tên một tác phẩm của ông, cuốn **La Rue Sans Joie**, được chuyển sang Việt Ngữ thuở đó.

1 Xin xem **Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê** của Minh Võ , ấn bản 2002, tr. 87- 98.

2-3 SĐD tr. 82, 86

4 *HCM, BNTS* **-** T. I, tr. 105 ghi HCM bỏ phiếu tán thành tham gia Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản lúc 22 giờ ngày 29-12-1920 tại Đại hội Tours tức Đại Hội lần thứ 18 của Đảng Xã Hội Pháp.

5-6-7-8-9 SĐD tr. 40, 55, 140, 93, 93-94

10 Tác giả lầm, Việt Minh lúc ấy chưa phải là mặt trận Việt Minh do cộng sản chi phối hồi 1945, mà là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, do cụ Hồ Học Lãm, người cách mạng quốc gia làm chủ tịch, và chính Hồ Học Lãm là người đầu tiên gọi tắt là Việt Minh, trong đó cũng có một vài phần tử cộng sản tham dự - Theo Hoàng Văn Hoan, hồi ký *Giọt Nước Trong Biển Cả***.**

11 Theo *HCM, BNTS* **-** T. 2, khoảng cuối tháng 10-1943, sau khi ra khỏi nhà giam, Hồ Chí Minh vẫn bị đặt dưới sự giám sát của Đệ Tứ Chiến Khu. Nhưng, chính tướng Tư Lệnh Trương Phát Khuê đã yêu cầu Nguyễn Hải Thần thu nhận và dành cho Hồ Chí Minh vai trò Phó Chủ Tịch của tổ chức Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội do Nguyễn Hải Thần đang làm Chủ Tịch.

12 *HCM, BNTS* **- T. 2, tr. 205.**

13 SĐD tr. 101.

14 Thực ra Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi đã bị giết trong dịp cách mạng tháng 8/1945

15-16-17 SĐD tr. 101, 101, 179

18 *Nguyên văn*: *This is a great victory*.

Chương 6
JEAN SAINTENY và *Face à Ho Chi Minh*

Sau khi dự đám tang Hồ Chí Minh với tư cách nhà ngoại giao Tây phương duy nhất, Jean Sainteny bắt đầu viết cuốn ***Face à Ho Chi Minh*** (*Éditions Seghers, Paris, 1970*).

Cuốn sách được Herma Briffault dịch ra Anh ngữ với tựa đề ***Hồ Chí Minh and his Việt Nam, a personal memoir*** được Cowles Book Company, Inc. xuất bản tại Chicago, Hoa Kỳ năm 1972. Phần trích dẫn ở đây là theo bản Anh ngữ.

Tưởng cũng nên nhắc là trước đó 5 năm, tác giả đã viết một tác phẩm đáng chú ý là *Histoire d'une paix manquée - Chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ* - Fayard xuất bản 1967.

Theo nhà xuất bản, Sainteny là nhà ngoại giao Tây phương biết rõ nhất về Hồ Chí Minh. Ông là người đã gặp Hồ Chí Minh nhiều lần, là người thương thuyết với Hồ Chí Minh ròng rã 6 tháng để đi đến thỏa ước 6/3/1946 mang chữ ký của ông.

Khi Hồ Chí Minh tới Pháp theo dõi cuộc thương thuyết Fontainebleau giữa hai phái đoàn Việt Pháp, tác giả cũng là người nhận lệnh của chính phủ Pháp đón tiếp và chu cấp mọi tiện nghi. Sau hiệp định Genève 1954, Sainteny là sứ giả Pháp giao dịch với miền Bắc để tìm cách duy trì một số cơ sở văn hóa, kinh tế tại đây, nhưng không thành công.

Sainteny ghi rõ ông không có tham vọng viết sử mà chỉ trình bày một số sự việc do ông biết về Hồ Chí Minh như một chứng nhân để cung cấp tài liệu sống và kinh nghiệm cá nhân cho các nhà chép sử sau này.

Ngay trong lời nói đầu, tác giả không che giấu cảm tình của mình qua lời diễn tả đã muốn rơi lệ vào lúc nghiêng mình bên quan tài Hồ Chí Minh.

Sainteny không phủ nhận ảnh hưởng của cộng sản đối với Hồ Chí Minh và cho biết ngay khi mới tới Pháp, Hồ Chí Minh đã say mê đọc Marx, kể cả tác phẩm đồ sộ ***Tư Bản Luận***.*"Chẳng bao lâu nó đã là cuốn sách gối đầu giường, người bạn ban đêm của ông Hồ. Ông ta hoàn toàn gắn bó với chủ nghĩa cộng sản. Ta có thể nói điều này một cách chắc chắn."*[1]

Nhưng tác giả viết:*"Hồ cũng như Mao đã trở thành cộng sản ngay từ năm 1917. Tuy nhiên đối với ông ta, cộng sản ban đầu phần lớn chỉ là phương tiện để đạt mục đích dành độc lập cho tổ quốc. Không biết bao lần người ta đã hỏi tôi "ông Hồ quốc gia hay cộng sản?" Câu trả lời của tôi luôn vẫn thế: "Cả hai".*[2]

Tuy nhiên, tác giả biết rõ nhiệm vụ mà Quốc Tế Cộng Sản đã trao cho ông Hồ Chí Minh và khẳng định: *"Tại Quảng Đông, ông Hồ coi phòng báo chí của tòa lãnh sự Liên*

Xô, nhưng sứ mạng chính của ông là chuẩn bị tuyên truyền và hành động cho cộng sản ở Đông Dương".[3] Ông còn ghi năm 1928, Hồ Chí Minh tới Thái Lan phụ trách 2 loại công tác trên của cộng sản ở vùng Đông Nam Á, Mã Lai Á, Thái Lan, Miến Điện và dĩ nhiên Đông Dương.

Trang 28, tác giả cho biết Hồ Chí Minh đã được giao phụ trách huấn luyện cho quân Quốc Dân Đảng Trung Quốc về du kích chiến vào năm 1938, khi mà hai phe Quốc - Cộng Trung Hoa lại một lần nữa tạm liên hiệp để chống Nhật xâm lăng.

Sainteny trưng dẫn và đồng ý với phát biểu của *"đồng chí Ducroux"*: *"Tôi không phủ nhận ông ta là người theo chủ nghĩa quốc tế (cộng sản) chân thành và là nhà cách mạng đích thực, nhưng Việt Nam luôn chiếm vị trí hàng đầu đối với ông -...I don't deny that he was a sincere internationalist and a true revolutionary, but Việt Nam always took first place for him".*[4]

Tác giả dành riêng 15 trang của chương 6 nói về những cuộc đàm thoại giữa mình với Hồ Chí Minh với lời mở đầu: *"Ngay khi vừa gặp lần đầu ngày 15-10-1945, tôi cũng như tướng Allessandri và Léon Pignon, đều tin chắc Hồ Chí Minh là một nhân vật thượng thặng."*

Qua hàng loạt hội kiến sau đó kéo dài 6 tháng, tác giả đã có một nhận định tổng quát về con người, về lập trường cũng như chiến lược sách lược đấu tranh bằng thương thuyết của Hồ Chí Minh. Đại khái trước tình hình khó khăn do sự hiện diện của quân đội Trung Hoa Dân Quốc tại miền Bắc vĩ tuyến 16 mang theo về các đảng quốc gia gồm Đại Việt, Việt Cách và nhất là Việt Quốc, Hồ Chí Minh đã phải khéo léo tranh thủ cảm tình của người Pháp

- Đã rõ là ông Hồ không thể loại bỏ mối đe dọa từ phía Trung Hoa mà không có sự ủng hộ của Pháp.

Về điểm này quyền lợi của hai bên Việt Pháp gặp nhau.[5] Tác giả cho biết không hề ảo tưởng là Hồ Chí Minh nhượng bộ nhiều, vì ông ta có những điểm cần phải bảo vệ một cách quyết liệt và viết tiếp:*"Khi những mưu tính của ông ta hay đồng chí của ông ta, hoặc chính bản thân ông ta bị đe dọa, ông ta sẽ không do dự dùng những cách tàn bạo. Về phương diện này, ông ta hoàn toàn thuộc về cái thứ châu Á quá nhiều mâu thuẫn, ở đó người ta áp dụng những hình thức tra tấn cực hình tinh vi nhất tiếp theo những nghi thức xã giao rất ư ngọt ngào"*[6].

Liền sau đó, Sainteny cho thấy sự uyển chuyển của Hồ Chí Minh khi ứng phó với tình thế khác hẳn thái độ cố chấp cứng ngắc của những người Việt Nam đấu tranh yêu nước lúc đó: *"Để đạt mục đích đối với chúng tôi, Hồ Chí Minh đủ sáng suốt để không đòi hỏi quá nhiều như một số đối thủ của ông ta. Trong khi những người này đòi độc lập hoàn toàn và tức khắc như điều kiện tiên quyết để thương thuyết thì Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng bằng lòng với sự độc lập tương đối, chấp nhận một thỏa hiệp hòa nhã với nước Pháp để rồi chẳng bao lâu sau nước ông sẽ được độc lập hoàn toàn."*

Tác giả tỏ ra tán đồng sự uyển chuyển này và nghĩ rằng Hồ Chí Minh vẫn không quên mục tiêu giành độc lập cho đất nước: *"Tại sao chúng ta lại phải nghi ngờ lòng thành thực của ông ta? Ông ta đã chờ 35 năm, và có thể chờ thêm dăm năm nữa có sao. Kiên trì là đức tính của Á Đông mà."*[7]

Khi nói về đòi hỏi quá nhiều của những người quốc gia *"đối thủ của Hồ Chí Minh"*, có lẽ tác giả nhớ lại Nguyễn

Tường Tam mà ông gặp qua trung gian một sĩ quan Việt tên Phác, khi mới đến Côn Minh để đảm nhận trọng trách "Phái Bộ 5". Nguyễn Tường Tam đã cảnh cáo người Pháp về *quyết tâm kinh khủng* của đồng bào ông là phải thoát ngay ách đô hộ của người Pháp. Còn Hồ Chí Minh sau đó đã gửi cho phái bộ này bức điện văn 5 điểm trong đó có điểm 2 như sau:*"Nền độc lập phải được trao trả trong thời hạn 5 năm hay tối đa 10 năm"*[8]

Chương 10, nói về tôn giáo, Sainteny gần như không mảy may nghi ngờ về việc Hồ Chí Minh đóng kịch khi nói đến Thượng Đế một cách kính cẩn. Trong khi tạm trú ở Biarritz để chờ được đón tiếp chính thức bởi chính phủ mới của Pháp lúc ấy chưa lập xong, Hồ Chí Minh đã đề nghị được đi thăm viếng Lộ Đức[9] và *"đã tỏ ra rất cung kính và thích thú khi được Đức Cha Théas đón tiếp tại đây."*[10]

Sainteny cũng nhắc lại lá thư riêng của Hồ Chí Minh gửi cho mình ngày 24-2-1947, trong đó Hồ Chí Minh hy vọng Thượng Đế sẽ giúp hai người thành công trong nỗ lực mưu tìm hòa bình. Tác giả viết: *"Ông Hồ xin Thượng Đế chứng giám cho là cả hai chúng tôi không ai có trách nhiệm về cuộc chiến đã tàn phá đất nước ông từ ngày 19-12-1946."*

Sainteny ghi lại ý nghĩ của mình là Hồ Chí Minh không cần giả vờ nhắc đến Thượng Đế trong dịp này.*"Để đánh lừa ai? Chắc chắn không phải tôi. Và, ông ta cũng biết chắc chắn là tôi không công bố lá thư đó."*

Sainteny hoàn toàn đúng khi nghĩ Hồ Chí Minh biết chắc chắn sẽ không có việc công bố lá thư và vì thế Hồ Chí Minh sẽ không cần giả vờ để đánh lừa bất kỳ ai.

Nhưng khi xác quyết Hồ Chí Minh không nhắm đánh lừa mình - *chắc chắn không phải tôi* - Sainteny đã chứng tỏ

là chủ quan tới mức lầm lạc. Đặt lên bàn cân việc chinh phục lòng tin của một người như Sainteny và chinh phục lòng tin của hàng trăm, thậm chí hàng ngàn người Pháp khác không ở cương vị của Sainteny lúc đó thì vấn đề đã dễ dàng sáng tỏ. Sainteny không lưu tâm so sánh và còn nhắc thêm một câu do Hồ Chí Minh viết trong di chúc về việc ông ta *sẽ đi gặp Các Mác và Lênin*, để cho rằng Hồ Chí Minh thực sự tin ở đời sau. (!)

Thực ra, cảm tình mà Sainteny dành cho Hồ Chí Minh đến mức tin rằng mình không bị gạt hoàn toàn không gây ngạc nhiên khi người ta biết về cung cách giao tiếp của Hồ Chí Minh và biết rõ Sainteny là người có nhiều dịp đặc biệt cùng Hồ Chí Minh gặp gỡ kể từ 1945. Lần cuối Sainteny gặp Hồ Chí Minh là tháng 7-1966. Lần gặp này, Sainteny cho biết, Hồ Chí Minh rất mãn nguyện vì được đọc thư của tướng De Gaulle là người mà dịp qua Pháp 1946, Hồ Chí Minh rất muốn gặp nhưng không được.

Sainteny kể lại là Hồ Chí Minh cười thoải mái khi đọc đến câu De Gaulle "*giới thiệu*" Sainteny. - "*Giới thiệu ông với tôi! Đâu có cần. Chúng ta đã biết nhau nhiều mà... Đừng gọi tôi là chủ tịch nữa. Giữa chúng ta mấy tiếng đó thật buồn cười!...*"

Cung cách tiếp xúc với lời lẽ thân mật đó đủ tạo một ấn tượng tốt với người đối diện và tất nhiên dễ chinh phục sự tin tưởng về các vấn đề được nêu ra.

Trong tương quan với Hồ Chí Minh, Sainteny còn được dành một ưu tiên đặc biệt là bất cứ lúc nào cần đều có thể gặp mặt. Sự biệt đãi này khiến Sainteny luôn hãnh diện vì được Hồ Chí Minh coi như bạn. Suốt nhiều năm qua lại

Hà Nội, chỉ một lần duy nhất Sainteny không được Hồ Chí Minh đích thân ra đón. Đó là lần Sainteny tới với tư cách đại diện toàn quyền Pháp tại miền Bắc Việt Nam. Lần đó, Sainteny hơi cảm thấy buồn, nhưng về sau được biết là Hồ Chí Minh đang đau nên hoàn toàn an tâm về tình bạn đã có.

Với tư cách nhà ngoại giao lão luyện và ở cương vị đặc biệt để nắm vững nhiều biến cố, Sainteny đã đề cập tới nhiều hành vi nham hiểm, tàn ác mà Hồ Chí Minh và các đồng chí theo đuổi đối với kiều dân Pháp tại Việt Nam. Chính Sainteny đã là nạn nhân và bị thương nặng ngay đêm 19-12-1946.[11] Sainteny cũng nắm vững cả việc Hồ Chí Minh mượn tay Pháp tiêu diệt các đảng đối lập. Nhưng tình cảm bạn bè đã dập tắt mọi ý nghĩ ngờ vực chê trách và đôi khi còn thúc đẩy Sainteny bày tỏ sự tán trợ.

Trong lần gặp gỡ cuối cùng, hai người đề cập tới cuộc chiến khốc liệt đang diễn ra tại miền Nam và mức độ oanh tạc leo thang của Mỹ tại miền Bắc. Hồ Chí Minh tỏ ra rất tự tin, tâm sự với Sainteny rằng "*nước Mỹ có thể xóa sạch thành phố này cũng như nhiều thành phố khác của Việt Nam nhưng không làm chúng tôi lay chuyển đâu. Ông biết đó, chúng tôi đã có kinh nghiệm và ông đã thấy chiến cuộc kết thúc ra sao.*"

Sainteny cho là Hồ Chí Minh có ý nhắc tới trận Điện Biên Phủ nhưng ông không cảm thấy mỉa mai chua xót và cũng không nghĩ rằng Hồ Chí Minh có ý khoe khoang hay châm chọc.[12]

Ý nghĩ không thay đổi của Sainteny là trách cứ các chính phủ Pháp không chịu trao trả độc lập cho Việt Nam, như người Anh đã làm với Ấn Độ năm 1948.

Sainteny xác định không có tham vọng làm công việc chép sử nên ông thoải mái phơi trải cảm xúc cá nhân. Với tư cách nhà ngoại giao từng một thời có mặt tại Việt Nam, ông cung cấp khá nhiều tài liệu về những biến cố đã xẩy ra. Riêng về xu hướng tư tưởng của Hồ Chí Minh, ít nhất Sainteny cũng xác định một điều là Hồ Chí Minh say mê chủ nghĩa Cộng Sản, chọn ***Tư Bản Luận*** làm sách gối đầu giường và đọc Karl Marx một cách ngấu nghiến**.** (**13**)

Cảm giác còn lại rõ rệt sau khi đọc tác phẩm của Sainteny là sức mạnh lấn át của tình cảm so với nhận thức hiện ra thật rõ ràng, kể cả với những người thường xuyên phải vận dụng lý trí.

Chú thích

1-2-3-4 SĐD tr. 18, 20, 23, 34

5 SĐD tr. 55, nguyên văn: *It is clear that HCM could not eliminate the Chinese menace without French support. On this point our interests coincided.*

6-7 SĐD tr. 57.

8 *Histoire d'une paix manqu***é**e**,** Fayard, Paris, 1967, tr. 66- 68.

9 Một thánh địa ở Tây Nam nước Pháp, nơi Đức Bà Maria, năm 1858 đã hiện ra với một thiếu nữ quê mùa (sau được Giáo Hội phong thánh là thánh Bernadette) và làm nhiều phép lạ.

10 SĐD tr. 132.

11 Trang cuối cùng tác phẩm *Histoire d'une paix manquée* (Fayard 1967, tr. 147), Sainteny viết: "*20 giờ đúng. Thành phố chìm sâu trong im lặng. Đồng hồ bệnh viện Yersin điểm 8 tiếng trầm chậm. Tôi bảo mấy cộng sự viên: "Hình như chưa phải tối nay đâu. Tôi đi về nhà cái đã." Tôi vừa vào trong xe thì nghe tiếng nổ bụp, và bỗng cả thành phố chìm trong bóng tối. Nhà máy đèn trung ương vừa phát nổ. Lúc ấy là đúng 20 giờ 04...đêm 19-12-1946, cũng y hệt đêm 9-3-1945 cũng đúng 20 giờ 04, trong cùng một giờ, cùng một hoàn cảnh, dân Việt Nam, những học trò*

đời đời ngoan ngoãn đã thực hành bài học mà những ông thầy Nhật Bổn đã dạy họ 21 tháng trước đó. Đàng khác, một vài kẻ trong số những ông thầy đó giờ đây cũng ở đâu đó không xa."Những phát súng đầu tiên như pháo rang xé toang bóng đêm bao trùm thành phố, chôn vùi những cố gắng và hy vọng của chúng ta."

Và hai trang sau là phần viết tiếp của nhà xuất bản đã cho biết về tình trạng của tác giả: "*Chiếc xe có gắn đại liên chở Sainteny đã cán mìn cỡ nặng, bắn tung lên, đốn ngả cây cối bên đường và biến mặt tiền của một cửa hiệu thành tro bụi. Nó bốc cháy trong cơn mưa lựu đạn.... Sainteny cố thoát ra được khỏi xe. Các người khác cùng lần lượt ra được. Nhưng kẻ thì hấp hối, đầu tựa vào đầu gối tác giả, ngườoi thì toàn thân như bó đuốc, phải chữa trị nhiều tháng trong bệnh viện. Riêng tác giả bị thương nặng ở lưng và hông phải nát bấy. Ông được giải phẫu ngay đêm đó và chỉ ít ngày sau đã cố trở lại nhiệm sở bằng xe cứu thương!...*

12 SĐD tr. 164**.**

13 *Histoire d'une paix manquée* tr. 179, nguyên văn: *Il dévore Karl Marx.*

Chương 7
TƯỞNG VĨNH KÍNH và *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*

Nguyên tác Hoa ngữ của tác phẩm *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc* chỉ được xuất bản lần đầu tại Đài Bắc năm 1972, nhưng trước đó 5 năm đã xuất hiện bản dịch Anh Ngữ của nữ dịch giả Margaret Chen vào tháng 6-1967. Năm 1999 mới có bản dịch Việt ngữ của Thượng Huyền.

Cước chú từng trang cho thấy Tưởng Vĩnh Kính tham khảo rất nhiều tác giả Pháp, Mỹ như Charles B. McLane, Jean Lacouture, Philippe Devillers, Joseph Buttinger, Robert Shaplen, Ellen Hammer, I. Milton Sacks... và nhiều tác giả Việt Nam trong số có Trần Dân Tiên mà lúc đó chưa ai biết là bút hiệu của Hồ Chí Minh. Tác giả cũng nhắc tới các nhân vật thân cận với Hồ Chí Minh như Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Khánh Toàn...

Một số nhân vật Việt Nam khác được nhắc nhiều lần như Nghiêm Kế Tổ, Hoàng Văn Chí. Hoàng Văn Chí và

Julie How là những người từng có thư từ liên lạc với tác giả. Nhưng tác phẩm của Tưởng Vĩnh Kính dựa phần lớn vào tài liệu của văn khố Trung Hoa Quốc Dân Đảng với những báo cáo của Julie How, Trương Phát Khuê, Tiêu Văn, Hình Sầm Châu, Trịnh Học Giá...Vì phần lớn tài liệu được sử dụng là tài liệu trong văn khố Trung Hoa Quốc Dân Đảng nên tập trung khá nhiều vào thời kỳ hoạt động của Hồ Chí Minh tại Trung Quốc từ 1925 đến 1945. Trong khoảng thời gian này, Hồ Chí Minh lui tới Trung Quốc ít nhất 5 lần và ở lại đây ít nhất 10 năm.

Qua 375 trang sách, TưởngVĩnh Kính thuật lại nhiều chi tiết về cuộc đời và hoạt động của Hồ Chí Minh trong những năm sống tại Trung Quốc và xác định Hồ Chí Minh luôn luôn vì chủ nghĩa Quốc Tế Cộng Sản - tức Liên Xô - vì lúc nào cũng làm theo lệnh và báo cáo cho Bộ Phương Đông[1] Đệ Tam Quốc Tế. Theo Tưởng Vĩnh Kính, việc Hồ Chí Minh dành được tình thân và lòng tin của một số giới chức Trung Hoa như Trương Phát Khuê hay bà Tống Khánh Linh, phu nhân của lãnh tụ Tôn Dật Tiên... không do ý hướng đấu tranh phụng sự đường lối cách mạng quốc gia mà do những thủ thuật giao tiếp.

Hồ Chí Minh đã khôn khéo ứng phó với từng trường hợp để tìm điều kiện che chở cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu chính trị bí mật nhận lãnh từ Đệ Tam Quốc Tế. Đây cũng là cách thức mà Hồ Chí Minh tiếp tục vận dụng vào những thời điểm cần tỏ ra thân Mỹ hay thân Pháp để tạo điểm tựa cho việc giành quyền lãnh đạo và triệt hạ các thành phần đối lập, dù đó là những phần tử yêu nước như các nhà cách mạng thuộc các đảng Việt Cách, Việt Quốc và Đại Việt...

Nơi trang 116, Tưởng Vĩnh Kính nêu lên 5 điểm chứng tỏ Hồ hoạt đồng dưới sự điều khiển chặt chẽ và theo đúng kế hoạch của Đệ Tam Quốc Tế. Hai tổ chức mà Hồ Chí Minh thường liên hệ trong những năm 1929-1930 là Phòng Bí Thư Hội Công Chức và Công Nhân Thái Bình Dương (từ 1930-1931 do Viễn Đông Cục quản lý) và Viễn Đông Cục của Đệ Tam Quốc Tế ở Thượng Hải, ban đầu do Pavel Mif về sau do Hilaire Noulens điều hành.

Hồ Chí Minh cũng giúp Noulens điều hành Nam Dương Cục từ ngày 3-3-1930 đến tháng 6-1931 bao gồm các nước Nam Dương, Mã Lai, Xiêm.

Nhiều tác giả khác đều cho biết Hilaire Noulens là người trực tiếp điều khiển Hồ Chí Minh tại Thượng Hải trong một thời gian. Noulens là người ra chỉ thị cho Hồ Chí Minh và nhận báo cáo của Hồ Chí Minh sau khi hoàn thành công tác.

Dựa vào những chứng nhân người Trung Hoa và tài liệu trong văn khố Quốc Dân Đảng, Tưởng Vĩnh Kính cho biết hoạt động chủ yếu của Hồ Chí Minh trong giai đoạn ở Hoa Nam là dựa vào uy tín các nhà ái quốc Việt Nam, kết thân với một số giới chức Trung Hoa để dễ dàng xâm nhập các tổ chức cách mạng Việt Nam tại đây.

Hồ Chí Minh không gia nhập với mục đích góp phần đẩy mạnh hoạt động đấu tranh giải phóng đất nước mà trước hết, tạo bình phong che giấu hình tích, và kế đó là đạt các mục tiêu mà Đệ Tam Quốc Tế đang nhắm.

Mục tiêu cụ thể trong thời điểm đó của Đệ Tam Quốc Tế là vừa khai thác vừa lũng đoạn phá hoại các tổ chức này để tạo đà phát triển ảnh hưởng cộng sản. Hồ Chí Minh

mượn các tổ chức này để trình diễn bộ mặt yêu nước đồng thời lôi cuốn người của các tổ chức này gia nhập hàng ngũ cộng sản, và nếu được, sẽ biến các tổ chức này thành tổ chức cộng sản.

Nhận định của Tưởng Vĩnh Kính phù hợp với tiết lộ của Hoàng Văn Hoan, một nhân vật thân cận với Hồ Chí Minh nhiều năm, về giai đoạn Hồ Chí Minh tham gia tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của các nhân vật Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần...

Theo Hoàng Văn Hoan, Việt Minh vốn là tên gọi tắt của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội mà Hồ Chí Minh đã tham gia và sau đó biến thành tên gọi của phong trào cộng sản Việt Nam vào năm 1945 mà mọi người đều biết là Mặt Trận Việt Minh.

Tưởng Vĩnh Kính xác nhận hai chữ Việt Minh là viết tắt của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội từng hoạt động từ lâu trước tháng 5-1941 do Hồ Học Lãm lãnh đạo. Về sau, tổ chức này cùng một số tổ chức khác kết hợp thành Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội của nhiều nhân vật như Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công ...*"Hồ gia nhập Cách Mạng Đồng Minh Hội, một mặt là do đã ngụy trang thành công, được cá nhân tướng Trương Phát Khuê tín nhiệm, mặt khác là được các phần tử tả khuynh Trung Quốc âm thầm hỗ trợ từ bên trong."*[2] và "*Một năm sau, khi Hồ Chí Minh tỏ thái độ "hợp tác" và gia nhập Cách Mệnh Đồng Minh Hội, lúc bấy giờ các đảng phái Việt Nam theo chủ nghĩa dân tộc mới thực sự bị đẩy vào một tình huống "khốn đốn".*[3]

Tóm lại, Tưởng Vĩnh Kính đánh giá toàn bộ hoạt động của Hồ Chí Minh suốt thời gian ở Hoa Nam chỉ là xâm

nhập để đánh phá các tổ chức cách mạng dân tộc yêu nước, bởi cộng sản theo đuổi việc nắm độc quyền lãnh đạo các lực lượng đấu tranh nên đã coi các tổ chức này là kẻ địch. Tình huống khốn đốn mà Tưởng Vĩnh Kính nhắc tới được khắc họa bằng hai hình ảnh: hoặc bị sang đoạt đổi tên thành tổ chức công cụ ngoại vi của Cộng Sản hoặc lâm cảnh bị kích động chia rẽ rồi tàn lụi.

Mục tiêu và ý hướng đó đã được Tưởng Vĩnh Kính nhắc lại qua những ghi nhận về thái độ của Hồ Chí Minh đối với cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930: *"Ông Hồ rất vui mừng thấy Việt Nam Quốc Dân Đảng thất bại. Điều đó phản ảnh rõ trong ngữ khí của ông ta khi bình luận về cái thu hoạch được của Cộng Sản Việt Nam như sau: "Từ sau cuộc khởi nghĩa đó, giai cấp tư sản (chỉ Việt Nam Quốc Dân Đảng) đã mất tất cả ảnh hưởng trong cuộc vận động giải phóng dân tộc; và giai cấp công nhân cùng quần chúng nông dân lao động được tổ chức lại trong đảng tự do (chỉ Cộng Sản). Đảng trở thành người lãnh đạo duy nhất của cuộc cách mạng chống chủ nghĩa đế quốc."*[4]

Đây là thời kỳ hoạt động mà về sau Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam luôn diễn tả sai lạc hoặc xóa bỏ bằng sự khẳng định Mặt Trận Việt Minh được Hồ Chí Minh cho ra đời tại Pác Bó. Các tác giả Cộng Sản Việt Nam sau này, ngoại trừ Hoàng Văn Hoan, đều ghi rằng Mặt Trận Việt Minh thành lập vào tháng 5-1941 theo sáng kiến của Hồ Chí Minh lúc đó còn mang tên Nguyễn Ái Quốc.[5]

Trọn chương 4 của tác phẩm được tác giả dành kể về hành động cụ thể của Hồ Chí Minh tại Quảng Châu trong nỗ lực ngụy trang bằng chủ nghĩa dân tộc và cách thức

xâm nhập hàng ngũ những người yêu nước Việt Nam cũng như hàng ngũ Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Tháng 1-1926, nhân dịp đại hội Trung Hoa Quốc Dân Đảng, Hồ lấy tên Lý Thụy đã gửi thư xin được tới trình bày về tình hình ở Việt Nam. Tưởng Vĩnh Kính cho biết *"Hồ đã tiếp xúc với Trung Hoa Quốc Dân Đảng, giống như kế hoạch của Trung Cộng là cố nắm trong tay cuộc vận động chủ nghĩa dân tộc."*

Tưởng Vĩnh Kính nhắc tới một số người hoạt động với Hồ Chí Minh đã có nhiều hành vi phản bội cách mạng như Lâm Đức Thụ, Vũ Anh, Lê Tùng Anh, Nguyễn Văn Thiều ... Lâm Đức Thụ được Hồ Chí Minh đưa lên thay Hồ Tùng Mậu trong vai trò lãnh đạo Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội tại Hương Cảng chính là kẻ giao nộp hình ảnh, tin tức hoạt động của nhiều người đấu tranh cho mật thám Pháp - *"Thụ là người từng hợp mưu với Hồ Chí Minh bán cụ Phan Bội Châu cho Pháp năm 1925".*[6]

Theo Tưởng Vĩnh Kính, người đầu tiên Hồ Chí Minh tìm gặp khi đến Côn Minh là Vũ Anh có bí danh Trịnh Đông Hải vốn cùng với Nguyễn Văn Thiều, Lê Tùng Anh là những kẻ *"vẫn giữ liên hệ với lãnh sự quán Pháp một cách âm thầm"* đã phản bội Việt Nam Quốc Dân Đảng khiến các nhân vật Trương Nguyên Minh, Vũ Hồng Khanh, Đào Quang Bào bị nhà cầm quyền Quốc Dân Đảng Trung Hoa trục xuất.

Tất nhiên việc tranh thủ tình cảm và lòng tin của chính quyền Trung Hoa Dân Quốc là điều Hồ Chí Minh hết sức chú trọng. Vì thế, Hồ Chí Minh đã cùng đồng chí Phùng Chí Kiên mượn danh nghĩa hội Việt Nam Dân Chúng Trợ Hoa Kháng Địch Hậu Viện đưa ra các truyền

đơn chống Nhật để được sự bao che của bà Tống Khánh Linh đồng thời chiếm thiện cảm của nhiều giới chức Trung Hoa lúc đó.

Nhưng thời gian này, tháng 8-1940, Hồ Chí Minh đã âm thầm phái Trần Văn Hinh đến Diên An ký một mật ước với Trung Cộng hứa sẽ liên hiệp các đảng phái lập mặt trận thống nhất, lấy khẩu hiệu chống thực dân và phong kiến làm chủ điểm đấu tranh và hứa yểm trợ các đảng viên Trung Cộng hoạt động tại Việt Nam. Đổi lại Trung Cộng đồng ý cấp cho Hồ Chí Minh và các đồng chí 50 ngàn quan để chi phí ở Trung Quốc.

Tưởng Vĩnh Kính nhận định là trong hành động, Hồ Chí Minh luôn coi đường lối của Mao Trạch Đông là mẫu mực nên vận dụng tối đa tấm bình phong chủ nghĩa dân tộc và trưng dẫn thêm quan điểm mà Hồ Chí Minh đã nêu trong tác phẩm *Con Đường Kách Mệnh*: *"Một là, nhiệm vụ cách mạng không phải vì một thiểu số người nào mà vì quảng đại giai cấp công nhân và quần chúng nông dân, do đó cần phải tổ chức quần chúng. Hai là, cách mạng tất yếu phải chịu sự chỉ huy của chủ nghĩa Mác Lênin. Ba là, cuộc vận động cách mạng ở mỗi quốc gia phải được kết hợp chặt chẽ với giai cấp vô sản quốc tế; công nhân và quần chúng nông dân phải phân biệt rõ giữa đệ tam và đệ tứ quốc tế."*

Tưởng Vĩnh Kính cũng cho thấy sự trùng hợp như dập khuôn giữa nghị quyết đại hội kỳ 6 của Trung Cộng với bản hiệu triệu và cương lãnh giản yếu do Hồ Chí Minh đưa ra sau khi hợp nhất các nhóm Cộng Sản Việt Nam thành Đông Dương Cộng Sản Đảng ngày 18-2-1930. Cả hai văn kiện đều dựa theo phương án dành cho các đảng cộng sản

Đông Nam Á được đề ra tại đại hội kỳ VI của Đệ Tam Quốc Tế nhưng trong bản hiệu triệu, Hồ Chí Minh đã lập lại đầy đủ 10 khẩu hiệu của Trung Cộng trong nghị quyết đại hội kỳ 6 của Cộng Sản Trung Hoa.

Tác giả trưng nhiều bằng chứng cho thấy Hồ Chí Minh luôn hành động rập khuôn theo Trung Cộng, từ việc khai thác chiêu bài kháng chiến chống Nhật qua việc tiếm danh các tổ chức quốc gia, việc lập nên các hội cứu quốc đến thủ đoạn triệt hạ các phần tử khác chính kiến mà tổ chức Việt Minh thi thố sau này: *"Những người bị thảm sát đều bị gán cho tội "Việt gian", tội "làm gián điệp cho địch", hoặc thân Nhựt vv...Cách thức đó của Việt Minh hoàn toàn giống với Trung Cộng trong khu giải phóng của họ."*[7]

Tưởng Vĩnh Kính xác định mục đích tối hậu của Hồ là đoạt chính quyền, chứ không phải dành độc lập cho tổ quốc. Mục tiêu này đã soi sáng mọi hành vi cũng như lời lẽ của Hồ Chí Minh trong giao tiếp với các thế lực ngoại quốc lúc đó là Mỹ, Pháp, Trung Hoa.

Tác giả viết:

"Nỗi thao thức chính yếu của ông Hồ vào lúc đó không phải là vấn đề có thể sớm đạt được một nền độc lập hay không, mà chính là vấn đề bản thân của Việt Minh có thể đoạt thủ được chính quyền hay không...

... Do đó trước khi công tác chuẩn bị cho việc cướp chính quyền chưa hoàn thành, ông không hề mong quân Đồng Minh vào Việt Nam; lại càng không mong các đảng phái Việt Nam khác theo quân đội Trung Hoa trở về Việt Nam để tranh thủ dân chúng và chính quyền cùng với ông. Bởi vậy các thành viên Cách Mạng Đồng Minh Hội không thuộc cộng

đảng trở về Việt Nam đều bị Việt Minh bao vây, bắt giết và đội quân dò đường của Trung Quốc vào Việt Nam đã bị quấy phá ngăn trở...

... Ông Hồ đã dùng điện đài Mỹ tại căn cứ của ông để tiếp xúc thẳng với đại diện chính phủ De Gaulle tại Côn Minh, ngoài việc yêu cầu Pháp bảo chứng sẽ trả độc lập cho Việt Nam trong vòng từ 5 đến 10 năm, còn yêu cầu Pháp cấp vũ khí và huấn luyện. Khoảng tháng 7, một đoàn đại biểu Pháp, Mỹ gồm 6 người đã nhảy dù xuống tổng bộ Việt Minh. Ông Hồ đã ngụy trang cho mình một bộ mặt rất "thân Tây phương". John, một thiếu úy Mỹ trẻ tuổi, ở chung mấy tháng với ông Hồ tại căn cứ Việt Minh lúc bấy giờ, đã ngây thơ tin chắc ông Hồ không phải là cộng sản. Dưới cái nhìn của John, giả sử ông Hồ có là cộng sản, thì cũng chắc chắn rằng ông Hồ rất muốn hợp tác với tây phương, đặc biệt là với Mỹ và Pháp. Hiển nhiên, Việt Minh có hành động bài Hoa cũng là nhằm mục đích dụ hoặc người Pháp".

Tướng Vĩnh Kính cho biết ngay giữa thời điểm đó, Hồ Chí Minh đã có một hành động vừa nhắm lấy lòng Pháp vừa muốn mượn bàn tay Pháp triệt hạ một tổ chức yêu nước là đảng Đại Việt: "*Ông Hồ đã dùng điện đài của quân Mỹ để nói xấu và bán rẻ cái mũi nhọn chống Pháp là đảng Đại Việt, hòng tranh thủ lòng ưu ái của Pháp.Trước ngày Nhật đầu hàng không lâu, John đã dùng điện đài của mình đánh đi bức điện tín sau đây giùm ông Hồ: "Đảng Đại Việt đang trù tính gây một cuộc khủng bố chống Pháp đại quy mô và mưu toan giá họa cho Việt Minh. Việt Minh đã ra lệnh cho 2 triệu hội viên và vô số dân chúng ủng hộ, hãy đem hết khả năng để phòng cẩn mật cùng ngăn chặn kế hoạch phạm pháp này của*

đảng Đại Việt. Việt Minh xin tuyên bố mục đích rõ ràng của mình là mưu cầu nền độc lập cho quốc gia bằng đấu tranh chính trị; nếu cần thiết phải dùng đến hành động quân sự thì quyết không dựa vào các thủ đoạn hèn hạ và phạm pháp. Ủy ban giải phóng dân tộc VM - ký tên"[8]

Theo Tưởng Vĩnh Kính, lúc đó đảng Đại Việt của Nguyễn Tường Tam và Quốc Dân Đảng của Vũ Hồng Khanh hợp nhất thành một lực lượng đấu tranh với thành phần lãnh đạo gồm 29 nhân vật đều là những phần tử trí thức ưu tú của Việt Nam không chỉ được sự ủng hộ của chính phủ Trung Hoa Dân Quốc mà còn có thanh thế rất lớn đối với dân chúng trong nước. Lực lượng này là mối lo cần đối phó trước hết của Hồ Chí Minh. *"Bởi vậy, hành động "liên kết với Mỹ" và "bài Hoa" của ông Hồ và mặt trận Việt Minh hoàn toàn đặt cơ sở trên nỗi thao thức về vấn đề sinh tồn và phát triển của bản thân họ. Còn như Việt Nam có đạt được độc lập hay không chỉ là vấn đề thứ yếu thôi."*[9]

Trong ý đồ đó, việc lợi dụng danh nghĩa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội được tác giả nhìn nhận là hết sức cần thiết cho Hồ Chí Minh và phân tích:

"...Tại sao ông Hồ và trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam lại vẫn muốn lợi dụng lá cờ Việt Nam Độc Lập Đồng Minh (chỉ bỏ chữ "hội" đi một cách khôn khéo mà thôi)? Cách thức đó chính là lặp lại một cách khéo léo điều mà người Cộng Sản gọi là "chiếm lĩnh cơ quan, làm phe tả của họ". Ý đồ của họ, xét ra không ngoài việc lợi dụng danh nghĩa Độc Lập Đồng Minh Hội để dễ dàng chiêu tập tổ chức quần chúng của nó, thậm chí còn chiêu dụ cả đám tàn dư của phe thân Nhật. Ý đồ chủ yếu của ông Hồ và Cộng Sản Việt Nam khi tiếp thu Độc Lập Đồng

Minh Hội hiển nhiên là nhằm chiêu dụ tổ chức quần chúng của hội này.[10]

Căn cứ vào các tư liệu tại Quảng Tây thời đó, Việt Nam Độc Lập Đồng Minh được thành lập tháng 7 năm 1935, là sự hợp thành của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Độc Lập Đảng, Tân Việt Đảng ... Các tổ chức quần chúng của nó cũng được ông Hồ đổi thành các hội "Cứu Quốc"[11] *Ý đồ lớn nhất của ông Hồ khi lợi dụng cơ cấu Việt Minh là che giấu cái bộ mặt cộng sản, lợi dụng tình thế cùng tâm lý quần chúng Việt Nam, ngụy trang chủ nghĩa dân tộc, nhằm phát triển thực lực của bản thân."*[12]

Tác phẩm của Tưởng Vĩnh Kính không bao quát hết cuộc đời Hồ Chí Minh nhưng đã xác định được chủ đích trong mọi hoạt động của Hồ Chí Minh là tranh thủ quyền hành cho tổ chức của mình để theo đuổi lý tưởng, còn mục tiêu giành độc lập cho đất nước chỉ là mục tiêu giai đoạn bắt buộc phải đạt tới.

Hồ Chí Minh tỏ ra không mệt mỏi trong việc hô hào đấu tranh giải phóng dân tộc vì không còn con đường nào khác để phụng sự lý tưởng Cộng Sản và như chính Hồ Chí Minh đã nói - *nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập thì quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được.*

Những trái ngược dễ dàng xảy ra khi nhận định về Hồ Chí Minh có lẽ vì mức cuốn hút của một ý chí đấu tranh mãnh liệt đã phủ mờ yêu cầu phân tích tính mâu thuẫn tất yếu giữa quyền lợi giai cấp với quyền lợi dân tộc. Do đó, hình ảnh thực tế luôn chao đảo khiến mọi cái nhìn về một con người dựa trên nền tảng này khó tránh khỏi ngả nghiêng.

Chú thích

1 Tên gọi của cơ cấu này theo tài liệu chính thức của Cộng Sản Việt Nam là Bộ Phương Đông Quốc Tế Cộng Sản, còn báo chí thường nhắc theo nhiều cách như Đông Phương Bộ, Ban Phương Đông, Đông Phương Cục hoặc Cục Đông Phương hoặc có khi là Viễn Đông Cục, Viễn Đông Vụ ....

2-3-4 SĐD tr. 246, 245, 119

7 *Văn Kiện Đảng* - T. 3, tr. 195 ghi: *Từ ngày 10 đến ngày 19.5.1941 Hội Nghị lần 8 Trung Ương Đảng Cộng Sản Đông Dương họp tại Pác Bó, Cao Bằng. Đây là Hội Nghị Trung Ương Đảng lần đầu tiên họp ở trong nước do Nguyễn Ái Quốc chủ trì với tư cách đại diện Quốc Tế Cộng Sản. Hội nghị đã khẳng định: Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật ...Vì nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng thì... quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được.*

Hồ Chí Minh Toàn Tập - T. 3, tr. 197 ghi: *Theo sáng kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội Nghị trên đã quyết định thành lập Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất rộng rãi mang tên Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (gọi tắt là Việt Minh) nhằm liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.*

6-7 SĐD tr. 108, 329

8-9 SĐD - Cước chú ghi theo tài liệu của Robert Shaplen các tr. 28-30, tr.361

10 Về gia nhập các tổ chức để tranh thủ quần chúng, xin xem chương về Phùng Thế Tài.

11-12 SĐD tr. 202, 206

Chương 8
SOPHIE QUINN-JUDGE và *Ho Chi Minh, the missing years*

Sophie Quinn-Judge, nữ tiến sĩ người Anh, ít được biết ngoài giới độc giả của tạp chí *Kinh Tế Viễn Đông* trong hai thập kỷ trước. Nhưng với tác phẩm *Hồ Chí Minh: The Missing Years, 1919- 1941*[1], bà đã đem sở trường của mình về môn Nga văn ra kéo chú ý của những nhà nghiên cứu lịch sử vùng Viễn Đông.

Được tổ chức John D. and Catherine T. MacArthur Foundation và Quỹ Sưu Tầm Trung Ương của trường đại học Luân Đôn tài trợ, bà đã dành gần chục năm nghiên cứu các tài liệu mới được giải mật của Trung Tâm bảo tồn và tài liệu lịch sử hiện đại Nga, trước kia từng mang tên Viện Mác-Lênin và kho tài liệu tình báo hải ngoại Pháp tại Aix-en-Provence. Đó là những nguồn tài liệu chính yếu để dựa vào đó đưa ra những nhận định về Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Việt Nam. Dĩ nhiên bà cũng đọc nhiều tác phẩm khác của các học giả, sử gia hay các nhà viết tiểu sử

mà bà liệt kê trong thư mục thường được coi như nguồn tài liệu thứ yếu.

Theo bà, các tác giả đi trước, tả cũng như hữu, khi viết về Hồ Chí Minh đã nói quá đáng về nhân vật này, coi là nhân vật quan trọng của Quốc Tế Cộng Sản và là người trách nhiệm về tất cả công hay tội của Cộng sản Việt Nam. Tác giả có tham vọng đưa ra nhận định cân bằng và sát thực hơn, căn cứ vào những chứng liệu mới.

Sách gồm 7 chương chia theo thứ tự thời gian:

1- Từ 1919-1923: Sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc với 8 điểm yêu sách tại hội nghị Hòa Bình ở Paris và một giải pháp cấp tiến.

2- Từ 1923-1924: Thành viên mới trong Quốc Tế Cộng Sản. Những cuộc tiếp xúc đầu tiên, vai trò Hồ Chí Minh trong Quốc Tế Cộng Sản, đại hội V Quốc Tế Cộng Sản và chủ trương mặt trận thống nhất tại Trung Quốc, nhiệm vụ được giao.

3- Từ 1924-1928: Hoạt động tại Quảng Đông, phong trào nông dân tại đây, tổ chức Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, sự sụp đổ của mặt trận thống nhất tại Trung Quốc.

4- Từ 1927-1919: Từ đường hướng cũ tới đường hướng mới, những chuyến đi, đại hội VI Quốc Tế Cộng Sản, hoạt động tại Xiêm, sự phát triển và rạn nứt của tổ chức Thanh Niên.

5- Từ 1930-1931: Cao trào cách mạng với những cán bộ được huấn luyện tại Liên Xô quay về nước, sự thống nhất đảng, những cuộc nổi dậy trong Năm Mới, những nhiệm vụ mới của Hồ Chí Minh và sự củng cố quyền lực của Trần Phú.

6- Từ 1931-1938: Chết ở Hồng Kông và chôn tại Mạc Tư Khoa? Hồ bị bắt, được thả rồi trở lại Liên Xô dự hội nghị VII Quốc Tế Cộng Sản, Mặt trận thống nhất tại Đông Dương.

7- Từ 1937- 1941: Trở về với con đường dẫn tới hội nghị trung ương kỳ 8, tình hình thế giới thay đổi, hội nghị Trung Ương kỳ 6 và những cuộc nổi dậy năm 1940, Hồ tiến gần biên giới và hội nghị Trung Ương kỳ 8.

Thoạt nhìn tựa sách *The misssing years*, người đọc hy vọng tác giả sẽ tập trung vào mấy năm từ trước vốn ít được nói tới, như thời gian trước 1917 là năm Hồ Chí Minh từ Anh sang định cư ở Pháp, hay thời gian từ 1934 đến 1938 là lúc Hồ bị cầm chân ở Liên Xô, nhất là lý do khiến ông bị (hay được?) sống, học tập thêm và làm việc tại đây trong một thời gian dài như vậy. Ngay những năm thụ huấn tại trường đại học Lênin cũng không được tác giả nói đến.

Nhưng có vẻ những tài liệu bằng Nga ngữ mà tác giả được tiếp cận đã không giúp bà xác quyết được điều gì quan trọng về "những năm thiếu vắng" hay chưa được biết đến này. Cho nên bà đã ghi rõ con số *1919-1941* sau mấy chữ *The missing years* của nhan sách và đã dành 257 trang sách để nói về hoạt động của Hồ Chí Minh chỉ trong vòng 22 năm đó.

Tác phẩm cũng cho thấy Quinn-Judge đã phải dùng đến rất nhiều tư liệu thuộc nguồn thứ cấp và nói đến những sự kiện mà các nhà viết tiểu sử Hồ Chí Minh đã nói cả rồi. Vì thế, những điều gọi là mới mẻ quan trọng không có bao nhiêu.

Dường như sự đáng tiếc này khởi từ tình trạng những tài liệu về tình báo của bộ Pháp quốc Hải ngoại mà tác giả

tiếp cận không thể bao quát cả thời gian 22 năm của Hồ Chí Minh đồng thời cũng có giới hạn của nó: Làm sao có thể tin báo cáo của các mật báo viên là chính xác? Và những lời cung khai của các nghi can đáng tin cậy đến chừng mực nào?

Còn về văn khố của Liên xô cũ nay được giải mật có lưu trữ đầy đủ những văn kiện lịch sử không? Trên thực tế, tại Liên Xô thường có những cuộc thanh trừng đẫm máu, phe nọ chống phe kia. Liệu những kẻ "phản loạn", "phản cách mạng", hay những nhà độc tài có dừng tay trong việc thiêu hủy hay vô hiệu hóa, hoặc ngụy tạo một số văn kiện để cố lấy lẽ phải về mình không?

Khi tài liệu không còn nguyên vẹn, những phần còn lại có thể cho người nghiên cứu kết luận một cách xác quyết không? Đó là chưa kể nhiều báo cáo được ký nhiều bí danh khác nhau, nhà nghiên cứu khó biết đích xác đó là của ai. Về việc một số tài liệu bỗng dưng biến mất, chỉ xin nêu ba trường hợp được chính tác giả xác nhận:

Thứ nhất, trang 88 chương 3, bà cho biết hầu hết (most) trong số 11 thư của Quốc Tế Nông Dân gửi Quốc, và Quốc báo cáo nhận đầy đủ, không tìm thấy bản sao trong hồ sơ của Quốc Tế Nông Dân, mục thư từ với Hồ Chí Minh.

Thứ hai, trang 177 chương 5, *"giữa 23-7 và 2-9 (1930), Hồ bảo đã gửi cho FEB (Viễn Đông Vụ) 6 lá thư. Nhưng chỉ có một lá ngày 2-9 được tìm thấy trong văn khố của Quốc Tế Cộng Sản."* Hồ nói dối? Hay có người giấu những lá thư đó đi? Bà không dám xác quyết nhưng dùng động từ *"claimed"* cho người đọc có cảm tưởng bà không tin Hồ lắm.

Thứ ba, trang 203 chương 6, nói về đại hội 7 Quốc Tế Cộng Sản tác giả cho biết Hồ đã phê bình Đông Dương

Cộng Sản Đảng và viết nhiều báo cáo nhưng không tìm thấy trong văn khố Liên Bang Nga.

Vì vậy, Quinn-Judge hay dùng các động từ có nội dung thiếu tính xác quyết như *"claim, appear, seem, suggest, assume, would, might, would seem to show..."* hoặc những câu nghi vấn *"It is unclear, it was not known, one can not tell, I am not sure, we do not know for certain, it is hard to know, if it were correct, remain in the realm of conjecture..."* Tuy nhiên nói vậy không có nghĩa tác phẩm không cung cấp được một số dữ kiện hữu ích để nhận dạng Hồ Chí Minh đầy đủ hơn.

Cuối chương 1, tác giả cho biết trong thập niên 20, Hồ Chí Minh từng gia nhập hội Tam Điểm, nhưng theo đường lối đại hội IV Quốc Tế Cộng Sản đã cắt đứt liên hệ với tổ chức này.

Riêng chuyện Hồ Chí Minh dưới tên Nguyễn Ái Quốc trình thỉnh nguyện thư cho hội nghị Hòa Bình ở Versailles thì hầu hết các sử gia đều đã nói trước.

Chương 2, tác giả nhắc lại điều các sử gia đã viết là Hồ Chí Minh đến Liên Xô tham dự đại hội I Quốc Tế Nông Dân (Krestintern), được bầu vào trong số 11 ủy viên ban chấp hành Krestintern. Tác giả trưng dẫn văn kiện của Hồ muốn về Đông Dương qua ngả Trung Quốc, và đề nghị Quốc Tế Cộng Sản cấp nguyệt phí 100 Mỹ Kim để có thể làm nhiệm vụ thu lượm tin tức và công tác tuyên truyền. Tác giả cũng nói đến sách lược (tactics) mặt trận thống nhất mà Quốc Tế Cộng Sản định áp dụng tại Trung Hoa, bắt nguồn từ đề cương về các vấn đề thực dân và dân tộc của Lênin được thảo luận gay gắt tại đại hội V Quốc Tế Cộng Sản.[2]

Trong đoạn nói về Hồ Chí Minh và vị thế trong Quốc Tế Cộng Sản, tác giả cho biết không thấy văn kiện chính thức nào xác nhận Hồ Chí Minh học ở trường Lao Động Đông Phương, tức Trường Stalin cho đến năm 1936. Theo bà, nhà văn Nga Yevgeny Kobelev xác nhận chính Hồ Chí Minh đã thuật lại việc học tại trường này. Lãnh tụ Cộng Sản Ấn Manabendra N. Roy cũng cho biết Hồ có học tại đây. Nhưng bà không tin những người này mà cho rằng có thể (*it is possible*) Hồ chỉ tham dự một lớp huấn luyện nào đó về tổ chức nông dân trong thời gian ở đây, vì ông ta gắn bó với Krestintern.

Chỉ dựa vào việc không thấy các văn kiện chính thức trong văn khố để phủ nhận lời của các nhân chứng tên tuổi như Kobelev và Roy cũng khó thể coi là hợp lý.

Về sách lược mặt trận thống nhất được thảo luận tại đại hội V Quốc Tế Cộng Sản, sau khi cho biết Manuilski là phát ngôn viên quan điểm của Stalin, tác giả kể việc Hồ Chí Minh khuyên nên điều tra xem Nguyễn Thế Truyền vào đảng Cộng Sản chưa, nếu ông ta đã là cộng sản thì nên ra lệnh cho *"xâm nhập nhóm Lập Hiến ở Paris để 'noyauter', tức làm "nhân" thao túng."*[3] Như vậy, ngay hồi ấy (1924) Hồ Chí Minh đã lãnh hội hoàn toàn tính sách lược giai đoạn của Lenin trong mặt trận thống nhất là Xâm nhập tổ chức địch để "noyauter".

Liền sau đó, tác giả nói đến vai trò Quốc Tế Cộng Sản trong mặt trận thống nhất tại Trung Quốc. Mỉa mai là mặt trận thống nhất này lại thực hiện từ trên, nghĩa là giữa các cấp lãnh đạo Trung Hoa Quốc Dân Đảng và các lãnh tụ Cộng sản Trung Quốc. Maring là người trong năm 1922

đã thành công trong việc thuyết phục 5 lãnh tụ cộng sản Trung Quốc chấp nhận sách lược mặt trận thống nhất giữa hai phe Quốc - Cộng Trung Hoa. Sau đó là hiệp ước Joffe- Sun, ký kết giữa Adolf Joffe, đại diện Liên Xô và Tôn Dật Tiên, lãnh tụ Trung Hoa Quốc Dân Đảng, theo đó Liên Xô sẽ viện trợ có điều kiện cho Trung Quốc. Cùng lúc đó (đầu năm 1923) Viễn Đông Vụ trực tiếp dưới quyền chỉ huy của ban chấp hành trung ương Quốc Tế Cộng Sản được thành lập tại Trung Quốc. Giữa năm 1923 phái đoàn Borodin đến Quảng Châu, thủ phủ của Quảng Đông.

Theo tác giả, Hồ Chí Minh đến Quảng Đông khoảng 11/11/1924, với một sự hỗ trợ nhỏ bé. Đưa ra một số sự việc và trưng dẫn vài lá thư của Hồ, tác giả kết luận:

Người ta có thể nói khá chắc chắn rằng Hồ được phái đến Quảng Đông không phải để làm phụ tá hay thư ký cho Borodin như đã từng nghe nói. Tuy nhiên đúng là vị thế và sự liên hệ của ông đối với Quốc Tế Cộng Sản trong 2 năm 1923-1924 vẫn còn là một cái gì đó rắc rối khó hiểu.[4]

Tác giả cũng trưng dẫn một lá thư của Hồ Chí Minh gửi Petrov, người đứng đầu Cục Phương Đông trong Quốc Tế Cộng Sản để chứng minh dù được cảm tình của Manuilsky, Hồ Chí Minh vẫn không được ưu đãi. Trong thư có đoạn: *"Trong 3 tháng Chạp, Giêng và Hai, tôi ở phòng số 176, trong đó luôn có 4 hay 5 người. Ban ngày luôn ồn ào không sao làm việc được. Đêm đến thì bị rệp cắn không sao ngủ."*[5]

Chương 3 nói về hoạt động của Hồ tại Quảng Đông nhằm tạo dựng hạt nhân cho đảng Cộng Sản Việt Nam. Hồ Chí Minh đến đây lúc 3 đảng viên của đảng Cộng Sản

Trung Quốc được bầu vào Ban Chấp Hành Trung Ương của Trung Hoa Quốc Dân Đảng và 6 người khác trong đó có cả Mao Trạch Đông là ủy viên dự khuyết.

Như vậy, đường lối của Quốc Tế Cộng Sản trong giai đoạn này đã tạo điều kiện cho Hồ Chí Minh hoạt động một cách hết sức dễ dàng trong lòng đối phương. Việc Hồ làm được thì hầu hết các tác giả khác đã nói. Điều quan trọng là xâm nhập, lũng đoạn, thao túng, và phá hủy các tổ chức yêu nước khác chính kiến, không tán thành chủ nghĩa Cộng Sản.

Trong đoạn về phong trào nông dân Quảng Đông, tác giả cho biết vào tháng 8/1925 Quốc Tế Nông Dân (Krestintern) gửi cho Hồ 5000 rubles (khoảng 2500 MK lúc ấy) qua tài khoản của Borodin trong ngân hàng Viễn Đông và yêu cầu Hồ dùng số tiền này để thi hành 4 việc:

1- Sản xuất bích chương và các tập sách mỏng về vấn đề nông dân.

2- Gửi đại diện tới các tỉnh để tổ chức nông hội.

3- Phái một đồng chí Trung Hoa đáng tin cậy tới Mạc Tư Khoa để làm việc trong Quốc Tế Nông Dân.

4- Cung cấp cho Liên Xô những tin tức và tài liệu về phong trào nông dân ở Trung Quốc.

Hồ trả lời sẽ làm đúng theo yêu cầu, trừ điều 3, vì không có ai đủ khả năng ngoại ngữ.

Tác giả cho biết Hồ nhận được tất cả 11 lá thư của Quốc Tế Nông Dân. Nhưng hầu hết những thư đó không thấy trong hồ sơ của Quốc Tế Nông Dân liên quan đến thư từ của Hồ.[6]

Tác giả không nói về lý do bị mất những lá thư này và cũng không tỏ ý nghi ngờ thư có thể bị giấu hoặc hủy do ghi lại những vấn đề nào đó.

Cũng trong đoạn này, tác giả thuật lại biến cố 20/03/1926 nhưng không cho biết lý do tại sao Tưởng Giới Thạch hạ lệnh bắt giữ khoảng 50 người trong số ủy viên chính trị cộng sản tại Hoàng Phố (?). Các cố vấn Xô Viết cũng bị giam lỏng tại nhà. Trước sự trấn áp, Borodin phải nhượng bộ theo yêu cầu của Quốc Dân Đảng, hạn chế vai trò của đảng viên Cộng Sản trong Quốc Dân Đảng. Từ đó, số đảng viên Cộng Sản trong các ủy ban của Trung Hoa Quốc Dân Đảng chỉ còn giữ tỷ lệ một phần ba và đảng viên Cộng Sản bị loại khỏi các chức chưởng cơ quan trong chính quyền Quốc Dân Đảng.

Về hoạt động của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, tác giả dựa vào văn khố Tình Báo Hải Ngoại Pháp tiết lộ: Hồ thường nhận được những món tiền ủng hộ tổ chức Thanh Niên từ trong nước gửi ra, trong đó có Diệp Văn Kỳ, Khánh Kỳ (một thợ chụp hình, trước kia từng quen Hồ ở Paris) và cả Bùi Quang Chiêu lãnh tụ đảng Lập Hiến, (*sau này bị Việt Minh thủ tiêu thời 1945-46*). Tác giả cũng nhắc báo cáo 5 điểm của Hồ gửi về Liên xô mà hầu hết các tiểu sử gia đã đề cập. Trong số 5 năm điểm đó có điểm 5 đặc biệt là đã thành lập được một trường Tuyên Truyền. Trong cùng đoạn này, tác giả nói đến vai trò quan trọng của Jacques Doriot trong Quốc Tế Cộng Sản đối với Hồ Chí Minh. Nhân vật này triệt để ủng hộ sách lược mặt trận thống nhất loại liên hiệp Quốc Cộng Trung Hoa và khuyên Hồ Chí Minh: "*Nhân dân Đông Dương chỉ có thể đi theo một con đường, nếu thực sự muốn thay đổi tình thế: đó là con đường đấu tranh cho Độc Lập*". Tác giả cho biết Doriot nhấn mạnh công nhân và nông dân là lực lượng đấu tranh

chủ yếu nhưng cần gia tăng sự ủng hộ mặt trận thống nhất. Doriot viết tiếp:

Đừng quên rằng dưới sự đô hộ của bọn đế quốc, toàn thể nhân dân (công nhân, nông dân, thương nhân và trí thức) chỉ trừ một thiểu số, vài phần tử đầu cơ trục lợi, đều muốn đánh đuổi đế quốc. Đừng coi nhẹ bất cứ cố gắng nào để lôi cuốn họ hàng ngày đứng vào tổ chức đấu tranh. Đừng từ khước sự hợp tác của họ.[7]

Tác giả cũng trích dẫn nguồn tin của Trung Tâm Lưu Trữ và Nghiên Cứu Tài Liệu Lịch Sử Nga, cho biết Hồ Chí Minh có đệ trình Quốc Tế Cộng Sản một ngân sách một năm lên đến 40 ngàn nhân dân tệ Trung Quốc. Ngân khoản này dùng chi về di chuyển và đào tạo 100 cán bộ tuyên truyền ở Quảng Đông. Cộng thêm một ngàn rưỡi cho hoạt động toàn thời gian của 10 cán bộ tuyên truyền và thêm 8 ngàn rưỡi nữa cho công tác xuất bản phát hành, giao thông liên lạc... Ngoài ra còn một số chi phí cần thiết khác, kể cả dự trữ cho những khoản bất thường.[8]

Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng hoạt động tuyên truyền và đào tạo cán bộ tuyên truyền nên đã dồn ngân khoản do Quốc Tế Cộng Sản cấp để làm việc đó.

Về sự sụp đổ của mặt trận thống nhất, tác giả nói đến việc Tưởng Giới Thạch tấn công Cộng Sản Trung Quốc ngày 12/04/1927 khiến sách lược mặt trận của Liên Xô phá sản. Bà không cho biết lý do khiến Tưởng hành động như vậy, có lẽ vì không thấy tài liệu nào trong văn khố Nga về lý do đó.

Riêng các tài liệu Trung Hoa Dân Quốc cuối thập niên 1950 cho biết đầu năm 1927 nhà cầm quyền Trung Quốc

bắt được một mật thư của tòa đại sứ Nga gửi cho Trung Cộng xúi "dùng mọi biện pháp thúc đẩy quần chúng bài ngoại, khiêu khích người ngoại quốc trả thù. Muốn đạt mục đích này, không được lùi bước trước bất cứ thủ đoạn nào, ngay cả cướp bóc, tàn sát. Và khi có sự xô xát giữa người Âu và người Trung Hoa thì phóng đại ra để khuấy động dân gây rối loạn."

Sau đó Quốc Dân Đảng lại bắt được một mật điện do Borodin gửi ủy viên quân sự Nga Dorosky ra lệnh cho ông này phá hoại kế hoạch Bắc tiến.[9]

Bà cũng cho biết, mặc dù có vụ Quốc Dân Đảng Trung Hoa tấn công Cộng Sản tháng 4-1927, tổ chức Thanh Niên của Hồ Chí Minh vẫn tồn tại ở Quảng Đông, *"nhờ liên hệ với phong trào giải phóng dân tộc không cộng sản, kể cả với nhóm tả phái trong Quốc Dân Đảng Trung Hoa."*[10]

Ba tháng sau biến cố tháng 4, trung ương Quốc Tế Cộng Sản ra tuyên bố kết án Quốc Dân Đảng Trung Hoa là phản động, và chỉ thị Cộng Sản Trung Quốc cảnh giác. Nhưng, tác giả trích Harold Isaacs,

"(Quốc Tế Cộng Sản) vẫn khuyên (Cộng Sản Trung Quốc) hãy ở lại trong Quốc Dân Đảng bằng cách áp dụng sách lược mặt trận thống nhất từ dưới, nghĩa là hành động trong quần chúng vô sản ... xây dựng những tổ chức lao động... tăng cường các nghiệp đoàn ... chuẩn bị quần chúng lao động hòng chuẩn bị cho những hành động quyết định... vũ trang cho công nhân và nông dân... tổ chức một bộ máy đảng đấu tranh bất hợp pháp có trình độ.[11]

Qua trưng dẫn trên, dù biết rõ *"kẻ thù"* là phản động, Quốc Tế Cộng Sản vẫn khuyên đồng chí không xa lìa mà

cần ở lại tổ chức địch để tổ chức và tăng cường lực lượng của mình. Hồ Chí Minh đã thực thi đúng sách lược đó ở Hoa Nam với tổ chức Thanh Niên vào thời gian này và gần hai chục năm sau tại Việt Nam: Liên hiệp với các đảng đối lập dùng uy tín của họ củng cố lực lượng mình, tiêu diệt lực lượng địch. *Sách lược thống nhất và liên hiệp với phong trào giải phóng dân tộc chỉ là diệu kế để tiêu diệt các tổ chức không cộng sản.*

Chương 4, tác giả dựa vào tài liệu của Trung Tâm Lưu Trữ Tài Liệu Liên Bang Nga cho biết:

"Tháng 9-1927, Quốc Tế Cộng Sản ra huấn thị cho công việc tương lai của Hồ và phái ông ta sang Paris vào tháng 11 để phối hợp kế hoạch với ủy ban Thuộc địa của đảng Cộng Sản Pháp. Lúc này đảng Pháp Cộng lãnh trách nhiệm nuôi dưỡng cộng sản ở Đông Dương, nhưng trong thực tế các thành viên của đảng CS Pháp làm việc dưới sự kiểm soát chặt chẽ từ Mạc Tư Khoa."[12]

Liền sau đó tác giả nói rõ:

"Mặc dầu Quốc Tế Cộng Sản đã hết ảo tưởng với Trung Hoa Quốc Dân Đảng, những huấn thị mà Hồ Chí Minh mang theo sang Paris đã phản ánh sách lược mặt trận thống nhất với các lực lượng dân tộc. Bản huấn thị hai trang ghi "Quốc phải giúp hợp nhất các người cách mạng dân tộc trong số di dân Đông Dương (trước tiên ở Paris, rồi trên cả nước Pháp), bằng cách tạo ra một cái nhân cộng sản trong số những phần tử dân tộc đó..."[13]

Tác giả có vẻ muốn chứng minh Hồ ít liên hệ và ít được Quốc Tế Cộng Sản giúp đỡ nên đưa ra những trường hợp Hồ chí Minh không được ưu đãi hay ủng hộ, tuy nhiên

những điều này lại cho thấy Hồ Chí Minh luôn lệ thuộc Quốc Tế Cộng Sản. Chẳng hạn trong đoạn đầu chương 4, tác giả viết:

"Mùa đông năm ấy (1927) Quốc Tế Cộng Sản quá bận rộn vì những vấn đề quan trọng hơn chuyến đi của Hồ Chí Minh... Nhưng đến tháng 4 Hồ vẫn chẳng nhận được tin tức gì của Mạc Tư Khoa hay của Doriot. Quốc Tế Nông Dân cũng chẳng giúp được gì. Ông ta phải hỏi xin họ cấp 500 Mỹ Kim và cho một "kế hoạch tổ chức thực tiễn để tôi có thể hoạt động hữu ích."[14]

Dù muốn dù không, mấy hàng trên đã chứng minh khá rõ sự lệ thuộc của Hồ Chí Minh vào Liên Xô, từ tài chính đến kế hoạch hoạt động.

Hơn 40 trang chương 5 dành bàn về cao trào cách mạng trong 2 năm 1930 và 1931. Đoạn đầu nói tới sự trở về của các cựu học viên trường Stalin trong đó tác giả nhấn mạnh vai trò của Trần Phú để chứng minh Hồ Chí Minh không phải đại diện duy nhất của Quốc Tế Cộng Sản trong việc thống nhất đảng Cộng Sản Đông Dương. Cuối cùng tường thuật những việc làm của Hồ để thực hiện việc thống nhất này, tác giả viết:

"Hai ngày sau khi tới Hồng Kông, Hồ viết cho các lãnh tụ phe phái trong Đông Dương Cộng Sản Đảng để giải thích về sứ mạng mà Quốc Tế Cộng Sản đã trao cho mình nhằm thành lập một đảng cộng sản tại Việt Nam....Ông ta yêu cầu phe Đông Dương Cộng Sản gửi hai đại diện sang gặp ông ta ở Hồng Kông. Hồ cũng viết cho Viễn Đông Vụ (FEB) để loan báo sự có mặt của mình tại Hồng Kong và đệ trình những đề nghị. Theo Dương Hắc Định thì Hồ đã

xin một khoản lương hàng tháng là 240-300 tiền Trung Hoa, trả qua ủy ban Quốc Dân Đảng của đảng Cộng Sản Trung Quốc."[15]

Về cuộc bột phát cách mạng tại Trung Quốc và vùng Nam Hải, tác giả viết:

"Hồ Chí Minh lúc này xem ra đã lên tới tột điểm uy quyền trong Quốc Tế Cộng Sản dường như đã trở lại Hồng Kong để giải quyết một tình thế ngoài vòng ảnh hưởng của ông ta." Rồi trích dẫn một tài liệu của Hồ liên quan đến việc chuẩn bị cho cuộc nổi dậy vũ trang: "Ông Hồ nói một cách rõ ràng: "Nhiệm vụ quân sự của đảng bao gồm: huấn luyện quân sự cho các đảng viên; tuyên truyền vận động quần chúng trong quân đội; tổ chức những toán bảo vệ công nhân và nông dân". Ông ta dành hầu hết sự chú tâm của mình cho công việc tuyên truyền và khuấy động trong quân đội". (16)

Giải thích tại sao Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến tuyên truyền trong quân đội, tác giả viết:

"Hồ nói: binh sĩ bản xứ bị bắt vào quân đội xuất thân từ những làng mạc, nên đừng đối xử với họ như "tất cả đều là chó săn" của đế quốc. Ông ta chỉ rõ: Trong một cuộc biểu tình tại Chợ Lớn, nông dân đã phạm lỗi lầm xỉ vả binh sĩ, thay vì tuyên truyền vận động họ."

Đây là điểm đặc biệt quan trọng chứng tỏ Hồ thấu đáo sách lược Lenin trong vấn đề thuộc địa và dân tộc nhưng tác giả có vẻ ít quan tâm, nếu không muốn nói là không có ý nghĩ gì về vấn đề. Tác giả viết tiếp:

Ông Hồ nói: "Trong công tác tuyên truyền khuấy động quần chúng, đảng phải truyền bá chương trình

'cách mạng dân chủ tư sản' trong đám binh sĩ, và dùng tình cảm dân tộc để làm cho họ tán thành phong trào cách mạng của công nhân và nông dân và chấp nhận sự lãnh đạo của đảng."

Mấy chữ "chấp nhận sự lãnh đạo của đảng" có nghĩa là chấp nhận quyền lãnh đạo độc tôn tuyệt đối của Cộng Sản và như thế thì cái gọi là cách mạng dân chủ tư sản (mà Hồ bảo phải truyền bá) chỉ còn là sự lừa phỉnh.

Áp chót chương 5, tác giả nói về cuộc hôn phối giữa Hồ Chí Minh và Nguyễn Thị Minh Khai với các từ *seems* (*2 lần*), *assume, apparently, unknown*... Nhưng theo bà, trường hợp Minh Khai là một trong hai trường hợp rõ ràng nhất vì có chứng từ hẳn hoi. Trường hợp kia là Tăng Tuyết Minh. Đoạn trích dịch dưới đây được tác giả đặt trong ngoặc đơn:

(Những nguồn tài liệu của Pháp liên quan đến Minh Khai khiến người ta có thể tin rằng cô này đã có nhiều mối tình với các đồng chí trong thập niên 1930-1940. Ví dụ, năm 1932 sở cảnh sát tin chắc cô ta là người tình của Trần Ngọc Danh, em (tổng bí thư) Trần Phú. Năm 1933 họ lại chặn bắt được một lá thư viết từ Hồng Kông, hình như (seemingly) để cự tuyệt một kẻ theo đuổi mình, trong thư đó nàng tuyên bố "tôi không còn bị ám ảnh bởi ý tưởng lấy chồng hay làm mẹ... Người chồng duy nhất của tôi là Cách Mạng Cộng Sản." Nhưng khoảng cuối năm 1934, khi đã ở Mạc Tư Khoa, nàng viết mình đã lấy chồng là Lin, bí danh của Hồ lúc ấy. Những tiểu sử gia Việt Nam nói Minh Khai kết hôn với Lê Hồng Phong tại Mạc Tư Khoa vào năm 1935, nhưng không có tài liệu nào thời đó chứng minh.)[17]

Cuối chương 5 bàn về hội nghị trung ương tháng 03/1931 do Trần Phú điều khiển với một nghị quyết cứng rắn mang tính giai cấp rõ rệt đã dẫn đến một cuộc thanh trừng nội bộ. Những phần tử trí thức, những kẻ còn giữ xu hướng quốc gia dân tộc đều bị loại khỏi đảng. Tác giả viết:

"Bản nghị quyết ghi: Một trong những mối nguy to lớn nhất là đảng viên vẫn chưa hiểu rõ vị thế của giai cấp vô sản trong cách mạng và các nhiệm vụ của đảng...Cần phải dần dần thay thế đại diện của trí thức và những phần tử bảo thủ trong các cơ quan lãnh đạo bằng những công nhân và bần nông. Đảng nhận chỉ thị phải điều tra các nông hội và loại những phần tử không liên hệ với bần nông và công nhân thành thị. Cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn cần được mở rộng và mọi ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc phải được phá hủy tận gốc rễ..."[18]

Sau đó tác giả thuật lại cuộc thanh trừng nội bộ và diễn biến của Xô Viết Nghệ Tĩnh khiến hàng ngàn "chỉ điểm viên" hay những nông dân muốn ngăn chặn phong trào bị tàn sát, để rồi sau đó Pháp có cớ mở các cuộc tảo thanh bắt giữ và xử tử hàng trăm đảng viên Cộng Sản. Từ đó kết thúc cao trào cách mạng.

Chương 6 mang tựa đề "*Chết ở Hồng Kông, chôn tại Mạc Tư Khoa*" bàn về hoạt động của Hồ Chí Minh từ 1931 đến 1938. Nói về thời gian bị tù tại Hồng Kông, tác giả cho biết Hồ Chí Minh đã theo chiến thuật bào chữa được Quốc Tế Cộng Sản cổ võ, khai là một người yêu nước đấu tranh cho vua và tổ quốc Việt Nam, dù trong hộ chiếu ghi là người Trung Hoa! Tháng 07/1931, tổ chức Viện Trợ Quốc Tế Đỏ (International Red Aid) xếp đặt để một luật sư đoàn tài

giỏi do Frank Loseby lãnh đạo bào chữa cho Hồ. Ít hàng sau bà nói đến một cuộc vận động cánh tả trong khắp thế giới nhằm ủng hộ cho một Noulens bí nhiệm đã khiến vụ án Hồ Chí Minh được chú ý nhiều hơn.[19]

Theo tác giả, tháng 07/1934 Hồ Chí Minh mới đến Mạc Tư Khoa và tháng 10 được vào trường Lênin. Thời gian đó Đông Dương chỉ riêng Hồ Chí Minh học trường này. Kirsanova, giám đốc trường mô tả đây là *lò rèn duy nhất* (*the only forge*) rèn luyện cán bộ cho Quốc Tế Cộng Sản và được coi như viện đào tạo lãnh tụ cộng sản ngoại quốc. Nhưng Hồ Chí Minh bị đối xử như một phần tử thất sủng. Tác giả cũng cho biết Hà Huy Tập đã giới thiệu Nguyễn Thị Minh Khai là vợ của Quốc tham dự đại hội 7 Quốc Tế Cộng Sản cùng với Lê Hồng Phong và chính Khai cũng khai mình đã thành hôn với Lin, là bí danh của Hồ lúc ấy. Nhưng Hồ Chí Minh không khai chuyện này trong hồ sơ lý lịch nhập học trường Lênin.

Về đại hội 7 Quốc Tế Cộng Sản, tác giả cho biết Hồ Chí Minh đã viết bản phê bình các thất bại của Đảng Cộng Sản Đông Dương hai năm 1930-1931, và còn nhiều báo cáo khác nữa, nhưng những báo cáo này không thấy trong văn khố liên bang Nga! Trong bản phê bình, Hồ Chí Minh nhắc đến "*cách mạng dân chủ tư sản*" và bảo cán bộ chẳng hiểu gì về ý nghĩa mấy từ đó. Vì vậy Hồ đề nghị biên soạn một loạt sách mỏng đơn sơ dễ hiểu về bản Tuyên Ngôn Cộng Sản, lịch sử Quốc Tế Cộng Sản, vấn đề chủ nghĩa dân tộc, vấn đề ruộng đất và kết thúc bằng "*cách thành lập mặt trận thống nhất*" và những nghị quyết của Quốc Tế Cộng Sản về vấn đề thuộc địa. Bà viết:

"Hồ biết cách lựa đúng lúc để trưng dẫn Stalin. Ông ta viết: "Stalin nghìn lần có lý khi nói: "Lý thuyết cho các đồng chí ... quyền lực chỉ huy, tương lai trong sáng, đức tin trong việc làm và sự xác tín về lẽ tất thắng của chính nghĩa."

Tác giả cũng cho biết sau khi Hồ Chí Minh bị bắt, được thả rồi sang Liên Xô, uy tín của Hà Huy Tập đã tăng nhanh. Hà Huy Tập đã tố cáo Trần Văn Giàu và Hồ Chí Minh trong báo cáo gửi Đệ Tam Quốc Tế nên thời gian đại hội 7 có lẽ Hồ Chí Minh mất tín nhiệm thê thảm nhất.[20]

Khi Hồ Chí Minh và Lê Hồng Phong đều ở Mạc Tư Khoa, đại hội I Đông Dương Cộng Sản Đảng ở Ma Cao cho Hà Huy Tập quyền điều khiển đảng. Đại hội chỉ cho Hồ Chí Minh làm ủy viên trung ương dự khuyết. Trái lại Hà Huy Tập tự dành địa vị trong Hải Ngoại Vụ là cơ quan có quyền hướng dẫn trung ương đảng về chính trị. Cuối bản báo cáo đọc trước đại hội, Hà Huy Tập đã tố cáo Hồ Chí Minh và kết luận: *"Chúng tôi đề nghị đồng chí Lin phải đích thân viết một cuốn sách nhỏ tự phê chính mình và những sai sót đã qua."*[21]

Tác giả nhắc việc Hà Huy Tập cáo buộc Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm về hàng trăm đảng viên bị bắt ....(như phần đông các tác giả trước đã viết) và còn cho biết Hà Huy Tập quả quyết chính tổng bí thư cộng đảng Xiêm, từng theo chân Hồ cũng nói trước 1930 Hồ không phải là cộng sản. Theo tác giả, Hồ đã bị điều tra bởi bộ ba gồm Manuilsky, Kang Cheng và Vera Vasilieva. Manuilsky trung lập, Kang Cheng đòi hành quyết, còn Vera thì bênh, viện lẽ Hồ sai lầm chỉ vì thiếu kinh nghiệm.

Về đại hội VII, Quốc Tế Cộng Sản, tác giả nhắc lại việc đưa ra đường lối ủng hộ một liên minh với cánh tả dân chủ xã hội nhằm chống Phát Xít tại Âu châu và cho là Hồ đã đi trước thời đại khi muốn nhìn lại những thất bại trong 2 năm 1930-1931 liên quan đến sự hiểu lầm "cách mạng dân chủ tư sản".

Như đã biết, sau đại hội VII mặt trận Bình Dân (hay dân tộc) ra đời tại Pháp và sách lược mặt trận thống nhất dân tộc được áp dụng trở lại. Do đó trung ương Đông Dương Cộng Sản đảng cũng có những chỉ thị, lời kêu gọi và thư ngỏ cổ võ liên hiệp giữa các phe phái nhằm thống nhất "*phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương*".

Chương 6, tác giả cho biết sau đại hội VII, Hồ Chí Minh tiếp tục theo học tại trường Lenin tới hết năm 1935. Năm 1936 ông sang trường Stalin làm việc chung với Vera Vasilieva, phụ trách giảng dạy các học viên Việt Nam. "Làm việc với Lin thật thích thú..." Vera nói vậy! Vera là người từng bênh vực Hồ và là người cùng với lãnh tụ Manuilsky đặc trách các vấn đề Đông Dương trong Quốc Tế Cộng Sản.

Cuối năm 1936, Vera đưa kế hoạch lập trường huấn luyện tại Trung quốc và phái Hồ sang đó để tổ chức và điều khiển trường này. Bà dự trù một ngân sách 3000 Mỹ Kim để đào tạo 10 học viên cho mỗi 2 tháng. Nhưng cuối cùng dự án bị hủy bỏ nên Hồ tiếp tục ở lại Liên Xô cho đến 1938.

Tác giả cũng nêu sự kiện trong khi Hồ chỉ làm việc phiên dịch và dạy cho học viên người Việt theo một thứ bậc thấp, Nguyễn Khánh Toàn được cử làm giảng viên

thực thụ. Tác giả viết về hoàn cảnh và vị thế chênh vênh của Hồ trong giai đoạn này như sau:

"Khó tưởng tượng nổi một đảng viên kỳ cựu như Hồ Chí Minh có thể tiếp tục hoạt động qua thời kỳ điên loạn này. Nhưng tháng 1-1938 ông vẫn còn đang dịch những lá thư hiếm hoi từ Đông Dương gửi tới. Việc ông sống sót qua những năm kinh khủng nhất của thời kỳ thanh trừng thường được coi là dấu chỉ của sự bảo vệ mà một cán bộ cao cấp sống sót là Manuilsky đã dành cho ông. Nếu không phải vậy thì chỉ vì ông là một kẻ theo chủ nghĩa Stalin trung thành mà thôi."

Cuối cùng Hồ cũng được cho rời khỏi trường và chẳng bao lâu sau trở lại Trung Quốc.

Chương 7, Hồ Chí Minh trở lại Trung Quốc mùa thu 1938, khi Liên Xô và Trung Hoa Quốc Gia tái lập liên minh với hiệp ước bất tương xâm được một năm và Mặt Trận Bình Dân ở Pháp đã sang năm thứ hai. Sự liên minh mới này dẫn đến tái lập mặt trận thống nhất dân tộc giữa Đảng Cộng Sản và Quốc Dân Đảng Trung Quốc nhằm chống Phát Xít.

Trong bối cảnh đó, *nhiệm vụ bí mật* mà Hồ nhận từ Quốc Tế Cộng Sản - gồm 8 điểm phải học thuộc lòng, như tác giả ghi rõ - để đem về áp dụng là đưa đảng Cộng Sản Đông Dương vào một "mặt trận dân chủ dân tộc rộng rãi" gồm cả những Pháp kiều tiến bộ và giới tư sản dân tộc. (**22**) Xin lưu ý mấy chữ *nhiệm vụ bí mật* mà Hồ nhận từ Quốc Tế Cộng Sản.

Mùa xuân năm trước, 1937, Minh Khai và Hoàng Văn Nọn cũng học thuộc lòng huấn thị của Quốc Tế Cộng Sản

để mang về Hồng Kông, chuyển giao cho Hải Ngoại Vụ của Quốc Tế Cộng Sản. Theo tác giả, huấn thị này rất gần với huấn thị 8 điểm mà Hồ đã mang theo.

Lại xin lưu ý mấy chữ *học thuộc lòng* và nhớ lại Hồ Chí Minh cũng học thuộc lòng 8 điểm chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản. Học thuộc lòng tức không có văn bản mang theo. Các tổ chức bí mật, tổ chức đen, Mafia thường chỉ ra lệnh miệng. Những việc tàn ác tầy trời của Cộng Sản Việt Nam cũng như Cộng Sản thế giới phần nhiều do lệnh miệng của lãnh tụ. Nếu theo nguyên tắc pháp lý của chế độ dân chủ Tây Phương để xét hành động của Cộng sản, nhất là Cộng Sản Trung Hoa và Cộng Sản Việt Nam e là khó tránh lầm lạc. Tác giả viết:

"Tháng 4-1938, ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Đông Dương đã thỉnh cầu Quốc Tế Cộng Sản gửi đều đặn huấn thị về các vấn đề chính trị, tổ chức và mỗi 5 hoặc 6 tháng, phái một đồng chí lãnh đạo mang những huấn thị đó cùng với tài chính viện trợ. Thêm vào khoản tiền ứng trước 5000 MK để in sách, họ cũng xin gửi cố vấn và ngân khoản để mở một trung tâm huấn luyện hợp pháp tại Trung Quốc theo đường lối những năm 1926-1927. Có thể Hồ Chí Minh được phái sang Trung Quốc lần này là thể theo lời thỉnh cầu đó."[23]

Tuy nhiên, tình hình Đông Dương lúc ấy không giống tình hình Trung quốc. Cho nên việc thực hiện sách lược mặt trận dân tộc dân chủ năm 1939 đã gây tranh luận giữa các lãnh tụ Đông Dương Cộng Sản Đảng như Phan Văn Tạo, người từng dự đại hội VI Quốc Tế Cộng Sản, Lê Hồng Phong, nguyên tổng bí thư và từng đại diện Đông

Dương Cộng Sản Đảng tại đại hội VII Quốc Tế Cộng Sản và Nguyễn Văn Cừ, tổng bí thư lúc ấy. Theo tác giả, lập trường của Nguyễn Văn Cừ trong cuốn *Tự Phê* tóm lại là:

"Chính sách của đảng là ủng hộ việc thành lập mặt trận dân chủ - nhưng mặt trận này phải thành lập trong phạm vi những phong trào đấu tranh quần chúng mạnh mẽ. Mặt trận dân chủ phải là một hình thức đấu tranh giai cấp cũng như kháng chiến chống đế quốc".

Về hoàn cảnh của Hồ Chí Minh, tác giả viết:

"Khi đọc những bài báo của Hồ Chí Minh trên tờ Notre Voix, người ta thấy hoàn cảnh của ông ở giữa cuộc chiến Hoa - Nhật là một thế giới riêng biệt khác hẳn Sài Gòn với các cuộc bầu cử lúc ấy. Ông đã dấn thân vào công việc tuyên truyền ủng hộ Trung Quốc, xây dựng niềm tin vào khả năng kháng Nhật của nó. Tháng 8 và tháng 9-1939, tình hình quốc tế thay đổi đã đưa Đông Dương Cộng Sản Đảng vào những cuộc tranh luận nội bộ gay gắt: Ngày 23-8, hiệp ước Molotov-Ribbentrop bỗng đặt những người cộng sản theo Liên Xô vào chung chiến tuyến với Đức Quốc Xã. Và, chiến tranh bùng nổ tại Âu châu, khi Đức tiến đánh Ba Lan ngày 1-9-1939. Ngày 28-9, toàn quyền Pháp ở Đông Dương đặt đảng cộng sản ra ngoài vòng pháp luật và suốt trong một năm cộng sản đệ tam cũng như đệ tứ đều bị lùng bắt."

Về hội nghị trung ương kỳ VI và những cuộc nổi dậy năm 1940, tác giả cho biết đa số cán bộ lãnh đạo Đông Dương Cộng Sản Đảng tán thành nổi dậy để phản ứng lại tình hình thay đổi lúc ấy bằng cách thành lập mặt trận thống nhất phản đế cuối năm 1939. Lúc ấy giải phóng dân tộc trở thành mục tiêu chính. Trong một thông tư phổ

biến tháng 12-1939, Đảng Cộng Sản kêu gọi các lực lượng đấu tranh của vô sản, nhân dân lao động các nước nhược tiểu "*hãy đoàn kết với Liên Xô*". Hãy vùng lên đấu tranh "*để dập tắt ngọn lửa chiến tranh bằng cách loại trừ tận gốc là hệ thống đế quốc tư bản.*"[24]

Nhưng cuộc nổi dậy ở Nam Kỳ đã thảm bại, dẫn đến hàng trăm đảng viên bị bắt và bị hành quyết. Theo Trần Huy Liệu, có tới 100 cán bộ lãnh đạo bị giết. Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Hữu Tiến tất cả đều bị hành quyết trong tháng 8-1941. Lê Duẩn và nhiều đảng viên cộng sản khác như Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo ngồi tù cho tới khi Nhật đầu hàng năm 1945. Riêng Lê Hồng Phong chết trong tù năm 1942.

Từ đó Hồ trở nên lãnh tụ danh chính ngôn thuận (nguyên văn: *legitimate leader*). Ngay Trường Chinh cũng phải được Hồ chấp thuận mới được giữ chức tổng bí thư.[25]

Đoạn cuối chương 7 và cũng là đoạn chót của tác phẩm, trước khi tóm tắt để kết luận:

"Tháng 10-1940 Hồ Chí Minh và đám cận thần từ Côn Minh đến Quế Lâm. Đây chính là thời điểm cộng sản hải ngoại quyết định dùng cái vỏ (26) Việt Minh cho mặt trận dân tộc của mình. Đây cũng chính là tổ chức đã được thành lập tại Nam Kinh năm 1936 bởi Hồ Học Lãm, Hoàng Văn Hoan, Lê Thiết Hùng, Phi Vân, Nguyễn Hải Thần và một số người khác. Vì tổ chức này là tổ chức được chính thức đăng ký ở Trung Quốc nên trở thành cơ cấu thích hợp cho những mục tiêu của Hồ Chí Minh."[27]

Tác giả cũng nhắc đến *"Việt Nam Dân Tộc Giải Phóng Đồng Chí Hội"*[28] của Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần thành lập năm 1941 và bảo cái nhân (nucleus) của nó là Việt Minh. Như vậy Việt Minh vừa là cái vỏ của đảng Cộng Sản vừa là cái nhân của tổ chức của Trương Bội Công. Điều lạ là tác giả không nói đến việc Hồ Chí Minh lập Mặt Trận Việt Minh tại Pác Bó và cũng không kể chi tiết về tổ chức của Trương Bội Công.

Tác giả nhấn mạnh sự kiện hội nghị 8 trung ương Đông Dương Cộng Sản Đảng do Hồ Chí Minh chủ tọa sau ngày trở lại Trung Quốc và dựa theo báo cáo của mật báo viên bí danh "Ursule" tìm thấy trong văn khố Pháp Quốc Hải Ngoại (AOM), để khẳng định hội nghị này được tổ chức ở Tĩnh Tây, Quảng Tây, chứ không phải ở trong quốc nội. Ủy ban trung ương đảng họp trên lầu, còn ủy ban Bắc Kỳ họp ở tầng trệt. Hồ Chí Minh dự cả hai, sáng với trung ương và chiều với địa phương. Trong hội nghị kỳ 8, Trường Chinh được chính thức xác nhận là tổng bí thư đảng. Tác giả nêu lên thành tích của ông Hồ trong việc sát nhập Đông Dương Cộng Sản Đảng vào mặt trận thống nhất với Trung Hoa Quốc Dân Đảng và các đảng phái quốc gia Việt Nam có đại diện ở biên giới.

Cuối chương 7, tác giả cho biết *"mặc dầu Liên Xô đã trở lại với liên minh thế giới chống Phát Xít vào tháng 6-1941, nhưng lúc này hoàn toàn bị thu hút vào cuộc chiến sinh tử với quân Đức, nên không còn chú ý đến Á châu được."* Tác giả bảo Quốc Tế Cộng Sản chính thức tuyên bố giải tán ngày 22-5-1943. Bà nói là từ đó cho đến năm 1947, không có bằng chứng cho thấy Cộng Sản Việt Nam đã nhận được chỉ thị hướng dẫn hay ngân khoản từ Mạc Tư Khoa.

Tác giả viết về hội nghị trung ương kỳ 8:

"Các chính sách đưa ra trong hội nghị trung ương kỳ 8 đã trở thành khuôn thước cho các hoạt động thời chiến của Việt Minh. Nhưng, như những cuốïc nghiên cứu về sự nắm chính quyền của Việt Minh vào tháng 8-1945 cho thấy, những chính sách đó không được phổ biến đồng đều trong nước; cũng không được toàn thể đảng viên chấp nhận. Trong những năm sau đó, con người thực dụng Hồ Chí Minh tiếp tục phải đương đầu với sự chống đối giữa nội bộ đảng trong cố gắng xây dựng một liên hiệp các phần tử yêu nước."

Qua đoạn này, tác giả cố chứng minh là Hồ Chí Minh bắt đầu điểu khiển đảng đã phải đơn thương độc mã quyết định chính sách và không nhận được viện trợ từ Quốc Tế Cộng Sản, đồng thời còn bị chống đối từ nội bộ đảng. Nhưng Hồ vẫn cương quyết chủ trương lập một liên minh với các phần tử quốc gia yêu nước, để tranh đấu cho nền độc lập của tổ quốc.

Từ lập luận đó, tác giả kết luận: *"Coi Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Đông Dương thuần túy là sản phẩm của Quốc Tế Cộng Sản là một sự xuyên tạc vĩ đại"* (29) và *"Chính tài năng của Hồ Chí Minh... đã bảo đảm cho ông địa vị của một lãnh tụ thành công nhất trong cuộc tranh đấu dành độc lập."* (**30**) Lời kết luận dù mang tính quả quyết vẫn không đủ sức dập tắt tiếng nói cất lên từ các sự kiện được chính tác giả trưng dẫn về sự lệ thuộc của Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Đông Dương vào Quốc Tế Cộng Sản. Đó là những lần Hồ Chí Minh hay đồng chí báo cáo công tác, dự thảo kế hoạch trình lên các cơ quan phụ thuộc của Quốc Tế Cộng

Sản, hay những nhân vật đầu não của tổ chức này như Manuilsky chẳng hạn, để xin duyệt và chấp thuận, nhất là những lá thư xin tiền, đề xuất ngân sách cho các chương hành động.

Tác giả đã cho biết trong thời gian thực thi sách lược mặt trận thống nhất dân tộc giữa Đảng Cộng Sản và Quốc Dân Đảng Trung Hoa tại Trung Quốc, Quốc Tế Cộng Sản đã đặt văn phòng Viễn Đông Vụ (FEB) để giải quyết các vấn đề của vùng này gồm cả Đông Dương. Vậy, dù có lúc không liên lạc trực tiếp được với Quốc Tế Cộng Sản ở Mạc Tư Khoa, không có nghĩa là không nhận được sự giúp đỡ và chỉ thị của tổ chức (qua trung gian FEB hay Đảng Cộng Sản Trung Quốc). Tác giả cũng không nói về liên hệ của Hồ Chí Minh với Noulens tuy nhắc đến tên nhân vật này hai lần. Chính mối liên hệ với Noulens mới quan trọng, chứ không phải liên hệ với Borodin. Vì việc Hồ Chí Minh được cử làm phụ tá và thông dịch cho Borodin chỉ là vỏ bọc cho những công tác quan trọng hơn nhận từ nhân vật đại diện Quốc Tế Cộng Sản, Hilaire Noulens, dù Noulens với tên thực Jakov Rudnik chỉ giữ vai trò trưởng phòng giao thông liên lạc tại Thượng Hải.

Có lẽ tác giả đã bỏ sót tài liệu của Duiker và Hồng Hà kể lại nhiệm vụ đích thực của Hồ Chí Minh chỉ có vợ chồng Borodin biết. Tác giả cũng tỏ ra ít quan tâm tới một điểm quan trọng trong chiến lược sách lược đấu tranh của Cộng Sản do Lênin và Stalin đề ra là các hình thức mặt trận thống nhất, mặt trận dân tộc, mặt trận dân chủ, mặt trận phản đế vv... dù nhắc đến rất nhiều lần, kể cả mặt trận thống nhất mà Liên Xô chủ trương tại Trung

Quốc, để hai đảng Quốc-Cộng liên minh trong thế liên minh Xô-Trung.

Liên minh này không xảy ra một lần mà còn tái diễn. Đã có lần cộng đảng bị tảo thanh, đàn áp, nhưng họ vẫn mượn cớ kháng Nhật tiếp tục liên minh với "kẻ thù giai cấp" để có cơ hội lợi dụng thanh thế của Quốc Dân Đảng tìm cách tuyên truyền, vận động, lôi kéo quần chúng nhập cuộc đấu tranh giai cấp của Quốc Tế Cộng Sản. Đây cũng là phương thức mà Hồ Chí Minh đã triệt để áp dụng đối với các đảng phái quốc gia Việt Nam tại Hoa Nam và sau này tại quốc nội mà hậu quả là không biết bao nhiêu nhà ái quốc tên tuổi, không biết bao nhiêu người yêu nước vô danh đã bị đảng cộng sản do Hồ Chí Minh lãnh đạo thủ tiêu, hãm hại, xô đẩy vào chỗ chết. Tất nhiên không thể bảo phương thức này chỉ cần thiết cho việc giành độc lập tổ quốc chứ không vì quyền lợi của Quốc Tế Cộng Sản.

Sophie Quinn-Judge có vẻ thích thú về ý nghĩ là Hồ Chí Minh không được Quốc Tế Cộng Sản ưu đãi, thậm chí còn bị ngược đãi tới mức có lúc gần như bị giam lỏng, nhưng nhờ biết vận dụng thời cơ, có tài trí ứng phó với thời cuộc, nhất là vì yêu nước thực sự khiến nhân dân triệt để ủng hộ nên đã thành công. Một chứng cớ được đưa ra trưng dẫn cho tình trạng trên là thư của Hồ Chí Minh than phiền phải ở một căn phòng chật chội ồn ào, đầy rệp... tại "khách sạn" Lux, một thứ nhà tập thể. Nhưng cũng chính thời gian đó, tại đại hội đầu tiên của Quốc Tế Nông Dân, Hồ Chí Minh đã được bầu làm một trong 11 ủy viên trung ương. Giữa vị thế quan trọng được xác định và điều kiện cư trú tồi tàn thì vấn đề sau không có ý nghĩa gì. Vả lại,

nhiều tài liệu cho biết chính Borodin cũng tạm trú tại khách sạn Lux nên có thể hiểu đó là do tình trạng kinh tế lúc ấy ở Liên Xô.

Một dẫn chứng khác là việc Hồ Chí Minh bị cầm chân hơn 4 năm tại Liên Xô chưa hẳn là do bị ngược đãi mà có thể là do được biệt đãi cho theo học trường Lenin là trường lúc ấy chỉ có riêng Hồ Chí Minh là người Đông Dương duy nhất được học. Sau đó Hồ Chí Minh còn được tham gia thành phần huấn luyện viên của trường Stalin. Thực ra, tác giả gần như không cho biết về công việc của Hồ Chí Minh tại trường Lenin cũng như trường Stalin, dù nhan sách nhằm nói về những năm thiếu vắng trong tiểu sử Hồ Chí Minh mà những năm có mặt tại hai trường này chính là những năm thiếu vắng đó.

Rất có thể Hồ Chí Minh bị lưu lại Liên Xô một thời gian dài do cần điều tra về một số nghi vấn trong khi hoạt động tại Hoa Nam vì sơ sót để bị bắt hoặc vì lý do được nhà cầm quyền Anh tại Hương Cảng phóng thích dễ dàng, đồng thời cũng có thể do mục đích chỉnh huấn, tái tạo giúp Hồ Chí Minh có đủ bản lãnh trở thành một cán bộ đầu não để sau này lãnh đạo đảng Cộng Sản Đông Dương.

Việc được phái trở lại Hoa Nam sau khi mặt trận thống nhất Quốc, Cộng Trung Hoa tái lập chứng tỏ Hồ Chí Minh phải được tin cậy về khả năng vận dụng sách lược mặt trận của Lenin đã thấm nhuần từ đầu và thấu triệt hơn sau khóa học 1935-1936 tại trường Lenin.

Trên thực tế, những việc làm khởi từ đó đã chứng tỏ Hồ Chí Minh mới là người theo chủ nghĩa Lenin thuần thành hơn hẳn các đồng chí như Trần Phú, Hà Huy Tập, Lê Hồng

Phong, Nguyễn Văn Cừ ... và một số đông khác về sự hiểu thấu ý nghĩa và công dụng của sách lược mặt trận thống nhất dân tộc, dân chủ...

Tác giả cho biết chỉ căn cứ vào sự kiện và chỉ nêu những sự kiện có chứng từ lấy từ văn khố Nga và Pháp là chính và cho biết có nhiều chứng từ đã bị mất. Thực ra, dù có đầy đủ cũng không thể quên rằng bên cạnh những chứng từ giá trị luôn luôn không thiếu những chứng từ ngụy tạo về những điều không có thực, trong khi toàn bộ sự nghiệp và con người của một nhân vật nào đó không thể bao quát chỉ bằng những sự kiện có chứng từ. Chỉ dựa vào các sự kiện có chứng từ để nhận diện một nhân vật lịch sử là nền tảng hoàn toàn bất ổn, nhất là với một nhân vật có quá nhiều nghi vấn. Cuối cùng, tác phẩm của Sophie Quinn-Judge cũng không vượt xa hơn nhiều tác phẩm đã có mặt vì chỉ phản ảnh những suy luận chủ quan dựa trên một số chứng từ hạn chế.

Chú thích

1 Tạm dịch *Hồ Chí Minh, những năm chưa biết đến, 1919-1941*, University of California Berkeley, Los Angeles 2002.

2-3-4-6 SĐD tr. 46-48, 59, 64-66, 88

5 Bức thư tìm thấy trong hồ sơ Trung Tâm lưu trữ tài liệu Liên Bang Nga (RC, 495, 154, 594...)

7 SĐD tr 102. Tác giả dẫn tài liệu của Trung Tâm lưu trữ tài liệu Nga số RC, 495, 154, 555, p. 5.

8 SĐD tr. 103.

9 Sách lược Xâm Lăng của CS - Minh Võ, Sài Gòn 1970, tr. 25.

10 SĐD tr. 108.

11 SĐD tr. 110. Về hai chữ từ dưới, xin nhắc lại là đã có lúc tác giả nói đến thống nhất từ trên, nghĩa là thống nhất giữa các cấp lãnh đạo 2 bên.

12 SĐD tr. 111.

13 SĐD tr. 116. Chúng tôi nhấn mạnh mấy chữ sách lược và cái nhân, để lưu ý độc giả đến âm mưu của Quốc Tế Cộng Sản chỉ muốn dùng người yêu nước như bình phong, cái vỏ bề ngoài để che giấu và củng cố cái cốt lõi cộng sản của họ ở bên trong. Không có cái vỏ «sách lược mặt trận dân tộc», thì không tạo được cái nhân, hoặc không bảo vệ được cái nhân cộng sản.

14 SĐD tr. 119, 275. Chú thích số 17, chương 4, của tác giả ghi: RC, 535,1, 42, p. 68, thư (của Quốc) từ Berlin, ngày 16-12-1927.

15-17-18-19-20 SĐD tr. 155, 182-183, 185-186, 192-193, 204.

16 Xin lưu ý mấy hàng trên đây liên quan đến vấn đề tuyên truyền.

21 SĐD tr. 205, trích thư Hà Huy Tập ngày 31-3-1935, và nói bản Nga ngữ không có trong văn khố.

22 SĐD tr. 222, trích dẫn thư của Hồ nhắc lại các huấn thị và sự kiện này vào tháng 7-1939, tìm thấy trong văn khố Nga mang số RC, 495, 10a, 140, p. 106

23-24-25 SĐD tr. 227, 236 tác giả trích Văn Kiện Đảng, II: 1930-1945 tr. 389, 245-246

26 Tác giả dùng từ mantle có nghĩa là cái áo khoác bên ngoài. Nếu quan niệm đây là một hoạt động bí mật loại gián điệp, tình báo, thì có thể dùng hai chữ «vỏ bọc» (cover). Chúng tôi tạm dịch bằng chữ «vỏ», để đối lại với cái nhân (nucleus) được giấu ở bên trong.

27- 30 SĐD tr. 246, 250- 251

28 Tác giả để nguyên văn danh xưng bằng tiếng Việt trong ngoặc đơn.

29 Nguyên văn: *"To view Ho Chi Minh and the ICP as purely the creations of the Comintern would be a great distortion"*

Chương 9
Trần Dân Tiên và *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*

Năm 1976 tại Sài Gòn lần đầu tiên xuất hiện cuốn *Những sự kiện lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam* trong đó hết lời ca tụng "văn tài của Bác"[1]. 10 năm sau, năm 1985, xuất hiện cuốn sách của Hà Minh Đức, *Tác phẩm văn học của Hồ chủ tịch*, với bài tựa của Nguyễn Khánh Toàn. "Văn tài" và "tác phẩm văn học" mà các tác giả nói đến được dẫn chứng một phần bằng cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch* của tác giả Trần Dân Tiên và đã có một bản dịch tiếng Pháp được gửi sang Miến Điện ngay trong năm đó[2].

Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch do Nhà Xuất bản (NXB) Văn Học Hà Nội tái bản năm 2001 gồm 168 trang, không ghi thời gian xuất bản lần đầu, nhưng bản lưu trữ ở thư viện Sài Gòn đường Lý Tự Trọng (Gia Long cũ) ghi xuất bản lần đầu năm 1948. Bản do NXB Thanh Niên tái bản năm 2000 tại Sài Gòn gồm 210 trang cũng ghi xuất bản lần đầu năm 1948.

Hồ Chí Minh được các tác giả xưng tụng như một "nhà văn hóa lỗi lạc", ngoài tính cách "lãnh tụ vĩ đại" và "cha già dân tộc kính yêu".

Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch của Trần Dân Tiên mở đầu bằng lời tác giả kể lại lý do dẫn đến cuộc gặp gỡ với Hồ Chí Minh và việc hình thành tác phẩm như sau: "*Nhiều nhà văn, nhà báo Việt Nam và ngoại quốc muốn viết tiểu sử của vị Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa nhưng mãi đến nay chưa có người nào thành công. Nguyên nhân rất giản đơn: Chủ Tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại thân thế của mình.*

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, lần đầu tiên tôi trông thấy Hồ Chủ Tịch. Đó là một ngày lịch sử. Ngày hôm ấy, đứng trước rất đông quần chúng hoan hô nhiệt liệt, Hồ Chủ Tịch trang nghiêm đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Ngày thứ hai, tôi viết thư xin phép được gặp Hồ Chủ Tịch. Ngay chiều hôm ấy, tôi rất sung sướng tiếp được thư trả lời của Hồ Chủ Tịch viết như thế này: "Ngày mai 7 giờ 30 mời chú đến. Ký tên: Hồ Chí Minh"

Thư trả lời chóng, nội dung giản đơn và giờ hẹn gặp sớm khiến tôi rất băn khoăn.

Sáng ngày mồng 4 tháng 9, 7 giờ 25, tôi đến dinh Chủ Tịch. Đúng 7 giờ 30 một người thanh niên đến phòng khách, lễ phép nói với tôi: "Hồ Chủ Tịch đang đợi anh ở phòng làm việc"... Tôi bước vào phòng kính cẩn chào. Chủ Tịch đứng dậy bắt tay tôi và mời ngồi trước bàn làm việc. Trước hết, Người hỏi thăm sức khỏe của thầy mẹ tôi và sau mới nói: "Tôi có thể giúp chú việc gì nào?" Tôi nói rõ mục đích của tôi. Chủ Tịch chú ý nghe. Sau khi tôi nói xong, Người cười và đáp:

- Tiểu sử. Đấy là một ý kiến hay. Nhưng hiện nay còn nhiều việc cần thiết hơn. Rất nhiều đồng bào đang đói khổ. Sau tám mươi năm nô lệ, nước ta bị tàn phá, bây giờ chúng ta phải xây dựng lại. Chúng ta nên làm những công việc hết sức cần kíp đi đã! Còn tiểu sử của tôi... thong thả sẽ nói đến!

Tôi như chạm phải một bức tường. Nhưng tôi không thất vọng. Về sau, tôi đặt kế hoạch khác... nghĩa là hỏi những người trước kia, trong một thời gian nào đó, đã trực tiếp hoặc gián tiếp biết Hồ Chủ Tịch, không cứ người đó là người Việt Nam hay người ngoại quốc để lấy tài liệu viết tiểu sử. Phương pháp này rất khó khăn và cần nhiều thời giờ nhưng may ra thì thành công. Cuối cùng kết quả chứng tỏ rằng cách ấy là đúng. Tôi theo phương pháp ấy, sau hai năm làm việc, cuối cùng có khá tài liệu để viết một ít chuyện về Hồ Chủ Tịch.[3] Tác giả không nói rõ bằng cách nào nhưng đã gặp được ít nhất 7 người gồm một nhà trí thức ở Sài Gòn tên Lê, một ông tên Mai ở Hải Phòng, một ông tên Dân ở Nha Trang, một ông tên Bốn có biệt danh Bốn Sẹo ở Quỳnh Lâm, một ông tên Thanh và một ông tên Nam ở Vinh, một ông không rõ tên từng quen "ông Nguyễn" ở Paris. Bảy người này cung cấp cho tác giả những gì họ biết về một người mà họ cảm phục ngay lần đầu gặp gỡ, dù người đó chỉ là chàng trai trôi giạt giữa Sài Gòn, một anh Ba quê mùa làm phụ bếp dưới một con tàu hoặc một người vất vả vật lộn với cuộc sống...

Tác giả cho biết "tôi chỉ ghi chép cẩn thận những mẩu chuyện giữ nguyên như thế. Và đây là một tiểu sử trung thành, đúng đắn, sinh động, không thêu dệt, không bày đặt".[4]

Nhà trí thức Sài Gòn kể: "Tôi gặp một thanh niên ở

Trung Bộ vào Sài Gòn... Chúng tôi lập tức trở nên đôi bạn thân. Sau ít hôm, anh đột nhiên hỏi tôi:

- Anh Lê, anh có yêu nước không?

Tôi ngạc nhiên đáp:

- Tất nhiên có chứ!

- Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Anh muốn đi với tôi không?

Ông Lê không dám đi nhưng sau này được biết "người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy là cụ Nguyễn Ái Quốc, là Hồ Chủ Tịch của chúng ta ngày nay."[5]

Ông Mai, nhân viên cũ trên một tàu Pháp, kể: "Nhà bếp lo ăn cho bảy, tám trăm người cả nhân viên và hành khách. Có nhiều cái chảo bằng đồng lớn và nặng quá, đến nỗi anh Ba phải kéo lê trên sàn... Anh Ba mệt lử. Nhưng khi chúng tôi nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến 11 giờ hoặc nửa đêm... Cái gì đối với anh Ba cũng mới, anh phải học tất cả. Ví dụ mới đầu anh không ăn được bánh mì và bơ. Ăn xúp thì anh dùng nĩa".[6]

Ông Dân có một thời gian cùng anh Ba làm thuê cho một gia đình ở bên Pháp từ ba mươi năm trước, cho biết nhờ anh Ba khuyến khích học chữ quốc ngữ nên mới biết đọc biết viết. Lúc gặp tác giả, ông Dân không hề biết anh Ba chính là Chủ Tịch Hồ Chí Minh nhưng trong nhà ông chân dung Hồ Chủ Tịch treo trên bàn thờ giữa những bình hoa, bình hương, đèn nến vì ông là thủ quỹ của Việt Minh địa phương và là người tin rằng không thể có Việt Nam mà không có Việt Minh.[7]

Ông Bốn cho biết có lúc làm chung với anh Ba trên một

con tàu và khen anh Ba rất tốt với mọi người, không bao giờ cãi cọ với ai... không bao giờ uống rượu.[8]

Ông Nam trước làm cho một tiệm ăn tại Luân Đôn, gặp anh Ba ở phòng lau chùi thìa, nĩa và được anh Ba cho biết mục đích sang Anh là để học tiếng Anh. Nói chung, ông Nam biết anh Ba là một người ham học, can đảm, say mê cách mạng nhưng không biết gì thêm về anh Ba sau khi anh rời nước Anh trở lại Pháp.

Tác giả Trần Dân Tiên kể tiếp: "Một người quen "ông Nguyễn" ở Paris đã cho chúng tôi nhiều tài liệu rất quý báu. Ông này đã nói với chúng tôi như sau: "Lúc ấy ông Nguyễn là một người yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả vì tổ quốc; nhưng ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là Công Hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng".[9]

Hơn 20 trang kế tiếp được dành kể hoạt động của Hồ Chí Minh tại Pháp từ việc tham gia đảng Xã Hội Pháp, việc học nghề ảnh, việc viết báo tới việc tán thành gia nhập Đệ Tam Quốc Tế tại đại hội Tours nên bị mật thám Pháp theo dõi. Trên từng dòng chữ, tác giả Trần Dân Tiên không ngừng ca ngợi tinh thần vì dân, vì nước của ông Nguyễn để đi tới kết luận: "Có thể nói là ông Nguyễn suốt ngày nghĩ tới tổ quốc và suốt đêm mơ đến tổ quốc mình".[10]

Tới đây, Trần Dân Tiên thú nhận bị mất dấu vì ông Nguyễn biệt tích, nhưng kể tiếp là sau đó không lâu may mắn gặp một người bạn Pháp nên lại được nghe kể về giai đoạn ông Nguyễn ở bên Nga. Trần Dân Tiên ghi lại là Lenin từ trần hai ngày trước khi ông Nguyễn đến Nga. Đây là điều khiến ông Nguyễn sửng sốt, nhưng ông vẫn tiếp tục ở lại xem xét nước Nga.

"Ông chú ý nhất đến chế độ xã hội của nước Nga. Ở đây mọi người ra sức học tập, nghiên cứu để tiến bộ. Chính phủ thì giúp đỡ khuyến khích nhân dân học tập. Ở đâu cũng thấy trường học. Các nhà máy đều có lớp học, ở đây con em thợ thuyền có thể học nghề... để trở nên kỹ sư... Đây là một chế độ rất hay.

Trong nông trường tập thể, mọi người làm chung và chia sản phẩm theo công làm của mỗi người. Có một số nông trường tập thể rất giàu mà người ta gọi là nông trường triệu phú. Những nông trường này có trường học sơ cấp và trung cấp, thư viện, nhà chiếu bóng, sân vận động, nhà thương, phòng nghiên cứu nông nghiệp, nơi chữa máy móc... v.v. Những nông trường này đã biến thành những thành phố nhỏ. Những người đau ốm được săn sóc không mất tiền. Đây cũng là một điều ông Nguyễn hết sức phục... Vì ông Nguyễn rất yêu trẻ con nên ông nghiên cứu kỹ vấn đề nhi đồng ở Liên Xô.

Lúc mới đẻ, mỗi đứa trẻ được giúp tiền may quần áo, được uống sữa lọc trong chín tháng không mất tiền. Mỗi tuần thầy thuốc đến thăm nhiều lần... Những đứa trẻ ngoài chín tháng có thể gửi ở những vườn trẻ, có thầy thuốc chăm sóc... Có thể gửi trẻ vào vườn cho đến tám tuổi. Đến tám tuổi, trẻ em bắt đầu đi học. Học sinh mỗi buổi sáng được một bữa ăn uống không mất tiền. Ngoài trường học thì có đội thiếu nhi chăm sóc các em... Nói tóm lại, cái gì tốt nhất đều để dành cho trẻ em. Nếu nước Nga chưa phải là thiên đường cho tất cả mọi người thì nước Nga đã là thiên đường của trẻ con...".[11]

Cảnh sống thiên đường của nước Nga không làm cho ông Nguyễn quên tổ quốc Việt Nam. Do đó, "Ông Nguyễn

tìm đường qua Trung Quốc để về nước. Mục đích của ông trở về nước là để truyền bá lý tưởng mà ông đã học ở Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái".[12]

Trần Dân Tiên kể tiếp:

"Bây giờ ông Nguyễn ở Trung Quốc, ông bắt đầu đi bán báo và thuốc lá để sống... Đọc quảng cáo trên tờ Quảng Châu Nhật Báo, ông tìm đến làm phiên dịch cho ông Borodin, cố vấn chính trị của bác sĩ Tôn Dật Tiên và chính phủ Quảng Châu. Ông dịch những tờ báo Trung Quốc ra tiếng Anh. Ông để hết tâm lực nghiên cứu chính trị Trung Quốc...Vừa nghiên cứu vừa làm việc để kiếm sống, ông Nguyễn vẫn ra sức làm việc cho tổ quốc mình. Ông bắt đầu tổ chức đồng bào Việt kiều ở Trung Quốc. Tổ chức này gọi là Hội Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí... Được sự cộng tác của Đảng Cộng Sản Trung Quốc, ông Nguyễn tổ chức hội Liên Hiệp các Dân Tộc bị áp bức Á Đông... Hoạt động của hội Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí bắt đầu lan vào trong nước... Ông Nguyễn mở những lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu. Những thanh niên Việt Nam phần lớn là học sinh trốn ra dự những lớp này để học làm cách mạng, học cách hoạt động bí mật. Học xong họ lại bí mật về nước truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân... Chính phủ Quảng Châu trở thành Chính Phủ của toàn Trung Quốc và dời đến Nam Kinh. Quốc Dân Đảng phản động bắt đầu khủng bố Đảng Cộng Sản và công nông. Mặc dầu ông Nguyễn chỉ chuyên chú đến phong trào Việt Nam, chính phủ Quốc Dân Đảng nghi ngờ ông và muốn ám hại ông. Một lần nữa, ông lại mất tích.[13]

Tuy nhiên, Trần Dân Tiên vẫn tìm ra ông Nguyễn đã chuyển sang Xiêm (Thái Lan), tiếp tục hoạt động tuyên truyền cho cách mạng giải phóng chống áp bức, chống bóc lột. Trần Dân Tiên còn ghi lại nhiều giai thoại về việc dân chúng tại Xiêm yêu mến và che chở cho ông Nguyễn thoát khỏi sự truy lùng của mật thám Pháp.

Rồi Trần Dân Tiên cho biết ông Nguyễn lại trở về Trung Quốc để thực hiện một thành tích đặc biệt là hợp nhất đảng Tân Việt và hai nhóm của Hội Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí thành một tổ chức chung với chính cương gồm 4 điểm là dân tộc độc lập, nhân dân tự do, dân chúng hạnh phúc, tiến tới chủ nghĩa xã hội. Trần Dân Tiên kể lại một cách lửng lơ rằng tổ chức này có thể gọi là Hội Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí như trước hoặc Đảng Cộng Sản như ngày nay[14] cũng được, nhưng nhấn mạnh là lúc đó "bọn đế quốc bịa đặt rằng những người cách mạng đó là tay sai của Đệ Tam Quốc Tế, của Liên Xô... Đế quốc Anh cho rằng ông Nguyễn là tay sai của Liên Xô. Vì vậy những nhà cầm quyền Anh cũng cho ông là kẻ thù số một và cố bắt cho được ông."[15] Do đó, ông Nguyễn lại bị nhà cầm quyền Anh tại Hong Kong bắt giữ và sau nhờ sự can thiệp của một luật sư tốt bụng người Anh mới được tha. Trần Dân Tiên dành nhiều trang kể về những ngày ông Nguyễn bị giữ tại Hong Kong cho đến khi được thả ra và lại mất tích. Theo Trần Dân Tiên, trong thời gian mất tích này của ông Nguyễn, Đảng Cộng Sản Đông Dương đã triệu tập đại hội kỳ I, phát động phong trào Đông Dương đại hội, tổ chức nhiều cuộc bãi công, biểu tình tuần hành ở các thành phố lớn trong nước...

Thế rồi đại chiến thế giới bùng nổ và sau khi quân Nhật tràn vào Việt Nam, một biến cố xẩy ra qua lời kể của Trần Dân Tiên như sau:"Lập tức một lời kêu gọi vang dội khắp nước Việt Nam: Nhân dân ta hãy đứng về phía đồng minh! Đánh đuổi Nhật, Pháp, tiễu trừ Việt gian! Đấu tranh cho độc lập Tổ Quốc! Người Việt Nam, chúng ta hãy đoàn kết lại!"

Đó là lời kêu gọi của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh hay Việt Minh tháng 5 năm 1941. Chương trình của Việt Minh rất giản đơn và rõ ràng. Mọi người Việt Nam đều hiểu chương trình đó, thừa nhận và ủng hộ chương trình đó, vì vậy Việt Minh phát triển rất chóng, mặc dầu bị khủng bố gắt gao. Phong trào này do ông Nguyễn đứng đầu".[16]

Trần Dân Tiên mô tả tình cảnh sống của người dân Việt Nam trong thời kỳ này vô cùng khủng khiếp do thực dân Pháp cố sức đàn áp phong trào Việt Minh: "Sự đàn áp của Pháp hết sức tàn bạo, nhiều làng bị đốt. Hàng vạn người bị chết. Hàng trăm cụ già, đàn bà, trẻ con bị xuyên dây thép qua bàn tay, qua bắp chân, trói lại với nhau và bị quẳng xuống biển. Ở nhiều nơi khác, bọn Pháp bắt người lột trần, bắt tự đào huyệt chôn sống họ... Để đánh lạc hướng bọn mật thám, ông Nguyễn lấy tên Hồ Chí Minh. Và từ đó, người ta gọi ông Nguyễn là cụ Hồ".[17]

Với tên mới, Hồ Chí Minh trở qua Trung Quốc và bị bắt giữ, nhưng tác giả Trần Dân Tiên cho rằng Hồ Chí Minh coi nhẹ tù đầy qua mấy dòng ghi: "Một người bạn hỏi Cụ: "Đời tù đầy ở Quế Lâm, cụ thấy như thế nào?"Cụ Hồ cười nói: "Nhắc lại làm gì chuyện cũ!"... Và ghi thêm chi tiết: "Trong nhà tù này, cụ Hồ được biết Liễu Châu có tổ chức

Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội. Cụ được biết rằng mình bị cầm tù lâu hơn nữa vì người ta nghi Cụ sang Trung Quốc để phá tổ chức đó". Rồi Trần Dân Tiên kể: "Cách Mạng Đồng Minh Hội có hai lãnh tụ là Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần, cả hai đều đã ở Trung Quốc từ bốn mươi năm nay. Trương Bội Công đóng quan năm, làm việc trong quân đội Quốc Dân Đảng. Trước kia Trương tránh liên lạc với những người đồng hương và không tham gia một phong trào cách mạng nào. Nguyễn Hải Thần gần bảy mươi tuổi, đã quên hết tiếng Việt Nam. Nguyễn Hải Thần sang Trung Quốc năm 1905 với cụ Phan Bội Châu. Cụ Phan đã rời bỏ Nguyễn Hải Thần từ những ngày đầu. Từ đấy Nguyễn Hải Thần làm nghề xem số tử vi để kiếm ăn và nuôi vợ con. Nhờ nghề này, Nguyễn Hải Thần quen biết nhiều quan lại Trung Quốc. Cũng như Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần không hoạt động gì. Nhưng sau khi cụ Phan mất, Nguyễn Hải Thần tự nhận là người thừa kế của cụ. Trương và Nguyễn tranh nhau làm lãnh tụ."[18]

Theo Trần Dân Tiên, lúc đó chỉ còn khoảng một trăm người của Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội tại Quảng Tây và Hồ Chí Minh đã đưa một số cùng về nước.

Về phong trào Việt Minh thì Trần Dân Tiên kể Pháp-Nhật tuyên truyền ầm ĩ, nói Việt Minh là cộng sản, nhận chỉ thị và tiền bạc của Mạc Tư Khoa... v.v. Nhật-Pháp càng vu khống thì Việt Minh càng được nhân dân thương yêu ủng hộ.[19]

Còn về Hồ Chí Minh thì Trần Dân Tiên kể:

"Nhân dân mong đợi cụ Hồ Chí Minh (HCM). Mặc dầu đang ốm, cụ Hồ quyết định về với nhân dân thủ đô...[20] Đối

với Hà Nội, ngày mồng 2 tháng 9 không những là một ngày vẻ vang của Độc Lập mà còn là một ngày đáng yêu vì ngày hôm đó lần đầu tiên thủ đô Hà Nội được "mắt thấy" người con yêu quý nhất của dân tộc Việt Nam... Nhưng cảm động hơn cả là khi nhân dân thấy chủ tịch HCM đến, người mà nhân dân hằng yêu mến, khâm phục và kính trọng và lần đầu tiên nhân dân mới được thấy... nhân dân nhận thấy chủ tịch giản dị, thân mật như một người cha hiền về với đám con. Từ xa tôi thấy Chủ Tịch Hồ Chí Minh. Chủ Tịch đội mũ vải đã ngả màu vàng vì mưa gió, đi một đôi dép cao su, mặc một bộ quần áo kaki... Khi Chủ Tịch bắt đầu đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập giọng sang sảng của Chủ Tịch còn nhắc lại rừng núi xa xăm, chiến tranh du kích. Đọc xong một đoạn và giữa tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô nhiệt liệt, Chủ Tịch nói: "Tôi nói đồng bào nghe rõ không?". Câu hỏi giản đơn này làm tiêu tan tất cả những cái gì còn xa cách giữa Chủ Tịch và nhân dân và làm thành một mối tình thắm thiết kết chặt lãnh tụ và quần chúng. Với câu hỏi lạ lùng này, không một ai ngờ Chủ Tịch Hồ Chí Minh đã trừ bỏ tất cả lễ tiết, tất cả hình thức. Chủ Tịch trở thành "Cha Hồ" của dân tộc Việt Nam".[21]

Và Trần Dân Tiên tiếp tục kể về việc nhân dân Việt Nam yêu kính Hồ Chí Minh:

"Nhân dân Việt Nam muôn người như một, nghe theo lời Hồ Chủ Tịch vì họ hoàn toàn tin tưởng ở Hồ Chủ Tịch, họ hoàn toàn kính yêu Hồ Chủ Tịch. Không có gì so sánh được với lòng dân Việt Nam kính mến tin tưởng lãnh tụ Hồ Chí Minh... Nhiều nhà báo và người ngoại quốc rất ngạc nhiên trước lòng kính yêu của nhân dân Việt Nam

đối với vị Cha già Hồ Chí Minh... Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng yêu nước, yêu nhân dân của Hồ Chủ Tịch... Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng hy sinh và lòng nhân từ của Người... Chủ tịch không bao giờ nghĩ đến mình. Người chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến nhân dân...[22] Mọi người kính mến Hồ chủ tịch, nhất là thanh niên và nhi đồng. Ở ngoài mặt trận khi xung phong các chiến sĩ hô lớn: Vì tổ quốc, vì Bác Hồ tiến lên! Vì Bác Hồ mà những người lao động trong nhà máy và trên đồng ruộng tăng thêm năng suất. Đối với nhi đồng tên Bác Hồ như là một người mẹ hiền. Chỉ nhắc đến tên Bác là các em trở nên ngoan ngoãn... Nhân dân gọi chủ tịch là Cha Già của dân tộc, vì Hồ chủ tịch là người con trung thành nhất của Tổ Quốc Việt Nam".[23]

Trang cuối cùng, Trần Dân Tiên viết:

"Chúng tôi không có tham vọng viết một quyển tiểu sử của Hồ Chủ Tịch. Chúng tôi chỉ mong quyển truyện này giúp đồng bào biết vài mẩu chuyện của vị lãnh tụ đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Thân thế của Hồ Chủ Tịch gắn liền với sự nghiệp cách mạng Việt Nam và sự hoạt động của các chiến sĩ và của quần chúng. Địa bàn hoạt động của Hồ Chủ Tịch bao la, trong nước có, ngoài nước có. Thường lại phải hoạt động bí mật, khi ẩn, khi hiện rất khó theo dõi mà Hồ Chủ Tịch thì ít khi muốn nói về mình. Chúng tôi phải công phu bắt mối người này sang người khác. Chúng tôi phải dựa vào một số các đồng chí thường được gần gũi Hồ Chủ Tịch. Các đồng chí này thỉnh thoảng, tình cờ trong những giờ nghỉ ngơi sau công tác hay trong những lúc đi đường được nghe Hồ Chủ Tịch

kể cho ít mẩu chuyện trong đời hoạt động của Người. Trên cơ sở đó, chúng tôi mạnh dạn viết ra tập sách nhỏ này thuật lại vài chuyện về Hồ Chủ Tịch cho đến ngày Toàn Quốc Kháng Chiến. Chuyện của Hồ Chủ Tịch trong và sau thời kỳ kháng chiến mong nhiều anh chị em chúng ta sẽ tiếp tục viết thêm".[24]

Cho đến năm 1976, người đọc chỉ biết Trần Dân Tiên là một cây bút đã bỏ nhiều công phu sưu tầm tài liệu về một nhà cách mạng lỗi lạc, một người yêu nước, yêu dân, một người luôn quên mình, một người nhân từ chỉ nghĩ đến người khác, một người giản dị trong sáng, người con ưu tú duy nhất của dân tộc và cũng là người được nhân dân suy tôn là cha già dân tộc, một người mà trẻ con chỉ nghe nhắc đến tên đã lập tức trở thành ngoan ngoãn... Con người đó là lãnh tụ Hồ Chí Minh mà Trần Dân Tiên cho biết đã phải bỏ ra hai năm tìm nhiều mối dây mới ghi lại được một bản tiểu sử. Trần Dân Tiên tự đánh giá bản tiểu sử là trung thành, đúng đắn, sinh động, không thêu dệt, không bày đặt. Theo Trần Dân Tiên, sở dĩ phải công phu và mất nhiều thời gian tìm hiểu như vậy vì Hồ Chí Minh đã từ chối không chịu kể cho Trần Dân Tiên biết tiểu sử của mình do hiện nay còn nhiều việc cần thiết hơn. Rất nhiều đồng bào đang đói khổ... Chúng ta nên làm những công việc hết sức cần kíp đi đã! Còn tiểu sử của tôi... thong thả sẽ nói đến!

Năm 1976, Đảng và Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam công bố Trần Dân Tiên không phải người nào khác mà chỉ là bút hiệu của Hồ Chí Minh. Sự xác nhận nhắm mục đích tạo nét hào quang mới cho Hồ Chí Minh là ngoài tài đấu

tranh còn có cả văn tài và có thêm một tác phẩm văn học là *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*.

Nhưng sự xác nhận cũng cho thấy từ 1948 tới 1976, những người tìm hiểu về cuộc đời và con người Hồ Chí Minh ở cả trong lẫn ngoài nước đã bị xỏ mũi bằng một trò bịp. Suốt 28 năm, người dân trong nước và nhiều người cầm bút ở khắp nơi đã dựa không ít vào những mẩu chuyện của Trần Dân Tiên khi đánh giá con người Hồ Chí Minh. Cho đến năm 2000, Duiker còn lập lại việc cậu bé Nguyễn Tất Thành thấy rõ đường lối đấu tranh của các nhà cách mạng tiền bối là sai lầm nên từ chối lời mời xuất ngoại của cụ Phan Bội Châu. Chi tiết này do Trần Dân Tiên nêu ngay phần đầu sách để làm tiền đề cho việc tự tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh. Nhiều tác giả đã dựa vào diễn tả của Trần Dân Tiên để cho rằng toàn thể dân chúng Việt Nam hết sức kính yêu Hồ Chủ Tịch, luôn xưng tụng Hồ Chủ Tịch là Cha Hồ, là Cha già dân tộc. Bernard Fall còn nói Hồ Chí Minh rất giản dị, khiêm tốn nên không chịu nhận lời xưng tụng này mà chỉ nhận mình là Bác Hồ, trong khi Halberstam quả quyết Hồ Chí Minh không hề mắc chứng bệnh sùng bái cá nhân như mọi lãnh tụ khác. Ảnh hưởng rõ nét nhất mà *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* lưu lại là tác động đối với sự xác định lý tưởng của Hồ Chí Minh.

Sự đề cao lòng yêu nước và bôi xóa mối liên hệ với Đệ Tam Quốc Tế của Hồ Chí Minh trong cuốn sách khiến ngay những người biết rõ Hồ Chí Minh sùng tín chủ nghĩa Cộng Sản cũng đi tới kết luận lửng lơ kiểu Lacouture hay Sainteny rằng đó là một người lưỡng diện, nửa quốc gia,

nửa cộng sản. Tất nhiên, ảnh hưởng của cuốn sách đối với người chưa có dịp nhận thức sâu sát về chủ nghĩa Cộng Sản như các đám đông đại chúng sẽ rất dễ dàng đưa tới việc nói theo Halberstam rằng Hồ Chí Minh là một nhà ái quốc vĩ đại của Việt Nam.

Có thể có một thắc mắc là bằng cách nào cuốn sách ký tên Trần Dân Tiên được phổ cập tới mức đó? Trước hết, Pierre Brocheux cho biết cuốn sách đã có bản dịch Pháp Ngữ ngay từ năm 1948, sau đó là bản dịch Anh Ngữ và nhiều thứ tiếng khác. Ngay trong trường hợp các bản dịch này chỉ được một hai người biết, ảnh hưởng cuốn sách vẫn dễ dàng truyền xa qua cách làm việc của những người cầm bút, khi ảnh hưởng cuốn sách tác động vào chỉ vài tác giả thôi. Chỉ cần một lời ví von của P.J. Honey rằng *Hồ Chí Minh có một phần tính cách của Gandhi* lập tức có sự lập lại của Bernard Fall rằng *Hồ Chí Minh bộc trực giống Gandhi* và sau đó Halberstam quả quyết *Hồ Chí Minh là một phần Gandhi*... Với cùng cung cách đó, cái hình ảnh do Hồ Chí Minh tự tô vẽ qua dòng chữ "*nhân dân gọi Hồ Chủ Tịch là Cha Già của Dân Tộc*" đã được truyền nhắc để biến dần thành hình ảnh thực là điều không đáng ngạc nhiên.

Nếu bảo sự việc đã được kiểm chứng bằng cảnh huống nhà người dân nào tại miền Bắc cũng treo ảnh Hồ Chí Minh, có nơi dân chúng còn thờ Hồ Chí Minh như một vị thần thì cũng không thể quên rằng năm 1948 là lúc Hồ Chí Minh tạo ra cái hình ảnh mình là Cha già dân tộc chỉ mới cách cái ngày Hồ Chí Minh phải ra trước công chúng khóc lóc biện bạch mình không hề bán nước chưa đầy 24 tháng.

Như thế, nếu người dân có tôn sùng và gọi Hồ Chí Minh là Cha già dân tộc thì đó chỉ là kết quả của một nỗ lực dắt

dẫn, uốn nắn thậm chí cưỡng bách nhiều năm, từ 1948 về sau, chứ không phản ảnh tình cảm thực sự của toàn thể dân chúng đối với Hồ Chí Minh, ít nhất là vào năm 1948 - *chưa kể khi Hồ Chí Minh ngồi viết sách chỉ mới ở khoảng giữa hoặc cuối năm 1947*.

Lúc đó chỉ duy nhất có một người nghĩ đến mấy chữ *Cha già dân tộc* và đóng vai người khác để xưng tụng mình bằng danh hiệu ấy là Hồ Chí Minh. Lúc đó cũng chỉ duy nhất có một người là Hồ Chí Minh diễn tả Hồ Chí Minh gồm đủ mọi đức tính tuyệt vời như chân thành, ngay thẳng, hy sinh, nhân ái, yêu nước, thương dân... và dùng tiếng NGƯỜI viết hoa mỗi khi nhắc đến mình để tỏ sự tôn kính tuyệt đối.

Thực ra, 6 năm sau cái thời điểm mà Hồ Chí Minh tự diễn tả mình được toàn dân coi là *Cha già dân tộc*, thực tế đã nói lên một cách cụ thể thái độ của người dân đối với Hồ Chí Minh bằng sự trạng hơn một triệu người bỏ xóm làng, sản nghiệp ra đi, khi miền Bắc đặt dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Hơn một triệu đứa con chấp nhận đương đầu với cả cái chết để tìm cách xa lánh Cha già chắc chắn là một sự kiện cần nhìn tới khi kiểm chứng thực chất cái tình giữa cha và con mà người ta nhắc tới.

Và, có lẽ cũng cần kiểm chứng với ngay cả những đứa con còn tiếp tục ở lại miền Bắc coi trong đó có bao nhiêu phần trăm đang nuôi mong ước được ra đi hoặc thoát khỏi sự lãnh đạo của Cha già! Hãy hình dung lúc Hồ Chí Minh vẽ ra cảnh mình khuyên một người muốn viết tiểu sử của mình rằng "hiện nay còn nhiều việc cần thiết hơn. Rất nhiều đồng bào đang đói khổ... Chúng ta nên làm những

công việc hết sức cần kíp đi đã! Còn tiểu sử của tôi... thong thả sẽ nói đến! cũng chính là lúc Hồ Chí Minh đang ngồi viết tiểu sử của mình và ghi đúng dòng chữ đó! Cái thật và cái giả trong lời nói của Hồ Chí Minh ở đây không còn cần bàn tới và cán cân cũng rõ ràng nghiêng về phía nào, giữa việc viết tiểu sử của Hồ Chí Minh với việc Hồ Chí Minh đang quan tâm đến sự đói khổ của đồng bào.

Dù vậy, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch* rõ ràng đã có tác động dắt dẫn dư luận rất lớn. Gần như các tác giả sau này ở cả trong lẫn ngoài nước khi phác họa con người Hồ Chí Minh đều không qua khỏi cái khung do Hồ Chí Minh đã dựng lên cho hình ảnh của mình.

Cũng có thể kể thời điểm cuốn sách ra mắt đã đóng góp rất nhiều vào việc tạo ảnh hưởng. Năm 1948, Hồ Chí Minh chưa được dư luận quốc tế lưu tâm nhiều, chưa hề có tài liệu nói về Hồ Chí Minh nên cuốn sách trở thành cần thiết cho những người muốn tìm hiểu, khi vai trò Hồ Chí Minh trở nên quan trọng hơn trên bàn cờ quốc tế vào đầu thập niên 1950. Có thể bảo cuốn sách chính là tài liệu duy nhất vào lúc đó nói về nhân vật Hồ Chí Minh, nhất là *tác giả cuốn sách đã cho biết phải dành suốt hai năm sưu tầm tài liệu, gặp gỡ các chứng nhân và bảo đảm ghi nhận một cách trung thực, không thêu dệt, không bày đặt.*

Nội dung sách không chỉ đề cao con người Hồ Chí Minh mà còn cố xóa mờ tính chất Cộng Sản của Hồ Chí Minh và đặc biệt nhắm triệt hạ mọi tổ chức và nhân vật đấu tranh yêu nước thuở đó.

Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế bị coi là nặng cốt cách phong kiến.

Phan Chu Trinh bị coi là sai lầm do chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương.

Phan Bội Châu bị coi là *"đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau"* vì dựa vào Nhật.

Việt Nam Quốc Dân Đảng bị chê là không có chính cương rõ ràng, chỉ lo tổ chức đám binh sĩ Việt Nam trong quân đội thuộc địa Pháp để bạo động.

Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội bị chê là theo Quốc Dân Đảng Trung Hoa...

Về các nhân vật đấu tranh như Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh... thì Hồ Chí Minh viết: *"Đối với bọn này, nhân dân rất khinh bỉ. Người ta hỏi tại sao lại để cho hạng người này ở trong Quốc Hội đầu tiên của nước Việt Nam? Đây là một sự nhục nhã cho chế độ dân chủ mới... v.v. Hồ chủ tịch rất hiểu lòng tức tối của nhân dân đối với các "nghị viên" này. Hồ chủ tịch giải thích cho nhân dân một cách rất giản đơn. Chủ tịch nói: Muốn giồng khoai giồng lúa, người ta phải dùng phân. Muốn đi đến dân chủ đôi khi chúng ta phải làm những việc chúng ta không vui lòng làm"*.[25]

Trong khi đó, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao mình liên tục hoạt động đấu tranh, nhưng bỏ qua tất cả những hoạt động liên hệ với Quốc Tế Cộng Sản, không nhắc tới những bài báo từng viết về Lenin, không nhắc tới vai trò phụ tá cho Borodin ở Quảng Châu, không nhắc tới những công tác tổ chức tuyên truyền nhận lãnh từ Pavel Mif và Hilaire Noulens, không nhắc tới thời gian là Thiếu Tá Hồ Quang trong Bát Lộ Quân Trung Cộng, thậm chí còn làm như không dính tới việc thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương và phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1929-1930...

Hồ Chí Minh còn nhiều lần bài bác *bọn đế quốc bịa đặt rằng những người cách mạng là tay sai của Đệ Tam Quốc Tế... Đế quốc Anh cho rằng ông Nguyễn là tay sai của Liên Xô... Pháp-Nhật tuyên truyền ầm ĩ Việt Minh là cộng sản, nhận chỉ thị, tiền bạc của Mạc Tư Khoa v.v...*

Các sự việc vừa kể cho thấy gì? Trước hết, có ba điều liên hệ đến cuốn sách cần lưu ý:

- Thứ nhất, là Chủ Tịch Nước, Chủ Tịch Đảng giữa lúc chiến tranh khốc liệt, sao Hồ Chí Minh lại dành thời giờ làm một việc mà nhiều người, trong số có Vũ Thư Hiên, cho là ngớ ngẩn và thừa? Có thật là thừa không?

- Thứ hai, Hồ Chí Minh muốn phổ biến cuốn sách một cách khẩn cấp (**ngay sau khi vừa viết xong, có thể là cuối năm 1947**) và rộng rãi ra khắp thế giới.

- Thứ ba, Hồ Chí Minh giấu nhẹm mọi dấu vết để không ai biết chính mình là tác giả. Ngay người thân cận bên cạnh Hồ Chí Minh có lẽ cũng không mấy ai biết, còn người biết chắc chắn đã nhận lệnh không được tiết lộ.

Lúc ấy, chiến tranh đang diễn ra khốc liệt với ưu thế nghiêng về phía Pháp. Việt Minh bị đẩy lui ở nhiều nơi, Hồ Chí Minh và chính phủ của ông phải chui lủi trong vùng núi rừng Việt Bắc. Dư âm phản đối trong quần chúng chưa dứt về bản Hiệp Ước Sơ Bộ 6/3/1946 mà các đảng phái quốc gia buộc tội Hồ Chí Minh nhượng bộ quá đáng do chấp nhận cho quân Pháp vào miền Bắc.

Quan trọng hơn là dư luận chính giới Mỹ không thuận lợi cho Hồ Chí Minh như cuối năm 1945. Hồ Chí Minh không còn được nhìn như một người yêu nước mà trở thành người được Liên Xô dùng để bành trướng thế lực ở

vùng Đông Nam Á. Quan trọng hơn nữa là lúc ấy Pháp có ý xoay chiều cuộc chiến sang hướng ngăn chặn sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng Sản và vấn đề chống Cộng đã được đặt lại trong dư luận ở nhiều nơi, kể cả vùng Pháp chiếm đóng lẫn vùng kháng chiến. Trong cuốn sách, Hồ Chí Minh đã nhắc đến ý hướng này của Pháp qua đoạn nói về hoạt động của Bolaert giữa năm 1947, muốn tổ chức "mặt trận quốc gia" để chống lại chính phủ Hồ Chí Minh.[26] Trong khi đó, chủ trương diệt các phần tử đối lập mà Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam theo đuổi từ năm 1945 khiến đang nhen nhúm lại nhiều tổ chức chống Cộng ở khắp hai miền Nam - Bắc.

Khung cảnh chung đó của tình hình chính trị, quân sự cho thấy Hồ Chí Minh lâm thế hết sức khó khăn với mức độ bị đe dọa nặng nề. Điểm tựa duy nhất có thể giúp vượt thoát nguy cơ là chiêu bài dân tộc yêu nước. Với chiêu bài này, Hồ Chí Minh sẽ giữ được tính chất chính nghĩa kháng chiến chống xâm lược để dựa vào sự ủng hộ tích cực của mọi tầng lớp dân chúng hằng khao khát giành lại chủ quyền quốc gia từ bao nhiêu năm qua. Cũng với chiêu bài này, Hồ Chí Minh sẽ đồng hóa được vào hàng ngũ dân tộc yêu nước và có thể nhận được sự hỗ trợ của những người yêu chuộng công bằng trên khắp thế giới hầu tạo một dư luận chính trị đủ gây khó khăn cho các nỗ lực quân sự của Pháp tại Việt Nam.

Cùng với việc củng cố chiêu bài này, Hồ Chí Minh hết lời mạt sát những người quốc gia yêu nước. Đây chính là ngọn đòn vừa trực tiếp cản phá vừa trực tiếp tấn công vào ảnh hưởng sự chuyển hướng cuộc chiến của Pháp trên cả

hai mặt trận quốc nội và quốc ngoại. Các nhân vật quốc gia bị bôi bác liên tục là tham tiền, lưu manh, mật thám cho Pháp - Nhật sẽ khó khăn trong việc thu hút sự ủng hộ của dân chúng, trong khi dễ dàng bị dư luận quốc tế nhìn như một thứ bù nhìn tay sai cho Pháp tiến hành cuộc chiến xâm lược Việt Nam.

Tóm lại, Hồ Chí Minh đã đặt vào cuốn sách mục đích tuyên truyền chính nghĩa cho cuộc chiến do mình đang lãnh đạo để tranh thủ nhân tâm. Phải bằng mọi cách cho nhân dân trong nước và dư luận thế giới thấy lực lượng Việt Minh chiến đấu vì chủ nghĩa dân tộc chứ không vì chủ nghĩa cộng sản và thấy Hồ Chí Minh được nhân dân khắp nước tuyệt đối tin tưởng, kính yêu, suy tôn như vị cha già dân tộc.

Cho nên Hồ Chí Minh không thể không viết cuốn sách trên, không thể chậm trễ trong việc phổ biến cuốn sách đi khắp nơi và tất nhiên không thể cho ai biết chính mình là tác giả.

Đặt cuốn sách vào khung cảnh tình hình đó, người đọc không còn bận tâm nhiều về việc đối chiếu xem lời nói nào của Hồ Chí Minh đã trái ngược hẳn với thực tế và mức độ gian dối cao tới đâu. Sainteny từng có một nhận xét rất sắc bén về Hồ Chí Minh: *"Khi mưu tính của ông ta hay đồng chí của ông ta, hoặc chính bản thân ông ta bị đe dọa, ông ta sẽ không do dự dùng những cách tàn bạo. Về phương diện này, ông ta hoàn toàn thuộc về cái thứ châu Á quá nhiều mâu thuẫn, ở đó người ta áp dụng những hình thức tra tấn cực hình tinh vi nhất tiếp theo những nghi thức xã giao rất ư ngọt ngào"*.

Khi nhìn Hồ Chí Minh như cách nhìn của Sainteny thì không thể mô tả Hồ Chí Minh bằng những đường nét và màu sắc mà chính Hồ Chí Minh đã gợi ra trước mắt mọi người và cũng chẳng cần phân tích về những màu sắc đó.

Có thể nói *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch* là một kiệt tác về tuyên truyền chính trị. Kiệt tác tuyên truyền này đã đưa Hồ Chí Minh lên đài quang vinh, đã giúp Hồ Chí Minh có thể đánh thắng kẻ thù mạnh hơn gấp bội về mặt quân sự. Nhờ có nó toàn dân mới lao mình vào lửa đạn để bảo tồn quyền lực cho Hồ Chí Minh mà cứ nghĩ mình đang chiến đấu vì tổ quốc. Nhờ có nó, nhiều người cầm bút ở khắp nơi mới lầm tưởng việc chống Cộng chỉ là chiêu bài cho các cường quốc tiến hành những cuộc chiến phi nghĩa nhằm xâm lược các nước nhược tiểu, và vì thế, đã tự chọn cái sứ mạng đứng ra bênh vực cho Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam.

Nhưng, sự có mặt của cuốn sách đã đủ cho thấy Hồ Chí Minh không bao giờ là một người bộc trực, thẳng thắn, chân thành, đồng thời càng khó thể tin Hồ Chí Minh là một người yêu nước, thương dân như những lời tự diễn tả. Hồ Chí Minh chỉ cho thấy quyết tâm bảo tồn quyền lực để tiếp tục theo đuổi tham vọng của mình bằng mọi thủ đoạn xảo trá, giảo hoạt, mặc tình đổi trắng thay đen, nói không thành có, lường gạt tất cả những người ngay thẳng trên khắp thế giới và nhẫn tâm khai thác xương máu đồng bào bằng những điều ngụy tạo về bản thân.

Cuốn sách đã đóng hết vai trò của nó trong việc giúp Hồ Chí Minh phụng sự lý tưởng của ông ta. Nhưng cuốn sách cũng góp phần quan trọng để phác họa trọn vẹn chân

tướng Hồ Chí Minh mà Sainteny đã diễn tả là kẻ sẵn sàng sử dụng những cực hình tra tấn tinh vi nhất tiếp theo những nghi thức xã giao hết sức ngọt ngào.

Chú thích

[*] *Hồ Chí Minh, nhận định tổng hợp* của Minh Võ do Tủ Sách Tiếng Quê Hương [(703) 573-1207 hoặc (949) 495-6752] xuất bản cuối năm 2003 và tái bản đầu năm 2006.

1 Những sự kiện lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam - tr. 672

2 Theo Pierre Brocheux trong Ho Chi Minh, năm 1948 ông Hồ đã trao bản dịch tiếng Pháp của cuốn sách trên cho một nhân viên phụ trách phòng thông tin tòa đại sứ CS Việt Nam ở Ngưỡng Quang, Miến Điện để dịch ra tiếng Anh và các thứ tiếng khác. Nhân viên này tên Hoàng Nguyên.

3-4-5-6-7-8-9-10 SĐD tr. 5-6, 18, 11-12, 14-15, 18, 24, 35, 53

11-12-13-14-15-16-17 SĐD tr. 64-68, 69, 69-74, 86, 89, 102-103, 103-105

18 SĐD tr. 107-109 – Theo Hoàng Văn Hoan trong *Giọt Nước Trong Biển Cả* thì khoảng 1940, Hoan thường bí mật gặp Hồ Chí Minh ở biện sự xứ Bát Lộ Quân để bàn công việc. Hồ Chí Minh nhắc nên mượn danh nghĩa Việt Minh theo tên gọi tắt Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của cụ Hồ Học Lãm và cụ Nguyễn Hải Thần để dựa vào đó mà hoạt động. Ở đây Hồ Chí Minh lại viết như mình không hề hay biết gì về hoạt động của Nguyễn Hải Thần, trong khi cái mặt trận mà Hồ Chí Minh tổ chức ở Pac Bó vào tháng 5-1941 cũng mang tên Việt Minh và được giải thích là tên tắt của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh

19-20-21-22-23-24-25-26 SĐD tr. 110, 122, 130-133, 162, 165-166, 167, 141, 160.

Chương 10
HỒNG HÀ và *Bác Hồ trên đất nước Lê Nin*

Hồng Hà là một trong nhiều bút hiệu của Hà Văn Trường, em ruột của Thép Mới. Thép Mới là người chấp bút cuốn hồi ký ***Thời thắng Mỹ*** của Lê Duẩn còn Hồng Hà là người chấp bút cuốn hồi ký ***Đại thắng mùa Xuân*** của Văn Tiến Dũng. Vì thế, mặc dù là đại tá, nguyên tổng biên tập nhật báo Nhân Dân của đảng, nguyên bí thư trung ương đảng kiêm trưởng ban đối ngoại trung ương, Hồng Hà cũng như nhà báo nổi tiếng Thép Mới đã bị gán cho cái danh hiệu "bồi bút".

Quả thực Hồng Hà cũng như Thép Mới đều tự chứng tỏ nổi là những cây bút có văn tài và đặc biệt chỉ qua vài trang đầu cuốn ***Bác Hồ trên đất nước Lênin***[1], Hồng Hà đã xứng đáng là một *hagiographer* đáng kể.

Những chi tiết lịch sử và địa lý rất tầm thường đều được tác giả nâng cao, thi vị hóa, khiến cho nhân vật lấp lánh hào quang. Tuy nhiên công phu của tác giả không được

lưu tâm vì chủ đích của tác phẩm không nhắm giúp người đọc thưởng lãm văn chương mà chỉ nhắm nhắc lại những sự kiện lịch sử quanh nhân vật Hồ Chí Minh.

Đúng như nhan đề tác phẩm, đây là một chặng đường hoạt động của Hồ Chí Minh, một chặng đường rất quan trọng, từ 1923 đến 1938, trong đó, Hồ Chí Minh lui tới nước Nga nhiều lần để rèn luyện, công tác, tham dự các đại hội Quốc Tế Nông Dân, Quốc Tế Cộng Sản và để thụ huấn hoặc giảng dậy tại trường Lao Động Đông Phương thường được gọi là Học Viện Stalin.

Thuở đó, Hồ Chí Minh ở độ tuổi ba mươi, mang tên Nguyễn Ái Quốc nên được gọi là *"anh Nguyễn"* và tác giả tả lại những giây phút đầu tiên khi anh Nguyễn đặt chân lên đất Nga:*"Biển Ban-tích lộng gió, giữa hè vẫn thoáng hơi lạnh. Đồng chí thuyền trưởng khoác thêm lên vai anh Nguyễn một chiếc áo choàng và mời anh hút thuốc Nga. Con tàu rẽ sóng chạy theo hướng đông bắc. Anh có cảm giác hạnh phúc như sắp trở về gia đình, về tổ quốc thân yêu của mình sau nhiều năm xa cách. Một tiếng còi dài lay động mặt biển..."*[2] Sau cái tiếng còi lay động mặt biển, tác giả ghi: *"Lúc đó là sáng ngày 30 tháng 6 năm 1923 ở Petrograt, nắng nhẹ, 18 độ, một buổi đẹp trời ít thấy đối với một thành phố thường hay mưa và nhiều sương mù ngay trong những ngày hè."*[3]

Hồng Hà viết những dòng trên vào gần 60 năm sau mà vẫn nêu rõ từng chi tiết khung cảnh và thời tiết của nơi Hồ Chí Minh đặt chân lên là một công phu nghiên cứu không nhỏ. Nhưng rõ ràng cái chi tiết *"nắng nhẹ, 18 độ"* này không đáng kể ở khía cạnh đúng sai mà chỉ cần cho dụng ý diễn tả một thành phố nhiều mưa đầy sương mù bỗng trở nên đẹp

và ấm khi được đón chào vị lãnh tụ tương lai. Rồi tác giả cho biết anh Nguyễn đến Liên Xô để chuẩn bị dự hội nghị Quốc Tế Nông Dân được triệu tập do sáng kiến của Lenin. Dịp này, anh Nguyễn mong được gặp Lenin nhưng ước nguyện không thành. Hồng Hà viết: *"Đối với anh Nguyễn, khi mới tới Mat-xcơ-va điều buồn nhất là được biết tin Lênin đang ốm nặng"*.

Điều này ngược với những gì Hồ Chí Minh dưới bút hiệu Trần Dân Tiên viết năm 1948: *"Anh đến đây vào lúc đang buồn. Lênin vĩ đại vừa mới mất."*[4] Có người cho rằng sở dĩ Hồ Chí Minh nói Lenin chết rồi, để khỏi bị chê là muốn gặp mà Lenin không cho gặp. Mọi lý do đều không quan trọng vì vấn đề được nêu ra chỉ là Hồ Chí Minh đã nói dối và nói dối nhiều lần trong cuốn sách của mình. Tuy vậy, Hồng Hà ghi nhận anh Nguyễn rất phấn khởi khi được nhìn thấy đất nước Lenin: *"Anh Nguyễn tắm mình trong không khí lạc quan, tự do ấy, sống giữa một xã hội mà hôm nay đã thấy ánh sáng của ngày mai"*.[5] Hồng Hà cho biết dịp đó Nguyễn Ái Quốc được bầu vào Hội Đồng Quốc Tế Nông Dân, trở thành một trong 11 ủy viên lãnh đạo hội đồng. Những trang sau Hồng Hà nói đến vai trò của Nguyễn trong Ban Phương Đông thuộc Đệ Tam Quốc Tế, trưng tờ giấy chứng nhận ngày 14-4-1924 mang chữ ký của Pê-tơ-rốp, tổng thư ký Ban Phương Đông thuộc ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản và trưng cả giấy mời của tổng bí thư Quốc Tế Cộng Sản mời Nguyễn phát biểu, kèm theo giấy phép cho Nguyễn *"được quyền đi lại trên công trường đỏ"*.[6]

Việc Nguyễn tham dự Đại Hội kỳ 5 Quốc Tế Cộng Sản với tư cách đại diện đảng Cộng Sản Pháp được Hồng Hà

ghi là đại diện đầu tiên của Đông Dương. Những việc Nguyễn đến thăm trường *"đại học"* của các người lao động Phương Đông, tham dự đại hội Quốc Tế Phụ Nữ Cộng Sản, rồi hội Quốc Tế Cứu Tế Đỏ... đều được ghi như một vinh dự dành cho Nguyễn, và để chứng tỏ Nguyễn không ngừng hoạt động cổ võ cho vấn đề dân tộc và thuộc địa theo cương lĩnh của Lênin về 2 vấn đề này.

Hồng Hà diễn tả gần như ngay từ 1924 Hồ Chí Minh đã nghiễm nhiên là một lãnh tụ Cộng Sản Quốc Tế qua cách kể lại sự việc *"tạp chí Đèn Chiếu đăng chân dung lớn của anh Nguyễn cùng với 29 đồng chí khác dự đại hội Quốc Tế Cộng Sản dưới đầu đề: "Những lãnh tụ của giai cấp vô sản quốc tế"*.[7] Toàn văn bài viết ca tụng Lenin của Nguyễn cũng được trích đăng với câu mở đầu: *"Lênin đã mất. Tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các bình nguyên ở châu Phi và các cánh đồng xanh tươi ở châu Á"*. Và kết thúc: *"Khi còn sống Người là người cha, người thầy, người đồng chí và là vị cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội. Lênin bất diệt sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta."*[8]

Hồng Hà nhắc tới ngày lễ 1-5-1924 với hình ảnh anh Nguyễn cùng các đại biểu Quốc Tế Cộng Sản đứng trên khán đài sau lá cờ Đỏ thêu hàng chữ ***"chúng tôi nguyện đem lá cờ của Người đi khắp thế giới"***. Đây là mục đích cuối cùng và tối thượng của Liên Xô mà Lênin nêu ra trong bản cương lĩnh coi vấn đề thuộc địa và dân tộc là những vấn đề sách lược giai đoạn. Hơn ba chục năm sau, Khrutschev vẫn không quên mục đích này qua lời tuyên

bố: *"Tôi ước mong sống đến ngày được xem lá cờ đỏ bay phấp phới khắp năm châu"*.

Từ trang 130 đến trang 135, Hồng Hà thuật lại chi tiết việc Manuilski, một lãnh tụ hàng đầu của Liên Xô lúc đó có chân trong ban lãnh đạo Quốc Tế Cộng Sản, giải quyết vấn đề phái Nguyễn Ái Quốc sang hoạt động tại Trung Quốc bên cạnh phái đoàn Borodin.

Về nhiệm vụ sẽ nhận lãnh, Nguyễn Ái Quốc nói với Manuilski:"... *tôi còn chịu trách nhiệm trước Quốc Tế Nông Dân về tham gia chỉ đạo phong trào nông dân châu Á." Manuilski tuyên bố trao cho Nguyễn trọng trách lớn hơn: "Ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản chấp thuận đề nghị của đồng chí. Quốc Tế Cộng Sản cử đồng chí làm ủy viên Ban Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam, chỉ đạo phong trào cách mạng ở các nước Đông Nam châu Á." Nguyễn hứa: "Tôi tin rằng lần sau gặp đồng chí thì tổ quốc Việt Nam của tôi đã có đảng Cộng Sản." Với lời hứa đó, ngày 25-9-1924 ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản ra quyết định:"Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cần đi Quảng Châu. Mọi chi phí do Ban Phương Đông đài thọ."*

Nguyễn được cử làm thông dịch viên và phụ tá cho Borodin trong phái đoàn cố vấn bên cạnh chính phủ Trung Hoa Dân Quốc của bác sĩ Tôn Dật Tiên. Vai trò đó là vỏ bọc để Nguyễn hoạt động lập các chi bộ và các đảng Cộng Sản Đông Nam Á. Trong vỏ bọc ấy, Nguyễn nhận bí danh mới Lý Thụy nhưng người Nga trong phái đoàn thường gọi Nguyễn bằng bí danh Nilopski. Để tăng mức an toàn, Quốc Tế Cộng Sản còn khoác cho Nguyễn một lớp vỏ ngoài: phóng viên hãng thông tấn Rô-xta tại Quảng

Châu với bí danh Lu. Về sau, khi viết cho tờ *Quảng Châu Báo* bằng tiếng Anh, Nguyễn dùng 2 bút danh Vương Sơn Nhị và Trương Nhược Trừng. Trong nhiệm vụ chính là lập các tổ và chi bộ cộng sản tại Trung Hoa, Nguyễn mang hai bí danh Vương và Tống Văn Sơ.

Vỏ bọc và bí danh là biện pháp an toàn của mọi tổ chức đen cũng như mọi tổ chức gián điệp quốc tế nên việc Hồ Chí Minh có hơn một trăm tên khác nhau như chính ông đã nói là điều bình thường. Điều đó cho thấy Hồ Chí Minh giữ rất nhiều vai trò trong nhiều tổ chức của Quốc Tế Cộng Sản và không có gì đáng ngạc nhiên về việc Hồ Chí Minh có biệt tài đóng kịch đến mức một số người thông minh ở gần ông cũng không nhận ra.

Theo Hồng Hà, những người thuộc tổ chức Tâm Tâm Xã là những người Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc đầu tiên ở Trung Quốc. Một thời gian sau, Nguyễn Ái Quốc biến tổ chức này thành Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, cái mầm của đảng Cộng Sản Việt Nam. Hồng Hà nêu rõ tên 6 người thuộc Tâm Tâm Xã giao dịch với Nguyễn Ái Quốc lúc đó là Hồ Tùng Mậu, 28 tuổi, Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong, Nguyễn Giản Khanh, Đặng Xuân Hồng và Lâm Đức Thụ tức Trương Béo... Trong dịp này Nguyễn tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lê ngay. Hồng Hà viết: "*Anh (NAQ) cho rằng muốn làm cách mạng ở Việt Nam, phải dựa vào nhân dân, nhất là công nhân và nông dân, và muốn cách mạng thành công thì phải có một đảng tiền phong theo chủ nghĩa Mác-Lênin lãnh đạo. Rồi anh nói về cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, về Quốc Tế Cộng Sản, về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội.*"[9]

Sau thời gian tuyên truyền và chọn lựa, Nguyễn lập nhóm đầu tiên làm nòng cốt cho tổ chức đảng sau này gồm 9 người là Lý Thụy (tức NAQ) được bầu làm bí thư; 8 người khác là Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Lê Quảng Đạt, Lâm Đức Thụ, Vương Thúc Oánh, Trương Văn Lĩnh, Lưu Quốc Long. Thời gian này, Nguyễn cũng tiếp xúc với Liêu Trọng Khải, một lãnh tụ Quốc Dân Đảng Trung Hoa thiên tả, dựa vào nhân vật này lập ra "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức" để dễ dàng hoạt động và che giấu cái nhân cộng sản.

Ngày 19-2-1925, Nguyễn báo cáo lên chủ tịch Quốc Tế Cộng Sản: *"...Chúng tôi đã lập được một nhóm bí mật 9 người, 2 người được phái về nước, 3 người ra mặt trận*[10] *một đi công tác quân sự ."*[11]

Về Lâm Đức Thụ, người được kể từng âm mưu cùng Hồ Chí Minh bán đứng Phan Bội Châu, tác giả Hồng Hà cho biết một chi tiết: *"Sau khóa học...Lâm Đức Thụ tức Trương Béo lấy máy ảnh chụp cả lớp học làm kỷ niệm. Riêng anh Nguyễn không bao giờ cho hình mình lọt vào ống kính của Trương"*.[12] Việc Nguyễn chỉ giữ bí mật riêng cho mình trong khi để Lâm Đức Thụ chụp hình các học viên (chuẩn bị thành đồng chí) là một sự kiện mang khá nhiều ý nghĩa. Trong ***Ho Chi Minh on Revolution***, Bernard Fall đã kể: *"Đối với những kẻ chứng tỏ không đáng tin cậy, hoặc sau khi tốt nghiệp trường Hoàng Phố mà từ chối không theo cộng sản, Hồ dùng một liều thuốc rất công hiệu: sai đảng viên cộng sản tiết lộ danh tánh họ cho tình báo Pháp. Sở an ninh trong nước sẽ tóm cổ họ ngay khi về tới."*[13]

Như vậy, việc Lâm Đức Thụ chụp hình các chiến sĩ cách

mạng có thể do chính Hồ Chí Minh sắp xếp để sau này nếu người nào không chịu theo Cộng Sản thì Hồ Chí Minh sẽ sai Lâm Đức Thụ báo cho Pháp bắt để diệt trừ những phần tử chống đối, hầu dễ dàng chiếm độc quyền đấu tranh và lãnh đạo. Lý do khiến Hà Huy Tập tố cáo với Đệ Tam Quốc Tế rằng Hồ Chí Minh phải chịu trách nhiệm về hàng trăm đồng chí bị Pháp bắt có thể xuất phát từ sự việc này và cũng có thể chính vì vậy mà Hồ Chí Minh đã *"giải độc"* dễ dàng khi trở lại Liên Xô năm 1934. Đoạn thư sau của lãnh đạo Quốc Tế Nông Hội, thuộc Đệ Tam Quốc Tế cho thấy Hồ Chí Minh còn nhận chỉ thị phụ trách cả vùng Đông Nam Á, chứ không chỉ ở Trung Quốc hay Việt Nam: *"Theo nghị quyết của đoàn chủ tịch ngày 31-7 đồng chí được phân công phụ trách không những phong trào của nông dân Trung Quốc mà còn của tất cả các thuộc địa mà đồng chí có thể liên hệ được từ Quảng Châu, nghĩa là của Đông Dương, Miến Điện, Xiêm, Đài Loan và Nam Dương. Đồng chí đặt ngay liên lạc với những thuộc địa trên và tiến tới lập những nông hội ở đấy"*. Bức thư ngày 14-5-1926 từ Liên Xô gửi Nguyễn cũng cho thấy Nguyễn thường xuyên báo cáo về Quốc Tế Cộng Sản những hoạt động của mình:

"Đồng Chí Nilốpski (tức HCM) thân mến,

"Chúng tôi đã nhận được thư của đồng chí ngày 8 tháng 3, ngày 3 tháng 2 và ngày 31 tháng 1 năm 1926 ... báo về tình hình nông thôn Quảng Đông."[14]

Và nguyên văn một đoạn trích từ báo cáo của Nguyễn gửi về Mạc Tư Khoa mùa hè năm đó, được in lại nơi trang 190:

"Đồng Chí thân mến,

Từ khi tới đây tôi đã làm những việc sau đây cho Đông Dương:

1. Lập một tổ chức bí mật

2. Lập một hội nông dân (của những Việt Kiều sống ở Xiêm).

3. Lập một nhóm thiếu niên tiền phong Đông Dương, con cái công nông. Các cháu đang ở Quảng Châu do chúng tôi nuôi dậy.

4. Tổ chức một nhóm phụ nữ cách mạng (bắt đầu từ tháng tư, có khoảng 12 thành viên)

5. Lập một trường tuyên truyền...”

Bức thư viết tiếp nêu yêu cầu về phương tiện, than không đủ tiền để làm việc: *“Các chuyến đi dài ngày (khoảng 2 tuần) nguy hiểm và tốn kém nhiều mà phương tiện của chúng tôi lại ít ỏi (với tiền lương của tôi cộng với tiền lương của một trong số các đồng chí Liên Xô, công việc vẫn chưa chạy nhanh như mong muốn)...* **15**

Sau khi Tôn Dật Tiên mất, Liêu Trọng Khải thuộc tả phái, thân Liên Xô đã để cho cộng sản Trung quốc hoành hành, nhiều cuộc nổi dậy đe dọa cướp chính quyền. Tưởng Giới Thạch nhìn thấy nguy cơ *“nuôi ong tay áo”*, đã quyết định nắm quyền lãnh đạo, dẹp tan cộng quân tại nhiều nơi và chấm dứt sự hợp tác với Liên Xô. Phái đoàn Borodin trở về Nga, Hồ Chí Minh cũng đi theo rồi được cử qua Pháp và Đức.*“Khoảng mùa hè năm 1928, Quốc Tế Cộng Sản báo sang Berlin để anh Nguyễn biết sẽ bố trí anh đi Xiêm qua ngả Ý, các đồng chí cộng sản Ý lo việc dẫn đường cho anh.”*[16] *“Một ngày mùa thu anh Nguyễn bước lên đất Xiêm.”*[17]

Hồng Hà kể rất chi tiết về việc Nguyễn luôn hoạt động theo sự điều động của Quốc Tế Cộng Sản và địa bàn hoạt động kéo dài từ Trung Quốc qua Xiêm.

Cuối năm 1929, theo chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản, Nguyễn đi Singapore, rồi từ đó sang Hồng Kông để thống nhất các đảng cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng Sản Đông Dương. Đây là thời điểm Lâm Đức Thụ được nhắc tới với sự việc biến Hội Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí thành đảng Cộng Sản. Hồng Hà ghi:*"Thụ... phụ trách tổng hội Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội... kịch liệt chống việc lập đảng Cộng Sản. Một số hội viên Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội từng học lớp do anh Nguyễn dạy ở Quảng Châu bị thực dân bắt. Họ thấy bọn mật thám có trong tay những tấm ảnh chụp lớp học ở Quảng Châu do Lâm Đức Thụ chụp để "làm kỷ niệm". Lâm Đức Thụ đã sinh bụng khác."* Về sau, Lâm Đức Thụ bị ám sát chết, nhưng Hồng Hà không ghi lại bất kỳ chi tiết nào về cái chết của Lâm Đức Thụ.

Làm xong nhiệm vụ thống nhất đảng, Nguyễn Ái Quốc tuyên bố: *"Nhận chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này....Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh nhằm giải phóng toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột."*[18] *"Lập đảng xong, anh Nguyễn lo ngay việc viết sách để tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên..."*[19] Vào dịp này, Nguyễn viết thư cho một "đồng chí" Nga trong đó có câu: *" Chúng tôi có nhiệm vụ nói cho họ biết Tổ Quốc của giai cấp vô sản đó* (tức Liên Xô) *như thế nào."* Rồi Nguyễn đưa ra cả một đề cương của cuốn sách để xin ý kiến.

Việc kế tiếp là Nguyễn gặp Trần Phú vừa rời Nga qua Paris tới Hồng Kông gặp Nguyễn để về nước. Nguyễn *"viết thư giới thiệu Trần Phú với ban chấp hành trung ương lâm thời của đảng, dưới thư anh ký tên Vương."*[20] Sau đó, Nguyễn trở lại Xiêm và Mã Lai *"làm nhiệm vụ do Quốc Tế Cộng Sản giao rồi đi Xanh-ga-po họp với các đồng chí Nam Dương."*[21]

Hồng Hà dành trang 258 đăng nguyên văn bức thư ngày 29-9-1930 của Hồ Chí Minh gửi ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản, nói về phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh vào trung tuần tháng đó có hơn 200 người bị Pháp giết.

Hồ Chí Minh cũng báo cáo *"chúng tôi đã chỉ thị ngay cho các đảng viên Nam Kỳ ở trong nước cố gắng hết sức mình thu xếp một cuộc họp của Trung Ương để quyết định mọi việc... Đề nghị cho biết ngay chúng tôi phải làm gì và các đồng chí có thể làm gì giúp họ* (các nạn nhân) ..."

Qua thư này, Hồ Chí Minh báo cáo là *"nông dân Gia Định, Chợ Lớn và Tân An ở Nam Kỳ cũng biểu tình ngày 12-9. Ngày 17-9, nông dân Gia Định lại biểu tình"*.

Tới nay nhiều tác giả vẫn nghĩ Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm về Xô Viết Nghệ Tĩnh vì phong trào này chỉ là hành động tự phát của cộng sản địa phương tại 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Nhưng căn cứ vào lá thư này và những gì Trần Văn Giầu viết trong cuốn ***Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam*** thì phong trào đã lan rộng khắp 3 miền Trung-Nam-Bắc và không thể bảo là tự phát. Vì chính Hồ Chí Minh đã báo cáo về phong trào và xin chỉ thị từ Mạc Tư Khoa để ra lệnh cho trong nước.

Về việc đổi tên Đảng Cộng Sản Việt Nam thành Đảng Cộng Sản Đông Dương, Hồng Hà viết: *"Tháng 10-1930,*

đại biểu đảng Cộng Sản Việt Nam từ khắp 3 kỳ đã tới Hồng Kông họp hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng do anh Trần Phú chủ trì. Theo chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản, hội nghị đổi tên đảng Cộng Sản Việt Nam thành đảng Cộng Sản Đông Dương và cử anh Phú làm tổng bí thư đảng. Nguyễn Ái Quốc không dự hội nghị nói trên."

Câu cuối cùng ngụ ý Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm việc đổi tên đảng. Một hội nghị quan trọng như vậy mà Hồ Chí Minh không tham dự, trong khi đang có mặt ở Hồng Kông hẳn có nhiều uẩn khúc. Tuy nhiên cũng có tài liệu nói chính Hồ Chí Minh chủ tọa hội nghị. Những uẩn khúc này rất khó sáng tỏ vì diễn ra trong bí mật và thuộc vào những sự việc cố tình bị vùi lấp. Tuy nhiên, những hoạt động phát triển ảnh hưởng chủ nghĩa Cộng Sản tại vùng Đông Nam Á đã được "thủ trưởng" của Nguyễn Ái Quốc là Manuilski báo cáo trước hội nghị thứ 11 của Ban Chấp Hành Quốc Tế Cộng Sản vào cuối tháng 3-1931.

Hồng Hà trích dẫn một đoạn báo cáo đó nơi trang 260: *"Ở Đông Dương, năm 1930, đảng Cộng Sản đã chính thức thành lập. Trong nhiều tháng, với tinh thần dũng cảm vĩ đại đảng đã lãnh đạo cuộc chiến tranh du kích của những nông dân Đông Dương..."*

Tác giả ghi tiếp:*"Hội nghị nhất trí thông qua nghị quyết công nhận đảng Cộng Sản Đông Dương là một chi bộ độc lập của Quốc Tế Cộng Sản*". Dù Hồng Hà ghi hay không ghi lại sự kiện trên thì việc Đảng Cộng Sản Đông Dương là một chi bộ của Quốc Tế Cộng Sản vẫn là điều hiển nhiên và cũng là điều hiển nhiên, việc tổ chức này trực tiếp liên quan với các cuộc nổi dậy tại Nghệ Tĩnh và nhiều nơi khác

tại Việt Nam mang tên *"phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh"* với khẩu hiệu *"Trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ"*, một khẩu hiệu mà sau này Cộng Sản Việt Nam luôn phủ nhận.

Năm 1934, Nguyễn Ái Quốc trở về *Tổ Quốc của giai cấp vô sản* là Liên Xô - Bây giờ thì mọi người đều biết đấy là Nguyễn Ái Quốc, ủy viên ban Phương Đông Quốc Tế Cộng Sản, phụ trách Cục Phương Nam, người tham gia sáng lập đảng Cộng Sản Pháp và sáng lập đảng Cộng Sản Việt Nam.[22] Trong năm này, Nguyễn được cử theo học trường Quốc Tế Lênin. Chương trình khóa học gồm: Chủ nghĩa, học thuyết và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, phong cách, công tác, lý luận về chuyển từ cách mạng dân chủ xã hội sang cách mạng vô sản, học thuyết về cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản, vấn đề nông dân, vấn đề dân tộc và thuộc địa, công tác xây dựng đảng, công tác quần chúng, mặt trận dân tộc thống nhất, công tác hoạt động bí mật.[23] Thể thức nhập học đối với Nguyễn khá gay gắt. Trước hết Nguyễn phải viết bản tự khai 18 điểm để tham dự đại hội Quốc Tế Cộng Sản kỳ VII ngày 25-7-1935 chỉ với tư cách đại biểu tư vấn.[24] Sau đó, Nguyễn phải qua một cuộc thẩm tra của 12 người do Na-Sốp đứng đầu cứu xét tư cách học viên của Nguyễn.

Về đường lối đại hội VII, Hồng Hà viết: *"Đây là một sự chuyển hướng chiến lược, nêu rõ nhiệm vụ cấp bách của các đảng Cộng Sản trên thế giới huy động toàn lực lập mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít."*[25] đặt nặng vấn đề *"đoàn kết với các tầng lớp nhân dân rộng rãi khác"*[26] Theo đúng đường lối này của đại hội VII Quốc Tế Cộng Sản, Nguyễn căn dặn Tú Hưu và Minh Khai 2 điều quan trọng cần làm ở trong nước:

- Lột mặt nạ bọn Tờ-rốt-kít, tiêu diệt chúng về chính trị. Không được có một thỏa hiệp nào với chúng.

- Phải lập mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi... Nhưng phải nhớ rằng việc lập mặt trận ấy không lúc nào được đi ngược lại lợi ích của đảng và giai cấp.

"Khi tiễn hai đồng chí sang Pháp, anh Nguyễn lại nói: Cố nhớ những lời tôi dặn nhé và kể lại cho anh Duy (tức Lê Hồng Phong). Tôi nhắc lại: Dứt khoát không được thỏa hiệp với bọn Tờ-Rốt-kít đấy!"[27]

Với ***Bác Hồ trên đất nước Lê-Nin***, Hồng Hà cho thấy Hồ Chí Minh không những luôn say mê hoạt động phụng sự lý tưởng Cộng Sản mà còn là người tuyệt đối trung thành với lãnh tụ Stalin. Vì thế trong lúc toàn lãnh thổ Liên Xô chìm trong những vụ thanh trừng đẫm máu tiêu diệt phe cánh Trotski, Hồ Chí Minh đã an lành theo học trường Quốc Tế Lê-Nin đằng đẵng 3 năm để sau đó được Quốc Tế Cộng Sản cho qua Trung Quốc trở lại vị thế người lãnh đạo Đông Dương Cộng Sản Đảng.

Chú thích

1 Nxb Thanh Niên ấn hành lần đầu 1980 và 20 năm sau tái bản có sửa chữa và bổ sung. Những trích dẫn theo ấn bản mới này.

2-3 *SĐD tr. 21, 23.*

4 *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch*, Văn Học, Hà Nội, 2001, tr. 61.

5-6-7-8-9-11-12 SĐD tr. 33, 106, 125, 84-86, 153, 171, 176.

10 Trong quân đội Trung Hoa của Tôn Dật Tiên.

13 *Ho Chi Minh on Revolution*, Bernard Fall - tr. 93-94

14-15-16-17-18 SĐD tr. 188, 191, 216, 222, 240.

19-20-21-22-23 SĐD tr. 249, 256, 257, 293, 304-305.

24 Thủ tục khó khăn này khiến đã có giả thuyết lúc đó Hồ Chí Minh bị thất sủng. Vì cùng lúc đó, Lê Hồng Phong được dự Đại Hội 7 QUỐC TẾ CỘNG SẢN với tư cách trưởng đoàn đại biểu của Đông Dương Cộng Sản Đảng, và còn được bầu làm ủy viên dự khuyết của Ban Chấp Hành Quốc Tế.

25-26-27 SĐD tr. 309, 319, 327.

Chương 11
Hồ Chủ Tịch và Phùng Thượng tướng

Cuối năm 2002, nhà xuất bản Quân Đội Nhân Dân tại Hà Nội phát hành cuốn hồi ức Bác Hồ, những kỷ niệm không quên của thượng tướng Phùng Thế Tài[1].

Sách dầy 240 trang gồm có 3 phần:

I. Người đầu tiên bảo vệ Bác.

II. Từ Cao Bằng về Hànội.

III. Làm nóc nhà che chở Bác.[2]

Phùng Thế Tài là cận vệ của Hồ Chí Minh từ tháng 2, 1940 đến tháng 8, 1945. Theo lời tự kể, vào tháng 8, 1945, ở tuổi 24, Phùng Thế Tài đã là phó chủ tịch Việt Minh tỉnh Lạng Sơn. Năm sau, 1946 Phùng Thế Tài là trung đoàn trưởng đầu tiên của Việt Minh rồi được điều về chỉ huy mặt trận Hà Nội, kế tiếp là tham mưu trưởng đại đoàn do Văn Tiến Dũng làm tư lệnh. Sau 1954, Phùng Thế Tài được xuất ngoại du học, trở về phụ trách đội Phòng Không và trở thành Tư Lệnh Quân Chủng Phòng Không - Không Quân từ cuối năm 1961.

Khác với Võ Nguyên Giáp[3], tác giả nói về mình hơi nhiều

mặc dù để tên sách là *Bác Hồ những kỷ niệm không quên*. Phùng Thế Tài tự nhận là kẻ ít học, ngang bướng và hay "liều". Những điều Phùng Thế Tài nói về Hồ Chí Minh trong thời gian cận kề chứng tỏ hết sức mến phục nhân vật này.

Chương VIII thuật lại chuyện tác giả theo Hồ Chí Minh sang Côn Minh tìm gặp tướng Chennault của Mỹ để trao phi công Shaw (được ghi là Sô). Máy bay của Shaw bị Nhật bắn rớt nên Shaw lọt vào tay du kích Việt Minh ở Việt Bắc.

Tác giả thấy Bác đi bộ cực quá, vào làng bắt hai con ngựa để Bác và Sô đi cho đỡ mệt.

Nhưng khổ quá, Bác lại không chịu đi. Bác bảo: "Sao chú cứ hay làm phiền dân thế? Chú mượn thì chú đi". Thế là phải trả ngựa cho dân... Buổi trưa hai bác cháu vào một tiệm ăn. Tôi muốn bồi dưỡng sức khỏe cho Bác, lại căn cứ vào sức ăn của mình nên gọi hai đĩa thức ăn, một bát canh và một đĩa cơm. Bữa cơm ngon quá. Món ăn thơm phức... Trong khi ăn Bác bảo tôi: "Các đồng chí trong nước bữa no bữa đói...Ta ăn thế này hoang quá!"[4]

Tác giả thấy dép rơm của Hồ Chí Minh đã sờn, muốn mua giầy cho đi. Nhưng

Bác bảo: "Không đi! Chú có mua bác cũng không đi!...Dép này có hỏng thì mua dép rơm khác vẫn tốt hơn."[5]

Về trí nhớ của Hồ Chí Minh, tác giả khen:

Tôi phục Bác quá. Bác chẳng giở quyển sách, quyển sổ nào ra cả mà cái gì Bác cũng biết, hỏi Bác cái gì bác cũng nói được. Một tác phẩm văn cổ như Chinh Phụ Ngâm hàng mấy trăm câu thơ mà Bác nhớ không sai một chữ"[6]

Tất nhiên khi được nghe đọc *Chinh Phụ Ngâm* chưa hẳn tác giả đã thuộc nổi một câu nào để có thể phân biệt đúng hay sai.

Cũng như Võ Nguyên Giáp, tác giả thường nhắc những lần Hồ Chí Minh xuất hiện hay lên tiếng giữa tiếng hoan hô "như

sấm" - "Trong không khí tràn đầy phấn khởi, tin tưởng, cả hội trường dậy lên tiếng hoan hô như sấm tỏ lòng kiên quyết thực hiện lời Bác dạy."[7]

Tác giả nói về "cái tôi" hơi nhiều nhưng viết khá hồn nhiên chân chất nên "cái tôi" ở đây có lẽ không đến nỗi đáng ghét. Tác giả khoe đã là thành viên phái đoàn Việt Minh do Hồ Chí Minh lãnh đạo đến gặp tướng lãnh Mỹ ở Côn Minh để xin ủng hộ và tiếp tế, mặc dù lúc đó chỉ là cận vệ. Tác giả cũng khoe từng là nhân viên phái đoàn Việt Nam tham dự hội nghị Đà Lạt giữa năm 1946, để chuẩn bị cho hội nghị Fontainebleau (và được Hồ Chí Minh hứa cho lên trung tá đi Pháp với tư cách cận vệ của "Bác", nhưng thú thực không biết tiếng Pháp nên không dám nhận) mặc dù tại hội nghị Đà Lạt nhiệm vụ của tác giả chỉ là giữ an ninh cho phó trưởng đoàn Võ Nguyên Giáp, kiêm liên lạc viên vô tuyến để báo cáo và nhận chỉ thị trực tiếp từ Hồ Chí Minh.

Tác giả cũng khoe, tuy là dân quê mùa, sống lang thang không biết sợ là gì, nhưng *khi được ăn mặc đàng hoàng thì trông bảnh trai lắm - cao tới 1 mét 67, nặng trên 60 kí, và sau hơn một tháng ở Đà Lạt lên 7 kílô, da dẻ trắng trẻo ra v.v...*

Phùng Thế Tài viết thoải mái như một thiếu niên hãnh diện về thân xác mình những dòng tự khen một cách hồn nhiên:

Với bộ quân phục ka-ki màu sáng thẳng nếp, mang lon thiếu tá, tôi chững chạc bước lên thang máy bay cùng với các thành viên của đoàn. Nhớ lại cuộc đàm phán ở Côn Minh, tôi là người vừa trẻ đẹp, vừa oai vệ nhất đoàn thì lần này cũng vậy, vẻ đẹp còn được tăng lên gấp bội do quân phục thiếu tá vừa mới may đo rất khéo.[8]

Khi thuật lại chuyện được "bác" gọi tới giới thiệu với giám mục Lê Hữu Từ, tác giả vẫn không quên nói đến vẻ đẹp trai của mình: "Nhớ hôm đi Đà Lạt, Bác khen tôi đẹp, chững chạc, thì hôm nay càng đẹp hơn, vì sau một tháng ở Đà Lạt, tôi béo trắng

ra (tính ra lên được 7 cân). Mặt mũi hồng hào, về hình thức thì chẳng thua kém gì một sĩ quan Pháp."

Nói về hội nghị Đà Lạt, tác giả tiết lộ một điểm đáng lưu ý:

Nguyễn Tường Tam lúc bấy giờ là bộ trưởng Ngoại Giao làm trưởng đoàn. Nhưng thực chất mọi công việc đều do đồng chí Võ Nguyên Giáp đảm nhiệm..." Và cho biết thêm: "...Bác kéo tôi lại gần và nói nhỏ: "Lần này Bác cử chú đi theo đoàn với 2 nhiệm vụ quan trọng. Nhiệm vụ thứ nhất là bảo vệ phái đoàn, đặc biệt là bảo vệ anh Văn (tức Võ Nguyên Giáp). Kẻ địch nham hiểm lắm, không được coi thường. Nhiệm vụ thứ hai là chú tìm mọi cách để Bác và anh Văn thường xuyên liên lạc kịp thời. Mọi diễn biến hội nghị Bác phải nắm được ngay trong ngày và chuyển gấp những ý kiến của Bác đến tận anh Văn và chỉ riêng anh Văn thôi.[9]

Như vậy, Nguyễn Tường Tam chỉ là Trưởng Đoàn bù nhìn và do đó phải hiểu chức Bộ Trưởng Ngoại Giao của ông lúc đó cũng chỉ là hư vị. Nói một cách khác, sự liên hiệp trong chính phủ mà Hồ Chí Minh vẫn tuyên bố là để các phe phái cùng chung lo việc nước chỉ là một thủ đoạn nhất thời nhằm vuốt ve, rồi thao túng, loại bỏ đối lập một cách êm thắm. Thiện ý mời các đảng đối lập cùng chia sẻ quyền hành để đoàn kết quốc gia của Hồ Chí Minh mà nhiều người vẫn nhắc tới đã bị lật mặt trái bởi sự vô tâm của một người chất phác, dù đã trở thành một thượng tướng rất thân cận và tin cậy của chính Hồ Chí Minh.

Tác giả không nói đến chuyện vàng thu được trong Tuần Lễ Vàng đã được dùng mua chuộc các tướng lãnh Trung Hoa để họ ép phe đối lập gia nhập Quốc Hội và Chính Phủ Liên Hiệp có thể do đã được nhắc nhở phải giữ bí mật hoặc cũng có thể do bản tính chất phác nên không biết rõ sự việc. Tuy nhiên tác giả cũng đề cập tới việc sử dụng số vàng thu được không hoàn toàn theo đúng chủ trương quyên vàng để cứu đói do lúc ấy nạn đói

đang hoành hành. Theo tác giả, phần lớn số vàng đã được dùng để mua súng từ quân đội của Lư Hán:

....Khi công khai, mua bán sòng phẳng, có chuyến hàng mấy nghìn khẩu súng, trả bằng tiền hoặc bằng vàng. Ta vừa tổ chức thành công *Tuần Lễ Vàng* nên đem dùng vào việc này rất thuận tiện ... Tổng số súng chúng tôi mua được trong giai đoạn này lên tới hàng vạn khẩu. Mua đến đâu phải chuyên chở cất giấu ngay. Mọi việc phải tuyệt đối bí mật.[10]

Nhân nói về tuần lễ vàng, Phùng Thế Tài đã nhắc đến một gia đình người Việt ở Côn Minh, vợ chồng Tống Minh Phương, là những người từng săn sóc Hồ Chí Minh trong lúc đau ốm nằm tại đây:

Khi chuẩn bị viết tập hồi ký này, tôi có đến thăm chị Hoa (vợ Tống Minh Phương) ở phố Nguyễn Chế Nghĩa. Tuy đã trên 80 tuổi, tóc đã bạc trắng, nhưng trông chị vẫn tỉnh táo vui vẻ. Chị sống ở đây một mình, trong căn phòng nhỏ chừng 15 mét vuông, đồ đạc chẳng có gì. Tôi được biết khi cách mạng thành công, hai vợ chồng chị đã bán toàn bộ cơ ngơi của mình ở Côn Minh để về nước. Toàn bộ số vàng thu được chị đựng trong một chiếc valy nhỏ. Về đến Hà Nội chị trao toàn bộ cho anh Nguyễn Lương Bằng (bí danh Sao Đỏ, từng là Phó Chủ Tịch Nhà Nước). Một gia đình đáng quý biết bao. Một sự hy sinh thầm lặng...[11]

Thực ra, đây không phải là trường hợp hiếm hoi. Trong những ngày ấy, vô số người Việt Nam từ Trung Hoa hay Thái Lan về nước sau cách mạng Tháng Tám 1945 đã cống hiến vàng bạc châu báu và cả máu xương cho những công việc chung của đất nước, thậm chí còn trực tiếp chăm lo che chở cho những người cộng sản như Nguyễn Lương Bằng, Hồ Chí Minh... để cuối cùng bị bạc đãi bỏ rơi, phải sống cơ cực, muốn trở lại chỗ cũ cũng không còn phương tiện và cũng không được phép ra đi. Thậm chí có những đại ân nhân của Cộng Sản đã bị đem ra bắn

trong những cuộc đấu tố như bà Nguyễn Thị Năm là người từng gom sản nghiệp để nuôi dưỡng nhiều cán bộ cao cấp trong thời bí mật, từng có con đi bộ đội chiến đấu cho đảng!

Như Võ Nguyên Giáp luôn thù hận Việt Nam Quốc Dân Đảng, Phùng Thế Tài luôn gọi người của tổ chức này bằng mấy tiếng Việt gian, phản động. Phùng Thế Tài thuật lại có lần đã đánh lãnh tụ Vũ Hồng Khanh và làm cho các tay em của ông này khiếp sợ.[12] Nhưng Phùng Thế Tài vẫn nhớ lời

Bác khuyên "phải gia nhập tổ chức của phe đối lập, hầu lợi dụng nó mà thu phục quần chúng" và nhớ lại một chuyện: "Anh Bình báo cáo với Bác là cơ sở Đảng tốt, kiều bào vẫn hướng về Hội Giải Phóng... Về tình hình Quốc Dân Đảng, lập mặt trận Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh, Vân Nam phân hội, để tranh giành quần chúng với ta, nhưng các anh không vào hội ấy, để dứt khoát phản đối chúng. Bác nhận định ngay: "Không vào là sai rồi. Tại sao không vào? Chúng mở cửa cho ta vào nắm quần chúng, sao ta lại quay đi? Chúng mở được hội, thì chúng có khả năng triệu tập quần chúng. Ta phải lợi dụng khả năng ấy. Phải vào mà biến tổ chức địch thành tổ chức ta.[13]

Nhiều lần tác giả thuật lại các lãnh đạo luôn căn dặn phải chú trọng đến công tác tuyên truyền vận động quần chúng.

Đồng chí Vũ Anh dặn tôi, nhiệm vụ chính là võ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở đảng.[14] Và: Bác ân cần dạy bảo tôi...việc xây dựng các đội du kích, các tổ tuyên truyền xung phong trong nội thành.[15]

Có thể nói không một cán bộ cộng sản nào không nhớ lời khuyên cần chú trọng đến công tác tuyên truyền và cũng không một tác giả Cộng Sản nào che giấu được ảnh hưởng những luận điệu tuyên truyền về lãnh tụ của mình. Hết thảy những cuốn hồi ký của các nhân vật như Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Văn Tiến Dũng... đều hiển hiện là những tập tài

liệu tuyên truyền để cao lãnh tụ Hồ Chí Minh vì hai lý lẽ đó. Xu hướng tuyên truyền như nằm sẵn trong huyết quản của họ, như một thứ tiềm thức nên ngay cả khi họ không cố ý tuyên truyền mà chỉ viết theo cảm nghĩ hay tập quán thì những điều họ viết ra cũng không thoát khỏi tính chất đề cao các lãnh tụ và lý tưởng cộng sản. Phải nhìn nhận đây là một thành công đáng sợ của việc đào tạo cán bộ mà các tổ chức Cộng Sản đã đạt được. Và, đây cũng chính là một trong những lý do quan trọng nhất lý giải sự thành công của Cộng Sản về mặt đấu tranh chính trị.

Mức độ tột cùng của kỹ thuật tuyên truyền và tác động sâu đậm của tuyên truyền gần như hiển hiện đầy đủ qua chỉ vài mẩu chuyện của Phùng Thế Tài. Phùng Thế Tài kể lại vào dịp 3 viên phi công bị chết ông cùng một người tới báo cáo với Hồ Chí Minh và khi ra về bỗng sực nhớ ra thái độ bất thường của lãnh tụ.

Khi xe ra khỏi cổng đỏ, tôi và đồng chí Tính mới phát hiện ra một điều là trong cuộc gặp hôm nay Bác không mời thuốc chúng tôi. Bản thân Bác cũng không hút thuốc... Như vậy đủ biết Bác đau buồn đến mức nào khi được tin ba chiến sĩ không quân hy sinh cùng trong trận đánh. Đó là tấm lòng nhân ái bao la của vị tổng tư lệnh tối cao...

Nhớ năm 1947, khi nghe người con trai của bác sĩ Vũ Đình Tụng hy sinh trong chiến đấu. Bác đã viết thư cho bác sĩ Vũ Đình Tụng với những lời chia buồn thống thiết:"Tôi được báo cáo rằng con ngài đã oanh liệt hy sinh cho tổ quốc. Ngài biết rằng tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu của tôi. Mất một thanh niên thì như tôi đứt một đoạn ruột.[16]

Dù biết chắc đó chỉ là những xảo ngôn vô nghĩa nhưng vẫn phải nhìn nhận đó là những lời lẽ rất dễ gây xúc động với không ít người nghe. Cho nên cũng phải thẳng thắn xác nhận rằng Hồ

Chí Minh là con người đã đạt trình độ đáng kể trong lãnh vực thu phục nhân tâm. Hồ Chí Minh đã biến nhiều kẻ đầu đường xó chợ thành thủ hạ ở cấp lãnh đạo mà trường hợp thượng tướng Phùng Thế Tài là một. Câu phát biểu sau đây có thể đặt vào miệng nhiều người chứ không phải chỉ có một mình *"thằng Thụ"*:[17] *"Bác đã từng bước dẫn dắt tôi, từ một đứa trẻ lang thang, thất học, tính tình ngổ ngáo, trở thành một sĩ quan cấp tướng... Những điều kỳ diệu này sẽ dễ hiểu nếu chúng ta đặt nó trong sự kỳ diệu Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là người đem chủ nghĩa Mác-Lênin về làm thay đổi cả một dân tộc..."*[18]

Điều đáng sợ mà Hồ Chí Minh đạt được là đã khiến những kẻ đó tin vào lời nói đến mức không còn thấy thực tế trước mắt. Phùng Thế Tài nhắc đến khả năng thay đổi cả một dân tộc như sự kỳ diệu của chủ nghĩa Mác-Lê, của cá nhân lãnh tụ Hồ Chí Minh và ngưỡng mộ đến nỗi không thể biết rằng cái sự kỳ diệu ấy đang tạo ra cảnh sống như thế nào cho tất cả dân tộc - ngay cả khi bên tai họ đang vang lên lời than oán của một người đứng chung hàng ngũ, một người từng là đảng viên Cộng Sản, từng nhiều năm lăn mình vào cuộc chiến do Bác và Đảng lãnh đạo, từng có một cái tên không xa lạ: Dương Thu Hương. Nhà văn nữ bạo miệng này đã nói về đời sống của cả dân tộc do cái sự kỳ diệu ấy mang lại như sau: *"Xã hội miền Bắc chỉ là một xã hội man rợ."*

Chú thích

1 Cấp bậc giữa Trung Tướng và Đại Tướng của quân đội CSVN.

2 Ý nói tổ chức đội phòng không chống máy bay Mỹ đánh HàNội. Hồ Chí Minh từng nói: HàNội không có đội phòng không như nhà không có nóc.

3 Những Năm Tháng Không Thể Nào Quên -Võ Nguyên Giáp

4-5-6-7-8-9-10-11 SĐD tr.60, 66, 68, 172, 114, 113, 109, 88

12-13-15-16-18 SĐD tr. 79, 100, 137, 179, 236

17 Tên tác giả khi còn nhỏ.

18 SĐD tr 76. Xin bạn đọc chú ý đặc biệt câu cuối cùng này của ông Hồ: *"Phải vào mà biến tổ chức địch thành tổ chức ta"*. Ông Hồ đã đi trước và làm gương bằng việc biến Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của cụ Hồ Học Lãm và Tâm Tâm Xã của những đồ đệ của cụ Phan Bội Châu thành mặt trận Việt Minh và Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, để rồi cuối cùng cái "đồng chí hội" này thành cái nhân của đảng CS. Phải đọc kỹ hồi ký *"Giọt Nước Trong Biển Cả"* của Hoàng Văn Hoan mới thấy hết cái tài biến tổ chức địch thành tổ chức ta của ông Hồ. Có lẽ các tổ chức đấu tranh cho Dân Chủ và Tự Do hiện nay cũng nên đề phòng ngón nghề chuyên môn này của đảng Cộng Sản.

Chương 12
NGUYỄN KHẮC HUYÊN và *Vision accomplished?*

Năm 1971 khi phát hành cuốn sách, nhà xuất bản Mac Millan, New York cho biết tác giả tốt nghiệp tiến sĩ đại học Minnesota và đang là trưởng khoa chính trị học trường cao đẳng Saint Catherine, thành phố Saint Paul, tiểu bang Minnesota. Đây có lẽ là tác phẩm đầu tiên về Hồ Chí Minh bằng tiếng Anh do một người Việt Nam không cộng sản viết, được tự điển Bách Khoa Americana trưng dẫn. Giáo sư Nguyễn Khắc Huyên chỉ sống dưới chế độ cộng sản bảy năm. Ông không tán thành chế độ nhưng thán phục Hồ Chí Minh về tài lãnh đạo. Đó là lý do ông viết cuốn tiểu sử được coi là "*cuốn tiểu sử chính trị có uy tín đầu tiên được viết bởi một người Việt Nam.*"

Nhan đề đầy đủ của sách là ***Vision accomplished? The enigma of Ho Chi Minh - Mộng ước đã đạt? Bí ẩn về Hồ Chí Minh***. Sách dầy 380 trang khổ lớn gồm 9 chương: *Nhà cách mạng trẻ - cán bộ cộng sản quốc tế - kiến trúc sư cách*

mạng cộng sản - chủ tịch nước cộng hòa non trẻ - nhà ngoại giao - Hồ chủ tịch chống Pháp - Hồ chủ tịch chống Mỹ - Đồng chí ở giữa Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa - Cái chết của nhà cách mạng.

Trong phần thư mục, tác giả nêu 50 tác giả được trích dẫn, trong số có cuốn sách của Hồ Chí Minh và bộ ***Hồ Chí Minh tuyển tập***, 2 cuốn của Lê Duẩn, 3 cuốn của Trường Chính, 3 cuốn của Võ Nguyên Giáp, 1 cuốn của Phạm Văn Đồng, 2 cuốn của Trần Dân Tiên, 1 cuốn của Nguyễn Lương Bằng viết chung với Võ Nguyên Giáp, 1 cuốn của Lê Thành Khôi và 2 cuốn của Hoàng Văn Chí - tác giả duy nhất thuộc phía người Việt quốc gia.

Phía tác giả ngoại quốc cũng gồm phần lớn tác giả có xu hướng cộng sản như Wilfred G. Burchett hoặc ủng hộ cuộc kháng chiến do cộng sản lãnh đạo như Joseph Buttinger, Bernard Fall... và Jean Lacouture là tác giả gần như được trích dẫn bởi hết thảy những người viết tiểu sử Hồ Chí Minh.

Trong lời tựa, tác giả đã nêu rõ nhận định của mình: "*Ông ta là người cương quyết có sẵn kế hoạch từ trước, một nhà cách mạng dân tộc hiến thân để bành trướng chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương.*" Tác giả cho rằng Hồ Chí Minh "*đã khéo léo lợi dụng sự thiếu kiên nhẫn của Tây phương và lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam để thành công vẻ vang*".[1]

Bài mở đầu trích dẫn nhiều lời tâng bốc cùng tột của các tác giả vốn là thủ hạ Hồ Chí Minh, nhưng tác giả vẫn phát biểu: "*Ông ta cũng là bác Hồ già cai trị với nắm tay sắt, cũng là người vì quốc gia mà tiêu diệt nửa triệu những đứa cháu cứng đầu trong cải cách ruộng đất*".[2]

Cuối cùng, tác giả trách nước Pháp đã giúp Hồ Chí Minh bằng cách không đếm xỉa đến ước muốn độc lập của nhân dân Việt Nam.

Chương 1, tác giả thuật lại năm 1946 Hồ Chí Minh không dám tiếp anh ruột, lấy cớ giữ bí mật, bà Thanh - chị ông Hồ - cũng chẳng bao giờ được gặp em khi đã là chủ tịch nước.[3] Tác giả còn thuật lại Nguyễn Tất Thành có lần từ Paris về Sài Gòn tìm cha nhưng bị ông này đuổi đánh vì trái lời khuyên hãy theo đường lối của Phan Chu Trinh. Theo tác giả, hai cha con có hai đường lối khác nhau và *"có lẽ đó là nguồn gốc việc ông Hồ từ bỏ gia đình."*[4] Tác giả cũng ghi nhận Hồ Chí Minh từng có vợ trong thời gian ở Hoa Nam nhưng không nêu rõ chi tiết mà chỉ ghi dẫn theo tác phẩm ***Không có hòa bình cho Á Châu*** của Harold Isaacs.[5]

Về cách hoạt động khi ở Hoa Nam, tác giả diễn tả Hồ Chí Minh đã áp dụng kỷ luật thép đối với các đảng viên, bất kỳ ai không trung thành đều bị Hồ trao tên cho mật thám Pháp bắt. Theo tác giả, cách đó rất hữu hiệu. Rồi tác giả thuật lại chi tiết chuyện Hồ Chí Minh bán cụ Phan Bội Châu lấy 150 ngàn đồng và nêu thêm 3 lý do mà sau này Hồ Chí Minh đưa ra để bào chữa. Ba lý do đó là:

- loại đối thủ
- lấy tiền gây cơ sở
- thúc đẩy sự căm hận người Pháp trong nhân dân.

Tác giả nêu sự việc này theo tài liệu của P. J. Honey (***North Việt Nam Today*** - *New York, Praeger, 1962, tr. 4*) và LAO Trinh Nhất.[6]

Chương 2, tác giả viết như Bernard Fall từng khẳng định trong ***Ho Chi Minh on Revolution***: *"Với tư cách chuyên*

viên về các vấn đề thuộc địa, Hồ được phái đi Mạc Tư Khoa dự đại hội 4 Đệ Tam Quốc Tế từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1922 và *được gặp Lênin, Stalin, Trotsky, Bukharin*".[7] Theo tác giả, qua liên hệ của Hồ Chí Minh với Đệ Tam Quốc Tế, đảng Cộng Sản Việt Nam được tổ chức này trợ cấp hàng tháng số tiền khoảng 1,250 Mỹ Kim, nhưng phải chịu sự kiểm soát của đảng Cộng Sản Pháp. Tác giả cũng cho rằng Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm về những thất bại trong các *"Xô Viết"* ở Việt Nam năm 1931 nên bị gọi về Nga học tập lại và lần này, học tại trường cách mạng Lênin.

Tác giả theo tài liệu của các tác giả Cộng Sản Việt Nam nói Hồ Chí Minh lập Mặt Trận Việt Minh tức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội tại Pác Bó năm 1941[8] nhưng nhận định việc lập Mặt Trận Việt Minh không do sáng kiến của Hồ Chí Minh mà do lệnh của Đệ Tam Quốc Tế chỉ thị các đảng cộng sản phải đưa vào tổ chức của mình càng nhiều phần tử quốc gia, càng nhiều tổ chức xã hội càng tốt.

Tác giả cũng ghi nhận là thời gian ở Pac Bó, Hồ Chí Minh đã chăm chỉ dịch lịch sử đảng cộng sản Liên Xô, binh pháp Tôn Tử, trước tác về chiến lược chiến thuật du kích của Trung Quốc và Pháp. Về cung cách Hồ Chí Minh hành sử, tác giả viết: *"Nhằm theo đuổi các mục tiêu của mình người cộng sản chai đá này không dừng lại bất cứ điều gì, đã tuần tự hợp tác hay để nghị hợp tác với cả mật thám Pháp, cảnh sát Anh, Quốc Dân Đảng Trung Hoa, rồi cơ quan tình báo Mỹ."*[9]

Tác giả nhận định sự kiện Anh Mỹ tiếp tế vũ khí tiền bạc cho Việt Minh chẳng đáng là bao nhưng rất có tác dụng tuyên truyền, vì nó chứng tỏ cho nhân dân trong nước

thấy Việt Minh được sự ủng hộ của Đồng Minh - đây chính là điều một cán bộ cộng sản cần phải có để kêu gọi nhân dân nghe theo. Nhìn rõ sự quan trọng của công tác tuyên truyền trong mọi hoạt động của Cộng Sản, tác giả đã trích lời Hồ Chí Minh nhân ngày thành lập đội vũ trang tuyên truyền giải phóng quân: *"Đơn vị vũ trang tuyên truyền giải phóng" chứng tỏ bằng chính danh xưng của nó rằng cần phải đặt công tác chính trị bên trên công tác quân sự. Đây là đơn vị tuyên truyền..."*

Hoạt động tuyên truyền mà Hồ Chí Minh thể hiện không chỉ gói trong nỗ lực tạo cho mình những cái mình không có mà còn tích cực gán cho mọi đối thủ những cái thực sự đối thủ không có. Dẫn chứng cho cung cách này, tác giả trưng nguyên văn bức thư Hồ Chí Minh viết cho trung úy John tố cáo (với Mỹ và Pháp) rằng đảng Đại Việt chủ trương khủng bố chống Pháp! Trong thư Hồ Chí Minh cũng xin Hoa Kỳ thông báo cho phe Đồng Minh biết là *"Chúng tôi đã đứng về phía Đồng Minh chống Nhật..."*[10]

Tác giả phân tích về lá thư:*"Chiến dịch khủng bố của Đại Việt chỉ có trong trí tưởng tượng của ông Hồ. Đã rõ con người xảo quyệt này cố làm cho người Pháp và hy vọng cả người Mỹ chống Đại Việt để dùng họ loại trừ những phần tử quốc gia đang tranh giành ảnh hưởng với Việt Minh. Đồng thời cũng đổ lên đầu các đối thủ của mình những cuộc tấn công mà Việt Minh đang toan tính sẽ làm để chống Pháp."*

Không chỉ vu cáo để đẩy đối thủ vào thế bị mọi phía thù nghịch mà còn trực tiếp hãm hại đối thủ bằng mọi cách là thủ đoạn của Hồ Chí Minh. Tác giả cho biết *"với sự chấp thuận của ông Hồ (with Hồ's approval...), Trần Văn Giàu đã*

ra lệnh thủ tiêu Tạ Thu Thâu sau khi đi kinh lý với Hồ Chí Minh và từ Quảng Ngãi trở về Sài Gòn.[11]

Hành sự hiểm ác và chủ trương độc tôn, loại trừ mọi phần tử khác chính kiến đã đặt Hồ Chí Minh vào thế khó khăn do phản ứng từ phía các đoàn thể quốc gia và cả phía đồng minh khiến Hồ Chí Minh phải tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản ngày 11-11-1945. Tác giả cho biết đây cũng chỉ là một thủ đoạn của Hồ Chí Minh và dẫn lời Trường Chinh xác nhận đảng này vẫn tiếp tục hoạt động bí mật. Dù vậy, Hồ Chí Minh vẫn không dành được sự ủng hộ của Mỹ vì *"sau thời gian đầu không rõ ràng, càng ngày Hoa Thịnh Đốn càng biết liên hệ của Hồ với cộng sản nên đã chỉ thị cho người của họ ở Bắc Việt biết chính sách của chính phủ Hoa Kỳ là giữ lập trường trung lập và không chống việc Pháp trở lại Đông Dương."*[12]

Vào thời điểm đó, Liên Xô đang muốn kéo dài sự hòa hoãn với Pháp và lưu tâm nhiều hơn tới việc bành trướng ảnh hưởng tại Đông Âu nên Hồ Chí Minh không thể nhận được sự yểm trợ tích cực trên trường quốc tế.

Trong khung cảnh chung đó, đô đốc D'Argenlieu, cao ủy Pháp tại Đông Dương khi tới Sài Gòn ngày 31-10-1945 đã tỏ thái độ phủ nhận tính cách đại diện cho Việt Nam của Hồ Chí Minh. Tác giả viết về D'Argenlieu: "...*Ông ta chỉ nghe mấy tay hành chánh và thực dân Pháp muốn nước Pháp chỉ thương lượng với Bảo Đại và nhóm quan lại trí thức*". Theo tác giả, D'Argenlieu còn muốn đưa Bảo Long lên làm hoàng đế và để Nam Phương Hoàng Hậu nhiếp chính. Nhưng bà này không đồng ý.[13] Tác giả diễn tả mức khó khăn căng thẳng đã khiến có lúc Hồ Chí Minh phải đến tận nơi cư ngụ của cố vấn Vĩnh Thụy (ngày 23-2-1946) xin

cựu hoàng thay ông ta làm chủ tịch điều khiển chính phủ, còn ông ta làm cố vấn cho cựu hoàng để làm dịu sự chống đối của đồng minh, Pháp và cả phe quốc gia vì họ thấy ông ta quá đỏ.

Tuy vẫn nói Hồ Chí Minh là người của Đệ Tam Quốc Tế và là con người thủ đoạn, nhưng tác giả tiếp tục khẳng định *"cần nhấn mạnh một lần nữa rằng ông Hồ không chỉ là một người Mác-xít dấn thân mà còn là một người yêu nước nồng nàn - an ardent nationalist."*[14]

Lời khẳng định trên cũng lý giải sự ngưỡng mộ mà tác giả dành cho Hồ Chí Minh qua mô tả về những tính cách của nhân vật này. Tác giả gọi Hồ Chí Minh là *người khách quyến rũ - The charming visitor*[15], dùng làm tiêu đề một đoạn sách nói về hội nghị Fontainebleau và nhắc tới một sự việc hoàn toàn bất thường trong trường hợp ký kết thỏa ước Modus Vivendi: *"Sau một ngày suy nghĩ và tính toán, Hồ quyết định ký. Sợ Moutet hoặc chính ông ta sẽ đổi ý, nhà cách mạng lão thành bất chấp nghi lễ, đi thẳng tới phòng ngủ của vị bộ trưởng đòi ký ngay cho bằng được bản thỏa ước."*[16]

Bản thỏa ước là một thất bại vì chỉ nhắm vớt vát thể diện cho Hồ Chí Minh khỏi phải tay không về nước, nhưng một chiến dịch tuyên truyền rầm rộ đã được phát động ở trong nước để khi Hồ Chí Minh về tới bến cảng Hải Phòng thì *"những tiếng hoan hô "Hồ chủ tịch muôn năm" vang dội như sấm giữa đám quần chúng đón tiếp làm ông gần mất thăng bằng"*.[17] Tác giả nhìn nhận một lần nữa, tuyên truyền đã biến một thất bại thành chiến thắng.

Mở đầu chương 6, tác giả viết: *"Chiến tranh bùng nổ có tác dụng tức khắc là quy tụ người Việt xung quanh Hồ Chí*

Minh. Nhiều người trước kia từng cáo buộc ông bán đứng tổ quốc cho Pháp, nay xem ra sẵn sàng chấp nhận luận cứ của ông rằng ký kết thỏa ước với Pháp (tại Paris) chỉ là một trong những cố gắng tuyệt vọng của ông để tránh chiến tranh... Pháp từ chối thừa nhận khát vọng độc lập của người Việt khiến cho người quốc gia không thể tách rời cộng sản trong một cuộc chiến trong đó những nhu cầu cấp bách của chủ nghĩa dân tộc là quan trọng hơn cả."[18]

Nếu bỏ qua việc cứu xét nguyên nhân dẫn đến cuộc chiến và bỏ qua chủ trương loại trừ người quốc gia để giữ độc quyền lãnh đạo của Hồ Chí Minh thì nhận định trên có vẻ hợp lý phần nào. Nhưng chính tác giả đã nêu rõ thái độ lúc đó của chính giới Pháp: *"Trừ đảng cộng sản, tất cả đảng phái Pháp đều chống việc thương thuyết với chính quyền Việt Minh vì có Việt Minh bị chi phối nặng nề bởi những phần tử cộng sản cực đoan, và do đó không có tư cách gì nhân danh nhân dân Việt Nam."*[19]

Ngày 1-4-1947, Cao Ủy Bollaert tới Sài Gòn để thực hiện chính sách mới, *"một giai đoạn xây dựng"*, bãi bỏ kiểm duyệt báo chí ở Sài Gòn và phong tỏa Hải Phòng, Hà Nội đồng thời tuyên bố *"Nước Pháp không thể thương thuyết với Việt Minh, vì nó bị chi phối bởi cộng sản là bộ phận nhỏ của phong trào yêu nước"*.[20]

Hồ Chí Minh cố xoa dịu Pháp đồng thời để ngăn chặn tình trạng*"quần chúng quy tụ sau lưng những nhóm ủng hộ Bảo Đại, lúc ấy xem ra thành công hơn trong việc làm cho Pháp nhượng bộ"*, đã tuyên bố cải tổ chính phủ ngày 19/7/1947.

Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... từng tỏ ra quá cứng rắn trong các hội nghị Fontainebleau và Đà Lạt được thay

bằng Tạ Quang Bửu, Phan Kế Toại... Hồ Chí Minh cố tỏ ra chính phủ do mình lãnh đạo không phải hoàn toàn cộng sản.

Nhưng người Pháp vẫn không chịu thương lượng bởi lẽ không thể che lấp được tính chất giả dối của thủ đoạn này vì chính phủ vẫn hoàn toàn do cộng sản điều khiển.[21] Cải tổ không thành công, Hồ Chí Minh tiếp tục con đường quen cũ: *"Để ngăn ngừa một chính phủ chống cộng thành lập, Hồ dùng tới chiến lược cố hữu của ông ta: thủ tiêu đối thủ. Cuối tháng 10, bác sĩ Trương Đình Tri và Nguyễn Văn Sâm bị thủ hạ Hồ ám sát. Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân bị xử tử khiếm diện"*.[22]

Trong khi đó, Hồ Chí Minh tiếp tục cố tranh thủ sự ủng hộ quốc tế: *"Ngày 22-11-1947, từ rừng sâu chính phủ Việt Minh nộp đơn xin gia nhập Liên Hiệp Quốc, hứa tôn trọng hiến chương LHQ và làm tròn nghĩa vụ của một hội viên. Nhưng đơn không có hồi âm"*.[23]

Dù vậy, các nỗ lực cũng đem lại kết quả là hoàng thân Bửu Hội, nhà bác hội duy nhất của Việt Nam lúc ấy, nhân danh hoàng tộc khuyên Pháp nên điều đình với chính phủ Hồ Chí Minh và hoàng thân Ưng Úy, thân sinh của nhà bác học Bửu Hội, ra vùng kháng chiến với Việt Minh.

Tháng 1-1949, khi Trung Cộng chiếm được Bắc Kinh, Pháp bắt đầu lo ngại khó thể chiến thắng vì Việt Minh chắc chắn được Trung Cộng yểm trợ nên sắp xếp nhượng bộ Bảo Đại để ngăn cản dân chúng Việt Nam theo Việt Minh. Cả Pháp, Bảo Đại lẫn Hoa Kỳ đều cố đi tới một hành động chung nhằm mục đích đó và Hiệp ước Élysée giữa tổng tống Vincent Auriol và quốc trưởng Bảo Đại được ký kết ngày 8-3-1949.[24]

Cuối tháng 6-1949, chính phủ Nam Kỳ quốc đệ đơn từ chức và Việt Nam thống nhất... *"Ngô Đình Diệm được mời cầm đầu chính phủ lại từ chối và nhắc lại rằng ông chỉ tham chính sau khi nguyện vọng của quốc dân được thỏa mãn, hoặc Việt Nam được hưởng quy chế giống như Ấn Độ và Hồi Quốc trong Liên Hiệp Anh* (*Khối Thịnh Vượng Chung*). *Ông Diệm còn nhấn mạnh, là địa vị tốt nhất phải dành cho những người xứng đáng nhất của xứ sở, những thành viên của kháng chiến"*[25]

Ngày 13/1/1951, Việt Minh đưa 2 sư đoàn 318 và 312 tấn công đồn Vĩnh Yên. Thua với 6.000 chết 600 bị bắt. Ngày 23/3/1951 lại tấn công Mạo Khê, cũng thua 400 chết gần 3.000 bị thương. Ngày 29/5/1951, 3 sư đoàn 304, 308, 320 đánh một loạt trận dọc sông Đáy. Lại thua. Thương vong tổng cộng một phần ba quân số. Kể cả 1000 bị bắt sống. Tác giả cho biết người chịu trách nhiệm điều khiển các trận thí quân theo chiến thuật biển người này không phải Võ Nguyên Giáp mà là tổng bộ Việt Minh do Hồ Chí Minh đứng đầu.[26] Riêng số thương vong đôi bên tại trận Điện Biên Phủ, theo tác giả ghi, phe thắng 23,000 thương vong trong đó 8000 bị chết còn bên thua 7184 chết, 11,000 bị thương và bị bắt.[27]

Về hòa đàm Genève, tác giả cho biết chính Phạm Văn Đồng, trưởng đoàn Việt Minh nêu ý kiến trao đổi lãnh thổ, tức chia cắt Việt Nam làm hai: *"Trong cuộc mật đàm giữa phái đoàn Việt Minh và Pháp, Tạ Quang Bửu, thứ trưởng Quốc Phòng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được tướng Pháp Delteil yêu cầu nói rõ mấy lời tuyên bố của Phạm Văn Đồng ngày 25 tháng 5, cụ thể là thuật ngữ "trao đổi lãnh thổ". Bửu*

giải thích, điều đó ngụ ý sự chia cắt tạm thời Việt Nam và sẽ tổng tuyển cử thống nhất sau. "[28] Trong chương về liên hệ giữa Hồ Chí Minh với Mỹ, tác giả dẫn nguyên văn lời tuyên bố của Võ Nguyên Giáp, Bộ Trưởng Nội Vụ đọc ngày 2/9/1945 trước khi trích lời tuyên bố của chính Hồ Chí Minh nhân dịp kỷ niệm "quốc khánh" 9 năm sau vào 2/9/1954. Năm 1945, Võ Nguyên Giáp tuyên bố: *"Hoa Kỳ không có tham vọng lãnh thổ nơi đất nước này. Họ đã cống hiến to lớn nhất cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống kẻ thù phát xít Nhật. Và như vậy Hoa Kỳ vĩ đại là bạn tốt của chúng ta"*. Và năm 1954, Hồ Chí Minh tuyên bố: *"Chúng ta phải đoàn kết muôn người như một để chống những kẻ phá hoại hòa bình là đế quốc Mỹ và tay sai."*[29]

Theo tác giả, sau khi Trung Cộng chiếm được Hoa lục, Hồ Chí Minh đã bị áp lực của thủ hạ gỡ bỏ mặt nạ yêu nước[30], công khai tuyên bố đi theo Quốc Tế Cộng Sản. *"Đó là một bước tiến có ý nghĩa, vì mãi cho đến tháng 3 năm 1949 ông Hồ vẫn còn cực lực bác bỏ luận điệu của những ai tố cáo chính phủ ông là bị cộng sản thống trị, cho rằng đó hoàn toàn là chuyện bịa đặt của đế quốc Pháp."* Có lẽ nhờ sự việc này ngày 18/1/1950 Trung Cộng công nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và 12 ngày sau, 30/1/1950, đến lượt Liên Xô. Từ đó Hồ Chí Minh không còn dè dặt mà công khai đả kích nặng nề "phe" thế giới tự do.

Tác giả cũng ghi nhận nhiều bước tiến của miền Nam thời Đệ Nhất Cộng Hòa, ca ngợi Ngô Đình Diệm đã cương quyết và thành công trong những năm đầu khiến Hoa Kỳ lúc trước vẫn nghĩ ông sẽ thất bại phải quay sang ủng hộ triệt để. Thành tựu của Ngô Đình Diệm khiến Hồ Chí

Minh lo lắng và riêng năm 1955 đã phái vào Nam khoảng 6.000 cán bộ tập kết để tiến hành chiến tranh du kích.[31] Một kết quả của nỗ lực này được tác giả ghi lại bằng số người bị Cộng Sản ám sát ở nông thôn miền Nam như sau: "*Người ta ước lượng có 1.700 viên chức chính phủ (Miền Nam) bị giết trong năm 1959, và 4.000 trong năm 1960.*"

Ngày 10/9/1960, Đảng ra nghị quyết thành lập mặt trận trong Nam và hơn ba tháng sau, Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam chính thức thành lập. Về sự việc này, tác giả *viết:* "Bất cứ giữ chức vụ gì trong mặt trận, những người không cộng sản cũng chẳng có vai trò nào có ý nghĩa, mà hoàn toàn chỉ là công cụ của Hà Nội. Huấn thị của đảng Lao Động sau đây chứng minh điều đó: "*Trong hiện tình miền Nam, trung ương ủng hộ việc đưa những phần tử này vào mặt trận, không phải vì Đảng sẽ giao cho họ những trọng trách trong cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, nhưng chỉ là dùng tài năng và uy tín của họ để xúc tiến cách mạng và làm cho mặt trận Nhân Dân thêm thanh thế hầu giải phóng miền Nam. Đường lối này chỉ là sách lược tạm thời của Đảng. Khi cách mạng thành công, sách lược đó sẽ được xét lại. Lúc ấy Đảng sẽ công khai lãnh đạo cách mạng tại miền Nam Việt Nam.*"[32] Tác giả viết tiếp và trưng dẫn thêm một tài liệu về âm mưu của Hà Nội nhằm khai thác sự nhẹ dạ của một số trí thức miền Nam: "*Sự lệ thuộc của Mặt Trận vào Hà Nội còn được chứng minh hơn nữa bằng sự có mặt trong lòng nó của đảng Nhân Dân Cách Mạng được thành lập vào tháng 1/1962. Mặc dầu được mô tả như một đảng Mácxít -Lêninít độc lập, nhưng theo một tài liệu bắt được của Cộng sản thì nó hoàn toàn chỉ là đảng Lao Động, thống nhất từ Bắc tới Nam,*

dưới sự lãnh đạo của ủy ban trung ương đảng mà lãnh tụ là Hồ Chí Minh.

"Tài liệu đó giải thích lập trường của đảng Nhân Dân Cách Mạng như sau:

"Nguyên văn: "Về việc thành lập đảng Nhân Dân Cách Mạng ở miền Nam, đó chỉ là một vấn đề chiến lược; trong đảng với nhau cần được giải thích; và nhằm đánh lừa kẻ thù, cần phải cho nó một bộ mặt bề ngoài như là đảng Lao Động chia rẽ làm hai nên nó mới ra đời; như vậy kẻ thù không thể dùng nó làm lợi khí tuyên truyền.

"Trong đảng, cần phải giải thích rằng, lập nên đảng Nhân Dân Cách Mạng này nhắm mục đích cô lập Mỹ với chế độ Diệm, và để ngăn không cho chúng tố cáo miền Bắc chúng ta xâm lăng miền Nam. Đó là cách ủng hộ sự phá hoại hiệp định Genève của ta, tiến hành kế hoạch xâm chiếm miền Nam đồng thời cho phép Mặt Trận Giải Phóng tuyển thêm đảng viên và thu phục thiện cảm của các nước không liên kết ở Đông Nam Á."[33] Thái độ của Hồ Chí Minh đối với những nỗ lực quốc tế muốn giải quyết cuộc chiến miền Nam bằng đường lối hòa bình cũng được ghi lại là thái độ quyết liệt chống phá. Nhân dịp khai diễn hội nghị các nước không liên kết, lãnh tụ Nam Tư Titô đưa sáng kiến vãn hồi hòa bình bằng cách hai bên tham chiến hòa đàm, Hà Nội gọi lời kêu gọi là *"hòa bình gian trá và đại bịp"* do Titô là thứ bồ câu dụng cụ của đế quốc Mỹ sáng tạo ra.[34] Riêng Hồ Chí Minh bác bỏ kế hoạch 3 điểm của tổng thư ký Liên Hiệp Quốc U Thant, cho rằng "*Liên Hiệp Quốc không có quyền can thiệp vào vấn đề Việt Nam bằng bất cứ phương cách nào*."

Chương 8 bàn về liên hệ với Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa, tác giả cho rằng do được đào tạo và xu hướng riêng, Hồ

Chí Minh "*có một điểm ấm áp trong tim dành cho Liên Xô, là đất của Lênin, thần tượng của Hồ*" nhưng đã khôn khéo đi dây giữa hai đàn anh. Tác giả chia thời gian nghiêng về bên này hay bên kia của Hồ Chí Minh thành 4 giai đoạn:

- 1949 đến 1956: Ảnh hưởng của Trung Cộng
- 1957 đến giữa1962: Ảnh hưởng của Liên Xô
- Giữa 1962 đến 1964: Ảnh hưởng của Trung Cộng
- 1964 đến 1969: Ảnh hưởng của Liên Xô.

Tác giả phân tập đoàn lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam thành hai nhóm.

Nhóm thân Liên Xô gồm Hồ Chí Minh (tuy nhiên về bề ngoài, Hồ Chí Minh luôn cố giữ thế đứng giữa), Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Thanh Nghị, Lê Duẩn.

Nhóm thân Trung Cộng đứng đầu là Trường Chinh, rồi Nguyễn Duy Trinh, Lê Đức Thọ, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Hoan (tác giả gọi Hoan là chuyên viên thượng thặng về bang giao quốc tế).

Giữa hai xu hướng này, theo tác giả, Hồ Chí Minh cố đứng trung lập với xu hướng hơi nghiêng về Liên Xô - *a slightly pro-Soviet, "neutral"* . Tác giả đưa nhiều sự kiện lịch sử để chứng minh việc cố giữ thăng bằng thật khó, nhưng nhờ uy tín và tài tháo vát, Hồ Chí Minh đã thành công phần nào. Cụ thể là trường hợp đi dự lễ kỷ niệm 40 năm Cách Mạng Tháng Mười của Nga (1957), Hồ Chí Minh đã trì hoãn 2 tháng mới trở về để đe dọa hai phe tranh chấp trong nội bộ ban lãnh đạo đảng trong nước là nếu không ngưng tranh chấp, ông ta sẽ ở ngoại quốc vô thời hạn.[35] Mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Cộng có

lúc căng thẳng, đến độ Trung Cộng tố cáo Liên Xô đồng lõa với đế quốc Mỹ đã đe dọa phân rẽ ngay trong nội bộ Cộng Đảng Việt Nam, nhưng cũng lại là cơ hội để Hồ Chí Minh khai thác[36] Đầu phần tổng kết, tác giả tóm tắt nhận định về Hồ Chí Minh như sau: *"Rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong những người cộng sản dấn thân xảo quyệt và tàn bạo nhất trên thế giới từ trước đến nay. Đồng thời ông ta cũng là nhà ái quốc lớn, mà sự dấn thân cho cộng sản không làm lu mờ lòng thiết tha yêu tổ quốc."*[37] Nhận định này được đưa ra sau khi đã nghiên cứu khá kỹ về cuộc đời Hồ Chí Minh vẫn có vẻ thiếu am tường về chủ trương căn bản và chiến lược, sách lược của cộng sản thế giới, đồng thời cũng thiếu hẳn sự đối chiếu với thực tế về những gì mà Hồ Chí Minh từng gây ra cho nhân dân Việt Nam sau khi toàn thắng. Một người tàn bạo nhất trên thế giới từ trước tới nay không nề hy sinh mạng sống của nhân dân để đạt mục tiêu chính quyền và khi đã đạt được tất cả lại tiếp tục đày đọa nhân dân trong kiếp sống cực khổ còn hơn thời thực dân có thể là người yêu nước thiết tha không?

Hơn nữa, nơi trang 259, chính tác giả đã ghi nhận có tới 100 ngàn người bị giết trong cải cách ruộng đất gồm nhiều người từng anh dũng kháng chiến chống Pháp. "Theo luật kẻ bị án chết có thể xin chủ tịch ân xá. Nhưng ông (Hồ) không hề động một ngón tay để ân xá cho bất cứ kẻ nào trong số các đứa cháu ngoan của "Bác".

Nơi trang 260, tác giả còn trưng dẫn lời tuyên bố của Võ Nguyên Giáp về cải cách ruộng đất, một chính sách do chính Hồ Chí Minh chủ trương với trọn vẹn tính tàn ác man rợ mà ngay một thủ hạ thân tín nhất cũng không

giấu nổi cảm giác ghê rợn: *"Chúng ta đã giết quá nhiều người lương thiện... và chỗ nào cũng thấy địch và dùng tới khủng bố tràn lan... Khi chỉnh đảng chúng ta quá chú trọng tới giai cấp xã hội thay vì chỉ căn cứ vào khả năng chính trị mà thôi. Thay vì lấy giáo dục làm chính, ta chỉ dùng tới những biện pháp tổ chức như phạt kỷ luật, khai trừ, xử tử, giải tán tổ chức chi nhánh đảng hay những chi bộ đảng. Tệ hơn nữa, tra tấn được coi như việc bình thường trong thời gian chỉnh đốn tổ chức đảng. "*

Một người chỉ mang *"mặt nạ yêu nước"* như một thủ đoạn lường gạt xảo trá và thẳng tay tàn sát đồng bào để củng cố quyền lực cho bản thân mà được tôn xưng là nhà ái quốc lớn mà sự dấn thân cho cộng sản không làm lu mờ lòng thiết tha yêu tổ quốc e rằng chỉ là cách tôn xưng mang đậm dấu ấn của những ảnh hưởng tuyên truyền đã được lập lại liên tục mấy chục năm qua.

Chú thích

1-2-3-4 SĐD tr. XI, XV, 5, 8

5 Harold Isaacs phóng viên báo Newsweek cho biết trong cuộc gặp gỡ với Hồ Chí Minh tại nhà một giáo sư Việt Nam ở Hà Nội năm 1945, đã được nghe Hồ Chí Minh tâm sự rằng từng có vợ. Isaacs ghi lại chuyện này nơi trang 164 của tác phẩm *Không có hòa bình cho Á châu*.

6 *Có thể ghi sai ĐÀO Trinh Nhất thành LAO Trinh Nhất chăng?*

7-9 *SĐD tr. 22, 67*

8 Trên thực tế, Hồ Chí Minh tham gia tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của Hồ Học Lãm tại Hoa Nam từ 1940 để mượn danh hiệu này và việc lập Mặt Trận Việt Minh năm 1941 tại Pac Bó chỉ là bước đi cuối cùng sang đoạt danh hiệu trên mà thôi.

10 *Tài liệu trích từ Lost Revolution* của Robert Shaplen, tr. 29-300

11-12-13-14-15-17-18 SĐD tr. 93, 113, 117, 134, 144, 160, 176

16 Bộ Trưởng Moutet thuộc đảng Xã Hội Pháp là người quen thân với Hồ Chí Minh tại Paris từ những năm 1919-1920.

19-20-21-22-23-24 SĐD tr. 181, 184, 190, 200, 208, 210

25 SĐD tr. 212. Tác giả ghi theo báo Écho du Việt Nam, ngày 16/6/1949.

26 SĐD tr. 219. Nguyên văn: "*Giáp did not take decision alone; it was the Tong Bo, or more specifically, Ho Chi Minh, that was in charge of the war*".

27-28-29-31 SĐD tr. 230, 236, 251, 256

30 SĐD tr. 252. Tác giả nói gỡ bỏ "mặt nạ yêu nước" cho thấy chuyện yêu nước của Hồ Chí Minh chỉ là giả dối và gần như đã bác bỏ một nhận định của chính mình rằng ông Hồ là người yêu nước nồng nàn - an ardent nationalist.

32 SĐD tr.262-263. Trích tài liệu CS tịch thu được ghi trong *Mối đe dọa hòa bình* - phụ lục P, tr. 96-97

33 SĐD tr. 264. Trích từ tài liệu của bộ ngoại giao Mỹ: *Sự xâm lược của miền Bắc: Hồ sơ Chiến dịch xâm chiếm miền Nam của Bắc Việt*, Washington DC, 1965 - phụ lục G, tr. 57

34-35 SĐD tr. 266-267, 283

36 SĐD tr. 303. Theo tạp chí *Tam Cá Nguyệt* Trung Quốc tháng 7-9, 1966 tr. 217-218. Tác giả nói trong trường hợp này, Hồ Chí Minh đã tỏ ra là "ngư ông đắc lợi", nhờ biết lúc "nước đục thả câu".

37 Xin xem chú thích 30 để so sánh. Tác giả mâu thuẫn trầm trọng khi ở trên viết đàn em làm áp lực bắt buộc GỠ BỎ MẶT NẠ YÊU NƯỚC, rồi trang 252 lại viết ÔNG HỒ LÀ NHÀ ÁI QUỐC LỚN... THIẾT THA YÊU NƯỚC!

Chương 13
NHÓM ĐƯỜNG MỚI và *HCM, sự thật về thân thế và sự nghiệp*

Năm 1990, nhà xuất bản Nam Á ở Paris phát hành cuốn ***Hồ Chí Minh, Sự thật về thân thế và sự nghiệp*** do 9 tác giả đồng soạn, trong đó có 6 người Việt, 2 người Pháp, một người Mỹ. Cuốn sách được viết và dịch ra 3 thứ tiếng Anh, Pháp, Việt xuất hiện vào lúc tổ chức Văn Hóa Giáo Dục của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) dự tính vinh danh Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông ta.

Hai tác giả người Pháp là Olivier Todd và Jean-François Revel từng có mặt trong số nhà văn và triết gia ngoại quốc đã can thiệp để UNESCO hủy bỏ ý định. Vì vậy UNESCO chỉ cho Cộng Sản Việt Nam mượn trụ sở để tổ chức văn nghệ nhưng không được nhắc tới ngày sinh của Hồ Chí Minh.

7 tác giả còn lại gồm:

- Ralph B. Smith, giáo sư sử học Á Đông tại trường

School of Oriental and African Studies (Viện nghiên cứu Á Phi) thuộc đại học Luân Đôn.

- Bùi Xuân Quang, chủ biên, nhà văn, đạo diễn điện ảnh, là người cùng Nguyễn Thế Anh và Huỳnh Bá Yết Dương sáng lập nhóm nghiên cứu và tập san Đường Mới.

- Nguyễn Thế Anh từng là Viện Trưởng Viện Đại Học Huế, giáo sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, giáo sư thỉnh giảng đại học Harvard, giám đốc CNRS (Trung tâm Quốc Gia Khảo Cứu Khoa Học, Paris) và là một sử gia có uy tín trong giới sử học quốc tế.

- Tôn Thất Thiện, từng là giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và đại học Vạn Hạnh, Tổng Trưởng Thông Tin VNCH, giáo sư đại học Québec tại Trois Rivières, từng được trao tặng Giải Thưởng Quốc Tế Về Báo Chí (Giải MacSaysay, mang tên tổng thống Phi Luật Tân) vào thời Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam.

- Lâm Thanh Liêm, nguyên giáo sư và Trưởng Ban Địa Lý Đại Học Văn khoa Sài Gòn, chuyên gia nghiên cứu CNRS, tác giả nhiều sách về chuyên môn và lịch sử, trong đó có cuốn ***Từ Sài Gòn đến thành phố HCM,*** viết chung với Gustave D. Meillon.

- Đinh Trọng Hiếu, chuyên gia nghiên cứu CNRS, giảng sư đại học Paris VII, từng có thời viết cho tập san Đoàn Kết thân cộng.

- Đằng Phương, Nguyễn Ngọc Huy, nguyên giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Sài Gòn, nguyên chuyên gia khảo cứu tại đại học Harvard, tổng thư ký Phong Trào Quốc gia Cấp Tiến.

Cuốn sách là tập hợp những bài viết của 9 tác giả nói trên, mỗi tác giả một bài.

Trong Lời Nhà Xuất Bản, Mai Trung viết rằng các dân tộc Đông Âu đã ném chủ nghĩa cộng sản vào "thùng rác lịch sử".

Trong lời mở đầu, Vấn đề Hồ Chí Minh, Bùi Xuân Quang viết: *"Đời của lãnh tụ cộng sản Hồ Chí Minh hoàn toàn giả tạo từ ngày sinh cho đến ngày ông mất....Trong tinh thần đi tìm sự thật, công bằng và nhân ái, chúng ta phải đặt ông Hồ Chí Minh vào đúng chỗ của ông: một người đã hoàn toàn sai lầm và phải chịu trách nhiệm với dân tộc, với đất nước."*[1]

Bài thứ nhất, ***Hồ Chí Minh: Lòng yêu nước bị chuyển hướng*** của Jean-François Revel, triết gia, nhà văn và nhà báo, phụ trách mục xã luận các tuần báo *Le Point*, *Giornale* và đài Europe I. Tác giả viết: "*Đáng lẽ Hồ Chí Minh đã là một vị anh hùng tạo lập một nước Việt Nam tân tiến và dân chủ. Khốn thay, mục tiêu của ông không phải là nền độc lập của Việt Nam mà là việc sáp nhập nước này vào Quốc Tế Cộng Sản... Hồ Chí Minh là một trong những người thực hiện khắt khe nhất phương pháp mà chủ nghĩa cộng sản đã dùng suốt thế kỷ 20. Đó là dùng sức mạnh nằm trong mong muốn tự nhiên của con người như tự do, độc lập, tiến bộ rồi xoay chuyển sức mạnh đó để phục vụ mục đích trái ngược với mục đích mà những người dân bị lợi dụng đã ước mong và theo đuổi...Dựa vào lòng ước mơ tự do để nô lệ hóa, đó là phương pháp của Hồ Chí Minh theo đúng phương pháp của Lênin gian ác.*"

Với tư cách một triết gia, một nhà tư tưởng, Revel đưa ra định nghĩa của lịch sử rồi căn cứ vào đó và dựa trên kết quả những hành động của Hồ Chí Minh để đưa ra lời kết tội, dù chấp nhận trường hợp cho rằng buổi ban đầu đã có ý định hết sức tốt đẹp: *"Lịch sử không phải là kết quả do*

những ý định của người ta mà là kết quả do những hành động của họ. Thế thì những kết quả còn đó: Nô lệ, xương máu, chết chóc và đói khát. Đã trưng dụng cuộc chiến đấu chống thực dân để đưa đến một tình trạng suy sụp như thế thì chẳng còn cách gì chống chế để chạy tội cả. Trái lại, đây là một trường hợp phạm tội gia trọng, một vụ đánh cắp, một vụ lừa bịp không hơn không kém."

Bài thứ hai, ***Hành trình chính trị của Hồ Chí Minh*** của Nguyễn Thế Anh. Theo tác giả, những nghi vấn đầy rẫy trong đời Hồ Chí Minh đến nay vẫn chưa được giải tỏa. Chỉ riêng về năm sinh đã khá rắc rối. Năm 1911, Hồ Chí Minh ghi mình sinh năm 1892. Một báo cáo khác ghi: sinh năm1894. Trong chiếu khán thông hành cấp năm 1923 ghi sinh ngày 15/1/1895. Ngày sinh được coi như chính thức là 19/5/1890.

Về cái tên Nguyễn Ái Quốc, tác giả cho rằng "*có thể*" là tên chung của nhiều người thường lui tới nhà luật sư Phan Văn Trường ở số 6 Villa des Gobelins. Và, hội Người Việt Nam Yêu Nước không phải do Hồ Chí Minh lập nên như ghi trong sử liệu của Cộng Sản Việt Nam. Hội này là của hai nhà cách mạng Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường: "*Hai chí sĩ họ Phan đã không nề hà dìu dắt những bước đầu của người thanh niên mà không bao lâu hai ông dành cho độc quyền sử dụng tên Nguyễn Ái Quốc. Biết rằng công an Pháp theo dõi chặt chẽ hành vi của mình, nên hai ông còn giao phó cho anh ta vận mệnh Hội Người Việt Nam Yêu Nước, một sự ủy thác mà các sử gia viết tiểu sử Hồ Chí Minh lơ đi để lạm gán cho ông ta công lao lập hội này. Với tư cách tổng thư ký của hội, Nguyễn Ái Quốc được nhận làm hội viên chi nhánh Pháp của Hội Nhân Quyền và Dân Quyền*".

Sự việc trên gợi nhắc trường hợp tương tự sau này khi Hồ Chí Minh chiếm dụng danh xưng và danh nghĩa của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (gọi tắt là Việt Minh) của Hồ Học Lãm để rồi biến thành Mặt Trận Việt Minh của ông ta vào năm 1941.

Tác giả nói Hồ Chí Minh đã đến Nga ba lần khi chưa làm chủ tịch vào các thời điểm 1923-1924, 1927-1928, 1934-1938 và phủ nhận tin do Hồ Chí Minh bịa rằng đến Nga lần đầu sau khi Lênin đã chết nên không được gặp. Tác giả khẳng định Hồ Chí Minh đến Nga lần đầu vào tháng 7-1923, dự đại hội Quốc Tế Nông Dân từ ngày 10 đến 15-10 năm ấy. Đó là lúc Liên Xô thay đổi sách lược dành cho nông dân một vai trò quan trọng mới. Năm sau Hồ Chí Minh lại được dự đại hội V Đệ Tam Quốc Tế từ 17-6 đến 8-7-1924 tại Mạc Tư Khoa. Tác giả cho biết thêm: "*Đến khi đại hội chấm dứt, một* ***ủy ban tuyên truyền quốc tế*** *được thành lập, mà trọng trách là tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản tại các nước thuộc địa... Quốc (HCM) được chỉ định gia nhập ủy ban này, ngang hàng với các ủy viên Pháp: Marcel Cachin; Ấn Độ: M.N.Roy; Nhật-bản: Sen Katayama; Algérie: Hadjali Abdelkader v.v...*"

Tác giả gắn liền việc Hồ Chí Minh đến Nga lần thứ 3 từ 1934-1938 với việc Liên Xô thay đổi chiến lược, quay ra thân thiện với Anh - Pháp hòng đối phó với Hitler, chủ trương cần phải liên hệ tốt với họ để "*thành lập những mặt trận bình dân, phải liên kết với các đảng phái dân chủ tư sản để chống chủ nghĩa phát xít*". Tại đại hội kỳ 7 (cũng là đại hội chót) của Đệ Tam Quốc Tế, Hồ Chí Minh tham dự với tư cách đại diện bộ Đông Phương. Lê Hồng Phong dự với

tư cách đại diện của đảng Cộng Sản Đông Dương. Nguyễn Thế Anh trưng dẫn cuốn ***Chính giới Pháp và cách mạng Việt Nam*** (tháng 8-12, 1945) của Alain Ruscio để cho rằng *"thỏa hiệp 6-3-1946 bao hàm sự duy trì nước Việt Nam trong khối Liên Hiệp Pháp"*.[2]

Tác giả kết luận: *"Huyền thoại này (Hồ Chí Minh yêu nước) đã giúp nhiều cho cộng sản Việt Nam được bên ngoài cũng như bên trong ủng hộ. Nhưng nó đã che lấp sự kiện chính yếu là nhà lãnh tụ Cộng Sản đã hiến dâng đời ông nhiều nhất cho sự thắng lợi của Quốc Tế Cộng Sản, và ông đã hoạt động cho sự giải phóng xứ sở cốt là để đưa một cách hữu hiệu nhất quốc gia ông nhập vào phong trào công nhân và nông dân quốc tế"*.

Bài thứ ba, ***Cái đúng và cái giả dối về chuyện Hồ Chí Minh,*** của giáo sư Tôn Thất Thiện là một trong hai bài dài nhất (47 trang), viết về chuyến đi lén lút sang Nga của Hồ Chí Minh năm 1923 và chuyện bị thất sủng ở Komintern năm 1933-1938. Tác giả là một trong những người đầu tiên nói đến 2 tác phẩm do Hồ Chí Minh ngụy trang người khác để kể về mình. Ông cũng nghiên cứu nhiều tác phẩm của các học giả và nhà văn, nhà báo thế giới như Jean Lacouture, Bernard Fall, Michelle Zecchini, Jean Sainteny, Archimedes Patti... và bài phỏng vấn Hồ Chí Minh của ký giả Charles Fourneau. Trong danh mục tài liệu tham khảo còn liệt kê bộ ***Hồ Chí Minh toàn tập,*** các tác phẩm của Hồng Hà và của ban nghiên cứu lịch sử đảng do tỉnh ủy Nghệ Tĩnh phổ biến. Ngoài ra là các sách viết về Hồ Chí Minh của những thủ hạ thân cận như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng ... và một số sử gia Cộng Sản khác.

Một bài viết dài trên bốn chục trang mà có tới 60 chú thích dựa trên số lượng tài liệu tham khảo đó đã phản ảnh thái độ hết sức thận trọng của tác giả.

Khác với Nguyễn Thế Anh, giáo sư Tôn Thất Thiện đã dựa theo các tài liệu Cộng Sản, nhất là của chính Hồ Chí Minh, để ghi rằng Nguyễn Ái Quốc đến Nga, sau khi Lênin đã chết và mục đích chuyến đi Nga là dự đại hội kỳ V của Đệ Tam Quốc Tế (năm 1924) chứ không phải dự hội nghị về Nông Dân (năm 1923). Nhưng, sau đó tác giả viết thêm: *"...Cũng ghi nhận rằng, một điều lạ lùng là Nguyễn Khắc Huyên, người đã viết một tiểu sử về Hồ, dựa vào tư liệu vững vàng xuất bản năm 1971, cũng nói rằng Hồ đã tham dự đại hội IV của Komintern vào tháng 11-12 năm 1922, trong đại hội đó ông đã gặp Lênin và Stalin, rồi rời nước Nga để trở lại lần nữa vào năm 1923, ông đến thủ đô Xô Viết ít lâu sau cái chết của Lênin."*[3]

Dù vậy, theo tác giả, những điều do Hồng Hà viết trong cuốn ***Bác Hồ trên đất nước Lênin***, với tài liệu lấy từ văn khố Xô Viết cũ là dễ chấp nhận hơn cả. Do đó, tác giả kể một số sự việc theo Hồng Hà như ngay khi đến Berlin, Hồ Chí Minh đã đi đến trụ sở của phái bộ Xô Viết số 7 Unter den, Linden, do đã có thỏa thuận trước và tác giả cho rằng theo những gì Hồng Hà tường thuật sau đó thì phải hiểu việc Hồ Chí Minh đi Nga đã được Manuilski xếp đặt với đảng Cộng Sản Pháp để được phái sang Nga dự đại hội kỳ V của Đệ Tam Quốc Tế với tư cách đảng viên cộng sản Pháp.

Tác giả nhận định rằng lúc bấy giờ Manuilski rất cần những ý kiến về Phương Đông và các vấn đề thuộc địa, để

thay Lênin (đang ốm nặng) tranh luận với M.N. Roy, lãnh tụ Ấn Cộng, về các vấn đề Phương Đông. Do thế mà Hồ Chí Minh trở thành nhân vật quan trọng *"được bầu vào chủ tịch đoàn của QT3."*[4] trở thành một thứ Kominternchik - tên gọi của một ủy viên của QT3, một người đã cống hiến hoàn toàn cuộc đời mình để phục vụ cho Quốc Tế Cộng Sản. Nguyễn Ái Quốc là người như thế đó.[5]

Và tác giả kết luận: *"Từ đó Hồ không còn là một chiến sĩ bình thường nữa, mà là một cán bộ quan trọng của bộ máy Komintern."*[6] Tác giả cho biết theo các tài liệu của Huỳnh Kim Khánh, có một thời gian dài *"... địa vị của Hồ bị giảm suy bởi vì, ngược lại với các người khác, ông từ chối tuân phục theo ý muốn của Mátxcơva, do ông không phải là "quốc tế vô sản" nhưng là cách mạng yêu nước."*[7] Nhưng tác giả dựa vào tài liệu của Hồng Hà để quả quyết, Hồ Chí Minh vẫn là *"một Kominternchik phục vụ cho Komintern và được xem như một ủy viên trưởng thành của đảng Cộng Sản Đông Dương"*[8] Tác giả cũng dẫn lời Hồ Chí Minh lên án gắt gao nhóm Tờ-rốt-kít để chứng minh Hồ Chí Minh luôn trung thành với đường lối của Stalin: *"Hồ làm tất cả để cho các thuộc hạ của mình bám riết chặt chẽ vào đường lối chống Trotsky...Ngay tại nhà ga, trước khi các đại biểu lên xe lửa, lời căn dặn cuối cùng của ông là họ phải chuyển lại cho Lê Hồng Phong mệnh lệnh là bất cứ ở trường hợp nào cũng không được hợp tác với bọn Trotskít."*[9]

Theo tác giả thì người như Hồ Chí Minh và ở vào vị trí đó, *"không có quyền quyết định về mặt chiến lược, mà phải chứng tỏ là khéo léo về mặt chiến thuật."* Phải chăng quyết định áp dụng đường lối dân tộc là bước chiến thuật để

hoàn thành chiến lược cách mạng vô sản quốc tế mà Hồ Chí Minh theo đuổi đã có một lúc bị ngờ vực? Để kết luận, tác giả viết: *Ta có quyền nghi ngờ sự khôn ngoan và lòng trung thực của người đó (ý nói ông Hồ) khi ông ta đã chọn con đường đó mà không nói cho họ biết ngay từ đầu một cách minh bạch rõ ràng. Những tai họa kinh hoàng đã dồn dập đè nặng lên dân tộc Việt Nam từ cuộc chiến thắng của cộng sản năm 1975 cho phép chúng ta, còn bắt buộc chúng ta nữa, phải chấp nhận một kết luận như thế*".

Bài thứ tư, ***Thập niên cuối của cuộc đời Hồ Chí Minh*** của Ralph Smith do Lê Đình Thông chuyển ngữ chỉ nói về hoạt động của Hồ Chí Minh trong mười năm cuối đời. Ngay trang đầu, tác giả viết: *"Một vài chuyên gia tình báo phương Tây có xu hướng tin rằng cuối đời ông, Hồ Chí Minh chỉ còn ngồi làm vì và quyền lãnh đạo đã chuyển sang tay người khác."* **10** Tác giả trưng dẫn tiết lộ của Hoàng Văn Hoan, người bị Lê Duẩn kết án tử hình vắng mặt, để cho rằng chuyện đó có vẻ đáng tin!

Tuy nhiên, tác giả đã ghi lại sự kiện Hồ Chí Minh tiếp đón nhiều phái đoàn quốc tế, chủ trì những hội nghị quan trọng của đảng và nhà nước, cho thấy có thể Hồ Chí Minh còn nắm thực quyền - đặc biệt là việc Hồ Chí Minh có ảnh hưởng lớn đối với thế giới và luôn luôn cố giữ hòa khí với cả Liên Xô và Trung Cộng để nhận được viện trợ của cả đôi bên càng chứng tỏ điều đó. Do đó, tác giả đã đi đến kết luận ngược lại: *"Sự việc này là một bằng chứng tỏ rõ Hồ không phải chỉ là một lãnh tụ hoàn toàn bị động trong tình huống khó xử này."* **11**

Về các phe nhóm tại miền Bắc lúc đó, theo tác giả, Lê Duẩn thân Liên Xô. Còn Trường Chinh và Hoàng Văn Hoan thân Trung Cộng. Nhưng tác giả cho rằng Trung Cộng đã không thành công trong việc gây ảnh hưởng quyết định với Hà Nội do sự việc Lê Duẩn (mà tác giả cho là thân Nga) đã nắm được quyền hành tuyệt đối sau khi Hồ Chí Minh chết. Tác giả kết luận: "*Nhưng cho tới nay người ta vẫn không biết là quyền hành của Lê Duẩn bắt nguồn từ một quá trình tiệm tiến suốt 4 năm trước đó - theo như Hoàng Văn Hoan đã nêu - hay là xuất phát từ một cuộc đảo chính trong thực tế ngay sau khi Hồ Chí Minh từ trần.*"

Với lời kết luận này, tác giả có vẻ vẫn nghĩ Hồ Chí Minh đã nắm trọn thực quyền tới phút cuối trong đời và ngờ vực là đã có một cuộc đảo chính theo một cách nào đó của phe nhóm Lê Duẩn sau cái chết của Hồ Chí Minh.

Với lời kết luận này, tác giả có vẻ vẫn nghĩ Hồ Chí Minh đã nắm trọn thực quyền tới phút cuối trong đời và ngờ vực là đã có một cuộc đảo chính theo một cách nào đó của phe nhóm Lê Duẩn sau cái chết của Hồ Chí Minh.

Bài thứ năm của tác giả Bùi Xuân Quang có tựa đề thật dài, ***Trải qua một cuộc "bể dâu" Chiến tranh chống Pháp (1945-1946), Những điều trông thấy trong cuộc đời Hồ Chí Minh.*** Tác giả cũng mở đầu bài viết bằng tình trạng Hồ Chí Minh bị lấn át bởi các phe nhóm thủ hạ: "*... Ngày nay người ta được biết Hồ đã thường xuyên phải chịu áp lực của các đồng chí chiến đấu, hoặc bằng tình đồng chí, hoặc với kỷ luật đảng*".[12] Tác giả còn cho rằng tình trạng lấn át này đã có từ năm 1946 thể hiện qua việc khai chiến với Pháp. Theo tác giả, khi Hồ Chí Minh sang Pháp dự hội nghị

Fontainebleau thì ở trong nước Võ Nguyên Giáp chuẩn bị chiến tranh và *"Tổng bộ (Việt Minh) đã chấm dứt nhiệm vụ của Hồ và sẵn sàng đối đầu với Pháp... Thái độ cực đoan nóng lòng của tổng bộ ngày 19-12 (1946) đã dồn Hồ đến chân tường, đưa đến cuộc đảo chính trong nội bộ đảng"* Nhưng tác giả nói tình thế cấp bách khiến đám thủ hạ *"phải để Hồ khôi phục lại tình thế."*[13] Dù trải qua tình huống thăng trầm nào trong đời hoạt động thì Hồ Chí Minh vẫn luôn là kẻ say mê quyền lực bất chấp các thủ đoạn gieo tai rắc họa khi cần thiết. Cho nên, tác giả kết tội Hồ Chí Minh đã giết hại người quốc gia không khác nhà Hồ ở thế kỷ 15 chém giết không nương tay các con cháu nhà Trần.[14]

Tác giả trưng dẫn Lucien Laurat kể lại đã có lần Hồ Chí Minh thổ lộ: *"Tôi luôn đứng về phía quyền lực. Chỉ có bộ phận này mới có thể hậu thuẫn được cho tôi."* Tác giả còn nhắc đến một bức điện văn mà theo tác giả là hết sức kỳ cục, bởi vì bức điện ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi cho Hồ Chí Minh(!) để nói lên rằng *"Hồ được Nguyễn hậu thuẫn"* . Một câu nói khác của Hồ cũng được tác giả trích dẫn và cho là không kém kỳ cục: *"Thà ngửi phân Tây còn hơn cả đời ăn phân Tàu"*. Cuối cùng, tác giả kết án Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam đã *"cuỗm"* lấy danh nghĩa độc lập để làm lợi cho phong trào Cộng Sản Việt Nam, đồng thời *"cấm đoán mọi quyền lực có thể xuất phát từ các đối thủ chính trị"*.

Bài thứ sáu, ***Chính sách cải cách ruộng đất của Hồ Chí Minh : sai lầm hay tội ác?*** của Lâm Thanh Liêm gồm 2 phần chính:

- 1) Các giai đoạn (chuẩn bị và thực hiện)
- 2) Kết quả.

Tác giả dựa theo những tài liệu chính xác về chiến dịch cải cách ruộng đất của Cộng Sản tại miền Bắc và dành phần cuối nói rõ về vai trò của Hồ Chí Minh. Về kết quả, tác giả trưng dẫn lời của một số cán bộ từng phụ trách công tác Cải Cách Ruộng Đất ở miền Bắc những năm 1955-56 mà tác giả được gặp ở Sài Gòn trước khi vượt biên ra nước ngoài: *"Một cán bộ ước lượng 120 ngàn người bị giết oan (trong số này có 40 ngàn đảng viên). Một cán bộ thứ nhì ước lượng có khoảng 150 ngàn đến 160 ngàn người bị giết oan (trong đó có khoảng 60 ngàn cán bộ đảng viên)*. Tác giả dẫn thêm hồi ký của Hoàng Văn Hoan về sự tàn ác dã man trong Cải Cách Ruộng Đất, dù Hoàng Văn Hoan chỉ tả lại một phần nhỏ sự thực.

Hoàng Văn Hoan đã viết: *"Các đội cải cách đã để cho nông dân xỉ vả người bị gọi là địa chủ, thậm chí để cho nàng dâu xỉ vả mẹ chồng, con xỉ vả bố mẹ, mà người bị gọi là địa chủ cứ phải cúi đầu chịu, không được thanh minh phải trái..."* Theo tác giả, Hoàng Văn Hoan xác nhận chính tác phong gia trưởng và ý thức tả khuynh của Trường Chinh *"đã đưa đến những sai lầm nghiêm trọng là đánh tràn lan vào trung nông, phú nông và những người có một ít ruộng đất cho thuê, đánh tràn vào cả cơ sở đảng."* Tuy nhiên, tác giả không hoàn toàn chia xẻ cáo giác trên mà nghĩ rằng tác phong của Trường Chinh chỉ chịu một phần nhỏ trách nhiệm thôi, bởi lẽ *"đánh tràn lan... không phải là không có chủ ý. Bởi vì trung nông, phú nông, hay đảng viên nào mà không chịu tuân theo đảng một cách vô điều kiện, còn dám phê bình chống đối hay nghi ngờ đảng, thì bị gán cho tội địa chủ để thủ tiêu cho hết những phần tử đối kháng, hầu sau đó, đảng toàn quyền sinh*

sát trong mọi vấn đề mà không gặp trở ngại gì. Đó mới là điều quan trọng, và vì thế nên đảng và nhà nước lúc ấy mới tuyên bố Cải Cách Ruộng Đất đã thành công hay thắng lợi. Sửa sai chỉ là phụ, với mục đích xoa dịu sự chống đối, và cũng nhân thể giăng một cái bẫy khác hòng bắt thêm một mớ trí thức, văn nghệ sĩ...”

Tác giả bác bỏ luận điệu của Hoàng Văn Hoan trút hết tội cho Trường Chinh, vì cho rằng Trường Chinh không thể một mình chủ xướng một công việc cực kỳ quan trọng như vậy do trước hết trên đầu Trường Chinh vẫn luôn luôn còn có Hồ Chí Minh vừa là chủ tịch đảng, vừa là chủ tịch nhà nước.

Bài thứ bảy, ***Đất nước mới, con người mới, xã hội mới: mẫu mực cụ Hồ đưa ta về đâu?*** là bài của Đinh Trọng Hiếu, một chuyên gia về dân tộc thực vật học.

Tác giả mở đầu bằng câu danh ngôn của Hồ Chí Minh *“không có gì quý hơn độc lập tự do”* rồi từ tốn nêu ra những vi phạm quyền độc lập và tự do của cái đảng do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Với tư cách chuyên viên về dân tộc thực vật học, tác giả ghi trong mục *“đất nước mới”* về công lao Hồ Chí Minh cổ võ trồng cây không đúng cách để ngày nay dân chúng trong chế độ do ông lập nên tha hồ phá rừng và phá núi vôi, làm hại môi sinh... Trong mục *“con người mới”* , tác giả viết: *“cách đào tạo con người “mới” của cụ Hồ đã phá sản. Nhưng đó là phá sản tất yếu của ý chí chủ nghĩa, chưa có gì đáng lo. Quan trọng hơn : khi đã coi “chủ nghĩa anh hùng cách mạng” là phương cách chỉ đạo, dùng bạo lực làm phương tiện cốt cán, lấy căm thù làm động cơ hành động, thì dần dà đưa con người cách mạng “mới” vào con đường*

không lối thoát". Tác giả trích báo chí trong nước để minh họa tính sa đọa cùng cực của *"con người mới"* : *"Lái xe coi mạng người như ngóe, vì còn quen cách lái dưới bom và dọc đường mòn Hồ Chí Minh, coi luật pháp như loài xa xỉ phẩm. Giải quyết những việc hàng ngày, dùng súng, dao găm, lựu đạn vv...là điều hay gặp, báo chí vẫn đăng. Cái dã man đã vào nếp sống: đi đường thấy bà cụ ngã xe không ai đến đỡ* (*Hà Nội, Bờ Hồ, 30-10-1989*)*; trời mưa lụt lội, thấy một thiếu nữ ngã ướt hết quần áo, cả phố vỗ tay cười* (*Hà Nội, Kim Liên, 15-10-1989, 13.30 giờ*)*...Con mất tiền bắt cha thề là không ăn c ắp, cha phải thắp hương và chặt ngón tay* (*đã đăng báo*)*; con cãi mẹ cầm chầy đập vào thái dương, bà cụ chết giãy đành đạch* (*đầu tháng 9-1989, nhà hàng xóm, nông thôn Bắc bộ*)*; v.v và v.v...*"

Trong mục *"xã hội mới"*, Đinh Trọng Hiếu trích đăng lại hai câu trong bài tham luận Nguyễn Ái Quốc đọc tại đại hội đảng xã hội Pháp ở Tours, năm 1920, về tự do và 2 vần thơ của Hồ Chí Minh để kết luận ông Hồ đã tiên tri, ngày nay xã hội VN y hệt như vậy. Hai câu nói trước đại hội Tours của Hồ Chí Minh: *"Chúng tôi không có tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc đi du lịch nước ngoài"*

Và, 2 vần thơ của Hồ Chí Minh:

Thân người chẳng khác thân trâu,
Cái phần no ấm có đâu đến mình.

Tác giả trích thêm 4 câu thơ khác của Hồ Chí Minh:

Sức còn yếu tuổi còn thơ
Mà đã khó nhọc cũng như người già

Có khi lìa mẹ lìa cha
Để làm tôi tớ người ta bên ngoài.

Mượn lời một tác giả vô danh thuật truyện, tại kinh đô, đạo Phật mất hết ý nghĩa, chỉ còn những từ ngữ rỗng không, tác giả kết thúc với câu tiên đoán bi thảm về tình trạng xã hội Việt Nam, dưới triều đại Hồ Chí Minh: *"Miệng Phật nín thinh. Đêm mạt pháp bắt đầu."*

Bài thứ tám, ***Huyền thoại Hồ Chí Minh***, do Olivier Todd viết và Nguyễn Văn chuyển ngữ. Olivier Todd là nhà văn, nhà báo Pháp nổi tiếng từng điều khiển 2 tờ tuần báo *Le Nouvel Observateur - Người Quan Sát Mới* và *L'Express - Tin Nhanh*. Oliver Todd cũng viết nhiều tác phẩm về Việt Nam được hâm mộ, trong đó có ***Vịt Cà Mâu, Sài Gòn thất thủ, Tháng Tư Đen - Le cruel Avril*** và tác phẩm mới nhất, ***Cuộc thương thuyết - La négotiation.***

Ban đầu Oliver Todd là người ca ngợi chính nghĩa giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh nhưng sau 1975, thái độ của ông đổi hẳn.

Mở đầu bài viết, tác giả nhận xét tổng quát: *"Hồ chắc chắn là một lãnh tụ có tầm vóc: ông ta chiếm và giữ quyền hành - với một giá quá đắt... Nhưng lưu danh thơm? Không! Lưu xú thì đúng hơn, đó là người đã đầy đọa dân hơn là giải phóng dân."*

Sau đó tác giả đưa ra những hình ảnh Hồ Chí Minh do thủ hạ và những nhà báo thiên tả tô vẽ: Đi dép râu, trong sạch như thánh, khắc khổ, ăn ít, một thứ thánh Phan-xi-cô thành Assise của chủ thuyết Lênin. Đặc biệt là *"có thể khóc bất cứ lúc nào* (chùi mắt trong khăn tay đỏ)... *Người ta có thể tin dễ dàng rằng "bác" dường như mềm dẻo hơn*

đám thuộc hạ. Bồ câu trong đám diều hâu. Cũng như Staline dưới mắt đại sứ Mỹ trước đệ nhị thế chiến."[15] Olivier Todd gọi một loạt tác phẩm *"nịnh bợ"* Hồ Chí Minh của những nhân vật như Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp... là loại thô lỗ, đê tiện. Về phía các tác giả ngoại quốc, Olivier Todd nêu đích danh Wilfred Burchett, một tác giả cộng sản Úc cùng với Jean Chesneaux, Philippe Devillers và mệ nh danh đây là *những tên hề của lịch sử*, vì không cải chính sau khi đã biết mình sai.

Olivier Todd nhắc nhiều đến cuốn ***Fire in the lake*** - ***Lửa trong hồ*** của bà Frances Fitzgerauld (đã tạ ơn sư phụ là Paul Mus), và đặc biệt là cuốn viết về ***Hồ Chí Minh*** của Jean Lacouture. Olivier Todd khen cuốn sách viết hay: *"Lacouture đã viết bằng sự cuồng nhiệt của ông quan tòa tự ăn năn và cái duyên dáng của một nữ danh ca lỗi lạc."* Nhưng sau đó Olivier Todd dành hơn 10 trang sách phơi bày những sai trái trong cuốn sách của Lacouture.

Olivier Todd nêu nhiều cuộc tàn sát thủ tiêu đối lập thuộc đủ mọi phe phái không Cộng Sản trong khoảng 1945-46 để bác bỏ ý kiến của Lacouture cho rằng Hồ Chí Minh không thích bạo động và kết luận: *"Trong nhãn giới của J. Lacouture có một khoảng tối om khiến ông ta cũng như lâu la của ông ta không thấy được sự thật."* Tuy vậy, tác giả vẫn mong Lacouture sẽ lên tiếng để góp phần dựng lại bức chân dung chính xác: *"Không một Lacouture nào có trách nhiệm trong công cuộc cộng sản hóa Việt Nam. Ông ta ch ỉ có lỗi bóp méo sự thực, tuyên truyền xuyên tạc khoảng 20 năm. Chúng ta mong mỏi Lacouture trở lại vấn đề Việt Nam, phá tan huyền thoại Hồ Chí Minh. Chưa trễ lắm đâu."*

Trong phần kết luận, tác giả viết về Hồ Chí Minh: *"Phương trình cá nhân "cách mạng" của Hồ rất đơn giản: Nhu trí (software) sản xuất từ Moscow. Mỗi lần gặp khó khăn trầm trọng, bò về với mấy ông Bolshevik để học hỏi, lãnh chỉ thị. Cương trí (hardware), từ Tàu, Hồ dùng nơi đó làm thí nghiệm và là bàn đạp để chiếm Việt Nam. Thêm vốn liếng riêng của cá nhân Hồ, thơ, thuốc, tiếu ngạo chẳng có giá trị gì trong cuộc chơi đã được ấn định sẵn.*

Hồ có khả năng che đậy tài tình, có tài làm đầu đảng, tính quyết định và tàn ác dị thường."

Và đây là những dòng cuối bài: *"Việt Nam quốc gia không cung cấp nổi cho dân miền Nam một ý thức hệ có khả năng chống chọi với cộng sản của Hồ ở miền Bắc. Phe quốc gia cũng không có một huyền thoại nào có thể đem ra so sánh với Hồ. Ngày nay người ta biết thế nào là Staline. Phải chờ một thời gian nữa để cho bộ mặt thật củ a Hồ từ huyền thoại đi trở về lịch sử, về với giới trí thức và quần chúng. Chiến thắng cuối cùng của Hồ: Lăng và xác ướp của "Bác" ở Hà Nội. Người đi viếng phải đi rất nhanh: Chết hay sống, chúng ta không có quyền nhìn Hồ quá lâu, hoặc quá gần."*

Bài cuối cùng, ***Vị trí Hồ Chí Minh trong diễn tiến của tình trạng nhơn quyền tại VN***, Nguyễn Ngọc Huy dành 58 trang chứng minh chế độ cộng sản mà Hồ Chí Minh xây dựng ở Việt Nam thua cả chế độ quân chủ lẫn chế độ thực dân về đủ mọi phương diện: chính trị, tư pháp, kinh tế, xã hội.

Tác giả trích dẫn nhiều sự việc cụ thể đối chiếu với những lời tuyên bố của chính Hồ Chí Minh tạo một sức thuyết phục rõ rệt cho mọi ý kiến phê phán. Tác giả còn

chứng minh lập luận của mình bằng nhiều điểm tựa dựa trên lý thuyết cộng sản, kinh điển Nho Gia, Pháp Gia, Hàn Phi thời phong kiến, các bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền của Pháp, bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền 1948 và các bộ luật Việt Nam thời quân chủ vv...Ví dụ, tác giả nhắc lại vài thực tế đời sống dưới thời Pháp thuộc: "*Về mặt học thuật người Việt Nam không còn phải hạn chế sự suy luận trong khuôn khổ của đạo lý lưu hành thời quân chủ. Các học thuyết và tư tưởng Tây phương mọi loại đã du nhập xã hội Việt Nam. Trong số này có cả học thuyết và tư tưởng chống chọi lại ý thức hệ dân chủ tự do lưu hành tại Pháp, như các học thuyết và tư tưởng Phát xít hay Marx-Lênin chẳng hạn.*

- Quyền tự do tín ngưỡng được tôn trọng.

- Các báo và sách viết bằng tiếng Pháp được xuất bản tự do. Trong đó mọi người được tự do phát biểu ý kiến về mọi vấn đề.

- Một số cơ quan đại diện dân chúng được thành lập như hội đồng tỉnh, thành phố, viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ ...Các cuộc bầu cử thực sự tự do. Từ 1933 đến 1939, những người theo đệ tứ Quốc Tế thuộc nhóm Tranh Đấu, tuy chống đối Pháp một cách công khai và mạnh mẽ, đã nhiều lần đắc cử vào hội đồng thành phố Sài Gòn, và năm 1939, liên danh của họ cũng đã đắc cử vào hội đồng quản hạt Nam Kỳ".

Tác giả dẫn chứng cộng sản không chịu ký tên trong bản quốc tế nhân quyền 1948 (mãi thời Gorbachev mới ký muộn) lấy cớ nó chỉ là hình thức. "*Nhưng vì chế độ Cộng Sản không chấp nhận các nhân quyền Tây phương mà các nhân quyền "có thực chất" của họ lại chỉ thể hiện được trong tương lai xa vời không hạn định - lúc chế độ Cộng Sản đã hoàn thành - nên trong thực tế, người dân trong chế độ Cộng Sản*

hoàn toàn không được hưởng nhân quyền nào. Bởi đó, tại Việt Nam, về mặt nhân quyền, chế độ Cộng Sản đã thoái bộ hơn cả chế độ thực dân lẫn chế độ quân chủ."[16]

Tác giả mượn ý trong thơ Nguyễn Chí Thiện (còn trong tù CS) để kết thúc bài viết:

"Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, một nạn nhân của những vi phạm nhân quyền thời cộng sản lãnh đạo Việt Nam, đã bảo rằng phải hàng triệu năm tổ tiên loài người mới tiến từ trạng thái vượn lên trạng thái người, nhưng chế độ Cộng Sản Việt Nam chỉ trong mấy năm đã đẩy người Việt Nam ngày nay lui về trạng thái làm vượn. Khi chủ trương suy tôn Hồ Chí Minh, phải chăng các nước hội viên của tổ chức giáo dục khoa học và văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) có ý muốn tuyên dương thành tích hãn hữu này?"

Trong bài viết, tác giả không nêu đích danh Hồ Chí Minh mà chỉ nói chung về Cộng Sản Việt Nam, nhưng trước mắt tác giả, Cộng Sản Việt Nam đã được đồng hóa với Hồ Chí Minh và vì thế, tất cả tội ác của Cộng Sản Việt Nam cũng chính là tội ác của Hồ Chí M inh.

Cộng Sản Việt Nam không thể được hiểu là gì khác ngoài sản phẩm do Hồ Chí Minh tạo ra theo chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản nên mọi hành vi của Cộng Sản Việt Nam không thể đặt khỏi vòng trách nhiệm của Hồ Chí Minh.

Chú thích

1-2-3-4-6 SĐD tr. 13, 45, 65, 72, 73.

5 Ghi chú của Mandelstam được tác giả trích dẫn.

7-8-9-10-11 SĐD tr. 77-78, 85, 90, 103, 118.

12-13-14-15-16 SĐD tr 154, 157, 161, 278, 345.

Chương 15
HOÀNG QUỐC KỲ và *Ma đầu Hồ Chí Minh*

Năm 1995, cuốn ***Ma Đầu Hồ Chí Minh, Những chuyện quái gở và tội ác đằng sau bức màn sắt***[1] của Hoàng Quốc Kỳ được phát hành. Theo lời giới thiệu ghi trong sách thì Hoàng Quốc Kỳ là bút hiệu của một cán bộ cộng sản "*xuất thân từ một gia đình vọng tộc miền Nam, tập kết ra Bắc... và là một trong những sinh viên tốt nghiệp lớp Nga ngữ đầu tiên, xuất sắc trong khoa ngôn ngữ này, được tuyển chọn làm việc kề cận Hồ Chí Minh và Chính trị bộ Đảng cộng sản Việt Nam.*"[2]

Trước đó tác giả đã có 2 tác phẩm là ***Đòi Nợ Máu*** (2 tập) và ***Mối Thù Phải Trả***.

Chỉ lướt qua mục lục đã thấy tác giả đánh giá Hồ Chí Minh ra sao. Trong tổng số 15 chương sách đã có 5 chương phác họa chân dung Hồ Chí Minh ngay ở tiểu đề:

1. Thằng con bất hiếu.

7. Nhổ xuống liếm lên.

13. Sùng bái cá nhân.

14. Đạo đức giả vĩ đại.

15. Tên phản quốc.

Tác giả cho là Hồ Chí Minh khoác lác khi tuyên bố không thích học ở trường Quốc Học, vì trường này chỉ đào tạo tay sai cho Pháp... bằng cách vạch ra rằng người Pháp đã lặng lẽ cho trình làng lá đơn của Hồ Chí Minh *"van xin vào trường Quốc Học"*.[3]

Tác giả thuật tiếp về việc Hồ Chí Minh *"lạnh lùng tàn nhẫn"* khi được tin báo đồng bào miền Nam đã an táng thân phụ ông ta năm xưa[4], việc viện cớ *"vì công việc quốc gia quá bận rộn, tôi không thể về để nhìn mặt anh (Nguyễn Sinh Khiêm) lần cuối"* rồi so sánh với việc Hồ sốt sắng đến thăm vợ bác sĩ Tôn Thất Tùng, một phụ nữ tuyệt sắc, khi nghe tin bà này đẻ và kết luận: *"Đó! không có thì giờ về đưa ma anh ruột, mà lại có thì giờ đi thăm gái đẻ."*[5]

Hoàng Quốc Kỳ nói rất chi tiết về chiếc vali nhỏ của Hồ Chí Minh nằm trong Viện Bảo Tàng mà theo tác giả thì ban đầu có đựng chiếc giầy của một phụ nữ Trung Hoa vẫn được Hồ Chí Minh nhớ nhung. Nhưng hiện nay, viện bảo tàng không dám để chiếc giày đó nữa. Tác giả cũng bác bỏ huyền thoại Hồ Chí Minh ăn uống giản dị và thuật lại chuyện Fidel Castro tặng Hồ Chí Minh 2 đàn dê và bò sữa để uống tẩm bổ và Mao Trạch Đông tặng nhân sâm cùng các toa thuốc đại bổ, đồng thời cho biết Hồ Chí Minh chỉ hút thuốc lá Âu Mỹ chứ không hút thuốc Việt Nam hay Trung Quốc....

Tác giả tố cáo Hồ Chí Minh *"bắp ép nhiều phụ nữ trẻ làm đồ chơi cho bọn Tàu phù của Lưu Hán để trả nợ Tàu" trong số*

có "một bà hiện sinh sống ở Pháp kể lại rằng hàng trăm phụ nữ nạn nhân khác đang kéo lê cuộc đời cô đơn khốn khổ tại lục địa Trung Hoa"

Kết quả mà Hồ Chí Minh thu được nhờ đút lót vàng cho Lư Hán - tặng cả một cái bàn đèn hút thuốc phiện bằng vàng - là Lư Hán đã bỏ rơi các đảng phái quốc gia khiến những người này bị Việt Minh làm thịt: *"Chống cự hay đầu hàng cũng bị giết. Nhiều hố chôn tập thể nằm rải rác phía ngoài đê La Thành là nơi xảy ra nhiều trận ác chiến..."*[6]

Với nhiều chi tiết cụ thể, tác giả dành hẳn 22 trang kể lại Hồ Chí Minh rất khắt khe với đảng viên cấp thấp về chuyện trai gái, nhưng trực tiếp bao che cho cán bộ cao cấp cạnh bên tha hồ vợ bé, nàng hầu. Ông kể đích danh Lê Duẩn với cô Thùy Nga, Lê Đức Thọ với Nguyễn Thị Chiếu, Hà Huy Giáp với Hồ Thị Chí, Nguyễn Văn Trân, bí thư thành ủy Hà Nội với Nguyễn Thị Mai, bộ trưởng Nguyễn Việt Hùng với một nữ nhân viên thuộc quyền thua tới 30 tuổi rồi âm mưu giết vợ. Đặc biệt trường hợp Văn Tiến Dũng, tác giả nói rõ Hồ Chí Minh đích thân chỉ thị cho Chu Văn Tấn thu xếp để Dũng được lấy vợ lẽ và người vợ chính thức bị thua kiện ra sao. Cuối cùng tác giả viết: *"Lịch sử cổ kim đã có ai thấy một đảng trưởng kiêm chủ tịch nước cùng với 2 thằng thượng tướng xúm vào hà hiếp một người đàn bà nhà quê mù chữ hay chưa?"* Đảng trưởng ở đây là Hồ Chí Minh và người đàn bà mù chữ là vợ chính thức của Văn Tiến Dũng. Tác giả viết thêm chính do cái ơn này mà Dũng đã mặc áo vải sô chống gậy đi giật lùi trước linh cữu Hồ Chí Minh. Tác giả không nêu rõ xuất xứ nguồn tin nhưng cho biết bà Thanh, chị Hồ Chí Minh, thuật lại rằng

cha bà vẫn gọi *bé Cong* (Cung) là *"thằng láu cá"* đồng thời nêu thêm nhiều chuyện chứng minh về điều này.

Chương 7, Nhổ xuống liếm lên, dành để phơi bầy những hứa hẹn dụ dỗ của Hồ Chí Minh sau hiệp định Genève 1954 nhằm giữ các viên chức chế độ cũ và đồng bào công giáo đừng di cư vào Nam ở lại xây dựng miền Bắc. Sau khi guồng máy công quyền chạy đều, các viên chức cũ mới ngã ngửa ra là bị lừa và đồng bào công giáo mới thấy tự do tín ngưỡng là chủng viện bị đóng cửa, nhà thờ dùng làm nhà kho, việc đạo bị cấm...

Trong chương về cải cách ruộng đất, tác giả khẳng định người trực tiếp trách nhiệm là Hồ Chí Minh trong vai tổng chỉ huy, Trường Chinh là trưởng ban chỉ đạo, Hồ Viết Thắng chỉ là trưởng ban cải cách ruộng đất. Tác giả bác bỏ tin đồn Trường Chinh tố khổ cả bố mẹ và cho biết chính Hồ Chí Minh dàn cảnh để tố hai người chú của Trường Chinh. *"Người chú thứ hai uất ức, cầm nắm huy chương do Hồ ban thưởng ném vào mặt bọn cán bộ cải cách ruộng đất, rồi tự tử chết ngay tại nhà y. Tên đoàn trưởng còn vênh váo, công khai yêu cầu chủ tịch nước giải trả Trường Chinh về quê để cho dân chúng đấu tố...(Lớp này nếu không phải là tuồng tích của soạn giả Hồ Chí Minh thì bố thằng kép nào dám cương ẩu?)"*[7]

Theo tác giả, Hồ Chí Minh làm vậy để triệt hạ vây cánh của Trường Chinh và cảnh cáo đừng mưu đồ tạo phản. Vì lúc ấy thanh thế của Trường Chinh rất lớn.

Việc sửa sai, tác giả cũng khẳng định do Hồ đạo diễn, vì "rõ ràng cuộc Cải Cách Ruộng Đất được thi hành đúng theo âm mưu của Hồ, KHÔNG SAI LỆCH NỬA LY. Vậy

tung tin *"sai lầm và hạ lệnh Sửa Sai" chẳng qua là sự thay phông, chuyển màn nhằm triệt tiêu những tên đao phủ khốn nạn của đảng vừa tuân theo chỉ thị của Hồ tàn sát hàng vạn người có công đánh Pháp, nhằm ém nhẹm tội ác ghê tởm của hắn. Đây là sự thanh trừng ngoạn mục mà Stalin và Mao cũng không nghĩ ra.*"

Về việc tuyên bố "*giải tán đảng Cộng Sản*", Hoàng Quốc Kỳ nêu một loạt con số làm bằng cớ cho tính xảo trá của Hồ Chí Minh: *"Lúc giải tán, đảng chỉ có 5000 đảng viên. Năm sau con số này lên 20 ngàn, năm sau nữa lên 50 ngàn. Năm 1948 vụt lên 180 ngàn. Và sang năm 1951, khi Minh râu cười khà khà tuyên bố "đảng cộng sản chúng ta đã hồi sinh dưới cái tên mới là đảng "Lao Động Việt Nam" thì con số đảng viên là 750 ngàn ".*

Một bằng chứng khác về tính xảo trá hung ác của Hồ Chí Minh được tác giả nêu là hành vi tàn sát các tín hữu giáo phái Hòa Hảo tại miền Nam. Trong khi Hồ Chí Minh tuyên bố *"tự do tôn giáo" thì một cán bộ cộng sản tên Nguyễn Văn Nghệ, một tay súng tiểu liên đầu đàn của Việt Minh tường thuật lại thủ đoạn của y và đồng đội với tín hữu Hòa Hảo như sau: "Tụi Hòa Hảo gan cùng mình. Lớp này ngã xuống, lớp khác tiến lên, cả đàn bà con nít cũng vậy. Bóp cò đến run cả tay, máu loang đỏ hết cả mặt đường mà chúng nó vẫn nhào vô họng súng. Chiến sĩ ta đã tản thần, nhưng lệnh bắt phải bắn tiếp.... Tin báo về Hànội, bọn đầu đảng nhận định bọn Hòa Hảo bị tên thày chùa điên (ám chỉ đức Huỳnh Phú Sổ) mê hoặc. Rồi phái Lê Duẩn vào tìm mọi cách đối phó. Một trong những cách này là bịa chuyện Hòa Hảo bán thịt người bắt dân mua ăn sống tại chỗ, để gây căm thù! "*[8]

Trong khi đó, Hồ Chí Minh nối gót Stalin, tự phong là "*cha già dân tộc*" nên dưới chân dung treo ở khắp nơi đều có hàng chữ: "*Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị cha già của dân tộc Việt Nam*". Tác giả kể thêm bức chân dung Hồ Chí Minh vẽ bằng máu là của một họa sĩ miền Nam chích máu ngón tay ra vẽ tặng Hồ Chí Minh nhưng chính Hồ Chí Minh lại kể là do du kích quân khi bị thương đã lấy máu mình mà sáng tác![9]

Trong chương *Đạo đức giả vĩ đại*, tác giả trưng một câu Hồ Chí Minh nói với thủ hạ trước khi chết: "*Khi bác đi rồi, các chú nhớ cắt hộ khẩu, cắt sổ gạo cho bác. Đám tang chỉ nên đơn sơ. Đừng bày vẽ linh đình. Các chú hỏa táng cho bác. Đừng xây lăng tốn kém.*"

Tác giả dành 8 trang nối tiếp để phơi bày sự đạo đức giả một cách lố bịch của Hồ Chí Minh và quả quyết không thể có chuyện ướp xác xây lăng khi không có sự đồng ý, thậm chí khẩu lệnh của Hồ Chí Minh. Cho nên những lời trong di chúc và dặn dò đều là đóng kịch, giả dối. Tiêu đề chương cuối là *Tên phản quốc* nói lên trọn vẹn nhận định của tác giả về nhân vật Hồ Chí Minh.

Chú thích

[1] *Mặt Trận Quốc Dân* của cựu nghị sĩ Phạm Nam Sách xuất bản.

[2] SĐD tr. 6. Trên bìa sau cuốn **"Đòi nợ máu",** tập 2, xuất bản 1994, tác giả cho biết ông là người miền Nam, từng dạy sinh ngữ cho các trường đại học trong nước, và từng cộng tác với các báo *Tin Điện* ở Tây Đức, *Phụ Nữ Diễn Đàn* và vài báo khác ở Mỹ với các bút hiệu Nguyễn Ngọc Nga, Nguyễn Yên Hóa, Nguyễn Ngọc, Hoàng Quốc Kỳ... Ông cư ngụ ở South Melbourne Victoria, Úc Đại Lợi. Có người cho biết tên thật của tác giả là Nguyễn Ngọc Nga hiện định cư tại Úc.

[3-4-5-6-7-8] SĐD tr. 10, 12,16, 29-30, 114, 145-150.

[9] Xin đọc *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của HCT*.

Chương 16
NGUYỄN THUYÊN và *Bộ mặt thật của Hồ Chí Minh*

Năm 1990, tuần báo Chuông Sài Gòn ở Úc cho xuất bản cuốn ***Bộ mặt thật của Hồ Chí Minh***. Tác giả Nguyễn Thuyên cũng là chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo này với bút hiệu Nguyễn Thành Nhân, nguyên là giáo sư toán từng là giám đốc và hiệu trưởng 2 trường trung học Hưng Đạo và Thiên Bình tại Huế trước 1975. Tác giả minh định viết cuốn sách này chỉ vì quê hương dân tộc, góp phần làm sáng tỏ lịch sử và cho biết đã tham khảo tài liệu từ nhiều tác phẩm trong đó đại đa số là của các tác giả người Việt như sử gia Trần Trọng Kim, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Khắc Ngữ, Chính Đạo Vũ Ngự Chiêu ... cùng một số nhà văn, nhà báo khác.

Phân tích tài liệu từ các tác phẩm tham khảo, tác giả ghi nhận Hồ Chí Minh không hề yêu nước thương dân mà chỉ là kẻ giả dối, do tham vọng cá nhân đã chạy theo một chủ nghĩa ngoại lai để đem tai họa về cho dân tộc.

Về các chi tiết liên quan tới con người và cuộc đời Hồ Chí Minh, tác giả nêu lên nhiều khúc mắc trước hết là những khúc mắc về một vấn đề bình thường nhất là năm sinh. Tác giả nêu ra 5 tài liệu ghi chép khác nhau về năm sinh của Hồ Chí Minh:

-1. 1890, theo tài liệu chính thức của Cộng Sản Việt Nam.

-2. 1891, theo Yến Sơn, cán bộ Cộng Sản Việt Nam trong cuốn ***Nguyễn Ái Quốc, một gương sáng cách mạng.***

-3. 1892, theo Hồ Chí Minh ghi trong đơn xin nhập học trường thuộc địa Pháp

-4. 1894, theo phúc trình của Sở Kiểm Soát và Trợ Giúp Dân Thuộc Địa.

-5. 1895, theo thông hành đi Nga năm 1923 với bí danh Tran Cheng.[1]

Nói về Cải Cách Ruộng Đất, tác giả nêu ra trường hợp bộ trưởng Đặng Văn Hướng trong chính phủ Hồ Chí Minh nghỉ phép về quê bị đấu tố cùng với anh ruột là phú nông mà từ Hồ Chí Minh đến các bộ trưởng khác và chủ tịch tỉnh... không ai đoái hoài để đến nỗi hai anh em đều tự tử. *"Ông Hướng có con là đại tá VC từng nổi tiếng là anh hùng Lộ (quân) số 4 ".*[2]

Về chuyện Hồ Chí Minh dùng bút hiệu Trần Dân Tiên tự phong mình là cha già dân tộc, tác giả nêu rõ hai cuốn sách xác nhận Trần Dân Tiên chính là Hồ Chí Minh mà vào lúc đó ít được mọi người nhắc tới: cuốn ***Những sự kiện lịch sử Đảng CSVN*** do nhà xuất bản Sự Thật ấn hành năm 1976 và cuốn ***Tác Phẩm Văn Học của Hồ Chủ Tịch*** của Hà Minh Đức ấn hành năm 1985.

Tác giả tóm lược ý những lời tự phong của Hồ Chí Minh được ghi trong cuốn sách ký tên Trần Dân Tiên: "*Người là một lãnh tụ vĩ đại của dân tộc với đầy đủ những đức tính cao đẹp và những khả năng tuyệt vời về mọi lãnh vực chính trị, văn hóa, kinh tế, quân sự, một con người thao lược, lại phúc hậu, nhân đạo, xứng đáng là biểu tượng và là đấng cha già của dân tộc.*" Nhắc lại lời của Hồ Chí Minh phê bình chính sách thuộc địa đầu thập niên 1920, tác giả cho rằng những lời ấy cất lên từ bất cứ một người dân nào ngày nay (1990) cũng hoàn toàn phù hợp, vì chế độ mà Hồ Chí Minh tạo nên còn tệ hại hơn chế độ thực dân trước đây bội phần.

Tác giả cũng nhắc lại 8 điểm mà Hồ Chí Minh trình lên hội nghị Versailles ngày 18-1-1919, để đòi dân chủ tự do cho nhân dân Việt Nam, rồi đối chiếu với thực tại của xã hội Việt Nam ngay dưới thời Hồ Chí Minh và cho đến bây giờ. Sau khi phân tích và đối chiếu từng điểm với thực tế, tác giả viết: "*Nói chung tất cả 8 điểm trong bản yêu sách, Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng Sản cướp quyền không thi hành lấy một điểm nhỏ nào, không ban bố một chút quyền tự do dân chủ sơ đẳng nào cho chính đồng bào ruột thịt của mình. Như thế bản chất lật lọng, giả nhân giả nghĩa của con người gian hùng ấy đã tự phơi bày rõ mồn một dưới ánh sáng mặt trời.*"[3]

Qua ghi nhận của Nguyễn Thuyên, người đọc biết thêm nhiều trường hợp cụ thể về thủ đoạn của Cộng Sản hãm hại những người Việt Nam yêu nước không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản. Theo tác giả, khi chiếm đảo Madagascar, *quân đội Anh phóng thích tất cả đảng viên cộng sản bị Pháp cấm cố ở đây và thả dù họ xuống vùng căn cứ Việt Minh nhưng không trả tự do cho các chiến sĩ quốc gia vì chính*

Hồ Chí Minh đã ton hót với người Anh để giữ những người này lại do họ không phải đảng viên Cộng Sản.[4]

Vụ Phan Bội Châu bị Pháp bắt, tác giả viết: "*Một mặt Hồ Chí Minh chủ mưu bắt cụ Phan Bội Châu nạp cho Pháp để lấy tiền thưởng vừa lập công với thực dân. Từ đó các tổ chức quốc gia bắt đầu nghi ngờ và cắt đứt liên hệ với phe cộng sản.*"[5] Chi tiết về vụ này, tác giả cho biết: "*Hồ Chí Minh lập mưu bắt cụ Phan Bội Châu bán cho người Pháp lấy mười vạn đồng (100 ngàn đồng). Lúc bấy giờ cụ Phan tin và nghĩ rằng Cộng Sản cũng yêu nước như phe quốc gia nên liên hệ với họ và bị Lâm Đức Thụ dụ mời đến một địa điểm ở Thượng Hải mà cụ không biết là thuộc tô giới của Pháp. Cụ bị cảnh sát Pháp bắt đưa về Việt Nam xử tử, sau đem an trí tại Huế và chết năm 1940. Một số nhà cách mạng Trung Hoa Dân Quốc nghe tin cụ Châu lâm nạn, tìm dọ hỏi một đồ đệ ruột của Hồ Chí Minh. Tên này đã thuật lại và giải thích: Cụ Phan đã già lẫn, không ích lợi gì cho cách mạng; việc cụ bị bắt và xử án lại gây được phong trào tại quốc nội có tinh thần phản đối chống người Pháp. Các tổ chức cách mạng tại quốc ngoại có thêm được sự tín nhiệm của người Pháp, lại có được phương tiện (10 vạn đồng) ...*"[5]

Tác giả dành 2 trang 136-137 nêu các chi tiết về việc Hồ Chí Minh thông qua Lâm Đức Thụ đã bán các cán bộ quốc gia theo học trường Hoàng Phố ra sao. Sau cùng Lâm Đức Thụ bị đàn em của Hồ Chí Minh bắt bỏ rọ thả xuống sông nhân có cuộc hành quân của Pháp gần Kiến Xương, Thái Bình là quê của Thụ.

Trong tác phẩm viết về Hồ Chí Minh sau này, Duiker đã trưng dẫn thư của Hà Huy Tập gửi Đệ Tam Quốc Tế tố cáo Hồ Chí Minh dính vào việc hơn 100 cán bộ cách mạng

từ trường Võ Bị Hoàng Phố về nước bị Pháp bắt, có thể coi là củng cố thêm mức chính xác của những điều do Nguyễn Thuyên nêu ra. Nguyễn Thuyên cũng ghi lại nghi vấn về việc Lê Hồng Phong bị Pháp bắt giam rồi chết trong tù giống như Trần Phú và Hà Huy Tập (cả ba đã thay nhau giữ chức tổng bí thư đảng) đều là nạn nhân sự phản bội của Hồ Chí Minh vì cả ba người đều có ác cảm và từng chỉ trích, tố cáo Hồ Chí Minh với Đệ Tam Quốc Tế.

Tuy nhiên, không rõ căn cứ vào tài liệu nào mà Nguyễn Thuyên quả quyết như sau về Lê Hồng Phong: *"Thời kỳ này, Hồ Chí Minh được sự tín nhiệm của quan thày Stalin, nhưng vẫn còn phải tùng quyền tên Cộng Sản gốc là Lê Hồng Phong, người đã sống tại Nga từ khi lọt lòng. Vai trò thực sự lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn là của Lê Hồng Phong. Hồ Chí Minh chỉ là phụ tá. Hồ tìm mọi cách dùng đủ thủ đoạn tiếm chức, đoạt lấy ngôi vị lãnh đạo. Hồ đã bí mật thông đồng với Pháp bắt Lê Hồng Phong đưa đi tù biệt tích. Từ đó Hồ được Nga chỉ định thay Phong..."*[6]

Từ 1976 tới nay, luật sư Nguyễn Văn Chức, cựu nghị sĩ đệ nhị Cộng Hòa Việt Nam, rồi tiếp theo là nhiều nhà báo và chính khách Việt Nam tại hải ngoại đã nhiều lần nêu vấn đề trên 30 nước Á Phi dành được độc lập sau đệ nhị thế chiến một cách tương đối dễ dàng, ít tốn hao sinh mạng người dân, trong khi Việt Nam chỉ vì có mặt Hồ Chí Minh và đảng cộng sản nên đã phải chiến đấu lâu dài với cả chục triệu người chết và bị thương ở cả hai phía, binh sĩ cũng như thường dân. Nhưng có lẽ Nguyễn Thuyên là người đầu tiên nêu đích danh nước Nam Dương để chứng minh điều đó. Tác giả còn nêu rõ là vì

Hồ Chí Minh đã phạm lỗi lầm (do cố ý) ký kết Hiệp Ước Sơ Bộ 6-3-1946 đặt Việt Nam trong khối Liên Hiệp Pháp nên vấn đề Việt Nam lúc ấy trở thành thuộc nội bộ của Pháp. Vì vậy, các nước ngoài kể cả Liên Hiệp Quốc không thể can thiệp để giúp Việt Nam dành độc lập, như trường hợp Nam Dương đã được Liên Hiệp Quốc buộc Hòa Lan phải trao trả độc lập.[7]

Sau khi xác định trách nhiệm của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản qua các vụ bán đứng và tàn sát người quốc gia, sau khi chiếm được nửa nước làm cải cách ruộng đất giết hại hàng trăm ngàn người trong đó gồm cả những đảng viên bị nghi không trung thành, đẩy toàn dân vào cuộc chiến tranh không cần thiết, giết hại và chôn trong mồ tập thể 3000 người vô tội tại Huế 1968 vv... tác giả tóm tắt chân tướng Hồ Chí Minh như sau: *"Tâm địa gian hùng, xảo quyệt, độc ác, tàn bạo, phản trắc, vong ân. Nói và làm không đi đôi lại còn trái ngược. Nói chuyện đạo đức, làm chuyện vô đạo. Nói đấu tranh giành chủ quyền cho đất nước, thì lại biến đất nước thành chư hầu của thực dân Đỏ còn tàn ác vạn bội thực dân Pháp. Nói độc lập thì lại đem cả nuớc làm nô lệ cho Quốc Tế Cộng Sản. Nói tự do thì lại trói cột mọi mặt sinh hoạt của người dân từ kinh tế, tư tưởng cho đến tín ngưỡng, văn hóa. Nói hạnh phúc thì đầy đọa, ăn đói, mặc rách. Nói khoan hồng, hòa hợp hòa giải thì lại bỏ tù tẩy não cho đến tàn hơi kiệt lực...Tất cả cái gì của Hồ Chí Minh cũng đều là giả, kể cả cái xác bằng sáp ở Quảng Trường Ba Đình..."*[8]

Tóm lại, đối với tác giả, Hồ Chí Minh là kẻ đã phạm những tội ác tày trời đối với dân tộc và đất nước. Nguyễn Thuyên viết: *"Lịch sử Việt Nam cũng có những người phản*

quốc, bán nước cho ngoại bang, nhưng xét kỹ hành động thì không có ai nặng tội với quê hương dân tộc bằng Hồ Chí Minh. Đất nước Việt Nam quả là bất hạnh vì đã sản sinh ra Hồ Chí Minh."[9]

Chú thích

1-2-3-4-5 SĐD tr. 103, 176, 326, 151, 130.

6 SĐD tr. 203. Cho tới nay không có tài liệu nào nói Lê Hồng Phong sinh ở Nga. Tài liệu chính thức của Cộng Sản Việt Nam ghi Lê Hồng Phong tên thật là Lê Huy Doãn, sinh năm 1902, người Nghệ An. Một số tài liệu khác cho biết Lê Hồng Phong gặp Hồ Chí Minh khi Hồ Chí Minh bắt đầu liên lạc với tổ chức Tâm Tâm Xã gồm nhiều thanh niên lưu vong trong số có Lâm Đức Thụ, Hồ Tùng Mậu và trở thành đảng viên Cộng Sản trong Chi Bộ Cộng Sản đầu tiên do Hồ Chí Minh thành lập tại Quảng Châu đầu năm 1925.

7-8-9 SĐD tr. 287, 429, 272.

Chương 16
VIỆT THƯỜNG và *Con Yêu Râu Xanh*

Năm 2002, nhà xuất bản Quật Khởi phát hành cuốn ***Sự tích con yêu râu xanh*** của Việt Thường, tiếp theo cuốn ***Chuyện thâm cung dưới triều đại Hồ Chí Minh*** do cơ sở Hưng Việt xuất bản trước đó hai năm. Cả hai cuốn đều được tác giả xác định nhằm "lột mặt nạ" yêu nước của Hồ Chí Minh và Cộng đảng Việt Nam. Việt Thường là một trong 3 bút hiệu của Trần Hồng Văn nguyên là một nhà giáo.

Những năm trước 1976, khi viết cho tờ *Độc Lập* ở Hà Nội, Trần Hồng Văn lấy bút hiệu Trọng Kính. Sau khi bị bắt giam 10 năm với những màn tra tấn dã man ông bị liệt rồi được thả, hiện sống nhờ trợ cấp của chính phủ Anh ở Luân Đôn và thường viết cho các báo ở Hải Ngoại từ 1993 đến nay dưới bút hiệu Trần Thượng Dân.

Ngày 30/4/1975, khi đài phát thanh loan tin tướng Dương Văn Minh đầu hàng, Trần Hồng Văn đang có mặt tại

công trường Đập Sông Đáy, miền Bắc, với tư cách nhà báo được giám đốc công ty Thủy Lợi số 3 mời cùng với Vũ Hạnh là phóng viên báo Nhân Dân của Cộng Sản Việt Nam.

Tác giả kể lại, khi tin "chiến thắng" loan ra, hàng vạn công nhân, sinh viên học sinh có mặt tại buổi mít-tinh chẳng những không hoan hô, reo mừng như thường lệ mà còn tỏ vẻ buồn nản.

"Chẳng một ai vỗ tay, kể cả thành viên "đoàn chủ tịch". Quản ca của công trường bắt nhịp hát bài "Giải phóng miền Nam", cũng chỉ có mình hắn hát. Tất cả tự động giải tán về lán. Khi đi qua lán, nghe nam nữ công nhân đang chua chát chửi:

- Đ. mẹ tụi miền Nam sướng quá hóa quẩn. Hàng triệu quân mà đánh đấm như vậy. Làm tướng và tổng thống gì mà hèn thế, không dám bắn một phát vào đầu tụ tử cho con cháu sau này được hãnh diện mà đầu hàng một cách hèn hạ như vậy!

- Mình cứ tưởng miền Nam sẽ ra giải phóng cho kiếp trâu chó của chúng mình, nào ngờ, đù mẹ nó, thế là hết hy vọng! Để cho bọn chúng nếm mùi xã hội chủ nghĩa mới hết phản chiến với du ca. Đ... mẹ cái thằng Trịnh Công Sơn!"...

- Đ... mẹ nó lại làm bài ca ngợi đảng và bác, xin đầu quân "ông Lành" (tức Tố Hữu) thì có khi nó cho mày bú cà nó ấy chứ! (Có thể còn được nghe giai cấp công nhân "thổ lộ" nhiều bí mật nữa. Nhưng giám đốc công ty Thủy lợi số 3 "sợ" quá nên cứ thúc ra xe về Hà Nội)"

Với cương vị nhà báo của chế độ, lại có nghề tay trái là bói tử vi, tác giả đã có nhiều dịp đi đó đây và tiếp xúc với đủ mọi hạng người, từ các lãnh tụ đảng đến thường dân đủ mọi tầng lớp ngành nghề. Vì vậy, tác giả biết được nhiều chuyện đặc biệt và đã kể lại với nhiều chi tiết cụ thể về tên

tuổi và tương quan họ hàng các nhân vật, nơi chốn ngày giờ xẩy ra sự việc ...

Mục đích chính của tập sách 350 trang này được nêu rõ là để phản bác luận điệu của Lữ Phương về huyền thoại Hồ Chí Minh.[1] Lữ Phương từng rời Sài Gòn năm 1968 theo Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam nhưng sau 1975 có xu hướng chống đối chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Tuy vậy, Lữ Phương vẫn ca ngợi Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc, chiến đấu vì nền độc lập và thống nhất của tổ quốc. Theo Lữ Phương, Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm về những tội ác của Cộng đảng Việt Nam suốt nửa thế kỷ qua - do đó, nếu thúc đẩy được tập thể lãnh đạo Cộng đảng Việt Nam hiện nay quay về với tư tưởng Hồ Chí Minh thì sẽ cải thiện được chế độ, không cần lật đổ hay thay thế nó. Nói một cách khác, Lữ Phương có xu hướng chống chế độ nhưng muốn dựa vào thần tượng Hồ Chí Minh để duy trì và củng cố chế độ.

Việt Thường cho rằng Lữ Phương không hiểu gì về Hồ Chí Minh và đã hành động như một loại *"ma giáo tinh vi"* nhằm đầu độc giới trẻ Việt Nam. Chủ điểm của Việt Thường là phản bác luận điệu của Lữ Phương, nhưng khi phân tích các vấn đề, tác giả đã cung cấp nhiều sự việc cụ thể chứng minh con người thực của nhân vật Hồ Chí Minh.

Dựa trên những hiểu biết do sống ngay tại miền Bắc nhiều năm trước và sau khi Hồ Chí Minh qua đời, Trần Hồng Văn quả quyết Hồ Chí Minh là một kiểu mẫu gian hùng cùng cực, chuyên dùng lời đường mật và mưu mô xảo quyệt để hãm hại kẻ vô tội, một thứ sói đội lốt cừu, một thứ yêu râu xanh.

Việt Thường kết tội Hồ Chí Minh bán cụ Phan Bội Châu cho mật thám Pháp như các tác giả Phạm Văn Sơn, Hoàng Văn Chí, Hoàng Hữu Quýnh, nhà báo Mỹ David Halsberstam ... đã ghi trong tác phẩm và là một nghi vấn của W. J. Duiker.

Căn cứ vào hồi ký của Hoàng Văn Hoan, tác giả còn quả quyết Hồ Chí Minh đã bán đứng nhiều đồng chí của lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng Nguyễn Thái Học khiến cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại đưa đến cái chết của 13 liệt sĩ.[2] Tác giả cho biết Hồ Chí Minh cũng hãm hại chính các đồng chí của mình hồi cuối thập kỷ 20 qua tay gián điệp nhị trùng Lâm Đức Thụ. Tác giả trích dẫn một số đoạn báo cáo của Hà Huy Tập, nguyên Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Đông Dương, gửi Đệ Tam Quốc Tế đề cập đến sự việc này.

Bản báo cáo của Hà Huy Tập đề ngày 20/4/1935 có những đoạn:

"Trước và sau đại hội của đảng, một số đồng chí khi nói chuyện với nhau thường bàn về đồng chí Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ). Họ cho rằng Quốc chịu trách nhiệm về việc mật thám bắt hơn 100 hội viên đoàn thanh niên, bởi vì:

-a) Quốc biết rõ Lâm Đức Thụ là một tên khiêu khích nhưng vẫn làm việc với hắn.

-b) Quốc đã phạm sai lầm khi yêu cầu mỗi thanh niên nộp hai bức ảnh, ghi rõ tên thật, địa chỉ, tên cha mẹ, ông bà, cụ kỵ cùng với tên của từ 2 đến 10 người bạn.

-c) Ở trong nước, ở Xiêm (Thái Lan) và ở trong tù, người ta vẫn còn bàn tán đến trách nhiệm của Quốc, trách nhiệm mà anh ta không dám chối."[3]

Việt Thường bác bỏ luận điệu cho rằng Hồ Chí Minh bị nhóm Lê Duẩn và Lê Đức Thọ lộng quyền chỉ còn hư vị nên không chịu trách nhiệm về nghị quyết 9 tháng 1-1959 theo lệnh Trung Cộng cho cán bộ xâm nhập miền Nam cũng như cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. Thậm chí còn có dư luận nói ngay cả vụ Cải Cách Ruộng Đất đẫm máu hồi 1955-56, Hồ Chí Minh cũng là nạn nhân vì bị các cố vấn Trung Cộng qua mặt vv... Tác giả đưa ra những thí dụ cụ thể để chứng minh các dư luận kia hoàn toàn do bịa đặt vì cho đến lúc già yếu, Hồ Chí Minh vẫn là người nắm quyền lãnh đạo và thủ hạ luôn răm rắp tuân hành.

"Chỉ cần lấy một tin trên báo Nhân Dân có tường thuật vài tháng trước tết Mậu Thân (1968), Hồ đã sang sân bay Gia Lâm thăm lính Ngụy[3] trong đơn vị tên lửa và không quân để động viên... Tháp tùng Hồ có nhiều bộ mặt ác ôn, trong đó có Võ Nguyên Giáp và Tố Hữu. Chuyện kể lại dưới đây, không đăng trên báo nào cả, nhưng nó lại được kể ở hầu hết các tòa soạn báo, đài và cả ở quán cà phê, quán bia hơi ở Hànội. Đó là khi nghe tin Hồ đến thăm đơn vị, lính Ngụy trong binh chủng phòng không, không quân, vừa đi học ở Nga Xô về, ào ào chạy ra chẳng có hàng ngũ gì cả. Từ tư lệnh binh chủng cho đến tụi bảo vệ, cho đến Tố Hữu, Văn Tiến Dũng đều vây quanh Hồ để bảo vệ, trong khi Võ Nguyên Giáp cầm loa điện cầm tay gào lên: "Yêu cầu trật tự" , mà lính Ngụy cứ lờ đi. Hồ bèn giật lấy loa trên tay Giáp và hô: "Nghiêm". Theo "phản xạ lính", tất cả đứng nghiêm. Hồ lại hô: "Tất cả xếp hàng, 5 hàng dọc" ! Bọn lính vội xếp hàng. Hồ hô tiếp "Nghiêm"! rồi lại hô "Nghỉ "; và cuối cùng hô: "Nghiêm! Đằng sau quay! Đều bước!" Bọn lính Ngụy răm rắp làm theo. Bấy giờ Hồ cười

cười quay lại bảo Giáp: "Chú là đại tướng, vậy mà không biết điều khiển lính!"[5]

Sau khi thuật chuyện đó, tác giả nêu câu hỏi: "*Một tên gián điệp lão luyện, phản ứng rất nhanh như Hồ, ăn nói với phó thủ tướng, bộ trưởng, đại tướng như nói với thằng nhỏ, con sen như vậy, liệu có thể là kẻ để cho Lê Duẩn khống chế không?*" Và tác giả nêu thêm một trường hợp khác cho thấy chỉ có Hồ Chí Minh đủ tỉnh táo giải quyết, mặc dù lúc ấy đã lâm trọng bệnh chỉ sống được vài tháng nữa:

"*Ngày 1/5/1969 học sinh trung học người Hoa ở Hà Nội được nhân viên sứ quán Trung Cộng cho tổ chức mít-tinh kỷ niệm Quốc Tế Lao Động, nhưng ngầm chỉ thị lợi dụng đi phá sứ quán Nga Xô. Cả lũ Trần Quốc Hoàn, Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng tái mặt không biết giải quyết ra sao. Vì giải tán biểu tình thì khổ với Trung Cộng, còn để sứ quán Nga bị phá thì mang tội không bảo vệ được thành trì của Cách Mạng. Cuối cùng phải vào xin ý kiến Hồ. Khi Hồ được bọn Lê Duẩn báo cáo thì đoàn biểu tình đã qua hàng Bông, gần tới Cửa Nam, tức là đi bộ chừng 20 phút là tới sứ quán Nga-Xô. Con cáo già gần kề miệng lỗ vẫn còn ma mãnh hơn bọn đệ tử. Vừa nghe báo cáo dứt lời, Hồ ra lệnh "kéo còi báo động như có máy bay Mỹ vậy, đuổi hết bọn biểu tình xuống hầm cho đến khi nào bọn biểu tình mệt mỏi tự tan hàng ngũ, đuổi chúng quay về Hội Hoa Liên hãy kéo còi báo yên." Ngày 1/5/1969 là ngày đầu tiên Hànội "báo động máy bay Mỹ" liên tục gần 6 tiếng đồng hồ liền. Với lý do thi hành lệnh phòng không bảo vệ tính mạng cho người đi đường, công an bỏ áo màu vàng, mặc thường phục, đóng vai thanh niên cờ đỏ cùng với thanh niên cờ đỏ*

thứ thiệt và tự vệ đường phố, đã nhã nhặn hướng dẫn đoàn biểu tình vào hết các hầm trú ẩn..."[6]

Tác giả nhắc với Lữ Phương rằng hãy hỏi dân và cán bộ, kể cả Vũ Kỳ thì ắt rõ. Việt Thường nhiều lần nhắc lại rằng khi chống đối chế độ mà không dám đánh thẳng vào Hồ Chí Minh để chỉ đánh Lê Duẩn, Lê Đức Thọ hay Nông Đức Mạnh thì chẳng khác gì chỉ lo tỉa cành tỉa lá mà để sót cái gốc. Tác giả viết:

"*Bỏ quên Hồ (chú chưa nói đến đề cao Hồ) mà chỉ tấn công Lê Duẩn hoặc Mười, Phiêu, Mạnh, thì chẳng khác gì giặc Minh xưa kia giết Lê Lai để thoát Lê Lợi vậy*".[7]

Về mặt đạo đức của Hồ Chí Minh, tác giả nêu tên những phụ nữ bị Hồ sử dụng như đồ chơi rồi bỏ hoặc để cho đàn em thủ tiêu mà nhiều sách báo hải ngoại đã nói đến, kể cả cuốn ***Đêm Giữa Ban Ngày*** của nhà văn phản tỉnh Vũ Thư Hiên, người suốt thiếu thời từng được kề cận và vẫn coi Hồ như bậc cha bác trong gia đình. Việt Thường còn lưu ý độc giả đặc biệt về trường hợp Nguyễn Thị Minh Khai nguyên là vị hôn thê của Lê Hồng Phong bị Hồ Chí Minh làm cho mang bầu khiến đàn anh Liên Xô phải giải quyết bằng cách ép Lê Hồng Phong nhường cô vợ chưa cưới cho Hồ. Vì vậy, theo tác giả, Hồ đã có giá thú chính thức với Nguyễn Thị Minh Khai và tờ giá thú này đã được tìm thấy giữa đống tài liệu mật được bật mí sau khi Liên Xô sụp đổ. Tác giả nhấn mạnh về hành vi che đậy kéo dài suốt mấy chục năm của Hồ Chí Minh và thủ hạ bằng cách vẫn bảo cô con gái mà Minh Khai có với Hồ Chí Minh là con của Lê Hồng Phong! Tác giả thách Lữ Phương cho thử DNA cho vỡ lẽ về Nông Đức Mạnh, Nguyễn Tất Trung (hiện làm

con nuôi của Vũ Kỳ là thư ký của Hồ Chí Minh) và cô con gái của Nguyễn Thị Minh Khai.

Theo tác giả, cũng do mối tình tay ba Minh-Phong-Khai này mà về sau Lê Hồng Phong bị bắt và chết trong tù. Vì khi Lê Hồng Phong từ Liên Xô bí mật ghé gặp Hồ Chí Minh ở Thượng Hải trên đường về nước nhận chức Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Đông Dương do Liên Xô cử thì chỉ có hai người biết việc này và biết rõ đường đi nước bước của Lê Hồng Phong. Vậy mà Lê Hồng Phong vừa đặt chân tới Chợ Lớn đã lập tức bị mật thám Pháp đón bắt.

Tác giả còn nói việc Phùng Chí Kiên bị giết cũng do Hồ Chí Minh thực hiện qua Võ Nguyên Giáp. Vì Phùng Chí Kiên vừa biết quá nhiều về dĩ vãng của Hồ Chí Minh vừa được Liên Xô tín nhiệm nên được giao nắm lực lượng vũ trang trên cả Võ Nguyên Giáp. Sự có mặt của Phùng Chí Kiên sẽ khiến Hồ Chí Minh khó nắm trọn quyền lực.

Tác giả dành khá nhiều trang trình bày về đường đi nước bước của Hồ Chí Minh qua từng giai đoạn trong việc chiếm đoạt và củng cố uy quyền với nhiều sự việc lớn nhỏ vô cùng đa dạng. Khi nói về tính công cụ của Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam, tác giả đã đưa ra những chuyện quanh đời sống cá nhân của một số nhân vật. Tác giả kể Xuân Thủy với tư cách một cấp lãnh đạo đã biến đổi ra dáng một bá tước của triều đại Hồ Chí Minh trong khi bà vợ già lại quê mùa chất phác. Để đỡ cô đơn trong thời gian cầm đầu phái đoàn ở hội đàm Paris, Xuân Thủy đã đề nghị và được Hồ Chí Minh thông cảm, đồng ý cho Nguyễn Thị Bình vốn thuộc bộ ngoại giao Bắc Việt sang Paris "*mật đàm*" trở thành trưởng phái đoàn của cái gọi là Chính Phủ

Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Rồi cũng chính Xuân Thủy đưa Hoàng Phong từ báo *Cứu Quốc* ở phố Bà Triệu, Hà Nội sang làm nhân viên của phái đoàn miền Nam do Nguyễn Thị Bình cầm đầu. Thành phần nhân sự này của phái đoàn Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam cho thấy cung cách nắm vững quyền lực của Hồ Chí Minh và cũng gây ngạc nhiên không ít về những dư luận báo chí quốc tế tin rằng phái đoàn này không bị cộng sản Bắc Việt chi phối!

Theo tác giả, Hồ Chí Minh cũng như Mao Trạch Đông chủ trương quyền lực phát xuất từ họng súng. Cho nên ngay những năm đầu mới làm chủ tịch nước, đã tìm cách gạt các phần tử quốc gia khỏi địa vị lãnh đạo trong bộ quốc phòng và lực lượng vũ trang để thay bằng những đảng viên cốt cán, tay chân đắc lực của mình.

Dựa vào những biên bản của chính phủ liên hiệp thời đó còn tồn trữ tại viện bảo tàng Hồ Chí Minh, Việt Thường kể lại nhiều việc chẳng hạn như Hồ Chí Minh dưới danh nghĩa chính phủ liên hiệp đa đảng mở các lớp quân sự cấp tốc cho thanh niên, học sinh, sinh viên, đặt tên Trường Trần Quốc Tuấn, giao cho Võ Nguyên Giáp phụ trách. Ngày 7-1-1946, Hồ Chí Minh đề nghị hợp nhất lực lượng quân sự, cử Vũ Hồng Khanh (VN Quốc Dân Đảng) làm bộ trưởng quốc phòng, sau đó lột chức một cách khéo bằng đề nghị Vũ Hồng Khanh tham gia phái đoàn ký Hiệp Định Sơ Bộ 6-3-46. Bước kế tiếp, Hồ Chí Minh đưa luật sư Phan Anh (trong chính phủ Trần Trọng Kim trước) thay Vũ Hồng Khanh giữ bộ Quốc Phòng và khi có hội nghị Fontainebleau thì tiến thêm bước chót là đề cử Phan Anh

tham gia phái đoàn đi Pháp, trao chức bộ trưởng quốc phòng cho Võ Nguyên Giáp. Khi đó Hồ Chí Minh mới yên tâm đi dự hội nghị ở Pháp vì ở nhà Võ Nguyên Giáp đã có đủ điều kiện là nắm trọn các lực lượng vũ trang trong tay để tiêu diệt đối lập thuộc các đảng Đại Việt, Việt Quốc, Việt Cách...Việc dựng lên vai trò chính uỷ hay chính trị viên trong quân đội do đảng Cộng Sản nắm giữ cũng nhằm biến toàn thể lực lượng vũ trang thành công cụ trong tay.

Lực lượng công an thuộc bộ nội vụ cũng được củng cố theo chiều hướng này. Cụ Huỳnh Thúc Kháng, một nhân sĩ yêu nước nổi tiếng, được mời giữ chức bộ trưởng nhưng chỉ là hư vị, vì thực quyền nằm trong tay Hoàng Hữu Nam, thứ trưởng. Khi Nam chết thì bộ ba Trần Hiệu, Lê Giản, Chu Định Xướng là những người thân tín của Võ Nguyên Giáp thao túng bộ này và dựng nên vụ án Ôn Như Hầu để bôi nhọ và triệt hạ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nhưng Hồ Chí Minh chỉ thực sự yên tâm khi đẩy được cựu hoàng Bảo Đại khỏi Việt Nam bằng việc cử cố vấn Vĩnh Thụy sang Trùng Khánh công tác không có ngày về.

Việc Cải Cách Ruộng Đất giữa thập niên 1950, theo Việt Thường, cũng nhằm mục đích chủ yếu là củng cố quyền lực. Việt Thường nhận định: *"Hồ dùng Cải Cách Ruộng Đất để đảo chánh âm thầm chính phủ liên hiệp đa đảng, dựng lên ngụy quyền Hồ Chí Minh, lèo lái cuộc kháng chiến chống thực dân của nhân dân thành cuộc chiến bành trướng của thực dân đỏ."*[8]

Tác giả cho rằng chính quyền xã lúc ấy là tế bào của chính phủ liên hiệp đã bị nhóm cầm đầu Cải Cách Ruộng Đất gạt hẳn ra ngoài lề. Nguyên tắc chính lúc đó là dựa

vào *rễ*, nghĩa là những phần tử cặn bã ở nông thôn, thành phần lưu manh, sẵn sàng giết người thân vì miếng cơm manh áo. Bọn này là nguyên cáo, là quan tòa trong cái gọi là tòa án nhân dân để xử những nông dân có máu mặt hoặc những phần tử chúng không ưa dù đó là đảng viên Cộng Sản hay ai khác, khiến cho nhiều người có công kháng chiến chống thực dân bị xử oan. Phần tử *rễ* này làm nên quyền lực của chính quyền mới sau Cải Cách Ruộng Đất ...Về cái *rễ* này, tác giả kể một chuyện về việc nông dân gia nhập đảng cộng sản, chuyện thực mà như đùa nhưng chứa đựng một ý nghĩa đáng kể:

"Nhiều đảng viên nông dân kiểu ấy đã thề, trước bàn thờ có lá cờ đỏ búa liềm vàng (tức quốc kỳ Nga xô), được gọi là đảng kỳ của mafia đỏ; có ảnh Mác, Ăng-Ghen, Lênin, Stalin, rằng: "Thua hai ông tây rậm râu (tức Mác và Ăng-Ghen); một ông sâu mắt (tức Lênin); một ông râu chổi ở mép (tức Stalin), tôi xin thề...

Việc tưởng như đùa mà là thực trăm phần trăm, có cả ngàn người biết, kể cả Hồ, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt. Chỉ có điều là khi nghe báo cáo về những chuyện như thế, bọn chúng còn cảm động nói rằng đảng viên kiểu ấy là chân thành từ tim ruột."

Tóm lại, với tác giả Việt Thường, Hồ Chí Minh là *con mãng xà tinh* trong truyện Thạch Sanh (**9**), là *con yêu râu xanh*, theo nhan đề cuốn sách, vì đã bán các nhà yêu nước, bán cả đồng chí của mình để thực hiện mưu đồ chiếm đoạt quyền bính. Ngoài những trọng tội đó, Hồ Chí Minh còn là kẻ tàn nhẫn, lợi dụng hàng nửa tá phụ nữ rồi vứt bỏ, thậm chí làm ngơ cho đàn em thủ tiêu. Bên cạnh những

điều này, Hồ Chí Minh đã lạnh lùng đẩy hàng triệu binh lính và thường dân vào vòng bị bắn giết để thực hiện chủ trương xâm lăng miền Nam.

Vì thế, Việt Thường đã kết án những người bênh vực Hồ Chí Minh như Lữ Phương là ngu dốt, "*nịnh bợ hòng xin chút cơm thừa canh cặn*"của chế độ hiện nay. Việt Thường đã trưng dẫn nhiều tài liệu, văn bản có giá trị thuyết phục nhưng cho biết không chủ trương viết một tác phẩm biên khảo mà chỉ muốn kể lại những sự việc do chính bản thân và những người xung quanh biết đích xác về con người Hồ Chí Minh.

Người đọc đặt nặng đòi hỏi sự phát biểu nghiêm túc có thể viện dẫn giọng văn hằn học để đánh giá thấp cuốn sách coi như chỉ phản ảnh thái độ thù hận nên khó thể hoàn toàn xác thực.

Dù vậy vẫn không thể phủ nhận cuốn sách đã được viết bởi một nhân chứng có giá trị vì từng trải nhiều cảnh sống thực tiễn trong xã hội Cộng Sản Việt Nam và đã được viết bởi một nhà báo lão luyện đặt ra rất nhiều vấn đề vô cùng hệ trọng liên quan đến vận mệnh chung của đất nước và dân tộc.

Thêm nữa, theo thiển kiến, nếu thực sự tôn trọng ý kiến của mọi người thì không thể không lắng nghe tiếng nói của các chứng nhân, nhất là nạn nhân, dù lời lẽ phát biểu có thể khiếm nhã do không đè nén nổi mức phẫn nộ hay những thúc đẩy cùng cực của sự đau đớn uất ức.

Một cách nào đó, chính những lời lẽ này cũng là một thực tế phản ảnh sống động chân tướng của sự thực.

Chú thích

1 Trong *Tâm Sự Nước Non*, Chương 11, chúng tôi *đã* nói về bài viết của Lữ Phương.

2 Xin *đọc* chương về Hoàng Văn Hoan.

3 SĐD tr. 271

4 Tác giả luôn dùng 2 chữ lính Ngụy *để* chỉ quân đội Cộng Sản Việt Nam. Xin đừng lầm với từ Ngụy mà Cộng Sản Việt Nam dùng để nói về quân *đội* và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa.

5-6-7 SĐD tr. 227, 241-242, 283

8 SĐD tr. 81. "Chính phủ liên hiệp" mà tác giả nói ở *đây* không phải là chính phủ liên hiệp đầu tiên trong đó có các đảng Việt Quốc, Việt Cách, Đại Việt, và một số nhân sĩ trí thức... Tác giả dùng từ "liên hiệp" có lẽ vì lúc ấy còn có hai đảng bù nhìn Dân Chủ và Xã Hội của các ông Nghiêm Xuân Yêm, Nguyễn Xiển hoặc cũng có thể muốn ám chỉ tính chất chưa thực sự hoàn toàn Cộng Sản vì nhiều thành viên trong chính quyền lúc đó còn nghiêng về tinh thần dân tộc yêu nước.

9 SĐD tr. 82

Chương 17
NGUYỄN PHƯƠNG MINH *và* *HCM tên phản quốc số một của thời đại*

Hồ Chí Minh, tên phản quốc số một của thời đại của Nguyễn Phương Minh chỉ mới ra mắt dưới dạng một loạt bài tham luận trên báo *Người Việt Hải Ngoại* từ số 159 tới số 231.[1]

Tác giả nêu nhiều lý do thúc đẩy việc viết cuốn sách, trong số có lập luận của một số người cho rằng sở dĩ ngày nay nhân dân Việt Nam bị tù hãm, đói khổ, truyền thống văn hóa băng hoại là do đám thủ hạ, nhất là nhóm Lê Duẩn - Lê Đức Thọ, đã đi trệch con đường của Hồ Chí Minh. Những người trên cho rằng nếu Hồ Chí Minh còn sống thì tình trạng đất nước sẽ khá hơn, vì thế đang có những cố gắng duy trì huyền thoại Hồ Chí Minh, cụ thể là nỗ lực đề cao "*tư tưởng Hồ Chí Minh*".

Theo tác giả, đây là một lầm lạc nguy hiểm cần ngăn chặn. Quan điểm này của Nguyễn Phương Minh cũng là quan điểm chung của nhiều tác giả trong cộng đồng người

Việt hải ngoại như Nguyễn Thuyên, Trần Gia Phụng, Việt Thường, Hoàng Quốc Kỳ, Kiều Phong vv...

Trước hết, Nguyễn Phương Minh nhắc lại các đại hội của đảng Cộng Sản Nga và đại hội của Đệ Tam Quốc Tế từ kỳ I đến kỳ VII cũng là kỳ chót và phân tích các báo cáo chính trị quan trọng của Manuilsky, Bukharin, Zenoviev... trong đó có một sự kiện nổi bật là thái độ phản đối đảng Cộng Sản Nga của các đảng viên Cộng Sản Trung Á và Hồi Giáo.

Sự kiện này diễn ra tại Đại Hội đại biểu kỳ 10 của đảng Cộng Sản Nga tháng 3-1920, và hai tháng sau đó, tại đại hội Đệ Tam Quốc Tế Baku. Nhiều đảng viên cộng sản thuộc các nước Trung Á và Hồi giáo đã lên tiếng kịch liệt đả kích thái độ thực dân của các đại biểu Nga. Narbutabekov dựa theo lời hứa của Lenin hồi tháng 11-1917, khi vừa cướp được chính quyền - từ đây các bạn được tự do và có quyền tin theo tín ngưỡng, phong tục, thể chế văn hóa của các bạn...Các bạn phải làm chủ đất nước của các bạn - để kết án nhóm Bolshevik là phản cách mạng vì "*không cho phép chúng tôi cầu nguyện hoặc chôn cất người dân của chúng tôi theo phong tục và tín ngưỡng Hồi Giáo*". Còn Ryskolov thì khẳng định phong trào cách mạng ở phương Đông sẽ mang " *bản chất tiểu tư sản và sẽ là một phong trào tranh đấu cho sự tự quyết và toàn vẹn của phương Đông.*" Hai nhân vật này muốn tấn công chính sách thuộc địa của Liên Xô dưới chiêu bài "*vô sản chuyên chính*". Hậu quả là Narbutabekov và Ryskolov đã bị theo dõi rồi bị giết trong vụ thanh trừng đẫm máu của Stalin năm 1935.

Nguyễn Phương Minh trích dẫn báo cáo của Safarov đọc tại đại hội 10 của cộng đảng Nga để chứng minh là

có chính sách thuộc địa kiểu mới đó và viết tiếp: *"Trong khi các dân tộc vùng Trung Á, rất sớm, đã thấy được dã tâm đế quốc của Liên Xô như thế, thì Hồ Chí Minh khi đọc luận cương về 'vấn đề dân tộc và thuộc địa' của Lênin chỉ biết la to lên rằng 'Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta'. Chính* ***sự u mê này*** *đã là gốc nguồn của hơn 40 năm đọa đầy của quốc dân Việt Nam, là nguyên nhân đẩy đất nước ta vào cuộc chiến tranh tay sai triền miên mà hậu quả của nó hãy còn cho đến ngày nay. Cũng chính sự u mê đó đã biến nước ta thành một vệ tinh trong qũy đạo của Liên Xô, biến dân ta thành công cụ phục vụ cho chủ trương bành trướng của đế quốc đỏ."*[2]

Phân tích tình hình chính trị thế giới trước và sau thế chiến II về tương quan giữa các nước lớn như Anh, Pháp, Đức, Liên Xô, tác giả kết luận Liên Xô không chủ trương làm cách mạng vô sản thế giới mà chỉ chủ trương bành trướng đế quốc Nga. Thái độ của Liên Xô với Đức - hai lần ký hiệp ước bất tương xâm (23/8/39) và hiệp ước thân hữu (17/9/39), và thái độ của Liên Xô lấy lòng Anh Pháp để được đứng vào hàng ngũ Đồng Minh khi bị Đức bất thình lình tấn công (22/6/41) - chứng tỏ điều đó.

Tác giả nêu các ví dụ cụ thể:

Sau khi ký hiệp ước bất tương xâm với Đức, Liên Xô giao cho Đức nhiều đảng viên Cộng Sản Đức - Áo lánh nạn ở Liên Xô và thủ tiêu một số như Warski, Vera Kostrzewa, Lenski vv.. Sau hiệp ước, đảng Cộng Sản Đức đã bị Liên Xô trói tay, không còn là trở ngại cho Hitler nữa. Hiệp ước trên còn quy định vào lúc Đức chiếm Ba Lan thì Liên Xô phải dẹp tan guồng máy tuyên truyền của đảng Cộng Sản

Ba Lan... Trong số 168 tờ báo chống Quốc Xã Đức ở Ba Lan không có tờ nào của đảng Cộng Sản Ba Lan.[3]

Trong lúc đó, tại Á Châu, các đảng Cộng Sản chư hầu lại được phép xử dụng chiêu bài "*cách mạng dân tộc*" để đánh Anh - Pháp. Theo tác giả, trước đó, với đường lối của đại hội VI Đệ Tam Quốc Tế, các đảng Cộng Sản phải dẹp bỏ cuộc đấu tranh giành độc lập, liên minh với thực dân (Anh - Pháp) để chống Đức, bảo vệ Liên Xô. Với hiệp ước Đức-Liên Xô, tình thế đã thay đổi biến Anh và Pháp thành những kẻ "*hiếu chiến*", kẻ thù của Liên Xô. Trong tình thế này, cách mạng giải phóng dân tộc lại được các đảng Cộng Sản Á châu giương lên, nhưng chỉ được giương ở một chừng mực nào thôi, bởi vì các đảng Cộng Sản Anh và Pháp không muốn "*vô sản hóa*" các nước thuộc địa được độc lập ở ngoài sự bảo hộ của họ.

Về việc giải tán Đệ Tam Quốc Tế, tác giả nhận xét hoàn toàn do Stalin quyết định, vì trong cuộc trả lời phỏng vấn của Reuter ở Mạc Tư Khoa ngày 28-5-1943, trước khi chính thức giải tán 12 ngày mà Stalin đã nói là Đệ Tam Quốc Tế đã giải tán. Điều này cho thấy rõ tổ chức quốc tế vô sản trên chỉ là công cụ của Liên Xô nên tùy theo nhu cầu của Liên Xô trước các tình thế khác biệt mà biến hiện.

Phương thức đấu tranh này đã được Hồ Chí Minh vận dụng khi tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Việt Nam tháng 11-1945 để thay đổi thái độ chống đối của các đảng phái quốc gia và giảm mức e ngại của dư luận chính giới Mỹ về tính chất Cộng Sản của Hồ Chí Minh.

Tác giả cũng phân tích thêm về thái độ của các đảng Cộng Sản chư hầu tại Pháp, Anh, Đức, Ba Lan và một số quốc gia khác và đi tới kết luận:

"Thế chiến II cho thấy 2 sự thật:

1. Tay sai (đến độ phản quốc) là bản chất của tất cả các chư hầu Liên Xô.

2. Không làm gì có chiến tranh ý thức hệ, mà chỉ có chiến tranh tay sai phát động bởi các đế quốc để giải quyết các mâu thuẫn, chia xẻ lại vùng ảnh hưởng."[4]

Từ hai nhận định căn bản này, tác giả đưa thêm nhiều chi tiết chứng minh Hồ Chí Minh không đấu tranh vì độc lập của tổ quốc hay vì giai cấp vô sản thế giới. Trên thực tế, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ là tay sai của đế quốc Liên Xô.

Theo tác giả, Liên Xô đã mau chóng tiến tới vị thế đại cường sau đệ nhị thế chiến là do các Tổng Thống Mỹ (Roosevelt và Truman) lúc đó có vẻ không nắm vững tình hình thế giới và thực lực của quân đội Phù Tang phản ảnh qua các quyết định tại hai hội nghị Yalta, Potsdam và cuộc đàm phán Nga-Hoa diễn ra trước và sau hội nghị Potsdam... Vì thế, các vị này đã nhượng bộ và thỏa mãn nhiều đòi hỏi quá đáng của Liên Xô, giúp Liên Xô có cơ hội bành trướng thế lực. Tác giả cho rằng nhờ các hội nghị này, Liên Xô đã đòi lại được những gì mà trước đây đế quốc Nga thời Sa hoàng đã chiếm được của Nhật và Trung Hoa, rồi sau đó bị mất vì thua Nhật. Ông cũng ghi nhận sự kiện Liên Xô nhảy vào vòng chiến để chống Nhật, khi Nhật sắp sửa đầu hàng vì trái bom nguyên tử thả xuống Hiroshima. Nếu tổng thống Mỹ nắm vững tình hình thì đâu có cần "*yêu cầu*" Liên Xô nhập với Đồng Minh để chống Nhật.[5] Điểm chủ yếu mà tác giả nhấn mạnh trong hướng phân tích này nhằm làm sáng tỏ một thực tế quan

trọng là Liên Xô luôn luôn mưu tính bành trướng đế quốc Nga chứ không bao giờ nghĩ tới quyền lợi các tổ chức cách mạng vô sản thế giới như nhiều người thường nghĩ. Ví dụ cụ thể là Stalin đã thỏa thuận với chính quyền Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch là sẽ *"không hậu thuẫn đảng Cộng Sản Trung Quốc."* Tác giả trích lời tuyên bố của Stalin: "*Theo tinh thần và sự thực hiện của những đường lối chính và mục tiêu của thỏa ước, chính phủ Liên Xô sẵn sàng yểm trợ Trung Quốc về tinh thần, trợ giúp về quân sự và nguyên liệu; sự trợ giúp này sẽ được giao trọn vẹn cho chính phủ Dân Tộc (Trung Hoa Dân Quốc) với tư cách là chính phủ trung ương của Trung Quốc*".

Qua tuyên bố đó, "*Đảng Cộng Sản Trung Quốc bị tế thần cho những mặc cả của đế quốc đỏ*" là điều rõ ràng. Từ tính chất đế quốc của Liên Xô, tác giả bước vào phân tích vai trò Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam để khẳng định Hồ Chí Minh chỉ là công cụ bành trướng ảnh hưởng của Đế Quốc Đỏ tại vùng Đông Nam Á, và do đó, là kẻ đối nghịch với chính nghĩa dân tộc mà toàn dân Việt Nam đã và đang theo đuổi.

Tác giả nhấn mạnh: *"Đây là điểm ta phải ghi nhớ mãi mãi: rằng Hồ Chí Minh, tên phản quốc số 1 của thời đại - với ý thức đầy đủ của một tên tay sai tận tụy phục vụ cho quan thày - tạo tiền đề cho sự vong thân lịch sử và văn hóa của Việt Nam; rằng, núp dưới chiêu bài cách mạng dân tộc, cách mạng giải phóng, cùng lúc, nhịp nhàng giương cao ngọn cờ «dân tộc giải phóng và xã hội chủ nghĩa», Hồ Chí Minh đã lừa phỉnh nhiều thế hệ thanh niên Việt đi theo hắn vào con đường tay sai."*

Tác giả trích dẫn nghị quyết đại hội V của Đệ Tam Quốc Tế về sự hợp tác với các phần tử dân tộc coi đó là đường lối cho Đông Phương, đồng thời, giải thích đường lối đó dựa vào chính lời tuyên bố của tổng thư ký Đệ Tam Quốc Tế Zenoviev trong phiên họp ủy ban trung ương Đệ Tam Quốc Tế tháng 6/1923 - một năm trước đại hội - như sau: *"Điều mà chúng ta bắt buộc các đảng Cộng Sản phải làm là tìm cách xử dụng các phần tử dân tộc chống lại giai cấp tư sản. Các đảng Cộng Sản phải thúc đẩy các phần tử bất mãn chống lại chế độ - như đảng Cộng Sản Nga đã xử dụng người dân tộc Ukraine để chống lại Kerensky. Dĩ nhiên chúng ta không bao giờ chấp nhận các phần tử dân tộc Ukraine vào đảng Cộng Sản Nga. Chúng ta chỉ lợi dụng sự bất mãn của họ để phục vụ cuộc cách mạng vô sản."*

Cộng Sản Việt Nam[6] đã tỏ ra triệt để tuân hành chỉ thị đó *"... trong giai đoạn 1925-1928 cũng chủ trương dân tộc giải phóng và cộng tác với mọi thành phần." nhưng vẫn theo đúng đường lối Đệ Tam Quốc Tế coi dân tộc chỉ là màu sắc, chứ không phải bản chất. Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội không quên khẳng định trong một bài đăng trên tờ Thanh Niên số ra ngày 20-12-1926 rằng*: *"Chủ nghĩa ái quốc là một điều nguy hiểm"*.

Về Hồ Chí Minh, tác giả trích dẫn đài Mạc Tư Khoa năm 1945 xác nhận: *"Hồ Chí Minh là cán bộ của Liên Xô hoạt động tại vùng Đông Nam Á"* và trích dẫn thêm lời khẳng định của một cán bộ cao cấp Cộng Sản Ấn Độ: *"Hồ Chí Minh là công dân và là cán bộ Liên Xô"*. Dẫn chứng cụ thể về sự lệ thuộc Liên Xô của Hồ Chí Minh được tác giả ghi lại là việc rời Paris chuyển địa bàn sang Nga, việc lưu

lại đây một thời gian dài để thụ huấn, việc được trao phó nhiều trọng trách trong tổ chức Quốc Tế Cộng Sản và thái độ ngưỡng mộ của Hồ Chí Minh lúc đó đối với kiểu mẫu xã hội Nga. Phần lớn tài liệu tham khảo về vấn đề này dựa theo cuốn ***Bác Hồ trên đất nước Lênin*** của Hồng Hà, mặc dù các cây viết Cộng Sản đã cân nhắc đắn đo để cố tránh phản ảnh tính chất lệ thuộc quá rõ ràng của Hồ Chí Minh đối với Liên Xô.

Nhắc tiếp về giai đoạn Hồ Chí Minh hoạt động tại Trung Quốc trong phái đoàn cố vấn Borodin, tác giả lưu tâm tới nhiều khía cạnh tình hình Trung Quốc thời đó, từ xã hội*"hậu cách mạng Tân Hợi 1911"* tới chủ trương *"liên Nga dung Cộng"* của Tôn Dật Tiên để dựng lên một khung cảnh thực tế rộng lớn trong đó Hồ Chí Minh thực hiện các công tác của Đệ Tam Quốc Tế. Kế tiếp, tác giả trưng dẫn tài liệu của Nguyễn Khắc Huyên, Hoàng Văn Chí, Joseph Buttinger để xác quyết là Hồ đã chủ mưu với Lâm Đức Thụ bán đứng cụ Phan Bội Châu. Ông còn đi xa hơn các tác giả khác xác quyết rằng cả Hồ Chí Minh cũng không chối việc này.

Chặng đường của Hồ Chí Minh từ 1927 là năm Quốc Dân Đảng Trung Hoa bỏ chính sách "*liên Nga dung Cộng*", bắt đầu loại trừ các phần tử Trung Cộng khiến phái đoàn Borodin phải trở về Nga... cho đến khi Hồ Chí Minh lập đảng Cộng Sản Xiêm được tác giả thuật lại khá chi tiết dựa phần lớn vào tài liệu của cộng sản như Hồ Chí Minh toàn tập, các tác phẩm của Thép Mới, Hồng Hà và hồi ký của Hoàng Văn Hoan... đối chiếu với nghị quyết các đại hội 5 và 6 của Đệ Tam Quốc Tế để chứng minh lúc nào Hồ Chí

Minh cũng trung thành với Đệ Tam Quốc Tế, chính xác là công cụ của Liên Xô.

Chuyến đi của Hồ Chí Minh từ Pháp qua Thụy Sĩ đến Ý (Milan rồi Naple) sau đó đáp tàu đi Xiêm để tiến hành lập các tổ chức tại đây cũng được ghi rất tỉ mỉ. Hồ Chí Minh đến Xiêm 2 lần, lần đầu từ 28-8-1929 đến 9-1929 và lần thứ nhì từ tháng 3 đến tháng 4-1930. Tại đây Hồ Chí Minh đã thành lập đảng Cộng Sản Xiêm ngày 20-4-1930 rồi sang Mã Lai lập đảng Cộng Sản Mã Lai.

Ngoài công tác tổ chức, trong thời gian ở Thái Lan, Hồ Chí Minh đã dịch cuốn ***Duy Vật Sử Quan*** ra tiếng Việt với tựa đề ***Lịch sử tiến hóa của loài người*** và cuốn ***Cộng Sản ABC***. Tác giả nêu rõ chỉ riêng việc Hồ Chí Minh biên soạn 2 cuốn này vào thời gian ấy (1930) đủ cho thấy những người cho rằng Hồ Chí Minh không am tường về chủ nghĩa cộng sản mà chỉ là một người yêu nước đã không nắm vững vấn đề. Đây cũng là thời gian có các cuộc nổi dậy ở trong nước được gọi là phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh với khẩu hiệu sắt máu "*Trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ*" mà William J. Duiker theo lập luận của Cộng Sản Việt Nam cho rằng chỉ là một biến cố nhỏ có tính tự phát do một số phần tử quá khích chứ không phải do đảng Cộng Sản Việt Nam, càng không phải chủ trương của Quốc Tế Cộng Sản. Tác giả bác bỏ lập luận này với bằng chứng là thời gian ấy không chỉ riêng tại Nghệ An, Hà Tĩnh mà tại nhiều tỉnh khác ở miền Bắc, miền Trung đều có những cuộc biểu tình, bãi công, bạo động với mức độ khác nhau. Tác giả viết: "*Gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh, nhưng các cuộc nổi loạn 1930-1931 được CS phát động đều khắp nước.*"[7]

Sau khi kể ra nhiều địa danh như Phú Riềng, Nam Định, Bến Thủy, Hà Nội, Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh, Quảng Ngãi, Gia Định, Vĩnh Long, Thủ Dầu Một, Sa Đéc, Bến Tre vv...tác giả dẫn Hémery[8] cho biết từ tháng 5-1930 đến mùa hè 1931 có khoảng 124 cuộc biểu tình bạo động.

Trần Văn Giàu[9] cũng gián tiếp nhìn nhận điều đó. Trong dịp này, Hồ Chí Minh chỉ gửi báo cáo về Đệ Tam Quốc Tế xin chỉ thị và đề nghị giúp đỡ chứ không hề đề nghị Đệ Tam Quốc Tế có biện pháp gì.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh cũng không ra chỉ thị nào cho đảng yêu cầu đình chỉ các hành động điên rồ dẫn đến thất bại khiến hầu như toàn bộ các cấp lãnh đạo bị bắt hoặc bị giết.

Đề cập việc thống nhất đảng Cộng Sản ở Việt Nam, tác giả cũng nêu nhiều chứng cớ cho thấy Hồ Chí Minh luôn theo sự sai khiến của Đệ Tam Quốc Tế và uy thế Đệ Tam Quốc Tế lúc đó tại Đông Nam Á rất lớn. Chứng cớ được viện dẫn là Hồ Tùng Mậu thất bại trong việc thống nhất trong khi Hồ Chí Minh thành công dễ dàng. Lý do chỉ đơn giản là Hồ Chí Minh có tư cách đại diện được uỷ nhiệm của Đệ Tam Quốc Tế ở Đông Nam Á. Sau đó tác giả cũng nói đến trường hợp Lâm Đức Thụ từng ở trong Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội nhưng phản đối việc biến tổ chức này thành đảng Cộng Sản nên bị coi như phản bội. Tuy nhiên, Lâm Đức Thụ không phải nhận chịu một biện pháp kỷ luật nào vào năm 1930 chứng tỏ Lâm Đức Thụ là người rất cần cho hoạt động của Hồ Chí Minh trong thời gian ở Trung Quốc. Chỉ sau khi "*cách mạng thành công*" năm 1945, Hồ về nước cho gọi Lâm Đức Thụ đến gặp

và sau đó y mới bị giết không có xét xử "để bịt miệng" là do Hồ Chí Minh không muốn lộ những việc làm đã qua. Theo tác giả, nếu Đảng bảo Lâm Đức Thụ phản đảng, phản quốc tại sao không xét xử công khai?

Tác giả kết luận rằng nếu Hồ Chí Minh là người yêu nước đấu tranh vì độc lập dân tộc thì tại sao phải nhận chỉ thị và phương tiện, đường dây của Đệ Tam Quốc Tế để đi lập mạng lưới hoạt động gián điệp cho Quốc Tế Cộng Sản tại các nước khác trong vùng như Thái Lan, Mã Lai, Hoa Nam? (**10**)

Phần lớn lập luận của tác giả dựa vào nhận định căn bản cho rằng không hề có chiến tranh ý thức hệ mà chỉ có chiến tranh giành quyền bá chủ và chia vùng ảnh hưởng thế giới giữa các thế lực đế quốc, trong đó Hồ Chí Minh đã là một công cụ đắc lực của Đế Quốc Đỏ Liên Xô.

Chú thích

1 Đầu năm 2001, chúng tôi được một người bạn đưa cho đọc tác phẩm này. Nhận thấy dù còn ở dạng sơ thảo để đăng báo, tác phẩm vẫn là một tác phẩm biên khảo công phu, nên chúng tôi xin mạn phép tác giả và Người Việt Hải Ngoại, tóm tắt và trích dẫn một số đoạn.

2 *Người Việt Hải Ngoại*, số 160.

3 Theo Taddeusz Bor-Komorovski trong *The Secret Army*, London, 1957.

4 *Người Việt Hải Ngoại*, số 169.

5 Nhật là nước đã ký với Nga hiệp ước bất tương xâm đến tháng 4/1946 mới hết hạn.

6 Lúc ấy còn là Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Hồ Chí Minh thành lập ở Hoa Nam.

7 *Người Việt Hải Ngoại*, số 197

8 Trong bài báo nhan đề "Révolutionnaires Vietnamiens".

9 Xin xem chương về Trần Văn Giàu.

10 Theo Tưởng Vĩnh Kính, trong cuốn *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc* và Nguyễn Thuyên trong *Bộ Mặt Thật của HCM* thì cả Nam Dương nữa.

Phần II

NHẬN ĐỊNH VỀ HỒ CHÍ MINH - từ một số tác phẩm viết về cuộc chiến VN

6 Chương18
TÁC GIẢ và *Le Livre Noir du Communisme*

Mười năm sau khi bức tường Bá Linh sụp đổ, Đông Âu và Liên Xô tan rã, trường đại học Harvard, một trường danh tiếng nhất của Mỹ cho xuất bản cuốn ***The Black Book of Communism*** dày 858 trang khổ lớn do Jonathan Murphy và Mark Kramer dịch từ nguyên bản tiếng Pháp, ***Le Livre Noir du Communisme: Crimes, Terreur, Répression***[1] của 6 tác giả Courtois Stéphane, Welth Nicolas, Panné Jean-Louis, Paczkowski Andrzej, Bartosek Karel, Marolin Jean-Louis.

Mở đầu tác phẩm, Courtois Stéphane viết: "*Người ta bảo lịch sử là khoa học của sự bất hạnh của nhân loại. Thế kỷ bạo lực đẫm máu mà chúng ta sống đã xác nhận câu nói đó một cách rộng rãi*". Courtois đã nêu một tiền đề chính xác khi chúng ta nhìn vào lịch sử Việt Nam trọn thế kỷ qua. Tuy nhiên, dường như chính các tác giả ***Le Livre Noir du Communisme*** lại chưa hẳn thấu đáo về nguyên nhân

dẫn đến nỗi bất hạnh của dân tộc Việt Nam và cũng chưa hẳn nhận rõ hết về nỗi bất hạnh đó. Dựa vào những thống kê chưa hoàn toàn đầy đủ, Courtois tổng kết số người bị Cộng Sản tàn sát trên khắp thế giới là100 triệu, trong đó riêng Trung Cộng chiếm 65 triệu[2], Liên Xô 20 triệu, Căm-bốt 2 triệu, còn Việt Nam, tác giả ghi 1 triệu.

Những người am tường thực tế, nhất là những người Việt Nam từng sống dưới chế độ Cộng Sản không thể đồng ý với tác giả về con số đã nêu. Có lẽ Courtois đã nghĩ nguồn gốc các cuộc chiến liên tục tại Việt Nam từ 1945 tới 1975 là do thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và phe quốc gia ở miền Nam nên con số cả chục triệu người chết trong chiến tranh đã bị gạt sang bên, bởi lẽ tác giả cho rằng trách nhiệm gây chiến không thuộc về đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay giữa lúc tiến hành thiết lập hồ sơ về tội ác Cộng Sản, nhiều tác giả có vẻ vẫn bị ảnh hưởng tuyên truyền của sách báo Cộng Sản chi phối để tiếp tục giản lược hóa một cách sai lạc tính chất các cuộc chiến Việt Nam, đặc biệt là cuộc chiến sau 1954, theo hình ảnh nhân dân Việt Nam đã tập trung dưới sự lãnh đạo của nhà cách mạng yêu nước Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Việt Nam thành lực lượng kháng chiến chống các thế lực đế quốc ngoại lai xâm lược. Đám khói mù quanh huyền thoại Hồ Chí Minh cho tới giờ này vẫn dày đặc đủ để che khuất những tội ác tầy trời trong khi các thần tượng Lenin, Staline đã bị bóc trần và xô đổ ở mọi nơi.

Tuy vậy, tác giả cũng so sánh con số nạn nhân bị cộng sản giết với con số 25 triệu nạn nhân (trong đó có 6 triệu người Do Thái) của Đức Quốc Xã và nêu nhận xét trong

khi Đức Quốc Xã bị cả loài người lên án, thì cho đến nay nhiều người vẫn bào chữa cho cộng sản cố trút mọi tội ác cho cá nhân Stalin thay vì phải chỉ rõ Mác và Lênin mới là nguồn gốc.

Le Livre Noir du Communisme gồm 5 phần. Hai phần đầu dành ghi tội ác của Liên Xô và Quốc Tế Cộng Sản, phần 3 nói về các nước Cộng Sản Đông Âu, phần 4 nói về Cộng Sản Á Châu, trong đó Việt Nam chỉ chiếm 11 trang trên tổng số 858 trang và phần chót nói về các tổ chức cộng sản trong thế giới thứ ba.

Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao độ trước công luận, các tác giả tỏ ra vô cùng dè dặt khi nêu những con số, phần đông dựa vào tài liệu chính thức.

Tác giả Nicolas Werth, thực hiện phần 1, cho biết chỉ trong 2 tháng năm 1918, số nạn nhân bị giết của tân chế độ Lênin là từ 10,000 đến 15,000. Con số này lấy từ báo cáo của Mật vụ Cheka, sau khi tác giả ghi lại các huấn thị của chính Lênin về việc phải trừng phạt những kẻ bất phục tùng được gọi là những *"tên Gulaks"*.[3] Dù vậy, số người bị giết ở mức ước lượng tối thiểu trong chỉ 2 tháng dưới chế độ Lenin đã nhiều gấp hơn 10 lần so với số nạn nhân của chế độ Nga Hoàng trọn năm 1906 là năm đàn áp dữ dội nhất do phản ứng chống cuộc cách mạng 1905. Theo tác giả trong vòng gần một thế kỷ dưới chế độ Nga Hoàng kể từ 1825 đến 1917, tổng số người bị giết chỉ có 6,321 nạn nhân. Số người bị tống vào tù dưới chế độ Lênin thì trong 2 năm từ 1919 tới 1921 đã tăng từ 16 ngàn lên 70 ngàn không kể nhiều trại tù địa phương có nơi lên tới 50 ngàn trong mùa thu 1921.

Phần 2 do 3 tác giả Stéphane Courtois, Jean-Louis Panné và Rémi Kauffer đảm nhận, nói nhiều về tổ chức Đệ Tam Quốc Tế như một trong những "*dụng cụ*" chính để khuynh đảo tình hình thế giới. Theo các tác giả, đại hội kỳ 2 của Đệ Tam Quốc Tế mới đạt được nền tảng vững chắc cho tổ chức này. Tại đại hội kỳ 2, Lênin đặt ra 21 điều kiện để những người có xu hướng xã hội gia nhập Đệ Tam Quốc Tế. Đệ Tam Quốc Tế cũng được định nghĩa là "*một đảng quốc tế nhằm nổi dậy và thực hiện chuyên chính vô sản.*" Do đó, điều kiện thứ 3 trong số 21 điều kiện nêu rõ: "*...trong hầu hết các nước thuộc châu Âu và châu Mỹ, cuộc đấu tranh giai cấp đang tiến vào thời kỳ nội chiến. Trong điều kiện như vậy, người cộng sản không được tin vào luật pháp tiểu tư sản nữa. Cần phải lập nên khắp nơi, song song với tổ chức hợp pháp, một phong trào bí mật có khả năng hành động quyết định phục vụ cách mạng vào thời điểm của chân lý.*" Thuật ngữ thời điểm của chân lý được diễn giải là lúc nổi dậy làm cách mạng và hành động quyết định phục vụ cách mạng là tham gia nội chiến. Chính sách được áp dụng cho mọi quốc gia không phân biệt chế độ, kể cả những chính thể dân chủ cộng hòa và những chế độ quân chủ lập hiến.

Với cái đảng quốc tế được định nghĩa như thế, có chủ trương như thế, Lenin vận dụng các đảng Cộng Sản chư hầu và mọi đảng Cộng Sản khác trên toàn thế giới như một lợi khí sắc bén để thôn tính các nước lân bang, tiến tới bá chủ thế giới. Các tác giả nêu nhiều sự kiện xẩy ra tại các nước vùng Ban Nhĩ Cán và Đông Âu.

Tại Cộng Hòa Estonia, ngày 14-1-1920, trước khi rút lui vì thất bại, Cộng Sản giết 250 người tại Tartu và hơn

1000 người tại Rakvere. Khi Wesenburg được giải phóng vào ngày 17-1-1920, người ta khám phá ra 3 mồ chôn tập thể với 86 tử thi. Tại Tartu, các con tin bị bắn ngày 26-12-1919 sau khi bị đập gẫy tay chân và có người bị khoét mắt. Ngày 14-1-1920, bọn Bolshevik chỉ kịp giết 20 người trong số 200 người bị chúng giam giữ ở Tartu. Tổng giám mục Plato bị giết vào dịp này nhưng "*bởi vì những nạn nhân đã bị đánh túi bụi bằng búa rìu và báng súng nên cực kỳ khó khăn để nhận diện.*"[4]

Những vụ tàn sát dã man như thế đầy dẫy trong các chương sách.

Chuyện xẩy ra tại Trung Quốc cũng chận đứng mọi ý muốn bào chữa cho Mao Trạch Đông là người yêu nước có công chống ngoại xâm và những Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân vv... không còn là huyền thoại anh hùng dân tộc nữa. Những tội ác do Trung Cộng gây ra trong các cuộc cải cách ruộng đất (1947-1952), trong đại cách mạng văn hóa vv...và những cuộc đàn áp tôn giáo tại Tây Tạng, bắn giết hàng ngàn người trong vụ Thiên An Môn (1991), tàn sát tín đồ giáo phái Pháp Luân Công ... đều được ghi khá đầy đủ.

Nhưng những chuyện xẩy ra tại Việt Nam gần như không được lưu tâm.

Trong cuốn sách ngót 860 trang, các tác giả chỉ dành 11 trang nói về cả Ai Lao lẫn Việt Nam. Riêng Cam-bốt được dành 59 trang có lẽ vì con số 2 triệu người bị giết chiếm tới trên một phần tư dân số.

Tội ác của Cộng Sản Việt Nam ghi trong mấy trang này là điều đã được cả thế giới biết qua tác phẩm của Hoàng

Văn Chí, Hoàng Hữu Quýnh, Dương Thu Hương, Bùi Tín, Vũ Thư Hiên... nhưng cũng chỉ được ghi lại với thái độ hết sức dè dặt. Hoàng Văn Chí ước lượng có nửa triệu người bị giết trong cải cách ruộng đất trong khi Jean Louis Margolin đắn đo chọn con số 50 ngàn và nói thêm là ngoài ra còn có từ 50 ngàn đến 100 ngàn bị bắt bỏ tù. Điều đáng chú ý là chính Jean Louis Margolin cho biết có 86 phần trăm đảng viên đảng Lao Động (tức Cộng Sản) ở nông thôn bị thanh trừng cùng với 95 phần trăm cán bộ kháng chiến chống Pháp.

Về tội ác này, một cựu cán bộ Cộng Sản Việt Nam là Việt Thường đã phân tích trong tác phẩm ***Sự Tích Con Yêu Râu Xanh*** như một cuộc thanh trừng để củng cố hàng ngũ đảng Cộng Sản. Khoảng thời gian 1949-1950, rất nhiều người tham gia Đảng Lao Động do không biết rõ bản chất Cộng Sản và nghĩ đây là một đoàn thể yêu nước đang đấu tranh chống thực dân. Những người này phần nhiều thuộc thành phần không đảng phái hoặc thuộc các đảng quốc gia đã chấp nhận tham gia chính phủ Liên Hiệp với Hồ Chí Minh từ 1945-1946. Số này rất đông nên tỷ lệ 95 phần trăm cán bộ kháng chiến chống Pháp bị thanh trừng là con số có thể phản ảnh đúng thực tế. Vì trong cải cách ruộng đất, theo Việt Thường, những kẻ chủ chốt đứng ra điều khiển đấu tố đều thuộc thành phần ngu dốt, côn đồ được Cộng Sản Việt Nam gọi là "rễ". Những phần tử này cho tới lúc đó không có điều kiện dự các guồng máy chính quyền địa phương thấp nhất ở các cấp xã ấp, nhưng được nhóm cán bộ cốt cán của đảng cộng sản đẩy ra làm công cụ loại trừ những thành phần bị nghi ngờ không hoàn toàn

trung thành với đảng. Với khẩu hiệu "*Thà giết lầm 10 người còn hơn tha lầm một người*" và với sự hỗ trợ tuyệt đối của Đảng và chính quyền, những phần tử này đã sát hại hoặc tống vào nhà tù bất kỳ ai bị đánh giá là thiếu lòng trung thành tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và "*Bác*".

Jean Louis Margolin nhắc tới con số 95 phần trăm cán bộ kháng chiến chống Pháp bị thanh trừng trong cải cách ruộng đất, nhưng không nêu rõ cụ thể ra sao. Ngoài vụ tàn sát trong cải cách ruộng đất, Margolin đề cập đến vụ mồ tập thể ở Huế hồi Tết Mậu Thân 1968 nhưng chỉ nêu con số thấp nhất trong những con số được ghi lại là 3000 nạn nhân trong khi không giải thích về những con số cao hơn là 4000 hay 5000 từng được nêu qua nhiều nguồn tin.

Tác giả xác nhận là *không có tắm máu* trong ngày Cộng Sản đánh chiếm Sài Gòn nhưng sau đó đã đưa ra con số 200 ngàn người bị giam giữ theo xác nhận của Phạm Văn Đồng. Tuy nhiên về việc này, tác giả ghi thêm: "*Những ước tính nghiêm chỉnh nói từ 500 ngàn đến một triệu tù nhân trong tổng số dân là 20 triệu*".

Thái độ thận trọng của người cầm bút là điều đáng ca ngợi nhưng khó thể chấp nhận sự thiếu nắm vững về chính vấn đề được nêu ra. Khuyết điểm này không chỉ khiến giảm giá mức thận trọng trong thái độ của người cầm bút mà còn dẫn đến sự hiểu biết sai lạc về vấn đề đang mong được phô bày.

Cụ thể là tội ác của Cộng Sản Việt Nam trong suốt nửa thế kỷ qua không thể gói gọn vào số nạn nhân bị sát hại và tù đầy theo cân nhắc dè dặt của Jean Louis Margolin qua cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc 1955-56 hay cuộc tàn

sát tập thể tại Huế hồi Tết Mậu Thân và số người bị giam giữ sau tháng 4-1975 theo lời của Phạm Văn Đồng.

Khi đặt vấn đề thiết lập hồ sơ tội ác của Cộng Sản Việt Nam, bắt buộc phải xác định rõ mức độ tương quan và trách nhiệm của Hồ Chí Minh cùng đồng chí với các biến cố kéo dài suốt hơn nửa thế kỷ qua trên một địa bàn bao trùm từ Hoa Nam qua khắp ba xứ Đông Dương. Các tác giả không hề nhìn thấy bàn tay thúc đẩy các cuộc chiến kéo dài tại Việt Nam và diễn ra khắp ba xứ Đông Dương liên tục suốt 30 năm kể từ 1945, không hề nhìn thấy những thủ đoạn tàn ác đối với người quốc gia yêu nước để độc chiếm quyền hành khởi diễn ngay từ giữa thập niên 20, không hề nhìn thấy cảnh đọa đày mà dân chúng Việt Nam phải chịu đựng dưới gông cùm thống trị của bạo quyền mà mức cơ cực đang còn là thực tế phơi diễn trên khắp lãnh thổ Việt Nam, cũng không hề nhìn thấy ngay cả tội ác tàn sát 2 triệu người Căm Bốt cũng có phần trách nhiệm của Cộng đảng Việt Nam vì tập đoàn Khmer Đỏ ban đầu chỉ là một bộ phận của Đảng này...

Thiếu cái nhìn cần thiết đó nên các tác giả đã bỏ quên những con số nạn nhân bị sát hại trong hai cuộc chiến, không ghi nổi những thảm cảnh bị đày đọa của người dân Việt Nam và đặc biệt là không nêu rõ được con số nạn nhân đã bỏ mình trên biển Đông hay giữa rừng núi phía Tây để cố trốn thoát khỏi đời sống ngục tù ngột ngạt của cái xã hội do Cộng Sản Việt Nam tạo dựng...

Khuyết điểm có thể khởi từ sự thiếu các nguồn tài liệu thống kê khả tín khiến người cầm bút với thái độ thận trọng bắt buộc đã không thể làm khác hơn được.

Khuyết điểm có thể do chính người cầm bút chưa gột rửa nổi định kiến sai lầm do những luận điệu tuyên truyền Cộng Sản được nhắc lại liên tục hơn nửa thế kỷ qua để dẫn tới những đánh giá lệch lạc về mọi biến cố.

Khuyết điểm cũng có thể do cách làm việc máy móc của người cầm bút luôn dựa vào các tài liệu chính thức có xuất xứ là các cơ quan, đoàn thể đương quyền nên đã tự đặt vào thế bị lường gạt bởi những tính toán xuyên tạc và bóp méo mọi sự thực.

Dù khởi từ căn cỗi nào thì khuyết điểm này vẫn hủy hoại giá trị đóng góp của tác phẩm theo mong mỏi của chính các tác giả. Bởi vì khi đưa ra tác phẩm trên, chắc chắn các tác giả không mong gì hơn là được thấy toàn thể nhân loại căm phẫn những thế lực tội ác sẽ cùng chung sức xóa tan bóng đêm Cộng Sản ở bất kỳ nơi nào để ánh sáng tự do dân chủ có thể chiếu sáng cuộc sống của mọi dân tộc.

Ước mong đó có thể thành thực tế tại Việt Nam không, khi mà hầu hết những tội ác tày trời của Cộng Sản Việt Nam đều được vùi lấp?

Stéphane Courtois, chủ biên, là người phụ trách phần II cùng với 2 tác giả khác, cũng là người viết đoạn mở đầu và phần kết luận. Trong phần kết luận, tác giả đã thử tìm lời giải đáp cho câu hỏi tự đặt "*Tại Sao?*". Tuy chưa hoàn toàn hài lòng về lời giải đáp của chính mình, tác giả cũng giúp người đọc một số dữ kiện để có thể giải thích tại sao thế kỷ 20 lại là một thế kỷ của bạo lực, khủng bố, giết chóc kinh khủng nhất trong lịch sử.

Trước hết, tác giả nêu chủ trương dùng bạo lực cách mạng của Marx và khẩu hiệu "*Vô sản thế giới hãy đoàn kết*

lại" trong *Tuyên Ngôn Cộng Sản* để cho rằng Mác có một phần trách nhiệm. Nhưng theo tác giả, trách nhiệm chính là Lenin và các đồng chí trong nhóm cực đoan *Bolshevik - Đa Số*, nhất là Stalin, kẻ ngay từ nhỏ đã chịu ảnh hưởng của những băng đảng giết người. Tác giả trưng dẫn thêm trường hợp Nga Hoàng Ivan giết con, và khi mới 13 tuổi đã cho chó xé xác vị thủ tướng của mình, trường hợp Nga Hoàng Petro cũng tự tay giết con ... để cho rằng bản tính người Nga tàn ác...và ghi lại lời của Maxim Gorki kết tội nhóm Bolshevik để xác định lập luận của mình: "*Sự tàn ác đã làm tôi kinh ngạc và luôn giày vò tâm tư tôi suốt cuộc sống. Gốc rễ của sự tàn ác của loài người là cái gì? Tôi đã nghĩ nhiều về điều này và vẫn không sao hiểu nổi... Nhưng nay thì, sau sự điên khùng khủng khiếp của cuộc chiến ở châu Âu và những biến cố đẫm máu của cách mạng... tôi bó buộc phải nhận ra rằng sự tàn ác của người Nga đã không biến chuyển chút nào. Những hình thức của nó vẫn y nguyên. Một phóng viên thời sự khoảng đầu thế kỷ 17 đã ghi lại rằng trong thời ấy những hình thức cực hình tra tấn đã được thực hiện như sau: 'Nhét thuốc súng vào đầy miệng, rồi châm lửa. Kẻ thì bị nhét thuốc nổ vào hạ môn. Phụ nữ thì bị khoét lỗ nơi vú, xỏ giây thừng qua những vết thương đó rồi cột lại treo lên'. Trong những năm 1918-1919 tại các vùng Don và Urals người ta cũng hành hình theo kiểu đó. Người ta nhét thuốc nổ vào hậu môn rồi cho nổ tung lên. Tôi nghĩ người Nga có cảm quan độc đáo về sự tàn ác cũng giống* như người *Anh có cảm quan độc đáo về sự hài hước.*"

Maxim Gorki nói đến hai năm 1918-19 là thời kỳ Lênin vừa lên nắm quyền (từ ngày 7-11-1917, vẫn gọi là *cuộc cách*

mạng tháng 10 - theo lịch Nga). Courtois cũng ghi rằng liền ngay sau khi nắm quyền, Lenin lập tức bắt Đảng áp dụng bạo hành: "*Lênin thiết lập một chế độ độc tài chuyên chế sớm biểu lộ sự khủng bố đẫm máu từ bản chất. Bạo lực cách mạng nay không còn nhằm mục đích tự vệ chống lực lượng Sa hoàng, vì nó đã biến mất từ mấy tháng trước rồi. Nhưng đây là biện pháp tích cực chủ động đánh thức dậy cả một nền văn hóa tàn bạo, độc ác châm ngòi cho sự bạo hành tiềm ẩn của cuộc cách mạng xã hội. Mặc dầu cuộc khủng bố Đỏ chỉ chính thức khơi mào ngày 2 tháng 9 năm sau, nhưng trong thực tế nó đã có ngay từ tháng 11 năm 1917.*"

Tác giả dẫn lời Yuri Martov, lãnh tụ nhóm Menshevik - Thiểu Số - viết vào tháng 8-1918: "*Ngay khi mới lên cầm quyền, đã tuyên bố bãi bỏ án tử hình, (thế mà) nhóm đa số*[5] *liền bắt đầu giết.*" *Ngày 6-9-1919, sau khi hàng loạt trí thức bị bắt giữ, Gorky gửi cho Lenin một bức thư giận dữ nói*: "*...Học giả cần được đối đãi một cách kính cẩn. Nhưng nay muốn giữ cái da, chúng ta lại chặt cái đầu, phá hủy bộ óc của chúng ta*". Lênin trả lời: "*Chúng không phải bộ óc của quốc gia. Chúng là cục phân.*"[6]

Sau khi thành công trong việc nắm chính quyền, Lenin coi những gì đã tiên đoán về cách mạng, về vô sản về trật tự xã hội đều đúng và những lý thuyết, ý hệ của ông ta trở thành tín điều bắt buộc mọi người phải tin theo, một thứ chân lý phổ quát. Vì vậy, để đạt được mục tiêu tối hậu là đưa vô sản lên nắm quyền chuyên chính khắp thế giới mọi phương tiện đều tốt, kể cả bạo lực. Tất cả những người nói ngược, đi ngược tín điều trên đều bị coi là chướng ngại cần trừ khử và để trừ khử chỉ cần gán cho cái nhãn tư

sản. Phải tận diệt tư sản vì tư sản là kẻ thù của vô sản theo lý thuyết Cộng Sản. Phương thức diệt trừ chướng ngại đó được Stalin tiếp nối khi thay thế Lenin. Để giữ vững quyền hành, Staline đã thanh toán các chướng ngại bằng cách tiêu diệt tất cả đồng chí của mình như Kamenev, Zenoviev, Trotsky...

Tác giả dẫn lời một cán bộ Cộng Sản Nga có nguồn gốc vô sản thực sự là Alexander Shlyapnikov phát biểu tại đại hội 11 Cộng đảng Nga: *"Hôm qua đồng chí Lenin đã khẳng định tại nước Nga này không có giai cấp vô sản theo đúng nghĩa Mác-xít. Bây giờ tôi xin phép chúc mừng đồng chí đã có thể xoay sở để thực hiện một nền chuyên chính vô sản nhân danh một giai cấp không thực sự hiện hữu!"*

Câu nói diễn tả tuyệt vời khả năng vận dụng một phương tiện để thành công và tác giả kết luận: *"Khéo léo xử dụng biểu tượng của vô sản là điều phổ biến trong mọi chế độ Cộng Sản ở Âu châu, trong thế giới thứ ba và cả ở Trung Hoa, Cuba. Chỉ cần nêu danh nghĩa vô sản, bất kể có giai cấp này hay không, người ta có thể đưa ra hàng loạt chiêu bài như cách mạng vô sản, bảo vệ giai cấp vô sản, thiết lập chế độ chuyên chính vô sản trên khắp thế giới ... và từ đó có thể dùng mọi biện pháp kể cả bạo lực ở mức độ khủng khiếp nhất để đạt mục tiêu "chính nghĩa" đã nêu. Cũng nhân danh vô sản là giai cấp đông đảo nhất, người cộng sản loại tất cả phe chống đối bằng cách gán cho tội danh tư sản, phản cách mạng, phản động, tay sai đế quốc với hàm nghĩa hết sức co dãn... để mặc tình chém giết, mặc tình phạm tội ác tày trời chống nhân loại trong sự yên tâm là đang thi hành một sứ mạng cao cả ".*

Tác giả diễn giải thêm: *"Lênin đã trưng dẫn Engels, để*

nói rõ cái (thâm ý) gì ở trung tâm tư duy và hành động của mình: "*Thực ra nhà nước* ***chỉ là bộ máy mà một giai cấp dùng để hủy diệt giai cấp kia***" [7] Trong ***Cách mạng vô sản và kẻ phản đảng Kausky,*** Lenin cũng viết: "*Chuyên chính là quyền lực dựa trực tiếp trên sức mạnh và không bị hạn chế bởi luật pháp nào. Nền chuyên chính cách mạng vô sản là quyền lực đoạt được và duy trì qua sử dụng bạo lực của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, đó là quyền lực không bị hạn chế bởi bất cứ luật pháp nào.*"

Có lẽ đó là lý do khiến các chế độ cộng sản trên khắp thế giới đều tàn bạo, độc ác? Tác giả dùng câu tự hỏi để giải đáp chữ WHY đã được dùng làm tựa cho phần kết luận của mình.

Cuối sách, Stéphane Courtois đã nhắc một nhân chứng là Aino Kuusinen từng kể rằng tại thành phố Moscow hiếm thấy một gia đình nào không chịu sự bách hại dưới hình thức nào đó. Nhưng chẳng ai dám hé răng...

Sự sợ hãi đã ăn sâu vào tâm trí mọi người.

Đáng tiếc là các tác giả ***Le Livre Noir du Communisme*** đã không tìm cơ hội để lắng nghe tiếng nói của hàng triệu nhân chứng như thế tại Việt Nam**.**

Chú thích

[1] *Le Livre Noir du Communisme: Crimes, Terreur, Répression* do Robert Laffont, S.A, Paris xuất bản lần đầu năm 1997. Ban đầu có tất cả 11 tác giả cùng viết do Courtois Stéphane chủ biên. Khi sách đem in 5 người xin rút tên do áp lực sao đó nên chỉ còn lại 6. Những người rút tên nói chủ biên Courtois đã đi quá xa khi đề nghị đưa các tội phạm Cộng Sản ra tòa án quốc tế, tương tự tòa án Nuremberg từng xử Đức Quốc Xã. Cuốn sách đã được dịch ra khoảng 30 thứ tiếng, bán 700, 000 bản tính đến tháng

9-2002. Bản dịch Việt ngữ mang tựa đề Hắc Thư về Chủ Nghĩa Cộng Sản của nhà báo Hồ Văn Đồng phát hành cuối năm 2002 tại Hoa Kỳ. Trong bản dịch Việt Ngữ, dịch giả thêm phần Phụ Lục về Tội Ác Cộng Sản tại Việt Nam. Chúng tôi trích dẫn tác phẩm này theo bản Anh ngữ của Jonathan Murphy và Mark Kramer.

2 Trong phần IV về Á Châu, đoạn kết, đồng tác giả Jean Louis Margolin viết rằng chế độ của Đặng Tiểu Bình tuyên bố cuộc cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông đã tàn sát 100 triệu người, nhưng Margolin vốn quá dè dặt đã nói "1 triệu đã là khó tin."

3-4-7 SĐD tr. 178, 275-278, 741

5 Tiếng Nga là Bolshevik chỉ nhóm quá khích, theo Cộng Sản của Lênin.

6 Chúng ta đã biết, do câu này mà về sau nhiều lãnh tụ Cộng Sản bắt chước nói theo, trong đó có Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh.

Chương 19
JOSEPH BUTTINGER và *Vietnam: The Unforgettable Tragedy*

Joseph Buttinger (1906-1992), người Đức gốc Áo, từng là chủ tịch Ban Chấp Hành Đảng Dân Xã Áo Quốc khi mới 28 tuổi. Năm 33 tuổi sang Mỹ và 4 năm sau thành công dân Mỹ.

Ông viết nhiều tác phẩm về Việt Nam trong đó có ***Con Rồng Nhỏ, lịch sử chính trị Việt Nam*** (1958), ***Dân thiểu số ở Việt Nam*** (1961), ***Con Rồng Nghênh Chiến: Lịch sử chính trị Việt Nam*** (1967), ***Con Rồng thách đấu: Lược sử Việt Nam*** (1972). ***Vietnam: The Unforgettable Tragedy - Việt Nam: Thảm kịch không thể quên*** (1977), đặc biệt là bài ***Lịch sử Việt Nam*** viết cho tự điển Bách Khoa Britannica đã được tái bản tới 15 lần tính đến năm 1967. Chỉ với số sách trên đã có thể nói ông là học giả chuyên về Việt Nam.

Joseph Buttinger chỉ được học qua 6 năm tiểu học. Sự nghiệp văn học của ông là do tự học mà có. Cuốn ***Việt***

Nam A Dragon Embattled mà chúng tôi tạm dịch là ***Con Rồng nghênh chiến*** (hai tập) dầy 1300 trang khổ lớn biểu hiện xu hướng xã hội mạnh mẽ của tác giả.

Sau 1954, Joseph Buttinger là người nhiệt tình ủng hộ tổng thống Ngô Đình Diệm, coi là một phép lạ chính trị, nhưng sau khi không thuyết phục được Ngô Đình Diệm cải cách xã hội một cách triệt để như mình mong muốn và cũng một phần vì chê Ngô Đình Diệm chuyên quyền, không chịu dành một vài bộ trong chính phủ cho các nhân vật đối lập như Nguyễn Tôn Hoàn, Phan Quang Đán[1] ...ông quay ra chỉ trích Ngô Đình Diệm và bênh vực Hồ Chí Minh, cổ võ cho *"cuộc cách mạng xã hội của miền Bắc"*. Ông chê các chính phủ Mỹ *"dốt lịch sử Việt Nam là nước từng đánh thắng Mông Cổ ở thế kỷ thứ 13"*, cho nên đã sa vào vũng lầy chiến tranh, rồi sẽ thảm bại.

Đây là điều được Neil Sheehan lặp lại sau này.

Trong ***Vietnam: The Unforgettable Tragedy***,[2] Buttinger nhắc lại lời Ngô Đình Diệm nói với ông mà ông bảo là *"không bao giờ quên"* rằng *"những người Việt "quốc gia" chúng tôi tất cả đều theo một chủ nghĩa xã hội nào đó"*, rồi hết lời ca ngợi Cộng Sản Việt Nam có một sức mạnh vượt xa mọi đảng cộng sản trên thế giới. Tác giả bảo đó là nhờ có thiên tài chính trị của Hồ Chí Minh: *"Chẳng những ông (Hồ) có khả năng thích nghi một học thuyết phát sinh từ phương Tây công nghiệp hóa với nhu cầu của một nước nông nghiệp Á châu. Mà quan trọng hơn nữa, ông ta có tài làm cho dân tin rằng ông ta không thua bất cứ ai về lòng yêu nước, và rằng độc lập quốc gia thực sự chỉ có thể đạt được dưới sự lãnh đạo của Việt Minh."*[3]

Tác giả ca ngợi Hồ Chí Minh còn *"Titô hơn cả Titô"* và đưa ra những lý do có vẻ hợp lý, nếu không nhìn vấn đề một cách bao quát từ lịch sử tới chủ thuyết và chiến lược cộng sản: *"Không có ảo tưởng nào về Cộng sản Việt Nam, tôi có thể đi xa hơn nữa để nói rằng vì những lý do thúc bách của lịch sử, Hồ Chí Minh rất có thể đã trở thành một người theo chủ nghĩa Titô hơn cả chính Titô"*[4] Cứ điểm của lập luận trên được tác giả nêu rõ: *"Khi trở thành cộng sản vào năm 1945, Việt Nam đã không nhận được mà cũng không cần tới bất cứ sự viện trợ nào của một nước Nga xa xôi. Hoàn cảnh lịch sử đặc thù của Việt Nam, hoàn toàn khác hoàn cảnh những nước chư hầu Đông Âu, đã tạo ra một nước Cộng sản đầu tiên không lệ thuộc vào thế lực Liên Xô để sống còn, trừ phi bị ngoại xâm."*

Tác giả cực lực đả kích chính quyền Mỹ, chê từ tổng thống, ngoại trưởng đến các dân biểu nghị sĩ đều *ngu dốt*, vì coi cuộc chiến Đông Dương là cuộc chiến chống cộng. Tác giả dẫn lời tổng thống Truman tuyên bố vào tháng 5-1951 như một bằng chứng cho lập luận của mình: *"Cuộc tấn công của cộng sản vào Đông Dương đã bị chặn đứng bởi nhân dân tự do của Đông Dương với sự trợ giúp của người Pháp."* Sau đó, tác giả viết tiếp: *"Huyền thoại rằng cuộc chiến mà Pháp khai mào vào tháng 9-1945 là do cộng sản xâm lược đã được phổ biến chẳng những bởi tổng thống, ngoại trưởng mà cả quốc hội cũng đồng thanh tán thành ủng hộ Pháp."* Tác giả nêu đích danh những người mà ông cho là không hiểu biết gì trong đó có các nghị sĩ J. F. Kennedy, Mike Mansfield. Riêng về ngoại trưởng Dean Acheson là người mà ngày nay ai cũng ca tụng là sáng suốt, nhìn xa trông rộng đã bị tác giả chê thậm tệ: *"Không một người*

Pháp nào ngu xuẩn đến độ đi xa như Dean Acheson khi viết trong bản tin bộ Ngoại Giao ngày 13-2-1950, rằng Hồ Chí Minh là kẻ tử thù của nền độc lập bản xứ. Trong khi ngay đối phương cũng phải nhìn nhận ông Hồ là hiện thân của sự nghiệp chống thực dân."[5] Không rõ sau khi Đông Âu và Liên Xô tan rã, tác giả có còn duy trì quan điểm của mình không, một quan điểm gần như do Cộng Sản Việt Nam đưa ra với những lập luận chủ yếu:

- Thứ nhất, Việt Nam đã thực sự độc lập và làm chủ toàn quốc từ ngày 2-9-1945, nhờ Việt Minh lãnh đạo tốt. Sau đó bị Pháp xâm lăng với sự viện trợ của Mỹ.

- Thứ hai, nước Việt Nam là một. Hiệp định Genève không chia làm hai nước mà chỉ tạm thời chia làm hai khu vực quân sự.

- Thứ ba, chính phủ Sài Gòn ngoan cố, không chịu tổ chức tổng tuyển cử theo hiệp ước Genève 1954 qui định, vì thấy mình yếu thế, biết thế nào cũng thua. Và như vậy là vi phạm hiệp định quốc tế.

- Thứ bốn, Mỹ trước đã giúp Pháp xâm lăng Việt Nam cho nên khi giúp Việt Nam Cộng Hòa, không phải chống Bắc Việt xâm lăng mà là ủng hộ một chính quyền thối nát, không có cơ sở pháp lý.

- Thứ năm, Bắc Việt không xâm lăng vì chỉ giúp người miền Nam lật đổ một chính phủ thối nát, mất lòng dân.

Luận điệu trên không chỉ riêng Buttinger mà còn nhiều tác giả khác lập lại khiến người đọc Việt Nam không thể nghĩ tới lời lẽ mà Buttinger đã dành cho chính giới Mỹ. Trong lúc xỉ vả chính giới Mỹ ngu dốt, không hiểu biết gì về thực tế và lịch sử Việt Nam, Buttinger đã ghi sẵn những

lời xỉ vả dành cho chính bản thân và hết thẩy những người cầm bút tán thành lập luận của mình. Niềm tự hào về sự hiểu biết của Buttinger và những người cầm bút này đã gợi nhắc niềm tự hào của hàng ngàn cán binh Cộng Sản Việt Nam về con đường chính nghĩa mà họ theo đuổi dưới sự lãnh đạo của *"Bác Hồ"* để đem lại đời sống tự do no ấm cho đất nước! Sức mạnh của tối tăm quả là phi thường vì có thể đạt tới mức biến những kẻ đang mò mẫm trong bóng đêm vẫn thấy mình thênh thang bước đi giữa vùng trời chói lòa ánh sáng.

Chương IV, tác giả tiếp tục làm cái việc tự thóa mạ bằng sự trưng dẫn rồi bình luận lời tuyên bố của hai chính khách Mỹ về cuộc chiến Việt Nam. Người thứ nhất là Ronald Reagan và người thứ hai là cựu đại sứ Mỹ tại Ấn Độ John Kenneth Galbraith. Reagan từng là thống đốc California đã nói *"chúng ta thua vì chính phủ Liên Bang không cho phép chiến sĩ của ta thắng."* Tác giả ghi lại câu tuyên bố trên và phê phán:...*"trong chính trường, một bộ óc tốt, nếu bị chi phối bởi thiên kiến vì ý thức hệ có thể dễ dàng trở thành một bộ óc tồi."*

Trước khi thở hơi cuối cùng, có thể tác giả đã kịp thấy bộ óc tồi của Reagan hoạt động ra sao khiến khối Đông Âu sụp đổ và Liên Xô tan rã còn bộ óc tốt của nhà phân tích chính trị Buttinger đã bị thiên kiến chi phối thế nào.

Về John Kenneth Galbraith, Buttinger trích lời ông này viết trên tờ Nữu Ước Thời Báo ngày 12-7-1975: *"Các bạn sẽ hỏi tại sao đối với Hà Nội, Nga và Trung Cộng xử hay hơn ta. Câu trả lời là họ khôn ngoan hơn: Họ không gửi quân tới Việt Nam.... cho nên họ không bị đuổi vì họ có ở đó đâu mà bị đuổi."*

Tác giả bình luận: *"Tôi muốn thêm rằng một trong ba lý do họ không có mặt ở đó là vì Việt Nam không cần có họ."*[6]

Buttinger viết ***Vietnam: The Unforgettable Tragedy*** trước khi Hoàng Văn Hoan cho ra cuốn hồi ký ***Giọt nước trong biển cả.*** Với tư cách nguyên ủy viên Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam, nguyên Phó Chủ Tịch Quốc Hội, nguyên đại sứ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở Bắc Kinh, thủ hạ thân tín của Hồ Chí Minh, từng góp công lập đảng cộng sản Xiêm...và là người sùng bái Hồ Chí Minh, vẫn hết lời ca tụng Hồ Chí Minh, vẫn bám chặt chủ nghĩa Mác, vẫn trung thành với đảng, Hoàng Văn Hoan chỉ chống Lê Duẩn nên bị xử tử hình vắng mặt phải bôn đào sang Trung Quốc. Nhưng Hoàng Văn Hoan đã tiết lộ là Hồ Chí Minh từng yêu cầu Trung Quốc phái sang Việt Nam trên ba trăm ngàn quân.[7]

Đi vào chi tiết việc này, Vũ Thư Hiên trong ***Đêm Giữa Ban Ngày*** đã ghi lại cảm giác đau lòng trong thời gian công tác tại vùng Việt Bắc, thấy dân chúng bị xua đuổi dã man không cho lai vãng gần những vị trí đóng quân của quân Trung Cộng.[8] Thêm nữa, lẽ nào Buttinger không biết chiến thắng Điện Biên không do tài chỉ huy của Võ Nguyên Giáp mà là do hai viên tướng Trung Cộng Trần Canh và Vi Quốc Thanh. Hai viên tướng này đã có mặt bên cạnh Võ Nguyên Giáp từ 1950 để điều khiển các cuộc phản công quân Pháp ở chiến trường biên giới trong năm đó. Cộng Sản Việt Nam không cần Cộng quân Liên Xô vì đã có mặt Cộng quân Trung Quốc.

Nhưng đó chưa phải là điểm chính.

Điểm chính là vì cuộc chiến tranh mà Cộng Sản

tiến hành ở bất cứ chiến trường nào, từ Đông sang Tây, không bao giờ là cuộc chiến thuần túy quân sự. Nó bắt nguồn từ chiêu bài đấu tranh giai cấp toàn cầu chủ yếu là chiêu bài chiến tranh ý thức hệ, lấy tuyên truyền làm vũ khí quyết định.

Với tính chất này của cuộc chiến, những người cầm bút như Joseph Buttinger, France Fitzgerald, Stanley Karnow, Anthony Lewis, Neil Sheehan vv... đã hợp thành *đạo quân đánh mướn không công* vô cùng đắc lực cho Cộng quân Liên Xô và Hà Nội. Đạo quân này không hề trực diện đối đầu trước mũi súng trên trận tuyến mà núp lén phía sau để liên tục tấn công vào nguồn hỗ trợ sinh tử là nhân tâm bằng những lời lẽ xảo trá, những mưu mô lường gạt ti tiện nhắm kích động và dắt dẫn dư luận nghiêng về một phía. Đạo quân đánh mướn không công này có sức mạnh lớn hơn bất kỳ đạo quân cầm súng nào nên khi đã có nó trong tay tất nhiên Hà Nội không cần Cộng quân Liên Xô có mặt.

Điểm gây thắc mắc là hết thảy những người cầm bút này chắc chắn không bao giờ chịu đặt cuộc sống bản thân và gia đình họ vào bất kỳ xã hội Cộng Sản nào. Một số người còn không phủ nhận Cộng Sản là tai họa lớn hơn cả tai họa Đức Quốc Xã. Thế nhưng, hàng ngày với cây bút trong tay, họ vẫn say mê thọc mũi dáo độc ác đâm lén vào sau lưng những người phải đem xương máu ra ngăn chống tai họa Cộng Sản.

Động cơ thúc đẩy hành vi này là gì?

Nhiệt tình cao độ đã gây nên tâm trạng bất bình do tính thiếu hiệu quả của những người chung chí hướng hay nhu

cầu vị kỷ đã đẩy con người xuống đáy vực tham sân si để trở thành hiện thân của thèm khát, đố kỵ và thù hận trong mù quáng hèn mạt? Bởi vì, những người như Buttinger vẫn luôn đối diện với không ít sự kiện chứng tỏ cách lập luận của mình là vô căn cứ nhưng vẫn khăng khăng nói ngược với thực tế.

Trong tác phẩm ***A Dragon Embattled***, nói về việc thành lập Mặt Trận Liên Việt ngày 27/5/1946, Buttinger đã viết: *"Trung tâm sinh tử của Liên Việt dĩ nhiên là Việt Minh. Thực ra Liên Việt chẳng là gì khác hơn là một thứ siêu Việt Minh. Kẻ nào từ chối không chịu tham gia Liên Việt sẽ bị tố cáo là chống độc lập dân chủ và bị dán cho nhãn hiệu phản động, để có thể bị giết ...Vì thế, các đảng Xã hội, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội ... đều ở trong mặt trận Liên Việt."*[9]

Dù nhìn rõ cái căn bản hợp tác man trá, Buttinger vẫn tiếp tục công kích một tổ chức tiêu biểu của những người Việt Nam yêu nước là Việt Nam Quốc Dân Đảng, một tổ chức mà bất kỳ người dân Việt Nam nào ở thời điểm đó cũng không quên những đóng góp xương máu qua 13 liệt sĩ tuẫn quốc tại Yên Bái ngày17.6.1930. Buttinger lên tiếng kết án Việt Nam Quốc Dân Đảng là một bọn *"bất tài và bất lương"* vì đã *"không chịu để cho chính phủ Hồ Chí Minh tuyên chiến với Pháp"*. Tác giả có vẻ muốn diễn tả các đoàn thể quốc gia thiếu tinh thần yêu nước so với người Cộng Sản, nhưng ngay sau đó, tác giả lại kết án Việt Nam Quốc Dân Đảng có hành vi bạo động tấn công người Pháp để phá hoại cuộc hưu chiến và nói về khả năng khai thác tình thế của người Cộng Sản: *"... Những cuộc tuần tiễu hỗn hợp*

Pháp-Việt Minh được thành lập để giữ trật tự và để phòng bạo động chống Pháp thêm nữa. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu. Những bước tiếp theo cho thấy Việt Minh đã nhìn ra rằng đây là dịp tốt để họ tiêu diệt các đảng thân Trung Hoa, và người Pháp vốn coi phe quốc gia không thể thỏa hiệp còn tệ hơn phe cộng sản chịu hợp tác nên quyết định ủng hộ Việt Minh trong vấn đề này. Nhằm mục đích loại trừ kẻ thù không cộng sản, Pháp đã trở thành đồng minh tạm thời của Việt Minh."[10]

Tác giả gần như tán trợ việc Hồ Chí Minh ký được bản tạm ước Modus Vivendi với bộ trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Marius Moutet, dù *"tạm ước"* còn bất lợi cho Việt Nam hơn cả bản Hiệp Ước Sơ Bộ 6-3-1946, vì chỉ nhắm giữ thể diện cho cá nhân Hồ Chí Minh.

Điều được ghi nhận ở đây là thời gian Hồ Chí Minh qua Pháp đã tạo cơ hội cho các thủ hạ hoàn tất việc loại trừ khỏi chính quyền những thành phần không Cộng Sản:*"Điều khiến ông Hồ vui là tay chân của ông đã tiêu diệt được những đảng phái thân Trung Hoa*[11] *và đã mở rộng đáng kể căn cứ tổ chức của chính phủ"*.

Tác giả tỏ ra nắm vững ý hướng và mưu tính của Hồ Chí Minh về chính phủ và Quốc Hội thứ nhất của Việt Nam cuối năm 1946, nhất là về vai trò của Võ Nguyên Giáp được tác giả ca ngợi. Tác giả diễn tả như Hồ Chí Minh chỉ chấp nhận những chuyện đã rồi nhưng cũng có vẻ như tán dương Hồ đã khôn khéo và vì *"chính nghĩa dân tộc"* thúc đẩy thủ hạ thanh trừng tất cả những phần tử chống đối nguy hiểm. Nhờ thế, khi từ hội nghị Fontainebleau trở về ngày 20-10-1946, Hồ Chí Minh đã nắm lại quyền hành trong thế trọn vẹn hơn. Trong điều kiện thoải mái này,

Quốc Hội được triệu tập để bầu chính phủ mới và soạn thảo hiến pháp.

Bản Hiến Pháp được thông qua ngày 8-11-1946 được tác giả tóm lược: "*... Những quyền tự do đó đối với toàn dân, có một số kẻ không được hưởng. Đó là những kẻ phản động, Việt gian, bọn hợp tác với Pháp, những kẻ gây rối, và những kẻ thù khác của nhân dân, tóm lại bất cứ ai có hoạt động chính trị bị Cộng Sản coi là có hại cho chính nghĩa quốc gia mà Việt Minh, và sau này là Liên Việt, là người bảo vệ về chính trị và tổ chức.*"[12]

Đại hội thông qua Hiến Pháp chỉ có 291 dân biểu trên tổng số 360 dân biểu hiện diện. Đông nhất là nhóm mệnh danh Độc Lập gồm 90 dân biểu. Đảng Dân Chủ có 45. Đảng Xã Hội mới thành lập trước đó 3 tháng có 24. Đó là những người đáng tin cậy vì ủng hộ Việt Minh. Phía Việt Minh chỉ có 80 người.

Tác giả viết: "*Cộng Sản muốn chế độ độc đảng được quốc hội đa đảng chấp nhận. Một nhóm Mác-xít gồm toàn những người cộng sản đã được mọi người biết rõ chỉ có 15 người. Nhưng là những người có thực tài hiếm có, vì chính họ đã dàn dựng và điều khiển mọi sự. Có ý nghĩa hơn nữa là trong số 70 ghế dành cho phe đối lập, có tới 33 người vắng mặt, chỉ còn 37. Những dân biểu đối lập hiện diện bị công an chìm theo dõi, quan sát, nhiều người bị bắt và buộc tội, nhiều người bị khám nhà trong khi quốc hội đang họp. Khi tạm ngưng họp, trong số 37 người chỉ còn 20 hiện diện và trong số 20 người này chỉ có 2 người đủ can đảm giữ lập trường chống đối mạnh mẽ, bỏ phiếu chống.*"[13]

Hai phiếu chống là phiếu của hai dân biểu Nguyễn Văn

Thành và Cung Đình Quý. Sau đó, một người bị bắt, một người phải bỏ trốn.

Tác giả ghi rõ trước khi quốc hội họp ít ngày, Võ Nguyên Giáp đã bắt giam 200 thủ lãnh đối lập và giết một số người trong đó có Vũ Đình Chi, một cây bút nổi tiếng của tờ Việt Nam, cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Tác giả còn nêu trường hợp nhiều người khác bị giết do không tán thành Việt Minh với chi tiết về từng người, trong đó gồm có:

- Bùi Quang Chiêu, người sáng lập Đảng Lập Hiến, cùng đi Pháp trên chuyến tầu mà Hồ Chí Minh làm phụ bếp năm 1911.

- Hồ Văn Ngà, đảng trưởng Đảng Độc Lập, ủy viên Mặt Trận Thống Nhất.

- Nguyễn Văn Sâm, Khâm Sai triều đình Huế ở Nam Kỳ

- Phạm Quỳnh, học giả, đại thần và cố vấn của Bảo Đại. Tác giả gọi Phạm Quỳnh là nạn nhân nổi tiếng nhất của Việt Minh.

- Ngô Đình Khôi, anh ruột tổng thống Ngô Đình Diệm, bị giết cùng với con là Ngô Đình Huân.

- Huỳnh Phú Sổ, theo tác giả, là nhà tiên tri, sáng lập và giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo, chẳng những bị giết mà còn bị phanh thây, ném đi mỗi nơi một chi thể để tín đồ khỏi tôn thờ và lập đền thiêng.

- Trương Tử Anh, đảng trưởng Đại Việt Quốc Dân Đảng bị Việt Minh bắt mùa hè 1946, trong chiến dịch lùng diệt đối lập và không bao giờ thấy tăm tích đâu nữa.

- Tạ Thu Thâu mà tác giả bảo là do Trần Văn Giàu cho phục kích và giết, sau khi Trần Văn Giàu đi thăm Hồ Chí

Minh trở về. Tác giả gọi Trần Văn Giàu là kẻ theo chủ nghĩa Stalin thuần thục nhất - *a Stalinist of the purest water*.

- Trần Quang Vinh, lãnh tụ Cao Đài, suýt bị giết vì kịp trốn thoát.

- Trần Văn Phát và Nguyễn Văn Thoại, hai người có xu hướng Nam Kỳ tự trị. Ông Phát bị giết ngày 29-3-46 và ông Thoại ngày 3-5-46.[14]

Dù không tỏ vẻ kết án thủ đoạn tàn bạo của Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam đối với những người yêu nước không tán thành Cộng Sản, tác giả cũng không thể chối bỏ thực tế là ngọn cờ Cộng Sản không lôi cuốn nổi quần chúng.

Tác giả viết: *"Nhưng không ai hơn Hồ biết rằng cuộc chiến đấu cho độc lập không thể tiến hành dưới ngọn cờ Cộng sản. Lập một nền độc tài công khai của đảng cộng sản sẽ chỉ làm sụp đổ tòa nhà chính trị tài tình qua đó những người cộng sản hoàn toàn khống chế phong trào yêu nước. Chế độ càng triển khai theo chiều hướng độc quyền, độc đảng, càng cần có một bề ngoài trang trọng theo nghi lễ và bộ mặt trang trí bằng những định chế dân chủ. Bản hiến pháp đệ trình quốc hội duyệt y được vẽ kiểu theo mục đích ấy và đã được thông qua ngày 8-11 bằng 240 phiếu thuận, chỉ có hai phiếu chống."*

Không ai ngăn cấm Buttinger theo đuổi ý hướng riêng của bản thân để tiếp tục ngưỡng mộ mẫu người Hồ Chí Minh, nhưng hàng triệu oan hồn Việt Nam vất vưởng từ biển cả tới rừng sâu suốt nửa thế kỷ nay không thể chấp nhận sự gán ghép trắng trợn và ngược ngạo rằng các hành vi của Hồ Chí Minh là vì dân vì nước.

Có thể Buttinger sẽ không bao giờ có thái độ này trong

trường hợp Tổng Thống Ngô Đình Diệm chấp nhận những đề nghị riêng mà ông ta nêu ra vào lúc đó?

Nếu sự việc diễn ra chỉ vì thế thì thái độ mà Buttinger biểu hiện là một khía cạnh đáng buồn trong tính cách của con người.

Chú thích

1 Ông can thiệp với Ngô Đình Diệm cho đích danh hai ông này và có thư từ qua lại với ông Diệm rất chi tiết về việc này. Trong tác phẩm *Vietnam the unforgettable Tragedy* (trang 68-69) tác giả cho đăng bản chụp nguyên văn hai trang *đầu* và cuối của bức thư rất dài do thủ tướng Ngô Đình Diệm đánh máy bằng tiếng Pháp để ngày 29-5-1955 gửi tác giả với tư cách riêng.

2 Horizon Press, New York, 1977.

3 SĐD tr. 19

4 SĐD tr. 26, nguyên văn: "*better Titoist than Tito himself*". Lãnh tụ Nam Tư Tito theo Cộng Sản, nhưng không chịu sự chi phối của Stalin, từ 1948 tách khỏi khối cộng sản quốc tế và nhận viện trợ của thế giới tự do.

5-6 SĐD tr. 28, 167

7 Xem *Giọt nước trong biển cả,* tr. 345

8 Xin xem *Đêm Giữa Ban Ngày***,** tr. 229

9 *A Dragon Embattled***,** tr. 400, nguyên văn: *The vital center of Liên Việt was of course the Việt Minh....*

10-12-13-14 *A Dragon Embattled*, tr. 402, 407, 403- 405, 408- 409

11 Chỉ các *đảng Đại* Việt, Việt Nam Quốc Dân *Đảng,* Việt Nam Cách Mạng *Đồng* Minh Hội.

Chương 20
DOUGLAS PIKE và *History of VN Communism*

Douglas Eugene Pike (1924-2002), học giả chuyên về các vấn đề Việt Nam và đã có 7 tác phẩm về đề tài này. Ông viết vì coi đó như sự đam mê muốn cho người đọc hiểu về Việt Nam. Các tác giả sau này viết về Việt Nam hoặc về các lãnh tụ Việt Nam như Ngô Đình Diệm, Hồ Chí Minh đều tham khảo sách của ông. Tác phẩm đầu mang tựa đề ***Viet Cong***, 492 trang khổ lớn[1]. Tác phẩm thứ hai là tác phẩm được đề cập, ***History of VN Communism, 1925-1976 - Lịch Sử Cộng Sản Việt Nam***[2].

Trong cuốn ***Viet Cong***, Douglas Pike viết về Hồ Chí Minh: *"Thời hiện đại, trên thế giới không có lãnh tụ nào bí ẩn như Hồ Chí Minh... Tài tổ chức của ông Hồ ngay từ thời ấy (giữa thập kỷ 20) đã ở vào giai đoạn phát triển cao. Ông ta tập họp xung quanh mình tiềm năng của tuổi trẻ, dạy họ cách in truyền đơn viết tay, điều khiển những cuộc mít-tinh lớn, xúi giục các cuộc đình công và tiến hành những công tác tuyên truyền khuấy động quần chúng khác."*[3]

Hơn chục trang sau, tác giả nói rõ hơn về tài tổ chức này, đồng thời trình độ *"kỹ thuật loại trừ"*(!) mà Hồ Chí Minh đã vận dụng để *"đánh phá khéo léo các đảng quốc gia đối lập"*: *"Thiên tài số một của Hồ là tổ chức. Ngay những ngày đầu, khi còn làm việc với Borodin ở Hoàng Phố*[4]*, ông ta đã say mê bởi tổ chức xã hội, và rõ ràng những tế bào cơ cấu bí mật của cộng sản trong bóng tối đã lôi cuốn ông hơn là duy vật biện chứng, chẳng hạn. Hầu hết những thắng lợi chính trị của Hồ trong thời kỳ tiền Việt Minh là kết quả của tài tổ chức: tạo dựng, sử dụng và đưa ra ánh sáng một cách thuận lợi một chuỗi những tổ chức mặt trận thống nhất, cái sau bao giờ cũng cao hơn cái trước, mỗi cái đều tăng cường quyền lực của đảng, mở rộng thêm sự ủng hộ của cơ sở quần chúng và loại trừ đối lập (rivals). Kỹ thuật (loại trừ) này gồm có việc bao lấy tổ chức đối lập đưa nó vào trong một cộng đồng xã hội rộng lớn hơn như một phương cách làm lu mờ căn cước riêng của nó và như một màn mở đầu để chặt mất đầu, không còn lãnh tụ nên phải tan rã...*

Có lẽ có thể kết luận không sợ sai lầm là Việt Minh đã không tan rã mà còn phát triển mạnh trong những năm sau thế chiến II là nhờ tài tổ chức của lãnh tụ. Võ Nguyên Giáp có thể là thiên tài về bạo lực, Trường Chinh là lý thuyết gia uyên bác. Nhưng chính sự vận dụng óc tổ chức xuất sắc của Hồ Chí Minh đã đưa tới thắng lợi rõ rệt."

Dù ngưỡng mộ *cái kỹ thuật loại trừ* để thanh toán những người khác chính kiến hầu tạo thế độc tôn, tác giả cũng không thể phủ nhận một thực tế là tính xảo trá và tàn bạo trong các thủ đoạn của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trước mắt tác giả, việc thi thố các thủ đoạn xảo trá và tàn

bạo cũng là một tài năng để đi tới kết luận: "... *Hồ luôn luôn chứng tỏ là kẻ đại tài về xảo trá và tàn bạo, cũng như về tổ chức.*"

Cho nên, tác giả không đặt thành vấn đề phán xét tính cách con người Hồ Chí Minh qua hành động của Cộng Sản Việt Nam đối với nhóm Đệ Tứ Quốc Tế theo ghi nhận của tác giả: "*Theo các nguồn tin đáng tin cậy, ngày thế chiến 2 bùng nổ (1-9-1939) có kẻ trao cho mật thám Tây ở Sài Gòn đầy đủ danh sách của nhóm Đệ Tứ với bí danh và địa chỉ của từng người kể cả nơi cư trú địa phương trên toàn quốc. Chỉ trong vài giờ cảnh sát Pháp đã tóm hết các lãnh tụ đầy đi New Hebrides, New Caledonia, Madagascar và những thuộc địa khác của Pháp xa Đông Dương... Sau này nhiều sử gia và các chuyên gia về chính trị quả quyết chỉ có CS Việt Nam có tài liệu và khả năng làm một việc có tính tình báo chiến thuật đó.*"

Nhưng dường như chính Douglas Pike vẫn không tìm được an lòng thực sự trong cái nhìn của mình về nhân vật mà mình ngưỡng mộ.

Từ những điều được mô tả là tài năng thiên phú kia có lẽ vẫn nổi lên một thúc đẩy mơ hồ nào đó khiến tác giả bứt rứt phải cố tìm cách tự giải tỏa.

Và, tác giả đã tìm tới trước hết với những thế lực đủ mạnh để chi phối mọi hành động của Hồ Chí Minh.

Trong ***History of VN Communism***, tác giả trưng dẫn chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản gửi cho các đảng Cộng Sản ở Đông Dương ngày 27-10-1929, trong đó có đoạn: "*Chỉ những nhóm hay tổ chức nào chấp nhận hoàn toàn những nghị quyết của ủy ban trung ương Quốc Tế Cộng Sản (Comintern), và của Quốc Tế Cộng Sản mới có thể được nhìn*

nhận là bộ phận của đảng CS Đông Dương, và mới có thể gửi đại biểu tới dự đại hội của đảng... Tất cả những tổ chức và cá nhân không chấp nhận các nghị quyết của Quốc Tế Cộng Sản phải bị đuổi ra khỏi đảng."[5]

Điều này cho thấy Hồ Chí Minh không thể vượt qua sự ràng buộc chặt chẽ của kỷ luật. Vì ngay các tổ chức và đảng viên Cộng Sản vẫn bị loại trừ nếu không tỏ ra tuyệt đối tuân hành mọi chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản thì bằng cách nào có thể nương tay với những tổ chức và thành phần khác chính kiến.

Tác giả kể tiếp về các cuộc bạo động đẫm máu do phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh gây ra tại các làng xã hồi đảng mới thành lập với lập luận sự kiện này hoàn toàn nằm ngoài chủ trương của Hồ Chí Minh vì theo tác giả Hồ Chí Minh không chủ trương bạo động. Tác giả đã đưa ra một chứng có hết sức mơ hồ: *"Quả thực, nhiều người Việt Nam tin chắc rằng ông Hồ, ngay từ đầu đã chống toàn bộ thời kỳ bạo động."*[6]

Douglas Pike tiến thêm một bước trong nỗ lực chứng minh cho lý do bắt buộc Hồ Chí Minh phải có các thủ đoạn xảo trá và tàn độc là tính vô hiệu và sa đọa nằm bên phía các tổ chức quốc gia yêu nước. Tác giả cho rằng đã nhiều lần Hồ Chí Minh muốn liên minh với Việt Nam Quốc Dân Đảng nhưng tổ chức này không có đường lối chính trị rõ rệt.

Thực ra, điều này do chính Hồ Chí Minh đã viết trong cuốn sách ký tên Trần Dân Tiên khi phát biểu không thể nuôi ảo tưởng về Việt Nam Quốc Dân Đảng vì *"tuy nó chống đế quốc, nhưng chỉ ở mức độ cách mạng tư sản, chỉ nhằm đánh đổ đế quốc mà không chủ trương xây dựng lại hoàn toàn trật tự xã hội."*

Về một đảng khác là Đại Việt Quốc Dân Đảng, tác giả nói tuy đảng này tự khoe có tới 200 ngàn đảng viên nhưng trên thực tế lại chẳng là gì cả. Một đảng khác nữa là Tân Việt Đảng thì tác giả kể *"tổng thư ký Đào Duy Anh đã phản đảng bán đảng viên cho Pháp, rồi sau lại theo đuôi cộng sản, nhưng cộng sản chẳng bao giờ tin dùng, chỉ cho giữ những chức vụ hèn mọn cho tới khi chết vào năm 1960"*.[7]

Douglas Pike không chỉ nói mà đã viết lên giấy những dòng chữ về một con người là Đào Duy Anh để cung cấp chứng liệu cụ thể về một thực trạng chính trị xã hội đã thúc đẩy những người nặng lòng yêu nước như Hồ Chí Minh phải tàn nhẫn hầu đạt tới một lực lượng đấu tranh cách mạng hữu hiệu.

Tất nhiên đòi hỏi đầu tiên là phải ghi chép đúng sự thực. Nhưng, sự thực Đào Duy Anh không hề chết năm 1960 mà còn sống tới năm 1988.

Trong khi đó, Tân Việt đảng không phải đoàn thể của những người quốc gia yêu nước mà là một nhánh khác của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội thành lập từ 1927 và gia nhập đảng Cộng Sản Việt Nam từ tháng 9-1929 là thời gian tổng thư ký đảng Đào Duy Anh đang bị mật thám Pháp bắt giữ.

Hãy gác lại chuyện liên lạc với mật thám Pháp để bán những người quốc gia tranh đấu chính là điều Cộng Sản thường làm mà tác giả đã ghi lại, để chỉ nhìn nhận một thực tế là lúc đó Đào Duy Anh đang nằm trong tù. Đào Duy Anh chỉ không được Cộng Sản tin dùng một thời gian sau khi liên hệ với nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm hồi 1956-1957.

Tháng 12-1978, số 5, tạp chí Khoa Học Xã Hội tại Paris còn đăng một bài viết của Đào Duy Anh với tựa đề ***Một vài uẩn khúc về đảng Tân Việt*** nói rõ vào giữa năm 1929, *Tổng Bộ đảng Tân Việt đã đưa ra một bản Tuyên Ngôn nhắm đánh lạc hướng mật thám Pháp bằng cách xác định Tân Việt Đảng không thể theo đường lối Cộng Sản vì chủ nghĩa Cộng Sản không có cơ sở...*[8]

Douglas Pike hoàn tất tác phẩm *History of VN* ***Communism*** đúng 10 năm trước khi Đào Duy Anh chết và vào giữa lúc Đào Duy Anh đang ngồi tại Viện Khoa Học Xã Hội tại Hà Nội. Thời điểm này cũng tròn 50 năm Đào Duy Anh hoạt động cho Cộng Sản Việt Nam.

Vậy thì cái đảng Tân Việt có nguồn gốc Cộng Sản từ 1927, gia nhập đảng Cộng Sản Việt Nam từ 1929 và cá nhân Đào Duy Anh theo Cộng Sản từ thuở đó bằng cách nào có thể là chứng cớ cho sự vô năng và sa đọa của các tổ chức quốc gia hồi 1945-46 để trở thành động cơ bắt buộc Hồ Chí Minh phải tàn nhẫn ám hại những người không cùng chính kiến trong thời điểm này?

Dù sao Douglas Pike cũng đã gián tiếp xác nhận Hồ Chí Minh là kẻ xảo trá và tàn bạo. Tác giả đã chứng minh điều này bằng những trang viết kể lại việc Hồ Chí Minh tỏ ra hòa hoãn với các phe đối lập để thành lập xong chính phủ Liên Hiệp.[9]

Đoạn cuối chương 2 được tác giả dành để so sánh phe quốc gia với phe cộng sản theo cái hướng phe quốc gia quá yếu kém. Tác giả nêu ra 8 điểm so sánh trong đó đáng kể là "*Cộng Sản có chiến lược cao siêu hơn, ăn rễ trong nhân dân*" còn phe quốc giả chỉ có mục đích dành độc lập, một

từ rỗng, người dân quê không lãnh hội được, vì quá trừu tượng. Trong khi đó, lý tưởng của Cộng Sản rất cụ thể như: cơm no áo ấm, giảm thuế, tăng lương, người cày có ruộng, đánh đuổi thực dân bóc lột...

Tuy thế, tác giả cũng nêu một điều kiện khách quan bất lợi cho phe quốc gia vào thời điểm đó là thế mạnh của cả Thực Dân lẫn Cộng Sản. *"Trong khi cuộc đấu tranh tiếp diễn, hai bên cực đoan càng ngày càng mạnh, còn kẻ ở giữa bị ép như vắt chanh. Trong cuộc tranh đấu ở Việt Nam... giữa Cộng Sản và Pháp, nạn nhân của sự lưỡng cực hóa này là phe quốc gia."*[10]

Về hoạt động của Cộng Sản Việt Nam trong thời gian 1935, tác giả khen đã lớn mạnh và đưa ra con số 30 tờ báo phát hành đều đặn để xác nhận sự chú trọng nhiều đến công tác tuyên truyền. Tác giả phân tích về sự lỗi thời của việc hiện diện Mặt Trận Bình Dân do Đức khai mào thế chiến II và nêu quan điểm sách lược mới của Quốc Tế Cộng Sản theo chỉ thị từ Đại Hội kỳ 7 Đệ Tam Quốc Tế: *"Nhiệm vụ giai cấp công nhân quốc tế lúc này là phải xiết chặt đoàn ngũ và lập nên một mặt trận rộng rãi cùng các giai cấp khác, và các giai tầng xã hội để chiến đấu chống Phát xít và chống chiến tranh."*[11]

Tác giả nhận định về chỉ thị này: *"Vào đúng lúc thực dân đang suy yếu và dễ bị thương nhất, lại có lệnh bảo "đừng làm nó suy yếu hơn nữa; hãy hợp tác với nó. Có thể chống đế quốc, nhưng không được chống chính quyền thực dân."*[12]

Tác giả nhắc lại thái độ Liên Xô lúc đó khi thì thân Đức, khi thì chống Đức thay qua đổi lại tùy theo giai đoạn ký hòa ước hay chiến tranh khiến đảng Cộng Sản Việt Nam

luôn căng thẳng, vì không thể không bảo vệ Liên Xô mà cũng không dễ bỏ rơi mục tiêu chống thực dân để giành lại độc lập.

Theo Douglas Pike, đây là giai đoạn khiến những người Cộng Sản Việt Nam và Hồ Chí Minh rất *"khổ tâm"- painful!* Tác giả không nói rõ kết luận trên dựa trên bằng cớ nào và cũng không mô tả rõ nỗi khổ tâm ra sao - vì phải xoay trở khó khăn giữa hai mục tiêu trái ngược hay khổ tâm vì cái thân phận quá nhỏ bé của mình trước mắt thủ lãnh Liên Xô? Vì theo tác giả thì suốt thời gian hoạt động, Hồ Chí Minh đã được phe Quốc Dân Đảng Trung Hoa ở Quảng Đông của Trương Phát Khuê giúp đỡ nhiều hơn so với Liên Xô và Trung Cộng. Tác giả còn khẳng định: *"Ông Hồ giúp ích nhiều cho Quốc Tế Cộng Sản với tư cách một điệp viên, nhưng nhiệm vụ của ông chỉ ở ngoài rìa xét về quan điểm toàn cầu của Quốc Tế Cộng Sản... Chỉ sau khi ông ta lên cầm quyền sau chiến thắng các lãnh tụ Cộng Sản trên thế giới mới để ý đầy đủ đến ông."*[13]

Tác giả nhận định tổng quát về Hồ Chí Minh là rời Việt Nam năm 1911, chưa hề có mục đích chính trị gì như các sử gia chính thức của đảng quảng bá.

Cho đến những năm 1919-1920 Hồ Chí Minh mới bắt đầu dính líu với chính trị và vừa là nhà ái quốc vừa là người trung thành Quốc Tế Cộng Sản: *"Ông trung thành với hệ thống cộng sản và tuân lệnh Quốc Tế Cộng Sản một cách không do dự, nhưng vẫn cố xoay xở để cho những mệnh lệnh đó tới ông mà vẫn phù hợp với quyền lợi của nước Việt Nam (và của ông). Giáo điều không ngăn cản được ông, và chưa bao giờ ông phải hy sinh nhiều cho Quốc Tế Cộng Sản. Ông*

không thấy vấn đề như một lựa chọn giữa lòng yêu nước và chủ nghĩa cộng sản, và vì thế là một người quốc gia (yêu nước), đối với ông, không mâu thuẫn với thực tế là ông vẫn là người cộng sản... Hồ coi cộng sản như một phương tiện hữu hiệu một cách khác thường để phục vụ hơn nữa quyền lợi của tổ quốc. Nó có một chiến lược sâu xa, những kỹ thuật tổ chức xuất sắc và nó đáp lại tất cả những câu hỏi quan trọng..."[14]

Douglas Pike tỏ ra khảo sát vấn đề rất công phu, đi sâu vào nhiều chi tiết nhưng phát hiện của tác giả lại có nhiều trái ngược như dễ dàng chấp nhận ngay trong đoạn viết trên hai sự việc khó thể cùng tồn tại là trung thành tuyệt đối không do dự với Đệ Tam Quốc Tế trong khi vẫn chỉ coi chủ nghĩa Cộng Sản là một phương tiện để phục vụ tổ quốc.

Mặt khác, tác giả cho thấy thiếu hẳn cân nhắc về mức độ giá trị của những tài liệu tham khảo, nếu không muốn nói rằng tác giả chỉ sử dụng tài liệu như một loại chất liệu diễn tả ý nghĩ chủ quan của mình. Điều này hiển hiện rất rõ qua những trang viết về hoạt động của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam từ 1961 đến 1964 dựa hẳn theo tài liệu Cộng Sản Việt Nam nêu ra hàng trăm cuộc biểu tình và mỗi cuộc biểu tình đều có số người tham gia cực kỳ đông đảo, thậm chí được kể rõ là 1 triệu tới 3 triệu tức đông hơn cả dân số của nhiều tỉnh, thành tại miền Nam!

Cách sử dụng và đánh giá tài liệu này đã khiến tác giả thoải mái trích dẫn lời lẽ của Trường Chinh để ca tụng Hồ Chí Minh *có tài về tổ chức, tận tụy hy sinh, chí công vô tư, lo trước dân hưởng sau dân*....và còn khen Trương Chinh là người viết tiểu sử Hồ Chí Minh hay nhất so với mọi tác giả

khác. Ngoài ra là những lỗ hổng đáng ngạc nhiên về kiến thức đối với các vấn đề được nói đến như trường hợp đánh giá các đoàn thể đấu tranh yêu nước Việt Nam thời điểm trước 1945, trường hợp Tân Việt đảng với Đào Duy Anh, trường hợp chỉ thấy một Mặt Trận Việt Minh do Hồ Chí Minh thành lập từ Pac Bó năm 1941, trường hợp tô vẽ cho các lãnh tụ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam vv...

Dường như trong lúc viết, tác giả đã bị cuốn hút vào nỗi đam mê diễn tả tài năng lãnh đạo đấu tranh của Hồ Chí Minh nên mọi tài liệu, ý kiến đều được sắp xếp để xuôi về điểm thuận lợi nhất cho sự thốt lên câu kết luận: *"Xem ra khá rõ là lịch sử sẽ phán đoán về sự thành công của Cộng Sản Việt Nam như sản phẩm của óc tổ chức siêu việt, của tài lãnh đạo đúng đắn, và có lẽ sẽ không có thành quả đó nếu không có sự đóng góp độc đáo của Hồ Chí Minh."*[15]

Chính vì thế mà mặc dù không dám phủ nhận thực tế tệ hại cùng cực của xã hội Việt Nam sau khi Cộng Sản Việt Nam thành công, tác giả đã cho rằng mọi sự không đến như Hồ Chí Minh mong đợi. Và trong trường hợp này, tác giả không nhắc đến tài lãnh đạo của Hồ Chí Minh mà nhắc tới cái thông lệ của chính trường kim cổ là sau khi thành công, phong trào chính trị nào cũng phải gắn số phận của mình vào cuộc đấu tranh duy trì quyền lực: *"Khi thực dân bị đánh bại và người Pháp bị đuổi rồi, cái chính nghĩa chống thực dân bị biến đổi, từ quyền tự quyết của nhân dân nó biến thành quyền độc tôn của đảng. Danh nghĩa không thay đổi; người ta chỉ đổi lại định nghĩa của sự chống thực dân. Cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục, nay là để chống lại nhân dân Việt Nam, một cuộc chiến dành quyền lực, vì quyền lực, đó là số phận của*

tất cả các phong trào chính trị, một khi nó thành công. Cái chủ nghĩa chống thực dân cao cả đã trở thành một giai đoạn lịch sử chuyên chế, ham hố quyền lực. Rất có thể, ông Hồ đã không muốn nó trở thành như vậy."

Ngay trong trường hợp chấp nhận lời biện giải sự biến đổi từ chủ nghĩa chống thực dân cao cả thành một giai đoạn chuyên chế, ham hố quyền hành *chỉ là công lệ lịch sử* thì vẫn phải nhìn nhận một thực tế là chủ nghĩa chống thực dân cao cả kia không hề đáp ứng bất kỳ mong mỏi nào của người dân sau khi đòi hỏi người dân đóng góp xương máu suốt già nửa thế kỷ.

Như vậy, hết thảy những con người nêu cao ngọn cờ chống thực dân kiểu ấy dù được diễn tả là tài ba đức độ tới đâu vẫn khó thể gọi là những con người đặt quyền lực bản thân thấp hơn hạnh phúc nhân dân để ca tụng là đã tận tụy hy sinh phục vụ nhân dân. Và ngay cả vấn đề tài năng của những con người ấy cũng cần xét lại, bởi lẽ tài năng ấy không cứu nổi người dân thoát khỏi kiếp sống nô lệ cay cực mà còn đẩy người dân xuống một đáy vực thảm họa hãi hùng gấp bội lần.

Chú thích

1 Do Viện Kỹ Thuật Tiểu Bang Massachusett MIT xuất bản năm 1966

2 Do Hoover Institution Press xuất bản năm 1978

3 *Viet Cong* tr. 10 và tr. 21

4 Đúng ra là Quảng Đông.

5–7 *History of VN Communism* tr. 9-10, 29.

6 *History of VN Communism* tr. 20 nguyên văn: *Indeed, many Vietnamese believed that Ho from the start had been against the entire period of violence.*

8 Theo *Từ Điển Tác Gia Việt Nam***,** Nguyễn Quốc Thắng - Nxb VHTT, Hà Nội 1999, tr. 138-139, và ***Việt Nam, những sự kiện lịch sử 1919-1945*****,** Dương Trung Quốc - NXB Giáo Dục, Hà Nội 2002, tr. 145.

9 *Viet Cong***,** tr. 42

10-12-13-14-15 *History of VN Communism* tr. 37-39-40, 35, 57, 59, 59- 60

11 Tác giả trích báo *Quân Đội Nhân Dân* của CSVN, 24/1/1970.

Chương 21
ROBERT SHAPLEN *và* *The Lost Revolution*

Robert Shaplen (1917- 1988) là sử gia Mỹ chuyên về chiến tranh Việt Nam, được nhiều nhà phê bình văn học cho là một trong vài cây viết có uy tín nhất về vấn đề này. Trong số gần chục tác phẩm của ông có 2 cuốn về cuộc chiến Việt Nam, ***The Lost Revolution - Cuộc Cách Mạng Bị Bỏ Lỡ*** và ***The Road From War - Con Đường Từ Chiến Tranh.*** Ông đến miền Nam Việt Nam từ 1962 với tư cách phóng viên của tờ *The New Yorker* tại Á châu.

The Road From War[1] gồm 22 bài viết cho tờ *The New Yorker* từ tháng 3-1965 đến tháng 1-1970 trong đó có hai chục bài viết từ Sài Gòn và hai bài viết từ Paris, nói về tình hình rối reng tại Sài Gòn trong những năm sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị giết, về cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Bắc Việt và cách thức các giới chức giới quân sự cũng như dân sự Mỹ, Việt đối phó với cuộc xâm lăng của Cộng quân.

Tác giả đưa ra rất nhiều tài liệu giá trị, kể cả những hình ảnh sinh động phức tạp của một cuộc chiến mà tác giả không tán thành. Nhưng tác phẩm này gần như không đề cập đến nhân vật Hồ Chí Minh.

Trong ***The Lost Revolution***,[2] tác giả trách Tây phương, nhất là Pháp và Mỹ, đã đánh mất một cơ hội cho nhân dân Việt Nam đạt được cuộc cách mạng mà Mỹ và Pháp là hai nước đi tiên phong để gợi hứng cho các dân tộc trên thế giới noi theo. Tác phẩm gồm 12 chương dày 404 trang này bàn về cuộc chiến của Pháp (1946-1954) và sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam (1954-1965).

Tuy trách cả Pháp lẫn Mỹ, nhưng là người Mỹ được tiếp xúc nhiều với các nhân vật Mỹ và có cơ hội nhìn vấn đề theo nhãn quan người Mỹ, tác giả dành tới ba trăm trang để bàn về những biến cố chính trị tại miền Nam và hoạt động của các giới chức Mỹ.

Ba chương đầu gồm 100 trang nói lên chủ ý của tác giả là Mỹ bỏ lỡ cơ hội nắm lấy nhân vật Hồ Chí Minh, trong khi ông này rất có thể trở thành một thứ Tito, ngay vào lúc chưa ai nói đến chủ nghĩa Tito[3] cho nên đã sa lầy ở chiến trường Việt Nam. Ngay đoạn mở đầu, tác giả trách chính phủ Mỹ đã quên lời hứa trong thế chiến là sẽ giúp các dân tộc thuộc địa dành độc lập.

Tác giả viết: *"Tôi chia xẻ niềm tin của nhiều nhà quan sát lúc ấy ở Đông Dương rằng Pháp và Mỹ, nhất là những nhà làm chính sách ở Paris, đã sai lầm lớn khi không thương lượng với Hồ Chí Minh một cách thực tiễn hơn trong những năm 45-46 là lúc ông ta rất có thể đã được biến thành Tito (Titofied), ngay trước khi chưa nghe ai nói đến Tito hay "chủ*

nghĩa Tito" (Titoism); và như vậy một loạt biến cố đã có thể khác đi và đã tránh được nhiều máu đổ; và ngày nay đã có được một nước Việt Nam thống nhất; ngay cả nếu nó bị lãnh đạo bởi phe tả, thì vẫn trở thành bức tường ngăn chặn của khối quốc gia trung lập ở Đông Nam Á là những nước đang muốn tránh bị Trung Cộng thống trị."[4]

Nói cách khác, tác giả cho rằng đáng lẽ Việt Nam đã có thể trở thành một thứ Nam Tư ở Đông Nam Á. Để chứng minh, tác giả nêu ý kiến của một số chứng nhân là những người Mỹ từng có dịp tiếp xúc với Hồ Chí Minh vào thời điểm đó. Những người này đều nói Hồ Chí Minh dịu dàng dễ thương. Một chàng trung úy mà tác giả tạm gọi là John đã viết: "*Ông (Hồ) là người dịu ngọt kinh khủng. Nếu tôi có thể nêu một đức tính của con người đó thì phải nói đó là sự nhã nhặn, dịu dàng.*"[5]

Nhưng liền sau đó, tác giả lại trưng dẫn nguyên văn bức thư của Hồ Chí Minh viết cho John, trong đó tố cáo đảng Đại Việt đang có kế hoạch đại khủng bố người Pháp.

Bức thư này rõ ràng chứng tỏ Hồ Chí Minh không phải con người dịu dàng dễ thương như lời mô tả mà ngược lại, là một người đầy thủ đoạn hiểm ác muốn lợi dụng người Mỹ cho một mưu toan riêng của mình. Tuy nhiên, tác giả không lưu tâm tới khía cạnh này có lẽ vì quá bị lôi cuốn bởi những lời lẽ ngọt ngào mở đầu lá thư:

"Bạn John thân mến,

Tôi cảm thấy yếu hơn từ khi anh ra đi. Có lẽ tôi cần phải theo lời anh khuyên - rời đi một nơi nào khác để dễ kiếm thức ăn cho sức khỏe khá hơn...

Tôi gửi anh một chai rượu vang, hy vọng anh thích nó. Hãy

làm ơn cho tôi biết tin tức nước ngoài mà anh có... Hãy làm ơn gửi cho bộ chỉ huy của anh 2 bức điện sau đây:

1- Đảng Đại Việt đang có kế hoạch đại khủng bố người Pháp để đổ cho Việt Minh chúng tôi làm. Nhưng Việt Minh đã ra lệnh cho 2 triệu đoàn viên và tất cả dân chúng dưới quyền hãy canh chừng và ngăn chặn đảng Đại Việt không cho chúng tiến hành kế hoạch gây tội ác này khi nào có thể và nếu có thể được. Việt Minh tuyên bố trước thế giới mục đích của mình là giành độc lập cho tổ quốc. Chúng tôi sẽ chiến đấu bằng các phương tiện chính trị và nếu cần bằng quân sự. Nhưng sẽ không bao giờ dùng tới hành động tội ác và bất lương.

Ký tên: Ủy Ban Giải Phóng Dân Tộc của Việt Minh

2- (....)

Ký tên như trên.

Xin cám ơn anh về việc rắc rối tôi nhờ anh làm.... gửi anh lời chào tạm biệt.

Thân mến,

(ký tên) HOO (sic)"

Tiếp tục ý nghĩ Hồ Chí Minh có thể cắt đứt tương quan với Quốc Tế Cộng Sản như Tito, tác giả kể chuyện Hồ Chí Minh đang ở trong tù đã viết thư cho tướng Trương Phát Khuê, Tư Lệnh Đệ Tứ Chiến Khu Quốc Dân Đảng Trung Hoa, hứa nếu được thả sẽ tổ chức mạng lưới tình báo ở Đông Dương để hoạt động cho Trương. Tác giả bảo vì lý do này mà Trương hạ lệnh phóng thích Hồ Chí Minh.[6]

Hãy khoan nói về việc Hồ Chí Minh có thành tâm trong khi hứa hẹn hay không mà chỉ nói riêng về lý do giúp Hồ Chí Minh ra khỏi nhà tù lúc ấy. Sự thực không đơn giản như xác quyết của Robert Shaplen, vì nếu không có sự can

thiệp và bảo lãnh của một tổ chức tranh đấu của người Việt quốc gia được thành lập ở Nam Kinh thì chưa chắc Trương Phát Khuê đã cho Hồ Chí Minh ra khỏi nhà tù.

Trong ***The Lost Revolution***, ngoài nhân vật John, tác giả còn nhắc đến đại tá Paul E. Helliwell, trưởng lưới tình báo Mỹ OSS và tướng không quân Mỹ Claire Chennault cũng từng gặp Hồ Chí Minh. Helliwell đã tặng Hồ Chí Minh sáu khẩu súng ngắn và một quân nhân Mỹ khác từng sống với Hồ Chí Minh ở chiến khu đã ngỏ lời khen như sau: "*Lúc này Hồ đang giúp chúng tôi ở trên bộ. Chúng tôi và người Pháp tính sẽ giúp ông ta trong tương lai. Tôi nghĩ ông ta sẵn sàng đứng về phe Tây phương.*"[7]

Nhưng, các giới chức Mỹ bỏ qua cơ hội này nên Hồ Chí Minh phải dựa vào Trung Cộng và do đó không những không trở thành Tito mà còn trở thành kẻ kịch liệt đả kích Tito. Tác giả ghi lại "*đài phát thanh của ông ta ở trong rừng hết lời nguyền rủa Titô, vì ông này phản Liên Xô, đi với Mỹ để lấy đôla* " theo cách gợi ý như Hồ Chí Minh không còn chọn lựa nào khác.[8]

Trong chương cuối, tác giả cho rằng Mỹ đã tiếp cận vấn đề Việt Nam một cách tiêu cực, muốn bảo vệ những tự do cho dân Việt Nam mà thực ra ở đó có tự do đâu mà bảo vệ. Theo tác giả, miền Nam dưới quyền những nhà độc tài từ Ngô Đình Diệm trở xuống, làm gì có tự do, cho nên "*... có thể nói, cách mạng đã bị mất ở vịnh Hạ Long, năm 1947-1948 khi thỏa hiệp không thỏa đáng đầu tiên được ký kết giữa Pháp và hoàng đế Bảo Đại.*"[9]

Tuy vậy, theo Robert Shaplen, trong 6 năm đầu chính quyền miền Nam cũng đạt được nhiều thành tựu. Tác giả

đánh giá Ngô Đình Diệm là người duy nhất trong số các lãnh tụ quốc gia có khả năng đương đầu với Hồ Chí Minh và kể lại một số hoạt động của nhân vật này[10].

Tác giả cũng ghi lại một chi tiết ít được nhắc tới trong các cuộc phân tích về tình hình Việt Nam thuở đó là ban đầu cả Mỹ lẫn Pháp đều không muốn trao quyền cho Ngô Đình Diệm nên không thể nói *"Mỹ bồng ông Diệm đặt vào chức thủ tướng"*, như một số người từng phát biểu.

Theo tác giả, tướng Collins, đại diện của tổng thống Mỹ Eisenhower bên cạnh Ngô Đình Diệm đã chưng hửng khi thấy Ngô Đình Diệm, đơn thương độc mã ổn định miền Nam trong những tháng đầu, khiến Mỹ phải bỏ ý định đưa bác sĩ Phan Huy Quát lên làm thủ tướng để biến Ngô Đình Diệm thành thứ quốc trưởng vô quyền như chính tướng Collins miễn cưỡng đề nghị theo tinh thần dàn hòa để lấy một quyết định trung dung thay vì loại bỏ hẳn Ngô Đình Diệm do đã coi thường những khuyến cáo và cố vấn của tướng Collins.[11]

Nhưng tác giả vẫn nghĩ là do ủng hộ những người như Bảo Đại, Ngô Đình Diệm và xua đuổi Hồ Chí Minh nên Mỹ mới sa lầy và làm mất một cuộc cách mạng cho nhân dân Việt Nam.

Quan điểm của Robert Shaplen được rất nhiều nhà báo và sử gia lập lại và trở thành một xác quyết Hồ Chí Minh đã có thể là đồng minh của Mỹ nếu chính giới Mỹ hồi đó không xoay lưng lại. Việc phải bám vào Liên Xô, Trung Cộng hoàn toàn không do ý muốn của Hồ Chí Minh mà chỉ do những thúc đẩy của tình thế khiến không còn chọn lựa nào khác. Xác quyết này có phản ảnh chính xác thực

tế tình hình Việt Nam và con người Hồ Chí Minh không? Nếu không do thiên kiến thì câu trả lời chỉ có thể là một câu phủ định. Tuy nhiên, vấn đề vẫn cần được thẩm định kỹ hơn qua sự phân tích thấu đáo về cái chất Tito của Hồ Chí Minh mà Robert Shaplen luôn tin là có.

Chú thích

1 Harper & Row, New York, 1965

2 Harper & Row, New York, 1970

3 Vì Tito chỉ trở thành "Tito" và do đó xuất hiện "chủ nghĩa Tito" vào năm 1948 là năm Tito đưa nước CS Nam tư của ông ly khai khỏi Liên Xô và "Phòng Thông Tin Quốc Tế CS" (tức Cominform, thối thân của Comintern).

4-5-6-7-8-9-11 SĐD tr.28, 29, 32, 35, 53, 38, 71, 21- 122.

10 SĐD tr. 111: "*Năm 1947 ông (Diệm) đã cố gắng khởi sự thành lập một chính đảng gọi là Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc nhắm mục đích đi đến một thể chế tự trị (dominion) trong Liên Hiệp Pháp, tương tự như các nước trong khối Thịnh Vượng Chung của Anh. Đảng này có một tờ báo hàng ngay ở Sài Gòn và một tờ ở Hànội. Chủ bút tờ Hànội bị bắt giam, chủ bút tờ Sài Gòn bị ám sát, sau đó cả hai tờ bị Pháp đóng cửa.*"

Chương 22
MICHEL TAURIAC và *Viet Nam, le dossier noir du Communisme*

Cuốn ***Le Livre Noir du communisme - Crimes, terreur, répression*** do 6 tác giả biên soạn, phát hành năm 1997 tại Paris chỉ dành vỏn vẹn 11 trang ghi về Cộng Sản Việt Nam trên tổng số hơn 800 trang. Có lẽ đây là một trong những lý do thúc đẩy Michel Tauriac, nhà văn và nhà báo nổi tiếng của Pháp viết tác phẩm ***Viet Nam, le dossier noir du communisme de 1945 à nos jours - Hồ Sơ Đen Việt Cộng***, tựa đề Việt ngữ do chính tác giả dịch.[1]

Michel Tauriac là một tác giả Pháp biết rất nhiều về Việt Nam và coi Việt Nam như quê hương thứ hai. Việt Nam đã là nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm của tác giả như ***Jade, La Tunique de soie, La Nuit Du Tết***... Hầu hết tác phẩm của Michel Tauriac là sáng tác và đã có 3 tác phẩm được giải thưởng văn học.

Viêt Nam, le dossier noir du communisme là tác phẩm thứ 20 của tác giả. Trong tác phẩm này, Michel Tauriac

trưng dẫn hàng trăm tác giả và nhân chứng để thiết lập một hồ sơ Cộng Sản Việt Nam về mọi mặt: sinh mạng, tài sản, sự đói khổ, sự mất tự do của dân chúng bên cạnh sự lộng hành, đàn áp, tham nhũng, sa đọa... của các cấp lãnh đạo đảng và chính quyền tại Việt Nam với điểm nổi bật là trách nhiệm trực tiếp của Hồ Chí Minh trước thực trạng trên. Tác giả mở đầu cuốn sách 20 chương, dày 260 trang bằng câu: "*Ngày ấy các bạn Việt Nam của tôi đã khóc. Họ đã khóc, kể cả những người không khóc vào ngày 30 tháng Tư năm 1975, khi Sài Gòn đầu hàng.*"

Ngày mà tác giả nhắc ở đây là ngày 30-4-2000, một phần tư thế kỷ sau ngày Sài Gòn thất thủ. Tauriac nói rằng những người bạn Việt Nam của tác giả đã khóc vì những đau khổ triền miên mà nhân dân Việt Nam phải chịu đựng trong thời gian qua, trong khi đáng lý họ phải được hưởng hòa bình hạnh phúc.

Tác giả nhấn mạnh là đã có những người không khóc hoặc còn cười vui trong ngày 30-4-1975, nhưng tới ngày 30-4-2000 thì không ai kìm nổi nước mắt vì sau một phần tư thế kỷ, tất cả đã thấy rõ cảnh sống ác nghiệt lầm than tận cùng của người dân Việt Nam dưới chế độ chuyên chế cực quyền cộng sản.

Nói về sức chịu đựng vô bờ của người dân Việt Nam trước đói nghèo, bệnh tật, khổ nhục, đau thương, chết chóc... tác giả viết: "*Người Việt Nam có một nghệ thuật và cách thức tài tình để che giấu sự khốn cùng của mình trong chiếc mặt nạ tươi rói*".

Dù coi Việt Nam là quê hương thứ hai, Tauriac vẫn chưa vượt nổi cảm quan của người đứng bên ngoài nên đã

nghĩ cách biểu lộ đó là cái tài của người dân. Một người Việt Nam sống trong lòng chế độ Cộng Sản hơn nửa đời người là nhà báo Việt Thường thì cho rằng chế độ đã biến người dân thành nô lệ, bảo cười phải cười, bảo khóc phải khóc. Đón rước khách nước ngoài thì mọi người phải *nhất trí* nhe răng cười, *nhất trí* vẫy cờ; *nhất trí* hô khẩu hiệu; đi đứng hàng ngũ chỉnh tề như lính diễn hành. Việt Thường viết: "*Chỉ có một tập hợp những nô lệ mới nhất trí trong mọi biểu lộ mà chủ nô quy định*."

Trong chương ba, Michel Tauriac trích lời nhà văn Nga Alexander Solzhenitsyn nói trên đài truyền hình Pháp Quốc số 2, ngày 10-4-1975, đúng 20 ngày trước khi cộng quân chiếm Sài Gòn tiên đoán "*Việt Nam sẽ trở thành một nhà tù rộng mênh mông*".[2]

Tauriac nhắc tới nhiều chứng nhân để bác bỏ con số 50 ngàn tù do Hà Nội nêu ra và ghi lại con số tối thiểu được các chứng nhân ước lượng năm 1978 là 800 ngàn trên tổng số 20 triệu dân của miền Nam bị tống vào các trại cải tạo.

Tauriac viết: "*Tại miền Nam Việt Nam, nơi mà cứ một gia đình ba người, cách này hay cách khác, đều phải liên hệ đến việc học tập cải tạo cho dù chỉ trong một tháng thôi cũng đủ cho những người dễ tin nhất hiểu rằng thứ chính trị gọi là khoan hồng chỉ là một cái kế*".[3]

Về đời sống trong tù, Tauriac ghi lại ... "*70 hoặc 80 người bị nhét vào một xà lim dành cho 20 người với một cái lỗ đào dưới đất để tiểu tiện, một chút nước với chút gạo đỏ trộn sạn làm thức ăn, nước uống nhiễm độc và rất hiếm hoi, không thuốc men, không một tấm mền che gió bấc lạnh thấu xương ở vài vùng, không thư từ, không thăm viếng ...*

Việc lao động khổ sai bất kể tuổi tác (nhiều khi cải tạo già hơn 70 tuổi) dưới mặt trời thiêu đốt hay trong gió mùa khốc liệt... không khác trại trừng giới Xô Viết từng được mô tả trong ***L'Etat criminel*** *(của Yves Ternon)...*

Kẻ hành hạ "không cần nghe nạn nhân giải thích lý do hành động của mình, cũng không cần nêu bất kỳ lý do nào để cho nạn nhân biết tại sao họ bị giết". Tại Việt Nam, cán bộ tuyên bố với tù nhân là mình được đào tạo để trừng trị cặn bã của xã hội tư bản bằng cách tận diệt chúng... Đảng đã ra lệnh như thế. Đây chỉ là vấn đề bổn phận".[4]

Những nạn nhân thoát khỏi nhà tù sau một thời gian nào đó cũng không thể gọi là đã trở về với cuộc sống bình thường.

Bởi vì, ngoài đủ thứ bệnh nan y mà đời sống ngục tù gieo vào thân xác họ, còn là cảnh ngộ bơ vơ, không có một phương tiện nào để sinh sống. Gia đình họ đã bỏ trốn bằng tàu hay đã bị lột sạch của cải, nhà cửa trong lúc họ nằm trong trại cải tạo.

Michel Tauriac kể lại trường hợp chính ông đã gặp trên đường phố Sài Gòn: *"Tôi còn nhớ mãi về Phạm mà tôi gặp khi ông ta ngồi trên vỉa hè Sài Gòn với chiếc cân cá nhân đặt trước mặt. Đó là đồ nghề kiếm sống của ông ta. Gầy nhom, lưng khòm, da cháy nắng, mắt kéo mây ngầu đục. Một lão già. Nhưng chỉ mới vừa bốn mươi tám tuổi. Cựu đại úy pháo binh, mười một năm cải tạo. Khi về nhà, không còn vợ con. Họ đã vượt biên trên một chiếc bè và biệt vô âm tín. Không còn mái nhà, không còn đời sống. Tìm được chiếc cân dưới đống lá trong khu vườn hoang của một căn nhà đổ nát là phép lạ. Tôi còn nhớ mãi nụ cười tội nghiệp của ông ta khi tôi nhận lời đặt*

chân lên chiếc cân... để cân cái thân hình nuôi dưỡng đầy đủ và hạnh phúc của một nhân chứng hoàn toàn bất lực...

Những người như thế đầy rẫy ở Sài Gòn mười lăm năm sau "ngày giải phóng". Họ nằm sát nhau trên các bến của con sông cùng với những người vừa trốn khỏi các "vùng kinh tế mới"... Thỉnh thoảng, người ta đẩy ra một hoặc hai người cuộn tròn trong chiếc chiếu, đặt lên một chiếc xích lô thường do một "cựu cải tạo" như họ để chở họ đi một chuyến cuối cùng."[5]

Nhưng bệnh hoạn, lang thang, đói khổ vẫn chưa phải là điều đáng kể. Bao trùm lên cuộc sống của những người này là cái thân phận đã bị đóng dấu ngụy quân, ngụy quyền hoặc phản cách mạng... để phải co ro sau những bức màn sắt vô hình thường xuyên đe dọa từng cử chỉ, lời nói và bất kỳ lúc nào cũng có thể bị tống trở lại nhà tù. Michel Tauriac đã không giấu nổi cảm giác chua chát khi nhắc tới một điều vẫn được nghe thấy từ cửa miệng nhiều người: "*Nếu Hồ Chí Minh còn sống...*"

Michel Tauriac nhắc lại ý nghĩ của cựu đại tá Cộng Sản Bùi Tín là người đã thấy rõ mặt trái lừa đảo của chế độ nên phải bỏ gia đình thân thích trốn đi, nhưng ngay tại Paris vẫn chưa hết thắc mắc "*nếu Hồ Chí Minh còn sống tới năm 1975, có thể sẽ không có các trại cải tạo?*"

Michel Tauriac đã nêu một loạt tài liệu để xác quyết trên thực tế, người phát minh ra các trại cải tạo chính là Hồ Chí Minh chứ không phải ai khác.

Chương tiếp nối, tác giả nhắc lại cuộc gặp gỡ Nguyễn Thị Bình tại Paris năm 1973. Thuở đó, Nguyễn Thị Bình với tư cách Bộ Trưởng Ngoại Giao Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam đã khẳng định với tác giả: "*Không,*

thưa ông, tôi không phải Cộng Sản". Theo tác giả tháng 4/1959, khi lên nắm quyền tại Cuba, Fidel Castro cũng tuyên bố với một nhà báo Mỹ: *"Tôi nói một cách rõ ràng và khẳng định là chúng tôi không phải Cộng Sản"*.

Tác giả nhắc thêm nhiều sự kiện và lời tuyên bố của từ Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng... tới những thủ hạ cấp thấp như Nguyễn Khắc Viện để xác định *nói dối là thuộc tính* của Cộng Sản. Trên thực tế, khi cần che giấu thì họ phủ nhận tính chất Cộng Sản, khi không cần hoặc không thể che giấu thì họ dùng lời lẽ tốt đẹp tô điểm cho Cộng Sản những màu sắc tuyệt vời nhất chẳng hạn tờ *Độc Lập* của Việt Minh số ra ngày 2-9-1945 nói Hồ Chí Minh thuộc một tổ chức cách mạng quốc gia, trong khi tờ Nhân Dân xuất bản tại Hà Nội ngày 27-1-1955 cho biết *"Hồ Chủ Tịch tuyên bố đảng cộng sản chẳng những không loại trừ tôn giáo mà còn bảo vệ nó ."*

Hồ Chí Minh thuộc tổ chức quốc gia nào không còn là vấn đề cần bàn nên nơi chương 14, tác giả trưng dẫn tác phẩm ***Le temps des chiens muets*** của giám mục Paul Seitz, vị giám mục Pháp cuối cùng tại Việt Nam để mọi người thấy rõ cách bảo vệ tôn giáo của Hồ Chí Minh là quốc hữu hóa các chủng viện, chỉ định cư trú cho các linh mục, tống vào nhà tù một số với tội danh gián điệp, phản quốc, trong khi một số khác bị bắt cóc, thủ tiêu và ngăn cấm giáo dân tới các giáo đường... Tác giả cũng ghi lại lời tuyên bố của Phạm Văn Đồng với Tổng Giám Mục địa phận Sài Gòn Nguyễn Văn Bình: *"Tôi đọc Phúc Âm nhiều lắm. Tôi nhận thấy lời dạy của Chúa Giê-Su hoàn toàn phù hợp với chủ nghĩa xã hội."*[6]

Toàn bộ chương 14 ghi lại các sự kiện thực tế tại Việt Nam đối chiếu với nhiều lời tuyên bố tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân do Hồ Chí Minh và những thủ hạ thân cận đưa ra từ 1945 tới 2000, trong đó có nhiều con số nạn nhân bị tàn sát chỉ vì là tín đồ Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo hoặc Tin Lành ...

Tác phẩm của Michel Tauriac còn nhắc nhiều thảm trạng khác diễn ra dọc thời kỳ lịch sử Việt Nam có sự xuất hiện của Hồ Chí Minh và Cộng Sản. Từ những cuộc thanh toán đẫm máu nhắm vào các phần tử đảng phái không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản hồi 1945 qua cuộc cải cách ruộng đất man rợ 1953-1955 tới những vụ tàn sát kinh hoàng trong chiến tranh năm 1968 tại Huế, Quảng Ngãi, năm 1972 tại Quảng Trị... rồi trại tù mọc như nấm trên khắp nước, cư dân thành phố được *"tái phối trí"* bằng cách lùa lên các vùng rừng hoang khô khốc được mệnh danh là *"kinh tế mới"*, cảnh những người lén lút vượt biên chen chúc nhau trên nhiều bờ bãi bất chấp sự đe dọa của tù đầy và cả cái chết do sóng gió biển khơi hay hiểm họa hải tặc...

Theo Michel Tauriac, thực ra không chỉ từ 1945, Cộng Sản mới bắt đầu nhúng tay vào máu đồng bào mình mà *"cuộc tàn sát bắt đầu từ năm 1931. Nhà cầm quyền thực dân thời đó không thể can thiệp. Các địa chủ phải trả giá trước tiên. Đảng Cộng Sản Đông Dương non trẻ có trụ sở chính ở Hải Phòng đã thúc đẩy đám đông nông dân khốn khổ miền Bắc đến chỗ giết chết mấy trăm địa chủ tại Nghệ Tĩnh, sinh quán của Hồ Chí Minh và Quảng Ngãi đến nỗi kích động ngay cả bầy trẻ con tham dự "*.[7] Đó là thời điểm Cộng Sản thúc đẩy các cuộc nổi dậy thực hiện khẩu hiệu *"trí phú địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ "*.

Tác giả dành hẳn chương 11 nói về những thảm họa chung mà nhân dân Việt Nam phải chịu đựng do cuộc chiến gây nên. Không chỉ có 600 ngàn thương phế binh trong hàng ngũ Cộng quân mà có tới 4 triệu người tàn phế theo ghi nhận của tướng Trần Độ, chỉ riêng về phía Cộng Sản.

Trong khi đó một thảm trạng xã hội chưa từng có trong lịch sử nhân loại đã kéo dài cho tới nay ở Việt Nam: nhiều bà mẹ quá nghèo phải đem con đi bán, nhiều người khác đã cho heo ăn bào thai của mình. Trung bình cứ 100 người mang thai thì 50 người phá. Về giáo dục thì ngay tại Sài Gòn, 26% không được đi học. 400 ngàn thiếu niên không có bằng tiểu học và 200 ngàn hoàn toàn mù chữ.

Theo báo *Lao Động* của Nhà Nước Cộng Sản, trong năm 1997, vùng châu thổ Cửu Long giầu nhất miền Nam mà có tới 45% thất học và 50% trẻ con trên 5 tuổi không được đi học.

Michel Tauriac nhắc đến vụ thảm sát Mỹ Lai với 500 nạn nhân bị giết bởi một đơn vị lính Mỹ mà cả thế giới nghiêm khắc lên án để thấy tội ác trên chỉ như một chấm nhỏ trên tấm màn đen tội ác mênh mông của chế độ Cộng Sản Việt Nam.

Tác giả đã phát biểu "*không có gì để biện giải cho tội ác Mỹ Lai. Cũng không có tội ác nào dù hung bạo hay ti tiện hơn gấp cả trăm lần có thể xóa bỏ một tội ác khác nhỏ hơn. Nhưng sao lại có sự im lặng lạ lùng trước những tội ác tột cùng của Cộng Sản Việt Nam với đồng bào của họ? Phải chăng vì không thể gán những tội ác này cho mấy cái tên quen thuộc như Hitler hay Pinochet*"[8] - bởi tất cả đều dính tới một cái tên khác mà nhiều người đã lỡ có lần lớn tiếng ca ngợi?

Michel Tauriac, theo tiết lộ của bác sĩ Nguyễn Ngọc Qúy chủ tịch Viện Đông Nam Á ở Paris, cho biết cái con người mà nhiều người ca ngợi đó đã chuẩn bị ướp xác cho mình từ hai năm trước khi qua đời, nhưng đến phút cuối vẫn tạo ra một bản di chúc đầy lời lẽ xảo trá để thực hiện màn lường gạt cuối cùng trước dư luận.

Dù tới phút này dư luận chưa chịu thú nhận sự nhẹ dạ cả tin vì bất kỳ lý do gì, nhất là những người đã bị chi phối đậm đà bởi các trò lường gạt thì trước sau sự thực vẫn phải được nhìn nhận là Hồ Chí Minh chính là người chịu mọi trách nhiệm về những thảm cảnh đau thương của dân tộc Việt Nam suốt nửa thế kỷ qua.

Bom đạn Mỹ, thậm chí hóa chất khai quang hay sóng gió biển khơi và ngay cả những tên hải tặc đều chỉ là các tội phạm thứ yếu do tình huống thực tế đẩy đưa mà thôi.

Tất cả những tội phạm đó không thể xóa nhòa hình bóng của kẻ đã đẩy xã hội Việt Nam vào cảnh ngộ thực tế hiện nay, *một xã hội công an lúc nhúc như rắn rết, linh mục bị đàn áp, tăng sĩ bị tấn công, trẻ ăn xin đầy đường phố, giới trẻ không phương hướng, bắt giam người không cần xét xử, nhà văn bị cấm viết những gì cần viết, nhà báo nhận lệnh phải viết bất cứ thứ gì, quan chức tham ô nhét tiền đầy túi trong khi dân chúng luôn quằn quại với cái bụng trống không ....* (**9**)

Michel Tauriac chỉ nhắm ghi lại những sự kiện bi đát đã xảy ra trong cái xã hội đó nhưng tác phẩm ***Viet Nam, le dossier noir du communisme de 1945 à nos jours***, đã chứa đựng lời giải đáp hùng hồn nhất cho những người tới giờ này còn đang quay cuồng với nỗi thắc mắc: *Nếu Hồ Chí Minh còn sống ....*

Chú thích

1 Nxb Plon, Paris, 2001. Bản dịch Việt ngữ của Nguyên Văn xuất bản tại Mỹ năm 2003.

2-3-4-5 SĐD, bản tiếng Việt, tr. 36, 37, 45, 47-48.

6-7-8-9 SĐD, bản tiếng Việt, tr. 201, 267-268, 285-286, 308.

Chương 23
P. J. HONEY và *Communism in North Việt Nam*

Giáo sư P. J. Honey, người Anh, chuyên gia về cộng sản Việt Nam từng giảng dậy về môn này bằng tiếng Việt tại trường đại học Luân Đôn đồng thời cũng là cố vấn của Ban Việt Ngữ đài BBC Luân Đôn trong một thời gian dài. Ông cũng là người viết lời giới thiệu cuốn ***From Colonialism to Communism***[1] của kỹ sư Hoàng Văn Chí.

Hai tác phẩm của P.J Honey về vấn đề cộng sản Việt Nam, ***North Việt Nam Today***[2] và ***Communism in North Việt Nam***[3] phát hành trong 2 năm 1962-1963, đã nêu khá rõ nhận định của tác giả về Hồ Chí Minh.

North Việt Nam Today - Bắc Việt Ngày Nay thực ra là một tập hợp bài viết của nhiều tác giả đề cập tới nhiều vấn đề tại miền Bắc Việt Nam do P.J Honey chọn lựa:

1- Như Phong Lê Văn Tiến viết về *văn nghệ sĩ, trí thức miền Bắc*

2- Nguyễn Ngọc Bích trình bày *một quan điểm độc lập về Việt Nam*

3- Hoàng Văn Chí viết về *Chế độ hợp tác hóa nông nghiệp và sản xuất lúa gạo*

4- Philippe Devillers viết về *Cuộc đấu tranh thống nhất Việt Nam*

5- P.J. Honey viết về *Ban lãnh đạo Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà và việc kế vị Hồ Chí Minh*

6- Bernard B. Fall viết về *Quyền Lực và các nhóm áp lực tại Bắc Việt*

7- Gerard Tongas viết về *Nhồi sọ thay cho giáo dục*

8- William Kaye viết về *Kinh tế Bắc Việt*

9- George Ginsburgs viết về *Chính quyền địa phương và hành chánh quản trị dưới thời Việt Minh, 1945- 1954*.

Communism in North Việt Nam - Chế độ Cộng Sản tại Bắc Việt gồm 5 chương nhận định một số khía cạnh khác nhau của chế độ Cộng Sản tại miền Bắc Việt Nam:

- *Chương 1*, những nhân tố ảnh hưởng đến các chính sách của Bắc Việt.

- *Chương 2*, ban lãnh đạo (Hồ, Đồng, Giáp, Chinh, Duẩn và sự đối địch giữa Trường Chinh - Võ Nguyên Giáp.

- *Chương 3*, từ lệ thuộc Trung Cộng đến trung lập trong khối Cộng.

- *Chương 4*, con đường khó khăn ở giữa.

- *Chương 5*, hai cuộc khủng hoảng Xô Viết - Cuba, Trung - Ấn và sau đó.

Trong ***North Việt Nam Today***, P. J. Honey xác quyết Hồ Chí Minh đã bán cụ Phan Bội Châu cho mật thám Pháp và đưa ra 3 lý do để bào chữa cho hành động này: *"Việc Hồ Chí Minh bán đứng nhà ái quốc nổi tiếng Phan Bội Châu cho Pháp lúc ấy đang sống lưu vong tại Trung Hoa minh họa chân*

dung (cá tính) đích thực của con người đó. Sau này ông ta đã chứng minh cho đồng nghiệp thấy đó là việc làm chính đáng bằng cách nêu 3 lý do thúc đẩy ông ta hành động như thế:

Thứ nhất, Phan Bội Châu không phải cộng sản mà là người "quốc gia" và có thể sẽ là đối địch với cộng sản trong kế hoạch kiểm soát phong trào kháng chiến chống Pháp. Phản Phan Bội Châu là loại bỏ được một đối thủ tương lai.

Thứ hai, món tiền thưởng nhận được của Pháp có thể được dùng một cách tối ưu để phát triển phong trào Cộng Sản Việt Nam.[4]

Thứ ba, việc Pháp xử tử Phan Bội Châu sẽ tạo nên một không khí phẫn nộ mạnh trong nước lúc ấy đang cần có.

Với ghi nhận đó, P.J. Honey kết luận: "Biện luận kiểu đó chứng tỏ không còn nghi ngờ rằng Hồ cực đoan, tàn nhẫn và có óc tính toán."[5]

Với tư cách một học giả nổi tiếng thế giới và một chuyên viên về vấn đề Việt Nam, P. J. Honey đã ghi lại một cảnh sống của người dân Bắc Việt sau cải cách ruộng đất ngoài hẳn mọi mức độ tưởng tượng: *"Tại một vài vùng quê, vì thiếu vải, ngay cả phụ nữ cũng phải bất đắc dĩ ở trần, để cả vú ra, là điều phụ nữ Việt Nam rất lấy làm xấu hổ, nhục nhã, chẳng kém gì đàn bà Âu Mỹ."*[6] Thực ra, một người từng sống trên chục năm tại miền Bắc sau 1954 là nhà văn Xuân Vũ đã ghi lại trong các sáng tác của mình hai câu "*ca dao mới*":

May quần để vú tô hô,
May áo thì để bộ đồ em ra.

Với Xuân Vũ, người đọc có thể nghĩ hai câu "*ca dao mới*" kia chỉ là sản phẩm do óc sáng tạo đượm tính hài hước của một tiểu thuyết gia chứ không thể là hình ảnh của thực tế.

Nhưng qua ghi nhận của P. J. Honey, vấn đề bắt buộc phải được hiểu ngược lại. Hơn nữa, P. J. Honey còn nêu thêm nhiều chi tiết về cái thực cảnh không tiền khoáng hậu này qua những giới hạn về việc mua bán nhu yếu phẩm của người dân.

Trong trường hợp có tiền để mua vải thì cũng phải có điều kiện mới mua nổi, nhất là khi cần có số vải ngoài *"mức khẩu phần" qui định*: *Trên nguyên tắc, người dân có thể được mua vải đặc biệt để liệm người chết hoặc để may áo cưới lúc làm lễ thành hôn. Nhưng trong thực tế có những áp lực mạnh mẽ để ngăn cản việc này, khiến hầu hết mọi gia đình đều phải tình nguyện bằng lòng với khẩu phần thường lệ*".[7]

Tác giả đưa ra một nhận định khá độc đáo về lý do tồn tại của chế độ Cộng Sản Bắc Việt khi cho rằng *"nếu chế độ cộng sản miền Bắc đổ, Trung Cộng sẽ can thiệp để lập một chế độ mới còn tệ hại hơn nữa. Đó là lý do thực sự tại sao cộng sản Việt vẫn tiếp tục cầm quyền. Nếu cộng sản Trung Quốc đổ, thì cộng sản Việt khó sống sót được vài ngày."*

Tìm hiểu về thành phần ban lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam và người sẽ kế vị Hồ Chí Minh, tác giả chia 11 Ủy Viên Bộ Chính Trị thành 3 nhóm: thân Nga, thân Trung Cộng và trung lập. Tác giả phân tách một số biến cố thời sự rồi xếp Trường Chinh, Nguyễn Duy Trinh (và Lê Đức Thọ với sự dè dặt) vào phe thân Trung Cộng. Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng (và Phạm Hùng với sự dè dặt) vào nhóm thân Nga. Các nhân vật như Hoàng Văn Hoan, Lê Thanh Nghị được coi là những chuyên viên về ngoại giao và kinh tế được tác giả xếp vào nhóm trung lập, đứng ngoài cuộc tranh chấp và sẽ nghiêng theo phe thắng.

P.J. Honey nêu nhận định này dựa trên những biến cố cách đây hơn bốn mươi năm và không thể có cơ sở cụ thể vững chắc về tương quan cũng như hướng nhắm của từng cá nhân nên không phản ảnh đúng với thực tế sau đó. Tuy nhiên xác quyết của tác giả về uy thế lãnh đạo và vai trò trọng tài hòa giải của Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên được tính chính xác.

Việc đề cao vai trò Hồ Chí Minh trên chính trường Bắc Việt của tác giả cũng là lời xác nhận Hồ Chí Minh luôn luôn thực sự điều khiển mọi việc và chính là người chịu toàn bộ trách nhiệm về các chính sách của đảng cộng sản và nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trước đây và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ngày nay.

Vai trò của Hồ Chí Minh cũng được coi như kết quả đương nhiên của cái thế đi dây mà chế độ Cộng Sản Bắc Việt bắt buộc phải chọn lựa trước cuộc tranh chấp Liên Xô - Trung Cộng diễn ra quyết liệt vào lúc đó.

Tác giả ghi lại việc xảy ra trong đại hội các đảng cộng sản thế giới vào tháng 11 năm 1960 ở Mạc Tư Khoa: *"Thật là lý thú để ghi nhận rằng, ông Hồ hơn bất cứ lãnh tụ cộng sản nào khác đang dự đại hội, đã không ngừng làm hết cách không mệt mỏi để đưa hai đảng Nga Trung Cộng lại với nhau. Hòa giải 2 bên là điều bất khả thi vì sự chia rẽ quá lớn. Vì vậy ông chỉ nhằm mục đích thuyết phục hai bên cố che giấu sự bất đồng đừng để cho thế giới không cộng sản thấy. Điều này có nghĩa là phải làm sao để bản tuyên bố chung cuộc của đại hội được cả hai bên chấp nhận và đồng ký tên, và Hồ đã dàn xếp để có những buổi họp của hai phái đoàn đàn anh cho mục đích ấy."*

Theo tác giả thì Hồ Chí Minh đã thành công, vì cuối cùng phái đoàn Trung Cộng chịu ký vào bản tuyên bố chung cuộc. Nếu Trung Cộng không ký, Bắc Việt sẽ bị đặt trước một lựa chọn nguy hiểm, ký hay không?

Ký tức là chống Bắc Kinh còn không ký tức là chống Liên Xô. Thời ấy nhiều nhà quan sát đã khen Hồ Chí Minh tỏ ra cực kỳ khôn khéo để có thể tiếp tục giữ vững thế đi dây giữa hai đàn anh đang kình chống nhau.

Trong số 9 tác giả của ***North Việt Nam Today***, sử gia nổi tiếng của Pháp Gérard Tongas là người đã chọn ở lại miền Bắc sau 1954 để hợp tác với cộng sản trong một thời gian 7 năm. Cả hai vợ chồng Gérard Tongas đều là giáo sư trường trung học Chu Văn An, Hà Nội. Tongas dạy Pháp Văn còn bà vợ dạy Anh Văn. Bài viết của Tongas mang tựa đề ***Indoctrination replaces Education - Nhồi sọ thay cho giáo dục***.

Lúc đó, Tongas cũng đã có một tác phẩm về đề tài Việt Nam, ***J'ai vécu dans l'enfer communiste au Nord Việt Nam et j'ai choisi la liberté - Tôi đã sống trong hỏa ngục cộng sản Bắc Việt và đã chọn tự do.***

Tongas hoàn thành tác phẩm này ngay sau khi rời Bắc Việt. Tongas vốn được giới cầm quyền Cộng Sản Bắc Việt tin cậy nên đã có cơ hội biết rõ nhiều điều bí mật của chế độ để đi tới quyết định phải xa lánh nó.

Trong bài viết chỉ gồm vỏn vẹn 12 trang, tác giả cho biết: *"Đối với Việt Cộng, những danh từ văn hóa, giáo dục và dậy học chỉ có một nghĩa là nhồi sọ. Tại Bắc Việt, một người có văn hóa tương đối hay có giáo dục, có chút học vấn là người đã bị liên tục nhồi nhét ý thức hệ Mác Xít Lêninít, là kẻ không còn*

suy nghĩ cho riêng mình mà chỉ biết chấp nhận toàn bộ như sách thánh những khái niệm được nhồi nhét vào đầu một cách có hệ thống bằng một thứ tuyên truyền cẩn thận, khéo léo dần dần."[8]

Hiểu biết về chủ nghĩa là tiêu chuẩn tuyển chọn sinh viên vào đại học nên trình độ kiến thức tổng quát hết sức tệ hại. "*Hầu hết giáo sư đều rất kém cỏi, hoàn toàn không đủ khả năng. Gần như tất cả giáo sư đều là cán bộ. Một vài người thực sự có khả năng trình độ là những biệt lệ hiếm hoi.*"[9]

Cộng Sản thường tự hào khoa trương họ đã có công đầu trong việc xóa nạn mù chữ ở Việt Nam. Theo Gérard Tongas, họ chỉ lợi dụng chiến dịch này để nhồi nhét cho đám đông những khẩu hiệu chính trị, như "*Hồ chủ tịch muôn năm*", "*đảng Lao Động Việt Nam muôn năm*", "*Hòa bình muôn năm*", "*Đế quốc Mỹ và tay sai nhất định sẽ thua*", "*các đồng chí Liên Xô muôn năm*" vv... hầu hết những người đi học không biết gì hơn những khẩu hiệu tương tự như thế.

Tác giả nêu rõ một lý do dễ dàng gây xúc động cho những khách ngoại quốc viếng thăm các lớp học chống mù chữ là thành phần học sinh và những cảnh trình diễn.

Nhìn qua những ông già bà cả tay run run nắn nót nét chữ, hay những em bé bặp bẹ những tiếng "*i, tờ*"... với sự giúp đỡ tận tình của các công nhân không ngần ngại hiến dâng cả buổi tối đáng lẽ được nghỉ ngơi sau một ngày lao động cực nhọc, ai mà không xúc động? "*Nhưng khi người ta có thể bàn chuyện tự do với những học viên hay giảng viên đó về chiến dịch chống nạn mù chữ, và theo dõi công việc của họ - như tôi có nhiều thì giờ để làm việc đó - thì sự thực đã quá chán chường. Vì vậy càng ngày lớp học càng trở nên buồn tẻ và*

những giảng viên tình nguyện cũng sớm rút lui. Chỉ còn một số cán bộ và giảng viên được chỉ định cố gắng duy trì các lớp đó."[10]

Trong những năm cải cách ruộng đất, nhất là sau vụ nổi loạn của nhân dân Ba Làng, Quỳnh Lưu ở Việt Nam và nhân dân Budapest bị đàn áp dã man, thanh niên Hà Nội xôn xao bàn tán và không ít người đã có ý định tổ chức biểu tình chống đối, nhưng rồi cơ hội vuột đi, không thực hiện được.

Dù vậy, theo tác giả, giới trẻ không còn hướng về Hồ Chí Minh như trước nữa. Một hình ảnh thực tế được nhắc tới là những bức chân dung Hồ Chí Minh ở nhiều nơi bắt đầu bám bụi vì không còn ai nghĩ tới lau chùi. Và *"theo tôi, giới trẻ nóng lòng mong đợi miền Nam, hy vọng trong đó sẽ ra giải phóng cho họ. Họ đặt tất cả niềm hy vọng nơi sự can thiệp của miền Nam và có vẻ thích thú quan tâm đến những tiến bộ về kinh tế xã hội và sự phát triển chung trong đó."*[11]

Thời gian này miền Nam đang sống dưới chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa.

Trong ***Communism in North Việt Nam***, giáo sư Honey cho biết sở dĩ một số ủy viên trung ương đảng Lao Động (tên gọi đảng Cộng Sản Việt Nam lúc đó) đã không được nêu tên hay lý lịch vì vào thời điểm đó những người này đang trực tiếp chỉ huy cuộc chiến chống chính quyền miền Nam. Dưới phần cước chú tác giả nêu rõ: *"Sau khi hiệp định về nền "trung lập" của Lào được ký kết vào tháng 7 năm 1962 một nhân vật cao cấp của phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã vô ý tiết lộ trước mặt các phóng viên quốc tế rằng có những thành viên bí mật trong Trung Ương*

đảng Lao Động đang điều khiển các cuộc hành quân ở trong Nam. Ông ta nêu tên 4 người - Phạm Văn Đang, Nguyễn Văn Cúc, Lê Toàn Thư, và Phạm Thái Bường - và cho người nghe có cảm tưởng là còn những người khác nữa. Việc này đã được loan tải trên nhiều báo, nhưng trước tiên người ta thấy trên tờ The Sunday Telegraph - Tin Điện Chủ Nhật, Anh) ngày 29-7-1962."[12]

Về sự lãnh đạo và uy quyền của Hồ Chí Minh trong Đảng cũng như Nhà Nước ở Hà Nội, tác giả viết: "*Chỉ một mình ông (Hồ) quyết định những vấn đề chính trị cao cấp, còn những kẻ khác, kể cả các ủy viên bộ chính trị, chỉ có việc chấp nhận và tuân hành mệnh lệnh của ông về các vấn đề liên quan...*"

Tác giả giải thích cách thức Hồ Chí Minh vận dụng để nắm quyền uy như sau: "*Bằng cách khai thác sự đối địch giữa các ủy viên bộ chính trị...Khi nào ông ta muốn thay đổi một chính sách đang áp dụng để chuyển sang một chính sách khác, ông ta chỉ việc rút sự ủng hộ của cá nhân ông đối với những kẻ đang ủng hộ chính sách đó, để quay ra ủng hộ người nào mạnh nhất trong nhóm chủ trương chính sách đối lập. Vì phải nương nhờ vào quyền lực chính trị và ảnh hưởng của ông Hồ mà tồn tại, các ủy viên bộ chính trị không có lựa chọn nào khác hơn là phải theo quyết định của ông ta.*"[13]

Tác giả nêu thêm một lý do nữa:"*Các lãnh tụ cộng sản Việt Nam khác, mà hầu hết nằm trong bộ chính trị đương thời, rõ ràng không có khả năng tự mình lãnh đạo đảng. Có lẽ điều này chẳng đáng ngạc nhiên vì ông Hồ có kinh nghiệm nhiều mặt trong các vấn đề chính trị quốc gia và quốc tế, những kẻ khác biết rất ít về thế giới bên ngoài*".[14]

Chương 3, trong đoạn nói về xung đột nội bộ đảng, P. J. Honey nêu một sự thật có thể khiến nhiều người đọc ngạc nhiên về sự bày tỏ thái độ của người dân trong một xứ sở mà tuyên truyền cộng sản hoàn toàn chế ngự hết thẩy: *Tin đồn ông Hồ chết (hay mất tích) hồi ấy đã không làm người dân buồn. Trái lại họ "vui mừng vì ít nhất một bạo chúa đã biến mất."*[15]

Mức thông hiểu tình hình Việt Nam khiến Honey không ngạc nhiên về tâm trạng của người dân nên khi nêu sự việc trên, có lẽ tác giả chỉ muốn nhấn mạnh về sự thiếu hiệu quả hoàn toàn của những nỗ lực tuyên truyền mà Cộng Sản nỗ lực theo đuổi.

Tác giả cũng nêu một sự việc cho thấy không phải lúc nào Hồ Chí Minh cũng tự chủ nổi trong mọi quyết định. Trưng dẫn nhật báo *Nhân Dân*, tiếng nói chính thức của Đảng Cộng Sản Việt Nam xuất bản tại Hà Nội, các số ngày 23-4, 5-5, 8-5-1958, P.J. Honey cho thấy Hồ Chí Minh đã có một thay đổi thái độ hết sức đột ngột so với chỉ hai tuần trước đó. Vì chỉ chưa đầy hai tuần trước đó, Hồ Chí Minh đã lên tiếng ca ngợi Tito thì lúc này báo *Nhân Dân* tại Hà Nội lại lên tiếng đả kích Tito. Sự việc xảy ra chỉ do báo *Nhân Dân* của Trung Cộng xuất bản tại Bắc Kinh trong số ra ngày 2-5-1958 đã kết án Tito là kẻ theo chủ nghĩa xét lại, xa rời con đường đấu tranh được chủ nghĩa Mác-Lê chính thống vạch ra.

Tất nhiên, đây không phải lần đầu Hồ Chí Minh cho các cán bộ truyền thông dưới quyền đả kích Tito, nhưng điều được P.J. Honey ghi lại cũng có thể coi là một nhắc nhở

đáng suy nghĩ với những người vẫn chủ trương Hồ Chí Minh còn Tito hơn cả Tito.

Chú thích

[1] Xin xem *Phản Tỉnh Phản Kháng Thực Hay Hư* của Minh Võ chương về tác phẩm này.

[2] Praeger, New York, xuất bản 1962.

[3] Viện *đại* học kỹ thuật Massachuset - MIT, xuất bản 1963.

[4] Món tiền *được* ghi là lên *đến* 100 ngàn *đồng*. Lúc ấy chỉ với 5 *đồng* có thể mua một con trâu.

[5-6-7-8-9-10-11] *North VN Today*, tr. 4, 11, 21, 93, 96, 98, 103.

[12-13-14-15] *Communism in North VN* tr.21-22, 23, 25, 55-56.

Chương 24
PHILLIP B. DAVIDSON và *Vietnam At War*

Phillip B. Davidson là đại tướng 3 sao của Quân Lực Hoa Kỳ, phụ tá tư lệnh Quân Đội Mỹ ở Sài Gòn trước khi Sài Gòn thất thủ.

Với tư cách một tướng lãnh có nhiều dịp tiếp xúc với các giới chức cao cấp trong chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cũng như chính quyền Mỹ, đồng thời là trưởng ngành tình báo, trực tiếp báo cáo tình hình với Thống Tướng Abrahams, Phillip B. Davidson đã có trong tay nhiều tài liệu sống về cuộc chiến Việt Nam. Ngoài ra, khi viết cuốn lịch sử chiến tranh Việt Nam dày 840 trang khổ lớn, ***Vietnam At War - Việt Nam lâm chiến***[1], Phillip B. Davidson còn tham khảo nhiều tác phẩm viết về cùng đề tài của những cây viết nổi tiếng.

Vietnam At War kể về hai cuộc chiến được tác giả gọi là cuộc chiến Đông Dương I và II.

Tác phẩm gồm 27 chương, chia làm 2 phần. Phần I nói

về cuộc chiến Đông Dương I, gồm 12 chương và phần II nói về cuộc chiến Đông Dương II gồm 15 chương.

Võ Nguyên Giáp là nhân vật thu hút sự khâm phục của tác giả đến độ có thể nói đối với Davidson, việc Mỹ thất trận tại Việt Nam chỉ vì nguyên do gần như duy nhất là đối phương có Võ Nguyên Giáp.

Suốt tám trăm trang sách, tác giả chỉ vài lần nhắc đến Hồ Chí Minh, ngoài ra, luôn nhắc đến Võ Nguyên Giáp như người lãnh đạo thực thụ cuộc chiến từ đầu đến cuối.

Tuy ít nhắc tới Hồ Chí Minh, nhưng tác giả lại có những nhận xét khá độc đáo về nhân vật này, phản ảnh một hướng nhận định hoàn toàn trái ngược với các sử gia Mỹ cũng như Pháp từ trước tới nay.

Theo tác giả, trong ngày 9-10-1954, ngày Hà Nội tổ chức lễ mừng chiến thắng Điện Biên chỉ có một sư đoàn 308 tham dự và không có mặt Võ Nguyên Giáp. Tác giả nêu lý do của sự vắng mặt này là do lệnh của Hồ Chí Minh nhưng không giải thích tại sao. Phải chăng tác giả hàm ý cho rằng Hồ Chí Minh không muốn thanh thế Võ Nguyên Giáp lên quá cao?

Tác giả ghi nhận việc đàn áp cuộc nổi dậy của nông dân Quỳnh Lưu sau cải cách ruộng đất là do lệnh của Hồ Chí Minh - *Hồ ordered Giáp to suppress it*. Nêu chi tiết về việc này, tác giả cho biết Hồ Chí Minh đã ra lệnh cho Võ Nguyên Giáp đem sư đoàn 325 lúc đó đang đóng ở gần Vinh tới đàn áp. 1000 nông dân đã bị giết và 6000 bị đầy biệt xứ.

Tác giả trưng dẫn thêm tài liệu của Ngũ Giác Đài xác nhận có nhiều ngàn người bị giết trong vụ này.[2]

Dù Võ Nguyên Giáp là một trong những thủ hạ thân tín nhất của Hồ Chí Minh, nhưng mối tương quan giữa hai nhân vật này không hoàn toàn diễn ra tốt đẹp theo ghi nhận của Phillip B. Davidson.

Dựa theo lời một cán bộ cao cấp Cộng Sản Việt Nam đào ngũ thì có thời gian Hồ Chí Minh tỏ ra tín nhiệm Nguyễn Chí Thanh, người mang cùng cấp bậc đại tướng trong quân đội Cộng Sản Việt Nam như Võ Nguyên Giáp. Tác giả thuật lại rằng vào năm 1964, Hồ Chí Minh đã cử Nguyễn Chí Thanh, vốn có xu hướng thân Trung Cộng, cầm đầu toán nghiên cứu về "*chủ nghĩa xét lại*" trong trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam lúc đó vẫn mang tên là Đảng Lao Động Việt Nam. Đây là bước đầu của chiến dịch chống "xét lại" nhắm vào Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh và ba nhân vật lãnh đạo khác trong đảng Lao Động. Theo kết quả cuộc điều tra của Nguyễn Chí Thanh, 5 người này đều bị dán nhãn hiệu "*kẻ xét lại*" và phải qua những lớp chỉnh huấn do Hồ Chí Minh đích thân đảm nhận.

Nhưng, người tiết lộ tin này nói rằng Hồ Chí Minh không có ý thanh trừng nội bộ mà chỉ nhắm chỉnh hướng cho những kẻ đi sai đường lối của đảng. Sau đó, Nguyễn Chí Thanh được trao nhiệm vụ tổng chỉ huy chiến trường miền Nam và điều này được coi như một cái tát tai dành cho Võ Nguyên Giáp.[3] Võ Nguyên Giáp cũng là người cực lực chống lại kế hoạch tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, theo Davidson. Lúc đó, sức khoẻ Hồ Chí Minh đã suy yếu và các thủ hạ như Lê Duẩn, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng muốn *có chút quà cuối cùng dâng "Bác"* . Món quà có ý nghĩa nhất là mở một trận đánh

quyết định để giành chiến thắng nhanh nhất tại miền Nam[4]. Võ Nguyên Giáp chia xẻ quan điểm trên nhưng không đồng ý về kế hoạch tổng nổi dậy.

Về trận Mậu Thân, với tư cách phụ tá tình báo của Thống Tướng Tổng Tư Lệnh Mỹ tại Việt Nam lúc đó, tác giả cho biết qua những ghi nhận từ các cuộc tiếp xúc và hỏi cung các cán bộ cao cấp Cộng Sản Việt Nam, chỉ có 2 phần trăm dân chúng ủng hộ cuộc tổng công kích Mậu Thân.

Tác giả đã đích thân hỏi cung hai sĩ quan cao cấp Cộng Sản Việt Nam ra đầu thú với quân đội Hoa Kỳ là đại tá Trần Văn Đắc đầu thú ngày 19-4-1968 và trung tá Phan Việt Dũng ít ngày sau đó. Phan Việt Dũng là tư lệnh trung đoàn ưu tú Cộng Sản 165 còn Trần Văn Đắc là đại tá chính ủy nhưng giữ nhiệm vụ của một trung tướng. Cả hai sĩ quan này đều cho biết họ thất vọng từ nhiều ngày trước nên đã quyết định đào ngũ khi nhận nghị quyết số 6 của đảng chủ trương đánh thêm đợt hai sau thất bại đợt đầu.

Nhắc lại biến cố này, Phillip B. Davidson ca ngợi lòng dũng cảm và sự thành công của quân lực Việt Nam Cộng Hòa.[5] và cho biết: "*Với cuộc tổng công kích Mậu Thân của Việt Cộng, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã thu đạt một thắng lợi lớn đối với trí óc và con tim của nhân dân miền Nam*."

Tuy nhiên, tác giả không đề cập tới hậu quả khác của trận đánh đó khởi từ thái độ của một số báo chí phản chiến Mỹ đã biến chiến thắng quân sự của Việt Nam Cộng Hòa và Đồng Minh thành một thất bại chính trị ngay tại Mỹ là dựa vào trận đánh để thúc đẩy phong trào phản chiến bùng lên mạnh mẽ.

Về thái độ ngoan cố và tàn bạo của Hồ Chí Minh, tác giả thuật lại việc Hồ Chí Minh nhận được đề nghị hòa hoãn của tổng thống Nixon từ lâu nhưng chỉ bày tỏ phản ứng vào lúc kề cận ngày tận số:*"Đáp lại bức thư hòa hoãn của tổng thống Nixon ngày 15-7-1968, là cuộc tấn công của VC vào 100 thành phố và thị xã miền Nam. Mãi ngày 25 tháng 8, Hồ mới chính thức phúc đáp thư của Nixon bằng một cách lăng nhục. Đặt nó chung với cuộc tấn công, người ta có thể tưởng tượng ông ta cầm lấy tẩu thuốc hòa bình mà Nixon đưa mời ông ta để đánh Nixon và còn đổ tàn thuốc nóng hổi vào bàn tay Nixon nữa*.[6]

Chương cuối, bàn về lý do thất trận của Mỹ, Davidson khen đối phương nói chung và gián tiếp khen Hồ Chí Minh có một chiến lược thượng thặng: *nhắm mục đích tối hậu là nền độc lập và thống nhất của Việt Nam*.[7]

Kết luận này nếu phù hợp với luận điệu của Cộng Sản Việt Nam và biện giải của nhiều giới chức quân sự Mỹ lại khó phù hợp với nhiều điều được chính tác giả nêu trong tác phẩm. Sự mâu thuẫn khó hiểu luôn hiện diện trong quan điểm của các tác giả viết về cuộc chiến Việt Nam vẫn là điều không thể không nhìn lại.

Chú thích

[1] Prisidio Press, Novato, California, 1988

[2-3-5-6-7] SĐD tr 287, 311 & 312, 545, 597, 795

[4] SĐD tr. 449, nguyên văn: "to give the old man this last present, a decisive victory in the shortest time".

Chương 25
ELLEN HAMMER và *The Struggle For Indochina*

Ellen J. Hammer (1922-2001) là nữ học giả, sử gia, nhà báo, lỗi lạc của Mỹ. Theo bà, chính quyền Dân Chủ của tổng thống Kennedy đã phạm sai lầm trong chủ trương lật đổ nền đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam đưa đến cái chết của tổng thống Ngô Đình Diệm và sự sa lầy của Mỹ tại chiến trường Việt Nam.

Với quan điểm này, Ellen J. Hammer mang tâm trạng chán nản trước các diễn biến chính trường, không còn muốn cầm bút bày tỏ ý kiến về mọi vấn đề thời cuộc trong một thời gian dài.

Tuy nhiên, năm 1988, Ellen J. Hammer lại trở lại với việc cầm bút và hoàn tất tác phẩm ***A Death In November: America in Vietnam, 1963,*** (1) nêu ra nhiều thủ đoạn của một số giới chức Mỹ thời ấy liên quan tới cuộc đảo chính 1/11/1963 tại miền Nam Việt Nam.

Trong tác phẩm này, Ellen J. Hammer bày tỏ lập trường bênh vực tổng thống Ngô Đình Diệm, hết lời tán dương các

chính sách do Ngô Đình Diệm chủ trương khiến Douglas Pike, một chuyên gia về các vấn đề Việt Nam còn nổi tiếng hơn Hammer đã đưa ra một lời khen đượm vẻ mỉa mai là Hammer *"trung thành riêng với ông Diệm" - personally loyal to Diem.*

Năm 1947, khi mới ra trường, còn độc thân ở tuổi 25, Hammer đã có tác phẩm đầu tay về Việt Nam, ***The Emergence of Việt Nam***[2]

Bốn năm sau, 1951, bà có thêm 2 tác phẩm nói về đề tài Đông Dương và hai năm sau nữa, 1953, bà đưa ra tác phẩm phân tích riêng về hoạt động chính trị và đảng phái ở Việt Nam.

Năm 1954, Ban Báo Chí Đại Học Stanford, California cho phổ biến tác phẩm thứ nhất của Hammer bàn về chiến tranh Đông Dương, nhan đề ***The Struggle For Indochina - Chiến đấu cho Đông Dương.***[3]

Trong tác phẩm này, Hammer thuật lại, phân tích và đánh giá hoạt động của hai phe Quốc Cộng Việt Nam thời khoảng 1945-1954 trong khung cảnh đấu tranh loại trừ quyền lực của người Pháp tại Đông Dương qua nhiều diễn biến từ các cuộc thương thuyết, các trận đánh tới sự can thiệp của Hoa Kỳ, sự xuất hiện của Trung Cộng sau 1949 cũng như cục diện xoay vần từ một cuộc chiến địa phương thành cuộc xung đột quốc tế.

Tác phẩm chấm dứt khi trận Điện Biên Phủ chưa ngã ngũ và hội nghị Genève còn đang bàn về vấn đề Triều Tiên. Tuy nhiên Hammer đã nói đến viễn tượng chia đôi lãnh thổ Việt Nam, vì cả Pháp lẫn Việt Minh đều muốn như vậy trong khi Liên Xô, Trung Cộng tỏ ra không phản đối.

Tác giả cho rằng Hồ Chí Minh lệ thuộc khối Cộng chẳng khác gì phe quốc gia với quốc trưởng Bảo Đại lúc ấy lệ thuộc Pháp. Nhưng tác giả nhìn nhận trước đó, Hồ Chí Minh đã khéo léo lập được Mặt Trận Việt Minh và đặt Bảo Đại vào thế tự nguyện thoái vị. Theo tác giả, vì nhà vua vốn được sự kính trọng và tuân phục của nhân dân Việt Nam nên việc tự nguyện thoái vị đã giúp Hồ Chí Minh tạo được cho mình thế đứng vừa hợp pháp vừa hợp lòng dân.

Tác giả cũng thuật lại có lần Hồ Chí Minh đã ngụ ý rằng *sẵn sàng hành động trong khuôn khổ một nền quân chủ lập hiến, đứng đầu là Bảo Đại, nhắm tranh thủ sự ủng hộ của Đồng Minh*.[4] Nhưng khi Bảo Đại chấp nhận thoái vị thì Hồ Chí Minh không nhắc lại ý định ấy nữa.

Hammer nhận định về việc thoái vị của Bảo Đại: *"Tin này được Việt Minh hoan nghênh; khi vị hoàng đế đã tự nguyện từ chức, thì sự liên tục giữa chính quyền cũ và chính quyền mới sẽ được bảo đảm. Nó sẽ khiến cho sự chuyển quyền dễ dàng hơn nhiều và trước mắt ngoại quốc sẽ thuận lợi vì nó tăng cường cho điều Việt Minh từng rêu rao rằng họ lãnh đạo một cuộc cách mạng dân tộc thực sự."*[5]

Ngoài sự hỗ trợ của Bảo Đại, Hồ Chí Minh còn được sự hỗ trợ cụ thể của một cộng đồng mà Cộng Sản luôn coi như thù địch là cộng đồng Công Giáo.

Vào thời điểm 1945-46, cộng đồng này không những không chống đối mà còn tích cực ủng hộ Hồ Chí Minh do tin tưởng Việt Minh là tổ chức theo đuổi chung mục đích giành độc lập cho đất nước: *"Sự khát khao độc lập to lớn đến nỗi đa số 2 triệu người Công Giáo tán thành chính nghĩa của Việt Minh và 4 vị giám mục đã thỉnh cầu Giáo Hoàng ủng hộ*

nền độc lập của Việt Nam, dù tại nhiều địa phương rải rác vẫn có những cộng đồng giáo dân chống lại việc Việt Minh tìm cách tổ chức họ thành "đoàn thể Cứu Quốc" dưới quyền kiểm soát của Việt Minh."[6]

Tác giả cho rằng về phương diện cá nhân, người Công Giáo cũng yêu nước như bất cứ ai khác và trích dẫn lời một vị "*thừa sai*": "*Trong cuộc đấu tranh giành độc lập, các cha xứ ở Việt Nam không do dự khẳng định người Công Giáo, chẳng những không lạnh lùng hay dửng dưng mà trái lại, còn tỏ ra có lòng yêu nước nồng nàn. Họ nhắc nhở con chiên chẳng những có quyền, mà còn có bổn phận đứng vào hàng tiền đạo trong cuộc đấu tranh, và bằng cách đó họ sẽ trung thành với Chúa và với tổ quốc. Cộng đồng Công Giáo Annam với 500 linh mục và 2 triệu tín hữu đã không ngần ngại noi gương các vị giám mục. Họ đã đưa vai gánh vác trách nhiệm. Không chứng cớ nào hơn là thái độ hăng say bột phát của giới trẻ Công Giáo Hà Nội đã cung ứng cho đoàn quân của chính phủ nhiều tiểu đoàn xung kích.*"[7]

Ngoài ra, tình yêu nước nồng nàn của mọi người dân Việt Nam cũng được ghi nhận qua thái độ của hoàng hậu Nam Phương đối với cuộc đấu tranh ban đầu của Việt Minh.

Hammer kể lại việc đô đốc D'Argenlieu muốn đưa hoàng tử Bảo Long lên ngôi hoàng đế và hoàng hậu Nam Phương giữ quyền Nhiếp Chính.

Nhưng hoàng hậu Nam Phương dứt khoát không chịu tiếp các đặc sứ do vị đô đốc đại diện toàn quyền của Pháp cử đến. Vị khâm sứ Tòa Thánh phải khẩn khoản thỉnh cầu hoàng hậu Nam Phương đổi ý. Tuy nhiên thay vì trả lời

cho các đặc sứ của D'Argenlieu, *hoàng hậu đã đi tới chiếc đàn dương cầm và cử bài quốc thiều mới (của Việt Minh) - But (she) went to the piano and played the new national anthem.*

Về việc Pháp thương thuyết với Hồ Chí Minh, tác giả nêu lý do khởi từ phía lực lượng quốc gia lúc đó, ít nhất cũng là lý do theo quan điểm của người Pháp. Tác giả ghi rằng vì *"họ thấy Việt Cách của Nguyễn Hải Thần không có thực lực; còn Việt Nam Quốc Dân Đảng thì không muốn liên hệ với đại diện của Pháp. Nhất là vì chính Bảo Đại cũng từ chối không muốn gặp họ. Như vậy chỉ còn một mình Việt Minh là một tập thể có tổ chức vừa sẵn lòng vừa có khả năng thương thuyết với Pháp"*. (**8**)

Tuy nhiên, Hammer cho biết Việt Minh luôn theo đuổi chủ trương độc quyền lãnh đạo, không từ bỏ mưu tính loại trừ mọi phần tử quốc gia đấu tranh.

Vì thế, cựu hoàng Bảo Đại đã chấp nhận sứ mạng do Hồ Chí Minh trao cho để rời Việt Nam lên đường đi Trùng Khánh ngày 18-1-1946. Lúc đó cựu hoàng đã bắt đầu hiểu và không còn tin cậy Việt Minh nên hài lòng ra đi, dù biết không có ngày về.

Theo Hammer, sự ra đi của Bảo Đại cũng là niềm vui của Hồ Chí Minh vì ở bên cạnh không còn hiện diện con người có thể là đối thủ nguy hiểm, đồng thời vai trò của cựu hoàng cũng không còn cần thiết cho Việt Minh trong mọi giao dịch với người Pháp kể từ sau khi Hồ Chí Minh đã có trong tay bản Hiệp Ước Sơ Bộ 6-3-1946. (**9**)

Trong thực tế, thời điểm này Pháp và Việt Minh đã mặc nhiên trở thành đồng minh trên trận tuyến chống lại lực lượng quốc gia, cụ thể là tổ chức Việt Cách của Nguyễn

Hải Thần và Việt Nam Quốc Dân Đảng là những tổ chức kịch liệt phản đối bản Hiệp Ước Sơ Bộ 6-3-1946 do các điều khoản cho phép Pháp đưa quân vào miền Bắc Việt Nam. Đây là điều người Pháp cần có để hợp pháp hóa sự có mặt ở phía Bắc vĩ tuyến 16, trong khi Việt Minh rất cần Pháp yểm trợ để triệt phe đối lập.

Tác giả ghi lại một số sự kiện về cuộc hợp tác giữa Pháp và Việt Minh: *"Tại Hà Nội, các xe trinh sát của Pháp chặn hết các đường phố dẫn tới trụ sở của Việt Nam Quốc Dân Đảng để cho Việt Minh tấn công vào đó. Quân Pháp xua đuổi quân của Đồng Minh Hội (chỉ Việt Cách) ra khỏi Lạng Sơn và Hải Phòng giúp cho quân Việt Minh tiến vào. Tại Hòn Gay, quân Pháp thả hết tù thuộc ủy ban hành chánh địa phương của Việt Minh."*[10]

Khi các lực lượng quốc gia bị Việt Minh được Pháp yểm trợ loại hẳn khỏi các cơ cấu lãnh đạo cuối năm 1946 cũng là lúc mâu thuẫn Việt Minh - Pháp phải giải quyết bằng súng đạn.

Lúc này, người Pháp lại nghĩ tới một chính quyền Việt Nam đối đầu với chính phủ Hồ Chí Minh.

Năm 1947, Pháp đã tìm cách liên lạc với hai nhân vật Ngô Đình Diệm và Nguyễn Mạnh Hà[11] để vận động đứng ra lập một chính quyền như vậy, nhưng tất cả đều từ chối tham gia.[12] Pháp cũng cử người tiếp xúc với Cựu hoàng Bảo Đại và không đạt kết quả[13].

Trong lúc đó, Bảo Đại cũng được Hồ Chí Minh cử người tìm gặp để nghị cộng tác để tạo bộ mặt đoàn kết quốc gia cho Việt Minh hầu xoa dịu sự chống đối vì tổ chức này do Cộng Sản lãnh đạo và nhất là để nối lại đàm phán với

người Pháp. *"Trong tháng 5 (1947), Việt Minh gửi phái viên tới gặp Bảo Đại để cố tái lập đoàn kết quốc gia. Người đó là Hồ Đắc Liên, một nhân vật quốc gia nổi tiếng. Ông này yêu cầu cựu hoàng thực hiện một cuộc thương thuyết chung với Pháp nhân danh ông Hồ và nhân danh cá nhân cựu hoàng nữa. Các cố vấn của nhà vua đã phá vỡ kế hoạch này."*[14]

Không lâu sau đó, khi cựu hoàng chấp nhận đứng ra cầm đầu một chính quyền đối lập với Việt Minh, Hồ Chí Minh đã lập tức ra lệnh thủ tiêu những người có thể thành tay chân đắc lực của cựu hoàng như Nguyễn Văn Sâm từng được cử làm khâm sai Nam Kỳ, và bác sĩ Trương Đình Tri, chủ tịch ủy ban hành chánh Bắc Việt. Hai người này bị cộng sản giết chỉ cách nhau không đầy 24 giờ, một ở trong Nam, một ở ngoài Bắc.[15]

Ngày 8-3-1949, cùng với tổng thống Pháp Vincent Auriol, cựu hoàng Bảo Đại lúc này là Quốc Trưởng của Việt Nam Quốc Gia ký thỏa ước Elysée chấp nhận điều mà trước đó 3 năm đã bị bác bỏ tại hội đàm Fontainebleau. Thỏa ước Elysée được Quốc Hội Pháp phê chuẩn ngày 23-4-1949, với 55 phiếu thuận, 6 phiếu chống và 2 phiếu trắng.[16]

Tác giả phân tích thêm về vai trò của đảng Cộng Sản Pháp thời gian này và kết luận họ đã theo đuổi một thứ chính trị thực tiễn thô bạo - *Realpolitik*.

Nhiều đảng viên Cộng Sản Pháp là thành viên chính trong cái chính phủ đã bổ nhậm và ủng hộ D'Argenlieu, cái chính phủ đã để cho hội đàm Fontainebleau thất bại, cho phép tấn công Hải Phòng, và sau cùng từ chối thương thuyết với Hồ Chí Minh sau ngày 19-12-1946.

Lúc ấy với tư cách tổ chức chính trị lớn nhất tại Pháp và theo lý tưởng cộng sản, đảng Cộng Sản Pháp không có một hành vi giúp đỡ nhỏ nhoi nào vào mục tiêu giành độc lập của Việt Nam ... Điều đáng nói là về sau, khi bị gạt khỏi quyền lực và yếu thế, đảng này lại rầm rộ cổ võ cho Cộng Sản Việt Nam.[17]

Vấn đề then chốt đã được đưa ra phân tích là mục tiêu chủ yếu của Pháp trong cuộc chiến Việt Nam. Theo tác giả, cộng sản không phải là động cơ thúc đẩy hành động của người Pháp tại Đông Dương. Việc Pháp chịu thương thuyết với Hồ Chí Minh năm 1946, rồi từ chối mọi cơ hội đàm phán năm 1947 và sau nữa, từ 1948 ủng hộ Bảo Đại chống Việt Minh ... đều không liên can tới vấn đề cộng sản mà chỉ vì cái gọi là Liên Hiệp Pháp - Đúng là cho tới năm 1953 tinh thần thực dân cũ đã chết, nhưng nó đã được thay thế không phải bởi chủ nghĩa chống cộng mà bởi sự quyến luyến tình cảm của người Pháp đối với khái niệm Liên Hiệp Pháp. Thủ tướng Laniel đã nói với quốc hội vào tháng 10-1953, cũng như trước kia đã nói với Bảo Đại: *"người Pháp chiến đấu ở Đông Dương cho Liên Hiệp Pháp; nếu người Việt thích bỏ Liên Hiệp Pháp, thì nước Pháp không có lý do gì để chiến đấu."*[18] Nhưng chiêu bài chống Cộng không thể không nêu ra nếu muốn nhận được viện trợ của Mỹ với mức độ hết sức quan trọng - Viện trợ Mỹ, bắt đầu từ 1950, mỗi năm trung bình 500 triệu. Cho đến 1954, Mỹ đã viện trợ khoảng 80% chi phí quân sự của Pháp tại các quốc gia liên kết Đông Dương[19].

Chiêu bài này không đủ sức thuyết phục dư luận thế giới và càng không đủ tác dụng xoa dịu khát vọng giành độc lập của người dân Việt Nam.

Tác giả đã phân tích tình hình chính trị luôn sôi động ngay tại các vùng Pháp kiểm soát trong ý hướng đòi hỏi một nền độc lập thực sự cho quốc gia Việt Nam và ghi lại: *"Trong bối cảnh đó, Ngô Đình Nhu, một lãnh tụ công đoàn và là em Ngô Đình Diệm, đã đảm nhận vai trò lãnh đạo đứng ra tổ chức một đại hội chính thức "đoàn kết quốc gia và hòa bình" ở Chợ Lớn vào ngày 6-9-1953. Đại hội đòi độc lập vô điều kiện cho Việt Nam, và trên bình diện quốc nội, đòi triệu tập ngay tức khắc một quốc hội, đòi tự do lập hội, tự do báo chí, chấm dứt tham nhũng, cải tổ quân đội và hành chánh. Đại hội này có một lập trường mạnh mẽ đến nỗi Bảo Đại cảm thấy cần phải triệu tập đại hội chính thức của chính ông vào tháng sau trong hai ngày nhằm mục đích ủng hộ lập trường của Cựu Hoàng bằng cách chọn 12 người để ông tuyển lấy 6 người thực hiện thương thuyết với Pháp."*

Trong khi đó, ảnh hưởng các bước đi ban đầu của Hồ Chí Minh với tư cách lãnh đạo Việt Minh vẫn đủ sức giữ những âm vang. Tác giả viết: *"Không người Việt Nam nào có thể quên Hồ Chí Minh là lãnh tụ Việt Nam đầu tiên tuyên bố Việt Nam Độc Lập, không phải chỉ trên nguyên tắc như ông Trần Trọng Kim mà là trong thực tế. Ông Hồ tuyên bố Việt Nam Độc Lập vào tháng 9 năm 1945, và Việt Nam tự trị (quốc gia tự do) vào tháng 3 năm sau. Cho đến năm 1947, tại Việt Nam chỉ có một chính phủ Hồ Chí Minh. Và nước Pháp là nước đầu tiên nhìn nhận như thế."*

Trên thực tế, nhiều nhà ái quốc, kể cả hoàng gia cũng nhiệt tình ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh trong mấy năm đầu. Việc Hồ Chí Minh tiếp tục theo đuổi mưu đồ củng cố chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị và dập tắt mọi hy vọng

về một tương lai tốt đẹp của đất nước gần như không dễ nhận ra khi những âm vang trên còn đủ sức tác động vào mọi người.

Vì thế, chiêu bài chống Cộng của người Pháp càng lộ rõ thì chiêu bài quốc gia yêu nước của Hồ Chí Minh càng được củng cố, mặc dù người quốc gia trong nước xa lìa và chính quyền nhiều quốc gia dân chủ Á Châu cũng như Tây Phương cắt đứt mọi quan hệ.

Theo Hammer, từ 1953, hàng ngũ quốc gia dưới quyền quốc trưởng Bảo Đại bắt đầu đạt nhiều tiến bộ và chính phủ do Bửu Lộc lãnh đạo gồm hầu hết các kỹ thuật gia tài trí và nhiệt tâm đã trở thành một niềm hy vọng. Khi tác giả viết những dòng cuối cùng của tác phẩm, hội nghị Genève chỉ mới chuẩn bị bàn về vấn đề Việt Nam. Tuy nhiên, tác giả đã nghe đồn nhắc về một giải pháp chia cắt lãnh thổ nên tỏ ý e ngại là giải pháp này sẽ khiến miền Bắc chịu áp lực nặng nề của Trung Cộng, trong khi miền Nam khó tránh khỏi bị Pháp khống chế trở lại như những năm trước.

Mối lo của Hammer trở thành thực tế tại miền Bắc, nhưng tại miền Nam, người Pháp đã phải triệt thoái và một chính thể Cộng Hòa chính thức ra đời năm 1956.

Chiêu bài ngụy trá của các khối lực chính trị kéo dài trên đất nước này từ 1945 có thể không còn nhiều thời gian đứng vững, nhất là sau thành quả của Ngô Đình Diệm trong việc củng cố miền Nam. Hammer tin tưởng khá nhiều vào nhân vật lãnh đạo này và khi xảy ra biến cố 1-11-1963 đã mang tâm trạng chán ngán vì nguyện vọng chính đáng của một dân tộc sống gian khổ đau đớn suốt

mấy chục năm lại tiếp tục bị đẩy xa bởi sai lầm của một số giới chức nắm quyền tại đất nước của tác giả. Có lẽ đây cũng là tâm trạng của đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, Frederick Nolting, khi ông này đệ đơn xin từ nhiệm vì không đồng ý với đường lối của chính quyền Mỹ đương thời. Những tâm cảnh hoàn toàn mang tính cá nhân này cũng không hẳn thiếu ý nghĩa khi được đặt vào vị thế phản ảnh một nét thực tế trong vấn đề Việt Nam.

Chú thích

1 E.P. Dutton, 1987

2 Institute of Pacific Relations, New York, 1947

3 Stanford University, 1954

4-5-6-8-9-10 SĐD tr. 102, 103, 140, 149, 175, 176

7 Trích bài *Giáo hữu đạo Kitô Annam và nền độc lập Việt Nam* trên tờ *Le Bulletin des Missions*, 1946.

11 Vốn là Bộ Trưởng Kinh Tế của chính phủ Hồ Chí Minh nhưng *đã* ở lại Hà Nội sau ngày bùng nổ chiến tranh 19-12-1946

12-13-14-15-16 SĐD tr. 203, 209, 209, 215.

16 Thực ra, vào ngày này chỉ mới có Hội *Đồng* Lãnh Thổ Nam Kỳ thông qua việc sáp nhập Nam Kỳ vào Việt Nam. Quốc Hội Pháp chỉ họp biểu quyết về thỏa *ước* Elysée ngày 29-1-1950 và phê chuẩn ngày 2-2-1950.

17-19 SĐD tr. 298, 313

18 SĐD tr. 306, nguyên văn: "*It is true that by 1953 much of the old spirit of colonialism had died, but it had been replaced not by anti-Communism, but by an emotional attachment on the part of Frenchmen to the concept of the French Union. It was for the French Union that France was fighting in Indochina, Premier Laniel told the National Assembly in October, 1953 as he had told Bao Dại: if the vietnamese chose to leave the French Union, France would have no reason to fight.*"

Chương 26
DANIEL ELLSBERG và *Secrets*

Cuối năm 2002 xuất hiện cuốn hồi ký của Daniel Ellsberg với tựa đề ***Secrets - Bí Mật***[1] màu trắng in nổi trên nền bìa xanh sậm, và ở phía dưới ghi thêm một hàng chữ nhỏ: *Hồi ký về Việt Nam và hồ sơ Ngũ Giác Đài*.

Tác giả là một cựu quân nhân đồng thời cũng là một cây bút gây sôi nổi một thời trong báo giới và chính giới Mỹ. Dan Ellsberg từng giữ nhiệm vụ đại đội trưởng Thủy Quân Lục Chiến Mỹ và là một người hăng say trong chiến đấu chống cộng.

Từ ngày 4/8/1964[2], Ellsberg trở thành viên chức bộ Quốc Phòng, thuộc toán đặc biệt của tướng Landsdale, người từng giúp đỡ nhiều mặt cho Ngô Đình Diệm và được coi như bạn thân của nhân vật này. Từng phục vụ nhiều năm tại Việt Nam, có nhiều dịp chứng kiến tình hình tại chỗ và là người có thẩm quyền tiếp cận các tài liệu mật liên quan đến những kế hoạch quốc gia, Ellsberg lại nẩy

ra một ý kiến khiến suýt nữa phải lãnh án tù chung thân. Đó là việc lén lấy 7000 trang tài liệu bí mật quân sự tiết lộ cho báo chí.

Trong cuốn hồi ký ***Secrets***, tác giả ghi lại những ý nghĩ, hành động và nhận định của mình liên quan đến tình hình chiến sự trong thời gian phục vụ ở Việt Nam, nhất là những bí mật được mệnh danh là hồ sơ Ngũ Giác Đài. Ngoài ra, Ellsberg cũng ghi lại rải rác trên nhiều chương, một số ý kiến về cuộc chiến nói chung và con người Hồ Chí Minh - là những ý kiến được nhắc đến ở đây.

Nếu trung tá John Paul Vann đã là anh hùng của Neil Sheehan trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam thì cố vấn cao cấp John Paul Vann lại trở lại Việt Nam để trở thành anh hùng của Daniel Ellsberg trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam. Tác giả mô tả J. P. Vann là người hăng say trong nhiệm vụ, cực kỳ can đảm và thẳng thắn.

Chỉ riêng việc dám đơn độc lái xe không cần hộ tống vượt hàng trăm dặm đường vào thời gian sau biến cố 1/11/1963 là lúc du kích cộng sản hầu như kiểm soát các trục giao thông đã đủ nói lên mức độ can đảm cùng cực của J. P. Vann. Với bút pháp điêu luyện của một nhà văn, Daniel Ellsberg dễ dàng tạo sự ngưỡng mộ của người đọc dành cho nhân vật của mình.[3]

Trong lúc đề cao cố vấn J.P.Vann, tác giả tỏ ra thất vọng trước cung cách và tinh thần chiến đấu của quân đội Việt Nam Cộng Hòa cũng như sự hiện diện của quân đội Mỹ tại miền nam Việt Nam.

Chương 9 được tác giả đặt cho tiêu đề *Losing Hope - Thất Vọng*, ghi lại những nhận xét về tình hình nông thôn

miền Nam trong năm 1966 như sau: *Chính phủ Việt Nam (Cộng Hòa) cai trị ban ngày còn ban đêm Việt Cộng cai trị. Việt Cộng thu thuế thường xuyên, tuyển lính, tổ chức tuyên truyền nhồi sọ và nhiều đêm đã ngủ lại. Ban ngày thì nhân viên chính phủ cũng có thể đến với lính gác để tuyên truyền, thu tô, thu thuế và tuyển lính ... Nghĩa là người dân một cổ hai tròng. Nhưng dân không dám báo cho người của chính phủ những gì Việt Cộng làm ban đêm*. Và như vậy, theo tác giả không thể bảo những vùng nông thôn như thế là vùng xôi đậu, đang còn bị thử thách, hay còn bị hai bên tranh giành mà phải coi đó là vùng Việt Cộng kiểm soát.[4]

Tác giả thuật lại trường hợp một ấp thuộc tỉnh Long An, một địa phương rất gần Sài Gòn, gồm toàn nhà lá đã bị thiêu rụi chỉ vì có một tiểu đội - *a squad* - Việt Cộng tới ngủ đêm tại đó một cách yên lành, không có đụng độ gì rồi đến sáng bỏ đi.

Daniel Ellsberg trách trung đoàn 49 thuộc sư đoàn 25 là đơn vị có 2 tiểu đoàn hùng hậu đóng quân cách đó chưa đầy 200 mét nhưng không chịu phái một trung đội hay một tiểu đội tới đánh đuổi Việt Cộng để bảo vệ dân mà lại bắn súng cối và đại bác vào đốt cháy hết nhà dân.

Rất nhiều ví dụ cụ thể tương tự đã được Daniel Ellsberg đưa ra để chứng minh mức viện trợ Hoa Kỳ dành cho Việt Nam Cộng Hòa dù cao tới đâu cũng hoàn toàn vô hiệu do cách thức và tinh thần chiến đấu đó của quân đội. Về đám cháy tại Long An, chính tác giả đã chụp hình và đưa trình trước một buổi họp.[5]

Ellsberg dành 2 trang tả cảnh tượng một đoạn đường dọc theo miền Nam mà tác giả có dịp đi qua. Tác giả cho

biết đã nhìn thấy những đồn bót đủ kiểu từ thời Bắc thuộc, đến thời Pháp thuộc, thời Nhật chiếm đóng, rồi những đồn bót hiện nay... *và có cảm tưởng như đi du lịch trong thời gian viếng thăm một viện bảo tàng lộ thiên với những lớp thời gian thuộc về lịch sử được khai quật lên từ những di tích khảo cổ... để rồi sợ hãi nghe như có ai nhắc bảo đang đi vào vết chân quân xâm lược Nhật Bản.*[6] Những trang sách của Ellsberg luôn là những áng văn óng ả, nhưng nổi bật lên vẫn là tâm trạng hoang mang giao động của người lính, bao gồm cả Việt Nam lẫn Mỹ.

Theo tác giả, sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ để người Mỹ đem quân vào Việt Nam hoặc tình hình Việt Nam trở nên quá trầm trọng khiến quân Mỹ ào ạt tới đây thì ngay những viên chức Mỹ từng hăng say chống Cộng cũng có cảm tưởng như mình đang chiến đấu cho mục tiêu xâm lược.

Trong khi đó, quân nhân các cấp Việt Nam thấy không còn lý tưởng chiến đấu nữa vì lâm cảnh hoàn toàn bị động dưới sự điều động của ngoại nhân.

Tác giả cũng nêu điều kiện sống tệ hại tại các trại tỵ nạn cộng sản ở miền Nam và đưa ra một nhận định đầy sức lôi cuốn với đám đông hoạt động phản chiến Mỹ về lý do thúc đẩy người dân tới đây. Tác giả mô tả các trại này đều ở trong tình trạng dơ bẩn tồi tệ đến độ có thể cho rằng *chỉ bom đạn Mỹ mới buộc nổi họ chịu tìm tới chứ không phải họ trốn chạy cộng sản.*[7]

Trong phát biểu của mình, chưa hẳn Ellsberg hoàn toàn phủ nhận lý do trốn chạy Cộng Sản của người dân Việt Nam mà chỉ muốn nhấn mạnh về tình trạng tệ hại trong

tổ chức đời sống tại các trại tị nạn, nhưng những người phản chiến viện điều tác giả trình bày như một chứng cớ cụ thể về hành vi xâm lược và sức tàn phá của bom đạn Mỹ để biến thành động cơ thúc đẩy phong trào phản đối việc Mỹ tham chiến tại Việt Nam.

Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, Ellsberg đã đưa ra lập luận gần như nghiêng hẳn về phía Cộng Sản Việt Nam, dù vẫn xác nhận mình là người chống Cộng và đại đa số dân chúng Việt Nam không ưa Cộng Sản.

Chương 14 nói về chiến dịch Mậu Thân 1968 vào lúc bắt đầu có cuộc hòa đàm Paris, tác giả nhấn mạnh việc tổng thống Johnson tiếp tục cho gia tăng cường độ tấn công sau khi đã hứa ngưng ném bom Bắc Việt.

Ellsberg nêu con số được trích theo bản báo cáo ngày 1-8-1968 cho biết từ 1965 đến lúc đó, Mỹ đã thả xuống toàn bộ Đông Dương 2 triệu 581 ngàn 876 tấn bom và hỏa tiễn. Tiếp theo, tác giả thuật lại thái độ cương quyết của phái đoàn Bắc Việt tại hòa đàm Paris đòi Mỹ ngưng dội bom vô điều kiện, đồng thời cho biết chính quyền Johnson lại muốn đạt được bảo đảm rằng Bắc Việt phải có hành động đáp ứng tương tự.

Theo tác giả, dĩ nhiên phía Việt Nam[8] không chịu. Tác giả nhắc lại một lời tuyên bố của Hồ Chí Minh - nói *"người Mỹ hành động như bọn cướp của giết người ở Chicago đề nghị không bắn, nếu nạn nhân chịu nộp tiền "mãi lộ". Hà Nội sẽ đề nghị một bảo đảm "hỗ tương" là sẽ không ném bom và xâm lăng Bắc Mỹ - cho rằng điều này rất logic, nhưng các nhà thương thuyết Mỹ coi đó như lời nói hỗn xược."*[9]

Chương 16 được dành bàn về vấn đề được gọi là đạo lý của sự tiếp tục chiến tranh.

Theo tác giả, "*đại đa số nhân dân Việt Nam không hứng thú ủng hộ VC hoặc các nhà lãnh đạo cộng sản (trừ ông Hồ)*". Mấy chữ trong ngoặc đơn chứng tỏ tác giả tin là đại đa số nhân dân Việt Nam ủng hộ Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, tác giả không quan tâm nhiều về điều này so với nguyện vọng hòa bình của người dân. Trước mắt tác giả, đại đa số nhân dân Việt Nam, cụ thể là tỷ lệ 80 phần trăm, đều muốn chấm dứt chiến tranh bất kể phe nào thắng. Tác giả cho biết tỷ lệ trên là ước tính của Morton Halperin lúc ấy đang làm việc với Kissinger ở Tòa Bạch Ốc.

Tác giả ghi lại là chính mình đã hỏi Morton về ý kiến của "*boss*" - tức Kissinger - ra sao thì được trả lời chưa bao giờ hỏi thẳng nhưng có lẽ Kissinger cũng ước lượng như thế.

Tác giả kể về chuyện này: "*Tôi nói (với Mort) là những ước đoán đó có vẻ đúng. Nhưng đây là vấn đề mới đối với tôi. Nó bắt đầu làm tôi băn khoăn nhiều. Nếu đúng là hầu hết nhân dân Nam Việt muốn hết chiến tranh, bất kể phe cộng hay phe quốc gia thắng, thì làm sao chúng ta có thể biện minh việc kéo dài chiến tranh bên trong xứ sở của họ? Làm sao chúng ta có quyền để nó kéo dài thêm dù chỉ một ngày? Im lặng thật lâu. Rồi Mort nói: "Câu hỏi thật hay. Tôi không có câu trả lời. Để tôi nghĩ về điều đó.*"**10**

Với suy nghĩ đó, Ellsberg bác bỏ danh nghĩa chiến đấu chống Cộng của người Mỹ để bảo vệ Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời kết án cả Mỹ lẫn Việt Nam Cộng Hòa đã không tôn trọng hiệp định Genève 1954.

Nhìn lui xa hơn về quá khứ, Ellsberg còn cho rằng các chính quyền Mỹ chỉ hành động trợ giúp thực dân Pháp

tái chiếm Việt Nam là quốc gia đã độc lập từ tháng 3 năm 1945 và sau đó được hoàng đế Bảo Đại thoái vị trao quyền lãnh đạo cho Hồ Chí Minh. Trên căn bản đó, Hồ Chí Minh là nguyên thủ quốc gia chính thức của Việt Nam, mọi hành vi chống lại chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đều trái với truyền thống Mỹ là bảo vệ tự do dân chủ và tôn trọng chủ quyền của mọi quốc gia, đồng thời cũng trái với cam kết của hiến chương Đại Tây Dương.

Ellsberg viết: *"Những tài liệu nội bộ cho thấy rõ sự kiện ông Hồ là cộng sản - mặc dù ông ta đứng đầu một chính phủ liên hiệp với đa số người không cộng sản tại miền Bắc - không hề quan trọng trong quyết định từ khước đáp ứng lời kêu gọi của ông ta năm 1945. Đúng ra, sự từ khước đáp ứng của chúng ta phản ảnh một chính sách đã được tổng thống Roosevelt lưỡng lự quyết định nhưng đã được khẳng định một cách cương quyết, nhằm bảo đảm với người Pháp rằng chúng ta nhìn nhận chủ quyền của Pháp tại Việt Nam như một thuộc địa, bất chấp sự không liên tục do chiến tranh và những đòi hỏi độc lập của người bản xứ sau chiến tranh. Quyết định đó đã được duy trì dưới thời tổng thống Truman, trái với truyền thống chống thực dân của Hoa Kỳ và trái lời hứa tôn trọng quyền tự quyết trong Hiến Chương Đại Tây Dương. Trong những lá thư ông Hồ gửi tổng thống Truman đều có viện dẫn cả hai điều đó."*[11]

Tác giả đã phủ nhận hoặc không nhìn thấy hai điều qua đoạn phát biểu trên.

Thứ nhất, việc liên hiệp với các đảng phái quốc gia của Hồ Chí Minh năm 1945 chỉ là một chiêu bài trong sách lược giai đoạn theo chiến lược Lenin chứ không phải hành

vi liên hiệp thực sự theo tinh thần đoàn kết toàn dân. Cho nên ngay trong lúc cổ võ liên hiệp, Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục tiến hành các thủ đoạn tiêu diệt những người yêu nước đứng ngoài hàng ngũ Cộng Sản và tìm mọi cách cô lập số người đứng chung với họ nên không hề có một chính phủ liên hiệp với đa số người không cộng sản tại miền Bắc như Ellsberg khẳng định.

Thứ hai, hướng nhắm của các chính phủ Mỹ sau thế chiến II đã hình thành trên căn bản dự báo về mối hiểm họa xuất phát từ phía Liên Xô dưới chiêu bài cách mạng vô sản. Vào thời điểm đó, những người hoạch định chính sách Mỹ đã nhìn thấy mối nguy Cộng Sản theo đà mở rộng của Liên Xô và mục đích mà khối Quốc Tế Cộng Sản theo đuổi dưới khẩu hiệu *"tiêu diệt Tư Bản"* chỉ đơn giản là tiến hành đấu tranh tiêu diệt các quốc gia dân chủ Tây Phương.

Không lưu tâm tới hai sự kiện này, Ellsberg cho rằng những người hoạch định chính sách Mỹ lúc đó chỉ nhắm duy trì bang giao tốt đẹp với Pháp - Anh là hai nước tuy ký kết bản Hiến Chương Đại Tây Dương nhưng không hề có ý định áp dụng tại những thuộc địa của mình như Ấn Độ, Mã Lai... nên Mỹ đã hành động ngược với truyền thống bằng cách hỗ trợ cho những tham vọng thực dân của Pháp tại Đông Dương.

Dẫn lời tuyên bố của bộ ngoại giao Mỹ ngày 27-9-1948 về Đông Dương, tác giả kết luận là ngay thời gian đó, khi ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương, Mỹ đã trực tiếp chống lại phong trào quốc gia do một người cộng sản cầm đầu được đa số đáng kể nhân dân ủng hộ. Như vậy, cái được gọi là sự cao cả và vị tha của Hoa Kỳ đã mất ý nghĩa.

Một khẩu hiệu được tung ra vào thời ấy - *thà chiến tranh (tức thà chết) còn hơn bị nhuộm đỏ* - theo Ellsberg, hoàn toàn không thích hợp với một xứ sở do những người *"đỏ"* đang lãnh đạo một phong trào yêu nước được hầu hết mọi người tán thành.[12] Ellsberg còn cho là Mỹ đã bất chấp công pháp quốc tế, vi phạm hiệp định Genève 1954 hệt như Pháp đã vi phạm hiệp ước sơ bộ 6-3-1946 và tạm ước Modus Vivendi mà Moutet ký cùng năm đó với Hồ Chí Minh, sau hội nghị Fontainebleau.

Ellsberg khẳng định do những vi phạm này chiến tranh bùng nổ và cả Pháp lẫn Mỹ đều thất bại vì hiểu lầm sức mạnh tinh thần của đối phương.

Tác giả minh chứng bằng lời nói của Hồ Chí Minh với Jean Sainteny trước khi ký tạm ước Modus Vivendi tháng 9-1946: *"Đừng để tôi ra về như thế; hãy giúp tôi (cho tôi một vũ khí) chống lại những kẻ tìm cách vượt trội tôi. Ông sẽ không hối tiếc về điều đó... Nếu chúng tôi phải chiến đấu thì chúng tôi sẽ chiến đấu. Các ông sẽ giết 10 người của chúng tôi, nhưng chúng tôi sẽ giết được một người của các ông. Và cuối cùng chính các ông sẽ thấm mệt."*[13]

Vào khoảng cuối tháng 9-1969, sau khi đọc xong một số hồ sơ mật của Ngũ Giác Đài, Ellsberg nêu ra 4 điểm về cuộc chiến Việt Nam:

1- Không hề có 2 cuộc chiến Đông Dương mà chỉ có một cuộc chiến kéo dài gần một phần tư thế kỷ kể từ 1945 tới 1975.

2- Đó là cuộc chiến của Mỹ ngay từ buổi mở đầu và trong thời điểm mở đầu này Mỹ có sự chia xẻ của Pháp. Minh chứng cho điều này là từ cuối thập niên 40, không năm nào mà tổng thống, quốc hội hay công dân Mỹ không đổ vào cuộc xung đột

đó tiền bạc, vũ khí rồi nhân lực, ban đầu qua người Pháp, sau là trực tiếp.

3- Sau 1954, Việt Nam đã có thể có hòa bình nếu Mỹ đừng chống việc tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất hai miền theo quy định của hiệp định Genève.

4- Tại Việt Nam không hề có nội chiến Nam - Bắc, cũng không có chuyện miền Bắc xâm lăng miền Nam mà chỉ có một cuộc chiến do Mỹ xâm lược hoặc nhìn từ phía Việt Nam là cuộc chiến của người Việt Nam chống xâm lược Mỹ.

Bốn điểm trên được Ellsberg phát hiện khi phân tích hai nguồn tài liệu được đánh giá là có mức giá trị rất cao.

Nguồn tài liệu thứ nhất là những văn kiện phản ảnh chính sách đối ngoại của Mỹ từ các thời Truman qua Eisenhower, Kennedy, Johnson đến Nixon. Ellsberg tìm thấy trong mọi quyết định quan trọng của các chính quyền Mỹ chỉ có một điều nổi bật là tinh thần hiếu chiến của giới lãnh đạo Mỹ và ý đồ bênh vực chính sách thực dân. Cho nên, Ellsberg đã thấy toàn thể giới lãnh đạo Mỹ kế tục từ 1945 tới 1975 là những kẻ dối trá và tàn ác. Dối trá vì đã lừa gạt nhân dân Mỹ bằng chiêu bài chiến đấu chống Cộng để bênh vực thực dân trong khi tàn ác vì coi rẻ sinh mạng của nhân dân Việt Nam bằng những chỉ thị leo thang chiến tranh, trút bom đạn lên đầu các nạn nhân vô tội.

Nguồn tài liệu thứ hai là những hồ sơ mật của Ngũ Giác Đài ghi chép cung từ của các tù binh và hồi chánh viên Cộng Sản Việt Nam. Ellsberg đã ghi nhận qua các tài liệu này những lời khai rằng họ chiến đấu chỉ vì lòng yêu nước, chiến đấu chống ngoại xâm chứ không chiến đấu cho chủ nghĩa Cộng Sản dù họ vẫn tin tưởng Cộng Sản có chính

nghĩa. Với những lời khai này của cán binh Cộng Sản, Ellsberg khẳng định không có chuyện nội chiến Quốc - Cộng Việt Nam và cũng không có chuyện miền Bắc xâm lăng miền Nam, vì thực tế đã rõ ràng là chỉ có những người Việt Nam đang cầm súng chống xâm lược Mỹ để bảo vệ đất nước mà thôi.

Truyền thống tự do Mỹ có thể cho phép Ellsberg xuyên tạc để lăng mạ giới lãnh đạo Mỹ bằng bất kỳ thủ thuật tráo trở nào mà một kẻ tệ mạt nhất nghĩ ra được.

Ellsberg cũng có thể bất chấp cái nhìn ghê hãi của chính thân thích, bạn bè hướng về mình để theo đuổi các mưu tính cá nhân bằng cách phỉ nhổ và dày xéo lên thân xác đồng đội là những người lính Mỹ đã gục ngã trên các chiến trường Việt Nam. Nhưng, mọi cảm nghĩ và lời lẽ dù được tô điểm bằng ánh hào quang rực rỡ nhất của một cá nhân có thể bình thản hành sử như vậy sẽ luôn luôn cần xét lại, ngay cả với những người vô cùng dễ tính.

Ellsberg đặt ý kiến trong khuôn khổ vấn đề đạo lý của chiến tranh và dựa theo nguyện vọng hòa bình của tám chục phần trăm dân chúng Việt Nam để kết án chính quyền Mỹ đã kéo dài cảnh bom rơi đạn nổ.

Thực ra, Ellsberg không cần đợi tới lúc nghe Morton Halperin hay Kissinger tiết lộ mới có thể nêu con số trên. Ngược lại, Ellsberg có thể nêu sớm hơn và nêu chính xác hơn hẳn là một trăm phần trăm dân chúng Việt Nam đều thiết tha mong sớm có hòa bình.

Thế nhưng, ít nhất từ 1945 tới nay Việt Nam đã hai lần có hòa bình, năm 1954 và năm 1975. Trong cả hai lần đó, Ellsberg có thể nhìn thấy rõ việc bom đạn ngưng tiếng đã

thực sự đáp ứng nguyện vọng hòa bình của người dân Việt Nam chưa?

Vấn đề đạo lý của chiến tranh chắc chắn cũng phải đặt ra nhưng trước hết khó thể quên đạo lý của chính người nêu vấn đề. Hãy ngưng lại với một sự việc do Tauriac nêu:*"Theo thống kê của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc HCR, trong vòng hai mươi năm, từ 1975 tới 1995, có gần 800 ngàn người Việt Nam đã bỏ trốn thành công bằng việc dùng tàu đến một xứ khác. Nhưng cùng thời khoảng đó, có từ 40 tới 70 phần trăm người ra đi tức từ 1 triệu tới 1 triệu 900 ngàn boat people đã không đến nơi...và biến mất. Bị chết ngay khi vừa xuống thuyền, chết đuối do tàu đắm, chết đói hoặc khát hoặc bị hải tặc tàn sát... Đó là chưa kể con số những land people chưa thể thống kê. Những người này thường bị chết dọc đường do đi lạc, bị giết bởi những người thượng du thù nghịch, bởi công an Lào - Căm Bốt, hoặc bộ đội Việt Nam tại Căm Bốt và bởi cả Khmer Đỏ... Như thế, hàng mấy trăm ngàn người - thậm chí có thể mấy triệu người - nam nữ già trẻ đã chết do muốn đi tìm khả năng được sống tự do. Họ chết trong âm thầm, trong các điều kiện rất khủng khiếp..."*[14]

Quả tình nên theo Ellsberg vứt bỏ cái khẩu hiệu thà chiến tranh còn hơn bị nhuộm đỏ mang tính tuyên truyền cho những âm mưu chính trị gian trá.

Nhưng trường hợp do HCR ghi nhận ở trên đã nêu lên một khẩu hiệu của chính người dân chưa hề biết đến chính trị và cũng chẳng muốn lường gạt ai. Những người dân này đã đem mạng sống bản thân và người thân yêu nhất ra để hét vào mặt những kẻ đang ca ngợi đời sống hòa bình và thành tựu của cách mạng Việt Nam rằng *thà chết còn hơn*

bị nhuộm đỏ hoặc thà chết còn hơn sống trong đời sống hòa bình hiện nay.

Tiếng hét đó vang lên suốt mấy chục năm và theo ghi nhận của HCR có thể đã có tới 2 triệu người Việt Nam chết để thể hiện thái độ chọn lựa dứt khoát của mình.

Những người giữ được mức đạo lý tối thiểu để không gian trá sẽ không thể vùi lấp sự việc này khi phân tích vấn đề Việt Nam. Chính vì thế, người từng hết lời ca ngợi Hồ Chí Minh, từng tán tụng cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam như Jean Lacouture mặc dù cố tình bỏ quên các cuộc trốn chạy khỏi ách thống trị của Cộng Sản năm 1954 và 1975, cuối cùng vẫn cố cứu vãn tư cách của mình bằng một lời biện bạch: *"Để giữ nguyên sự thán phục dành cho cuộc cách mạng, tốt nhất là không nên nhắc đến các nạn nhân của nó"*.[15]

Ellsberg đã nêu việc đại đa số dân chúng Việt Nam đều tin tưởng Hồ Chí Minh như tiền đề cho câu chuyện đạo lý của hành vi tiếp tục chiến tranh hẳn không thể giả dạng mù câm trước sự việc này, trừ trường hợp duy nhất là tự coi tư cách đạo lý của chính bản thân như một thứ cần rũ bỏ.

Chú thích

[1] Sách do nhà Viking Penguin xuất bản tại NY, London... Khi nghe tin sách ra được độ ba tháng, chúng tôi đến thư viện địa phương xin mượn, thì được biết hệ thống thư viện này có 9 ấn bản của tác phẩm. Nhưng tất cả đều đã có người mượn, và hiện còn cả tá độc giả đã đăng ký chờ đến lượt mình.

[2] Cũng là ngày xảy ra biến cố tàu Maddox bị tấn công tại vịnh Bắc Bộ, trở thành lý do cuộc chiến khai mào.

[3] SĐD tr. 118- 123. Trung tá Vann thời đệ nhất VNCH là cố vấn sư đoàn 7 thuộc quân đoàn IV. Đến thời đệ nhị VNCH ông trở lại Việt Nam với tư

cách cố vấn dân sự cho Quân Khu II. Ông bị tử thương trong nhiệm vụ này và được vinh danh như một anh hùng.

4-5-6-7 SĐD tr. 127, 128, 134- 135, 140.

8 Tác giả không viết Hà Nội hay Bắc Việt hoặc VC mà viết Người Việt Nam - the Vietnamese, coi như phía Bắc Việt mới đại diện cho dân Việt.

9-10-11-12-13 SĐD tr. 221, 248, 249-250, 253- 254, 251.

14 *Vietnam, le dossier noir du communisme* **-** Bản Việt ngữ của Nguyên Văn - tr. 291-192

15 *Vietnam, voyage à travers une victoire* **-** Le Seuil 1976, tr. 7

Chương 27
DENNIS J. DUNCANSON và *Government and Revolution in Viet Nam*

Dennis J. Duncanson là chuyên viên trong phái đoàn cố vấn của Sir Robert Thompson từ 1961 đến 1965 và từ 1965 đến 1966 là cố vấn tòa đại sứ Anh ở Sài Gòn.

Ngay sau khi rời đoàn này để về hưu, Dennis J. Duncanson khởi sự viết tác phẩm ***Government and revolution in Việt Nam***[1]. Vào thời gian đó, đoàn cố vấn này đã vận dụng những kinh nghiệm chống cộng sản Mã Lai để giúp chính phủ Việt Nam Cộng Hòa của Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong vấn đề ổn định tình hình miền Nam. Sự giúp đỡ kinh nghiệm của đoàn cố vấn Anh đã góp phần rất lớn trong việc thành lập và điều hành chính sách ấp chiến lược do Ngô Đình Nhu xướng xuất và chủ trì.

Dennis J. Duncanson là người Anh thông thạo ba ngoại ngữ Pháp, Trung Hoa, Việt Nam và là một chuyên gia nghiên cứu có mức hiểu biết rất sâu sắc về Việt Nam và Trung Hoa.

Government and revolution in Việt Nam gồm 7 chương với các tiêu đề:

- *Việt Nam, một vấn đề thế giới*
- *Gia tài của Trung Quốc*
- *Di sản của Pháp*
- *Tình trạng vô chính phủ của Hồ Chí Minh*
- *Chế độ gia trưởng của Ngô Đình Diệm*
- *Sự hào phóng của Hoa Kỳ*
- *Thất bại của chủ nghĩa dân tộc.*

Duncanson vừa có vốn sống tại chỗ, vừa thông thạo các ngôn ngữ Việt Nam, Trung Hoa lại không bị chi phối bởi thế đứng liên can trực tiếp như hầu hết các tác giả Mỹ - Pháp cùng thời nên đã phản ảnh một cái nhìn khá chính xác về mọi diễn biến.

Mở đầu chương 4, về Hồ Chí Minh và nguồn gốc mặt trận Việt Minh, tác giả đã cho thấy một cái nhìn rất sát với thực tế: *"Ban đầu, phong trào cộng sản ở Việt Nam khác với các phong trào chính trị về một phương diện quan trọng: nó là một phong trào khuynh đảo phát động từ bên ngoài do chính phủ Liên Xô dùng làm khí cụ quấy phá Pháp Quốc."*[2]

Tác giả trưng dẫn bằng chứng từ tài liệu chính thức của Cộng Sản để khẳng định đảng Cộng Sản Đông Dương được thành lập hoàn toàn do sáng kiến của Đệ Tam Quốc Tế với mục đích khuấy động tình hình Đông Nam Á theo chiều hướng gây khó khăn cho các quốc gia Tây Phương thù địch với Liên Xô lúc đó và đang có nhiều ảnh hưởng tại vùng đất này.

Nói một cách khác, đảng Cộng Sản Đông Dương đã được hình thành và xây dựng với tính chất một tổ chức

Mác-xít - Leninit theo đuổi chủ trương giai cấp đấu tranh y hệt đảng Bolsevick của Liên Xô. Mục đích của đảng Cộng Sản Đông Dương không phải là giải phóng Việt Nam khỏi ách thống trị của Pháp. Mục đích này chỉ nổi lên sau khi Pháp bị Đức đánh bại khiến diễn biến tình hình mở ra một cơ hội lớn cho việc giành lại chủ quyền quốc gia của các nước thuộc địa và cũng là cơ hội lớn cho việc giành quyền lực của tổ chức.

Từ nhận định căn bản này, tác giả cho rằng không những đảng Cộng Sản Đông Dương không bao giờ là một lực lượng đấu tranh yêu nước mà ngược lại, còn gần như là *một lực lượng chống lại những người yêu nước chống thực dân - almost anti-anti-colonial*.

Tác giả minh chứng bằng hành vi liên minh giữa thực dân - cộng sản nhằm phá vỡ các kế hoạch đấu tranh của những người thực sự yêu nước trên cả hai bình diện quốc tế và quốc nội.

Tính chất lệ thuộc Đệ Tam Quốc Tế còn được tác giả đưa thêm những bằng chứng cụ thể qua việc Liên Xô không đồng ý cho giữ tên Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập vào ngày 6-1-1930 nên đảng này đã phải đổi tên thành Đảng Cộng Sản Đông Dương và đổi lại ngày khai sinh là 3/2/1930. Theo Duncanson, lúc đó đảng này trên toàn quốc Việt Nam chỉ có 211 đảng viên trong số có 54 người không có mặt tại trong nước.

Về những cuộc nổi dậy trong thời gian đó vẫn thường được nhắc lại dưới cái tên phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, tác giả cho là nằm trong khuôn khổ tổng nổi dậy tại Viễn Đông mà Staline hy vọng là qua đó gây tổn thương cho

Anh-Pháp-Hà Lan như Lenin từng mong đợi, vì đó là thời điểm các chính quyền thuộc địa tại vùng này đang trên đà suy yếu.

Nhận định trên của Duncanson đã bác bỏ một luận điệu sau này của Cộng Sản Việt Nam biện giải rằng phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh là một phong trào tự phát không nằm trong kế hoạch đấu tranh của đảng Cộng Sản Đông Dương và nhất là không do Hồ Chí Minh chủ xướng, vì Hồ Chí Minh không muốn có bạo động.

Duncanson xác nhận cuộc tổng nổi dậy trên do đảng Cộng Sản Đông Dương thúc đẩy nhưng không đem lại kết quả tốt đẹp nào mà còn tạo một tiếng vang bất lợi cho Cộng Sản do những bạo hành quá độ. Thêm nữa, phản ứng của chính quyền thuộc địa Pháp tại Đông Dương cũng trở thành một mối đe dọa sự tồn tại của tổ chức này nên từ 1932, đảng Cộng Sản Đông Dương đã phải rút lại đường lối cực đoan, thay thế bằng sách lược "liên minh" để dựa dẫm và khai thác các tổ chức vẫn bị coi là thù địch vì thuộc giai cấp "tư sản".

Trong khung cảnh chung của thực tế tình hình thời điểm đó, sách lược này có nhiều hứa hẹn mang lại thành công, nhất là do sự phát triển ảnh hưởng của một lực lượng chính trị khuynh tả ngay tại Pháp là Mặt Trận Bình Dân - Front Populaire. Cộng Sản Quốc Tế đã bày tỏ công khai sự ủng hộ Mặt Trận Bình Dân trong hy vọng sẽ bùng nổ tại Pháp một cuộc cách mạng dân chủ tư sản như kiểu cuộc cách mạng Nga do nhóm Kerensky lãnh đạo.[3]

Theo đánh giá của Duncanson, sự đứng vững và tiếp tục phát triển của đảng Cộng Sản Đông Dương không

hoàn toàn do sự chọn lựa đường lối thích nghi với tình hình mà một phần còn do sự chia rẽ trong nội bộ các tổ chức yêu nước.

Chính sự chia rẽ này đã tạo thêm điều kiện thuận lợi cho tình trạng lấn át của phong trào Việt Minh hình thành bằng cách khai thác và làm biến dạng tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội vốn là một tổ chức tương đối có uy thế của những người yêu nước lúc đó.

Chiều hướng diễn biến này của thực tế còn đem lại cho Hồ Chí Minh cơ hội nhân lòng tin của tướng Trương Phát Khuê để nhận được sự yểm trợ hết sức thuận lợi cho việc giành quyền lãnh đạo các lực lượng đấu tranh Việt Nam.

Tác giả viết: "*Một mắt xích nối kết xuyên suốt lịch sử cộng sản Việt Nam là cuộc đấu tranh cá nhân của ông Hồ nhằm thâu đoạt quyền bính, tiến từ chỗ một điệp viên quốc tế tầm thường của ngoại bang trở thành một lãnh tụ quốc gia.*"[4]

Chương 5 được dành trình bày về tình hình miền Nam dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm mà tác giả mệnh danh là *chế độ gia trưởng - patriarchy.*

Theo tác giả, Ngô Đình Diệm tự nghĩ mình và Hồ Chí Minh là hai đối thủ về lòng yêu nước tranh đua với nhau để cai trị dân.

Nhận định của tác giả có vẻ muốn nêu ra một sai lầm quan trọng của Ngô Đình Diệm, vì Hồ Chí Minh không phải là người yêu nước nên vấn đề đặt ra không phải là cai trị dân mà là tranh đoạt uy quyền để phát triển thế lực của Quốc Tế Cộng Sản.

Cũng theo tác giả, Ngô Đình Diệm còn lầm lẫn quan trọng hơn khi đánh giá đường lối hành động của Hồ Chí

Minh. Tác giả cho biết Ngô Đình Diệm đã e ngại rằng hành vi tẩy chay cuộc tổng tuyển cử được quy định diễn ra vào tháng 7/1956 theo hiệp định Genève có thể khiến Hồ Chí Minh xua quân tràn qua Bến Hải.

Bằng những cân nhắc dựa trên hiểu biết về phương pháp đấu tranh của Cộng Sản, Duncanson phát biểu là Hồ Chí Minh sẽ chỉ mở các cuộc tấn công khi nào nắm chắc các yếu tố tiếp tế cũng như thông tin, tình báo tức là khi nào các lực lượng cơ sở Cộng Sản tại chỗ có đủ sức khuấy động tình hình để vừa tạo ra những khó khăn cho đối thủ vừa tạo được điểm tựa quần chúng vững chắc cho mình.

Đặt nặng vấn đề đối phó với một cuộc tấn công quân sự quy mô từ ngoài lãnh thổ để coi nhẹ việc củng cố tình hình xã hội chính trị trong nước sẽ là một tai họa trong cuộc đối đầu với Cộng Sản.

Tác giả giải thích: *"Nếu quân Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tấn công thẳng vào thời gian này, thì họ sẽ chỉ tấn công khi nào cầm chắc rằng vùng mà quân họ tràn vào đã được kiểm soát đủ bởi những cán bộ khuấy động quần chúng để được bảo đảm rằng lực lượng tấn công sẽ được tiếp tế và thông tin tình báo đầy đủ."*[5]

Tác giả tổng kết những tổ chức chính trị dưới chiêu bài dân tộc yêu nước mà Cộng Sản Việt Nam thành lập để cho biết Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam là tổ chức thứ 10 do Cộng Sản dựng lên. Đó là chỉ kể riêng những tổ chức mang danh nghĩa Mặt Trận, còn nếu gộp chung với những tổ chức mang các danh nghĩa khác như Ủy Ban Giải Phóng hay Cứu Quốc thì Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam là tổ chức thứ 17 do

Cộng Sản đưa ra để tiến hành sách lược đấu tranh bành trướng thế lực.

Government and revolution in Việt Nam là tập hợp những nhận định sắc bén của một chuyên gia hiểu biết sâu sắc tình hình Việt nam và am tường về phương pháp đấu tranh Cộng Sản. Trong khi trình bày vấn đề, Duncanson cũng không bị lôi cuốn bởi ảnh hưởng cảm xúc cá nhân nên bức tranh toàn cảnh về vấn đề Việt Nam của tác giả có những nét khắc họa rất đáng kể.

Chú thích

1 Sách do Oxford University Press xuất bản năm 1968 tại New York và Luân Đôn.

2-4-5 SĐD tr.140, 141, 253.

3 Alexandr Feodorovich Kerensky (1881- 1970), cầm đầu chính phủ ôn hòa giữa hai cuộc cách mạng ở Nga trong năm 1917. Bị nhóm Bolshevik của Lenin loại. Từ 1940 đến 1970 ông sống ở Hoa Kỳ.

Chương 28
P. DEVILLERS & J. LACOUTURE và *La Fin d'une Guerre*

Philippe Devillers và Jean Lacouture thường được coi là hai chuyên gia thượng thặng về chiến tranh Việt Nam. Cả hai đều là người Pháp, hoàn tất tác phẩm ***La Fin d'une Guerre*** năm 1959. Năm 1960, nguyên tác Pháp ngữ của tác phẩm này được phát hành lần đầu tại Paris[1]. Mười năm sau, 1970, bản dịch tiếng Anh của tác phẩm được xuất bản ở Mỹ.[2]

Tác phẩm chủ yếu nói về hội nghị Genève 1954 nhằm kết thúc chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh. Với tựa đề ***La Fin d'une Guerre*** hay ***End of A War - Kết thúc một cuộc chiến***, hai tác giả cho rằng đến lúc đó là hết chiến tranh. Nhưng 10 năm sau các tác giả thấy chiến tranh Việt Nam vẫn còn tiếp diễn nên đã thêm phần cuối vào bản dịch và trong lời tựa, Lacouture cho biết, nếu biết trước tình hình như thế này, đã không chọn cái nhan sách như thế.

Cũng như một số tác giả Tây Phương khác, Lacouture

cho rằng không có hai cuộc chiến tại Việt Nam mà chỉ có một cuộc chiến kéo dài từ 1946 đến lúc đó - 1969.

Theo tác giả có thể nhìn cuộc chiến Việt Nam qua hai giai đoạn nhưng cả hai giai đoạn này đều mang chung 4 điểm tương đồng. Tác giả viết phần cuối này vào thời gian đang diễn ra cuộc hòa đàm Paris tương tự hội nghị Genève 1954 nên dự đoán người Mỹ sẽ chịu chung số phận với người Pháp do 4 điểm tương đồng đã có:

1- Trong cả hai giai đoạn, lực lượng Tây phương cố gắng vô vọng để bắt nhân dân Việt Nam thay đổi chế độ, lãnh tụ và hướng tiến mà họ đã chọn.

2- Trong cả hai giai đoạn, lực lượng Tây Phương đã không đếm xỉa đến sự thống nhất sâu xa, cơ bản và sinh học của nhân dân Việt Nam, cố chấp duy trì những biên giới địa lý, ý hệ mà chính người Việt Nam bác bỏ.

3- Trong cả hai giai đoạn, lực lượng Tây Phương cho rằng mình chiến đấu chống cuộc xâm lăng của Cộng Sản do Mạc Tư Khoa hay Bắc Kinh xúi bẩy, chứ không chịu nhìn nhận bản chất Việt Nam của lực lượng kháng chiến Việt Minh và chính nghĩa của Việt Cộng.

4- Trong cả hai giai đoạn, đoàn quân viễn chinh của Tây Phương hiển nhiên không thích hợp với xứ sở này và bị đại đa số nhân dân Việt Nam chống đối. Cùng với nhân dân Việt Nam còn có các lực lượng thiên nhiên như rừng núi hiểm trở, gió mùa ẩm thấp, sình lầy, sốt rét rừng và ngay cả nhịp sống.[3] ***La Fin d'une Guerre*** gồm 29 chương chia thành 3 phần. Phần đầu gồm 7 chương nói về cuộc chiến Pháp và Việt Minh. Phần 2 nói về hội nghị Genève 1954 gồm 16 chương. Phần cuối với 6 chương nói về sự

chuyển giao trách nhiệm từ Pháp qua Mỹ.

Chương đầu do Devillers viết. Tác giả chê trách các chính phủ Pháp mù quáng và tham lam không chịu thi hành Hiệp Ước 6-3-1946 đã ký với Hồ Chí Minh và lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng Vũ Hồng Khanh. Không những thế, Pháp còn mù quáng đến độ tiếp tay cho Việt Minh tiêu diệt lực lượng võ trang của các đảng quốc gia.[4] Việc Pháp không tôn trọng bản hiệp ước đã ký, không thỏa mãn khát vọng độc lập dân tộc của những người yêu nước thuộc phe *"quốc gia"* cũng đẩy những người này vào cái thế bắt buộc phải liên minh với cộng sản để chiến đấu.[5]

Theo tác giả, Hồ Chí Minh đã chấp nhận hy sinh, đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi của đảng khi tuyên bố giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương vào ngày 11-11-1945![6] Tác giả cho rằng đây là một hành vi khôn khéo của Hồ Chí Minh để tạo chiếc *mặt nạ "mặt trận dân tộc"* cho Việt Minh lúc đó. Chiếc mặt nạ này đã bị bắt buộc phải rớt xuống khi Mao Trạch Đông chiến thắng tại Hoa Lục.

Tác giả viết: *"Như cái giá để mua sự ủng hộ của Trung Cộng, họ buộc phải từ bỏ trò giả hình: chủ nghĩa Mác không còn phải ngụy trang trong mấy tiếng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa nữa. Đảng Cộng Sản Đông Dương đã bị giải tán năm 1945 phải được tái lập, và phải để nó nắm vai trò lãnh đạo...Vì chính sách đó mà đảng Lao Động được sáng lập*[7]*, mà có cuộc đại thanh trừng từ 1950 đến 1951, dần dần biến đổi Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thành một thứ Cộng Hòa Nhân Dân và cuối cùng là cuộc Cải Cách Ruộng Đất theo mô hình Trung Quốc."*[8]

Theo tác giả, Hồ Chí Minh hành động như trên không do chủ ý mà do bị ép buộc để có sự ủng hộ của Trung Cộng.

Thực ra, trong cùng vấn đề lại có không ít tác giả cho rằng sau chiến thắng của Mao Trạch Đông tại Hoa lục, Hồ Chí Minh đã đạt được điều kiện thuận lợi để không cần che giấu chân tướng Cộng Sản nữa. Nhận định này đặt trên cơ sở sự kiện Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương vào tháng 11.1945 chỉ là một bước lui chiến thuật chứ không phải hành động hy sinh vì yêu nước như Devillers ca ngợi.

Thời điểm Devillers nêu vấn đề là 1959 tức thời điểm Đảng Lao Động chưa trở lại nguyên hình đảng Cộng Sản và cũng chưa có những sự nhìn nhận của các nhân vật chủ chốt trong hàng ngũ Cộng Sản Việt Nam về bước đi chiến thuật trên.

Tuy nhiên, chính tác giả đã nhắc tới cuộc đại thanh trừng 1950-1951 và chính sách Cải Cách Ruộng Đất theo mô hình Trung Quốc để nhìn nhận Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa biến hình thành một kiểu Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thì việc tiếp tục coi Hồ Chí Minh là một người yêu nước đại diện chính thức cho quyền lợi của dân tộc Việt Nam là một sai lầm vượt khỏi mức tưởng tượng. Vì cả hai biến cố mà tác giả đề cập tới và có vẻ nắm khá vững khi xảy ra tại Trung Hoa không hề mang mục đích phục vụ quyền lợi của dân tộc Trung Hoa mà chỉ nhắm tiêu diệt các thành phần khác chính kiến, dù là người yêu nước, để củng cố quyền lực của đảng Cộng Sản và cá nhân lãnh tụ Mao Trạch Đông.

Những sự kiện đó được lập lại tại Việt Nam tất nhiên cũng không thể nhắm phục vụ đất nước Việt Nam mà chỉ

là bước đi cần thiết để củng cố quyền lực cho đảng Cộng Sản và lãnh tụ Hồ Chí Minh mà thôi.

Thực ra không phải chỉ ở thời điểm 1959, Devillers mới nghĩ về Hồ Chí Minh như vậy mà đó là ý nghĩ đã được trình bày lại vào 10 năm sau.

Trong phần viết thêm cho ấn bản tiếng Anh phát hành năm 1969, Devillers đã đánh giá cao về thái độ niềm nở của Hồ Chí Minh khi đón Sainteny tại Hà Nội và tin tưởng tuyệt đối ở những lời tuyên bố của Phạm Văn Đồng vào dịp đó.

Tác giả kể lại là Hồ Chí Minh đã tiếp đón Sainteny *một cách cực kỳ niềm nở - extremely cordial* - như đón tiếp một người bạn và không có vẻ gì tỏ ra phản đối chuyện nước Pháp nối lại các hoạt động ngoại giao đã bị bỏ dở từ 1946[9] Tác giả trích dẫn một câu nói của Hồ Chí Minh khi Sainteny trình ủy nhiệm thư được thủ tướng Mendès France cử làm tổng đại diện của Pháp tại miền Bắc Việt Nam. Lúc đó, Hồ Chí Minh đã nói với Sainteny: *"Tôi rất sung sướng thấy nước Pháp cử tới một đại sứ, và vị đại sứ đó lại là ông. Này bạn Sainteny ơi, bạn nghĩ khi nào tôi sẽ có thể gửi một đại sứ tới Paris?"*.

Cách tiếp đón và lời lẽ thân mật đó, cộng thêm tình bạn mà Sainteny tin là Hồ Chí Minh dành cho mình vẫn đặt nhà ngoại giao lão luyện này trong ý hướng tìm sự kết giao hữu nghị giữa Pháp và chế độ của Hồ Chí Minh.

Các tác giả ***La Fin d'une Guerre*** luôn ủng hộ lập trường của Sainteny nên tỏ ý tiếc là chính phủ Paris lúc đó bị chi phối quá nhiều bởi các phần tử chống Cộng, nhất là sợ bị Mỹ nghi ngờ phản đối nên đã không trao cho Sainteny một vai trò nghiêm túc bên cạnh Hồ Chí Minh.

Các tác giả trưng dẫn thêm lời tuyên bố của Phạm Văn Đồng trong chương 26, khi nhân vật này nói với Sainteny: *"Ai bảo ông rằng (chế độ) chúng tôi là Cộng Sản? Một chế độ như thế sẽ chẳng muốn khuyến khích các doanh nghiệp tư bản như chúng tôi làm."*

Theo các tác giả, Sainteny đã đạt được một thỏa hiệp về kinh tế với Hà Nội vào ngày 11-12-1954 liên quan đến các mỏ than Hòn Gai, các công trình xi măng Hải Phòng và nhà máy sợi Nam Định.

Nhưng cũng theo các tác giả, những bước tiến tốt đẹp này đều quá trễ vì chính phủ Pháp lúc đó và Mỹ đã có những quyết định dứt khoát mang tính cách phá bỏ mọi nỗ lực bảo vệ quyền lợi kinh tế của Pháp tại Việt Nam, cụ thể là tại miền Bắc. Trong khuôn khổ những quyết định này, Pháp phải bám lấy Mỹ theo hướng bảo vệ hiến chương Đại Tây Dương và hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á (SEATO) để tiếp tục kiên trì lập trường ngăn chặn làn sóng đỏ.[10]

Các tác giả ***La Fin d'une Guerre*** cho rằng quyết định đó là sự thiển cận mù quáng của người Pháp vì đã không chịu nhìn ra một thực tế là chế độ của Hồ Chí Minh vừa có tư cách hợp pháp vừa đại diện cho nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam. Chính thực tế này đã tạo nên sức mạnh chiến đấu đánh bại Pháp tại Điện Biên Phủ, nhưng Pháp không chịu đổi thay chính sách cho phù hợp với thực tế mà còn truyền kinh nghiệm sai lầm cho Mỹ. Sự chuyển giao vai trò Pháp - Mỹ trong cuộc chiến Việt Nam là cuộc trao đổi giữa hai kẻ mù mịt về tình hình Việt Nam.[11] Các tác giả cho biết đã có lần chính tướng Paul

Ely, giới chức chỉ huy cao cấp nhất của Pháp ở Việt Nam, thú thực rằng gần như không biết gì về đất nước này.

Tất nhiên các tác giả không đánh giá Mỹ cao hơn tướng Ely, nhất là do *Mỹ dứt khoát không chịu liên lạc với các lãnh tụ Việt Minh, trong khi tích cực ủng hộ Ngô Đình Diệm - tuy là người yêu nước, nhưng ngoài tính liêm khiết sẽ chẳng làm được trò trống gì vì tinh thần cố chấp, bè phái.*

Bằng những gợi ý gián tiếp, các tác giả có vẻ muốn nói rằng nếu ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles không cố bênh vực Tổng Thống Ngô Đình Diệm, chịu đặt những nhân vật Việt Nam ôn hòa như nhà bác học Bửu Hội chẳng hạn vào vai trò lãnh đạo miền Nam thì tình hình đã đổi khác một cách tốt đẹp.

Devillers thuật lại rằng Phạm Văn Đồng từng đề nghị Sainteny cho coi một bài báo của giáo sư Bửu Hội rồi ngỏ ý muốn được thương lượng với những nhà lãnh đạo "*ôn hòa hơn*" để đi đến thống nhất đất nước.

Trong dịp đó, Phạm Văn Đồng còn phát biểu là những người ôn hòa sẽ khiến tình hình ổn định, duy trì được trật tự xã hội và dân chủ chính trị. Khi đặt vấn đề như vậy, các tác giả đã cố tình bỏ quên một thực tế là chính nhà bác học Bửu Hội tích cực ủng hộ Ngô Đình Diệm ngay cả trong thời điểm Đệ Nhất Cộng Hòa lâm cảnh tứ bề thụ địch, còn đề nghị của Phạm Văn Đồng đâu có phải một mưu tính khó nhận ra trong sách lược khuynh đảo tình hình để đánh phá đối phương. Hơn nữa, tất cả những lời Phạm Văn Đồng nói riêng với Sainteny đâu có thể coi là phản ảnh đường lối chung của Cộng Sản Việt Nam.

Các tác giả đã hết lời chê bai các giới lãnh đạo Pháp -

Mỹ mù lòa về thực tế Việt Nam nên quyền lợi của Pháp bị thiệt hại và Mỹ khó tránh khỏi thất bại. Có thể sẽ còn nhiều người cân nhắc mức độ chính xác của lời chê bai này về sự mù lòa của chính giới Pháp - Mỹ, nhưng chắc chắn không ai cần cân nhắc nếu dành cho sự mù lòa về Việt Nam của hai chuyên gia Devillers và Lacouture.

Thực ra, mù lòa có lẽ là từ nhẹ nhất để dùng trong trường hợp này. Bởi vì mù lòa chỉ do thiếu kiến thức nên sai lầm chứ không phải sự bất lương của hành vi che giấu sự thực để lường gạt dư luận bằng những lời lẽ xảo trá.

Người đọc có thể dễ dàng bỏ qua sự lầm lạc nhưng khó quên sự bại hoại hiển hiện trong cái cách biện bạch bất nhân trắng trợn mà Jean Lacouture từng nêu ra: *"Để giữ nguyên sự thán phục dành cho cuộc cách mạng, tốt nhất là không nên nhắc đến các nạn nhân của nó"*.

Chú thích

1 Xuất bản năm 1960, NXB Seuil, 379 trang

2 Bản dịch của Alexander Lieven và Adam Roberts, NXB Frederick A. Praeger Inc. New York 1970.

3-4-5-6 SĐD tr. VIII, 12, 13, 13

7 Tác giả dùng chữ "creation".

8-9-10-11 SĐD tr. 26-27, 356, 359-360, 395.

Chương 29
DENIS WARNER và *The Last Confucian*

The Last Confucian được viết xong tháng 4/1963 và do The MacMillan Company, New York xuất bản cùng năm đó. Sách dầy 275 trang gồm 14 chương, phần nhiều là những bài báo đã được đăng tải, trong đó chương 5 mang tựa đề của tác phẩm, nhắm nói Ngô Đình Diệm là ***Nhà Nho cuối cùng***. Trong lời mở đầu, cũng như Jean Sainteny từng ghi, Denis Warner[*] cho biết mình không phải sử gia mà chỉ là một nhà báo muốn phác họa *"bức tranh tổng quát về những biến cố dẫn tới một cuộc chiến trong đó có dính líu đến những chiến binh Mỹ, cố vấn Anh, và vài chuyên gia Úc về chiến tranh rừng rú."*

Chương 2 mang tiêu đề *Họ gọi ông ta là Bác Hồ*, dành ghi lại kiến thức của Ngô Đình Diệm về chiến thuật Cộng Sản do Mao Trạch Đông đề xướng mà nhà lãnh đạo miền Nam Việt Nam lúc đó cho là rất ít người hiểu, tuy chiến thuật này hết sức đơn sơ.

Denis Warner cho biết chính ông Diệm đã nói với tác giả, chỉ có hai người hiểu tường tận chiến thuật trên là Che Guevara

của Cuba và Hồ Chí Minh của Việt Nam. Tác giả trình bày kiến thức của các nhân vật được đề cập về chiến thuật Cộng Sản Mao Trạch Đông bằng cách tóm gọn trong mấy lời phát biểu:

- Mao Trạch Đông: *Chẳng có gì bí nhiệm trong chiến lược đánh bại một lực lượng hùng hậu hơn mình 20 lần.*

- Ngô Đình Diệm (*sau khi chỉ trên bản đồ để trình bày vắn tắt Hồ Chí Minh đánh thắng Pháp ra sao*): *Đối với người ngoài phố, đô thị là số một, rồi đến thôn quê, sau nữa mới đến rừng núi. Cộng Sản làm ngược hẳn lại. Chiến lược của họ là rừng núi trước, nông thôn sau rồi tới cô lập thành thị. Những điều ấy rất giản dị, nhưng ít người hiểu rõ.*

- Che Guevara (*tin rằng*): *Chỉ một hạt nhân từ 30 đến 50 người đủ để khởi động một cuộc nổi dậy vũ trang kiểu Mao-ít tại bất cứ nước nào ở châu Mỹ.*

- Hồ Chí Minh (*1927 tại Quảng Đông*): *Ở Đông Dương chẳng ai hiểu Cộng Sản là gì.*[1] Câu nói này của Hồ Chí Minh, theo tác giả, đã khiến trong một thời gian dài nhiều người đều tin rằng Hồ Chí Minh là người yêu nước, chứ không phải Cộng Sản.[2]

Denis Warner không ngờ vực gì về việc Hồ Chí Minh là cán bộ Cộng Sản mà còn nêu rõ những kẻ cầm đầu phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh đều xuất phát từ tổ công tác của Hồ Chí Minh tại Thái Lan.[3]

Tác giả cho biết về tương quan giữa Hồ Chí Minh với Đệ Tam Quốc Tế theo tiết lộ của một lãnh tụ cộng sản Pháp bị mật vụ Anh tại Singapore bắt hồi 1931. Lúc đó Hồ Chí Minh có trụ sở thường xuyên ở Hồng Kông, giữ vai trò một đại sứ lưu động của Đệ Tam Quốc Tế tại Đông Nam Á. Trong một chuyến thăm Singapore, Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng trong việc thành lập đảng Cộng Sản Mã Lai. Hồ Chí Minh bị bắt giữ 18 tháng tại Hồng Kông và người Anh không thấy có bằng chứng về việc mưu đồ lật đổ chính quyền Hồng Kông nên đã không

dẫn độ Hồ Chí Minh về Đông Dương như Pháp yêu cầu. Sau đó, Hồ Chí Minh được phóng thích.

Về việc Trương Phát Khuê dùng Hồ Chí Minh làm tình báo cho Quốc Dân Đảng Trung Hoa, tác giả viết đại để: *"Có người kể rằng, tư lệnh địa phương ở Quảng Đông*[4] *cần có nhân viên tình báo và du kích quân ở Bắc Kỳ trong lúc cũng biết những cố gắng của Quốc Dân Đảng Trung Hoa để lập một mạng lưới riêng không thành công. Do đó nhân vật này đã đề nghị Hồ Chí Minh bỏ cái tên Nguyễn Ái Quốc để che kín mối tương quan với Cộng Sản. Điều này cần thiết để thuyết phục chính phủ Trùng Khánh chấp nhận Hồ Chí Minh như một chiến sĩ cách mạng An Nam sẵn sàng đưa tin tình báo về quân Nhật để đổi lấy đồ tiếp tế và vũ khí của Mỹ."* Có thể đây là lý do khiến cái tên Hồ Chí Minh đã được giữ thay cho cái tên Nguyễn Ái Quốc?[5] Theo tác giả lúc ấy chẳng ai biết Hồ Chí Minh là ai, vì chính Hồ Chí Minh cũng chưa kịp làm quen với cái tên mới của mình. Denis Wagner đưa ra cả các chi tiết về thân thể và cá tính Hồ Chí Minh: *"Ông ta có bàn chân to, chai như chân cu li, và cái bắt tay như vuốt diều hâu quặp lấy. Đó là thói quen của ông ta, ông ta cố ý làm như vậy để cho thấy bàn tay sắt của mình."* Về các chi tiết này, tác giả còn kể là Phạm Văn Đồng từng cho biết, vào những lúc thư thả, Hồ Chí Minh thường liệng đá cả ngày để làm cho bàn tay trở nên cứng mạnh.

Hồ Chí Minh dựa vào Quốc Dân Đảng Trung Hoa và người Mỹ để gây dựng lực lượng nên trở thành một cái gai nhọn trong mắt người Nhật. Vì vậy, năm 1945 người Nhật đã có ý định giúp vua Bảo Đại thanh toán hết các cán bộ Việt Minh tên tuổi. Ý định này bị tiết lộ và trong khi nhà vua còn do dự thì Việt Minh bắt anh ruột của Ngô Đình Diệm là Ngô Đình Khôi và một người con của ông này *"đem chôn sống"*.[6]

Nhân nhắc chuyện Ngô Đình Khôi bị giết và Ngô đình Diệm phải trốn sau khi từ chối tham gia chính phủ liên hiệp

của Hồ Chí Minh, Denis Wagner kể lại một sự việc đã được nghe: *"...Việt Minh đi tìm ông Diệm đã đột nhập nhà chị của ông, trong đó có cô gái 21 tuổi không sợ Việt Minh, chạy lại che chở cho con chó Quitô, khi nó bị những người này toan bắn chết. Cô ta la toáng lên: "Các anh giết được nó thì cũng giết được tôi... Cô gái đó ngày nay - 1963 - là bà Ngô Đình Nhu".*

Về việc ký kết bản Hiệp Ước Sơ Bộ 6-3-1946 với Sainteny để bị kết án là phản quốc, tác giả cho rằng Hồ Chí Minh không còn chọn lựa nào khác trong thế phải đối phó với cả hai thế lực kình chống là Pháp - Trung Hoa. *"Nhân dân Việt Nam lấy làm ngạc nhiên. Nhưng vào lúc ấy trước mắt nhiều đồng bào, ông ta không thể làm điều gì sai quấy. Cộng sản hay không, ông ta cũng là anh hùng. Một vài người Công Giáo còn bảo họ thấy mắt ông Hồ có hai con ngươi và giải thích đó là mắt của một vị thánh. Để chiếm được sự ủng hộ rộng rãi hơn, ông đã lập mặt trận Liên Việt, chủ ý là giấu kín cái nhân Cộng Sản trong chiếc vỏ chủ nghĩa dân tộc. Điều này đã đánh lừa được nhiều người, nhưng không phải ai cũng bị lừa. Những kẻ như Ngô Đình Diệm từ chối không chịu gia nhập mặt trận. Bảo Đại kẻ "đồng sàng dị mộng" chẳng bao lâu bị cho đi biệt xứ. Trong Nam, liên minh với các giáo phái không suông sẻ. Trong khi đó, Hồ và Phạm Văn Đồng lãnh đạo phái đoàn sang Pháp, trao quyền lãnh đạo cho Võ Nguyên Giáp. Tay này tiếp tục trừ khử đối lập và chuẩn bị chiến tranh..."*[7]

Mối đe dọa của Cộng Sản mà chính quyền Ngô Đình Diệm phải đối phó trong những năm đầu thập kỷ 60, sau khi Bắc Việt tung quân vào *"chiếu cố miền Nam"* được tác giả so sánh với tình hình hồi cuối thập niên 40 ở Việt Bắc.

Tác giả ghi lại lời phân tích của chính Ngô Đình Diệm: *"Hãy nghe ông Diệm giải thích: "Hồ và Giáp khởi sự ở Thái Nguyên và Tuyên Quang, từ những vùng núi đá, khó lui tới, phủ đầy rừng rậm. Không ai để ý quan tâm đến những vùng rừng núi này nhiều. Trong*

những ngày đầu, người Pháp ít lo gặp rắc rối với người Tầu, do đó họ giữ phòng tuyến bằng những đồn bót bao phủ phía bắc và phía tây các căn cứ Việt Minh. Việt Minh quấy phá các đồn binh và các con đường từ các căn cứ của chúng. Chẳng bao lâu các đồn bị cô lập. Những đồn binh Pháp ở các nơi khác tại miền Bắc còn bị cô lập hơn nữa. Cùng lúc đó quân Việt Minh hoạt động trong các tỉnh giầu có nhất trong vùng lưu vực sông Hồng. Pháp không có đủ quân, vì thế phải rút một số lực lượng ở những tiền đồn khiến những đồn này trở thành rất dễ bị tấn công. Thế là Việt Minh tấn công và toàn bộ chiến tuyến bị phá vỡ. Chỉ còn lại một vài đồn cô lập. Việt Minh kiểm soát một vùng rất rộng và khởi sự mở những căn cứ mới hòng tranh với Pháp quyền kiểm soát các trục lộ giao thông.

Bây giờ chúng tôi cũng bị ở vào tình trạng giống như vậy, tại khu vực dẫy Trường Sơn này. Cũng lại chuyện cũ tái diễn. Cái khác là dẫy Trường Sơn rộng lớn hơn nhiều so với 2 tỉnh Việt Bắc mà Hồ Chí Minh đã bắt đầu: Nó trải dài suốt dọc Việt Nam cho tới vùng chiến khu D, bên ngoài Sài Gòn."[8]

Đề cập tới cuộc xâm lăng của Cộng Sản bằng cách thấm dần, tác giả nhắc lại chuyện Hồ Chí Minh tổ chức đảng Cộng Sản Xiêm hồi cuối thập niên 20 đầu thập niên 30.

Tác giả cho rằng Ngô Đình Diệm hiểu rất rõ chiến lược Cộng Sản nhưng nhận định chính quyền Ngô Đình Diệm không có biện pháp hữu hiệu để đối phó với chiến lược thấm dần đó.

Nhược điểm này là một thực tế dễ hiểu. Trước hết, Cộng Sản đã có một đội ngũ cán bộ được rèn luyện kỹ về du kích chiến và dày dạn kinh nghiệm chiến đấu trong gian khổ. Mức rèn luyện và từng trải này là căn bản nâng đỡ tinh thần chịu đựng bền bỉ khi phải chui rúc trốn tránh trong những điều kiện ngặt nghèo.

Trong khi đó, tuyên truyền luôn là lợi khí sắc bén của Cộng Sản, còn Cộng Hòa Việt Nam và thế giới tự do lại mang mặc cảm nặng nề về phương diện này, thậm chí coi tuyên truyền là

xấu xa, nên vụng về lúng túng khi cần tuyên truyền và không có những biện pháp phản tuyên truyền hữu hiệu cần thiết để đối phó với luận điệu của đối phương.

Tác giả dành hẳn chương 8 nói về sự vận dụng tuyên truyền của Cộng Sản tại một địa điểm được gọi bằng mã số là làng XB. Dựa theo nhiều báo cáo của Cộng Sản mà chính quyền Cộng Hòa Việt Nam bắt được, tác giả dựng lại khung cảnh làng XB là địa phương chỉ có dăm, ba cán bộ Cộng Sản hoạt động.

Khai thác chính sách cải cách ruộng đất của chính quyền miền Nam lúc đó, những cán bộ Cộng Sản này dựng lên chiêu bài giữ đất. Không đả động đến giải phóng hay lòng yêu nước, cán bộ Cộng Sản chỉ xoay quanh vấn đề không cho địa chủ trở về lấy lại ruộng đất mà những năm trước Việt Minh đã tịch thu chia cho dân nghèo.

Họ làm một số chông và bẫy sập để gây trở ngại cho việc lui tới của quân đội quốc gia. Rồi dần dần họ dạy dân làng cùng làm chông, làm bẫy. Khi đã gây được tin tưởng của dân làng, các cán bộ này mới đưa ra một số cờ của Mặt Trận Giải Phóng yêu cầu dân chúng treo trước nhà.

Tất nhiên lúc đầu chỉ có một số rất ít người nghe theo. Khi lính quốc gia đến bắt hạ cờ, những người chấp nhận treo cờ đã được cán bộ dạy cách đối đáp: *Chúng tôi treo cờ này là vì hòa bình. Cờ này không phải cờ đỏ sao vàng của Việt Minh Cộng Sản* ...Tình trạng giằng co như thế tiếp tục kéo dài và theo thời gian số cờ càng được treo lên nhiều hơn.

Khi đã thu phục được tin tưởng của dân làng, các cán bộ Cộng Sản mới nêu vấn đề rào làng kháng chiến, không chỉ dùng chông, bẫy mà đem vũ khí vào làng. Những vũ khí này được chuyển từ Bắc vào Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh.

Cũng tới lúc này, Cộng Sản mới nói đến đấu tranh giải phóng, thúc đẩy trai tráng trong làng gia nhập du kích, thu thuế, tổ

chức ám sát các viên chức chính quyền và cuối cùng tiến đánh các đơn vị lẻ tẻ trang bị yếu ...

Tác giả trích từ các báo cáo một đoạn nói về việc treo cờ mừng Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam ra đời cuối 1960: "*Các vách tường được quét vôi trắng, cờ được may và đem treo lên cột cờ trước mỗi nhà. Tất cả có tới 600 lá cờ trong cả làng. Cán bộ đảng ta đã giảng giải cho dân và chuẩn bị cho họ tranh luận với địch. Khi lính ngụy tới hạ cờ xuống đem đi, dân sẽ nói: Đây là cờ hòa bình, không phải cờ Việt Cộng. Cờ này có nghĩa là nhân dân làng này, trong đó có bà con của các anh đã có đất để cầy cấy. Hầu hết lính ngụy đồng ý và chỉ lấy đi một ít cờ, chứ không lấy hết...*"

Tác giả trích thêm một đoạn khác trong báo cáo Cộng Sản về bàn chông: "*Dân chúng nghĩ đặt chông là phi pháp và sẽ bị lính ngụy khủng bố trả thù. Biết thế, chính cán bộ đảng đã đi đặt bàn chông, trong khi vẫn cố gắng giáo dục dân. Đảng đã đặt nhiều chông chưa từng thấy từ trước tới nay. Có lần trong khi đi càn quét, một tên lính ngụy đạp trúng chông và bị thương. Thế là cả bọn chúng rút. Các đảng viên cho đó là một thắng lợi, liền tổ chức mít tinh giải thích: đặt chông sẽ ngăn cản không cho lính tới làng; không đặt chông, địch sẽ đến thu thuế, thu tô, bắt đi làm cỏ-vê và bắt trai tráng đi lính cho chúng. Sau đó đảng đưa ra khẩu hiệu: "Mỗi bàn chông cho một ô đất.*"[9]

Bằng những tài liệu chính xác, Denis Wagner cố nêu rõ phương thức đấu tranh của Cộng Sản là lợi dụng mọi tình huống thực tế, đưa ra mọi chiêu bài có sức lôi cuốn với các tập thể đối tượng để dắt dẫn quần chúng đi theo từng bước cho tới mức không thể trở lui thì tung ra các biện pháp thúc đẩy, cưỡng bức quần chúng hành động cho mục tiêu cuối cùng của họ.

Theo hướng phân tích này, tác giả nhắc tới đường lối sống chung hòa bình của Cộng Sản trong tiến trình thực hiện chủ trương đấu tranh giai cấp. Trưng dẫn báo *Quốc Tế Vụ* số tháng

4-1960, tác giả viết: "...*Cả đảng cộng sản Liên Xô lẫn phong trào cộng sản thế giới đều "coi sự chung sống hòa bình như một hình thức đấu tranh giai cấp trên bình diện toàn thế giới. Họ không nghĩ một cuộc chiến tranh tàn phá là cần thiết để làm cách mạng biến đổi những quốc gia chưa đi vào đường xã hội chủ nghĩa ...Tóm lại "sự trung lập" mà Khrutshchev nhắm cho nước Lào không có gì trái với quan niệm của tờ Quốc Tế Vụ về chiến tranh cách mạng giải phóng "mang tới thắng lợi"*.[10]

Trên thực tế, rất nhiều người không hề ngạc nhiên về sự kiện nói một đàng làm một nẻo của Cộng Sản. Nhưng rõ ràng là đã qua quá nhiều thời gian, mọi người chỉ biết thế để đưa ra một lời nói dễ dàng:*Chuyện có gì lạ đâu!* Hiển nhiên là chẳng có gì lạ, ngoài sự tràn lấn của Cộng Sản tại nhiều vùng đất trên thế giới và đã đẩy không biết bao nhiêu thế hệ vào cảnh ngộ đọa đày bi thảm do bị cuốn hút theo những lời nói, cụ thể là những chiêu bài quyến rũ.

Chú thích

[*] Denis Warner là một trong số *ít* ký giả *Úc* am tường về tình hình Việt Nam.

1-2-3 SĐD tr. 21, 26, 27

4 Trương Phát Khuê

5 SĐD tr. 30. Theo *Biên Niên Tiểu Sử* - T. 2, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh lúc rời Pac Bó *để* sang Trung Quốc cuối tháng 8/1942, nhưng vừa qua biên giới thì bị bắt và giải *đi* Liễu Châu, tại *đây đã được* gặp Trương Phát Khuê. Có lẽ vì sự việc trên và cũng vì muốn tiếp tục *được* Mỹ và chính phủ Trùng Khánh yểm trợ nên cái tên Hồ Chí Minh *đã được* giữ lại.

6-7 SĐD tr. 67, 34

8 SĐD tr. 149. Trình bày của Ngô *Đình* Diệm *được* ghi ở *đây* cho thấy lý do VNCH phản *đối* việc cùng ký với Mỹ thỏa *ước* 1962 trung lập hóa Ai Lao theo *ý* của Averell Harriman. Ngô *Đình* Diệm *đã* nhìn rõ CS Bắc Việt

đang dùng lãnh thổ Ai Lao mở *đường* mòn trong vùng rừng núi Trường Sơn *để* xâm nhập miền Nam. Trung lập hóa Ai Lao có nghĩa là VNCH không *được* phép truy lùng Cộng Sản trên lãnh thổ Lào và con *đường* mòn này sẽ là con *đường* an toàn cho Cộng Sản tiếp tế vũ khí *đạn* dược và chuyển cán binh vào Nam.

9-10 SĐD tr. 125-126, 255

Chương 30
VÕ NGUYÊN GIÁP và *Những năm tháng không thể nào quên*

Ngoài 5 cuốn sách viết về *Bác Hồ* và tư tưởng Hồ Chí Minh[1], Võ Nguyên Giáp còn có cuốn hồi ức ***Những năm tháng không thể nào quên***, ra mắt ít tháng sau khi Hồ Chí Minh chết.[2] Trong cuốn hồi ức này, tác giả gần như không nói về mình mà chủ yếu nói về Hồ Chí Minh. Gần như trang sách nào cũng đầy dẫy những chữ *"Bác"* và *"Hồ chủ tịch"* hoặc *"Người"* viết hoa, có những trang nhắc tới cả chục lần những chữ như vậy. Cùng với lời lẽ tán dương, tác giả cố chứng minh Hồ Chí Minh là *"nhà chiến lược đại tài"* bằng cách thuật lại những chặng đường đầy khó khăn từ khi Mặt Trận Việt Minh ra đời ở hang Pac Bó cho đến khi chiến cuộc bùng nổ ngày 20/12/1946.

Khó khăn đầu tiên được Võ Nguyên Giáp nhắc tới là sự có mặt 180 ngàn quân Trung Hoa Dân Quốc tại Bắc Việt với nhiệm vụ giải giới quân Nhật theo quy định của hội nghị Potsdam.

Sự hiện diện của đội quân này khiến tổ chức Việt Minh lâm tình trạng bị đe dọa bởi các lực lượng quốc gia như Việt Cách - tức Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội - của Nguyễn Hải Thần và Việt Quốc - tức Việt Nam Quốc Dân Đảng - của Nguyễn Tường Tam và Vũ Hồng Khanh.

Những tổ chức quốc gia tranh đấu này từng hoạt động tại Hoa Nam, có ảnh hưởng lớn với quốc nội thuở đó và được sự hỗ trợ của quân đội Trung Hoa Dân Quốc. Những tổ chức này không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản và có thực lực mạnh hơn so với Mặt Trận Việt Minh nên đã đặt Hồ Chí Minh vào thế khó giữ nổi quyền lực vừa nắm được.

Võ Nguyên Giáp không trình bày thực tế này mà chỉ nói chung chung về khó khăn do sự có mặt của quân đội Trung Hoa Dân Quốc. Võ Nguyên Giáp cũng không nhắc tới thủ đoạn đối phó đầu tiên của Hồ Chí Minh là kêu gọi tinh thần đoàn kết dân tộc, đưa ra chiêu bài chính phủ liên hiệp rồi vận động mua chuộc các tướng lãnh Trung Hoa tạo áp lực thúc đẩy Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh chấp nhận "liên hiệp" với Hồ Chí Minh.

Thay cho những sự thực đó, tác giả liên tục nhục mạ các nhân vật trên, gọi là *"những tên đầu trâu mặt ngựa... tay sai của quân Tưởng"* và đẩy cho các tướng lãnh Trung Hoa chủ mưu việc đòi chia xẻ quyền hành - *Bọn quân phiệt Quốc Dân Đảng Trung Hoa sắp sẵn những con bài, gồm những tên tay sai người Việt ở Trung Hoa như Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam... Chúng tự nhận là người Việt Nam theo chủ nghĩa quốc gia, nhưng thực ra là một bọn phản động mưu toan dựa vào mũi súng quân Tưởng để kiếm sống.*[3]

Thái độ hằn học của tập đoàn lãnh đạo Việt Minh lúc đó được chính tác giả ghi lại qua sự việc *"có đồng chí nghe tin Nguyễn Hải Thần được giữ chức cao trong chính phủ, vội chạy tới, xin gặp Bác, nêu thắc mắc. Bác không giải thích nhiều chỉ hỏi: - Phân có dơ không? Nhưng dùng bón lúa tốt thì có dùng không?"*[4] Tác giả nhắc tiếp một lời khuyên của Hồ Chí Minh: *"Thấy vẻ bất bình của chúng tôi, Bác nhắc lại, cần phải biết kiên nhẫn chịu đựng, giữ hòa hoãn với quân Tưởng để có thể tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính."*[5]

Lời nói của Hồ Chí Minh được Võ Nguyên Giáp nhắc ở đây cho thấy Cộng Sản Việt Nam không hề coi các đội quân ngoại quốc có mặt tại Việt Nam là kẻ thù mà coi chính những người Việt Nam yêu nước thuộc hàng ngũ quốc gia mới là kẻ thù thực sự. Từ đây, việc vận động Trung Hoa rút quân khỏi Bắc Việt rõ ràng chỉ nhằm tháo gỡ một thế lực yểm trợ cho các lực lượng quốc gia chứ không nhằm mục đích loại bỏ quân đội ngoại bang khỏi đất nước.

Thực tế này được nói rõ bằng việc Hồ Chí Minh ký Hiệp Ước Sơ Bộ 6-3-1946 với Pháp cũng qua chính lời kể của Võ Nguyên Giáp về việc hiệp ước thuận cho Pháp đưa 15 ngàn quân vào Bắc Việt: *"Hơn một vạn quân Pháp vào thì gần hai chục vạn quân Tưởng sẽ phải rút đi"*.[6] Hồ Chí Minh và Thường Vụ Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam trong buổi họp 9-3-1946 đánh giá Hiệp Ước là một thắng lợi - *Đẩy ra khỏi đất nước mười tám vạn tên chống Cộng khét tiếng..., cách mạng đã gạt đi một kẻ thù hết sức nguy hiểm, trút đi một gánh nặng cả về vật chất lẫn tinh thần*.[7]

Rõ ràng mối ưu tư lớn của Cộng Sản Việt Nam là sự đe dọa bị chia xớt quyền lực chứ không phải sự có mặt quân

đội ngoại bang trên đất Việt Nam. Sự đe dọa này giảm nhẹ hẳn khi các lực lượng quốc gia thiếu hỗ trợ của quân Trung Hoa Dân Quốc và hứa hẹn mất hẳn khi quân Pháp xuất hiện, do thái độ đối kháng giữa người Pháp và các lực lượng Việt Nam yêu nước.

Tình hình diễn biến sau đó còn nói rõ hơn về thành quả mà Cộng Sản thu được khi quân đội Pháp đóng tại nhiều thành phố miền Bắc có hành vi hỗ trợ cho Cộng Sản tấn công hoặc trực tiếp tấn công các lực lượng quốc gia yêu nước.[8] Khi bùng nổ cuộc chiến Việt - Pháp, đa số người tìm hiểu vấn đề chỉ lưu tâm đến việc Hồ Chí Minh lên tiếng kêu gọi toàn dân kháng chiến vào đêm 19/12/1946 và quên bẵng là chính Hồ Chí Minh đã ký bản thỏa ước 6-3-1946 cho phép Pháp đưa quân vào Việt Nam không vì mục đích nào khác hơn là dựa vào đó để loại trừ khỏi chính trường những người Việt Nam yêu nước.

Qua những điều do Võ Nguyên Giáp ghi lại, người đọc thấy rõ Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam đã tính toán rất kỹ về mọi mặt lợi hại của việc ký bản Hiệp Ước Sơ Bộ 6-3-1946 chứ không phải là một hành vi lỡ lầm hoặc chỉ đơn thuần là cần được Pháp gián tiếp nhìn nhận trên pháp lý về tính hợp pháp của chính phủ Hồ Chí Minh.

Lúc đó Pháp và Trung Hoa vừa ký bản hiệp ước 28/2/1946 quy định Pháp thuận trả lại Trung Hoa một số tô giới để đổi lấy việc Trung Hoa rút quân khỏi Bắc Việt nhường vai trò giải giới quân đội Nhật tại đây cho Pháp.

Với bản hiệp ước này, Pháp giải trừ được trở lực Trung Hoa để có thể tiến hành tái chiếm Đông Dương. Nhưng, bản hiệp ước sẽ không thể giúp ích cho Pháp, nếu Việt

Nam cương quyết bác bỏ việc quân Pháp trở lại Bắc Việt. Các lực lượng quốc gia đã vận động dư luận đòi hỏi chính phủ Hồ Chí Minh không điều đình, không ký kết với Pháp.

Võ Nguyên Giáp viết: *"Rất nguy hiểm là bọn Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Chúng làm ra bộ những người cách mạng hăng hái nhất. Chúng cố tìm cách khích động quần chúng bằng những khẩu hiệu:* ***Không điều đình với ai hết. Thắng hay là chết****... Chúng muốn phá cuộc đàm phán giữa ta và Pháp. Âm mưu của chúng là cố đẩy ta chống lại hiệp ước Hoa - Pháp... là cái cớ cho cả Tưởng và Pháp câu kết với nhau để diệt cách mạng."*[9]

Võ Nguyên Giáp cho biết Thường Vụ Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã họp vào ngày 3/3/1946 để phân tích tình hình và định chủ trương là hòa với Pháp.

Kế tiếp, cũng theo Võ Nguyên Giáp, phiên họp Thường Vụ Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam ngày 9-3-1946 đã đánh giá hiệp ước là một thắng lợi và *"cần hết sức lợi dụng thời gian quý báu này để củng cố và phát triển lực lượng về mọi mặt làm cơ sở cho cuộc đấu tranh lâu dài."*[10]

Khi đề cập tới những khó khăn do sự có mặt của quân đội Trung Hoa tại Việt Nam, Võ Nguyên Giáp đã hơn một lần cho thấy nỗ lực của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ gắn vào mục đích duy nhất là dành quyền lực cho Cộng Sản tại vùng đất này còn mục đích tranh thủ độc lập chỉ có tính cách chiêu bài để thu hút dân chúng.

Võ Nguyên Giáp viết: *"Đầu tháng Chín, Bác ra mắt nhân dân với danh hiệu Chủ Tịch Hồ Chí Minh. Đó là một bí danh Bác đã dùng mấy năm trước để che mắt bọn Quốc Dân Đảng Trung Hoa. Những người cách mạng đã qua thời kỳ ẩn náu,*

lẩn tránh về sống giữa đồng bào, nhưng mọi hoạt động của Đảng vẫn tiến hành theo phương thức bí mật. Những cán bộ của Đảng chưa ra làm việc công khai. Hầu hết các đảng viên đều công tác dưới danh nghĩa những cán bộ Việt Minh."[11]

Trong *phân định bạn - thù*, Võ Nguyên Giáp ghi lại: *"Đồng bào ta được sự giáo dục của Đảng từ lâu, đã biết Hồng Quân Trung Hoa mới là bạn của ta. Quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch chính là kẻ thù của nhân dân và cách mạng Trung Quốc, cũng là kẻ thù của nhân dân và cách mạng Việt Nam."*[12]

Võ Nguyên Giáp ghi lại nhiều sự kiện nêu rõ tài trí của Hồ Chí Minh mà tác giả xưng tụng là *"nhà chiến lược đại tài"*. Bởi, ngay lúc xác định rõ thế đứng, Hồ Chí Minh vẫn tung ra khẩu hiệu *"Hoa -Việt thân thiện"* để tiếp đón các tướng lãnh Trung Hoa Dân Quốc.

Đi sâu hơn vào chi tiết chứng minh mức tài trí của lãnh tụ, Võ Nguyên Giáp viết: *"Bọn tướng lĩnh Quốc Dân Đảng Trung Hoa vào miền Bắc thuộc nhiều phe cánh khác nhau... Chúng giống nhau ở chỗ cùng chống Cộng, nhưng vì bên trong chúng có mâu thuẫn nên thái độ phản động của chúng đối với cách mạng Việt Nam cũng ít nhiều khác nhau... Nhiều tên chỉ giữ chức phó tướng hoặc xứ trưởng là những chức thấp, nhưng lại có quyền hành và thế lực. Có tên nhờ người vợ đẹp, lịch thiệp, tiêm thuốc phiện khéo, các tướng lĩnh thường lui tới nhà nên trong nhiều việc, y đều có thể trở thành người môi giới đắc lực. Không hiểu sao Bác phát hiện ra rất sớm những viên quan nhỏ thuộc loại này. Bác chỉ thị cho các cán bộ làm công tác ngoại giao có đối sách thích hợp với từng tên...Với một sự nhạy cảm lạ thường, Bác dường như thấu hiểu mọi trạng thái*

tư tưởng, tình cảm của kẻ thù. Bác đã vận dụng một cách vô cùng sắc bén những đối sách cụ thể với từng loại kẻ địch, với từng tên".[13]

Võ Nguyên Giáp không nêu rõ từng việc làm nhưng cho thấy Hồ Chí Minh vận dụng mọi phương tiện từ vàng bạc, tiền tài, gái, thuốc phiện... hối lộ các tướng lãnh Trung Quốc để họ áp lực với các đảng phái đối lập chịu đứng chung trong chính phủ Liên Hiệp, hòng đánh tan ngờ vực của các nước đồng minh về tính chất Cộng Sản của mặt trận Việt Minh.

Hồ Chí Minh cũng sẵn sàng bắt tay với Pháp bất chấp lúc đó Pháp đang đánh chiếm miền Nam để củng cố quyền lực cho đảng Cộng Sản mà chính ông ta tuyên bố giải tán từ ngày 11-11-1945 nhưng trên thực tế vẫn tiếp tục hoạt động như Võ Nguyên Giáp đã nêu rõ với nhiều phiên họp Thường Vụ Trung Ương Đảng trong tháng 3-1946.

Khó khăn kế tiếp tất nhiên là khó khăn với Pháp, vì vào thời điểm đó, Pháp chưa từ bỏ ý định trở lại Việt Nam. Hồ Chí Minh mở đường cho Pháp đưa quân hợp pháp vào miền Bắc nhưng cũng biết chắc không thể duy trì sự hòa hoãn.

Cho nên bản nghị quyết của Thường Vụ Trung Ương Đảng ngày 9-3-1946 đã ghi rõ là *Hòa để Tiến* và hướng hoạt động trong thời gian này của Việt Minh là một mặt kéo dài thời gian hòa hoãn với Pháp, một mặt tích cực khai thác tinh thần yêu nước bồng bột của dân chúng để tổ chức cơ sở Đảng.

Do đó, Hồ Chí Minh đã sang Pháp theo dõi cuộc hòa đàm Fontainebleau và ký thêm một bản thỏa ước bất lợi

khác cho Việt Nam là thỏa ước 14/9/1946 nhưng có lợi cho đảng Cộng Sản là thêm một lần nữa được chính giới Pháp nhìn nhận thế lãnh đạo hợp pháp tại Việt Nam.

Đây cũng là thời gian Hồ Chí Minh nỗ lực thu phục cảm tình của Việt kiều tại Pháp đồng thời sắp xếp cho thủ hạ ở trong nước tiêu diệt các lực lượng đối lập hầu củng cố quyền lực cho đảng Cộng Sản.

Nói về hoạt động của Hồ Chí Minh trong thời điểm này, Võ Nguyên Giáp ghi lại những mẩu chuyện nhỏ, những cử chỉ đơn sơ nhiều ý nghĩa mà Hồ Chí Minh đã thể hiện cùng những cuộc tiếp đón long trọng mà chính giới Pháp dành cho Hồ Chí Minh bên cạnh những khó khăn của hội nghị Fontainebleau.

Khó khăn lớn nhất mà Hồ Chí Minh phải đối đầu vẫn là thái độ e dè với Cộng Sản. Trong chương 9, Võ Nguyên Giáp nhắc lại một chỉ thị của thủ tướng Pháp Bidault trao cho trưởng đoàn Max André: *"Giành cho được mọi sự bảo đảm để cho trên lãnh vực đối ngoại Việt Nam không thể trở thành một quân cờ mới trong ván cờ Xô Viết."*

Đây chính là yếu tố khiến nhiều nhà phân tích chính trị cho rằng tình hình Việt Nam đã hoàn toàn đổi khác nếu Hồ Chí Minh là một người quốc gia yêu nước, không lệ thuộc Liên Xô. Bởi vì trong trường hợp này, ngay cả những phần tử Pháp mang nặng chất thực dân nhất cũng không dễ dàng vận dụng chiêu bài chống Cộng để theo đuổi mục tiêu tái chiếm Việt Nam bằng quân sự. Trên thực tế, Hồ Chí Minh cố che đậy nhưng như Võ Nguyên Giáp xác nhận *"kẻ thù vẫn nhận ra ta."*[14]

Cho nên, chính những người Pháp chống lại chủ trương

thực dân vẫn không muốn tiến tới thỏa hiệp với Hồ Chí Minh do biết rõ vai trò cán bộ của Đệ Tam Quốc Tế, dụng cụ bành trướng thế lực của Liên Xô mà khối Tây Phương, nhất là Mỹ đang e ngại. Vì thế hội nghị Fontainebleau đi vào ngõ bí và Hồ Chí Minh đã tìm ra lối thoát cho riêng uy quyền của bản thân và Cộng Sản Việt Nam bằng cách ký thỏa ước 14-9-1946 bất chấp hậu quả sẽ biến Việt Nam thành vấn đề riêng của Pháp.

Võ Nguyên Giáp tả lại cuộc tiếp đón linh đình dành cho Hồ Chí Minh khi từ Pháp trở về biểu hiện một chuyến đi thành công lớn. Võ Nguyên Giáp hoàn toàn có lý với cương vị một cán bộ Cộng Sản và một thủ hạ của Hồ Chí Minh.

Nhưng chuyến đi thành công lớn của Hồ Chí Minh đã được các chuyên gia đánh giá chỉ là cho phép người Pháp không còn e ngại trong việc tiến hành các hành vi quân sự tái chiếm Việt Nam vì theo thỏa ước 14-9-1946, Việt Nam đã trở thành chuyện nội bộ của nước Pháp. Trong vòng 6 tháng, Hồ Chí Minh đã tạo được hai thành tích: thứ nhất, cho phép quân Pháp vào Việt Nam và thứ hai, nhìn nhận quyền nổ súng của quân Pháp trên đất nước này! Tất nhiên, Hồ Chí Minh đã thấy những hậu quả đó, nhưng ông ta cứ bước tới vì nói như Sainteny là Hồ Chí Minh không còn chọn lựa nào khác để duy trì quyền lực cho Mặt Trận Việt Minh, đúng hơn là cho đảng Cộng Sản Việt Nam. Quyền lợi của Đảng trước mắt những người Cộng Sản luôn lớn hơn so với quyền lợi dân tộc nên để bảo vệ quyền lợi của Đảng, đất nước đã bị đẩy tới trước họng súng ngoại xâm.

Chọn lựa trên của Cộng Sản Việt Nam còn hiện ra rõ hơn qua những dòng thuật lại của Võ Nguyên Giáp về

thành tích "*chận đứng những hoạt động chống phá*" tức là hành vi thanh toán các lực lượng đối lập để củng cố quyền lực.[15]

Võ Nguyên Giáp viết: "*... Ngày 11 tháng Bảy, Thường Vụ được các đồng chí ở Nha Công An báo cáo: Bọn phản động Việt Nam Quốc Dân Đảng đang chuẩn bị những hành động khiêu khích rất nghiêm trọng dự định cho tay chân phục sẵn, bắn súng, ném lựu đạn vào binh lính Pháp... Sau khi đã nắm rõ âm mưu của bọn phản động, Thường Vụ chủ trương chỉ thị cho Nha Công An nhanh chóng hành động dập tắt từ trong trứng những mưu đồ của bọn phản cách mạng. Mờ sáng 12 tháng Bảy, một đơn vị công an xung phong bất thần vào khám trụ sở Việt Nam Quốc Dân Đảng tại số 132 phố Minh Khai. Bọn phản động bị bắt tại chỗ cùng với tang vật: một chiếc máy in và những đống truyền đơn còn chưa ráo mực.*

7 giờ sáng, Công An Bắc Bộ cùng một lúc khám xét nhiều trụ sở của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Hà Nội... Tại căn nhà số 7 phố Ôn Như Hầu, ta tìm thấy một nơi làm giấy bạc giả và một căn buồng có nhiều dụng cụ tra tấn như máy phát điện, kìm, búa cùng với những vết máu trên tường. Công An ta đào ở vườn sau lên bảy xác chết. Có những xác bị chặt thành nhiều khúc... Tại trụ sở trung ương của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở phố Đỗ Hựu Vị (nay là phố Cửa Bắc), ta còn tìm được thêm nhiều xác đàn ông, đàn bà và cả tử thi của binh lính Pháp... Trong số kế hoạch tịch thu, chúng ta tìm được một bản kế hoạch ám sát và bắt cóc..."[16]

Võ Nguyên Giáp là kẻ chỉ huy dàn dựng tấn tuồng vu cáo và cũng là kẻ chỉ huy lực lượng Công An Cộng Sản đàn áp những người yêu nước lúc đó. Mãi 25 năm sau, cầm

bút ghi lại sự việc, Võ Nguyên Giáp vẫn giữ nguyên lời lẽ rủa xả theo giọng lưỡi của hạng lưu manh cặn bã đủ cho thấy mức độ thù hận điên cuồng đối với những người khác chính kiến và cho thấy đảng Cộng Sản sẵn sàng vận dụng mọi thủ đoạn đê tiện nhất để lường gạt dư luận.

Và, cũng như Hồ Chí Minh đã thành công trong việc bắt tay hòa hoãn với Pháp, Võ Nguyên Giáp đã thành công trong việc loại trừ khỏi guồng máy lãnh đạo quốc gia những người không chấp nhận Cộng Sản theo diễn tả của chính Võ Nguyên Giáp: *"Sau vụ Ôn Như Hầu, những người ngây thơ nhất về chính trị, từ trước đến nay vẫn còn ít nhiều tin vào các luận điệu tuyên truyền bịp bợm của bọn Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng đều tỉnh ngộ"*[17]

Thực ra, vẫn còn không thiếu người tin tưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng nhưng phải câm lặng để bảo toàn tính mạng chờ cơ hội.

Chính vì thế, khi Trung Cộng chiếm xong Hoa Lục, Hồ Chí Minh đã cho mở đợt thanh trừng rèn cán chỉnh quân 1950-1951 và mở thêm đợt thanh trừng cải cách ruộng đất 1953-1955 để tiêu diệt mọi mầm mống chống đối trong dân chúng.

Nhưng đây là chuyện về sau.

Võ Nguyên Giáp giới hạn mức hồi ức của mình chỉ tới ngày 20-12-1946, cho nên những khó khăn mà Hồ Chí Minh phải đối diện chỉ xuất phát từ 3 phía Trung Hoa Dân Quốc, Pháp cùng những người yêu nước và Hồ Chí Minh đã đối phó như thế. Hiệu quả của các phương thức đối phó đã khiến Võ Nguyên Giáp ghi lại trong những dòng cuối sách lời tán tụng tài năng của Hồ Chí Minh: *"Hồ chủ tịch là*

nhà chiến lược vĩ đại đã đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua biết bao bão táp phong ba, đi đến những bến bờ thắng lợi."[18]

Trước mắt Võ Nguyên Giáp, không chỉ hiển hiện một Hồ Chí Minh tài trí vĩ đại mà còn hiển hiện một Hồ Chí Minh đạo đức vô song, lý tưởng tuyệt vời:"*Một buổi sớm, trời rét. Một đồng chí đến làm việc với Bác, chỉ có chiếc áo mùa hè phong phanh. Bác vào buồng lấy chiếc áo len của mình, đem ra đưa cho đồng chí cán bộ. Về Hà Nội ở Bắc Bộ phủ, trong cương vị chủ tịch nước, cuộc sống của Bác vẫn giản dị, thanh đạm như những ngày hoạt động bí mật ở chiến khu*"[19]... *Hạnh phúc cho dân, đó là lý tưởng của Người. Đó cũng là tấm lòng của Người... Đồng bào ta đã nhận thấy ở Bác Hồ, hình ảnh tượng trưng cao đẹp nhất của dân, của nước, của cách mạng, của chính quyền, của chế độ mới...*[20] *Ham muốn duy nhất, ham muốn tột bậc của Người là làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân, cho nước...*[21] *Bác Hồ là nhà yêu nước vĩ đại. Tình yêu nước thương nòi của Người sâu sắc, bao la, không thể lấy gì so sánh được. Bác đã cống hiến trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp cứu nước cứu dân. Ở Bác tập trung những phẩm chất đạo đức của con người mới, của một xã hội mới vừa bắt đầu hình thành.*"[22]

Từ những lời tâng bốc tột cùng khi nói về lãnh tụ và từ những lời rủa xả hạ cấp cũng tột cùng khi nói về người khác chính kiến đã hiện lên chân dung một kẻ vừa khúm núm thảm hại vừa vênh váo một cách vô giáo dục. Nhưng hình ảnh này nằm ngoài phạm vi tìm hiểu về một giai đoạn đã qua của đất nước nên không cần thiết lưu tâm. Vấn đề cần lưu tâm chỉ là sự thực hàm chứa trong những

lời lẽ ấy. Về điểm này, có thể tìm chứng minh qua một diễn tả khác của Võ Nguyên Giáp về Hồ Chí Minh: *"Riêng đôi mắt bác rất sáng, nói lên Người đang suy nghĩ. Từ ngày Bác về Hà Nội, đồng bào đã bàn nhiều về đôi con mắt của Bác. Đôi con mắt mà người ta đã nhìn thấy có hai chấm sáng qua các tấm ảnh."*[23]

Võ Nguyên Giáp cố gợi lại cái huyền thoại mắt Hồ Chí Minh có hai con ngươi mà Cộng Sản đã gieo rắc trong đám đông quần chúng thất học dị đoan thuở đó để gạt mọi người rằng Hồ Chí Minh là một vị Thánh. Tuy Võ Nguyên Giáp đã vận dụng những từ *"người ta"* và *"qua các tấm ảnh"*, nhưng cái dụng tâm dối gạt không hề mờ nhạt. Lời lẽ của một kẻ mang dụng tâm dối gạt liệu có thể là những lời nói thực chăng? Từ đây cũng không cần bận tâm phân tích thêm về những diễn tả khác đầy rẫy trên các trang sách chẳng hạn mỗi khi Hồ Chí Minh xuất hiện thì *"tiếng vỗ tay nổi lên như sấm"* còn bất kỳ nhân vật quốc gia nào xuất hiện thì chỉ có *"những tiếng vỗ tay rời rạc, lẻ tẻ"*...

Võ Nguyên Giáp là người có nhiều thời gian theo sát Hồ Chí Minh, từng được gửi vào trường Hoàng Phố, được chính Hồ Chí Minh rèn luyện kỹ lưỡng về kỹ thuật tuyên truyền, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Đảng và Chính Phủ Cộng Sản Việt Nam nên vừa có nhiều chất liệu sống để chọn lựa, vừa có đủ khả năng thực hiện tinh vi việc sắp đặt các sự việc theo trình tự dẫn dắt về một hướng suy luận mong muốn nào đó.

Vì thế ***Những năm tháng không thể nào quên*** đã được nhiều người tìm hiểu về Việt Nam coi như một tài liệu tham khảo đáng kể do mức tài liệu chứa đựng. Nhưng

cũng cần đánh giá thêm tác phẩm này là một tác phẩm tuyên truyền tinh xảo với hai hướng nhắm rõ rệt là đề cao lãnh tụ và đả phá những người quốc gia yêu nước không chấp nhận Cộng Sản.

Võ Nguyên Giáp không chỉ góp công cho chế độ Hồ Chí Minh bằng tài năng cầm quân của một đại tướng mà còn góp công thêm bằng cả tài năng cầm bút - dù khi viết ***Những năm tháng không thể nào quên***, Võ Nguyên Giáp đã phải dựa vào một nhà báo trung thành của chế độ là Hữu Mai.

Dù sao, Võ Nguyên Giáp không che giấu chân tướng Cộng Sản của lãnh tụ, của bản thân và chế độ miền Bắc lúc đó. Trong từng trang, Võ Nguyên Giáp luôn xác định thế đứng Cộng Sản và bày tỏ thù hận với tất cả những lực lượng không cùng chung con đường tiến tới xã hội chủ nghĩa.

Nhưng, người đọc khó giải tỏa thắc mắc về ý nghĩ của Võ Nguyên Giáp vào những ngày cuối đời. Theo nhà văn Cộng Sản Sơn Tùng, Võ Nguyên Giáp là người tuyệt đối tuân theo lời dặn của Bác Hồ "*phàm việc gì có ích cho cách mạng thì dù nhỏ nhặt mấy cũng vui lòng làm*".

Tuy nhiên, có khi nào Võ Nguyên Giáp tự hỏi về việc có ích cho cách mạng theo hướng dẫn của Hồ Chí Minh lại là việc có hại cho đất nước không? Giả dụ có thể bỏ qua luôn cả việc làm hại cho đất nước thì việc có ích cho cách mạng theo hướng dẫn của Hồ Chí Minh có đem lại điều tốt đẹp nhỏ nhặt nào cho đời sống người dân không? Hai sự việc sát cạnh Võ Nguyên Giáp đã tạo ra ý nghĩ nào? Lời phán xét đại tướng Võ Nguyên Giáp là kẻ "*hèn nhát*" không dám đối đầu với sự thực do chính vợ ông thốt lên với những

người thân và hành vi của con gái đại tướng Võ Nguyên Giáp chọn đất Mỹ làm nơi dung thân thay vì trở về Việt Nam hưởng cuộc sống hạnh phúc mà Hồ Chí Minh gây dựng đã gợi lên ý nghĩ nào trong đầu tác giả ***Những năm tháng không thể nào quên***?

Chú thích

1 Sách thần thánh hóa Hồ Chí Minh do cán bộ CS viết rất nhiều, trong đó có sách của những lãnh tụ cao cấp như Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Văn Tiến Dũng, Phùng Thế Tài... Riêng Võ Nguyên Giáp có 5 cuốn:

1. *Bác Hồ về Tân Trào*
2. *Hồ chủ tịch, nhà chiến lược đại tài*
3. *Thế giới còn đổi thay, nhưng tư tưởng HCM sống mãi*
4. *Tư tưởng HCM, quá trình hình thành và phát triển*
5. *Tư tưởng HCM và con đường cách mệnh Việt Nam*

2 NXB QĐND, 1970 phát hành lần đầu, 2001 tái bản lần thứ 5.

3-5-6-7 SĐD tr. 31, 59, 175, 216

4 SĐD tr. 100-102, chuyện kể lại sau khi Nguyễn Hải Thần nhận chức Phó Chủ Tịch Chính Phủ Liên Hiệp Lâm Thời do HCM giữ chức Chủ Tịch, trong đó Việt Quốc và Việt Cách được chia giữ hai bộ Kinh Tế và Vệ Sinh.

8 Trong *Government and revolution in Vietnam*, Duncanson cho rằng đảng CSĐD không bao giờ là một lực lượng đấu tranh yêu nước mà ngược lại, còn là một lực lượng chống lại những người yêu nước chống thực dân - almost anti-anti-colonial.

9-10-11-12-13-14 SĐD tr.146, 186, 68-69, 30, 85-89, 69

15 Với thái độ tôn kính đến mức sùng bái Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp không thể chủ xướng mà chỉ có thể do HCM chỉ thị cho thi hành việc này hay ít nhất cũng được sự chấp thuận trước.

16 SĐD tr. 255-258 * Người ta thường chỉ nhắc những tên tuổi nổi bật, như lãnh tụ Duy Dân Lý Đông A, lãnh tụ Đại Việt Trương Tử Anh, các nhà văn Lan Khai, Khái Hưng, những đồng chí và văn hữu của lãnh tụ Nguyễn Tường Tam tức nhà văn Nhất Linh vv... Thực ra có hàng chục ngàn người yêu nước thuộc phía đối lập đã bị thủ tiêu bằng nhiều cách mà phổ biến

là "mò tôm", tức bỏ vào bao bố với một tảng đá rồi thả xuống sông. Một ông lái đò trên sông Đáy gần chùa Hương đã cho chính người viết biết năm 1946, ông ta từng thấy nhiều vụ thả trôi sông như vậy. Lúc ấy Việt Minh nắm chính quyền, Võ Nguyên Giáp là Bộ Trưởng Nội Vụ nên đảng viên cộng sản nắm lực lượng an ninh thành phố Hà Nội. Họ cho công an tấn công trụ sở Việt Nam Quốc Dân Đảng tại số 7 Ôn Như Hầu (nay là đường Nguyễn Gia Thiều) rồi sau đó tri hô VNQDĐ đã giết 7 người, chôn tại đây. Lúc đó báo Việt Nam là cơ quan ngôn luận của VNQDĐ lên tiếng phủ nhận và tố cáo Việt Minh dàn dựng để kiếm cớ "thanh toán" một tổ chức chính trị quan trọng mà trước đó Hồ Chí Minh khổ công lắm mới mời được cùng đứng chung trong chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến để tránh bị loại khỏi vũ đài chính trị. Theo một nhân vật Quốc Dân Đảng còn sống thì dịp đó khoảng gần 100 cán bộ VQ đã bị giết. Một số người thoát được, sau vào Nam, trong đó có đại tá VNCH Nguyễn Văn Phúc tục gọi Phúc Khàn.

17-18-19-20-21-22 SĐD tr. 259, 389, 46, 73-74, 90, 381

23 Viên trung đội trưởng trung đội vũ trang tuyên truyền đã mang sao đại tướng vẫn giữ giọng tuyên truyền vào cái thời còn cần tô son, trát phấn cho chính quyền non trẻ và vị lãnh tụ ít người biết tên đủ cho thấy mức cực kỳ quan trọng của tuyên truyền đối với CS trong chiến tranh ý thức hệ. Nhưng năm 1970, Võ Nguyên Giáp đã thấy đời sống của dân chúng ra sao? So với thời thực dân, phong kiến dân có hạnh phúc hơn không hay còn cay cực gấp trăm lần? Vậy thì cái ham muốn tột bậc của Người là làm sao mang lại thật nhiều hạnh phúc cho dân, cho nước cần phải hiểu ra sao? Về huyền thoại Hồ Chí Minh có con mắt hai đồng tử đã được cho biết phát xu.

Chương 31
NGUYỄN THỊ BÌNH và *Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng MNVN*

Nguyễn Thị Bình, từng là Phó Chủ Tịch Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, trước 1975 là Bộ Trưởng Ngoại Giao trong Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam và trong 4 năm có cuộc hòa đàm Paris là trưởng đoàn đàm phán của chính phủ trên.

Được biết bà là cháu ngoại của nhà cách mạng ôn hòa Phan Chu Trinh. Trong thời gian hội nghị tại Paris, bà nói với ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa Trần Văn Lắm, rằng bà không phải đảng viên cộng sản.

Nhưng đây cũng chỉ là cách nói của Hồ Chí Minh với các tướng lãnh Trung Hoa Quốc Dân Đảng vào thời gian Hồ Chí Minh ở Hoa Nam. Trên thực tế, trong nhiều tài liệu của Cộng Sản Việt Nam vẫn thấy viết hai chữ *đồng chí* trước tên Nguyễn Thị Bình.[1]

Năm 2001, nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, phát hành cuốn hồi ức tựa đề ***Mặt trận dân tộc giải phóng***

- ***Chính phủ cách mạng lâm thời tại hội nghị Paris về Việt Nam*** nói về cuộc hòa đàm trên. Tên tác giả ghi trên bìa sách là Nguyễn Thị Bình và *tập thể tác giả* vì sách gồm bài viết của 24 tác giả hầu hết là thành viên phái đoàn Giải Phóng Miền Nam tham dự hội nghị. Tác phẩm dày gần 700 trang khổ lớn, trong đó bài của Nguyễn Thị Bình chiếm 140 trang, không kể hình ảnh.

Tác giả kể lại diễn biến tuần tự của cuộc hòa đàm và những việc làm của mình trong 4 năm đó. Như hết thẩy các tác giả Cộng Sản khác, Nguyễn Thị Bình cũng không thiếu những lời tự tâng bốc bên cạnh những lời đả kích đối phương. Tuy nhiên, so với các tác giả khác, Nguyễn Thị Bình tương đối có lối viết và ngôn ngữ nhẹ nhàng hơn.

Ngoài ra, tác phẩm cũng ghi lại nhiều sự việc cụ thể cần thiết cho việc tham khảo để tìm hiểu vấn đề, chẳng hạn một số văn kiện quan trọng đã được nêu ra trong các phiên họp làm đề tài thương thảo như bản đề nghị 8 điểm của Nguyễn Thị Bình mà tác giả tự khoe là được cả thế giới hoan nghênh, kể cả báo chí tại Sài Gòn cũng phổ biến khiến Tổng Thống Nixon phải nêu đề nghị 5 điểm.[2]

Trong tập hồi ức, Nguyễn Thị Bình không nói nhiều về Hồ Chí Minh có lẽ vì hội nghị chỉ vừa khai diễn hơn ba tháng thì Hồ Chí Minh đã qua đời và cũng có thể vì Nguyễn Thị Bình muốn tránh đề cập đến mối tương quan với Cộng Sản như chính bà vẫn lên tiếng phủ nhận.

Dù vậy, Nguyễn Thị Bình vẫn nhắc đến Hồ Chí Minh và không quên bày tỏ tình cảm kính yêu đối với lãnh tụ mỗi khi có dịp đề cập tới. Xin trích vài đoạn ở những trang Nguyễn Thị Bình viết về Hồ Chí Minh:

"Ngày 2/9/1969, Bác Hồ mất. Tôi cùng anh Xuân Thủy và một số anh chị em trong hai đoàn gấp rút về nước chịu tang Bác. Cả nước đau buồn...[3] *Bao giờ mới lại có dịp trở lại Paris, thăm ngõ Compoint, nơi Bác Hồ đã sống, khi Người đi tìm đường cứu nước hơn nửa thế kỷ trước đó và đã đưa dân tộc ta đến vinh quang rực rỡ này...*[4] *Năm tháng trôi qua, càng nhớ lại càng thấm sâu đường lối lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Bác Hồ và của Đảng ta phản ánh và đáp ứng khát vọng thiết tha của nhân dân miền Nam "luôn luôn trong trái tim Người" như Bác từng nói...*[5] *Thực tế đó càng khẳng định tính chất đúng đắn của chủ trương lớn kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại mà Bác Hồ và Đảng đã vạch ra cho hôm qua, hôm nay và cả mai sau."*[6]

Những dòng viết trên có thể bảo chính là lời phủ nhận rõ rệt nhất sự minh xác của Nguyễn Thị Bình rằng mình không phải người Cộng Sản và cũng không có liên quan với Cộng Sản, nhưng tác phẩm chỉ được đưa ra vào năm 2001 nên Nguyễn Thị Bình không e ngại về sự lộ chân tướng, còn việc lường gạt dư luận thì người Cộng Sản luôn coi là một hành vi bình thường nên không hề lúng túng khi làm ngược lại điều mình đã nói.

Có lẽ vì thế mà khi đề cập đến việc thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam, Nguyễn Thị Bình đã ghi lại nhiều sự việc chứng tỏ tổ chức này không hề khởi phát từ những người miền Nam yêu nước như Cộng Sản luôn rêu rao suốt nhiều năm tháng trước.

Về nguồn gốc tổ chức này, Nguyễn Thị Bình viết: *"Bác và Đảng thấy rằng đã đến lúc cần có một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi ở miền Nam..."*[7]

Nguyễn Thị Bình gần như trả lời thẳng cho những người vẫn nói Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là tổ chức của những người miền Nam chống đối với chế độ Ngô Đình Diệm rằng họ đã hoàn toàn mù mịt về thực tế diễn ra trước mắt. Nguyễn Thị Bình còn nêu thêm một chi tiết cụ thể về địa điểm ra đời của mặt trận này là một khu rừng qua lời xác nhận đại hội thành lập mặt trận đã được *"mở tại một khu rừng thuộc xã Tân Lập, huyện Châu Thành, trong vùng giải phóng Tây Ninh."*[8]

Kể về việc hòa đàm, Nguyễn Thị Bình cho biết đã nhiều lần về nước tham khảo ý kiến của các giới lãnh đạo, và nói rõ là về Hà Nội, để kết luận về động cơ đưa đến thắng lợi tại hội nghị Paris: *"Bao trùm lên tất cả, nhân tố thắng lợi quyết định hơn hết, là đường lối đúng đắn và sáng suốt của Bác Hồ và của Đảng...."*

Hơn một trăm trang hồi ký của Nguyễn Thị Bình đã nêu bật hai điểm cụ thể mà hầu hết những tác giả Tây Phương khi viết về tình hình Việt Nam luôn né tránh hoặc đề cập một cách quanh co.

Chẳng hạn Gerald C. Hickey cố chứng minh ngay từ năm 1958 tại miền Nam đã có tổ chức hoạt động chống chế độ Ngô Đình Diệm là Mặt Trận Giải Phóng và Harold Hinton thuộc đại học George Washington thì đi xa hơn nói hoạt động chống đối đã có từ 1957 trong khi Jean Lacouture cho rằng Mặt Trận Giải Phóng được thành lập do cùng thỏa thuận với nhau hàm ý diễn tả tổ chức này mang tính tự phát tại miền Nam được sự tán đồng ủng hộ của Cộng Sản miền Bắc.

Nguyễn Thị Bình đã nói rõ tổ chức này chỉ do Bác và

Đảng thấy rằng đã đến lúc cần có nó và sai cán bộ kiếm một khu rừng để dựng cái tấn kịch ra mắt cho nó.[9]

Điểm cụ thể thứ nhất được nêu lên là tính chất công cụ của tổ chức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam để phát động cuộc chiến tại miền Nam và vai trò bù nhìn của tổ chức này tại hoà đàm Paris vì đường lối đấu tranh luôn luôn nằm trong tay giới lãnh đạo Đảng tại miền Bắc.

Điểm cụ thể thứ hai là suốt thời gian giữ vai trò Bộ Trưởng Ngoại Giao của Chính Phủ Cộng Hòa Lâm Thời Miền Nam và trưởng đoàn ngoại giao tại hòa đàm Paris, Nguyễn Thị Bình chưa bao giờ đặt chân về miền Nam để tham khảo ý kiến của bất kỳ nhân vật lãnh đạo nào của tổ chức này.

Con đường quen thuộc của Nguyễn Thị Bình trong thời gian đó là Paris - Hà Nội qua hai trạm dừng chân là Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh.

Trên lộ trình đó, Nguyễn Thị Bình cho biết đã được tiếp đón, gặp gỡ bởi nhiều lãnh tụ Cộng Sản và đương nhiên đó là những người góp phần quyết định từng đường đi nước bước tại hòa đàm Paris cho phái đoàn do bà hướng dẫn.

Cuốn sách cũng ghi lại nhiều sự việc được coi là biểu hiện tài trí của nhân viên phái đoàn, nhất là trong các trường hợp khó khăn bất ngờ. Chuyện được kể lại là chuyện của Lý Văn Sáu, phát ngôn viên phái đoàn do Nguyễn Thị Bình cầm đầu.

Trong một lần đối mặt, một nhân viên phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa hỏi Lý Văn Sáu: *"Ông thử cho biết vùng giải phóng của các ông ở chỗ nào tại miền Nam"*. Lý Văn Sáu lâm thế lúng túng nhưng lập tức tìm ngay được câu trả lời: *"Là những nơi mà máy bay Mỹ ném bom bắn phá đó"*.

Ngoài hoạt động trong hòa đàm, sách còn ghi lại nhiều hoạt động bên lề cuộc hòa đàm kéo dài 4 năm như các cuộc thăm viếng, họp mặt có tính cách vận động dư luận chính giới và quần chúng tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Những hoạt động này cũng giúp Cộng Sản Việt Nam gặt hái nhiều kết quả trong đó phải kể trước hết là lôi cuốn được sự ủng hộ của một số người nổi tiếng như nữ ký giả Pháp Madeleine Riffaud, diễn viên điện ảnh Mỹ Jane Fonda... và do đó đã tạo được một dư luận thuận lợi trong vận động quần chúng.

Nguyễn Thị Bình và các đồng tác giả chỉ nhắm kể lại hoạt động của mình thay vì nói về lãnh tụ, nhưng những dòng chữ của Nguyễn Thị Bình đã xác nhận mọi hoạt động đều không nằm ngoài hướng chỉ đạo của Hồ Chí Minh.

Chú thích

1 Hội nghị Paris họp từ 25/1/1969 *đến* 27/1/1973, *đúng* 4 năm, có 174 phiên họp. Bốn phái *đoàn* ngồi quanh chiếc bàn tròn *đường* kính 8 mét. Trưởng *đoàn* Mỹ lúc *đầu* là Cabot Lodge, kế tiếp là Porter... Trưởng *đoàn* Việt Nam Cộng Hòa là Phạm *Đăng* Lâm, trưởng *đoàn* Bắc Việt là Xuân Thủy rồi tới Nguyễn Duy Trinh, trưởng *đoàn* GPMN là Trần Bửu Kiếm trong vài tháng rồi *đến* Nguyễn Thị Bình với nhiều thành viên phụ nữ như Nguyễn Thị Chơn, Phạm Thanh Vân, Phan Thị Minh và cô Hằng.... Bốn người ký hiệp *định* là ngoại trưởng Mỹ William Rogers, ngoại trưởng Việt Nam Cộng Hòa Trần Văn Lắm, ngoại trưởng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Nguyễn Duy Trinh và bộ trưởng ngoại giao chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình. Ngoài ngoại trưởng Trần Văn Lắm, bà còn nói với nhiều người khác, trong *đó* có cả nhà văn Pháp Michel Tauriac và nhà văn này *đã* ghi lại lời nói của bà trong tác phẩm *Vietnam, le dossier noir du Communisme*.

2 Nguyễn Thị Bình nhắc *đi* nhắc lại *đề* nghị *được* báo chí Pháp và thế giới gọi là "8 *điểm* của bà Bình". 8 *điểm đó* là:

1- Mỹ rút quân,

2- Vấn đề quân sự Nam Việt Nam do các bên VN giải quyết,

3- Sẵn sàng nói chuyện với một chính quyền Sài Gòn không có Thiệu-Kỳ-Khiêm,

4- Lập chính phủ Liên Hiệp lâm thời rộng rải,

5- Thành phần chính phủ này,

6- Hai miền lập quan hệ bình thường,

7- Biện pháp bảo đảm thi hành các thỏa thuận,

8- Thể thức ngừng bắn.

Đề nghị 5 điểm của tổng thống Nixon là:

1- Ngừng bắn toàn Đông Dương và giữ nguyên trạng,

2- Hội nghị hòa bình về ĐD,

3- Bàn lịch rút quân Mỹ,

4- Giải pháp chính trị trên 2 nguyên tắc: ý chí nhân dân miền Nam, tương quan lực lượng ở miền Nam,

5- Thả ngay và không điều kiện toàn bộ tù binh.

3-4-5-6-7-8 SĐD tr. 56, 124, 135, 136, 23, 24

9 Về nguồn gốc và thực chất của Mặt Trận này, chúng tôi *đã* nói trong cuốn *Sách Lược Xâm Lăng của CS*, Sài Gòn, 1963 & 1970, từ trang 134 -143, chương "Trường Chinh *đặt* tên và Xuân Thủy "công nhận" MTDTG-PMN."

Chương 32
TRẦN VĂN GIÀU và *Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam*

Trần Văn Giàu vốn được coi là một trí thức gia Cộng Sản miền Nam, tốt nghiệp thủ khoa trường Lao Động Đông Phương tại Liên Xô, đứng trên nhiều lãnh tụ cộng sản Đông Âu khác. Trần Văn Giàu từng có lúc tự phụ hiểu chủ nghĩa Cộng Sản hơn cả Hồ Chí Minh.

Là lãnh tụ cộng sản miền Nam, Trần Văn Giàu đứng đầu tổ chức Việt Minh giải phóng Sài Gòn, làm chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến Nam Bộ một thời gian, sau đó bị hạ tầng công tác, điều ra Bắc và chỉ được giao cho giữ những chức mang tính hư vị. Do đó có lúc Trần Văn Giàu đã tỏ ra bất mãn.[1] Tuy nhiên, trong bộ sách 3 tập nhan đề ***Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam,***[2] Trần Văn Giàu tỏ ra rất coi trọng Hồ Chí Minh.

Về tương quan của cách mạng Việt Nam trong cách mạng thế giới, Trần Văn Giàu viết: "*Cách mạng này là một phần của cách mạng thế giới. Mà cách mạng thế giới là gì thì*

không phải là đã hiểu rõ, đã nhất trí. Chánh thức được Nguyễn Ái Quốc trình giảng thì đó là cách mạng vô sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh đổ tư bản chủ nghĩa; chế độ tư bản đế quốc là chế độ sinh ra chế độ thực dân. Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc thực dân tức là đánh tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó có qui mô thế giới mà cách mạng giải phóng dân tộc ở VN là một bộ phận. Cách mạng VN được sự ủng hộ của cách mạng thế giới, và cách mạng VN góp phần vào cuộc cách mạng thế giới đó."[3]

Trần Văn Giàu không nêu ý kiến riêng mà dựa vào định nghĩa cách mạng của Hồ Chí Minh nên đã vạch rõ một cứ điểm về "*tư tưởng*" Hồ Chí Minh.

Về việc thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương, Trần Văn Giàu cho biết: *"Cuối tháng 10/1929, Quốc Tế Cộng Sản có một bức thư gởi cho các tổ chức Cộng Sản ở Đông Dương, về vấn đề thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương:"Phải hợp nhất các phần tử chân chính cộng sản đang ở trong các nhóm cộng sản bấy giờ để lập ra Đảng Cộng Sản Đông Dương. Muốn vậy cần phải lập một ban gồm những người thay mặt cho tất cả các tổ chức nào công nhận chương trình điều lệ, nghị quyết của Quốc Tế Cộng Sản và hăng hái hoạt động trong thợ thuyền và dân cày. Ít nhất là phải gồm những người thợ hoạt động, trước hết là những người lãnh đạo phong trào quần chúng...Thư của Quốc Tế Cộng Sản còn chỉ đạo việc xây dựng hệ thống tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng, về lãnh đạo nhân dân đấu tranh, làm báo bí mật, huấn luyện đồng chí, xử dụng khả năng hợp pháp vv..."*[4]

Qua các chi tiết do Trần Văn Giàu ghi lại, việc thành lập Đông Dương Cộng Sản Đảng là do những học trò của

Nguyễn Ái Quốc như Ngô Gia Tự, Trịnh Đình Cửu có mặt trong số 40 đảng viên Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội chịu gia nhập Đông Dương Cộng Sản Đảng. Theo Trần Văn Giàu, lúc đó Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội có 1000 đảng viên, đang tranh chấp với An Nam Cộng Sản Đảng và Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn là một tổ chức thoát thai từ Tân Việt Cách Mạng Đảng. Như vậy tuyệt đại đa số (960/1000) hội viên của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội đã bị loại vì lý do này hay lý do khác.

Trần Văn Giàu phát biểu sức mạnh của Đảng chính là chủ nghĩa: *"Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất là chủ nghĩa Mác-Lênin"...*[5]

Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản, giai cấp nông dân lao động, giải phóng các dân tộc thuộc địa, đấu tranh đánh đổ tư bản đế quốc để xây dựng chủ nghĩa xã hội."[6]

Sau đó, tác giả dành nhiều trang nói về những nghị quyết của đảng Cộng Sản Đông Dương trong các hội nghị Trung Ương kỳ I tháng 10-1930 và kỳ II tháng 4/1931 chủ trương *"lấy việc công nhân vận động làm việc chính, làm trung tâm công tác."*

Từ quan điểm này, Trần Văn Giàu phê bình Việt Nam Quốc Dân Đảng thiếu sức mạnh vì không có chủ nghĩa. Theo Trần Văn Giàu, mãi đến gần ngày khởi nghĩa vào tháng 2-1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng mới chính thức quyết định rằng Tam Dân chủ nghĩa là chủ nghĩa của đảng mình.

Tác giả kể khá chi tiết về cuộc khởi nghĩa Yên Báy và so sánh với phong trào nổi dậy Xô Viết Nghệ Tĩnh của đảng Cộng Sản: *"Nếu Yên Bái nổi lên ở một vài địa phương lẻ tẻ trên chỉ một xứ Bắc Kỳ, thì cao trào (của CS) 1930-1931 phát triển trên toàn quốc, khắp Trung, Nam, Bắc."*

Ghi nhận này của Trần Văn Giàu cho thấy phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh là do Đông Dương Cộng Sản Đảng chủ trương chứ không do một vài nhóm địa phương tự động nổi dậy như luận điệu từng được Cộng Sản đưa ra vào một thời gian sau đó.

Cũng qua những ghi nhận của Trần Văn Giàu, một số dư luận báo chí lúc đó không hề thuận lợi cho đảng Cộng Sản, đặc biệt là với phong trào nổi dậy Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Trần Văn Giàu trích dẫn một đoạn bài viết của nhà báo Nguyễn Phan Long trên tờ *Đuốc Nhà Nam* trong số ra ngày 8-8-1930: *"Tôi dám chắc rằng trong đám dân biểu tình, ngoài mấy anh đầu đảng ra không nói, còn mấy người sau đều là đám dân ngu khờ khạo bị chúng cám dỗ hết thảy. Thiệt vậy, theo người ở Hốc Môn nói với tôi, có nhiều người ở trong làng xưa nay là dân nghèo khù khờ ngu dại thế mà bị Cộng Sản đến diễn thuyết, nói những lời dưới đất trên trời, làm cho những người ấy hóa ra những người biểu tình rất hăng hái!"*

Trần Văn Giàu cũng ghi lại một lời phát biểu in trên tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* của học giả Dương Bá Trạc *"bảo rằng làm cộng sản là những thằng dốt, theo cộng sản là những đứa ngu."*

Tất nhiên, Trần Văn Giàu không tiếc lời công kích hai tờ báo trên và mạt sát hai cây bút lão thành yêu nước Nguyễn Phan Long và Dương Bá Trạc là *"những tôi tớ trung thành của Pháp, đầu hàng, phản bạn..."*[7]

Trần Văn Giàu còn công kích cả những người Cộng Sản thuộc nhóm Trotski khi nhóm này in trên tờ *Đuốc Vô Sản* lời kêu gọi: "*Chúng ta bỏ khẩu hiệu chính phủ công nông đi, phải chỉ cho đảng viên thấy rằng sức mạnh của công nhân to lớn hơn sức mạnh của nông dân; cứ trông vào kinh nghiệm công xã Quảng Châu thì đủ rõ...Chỉ có công nhân mới thực hiện được học thuyết Mác.*"

Quan điểm cách mạng vô sản thuần túy kể trên là quan điểm Đệ Tứ Quốc Tế vẫn bị gọi bằng cái tên miệt thị là *"bọn Tờ-rốt-kít"* và Hồ Chí Minh luôn nhắc thủ hạ phải thẳng tay tiêu diệt. Cho nên, Trần Văn Giàu không chỉ công kích tờ *Đuốc Vô Sản* mà còn khẳng định trong nhóm *La Lutte* lúc đó cũng chỉ có một người cộng sản là Nguyễn Văn Tạo. Theo Trần Văn Giàu, những người nổi tiếng trong nhóm này như Nguyễn An Ninh vẫn theo chủ trương trung lập còn Tạ Thu Thâu thuộc Đệ Tứ Quốc Tế không phải là Cộng Sản.

Trần Văn Giàu nhấn mạnh *Tạ Thu Thâu chỉ là một phần tử Mác-xít tức là người theo chủ nghĩa Marx chứ không phải người Cộng Sản.*[8]

Trần Văn Giàu trích dẫn Hà Huy Tập, lúc ấy là tổng bí thư Đông Dương Cộng Sản Đảng, phê bình nhóm *La Lutte*,[9] nhất là Tạ Thu Thâu, nông cạn không hiểu thấu chiến lược sách lược đấu tranh, chỉ bám lấy giai cấp vô sản, mà không chú ý vận động các giai cấp khác tham gia đấu tranh: "*Như ai nấy đều thấy, Thâu chỉ co lại trong cuộc vận động công nhân và quên đứt cái nhiệm vụ giáo dục tổ chức và lãnh đạo các tầng lớp nhân dân khác. Chính vì thái độ biệt phái đó mà Thâu hoàn toàn không nói gì đến những nhiệm vụ*

giải phóng dân tộc của các dân tộc Đông Dương. Phá bỏ những quyền lợi dân tộc tức là làm cho giai cấp vô sản bị cô lập, mà cũng là phản bội chủ nghĩa quốc tế."

Những xác định này cho thấy Đông Dương Cộng Sản Đảng luôn trung thành với quan điểm của Đệ Tam Quốc Tế, tuy theo đuổi mục tiêu vô sản chuyên chính nhưng chủ trương sách lược triệt để khai thác chủ nghĩa dân tộc để thu hút quần chúng hầu tạo sức mạnh đấu tranh.

Vì thế, hội nghị trung ương kỳ 8 tại Cao Bằng tháng 5/1941 có mặt Nguyễn Ái Quốc mới về nước, đã thông qua nghị quyết *"đặt vấn đề dân tộc lên mức cao nhất xưa nay và quả quyết rằng Đảng phải giương cao ngọn cờ dân tộc giải phóng thì mới lãnh đạo được cách mạng đi đến thắng lợi... Nghị quyết của hội nghị trung ương kỳ 8 có ghi: Trong lúc này quyền lợi bộ phận của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tồn của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp trâu ngựa mà quyền lợi bộ phận của giai cấp vô sản đến vạn niên cũng không đòi lại được."*[10]

Nghị quyết này cũng ghi rõ: *"Sau khi đánh đuổi Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng 5 cánh làm lá cờ toàn quốc."*

Theo Trần Văn Giàu, kết quả tại hội nghị phần lớn nhờ sự có mặt của Nguyễn Ái Quốc - *"Người đã khai sinh cho đảng CSVN đầu năm 1930. Cũng là người đã khai sáng cho Việt Minh năm 1941. 12 năm, một dòng tư tưởng xuyên suốt, căn cứ vào học thuyết Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, trong đó*

sự sáng tạo lý luận và thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc là một yếu tố quyết định sự thành công."[11]

Trần Văn Giàu cho rằng Hồ Chí Minh đã sáng tạo ra lý luận, nhưng vẫn xác định căn cứ vào học thuyết Mác-Lênin về vấn đề dân tộc. Trong khi đó, những phát biểu về Tạ Thu Thâu và nhóm Đệ Tứ Quốc Tế cùng những tiêu chuẩn gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương cho thấy trên thực tế, mọi điều gọi là sáng tạo đều phải thể hiện đường lối do Đệ Tam Quốc Tế ấn định, trong đó điểm nổi bật là sách lược giai đoạn vận dụng chủ nghĩa dân tộc làm một chiêu bài tranh đấu.

Chính với chiêu bài này, Cộng Sản Việt Nam đã thu hút được quần chúng để có thể mau chóng phát triển ảnh hưởng trong thời điểm 1945.

Trần Văn Giàu kể lại hiệu quả thuyết phục dư luận của chiêu bài hiển hiện qua sự kiện một số đông người cầm bút đương thời đã không ngần ngại tham gia hội văn hóa cứu quốc với đường lối nghệ thuật phục vụ chính trị, vì chính trị đã được khéo léo đồng hóa với lòng yêu nước *- Lần lượt Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài, Kim Lân, Như Phong, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi được tổ chức vào hội, rồi đến lượt Huy Cận, Xuân Diệu. Mọi người đều thấy rằng trong bầu không khí tiền khởi nghĩa, hơn bao giờ hết, văn học nghệ thuật phải ra sức phục vụ chính trị, phục vụ cách mạng... Đi với đảng, đi với cách mạng..., về với nhân dân nhà văn hóa không mất gì hết.*[12]

Trong thực tiễn hành động, Trần Văn Giàu ghi lại một thủ đoạn lộng giả thành chân của Cộng Sản khôn ngoan không kém việc mượn chiêu bài yêu nước. Thủ đoạn này đã

giúp Mặt Trận Việt Minh khoa trương gấp bội thực lực yếu kém lúc đó. Minh chứng cụ thể do Trần Văn Giàu nêu ra là một số cán bộ Việt Minh đã biến cuộc mít tinh do hội Công Chức của chính phủ Trần Trọng Kim tổ chức tại Hà Nội thành cuộc mít tinh của Việt Minh cướp chính quyền bằng hành động đơn giản là cướp diễn đàn - ... *đoàn thanh niên tiền tuyến của chính quyền bù nhìn họp mít-tinh ở nhà hát lớn thành phố (Hànội), nhưng ở đó thì chiến sĩ Việt Minh lên giành diễn đàn. Ngoài phố, nhiều nơi bắt đầu treo cờ đỏ sao vàng*.[13]

Đó là cuộc mít-tinh tổ chức ngày 17/8/1945 vẫn được gọi là cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội. Trần Văn Giàu cho biết số người dự mít-tinh lúc đầu là 20 ngàn do hội công chức của chính phủ Trần Trọng Kim tổ chức.

Khi Việt Minh biến cuộc mít-tinh thành tuần hành thì càng lúc càng đông lên tới 50 ngàn... Lúc đó cờ đỏ sao vàng và các khẩu hiệu của Việt Minh đã đầy dẫy khắp nơi.

Bí thư thành ủy Cộng Sản Hà Nội lúc đó là Nguyễn Khang chỉ huy kế hoạch cướp đoạt này đã đổi khẩu hiệu *"đánh đuổi giặc Nhật"* thành khẩu hiệu *"Chống mọi hành động của đế quốc can thiệp vào công cuộc độc lập của dân tộc Việt Nam"* cho phù hợp với tình thế.

Về thái độ của triều đình Huế, Trần Văn Giàu xác nhận Bảo Đại không chịu theo ý kiến của người Nhật muốn giúp nhà vua chận đứng các hành động của Việt Minh cho nên *"tối 22-8, khi thanh niên Huế hạ cờ quẻ ly ở kỳ đài, kéo cờ sao vàng lên thì nhà vua bực dọc hối tiếc đã từ chối sự can thiệp của quân Nhật. Tiếc mấy cũng trễ rồi."*[14]

Trần Văn Giàu cũng tiết lộ Việt Minh đã thủ tiêu Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi vì hai nhân vật này

khuyên Bảo Đại không nên thoái vị mà Trần Văn Giàu gọi là *xúi bậy*.[15]

Tóm lại, qua tác phẩm ***Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam,*** Trần Văn Giầu đã ghi lại một số sự kiện không được các cây viết chính thức của đảng Cộng Sản Việt Nam nhắc đến như thủ thuật "*cướp*" chính quyền tháng 8-1945 bằng cách cướp micrô, biến cuộc mít-tinh 20 ngàn người của chính phủ Trần Trọng Kim thành của Việt Minh; như việc Đệ Tam Quốc Tế có thư gửi cho ba đảng cộng sản chỉ thị phải hợp nhất. (**16**)

Quan trọng hơn hết là Trần Văn Giàu đã cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh trên thực tế không vượt khỏi cái khuôn đã được Đệ Tam Quốc Tế đúc sẵn và Đảng Cộng Sản Đông Dương được thành lập là do chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế và chỉ là một chi bộ của tổ chức này.

Chú thích

1 Xin xem *Phản Tỉnh, Phản Kháng, Thực Hay Hư* của Minh Võ, Thông Vũ XB 1998, Cali. Chương 19.

2 T-III: *Th**à**nh c**ô**ng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM*. NXB TP.HCM, 1993.

3-4-5-6-7-8 SĐD tr. 88, 144, 169, 175, 258, 315

9 Tên một tờ báo xuất bản tại SàiGòn do Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu chủ trương được dùng để gọi tên của nhóm này là Nhóm Tranh Đấu, theo nghĩa tiếng Việt.

10-11-12-13-14-15 SĐD tr. 511, 518, 551-553, 688, 700, 697

16 Về việc này, trong cuốn *Bước Ngoặt Vĩ Đại của Đảng Cộng Sản Việt Nam* xuất bản đầu thập niên 60 Lưu Quý Kỳ còn in bản chụp bức thư bằng Pháp văn. Như vậy, rõ ràng Hồ Chí Minh chỉ là đại diện Quốc Tế CS chứng kiến việc thống nhất đảng hay tái sinh đảng, hay thành lập đảng CS Việt Nam. Xin đọc thêm *Sách Lược Xâm Lăng của CS*, tác giả tái bản năm 1970, tại Sài Gòn, trang 107.

Chương 33
HOÀNG VĂN HOAN và *Giọt Nước Trong Biển Cả*

Hoàng Văn Hoan (1905-1991), bí danh Lý Quang Hoa là một trong những cán bộ kỳ cựu từ thời Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, hạt nhân và tiền thân của Đông Dương Cộng Sản đảng. Hoàng Văn Hoan cũng là một sáng lập viên của đảng cộng sản Xiêm, sang Hoa Nam hoạt động dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, trở thành một trong số hội viên đầu tiên của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của Hồ Học Lãm, sau đó, theo lệnh Hồ Chí Minh biến tổ chức này thành bình phong cho các hoạt động cộng sản trong vùng. Hoàng Văn Hoan từng giữ nhiều chức vụ như ủy viên bộ chính trị, phó chủ tịch Quốc Hội, đại sứ tại Bắc Kinh... Vì chống lại nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ nên năm 1979, Hoàng Văn Hoan rời Việt Nam qua tị nạn tại Trung Quốc cho đến khi chết. Lê Duẩn đã đưa việc Hoàng Văn Hoan bỏ trốn ra xử và kết án tử hình khiếm diện. Nếu quả thực tại miền Bắc trước 1975 có hai

xu hướng thân Liên Xô và thân Trung Cộng, thì Hoàng Văn Hoan là người thân Trung Cộng rõ rệt nhất. Điều này được biểu hiện qua việc Hoàng Văn Hoan xin tị nạn tại Trung Quốc và đã dành phần lớn số trang trong cuốn hồi ký *Giọt Nước trong biển cả* để tố cáo Lê Duẩn đi theo Krutshchev chống Trung Quốc.[1] Trong phần 7 là phần dành riêng để tố cáo Lê Duẩn thân Liên Xô chống Trung Quốc, có chỗ Hoàng Văn Hoan muốn lôi cả Hồ Chí Minh vào phe mình để chứng tỏ chống Trung Quốc là phản bội đảng và "Hồ chủ tịch". Ông viết: "*Ngày 13/3/1967, Lê Duẩn cho đăng trên báo Nhân Dân bài thơ Tâm Sự của Tố Hữu có nội dung chống Trung Quốc. Sau đó bị Hồ chủ tịch phê bình, ban tuyên huấn phải tuyên bố thu hồi số báo này, nhưng báo đã gửi đi khắp trong nước và ngoài nước, thu hồi làm sao được.*"[2] Có lẽ điều này khiến nhiều nhà nghiên cứu Tây phương cho rằng cuốn Giọt Nước trong biển cả thiếu vô tư và những việc do Hoàng Văn Hoan nêu ra để đả kích Lê Duẩn có thể là chuyện dàn dựng do tư thù. Dù vậy vẫn phải nhìn nhận Giọt Nước trong biển cả là cuốn hồi ký cung cấp nhiều tài liệu lịch sử về cộng sản Việt Nam trong buổi sơ khai được viết bởi một cán bộ thuộc hàng ngũ lãnh đạo của cộng sản Việt Nam có quá trình hoạt động lâu dài từ thời còn ở Hoa Nam rồi Thái Lan và đã cùng với Hồ Chí Minh xây dựng những cơ sở đầu tiên làm nhân cho Cộng sản Việt Nam. Cũng có thể đặt Hoàng Văn Hoan bên cạnh những người Cộng Sản ly khai do hành vi bỏ trốn khỏi Việt Nam, nhưng cần minh định thêm rằng Hoàng Văn Hoan không chống Đảng, vẫn coi Hồ Chí Minh như một người thực sự yêu nước và lãnh tụ khả kính. Qua *Giọt Nước*

trong biển cả, Hoàng Văn Hoan kể lại khá nhiều việc làm của Hồ Chí Minh vào thời kỳ hoạt động tại Hoa Nam - Thái Lan, nhất là những tương quan của Hồ Chí Minh với các nhân vật hoặc tổ chức quốc gia yêu nước thuở đó. Cho tới lúc chết, Hoàng Văn Hoan vẫn giữ nguyên tình cảm đã có với Hồ Chí Minh nên các chuyện được kể lại nếu không do dụng ý tô màu điểm sắc để ca ngợi thì cũng chắc chắn không phải dàn dựng để bêu xấu. Nói một cách khác, với Giọt Nước trong biển cả của Hoàng Văn Hoan, người đọc được đối diện với nhiều thông tin tương đối xác thực về con người Hồ Chí Minh và các hoạt động trong những năm tháng trước 1945. Tổ chức quốc gia được Hoàng Văn Hoan nhắc đến nhiều nhất là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội do Hồ Học Lãm lãnh đạo. Hoàng Văn Hoan dành nhiều trang để kể về Hồ Học Lãm vốn là người cùng quê - Nguyên ông Hồ Học Lãm là người cùng làng với tôi...[3] Về thân thế Hồ Học Lãm, Hoàng Văn Hoan cho biết thuộc dòng họ Hồ nổi tiếng về lòng yêu nước và tinh thần dũng cảm chống Pháp. Hồ Bá Cự có biệt danh Hồ Tùng Mậu, một trong những cán bộ cách mạng Việt Nam nổi tiếng ở Hoa Nam chính là cháu Hồ Học Lãm. Theo tác giả, Hồ Học Lãm vốn là đồ đệ Phan Bội Châu từng theo cụ Phan sang Nhựt rồi về Trung Quốc. Với thân thế và ý hướng như vậy, Hồ Học Lãm luôn giúp đỡ hết thẩy những người hoạt động cách mạng từ trong nước ra, không phân biệt cộng sản hay quốc gia. Đó là lý do khiến Hoàng Văn Hoan cùng một nhóm đồng chí được Hồ Học Lãm giúp đỡ, tuy Hồ Học Lãm chưa bao giờ theo cộng sản. Hoàng Văn Hoan kể: "Ông Hồ Học Lãm trước kia đã phải nuôi

mấy người chúng tôi, nay lại thêm 8 người nữa..."[4] Ngoài việc giúp đỡ về điều kiện sinh sống, Hồ Học Lãm còn chia xẻ công việc và Hoàng Văn Hoan ghi lại một sự kiện xẩy ra vào năm 1935: "Ông Hồ Học Lãm muốn giúp những người cách mạng ở Nam Kinh được hoạt động một cách hợp pháp, khuyên họ nên lập một tổ chức có đăng ký hẳn hòi để được sự giúp đỡ của Quốc Dân Đảng Trung Quốc... Mấy ngày sau, Hải thảo xong bản điều lệ bằng tiếng Việt, tôi dịch ra tiếng Trung Quốc, nội dung gần giống như điều lệ của Phản đế Đồng Minh, nhưng lấy tên hội là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội... Ông (Hồ Học Lãm) đề nghị sau chữ Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội nên viết thêm mấy chữ "gọi tắt là Việt Minh"... Chúng tôi đồng ý và đưa ra ngay một kế hoạch hoạt động cụ thể mà chúng tôi đã trao đổi trước.[5] Ông Hồ (Học Lãm) sẽ viết thư mời Nguyễn Hải Thần và một vài người ở Quảng Châu lên đại biểu cho Việt kiều ở Quảng Đông. Còn ở Nam Kinh thì: - Hồ Học Lãm, Lê Thiết Hùng là đại biểu Việt Kiều ở Nam Kinh. Đặng Nguyên Hùng nếu ưng thì tham gia vào nhóm Nam Kinh. - Lê Quốc Trụ, Từ Chí Kiên: đại biểu Việt Kiều ở Vân Nam - Đặng Văn Cáp và tôi: đại biểu Việt kiều ở Xiêm - Hải: đại biểu Việt kiều ở Pháp; - Cao Hồng Lĩnh: đại biểu đoàn thể trong nước. ... Đầu năm 1936, ông Hồ Học Lãm viết thư xin Trung Ương Quốc Dân Đảng tiếp kiến. Ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần, Hải, Lê Quốc Trụ và tôi cùng đi... Thuận lợi bước đầu... Qua việc giao thiệp, hội nghị được tổ chức tại phòng hội của đảng bộ khu phố Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Tham dự cuộc họp về phía ta có ông Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần và những anh

em khác độ 20 người. Về phía Trung Quốc có 2 người đại biểu của Trung ương Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Vi Đăng Tường đại biểu Biện sự xứ Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Nam Kinh cũng được mời đến dự. Đặng Nguyên Hùng từ chối không tham gia... Việc ông Hồ Học Lãm đứng ra lập Việt Minh là một việc có tác dụng rất quan trọng...Ông không tham gia Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội mà cũng không tham gia đảng CS ... nhưng vẫn che chở và giúp đỡ ta một cách tích cực."[6] Như vậy, chính Hồ Học Lãm đề xướng việc thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội đặt tên tắt cho nó là Việt Minh. Người thảo điều lệ Hội là một đại diện Việt kiều ở Pháp có tên là Hải. Thành phần đầu tiên tham gia Hội gồm đa số những người quốc gia yêu nước và vài đảng viên Cộng Sản đang sống nhờ Hồ Học Lãm tự xưng là đại diện Việt Kiều ở Thái Lan, Vân Nam ...Về sau, Hải bị nhóm Cộng Sản thanh trừng. Hoàng Văn Hoan nhấn mạnh nhiều lần về xu hướng chính trị của Hồ Học Lãm rằng "Ông không phải là cộng sản. Ông là một người nho học"[7]..."Ông không phải là cộng sản, điều này Quốc Dân Đảng Trung Quốc biết rõ trăm phần trăm. Ông đứng ra lập Việt Minh trong lúc này đối với chúng ta mà nói là một sự che chở rất có hiệu lực."[8] Trong thời gian đầu, nhóm cán bộ Cộng Sản như Hoàng Văn Hoan chỉ coi Việt Minh như một lớp vỏ bọc để che mắt chính quyền Trung Quốc và tìm chỗ dựa về phương tiện trong khi hoạt động - "*Theo sự giới thiệu của mấy anh em Vân Nam, khi đến Quí Châu, chúng tôi ở nhà Vũ Hồng Khanh...*"[9] Điểm đáng kể là ngay trong lúc được Vũ Hồng Khanh đưa về cho sống tại nhà, nhóm Hoàng Văn Hoan vẫn ngấm ngầm chống

phá Việt Nam Quốc Dân Đảng và triệt hạ uy tín của nhân vật này. Hoàng Văn Hoan kể: "Đầu 1940, bác về Côn Minh lấy tên là Hồ Quang, đóng vai một giáo quan cấp thiếu tá của Bát Lộ quân, ở chỗ Tân Hoa thư điếm, nhưng thường lui tới chỗ đồng chí Phùng Chí Kiên để chỉ đạo công tác cho ban hải ngoại...Về chính trị, bác đánh giá việc chi bộ Vân Quí (Vân Nam - Quí Châu) lôi kéo được quần chúng đánh tan ảnh hưởng của bọn Nguyễn Thế Nghiệp và Vũ Hồng Khanh là một thành tích."[10] Hồ Chí Minh bắt đầu hướng dẫn nhóm Hoàng Văn Hoan tiến hành việc sang đoạt tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, trước hết là khuyên "đổi tên tờ Đồng Thanh thành ĐT vì nhiều nghĩa: Đồng Thanh, Đồng Tâm, Đấu Tranh, Đánh Tây" rồi "*bố trí cho Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp vào đại học quân chính tại Diên An*" đồng thời "*tổ chức các lớp học tập lịch sử đảng Cộng Sản Liên Xô*".[11]) Đó cũng là thời gian nhóm Hoàng Văn Hoan được Hồ Học Lãm giới thiệu với Trương Bội Công tại Đại Kiều. Trương Bội Công là người cùng hoạt động với Hồ Học Lãm và đặc biệt đang là đại tá trong quân đội Trung Hoa Dân Quốc rất có thế lực với Trung Hoa Quốc Dân Đảng nên Hồ Học Lãm muốn nhóm Hoàng Văn Hoan được Trương Bội Công giúp đỡ. Được thông báo về việc này, Hồ Chí Minh tham khảo ý kiến các cán bộ Trung Cộng và sau đó khuyên nhóm Hoàng Văn Hoan đi theo một hướng khác. "*Một hôm, bác từ Côn Minh đến, chúng tôi bí mật gặp để báo cáo. Bác phân tích tình hình, rồi chủ trương phải bỏ Trương Bội Công và đưa ông Hồ Học Lãm lên Quế Lâm để làm cơ sở hoạt động. Sau đó ít lâu chúng tôi thu xếp bỏ Trương Bội Công, đi Quế Lâm...Vào khoảng tháng*

10 năm 1940, khi chúng tôi đến Quế Lâm thì bác đã ở đó. Ông Hồ Học Lãm cũng đã được xếp đặt đến chữa bệnh ở Quế Lâm rồi. Chúng tôi thường bí mật gặp bác ở Biện Sự xứ Bát Lộ quân để báo cáo và xin chỉ thị về cách hoạt động."[12] Việc loại trừ Trương Bội Công nhắm trước hết để tránh bị lộ hình tích vì có một người sắc sảo ở bên cạnh và kế tiếp là dễ dàng hơn trong việc khai thác con người nhiệt thành ngay thẳng Hồ Học Lãm để vận dụng danh nghĩa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội vào các mưu đồ của Cộng Sản. Khi Hồ Học Lãm chuyển về Quế Lâm dưỡng bệnh thì không còn nhiều điều kiện liên lạc với Trương Bội Công và gần như bị cô lập giữa những người Cộng Sản. Hoàng Văn Hoan viết: "*Vấn đề đầu tiên là vấn đề lấy danh nghĩa gì để hoạt động? Bác chủ trương lấy danh nghĩa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, và mời ông Hồ Học Lãm đứng ra chủ trì để chúng ta dựa vào đó mà hoạt động. Chủ trương đó phát xuất từ chỗ Việt Minh là một tổ chức mà trước kia đã cùng với ông Hồ Học Lãm lập ra và đăng ký ở Nam Kinh; xuất phát từ chỗ ông Hồ Học Lãm không phải là Cộng Sản mà lại thực lòng ủng hộ chúng ta...*" Thế là một mặt Hoàng Văn Hoan kéo thêm các đồng chí tham gia Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, một mặt Cộng Sản Việt Nam ngấm ngầm tung tin bêu rếu những nhân vật có tên tuổi của tổ chức này để lấy lý do gạt ra khỏi tổ chức. Hoàng Văn Hoan vận động Hồ Học Lãm giới thiệu với Lý Tế Thâm là bạn học của Hồ Học Lãm và đang là Chủ Nhiệm hành dinh khu Tây Nam của Tưởng Giới Thạch. Phái đoàn đi gặp Lý Tế Thâm tại Lâm Uất lúc đó gồm 6 cán bộ Cộng Sản là Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đồng), Dương Hoài Nam (Võ Nguyên Giáp), Trịnh Đông Hải (Vũ

Anh), Phùng Chí Kiên, Cao Hồng Lĩnh và Lý Quang Hoa (Hoàng Văn Hoan). Hoàng Văn Hoan kể: "*Theo kế hoạch của bác,*[13] *chúng tôi chuẩn bị sẵn một bản lý lịch tóm tắt của Việt Minh viết bằng chữ Trung Quốc đưa cho ông, và giới thiệu rằng ở Trung Quốc, chúng tôi đã có 'Biện Sự xứ Việt Minh ở hải ngoại" do ông Hồ Học Lãm làm chủ nhiệm, Lâm Bá Kiệt là phó chủ nhiệm.' Qua lời giới thiệu trên, cả nhóm đã tiến thêm một bước quan trọng trong âm mưu chiếm đoạt tổ chức này do triệt để khai thác nhiệt tình và tính ngay thẳng của Hồ Học Lãm bằng sự ngang nhiên đặt Phạm Văn Đồng (dưới tên Lâm Bá Kiệt) vào vai trò Phó Chủ Nhiệm thay cho Nguyễn Hải Thần. Tuy vậy, mấy năm sau đó, Hồ Chí Minh lại bám lấy danh nghĩa Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội của Nguyễn Hải Thần để lôi cuốn dư luận trong nước. Vào thời gian này Hồ Chí Minh nhận đứng ra tổ chức một mạng lưới tình báo tại nội địa Việt Nam cho tướng Trương Phát Khuê nên đã đưa ra một đề nghị 8 điểm cho Trương Phát Khuê trong đó nêu hai yêu cầu, thứ nhất, xin Trương Phát Khuê 'viết thư giới thiệu với các đoàn thể quốc gia yêu nước tại Việt Nam'* và thứ hai, theo Hoàng Văn Hoan ghi, *'yêu cầu có một ủy nhiệm thư của Trung Ương Việt Cách phái Hồ chủ tịch về nước công tác.' Lúc đó là cuối năm 1943 tức là đã hai năm sau khi Hồ Chí Minh thành lập Mặt Trận Việt Minh tại Pac Bó. Hai điểm vừa nêu cho thấy dù có hai năm hoạt động tại quốc nội, Hồ Chí Minh vẫn chưa tạo nổi thanh thế với các đoàn thể yêu nước và vẫn cần dựa vào Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội của Nguyễn Hải Thần là nhân vật mà phe Cộng Sản không ngừng bêu xấu. Trương Phát Khuê đáp ứng yêu cầu đó nên Hồ Chí Minh còn "đến Côn Minh với danh nghĩa là*

ủy viên Trung ương của hội Việt Cách, tất nhiên có trách nhiệm xem xét tình hình phân hội Việt Cách ở Vân Nam'..."[14] Hoàng Văn Hoan kể lại những hoạt động này của Hồ Chí Minh như bằng chứng về tài thao lược không chỉ cứu mình thoát khỏi mọi khó khăn mà còn đoạt được nhiều điều kiện thuận lợi để đưa hoạt động của đảng tới thành công. Thực ra, Hồ Chí Minh không chỉ biểu hiện cách hành động trên tại Hoa Nam với riêng hai trường hợp Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội và Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội mà biểu hiện trong nhiều giai đoạn hoạt động khác. Qua Giọt Nước trong biển cả, Hoàng Văn Hoan cũng nhắc lại khoảng thời gian 1928-1930 khi Hồ Chí Minh có mặt ở Xiêm và nói đến một đồ đệ khả kính của Phan Bội Châu là Đặng Thúc Hứa tục gọi Cố Đi. Cố Đi cũng như Hồ Học Lãm, là một người yêu nước luôn nhiệt tình với việc hoạt động cách mạng nên đã tích cực vận động Việt kiều tại Xiêm tham gia tổ chức của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khác với Hồ Học Lãm, về sau có lẽ Cố Đi hiểu rõ gốc gác Cộng Sản của Hồ Chí Minh nên không tới tham dự buổi lễ ra mắt đảng Cộng Sản Xiêm. Dù vậy, theo Hoàng Văn Hoan, "Cố Đi vẫn được vinh dự giới thiệu là một trong những người đảng viên đầu tiên của đảng Cộng Sản Xiêm. Năm 1931, Cố mang bệnh từ Xiêng May về Udon, rồi mất ở đây, thọ 61 tuổi"[15] Hoàng Văn Hoan nói rõ, tuy gọi là đảng Cộng Sản Xiêm, nhưng hầu hết đảng viên toàn là Việt kiều và Hoa kiều tức là những người kính trọng danh tiếng của Đặng Thúc Hứa. Thực tế này cho thấy việc khai thác tên tuổi và uy tín của mọi người, mọi tổ chức - thậm chí tự động gán ghép cho mọi người, mọi tổ

chức danh nghĩa Cộng Sản - để tạo thanh thế là phương thức hành động quen thuộc của Hồ Chí Minh. Trên thực tế, khai thác uy tín của các nhân vật, tổ chức quốc gia chỉ là mặt thứ nhất trong phương thức hành động của Hồ Chí Minh có mặt thứ hai đáng sợ hơn là nỗ lực triệt hạ chính các nhân vật hoặc các tổ chức đó. Trong lúc Hoàng Văn Hoan và các đồng chí sống nhờ Vũ Hồng Khanh thì tất cả vẫn theo lệnh Hồ Chí Minh tuyên truyền bêu rếu nhân vật này với mọi người. Cũng thế, trong khi Hồ Chí Minh mượn danh nghĩa Nguyễn Hải Thần và tổ chức Việt Cách thì các đảng viên Cộng Sản không ngừng gieo rắc dư luận đả kích nhân vật này và tổ chức Việt Cách. Vào giai đoạn Hồ Chí Minh hoạt động tại Xiêm, một số đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng từ trong nước qua liên lạc với các tổ chức tranh đấu đề nghị giúp đỡ võ khí để lo khởi nghĩa. Nhóm Hoàng Văn Hoan cũng được tiếp xúc nhưng từ chối không giúp đỡ. Số đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng này gồm Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Văn Tiềm, Hồ Văn Mịch bị Pháp bắt ngay khi trở về nước. Việc mật thám Pháp biết rõ những người này vẫn là một nghi vấn về liên hệ giữa mật thám Pháp với Cộng Sản Việt Nam lúc đó. Việt Thường,[16] nguyên phóng viên báo Độc Lập của Cộng Sản ở Hà Nội trước 1975, khẳng định Cộng Sản đã báo mật thám Pháp y hệt trường hợp Lâm Đức Thụ và Hồ Chí Minh sắp đặt bán đứng Phan Bội Châu lấy 100 ngàn đồng.[17] Theo Việt Thường, cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại khiến Nguyễn Thái Học cùng 13 đồng chí Việt Nam Quốc Dân Đảng bị hành quyết cũng do Cộng Sản báo trước với mật thám Pháp. Dưới mắt Hoàng Văn Hoan, phương pháp hành

động của Hồ Chí Minh là một sách lược cao không chỉ giới hạn trong phạm vi các đoàn thể quốc gia Việt Nam yêu nước mà còn vận động được cả sự ủng hộ của Mỹ, Pháp và Trung Hoa Dân Quốc là những thế lực quốc tế thù địch của Cộng Sản.[18] Theo Hoàng Văn Hoan, sách lược đấu tranh này khiến nhiều lúc Hồ Chí Minh phải tỏ ra thân với Mỹ, Pháp hoặc Trung Hoa Dân Quốc nhưng không bao giờ Hồ Chí Minh khuynh hữu. Hoàng Văn Hoan viết:"*Việc bác đi Trùng Khánh gặp Tưởng Giới Thạch (nhưng không gặp được vì bị bắt ở dọc đường), việc đi Côn Minh gặp tư lệnh không quân Mỹ và việc liên hệ với tướng Pháp Xanh-tơ-ni trước Cách Mạng tháng 8 thật ra ít người biết. Có người biết ít nhiều cũng tránh đi không nói, vì họ nghĩ rằng như thế là hữu khuynh, là thỏa hiệp. Cách nghĩ như vậy là không phù hợp với thực tế, không hiểu hết ý nghĩa chiến lược và sách lược của sự việc.*"[19] Mấy tiếng ý nghĩa chiến lược và sách lược trong trình bày của Hoàng Văn Hoan hàm chứa sự diễn tả Hồ Chí Minh thỏa hiệp hoặc tỏ ra đoàn kết với bất kỳ cá nhân và tổ chức nào đều không nhằm thỏa hiệp hay đoàn kết thực sự mà chỉ để khai thác cho hoạt động của Quốc Tế Cộng Sản. Những trưng dẫn về hoạt động của Hồ Chí Minh qua Giọt nước trong biển cả gợi nhắc dễ dàng một nhận định của Duncan-son về Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam là một phong trào chống lại những người yêu nước chống thực dân. Tuy vậy, Hoàng Văn Hoan vẫn cho rằng Hồ Chí Minh là người yêu nước, kể cả trường hợp Hồ Chí Minh chính thức yêu cầu Trung Cộng phái 300 ngàn quân sang Việt Nam chiến đấu bên cạnh bộ đội cụ Hồ từ 1965 đến 1970 với lý do chống Mỹ[20] Hoàng Văn Hoan diễn

tả sự việc này là biểu hiện tình đoàn kết thắm thiết Việt - Trung giữa những người cùng lý tưởng, nhưng sự việc này cũng là chứng cớ cụ thể nhất xác định Hồ Chí Minh khó đặt lòng yêu nước lên trên lý tưởng Cộng Sản như Hoàng Văn Hoan vẫn nghĩ.

Chú thích

1 Khrutshchev tuy có chống Mao, nhưng lúc ấy chủ trương hòa hoãn với Tây phương theo sách lược sống chung hòa bình, cho nên chính sách hiếu chiến và quyết tâm xâm chiếm miền Nam của Lê Duẩn bộc lộ xu hướng thân Mao hơn là thân Khrutshchev.

2-3-4-5-6-7 SĐD tr.394, 88, 90, 102-105, 107 (05) Hai chữ chúng tôi chỉ hai người chủ chốt là Hải và Hoàng Văn Hoan.

8-9-10-11 SĐD tr. 108, 121, 128, 129-130

12 SĐD tr.133. Xin lưu ý mấy chữ được xếp đặt để thấy chính Hồ Chí Minh ra tay lợi dụng Hồ Học Lãm.

13 Tác giả luôn nhắc theo chỉ thị của bác, theo kế hoạch của bác... Điều đó cho thấy tác giả tuyệt đối theo lệnh Hồ Chí Minh đồng thời cũng chứng tỏ HCM là người chủ xướng mọi việc.

14-15 SĐD tr. 244, 54

16 Xin xem chương về Việt Thường

17 Hoàng Văn Chí ghi lúc ấy giá con trâu chỉ 5 đồng, tức số tiền tương đương hàng triệu Mỹ kim ngày nay.

18-19-20 SĐD tr. 252, 250, 345

Chương 34
SƠN TÙNG và bài nói về Hồ Chí Minh

Ngày 11/4/2001, tại trường Cán Bộ Quản Lý Giáo Dục Hà Nội đã diễn ra một buổi nói chuyện về nhiều vấn đề của đảng cộng sản hiện nay, đặc biệt là về lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Diễn giả là nhà văn cũng là cán bộ đảng, Sơn Tùng, người được mệnh danh là nhà Hồ Chí Minh học theo hàm nghĩa chuyên viên nghiên cứu về Hồ Chí Minh.

Sơn Tùng là tác giả cuốn ***Búp Sen Xanh*** trong đó có vài điểm đề cập đến nguồn cỗi của Hồ Chí Minh. Tác phẩm này từng một thời bị nhà cầm quyền Cộng Sản và nhật báo *Nhân Dân* của Đảng phê phán gay gắt, cho rằng dám ám chỉ xa xôi Hồ Chí Minh đã có một nguồn cỗi không được trong trắng.[1]

Trong câu chuyện dài gần hai tiếng đồng hồ, Sơn Tùng cố chứng minh một điều chủ yếu thuộc con người Hồ Chí Minh là lòng yêu nước. Theo Sơn Tùng, Hồ Chí Minh là người ái quốc hơn là người Cộng Sản.

Diễn giả mở đầu câu chuyện bằng sự đề cập tới tình trạng sa sút phẩm cách của cán bộ đảng viên thuộc hàng ngũ lãnh đạo Đảng: *"Từ một phần tư thế kỷ nay, Đảng ta sa sút xuống đến mức không tưởng tượng nổi, so với trước đây nhân cách những người cộng sản không còn, nhân cách không còn vì nó tham nhũng đến như thế."*

Tuy nhiên, Sơn Tùng lập tức xác định: *"Đảng thì vẫn sáng chói. Nhất là bác Hồ. Vì ngay bây giờ đây, ở đại học tổng hợp có cả đoàn sinh viên do 3 giáo sư nổi tiếng ở Washington dẫn đầu sang nước ta để nghiên cứu về bác Hồ... đoàn đã đi Tân Trào, Pác Bó về."*

Sơn Tùng không nêu chứng cớ về sự sáng chói của Đảng trong tình trạng sa sút là những điểm nào, nhưng chứng cớ về sự sáng chói của Hồ Chí Minh thì rõ ràng không đủ sức thuyết phục khi chỉ là sự kiện có 3 giáo sư và một số sinh viên Mỹ tới Việt Nam tìm hiểu về nhân vật này.

Diễn giả không trưng dẫn thêm chứng cớ khác mà nhắc lại một ý kiến phê phán đã có đối với những điều diễn giả từng trình bày về lãnh tụ: *"Tôi nói bác Hồ sinh ra trong một gia đình nhà quan....(thì người ta) nói tôi lợi dụng bác Hồ để hạ thấp bác Hồ, nói bác Hồ có người yêu là hạ thấp bác Hồ, nói bác Hồ thành phần bóc lột sinh trong nhà quan là hạ thấp bác Hồ..."*

Theo diễn giả, chính việc nghiên cứu tận nguồn gốc của lãnh tụ, để đưa ra những sự kiện chính xác như không xuất thân từ giới vô sản hay công nhân mà từ dòng dõi khoa bảng, trí thức đã giúp có một cơ sở vững chắc cho việc tìm hiểu con người và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Dựa trên quan điểm này, diễn giả lui về với những chi

tiết từ thuở Hồ Chí Minh mới chào đời và nói năm sinh chính xác của Hồ Chí Minh là 1891 chứ không phải 1890.

Sơn Tùng quả quyết: *"Bây giờ nói bác sinh năm 1890, nhưng tôi nghiên cứu tử vi của bác thì bác sinh năm tân mão, tức 1891."*[2]

Diễn giả cho biết vào năm 1950, chính diễn giả được gặp Nguyễn Tất Đạt (tức Nguyễn Sinh Khiêm), anh ruột của Hồ Chí Minh chỉ khoảng mấy tháng trước khi Nguyễn Tất Đạt chết và đã được Nguyễn Tất Đạt giao cho cuốn ***Tất Đạt Tự Truyện*** trong đó có ghi 3 bài thơ của người em ruột là Nguyễn Tất Thành sáng tác khi mới năm tuổi.

Diễn giả đã giới thiệu nguyên văn ba bài thơ.

Bài I:

Núi cũng con đường mòn
Cha thì cũng theo con
Núi nằm ì một chỗ
Cha đi cúi lom khom
Đường bám trên lưng núi
Con tập chạy lon ton
Cha siêng hơn hòn núi
Con đường lười hơn con.

Bài II:

Biển là ao lớn
Thuyền là con bò
Bò ăn gió no
Lội trên mặt nước
Em nhìn thấy trước
Anh trông thấy sau
Ta lớn mau mau
Vượt qua ao lớn.

Bài III:

Kìa ba ông lão bé con con
Biết có tình gì với nước non
Trương mắt làm chi ngồi mãi đó!

Diễn giả cho biết Nguyễn Tất Đạt ghi lại những bài thơ này theo trí nhớ nên không dám chắc có hoàn toàn chính xác không. Tuy nhiên, Nguyễn Tất Đạt tâm sự với diễn giả về bài thơ thứ hai như sau: "*Cái khẩu khí ấy là cái ứng mệnh nên suốt đời của chú đi hết nơi này nơi khác, năm châu bốn biển, còn bác thì chẳng thấy gì, bác cứ yên vị bác sống trong nước như thế này.*"

Về bài thơ thứ ba, Nguyễn Tất Đạt kể lại cho diễn giả nghe về trường hợp được sáng tác.

Bữa đó, Nguyễn Tất Thành theo cha đến chơi nhà Hoàng Cao Khải, đang mang chức Quận Cộng và được triều đình Huế phong Vương vì có công dẹp loạn. Thành thấy các quan làm thơ thì chê dở nên bị Hoàng Cao Khải bắt ứng khẩu vịnh tượng ba ông phỗng đang trưng bày ở đó.

Dĩ nhiên một đứa trẻ mới năm tuổi mà có thể ứng khẩu tức khắc những vần thơ như thế chắc chắn phải là một thần đồng, một thiên tài. Nhưng điểm chủ yếu mà Sơn Tùng muốn nêu lên là nguồn gốc của Hồ Chí Minh và môi trường sống ở tuổi ấu thơ.

Ngoài mấy bài thơ đó, diễn giả còn nêu thêm nhiều sự kiện cho thấy ngay từ nhỏ Hồ Chí Minh đã chịu ảnh hưởng rất nặng của giới sĩ phu Việt Nam theo Nho học và lên tiếng chống lại những đảng viên quá khích vẫn thường kết án các vua chúa triều đình nhà Nguyễn.

Diễn giả nêu mấy câu thơ của vua Thành Thái để bênh vực vị vua này:

Nhân dân nô lệ từng đoàn
Vui chi bệ ngọc ngai vàng riêng ta...

Và:

Võ võ văn văn y cẩm bào
Trẫm vi thiên tử độc giáng lao
Tam bôi hoàng tửu quần lệ huyết
Nhất trản thanh trà bách tính cao

Sau khi giải nghĩa mấy vần thơ chữ Hán, Sơn Tùng nêu ý kiến: *"Một ông vua ngồi trong hoàng cung, ăn ngon mặc đẹp mà thấy cái đau xót vì nhân dân đau khổ, nói nôm na như vậy, thế thì ta không học, thì học ai?"*

Sơn Tùng còn kể về tương quan mật thiết giữa phó bảng Nguyễn Sinh Huy tức cha của Hồ Chí Minh với Cao Xuân Dục là một nhân vật nổi tiếng trong giới sĩ phu thuở đó.

Theo diễn giả, Cao Xuân Dục từng giúp đỡ rất nhiều và có ảnh hưởng lớn với gia đình phó bảng Huy. Diễn giả kể thêm một tin đồn cho rằng Cao Xuân Dục với Hoàng Cao Khải là hai anh em cùng cha khác mẹ: *"Sở dĩ họ là Hoàng Cao vì họ Hoàng không có người tài, Cao là (họ) đi "xin giống". Muốn có người tài, họ Hoàng mời một ông thầy họ Cao về dậy học trong nhà, lại bàn với vợ "xin giống". Ông thầy họ Cao này chính là bố ông Cao Xuân Dục. Sinh ra Khải mới để họ là Hoàng Cao... Hai anh em cũng biết ngầm với nhau như thế..."*

Việc nhắc lại tin đồn này chỉ nhằm đề cao trí thông minh của Cao Xuân Dục là người, theo diễn giả, có tương quan mật thiết với gia đình phó bảng Huy tức là có ảnh hưởng trực tiếp tới tuổi thơ của Nguyễn Tất Thành.

Dựa trên những sự kiện đó, Sơn Tùng xác quyết: *"Bác Hồ sinh ra từ cái chiếu quan trường."*

Xác quyết này chính là điều kiện cần thiết chứng minh cho cái điểm chủ yếu mà diễn giả muốn nêu lên về con người Hồ Chí Minh: *"... bác Hồ là con đẻ của Việt Nam, còn Mác-Lênin có đến với Bác là một cái vô cùng quan trọng, nhưng là một mảng cấu thành thứ hai, không thể nào là nền tảng được"*.

Sơn Tùng mượn những chuyện được truyền kể trong dân gian hoặc có thể được góp nhặt theo một cách nào đó để chứng minh nguồn cỗi Hồ Chí Minh gắn bó chặt chẽ với truyền thống yêu nước hơn là tinh thần vô sản quốc tế, dù Hồ Chí Minh chọn chủ nghĩa Cộng Sản làm lý tưởng đấu tranh.

Theo hướng góp nhặt này, có lúc, diễn giả còn nói đến chuyện Nguyễn Sinh Huy (tức Nguyễn Sinh Sắc) bị tuyệt tự, vì hai người con trai là Nguyễn Tất Thành (tức Hồ Chí Minh) và Nguyễn Tất Đạt (tức Nguyễn Sinh Khiêm) đều không có con. Còn bà Thanh tức chị ruột Hồ Chí Minh thì diễn giả cho biết *"sống bằng nghề bắt mạch kê đơn, bốc thuốc"*.

Diễn giả tỏ vẻ khó hiểu về lý do lâm cảnh ngộ này của gia đình Nguyễn Sinh Huy: *"Ông Khiêm xem mồ, xem mả, xem hướng làm nhà, tức là thầy địa lý phong thủy mà sống. Cả gia đình này không hiểu vì sao mà thế. Đến bác Hồ thì bác không lấy vợ để giữ cho trọn vẹn cuộc đời của mình cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đến khi giành được độc lập, thì bác trẻ chưa qua, già chưa tới, lấy vợ thì không dám lấy, nên bác không có gia đình"*.

Cũng nhân đó, diễn giả đã nhắc tới một tin đồn với hàm ý bác bỏ: *"Nhưng bây giờ lại có rất nhiều điều tiếng: Ông Nông Đức Mạnh là con cụ Hồ, tức là con cụ Hồ mang đầy những bi kịch, khủng hoảng thời đại của dân tộc."*

Trong câu chuyện dài gần hai tiếng đồng hồ, Sơn Tùng đã làm một điều lạ thường trong dòng sinh hoạt của Cộng Sản Việt Nam là công khai nhắc lại nhiều tin đồn kể cả những tin đồn thuộc loại cấm ngặt không được nhắc tới.

Sơn Tùng cũng cố gắng vẽ một bức chân dung Hồ Chí Minh với một số màu sắc khác cả về dĩ vãng lẫn xu hướng lý tưởng khi xác quyết chất yêu nước lớn hơn chất Cộng Sản nơi con người Hồ Chí Minh.

Sơn Tùng còn có vẻ muốn gạt Hồ Chí Minh khỏi phạm vi trách nhiệm về mọi tai họa trong đời sống Việt Nam, khi nhắc lại một số sự kiện phản ảnh sinh hoạt nội bộ Đảng từ thập niên 30 tới thập niên 50: *"...chính cương vắn tắt của bác Hồ bị bỏ. Tháng 10 năm 1930 trung ương họp lần đầu,* (diễn giả nói lầm là họp đại hội I.) *lấy luận cương chính trị của Trần Phú làm đường lối. Bác bị đẩy vào bên trong...cho đến 1951, đại hội 2 bác lại bị cái "thiểu số phục tùng đa số", lấy "tư tưởng Mao" vào điều lệ... Đến 1951 cụ Hồ chỉ còn là chủ tịch ban chấp hành. Mà chủ tịch ban chấp hành thì khác chủ tịch đảng."*[3]

Diễn giả còn muốn người nghe ngầm hiểu là đã có lúc Hồ Chí Minh bị người xung quanh mưu toan ám hại bằng cách kéo bí thư riêng của Hồ Chí Minh là Vũ Kỳ ra làm chứng cho diễn giả kể lại một câu chuyện cũ xảy ra nhân dịp Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở về để chuẩn bị tổng tấn công Tết Mậu Thân.

Sơn Tùng kể: "*Trên máy bay chỉ có bác, ông Vũ Kỳ và người lái máy bay chuyên cơ từ Trung Quốc về. Lúc đó đã báo cho bộ đội phòng không từ giờ này... đến giờ này... trên bầu trời nước ta từ hướng này... phương vị này... tuyệt đối không nổ súng. Thời đó đang có chiến tranh, vào giờ đó là xuất hiện máy bay của ta. Khi máy bay về tới vùng trời Hà Nội, sân bay Nội Bài khi đó là sân bay quân sự nên máy bay xuống sân bay Gia Lâm. Người lái báo cáo với anh Vũ Kỳ ngồi bên cạnh (bác ngồi phía sau hút thuốc)*:

"*-Thưa anh, tín hiệu đường băng lệch 15 độ, bây giờ làm sao đây?*

"*- Quan sát lại đi, ông Vũ Kỳ nói.*

"*- Em là người lái mà lái máy bay cho bác thì em nhìn sao được?*

"*Máy bay lượn hai vòng không dám xuống, vì theo ông lái, nếu hạ cánh thì máy bay sẽ chạy đến Phố Nối, thì tan xương chú.*

"*- Bây giờ làm thế nào? Quay trở lại không được, hết xăng rồi, phòng không nó bắn chết, mà xuống theo tín hiệu thì không an toàn...*

"*- Phải xuống theo trí nhớ thôi, cậu có xuống được không? Ông Kỳ nói.*

"*Cuối cùng xuống theo trí nhớ (của người lái), chứ không xuống theo tín hiệu, vì trên máy bay đã báo đi báo lại, nhưng dưới sân bay vẫn không thay đổi, trên bảo 'tín hiệu lệch', dưới vẫn cứ để thế, không sửa.*

"*Vòng một vòng và máy bay hạ cánh an toàn, thở đánh phào một cái. Bác vẫn ngồi ung dung hút thuốc. Ở dưới sân bay vẫn yên tĩnh.*"

Theo Sơn Tùng, lúc đó chỉ có ba người ra đón Hồ Chí Minh là Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và Phạm Văn Đồng.

Khi bài của Vũ Kỳ xuất hiện trên mấy tờ báo, Bộ Chính Trị gọi Vũ Kỳ lên hỏi. Vũ Kỳ nói: *"Tôi chỉ kể chuyến đi của Bác mà hồi ký của tôi viết về Bác."*

Sơn Tùng kết luận: *"Thế rồi 'họ' cũng thôi. Cái khung cảnh đất nước ta mấy năm nay nó thế đấy. Bác Hồ là người cô đơn, đây là cô đơn trên quan điểm... từ Quốc Tế Cộng Sản cho đến khi bác qua đời, quan điểm của bác luôn bị cô đơn."*

Những chữ *thiểu số* và *cô đơn* được Sơn Tùng nhắc lại nhiều lần với hàm ý vì theo dân tộc chủ nghĩa nên Hồ Chí Minh gần như bị bao vây bởi những người xung quanh nặng tinh thần quốc tế chủ nghĩa. Hàm ý trên của Sơn Tùng hiện ra khá rõ trong phần cuối buổi nói chuyện khi Sơn Tùng nhắc lại một vài sự kiện cũ của Đảng.

Sơn Tùng kể trong kỳ đại hội I của Đảng họp năm 1935 tại Macao vắng mặt Hồ Chí Minh, *"đồng chí Hà Huy Tập viết một văn bản đề nghị Quốc Tế Cộng Sản thi hành kỷ luật đồng chí Nguyễn Ái Quốc"*, rồi Sơn Tùng nhắc một số việc trong kỳ họp ban chấp hành tháng 10-1930 như *"bỏ cái tên đảng khi Bác thành lập,*[4] *bỏ cái điều lệ của Bác, bỏ tổng bí thư đầu tiên khi Bác thành lập đảng (CSVN)... là Trịnh Đình Cửu, một trí thức ở Hà Nội, tục gọi ông Cửu Trắng (vì đeo kính trắng)..."*

Nội dung câu chuyện của Sơn Tùng không quan trọng bằng động cơ thúc đẩy và tạo điều kiện cho Sơn Tùng có một buổi nói chuyện mang tính chính thức như vậy.

Tuy nhiên, đó là chuyện nằm ngoài phạm vi tìm hiểu về con người Hồ Chí Minh.

Dừng lại trong phạm vi này, những điểm Sơn Tùng nêu ra về Hồ Chí Minh thực ra cũng không có gì mới lạ ngoài tính chất chứng tỏ đang có một ý hướng làm mới con người Hồ Chí Minh tại Việt Nam. Đó là một Hồ Chí Minh yêu nước thương dân nhưng bị cô đơn giữa một đám đông quá nghiêng theo chủ nghĩa Cộng Sản nên luôn nằm ở thế thiểu số không thể làm đúng theo ý nguyện phụng sự dân tộc của mình.

Nhưng, dụng tâm làm mới sẽ đưa mọi người tới gần sự thực hay lại đẩy sự thực vào một cõi mịt mù hơn?

Chú thích

[1] Khoảng *đầu* thập kỷ 90, sử gia Trần Quốc Vượng ở Hà Nội trong bài báo *Thật mà chưa chắc là thật* nói về *ông* Hồ Sỹ Tạo hơi khác giáo sư Cao Thế Dung. Trần Quốc Vượng bảo dân ở vùng quê quán Hồ Chí Minh truyền kể rằng Nguyễn Sinh Sắc là con ngoại hôn của Hồ Sỹ Tạo với cô *Đèn* (Hà Thị Hy). Không thấy nói cha của *ông* Sắc là Nguyễn Sinh Nhậm có biết chuyện này không. Nhưng *Đào* Bình Giang trong *Phụ Nữ Diễn Đàn* số 115, tháng 8/1993, dẫn cuốn sách cổ *Quốc Triều Đăng Khoa Lục* của Cao Xuân Dục *để* phủ nhận. Theo sách này, tiến sĩ Hồ Sỹ Tảo, sinh năm 1869, kém Nguyễn Sinh Sắc (sinh năm 1862) bảy tuổi, không thể nào lại là cha của Nguyễn Sinh Sắc *được*. Cao Thế Dung ghi Hồ Sỹ Tảo còn Trần Quốc Vượng ghi Hồ Sỹ Tạo, nhưng Cao Thế Dung không cho biết là tiến sĩ thời nào.

Trong cuốn *Chân Tướng Hồ Chí Minh*, Cao Thế Dung ghi Hồ Chí Minh sinh năm Tân Mão (1891), có tên thánh là Gio-an Bao Ti Xi Ta, cha là Hồ Sỹ Tảo chứ không phải Nguyễn Sinh Huy. Cao Thế Dung trích các tác giả Hoàng Văn Chí, Hồng Liên Lê Xuân Giáo cho biết Hồ Chí Minh là con *ông* Hồ Sỹ Tảo (do tư tình hay hãm hiếp trong lúc say rượu ?) với bà Hoàng Thị Loan, vợ *ông* Cử Sắc. Từ 7, 8 tuổi Hồ Chí Minh *đã* biết nguồn gốc mình. Phải chăng vì vậy mà *ông* không có vẻ hiếu với *ông* cử Sắc và cũng chẳng có tình nghĩa gì với anh chị là *ông* Nguyễn Tất *Đạt* hay Nguyễn Sinh Khiêm và bà Nguyễn Thị Thanh?

[2] Xin *đọc Chân Tướng Hồ Chí Minh* của Cao Thế Dung.

[3] Ngụ *ý* không có quyền như trước kia, khi là Chủ Tịch *Đảng*.

[4] Khi mới thành lập tên là *đảng* Cộng Sản Việt Nam, sau QT3 bắt *đổi* thành ra *Đảng* Cộng Sản *Đông* Dương, còn ngày sinh của *đảng* ban *đầu* ghi 6/1/30, QT3 *cũng* bắt *đổi* thành 3/2/30.

Chương 35
HOÀNG TÙNG và *HCM, Trung Quốc và Liên Xô*

Hoàng Tùng nguyên là bí thư trung ương đảng, từng giữ chức tổng biên tập nhật báo *Nhân Dân* và có thời phụ tá cho Lê Đức Thọ trong ban tổ chức đảng.

Nổi tiếng là giáo điều bảo thủ, Hoàng Tùng đã nhiều lần lên tiếng phê bình chỉ trích xu hướng đổi mới. Trong khuôn khổ nỗ lực của Cộng Sản Việt Nam nhằm đề cao thần tượng và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hoàng Tùng đã cho phổ biến một tài liệu nhan đề *Hồ Chí Minh, Trung Quốc và Liên Xô*, nhắc lại những kinh nghiệm riêng từng có với Hồ Chí Minh và các cấp lãnh đạo đảng trong nhiều năm, theo hướng chứng minh Hồ Chí Minh có lập trường dân tộc một cách chân thành và sâu sắc, chứ không lệ thuộc vào chủ nghĩa giáo điều của Stalin và Mao Trạch Đông.

Ngoài ra, Hoàng Tùng cũng có những buổi nói chuyện nội bộ về đề tài Hồ Chí Minh mà một số đoạn trích dẫn ở đây rút từ một trong những buổi nói chuyện đó được phổ biến qua vài tờ báo ở hải ngoại.

Hoàng Tùng nói: *"Tôi biết Liên Xô, nhất là Stalin coi bác là một người dân tộc chủ nghĩa cải lương từ năm 1928"*. Hoàng Tùng kể lại đã được Lê Duẩn cho biết tổng bí thư Hà Huy Tập từng tố cáo Hồ Chí Minh với Đệ Tam Quốc Tế về việc mật thám Pháp đưa bà Thanh là chị Hồ Chí Minh đi tìm em ở Trung Quốc và Hà Huy Tập còn đưa ra một nghị quyết *"phê phán sai lầm dân tộc chủ nghĩa cải lương của Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ Chí Minh)"*.

Hoàng Tùng dẫn chứng cho cảnh khó khăn mà Hồ Chí Minh phải chịu vào thời điểm đó tại Liên Xô bằng sự việc *"chỉ xin làm luận án phó tiến sĩ nhưng cũng không được chấp thuận"*.

Nhưng cũng Hoàng Tùng cho biết: *"Sau đó Bác nhận làm luận án tiến sĩ nhưng Người rất chán"*.

Theo Hoàng Tùng, từ 1933 đến 1938, Đệ Tam Quốc Tế không giao nhiệm vụ gì cho Hồ Chí Minh vì nghi là có liên hệ với đế quốc *"nhưng vì sự nghiệp cách mạng Bác vẫn làm"*.

Những từ ngữ dùng ở đây hết sức mơ hồ chẳng hạn ba chữ *Bác vẫn làm* không diễn tả việc gì, nhất là vẫn làm trong lúc không được giao nhiệm vụ. Rồi Hoàng Tùng lại cho biết *"Bác xin việc mãi không được, Bác xin về nước."*

Thực ra, về giai đoạn này của Hồ Chí Minh, Hoàng Tùng từng có một bài trên tờ *Văn Nghệ* số Xuân 2000 xuất bản tại Hà Nội. Dưới tựa đề ***Lẽ sống của Bác***, Hoàng Tùng nhấn mạnh về tính chất Cộng Sản trung kiên của Hồ Chí Minh và nói Hồ Chí Minh đã mắc hàm oan do bị hiểu lầm là có xu hướng dân tộc khi vận dụng với tinh thần sáng tạo học thuyết Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Hoàng Tùng viết: *"Sang Liên Xô vừa lúc Lênin qua đời.*

Nhưng lại được đi cùng Phái bộ Bôrôđin đến Quảng Châu bên cạnh Chính phủ Tôn Trung Sơn, Nguyễn thành lập tổ chức cách mạng đầu tiên của nước ta, đào tạo lớp cán bộ sau này là những người lãnh đạo của Đảng ta.

Rồi khi đến Trung Hoa ít lâu, ông Tôn qua đời, Tưởng làm chính biến quân sự, bãi bỏ liên minh với Đảng Cộng Sản và Liên Xô, phải trở về Matxcơva và bị hiểu lầm về khuynh hướng chính trị. Lại phải tìm đường về Xiêm. Sau đó đến HồngKông thống nhất ba tổ chức cộng sản, thành lập Đảng ta.

Song thử thách lớn nhất đối với Bác là bị người ta hiểu sai về cái đúng, cái sáng tạo của mình, từ việc nghiên cứu học thuyết giải phóng của Mác-Lênin, Người giải quyết sáng tạo những vấn đề lý luận, thực tiễn cách mạng nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được cuộc sống chứng minh là hoàn toàn đúng: Kiên trì chân lý, đồng thời bình tĩnh tránh mọi điều không hay đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta là một đức tính rất quý của Người. Trong hàng ngũ cộng sản quốc tế đã có người phê phán gay gắt Hồ Chí Minh hàng chục năm, trước khi qua đời năm 1953, lại nói như người lãnh đạo của chúng ta đã thực hành: ***Tất cả các Đảng Cộng Sản và công nhân, hãy giương cao ngọn cờ dân tộc, dân chủ mà tiến lên".***

Hoàng Tùng chủ ý đề cao tinh thần dân tộc và lòng yêu nước của Hồ Chí Minh, nhưng luận giải của tác giả lại cho thấy Hồ Chí Minh chỉ vận dụng tinh thần dân tộc và lòng yêu nước như một chiêu bài cho sách lược giai đoạn của Cộng Sản do những điều kiện thực tiễn đòi hỏi. Những sự kiện do Hoàng Tùng nêu ra để chứng dẫn cũng không mang ý nghĩa khác.

Về việc tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản cuối năm 1945, Hoàng Tùng thuật lại chỉ riêng Trường Chinh không tán thành còn ai cũng phải nhận đó là một quyết định rất táo bạo.

Theo Hoàng Tùng, Liên Xô, Trung Quốc và cả đảng Cộng Sản Pháp đều hiểu lầm việc này nên đã không ủng hộ Việt Minh, dù thực ra chỉ là "*tuyên bố về danh nghĩa thôi, còn trên thực tế Đảng vẫn tồn tại*" và hiệu quả thực tế rất tốt là phe Tưởng Giới Thạch không còn lấy cớ gì thúc ép được vì đảng đã tuyên bố giải tán rồi.

Cuộc Cải Cách Ruộng Đất do Cộng Sản Việt Nam tiến hành đã tạo ra một thời kỳ đen tối kinh hoàng cho người dân miền Bắc và dư luận chưa quên thái độ tàn nhẫn của Hồ Chí Minh đối với bà Nguyễn Thị Năm, một ân nhân của đảng Cộng Sản Việt Nam từ những ngày đầu Hồ Chí Minh về nước.

Hoàng Tùng biện bạch rằng Hồ Chí Minh phải thực hiện cải cách ruộng đất do bị Stalin và Mao Trạch Đông thúc ép. Riêng việc đem bà Nguyễn Thị Năm ra xử tử trong đợt thí nghiệm đầu tiên chỉ vì Hồ Chí Minh phải phục tùng đa số.

Hoàng Tùng trưng lại lời Hồ Chí Minh phát biểu trong cuộc họp của bộ chính trị: "*Tôi đồng ý người có tội thì phải xử thôi, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào người đàn bà mà người ấy lại cũng giúp đỡ cho cách mạng. Người Pháp nói không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa*."

Với Hoàng Tùng, chỉ lời tuyên bố đó đủ chứng tỏ Hồ Chí Minh là người yêu nước thương dân, dù sau đó bà Nguyễn

Thị Năm vẫn bị đưa ra giết bất chấp mọi đóng góp của cải và cả sinh mạng hai người con trai của bà cho Đảng.

Hoàng Tùng nói rằng Hồ Chí Minh không thực sự coi trọng Stalin và Mao Trạch Đông như mọi người vẫn nghĩ, ngược lại trong hội nghị Bộ Chính Trị, Hồ Chí Minh còn chê Stalin không đáng được sùng bái - *"Người (HCM) không sùng bái Stalin, cũng như không sùng bái Mao Trạch Đông"* dù *"nhiều khi cũng phải ngoại giao"*.

Để giải thích rõ hơn cho việc bắt buộc phải ngoại giao này, Hoàng Tùng nhắc tới việc Hồ Chí Minh từng dịch cuốn ***Trung quốc mệnh vận*** của Tưởng Giới Thạch đem biếu cho Trương Phát Khuê.

Hoàng Tùng kết thúc câu chuyện bằng việc kể ra 8 điều khiến Hồ Chí Minh đau khổ trong số *"10 cái đau của bác"*.

Nỗi đau thứ 7 là nỗi đau về sự chia rẽ trong nhóm lãnh đạo Đảng, đã bám riết theo Hồ Chí Minh tới phút cuối cùng trước khi lìa đời. Hoàng Tùng kể về điều này: *"Tôi biết từ năm 1966, cứ mỗi buổi chiều thứ 7, bác lại cho làm cơm và nói: "Mấy chú cứ đến đây ăn cơm vui vẻ với nhau, có gì khúc mắc cứ nói hết ra. Không nên để bụng". Anh Nguyễn Chí Thanh làm thư kí cho những buổi đó cho đến khi anh vào Nam. Sau anh Lê Văn Lương nói lại với tôi là họ cứ đến ăn cơm, chén hết rồi họ về, chẳng ai nói với ai điều gì. Nếu không biết điều này thì không thể hiểu hết tại sao trong di chúc bác lại dặn phải đoàn kết đảng, từ trung ương đến địa phương...."*

Nhưng theo Hoàng Tùng, *nỗi đau lớn nhất* của Hồ Chí Minh là *tình trạng bị hàm oan* do Liên Xô, Trung Quốc và cả đảng Cộng Sản Pháp đã hiểu lầm là có xu hướng theo dân tộc chủ nghĩa.

Hoàng Tùng phải vận dụng khá nhiều công sức để đề cao lòng yêu nước thương dân của Hồ Chí Minh nhưng *nỗi đau lớn nhất* này của lãnh tụ, theo ghi nhận của Hoàng Tùng, lại trở thành một bình mực lớn đổ tràn trên mọi dòng chữ viết.

Chương 36
BÙI TÍN và *Vietnam, la face cachée du régime*

Từ ngày bỏ nước ra đi, ngoài bản kiến nghị của một công dân, Bùi Tín đã viết bốn tác phẩm quan trọng bằng Việt ngữ: ***Hoa xuyên tuyết, Mặt thật, Về ba ông thánh, Mây mù thế kỷ.*** Đầu năm 2000, nhà xuất bản Kergour phát hành một tác phẩm khác của Bùi Tín, ***Vietnam, la face cachée du régime - Việt Nam, bộ mặt che giấu của chế độ.***

Vietnam, la face cachée du régime[1] là bản Pháp ngữ của Marc Bloch dịch từ bản Anh ngữ, ***Following Hồ Chí Minh, The Memoirs of a North Vietnamese Colonel - Đi theo Hồ Chí Minh, Hồi ký của một đại tá Bắc Việt***, do Hurst & Company xuất bản năm 1995. So với bản Anh ngữ, bản Pháp ngữ đầy đủ hơn, vì có thêm nhiều tư liệu lấy từ các tác phẩm Việt ngữ, đặc biệt từ cuốn ***Hoa Xuyên Tuyết*** của tác giả.

Tác phẩm này nói về nhiều vấn đề liên quan đến con người và hoạt động của Hồ Chí Minh mà Bùi Tín xác định:

"*Cá nhân tôi kính trọng ông Hồ Chí Minh... Ông rất giản dị, ông tới chuyện trò với chúng tôi. Và ngay cả ngồi ăn cùng bàn với chúng tôi hai lần...*" Đó là chuyện xẩy ra khi Bùi Tín còn ở trong đội bảo vệ Bắc Bộ phủ.

Về sau, khi chuyển sang làm báo, có dịp chứng kiến Hồ Chí Minh trả lời các cuộc phỏng vấn, tác giả cũng thấy Hồ Chí Minh "*cởi mở, bình dị và tự nhiên. Đây chính là con người thẳng thắn lương thiện (honnête), sống rất giản dị, yêu thích trẻ con và dễ gần gụi với những người hèn mọn nhất (humbles)...*"

Tác giả phát biểu: "*Tôi cực lực bác bỏ giả thuyết cho rằng đó chỉ là cái tài đóng kịch của ông.*"

Đó là về con người Hồ Chí Minh theo cái nhìn của Bùi Tín qua những dịp được tiếp xúc hoặc quan sát trực tiếp.

Riêng về công việc, Bùi Tín đề cập trước hết tới chính sách *Cải Cách Ruộng Đất* và nhìn nhận Hồ Chí Minh có phần đáng trách. Tuy nhiên, theo Bùi Tín, trong việc ban hành chính sách này, Hồ Chí Minh đã chịu sự bắt ép của Staline và Mao Trạch Đông. Bùi Tín viết: "*Trong việc này, chắc chắn ông Hồ Chí Minh đáng trách. Thoạt tiên, hẳn ông cũng do dự về cải cách ruộng đất. Đàng khác, năm 1952, Stalin đã phê bình ông chủ trương chính sách dân tộc chứ không chủ trương đấu tranh giai cấp. Nhưng chính Mao cuối cùng đã bắt ép ông.*"[2]

Đi vào việc thực hiện chính sách này, tác giả nhắc đến trường hợp Cát Hanh Long tức bà Nguyễn Thị Năm ở Thái Nguyên, một người giầu có từng giúp đỡ "*cách mạng*" và có 2 người con là bộ đội.

Do là chủ nhiều ruộng đất, bà Năm bị đưa ra đấu tố và

bị giết, bất chấp những đóng góp lớn lao suốt nhiều năm trước. Bùi Tín cho biết ban đầu Hồ Chí Minh hứa sẽ can thiệp với Trường Chinh đừng giết bà Năm, nhưng rồi lại không làm gì.

Tất nhiên không thể bênh vực cho sự im lặng của Hồ Chí Minh, nhưng Bùi Tín quả quyết *"tổng bí thư Trường Chinh mới là người chịu trách nhiệm chính về cải cách ruộng đất."*[3]

Về đường lối chính trị của Hồ Chí Minh, tác giả diễn giải với hàm ý cho thấy Hồ Chí Minh đã giữ được thế độc lập trước ảnh hưởng Liên Xô và Trung Cộng, mặc dù những người xung quanh nghiêng ngả chạy theo phía này hoặc phía khác.

Theo Bùi Tín, Lê Duẩn là kẻ trung thành với đường lối Mao Trạch Đông còn Trường Chinh thì lúc đầu hướng về Trung Cộng nhưng sau lại đổi chiều chọn đường lối *"sống chung hòa bình"* do Krutshchev đề xướng.

Bùi Tín viết: *"Theo ý tôi, đúng ra ông Hồ giữ thái độ độc lập đối với cả Liên Xô lẫn Trung Quốc. Ông biết rằng cả hai đều tin rằng chúng tôi không thể chiến thắng bằng quân sự tại miền Nam Việt Nam, vì nó được Mỹ ủng hộ - và đàng khác cả hai đều không mong muốn chúng tôi chiến thắng"*.[4]

Từ *chúng tôi* trong lời phát biểu, nếu không do người dịch hiểu sai ý tác giả, thì được sử dụng dường như để xác định thế đứng cho tới lúc này của tác giả vẫn là thế đứng chung với những người cầm quyền tại Việt Nam với dụng tâm nhấn mạnh chủ trương thống nhất Việt Nam bằng võ lực nằm ngoài ý muốn của cả Liên Xô lẫn Trung Cộng. Chủ trương này xuất phát từ quyết định độc lập của Hồ Chí Minh và được sự tán đồng của hết thẩy mọi người.

Dụng tâm này hiện rõ hơn qua những trang kế tiếp trình bày quan điểm về nhân vật lãnh đạo miền Nam lúc đó là Ngô Đình Diệm cùng tương quan với Trung Cộng qua chính một lời tuyên bố của Hồ Chí Minh.

Về Ngô Đình Diệm, tác giả viết:*"Một cách công khai chúng tôi xử trí với ông Diệm như bù nhìn của Mỹ, nhưng thực ra, ông Hồ có một xét đoán cân nhắc hơn.Ông biết rõ ông Diệm cũng là nhà ái quốc theo cách của ông ta. Vì thế nhiều người sau đó cũng phải coi ông Diệm như một lãnh tụ thấm nhuần tinh thần dân tộc, một con người thành thật và trong sạch - và đàng khác cũng là người không màng đến cuộc sống gia đình chẳng khác gì ông Hồ Chí Minh."*[5]

Về tương quan với Trung Cộng, tác giả thuật lại sau một chuyến thăm Bắc Kinh, Hồ Chí Minh trở về Hà Nội với huy hiệu vinh danh Cách Mạng Văn Hóa của Mao Trạch Đông trên ve áo khiến tất cả người xung quanh đều ngạc nhiên.

Hồ Chí Minh đã giải thích: *"Chúng chỉ được gắn trên áo, chứ không phải trong tim ta đâu!"*

Do đó, tác giả ca tụng: *"Hồ Chí Minh là nhà ái quốc chân thành đã cống hiến cả đời mình cho Cách Mạng. Ông đã giữ vai trò đáng kể trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Đối với nhân dân miền Bắc và đối với nhiều người miền Nam - kể cả trí thức, ông chính là biểu tượng của sự anh hùng. Lòng tin tưởng của quần chúng nơi ông đã là nguồn gốc sự đoàn kết của chúng tôi và là nền tảng của công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của chúng tôi."*[6]

Nói cách khác, Bùi Tín nhìn Hồ Chí Minh là nhà ái quốc chân thành, một lãnh tụ luôn được quần chúng tin tưởng,

người vạch đường chỉ hướng chính xác để đưa toàn dân đến thành công trong đấu tranh chống xâm lược Pháp ở miền Bắc trước 1954 và Mỹ ở miền Nam trước 1975.

Bùi Tín còn cho thấy Hồ Chí Minh là người sáng suốt, công bằng ngay cả với kẻ địch qua cái nhìn về con người Ngô Đình Diệm, mặc dù Cộng Sản vẫn tuyên truyền Ngô Đình Diệm đã đóng vai trò bù nhìn cho Mỹ xâm lược Việt Nam.

Trong suy nghĩ của Bùi Tín, chiến tranh là điều không thể tránh cả vào năm 1946 lẫn sau năm 1954 vì là con đường duy nhất để tranh thủ độc lập và thống nhất đất nước. Do đó, theo tác giả, những phỏng đoán của một số người bảo chiến tranh không cần thiết vì nhiều nước đâu có chiến tranh mà vẫn được độc lập là không có nền tảng. Tác giả lý luận: "*Sự sụp đổ của hệ thống thực dân được tạo nên bởi những cuộc đấu tranh đa dạng và bổ túc - par des luttes multiformes et complémentaires*."

Trung thành với ý nghĩ Hồ Chí Minh là một con người thẳng thắn lương thiện nên Bùi Tín phát biểu *nếu Hồ Chí Minh còn sống đến 1975 chắc chắn Việt Nam sẽ không có các tệ nạn áp bức, tham nhũng*... và chứng minh bằng những lời nói cửa miệng của Hồ Chí Minh như đề cao đức độ khoan dung, liêm chính, phục vụ nhân dân, v.v.

Đã có lần nhà văn Pháp Michel Tauriac nói thẳng với Bùi Tín khi ngồi đối diện tại Paris rằng *nếu Hồ Chí Minh còn sống đến sau 1975 thì chỗ dung thân của Bùi Tín vẫn chỉ là Paris chứ không phải Việt Nam*.

Đó là ý kiến của một người ngoại quốc có mức hiểu biết tương đối về con người Hồ Chí Minh và thực tế Việt Nam.

Riêng Bùi Tín từng trải nhiều ngày tháng sống tại Việt Nam chẳng lẽ lại hoàn toàn không nhận biết gì về thói quen nói ngược làm xuôi của Hồ Chí Minh?

Chẳng lẽ Bùi Tín không hề nghe Hồ Chí Minh công khai tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản vào tháng 11-1945 trong khi vẫn tiếp tục họp Thường Vụ Đảng?

Chẳng lẽ Bùi Tín không thấy Hồ Chí Minh nói sẽ can thiệp cho bà Nguyễn Thị Năm rồi im lặng để thủ hạ đem bà Năm ra giết?

Cụ thể hơn nữa, câu tuyên bố của Hồ Chí Minh về những tấm huy hiệu Cách Mạng Văn Hóa Mao Trạch Đông trên ve áo mà chính Bùi Tín từng nhắc đã chứng tỏ sự thẳng thắn lương thiện như thế nào?

Thực ra, mọi nghi vấn trên cũng như hàng ngàn nghi vấn tương tự đều không cần đặt ra vì chính Bùi Tín đã nêu rõ Hồ Chí Minh dưới bút hiệu Trần Lực từng viết nhiều bài báo hết lời ca ngợi Trung Cộng và năm 1950, chính Hồ Chí Minh đã lên án Tito là phản động vì giữ thái độ độc lập với Liên Xô.

Những trường hợp cụ thể này chỉ có thể chứa đựng hai ý nghĩa: thứ nhất, Hồ Chí Minh hoàn toàn phụ thuộc vào Liên Xô, Trung Cộng và thứ hai, Hồ Chí Minh đã đóng kịch giả vờ phụ thuộc.

Trường hợp thứ nhất là lời bác bỏ tính độc lập của Hồ Chí Minh và bác bỏ luôn đường lối đấu tranh vì nước vì dân của Hồ Chí Minh, bởi Hồ Chí Minh chỉ là công cụ của Liên Xô-Trung Cộng.

Trường hợp thứ hai sẽ phủ nhận tính thẳng thắn lương thiện của Hồ Chí Minh và cho thấy một con người xảo trá

luôn mang nhiều bộ mặt không biết đâu là thật, đâu là giả.

Việc mang nhiều bộ mặt của Hồ Chí Minh có vẻ đã gây lúng túng cho Bùi Tín khi gặp câu hỏi "*Hồ Chí Minh là người yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc hay là người theo chủ nghĩa Cộng Sản quốc tế - un patriote nationaliste ou un communiste inter-nationliste?*"

Ý kiến được Bùi Tín đưa ra là mức giới hạn về kiến thức dân chủ của Hồ Chí Minh khiến Hồ Chí Minh có thể nghĩ là không cần thiết mở rộng dân chủ và Bùi Tín còn nhắc thêm một khuyết điểm khác của Hồ Chí Minh là thiếu chuẩn bị cho thời kỳ kế tục.[7]

Những ý kiến này không liên quan tới câu hỏi về xu hướng quốc gia hay Cộng Sản của Hồ Chí Minh mà chỉ mang ý hướng duy nhất là rũ bỏ trách nhiệm về những thảm hại của đời sống Việt Nam hiện nay cho đám thủ hạ của Hồ Chí Minh thôi.

Với đám thủ hạ này, Bùi Tín đã tố giác mưu toan vận dụng *"tư tưởng Hồ Chí Minh"* làm ánh sáng hướng dẫn hành động qua đại hội VII của Đảng.

Bùi Tín viết: "*Theo nghị quyết đại hội VII, xây dựng xã hội chủ nghĩa phải theo đường lối do ông Hồ vạch ra, không bao giờ được bỏ. Nhưng làm sao có thể lập một chính sách trên những lời dậy đã qua của người quá cố? Trong những tài liệu được đại hội thông qua có hàng chục lần trưng dẫn những chọn lựa của ông Hồ, chẳng có chút giá trị khoa học nào. Mà ông ta đã chết hơn ba chục năm rồi. Đàng khác, chính ông ta đã cùng với đảng hoạch định chương trình biến cải nông nghiệp xã hội chủ nghĩa một cách nhanh chóng và triệt để - cải cách ruộng đất, nhớ lại mà buồn! - mà ngày nay đã được nhìn nhận là một sai*

lầm. Điều đó không bao giờ được nói lên một cách công khai, vì là ý kiến của ông Hồ....”[8]

Bùi Tín dường như quên những ý kiến được nêu lên từ đầu sách về Hồ Chí Minh, quên luôn cả danh từ *chúng tôi* đã được nhắc để xác định thế đứng của mình và quên nhiều điều khác khi viết đoạn này.

Vì trong đoạn này, người đọc không còn thấy áp lực của Staline, Mao Trạch Đông trong việc ban hành chính sách cải cách ruộng đất, không còn thấy Trường Chinh là kẻ chịu mọi trách nhiệm về cái tội sát hại hàng trăm ngàn người, không còn thấy vai trò đáng kể của Hồ Chí Minh trong đấu tranh cách mạng mà ngược lại chỉ thấy *ý kiến của Hồ Chí Minh chẳng có chút giá trị khoa học nào và đầy những lầm lỗi nhớ lại mà buồn nhưng không bao giờ được nói lên một cách công khai...*

Bùi Tín dường như vẫn bị chi phối bởi tình cảm từng dành cho Hồ Chí Minh khi còn quá trẻ và khi nhiều người xung quanh hăng say theo tiếng gọi *“cứu quốc”* nên chưa ra khỏi cái vòng luẩn quẩn. Dù vậy, tác giả cũng giúp người đọc hiểu thêm về con người thật của Hồ Chí Minh, con người được mô tả là thẳng thắn lương thiện nhưng cũng là con người sau khi hứa can thiệp cứu mạng ân nhân đã im lặng bỏ mặc cho thủ hạ đem ân nhân ra giết!

Chú thích

1 Bùi Tín còn có một tác phẩm bằng Anh ngữ 240 trang do Naval Institute Press phát hành tháng 11/2002, tựa *đề From enemy to friend, A North Vietnamese Perspective on the war*.

2-3-4-5-6 SĐD tr. 53, 54, 71, 94-95, 101-102

[7] SĐD tr. 103. Nguyên văn: "*Sa plus grande faiblesse, c'est sans doute d'avoir mal préparé sa succession.*- Điều *yếu kém nhất của* ông *chắc hẳn là* đã *không biết chuẩn bị sự kế tục sau khi* ông *chết*." Riêng về khả năng mở rộng dân chủ là không thể có trong chủ trương chuyên chính CS. Vì *đã* chuyên chính thì làm gì còn dân chủ. Có lẽ Bùi Tín còn nghĩ trong chuyên chính có dân chủ: Dân chủ tập trung? Xin hãy nghe chính *ông* Hồ giải thích về dân chủ tập trung, do Nguyễn Văn Trấn ghi lại trong *Viết cho Mẹ và Quốc Hội* mà chúng tôi *đã* thuật lại trong PTPKTHH, chương 16, trang 369-370 - Ấn bản 1999.

[8] SĐD tr. 280

Chương 37
NGUYỄN MINH CẦN và *Đảng Cộng Sản Việt Nam*

Nguyễn Minh Cần gia nhập đảng Cộng Sản Việt Nam từ 1946, từng là ủy viên thường vụ tỉnh ủy tỉnh Thừa Thiên (1946-1951), rồi ủy viên thường vụ thành ủy Hà Nội, phó chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Hà Nội (từ 1954-1962).

Khi đang theo học trường đảng cao cấp ở Liên Xô (từ 1962) Nguyễn Minh Cần đã bỏ đảng vì không chịu nổi sự đàn áp tư tưởng. Vào thời điểm cộng sản Việt Nam bắt giam những người trong nhóm xét lại, trong đó có cha con nhà văn Vũ Thư Hiên, Nguyễn Minh Cần cùng một nhóm người Việt Nam khác tại Liên Xô xin "tỵ nạn" cho đến nay.[1]

Từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong đảng Cộng Sản Việt Nam, và sau khi Liên Xô tan rã, được đọc nhiều tài liệu mật trong văn khố Nga, Nguyễn Minh Cần đã vận dụng kinh nghiệm bản thân phối hợp với kiến thức thu thập tại chỗ về hoạt động của đảng Cộng Sản Việt Nam

để biên soạn cuốn ***Đảng Cộng Sản Việt Nam qua những biến động trong phong trào Cộng Sản Quốc Tế***[2] để nói lên sự lệ thuộc của đảng này và cá nhân Hồ Chí Minh vào đường lối của Đệ Tam Quốc Tế tức Liên Xô, vì từ khi Stalin lên cầm quyền thay Lênin thì Đệ Tam Quốc Tế đã hoàn toàn do Liên Xô điều khiển.

Tác phẩm dày 230 trang này nêu nhiều bằng chứng rõ rệt về sự lệ thuộc của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam vào đường lối của Stalin.

Nguyễn Minh Cần trích Marx và Engels qua Tuyên Ngôn của Đảng Cộng Sản: "*Những người Cộng sản chỉ khác các đảng vô sản khác trên hai điểm: Một là trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc mà chung cho toàn thể giai cấp vô sản...*"

Nhấn mạnh tính chất không phụ thuộc vào dân tộc, bởi lẽ chủ nghĩa Marx dựa trên đấu tranh giai cấp vì quyền lợi của giai cấp vô sản, chứ không phải đấu tranh dân tộc vì quyền lợi của dân tộc. Trên thực tế, khắp thế giới đều có giai cấp vô sản nên quyền lợi của giai cấp vô sản vượt khỏi mọi biên giới quốc gia. Vì thế, đấu tranh giai cấp bắt buộc mang tính quốc tế và đã hiện diện nhiều phong trào như Đệ Nhất Quốc Tế, Đệ Nhị Quốc Tế, Đệ Tam Quốc Tế, Đệ Tứ Quốc Tế.

Nguyễn Minh Cần trích hiến pháp Liên Xô năm 1924: "*Nhà nước mới Xô Viết là một bước quyết định mới trên con đường thống nhất những người lao động tất cả các nước vào Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết Thế Giới.*"

Xác định trên biểu hiện rất rõ mục tiêu và phương

hướng đấu tranh của Liên Xô. Liên Xô tỏ ra hết sức trung thành với chủ thuyết Marx được nêu trong *Tuyên Ngôn Cộng Sản* là nhắm vào những người lao động trên toàn thế giới để thống nhất thành một lực lượng đấu tranh.

Phương hướng vận động này không dành chỗ đứng nào cho những người yêu nước theo đuổi mục tiêu phụng sự dân tộc. Vì mục tiêu đấu tranh của Liên Xô cũng được minh thị là tiến tới một Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết Thế Giới mà trong thời điểm đó bắt buộc phải cụ thể hóa bằng Liên Xô.

Tito của Nam Tư có thể sớm nhận thấy đường lối này của Đệ Tam Quốc Tế chỉ là một chủ trương đế quốc kiểu mới nhắm đưa Liên Xô lên địa vị thống trị các quốc gia khác nên đã không tuân theo và bị Stalin khai trừ khỏi phong trào cộng sản thế giới vào tháng 6-1948.

Riêng Hồ Chí Minh đã chọn vai trò của một chi bộ Cộng Sản Quốc Tế và kịch liệt lên án Tito nên không còn lý do để có thể cho rằng Hồ Chí Minh là người theo chủ nghĩa dân tộc.

Nguyễn Minh Cần không nêu nhận định của mình mà trích dẫn lời tuyên bố của Hồ Chí Minh được ghi trong ***Hồ Chí Minh Toàn Tập***: *"Đệ Tam Quốc Tế là một đảng Cộng Sản thế giới, các đảng ở các nước như là chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có lệnh và kế hoạch của Đệ Tam Quốc Tế thì các đảng không được làm."*[3]

Tác giả kể thêm một trường hợp đích thân chứng kiến và nghe rõ lời chỉ dẫn của Hồ Chí Minh vào dịp dự hội nghị trung ương ở chiến khu Việt Bắc với tư cách là cấp lãnh đạo đảng ở Thừa Thiên.

Tác giả viết: "*Tại hội nghị đó Hồ Chí Minh đã giải thích về chủ trương đổi tên đảng Cộng Sản Đông Dương thành đảng Lao Động Việt Nam. Sau khi giải thích lợi ích của việc đổi tên đảng là để đảng dễ dàng gần gũi, lôi kéo nhiều tầng lớp dân chúng, nhất là các tầng lớp trên, cả miền Nam lẫn miền Bắc đang còn nghi ngại đảng, ông giơ cao nắp hộp thuốc lá thơm Craven 'A' của ông lên về phía có nhãn hiệu thuốc và nói: 'Đây là Đảng Cộng sản', rồi ông quay phía trong nắp không có nhãn hiệu và nói: 'Còn đây là đảng Lao Động'. Ông lại lớn tiếng hỏi: 'Thế thì các cô, các chú có thấy khác gì nhau không?' Cả hội trường đồng thanh đáp vang: 'Dạ không ạ!' Ông nghiêm nghị nói: 'Các cô, các chú nên biết rằng việc đổi tên Đảng ta, Bác đã xin ý kiến các đồng chí Stalin và Mao Trạch Đông rồi (chúng tôi được biết hồi ấy ông vừa đi Moskva về), các đồng chí đã đồng ý. Các cô, các chú nên biết rằng: 'ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được.' Cả hội trường vỗ tay rầm rầm. Tại đại hội 2 của đảng (1951), Hồ Chí Minh cũng đã có những lời tuyên bố tương tự. 'Ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể sai được'... Đây là một chuyện thực trăm phần trăm, những người cùng thời với chúng tôi đều biết rõ và nhớ kỹ những chuyện như thế, tiếc rằng không mấy ai chịu viết sự thật lên giấy trắng mực đen!*"

Trung thành với tinh thần quốc tế cũng có nghĩa là không thể nương tay với những ai còn nặng tinh thần quốc gia dân tộc. Cho nên, việc thanh toán các phần tử quốc gia yêu nước trở thành một hành vi đấu tranh.

Tác giả trích dẫn thư của Đệ Tam Quốc Tế gửi đảng Cộng Sản Đông Dương năm 1931: "*Có nhiều chứng cớ chỉ*

rằng Đảng không hiểu rõ cái nguy hiểm của chủ nghĩa quốc gia cải lương, đảng không kịch liệt tranh đấu, không giải thích cho quần chúng hiểu rõ tính chất phản dân phản quần chúng của bọn quốc gia cải lương. Dù cái vai trò của chúng không lấy gì làm lớn, ảnh hưởng của tư tưởng quốc gia cải lương vẫn có trong Đảng."[4]

Những dẫn chứng cụ thể đó cho thấy không một cán bộ Cộng Sản nào có thể vừa theo chủ nghĩa Cộng Sản lại vừa là người quốc gia yêu nước. Vì ngay chủ trương căn bản đã đòi hỏi tận diệt tính lưỡng diện. Mỗi cá nhân đều được nhắc nhở phải thành khẩn đáp ứng đòi hỏi này, nếu không muốn trở thành kẻ bị khai trừ khỏi tổ chức hoặc tệ hại hơn là bị thanh trừng.

Tuy nhiên, dù trung thành tuyệt đối với chủ trương đã nêu của Quốc Tế Cộng Sản cũng không hẳn là hết khó khăn. Bởi lẽ ngoài những đòi hỏi của sách lược đấu tranh buộc mỗi cán bộ Cộng Sản luôn phải mang nhiều bộ mặt còn có những đổi thay ngay trong nội bộ bắt buộc phải có những sửa đổi để thích nghi với tình thế trong từng giai đoạn.

Nguyễn Minh Cần cho biết về tình cảnh này của Cộng Sản Việt Nam: *"Tại đại hội 2 đảng Cộng Sản Việt Nam (tháng 2-1951), đại hội đã quyết định rằng cơ sở tư tưởng của đảng Lao Động Việt Nam (tức đảng Cộng Sản Việt Nam) là chủ nghĩa Marx - Engels - Lénin - Stalin và tư tưởng Mao Trạch Đông... Đến năm 1986, khi xuất bản* ***Hồ Chí Minh toàn tập*** *bằng tiếng Việt - tức sau khi đã có mâu thuẫn nặng giữa Cộng Sản Việt Nam và Bắc Kinh - thì trong bài này người ta đã cố tình cắt bỏ một đoạn, trong đó có những câu vừa nêu".*[5]

Về hành động cụ thể của Hồ Chí Minh, tác giả đặc biệt nhìn lại thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất và việc ban hành nghị quyết số 49/NQ/TVQH ngày 20-6-1961 cho phép bắt giam không cần xét xử tất cả những người bị tình nghi chống đối. Nghị quyết do Đảng đưa ra đã được chính quyền hóa bằng cách đẩy sang quốc hội cho Trường Chinh ký và mở ra một kỷ nguyên tràn lan trại tù tại Việt Nam kéo dài cho tới nay.[6]

Kết quả tức khắc của nghị quyết này được tác giả ghi lại: *"Hàng chục vạn người bị tù đầy hầu như vô thời hạn, vợ con họ bị phân biệt đối xử, tình cảnh họ thật là bi thảm. Bao nhiêu người khốn khổ đã phải bỏ xác ở các trại tù. Đây thực sự là một tội ác của tập đoàn thống trị đảng Cộng Sản Việt Nam đối với dân tộc Việt Nam, và khốn thay, tội ác đó đã được lặp lại một lần nữa với quy mô rộng lớn hơn, sau khi họ chiếm được miền Nam."*[7]

Về Cải Cách Ruộng Đất, Nguyễn Minh Cần đã viết trong một bức thư gửi cho bạn bè vào đầu năm 2003 với tựa đề ***Xin đừng quên! Nửa thế kỷ trước***.

Trong bức thư này, Nguyễn Minh Cần đưa ra nhiều bằng chứng để bác bỏ luận điệu bào chữa cho Hồ Chí Minh của một số người trong đó Nguyễn Minh Cần nêu đích danh Hoàng Tùng trong Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam. Những người này vẫn cho rằng Hồ Chí Minh phải làm Cải Cách Ruộng Đất do bị Liên Xô và Trung Cộng ép buộc còn những tội ác trong Cải Cách Ruộng Đất tại miền Bắc khai mào từ năm 1953 là do Trường Chinh và các cố vấn Trung Cộng ...

Nguyễn Minh Cần nhắc lại những sự kiện xảy ra mà tác

giả được biết đích xác và kết luận Hồ Chí Minh là người chịu trách nhiệm chính, sau đó mới đến Trường Chinh.

Tác giả viết: *"Từ 1-4 tháng 12-1953, kỳ họp thứ 3 của quốc hội khóa 1, Hồ Chí Minh đọc báo cáo "tình hình đất nước và nhiệm vụ Cải Cách Ruộng Đất" và ngày 4-12-1953, quốc hội nhất trí thông qua luật Cải Cách Ruộng Đất. Sau đó Hồ Chí Minh đã ra sắc lệnh ban hành luật Cải Cách Ruộng Đất do quốc hội thông qua." Tác giả kể thêm nhiều trường hợp cụ thể về trách nhiệm của Hồ Chí Minh. Trước hết là trường hợp bà Nguyễn Thị Năm, người từng che chở giúp đỡ các lãnh tụ cộng sản, lại có con là chiến sĩ trong quân đội và cũng là người bị xử bắn đầu tiên ở Thái Nguyên mà Hồ Chí Minh không can thiệp mặc dù biết rõ.*

Trường hợp kế tiếp là trường hợp Cụ Nghè Nguyễn Mai hậu duệ của Nguyễn Du bị đấu tố 3 đêm liền, rồi bị kết án 15 năm tù nhưng vào tù được mấy tháng thì chết. Đội Cải Cách Ruộng Đất lấy có cụ Mai là địa chủ (vì có vài mẫu tư điền cho phát canh) để 'phá hủy đền đài, bia, miếu thờ của các danh nhân họ Nguyễn Tiên Điền và nghiêm trọng hơn nữa là đã đốt cháy ngôi nhà 5 gian chứa đầy thư tịch quý giá của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, trong đó có di cảo của thi hào Nguyễn Du'"...

Phân tích hàng loạt trường hợp đấu tố đã xảy ra, Nguyễn Minh Cần nêu lên 4 tội ác nặng nhất của Cộng Sản trong Cải Cách Ruộng Đất:

- 1) tàn sát thường dân vô tội
- 2) phá hoại truyền thống tốt đẹp ngàn năm của dân tộc
- 3) phá hoại đạo lý luân thường của dân tộc
- 4) phá hủy truyền thống tâm linh và văn hóa của dân tộc.

Tất cả những tội ác này đều được tác giả trưng bằng chứng cụ thể để chứng minh.

Thời gian đó tác giả đang là Phó Chủ Tịch Hà Nội nên có dịp nghe chính Võ Nguyên Giáp xác nhận trong Cải Cách Ruộng Đất có tới 2 vạn người bị giết oan. Con số do Võ Nguyên Giáp nêu là số những người *bị giết oan theo quan niệm riêng* của Võ Nguyên Giáp còn theo Hoàng Văn Chí, tác giả ***Từ Thực Dân Đến Cộng Sản***, có tới nửa triệu người bị sát hại do Cải Cách Ruộng Đất. Lúc ấy Hoàng Văn Chí cũng đang ở miền Bắc nên cho biết ngoài số người bị giết ngay trong lúc đấu tố còn có những người bị chết trong tù, những người tự tử vì quá khổ nhục và rất đông thân nhân của những người bị hành quyết bị cô lập đã chết dần chết mòn sau đó...

Nguyễn Minh Cần cũng được nghe Cù Huy Cận, lúc ấy là Thứ Trưởng Bộ Văn Hóa, nói trong một buổi họp tổ là tấm bia đá của Lê Lợi đã bị đội CCRĐ phá hủy...

Nhắc lại những sự việc do Vũ Thư Hiên ghi trong ***Đêm Giữa Ban Ngày***, Nguyễn Minh Cần viết: *"Cụ Vũ Đình Huỳnh, người gần gũi ông (Hồ) nhất thời gian đó sau này đã "khẳng định người chịu trách nhiệm chính trong sự gây ra những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất là ông Hồ Chí Minh, chứ không phải ông Trường Chinh, nhu đã có sự ngộ nhận kéo dài nhiều năm... Cho nên có thể khẳng định rằng trong vụ án Nguyễn Thị Năm, đúng là ông Hồ đã không cứu bà Năm. Cũng như sau này, trong vụ án xét lại - chống đảng, ông ta cũng không cúu ông Vũ Đình Huỳnh. Dù rằng ông biết rõ về họ".*

Theo Nguyễn Minh Cần, không thể bảo Hồ Chí Minh không biết gì về những thảm cảnh đang diễn ra. Bởi vì

mọi báo cáo về công việc đều phải chuyển đến cho người lãnh đạo và lúc đó, Vũ Đình Huỳnh đang đau ốm vẫn phải chống gậy đến xin gặp Hồ Chí Minh để kêu lên "*máu đồng bào đã đổ mà Bác ngồi yên được à*!". Sau tiếng kêu của Vũ Đình Huỳnh, cảnh giết chóc vẫn tiếp tục và không bao lâu sau đến lượt Vũ Đình Huỳnh bị tống vào nhà tù.

Là một cán bộ Cộng Sản cao cấp, từng có dịp đối diện với Hồ Chí Minh, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng, từng tham gia nhiều hoạt động của Đảng và chính quyền..., Nguyễn Minh Cần đã đưa ra nhiều sự việc xác thực có thể giúp người đọc dễ dàng nhận thấy Hồ Chí Minh không phải là người theo chủ nghĩa dân tộc mà chỉ là cán bộ Quốc Tế Cộng Sản, phục vụ quyền lợi của Liên Xô trên hết đồng thời là người chịu trách nhiệm chủ yếu về mọi thảm cảnh đã xảy ra trên đất nước Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ qua.

Chú thích

1 Trong số có đại tá Cộng Sản Lê Vinh Quốc được coi như cánh tay mặt của Võ Nguyên Giáp, và thượng tá Văn Doãn, từng là tổng biên tập báo *Quân Đội Nhân Dân*.

2 NXB Tuổi Xanh ở hải ngoại phát hành 2001.

3 SĐD tr. 60

4 Tác giả ghi trích từ tài liệu **"***RSKHIDNI* ở kho 495**,** bảng kê 154, Hồ sơ 567, trang 8-9, bản tiếng Việt".

5 SĐD tr. 54 * Tác giả cho biết những hàng trên được trích từ HCM toàn tập NXB Sự Thật, Hà Nội, 1986, tr. 6, tr.12 và chú thích "đây không phải trường hợp duy nhất..." Từ sự kiện này, có thể nghi ngờ là Cộng Sản Việt Nam đã nhiều lần cắt xén, thêu dệt mọi tài liệu liên quan đến tiểu sử Hồ Chí Minh để tô điểm vào đó những màu sắc dân tộc như yêu nước thương dân ...

6-7 SĐD tr. 125, 126

Chương 38
VŨ THƯ HIÊN và *Đêm giữa ban ngày*

Vũ Thư Hiên là con ông Vũ Đình Huỳnh, bí thư của Hồ Chí Minh trong nhiều năm. Hồ Chí Minh vẫn coi gia đình ông Huỳnh không chỉ như những đồng chí đáng tin cậy mà còn như thành viên trong gia đình, dù chưa bao giờ ông có một mái ấm gia đình. Vì thế ngay từ khi còn nhỏ, Vũ Thư Hiên đã có nhiều dịp gặp mặt chuyện trò với Hồ Chí Minh, thậm chí nằm chung giường.[1]

Trong tác phẩm ***Đêm giữa ban ngày***[2] với dòng ghi chú hồi ký chính trị của một người không làm chính trị, tác giả đã đưa ra nhận định về hàng trăm nhân vật chính trị cũng như nhà văn, nhà báo, bạn bè và các đồng chí của cha ông, trong số có Hồ Chí Minh mà tác giả nhắc đi nhắc lại không biết bao nhiêu lần, khi khen, khi chê dựa trên những sự việc cụ thể từng chứng kiến.

Tuy nêu ra nhiều sự kiện thực tế, tác giả cũng không có vẻ biết về Hồ Chí Minh hơn những tác giả khác, mặc dù có

dịp gần gụi ngay từ khi còn bé và khi ở trong tù Cộng Sản hơn 9 năm, đã có thì giờ *"rà soát lại"* (chữ của tác giả) tất cả những gì được biết về Hồ Chí Minh, kể cả về cảm tình từng dành cho nhân vật này.

Lần đầu nhắc đến Hồ Chí Minh, tác giả không đưa ra nhận xét của mình mà chỉ nhắc lại ý kiến của mẹ, một đồng chí trung kiên từng săn sóc Hồ Chí Minh ngay tại nhà bà trong lúc ông ta đau ốm. Khi chồng và con bị bắt, bà được nhiều bạn bè khuyên *"cầu cứu ông Hồ"*. Họ nghĩ Hồ Chí Minh không biết vì *"không còn trực tiếp điều khiển công việc đất nước. Mẹ tôi không tin. Bà cho rằng... ông Hồ không thể không biết. Vụ bắt bớ chỉ có thể được tiến hành khi có sự đồng ý của chủ tịch nước."*

Rồi tác giả trưng những bằng cớ mà bà mẹ đã nêu ra khiến *"bà không xin gặp, không viết một dòng chữ nào cho ông Hồ Chí Minh."*[3]

Tác giả cũng nêu nhận xét của mẹ về chế độ của Hồ Chí Minh kèm theo nhiều bằng chứng cụ thể: *"Mẹ tôi nhận xét: 'Mật thám Pháp đối với kẻ thù lịch sự và tử tế hơn công an ta đối với dân'."*[4]

Về việc Cộng Sản bắt giam người, tác giả dẫn lời một bạn tù tên Thành: *"Khi bắt người, việc trước tiên phải làm là bắt hắn nhận tội cái đã... tôi biết có người hoàn toàn vô tội, ở tù sơ sơ cũng vài năm, thế mà ra tù... còn nói đảng bắt anh ta là đúng... và nhờ đảng khoan hồng mới được tha... là vì anh ta đã nhận tội rồi ..." Rồi người bạn tù kết luận trong tiếng thở dài: "Trong xã hội chúng ta, ông ạ, mỗi công dân là một người tù dự khuyết."* [5]

Tiếp tục không nêu ý kiến riêng, tác giả thuật lại nhận định của cha khi đề cập tới trách nhiệm của Hồ Chí Minh đối với những tội ác do chính sách cải cách ruộng đất.

Tác giả viết: "*Cha tôi khẳng định người chịu trách nhiệm chính là ông Hồ Chí Minh chứ không phải Trường Chinh. Trường Chinh là con dê tế thần cho sai lầm của ông Hồ... Bên cạnh ngôi sao sáng Hồ Chí Minh, tổng bí thư Trường Chinh không có vai trò lớn như nhiều người lầm tưởng. Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không bao giờ dám, và cũng không bao giờ được phép tự mình quyết định những việc lớn.*"

Nhưng theo tác giả, Hồ Chí Minh không thể cưỡng lại áp lực của Trung Cộng và việc ban hành chính sách Cải Cách Ruộng Đất là do bị Mao Trạch Đông chi phối: "*Ông đã buộc phải làm cải cách ruộng đất khi bị Mao nhắc nhở.*"[6]

Dù vậy, tác giả khẳng định ý kiến của mình: "*Câu chuyện ông Hồ Chí Minh trong thâm tâm chống lại chủ trương cải cách ruộng đất, bực bội vì nó mở màn bằng việc bắn một người đàn bà như một số người muốn bào chữa cho ông là chuyện tầm phào. Một lệnh ông Hồ ban ra không chỉ cứu một bà Nguyễn Thị Năm, nó còn cứu hàng ngàn người bị giết oan trong cả Cải Cách Ruộng Đất lẫn Chỉnh Đốn Tổ Chức do Lê Văn Lương song song tiến hành.*"[7] Nhưng Hồ Chí Minh đã im lặng!

Tác giả thuật lại những điều rùng rợn mà tác giả mắt thấy tai nghe trong Cải Cách Ruộng Đất khiến..."*tôi cảm thấy trong mình cục cựa một cái gì giống như sự thức tỉnh.*" Đó là những màn đấu tố với đủ mọi cực hình man rợ trút xuống thân xác nạn nhân, thậm chí đem nạn nhân ra thiêu sống: "*... Ở một xã khác, một người đàn bà bị trói vào hai cây nứa bắt chéo, bên dưới là một đống lửa... người đàn bà quằn quại mãi, tới khi ngất đi rồi mới được người ta hạ xuống.*

... Cha bạn tôi bị vu khống là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, thắt cổ tự tử...

... Người ta lấy gai bưởi cắm vào đầu ngón tay một cô gái, có trời biết cô ta bị tội gì, có thể chỉ là con địa chủ, cứ mỗi câu hỏi lại nhấn những gai nhọn sâu thêm một chút làm cho cô ta rú lên...

... Một cụ già tóc bạc phơ bị tròng dây vào cổ, bị lôi xềnh xệch trên đường như một con chó..."

Một thực tế khác cũng khiến tác giả băn khoăn là sự hiện diện của quân đội Trung Cộng. Sau khi nhắc lại tiết lộ của Hoàng Văn Hoan về việc Hồ Chí Minh yêu cầu Trung Cộng phái sang Việt Nam hơn 300 ngàn quân[8], tác giả kể chính tác giả có lần đi công tác tại khu tự trị Việt Bắc đã chứng kiến những người dân đi kiếm củi và thợ mỏ bị lính Trung Cộng đuổi khi lai vãng đến gần vị trí đóng quân của họ.

Cha của tác giả đã "*rơm rớm nước mắt*" khi nghe tác giả thuật lại vào lúc trở về nhà. Cha tác giả cũng "*rất bất bình về việc Nguyễn Chí Thanh, người nắm thực quyền trong quân đội thời ấy đã đặt Cục Đồ Bản của Trung Quốc in bản đồ 1/1000 là thứ bản đồ dùng cho pháo binh - Đó là bí mật quốc gia, không một nước nào tự nguyện trao cho nước khác. Sao nó ngu thế! Sao nó bậy thế!*"[9]

Nơi trang 342, Vũ Thư Hiên cũng kể Nguyễn Lương Bằng từng là phó chủ tịch nước, rất thân cận với Hồ Chí Minh, và là tay chuyên kinh tài cho đảng, đã đứng đầu tổ chức buôn lậu rất lớn có cái tên Công Ty Bắc Thắng ở Tuyên Quang: "*Bề ngoài Công Ty Bắc Thắng chuyên sản xuất lương khô... Bề trong... công ty mua gom thuốc phiện ở*

các vùng tây bắc Việt Bắc, rồi bán qua Thái Lan lấy tiền mua súng đạn... Lao vào hoạt động kinh tế, Nguyễn Lương Bằng chìm đắm trong đó, chẳng được biết đến, không có tên tuổi trong nhân dân xứng với vị trí và uy tín của ông với tư cách là một nhà lãnh đạo. Nhưng người Pháp không quên ông. Mùa hè năm 1947 địch lần ra dấu vết những hoạt động của Nguyễn Lương Bằng. Bốn máy bay Spitfire quần đảo bên trên kho thuốc phiện của ông ở cây số 7 đường Tuyên-Hà, bắn đui-xết (12,7 ly) không ngừng cho tới khi cái kho cháy rụi. Vụ thiệt hại rất lớn - hơn 4 tấn thuốc phiện biến thành khói. Ông gầy rọc đi sau trận oanh kích bất ngờ. Hôm đó tôi ở gần cái kho bị cháy..."

4 tấn thuộc phiện không phải số lượng nhỏ và buôn lậu ma túy là một tội ác của các tổ chức đen mafia. Nhưng đó lại là chủ trương của đảng Cộng Sản, được giao cho một người thân tín nhất của Hồ Chí Minh lúc ấy!

So sánh phương pháp cai trị của Cộng Sản với thực dân, Vũ Thư Hiên cho rằng Cộng Sản "*tinh tế hơn những ông chủ cũ.*" Tác giả viết: "*Mọi sự bóc lột đè nén giờ đây được tiến hành trong tiếng kèn hoan hỉ ngợi ca cuộc đời mới, trong cờ xí rợp trời, trong ánh lấp lánh của vàng mạ phủ lên mọi tối tăm, tủi nhục, tiếng rìu đao phủ chìm nghỉm trong khúc quân hành, và đám đông bị mê mẩn bởi những lời cổ vũ hùng hồn rầm rập kéo nhau đi tới miền đất hứa ở tít mù tầm mắt không nhận thấy máu đồng bào nhơm nhớp dưới chân mình....Tôi đã đi trong đám đông bị thôi miên, trong cuộc lên đồng vĩ đại.*"[10]

Tác giả tự chê mình chậm hiểu, "*ngu lâu*" vì đã kéo quá dài thời gian bị thôi miên, mặc dù đã được nghe nhiều lời cảnh báo từ người bạn thân là tiểu đoàn trưởng Địch, từ vợ

tác giả và đặc biệt là từ người cô ruột từng có kinh nghiệm xương máu với Cộng Sản đã nhắc tác giả từ thuở thiếu thời: "*Cháu phải tỉnh trí, chớ có nghe Cộng Sản. Cộng Sản bất nhân lắm. Mình là người tử tế phải biết chọn bạn mà chơi. Nghe ngon ngọt lắm vào rồi đi theo họ, hối không kịp*."

Tác giả bảo người cô này được cả họ tin phục nhưng tác giả không nghe theo cảnh báo của bà cũng như đã gạt ngoài tai lời của tiểu đoàn trưởng Đích gọi Hồ Chí Minh là *quỷ vương*.

Là người có dịp kề cận Hồ Chí Minh nên tác giả nhận rõ Hồ Chí Minh thường gọi tất cả kẻ thù là *thằng* và xác định: "*Chính ông Hồ Chí Minh dùng cách gọi này trong những cuộc nói chuyện với cán bộ và trong những bài viết trên báo Cứu Quốc*: *Thằng Mỹ, thằng Pháp, thằng Sihanouk, thằng Lý Quang Diệu, thằng Măng-Đét-Phrăng...*"

Đề cập tới việc này, tác giả mỉa mai giới trí thức Việt Nam: "*Không ở đâu trong các nước xã hội chủ nghĩa có được một tầng lớp trí thức NGOAN như thế*!"[11]

Tác giả thuật lại với nhiều chi tiết vụ Dương Bạch Mai bị đầu độc, chỉ vì sắp sửa đọc (trong ít phút sau đó) một diễn văn nảy lửa phê bình đảng. Dương Bạch Mai lúc đó là ủy viên trung ương đảng, phó chủ tịch quốc hội, nhưng từng bị coi là thuộc nhóm Tờ-rốt-kít mà Hồ Chí Minh đã kết án: "*Đối với bọn Tờ-rốt-kít không thể có một thỏa hiệp hay nhân nhượng nào cả...*"

Tuy không khẳng định đây là một vụ thủ tiêu theo lệnh trên nhưng cách trình bày của tác giả ngầm diễn tả ý đó. Tác giả cũng kết tội Hồ Chí Minh đạo văn: "*Nếu hai tác phẩm của Trường Chinh là đạo văn thì cuốn* ***Sửa đổi***

lề lối làm việc[12] *cũng là đạo văn nốt. Nó là bản diễn nôm cuốn* ***Chỉnh đốn văn phong*** *của Mao cộng một chút* ***Sự tu dưỡng của người đảng viên Cộng Sản*** *của Lưu Thiếu Kỳ.*[13]

Dù nhìn Hồ Chí Minh như vậy, tác giả vẫn tỏ ra thán phục Hồ Chí Minh về việc ký bản Hiệp Ước Sơ Bộ 6/3/1946:

"...Trong hoàn cảnh ấy Hồ Chí Minh đã đi một nước cờ táo bạo - ký hiệp định 6/3/46, thỏa thuận cho các lực lượng Pháp vào thay thế các lực lượng Đồng Minh. Cần phải thoát khỏi ngay lập tức đám ma đói từ bên Tàu, lực lượng thổ phỉ này bất cứ lúc nào cũng có thể biến thành một trận hồng thủy từ phương Bắc tràn xuống. Lấy bọn xâm lược rành rành đẩy bọn xâm lược giấu mặt ra ngoài, tranh thủ thời gian để bước vào cuộc kháng chiến không thể tránh né."[14]

Về việc này, tác giả không nhìn theo mục đích loại trừ các lực lượng chống Cộng mà chính Thường Vụ Trung Ương Đảng đã xác nhận vào thời gian đó qua nghị quyết ngày 9-3-1946 và xác nhận cả thế liên minh với Pháp vì Pháp đang cần tiêu diệt các lực lượng quốc gia yêu nước hơn là đối phó với Việt Minh.

Tuy nhiên, Vũ Thư Hiên vẫn thấy rõ cách đẩy người vào chỗ chết của Hồ Chí Minh qua trường hợp tướng Lê Liêm.

Lê Liêm trình với Hồ Chí Minh về tư tưởng chống Mao của mình và được Hồ Chí Minh khuyến khích *"ra hội nghị chú cứ nói. Tôi ủng hộ"*.

Nhưng khi Lê Liêm đọc bài tham luận chống Mao-ít trước hội nghị thì "*Lê Duẩn bĩu môi, Lê Đức Thọ hầm hầm...*" Lê Liêm nhìn Hồ Chí Minh chờ đợi một lời ủng hộ "*nhưng ông Hồ tránh ánh mắt của ông, quay đi nơi khác.*"[15]

Tác giả nói về xu hướng tư tưởng của Lê Duẩn qua đánh

giá của Hoàng Văn Hoan: "*Hoàng Văn Hoan lầm to khi cho rằng Lê Duẩn theo Khrutshchev chống Mao, Lê Duẩn là xét lại. Trên thực tế, Lê Duẩn gần với Hoàng Văn Hoan hơn bất cứ ai trong ban lãnh đạo đảng thời kỳ đó. Cả hai đều là Tiểu Mao về tư tưởng.*"[16]

Về việc cha con tác giả bị đảng bắt giam, tác giả nhận xét một cách chua cay: "*Cũng nhờ Đảng, tôi trút bỏ được niềm sùng kính đối với ông Hồ Chí Minh. Tại sao tôi lại có thể mê muội đến thế nhỉ? Ông làm sao yêu được đồng chí khi người làm việc sát cánh cùng ông trong những năm khó khăn gian khổ bị Lê Đức Thọ bắt giam mà ông vẫn điềm nhiên không hề can thiệp, dù chỉ để tìm hiểu ngọn nguồn?*"[17]

"*... Trong xà lim tôi có thừa thời gian để suy gẫm. Trong những điều tôi suy gẫm, có sự rà soát lại bệnh sùng bái ông Hồ mà thế hệ chúng tôi, kẻ ít người nhiều, đều mắc phải ...Chúng tôi sùng bái ông bởi đạo đức vô song của ông. Chúng tôi coi ông là người tốt nhất trong mọi người. Ông là người duy nhất rũ sạch được mọi toan tính cá nhân để chỉ sống cho tổ quốc, cho đồng bào. Không gia đình, không tài sản, không công danh. Nhưng không phải thế.*"

Vũ Thư Hiên trưng dẫn nhiều sự việc để chứng minh bốn chữ "*nhưng không phải thế*".

Tác giả nhớ lại có lần Hồ Chí Minh nói theo Mao và Stalin "*con người là vốn quý*", và nhận định: "*Mà đúng: con người chỉ là vốn thôi, để kinh doanh cái gì đó. Khi là vốn nó thôi là người... Khi hành xử ông là một diễn viên kỳ tài.*"

Tác giả đưa tiếp hàng loạt sự việc nêu rõ tài đóng kịch của Hồ Chí Minh nhưng nhìn nhận qua những việc đó, Hồ Chí Minh đã tự chứng tỏ "*như một thuyền trưởng can trường, bình tĩnh chỉ huy con tàu trong cơn bão*" và vì thế đã

thu phục tình cảm của tác giả - "*Lúc đó ông Hồ Chí Minh còn là bác Hồ kính yêu của tôi. Ông mở đầu pho sử hoành tráng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống lại chế độ thuộc địa toàn cầu, với tư cách một phong trào, chứ không phải cuộc đấu tranh của riêng một Việt Nam. Trận thắng Điện Biên Phủ đã thổi vào lòng các dân tộc bị trị niềm phấn khích chưa từng có, mở ra cao trào đấu tranh cho độc lập dân tộc trên khắp thế giới, thúc đẩy sự chấm dứt chế độ thực dân, làm tan rã hệ thống thuộc địa. Thế giới biết tên ông cùng với đất nước nhỏ bé dám dùng gậy tầm vông chống lại vũ khí hiện đại để giành độc lập, tự do. Tượng đài cho ông, với tư cách nhân vật lịch sử, đã được đúc...Nhưng tôi buồn. Tôi còn tiếc nữa. tôi đã quen nhìn ông không phải là chủ tịch Hồ Chí Minh, mà là bác Hồ của tôi. Không buồn sao được khi nhìn lại thấy trong tôi chỉ còn trơ trọi một niềm tôn trọng duy lý, một tình cảm lạnh lẽo đối với ông, như đối với một nhân vật lịch sử. Mà một thời ông đã từng có vị trí không nhỏ trong tim tôi.*"[18]

Trước mắt Vũ Thư Hiên, Hồ Chí Minh đã bị xô khỏi vị trí thần tượng trong tim của một người để trở về vị trí của một nhân vật lịch sử có đủ mọi mặt từ tài ba đến tham vọng, từ xảo trá đến tàn ác. Về những đau thương bi thảm suốt nửa thế kỷ qua diễn ra trên đất nước Việt Nam, Hồ Chí Minh không thể rũ bỏ trách nhiệm của mình, nhưng theo tác giả, cũng không thể tách rời Hồ Chí Minh khỏi những kỳ tích của một phong trào đấu tranh suốt thời gian đó.

Tác giả còn so sánh Hồ Chí Minh với Stalin, Mao Trạch Đông, Pol Pot, Kim Nhật Thành, Ceaucescu... mà tác giả đã được biết nhiều về họ và nhận thấy rằng dù sao Hồ Chí Minh cũng còn chút lòng nhân ái hơn những kẻ đó.

Tác giả tâm sự nếu Hồ Chí Minh là những người đó thì *"hẳn tôi đã đi tù sớm hơn, hoặc đã chết trong tù, nếu không bị bắn. Tôi cho rằng sự biết ơn người có quyền giết mà không giết mình cũng là cái nên có..."*

Tác giả mỉa mai hay thành thực?

Điều này không quan trọng bằng sự việc đã có hàng triệu người chết. Những oan hồn uổng tử này liệu có đồng ý với tác giả là nên biết ơn Hồ Chí Minh chăng?

Trong tác phẩm của mình, Vũ Thư Hiên có nhắc mấy vần thơ của Chế Lan Viên lấy hứng từ lời tuyên bố của Lê Duẩn trong một bài nói chuyện nội bộ: *"Ta đánh Mỹ là ta đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc, cho các nước xã hội chủ nghĩa và cả nhân loại..."*[19]

Những kỳ tích mà Hồ Chí Minh đạt được với tư cách một nhân vật lịch sử chắc khó tách rời khỏi cái hướng nhắm mà Lê Duẩn đã nói rõ. Trong trường hợp này, vị trí dành cho nhân vật lịch sử Hồ Chí Minh có lẽ không xa với những nhân vật lịch sử đã quen tên như Trần Di Ái, Lê Chiêu Thống... Những kẻ này chỉ khác ở chỗ không đóng tốt đẹp nổi vai trò do ngoại bang trao phó nên cũng có thể coi là đã may mắn hơn Hồ Chí Minh về mức độ phạm tội đối với dân tộc.

Chú thích

1 *Đêm Giữa Ban Ngày*, tr. 458

2 NXB *Văn Nghệ, Cali 1997.*

3-5-6-7 SĐD tr. 25, 201- 202, 221, 222

4-8 SĐD tr. 178, . 229, phần cước chú.

9-10-11-13 SĐD tr. 230, 247, 266, 332

12 Hồ Chí Minh viết với bút hiệu XYZ

14-15-16-17-18-19 SĐD tr. 347, 360, 369, 456, 229, 422.

Chương 39
BẢO ĐẠI và *Con rồng Việt Nam*

Bảo Đại (1913-1997) là vị Hoàng Đế cuối cùng của nhà Nguyễn và cũng là vị vua cuối cùng của Việt Nam. Ngày 25/8/1945, Bảo Đại tuyên bố thoái vị, sau khi Việt Minh cướp chính quyền ngày 19/8/1945, rồi được Hồ Chí Minh cử làm Cố Vấn tối cao của chính phủ mới.

Sau này, nhà báo Phan Thế Trường[1] trong một dịp phỏng vấn cựu hoàng đã nêu câu hỏi: *"Tại sao cựu hoàng lại trao quyền trị nước cho Hồ Chí Minh, rồi sau lại trao toàn quyền dân sự và quân sự cho Ngô Đình Diệm?"*

Về trường hợp thoái vị để trao quyền cho Hồ Chí Minh, cựu hoàng cho biết: *"Lúc ấy tôi chỉ biết Hồ Chí Minh có chí hướng quốc gia muốn mưu tìm độc lập, thống nhất cho Việt Nam. Hồ Chí Minh được giới thiệu như người cộng tác với Đồng Minh và được đại tá Patti trong tổ chức OSS ở Vân Nam của Mỹ ủng hộ. Nhiều người quanh ông ta mà tôi biết không phải cộng sản và có nhiều người tôi đã dùng trong những chức*

vụ trước đó." Tóm lại, cũng như nhiều người Việt Nam và ngoại quốc khác vào thuở đó, cựu hoàng không biết Hồ Chí Minh là cộng sản nên đã nhiệt tình ủng hộ.

Năm 1948, cựu hoàng nhận lời đề nghị của các đảng phái quốc gia trở lại cầm quyền để đối đầu với cộng sản với danh nghĩa Quốc Trưởng. Năm 1955, ông bị hội đồng các tổ chức cách mạng quốc gia ủng hộ Ngô Đình Diệm truất phế và việc truất phế được hợp thức hóa bằng một cuộc trưng cầu dân ý đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Từ đó ông sống lưu vong an nhàn ở Pháp.

Trong thời gian làm cố vấn cho Hồ Chí Minh, cựu hoàng Bảo Đại đã chứng kiến và trải qua một số sự kiện khá đặc biệt do Hồ Chí Minh tạo ra mà sau này cựu hoàng thuật lại trong cuốn hồi ký bằng Pháp ngữ ***Le Dragon D'Annam***[2] được dịch qua Việt ngữ với tựa đề ***Con Rồng Việt Nam***.[3]

Qua ***Con Rồng Việt Nam***, cựu hoàng kể lại buổi gặp gỡ đầu tiên với Hồ Chí Minh sau khi đến Hà Nội với tư cách công dân Vĩnh Thụy ngày 6/9/1945 và ngay tối hôm đó, Hồ Chí Minh mở tiệc tiếp tân dành cho ông.

Cựu hoàng viết: *"Hôm sau, lúc 11 giờ, tôi gặp Hồ Chí Minh, diện đối diện tay đôi... Ông tỏ ra rất lễ độ, dùng tiếng Ngài để gọi tôi... chỉ còn có nước là xin lỗi bất đắc dĩ lắm mới phải cầm quyền."*[4]

Nhận xét sơ khởi của cựu hoàng Bảo Đại về Hồ Chí Minh trong cuộc gặp đầu tiên phản ảnh một cảm giác hài lòng về người đối diện: *"Mặc chiếc vareuse hở cổ, đi dép cao su, râu cằm lơ thơ, Hồ Chí Minh giống như một ông đồ nho hay một triết nhân, thích ngâm thơ vịnh phú hơn là làm chính trị. Người gầy gò mảnh dẻ, mắt sáng quắc đầy nhiệt tâm ông*

có một nhãn lực lôi cuốn vừa đạo mạo, vừa độc đáo. Lời nói cũng chan hòa nhân ái, như bác bỏ mọi bạo động, hận thù. Ông như đã nắm vững được thực tại và nhu cầu của Việt Nam lúc ấy... Trong câu chuyện hơn một giờ ấy, ông (Hồ) kết luận: 'Thưa ngài, xin ngài đừng quên rằng Ngài là bậc quốc phụ, vì vậy tôi xin Ngài vui lòng tham dự buổi hội họp của hội đồng bộ trưởng, và nhận chức Cố Vấn Tối Cao cho chính phủ. Lời mời ấy thật bất ngờ đối với tôi'."

Cựu hoàng đã nhận lời vì nghĩ là Hồ Chí Minh rất thực tình. Sau đó, khi tham dự các phiên họp hàng tuần của chính phủ, cựu hoàng cũng nhận xét rất tích cực về các thành viên chính phủ mà cựu hoàng phân thành ba nhóm khác nhau. Nhưng chỉ ít ngày sau, cố vấn Vĩnh Thụy đã "*khám phá ra được bộ mặt thật của Hồ Chí Minh*"[5]

Phát giác của cựu hoàng nhờ có điều kiện chứng kiến các hành động của nhóm thân cận với Hồ Chí Minh từ thuở hoạt động bí mật. Theo cựu hoàng, nhóm này đã tìm mọi cách sắp đặt ma mãnh để chiếm độc quyền ở các guồng máy điều khiển nhân dân. "*Thí dụ Trần Huy Liệu, đã nắm trong tay toàn bộ phương tiện tuyên truyền...*"[6]

Cựu hoàng còn thấy dụng tâm của họ nhắm thuyết phục cựu hoàng bằng thủ đoạn tuyên truyền khi họ trao cho cựu hoàng đọc tập tài liệu ***Đời của Nguyễn Ái Quốc*** mà tác giả là A. Marty, chánh mật thám của Phủ Toàn Quyền Pháp cũ.[7]

Từ đây, cựu hoàng bắt đầu dè dặt nghi ngờ, nhất là trước thái độ kính cẩn của Hồ Chí Minh đối với mình "*vừa niềm nở vừa lễ độ, gần như nhiễm tình phụ tử*".

Đây là thời gian Hồ Chí Minh thường lui tới tiếp xúc với một số nhân vật người Pháp như Sainteny hoặc người Mỹ như Lansdale, Patti, tướng Gallagher... Gần như mọi dịp tiếp xúc, Hồ Chí Minh đều đề nghị cựu hoàng cùng đi và cựu hoàng đã nhận ra Hồ Chí Minh luôn để cựu hoàng đi trước hay đứng ở vị trí bên phải là những vị trí dành cho người lãnh đạo tối cao. Cung cách của Hồ Chí Minh khiến cựu hoàng hiểu ra ngay mình đang bị lợi dụng làm một thứ bung xung để Hồ Chí Minh vận động sự ủng hộ của đồng minh.

Cựu hoàng ghi lại trong ***Con Rồng Việt Nam***: "... *Tôi liền hiểu được ý nghĩa của việc xếp đặt này. Chính phủ dù có hiện hành, nhưng chưa được đồng minh công nhận. Sự có mặt của tôi, giúp cho ông ta một hình thức chính thức dùng làm chiếc bình phong đánh gỡ mà thôi.*"[8]

Cựu hoàng cho biết nhóm thủ hạ của Hồ Chí Minh rất kém cỏi nên mỗi khi nhìn thấy hành động của nhóm này, cựu hoàng đều nhớ tới những cộng sự viên từng ở bên cạnh cựu hoàng thời gian trước đó: "... *Tôi lại thấy trở lại cùng vấn đề đã từng thảo luận với Ngô Đình Diệm, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim. Thật là những người cao khiết, đầy tinh thần trách nhiệm, rất tài ba, sung mãn, nhiều ý kiến, nhưng chỉ khổ nỗi không có phương tiện để thực hiện quyền hành.*"[9]

Rồi Hồ Chí Minh đề nghị cựu hoàng đi nghỉ ở Sầm Sơn và cử một nhóm bốn cô "*nữ cán bộ du kích bảo vệ an ninh*". Từ Sầm Sơn trở về Hà Nội, cựu hoàng được Hồ Chí Minh "*trình*" cho xem lá thư mà Hồ Chí Minh đã viết nhân danh cựu hoàng Bảo Đại gửi nước Pháp.[10]

Cựu hoàng nhận xét: "*Tôi không hiểu ai là người nhận bức thông điệp này và bằng cách nào để thông điệp được gửi đi. Tôi mong rằng người nhận đã hiểu được không khó khăn,*

đây chỉ là một văn thư ngụy tạo với tên tôi mà thôi. Tất nhiên là loại thông điệp này vẫn thường được gởi tới các tổ chức dân chủ của các nước khác...Và tôi tin chắc rằng, tôi không phải là người đầu tiên và duy nhất bị đem ra để lợi dụng."[11]

Cựu hoàng ghi lại một sự kiện đặc biệt xẩy ra vào ngày 27/2/1946: "*Ngày 27/2, mới 7 giờ sáng, chuông điện thoại reo vang. Hồ Chí Minh gọi tôi*:

- Thưa Ngài, tôi có thể đến gặp Ngài ngay bây giờ không?

Nghe tôi bảo được, ông ta đến ngay. Trông ông ta tuyệt vọng ra mặt, và người tiều tụy bé nhỏ lại hơn thường nhật. Mới vào, ông ta bảo tôi:

- Thưa Ngài, tôi không biết làm thế nào bây giờ. Tình hình rất khó khăn, tôi biết chắc người Pháp không muốn điều đình với tôi. Tôi không được Đồng minh tín nhiệm. Ai cũng thấy tôi quá "đỏ". Vậy tôi xin Ngài làm cuộc hy sinh thứ hai là Ngài nhận lại quyền hành như trước.

- Tôi đã thoái vị, và tôi không bao giờ muốn trở lại nữa. Hẳn cụ biết, tôi không có tham vọng chính trị nào và tự đặt một cách thành tín dưới quyền điều khiển của chính phủ cộng hòa...

Ông ta nài nỉ:

- Ngài thay chỗ cho tôi và tôi trở lại thành cố vấn thay Ngài ...

- Thế nhưng ai trao quyền cho tôi?

- Ngài sẽ được quốc hội tấn phong, y như kiểu mọi chính phủ dân chủ thường làm.

- Nhưng tôi có quyền tự do lập chính phủ theo tôi, hay là phải lấy các nhân viên của Cụ?

- Ngài được tự do hoàn toàn lấy ai tùy Ngài.

Ông ta trấn an tôi như vậy."

Cựu hoàng hỏi ý hai nhân vật là Nguyễn Xuân Hà và Trần Trọng Kim. Cho rằng Việt Minh bị khó khăn và họ thành thực, Trần Trọng Kim khuyên cựu hoàng nên nhận lời. Bảo Đại bèn trả lời "*đồng ý*".

10 giờ, Hồ Chí Minh gọi điện thoại thúc đưa danh sách chính phủ gấp để chuyển qua Quốc Hội.

12 giờ, Bảo Đại trả lời đã sẵn sàng. Nhưng "*đến 13 giờ thì chuông điện thoại reo. Ông Hồ mời tôi đến gặp ông ta.*

- Thưa Ngài, xin Ngài hãy quên những điều tôi nói ban sáng. Tôi không có quyền từ bỏ trách nhiệm vì hoàn cảnh khó khăn. Trao trả lại quyền cho Ngài trong lúc này, có thể coi như sự phản bội của tôi. Tôi xin Ngài tha lỗi cho một phút yếu lòng..."[12]

Theo cựu hoàng, Hồ Chí Minh đổi ý vì đã được phe Cộng Sản hứa giúp, nhất là vì đã mua chuộc được Tiêu Văn để nhân vật này ra lệnh cho Lư Hán ép phe quốc gia nhất là Việt Nam Quốc Dân Đảng phải hợp tác với Việt Minh.

Cựu hoàng cũng thuật lại chuyện đặc phái viên Văn Chí của Việt Minh đến gặp cựu hoàng ở Paris năm 1954 dụ ông trở lại tham chính để đón Việt Minh vào Sài Gòn. Nhưng cựu hoàng cho biết không còn lầm mưu nữa nên "*Chính sau cuộc gặp gỡ này, tôi trao toàn quyền cho Ngô Đình Diệm.*"

Cựu hoàng đánh giá Ngô Đình Diệm là người có khả năng đối phó với tình hình phức tạp khó khăn sau hiệp định Genève, nhất là thái độ của người Pháp lúc đó.

Cựu hoàng viết: "*... Thời của mâu thuẫn chưa chấm dứt. Vì lời tuyên bố của tướng Ely*[13] *ngày 3/8 (1954) ở Sài Gòn: "vị trí của nước Pháp tại Đông Dương vẫn không thay đổi.*"

Viễn tượng hòa bình của hiệp định Genève thật là mịt mù, vì cả hai phe ký kết đều không từ bỏ ý muốn chiếm

ngự miền Nam bằng cách lợi dụng vai trò và uy tín của cựu hoàng, vì thế, cựu hoàng đã chọn trao toàn quyền cho một người vừa cương quyết chống cộng sản, vừa nhất định không lùi bước trước âm mưu của thực dân Pháp.

Về bản hiệp định Ba Lê hai thập kỷ sau đó, cựu hoàng trích nguyên văn một đoạn vắn cho thấy không những đám thủ hạ của Hồ Chí Minh không tôn trọng mà chính các nước đã ký cam kết bảo đảm cho bản hiệp định được thi hành đúng đắn cũng buông xuôi mặc cho Cộng Sản xua quân tiến chiếm miền Nam bằng võ lực: "*Thỏa ước Paris đã chẳng đưa đến hòa bình ở Việt Nam... 23 su đoàn của Văn Tiến Dũng ở Nam vĩ tuyến 17 đã chẳng bao giờ chịu rút đi ... Bọn thống trị miền Bắc coi những điều ký kết ở Paris không khác mớ giấy lộn ném trong sọt rác...*"

Trong cuốn hồi ký ***Một cơn gió bụi***, tác giả Trần Trọng Kim, nguyên thủ tướng Việt Nam thời Nhật chiếm đóng, đã ghi lại một câu của cựu hoàng nói với tác giả về tập đoàn Cộng Sản Việt Nam: "*Chúng ta già trẻ lớn bé mắc lừa bọn côn đồ.*"

Chú thích

1 *Diễn Đàn Phụ Nữ*, số tháng 9-1992.

2 NXB Plon - Paris, 1980,

3 Bản Việt ngữ do Nguyễn Phước Tộc (hoàng tộc) dịch, xuất bản tại Mỹ 1990.

4-5-6-7-8-9 SĐD tr. 197, 202, 203, 206, 207, 209

10 Bức thư được đăng nguyên văn nơi trang 226-228.

11-12 SĐD tr. 228, 230- 233

13 Tổng tư lệnh Pháp kiêm cao ủy Đông Dương thời đó.

Chương 40
TRẦN GIA PHỤNG và *Án Tích Cộng Sản Việt Nam*

Án tích Cộng Sản Việt Nam[1] là tác phẩm thứ tám của sử gia Trần Gia Phụng trong vòng 5 năm (1996-2001), gồm 8 chương nói về những hoạt động mà cũng chính là những tội ác của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam.

Chương đầu về nạn đói năm 1945, tác giả xác định nguyên nhân chính là hai thế lực ngoại bang Pháp - Nhật, đồng thời cho biết Mặt Trận Việt Minh lợi dụng danh nghĩa cứu đói tuyên truyền khuấy động, cướp các kho lương thực để tích trữ nuôi quân thay vì cứu đói nên phải chịu một phần trách nhiệm trong việc kéo dài nạn đói.

Chương 2, về những cuộc thủ tiêu chính trị, tác giả ghi lại nhiều trường hợp cá nhân và tập thể đã bị Việt Minh sát hại và thủ tiêu trong thời khoảng 1945-1956.

* ***Năm 1945***:

- Vụ Ô Cầu Giấy tại Hà Nội ngày 16-8-1945, Việt Minh tấn công những người cộng sản từng là đồng chí của họ

nhưng ly khai, sát hại nhiều người trong số có Phi Vân Nguyễn Văn Căn tử thủ và hy sinh tại chỗ. Trong số chạy thoát có 3 người là Hồ Tùng Mậu sau bị giết ở Thanh Hóa năm 1951, Lâm Đức Thụ bị giết ở Thái Bình năm 1947, Nguyễn Công Truyền bị giết ở Thái Bình năm 1949...

- Một số nhân vật thuộc các đảng phái đối lập ở Hà Nội như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn bị giết vào tháng 9-1945, Đào Chu Khải bị hành hạ rồi bị giết ở vùng Tứ Tổng Hà Nội. Nhiều đảng viên Quốc Dân Đảng khi từ Trung Hoa về nước đã bị Việt Minh thủ tiêu nếu tỏ ra không chịu theo Cộng Sản.

- Nhóm Bảo Hoàng có 2 nhân vật quan trọng là Phạm Quỳnh và Ngô Đình Khôi (cùng với trưởng nam Ngô Đình Huân) bị giết ngày 6-9-1945.

- Nhóm Đệ Tứ có Tạ Thu Thâu bị giết tháng 9-1945 tại "*vùng rừng dương liễu*" bờ biển Mỹ Khê, tỉnh Quảng Ngãi. Phan Văn Hùm bị bắt ngày 8-10-1945 và đem đi chôn sống tại Bình Thuận. Đặc biệt Trần Văn Thạch cũng bị bắt cùng ngày với Phan Văn Hùm và cũng bị chôn sống cùng với 62 đồng chí.

- Về các lãnh tụ chính trị khác, tác giả kể tới nhiều trường hợp.

Bùi Quang Chiêu lúc ấy đã 72 tuổi bị Việt Minh kết tội là Việt gian, bị bắt tại Chợ Đệm ngày 29-9-1945 cùng 4 người con trai đem đi thủ tiêu mất xác, trong đó người con út mới 16 tuổi. Hồ Văn Ngà đang ngủ bị Việt Minh bắt đem đi biệt tích sau được biết ông bị đâm chết đem thả trôi sông vùng Kim Quy, Đá Bạc, Rạch Giá. Hồ Vĩnh Ký bị giết ở Dĩ An, Biên Hòa. Huỳnh Văn Phương bị giết ở Tân An, Long

An. Phan Văn Chánh bị giết ở Sông Mao, Bình Thuận. Tác giả theo Lữ Giang trích dẫn từ Trần Văn Ân nói Trần Văn Giàu tiết lộ trong thời gian y lánh nạn sang Thái Lan, Việt Minh đã giết khoảng 2.500 nhân sĩ ở Sài Gòn.

- Về nạn nhân từ các tôn giáo, tác giả trích Bạch thư Cao Đài Giáo gửi Liên Hiệp Quốc, cho biết chỉ trong 3 tuần lễ từ 19-8-1945, tại Quảng Ngãi, Việt Minh Cộng Sản đã giết 2791 tín đồ Cao Đài đủ mọi thành phần kể cả phụ nữ trẻ em, bằng nhiều cách như chém đầu, chôn sống, thả biển và tùng xẻo. Số tín hữu Cao Đài bị giết trên toàn quốc trong năm 1945 được thống kê khoảng 10.000.

* ***Năm 1946***:

- Từ sau vụ án Ôn Như Hầu mà Việt Minh dàn dựng để kết tội Việt Nam Quốc Dân Đảng bắt cóc giết người, tới vụ Cầu Chiêm, theo tác giả ghi nhận, trong năm 1946 Việt Minh đã giết nhiều đảng viên Quốc Dân Đảng ở khắp nơi bằng cách bỏ vào bao bố thả xuống sông. "Lúc đó người dân đi qua cầu Âu Lâu (trên sông Thu Bồn) ở Điện Bàn, thấy bao bố nổi lềnh bềnh trên mặt nước".[2]

* ***Sau ngày 19/12/1946***:

- Nạn nhân thuộc các đảng phái bị Việt Minh sát hại trong thời gian này, theo tác giả, có lãnh tụ Đại Việt Quốc Dân Đảng Trương Tử Anh, lãnh tụ Duy Dân Lý Đông A và nhà văn Khái Hưng. Hai vị trên được ghi là mất tích, được hiểu là bị thủ tiêu bí mật. Còn nhà văn Khái Hưng được ghi là bị thủ tiêu ở bến đò Cựa Gà, Nam Định.

- Nạn nhân thuộc các tôn giáo gồm rất đông tín đồ Hòa Hảo và cả giáo chủ Huỳnh Phú Sổ. Tác giả viết về việc Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ bị hại như sau: "*Nhân một chuyến đi*

công tác để giải quyết một cuộc xung đột giữa lực lượng hai bên tại Sa Đéc ngày 16/4/1947, đoàn của đức Huỳnh Phú Sổ bị tấn công tại kênh Đốc Vàng (thôn Tân Phú, Kiến Phong). Việt Minh đưa ông đi thủ tiêu mất tích. Theo thống kê của Phật Giáo Hòa Hảo thì trong các năm sau 1945, Việt Minh giết hại và chôn tập thể khoảng 10.000 tín đồ Hòa Hảo."[3]

Chương 3, về cải cách ruộng đất, theo tác giả, khởi sự từ năm 1949 và gồm 5 giai đoạn, chứ không phải chỉ có 2 giai đoạn là chiến dịch giảm tô (1953-1954) và Cải Cách Ruộng Đất (1955-1956) như phần lớn các tác giả đều nói một cách giản lược. Tác giả xác nhận chính Hồ Chí Minh cho thực hiện Cải Cách Ruộng Đất một cách tàn bạo sau khi gặp Stalin năm 1952. Tác giả cho biết các cuộc "*rèn cán chỉnh quân*" để thanh lọc quân đội, "*rèn cán chỉnh cơ*" để thanh lọc các cơ quan chính quyền và cuối cùng là "*chỉnh huấn*" áp dụng theo phương pháp của Trung Cộng chính là 3 đợt chuẩn bị cho Cải Cách Ruộng Đất trên nền tảng pháp luật là sắc lệnh tháng 3/1953 ấn định 5 thành phần xã hội nông thôn gồm địa chủ, phú nông, trung nông, bần nông và bần cố nông với chủ trương dựa hẳn vào bần cố nông, tranh thủ trung nông, cô lập phú nông, tập trung mũi nhọn vào địa chủ.

Trong vận động quần chúng, có những chính sách tam cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nông dân), "*thăm nghèo kể khổ*" và "*bắt rễ xâu chuỗi*". Về 4 tiếng sau này, tác giả giải thích bắt rễ là tìm ra những bần cố nông có tinh thần đấu tranh, thường là những tên đầu trộm đuôi cướp hung hăn. Sau khi đã tìm ra rễ thì khuyến khích hướng dẫn "*rễ*" tìm thêm đồng bọn gọi là xâu chuỗi. Trần Gia Phụng

trích Bernard Fall, Lâm Thanh Liêm, Barrington Moore, Jr. và ông NĐN ở San Diego cho biết kết quả Cải Cách Ruộng Đất như sau:

Về đất đai phân phối, theo nguồn tin từ Liên Xô, Cải Cách Ruộng Đất tịch thu 702 ngàn mẫu tây ruộng, 1 triệu 846 ngàn nông cụ, 107 ngàn trâu bò, 22 ngàn tấn thực phẩm chia lại cho 1 triệu 500 ngàn gia đình nông dân.

Về số người bị giết, "*từ 120 ngàn đến 200 ngàn. Đó là chưa kể thân nhân của nạn nhân do bị cô lập cũng chết dần chết mòn có thể lên đến từ 500 ngàn đến một triệu nữa*."

Về hậu quả lâu dài, tác giả nêu 3 điểm chính: nông nghiệp suy sụp, đảo lộn luân lý xã hội, tiêu diệt tình người và tâm lý "*kiêu nông*".

Theo tác giả, mục tiêu đích thực mà Cộng Sản nhắm trong Cải Cách Ruộng Đất không phải để làm cho nông dân no ấm, mà là:

1) Loại bỏ thành phần khá giả trí thức.

2) Đẩy nông dân đến chỗ nghèo đói, không còn có thể nghĩ chuyện đấu tranh, để Cộng Sản tha hồ lãnh đạo dân theo ý muốn.

3) Khủng bố đàn áp tinh thần nông dân, gây tình trạng căng thẳng.

4) Chuẩn bị tiến tới hợp tác hóa, tập trung của cải vào Nhà Nước, tức vào Đảng.

5) Thanh lọc hàng ngũ Đảng, loại trừ những đảng viên khó bảo hay đáng nghi.

6) Loại trừ hết những điệp viên của các tổ chức địch và đối lập.

Chương 4, về vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, tác giả nhắc những tên tuổi quen thuộc Nguyễn Hữu Đang, Thụy An Lưu Thị Yến, Trần Dần, Trần Duy, Hoàng Cầm, Phan Khôi, Trương Tửu ... với án tù của một số người trong đó.

Tác giả đặt vụ án vào bối cảnh chính trị miền Bắc lúc ấy là lúc đảng Cộng Sản cho rằng họ không còn đối thủ nữa nên đã đưa ra những chính sách độc tài chuyên chính về mọi mặt kinh tế xã hội văn hóa khiến các nhà văn còn chút lương tâm cảm thấy không thể im lặng. Và những người này đã nói, đã viết những điều họ nghĩ để rồi rơi vào bẫy của Cộng Sản. Tuy nhiên không có án tử hình hay một cuộc thủ tiêu nào.

Cuối chương, tác giả dẫn lời Hồ Chí Minh tại cuộc tiếp tân năm 1946 tại Pháp được Lacouture thuật lại và linh mục Cao Văn Luận có mặt trong buổi tiếp tân đó đã xác nhận là thật. Hồ Chí Minh nói về cái chết của Tạ Thu Thâu: "*Tất cả những kẻ không theo đường lối của tôi sẽ bị bẻ gẫy*..."

Tác giả muốn nói vì Hồ Chí Minh có chủ trương đó, nên những nhà văn, nhà thơ, trí thức nào nói ngược lại đường lối đảng đều bị cho đi tù. May mà không bị giết.

Chương 5, về vụ án "*xét lại chống đảng*", tác giả cho là vụ án điển hình của chế độ độc tài không luật lệ.

Theo tác giả, vụ án bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa Liên Xô - Trung Cộng kể từ khi Khrutshchev hạ bệ Stalin tại đại hội đảng Cộng Sản Liên Xô năm 1956.

Tác động của tình trạng này đã khiến xuất hiện mâu thuẫn trong nội bộ đảng Cộng Sản Việt Nam. Hàng ngũ lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam có một số người được đào tạo tại Liên Xô như Trần Phú, Hà Huy Tập, Trần Văn

Giàu, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai... nhưng về sau hầu hết đều bị Pháp bắt và bị giết chỉ còn lại Hồ Chí Minh. Xung quanh Hồ Chí Minh là những thủ hạ được Hồ Chí Minh đưa vào trường Hoàng Phố của Trung Hoa Dân Quốc hay trường Quân Chính Diên An của Trung Cộng.

Do đó tác giả nhắc đến nguồn tin cho rằng Hồ Chí Minh đã bí mật loại những kẻ không thừa nhận quyền lãnh đạo của ông ta. Đặc biệt tác giả nêu một danh sách khá dài về những người dính líu vào vụ án và trở thành nạn nhân bị thanh trừng. Tổng cộng 46 người.[4]

Phần kết của chương này, tác giả viết: "*Về cách thức đàn áp, đảng Cộng Sản nào cũng như nhau. Từ Lênin, Stalin đến Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, tất cả đều tiêu diệt địch thủ một cách triệt để và tàn bạo, dù những người này là đồng chí từ thuở "Áo anh rách vai, Quần tôi có hai mảnh vá, Miệng cười buốt giá, Chân không giầy, Thương nhau, tay nắm lấy bàn tay...*"[5]

Chương 6 với tiêu đề *Lịch và Thơ giết người* nói về vụ Cộng Sản đổi lịch năm 1968, theo đó Tết âm lịch Mậu Thân bắt đầu sớm hơn lịch cũ mà miền Nam Việt Nam áp dụng một ngày. Tác giả trưng dẫn lời giới thiệu của Nha Khí Tượng Hà Nội cho biết việc tính toán và đổi lịch căn cứ vào quyết định số 121 CP ngày 8-8-1967. Bắc Việt cố ý đổi lịch để cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân được hoàn toàn bí mật gây sự "*xuất kỳ bất ý*".

Theo thường lệ từ mấy năm trước, 2 miền vẫn tôn trọng cuộc hưu chiến vào dịp Tết cho nên ngày đầu năm Mậu Thân, quân miền Bắc đã ăn Tết xong và mở cuộc tiến công vào ngày mồng Hai tức ngày mồng Một tại miền Nam là

lúc lệnh hưu chiến đang còn hiệu lực. Vì thế mà tất cả đều bất ngờ, chính Tổng Thống cũng về quê vợ ăn tết!

Riêng bài thơ là mấy câu của Hồ Chí Minh thường đọc trong những dịp đầu năm. Lần này nghe lên rõ ràng là lệnh tấn công ban ra từ làn sóng điện đài Hà Nội, để cho nhanh chóng và vẫn giữ được bí mật:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp mọi nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ.
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.

Chương 7 nói về vụ tàn sát Tết Mậu Thân tại Huế có 5 đoạn chính với đoạn 3 là trọng điểm diễn tả lại cuộc tàn sát tại Huế. Tác giả đưa ra nhiều lý do khiến Cộng Sản chọn Huế để thi hành tội ác trong số có sự kiện "*Cũng tại Huế, 'Hội đồng nhân dân cứu quốc' ra đời năm 1964 trong đó có một số giáo sư và giảng viên đại học Huế như Lê Khắc Quyến, Tôn Thất Hanh, Lê Tuyên, Cao Huy Thuần, Hoàng Văn Giàu... Báo Lập Trường của nhóm này ủng hộ những quan điểm hòa bình và trung lập của một số lãnh tụ Phật giáo tranh đấu miền Trung. Hội đồng được coi là đã góp tay vào việc kích động các cuộc biểu tình dữ dội tại Huế chống hiến chương Vũng Tầu của tướng Nguyễn Khánh năm 1964.*"[6]

Tác giả trưng dẫn đài Hà Nội ngày mồng 3 Tết (1/2/68) loan báo thành lập tổ chức Liên Minh Các Lực Lượng Dân Tộc, Dân Chủ Và Hòa Bình tại Huế do Lê văn Hảo, giáo sư Đại Học Văn Khoa Huế làm chủ tịch và Hoàng Phủ Ngọc Tường làm tổng thư ký...

Sau đó, tác giả nhắc chuyện Hoàng Phủ Ngọc Tường cùng với em là Hoàng Phủ Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân

và giáo sư Lê Văn Hảo... từng trốn lên rừng theo Cộng Sản hồi 1966 nên có dư luận cho rằng mấy người này, nhất là anh em Hoàng Phủ Ngọc Tường là thủ phạm những vụ tàn sát và chôn sống 3000 người tại Huế.

Tuy nhiên, tác giả viết: "*Những hạng tân tòng như Tường, Phan, Xuân chẳng có quyền hành gì để quyết định mạng sống của một số người lớn lao, trừ vài chuyện trả thù cá nhân mà thôi*". Tác giả hàm ý kết tội chính sách của đảng Cộng Sản và chính Hồ Chí Minh.

Về số nạn nhân, tác giả trích hồi ký của Nguyễn Trân, cho biết 5800 người dân chết, trong đó 2800 bị giết và chôn tập thể, ngoài ra là 790 hội viên hội đồng tỉnh, 1892 nhân viên hành chánh, 38 cảnh sát, hàng trăm thanh niên quân dịch, một linh mục Việt Nam (Bửu Đồng), 2 linh mục Pháp, một bác sĩ Đức và vợ, một số người Phi Luật Tân. Tác giả liệt kê cụ thể số người bị giết tại 12 địa điểm, trong số có 4 địa điểm tại Gia Hội, tổng cộng 2326 người.[7]

Tác giả nhấn mạnh về một âm mưu của Cộng Sản nhằm chia rẽ các tôn giáo bằng cách bắt các nhà phải treo cờ của Mặt trận Giải Phóng Miền Nam, dù Cộng Sản dư biết trong vùng quốc gia không ai có lá cờ đó. Rồi chúng đổi lệnh cho thay thế cờ Mặt Trận bằng cờ Phật Giáo.

Như vậy, "*Cộng quân muốn tỏ ra thân thiện với Phật Giáo, để gieo tiếng oan cho Phật Giáo là thân cộng và gây chia rẽ giữa hai tôn giáo lớn trong nước*."

Tác giả nêu đích danh 4 linh mục bị giết tại Huế: Hoàng Ngọc Bang, Lê Văn Hộ, Urban và Guy. Hai vị sau là người Pháp thuộc dòng Benedicto Thiên An Huế. Ngoài ra, còn có 4 người Đức thuộc viện đại học Huế là các bác

sĩ Raimund Discher, Alois Alterkoster, Hort Gunther Krainick và vợ. Bốn người này bị bắt ngày 5-2-1968. Về sau tìm thấy xác gần khu chùa Tường Vân.[8]

Tác giả nêu thêm sự kiện sau 1975, Cộng Sản không trọng dụng những kẻ chạy theo như Tường, Phan, Xuân ... là một âm mưu hiểm độc nhắm trút tội ác cho nhóm này.

Tác giả gọi vụ tàn sát ở Huế là một cách "*nhuộm đỏ tay chân*" và nhận định: "*Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân là cơ hội để cộng quân nhuộm đỏ những người thoát ly và những người lừng khừng, làm cho họ không còn con đường nào quay về phía Việt Nam Cộng Hòa, dù họ có mặt hay không có mặt tại Huế và dù giết người hay không giết người trong thời gian này*"[9] So sánh với các vụ tàn sát trong lịch sử Việt Nam và thế giới, tác giả kết luận: "*Chỉ có Khmer Đỏ giết đồng bào Cam Bốt, và Việt Cộng giết đồng bào Việt Nam... Chính Hồ Chí Minh đã từng nhận lý thuyết Mác-Lê và tư tưởng Mao Trạch Đông là kim chỉ nam hành động của Cộng Sản Việt Nam.*"

Chương 8 nói về các huyền thoại của HCM với tiêu đề *Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh*, tác giả đưa ra những bằng chứng có tính thuyết phục cao để "lột trần" tất cả 7 huyền thoại vẫn thường được truyền nhắc.

Trước hết, cha Hồ Chí Minh là Nguyễn Sinh Huy (hay Sắc) xin đi làm quan cho Pháp chứ không hề bị ép đi làm quan. Ông Huy bị sa thải vì say rượu đánh người đến chết chứ không phải bị cách chức vì có hành động cách mạng. Ngay con gái là bà Thanh cũng không chịu nổi tính lỗ mãng, cục cằn của người cha thường hay đánh con.

Thứ hai, Hồ Chí Minh ra đi không phải để tìm đường cứu nước mà vì kế sinh nhai. Tác giả trưng 2 lá đơn xin

nhập học trường Thuộc Địa của Pháp trong đó có câu: "*Tôi hoàn toàn không có chút tài sản nào, nhưng rất khát khao học hỏi. Tôi mong trở nên hữu ích cho nước Pháp đối với đồng bào tôi....*"

Thứ ba, cuộc sống độc thân giản dị chỉ là "*một bí mật giấu đầu lòi đuôi*" khi mà ít nhất dư luận đã có thể kể tên 6 người phụ nữ là vợ, là vợ hờ, là nhân tình của Hồ Chí Minh như Tăng Tuyết Minh, Lý Huệ Khanh, Nguyễn Thị Minh Khai, Đỗ Thị Lạc, Nông Thị Xuân, Nguyễn Thị Phương Mai (cô này không chịu nếu không được cưới chính thức), và khi đã cao tuổi còn ngỏ ý với Đào Chú ở Quảng Đông, xin được tái hôn với một phụ nữ trẻ Trung Hoa...

Thứ tư, về huyền thoại đoàn kết dân tộc, tác giả viết: "*Đoàn kết là tiêu diệt tất cả mọi người bất đồng chính kiến bằng bất cứ giá nào để giành quyền lực*." Rất nhiều bằng chứng được tác giả nêu lên về việc này để kết luận: "*Đoàn kết là vâng phục tuyệt đối lãnh đạo đảng, là vắt chanh bỏ vỏ*"**10**

Thứ năm, về huyền thoại giải phóng dân tộc, tác giả nhắc sự kiện chí sĩ Phan Bội Châu xin Liên Xô giúp đưa học sinh Việt Nam qua du học, bị đòi phải chấp nhận điều kiện là tin theo "*tín ngưỡng chủ nghĩa cộng sản*". Vì vậy chí sĩ Phan Bội Châu đã lảng tránh.

Tác giả cho rằng Phan Bội Châu còn bị đòi như vậy, thì những kẻ khác như Hồ Chí Minh chắc chắn đã phải nhận điều kiện truyền bá chủ nghĩa Cộng Sản mới được Quốc Tế Cộng Sản đào tạo. Tác giả trích dẫn bộ sử đảng Cộng SảnViệt Nam: "....*Đảng nhấn mạnh phải xem cách mạng Việt Nam như một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, lúc này là một bộ phận của phong trào dân chủ chống Phát xít, đặc biệt là phải tích cực ủng hộ Liên Xô và cách mạng Trung Quốc*."

Thứ sáu, về huyền thoại tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả dẫn điều 4 Hiến Pháp 1992 của Cộng Sản Việt Nam trong đó ghi thêm tư tưởng Hồ Chí Minh với dụng ý sẽ thay thế cho tư tưởng Mác-Lênin đã bị lỗi thời, nhưng tác giả nêu nhiều bằng chứng để khẳng định: "*Nói cho cùng, Hồ Chí Minh không có một hệ thống tư duy nào để trở thành nhà tư tưởng như đảng Cộng Sản Việt Nam phong tặng.*"[12] Tác giả vạch rõ Hồ Chí Minh không đủ khả năng viết tiếng Pháp thuở mới tới Pháp dùng chung bút danh Nguyễn Ái Quốc với các ông Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, đồng thời nhắc việc Hồ Chí Minh đạo văn trong tập ***Thơ Trong Tù*** mà giáo sư Lê Hữu Mục đã phát giác vv... để chứng minh chẳng có gì đáng gọi là tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại trừ những tư tưởng chẳng đáng đề cao, ví dụ: "*tư tưởng làm công cho Pháp, tư tưởng hợp tác với Pháp, tư tưởng thù Pháp, tư tưởng phản dân hại nước, tư tưởng hưởng nhàn, tư tưởng hưởng lạc, tư tưởng hiếu danh, tư tưởng sùng bái cá nhân.*"[13]

Sau cùng là huyền thoại lăng Hồ Chí Minh. Tác giả trưng dẫn từ chuyện di chúc Hồ Chí Minh sửa đi sửa lại mấy lần, không hề muốn xây lăng, ướp xác nhưng muốn để tro ở cả ba miền đất nước cho nhân dân phúng viếng, đến chuyện chết gần 3 tháng bộ chính trị đảng mới quyết định ướp xác trong phiên họp ngày 29-11-1969... và cho tất cả là những trò dối gạt một cách ngu xuẩn.

Tác giả nêu 2 mục đích thầm kín của những lãnh tụ Cộng Sản kế sau Hồ Chí Minh trong khi thực hiện việc xây lăng là vinh danh sự kế thừa và sùng bái cá nhân.

Nói về kế hoạch và đồ án xây lăng, tác giả viết: "*Một ủy ban xây dựng lăng Hồ Chí Minh gồm đại diện Bộ Xây Dựng,*

Bộ Quốc Phòng được thành lập do Đỗ Mười, lúc đó là ủy viên trung ương đảng, làm chủ tịch. Ủy ban này đã nghiên cứu nhiều kiểu mẫu kiến trúc lưu niệm như kim tự tháp Ai Cập, đền Victor Emmanuel ở Rome, đài tưởng niệm Lincoln ở Washington DC và lăng Lênin ở Moscow. Những dự án kiến trúc được ủy ban đưa ra trưng bày trên toàn quốc để hỏi ý kiến công chúng. (Tại sao những vấn đề chính trị quan trọng không hỏi ý kiến dân chúng mà chỉ hỏi mẫu lăng ông Hồ?)"[14]

Trong phần kết luận, tác giả đề cập chính sách ngu dân của Cộng Sản và viết: "*Nhiều người cho rằng do dốt nát, trình độ quản lý kém, hoặc Cộng Sản chỉ giỏi chiến tranh chứ không giỏi quản trị, nên chế độ Cộng Sản mới đưa đất nước đến chỗ suy vong như ngày nay. Thật ra không thể nói lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam ngu dốt. Do hoàn cảnh chiến tranh, những nhà lãnh đạo Việt Nam có thể ít học, nhưng do đã tranh đấu liên tục trong một môi trường tranh chấp gay gắt cao độ ở trong cũng như ngoài đảng, nên họ rất lão luyện trong kỹ thuật lừa đảo và khuynh loát, cũng như rất tàn ác trong hành động. Bộ tham mưu của họ gồm nhiều nhà trí thức khoa bảng rất thông thái về chuyên môn và làm việc rất khoa học bài bản, giúp các nhà lãnh đạo cộng sản nắm vững những vấn đề chuyên môn cần thiết. Các nhà lãnh đạo Cộng Sản dư biết kế hoạch của họ sẽ dẫn đất nước đến nghèo đói suy sụp. Chỉ có điều là tất cả các chính sách của Cộng Sản cố tình nhắm một mục đích duy nhất là duy trì và củng cố quyền lực của họ, bất chấp dân tình đói khổ thiếu thốn, bất chấp xã hội suy thoái.*"[15]

Chú thích

1 NXB Non Nước - Toronto, Canada 2001.

2-3-4-5-6 SĐD tr. 81, 88, 254-255, 260, 305.

7-8-9-10-11 SĐD tr.309-310, 313, 314, 349-352, 320-321.

12-13-14-15 SĐD tr. 365, 369-371, 379, 432- 433.

Chương 41
ĐỖ MẠNH TRI và *Di sản Mác-xít tại Việt Nam*

Di Sản Mác Xít tại Việt Nam (**1**) của Đỗ Mạnh Tri là những ý nghĩ được khơi gợi từ cuốn ***Đêm giữa ban ngày*** của Vũ Thư Hiên và các nhận định về một số vấn đề Việt Nam dưới dấu ấn chủ nghĩa Mác-xít. Đây là lần đầu tiên chủ nghĩa Marx và chế độ cộng sản tại Việt Nam được một tiến sĩ triết học Việt Nam đem ra mổ xẻ. (**2**)

Với tính chất nội dung này, Hồ Chí Minh không phải đối tượng tìm hiểu trực tiếp của tác giả nhưng vẫn được đề cập tới trong một số trường hợp.

Khi Cộng Sản cướp chính quyền sau "*cách mạng tháng tám thành công*", Hồ Chí Minh lên làm Chủ Tịch Nhà Nước, tuyên bố giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương (11/11/1945), thành lập chính phủ Liên Hiệp..., tác giả mới ở tuổi 14, 15. Khi Hồ Chí Minh tái lập đảng cộng sản trong lớp vỏ bọc đảng Lao Động vào năm 1951, tác giả đã bắt đầu cuộc sống ở Pháp và sống liên tục tại đây cho đến ngày nay.

Như thế, thực tế đời sống Việt Nam chỉ gắn bó với tác giả trong một thời gian ngắn ở tuổi thiếu niên. Sau đó, tác giả hoàn toàn xa cách với mọi biến cố lớn nhỏ.

Tác giả không phải trải qua bất kỳ cảnh ngộ sống nào của người dân Việt Nam và cũng không chứng kiến bất kỳ thực tế nào do những chủ trương mà Hồ Chí Minh đưa ra từ các chiến dịch "*giảm tô*", "*cải cách ruộng đất*", "*chỉnh đảng*", v.v.

Có thể nói tác giả không hề là nạn nhân của cộng sản, cũng không hề là chứng nhân tại chỗ về những tội ác của cộng sản. Nhưng qua ***Di Sản Mácxít tại Việt Nam***, tác giả đã đưa ra những nhận định phản ảnh một nỗ lực nghiên cứu công phu bằng lối phân tích sắc bén thể hiện phong thái của một triết gia không chỉ am tường về chủ thuyết Cộng Sản mà còn nắm vững nhiều khía cạnh thực tế của đời sống Việt Nam.

Tác giả đã bao quát toàn bộ diễn trình của thực tế Việt Nam sau khi so sánh hai nhạc phẩm của Lưu Hữu Phước và Phạm Duy qua một câu vắn gọn nhưng vô cùng sâu sắc: "*Từ buổi bình minh đã có mây mù che phủ. Hào quang bừng sáng cũng chói lọi như gươm giáo trong đêm đen của tội ác.*"[3]

Tác giả trích dẫn bức thư của hòa thượng Thích Quảng Độ gửi tổng bí thư Đỗ Mười ngày 19/8/1994 để chứng minh cho nhận xét trên: "*Cũng ngày hôm nay cách đây 49 năm, sư phụ tôi là hòa thượng Thích Đức Hải, trụ trì chùa Linh Quang, xã Thanh Sam, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, đã bị Cộng Sản giết chết vào hồi 10 giờ sáng ngày 19/8/1945 (tức ngày 12 tháng 7 năm Ất Dậu), ngày cách mạng thành công, trên bãi cỏ trước đình làng Bặt thuộc phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, cách chùa sư phụ tôi 2 cây số....*"

Đó là lời kể của một nhà tu đang bị cô lập giữa hàng rào an ninh nghiệt ngã trong tình trạng quản chế, đồng thời cũng là người được chọn làm ứng viên giải Nobel nên mức độ chính xác của lời kể là điều bắt buộc. Vì tư cách đức độ cũng như điều kiện an ninh của người kể không cho phép nói sai một ly với sự thực.

Nhưng cảnh ngộ sống của người kể lại không phải cảnh ngộ đặc biệt hiếm hoi nên câu chuyện của hòa thượng Thích Quảng Độ cũng là một thí dụ cụ thể cho thực tế đời sống bình thường tại Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản.

Trường hợp được đưa ra làm thí dụ điển hình này đã khiến sống dậy hàng loạt những lời tố cáo khác của cả những người được nêu rõ họ tên lẫn những người chỉ là cái bóng chìm giữa đám nạn nhân vô danh.

Lời kể của hòa thượng Thích Quảng Độ gợi nhắc dễ dàng tới những lá thư của hồng y Nguyễn Văn Thuận nói về cái chết của người bác và người cháu là hai cha con ông Ngô Đình Khôi, lá thư của người cháu học giả Phạm Quỳnh nói về cái chết của vị cựu thượng thư bộ Lại dưới triều Bảo Đại, lá thư của cụ Lê Quang Liêm nói về cái chết của giáo chủ Huỳnh Phú Sổ vv... và cũng dễ dàng gợi nhắc sự liên tưởng tới hàng ngàn lá thư hay tài liệu khác của những nạn nhân trong các vụ thanh lọc hàng ngũ, cải cách ruộng đất hay các vụ thảm sát trong chiến tranh...

Vì thế nên không thể nói về thực tế đời sống Việt Nam từ 1945 tới nay khác với cảnh mây mù che phủ ngay lúc bình minh vừa lóe rạng và hào quang bừng sáng chỉ là ánh phản chiếu nước thép của gươm dáo trong đêm đen tội ác.

Thực tế đời sống đó không thể tách khỏi một người đã

lưu lại nhiều lời nói được coi như khuôn vàng thước ngọc, trong đó, tác giả dừng lại với một câu: "*Không có gì quý hơn độc lập tự do*". Bất kỳ người Việt Nam nào cũng biết người nói ra câu này là ai và cho tới nay, bất kỳ người Việt Nam nào cũng thuộc lòng mọi cách giải thích về nội dung chứa đựng trong câu nói.

Đỗ Mạnh Tri không lập lại cách giải thích câu nói theo nghĩa ngôn từ mà đối chiếu với thực tế để đánh giá cái khuôn vàng thước ngọc do Hồ Chí Minh tạo ra và đã trở thành động cơ thúc đẩy hàng chục triệu người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ tiếp nối nhau cống hiến xương máu. Đỗ Mạnh Tri đối diện với phát giác là suốt nửa thế kỷ qua mọi nỗ lực đấu tranh cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Cộng Sản mới thể hiện tuyệt vời riêng phần mở đầu của cái khuôn vàng thước ngọc vẫn còn đang được nâng niu là "*Không Có Gì*!" Nhưng, theo Đỗ Mạnh Tri, "*thực ra, không phải không có gì. Có*! *Thay vì hạnh phúc, có tất cả những tai họa*..."[4]

Một trong những tai họa mà tác giả nhắc đến là sự hóa thân con người thành dụng cụ - "*Cho dù có chí hướng tài ba đến mấy đi nữa, rơi vào guồng máy toàn trị của đảng con người trở thành dụng cụ. Xem một Chế Lan Viên, một Hoài Thanh trên bình diện văn học. Ông Hồ Chí Minh trên bình diện chính trị cũng thế thôi.*"[5]

Khi đã hóa thân thành dụng cụ thì không thể giữ tính người, không thể mang tâm tư con người nên mọi sự việc theo đuổi đều phải đảo ngược ý nghĩa. Vì thế, cái khẩu hiệu Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc dựa theo Tam Dân chủ nghĩa (Dân Tộc - Dân Quyền - Dân Sinh) của Tôn Dật

Tiên cũng phải đảo ngược để mang hình ảnh mà một thi sĩ đã gợi lên: "*Những danh từ cao đẹp ấy không chỉ là những khẩu hiệu trống rỗng, những tấm bánh* vẽ *Đảng dùng để lừa bịp dân. Như kiểu nói của một thi sĩ, chúng đã bị đảng biến thành "những bọc nhựa chứa đầy máu tươi."*[6]

Cho nên Đỗ Mạnh Tri thấy không nên bàn bạc hay quan tâm về mọi thái độ, ngôn ngữ của những kẻ đã vướng vào vòng chi phối của chủ nghĩa Mác Xít, dù đó là những nhà trí thức khoa bảng. Tác giả trích lời phát biểu của bác sĩ y khoa Nguyễn Khắc Viện[7], người từng để cả đời cổ võ cho Cộng Sản với những lời tuyên bố: *Với Hồ Chí Minh, với Lênin, ánh sáng đã tràn ngập ...* và "*Cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc Việt Nam đem lại ý nghĩa lịch sử trọn vẹn cho cuộc đấu tranh dân tộc và dân chủ.*"

Quả thực không còn gì để bàn về những bọc nhựa chứa máu tươi này nên chỉ có thể nói như chính Đỗ Mạnh Tri đã kết luận "*... Coi ông Hồ Chí Minh trước hết là một người yêu nước, cũng biểu lộ một sự phán đoán ngu si như thế.*" (8)

Đỗ Mạnh Tri đưa ra một loạt điều lệ của Quốc Tế Cộng Sản cho thấy không thể tồn tại lòng yêu nước nơi những người xin gia nhập Quốc Tế Cộng Sản và được tổ chức này chấp nhận: "*Gia nhập Quốc Tế Cộng Sản, dù muốn dù không, dù biết hay không biết, là từ bỏ độc lập quốc gia, vì theo điều lệ của Đệ Tam Quốc Tế, mọi đảng cộng sản chỉ là chi nhánh của một "đảng toàn cầu duy nhất", Quốc Tế Cộng Sản, mà những quyết định có giá trị tuyệt đối, không thể bàn cãi* (*điều 16*). *Cụ thể mọi đảng cộng sản trên thế giới đều tự đặt dưới quyền kiểm soát của đảng cộng sản Nga, phải triệt để ủng hộ những cộng hòa xô viết, tức Liên Xô sau này* (*điều 14*), *nếu đảng được*

tổ chức theo những nguyên tắc dân chủ tập trung với một kỷ luật sắt (điều 12), sự tập trung không hạn chế vào nội bộ một đảng. Tập trung chủ yếu là tập trung chung quanh đảng cộng sản Nga Xô..."

Tác giả còn trưng dẫn tiếp các điều 2, 3, 9 cho thấy phương tiện thực hiện cách mạng vô sản là bạo lực, dối trá và việc theo dõi kiểm soát tư tưởng thành viên để thanh lọc hàng ngũ là việc làm thường xuyên: "*Phải khai trừ thường kỳ những phần tử tiểu tư sản*" (*điều 13*)

Di sản Mácxít tại Việt Nam không nhắm diễn tả con người Hồ Chí Minh, nhưng những nét phác họa về dấu ấn Mác-xít trên đời sống Việt Nam lại có thể coi là những nét họa sắc sảo về con người của huyền thoại này.

Chú thích

1 NXB Tự Do, Nam California 2002

2 Dĩ nhiên sau giáo sư thạc sĩ Trần Đức Thảo là người, tuy không có bằng tiến sĩ triết, nhưng đã là triết gia nổi tiếng ngay tại Pháp trong những năm 40. Về Trần Đức Thảo xin xem *Phản Tình Phản Kháng, Thực hay Hư?* của Minh Võ, chương 12, tr. 245- 258.

3-4-5 SĐD tr. 246, 249, 250

6 SĐD tr. 25 * Về Nguyễn Khắc Viện xin xem *PTPKTH?*

7-8 SĐD tr. 253-255, 258

Chương 42
MỘT SỐ TÁC GIẢ KHÁC
(không tìm thấy)

Phần III

MỘT SỐ VẤN ĐỀ về trách nhiệm của HỒ CHÍ MINH

Chương43
Bối cảnh chiến tranh ý thức hệ của tình hình Việt Nam

Qua ý kiến và nhận định của gần 70 tác giả, Hồ Chí Minh luôn luôn hiện ra dưới hai khuôn vóc hoàn toàn trái ngược và trở thành trung tâm của hàng loạt nghi vấn.

Hồ Chí Minh là người yêu nước đã mang hạnh phúc về cho nhân dân hay chỉ là kẻ đưa chủ nghĩa Cộng Sản vào Việt Nam dựng nên một chế độ chuyên chính biến toàn dân thành nô lệ sống dưới trăm ngàn mối áp bức đe dọa?

Hồ Chí Minh là đại anh hùng cứu quốc có công giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân bảo vệ nền độc lập quốc gia hay chỉ là kẻ gây cảnh núi xương sông máu kéo dài suốt một nửa thế kỷ, tàn sát hàng chục triệu nạn nhân?

Hồ Chí Minh là vị cha già dân tộc đã chấp nhận hy sinh trọn đời để phụng sự đồng bào hay chỉ là kẻ mê hoặc cưỡng bức đồng bào đóng vai những công cụ phụng sự cho tham vọng bá chủ thế giới của Liên Xô?

Hồ Chí Minh là con người giản dị, ngay thẳng có cuộc

sống thanh khiết cao cả thánh thiện như một thiên thần hay chỉ là kẻ xảo trá, lường gạt với trăm ngàn thủ đoạn che giấu chân tướng đầy những vết nhơ?...

Hồ Chí Minh là con người ôn nhu, hiếu hòa bị đàn em hiếu chiến khống chế trong chủ trương đánh chiếm miền Nam bằng võ lực hay là một lãnh tụ gian hùng bề ngoài đóng vai ông Thiện để điều khiển thủ hạ làm ác? ....

Đó là một vài nghi vấn tiêu biểu.

Để giải đáp thỏa đáng những nghi vấn này, không thể dựa vào số lượng lời khen tiếng chê, cũng không thể giới hạn theo một số sự kiện nào đó thuộc phạm vi đời sống cá nhân.

Hồ Chí Minh có thể rất đắc nhân tâm do luôn biểu hiện phong thái chân thành đơn giản, tự nhiên thân mật.

Hồ Chí Minh có thể từng ôm ấp những ước mong phù hợp với ước mong của hết thảy mọi người.

Hồ Chí Minh có thể chỉ có một thói xấu duy nhất như chính ông đã từng tự đánh giá là "*nghiền thuốc lá*".

Hồ Chí Minh có thể bị thù ghét nhiều hơn yêu thương hoặc ngược lại, được toàn dân kính mến, v.v.

Bản thân những sự kiện trên rất quan trọng để hiểu về bất kỳ con người nào nhưng không đóng góp được bao nhiêu trong việc đánh giá con người Hồ Chí Minh.

Dù muốn dù không, Hồ Chí Minh đã là một nhân vật lịch sử và là nhân vật lịch sử ghi lại dấu ấn đậm đà trong một giai đoạn đầy sóng gió của Việt Nam. Cho nên, những nghi vấn về con người Hồ Chí Minh chỉ có thể giải đáp bằng chính thực tế lịch sử Việt Nam gắn bó với mọi hành vi của ông.

Thực tế lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ 20 lại không thể tách rời khỏi ảnh hưởng của nhiều biến cố thế giới, trong đó có cuộc Cách Mạng Tân Hợi xóa bỏ chế độ phong kiến tại Trung Hoa và đặc biệt là cuộc Cách Mạng Vô Sản Nga.

Cả hai cuộc cách mạng trên đều trực tiếp ảnh hưởng vào tình hình Việt Nam với những dấu ấn rõ rệt.

Cuộc Cách Mạng Tân Hợi thúc đẩy những nỗ lực đấu tranh nhắm mục tiêu tiến tới Dân Tộc Độc Lập, Dân Quyền Tự Do, Dân Sinh Hạnh Phúc trong đó, kẻ địch cần lật đổ được xác định cụ thể là thế lực ngoại bang thống trị.

Cuộc Cách Mạng Vô Sản chọn chủ nghĩa Marx làm lý tưởng thúc đẩy một cuộc đấu tranh không hướng về quyền lợi dân tộc mà nhắm phụng sự quyền lợi giai cấp vô sản trên toàn thế giới nên bao trùm nhiều mặt phức tạp hơn, trong đó quan niệm bạn và thù thay đổi tùy theo thực tế của từng giai đoạn đã dẫn tới không ít ngộ nhận về mọi biến cố.

Để tránh tình trạng này, cần nhìn lại chủ thuyết Cộng Sản cùng các phương thức đấu tranh mà Cộng Sản áp dụng, nhất là vì trên thực tế, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản đã giành được vai trò chủ động trên chính trường Việt Nam từ tháng 8-1945.

Ngày nay, chủ thuyết Cộng Sản đã lỗi thời, nhưng không thể phủ nhận tác động của nó trong tình hình Việt Nam kể từ thời điểm trên. Cho nên, dù muốn dù không vẫn cần ghi lại một số nét chủ yếu trong mấy tiêu điểm đã trở thành nền tảng của mọi biến cố từng xảy ra tại Việt Nam:[1]

- Chủ thuyết Cộng Sản và mục tiêu cuối cùng.
- Chiến lược và sách lược đấu tranh.

- Vai trò lãnh đạo của Đệ Tam Quốc Tế.
- Võ khí chính trong tiến hành đấu tranh.

1. Chủ thuyết và mục tiêu cuối cùng.

Chủ thuyết Cộng Sản minh thị mục tiêu cuối cùng là phụng sự giai cấp vô sản nên chủ trương phải phát động đấu tranh giai cấp. Đấu tranh giai cấp phát xuất từ định luật mâu thuẫn trong duy vật biện chứng và từ quan niệm duy vật lịch sử cho rằng đã đến lúc giai cấp bị bóc lột là vô sản vùng lên đấu tranh lật đổ giai cấp bóc lột là tư bản để thiết lập chuyên chính vô sản.

* *Duy vật biện chứng* gồm 4 định luật chính: vạn vật tương quan, vạn vật biến chuyển, lượng biến chất biến và mâu thuẫn nội tại.

- *Vạn vật tương quan*: *Theo duy vật biện chứng, thiên nhiên* là một toàn bộ trong đó các sự vật và hiện tượng liên hệ hữu cơ với nhau, lệ thuộc vào nhau, quyết định lẫn nhau. Không có hiện tượng nào trong thiên nhiên có thể hiểu được, nếu tách rời khỏi những hiện tượng khác ở xung quanh.

- *Vạn vật biến chuyển*: Thiên nhiên luôn luôn chuyển biến, luôn luôn đổi mới và phát triển theo hướng một cái gì đó đang hình thành, lớn dần lên trong khi một cái gì đó đang tan rã, tự hủy. Engels viết trong ***Biện Chứng của thiên nhiên***: "Tất cả *thiên nhiên, từ cái nhỏ nhất tới cái lớn nhất, từ hạt cát tới mặt trời, từ một sinh vật nguyên sinh (gồm chỉ một đơn bào sống) tới con người, luôn luôn ở trong trạng thái đang phát sinh và đang tiêu diệt, trong một dòng chảy đổi thay liên tục, trong một trạng thái chuyển động và đổi thay không ngừng.*"

- *Lượng biến chất biến*: Engels dùng khoa học tự nhiên với những ví dụ đơn sơ như nước đun sôi biến thành hơi nước và sự tiến hóa nhảy vọt từ loại này sang loại khác, như từ vượn lên người (*thuyết tiến hóa của Darwin*) vv... để chứng minh nếu lượng (*quantity*) tăng, tăng mãi sẽ đến lúc biến thành chất (*quality*). Sự biến đổi này là một đột biến, không phải ngẫu nhiên mà theo quy luật thiên nhiên, do tích lũy kết quả nhiều đổi thay từ từ không cảm thấy được chất chứa lại mà thành.

- *Mâu thuẫn nội tại*: là định luật quan trọng nhất. Lênin nói: *"Biện chứng, có nghĩa là sự nghiên cứu mâu thuẫn trong chính bản chất tinh túy của sự vật."* Người ta thường nói nhìn sự vật bằng con mắt biện chứng tức là nhìn cái gì cũng thấy hai khía cạnh tương phản của nó, mặt tích cực và mặt tiêu cực.

Stalin viết: *"Biện chứng pháp cho rằng tiến trình phát triển từ cái thấp hơn tới cái cao hơn xảy ra không phải như một diễn biến hài hòa của các hiện tượng mà như sự bộc lộ của những mâu thuẫn nằm sẵn trong các sự vật và hiện tượng, như là "sự đấu tranh" giữa những xu hướng đối nghịch đang hoạt động trên nền tảng của những mâu thuẫn đó."*

Chủ nghĩa Marx cho rằng trong sự vật và hiện tượng luôn luôn sẵn có mâu thuẫn như thế nên đấu tranh là luật tự nhiên không thể tránh và từ đó phát xuất cuộc đấu tranh giai cấp.

* *Duy vật lịch sử* chia lịch sử nhân loại làm 5 thời kỳ: cộng sản nguyên thủy, nô lệ, phong kiến, tư bản và cuối cùng là cộng sản (chuyên chính vô sản).

Chế độ cộng sản nguyên thủy phát triển đã mang sẵn

trong mình cái mầm mâu thuẫn và một chế độ khác tốt đẹp hơn từ cái mầm đó mà phát sinh là chế độ nô lệ.

Stalin viết: *"Ngày nay trong những điều kiện xã hội hiện tại, nhìn lại ta thấy chế độ nô lệ là phi lý, nhưng trong hoàn cảnh lịch sử lúc ấy, nó là hiện tượng tự nhiên của thiên nhiên có thể hiểu được, vì nó tượng trưng cho một bước tiến hơn so với chế độ cộng sản nguyên thủy."*

Stalin tiếp tục nói về các chế độ kế tiếp cũng tương tự như vậy với chủ ý diễn tả định luật mâu thuẫn và định luật biến chuyển luôn theo đà tiến về phía trước của phép biện chứng duy vật. Áp dụng các định luật này vào việc tìm hiểu mọi biến chuyển của xã hội loài người sẽ nhận thức chính xác hơn về các hiện tượng lịch sử. Điều quan trọng là trong mỗi biến chuyển bao giờ cũng có tình trạng nhảy vọt từ lượng lên chất. Do đó cần phải làm cách mạng, chứ không chấp nhận cải lương (cải cách từ từ). Stalin viết: "Do đó, sự quá *độ* (*sự chuyển tiếp*) *từ tư bản chủ nghĩa đến xã hội chủ nghĩa và giải phóng giai cấp công nhân khỏi ách tư bản chủ nghĩa không thể thực hiện bằng những thay đổi từ từ chầm chậm, bằng những cải cách, mà chỉ có thể thực hiện bằng một thay đổi về chất của chế độ tư bản, nghĩa là bằng cách mạng. Vì vậy, để khỏi lạc đường trong chính sách, cần phải làm cách mạng, chứ không phải cải cách."*

Trong *Tuyên Ngôn Cộng Sản*, Marx viết: "*Bạo lực là bà đỡ của cách mạng*" và sau này Mao Trạch Đông phỏng theo: "*Quyền lực phát xuất từ họng súng*." Engels cũng nói: "*Không có vũ khí phê phán nào thay thế được sự phê phán bằng vũ khí*."

Đó là dòng tư duy xuyên suốt từ mâu thuẫn nội tại tới

đấu tranh giai cấp, đấu tranh cách mạng theo luật lượng biến chất biến nhảy vọt và cách mạng bạo lực.

Stalin giải thích rõ hơn về tính chất và nhu cầu của đấu tranh giai cấp: "*Nếu sự phát triển xuất phát bằng cách bộc lộ những mâu thuẫn nội tại, bằng cách va chạm, xung đột giữa những lực đối kháng trên căn bản của những mâu thuẫn đó, và như thế, để lướt thắng những mâu thuẫn, thì đã rõ cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là một hiện tượng hoàn toàn tự nhiên và không thể tránh*."

Tóm lại, theo các nhà duy vật, đấu tranh giai cấp bằng cách mạng bạo lực là lẽ tất yếu. Đấu tranh giai cấp là cuộc chiến giữa hai giai cấp tư bản và vô sản nên bắt buộc là cuộc chiến mang tính toàn cầu vì giai cấp hiện diện ở mọi quốc gia. Đấu tranh giai cấp cũng là cuộc chiến trường kỳ vì chỉ chấm dứt khi chế độ Tư Bản hoàn toàn bị thủ tiêu để hình thành chế độ Cộng Sản trên toàn thế giới.[2] Đó là cuộc chiến ý thức hệ, bắt nguồn từ bản chất ý hệ Mác Xít.

2. Chiến lược và sách lược đấu tranh.

Xác định đấu tranh giai cấp là tất yếu, nhưng Marx cho rằng cách mạng vô sản chỉ có thể bùng nổ ở những nước tư bản công nghiệp cực thịnh, trong đó giai cấp vô sản chiếm đại đa số. Tại những nước này, giai cấp vô sản trở thành lực lượng áp đảo sẽ đánh bại và tiêu diệt giai cấp tư sản để nắm quyền độc tôn gọi là "*chuyên chính vô sản*".[3] Giai cấp vô sản - *proletariat, theo Mác, là giới công nhân không có tài sản,* nhất là không có phương tiện sản xuất và chuyên chính vô sản là nền thống trị độc tôn của giai cấp đó.

Nhưng Lênin lại muốn thực hiện cách mạng vô sản tại Nga - một nước chưa đạt mức phát triển cao về công nghiệp.

Như thế, nếu chỉ dựa vào riêng giai cấp công nhân để tiến hành cách mạng chắc chắn sẽ thất bại. Nhìn vào thực tế xã hội Nga đầu thế kỷ 20, Lênin giải thích chữ *proletariat* theo nghĩa rộng hơn gồm cả giới quân nhân phần đông là nông dân cho nên trước tháng 4-1917, Lênin từng chủ trương liên minh công nông chống tư sản.

Sau đó, trong những văn kiện đưa ra vào các tháng 4, 7, 8-1917 được Stalin trưng dẫn trong ***Stalin tuyển tập***, Lênin đã thu hẹp từ *nông dân* thành *bần cố nông*.

Tuy nhiên, theo trích dẫn của Stalin, định nghĩa về "*chuyên chính vô sản*" của Lênin vẫn không rời xa định nghĩa của Marx: "*Nếu chúng ta dịch từ Latinh có tính khoa học - triết lý - sử học "dictature du proletariat"sang ngôn ngữ đơn giản thì nó chỉ có nghĩa như sau: Chỉ có một giai cấp nhất định, là giai cấp của công nhân thành thị, và công nhân công nghiệp nói chung, có khả năng lãnh đạo nhân dân lao động và những người bị áp bức bóc lột trong cuộc đấu tranh nhằm giải phóng họ khỏi ách thống trị của tư bản, trong tiến trình lật đổ này, trong cuộc đấu tranh để duy trì và củng cố chiến thắng, trong công cuộc tạo lập một hệ thống xã hội mới, hệ thống xã hội xã hội chủ nghĩa, trong cuộc đấu tranh toàn bộ nhắm xóa bỏ hoàn toàn các giai cấp.*"[4]

Trên thực tế, Lênin từng đưa ra một định nghĩa về "*chuyên chính vô sản*" hơi khác: "*Chuyên chính vô sản là một hình thức liên minh đặc biệt giữa giai cấp vô sản (proletariat) là đội tiền phong của nhân dân lao động và nhiều giai tầng nhân dân lao động khác không phải vô sản (như tiểu tư sản, các tiểu chủ, nông dân và trí thức, vân vân...), hoặc đa số những tầng lớp này. Đó là một sự liên minh chống tư bản, một*

liên minh nhắm đánh đổ hoàn toàn tư bản, nhắm dẹp bỏ hoàn toàn sự chống đối của giới tư sản và bất cứ cố gắng nào của giai cấp này nhằm tự khôi phục, một liên minh nhắm thiết lập và củng cố chủ nghĩa xã hội."[5]

Định nghĩa được gia giảm này có thể hiểu là do yêu cầu của chiến lược và sách lược đấu tranh nhắm thích ứng với hoàn cảnh thực tế của từng giai đoạn. Tuy nhiên, ngay trong gia giảm đã có sự xác định rõ vai trò lãnh đạo không hề thay đổi.

Thực tế đòi hỏi phải liên minh với những phần tử hay giai cấp khác, vì giai cấp vô sản không thể tự mình làm nổi cuộc cách mạng, đặc biệt tại một nước nông nghiệp như nước Nga, nhưng giai cấp vô sản (*proletariat*) vẫn là đội tiền phong tức ở vị thế nắm quyền lãnh đạo các lực lượng đồng minh. Mọi phần tử không chịu đặt mình dưới sự lãnh đạo đó phải gạt bỏ, thậm chí thủ tiêu và khi đã toàn thắng, không cần sự hỗ trợ của các thành phần khác thì các thành phần này cũng nằm trong thế bị loại trừ không do dự.

Vai trò nông dân trong xã hội Nga lúc ấy rất quan trọng nên tại đại hội kỳ 2 Đệ Tam Quốc Tế, Lênin đã cho thành lập tổ chức Quốc Tế Nông Dân (*Krestintern*).

Nhưng khai thác thành phần nông dân vẫn chưa đủ tạo sức mạnh cho phong trào cách mạng vô sản nên Lênin lại đưa ra ***đề cương về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thực dân*** nhắm thu phục những dân tộc bị áp bức tại các quốc gia bị trị biến thành lực lượng đồng minh của phong trào.

Stalin đã viết về quyết định này của Lênin như sau: "*Lênin luôn luôn nhắc đi nhắc lại, không có sự liên minh với quần chúng của các dân tộc khác, thì vô sản Nga đã không*

chiến thắng. Trong những bài ông viết về vấn đề dân tộc và trong các đại hội Quốc Tế Cộng Sản, Lênin đã nói đi nói lại rằng thắng lợi của cách mạng thế giới sẽ không thể có, nếu không có liên minh cách mạng giữa vô sản của các nước tiên tiến với các dân tộc bị áp bức của các thuộc địa bị nô dịch."[6]

Như vậy, từ căn bản, vấn đề liên minh không hề đặt trên nền tảng tinh thần đoàn kết giữa các thành phần khác nhau mà chỉ là hành vi cần thiết để giành chiến thắng cho phong trào cách mạng vô sản trong một giai đoạn nào đó. Nói một cách khác, liên minh chỉ là vấn đề sách lược trong đó, giai cấp vô sản luôn nắm quyền lãnh đạo và đấu tranh vì mục đích tiến tới chuyên chính vô sản chứ không vì lợi ích của các dân tộc bị trị cũng như lợi ích của các thành phần giai cấp khác.

Lênin liên minh với nông dân Nga chỉ vì mục đích giành quyền lãnh đạo cho đảng Bolchevick nên sau khi thành công đã lập tức cho dựng những nông trường tập thể và thẳng tay tiêu diệt các thành phần địa chủ, phú nông.

Đây cũng là thực tế diễn ra tại Việt Nam qua trường hợp các Mặt Trận Việt Minh, Mặt Trận Liên Việt, Mặt Trận Tổ Quốc... Hồ Chí Minh kêu gọi tinh thần đoàn kết của các tầng lớp yêu nước để phát triển lực lượng đấu tranh và khi nắm được quyền hành thì lập tức ban bố chính sách cải cách ruộng đất để tiêu diệt địa chủ, phú nông và tất cả những ai dám chống lại đường lối lãnh đạo của đảng, đồng thời cho tổ chức các cấp hợp tác xã theo mẫu mực Liên Xô.

Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng sách lược của Lênin về liên minh và chủ nghĩa dân tộc theo hướng tiến tới thiết lập nền chuyên chính vô sản gom trọn quyền hành trong tay Đảng.

Thực ra tại Việt Nam cũng như tại Liên Xô và các quốc gia Cộng Sản khác, Đảng chỉ là một danh nghĩa được vận dụng bởi một thiểu số lãnh đạo. Do đó, phía sau những tấm bình phong đảng tiên phong, đảng của giai cấp công nhân...chỉ là một nhóm cá nhân thi hành những chính sách cai trị bất chấp quyền lợi của nhân dân, kể cả quyền lợi của chính giai cấp được đề cao trong mục tiêu phụng sự.

Dù vậy, phong trào cách mạng vô sản luôn gắn bó với quan niệm đấu tranh giai cấp phát xuất từ duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Marx, đồng thời luôn trung thành với quan điểm chiến lược sách lược đấu tranh của Lênin và Stalin[7] để triển khai theo chiều hướng *mâu thuẫn nội tại thường trực trong vạn vật là nguồn cỗi đấu tranh bất tận nên mâu thuẫn xã hội giữa giai cấp Tư Bản bóc lột và giai cấp Vô Sản bị bóc lột là nguồn cỗi đấu tranh trường kỳ cho đến khi giai cấp tư bản bị tiêu diệt.*

Phát xuất từ định đề này, mọi khái niệm về chiến tranh hay hòa bình, về phương lược vận động, về đối tượng bạn hay thù vv...của cộng sản hoàn toàn khác biệt so với những khái niệm thông thường.

Trước hết, đấu tranh giai cấp được hình dung như một cuộc chiến toàn diện, thường trực và trường kỳ nên không nhất thiết phải xác định bằng những cảnh súng nổ bom rơi hay đâm chém chết chóc.

"*Chiến tranh là kế tục của chính trị bằng những phương tiện khác*" và "*Hòa bình là kế tục của chiến tranh bằng những phương tiện khác.*"

Định nghĩa ấy của Von Clausewitz, thày của Frederick Engels, trong khái niệm *toàn bộ chiến* đã được Cộng sản

áp dụng triệt để trong việc theo đuổi mục tiêu cuối cùng và tối cao của đấu tranh giai cấp là "*tiêu diệt hoàn toàn giai cấp tư sản*". Đó là chiến lược tổng quát soi sáng và giữ vững tính chất nhất quán cho mọi chiến lược giai đoạn cùng các sách lược cần thiết chiếu theo hoàn cảnh thực tế khác biệt trong từng thời kỳ.

Trong tác phẩm ***Những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin,*** Stalin phân biệt chiến lược tổng quát là chiến lược chung cho toàn bộ cuộc đấu tranh giai cấp còn chiến lược giai đoạn là những chiến lược cụ thể hơn cho các giai đoạn tương đối dài và lớn. *Trong chiến lược cụ thể lại gồm nhiều sách lược giai đoạn, tùy thuộc những điều kiện thực tế của từng thời kỳ* tương đối ngắn hơn. Chiến lược giai đoạn hay sách lược đấu tranh giai cấp luôn được hình dung như một cuộc chiến nên luôn đòi hỏi sự xác định mục tiêu, sứ mạng, địa hình địa vật, kế hoạch bố trí lực lượng... và nhất là 3 yếu tố ta, thù, bạn.

Trong chiến lược tổng quát, mục tiêu cuối cùng và sứ mạng bất di bất dịch của cuộc chiến là tiêu diệt tư bản nên khái niệm về *ta, thù* và *bạn* đã hoàn toàn sáng tỏ. *Ta* là giai cấp vô sản, *thù* là giai cấp tư sản và tất cả những ai ủng hộ nó, còn *bạn* là những ai thuộc các giai cấp khác chịu đứng chung và ủng hộ giai cấp vô sản.

Nhưng trong các chiến lược giai đoạn và sách lược vắn hạn, khái niệm này trở nên bất định và vô cùng phức tạp. Tùy theo tình hình thế giới và tình hình địa phương, tùy theo "*cao trào* hay *thoái trào cách mạng*", khái niệm về *bạn và thù* sẽ thay đổi, kẻ thù chính có thể trở thành kẻ thù phụ, thậm chí có khi tạm trở thành bạn.

Trên thực tế, đối với Liên Xô, có lúc Đức là kẻ thù chính khi Liên Xô cần liên minh với Anh - Pháp, có lúc Đức lại trở thành bạn khi do tình hình biến chuyển Liên Xô cần liên minh với Đức chống Anh - Pháp.

Qua sách lược vận động cách mạng Nga tháng 10/1917, theo trưng dẫn của Stalin trong ***Thư gửi đồng chí S. Pokrovsky,*** ban đầu đảng Bolshevik nêu khẩu hiệu "*chuyên chính của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân - the peasantry*", nhưng sau đó lại đổi thành "*chuyên chính của giai cấp vô sản và giai cấp bần cố nông - the poorest strata of peasantry*". Như vậy, chỉ riêng trong giai đoạn đó thôi, một bộ phận nông dân đã bị gạt ra ngoài cái "*ta*" tức vừa là bạn đã trở thành thù..

3. Vai trò lãnh đạo của Đệ Tam Quốc Tế

Do tính toàn cầu của đấu tranh giai cấp, năm 1864 Marx và Engels lập nên một tổ chức chung cho mọi quốc gia, khởi sự từ các nước công nghiệp châu Âu, với tên gọi là Liên Minh Công Nhân Quốc Tế tức Đệ Nhất Quốc Tế. Danh từ *Quốc Tế* bắt nguồn từ đó.

Năm 1889, sáu năm sau khi Marx mất, tổ chức Đệ Nhị Quốc Tế tức Liên Minh Quốc Tế Các Đảng Xã Hội ra đời với đường lối xã hội chủ nghĩa ôn hòa, áp dụng những phương pháp đấu tranh hợp pháp.

Lênin chê Đệ Nhị Quốc Tế đi lạc hướng cách mạng bạo lực do Marx chủ trương nên sau khi thành công trong việc cướp chính quyền ở Nga năm 1917 đã thành lập Đệ Tam Quốc Tế vào tháng 3/1919, thường gọi là Quốc Tế Cộng Sản - Komintern hay Comintern, Communist International.

Từ đó, cùng với chính quyền Liên Bang Xô Viết, Đệ Tam Quốc Tế đặt trụ sở ở Moscow trở thành tổng hành dinh của phong trào cộng sản thế giới.

Dựa vào những thành quả đạt được ở Nga, Lênin đẩy mạnh việc lãnh đạo, điều hành tổ chức này theo đường lối riêng tuy vẫn khẳng định theo đúng chủ nghĩa Marx và luôn trưng dẫn luận điểm của Marx về cách mạng bạo lực và chuyên chính vô sản.

Trong tác phẩm ***Nhà Nước và Cách Mạng***, Lênin viết: "*Thuyết đấu tranh của Mác về nhà nước và cách mạng xã hội chủ nghĩa đương nhiên đưa đến thừa nhận sự thống trị của giai cấp vô sản và sự chuyên chính vô sản....Chỉ những ai thừa nhận chuyên chính vô sản và sau khi đã thừa nhận đấu tranh giai cấp mới thực sự là người Mác-xít.*"[8] Cũng từ đây, chủ nghĩa cộng sản được gọi bằng cái tên Mác xít - Lêninít.

Đệ Nhất Quốc Tế và Đệ Nhị Quốc Tế gần như chỉ có ảnh hưởng hạn chế trong phạm vi Âu Châu và không dành được quyền lực ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới nên chỉ còn là những dấu tích mờ nhạt trong quá trình vận động phát triển của chủ nghĩa Cộng Sản.

Đệ Tam Quốc Tế được chính quyền Liên Xô yểm trợ tối đa về mọi phương diện và chào đời giữa lúc Cách Mạng Vô Sản Nga đang đặc biệt cuốn hút sự lưu tâm của những người đấu tranh ở khắp nơi nên mau chóng phát triển ảnh hưởng tới nhiều quốc gia, nhất là các quốc gia bị trị tại Đông Nam Á.

Năm 1935, khi tổ chức đại hội kỳ 7 tại Mạc Tư Khoa, Đệ Tam Quốc Tế đã quy tụ 76[9] đảng cộng sản trên 5 lục địa, trong đó có những đảng chưa nắm được chính quyền

cũng có cả triệu đảng viên như Nam Dương ở Á châu và Ý ở Âu châu.

Theo nội quy Đệ Tam Quốc Tế, đảng cộng sản của bất kỳ quốc gia nào đều chỉ là một chi bộ của Đệ Tam Quốc Tế, phải triệt để tuân thủ mọi điều lệ của tổ chức này[10] trong đó, *điều 14* đòi các đảng thành viên phải đặt dưới sự kiểm soát của đảng Cộng Sản Nga, phải triệt để ủng hộ các cộng hòa Xô Viết mà sau năm 1922 đã trở thành Liên Bang Cộng Hòa Xã Hội Xô Viết, và *điều 16* quy định mọi đảng cộng sản chỉ là chi nhánh của một đảng toàn cầu duy nhất là Quốc Tế Cộng Sản hay QT3.

Trên thực tế, Đệ Tam Quốc Tế hay Quốc Tế Cộng Sản do Lênin thành lập và hoạt động với phương tiện của Liên Xô nên ngay từ ban đầu đã mặc nhiên đồng hóa với Liên Xô. Liên Xô không những được coi là thành trì Cách Mạng Vô Sản mà còn giữ vai trò đầu não quyết định mọi phương hướng tiến lui cho tất cả các đảng Cộng Sản trên thế giới. Vì thế, ảnh hưởng và quyền lực của Đệ Tam Quốc Tế đối với tất cả các đảng Cộng Sản trên thế giới chính là ảnh hưởng và quyền lực của giới lãnh đạo Liên Xô, cụ thể là Lênin và người kế vị, Stalin, từng được mệnh danh là nhà độc tài áo đỏ - để phân biệt với nhà độc tài áo đen Mussolini và nhà độc tài áo nâu Hitler.

Nói một cách khác, trong khi hết thảy các đảng cộng sản trên thế giới phải tuân thủ mọi điều lệ của Đệ Tam Quốc Tế, phải chấp hành mọi chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế thì người đề ra các điều lệ và ban bố mọi chỉ thị chính là Lênin và sau đó là Staline. Trong tình huống này, mọi điều lệ và chỉ thị đương nhiên phải đặt quyền lợi của Liên Xô

lên hàng đầu và phải phản ảnh trung thực mọi quan điểm của Lênin và Staline.

Cụ thể là bản ***Luận cương về chủ nghĩa dân tộc và các vấn đề thuộc địa*** của Lênin đã trở thành nền tảng định hướng cho mọi hoạt động của Đệ Tam Quốc Tế từ khi xuất hiện và kể từ đại hội kỳ 7 năm 1935, Đệ Tam Quốc Tế đã coi tất cả những người tán thành đường lối của Trotski là kẻ địch phải tận diệt, chỉ vì Trotski chống lại Stalin.

Cụ thể hơn nữa là việc Stalin đơn phương quyết định giải tán tổ chức này vào tháng 6-1943 khi Liên Xô cần được Đồng Minh viện trợ để chống lại sức tấn công của Đức. Trước thái độ nghi ngại của Mỹ về hiểm họa Cộng Sản, việc giải tán Đệ Tam Quốc Tế đã được đặt ra và quyết định tức khắc bởi Stalin, dù ban lãnh đạo của tổ chức gồm nhiều thành viên mang các quốc tịch khác trên khắp thế giới.

Thực ra, việc giải tán chỉ là một thủ đoạn thay hình đổi dạng nhưng điều quan trọng là các thành viên khác chỉ có thể tham gia bằng cách tuân thủ quyết định của Stalin nhắm bảo vệ trước hết quyền lợi của riêng Liên Xô.

Với Liên Xô, Đệ Tam Quốc Tế đơn thuần là một tổ chức công cụ trực thuộc quyền điều động của Stalin, nhưng với tất cả các đảng Cộng Sản hoặc các quốc gia Cộng Sản khác, Đệ Tam Quốc Tế luôn luôn là một cơ quan chỉ đạo tối cao, ngoại trừ Nam Tư tách khỏi tổ chức này từ năm 1948.

Cho nên, ngoại trừ Nam Tư, mọi đảng Cộng Sản hoặc các quốc gia Cộng Sản trên thế giới đều phải trung thành với bản nội quy của Đệ Tam Quốc Tế, tự đặt mình dưới quyền kiểm soát của đảng Cộng Sản Nga và trung thành với tư cách một chi nhánh của Đệ Tam Quốc Tế.

Đảng Cộng Sản Việt Nam không thể vượt khỏi tình trạng này nên mới có lời dẫn giải của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam được Trần Văn Giàu ghi lại như sau: *"Cách mạng này là một phần của cách mạng thế giới. Mà cách mạng thế giới là gì thì không phải là đã hiểu rõ, đã nhất trí. Chánh thức được Nguyễn Ái Quốc trình giảng thì đó là cách mạng vô sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh đổ tư bản chủ nghĩa; chế độ tư bản đế quốc là chế độ sinh ra chế độ thực dân. Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc thực dân tức là đánh tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó có qui mô thế giới mà cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận. Cách mạng Việt Nam được sự ủng hộ của cách mạng thế giới, và cách mạng Việt Nam góp phần vào cuộc cách mạng thế giới đó."*

4. Võ khí chính trong chiến tranh ý hệ: Tuyên truyền

Ý hệ Mác Xít là một hệ thống ý tưởng vừa mang tính xã hội, vừa mang tính chính trị thời đại. Chủ trương chiến tranh hay đấu tranh giai cấp nằm trong nội dung ý hệ này.

Trái lại không có một ý hệ tư bản. Tư bản chỉ có một hệ thống các biện pháp kinh tế. Vì vậy cuộc chiến ý hệ đúng ra chỉ là cuộc chiến do cộng sản chủ xướng và phía tư bản chỉ tiến hành chiến tranh tự vệ khi bị tấn công - dù thường được hiểu sai theo cộng sản tuyên truyền, là cuộc chiến giữa ý hệ tư bản và ý hệ cộng sản.

Cao nhất trong ý hệ Mác Xít là *Niềm Tin giai cấp vô sản sẽ toàn thắng* và lên nắm quyền chuyên chính khởi từ xác quyết đây là quy luật tất yếu của lịch sử. Niềm Tin không gì lay chuyển này đương nhiên phải tràn lan khắp nơi theo tiến trình chuyển hóa lịch sử như đã được thể hiện bằng sự tràn lan của ý niệm nô lệ thay cho cộng sản nguyên thủy, ý niệm tư bản thay cho phong

kiến, v.v. Nhưng thay vì chờ đợi sự chuyển hóa tiệm tiến theo thời gian, Cộng Sản chủ trương thúc đẩy diễn trình chuyển hóa bằng đấu tranh cách mạng tức tiến hành đấu tranh *truyền bá tràn lan* ý niệm và niềm tin đặt vào nền chuyên chính vô sản. Vì đấu tranh cách mạng là cuộc chiến ý hệ hay đấu tranh truyền bá tràn lan ý niệm và niềm tin nên võ khí và phương pháp tiến hành chiến tranh không thể sở cậy riêng vào súng đạn mà phải vận dụng nhiều hình thức hoạt động khác theo một cách thế hòa nhịp tuyệt hảo để đạt hiệu quả truyền bá sâu rộng khắp nơi ý niệm và niềm tin trên. Do đó mới nói *"tuyên truyền phát xuất từ bản chất chiến tranh ý thức hệ của cộng sản"*.

Vì võ khí chính để dùng ý tưởng đối chọi ý tưởng là tuyên truyền. Ý tưởng nào chinh phục được đối tượng sẽ giành phần thắng nên cần tranh đua tạo nên những ý mạnh đủ sức chinh phục đối tượng. Ý mạnh có thể vì bản chất nó mạnh, nhưng cũng thường chỉ vì được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, dưới nhiều hình thức khác nhau, dĩ nhiên, với một sự hòa nhịp có kỹ thuật, nghệ thuật. Đó là nghệ thuật tuyên truyền tuyệt diệu trong cái gọi là Orchestration của những nhà tuyên truyền trứ danh.[11]

Tuyên Ngôn Cộng Sản lần đầu tiên xuất hiện như một kiệt tác tuyên truyền, làm rúng động thế giới một thời. Đây là tiếng pháo lệnh mở đầu cho hàng hàng lớp lớp những ý tưởng xông lên tiến công vào thành quách Tư Bản chủ nghĩa, là nguồn cảm hứng, là động lực cho mọi hoạt động tuyên truyền từ đó tới khi bức tường Bá Linh sụp đổ.

Cách mạng tháng 10 ở Nga, cách mạng tháng 8 ở Việt Nam, hay những trận Điện Biên, trận tổng công kích Tết Mậu Thân... đều mang dấu ấn của nó. Có thể nói tuyên ngôn cộng sản là khởi điểm cho một chiến dịch tuyên truyền bất tận được tiếp nối bằng toàn bộ công trình bao gồm nhiều mặt hoạt động của các lãnh tụ cộng sản sau này từ Lênin, Stalin, đến Mao Trạch Đông...

Trong hồi ký ***Khrutshchev Remembers***, lãnh tụ Liên Xô Khrutshchev khen Hồ Chí Minh là "*tông đồ*" nhiệt thành của chủ nghĩa Cộng Sản.[12] Sứ mạng của tông đồ là truyền bá đức tin như hết thẩy đã biết qua việc Chúa Giêsu chọn 12 tông đồ rao giảng về Ơn Cứu Độ để truyền bá đạo Chúa ra khắp thế giới . Truyền bá đức tin theo tiếng Latinh là *De Propagande Fide*. Hai chữ *tuyên truyền* có nguồn gốc là chữ *Propagande* này.

Tuyên truyền không cần tới bom đạn mà chỉ cần ý niệm biểu lộ qua lời nói, hay bất cứ hình thức chuyển ý nào khác.

Vận dụng võ khí tuyên truyền không đòi hỏi điều kiện tốn kém về trang bị, không đòi hỏi hình thành những mặt trận rõ ràng, không đòi hỏi phải có những đạo quân võ trang hùng hậu... đặc biệt là không cần chém giết nhưng lại thâu hoạch thành quả có thể vượt xa mọi tầm mức của những trận đánh bằng bom đạn.

Vận dụng võ khí tuyên truyền chỉ đơn giản là chuyển đạt ý mình sang đối phương để ảnh hưởng tới ý tưởng, tâm tư, tình cảm và quyết định của đối phương hầu trực tiếp hoặc gián tiếp buộc đối phương làm theo ý mình như khái niệm về giành đoạt mục tiêu trong chiến tranh của Clausewitz.

Vận dụng võ khí tuyên truyền không chỉ tiêu hao binh lực đối phương mà phá vỡ toàn bộ hoạt động của đối phương bằng lũng đoạn, khuynh đảo, thao túng, xách động ngay trong nội bộ đối phương theo chiều hướng dồn ép tới thế tự sụp đổ.

Vận dụng võ khí tuyên truyền còn mở ra những trận đánh trường kỳ liên tục biến hóa khôn lường tùy hoàn cảnh thực tế và vô cùng đa dạng vì có thể khai thác mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội, học đường, thông tin, nghệ thuật ...

Ba yếu tố chủ yếu trong vận dụng võ khí tuyên truyền là *lý tưởng* hay *chính nghĩa*, *biểu tượng* và *thần tượng*.

Về *lý tưởng*, tuyên truyền nhắm truyền bá và củng cố nơi các đối tượng một niềm tin tuyệt đối vào chính nghĩa Cách Mạng

Vô Sản hay đấu tranh giai cấp với mục tiêu cuối cùng bất di bất dịch là tiêu diệt tư bản để tiến tới vô sản chuyên chính trên toàn thế giới. Nhưng vì cuộc chiến gồm nhiều giai đoạn chiến lược nên tùy thời điểm, tùy cao trào hay thoái trào, có những lúc cần che giấu lý tưởng Cách Mạng Vô Sản bằng cách trưng ra những chiêu bài thích ứng với thực tế giai đoạn như Đoàn Kết Dân Tộc, Bảo Vệ Tự Do, Tranh Thủ Độc Lập vv ... theo đúng sách lược Lênin - *đường đi tới Paris phải qua ngả Bắc Kinh*. Cụ thể là trước những đám đông quần chúng đang khao khát dành chủ quyền độc lập *hãy khoan nói đến tiêu diệt tư bản, khoan nói đến chuyên chính vô sản mà chỉ nói chống thực dân, đế quốc, giải phóng dân tộc*. Giải phóng dân tộc rồi thì lực lượng vô sản lớn thêm lên trong khi thực dân đế quốc yếu đi và lúc đó sẽ nhắm tới tư bản.

Nói cách khác, tuy lý tưởng là bất di bất dịc h, nhưng cần linh hoạt thu hút quần chúng đi theo Đảng để tạo sức mạnh tranh thủ quyền lực cho Đảng, rồi sau đó sẽ củng cố quyền lực của Đảng để tiến tới chuyên chính độc tôn.

Biểu tượng là hình ảnh tượng trưng cho chính nghĩa đồng thời cũng là một lời nhắc nhở để vừa nhìn thấy là nhớ ngay mục tiêu phải nhắm, công tác phải làm và thái độ phải có. Biểu tượng của đấu tranh giai cấp là hình ảnh búa, liềm và màu đỏ theo quốc kỳ Liên Xô cũng là đảng kỳ của các đảng cộng sản. Tương tự như lý tưởng luôn được viện dẫn, cổ võ với mọi đảng viên, biểu tượng luôn luôn xuất hiện trong mọi dịp sinh hoạt nội bộ.

Nhưng cũng như lý tưởng, đối với các đám đông quần chúng chưa sẵn sàng chấp nhận Cách Mạng Vô Sản hoặc trong những trường hợp hướng nhắm của quần chúng hoàn toàn khác biệt với mục tiêu của Cách Mạng Vô Sản, biểu tượng có thể cần phải che lấp bằng những hình ảnh biểu tượng khác.

Chính vì thế tại Việt Nam cho đến năm 1975, biểu tượng búa liềm gần như chỉ xuất hiện trong các sinh hoạt nội bộ Đảng Cộng Sản .

Yếu tố thứ ba không kém phần quan trọng là *thần tượng*. Trong mọi tôn giáo, thần tượng chiếm ví trí hàng đầu. Cộng sản là một chủ nghĩa độc tôn, một thứ tôn giáo vô thần nên cũng phải có thần tượng.

Thần tượng số một của Cộng Sản là Marx với vị thế của đấng sáng tạo chỉ đường vạch hướng cho nhân loại. Nhưng để mỗi bước đi của mọi người luôn theo đúng đường hướng đã được chỉ vạch lại cần có những vị thần dắt dẫn.

Những vị thần này chính là lãnh tụ của các đảng Cộng Sản như Lênin, Stalin, Mao Trạch Đông, Titô, Hồ Chí Minh. Tuy những vị thần này không thể sánh ngang với Marx, nhưng cũng là những thần tượng được tuyệt đối tôn sùng.

Trên thực tế, những thần tượng này còn được nhắc nhở nhiều hơn so với Marx vì tương quan gắn bó với mọi hoạt động đấu tranh diễn ra trước mắt. Marx chỉ tượng trưng cho chủ nghĩa Cộng Sản nên dù được đặt ở vị thế tối cao vẫn không thể quan trọng bằng những thần tượng có vai trò trực tiếp quyết định sự thành bại cho các phong trào đấu tranh.

Thần tượng không chỉ là hình ảnh tượng trưng để những thành viên của phong trào bày tỏ thái độ kính ngưỡng mà còn là lợi khí thu phục nhân tâm đối với các đám đông quần chúng.

Trong thực tiễn đấu tranh, sức hút của lý tưởng nhiều khi không thể sánh ngang sức hút của người lãnh đạo đấu tranh nên với vai trò tượng trưng cho phong trào, các thần tượng loại này không những trở thành bất khả xâm phạm mà còn được tô vẽ bằng mọi màu sắc, hình ảnh tuyệt vời.

Với cuốn sách mỏng ***Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Tịch*** dưới bút danh Trần Zân Tiên, điêu khắc gia họ Hồ đã phác họa những nét chính và khởi công tạo nên một bức tượng làm lợi khí sắc bén cho mặt trận tuyên truyền của Cộng sản Việt Nam.

Theo luật lượng biến chất biến và đột biến của duy vật biện chứng, hiệu quả tuyên truyền sẽ là tất yếu sau quá trình lập lại liên tục những lời lẽ diễn tả một điều nào đó, dù là không có thật - *nhiều lời trở thành lời hay, lập lại nhiều lần thì không sẽ thành có*. Quy luật biện chứng duy vật này cũng phù hợp với quy luật tâm lý thực nghiệm *"phản ứng điều kiện"* của thuyết Pavlov và được áp dụng triệt để vào tuyên truyền.

Tuyên truyền được coi là võ khí chủ yếu trong tiến hành đấu tranh nên cũng là vấn đề được đặc biệt quan tâm trong hoạt động của mọi đảng Cộng Sản.

Đệ Tam Quốc Tế lập hẳn một bộ phận chuyên trách về tuyên truyền là Ủy Ban Tuyên Truyền Quốc Tế trong khi tổ chức chính quyền của mọi quốc gia Cộng Sản đều có Bộ Tuyên Truyền và tuyên truyền trở thành một bộ môn nghiên cứu, huấn luyện để tiếp tục nâng cao hiệu quả.

Trong tác phẩm ***Il est moins cinq***, nữ sĩ Suzanne Labin đã cho thấy mức tập trung nỗ lực của khối Cộng Sản vào tuyên truyền qua nhiều sự việc và những con số cụ thể.

Theo Suzanne Labin, trong thập niên 1950, kinh phí hàng năm dành cho tuyên truyền của Liên Xô là 2 tỷ mỹ kim và số nhân viên chuyên trách về tuyên truyền là nửa triệu.

Tại Mexico, một xứ 30 triệu dân trong đó chỉ có khoảng 10 ngàn người tham gia đảng Cộng Sản và tại Quốc Hội chỉ vỏn vẹn có một dân biểu, một nghị sĩ Cộng Sản, nhưng Cộng Sản Mexico đã cho xuất bản 7 tờ nhật báo bên cạnh một số tuần báo và báo định kỳ khác. Đó là chưa kể nỗ lực xâm nhập 2 tờ nhật báo lớn *Novedales* và *Excelsior*.

Về phát thanh, Hoa Kỳ nổi tiếng có nhiều đài phát thanh nhất thế giới, nhưng theo Suzane Labin, thời lượng thông tin của Hoa Kỳ cuối thập niên 1950 không bằng một phần tư thời lượng phát thanh tuyên truyền của Liên Xô.

Các đài Liên Xô còn đồng loạt thực hiện các chương trình phát thanh bằng tiếng Pháp nhắm vào các xứ thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi liên tục tấn công chế độ thực dân trong khi Pháp không có một chương trình nào để đối phó.

Theo Leland Stowe, "*năm 1956, Trung Cộng đã bịt miệng một tờ nhật báo chống cộng ở Miến Điện bằng cách dúi cho ông chủ báo một mối lợi lớn: cho ông gia nhập công ty thương mại béo bở của họ ở Đông Phương. Họ cũng làm như thế với nhiều chủ báo khác và đến cuối năm Miến Điện đã có 5 tờ báo thân cộng*" .[13]

Douglas Pike cho biết năm 1935, Cộng Sản Việt Nam ấn hành đều đặn 30 tờ báo.

Võ khí tuyên truyền trở th ành võ khí chiến lược hàng đầu của đấu tranh giai cấp trước hết vì giai cấp vô sản không thể có võ khí tối tân như giai cấp tư bản.

Do đó, để đương đầu với kẻ địch được trang bị đầy đủ chỉ có thể sở cậy vào lời nói là thứ võ khí luôn có sẵn. Sử dụng võ khí này lại luôn luôn ở vị thế tấn công tức là nắm vững quyền chủ động, đồng thời có thể mở những trận đánh kéo dài vô tận ở bất kỳ nơi nào, nhắm vào bất kỳ mục tiêu nào được bảo vệ nghiêm mật nhất của địch.

Bom đạn có thể đương đầu với bom đạn nhưng không thể ngăn chặn được dư luận trong khi lời nói có thể tạo những dư luận biến thành áp lực buộc bom đạn phải ngưng tiếng hoặc thúc đẩy một tình trạng phân hóa dẫn đến tan rã trong hàng ngũ địch.

Trong cuộc chiến Việt Nam trước năm 1975, võ khí tuyên truyền được khối Cộng Sản triệt để vận dụng đã thúc đẩy tâm trạng phản chiến ngay trên đất nước Mỹ, tạo thành áp lực dư luận khiến chính giới Mỹ phải từ bỏ cuộc chiến dẫn tới cái kỳ tích là *châu chấu đ á nghiêng xe*.

Riêng trong khuôn khổ cuộc hội đàm Paris, võ khí tuyên truyền được vận dụng dưới nhiều hình thức đã khiến nhiều

thành phần dân chúng, nhiều nhân vật tên tuổi trên thế giới tin rằng Cộng Sản Việt Nam là những người yêu nước, yêu tự do đang đấu tranh bênh vực cho nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam.

Kết quả thực tế mà võ khí tuyên truyền mang lại là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, một công cụ của chính quyền Cộng Sản Hà Nội, đã được ngồi ngang với Mỹ trong bàn hội nghị và đại diện của tổ chức công cụ này là Nguyễn Văn Hiếu được đức Giáo Hoàng đích thân tiếp kiến tại thư viện Vatican.

Trong khi đó, một cán bộ nhân viên ngoại giao tầm thường của Hà Nội là Nguyễn Thị

Bình được báo chí thế giới coi như một yếu nhân chính trị Việt Nam và Lê Đức Thọ đã đạt vinh dự nhận lãnh giải Nobel Hòa Bình ...

Đây là những kết quả không thu hoạch từ bom đạn mà từ *lời nói* với tư cách võ khí tuyên truyền.

Lời nói với tư cách võ khí tuyên truyền không chỉ đơn thuần là ngôn ngữ mà là sự truyền đạt ý tưởng - cụ thể là truyền đạt một dụng ý - bằng vô hạn hình thức từ ngôn ngữ, cử chỉ, hành vi, thủ đoạn, trang phục, phong thái...

Lời nói với tư cách võ khí tuyên truyền là hành vi cắt tóc của Tào Tháo, hành vi ném con của Lưu Bị trong truyện ***Tam Quốc***[14]... và cách chọn y phục của Hồ Chí Minh khi đi gặp tướng Tiêu Văn tại Hà Nội năm 1945 qua lời thuật lại của Võ Nguyên Giáp: "*Bác chỉ định mấy đồng chí cùng đi. Thấy một đồng chí mang dép, Bác bảo về nhà thay giày. Bác nói*:

"Khi nào gặp "người ta", tôi ăn mặc thế nào cứ m ặc tôi, nhưng các chú thì phải cho tề chỉnh".[15]

Từ cuối thập kỷ 1920, mục tiêu của chủ thuyết Cộng Sản, chiến lược sách lược đấu tranh giai cấp, vai trò lãnh đạo của Đệ

Tam Quốc Tế và võ khí tuyên truyền đã trở thành những tác nhân chủ yếu đối với mọi phong trào cách mạng Việt Nam.

Những tác nhân này đã chia lực lượng cách mạng Việt Nam thành hai dòng đối nghịch khơi nguồn cho một cuộc chiến tới nay còn tiếp tục là đề tài tranh cãi về thực chất.

Với một số người, cuộc chiến Việt Nam từ 1945 là cuộc chiến của nhân dân Việt Nam do Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo chống lại các lực lượng ngoại xâm, cụ thể là hai cường quốc Pháp - Mỹ.

Hướng nhìn này xác định mục tiêu rõ rệt của cuộc chiến là giải phóng dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia nên Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam được tuyên dương là anh hùng yêu nước, cha già dân tộc do có công đánh đuổi thực dân đế quốc, thống nhất đất nước.

Nhưng cũng không ít người bác bỏ với nhiều lý do, đặc biệt là sự kiện nhiều triệu người dân Việt Nam đã chấp nhận đương đầu với cả cái chết để thoát khỏi cảnh sống tại quê hương sau khi được giải phóng.

Một chuyên gia về Việt Nam là Duncanson còn quả quyết đảng Cộng Sản Việt Nam không bao giờ là một lực lượng đấu tranh yêu nước mà ngược lại, gần như là một lực lượng chống lại *những người yêu nước đấu tranh chống thực dân - almost anti-anti-colonial.*

Tính phức tạp của cuộc chiến Việt Nam xuất phát từ sự bác bỏ hoặc lượng định khác biệt về dấu ấn Cách Mạng Vô Sản Nga dẫn tới những gắn kết được gán ghép trái ngược với cục diện thế giới đương thời.

Trên thực tế, không thể chối bỏ Cách Mạng Vô Sản Nga đã đặt toàn thế giới vào thế đối đầu do mục tiêu thanh toán giai cấp tư bản để thiết lập chuyên chính vô sản nên từ đó đã khởi diễn cuộc chiến tranh ý thức hệ mang tính toàn cầu giữa các quốc gia Tây Phương với khối Cộng Sản do Liên Xô lãnh đạo.

Bất kể các quốc gia Tây Phương có theo đuổi một ý thức hệ nào hay không, chiến tranh ý thức hệ vẫn hiện hữu do mục tiêu cuối cùng của chủ thuyết Cộng Sản đòi hỏi phải tiến hành mọi nỗ lực chiến tranh từng ngày từng giờ cho tới khi toàn bộ giai cấp tư bản bị tiêu diệt.

Chiến tranh không chỉ tiến hành bằng súng đạn mà bằng mọi phương tiện, không chỉ

nhắm triệt hạ binh lực địch mà nhắm tiêu diệt toàn bộ địch, không chỉ đối đầu với địch ở một lãnh vực nào mà tấn công trên khắp các lãnh vực sinh hoạt...

Chiến tranh không cần lý do, không cần tuyên chiến, bất chấp mọi thái độ kể cả thiện chí hòa bình của kẻ địch vì nằm trong quy luật tất yếu của tiến trình sinh hóa với tính chất thường trực và trường kỳ.

Trong cuộc chiến tranh tất yếu này, hết thảy các phong trào cộng sản trên thế giới đều phải tuân thủ sự chỉ đạo của tổ chức Đệ Tam Quốc Tế, liên kết và hỗ trợ lẫn nhau bằng mọi cách tùy theo vị thế tương quan.

Cho nên Hồ Chí Minh mới xác định "*cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận. Cách mạng Việt Nam được sự ủng hộ của cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam góp phần vào cuộc cách mạng thế giới đó - cách mạng vô sản, cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh đổ tư bản chủ nghĩa*".

Do đó, dù muốn dù không vẫn phải đặt cuộc chiến Việt Nam vào bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn cầu giữa một bên là Cộng Sản và một bên là Tư Bản, theo quan niệm của Cộng Sản, kể cả khi phủ nhận sự hiện diện của một ý thức hệ Tư Bản.

Trong bối cảnh này, mọi cuộc chiến do Cộng Sản chi phối diễn ra ở bất kỳ nơi nào cũng đều không thoát khỏi tính cục bộ của chiến tranh ý thức hệ với mục tiêu giành quyền chuyên chính cho giai cấp Vô Sản - được đại diện bởi đảng Cộng Sản

Nga hoặc chính quyền Liên Xô - dù mang bất kỳ chiêu bài nào.

Bác bỏ tính cục bộ của cuộc chiến Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn cầu là điều bất khả. Vì Hồ Chí Minh đã gia nhập Đệ Tam Quốc Tế từ tháng 12/1920, trở

thành ủy viên Hội Đồng Quốc Tế Nông Dân từ tháng 10-1923, công tác tại Bộ Phương Đông Đệ Tam Quốc Tế từ ngày 14/4/1924 và Cộng Sản Việt Nam đã được chính thức nhìn nhận là một chi bộ của Đệ Tam Quốc Tế từ tháng 3/1931.

Vấn đề còn lại chỉ là thẩm định mức độ dấu ấn của Cách Mạng Vô Sản Nga trong cuộc chiến Việt Nam qua những tiêu điểm về chủ thuyết Cộng Sản, về chiến lược sách lược, về

vai trò chỉ đạo của Đệ Tam Quốc Tế và về sự vận dụng võ khí tuyên truyền.

Mức độ dấu ấn này chính là những tiêu chuẩn định giá vững chắc về con người Hồ Chí Minh đồng thời cũng là lời giải đáp cho hàng loạt nghi vấn đang có.

Chú thích

[1] Trong tác phẩm *Sách Lược Xâm Lăng của CS* của Minh Võ, Saigon, 1963, tác giả đã dành 200 trang tóm tắt những khái niệm này. Ở đây chỉ xin nêu một số điểm hết sức đại cương.

[2] Cả Marx, Engels lẫn Lênin, Stalin đều không nói *đến* một chế độ nào tốt hơn sau chế độ cộng sản, giống như lịch sử loài người đến đó là chấm dứt. Vì nếu theo đúng luật biện chứng thì chế *độ* cộng sản không thể không chứa sẵn trong mình cái mầm mâu thuẫn *để* tự hủy diệt hầu phát sinh cái mới tiến bộ hơn.

[3] Cụ thể là " độc tài đảng trị " (đảng của giai cấp vô sản). Marx dùng tiếng Đức được dịch ra tiếng Anh là " dictatorship of the proletariat ". Bình thường chữ dictator được hiểu là độc tài. Nhưng CSVN và TC muốn gán cho từ đó một ý nghĩa " cao cả " nên đổi thành " chuyên chính ".

[4] *Lênin toàn tập*, tập IX, tr. 432, ghi theo Stalin.

[5] *Lênin toàn tập*, tập XXIV, bản Nga ngữ , tr. 311, cước chú của Stalin.

[6] *Stalin tuyển tập,* bản Anh ngữ - *International Publishers*, New York 1942, tr. 14.

[7] Theo ngôn ngữ Tây Phương như tiếng Nga, Anh, Pháp... thì đó là chiến thuật - tactics . Trung Cộng và CS Việt Nam không dùng từ chiến thuật mà thay bằng từ sách lược có phần chính xác và đầy đủ hơn với khái niệm chiến tranh giai cấp của Marx là cuộc chiến toàn bộ, toàn diện và trường kỳ. Từ chiến thuật chỉ dùng để nói về những phương pháp chiến tranh thuần túy quân sự.

[8] Theo *Di Sản Mác-xít tại Việt Nam* của Đỗ Mạnh Tri, Cali, 2002, tr. 88.

[9] Tại đại hội các đảng cộng sản và công nhân thế giới năm 1960, khi không còn Đệ Tam Quốc Tế nữa, có sự hiện diện của 81 trên tổng số 87 đảng.

[10] Điều lệ này nên trong biên bản hội nghị thứ 11 của ban chấp hành Đệ Tam Quốc Tế, cuối tháng 3 năm 1931, ghi rõ "Hội nghị nhất trí thông qua nghị quyết công nhận đảng Cộng Sản Đông Dương là một chi bộ độc lập của Quốc Tế Cộng Sản" .

Về chi tiết, xin đọc *Bác Hồ Trên Đất Nước Lênin* của Hồng Hà.

[11] Xin xem 2 chương 6-7, *Tâm Sự Nước Non* của Minh Võ, Tiếng Quê Hương, Virginia 2002.

[12] Xem chương 42 phần II.

[13] Về chi tiết khác, xin đọc *Sách Lược Xâm Lăng của CS* của Minh Võ xb tại SàiGòn 1963, 1970, hiện có lưu trữ trong thư viện Quốc Hội Mỹ và các trường đại học Seattle, WA, Cornell, NY, Wisconsin, từ tr. 92- 98.

[14] Trong *Tam Quốc Chí*, Tào Tháo hạ lệnh xử chém bất kỳ binh sĩ nào trên đường hành quân mà có hành vi nhiễu hại dân chúng. Sau khi quân lệnh được ban ra, chính Tào Tháo lại vô tình phóng ngựa làm hư hại một khu ruộng lúa. Tào Tháo gọi hình quan tới luận tội mình. Hình quan không dám luận tội chủ soái nên Tào Tháo dùng gươm cắt đứt mái tóc coi như chính mình đã chịu hình phạt chém đầu.

Phần Lưu Bị thua chạy trong trận Đương Dương, con trai là A *Đẩu* được Triệu Tử Long cứu thoát. Khi Tử Long bồng A Đẩu đưa cho Lưu Bị, Lưu Bị lập tức quăng con xuống đất và la lớn: "Chỉ vì mi mà ta suýt mất một viên đại tướng"

[15] *Những năm tháng không thể nào quên* của Võ Nguyên Giáp, NXB Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội 2001, tr. 87.

Chương 44
Hồ Chí Minh đưa chủ nghĩa Cộng Sản vào Việt Nam

Cho tới nay, khi nhắc về chủ nghĩa Cộng Sản tại Việt Nam, hầu hết đều nghĩ ngay tới Hồ Chí Minh, nhưng Hồ Chí Minh là người đến sau so với rất nhiều người trong hàng ngũ tiên phong truyền bá tư tưởng Cộng Sản tại Việt Nam.

Trên thực tế, từ những năm đầu thập kỷ 1920, chủ nghĩa Cộng Sản đã vào Việt Nam gần như tự do qua sách báo bằng tiếng Pháp, tiếng Hoa giống như các triết thuyết hay học thuyết xã hội khác.

Truyền thống tự do tư tưởng Pháp đã góp phần tạo nên thực tế này, mặc dù chính quyền thực dân thuộc địa không tán thành. Qua nguồn sách báo, một số trí thức Việt Nam thông hiểu ngoại ngữ tiếp xúc với luồng tư tưởng mới này đã tỏ ra ngưỡng mộ tán thành tương tự nhiều nhà trí thức nổi tiếng đương thời trên thế giới.

Chủ nghĩa Cộng Sản xâm nhập lúc đó là chủ nghĩa Marx thuần túy nặng về tư tưởng triết học, cải cách xã

hội qua sách báo tiếng Pháp hoặc qua những tác phẩm có tính nghiên cứu như *Mã Khắc Tư chủ nghĩa, Liệt Ninh chủ nghĩa* của các học giả Trung Hoa Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi...

Xu hướng vận động chuyển hóa theo chủ nghĩa Cộng Sản lúc đó là xu hướng ôn hòa và hợp pháp của phong trào Đệ Nhị Quốc Tế. Vì vậy, những người tiên phong tán thành và truyền bá chủ nghĩa Cộng Sản tại Việt Nam tập trung nỗ lực vào các hình thức đấu tranh tư tưởng trong phạm vi văn hóa xã hội với các hoạt động như viết báo, diễn thuyết, hội thảo...

Những nhân vật đấu tranh nổi tiếng trong thời điểm này như Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường ... đều tỏ ra tin tưởng ở hiệu năng xây dựng xã hội của chủ nghĩa Cộng Sản. Những nhân vật trên đã được phép xuất bản báo để công khai cổ võ cho nguyện vọng cải cách xã hội và truyền bá chủ nghĩa Cộng Sản qua sự hiện diện của các tờ *La Cloche Fêlée, L'Annam* từ 1923 và *La Réssurection, Đuốc Vô Sản, La Lutte*, *Tranh Đấu*... từ 1928...

Nhưng kể từ 1926, tiếng vang lớn của Cách Mạng Vô Sản Nga và sự thắng thế của Đệ Tam Quốc Tế với chủ trương đấu tranh bằng bạo lực bắt đầu giới thiệu một bộ mặt khác hơn của chủ nghĩa Cộng Sản tại Việt Nam.

Lấy tuyên truyền làm võ khí chủ yếu nên Đệ Tam Quốc Tế không coi nhẹ các phương thức vận động đang được mọi người theo đuổi. Tuy nhiên, hướng nhắm của phương thức này không còn đơn thuần là thay đổi quan điểm chính trị của quần chúng mà trực tiếp vận động quần chúng bạo động chống chính quyền.

Do đó, hoạt động xuất bản sách báo, diễn thuyết, hội thảo ... có đích nhắm rõ rệt hơn: vận động tổ chức các hội đoàn bí mật, lôi cuốn quần chúng tham gia đình công, bãi thị, mít tinh, biểu tình đồng thời thúc đẩy nổi dậy và tiến hành khủng bố khi gặp điều kiện thuận lợi.

Chủ nghĩa Cộng Sản không còn thuần túy là một học thuyết xã hội mà là một chủ thuyết đấu tranh. Vì đây là chủ nghĩa Cộng Sản được diễn giải theo quan điểm Đệ Tam Quốc Tế do Lênin thành lập và mang thêm màu sắc tư tưởng Lênin. Nói cách khác, chủ nghĩa Cộng Sản với tính cách chủ nghĩa Marx thuần túy du nhập Việt Nam trước đó đã được thay thế bằng chủ nghĩa Cộng Sản theo quan điểm Lênin với tên gọi chủ nghĩa Mác-Lê. Sự kiện này từng được Trần Văn Giàu nhấn mạnh trong tác phẩm *Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam*, qua lời phát biểu: *"Tạ Thu Thâu chỉ là một phần tử Mác-xít, chứ không phải người Cộng Sản."*

Đệ Tam Quốc Tế được Lênin thành lập năm 1919 và một năm sau đó đã gây được ảnh hưởng tại Pháp với tác động đầu tiên là phân tán đảng Xã Hội Pháp thành hai phe. Cho tới thời điểm trên, đảng Xã Hội Pháp vẫn theo đường lối vận động cải cách xã hội của Đệ Nhị Quốc Tế và Hồ Chí Minh là một trong số 80 người Việt Nam gia nhập đảng này từ đầu năm 1919, sau hai năm định cư tại Pháp.

Trong đại hội thứ 18 của đảng Xã Hội Pháp vào tháng 12-1920 ở thành phố Tours, một số đảng viên tán thành quan điểm của Lênin phê phán Đệ Nhị Quốc Tế đi sai hướng chỉ đạo của Marx nên nêu vấn đề gia nhập Đệ Tam Quốc Tế.

Hồ Chí Minh lúc đó mang cái tên chung Nguyễn Ái Quốc có mặt tại đại hội này đã theo nhóm đảng viên Xã Hội ly khai, bỏ phiếu tán thành gia nhập Đệ Tam Quốc Tế.

Cuối năm 1921, nhóm đảng viên Xã Hội ly khai thành lập đảng Cộng Sản Pháp đặt mình trong phong trào Quốc Tế Cộng Sản dưới sự chỉ đạo của Đệ Tam Quốc Tế. Do sự việc này Hồ Chí Minh được kể là một trong số những đảng viên sáng lập đảng Cộng Sản Pháp.

Trên lý thuyết, chủ nghĩa Cộng Sản Mác-Lênin vẫn tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Cộng Sản của Marx là phát động đấu tranh giai cấp bằng cách mạng bạo lực để tiêu diệt giai cấp tư bản, tiến tới thiết lập chuyên chính vô sản trên toàn thế giới.

Sự khác biệt chỉ nằm trong phương pháp hành động. Theo Marx, điều kiện để phát động đấu tranh giai cấp chỉ có tại các quốc gia công nghiệp phát triển, vì công nghiệp là nguyên nhân chủ yếu hình thành giai cấp vô sản. Công nghiệp càng phát triển, giai cấp vô sản càng đông đảo sẽ tạo thành lực lượng đấu tranh hùng mạnh.

Lênin theo đuổi đấu tranh giai cấp nhưng chủ trương không dựa riêng vào giai cấp vô sản mà dựa vào mọi tầng lớp quần chúng để gây lực lượng. Theo Lênin, cách mạng vô sản chỉ thành công khi có sự hỗ trợ của các giai cấp khác tức là cần tạm thời thỏa hiệp với mọi giai cấp để tạo ra những lực lượng liên minh trong đấu tranh.

Điều kiện thứ nhất để lôi cuốn đối tượng chấp nhận liên minh là nắm vững nguyện vọng của đối tượng.

Điều kiện thứ hai quan trọng hơn là phải luôn giữ quyền chủ động trong liên minh để duy trì tính đấu tranh

liên tục trường kỳ dẫn tới mục tiêu cuối cùng là thiết lập chuyên chính vô sản.

Điều kiện thứ hai tương đối đơn giản vì thu gọn trong phạm vi kỹ thuật tổ chức và điều hành. Điều kiện thứ nhất phải bám theo thực tế nên vô cùng phức tạp vì diễn biến tình hình tại mỗi địa phương, mỗi thời điểm luôn luôn khác biệt.

Lênin đã tìm thế liên minh với giới nông dân để giành quyền lực tại Nga, nhưng cho rằng muốn giành quyền lực trên toàn thế giới, bắt buộc phải liên minh với phong trào đấu tranh chống thực dân tại các quốc gia bị trị.

Vì thế, Lênin mới nêu quan điểm chiến lược là *muốn đi tới Paris phải qua Bắc Kinh*. Quan điểm chiến lược này khiến khẩu hiệu do Marx và Engels nêu trong tuyên ngôn Cộng Sản thay đổi từ "*Vô sản* toàn *thế giới đoàn kết lại*" biến thành "*Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại.*"

Theo Stalin nhắc lại, Lênin đã nói đi nói lại nhiều lần rằng thắng lợi của cách mạng thế giới sẽ không thể có, nếu không có liên minh cách mạng giữa vô sản của các nước tiên tiến với các dân tộc bị áp bức của các thuộc địa bị nô dịch. Cho nên, cùng với khẩu hiệu nêu trên, Lênin còn đưa ra *bản luận cương về chủ nghĩa dân tộc và các vấn đề thuộc địa* tương tự một hình thức tuyên ngôn về hành động của Đệ Tam Quốc Tế. Đây là những thứ đã thực sự lôi cuốn Hồ Chí Minh lúc đó và là bước mở đầu cho sự xâm nhập Việt Nam của chủ nghĩa Mác - Lê.

Cho tới lúc đó, Hồ Chí Minh cũng như hầu hết người Việt Nam lưu vong vì mọi lý do đều không thể quên cảnh

ngộ bị trị của dân tộc. Nhưng cũng như hầu hết những người Việt Nam đang sống lưu vong trên đất Pháp, Hồ Chí Minh chỉ là một phần tử xoay quanh Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường là hai nhân vật sáng lập và lãnh đạo Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước từ 1914 tại Pháp.

Khi nói về thời kỳ này của Hồ Chí Minh, Lacouture viết *Hồ Chí Minh tập hợp xung quanh mình những nhân vật nổi tiếng như Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh*... Lacouture cố diễn tả Hồ Chí Minh như một nhân vật đấu tranh vượt trội so với mọi người nhưng dụng ý trên không gạt nổi người đọc, khi chính Lacouture đã ghi nhận Nguyễn Ái Quốc chỉ là một bút hiệu của Phan Chu Trinh và *bản thỉnh nguyện thu 8 điểm* ký tên Nguyễn Ái Quốc đệ trình tại Hội Nghị Hòa Bình Versailles ngày 18/6/1919 là do Phan Chu Trinh hướng dẫn và Phan Văn Trường soạn với sự góp phần của Hồ Chí Minh.

Lúc đó, Hồ Chí Minh với cái tên thực Nguyễn Tất Thành hoàn toàn là một kẻ vô danh giữa đám đông gần 90 ngàn người Việt Nam lưu vong tại Pháp. Rời Việt Nam năm 1911, Nguyễn Tất Thành đã có 8 năm sống tại hải ngoại nhưng qua gần hết 6 năm lênh đênh theo những con tàu buôn với nhiều loại công việc mưu sinh.

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành mới thực sự sống tại Pháp bằng nghề thợ ảnh và không hề tương quan với một phong trào chính trị nào. Cho nên, muốn dùng từ *tập hợp xung quanh* như Lacouture và dùng chính xác thì chỉ có thể nói *Nguyễn Tất Thành là một trong số những người Việt Nam lưu vong thường tập hợp xung quanh Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường*.

So với những người khác, Nguyễn Tất Thành có hai lợi điểm là nghèo túng và tuổi trẻ đơn độc khiến Phan Văn Trường đã nẩy ý giúp đỡ cho về sống chung tại nhà và sau đó tham gia một số hoạt động của Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước. Đây là nguyên nhân khiến Nguyễn Tất Thành có tên Nguyễn Ái Quốc vốn là một bút hiệu của Phan Chu Trinh rồi trở thành tên chung cho nhóm người đấu tranh do hai nhân vật Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường chỉ đạo trực tiếp.

Có thể hình dung chàng trai Nguyễn Tất Thành được luật sư Phan Văn Trường giao cho đem những bài do Phan Chu Trinh hoặc Phan Văn Trường viết với bút hiệu Nguyễn Ái Quốc tới các tòa báo hoặc các nhóm người nào đó đồng thời dưới sự hướng dẫn của hai nhân vật này, chàng trai cũng bắt đầu viết một vài bài và được đồng ý cho ký tên Nguyễn Ái Quốc hoặc Nguyễn Le Patriote. Vì thế, khi gia nhập đảng Xã Hội Pháp vào đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành đã ghi tên là Nguyễn Ái Quốc. Bài viết ký tên Nguyễn Ái Quốc mà Cộng Sản Việt Nam coi như tài liệu lịch sử gây chấn động trong đời tranh đấu sôi nổi của Hồ Chí Minh là bản thỉnh nguyện thư 8 điểm bằng 3 ngôn ngữ Việt - Pháp - Hán gửi Hội Nghị Hòa Bình Versailles đã được Lacouture ghi là soạn chung với Phan văn Trường. Nguyên văn phần chính trong *bản thỉnh nguyện thư 8 điểm* bằng Việt ngữ mang tựa đề *Việt Nam yêu cầu ca* như sau:

Việt Nam xưa cũng oai thiêng
Mà nay đứng dưới thuộc quyền Lang Sa
Lòng thành tỏ nỗi xót xa
Dám xin đại quốc soi qua chút nào:

Một xin tha kẻ đồng bào
Vì chung chính trị mắc vào tù giam.
Hai xin pháp luật sửa sang
Người Tây, người Việt hai phương cùng đồng
Những tòa đặc biệt bất công
Dám xin bỏ dứt rộng dung dân lành.
Ba xin rộng phép học hành
Mở mang kỹ nghệ, tập tành công thương.
Bốn xin được phép hội hàng,
Năm xin nghĩ ngợi, nói bàn tự do,
Sáu xin được phép lịch du
Bốn phương mặc sức, năm châu mặc tình.
Bảy xin hiến pháp ban hành
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền.
Tám xin được cử nghị viên
Qua Tây thay mặt gửi quyền thế dân.
Tám điều cạn tỏ xa gần,
Chứng nhờ Vạn Quốc công dân xét tình,
Riêng nhờ dân Pháp công bình,
Đem lòng đoái lại của mình trong tay.
Pháp dân nức tiếng xưa nay,
Đồng bào, bác ái sánh tầy không ai!
Nỡ nào ngoảnh mặt ngơ tai,
Để cho mấy ức triệu người bỏ cơ.
Dân Nam một dạ ước mơ,
Lâu nay tiếng núp bóng cờ tự do.
Rộng xin dân Pháp xét cho,
Trong phò tiếng nước, sau phò lẽ công.[1]
.....

Thời điểm này, Nguyễn Tất Thành đã gia nhập đảng Xã Hội Pháp nhưng phương thức hành động và quan điểm đấu tranh phản ảnh qua tài liệu trên cho thấy chưa vượt khỏi chiếc bóng của Phan Chu Trinh và ý chí đấu tranh chưa vượt khỏi mức độ thông thường của bất kỳ người Việt Nam lưu vong nào lúc đó. Nhìn chung, chàng trai Nguyễn Tất Thành ở tuổi 28 hoặc 29 do gần gũi với những nhân vật đấu tranh yêu nước như Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường nên không thể không ưu tư về cuộc sống nô lệ của đồng bào và chia xẻ nguyện vọng giành độc lập với mọi người bằng hành động tham gia đảng Xã Hội Pháp là một tổ chức chính trị thường phản đối các chính sách thực dân đối với các quốc gia thuộc địa.

Trong tình cảnh đó, sự thắng lợi của cách mạng vô sản Nga và lời kêu gọi của Lênin đề cao cuộc liên minh giữa giai cấp vô sản với dân chúng các quốc gia bị trị trên toàn thế giới thành một lực lượng đấu tranh xô đổ ách thực dân thống trị đã có hấp lực đặc biệt như chính Hồ Chí Minh từng diễn tả.

Hồ Chí Minh đã hoan hỉ *tiếp nhận cương lĩnh này như kẻ sắp chết đuối vớ được chiếc phao đến nỗi đang ngồi một mình trong phòng riêng cũng hô lớn lên một cách vui mừng* - như chính ông đã ghi lại. Khẩu hiệu "*Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại*" trở thành ánh sáng mới mở ra một hướng đường cho nỗ lực đấu tranh giải phóng dân tộc trước mắt Hồ Chí Minh.

Vấn đề giải phóng dân tộc luôn là mối quan tâm của mọi người Việt lưu vong tại Pháp lúc đó và là mối quan tâm hết sức lớn với những người đấu tranh như Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường...

Chàng trai Nguyễn Tất Thành sống gần gũi và còn có dịp chia xẻ công việc với hai nhân vật này nên chắc chắn phải nghĩ đến giải phóng dân tộc.

Cho nên, có thể cho rằng Nguyễn Tất Thành đã thành thực khi trả lời câu hỏi của nữ đồng chí Rose về lý do tán thành gia nhập Đệ Tam Quốc Tế: "*... Tôi không hiểu thế nào là chiến lược, chiến thuật vô sản... Nhưng tôi hiểu rõ một điều: Đệ Tam Quốc Tế rất chú ý đến vấn đề giải phóng dân tộc*"

Trong *Danh Nhân Hồ Chí Minh*, Trần Đình Huỳnh đã ghi lại sự kiện này như sau: "*Đây có thể coi là cái mốc quan trọng đầu tiên phản ảnh sự chuyển biến cả trong tư tưởng lẫn hành động của Nguyễn Ái Quốc từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa xã hội khoa học... Sau đó Người đã viết thư bằng tiếng Pháp gửi Quốc Tế Cộng Sản cho biết Luận Cương này đã ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành thế giới quan của Người và giúp Người dứt khoát đi theo Quốc Tế III.*"[2]

Một số tác giả như Bernard Fall, Halberstam đều ghi nhận bước ngoặt quan trọng nhất trong đời Hồ Chí Minh đã mở ra từ bản luận cương của Lênin.

Trên thực tế, bản luận cương không chỉ chuyển biến tinh thần quốc gia sang tinh thần quốc tế hình thành thế giới quan chính trị mới của Hồ Chí Minh mà đã đưa lại cho Hồ Chí Minh cơ hội hóa thân từ một chàng trai vô danh thành một nhân vật đấu tranh có tầm vóc.

Từ 1917 tới 1920, Hồ Chí Minh mới mon men bước vào đấu tranh với tư cách một phần tử nhỏ nhoi tham gia vài sự việc bình thường trong Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước của các lãnh tụ Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường.

Năm 1921, Hồ Chí Minh trở thành đảng viên Cộng Sản Pháp và không lâu sau trở thành một nhân tố được lưu ý. Lý do quan trọng nhất của chuyển biến này chỉ đơn giản là Hồ Chí Minh có nguồn gốc từ một quốc gia nông nghiệp đang sống dưới ách thực dân ở phương Đông.

Quan điểm chiến lược Lênin đặt nặng vai trò nông dân và vai trò các dân tộc bị trị Á Châu nên Hồ Chí Minh lập tức lọt tầm mắt xanh của các lãnh tụ Đệ Tam Quốc Tế. Năm 1923, Hồ Chí Minh trở thành một trong 52 ủy viên của Hội Đồng Quốc Tế Nông Dân, được bầu vào ban lãnh đạo gồm 11 ủy viên, được chọn vào trường Đại Học Cộng Sản Mạc Tư Khoa dành cho giới lao động phương Đông và ngày 14/4/1924 chính thức nhận quyết định bổ nhiệm làm cán bộ của Bộ Phương Đông, Đệ Tam Quốc Tế.[3]

Ngày 25-9-1924, Đệ Tam Quốc Tế cử Hồ Chí Minh đi công tác tại Quảng Châu, Trung Quốc với tư cách phụ tá cho Borodin. Theo Hồng Hà qua tác phẩm *Bác Hồ trên đất nước Lê Nin,* trang 135, thì "quyết định của Ban Chấp Hành Quốc Tế Cộng Sản ngày 25-9-1924 trao tay cho anh Nguyễn Ái Quốc ghi rất vắn tắt: "*Đồng Chí Nguyễn Ái Quốc cần đi Quảng Châu. Chi phí do ban Phương Đông chịu.*"

Sách của Hồng Hà xuất bản năm 1980. 21 năm sau Trần Đình Huỳnh, trong cuốn *Danh Nhân Hồ Chí Minh* ghi thêm về nhiệm vụ mà Hồ Chí Minh được giao phó gồm:

- Thiết lập quan hệ giữa các quốc gia tại Đông Dương và Quốc Tế Cộng Sản.

- Thông báo cho Quốc Tế Cộng Sản về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của các thuộc địa này.

- Bắt liên lạc với các tổ chức chính trị ở các xứ đó.

- Cố gắng tổ chức một cơ sở thông tin và tuyên truyền.[4]

Có lẽ sẽ còn nhiều chi tiết khác về nhiệm vụ của Hồ Chí Minh lúc ấy được bổ túc thêm. Nhưng có một điều chắc chắn là những nhiệm vụ thực sự quan trọng và các chi tiết về việc thi hành thường được trao qua khẩu lệnh - như Sophie Quinn-Judge đã ghi trong tác phẩm *Ho Chi Minh, the missing years* và như chính Hồng Hà đã viết: *Nhiệm vụ đích thực của anh Nguyễn chỉ có vợ chồng đồng chí Borodin biết.*

Thực ra, nhiệm vụ của Hồ Chí Minh lúc ấy không chỉ giới hạn ở Đông Dương mà là toàn vùng Đông Nam Á. Hồ Chí Minh nhận chỉ thị, báo cáo công tác và nhận ngân sách điều hành từ ban Phương Đông có trụ sở tại Thượng Hải, do Hilaire Noulens, bí danh của Jakov Rudnik điều khiển. Chính Hồ Chí Minh trong một cuộc gặp gỡ Manuilski, trước khi khởi hành đi Quảng Châu cũng đã xác nhận: "*... Ngoài ra tôi còn chịu trách nhiệm trước Quốc Tế Nông Dân, và tham gia chỉ đạo phong trào nông dân Á Châu.*" Ngay lúc đó Manuilski đã nói rõ: "*Quốc Tế Cộng Sản cử đồng chí làm ủy viên ban Phương Đông phụ trách cục Phương Nam, chỉ đạo phong trào cách mạng các nước Đông Nam Á Châu.*"[5]

Sophie Quinn-Judge, qua cuốn *Ho Chi Minh, the missing years*, dựa theo các tài liệu mới được giải mật tại Văn Khố Liên Bang Nga cho biết: "*Tháng 8-1925, Quốc Tế Đông Phương đã gửi cho Hồ 5000 rúp (trị giá 2,500 MK vào lúc ấy) qua trương mục của Borodin trong ngân hàng Viễn Đông...*" để thi hành 4 việc, trong đó có "*(điều 4) cung cấp đều hòa cho Mạc Tư Khoa những tin tức và tài liệu về phong trào nông dân ở Trung Quốc.*"[6] Nhiệm vụ của *Hồ Chí* Minh không hạn chế ở địa bàn Đông Dương mà còn mở rộng

hơn theo diễn tả của Hồng Hà[7]: "*Ban Đông Phương Quốc Tế Cộng Sản giới thiệu anh với Trung Ương Quốc Dân Đảng Trung Quốc để làm việc ở đấy.... Anh Nguyễn sẽ ở đó với tư cách cá nhân, chứ không phải với tư cách là cán bộ của Quốc Tế Cộng Sản.*"

Lúc ấy đang có sự liên minh giữa Liên Xô - Trung Hoa Dân Quốc theo sách lược "*mặt trận thống nhất*" của Lênin, nhưng Quốc Tế Cộng Sản không giới thiệu Hồ Chí Minh với tư cách cán bộ Cộng Sản hầu giấu kín âm mưu thao túng lũng đoạn để dễ hoạt động trong hàng ngũ người Quốc gia Trung Hoa cũng như Việt Nam. Chính vì thế, ngoài việc bí mật liên hệ với các tổ chức Quốc Tế Cộng Sản và đảng Cộng Sản Trung Hoa, Hồ Chí Minh còn được bà Tống Khánh Linh là phu nhân lãnh tụ Tôn Dật Tiên bao bọc, giúp đỡ và công việc lập những hạt nhân cho đảng cộng sản Việt Nam sau này đã tiến hành dễ dàng.

So với mấy năm trước, khi đặt chân tới Quảng Châu ngày 11-11-1924, Hồ Chí Minh đã trở thành một người hoàn toàn khác từ suy nghĩ đến khả năng và tư thế cá nhân.

Cho đến khi đã trở thành đảng viên Xã Hội Pháp, Hồ Chí Minh vẫn chỉ là một trong số nhiều chiếc bóng mờ giữa những người Việt Nam lưu vong tại Pháp. Nhà ở không có phải dựa vào luật sư Phan Văn Trường để được dành cho một căn phòng trong ngôi biệt thự số 6 đường Gobelins. Nghề nghiệp không có nên được Phan Chu Trinh cho giúp việc trong tiệm ảnh của mình để học nghề thợ ảnh. Khó khăn hơn nữa là trình độ hiểu biết Pháp ngữ. Trong *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, Hồ Chí Minh dưới bút hiệu Trần Dân Tiên đã ghi về mình trong thời

điểm đó như sau: "*Ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là Công hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng... Ông Nguyễn không đủ tiếng Pháp để viết... Ông Trường viết giỏi, nhưng không muốn ký tên. Mà chính ông Nguyễn phải ký tên những bài báo.*"[8] *Đó là những bài* ký tên Nguyễn Ái Quốc (đúng ra là Nguyễn Le Patriote) viết cho tờ *Le Peuple* của đảng Xã Hội Pháp và là những hoạt động đấu tranh tích cực nhất mà Hồ Chí Minh tham dự cho tới năm 1921.

Nói một cách khác, tới giữa năm 1921, Hồ Chí Minh chỉ là người được Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường tin cậy giao cho vai trò giao dịch, được phép mang cái tên Nguyễn Ái Quốc gia nhập đảng Xã Hội Pháp để phát biểu quan điểm của người Việt Nam tại Pháp.

Tình trạng trên thay đổi vào tháng 7/1921 tức 7 tháng sau khi Hồ Chí Minh biểu quyết gia nhập Đệ Tam Quốc Tế. Suốt thời gian này, tại ngôi nhà số 6 Gobelins thường có tranh luận lớn tiếng giữa Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường với Hồ Chí Minh và ngày 14/7/1921, Hồ Chí Minh rời khỏi ngôi nhà.

Không ai biết nội dung những cuộc tranh luận nhưng có thể hiểu Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường không tán thành việc gia nhập Đệ Tam Quốc Tế.[9]

Hồ Chí Minh bỏ ngôi nhà số 6 đường Gobelins nhưng giữ tên Nguyễn Ái Quốc vốn là cái tên chung của một số người trong ngôi nhà đó từ trước khi Hồ Chí Minh tới. Tuy nhiên, cái tên này cũng như tâm tư của những con người đấu tranh trong ngôi nhà số 6 đường Gobelins không còn gắn bó với tư tưởng và tâm tư của Hồ Chí Minh nữa.

Kể từ tháng 7-1921, Hồ Chí Minh hoàn toàn gắn kết với chủ nghĩa Cộng Sản. Ngày 29-12-1921, tại đại hội kỳ 1 của Đảng Cộng Sản Pháp, Hồ Chí Minh đã phát biểu: "...*Tôi vui sướng biết chừng nào khi được dự đại hội đầu tiên của những người Cộng Sản. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử chủ nghĩa xã hội Pháp, một đồng chí người bản xứ thực sự tham gia vào công việc của Đại Hội. Tôi cũng phải nói đó là dấu hiệu tốt, bởi vì điều đó xác nhận rằng chỉ có trong chủ nghĩa Cộng Sản, người ta mới thấy tình hữu ái thực sự và quyền bình đẳng, và cũng chỉ có nó, chúng ta mới có thể thực hiện sự hòa hợp và hạnh phúc ở chính quốc và ở các thuộc địa.*[10]

Do đó, Hồ Chí Minh tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền phát triển đảng Cộng Sản Pháp và đầu năm 1923 đã ghi lại trong tờ truyền đơn cổ động cho báo *Le Paria* những dòng sau: "*Chỉ có chủ nghĩa Cộng Sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc nguồn gốc, sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dày ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau. Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới. Lao động tất cả các nước, đoàn kết lại!*"[11]

Không còn gì để ngờ vực về quan điểm chính trị mới của Hồ Chí Minh trong đó nguyện vọng độc lập dân tộc đã được thay thế bằng nguyện vọng chung sống hạnh phúc hòa bình trong nền cộng hòa thế giới của những người lao động chấp nhận đứng dưới lá cờ đỏ Cộng Sản.

Cho nên, trong bản báo cáo đầu tiên của Hồ Chí Minh ghi ngày 18-12-1924, sau một tháng có mặt tại Quảng Châu, đã có dòng cuối cùng nhấn mạnh: "*Trong lúc này, tôi là một người Trung Quốc chứ không phải là một người Việt Nam và tên tôi là Lý Thụy chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc.*"[12]

Với tên Lý Thụy, Hồ Chí Minh đặt hạt nhân cho đảng Cộng sản Đông Dương

Trong 4 công tác được giao phó, hai công tác cụ thể thuộc về vận động phát triển tổ chức là bắt liên lạc với các đoàn thể chính trị địa phương và tạo dựng một cơ sở thông tin, tuyên truyền. Hơn hai tuần lễ trước khi viết bản báo cáo, qua hướng dẫn và sắp đặt của phái bộ Borodin, Hồ Chí Minh đã bắt tay ngay vào việc thực hiện hai công tác trên bằng cách tìm tới nhà Nguyễn Công Viễn làm quen với một nhóm thanh niên trong tổ chức Tâm Tâm Xã của Phan Bội Châu. Cuộc gặp gỡ đầu tiên diễn ra vào một buổi tối đầu tháng 12/1924. Hồ Chí Minh tự xưng là Vương Sơn Nhị phóng viên của tờ *Quảng Châu báo* tới để tỏ lòng ngưỡng mộ những người cùng chí hướng với liệt sĩ Phạm Hồng Thái. Trong câu chuyện, Hồ Chí Minh vẫn giữ tên Vương Sơn Nhị nhưng cho hai người bạn của Nguyễn Công Viễn cùng có mặt lúc đó là Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu biết mình là người Nghệ An, đồng hương với họ.

Những cuộc tiếp xúc ngày càng nhiều và càng ngày nhóm thanh niên Lê Hồng Sơn càng bị cuốn hút vào nội dung các vấn đề do ông Vương đặt ra. Chủ nghĩa cộng sản, cách mạng vô sản, tổ chức Đảng, quần chúng công nông vv... bắt đầu được các anh quan tâm tìm hiểu. Ông Vương chỉ cho các anh những sách báo cần đọc, giảng giải cho các anh rõ thêm những

điều sách báo nói đến. Cứ như vậy, dần từng bước, với lòng khát khao hiểu biết cái mới, được sự dìu dắt của ông Vương, nhóm thanh niên Lê Hồng Sơn đã tìm được đường sáng. Nỗi băn khoăn của các anh về con đường và cách thức cứu nước đã được giải đáp. Đó là con đường cách mạng vô sản. Trước mắt, các anh cùng ông Vương lựa người tâm đắc, chỉ ra đường đi nước bước cho anh em để cùng chung sức lập ra tổ chức.[13]

Kết quả, vừa đúng 2 tháng sau, ngày 19/2/1925, Hồ Chí Minh đã gửi báo cáo về Mạc Tư Khoa, báo tin vui cho Chủ Tịch Đoàn Đệ Tam Quốc Tế: "*Chúng tôi đã lập được một nhóm bí mật gồm 9 hội viên. Trong đó, 2 người đã được phái về nước. Trong số hội viên đó, 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng Sản. Chúng tôi còn có 2 đoàn viên dự bị Đoàn thanh niên cộng sản Lênin.*"[14]

Nhóm bí mật 9 hội viên này gồm Hồ Chí Minh và 8 người thuộc Tâm Tâm Xã là Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Lê Quảng Đạt, Lâm Đức Thụ tức Nguyễn Công Viễn, Vương Thúc Oánh, Lưu Quốc Long và Trương Vân Lĩnh.

Vương Thúc Oánh, Lưu Quốc Long, Trương Vân Lĩnh là những thanh niên hoạt động tại Thái Lan được Hồ Tùng Mậu tới thuyết phục chuyển về Quảng Châu. Nhóm này được gọi là "*Cộng Sản Đoàn*" và trở thành hạt nhân để tới tháng 6-1925 biến tổ chức Tâm Tâm Xã thành Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội với một tổng bộ lãnh đạo do Hồ Chí Minh cầm đầu. Việc làm đầu tiên của tổ chức này là xuất bản tuần báo *Thanh Niên*, số ra mắt đề ngày 21/6/1925 tức trong thời gian xảy ra biến cố Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt tại Thượng Hải.

Việt Nam Thanh Niên Cách mạng Đồng Chí Hội xác định mục đích là "*hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại độc lập cho xứ sở) rồi sau làm cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa Cộng Sản)*". Bản điều lệ của Hội nêu chương trình hoạt động là "*thành lập chính phủ nhân dân, áp dụng nguyên tắc tân kinh tế chính sách, đoàn kết với giai cấp vô sản các nước, thành lập xã hội Cộng Sản*".[15]

Bên cạnh hình Tôn Dật Tiên, Phạm Hồng Thái lúc này xuất hiện thêm hình Karl Marx và Lênin tại trụ sở Hội. Một lớp huấn luyện chính trị đặc biệt được tổ chức thường trực để đào tạo cán bộ và mọi học viên đều thuộc lòng bản *Quốc Tế Ca* được Hồ Chí Minh dịch ra tiếng Việt theo thể thơ lục bát như sau:

Hỡi ai nô lệ trên đời
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên
Bất bình này, chịu sao yên
Phá cho tan nát một phen cho rồi
Bao nhiêu áp bức trên đời
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha
Cuộc đời nay đã đổi ra
Ta xưa con ở, nay là chủ ông
Trận này là trận cuối cùng
Ầm ầm Đoàn lực, đùng đùng Đảng cơ
Lanh-te-rô-na-xi-on-na-lơ
Ấy là nhân đạo, ấy là tự do.[16]

Đồng thời với việc củng cố tăng cường cơ sở tại Quảng Châu, Hội bắt đầu cử người về nước và đi Thái Lan tuyên

truyền thu hút thanh niên qua tham gia các lớp huấn luyện chính trị để trở về hoạt động quảng bá tư tưởng Cộng Sản. Trong năm 1926, Lê Duy Điếm được cử về Nghệ An đã thu phục được nhóm Phục Việt của Trần Phú, Tôn Quang Phiệt đồng ý gia nhập Hội và cử người đi Quảng Châu dự các lớp huấn luyện.

Kết quả tương tự cũng gặt hái được với Lê Hữu Lập được cử về vận động các nhóm học sinh trung học tại Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, và với Hồ Tùng Mậu được cử đi vận động Việt kiều tại Đông Bắc Thái Lan ...

Con đường xâm nhập Việt Nam của chủ nghĩa Cộng Sản kể từ sau 1926 không còn qua sách báo từ Pháp mà trực tiếp với những cán bộ tuyên truyền từ Quảng Châu, Thái Lan.

Chủ nghĩa Cộng Sản được truyền bá lúc này là chủ nghĩa Mác-Lênin tức chủ nghĩa Cộng Sản cộng với phương thức đấu tranh Lênin vì điều lệ Đệ Tam Quốc Tế đã qui định chỉ được coi là người Cộng Sản khi vừa tin theo Marx vừa tán thành đường lối Lênin.

Trên căn bản này, từ năm 1926, Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài báo xỉ vả nhóm Đệ Nhị Quốc Tế là tổ chức tiểu tư sản *gồm những tên xã hội chủ nghĩa gian xảo, làm lợi khí cho bọn bóc lột và lừa đảo* và từ sau 1930 đã không ngừng kết án nhóm Đệ Tứ Quốc Tế là *bọn chó săn, tay sai Phát Xít cần phải tiêu diệt.*

Quan điểm bạn và thù với chính những người cùng chung tư tưởng Cộng Sản đã được xác định như thế nên không thể có sự dễ dàng chấp nhận những người theo đuổi tư tưởng quốc gia dân tộc.

Tuy nhiên, trọng tâm quan điểm chiến lược Lênin là hiệu quả của sự liên minh với các thành phần tùy theo giai đoạn nên mọi hoạt động tuyên truyền đều khoác những chiêu bài thích nghi với thực tế của từng thời điểm, từng địa phương và việc xâm nhập các đoàn thể khác để chi phối lũng đoạn là việc cần thiết. Xâm nhập là cơ hội bớt thù thêm bạn, vì có thể đạt điều kiện biến các đoàn thể đó thành tổ chức của chính mình.

Hồ Chí Minh đã hoàn tất việc này khi xâm nhập nhóm Tâm Tâm Xã vốn là một tổ chức do những người theo Phan Bội Châu thành lập năm 1923 với mục tiêu giải phóng đất nước.

Hồ Chí Minh khởi sự làm quen với nhóm Tâm Tâm Xã vào tháng 12-1924, tới tháng 6-1925 đã lôi cuốn những thành viên chủ chốt đồng ý biến nhóm thành Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội đặt dưới sự điều động của Hồ Chí Minh.

Tuy nắm tổ chức này trong tay, Hồ Chí Minh chỉ cho bày thêm tại trụ sở Hội 2 tấm hình Marx, Lênin bên cạnh hình Tôn Trung Sơn, Phạm Hồng Thái là những biểu tượng đấu tranh của Tâm Tâm Xã và vẫn luôn cổ võ lòng yêu nước. Vì luận cương chính trị Lênin đã phân tích rõ nguyện vọng tha thiết nhất của quần chúng tại các thuộc địa chỉ là lật đổ ách thực dân, giành lại độc lập nên phải đặt chủ nghĩa dân tộc trong khuôn khổ đấu tranh giai cấp như một võ khí vận động quần chúng tham gia cách mạng vô sản toàn thế giới. Tất nhiên, khi thành công trong việc giành quyền chính để tiến tới thiết lập chế độ vô sản thì chủ nghĩa dân tộc sẽ không còn lý do tồn tại, nhưng đây

là điều không thể công khai tuyên bố và cũng không cần thiết công bố khi chưa giành được quyền chính.

Chính vì thế, trong lúc hết lời công kích các nhóm Đệ Nhị, Đệ Tứ Quốc Tế, Hồ Chí Minh đã không ngừng đề cao lòng yêu nước và tinh thần cách mạng dân tộc.

Động cơ của nỗ lực này không khởi từ sự theo đuổi nguyện vọng yêu nước của dân tộc mà khởi từ yêu cầu phát triển ảnh hưởng Đệ Tam Quốc Tế để tiến tới tranh thủ mục tiêu cuối cùng là tiêu diệt chế độ Tư Bản giành quyền chuyên chính trên toàn thế giới cho giai cấp Vô Sản đại diện bởi tổ chức Đệ Tam Quốc Tế, cụ thể là chính quyền Liên Xô.

Nói một cách khác, chủ nghĩa Cộng Sản Mác-Lênin từ sau 1925 đã xâm nhập Việt Nam qua trung gian của nhiều phong trào tổ chức đấu tranh yêu nước và đây là một trong những lý do khiến không ít người nghiên cứu về vấn đề Việt Nam đã đồng hóa Cộng Sản Việt Nam với các lực lượng đấu tranh yêu nước.

Cái hạt nhân đỏ mà Hồ Chí Minh gieo vào Đông Dương là Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội từ 1926 đến 1929 đã nẩy mầm bén rễ thành nhiều tổ chức như các Hội Việt Kiều Thân Ái tại một số địa phương Thái Lan, Tân Việt Cách Mạng Đảng tại Huế, Đông Dương Cộng Sản Đảng tại Hà Nội rồi An Nam Cộng Sản Đảng, Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn tại mấy tỉnh miền Bắc Trung Phần... tạo thành một tình trạng theo Đặng Hòa là rất khẩn trương. Đặng Hòa đã diễn tả: *"Năm 1929 quá trình hình thành các nhóm cộng sản đang diễn ra rất khẩn trương. Mấy năm qua, hoạt động của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí*

Hội đã phổ biến ngày càng rộng những tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin trong quần chúng yêu nước, phong trào công nhân phát triển mạnh, ý thức giác ngộ chính trị của công nhân ngày càng cao. Những nhóm cộng sản bí mật đã xuất hiện ở cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Mỗi nhóm đều có ý muốn tổ chức của mình là Đảng Cộng Sản duy nhất ở trong nước. Quan hệ giữa các nhóm với nhau không bình thường."[17]

Lúc này Hồ Chí Minh đang có mặt tại Thái Lan sau khi theo phái bộ Borodin rời Trung Quốc năm 1927 trở về Nga qua công tác tại Pháp - Đức.

Tháng 7-1928, Hồ Chí Minh tới Thái Lan và tháng 12-1929 được lệnh của Đệ Tam Quốc Tế xuống tàu trở lại Trung Quốc lo hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Việt Nam.

Ngày 3-2-1930, tại Hong Kong, các đại diện Đông Dương Cộng Sản Đảng, An Nam Cộng Sản Đảng đồng ý hợp nhất thành Đảng Cộng Sản Việt Nam trước sự chứng kiến của Hồ Chí Minh với tư cách đại diện Đệ Tam Quốc Tế.

Kể từ đây, tại Việt Nam bắt đầu hiện diện một tổ chức Cộng Sản thực sự nắm quyền chỉ đạo hoạt động của mọi nhóm cộng sản địa phương. Tổ chức mang tên Đảng Cộng Sản Việt Nam vào lúc thành lập tới tháng 10/1930 đổi tên thành Đảng Cộng Sản Đông Dương theo chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế và được nhìn nhận là một chi bộ độc lập của Đệ Tam Quốc Tế theo nghị quyết ghi ngày 11/4/1931 nguyên văn như sau: "*Đảng Cộng Sản Đông Dương trước đây là một chi bộ của Đảng Cộng Sản Pháp, từ nay được công nhận là một chi bộ độc lập thuộc Quốc Tế Cộng Sản.*"

Nghị quyết này đặt Cộng Sản Việt Nam vào vị thế cao hơn trong hệ thống Quốc Tế Cộng Sản đồng thời cũng là vị thế bị chi phối trực tiếp chặt chẽ hơn bởi Đệ Tam Quốc Tế.

Trong tình thế mới mẻ này, những hoạt động phản đối như mít tinh, bãi công lẻ tẻ tại vài nơi trong nước vào thời điểm 1928-1929 đã được nhìn lại để biến thành phong trào quy mô hơn là phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh thúc đẩy một loạt các cuộc nổi dậy tại nhiều xã ở Nghệ An trong tháng 9/1930, tại Phổ Đức, Quảng Ngãi và Tiền Hải, Thái Bình tháng 10/1930 ...

Trong hồi ký *Một Cơn Gió Bụi*, Trần Trọng Kim đã ghi lại tổng quát về 20 năm chủ nghĩa Cộng Sản xâm nhập Việt Nam, từ 1925 tới 1945, như sau: "*Nguyên từ khoảng 1925-1926 trở đi, ở Việt Nam đã có người nói đến chủ nghĩa cộng sản. Lúc ấy có một thiếu niên tên Nguyễn Tất Thành, sinh năm 1894, con nhà thi lễ, quê làng Kim Liên huyện Nam Đàn thuộc tỉnh Nghệ An. Trước học trường trung học ở Huế rồi bỏ sang Pháp theo Xã Hội Đảng, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc. Sau lại sang Nga vào đảng Cộng Sản, đến khoảng 1929-1930 ông trở về gây phong trào cộng sản cách mệnh ở vùng Nghệ Tĩnh. Lúc ấy chính phủ bảo hộ Pháp dùng võ lực đàn áp một cách tàn nhẫn. Việc ấy thất bại, đảng cộng sản tuy phải im hơi lặng tiếng, nhưng vẫn ngấm ngầm tuyên truyền trong đám dân gian và thợ thuyền, theo đúng phương pháp đã định ở Mạc Tư Khoa bên Nga ...*

Bọn ông Hồ Chí Minh... lợi dụng danh hiệu Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội để che đậy công việc làm...Trong khi ông Hồ Chí Minh ở bên Tàu để chờ đợi thời cơ, ở trong nước đâu đâu cũng có cán bộ, ngấm ngầm hành động và tuyên truyền rất khôn khéo. Họ lợi dụng lòng ái quốc của dân chúng mà tuyên truyền Việt Minh không phải là đảng cộng sản, chỉ là một mặt trận gồm tất cả các đảng phái lấy lại độc lập cho nước nhà, vậy nên từ bắc chí nam đâu cũng có người theo.

Cách hành động của họ thì bất cứ công sở hay tư sở, hễ đâu có một tổ chức làm việc là có người của họ chen lấn vào, hoặc để tuyên truyền, hoặc để hoạt động theo chủ nghĩa họ. Đảng viên cộng sản lại biết giữ kỷ luật rất nghiêm và rất chịu khó làm việc. Xem như Hội Truyền Bá Quốc Ngữ khi mới thành lập ở Hà Nội là có ngay những người cộng sản vào hội rồi, và những người nhận việc đi dạy học rất chăm, không quản công lao gì cả. Một tổ chức có kỷ luật và chịu khó làm việc như thế, làm gì mà không mạnh.

Sự tổ chức của đảng cộng sản đã mạnh và nhất là từ khi quân Nhật Bản vào đóng ở Đông Dương, rồi xem hình như người Pháp lại ngấm ngầm dung túng họ, có ý để họ quấy nhiễu quân Nhật may ra có xảy biến đổi gì chăng. Cho nên người ta thấy lúc ấy chính phủ bảo hộ vẫn bắt bớ những người làm thuyền thợ theo cộng sản, song người cộng sản nào có chút thế lực thì bắt rồi lại thả ra, hoặc dùng để làm việc với mình...

Trong khi ấy ông Hồ Chí Minh ở bên Tàu vẫn cộng tác với Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, không có tranh dành địa vị như những người khác, cứ làm việc của một đảng viên có kỷ luật. Cái khôn khéo của ông lúc ấy không để lộ cho ai biết ông là lãnh tụ đảng cộng sản Đông Dương ...

Về khoảng cuối năm 1944, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội lại dời về tỉnh Quảng Tây và cho ông Hồ Chí Minh về Bách Sắc để trù liệu kế hoạch nhập Việt. Sau đó hội cho ông Hồ Chí Minh cùng 22 đảng viên phần nhiều là người trong đảng Phục Quốc về nước để khởi sự hành động. Trong số 22 người ấy có một nữ đảng viên tên là Đỗ Thị Lạc là người sau có đứa con gái với Hồ Chí Minh. Về sau thấy người ta nói khi về đến địa hạt Bắc Giang, có ba đảng viên trong 22 người ấy bị giết vì không chịu theo cộng sản.

... Việc ấy xảy ra vào khoảng tháng hai năm 1945. Từ đó bọn ông Hồ Chí Minh bỏ danh hiệu Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội mà dùng danh hiệu cũ là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh, tức Việt Minh, và dùng cờ đỏ sao vàng của cộng sản."

Nhìn chung, chủ nghĩa Cộng Sản ban đầu xâm nhập Việt Nam qua sách báo Pháp - Hoa với tác động của một học thuyết xã hội đối với giới trí thức nhưng chỉ mấy năm sau đã đổi thành chủ nghĩa Mác- Lênin xâm nhập qua hoạt động tuyên truyền của một cán bộ Đệ Tam Quốc Tế là Hồ Chí Minh mượn tay nhiều tổ chức và các phần tử quốc gia yêu nước để truyền bá tới mọi tầng lớp quần chúng trên khắp nước.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã đem về cho Việt Nam những thành quả nào?

Đã có không ít lời giải đáp cho câu hỏi trên theo nhiều lối nhìn khác nhau.

Chủ điểm của chương sách này không nhắm tìm thêm một lời giải đáp mà chỉ nhìn lại những đoạn đường xâm nhập của chủ nghĩa Cộng Sản cùng những người đã đưa chủ nghĩa Cộng Sản vào Việt Nam. Hiển nhiên, Hồ Chí Minh chỉ là một người đi sau nhiều người khác trong công việc này. Nhưng cũng hiển nhiên, Hồ Chí Minh là người duy nhất thành công trong việc nhuộm đỏ toàn bộ đất nước Việt Nam nhờ đức tin tuyệt đối ở chủ nghĩa Mác - Lênin cộng với nhiệt tình phụng sự Đệ Tam Quốc Tế, sự trung thành với quan điểm chiến lược sách lược Lênin và khả năng vận dụng linh hoạt mọi yếu tố thực tế trong nhiều thời kỳ khác nhau.

2/2/2007

Chú thích:

1 *Bác Hồ, những năm tháng ở nước ngoài,* Đặng Hòa, Trung Tâm UNESCO bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc VIỆT NAM, Hà Nội 2001, tr.37-38. Nguyên văn bản thỉnh nguyện ngoài đoạn trích dẫn trên còn 6 câu mở đầu và 18 câu kết.

2 Trong tác phẩm *Ho Chi Minh The missing years*, bà Quinn-Judge, có lẽ vì không tìm thấy văn kiện nào bằng Nga ngữ trong văn khố liên bang Nga, nên quả quyết Hồ Chí Minh không được QTCS trọng dụng, và còn bị ngược đãi. Nhưng việc Hồ Chí Minh được cử vào ban Phương Đông thuộc QTCS là đích xác, vì trong cuốn *Bác Hồ Trên Đất Nước Lênin*, nơi các trang 62 và 106, Hồng Hà đã trưng văn kiện chính thức của ban chấp hành QTCS ghi rõ ngày 14/4/1924 chứng nhận: "Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là cán bộ của Ban Phương Đông QTCS", mang chữ ký của "tổng thư ký ban Phương Đông thuộc ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản, PÊ-TƠ-RỐP", và ở một chỗ khác còn ghi thêm: "với khoản tiền trợ cấp hàng tháng là 6 trác-vô-nhét, tương đương với 60 rúp."

3 *Danh Nhân HCM***,** Trần Đình Huỳnh, NXB VănHọc, HàNội 2001, tr. 14-15.

4 Các chi tiết về giấy chứng nhận ký tên Pê-tơ-rốp, công tác tại Quảng Châu, phí khoản trợ cấp cho Hồ Chí Minh được ghi rõ trong *Danh Nhân Hồ Chí Minh* các trang 33, 35 và ghi rõ trong *Hồ Chí Minh Biên Niên Tiểu Sử*, Tập I, các trang 231, 237)

5-7 *Bác Hồ Trên Đất Nước Lênin*, Hồng Hà, tr. 133-134, 130

6 *Hồ, những năm tháng ở nước ngoài*, tr.51-53. Tác giả trích một đoạn thư ngày 18/2/1922 của Phan Chu Trinh từ Marseille gửi Hồ Chí Minh ở Paris, có câu:... tôi không thích cái phương pháp "ngọa ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội" của anh...

10-11 *Danh Nhân Hồ Chí Minh*, tr.21 & 27

12 *Biên niên tiểu sử* - Tập I, tr.239.

13-14-15-16-17 *Bác Hồ, những năm*... tr. 99-101, 102-107 & 115-116

Chương 45
Hồ Chí Minh và vụ bán Phan Bội Châu cho mật thám Pháp

Trong lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc, Phan Bội Châu (1867-1940) thường được nhắc đến như một chí sĩ, một nhà cách mạng nổi bật. Là một nhà nho ưu thời mẫn thế, Phan Bội Châu đã chọn cho mình con đường cứu nước, cứu dân mà kẻ sĩ xứng danh nào cũng không thể từ chối khi đất nước lâm nguy theo câu nói đã thành châm ngôn: Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách.

Mới 17 tuổi, Phan Bội Châu đã thảo hịch Bình Tây Thu Bắc và tích cực vận động lập Thí Sinh Quân để góp sức vào phong trào kháng Pháp đương thời. Nhưng phong trào Cần Vương cũng như lực lượng triều đình Huế lúc đó không đủ sức đương cự với quân Pháp nên tất cả đều tan rã. Trong khi người Pháp tiếp tục tiến hành bình định để củng cố chính quyền thực dân, Phan Bội Châu không từ bỏ chí hướng đã có. Vừa dùng ngòi bút sáng tác thơ văn để nung nóng nhiệt tình cứu nước, ông vừa bôn ba tìm gặp các phần tử đấu tranh để gây dựng lực lượng chống Pháp.

Phan Bội Châu đã tiếp xúc với nhiều người từng chiến đấu trong hàng ngũ Cần Vương của Phan Đình Phùng, từng tới Yên Thế gặp Đề Thám, bàn tính việc đấu tranh với nhiều nhân vật trí thức yêu nước như Nguyễn Hàm, Đặng Thái Thân...và đặc biệt đưa ra chủ trương "giao kết giáo đồ" vận động tín đồ Thiên Chúa Giáo. Đây là một chủ trương hết sức mới mẻ vì vào thuở đó vẫn có định kiến là tín đồ Thiên Chúa Giáo ủng hộ thực dân Pháp. Phan Bội Châu cho rằng cuộc đấu tranh chỉ thành công khi đạt được sự hợp quần dân tộc và tin tưởng tuyệt đối ở lòng yêu nước của giáo dân. Thực tế chứng minh Phan Bội Châu hoàn toàn nghĩ đúng vì sau đó phong trào nhận được sự đóng góp rất lớn của tín đồ Thiên Chúa giáo, gồm cả các vị linh mục ở nhiều giáo xứ như linh mục Thông xứ Mộ Vinh, linh mục Truyền xứ Mỹ Dụ, linh mục Thông xứ Quỳnh Lưu, Nghệ An và linh mục Ngọc xứ Ba Đồn, Quảng Bình...Phan Bội Châu đã ghi lại trong Phan Bội Châu niên biểu rằng "công ơn các người giáo dân phù giúp rất nhiều" và ghi lại một kết quả rất đáng kể của chủ trương là "các đám mây mù nghi ngờ giữa Lương Giáo, quét một trận sạch bong".[1] Năm 1905, Phan Bội Châu cùng Đặng Tử Kính, Tăng Bạt Hổ xuất dương qua Trung Hoa rồi Nhật Bản, bắt đầu phát động phong trào Đông Du cứu nước. Trong số giáo đồ Thiên Chúa Giáo hưởng ứng phong trào có tu sĩ Mai Lão Bạng với biệt danh Già Châu đã đích thân đưa một nhóm thanh niên tới tận Hong Kong gặp Phan Bội Châu năm 1908 và sau đó trở thành cộng sự viên đắc lực của Phan Bội Châu.

Suốt 20 năm lưu vong ở Nhật Bản, Trung Hoa, Thái

Lan, Phan Bội Châu kết giao với nhiều nhân vật tên tuổi trong chính giới Trung Hoa, Nhật Bản như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Tôn Dật Tiên, bá tước Đại Ôi Trọng Tín (Okuma Shigenobu), tử tước Khuyển Dưỡng Nghị (Inukai Ki)... thành lập Việt Nam Quang Phục Hội cùng nhiều hội đoàn khác thúc đẩy, hỗ trợ các phong trào đấu tranh ở trong nước bằng sách báo tuyên truyền và giúp đỡ võ khí...[2]

Phan Bội Châu trở thành tiêu biểu của lòng yêu nước, động cơ kích động thu hút mọi người tham gia hoạt động lật đổ ách thực dân, trở thành kẻ đại quốc phạm đối với chính quyền bảo hộ Pháp nên đã bị kết án tử hình khiếm diện vào năm 1913 cùng với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và Nguyễn Hải Thần.

Sau khi Lênin cướp chính quyền tại Nga, Phan Bội Châu đã nghĩ tới việc kết giao với người Nga để tìm thêm sự yểm trợ cho lực lượng đấu tranh Việt Nam. Trong Phan Bội Châu niên biểu[3], Phan Bội Châu khen Lênin có tài về chiến lược đấu tranh cách mạng nên có ý muốn gửi một số du học sinh nhờ Liên Xô giúp đỡ cho việc huấn luyện. Vì thế năm 1920, Phan Bội Châu đã đi Bắc Kinh gặp hai người Nga và ghi lại cuộc gặp gỡ đó như sau: "Năm Canh Thân (1920), tháng 11, tôi nghe được người của Đảng Xã Hội Cộng Sản của nước Hồng Nga nhóm họp ở Bắc Kinh khá nhiều mà đại bản doanh của họ chính là nhà Bắc Kinh đại học. Tôi vì tính sẵn ham lạ mà nghiên cứu chân lý của đảng Cộng Sản...Tôi đi Bắc Kinh... tới thăm Thái Nguyên Bồi tiên sinh... Thái mới giới thiệu tôi với hai người Nga, một người lao nông Nga La Tư du Hoa đoàn đoàn trưởng

(tên chữ Nga tôi không nhớ được), một người là Hán văn tham tán Lạp tiên sinh là thuộc viên của đại sứ Gia-Lạp-Hãn. Lần này là lần thứ nhất mà tôi trực tiếp kết giao với người Nga. Tôi có hỏi Lạp tiên sinh rằng: "Người nước tôi muốn đi du học quý quốc, nhờ tiên sinh chỉ vẽ đường lối cho". Lạp nói rằng: "Chính phủ Lao Nông đối với đồng bào thế giới ở nước Nga rất là hoan nghênh, người Việt Nam nay du học lại tiện lợi lắm. Do Bắc Kinh đến Hải Sâm Uy, đường thủy, đường bộ thông được cả. Do Hải Sâm Uy đến Xích Tháp có đường sắt vào Tây Bá Lợi Á, đi thấu được vào Mạc Tư Khoa, kể hành trình chỉ có 10 ngày thôi. Học sinh tới Nga tất trước phải đến Bắc Kinh, có đại sứ nước Lao Nông ở đó, vào xin lĩnh chứng thư và giấy giới thiệu. Được chứng thư của đại sứ thì từ Xích Tháp đến Mạc Tư Khoa, các tổn phí tiền xe và thực dụng thảy có chính phủ Lao Nông ưu đãi cho. Kể từ Việt Nam đến đất Nga, nhu phí chỉ trong 200 đồng chắc dễ biện lắm. Nhưng du học sinh trước khi vào học tất phải quyết tâm thừa nhận những điều kiện như dưới này:

1- Tín ngưỡng chủ nghĩa Cộng Sản.

2- Học thành rồi, về nước tất phải gánh lấy những việc tuyên truyền chủ nghĩa Lao Nông.

3- Học thành rồi, về trong nước mình phải ra sức làm những sự nghiệp cách mệnh.

Còn như phí tổn chi dụng trong khi tại học và khi về nước, nhất thiết do chính phủ Lao Nông đảm nhiệm.

Bấy nhiêu lời như trên là những lời mà lúc ấy tôi hội thoại với ông Lạp.

Ông Hoàng Đình Tuân dùng tiếng Anh thông dịch cho

tôi... Người Nga khi nói chuyện với tôi biểu hiện một cách hòa ái thành thực, tư sắc rành thấy là không đạm không nồng. Tôi còn nhớ một câu rằng: "Chúng tôi được thấy người Việt Nam là bắt đầu từ ông. Ông nếu dùng được chữ Anh làm một bản sách kể cho hết chân tướng người Pháp ở Việt Nam đem cho chúng tôi, chúng tôi cảm tạ mà không dám quên."[4]

Sau lần tiếp xúc này, Phan Bội Châu trở về Quảng Châu không gặp gỡ người Nga nữa mà chỉ lo trung hưng Quang Phục Hội theo tình hình mới, nhất là sau khi xảy ra vụ Phạm Hồng Thái ám sát toàn quyền Merlin tại Sa Điện. Phan Bội Châu gặp Tưởng Giới Thạch, Lý Tế Thâm đề nghị giúp đưa du học sinh Việt Nam vào trường Hoàng Phố và bàn với các đồng chí cải tổ Việt Nam Quang Phục Hội đổi thành Việt Nam Quốc Dân Đảng dựa theo khuôn mẫu Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Phan Bội Châu hoàn tất việc soạn thảo các văn kiện căn bản như đảng cương, chương trình vào tháng 9 năm Giáp Tý tức khoảng tháng 10-1924 giao cho Hồ Tùng Mậu đưa về trong nước lấy thêm ý kiến, rồi rời Quảng Châu về Hàng Châu. Theo hồi ức Phan Bội Châu niên biểu, Phan Bội Châu không rõ Hồ Tùng Mậu có chuyển tài liệu về nước không nhưng từ khoảng đầu năm 1925, Phan Bội Châu nhiều lần nhận được thư góp ý của Hồ Chí Minh. Đây là thời gian Hồ Chí Minh báo cáo với Đệ Tam Quốc Tế về việc vừa lập xong nhóm bí mật Cộng Sản Đoàn với 8 người thuộc Tâm Tâm Xã trong đó có con rể Phan Bội Châu là Vương Thúc Oánh đang hoạt động ở Thái Lan được Hồ Tùng Mậu đích thân qua gặp đưa về Quảng Châu. Hồ Chí Minh đang cùng nhóm này

sắp xếp biến Tâm Tâm Xã thành Việt Nam Thanh Niên Đồng Chí Hội vào tháng 6-1925 là thời gian mà người Việt Nam tranh đấu tại Trung Hoa dự trù tổ chức lễ tưởng niệm liệt sĩ Phạm Hồng Thái hy sinh ngày 19-6-1924 (tức ngày 15-5 Giáp Tý). Sự có mặt của Phan Bội Châu trong dịp này là điều mong đợi của mọi người và cũng hoàn toàn hợp ý Phan Bội Châu đang muốn nhân dư vang tiếng bom Phạm Hồng Thái hun nóng nhiệt tình tranh đấu. Do đó, Phan Bội Châu rời Hàng Châu ghé Thượng Hải theo dự trù xuống thuyền tại đây về Quảng Châu. Phan Bội Châu thuật lại: "Mười hai giờ đồng hồ chính trưa ngày 11 tháng 5 âm lịch[5] , xe lửa Hàng Châu đi đến Bắc trạm, tôi vì cớ nóng gởi bạc cho ông Trần nên gởi đồ hành lý ở nhà chứa đồ mà tay tôi xách một cái kha-băng nhỏ. Vừa ra cửa trạm thì thấy có một cái cỗ xe hơi, xe khá lịch sự, đứng xung quanh có 4 người Tây, tôi không nhận được ra người Pháp. Bởi vì xứ Thượng Hải người Tây nước nào cũng có, khách sang trọng biết chừng nào mà kể, đem xe hơi rước khách cũng là thông lệ của các lữ quán to. Tôi có biết đâu chiếc xe hơi này là đồ gian của kẻ cướp bắùt cóc người. Tôi mới ra khỏi cửa trạm vài ba bước thì thấy có một người Tây hung dữ lại trước mặt tôi dùng tiếng quan thoại mà nói với tôi rằng "Trứa cơ xe hấn hảo, xính xin xang xàng xe! - Xe này rất tốt, mời tiên sinh lên xe!" Tôi đương cự rằng "Ngộ bú giảo! - Tôi không cần!». Thình lình người Tây nữa ở sau xe ra, hết sức đẩy tôi lên xe. Máy xe tức khắc vặn, tôi đã vào tô giới Pháp rồi. Xe chạy đến bờ bể thì binh thuyền nước Pháp đã chực sẵn. Tôi từ đó thành ra người tù phạm ở trong tàu binh."[6]Tin Phan Bội Châu bị bắt trở thành làn

sóng thúc đẩy bùng nổ một phong trào đấu tranh lan rộng khắp các miền đất nước và ngay tại chính quốc Pháp. Gần như mọi thành phần, mọi giới đều lên tiếng đòi tha Phan Bội Châu, xóa bỏ bản án tử hình khiếm diện năm 1913. Nhiều phần tử trí thức, sinh viên học sinh, đại diện các nghiệp đoàn ... nối nhau gửi thư bênh vực Phan Bội Châu tới Hội Quốc Liên, tòa án quốc tế La Haye, Quốc Hội và chính phủ Pháp. Những nhân vật nổi tiếng thân Pháp như học giả Phạm Quỳnh cũng công khai yêu cầu ân xá cho Phan Bội Châu. Dư luận sôi nổi kéo dài nhiều ngày trước và sau ngày 23-11-1925 khai diễn phiên tòa tại Hà Nội. Ngay giữa phòng xử luôn rộ lên những tiếng phản đối và đã có một người đứng ra xưng rõ họ tên quê quán là Nguyễn Khắc Doanh, xã Trình Xuyên, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đệ đơn xin Tòa cho được chết thay Phan Bội Châu. Trong Việt Sử Tân Biên, Phạm Văn Sơn đã ghi lại cảnh hàng trăm bà già buôn thúng bán bưng quỳ dọc theo phố hàng Đường, Hà Nội dâng thỉnh nguyện thư xin ân xá cho Phan Bội Châu vào lúc Toàn Quyền Alexandre Varenne vừa nhậm chức đi thị sát qua khu phố này.[7]

Đây là lần đầu chính quyền thuộc địa Pháp đứng trước một phong trào đấu tranh quyết liệt và có quy mô bao trùm toàn cõi Việt Nam. Kết quả, Tòa chỉ đưa ra một án tù treo và Varenne phải cử Khâm Sứ Trung Kỳ Pierre Pasquier đích thân tới phòng giam Hỏa Lò gặp Phan Bội Châu, sắp xếp việc đưa đi an trí tại Huế.

Phan Bội Châu bị bắt khiến hàng ngũ dân tộc yêu nước mất một điểm tựa mang tính chỉ đạo nhưng đã củng cố thêm niềm tin đặt vào các phong trào đấu tranh và hun nóng nhiệt tình của mọi giới.

Riêng Phan Bội Châu cho tới khoảng 1928-1929 khi ngồi viết Phan Bội Châu niên biểu vẫn không hiểu vì sao mật thám Pháp lại biết rõ hành trình của mình để chờ sẵn tại Bắùc trạm Thượng Hải, ngoài một mối nghi ngờ: "Ai dè lúc tôi ra đi, thì cái thời giờ hành động của tôi đã có kẻ nhất nhất mật báo với người Pháp mà cái người mật báo đó lại chính là người ở chung với tôi, từng nhờ tôi nuôi nấng... Người ấy nghe nói tên là Nguyễn Thượng Huyền... gọi cụ Thượng Hiền bằng ông chú, thông chữ Hán, đã từng đậu cử nhân, chữ Pháp, chữ quốc ngữ cũng đủ xài. Tôi nhân yêu tài nó, lưu nó làm thư ký còn như nó làm ma cho Pháp thì tôi có nghĩ tới đâu!"[8]

Phan Bội Châu không cho biết đã được nghe ai nói Nguyễn Thượng Huyền làm ma (tức mật thám) cho Pháp và báo rõ hành trình của ông, tuy nhiên có vẻ tin theo. Vào lúc Phan Bội Châu được nghe nói như thế thì tại Hà Nội, năm 1928, nhà xuất bản Nam Đồng Thư Xã cho phát hành tập tài liệu Ai bán đứng cụ Phan Bội Châu? của tác giả Nhượng Tống nêu đích danh người báo cho mật thám Pháp bắt Phan Bội Châu là nhóm Lý Thụy, Lâm Đức Thụ. Nhượng Tống phát giác sự việc trên dựa theo nhiều nguồn tin từ những người xung quanh Phan Bội Châu tại Trung Hoa.

Vào thời điểm đó, Lý Thụy cũng như Lâm Đức Thụ không phải những nhân vật tên tuổi trong hàng ngũ đấu tranh và cũng chưa tiêu biểu nổi cho một xu hướng rõ rệt nào ngoài tư cách người của tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội vừa được thành hình. Điều mọi người biết về Lâm Đức Thụ chỉ là còn có tên Hoàng

Chấn Đông, tên thật là Nguyễn Công Viễn, từng tham gia Tâm Tâm Xã của Phan Bội Châu và có tương quan với tòa lãnh sự Pháp tại Hong Kong. Như vậy, những nguồn tin mà Nhượng Tống nhận được chắc chắn không do dụng ý chống Cộng nhắm xuyên tạc về lãnh tụ Hồ Chí Minh như các tác giả Cộng Sản Việt Nam sau này nêu ra. Trên thực tế, cái tên Hồ Chí Minh chỉ xuất hiện từ tháng 8-1945 và năm 1928 không ai biết Lý Thụy là Nguyễn Ái Quốc. Hơn nữa, dù năm 1949 Nhượng Tống bị Cộng Sản ám sát tại Hà Nội, nhưng vào năm 1928, Nhượng Tống chưa hề đặt Cộng Sản vào thế thù địch. Nhượng Tống bước vào làng báo năm 1924 chuyên hoạt động về văn hóa cho đến cuối tháng 12-1927 mới gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học. Tập tài liệu Ai bán đứng cụ Phan Bội Châu? có thể được viết từ trước thời điểm này để ấn hành kịp vào năm 1928 và như thế Nhượng Tống không những chưa biết Lý Thụy là cán bộ Đệ Tam Quốc Tế mà thậm chí còn không biết Lý Thụy là ai nữa. Người ta đã biết tới cuối năm 1929, Việt Nam Quốc Dân Đảng còn cử người qua Thái Lan liên lạc với Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội đề nghị giúp đỡ võ khí để khởi nghĩa.

Thực ra, không chỉ riêng Nhượng Tống nhận được các tin tức cho biết Lý Thụy và Lâm Đức Thụ chủ mưu bán đứng Phan Bội Châu. Năm 1948, trên tạp chí Cải Tạo tại Hà Nội số tháng 10-1948 được Joseph Buttinger trích lại[9], Đào Trinh Nhất đã viết bài Một bí mật chưa ai nói ra nêu tên Hồ Chí Minh là kẻ chủ mưu bán đứng Phan Bội Châu cho mật thám Pháp. Đặc biệt hơn, chính Kỳ Ngoại Hầu Cường Để là người từng có Lâm Đức Thụ bên cạnh nhiều

năm ở Trung Hoa cũng ghi lại sự việc này như sau: "Cuối tháng 5 năm 1925, Lâm Đức Thụ viết thư và gửi tiền lên Hàng Châu cho ông Phan Bội Châu, mời về Quảng Châu nhân dịp kỷ niệm Phạm Hồng Thái ngày 19 tháng 6, làm một cuộc tuyên truyền lừng lẫy cho cách mệnh Việt Nam. Ông Phan nhận được thư và tiền, liền đi Thượng Hải để đáp tàu thủy về Quảng Châu. Ông Phan đi rồi, mãi không thấy có thư từ gì về, bọn Hồ Học Lãm ở Hàng Châu lấy làm lạ, viết thư hỏi các đồng chí ở Quảng Châu. Thư trả lời nói không thấy ông Phan xuống đó, ai cũng lo.

Hơn một tháng sau, Lâm Chi Hạ, chủ nhiệm Quân Sự Biên Tập Xứ, tiếp được một phong thư từ Sán Đầu gửi tới, có kèm theo một mảnh thư do ông Phan viết, mới biết là ông bị bắt rồi. Gửi thư ấy đến Lâm Chi Hạ là một học sinh Tàu. Người này cho biết rằng nhân dịp nghỉ hè, từ Thượng Hải về Sán Đầu thăm nhà, gặp ông Phan ở trên tàu thủy, ông Phan thừa lúc người đi kèm không ở cạnh, nói chuyện với y và viết mảnh giấy ấy, nhờ y gửi đi Hàng Châu cho Lâm Chi Hạ. Cứ như lời ông Phan nói trong mảnh giấy ấy thì khi ông đi xe lửa từ Hàng Châu đến Thượng Hải, vừa ra khỏi cửa ga, liền bị mấy người cảnh sát tô giới Anh núm lấy, điệu lên xe hơi đưa đến tô giới Pháp giao cho người Pháp. Ông bị giam ở đó ít lâu, rồi bị giải về nước bằng tàu thủy.

Lâm Đức Thụ ở Quảng Châu, lúc đầu cố phao vu cho người này người khác để che lấp tội ác của mình nhưng về sau thấy ông Phan bị bắt về đến trong nước, thành ra một cuộc tuyên truyền có hiệu lực cho cách mệnh, Lâm Đức Thụ mới khoe với mọi người đó là công hắn, vì chính hắn

bắt ông Phan. Hắn lại nói sở dĩ bắt ông Phan là vì hắn nghĩ ông đã trở nên già hủ, không thích hợp với thời đại mới nữa, ở ngoài bất quá biết làm mấy câu văn tuyên truyền hão bằng chữ Nho, chẳng được chuyện gì, không bằng đưa ông về nước lấy bản thân ra làm lợi khí tuyên truyền, lại có ích hơn."[10]

Những ý kiến mà Cường Để ghi là của Lâm Đức Thụ đã được Hoàng Văn Chí dựa theo tài liệu của nhạc phụ là Sở Cuồng Lê Dư xác nhận là ý kiến của Hồ Chí Minh. Lúc đó, nhóm Lâm Đức Thụ rất tin theo Hồ Chí Minh và đang tính toán biến Tâm Tâm Xã thành tổ chức riêng. Một vấn đề khiến cả nhóm ưu tư là có thể gặp trở ngại khi Phan Bội Châu không đồng ý, vì Phan Bội Châu đang tiến hành việc cải tổ Việt Nam Quang Phục Hội thành Việt Nam Quốc Dân Đảng theo khuôn mẫu Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Lê Dư theo Phan Bội Châu hoạt động trong Tâm Tâm Xã nhưng gần gũi với Lâm Đức Thụ. Vì thế, Lê Dư đã được nghe nhắc tới ý kiến của Hồ Chí Minh - lúc đó mang tên Lý Thụy và biệt danh Vương Sơn Nhị. Theo Lê Dư, Hồ Chí Minh đã nói: «Cụ đã gần đất xa trời mà chẳng nên công việc gì, chi bằng bán cụ cho Pháp lấy tiền cho Đảng ta».

Một người trực tiếp nghe Hồ Chí Minh phát biểu như trên là Vương Thúc Oánh. Vương Thúc Oánh là người thứ 7 trong 9 hội viên bí mật của Cộng Sản Đoàn thành lập vào tháng 2-1925. Lúc đó, Vương Thúc Oánh rời Thái Lan theo Hồ Tùng Mậu về Quảng Châu và luôn có mặt trong mọi phiên họp bàn bạc về hoạt động của nhóm.

"Trong cuốn sách tự thuật in vào năm 1962, Vương Thúc Oánh cho biết trong phiên họp khoảng đầu năm

1925 của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, một hội vừa mới được Lý Thụy móc nối và thành lập, và Vương Thúc Oánh có hiện diện trong buổi họp đó, Lý Thụy nói: "Cụ Phan ái quốc thật, nhưng cụ đã quá già, đầu óc rất khó hấp thụ những trào lưu tư tưởng mới. Cụ lại quá thành thực, dễ tin người ..." Lý Thụy đã lý luận hãy để cho cụ Phan trở thành biểu tượng đấu tranh bằng cách để người Pháp bắt giam cụ Phan xong rồi Hội tổ chức các cuộc đấu tranh cho cụ. Song song, khi bán tin cho người Pháp bắt cụ, người Pháp phải gởi lại cho Hội một số tiền và Hội dùng số tiền này để phát triển lực lượng. Lý luận "nhất cử lưỡng tiện" này đã được các thành viên trong Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội biểu quyết chấp thuận".[11]

Vương Thúc Oánh là con rể Phan Bội Châu cũng nghe theo và số tiền nhận được từ người Pháp trong vụ này, theo Vương Thúc Oánh, là 10 vạn quan, tức 100,000 quan.

Vụ "bán người" này được hầu hết các tác giả khác nhắc tới trong số có Đào Văn Hội, tác giả Ba nhà chí sĩ họ Phan, cho biết thêm một chi tiết khác: "Sau khi Phan Bội Châu đi Hàng Châu, Lý Thụy và Lâm Đức Thụ đã triệu tập các nhà cách mạng tại Quảng Châu lại, trừ Nguyễn Hải Thần, để bàn về vấn đề tài chánh. Không ai đưa ra được giải pháp nào về vấn đề này. Lâm Đức Thụ đã đề nghị hy sinh cụ Phan Bội Châu ... Và hội nghị đã ủy cho Lâm Đức Thụ và Phan Vị đến tiếp xúc với tòa tổng lãnh sự Pháp ở Hương Cảng để thương lượng".[12]

Về phía các tác giả ngoại quốc, David Halberstam và J.P. Honey là những người rất có thiện cảm với Hồ Chí

Minh cũng xác nhận việc "bán người" trên. Honey viết: "Việc Hồ Chí Minh bán đứng nhà ái quốc nổi tiếng Phan Bội Châu cho Pháp lúc ấy đang sống lưu vong ở Trung Hoa minh họa chân dung (cá tính) đích thực của con người đó. Sau này ông ta đã chứng minh cho đồng chí thấy việc làm đó là chính đáng bằng cách nêu lên 3 lý do thúc đẩy ông ta làm:

- Một, Phan Bội Châu không phải cộng sản mà là người "quốc gia" và có thể sẽ là đối địch với cộng sản trong kế hoạch kiểm soát phong trào kháng chiến chống Pháp. Phản Phan Bội Châu là loại bỏ được một đối thủ tương lai.

- Hai, món tiền thưởng nhận được của Pháp có thể được dùng một cách tối ưu để phát triển phong trào cộng sản Việt Nam.

- Ba, việc Pháp xử tử Phan Bội Châu sẽ tạo nên một không khí phẫn nộ mạnh trong nước lúc ấy đang cần có.

Biện luận kiểu đó chứng tỏ không còn nghi ngờ rằng Hồ cực đoan, tàn nhẫn và có óc tính toán."[13]

Khác với J.P. Honey, David Halberstam không nhìn sự việc như một biểu hiện tính chất cực đoan, tàn nhẫn của con người Hồ Chí Minh mà đặt trên căn bản những cái lợi thu được cho hoạt động của Hồ Chí Minh: "Nhà ái quốc già Phan Bội Châu, bạn của thân phụ Hồ, lúc ấy đang ở Quảng Đông. Tại đây ông đã thu hút một số đông thanh niên Việt đang sống lưu vong. Còn Hồ Chí Minh thì nay là một chiến sĩ cách mạng chuyên nghiệp được rèn luyện tại Moscow. Ông ta coi Châu chẳng có chút hy vọng nào và còn là một vấn đề trở ngại. Châu đối với Hồ chỉ còn là thứ di tích của quá khứ để tôn thờ. Xem ra Châu không

phải một nhà cách mạng mà chỉ là một kẻ chống đối trong một địa phương hạn hẹp muốn có chút thay đổi. Đối với nhóm của Hồ, cụ Phan là con người chỉ biết an phận ngồi bàn chuyện đâu đâu trong khi thế giới đang biến chuyển và thời cuộc đang hối thúc phải hành động.

Một phụ tá của Hồ[14] bỗng nảy ra ý kiến có thể cho đoàn thể có một tài khoản lớn đồng thời làm phấn chấn lòng yêu nước trong nước. Anh ta đề nghị với Hồ nên hy sinh Châu cho đại nghĩa quốc gia. Lúc ấy Châu là lãnh tụ quốc gia nổi tiếng nhất tại Quảng Đông. Bán Châu cho Pháp, bọn họ sẽ được thưởng, trong khi đó, việc bắt giữ và xử án Châu sẽ dấy động lòng dân và kéo chú ý của quốc tế. Phản ứng của quốc tế sẽ rất mãnh liệt nên Pháp sẽ không thể xử tử Phan Bội Châu.

Ông Hồ đồng ý và vào tháng 6 năm 1925, Châu nhận được giấy mời dự buổi họp đặc biệt của những nhà cách mạng Việt. Khi ông tới Thượng Hải thì bị mấy người lạ mặt bắt cóc đưa về sở của người Pháp rồi từ đó về Hà Nội. Người ta tin rằng kẻ trung gian của Hồ đã nhận được 150.000 đồng của người Pháp trao cho. Châu bị xử khổ sai chung thân, nhưng mấy tuần sau được ân xá. Toàn quyền Pháp lúc ấy mời Châu đến tư dinh nghỉ đêm, nhưng vị ái quốc lão thành ngay cả lúc ấy cũng còn khước từ không chịu hợp tác với thực dân. Tuy nhiên, ông đã bị loại khỏi sân khấu chính trị, và tại Quảng Đông, Hồ Chí Minh nhanh chóng thâu dụng một số những thanh niên Việt lưu vong từng quây quần xung quanh Phan Bội Châu. Từ đó Hồ Chí Minh bắt đầu thành lập nhóm riêng của ông ta.[15]

Theo Halberstam, Hồ Chí Minh quyết định theo gợi ý

của một phụ tá và số tiền nhận được là 150.000. Đây là hai chi tiết tương đối dị biệt so với các tác giả khác. Ngoài ra, mọi chi tiết đều phù hợp, đặc biệt về lý do chủ yếu thúc đẩy hành động bán người là thanh toán trở ngại trên đường phát triển ảnh hưởng Cộng Sản. Halberstam ngưỡng mộ Hồ Chí Minh như một thần tượng nên không thể có dụng ý xuyên tạc để bôi xấu thần tượng. Ngược lại, Halberstam còn coi hành động này phản ảnh tài trí hơn người của Hồ Chí Minh vì vừa loại trừ được một trở ngại vừa có thêm tài chính, có thêm điều kiện nhân tâm thuận lợi và có động cơ cụ thể thúc đẩy việc đấu tranh. Tuy nhiên có thể chính Halberstam vẫn không tin lý lẽ của mình đủ thuyết phục mọi người nhìn sự việc theo hướng đã mở, vì nhiệt tình yêu nước của Phan Bội Châu và cái án tử hình khiếm diện đã có từ 1913. Bởi lẽ, bất kỳ lý do nào cũng không cho phép đặt một người nhiệt tình yêu nước dưới máy chém của kẻ thù. Cho nên, Halberstam đã nhấn mạnh về tuổi già vô dụng của Phan Bội Châu và sự tin tưởng Pháp không dám ra tay sát hại ông. Gần như Halberstam chỉ lập lại những biện bạch do chính Hồ Chí Minh (hoặc một phụ tá)ï nêu ra trong các buổi họp cho rằng Phan Bội Châu già yếu không còn thích hợp với việc đấu tranh và cho rằng người Pháp không dám xử tử Phan Bội Châu. Lúc đó Phan Bội Châu mới 58 tuổi và là nhân vật nổi bật đối với cả quần chúng trong nước lẫn chính giới Nhật Bản - Trung Hoa nên biện bạch trên không phản ảnh thực tế mà chỉ xuất phát từ dụng tâm cố tình triệt hạ. Về sự tin tưởng người Pháp không dám xử tử Phan Bội Châu thì có thể coi như cách trấn an để ai còn nghi ngại sẽ xuôi theo chứ không

dựa trên cơ sở nào. Thực ra, theo các tác giả khác, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề hy sinh Phan Bội Châu để tạo một biểu tượng đấu tranh và đã nói hành vi xử tử Phan Bội Châu sẽ gây căm phẫn trong quần chúng tức là không che giấu ý định đẩy Phan Bội Châu vào cái chết để khai thác.

Dù nhìn sự việc theo cách nào, việc Phan Bội Châu rơi vào tay mật thám Pháp đã đem lại cho Hồ Chí Minh nhiều lợi điểm trong bước đầu phát triển ảnh hưởng.

Trước hết là cảnh huống đột ngột mất ngọn đuốc chỉ đạo của những người đang hoạt động chống Pháp tại Trung Hoa - Thái Lan, vì hầu hết những người này đều hưởng ứng phong trào Đông Du hoặc hưởng ứng các hội đoàn chịu ảnh hưởng Phan Bội Châu. Mất Phan Bội Châu, tất cả trở thành mất phương hướng nên dễ dàng ngả theo tuyên truyền Cộng Sản hoặc dễ dàng liên kết với Cộng Sản để sẽ trở thành công cụ. Chứng cớ cụ thể là ngay những người từng có nhiều năm tranh đấu như Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần... cũng trở thành con cờ bị vận dụng từ thập niên 1930.

Kế tiếp, sự vắng mặt của Phan Bội Châu đã mở ra khung cửa lớn cho những nỗ lực tiếp cận với chính quyền Trung Hoa Dân Quốc. Cánh cửa đó từ trước gần như bị che khuất bởi uy danh Phan Bội Châu thì lúc này luôn bỏ ngỏ cho bất kỳ kẻ nào khôn khéo. Hồ Chí Minh có lợi thế hơn bất kỳ ai hết vì có Quốc Tế Cộng Sản yểm trợ sau lưng trong lúc chính quyền Trung Hoa đang thi hành chính sách Liên Nga Dung Cộng. Tình hình này giúp Hồ Chí Minh dễ dàng tranh thủ sự ủng hộ của nhiều nhân vật chính quyền Trung Hoa, thậm chí nhận được cả sự ủng hộ của phu nhân lãnh tụ Tôn Dật Tiên, bà Tống Khánh Linh,

Thuận lợi hơn nữa là khung cảnh đấu tranh gần như hoàn toàn mới ở trong nước, nhất là quyết định thủ tiêu Việt Nam Quang Phục Hội do chính Phan Bội Châu đưa ra chưa kịp có bước tiếp nối. Biến cố Phan Bội Châu bị bắt khiến nhiều tầng lớp quần chúng thức tỉnh, đồng thời khó tránh gây hoang mang cho các hội đoàn đấu tranh dưới ảnh hưởng của Phan Bội Châu đang chưa biết tiến lui ra sao. Có thể hình dung địa bàn quốc nội gần như bỏ ngỏ cho những ai đã có định hướng khai thác. Điều này đã giải thích về sự phát triển tương đối mau chóng của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội là tổ chức do một Tổng Bộ lãnh đạo gồm người Cộng Sản nhưng vẫn tuyên truyền đường lối Tam Dân Chủ Nghĩa, vẫn trưng hình Tôn Dật Tiên, Phạm Hồng Thái và nhất là vẫn không rời danh nghĩa Phan Bội Châu.

Thuận lợi hơn hết đối với bản thân Hồ Chí Minh là dẹp xong một trở ngại lớn. Từ tháng 6-1923, Hồ Chí Minh đã có mặt tại Liên Xô, được chọn là ủy viên Quốc Tế Nông Dân, được huấn luyện tại Đại Học Cộng Sản Mạc Tư Khoa, được kết nạp vào Đệ Tam Quốc Tế công tác tại Cục Phương Đông và nhất là đặt trọn niềm tin vào lãnh tụ Lênin như đã viết trên báo Pravda ngày 27/1/1924: "Khi còn sống, Người là cha, là thầy, là đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cách mạng xã hội. Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta".[16] Với niềm tin này, Hồ Chí Minh nhìn thấy Phan Bội Châu vốn nhiệt thành yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc chắc chắn không bao giờ tôn thờ Lênin. Như thế, dù muốn dù không, Phan Bội Châu đã trở thành

kẻ đại địch, nhất là với vị thế và uy tín mà Phan Bội Châu đang có. Nhiệm vụ của Hồ Chí Minh tại Cục Phương Đông sẽ hết sức nặng nề trong trường hợp Phan Bội Châu tiếp tục tồn tại để lãnh đạo các phần tử đấu tranh. Trong quan điểm chiến lược sách lược do Lênin vạch ra, vấn đề liên minh là trọng yếu nhưng chỉ có thể liên minh trong tư thế nắm vững quyền chỉ đạo. Phương sách đối phó duy nhất trong trường hợp gặp những kẻ cản trở thế liên minh này là loại trừ. Việc Phan Bội Châu bị vĩnh viễn loại khỏi chính trường hoàn toàn phù hợp với quan điểm chiến lược sách lược mà Lênin đã vạch ra.

Tuy vậy, vẫn có những tác giả tránh né để cập hoăïc bác bỏ việc Hồ Chí Minh bán đứng Phan Bội Châu. Trước hết, hết thẩy các tác giả Cộng Sản Việt Nam đều không bao giờ nhắc đến việc này. Một câu viết gần như trở thành khuôn đối với các tác giả này là gán cho người nhắc đến vấn đề những từ xuyên tạc, vu cáo và cũng không nói rõ xuyên tạc, vu cáo điều gì. Chẳng hạn, trong Phan Bội Châu niên biểu, nơi bài mở đầu, Chương Thâu viết: "Về nguyên văn chữ Hán, Phan Bội Châu niên biểu có khá nhiều bản, trong số này, may mắn còn bảo tồn được hai bản gốc có thủ bút của cụ Phan (bản của Huỳnh Thúc Kháng và bản của Anh Minh) ... Ông Nguyễn Văn Xuân ... đã chỉ trích sai lầm đối với giới học thuật miền Nam lúc đó là vì sao lại không tin, không dựa vào Anh Minh? Theo chúng tôi, sở dĩ người ta không thể tin Anh Minh vì chính Anh Minh đã có nhiều việc làm khuất tất, mờ ám, nhất là y đã cố tình xuyên tạc tài liệu Phan Bội Châu để nhắm mục đích chống Cộng một cách khá lộ liễu."[17] Cũng trong Phan Bội Châu niên

biểu, đoạn Phan Bội Châu nhắc đến việc giao dịch với Hồ Chí Minh, Chương Thâu đã nhấn mạnh mấy chữ "ông đã nhiều lần viết giấy cho tôi" và ghi trong chú thích như sau: Ở đây ta chú ý là: đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã trao đổi với cụ Phan bằng thư từ chứ không phải trực tiếp bàn bạc, vì khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc về đến Quảng Châu thì cụ Phan đã đi Hàng Châu từ trên dưới một tháng rồi.[18] Có thể Phan Bội Châu không gặp Hồ Chí Minh tại Quảng Đông, nhưng ở đây dụng ý của Chương Thâu chỉ muốn đẩy xa Hồ Chí Minh khỏi vụ án Phan Bội Châu. Nhưng, một tài liệu khác của Cộng Sản Việt Nam giao cho UNESCO là tập Bác Hồ những năm tháng ở nước ngoài của Đặng Hòa lại dành nhiều trang tả cuộc gặp gỡ rất thân thiết giữa 2 người như sau: "Với địa chỉ do cơ quan Borodin cung cấp, ông Nguyễn lên Hàng Châu tìm gặp cụ Phan Bội Châu. Sau hai mươi năm trời mới gặp lại, ông thấy cụ vẫn quắc thước và tràn đầy nhiệt huyết như xưa. Còn cụ Phan, cụ rất mừng khi gặp lại ông Nguyễn, con trai cụ Phó Bảng làng Sen thân thiết. Những năm đầu thế kỷ, khi cụ khởi xướng phong trào Đông Du, đã có lần cụ ngỏ ý với cụ Phó Bảng để anh Nguyễn lúc đó mới 14 tuổi đi theo con đường của cụ. Nhưng người thiếu niên của dòng họ Nguyễn Sinh đó đã đi con đường của riêng anh, con đường khác với các bậc cha chú đương thời.

Gặp lại nhau, hai bác cháu hàn huyên trò chuyện. Những kỷ niệm của quá khứ được nhắc đến. Ông Nguyễn còn đọc lại cho cụ Phan nghe hai câu thơ trong cuốn Tùy Viên mà 23 năm trước, năm 1901 trong bữa rượu say với cụ Phó Bảng tại nhà ông Nguyễn, cụ Phan đã đọc:

Mỗi phận bất vong ghi trúc bạch
Lập thân tối hạ thị văn chương
(Mỗi bữa không quên ghi sử sách
Lập thân hèn nhất là văn chương)
...

Trong cuộc đàm luận, cụ Phan đã giới thiệu với ông Nguyễn danh sách 14 người yêu nước đã cùng cụ hoạt động bấy lâu. Trong danh sách đó, có một số thanh niên mà cơ quan Borodin đã cung cấp cho ông hôm trước.

Vài năm sau cuộc hội kiến lịch sử này, khi Phan Bội Châu đã trở thành Ông Già Bến Ngự để quãng đời cuối cùng trôi qua trên đất Huế, đã có đôi lần khi các thanh niên yêu nước hỏi cụ:

- Bây giờ cụ về nước thì ở nước ngoài còn có người Việt Nam nào thay cụ dẫn dắt đồng bào được nữa?

Cụ đã không ngần ngại mà trả lời rằng:

- Vẫn còn, còn có Nguyễn Ái Quốc, ông Nguyễn giỏi hơn tôi, ông sẽ làm được việc đó![19]

Tuy viết dài về cuộc gặp gỡ, Đặng Hòa không nhắc một chữ đến việc Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt mà còn vẽ ra sự ngưỡng mộ cảm phục của Phan Bội Châu đối với Hồ Chí Minh bằng một chứng liệu vu vơ. Một tài liệu khác của Cộng Sản Việt Nam đề cập tới vụ này cũng không với một tình tiết nào ngoài việc đặt Phan Bội Châu dưới sự dắt dẫn của lãnh tụ Hồ Chí Minh - một điều không thể nào có chiếu theo hoàn cảnh thực tế lúc đó tại Hoa lục: "Trên đường đi từ Hàng Châu tới Quảng Đông dự kỷ niệm một năm ngày liệt sĩ Phạm Hồng Thái hy sinh trong vụ nổ bom mưu sát Toàn Quyền Đông Dương Meclanh ở Sa Điện,

cũng nhân đó để gặp gỡ các đồng chí của mình tiến hành cải tổ Việt Nam Quốc Dân Đảng theo gợi ý của Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt cóc ở nhà ga Thượng Hải và đưa về Việt Nam. Sự kiện này đã cắt đứt những khả năng tốt đẹp của Phan có thể vươn tới trong sự nghiệp cứu nước của mình dưới tác động của tình hình cách mạng thế giới và của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc"[20]

Riêng Hồ Chí Minh gần như tuyệt đối không nhắc đến vụ Phan Bội Châu bị bắt. Trong các bài viết, Hồ Chí Minh luôn kể lại những ngày thành lập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, nhưng chỉ một lần nói tới tên Phan Bội Châu khi dùng bút hiệu Trần Dân Tiên và gần như còn đặt nội vụ vào một thời gian khác hẳn: "Vừa nghiên cứu làm việc để sống, ông Nguyễn vẫn ra sức làm việc cho tổ quốc mình. Ông bắt đầu tổ chức đồng bào Việt kiều ở Trung Quốc. Tổ chức này gọi là Hội Việt Nam Thanh Niên Cách mạng Đồng Chí... Hoạt động của Hội Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí bắt đầu lan vào trong nước. Thực dân Pháp gián tiếp giúp đỡ rất nhiều. Vì sao vậy?

Trong khi tài liệu và báo chí của ông Nguyễn bí mật lọt vào nước rất khó khăn thì bọn thực dân làm to chuyện để yêu cầu đàn áp. Đó là một quảng cáo rất tốt cho công việc của ông, làm cho đồng bào chú ý, làm cho họ càng thích được nghe tuyên truyền cách mạng. Hơn nữa, thực dân Pháp đã phạm một sai lầm là bắt nhà lão sĩ yêu nước Phan Bội Châu, lúc bấy giờ ở Trung Quốc và muốn kết án tử hình cụ Phan. Tất cả nhân dân Việt Nam nổi dậy chống lại vụ án này và yêu cầu thả cụ Phan. Chưa bao giờ có một

phong trào quần chúng rộng rãi như vậy. Đây là một dịp tốt cho ông Nguyễn tuyên truyền chủ nghĩa yêu nước.[21]

Trong lúc các tác giả Cộng Sản Việt Nam tránh né vấn đề thì William J. Duiker dựa vào mối nghi ngờ của Phan Bội Châu để bác bỏ việc Hồ Chí Minh dính vào việc bán người. Duiker viết chính Phan Bội Châu đã cho biết kẻ chỉ điểm cho Pháp bắt mình là Nguyễn Thượng Huyền. Thực ra, qua những dòng trong Phan Bội Châu niên biểu, Phan Bội Châu chỉ cho biết được nghe nói như thế và tin theo chứ không hề xác định với bằng chứng nào. Sự việc này đã được sử gia Phạm Văn Sơn đề cập và cho rằng Phan Bội Châu nghi oan cho Nguyễn Thượng Huyền. Chính Nguyễn Thượng Huyền đã lên tiếng khi biết nội vụ vào dịp về Việt Nam - "khoảng năm 1965, cụ Nguyễn Thượng Huyền có về Việt Nam và đăng một bài cải chính nói rõ vụ việc trên tờ *Bách Khoa* số 73".[22]

Như vậy, trong ba người được nêu tên liên hệ đến vụ bán người thì hai người đã lên tiếng. Nguyễn Thượng Huyền đối diện thẳng với vấn đề để chứng minh sự vô can của mình còn Lâm Đức Thụ, theo ghi nhận của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, đã khoe đó là thành tích do chính mình đạt được. Vào năm 1925, Lâm Đức Thụ là người thân tín của Hồ Chí Minh được dành cho vai trò lãnh đạo cao nhất của tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội nên không thể không bàn bạc với Hồ Chí Minh về mọi công việc. Ngoài ra, những người từng có mặt trong tổ chức trên như Lê Dư, hoặc quan trọng hơn nữa như Vương Thúc Oánh đều cho biết sự việc đã diễn tiến ra sao.

Cho nên chỉ dựa vào việc Phan Bội Châu nghi ngờ

Nguyễn Thượng Huyền thay vì Hồ Chí Minh chưa thể đủ lý do để kết luận. Đối với Phan Bội Châu, cả Nguyễn Thượng Huyền lẫn Hồ Chí Minh đều như con cháu nên đều được tin cậy. Phan Bội Châu nghi Nguyễn Thượng Huyền chỉ vì Nguyễn Thượng Huyền đang ở kề cận biết rõ hành trình của mình và đã có người tới nói rằng Nguyễn Thượng Huyền làm việc đó.

Dù biện minh của Duiker được đánh giá ra sao thì vẫn cho thấy Duiker không nhìn vấn đề như Halberstam mà coi hành vi bán người là điều không thể chấp nhận. Duiker vốn ngưỡng mộ Hồ Chí Minh nên cố đẩy hành vi này cho kẻ khác. Tuy nhiên, Duiker không thể phủ nhận một sự việc hiển nhiên là lời cáo buộc của Hà Huy Tập về trách nhiệm của Hồ Chí Minh trong việc đẩy hàng trăm người vào tay mật thám Pháp. Trong tác phẩm của mình, Duiker đã ghi: "... Hà Huy Tập nhân dịp báo cáo gửi Mạc Tư Khoa về kết quả của đại hội đảng, đã tấn công thêm mấy đòn vào Nguyễn Ái Quốc. Trong thư ngày 31/3/1932) gửi cho Dalburo, ông đã ghi là các đảng viên ở Đông Dương và Xiêm đang công khai đấu tranh chống di sản của ý thức hệ "cách mạng dân tộc" của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội và lãnh tụ của tổ chức này là Nguyễn Ái Quốc. Tập đề xuất buộc Quốc phải tự kiểm điểm để nhìn nhận đã phạm sai lầm trong quá khứ...

"*Mấy tuần sau Tập trở lại tấn công Quốc, bảo nhiều đại biểu của đại hội Macao đã quy trách, ít nhất một phần, cho Quốc về vụ hơn 100 đảng viên của ĐDCSĐ, và của Thanh Niên Đồng Chí Hội bị Pháp bắt. Vì Quốc đã biết Lâm Đức Thụ là gián điệp mà vẫn dùng. Tập cũng cáo buộc Quốc đã*

bất cẩn bắt mỗi học viên ở học viện Quảng Đông phải nộp cho Quốc một tấm ảnh, cũng như tên, họ, địa chỉ của thân nhân. Những tài liệu này sau rơi vào tay Pháp. Vì vậy "Quốc không bao giờ có thể cho là mình không có trách nhiệm về những hành động đó".[23]

Về việc này Việt Thường cẩn thận hơn Duiker, đã ghi nguyên văn một đoạn trong báo cáo của Hà Huy Tập gửi QT3 đề ngày 20/4/1935 như sau:

"*Trước và sau đại hội của đảng, một số đồng chí khi nói chuyện với nhau thường bàn về đồng chí Nguyễn Ái Quốc (tức Hồ). Họ cho rằng Quốc chịu trách nhiệm về việc mật thám bắt hơn 100 hội viên đoàn thanh niên, bởi vì:*

a) Quốc biết rõ Lâm Đức Thụ là một tên khiêu khích nhưng vẫn làm việc với hắn.

b) Quốc đã phạm sai lầm khi yêu cầu mỗi thanh niên nộp hai bức ảnh, ghi rõ tên thật, địa chỉ, tên cha mẹ, ông bà, cụ kỵ cùng với tên của từ 2 đến 10 người bạn.

c) Ở trong nước, ở Xiêm (Thái Lan) và ở trong tù, người ta vẫn còn bàn tán đến trách nhiệm của Quốc, trách nhiệm mà anh ta không dám chối."[24]

Theo Hà Huy Tập, Hồ Chí Minh đã sai lầm khi đòi hỏi những người gia nhập tổ chức phải khai rõ lý lịch, nộp hình ảnh và tin cậy Lâm Đức Thụ nên những tài liệu này rơi vào tay mật thám Pháp khiến hàng trăm người đã bị bắt. Hà Huy Tập cũng cho rằng Hồ Chí Minh thiếu trung thành với tinh thần quốc tế vì tỏ ra nghiêng theo chủ nghĩa dân tộc. So nguyên văn báo cáo của Hà Huy Tập với lời tường thuật của Duiker có một khác biệt là Hà Huy Tập không nói Đông Dương Cộng Sản Đảng mà chỉ nói hội viên đoàn

thanh niên trước đó tức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Hồ Chí Minh giao cho Lâm Đức Thụ lãnh đạo một thời gian. Về việc này, Duiker viết: "*Có lẽ Nguyễn Ái Quốc đã được đọc những báo cáo như thế (của HHT) khi chúng đã tới Mạc Tư Khoa. Ông ta nghĩ gì về lời phê bình của Tập đối với hành động của ông thì không biết. Nhưng thái độ chung của ông được bộc lộ trong một lá thư gửi cho ai đó ở Bộ Phương Đông vào tháng 1-1935: Ông than phiền rằng trình độ hiểu biết về chủ nghĩa lý thuyết của các học viên Đông Nam Á từng theo học ở Mạc Tư Khoa rất thấp. Nhiều người không hiểu thế nào là cách mạng dân chủ tư sản, hay thế nào là sự liên hệ của cách mạng ruộng đất với chính nghĩa chống đế quốc...*"[25]

Hồ Chí Minh chê những sinh viên Đông Nam Á - trong đó có Trần Phú, Hà Huy Tập đã phê bình ông - là đúng vì quả tình họ không hiểu cách hành động của Hồ Chí Minh và cũng chưa nắm vững quan điểm chiến lược sách lược liên minh giai đoạn của Lênin. Vận dụng chiêu bài chủ nghĩa dân tộc trong thời điểm đó là một bước đi sách lược cần thiết. Vì chỉ bằng bước đi này mới có thể xâm nhập các tổ chức và cuốn hút quần chúng để gây dựng lực lượng. Bước đi cần thiết thứ hai là không nương tay với những phần tử cản đường và Hồ Chí Minh đã trù liệu đối phó bằng sự mượn tay mật thám Pháp nên kết thân với Lâm Đức Thụ là người đang cộng tác với Pháp. Dù đã nắm được tổ chức Tâm Tâm Xã xoay chuyển thành Việt Nam Thanh Niên Đồng Chí Hội, Hồ Chí Minh vẫn hiểu hầu hết hội viên của tổ chức này thuộc hàng ngũ quốc gia yêu nước. Do đó, yêu cầu khai rõ lý lịch với các chi tiết về nơi ở, người thân

khi có việc cần và nộp hình không phải khuyết điểm như Hà Huy Tập đã nghĩ mà là một việc được tính kỹ để thanh toán các phần tử sẽ biến thành trở ngại như phản đối chủ nghĩa Cộng Sản hoặc thiếu trung thành với Đệ Tam Quốc Tế. Khi xảy ra các sự việc này, Hồ Chí Minh chỉ cần nhắc Lâm Đức Thụ cung cấp tài liệu cho mật thám Pháp.

Cho nên, mặc dầu có những báo cáo trên, Hồ Chí Minh vẫn được tin cậy ở vai trò cán bộ đại diện Đệ Tam Quốc Tế tại Đông Nam Á, còn những người như Trần Phú, Hà Huy Tập dù nối tiếp nhau giữ chức tổng bí thư Đông Dương Cộng Sản Đảng vẫn chỉ là cán bộ thuộc một chi bộ địa phương. Những báo cáo của Hà Huy Tập không tác hại tới vị thế của Hồ Chí Minh nhưng là chứng liệu cụ thể về tương quan giữa Hồ Chí Minh với mật thám Pháp vào những năm cuối thập niên 1920 đầu thập niên 1930. Mối tương quan này đã khiến hàng trăm người yêu nước rơi vào vòng tù tội do bàn tay của Hồ Chí Minh.

Vì thế, việc bán Phan Bội Châu cho mật thám Pháp có thể coi là sự việc khơi gợi cho một phương pháp hành xử của Hồ Chí Minh và cũng có thể coi là hành vi mở đầu cho một phương pháp đã được trù tính trước. Trong sự biện bạch, Duiker cố loại Hồ Chí Minh khỏi vụ bán Phan Bội Châu và có những lời lẽ lấp lửng để người đọc thấy hàng trăm người bị bắt về sau chỉ do Hồ Chí Minh lầm tin Lâm Đức Thụ, nhưng chính Duiker đã quả quyết Hồ Chí Minh luôn nắm vững đường lối đấu tranh Lênin tức là tín đồ cuồng nhiệt của chủ thuyết bá đạo Sergey Nechayev. Mọi lời biện bạch trở nên không cần thiết vì với một người như thế, việc gì cũng có thể xảy ra.

Riêng với Phan Bội Châu dù tên tuổi luôn được các tác giả Cộng Sản Việt Nam nhắc đến như một vết son tô điểm thêm cho huyền thoại Hồ Chí Minh, nhưng chính Hồ Chí Minh từng nêu rõ ý mình như sau: "Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".[26]

Đẩy một kẻ «rước beo cửa sau» vào tù ngục hoặc vào cõi chết đâu có phải điều khó khăn với một người đã chọn bá đạo làm phương châm hành động. Vả lại, từ sau khi qua các lớp huấn luyện tại Mạc Tư Khoa, Hồ Chí Minh đã chọn con đường không chấp nhận tinh thần yêu nước là yêu dân tộc. Từ giữa năm 1923, đối với Hồ Chí Minh, yêu nước là phải yêu xã hội chủ nghĩa. Phan Bội Châu đã quay lưng lại với xã hội chủ nghĩa ngay từ cuộc gặp gỡ đại diện Nga tại Bắc Kinh năm 1920 do tinh thần yêu dân tộc. Vì thế, nếu Phan Bội Châu bị đối xử như cách đối xử dành cho những phần tử thuộc Tâm Tâm Xã không chấp nhận Cộng Sản sau năm 1925 cũng là chuyện bình thường.

Chú thích

[1] *Phan Bội Châu Niên Biểu* hay *Tự Phán* là tác phẩm được biên soạn trong thời gian Phan Bội Châu bị quản thúc tại Huế từ 1925 đến 1940. Tác phẩm viết bằng Hán văn do chính Phan Bội Châu tự dịch ra Việt văn, mang tính hồi ức về nhiều nhân vật, sự việc đã qua từ thời thiếu niên tới lúc bị bắt đưa về Huế và được in thành tập 6 của bộ Phan Bội Châu Toàn Tập do Chương Thâu biên soạn, NXB Thuận Hóa, Huế 1990. *Phan Bội Châu Niên Biểu* đã được Nguyễn Khắc Ngữ chú giải, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa ấn hành tại Saigon 1973 và được Huy Phong - Yến Anh sưu tầm trích lại trong *Exploring the Hồ Myth*, Th**g Mõ, Cali XB 1998.

[2] Ngoài Phong trào Duy Tân và Đông Du, Phan Bội Châu còn sáng lập Việt Nam Quang Phục Hội, Việt Nam Cống Hiến Hội, Tâm Tâm Xã, và ba

tổ chức có tính liên quốc gia Chấn Hoa Hưng Á Hội, Đông Á Đồng Minh Hội, Điền Quế Việt Liên Minh Hội. Ông cũng là người có sáng kiến phát hành Việt Nam Quang Phục Quân Quân Dụng Phiếu để gây quỹ hoạt động cách mạng... Ông đã có những trước tác khá quan trọng như *Liên Á Sơ Ngôn*, *Tân Việt Nam toàn thư*, *Ngục Trung Thư*...

3 *Phan Bội Châu Toàn Tập*, NXB Thuận Hóa, Huế 1990 - Tập 6, tr. 271-273. Theo chú thích thì tên người Nga trưởng đoàn Du Hoa Đoàn có thể là Iurine Voitinski, tên Nga của viên tham tán (được gọi là Lạp tiên sinh) là Khodorov và tên đại sứ Nga lúc đó là Karakhan.

4 Nguyên văn trong *Phan Bội Châu niên biểu*, bản do Chương Thâu biên tập: "*Nguyễn Ái Quốc tiên sinh từ Mạc Tư Khoa kinh thành nước Nga về đến Quảng Đông, ý ông chưa lấy chương trình, đảng cương này làm hoàn thiện, ông đã nhiều lần viết giấy cho tôi, bảo phải sửa sang nhuận sắc lần nữa, nhưng chưa được bao lâu thì tôi bị bắt về Hà Nội.*"

Phan Bội Châu niên biểu, bản do Phạm Trọng Điềm và Tôn Quang Phiệt chép là: "... thường thường bàn với tôi nên sửa đổi lại..."

Phan Bội Châu niên biểu, bản do Nguyễn Khắc Ngữ chú giải chép là: "... ông đã nhiều lần nhắc tôi thay đổi..."

5 Tức ngày 30/6/1925.

6-8 Phan Bội Châu Toàn Tập - Nxb Thuận Hóa, Huế 1990 - Tập 6, tr. 290-291, 289-290

7-22 Việt Sử Tân Biên - Phạm Văn Sơn - Sàigòn 1972 - Q.7, tr. 254, 229

9 *Vietnam, a dragon embattled*, Joseph Buttinger, Tome I, tr. 153

10 *Cuộc đời Cách Mạng*, Cường Để, Saigon 1968, tr. 121

11 *Huyền thoại Cộng Sản*, Hoàng Duy Hùng, Hưng Việt, Cali 1999, tr.139-140

12 Theo *Những bí ẩn lịch sử đằng sau cuộc chiến Việt Nam*, Lữ Giang, Cali, 1998, tr. 69-72.

13 *North Việt Nam Today*, J.P Honey, tr. 4.

14 Ám chỉ Lâm Đức Thụ.

15 *Ho*, David Halberstam, tr. 44- 45.

16 *Biên niên tiểu sử*, Tập I, tr. 210

17-18 *Phan Bội Châu Toàn Tập*, NXB Thuận Hóa, Huế 1990 - Tập 6, tr. 23 & tr.288

19 *Bác Hồ những năm tháng ở nước ngoài,* UNESCO ... Hà Nội 1999, tr. 96-98

20 *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội 2001, tr.90-91

21-26 *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*,-NXB Văn Học 2001, tr. 71-72, 11

23-25 *Ho Chi Minh, a life*, Duiker, tr. 222.

24 *Sự tích con yêu râu xanh*, tr. 271

Chương 46
HỒ CHÍ MINH từ Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 tới Cải Cách Ruộng Đất 1953

Hai dấu ấn đậm đà mà chủ nghĩa Cộng Sản ghi lại trên đời sống Việt Nam, đặc biệt tại nông thôn, là phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và cuộc Cải Cách Ruộng Đất.

Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh là phong trào nổi dậy đầu thập niên 1930 chống chính quyền đương thời lúc đảng Cộng Sản Việt Nam vừa thành lập và phát động đấu tranh với danh nghĩa Cộng Sản.

Cuộc Cải Cách Ruộng Đất được thực hiện vào hai thập kỷ sau, đầu thập niên 1950, khi Cộng Sản thực sự nắm quyền trên một phần đất nước.

Cả hai biến cố đều do Đảng Cộng Sản Việt Nam chủ trương nhưng đều có dư luận biện giải là Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm.

Từ giữa thập niên 1930 tới cuối thập niên 1940, gần như các tài liệu Cộng Sản Việt Nam thường coi Xô Viết Nghệ Tĩnh là phong trào tự phát nằm ngoài ý định của Hồ

Chí Minh và cách biện giải này đã ảnh hưởng tới nhiều tác giả nghiên cứu về Việt Nam và con người Hồ Chí Minh.

Từ thập niên 1950 trở về sau, phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh được nhìn theo chiều hướng khác hơn không còn được coi là một cuộc nổi dậy mang tính tự phát nữa.

Sở dĩ có tên Xô Viết Nghệ Tĩnh vì *"... khi được tin nông dân nổi dậy ở Nghệ Tĩnh, Nguyễn Ái Quốc đã vội vã báo cáo hồi tháng 11 năm đó (1930) cho Quốc Tế Cộng Sản và Quốc Tế Nông Dân là: "Hiện nay ở một số làng Đỏ, Xô Viết Nông Dân đã được thành lập". Từ đó cái tên Xô Viết Nghệ Tĩnh được tung ra và trở thành lịch sử."*[1]

Phong trào đã được xác định không khuôn hạn trong hai tỉnh Nghệ - Tĩnh mà phát động trên toàn quốc. Trần Văn Giàu so sánh với cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc Dân Đảng như sau: *"Nếu Yên Bái nổi lên ở một vài địa phương lẻ tẻ trên chỉ một xứ Bắc Kỳ, thì cao trào 1930-1931 phát triển trên toàn quốc, khắp Trung, Nam, Bắc."*[2]

Hồng Hà phổ biến nội dung báo cáo ngày 29/9/1930 của Hồ Chí Minh gửi Đệ Tam Quốc Tế ghi rõ *"nông dân Gia Định, Chợ Lớn và Tân An ở Nam Kỳ cũng biểu tình ngày 12/9 (và) ngày 17 nông dân Gia Định lại biểu tình".*[3]

Dương Trung Quốc viết: *"Phối hợp với Xô Viết Nghệ Tĩnh, phong trào cách mạng Việt Nam ở các tỉnh Nam Trung Kỳ cũng phát triển mạnh... Các cuộc đấu tranh này đều có vũ trang và uy hiếp các cơ quan chính quyền của địch. Tiêu biểu trong cao trào này là cuộc biểu tình vũ trang thị uy của 3000 nông dân huyện Đức Phổ (Quảng Ngãi) ngày 7/10/1930 ..."*[4]

Sử gia Pháp Daniel Hémery ghi là trong ít tháng từ

tháng 5-1930 đến mùa hè 1931, cộng sản đã tổ chức 124 cuộc biểu tình bạo động khắp nơi.

Tài liệu ***Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam*** *được giảng dạy tại các trường đại học Việt* Nam hiện nay đưa ra con số gấp mười lần con số của sử gia Hémery - "*Từ tháng 2 năm 1930 đến tháng 4 năm 1931 trong cả nước đã có 1236 cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân... Chỉ trong tháng 9 và tháng 10 năm 1930, cả nước có 362 cuộc đấu tranh, 29 cuộc ở miền Bắc, 316 cuộc ở miền Trung, 17 cuộc ở miền Nam... Đấu tranh của quần chúng đã bùng nổ khắp nơi, tập trung ở các nhà máy, xí nghiệp, vùng mỏ như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hòn Gai, Cẩm Phả, Vinh - Bến Thủy, Saigon, Chợ Lớn vân vân...; ở các vùng nông thôn như Gia Định, Vĩnh Long, Sa Đéc, Bến Tre, Long Xuyên, Cần Thơ, Trà Vinh, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Thái Bình, Hà Nam, Kiến An...*"[5]

Phong trào được phát động với khẩu hiệu *"Trí-Phú-Địa-Hào, đào tận gốc, trốc tận rễ"*, biểu hiện tính triệt để của giai cấp đấu tranh đã dẫn đến thảm cảnh đẫm máu tại nhiều địa phương. Để đào tận gốc, trốc tận rễ bốn thành phần thù địch là *trí thức, phú nông, địa chủ, kỳ hào,* đấu tranh bạo động trở thành phương tiện chủ yếu.

Nông dân được tuyên truyền kích động nổi dậy trừng trị kẻ thù của giai cấp bằng mọi biện pháp kể cả tàn sát và tàn sát bất phân già trẻ lớn bé. Vì, dù là *trí, phú, địa, hào* thì kẻ nào cũng có gia đình, con cháu trong khi khẩu hiệu nêu rõ phải *đào tận gốc, trốc tận rễ* nên không thể nương tay.

Nhưng không chỉ riêng máu của những thành phần trên phải đổ mà máu của nông dân cũng chan hòa vì sự đàn áp dữ dội của chính quyền thực dân Pháp.

Để đối phó với cuộc bạo động ngày 12/9/1930 của nông dân phủ Hưng Nguyên, Nghệ An, người Pháp đã đưa máy bay tới thả bom vào giữa các đám đông sát hại 217 người. (**6**) Bạo động kéo dài cho tới mùa hè 1931 và trải rộng trên nhiều địa phương nên thảm cảnh chém giết đã tạo một ấn tượng kinh hoàng đối với quần chúng khắp nước. Hai tiếng Cộng Sản trở thành mối đe dọa khủng khiếp vì là ám ảnh chết chóc từ cả hai phía, Pháp và những người đấu tranh cách mạng.

Trong ***Lời kêu gọi*** được thông qua vào dịp thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam vào đầu tháng 2/1930 tại Hong Kong, Hồ Chí Minh đã viết: *"Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"*[7]

Đi vào bước ngoặt lịch sử này, Đảng đưa ra công việc đầu tiên cho giai cấp vô sản được đánh giá đã trưởng thành là nổi dậy triệt hạ 4 kẻ thù *trí-phú-địa-hào*. Đảng đã theo đúng quan điểm chiến lược Lênin chọn giai cấp bần nông làm nòng cốt với mục tiêu cụ thể là tịch thu tài sản ruộng đất của các thành phần thù địch chia lại cho dân - tức giai cấp vô sản. Cảnh sống khó khăn và trình độ dân trí thấp kém đã giúp các cán bộ tuyên truyền nhanh chóng lôi cuốn được những đám đông.

Phong trào được hưởng ứng và kết quả những ngày đầu có vẻ thuận lợi nên lập tức các kiểu mẫu chính quyền Xô Viết được thành lập gây hứng khởi cho nhóm lãnh đạo khiến Hồ Chí Minh vội vã báo cáo ngay với Đệ Tam Quốc Tế về việc *đã có những làng Đỏ tại Việt Nam với các Xô Viết Nông Dân*.

Nhưng, hành động đấu tranh mang tính thúc đẩy những cuộc cướp của giết người đã gây ác cảm trong dư luận.

Nhà báo Nguyễn Phan Long trên tờ *Đuốc Nhà Nam* trong số ra ngày 8/8/1930 đã có một bài viết về những cuộc nổi dậy này được Trần Văn Giàu trích lại như sau: "*Tôi dám chắc rằng trong đám dân biểu tình, ngoài mấy anh đầu đảng ra không nói, còn mấy người sau đều là đám dân ngu khờ khạo bị chúng cám dỗ hết thảy. Thiệt vậy, theo người ở Hốc Môn nói với tôi, có nhiều người ở trong làng xưa nay là dân nghèo khù khờ ngu dại thế mà bị Cộng Sản đến diễn thuyết, nói những lời dưới đất trên trời, làm cho những người ấy hóa ra những người biểu tình rất hăng hái!*"

Trần Văn Giàu cũng trích lại lời phát biểu của nhà báo Dương Bá Trạc trên tờ *Lục Tỉnh Tân Văn*: "*Làm cộng sản là những thằng dốt, theo cộng sản là những đứa ngu.*"

Như thế, ngay trong lần đầu công khai xuất hiện tại Việt Nam, Cộng Sản đã không thu phục nổi nhân tâm.

Đây là lý do khiến đảng Cộng Sản phải ẩn mình dưới chiêu bài Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của Hồ Học Lãm và cũng là lý do khiến một thời gian dài về sau cán bộ Cộng Sản các cấp thường xuyên coi Xô Viết Nghệ Tĩnh là phong trào tự phát.

Những luận điệu này cho tới năm 2000 còn được nhiều tác giả tiếp tục vận dụng để chứng minh sở kiến của mình như Douglas Pike, William J. Duiker...cho rằng Hồ Chí Minh không chủ trương bạo động nên không chịu trách nhiệm về những thảm cảnh trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Douglas Pike còn thu hẹp phong trào vào phạm vi vài

huyện của 2 tỉnh Nghệ Tĩnh để cho đó là những biến cố địa phương nhỏ hẹp.

Thực ra, chính Hồ Chí Minh vẫn coi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh là một thành tích lớn của Đảng Cộng Sản Việt Nam với sự đánh giá: *"Tuy đế quốc đã dập tắt phong trào đó trong bể máu, nhưng Xô Viết Nghệ Tĩnh đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam"*[8] Dưới bút hiệu Trần Dân Tiên, Hồ Chí Minh xác nhận chỉ 2 tháng sau khi thành lập, đảng Cộng Sản Việt Nam đã phát động những cuộc tranh đấu lan rộng khắp nước kéo dài suốt 13 tháng, từ tháng 4-1930 đến tháng 5-1931 và viết: *"Trong những tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nhân dân Việt Nam đã lật đổ chế độ cai trị của Pháp và phong kiến, và lập chính quyền Xô Viết."*[9]

Những người như Douglas Pike, William J. Duiker... có vẻ muốn thu hẹp cái bể máu Xô Viết Nghệ Tĩnh vào phạm vi một địa phương và cố đẩy thần tượng của mình ra xa bằng các màu sắc hiếu hòa ghét bạo lực, nhưng Hồ Chí Minh lại không che đậy nổi sự hứng khởi trước những cuộc nổi dậy.

Thêm nữa, riêng việc Hồ Chí Minh thường xuyên báo cáo cho Đệ Tam Quốc Tế ngay lúc vừa bắt đầu có các cuộc bạo động đã đủ để không thể bảo rằng Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm về những thảm cảnh đã xẩy ra.

Trong bản báo cáo ngày 29-9-1930, Hồ Chí Minh còn nêu rõ số người bị chết và cho biết đã chỉ thị cho đảng viên, đồng thời xin chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế về những bước đi tiếp: *"Hơn 200 người đã bị Pháp giết... Chúng tôi đã chỉ thị ngay cho các đảng viên Nam Kỳ ở trong nước cố gắng*

hết sức mình thu xếp một cuộc họp của trung ương để quyết định mọi việc... Đề nghị cho biết ngay chúng tôi phải làm gì và các đồng chí có thể làm gì giúp họ."[10]

Báo cáo này chỉ có thể giúp Hồ Chí Minh trút trách nhiệm cho Đệ Tam Quốc Tế với lập luận không thể làm trái chỉ thị thượng cấp. Nhưng trút tội theo cách này thì khác gì kẻ cầm dao giết người trút tội cho kẻ trả tiền mướn.

Tuy vậy, cách trút tội này đã được vận dụng khá nhiều vào hai thập kỷ sau, khi Cộng Sản Việt Nam tiến hành cải cách ruộng đất tại miền Bắc.

Cải Cách Ruộng Đất là việc bắt buộc phải làm tại các nước nặng về nông nghiệp với nhiệm vụ phá bỏ quyền tư hữu tiến tới hợp tác hóa nông nghiệp để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa. Liên Xô, Trung Quốc đều thực hiện cải cách ruộng đất sau khi Cộng Sản giành được chính quyền. Việt Nam cũng bước vào diễn trình này sau khi Cộng Sản kiểm soát một phần lãnh thổ và tái xuất hiện dưới tên gọi mới Đảng Lao Động Việt Nam.

Nhưng, Cải Cách Ruộng Đất không chỉ nhắm riêng về kinh tế mà đặc biệt chú trọng về chính trị với mục tiêu củng cố quyền lực cho Đảng. Được hướng dẫn trực tiếp bởi các *đặc phái viên thổ địa* Trung Cộng, giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam đã thuộc lòng bài học kinh nghiệm Hoa Lục sau khi Quốc Dân Đảng Trung Hoa thất bại như sau: "... *Quốc Dân Đảng là đảng vốn có thế lực cực lớn ở Hoa Nam, bắt rễ khá sâu trong xã hội Trung Quốc... Số người của Quốc Dân Đảng bỏ chạy sang Đài Loan hoặc ra nước ngoài rất ít so với số dân khổng lồ. Có một số người chỉ trốn loanh quanh, tạm lánh rồi trở lại quê hương. Cho nên cải cách ruộng đất là biện*

pháp cơ bản để phát hiện rồi triệt hạ hết mọi tổ chức Quốc Dân Đảng và vô vàn tổ chức thanh niên, phụ nữ, xã hội, tôn giáo, từ thiện, thể thao, nghệ thuật có dính đến Quốc Dân Đảng ... Tay chân của Quốc Dân Đảng hoặc liên quan đến Quốc Dân Đảng thâm nhập rất sâu, leo lên rất cao, cần cảnh giác phát hiện và nếu cần, giải thể hết bộ máy cũ, tạo nên bộ máy hoàn toàn mới gồm những trung kiên, cốt cán, phát hiện và được rèn luyện trong cuộc đấu tranh "long trời lở đất" này..."[11]

Kinh nghiệm nêu trên dẫn đến ý kiến khắp các địa bàn, cơ cấu chính quyền Cộng Sản Việt Nam khó tránh tình trạng bị phản động mai phục và Cải Cách Ruộng Đất chính là biện pháp cơ bản để phát hiện, tiêu diệt những phần tử này - Hoàng Văn Hoan gọi là "*mở rộng thành vấn đề chỉnh đốn tổ chức*".

Ngay sau đại hội Đảng kỳ 2 tháng 12-1951 tại Việt Bắc, vấn đề Cải Cách Ruộng Đất được chuẩn bị và chuẩn bị khá kỹ từ thực tế đến pháp lý.

Trường Chinh trở thành Trưởng Ban Cải Cách Ruộng Đất gồm Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Hồ Viết Thắng, Chu Văn Biên. Một số địa phương thuộc Thanh Nghệ - Tĩnh và Thái Nguyên được chọn làm thí điểm phát động trong thời gian chuẩn bị các văn kiện pháp lý.

Ngay trong thời gian mở đầu này, một chuyện chấn động đã xảy ra: "*Khi đội phát động đến vùng đồn điền Đồng Bẩm sát ngoại ô thành phố Thái Nguyên làm thí điểm phát động nông dân, chủ đồn điền là bà Nguyễn Thị Năm. Bà từng ủng hộ các chiến sĩ Cộng Sản từ thời bí mật, từ những năm 1937-1938... Chính các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt đã được bà che chở nuôi dưỡng. Hai con trai của bà hoạt động*

Việt Minh từ thời bí mật, đi bộ đội giải phóng...Cố vấn Trung Quốc nhận định bừa rằng đây là mụ địa chủ ác bá, có nghĩa là cần lấy đầu. Một số nông dân chất phác ngây thơ kể rằng bà Năm rất tốt, nhân từ, hay đi chùa, làm việc thiện, có nhiều cán bộ chiến sĩ là con nuôi của bà. Những người này bị cố vấn Tàu và ông Đội Trưởng quê ở Nghệ An kết tội là tay sai, định bênh che, chạy tội cho địa chủ. Không khí ngột ngạt bắt đầu, sau bắt rễ xâu chuỗi, đến bước đấu tranh trực diện của nông dân, kể tội và luận tội về kinh tế và chính trị, chuẩn bị cho tòa án nhân dân với màn xử bắn".[12]

Hoàng Quốc Việt là người từng được bà Nguyễn Thị Năm che chở, nuôi dưỡng đã tới báo cáo với Hồ Chí Minh và thuật lại: "*Ông Hồ chăm chú nghe rồi phát biểu: "Không ổn! Không thể mở đầu chiến dịch bằng cách nổ súng vào một phụ nữ và lại là người từng nuôi cán bộ Cộng Sản và mẹ một chính ủy trung đoàn Quân Đội Nhân Dân đang tại chức". Ông hẹn sẽ can thiệp, sẽ nói ông Trường Chinh về chuyện hệ trọng và cấp bách này! Thế nhưng không có gì động đậy theo hướng đó cả".*[13]

Sau đó nạn nhân đã bị đưa ra xử bắn và "*khắp đồng quê miền Bắc*" diễn ra "*những cuộc đấu tố kinh hoàng giai cấp "địa chủ" (mà phần lớn chỉ là phú nông hoặc trung nông lớp trên); vợ tố chồng, con tố cha, con dâu tố bố mẹ chồng, anh chị em đấu tố nhau...Họ đều được biểu dương là lập trường giai cấp vững chắc và dứt khoát, giác ngộ giai cấp sâu sắc, là những đảng viên trung kiên của Đảng, thấm nhuần tận xương tủy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông, được nêu gương để toàn đảng học tập!...Hơn 10 ngàn người đã bị bắn trong các tòa án nhân dân vừa hừng hực khí thế kích động căm*

thù, vừa mù quáng kỳ quặc, một chiều theo kiểu a dua của đám đông - những cơn động kinh của đám đông cuồng tín ít học."[14]

Hoàng Văn Chí là người từng đứng trong hàng ngũ Việt Minh chống Pháp trước 1954 chia Cải Cách Ruộng Đất làm 2 đợt, đợt đầu gọi là "*Giảm Tô*", mỗi xã trong khoảng 10 ngàn xã tại Bắc Việt phải chọn ra một địa chủ để hành quyết. Như vậy 10 ngàn chỉ là số nạn nhân của đợt đầu. Sang đợt 2, con số phải chết ở mỗi xã theo tiêu chuẩn đề ra tăng lên 5. Nếu cộng cả 2 đợt ít nhất phải có 60 ngàn người bị hành quyết tại chỗ. Nhưng theo Hoàng Văn Chí, "*chính sách cô lập nổi tiếng từng phải chịu trách nhiệm về số người chết có lẽ 10 lần nhiều hơn số đã bị xử bởi các "tòa án nhân dân đặc biệt"*.[15]

Sắc lệnh 149-SL qui định về chính sách ruộng đất và sắc lệnh 151-SL qui định về trừng trị địa chủ do Hồ Chí Minh ký ngày 12/4/1953 là thời gian đang tiến hành chiến dịch giảm tô mà ý nghĩa đã được diễn tả như sau: "*Nhà Nước Việt Nam đã quyết định đưa đấu tranh phản phong tiến lên một bước mới, tiếp thu kinh nghiệm của Trung Quốc đã sử dụng bạo lực chính trị của quần chúng đấu tranh đòi địa chủ phải giảm tô, giảm tức.*"[16] Đây cũng là đợt thí điểm của Cải Cách Ruộng Đất.

Ngày 4/12/1953 các sắc lệnh trên được Quốc Hội thông qua và Hồ Chí Minh chính thức ban hành ngày 19-12-1953 nhân kỷ niệm Ngày Toàn Quốc Kháng Chiến mở đầu cho các đợt chính thức của Cải Cách Ruộng Đất trên khắp miền Bắc.

Thực tế của việc sử dụng bạo lực chính trị quần chúng và con số nạn nhân tại một số địa phương từ ngày chính

thức ban hành chính sách tới khi có quyết định sửa sai theo ghi nhận của tạp chí *Nghiêu Cứu Lịch Sử* số 267 tháng 4-1993 và nội san *Cải Cách Ruộng Đất* các số 10,11,14 xuất bản tại Hà Nội đầu năm 1956 như sau: "*Ở đồng bằng Bắc Bộ trong số 2033 xã đã có 63,111 hộ bị qui là địa chủ nay sửa lại 31,844 không còn là địa chủ. Con số địa chủ chỉ có 31,269 hộ tức chiếm 2.2% trong tổng số hộ ở nông thôn. Ở một xã như xã Trường Vân Thanh Hóa chỉ có 11 địa chủ bị qui lên 65 tức 54 người bị tố oan, bị đấu tố, tù đầy và kể cả bị đánh chết. Trong số 2033 xã, số người bị qui kết là địa chủ lên tới 14,908 người sau đợt sửa sai chỉ còn 3,932 người tức tố sai 10,976 người...*

Trong đấu tranh thoái tô, rất nhiều cán bộ dùng nhục hình: treo, đánh, bắt cởi quần áo đứng ngoài đêm rét... Đồng chí L. ở xã Đảng Cương bắt con địa chủ ra truy tố không được, bực quá ra lệnh cho anh em du kích trói chặt cánh khuỷu nó lại và treo lủng lẳng lên cành cây...

Ở xã Hồng Phong, T. bắt con địa chủ Thị Công truy tố. Đồng chí gọi đứa con nó mới 13 tuổi đến giải thích để phản hóa rồi cho nó về với mẹ nó không được. Đồng chí T. nổi giận cho trói đứa bé lại treo ngược lên xà nhà, kéo lên kéo xuống. Một mặt bắt mẹ nó quỳ xuống, dang hai tay ra, mỗi bên đeo một hòn đá nặng rồi đổ nước mắm vào mũi. Đồng chí tưởng nhục hình như thế là moi được tô nhưng rút cục chẳng ăn thua gì."[17]

Theo Thành Tín tức cựu đại tá Cộng Sản Bùi Tín, Cải Cách Ruộng Đất gồm đợt thí điểm và 5 đợt tiếp nối, nhưng bắt đầu bước sang đợt 5 vào khoảng đầu năm 1956 thì phải ngưng, vì hậu quả có thể dẫn tới một tình thế bi đát khó lường đoán. Nguyễn Quang Ngọc trong ***Tiến trình lịch sử Việt Nam*** cũng cho biết *Cải Cách Ruộng Đất gồm 5 đợt tiến*

hành trong 3653 xã, đã chia khoảng 334,100 ha ruộng đất cho khoảng 2 triệu hộ nông dân không có hoặc thiếu ruộng. [18]

Một nhân chứng cũng là nạn nhân và thoát chết, Phạm Văn Trì, người gốc Hưng Nguyên, Nghệ An từng qua các cuộc đấu tố trong Cải Cách Ruộng Đất cho biết: "*... Ở miền Bắc có khoảng 5.000 xã. Không phải xã nào cũng đấu cả. Không phải người nào cũng đấu cả. Ví dụ, ông Hồ Chí Minh và Trường Chinh đưa ra một tỉ lệ một xã 1.000 dân thì phải có 50 người bị đấu tức 5%. Cứ theo tỉ lệ mà đấu cho đủ số. Ví dụ xã này nghèo quá không đủ số thì tìm sao những người hống hách chút ít đôn lên cho đủ số. Phải đúng tỉ lệ đưa ra không có cũng phải tìm cho đủ. Miền Bắc coi như có 5000 xã thì số đấu tố chết là 250 ngàn người.*

- Ông có đích thân chứng kiến những vụ đấu tố không?

- Có! Tôi xin kể cho ông một vài việc tôi chứng kiến tận mắt. Có một vụ đấu tố trong đó nạn nhân bị lột hết cả quần áo ra. Người ta lấy than và dầu hôi bôi vào những chỗ có lông trên thân mình người đó, treo lên và đốt, cháy như nướng trui. Đứa con của nạn nhân mới 3 tuổi, không biết gì, đứng nhìn thấy cha mình bị đốt tưởng đang làm trò nên té lên cười.

Có một anh nông dân đứng gần đó thấy vậy, lấy mã tấu chặt đầu đứa nhỏ. Đầu nó rơi xuống đất mà miệng vẫn còn cười.

- Trong các vụ đấu tố đó, nghe nói có một số địa chủ và phú nông bị chôn, chừa cái đầu lên để cho xe cày. Ông có chứng kiến việc đó không?

- Tôi có chứng kiến thế này: Bắt địa chủ ăn cứt, uống nước đái, 3, 4 thằng cầm tay kéo đứt ra, lấy kim chích ngón tay bắt khai, treo người lên đốt cháy như con cá lóc..." [19]

Một chứng nhân khác, Nguyễn Đình Khuê, cũng người huyện Hưng Nguyên, Nghệ An, từng là nạn nhân của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh từ lúc 3, 4 tuổi và là nạn nhân của Cải Cách Ruộng Đất vào hơn hai thập kỷ sau đã kể lại về cách thức chuẩn bị cho các vụ đấu tố:

- Cha con tôi là nạn nhân.Trước khi tiến hành việc cải cách ruộng đất, họ cho cán bộ về làng, thi hành chính sách "tam cùng" với nông dân: cùng ăn, cùng ở, cùng làm. Họ luyện tập cho nông dân có tinh thần chống địa chủ, bắt cán bộ ngủ cùng giường với nông dân...

- Cách thức tố khổ địa chủ thế nào?

- Họ bắt nông dân học tập và thường bịa ra ... Anh nông dân bịa ra và nói cho hắn xem có đủ hay chưa. Tập luyện công phu như vậy cả năm rồi mới bắt đầu... Tôi không hiểu tình trạng trong làng của ông bạn tôi (tức Phạm Văn Trì) như thế nào, nhưng trong năm đó trong làng tôi, trong xóm tôi, nông dân họp đêm, họp tới 2, 3 giờ sáng. Học tập xong rồi mới bắt đầu thực hành...

- Số người bị đấu tố bị giết là bao nhiêu?

- Số người trong làng tôi, có mình cụ tôi. Ông cụ tôi bị giam trên núi mấy tháng thì chết. Tôi không được phép đi đâu hết nên không biết rõ số người bị đấu tố chết là bao nhiêu.[20]

Trong ***Đêm Giữa Ban Ngày***, Vũ Thư Hiên kể lại:

"Tại xã Ngô Xá, làng Ngò, Thanh Hóa... người ta trói chặt hai tay rồi dong mẹ bạn tôi đi khắp làng...

Ở một xã khác, một người đàn bà bị trói vào hai cây nứa bắt chéo, bên dưới là một đống lửa. "Con mẹ ni là phú nông phản động, ngoan cố lắm", những người bâu quanh nhao nhao nói thế. Người đàn bà quằn quại mãi cho đến khi ngất đi rồi mới được người ta hạ xuống. [...]

Người ta cắm gai vào đầu ngón tay một cô gái, có trời biết cô ta bị tội gì, có thể cô ta chỉ có tội là con địa chủ, cứ mỗi câu hỏi lại cắm cái gai thêm một chút, làm cho cô ta rú lên vì đau, quằn quại trong giây trói.

Một cụ già tóc bạc phơ bị tròng dây vào cổ, bị lôi xềnh xệch trên đường như một con chó. Lũ trẻ làng rùng rùng chạy theo sau. Chúng vỗ tay, chúng reo hò, chúng cười ngặt nghẽo. Tôi nhìn chúng rùng mình - những đứa trẻ này chắc chắn lớn lên với trái tim không phải của giống người... " (**21**)

Nhà văn nữ Dương Thu Hương cũng không quên cảnh tượng đã xẩy ra khi mới sáu, bảy tuổi và ghi lại trong tác phẩm ***Những Thiên Đường Mù*** (**22**) dưới hình thức tự thuật của nhân vật trong tác phẩm:

"Bà nội tôi và cô Tâm chịu quỳ trước sân đình, đầu gục xuống, hai tay vòng trước ngực. Trước mặt hai người là dân làng đốt đuốc ngồi. Họ có nhiệm vụ lắng nghe những lời đấu tố. Và mỗi khi có tiếng hét bật lên: "Đả đảo địa chủ", họ có nhiệm vụ giơ tay lên hô thật to: "Đả đảo! Đả đảo!"....

... Bên tay trái bà nội tôi và cô tôi, những người khác quỳ gối chờ tới lượt họ. Cứ mỗi lần tiếng hô "Đả đảo" cất lên họ lại run bần bật. Chỉ có cô Tâm không hề run rẩy...

... Cậu nói xong, tiếng trống cà rùng nổi lên, đinh tai nhức óc. Rồi tiếng hô uy hiếp vọng vào:

- Kiên quyết đánh đổ địa chủ Nguyễn Thị Tâm

- Kiên quyết đánh đổ...

Cậu Chính nhìn bố tôi hất hàm:

- Nghe rõ chưa?

Bố tôi không trả lời. Cậu quát:

- Đội hỏi có trả lời không?

Mặt bố tôi tái xanh, mồ hôi vã đầy hai thái dương nhưng vẫn im lặng. Lúc ấy cô Tâm bước lên:

- Bẩm thưa đội, bây giờ chúng con biết thân biết phận, dù đội không ra lệnh chúng con cũng không dám chơi trèo.

Cậu Chính là đội trưởng đội cải cách. Lúc ấy đội cải cách là Thượng Đế, là Trời.... "

Tài liệu giáo dục chính thức ***Tiến trình lịch sử Việt Nam*** cho biết Cải Cách Ruộng Đất đã giúp 2 triệu hộ nông dân nghèo có ruộng tức liên can tới trên 2 triệu hộ. Nếu chỉ tính mỗi hộ trung bình có 4 người thì Cải Cách Ruộng Đất trong 3 năm liên can tới 8 triệu người và theo chỉ thị Đảng và Nhà Nước, chỉ tiêu số người bắt buộc phải đưa ra đấu tố là 5% tức đã lên tới 400 ngàn người. Con số này gần ngang với con số ước lượng mà Tổng Thống Mỹ Nixon nêu ra là khoảng nửa triệu.

Cũng theo con số chính thức do báo chí Cộng Sản Việt Nam công bố thì trong 14.908 nạn nhân đã có 10.976 người bị tố oan, thậm chí bị đánh chết tức là số nạn nhân bị hại oan lên tới hơn 70 phần trăm.

Ngay với vấn đề thế nào là *oan*, thế nào là *ưng* đã cần phải nhìn lại, trong khi ngoài số nạn nhân bị trực tiếp đưa ra đấu tố, chính sách cô lập còn hành hạ hàng triệu thân nhân của những kẻ này bằng cách bao vây, xua đuổi, tước đoạt mọi phương tiện cư trú, sinh sống, thậm chí chặn hết mọi nguồn tiếp tế thực phẩm để phải chết đói rét nơi bờ bụi... Số nạn nhân này không ai kê khai nổi và chắc chắn không thu hẹp trong giới hạn vài ba c hục ngàn như một số tác giả ngoại quốc đã ước đoán.

Nhưng số lượng nạn nhân bị ngược đãi và tàn sát man

rợ trong Cải Cách Ruộng Đất là bao nhiêu không nghiêm trọng bằng sự tiêu diệt mọi tình cảm thiêng liêng cao cả nơi con tim của người dân Việt Nam.

Để củng cố uy quyền của mình, Đảng đã cố thực hiện qua Cải Cách Ruộng Đất cái khẩu hiệu "*thà giết lầm mười người còn hơn để cho một kẻ địch sống sót*" bằng cách biến người dân thành một bày dã thú sẵn sàng dày xéo lên tương quan vợ chồng, cha con, mẹ con, huyết mạch, xóm giềng... Nỗ lực này của Đảng đã dẫn đến cái cảnh mà Dương Thu Hương ghi lại trong một bài viết vào năm 2002 "*trong lịch sử "bốn ngàn năm"... triều đình Cộng Sản là triều đình duy nhất cho tới nay, dạy con gái, con dâu vu khống bố hiếp dâm, dạy con trai chỉ vào mặt bố "đả đảo thằng bóc lột", dậy cho láng giềng tố cáo điêu chác, đâm chém, dầy xéo mồ mả của nhau... vào những năm 53-55* (*trong CCRĐ*). *Tất cả những ai chưa hoàn toàn quên lãng, hẳn hiểu rõ điều đó. Khi con người đã đủ can đảm vu khống, nhục mạ ngay bố mẹ đẻ của mình thì họ thừa sự nhẫn tâm để làm những điều ác gấp ngàn lần như thế với tha nhân...*"

Trong ***Đêm Giữa Ban Ngày***, trang 221, Vũ Thư Hiên đã ghi rõ "*Cha tôi khẳng định người chịu trách nhiệm chính là ông Hồ Chí Minh, chứ không phải Trường Chinh. Trường Chinh là con dê tế thần cho sai lầm của ông Hồ.*" Mặc dù cả Vũ Thư Hiên lẫn thân phụ ông đều cố nghĩ tốt cho Hồ Chí Minh, vì những liên hệ cũ từng có.

Đầu năm 1956, khi tâm trạng phẫn uất tràn lan ở nhiều nơi thậm chí đã có những cuộc nổi dậy của dân chúng như ở Quỳnh Lưu, Ba Làng và thái độ chống đối của nhiều phần tử từng nhiệt tình theo đảng trong kháng chiến

chống Pháp, nhất là ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa chống Cộng Sản tại Hungary, Đảng và Nhà Nước ra lệnh ngưng tiến hành đợt 5 Cải Cách Ruộng Đất với lý do phát hiện nhiều khuyết điểm.

Có thể nói tới lúc này cái biện pháp cơ bản để củng cố uy quyền của Đảng là Cải Cách Ruộng Đất đã đạt trọn mục tiêu đề ra trong khi mô thức hợp tác hóa nông nghiệp đã được tiến hành tại 3653 xã trong tổng số 5000 xã tức gần khắp miền Bắc.

Hơn nữa, sửa sai không phải là từ bỏ chính sách Cải Cách Ruộng Đất mà là bước tiếp nối cần thiết để củng cố thành quả đã thu hoạch suốt ba năm tiến hành Cải Cách Ruộng Đất, vì chỉ sửa sai những cách thức thi hành đã được thực hiện trong quá khứ tức là chỉ cần bằng những lời lẽ ngọt ngào tỏ ý tiếc về những việc đã rồi.

Cách thức sửa sai được Thành Tín ghi lại như sau:

"*Sau nghị quyết sửa sai, lại thành lập những đoàn cán bộ sửa sai, công bố cả một loạt tài liệu quy định các bước sửa sai, phát hành rộng rãi những văn kiện có tính pháp luật về sửa sai... Cuộc sửa sai được tiến hành ráo riết, mỗi nơi là chừng 4 tháng, có nơi hơn 6 tháng.*

Các bước sửa sai đi cùng với củng cố tổ chức Đảng và Chính Quyền cơ sở. Những người bị giam giữ oan ức được trả lại tự do, sau những buổi học thanh minh và xin lỗi theo nội dung: Đảng không cố tình mà vô tình làm sai do không kiểm tra cấp dưới; đảng rất đau xót nhận sai lầm; đảng xin lỗi mỗi đồng chí, đồng bào khôi phục danh dự và quyền lợi của các đồng chí, đồng bào.

Trong cơn khó khăn này, đảng mong mỗi đồng chí sát cánh cùng đảng sửa sai đến nơi đến chốn mà đóng góp lớn nhất của

đồng chí là thông cảm với đảng, cùng đảng sửa sai và ổn định tình hình, không gây thêm bất kỳ khó khăn nào cho đảng...

Còn số người chết oan?

Những gia đình này được cán bộ cấp huyện và chủ tịch xã đến thăm viếng, nhận lỗi và an ủi. Giấy minh oan được mang đến tận nơi, với những chứng nhận phục hồi đảng tịch (nếu là đảng viên), trả lại huân chương, bằng khen, còn được tặng thêm ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh có đóng dấu của tỉnh...

Ngày 29/10/1956 tại sân vận động Hàng Đẫy, đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Chủ Tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính Trị đứng ra nhận tội, xin lỗi, đưa ra phương án sửa sai khẩn cấp...Tại cuộc họp lớn này, người ta đẩy cụ Bùi Kỷ, một nhân sĩ trong Mặt Trận Tổ Quốc ra đọc lời khai mạc.

Sau đó, đại tướng Võ Nguyên Giáp lên tiếng thuyết phục. Cái lý sự để thuyết phục là ở mặt trận, nhất là mặt trận Điện Biên Phủ, chiến sĩ ta còn lấy thân chèn pháo bất kể sinh mạng, hàng ngàn chiến sĩ bỏ mình thì việc tổn thất trong Cải Cách Ruộng Đất tuy là đáng tiếc nhưng cũng là đóng góp cho cách mạng tiến lên. Ít lâu sau, báo Quân Đội Nhân Dân *đưa ra trong xã luận, chỉ rõ "chính trong sai lầm mà nhân dân ta càng thêm vĩ đại, đảng ta càng thêm vĩ đại".*[23]

Để tỏ ra muốn thực sự sửa sai, Trường Chinh không còn giữ chức Tổng Bí Thư Đảng tuy nhiên được chuyển qua làm Chủ Tịch Quốc Hội và Hoàng Quốc Việt bị loại khỏi bộ chính trị, Hồ Viết Thắng, Nguyễn Đức Tâm bị đưa ra khỏi ủy ban trung ương trong khi cán bộ cải cách ruộng đất vẫn tiếp tục là cán bộ sau một thời gian học hành kiểm điểm những việc đã qua.

Sửa sai đã kết thúc tốt đẹp vì tình hình miền Bắc hoàn toàn thuận lợi cho việc cai trị của Đảng, nhất là khi dẹp

xong các phần tử văn nghệ bất mãn thuộc các nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm.

Tuy vậy, không phải những lời chê trách hoàn toàn tắt lịm. Theo ghi nhận của sử gia Pháp Gerard Tongas[24] có mặt tại Hà Nội lúc đó thì trong thời gian Cải Cách Ruộng Đất, nhất là sau các vụ đàn áp ở Ba Làng, Quỳnh Lưu và nhân dân Budapest, giới trẻ Hà Nội hết sức xôn xao, đã có mưu tính biểu tình chống đối. Tuy việc không thành, nhưng sự ngưỡng mộ đối với Hồ Chí Minh sút giảm rõ rệt vì nhiều người cho rằng trách nhiệm lớn nhất trong Cải Cách Ruộng Đất do Hồ Chí Minh phải gánh chịu. Do đó, việc trút lỗi cho thuộc cấp làm sai đã được bổ sung thêm bằng một lập luận khác: Hồ Chí Minh đã bị cả Liên Xô lẫn Trung Quốc tạo áp lực nặng nề, bắt buộc phải Cải Cách Ruộng Đất.

Những người đã rời bỏ hàng ngũ Cộng Sản như Nguyễn Minh Cần, Bùi Tín đều chưa rũ hết ảnh hưởng của luận điệu này, dù cả hai đều cho rằng Hồ Chí Minh phải gánh chịu phần lớn trách nhiệm. Về áp lực của Staline, Thành Tín thuật lại:

"Đầu năm 1950... theo kể, Staline trong cuộc gặp riêng ông Hồ Chí Minh trong điện Kremlin... đi thẳng vào vấn đề, chất vấn ông Hồ 2 điểm : vì sao giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương? Vì sao chưa tiến hành cải cách ruộng đất?

Ông Hồ đã trình bày với Staline là việc giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương cuối năm 1945 chỉ là giải tán giả, trên thực tế là Đảng lùi vào bí mật, với một bộ mặt giả công khai là Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác. Hai là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp rất gay gắt nên cải cách ruộng đất phải chậm lại và đã làm cuộc vận động giảm tô, giảm tức.

Staline nghe, và, với bản chất thô bạo vốn có, chắc chắn đã cao giọng ra chỉ thị phải sớm đưa đảng Cộng Sản ra công khai...; chính trong kháng chiến gay gắt lại cần làm cải cách ruộng đất để huy động tinh thần và lực lượng vật chất của nông dân vào cuộc chiến đấu, cần nhớ đấu tranh giai cấp và liên minh công nông là hai nguyên lý cơ bản của cách mạng vô sản...

Ông Hồ trở về. Thế là Đảng Cộng Sản Việt Nam mở đại hội đảng lần thứ 2 vào tháng 12/1951 ở Việt Bắc, đảng ra công khai với tên Đảng Lao Động Việt Nam ...

Còn cải cách ruộng đất? Cần thấy rõ là ông Hồ vẫn cố trì hoãn cải cách ruộng đất sau khi ở Moscou về. Cuộc kháng chiến rất khẩn trương, quyết liệt. Staline ở xa...[25] Tháng 3/1950, Hồ Chí Minh rời Mạc Tư Khoa trở về lo ngay việc đưa Đảng Lao Động Việt Nam ra công khai vào tháng 12/1951 và mấy tháng sau, năm 1952, đã khởi sự các đợt công tác thí nghiệm cải cách ruộng đất thì không thể có chuyện cố tình trì hoãn.

Nguyễn Minh Cần cũng nêu áp lực của Staline nhưng không theo cách nhìn của Bùi Tín mà nhìn qua hệ thống tương quan trong khối Cộng Sản đặt đảng Cộng Sản tại các nước vào thế phải tuyệt đối vâng lệnh Đệ Tam Quốc Tế.

Ngoài ra, theo Nguyễn Minh Cần, chính Hồ Chí Minh cũng luôn tín phục các lãnh tụ Staline, Mao Trạch Đông. Nguyễn Minh Cần kể lại trường hợp đích thân nghe rõ lời của Hồ Chí Minh vào dịp dự hội nghị trung ương ở chiến khu Việt Bắc. Lúc đó Hồ Chí Minh đã nhắc đến Staline, Mao Trạch Đông và nhấn mạnh với các đại biểu trong hội nghị: *"Các cô, các chú nên biết rằng việc đổi tên Đảng ta,*

Bác đã xin ý kiến các đồng chí Stalin và Mao Trạch Đông rồi (chúng tôi được biết hồi ấy ông vừa đi Moskva về), các đồng chí đã đồng ý.

Các cô, các chú nên biết rằng: "ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được."[26]

Dù muốn hay không, Hồ Chí Minh vẫn là người ký các sắc lệnh 149-SL, 151-SL vào tháng 4/1953 và sau đó ký sắc lệnh ban hành luật Cải Cách Ruộng Đất. Cũng thế, Hồ Chí Minh đã trực tiếp bổ nhiệm Trường Chinh và nhóm Hoàng Quốc Việt cầm đầu ban chỉ đạo Cải Cách Ruộng Đất.

Các qui định về luật lệ cũng như người thi hành đều do Hồ Chí Minh sắp đặt và đây là những thứ đã đưa đến cái chết tàn khốc của cả nửa triệu người dân vô tội, đã phá hủy toàn bộ khuôn thước tinh thần truyền thống dân tộc.

Trước sự việc Hồ Chí Minh im lặng bỏ mặc cho bà Nguyễn Thị Năm bị đàn em theo lệnh cố vấn Trung Cộng lôi ra xử bắn, Thành Tín đã viết: "*Tôi nghĩ việc này có rất nhiều ý nghĩa. Trước hết, ông Hồ Chí Minh có lỗi lớn. Thà rằng không biết gì về chuyện này; và dù không biết, là Chủ Tịch Nước, Chủ Tịch Đảng, ông vẫn phải chịu phần trách nhiệm. Huống gì ông đã biết rõ cụ thể, ông nhận định là bà Năm bị xử trí oan, thế mà ông giữ im lặng, ông không can thiệp. Đây là thái độ vô trách nhiệm. Ông không can thiệp thì còn ai có thể can thiệp? Ông đã để mặc cho nước của ông, đảng của ông bị một số kẻ nước ngoài lũng đoạn, lộng hành. Trên thực tế, ông đã từ nhiệm vị trí, trách nhiệm của mình*". (**27**)

Ý kiến của Thành Tín có thể dành chung cho toàn bộ chính sách Cải Cách Ruộng Đất.

Dù cán bộ, đảng viên biện giải cách nào thì Hồ Chí Minh cũng không thể chối bỏ trách nhiệm của mình. Tuy nhiên, cần xét lại ý nghĩ cho rằng Hồ Chí Minh đã chịu sự chi phối bởi các áp lực bên ngoài hoặc một số người ngoại quốc kể cả do sự tín ngưỡng Staline, Mao Trạch Đông như Nguyễn Minh Cần đã nhắc.

Trên thực tế, Cải Cách Ruộng Đất là một bước đi bắt buộc trong cách mạng vô sản mà Hồ Chí Minh đã trở thành tín đồ thuần thành. Như thế, Hồ Chí Minh chỉ thi hành nhiệm vụ của một tín đồ nên không thể đặt vào cảnh ngộ bị ép buộc bởi bất kỳ cá nhân nào.

Tháo gỡ trách nhiệm không còn cần thiết và cũng là vấn đề bất khả, bởi tất cả đã được quyết định từ khi chọn đường. Hồ Chí Minh đã chọn con đường chủ nghĩa Cộng Sản với cuộc cách mạng giai cấp diễn tiến trường kỳ cho tới khi tận diệt giai cấp tư bản. Cải cách ruộng đất chỉ là một bước đi giai đoạn trên con đường dài thăm thẳm đó và là một bước đi không thể tránh.

Cho nên, tìm hiểu xem Hồ Chí Minh có biết các thảm cảnh đang diễn ra hay không để định mức trách nhiệm là việc làm ngây thơ không khác việc Vũ Đình Huỳnh già yếu bệnh hoạn vẫn cố chống gậy tới gặp Hồ Chí Minh để than: "*Máu đồng bào đã đổ mà Bác ngồi yên được à*".

Có phải chăng lời than này đã là một lý do để không lâu sau đó tới lượt Vũ Đình Huỳnh sau bao năm kể cận Hồ Chí Minh bị tống vào nhà tù để trở thành một trường hợp Nguyễn Thị Năm thứ hai?

Nhìn lại những sự kiện Xô Viết Nghệ Tĩnh và Cải Cách Ruộng Đất, vì thế, không phải để cố phân tích xem Hồ Chí Minh đã dính dấp ở mức độ nào.

Nghi vấn duy nhất nổi lên từ các sự kiện này là chúng có xẩy ra không, nếu không có Hồ Chí Minh?

Chú thích

1 Đảng CSVN qua những biến động trong phong trào Cộng Sản quốc tế, Nguyễn Minh Cần. Xin xem chương liên hệ ở phần I.

2 *Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam,* Trần Văn Giàu, Tập III, NXB TPHCM 1993.

3-10 *Bác Hồ trên đất nước Lênin*, Hồng Hà, Thanh Niên 2000, tr. 258. Xin xem chương liên hệ.

4-6 *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, Dương Trung Quốc, NXB Giáo Dục, Hà Nội 2001, tr. 192

5 *Lịch Sử Đảng CSVN* (Bài giảng) - NXB *Đại* Học Quốc Gia, Hà Nội 1999, tr. 32-36.

7-8 *Hồ Chí Minh tuyển tập*, Tập 2, Sự Thật, Hà Nội 1980, tr.152 & 154.

9 *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, NXB Văn Học 2001, tr. 88

11-12-13-14 *Mặt Thật,* Thành Tín, Cali 1993, tr. 57, 37-38 & 36

15 *Từ Thực Dân đến Cộng Sản*, Hoàng Văn Chí, tr. 189

16 Tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử* số 267 , Hà Nội 30/4/1993, tr. 1-2

17 *Việt Nam huyết lệ sử,* Cao Thế Dung , NXB *Đồng* Hương, Louisiana 1996, tr. 747-748

18 *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nguyễn Quang Ngọc, NXB Giáo Dục, Hà Nội 2001, tr. 327

19-20 *Hắc thư về chủ nghĩa Cộng Sản*, Bản tiếng Việt của Hồ Văn *Đồng,* Hội Phát triển văn hóa Mỹ-Việt , Seattle 2002, T.II, tr. 1129-1130 - Phần phụ lục của người dịch.

21 *Đêm giữa ban ngày*, Vũ Thư Hiên, NXB Văn Nghệ, Cali 1997, tr. 32.

22 *Những thiên đường mù*, Dương Thu Hương, Hà Nội 1990, tr. 17-29.

23-25-27 *Mặt Thật,* Thành Tín, Cali 1993, tr. 59-60, 67-68, 39

24 Tác giả chương 7 trong *North Việt Nam Today,* Xin xem chương 25

26 Xin xem chương Nguyễn Minh Cần.

Chương 47
HỒ CHÍ MINH và Mặt trận Việt Minh

Trước hết, cần minh xác về khái niệm *mặt trận*. Thông thường 2 chữ này có nghĩa tiền tuyến, nơi đang xảy ra giao tranh bằng quân sự. Đó là nghĩa đen. Nhưng *mặt trận* cũng có nghĩa bóng, chẳng hạn khi nói mặt trận văn hóa, mặt trận ngoại giao... Ngoài ra, mặt trận còn có thể là một tổ chức đấu tranh tập hợp nhiều đoàn thể đảng phái nhằm tranh thủ một mục tiêu chính trị nào đó, không nhất thiết bằng võ lực.

Đó là những khái niệm thông thường, trước khi có cuộc chiến ý thức hệ do chủ trương đấu tranh giai cấp mang tính toàn cầu, toàn diện. Từ khi có cuộc chiến này với thuộc tính "toàn cầu, toàn diện", mặt trận chỉ có một nghĩa - nghĩa đen.

Mặt trận ở đây chính là tiền tuyến, tại đó người cộng sản dùng những võ khí tinh thần hơn là vật chất. Trong chiến tranh toàn diện, mọi thứ đều có thể là võ khí thì mọi nơi đều có thể là tiền tuyến hay mặt trận.

Theo chiến lược sách lược liên minh Lênin, đặc biệt sách lược "mặt trận thống nhất" được Stalin áp dụng tại Trung Quốc giữa thập niên 20, mặt trận còn là một hình thức sách lược đấu tranh. Nó thay đổi tùy nơi, tùy lúc, tùy theo *cao trào hay thoái trào cách mạng,* (chữ của Stalin).

Trong trường hợp này, nó như chiếc áo mà đảng cộng sản chọn mặc cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế. Cũng theo sách lược liên minh Lênin, mặt trận còn mang ý nghĩa của *bộ mặt ngoài che giấu thực chất phía trong.* Mặt trận luôn được điều khiển bởi đảng cộng sản nằm làm nòng cốt ở bên trong nên cũng có thể bảo là một thứ mặt nạ của đảng cộng sản. Những tính chất này đều được thể hiện với Mặt trận Việt Minh.

Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930-1931 và cuộc Cải Cách Ruộng Đất 1953-1955 đánh dấu hai thời điểm quan trọng trong quá trình hoạt động của Hồ Chí Minh thì Mặt Trận Việt Minh và Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là những tổ chức gắn liền với sự nghiệp của Hồ Chí Minh, nhất là Mặt Trận Việt Minh do Hồ Chí Minh khai sinh ngày 19 tháng 5 mà sau này ông nói là ngày sinh của ông.

Có thể coi hai tổ chức này như hai con thuyền đã giúp Hồ Chí Minh vượt qua sóng gió. Và, cũng như mọi con thuyền, cả hai tổ chức đều mang chung số phận bị dẹp bỏ sau khi đi tới bến bờ mong muốn để chỉ còn được sống lại vào những lúc cần xác định lý tưởng của Hồ Chí Minh.

Với rất nhiều người, Mặt Trận Việt Minh cũng như Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là những lực lượng qui tụ các phần tử yêu nước hình thành do yêu cầu giành

độc lập hoặc chống ngoại xâm. Hồ Chí Minh là người sáng lập và trực tiếp lãnh đạo Mặt Trận Việt Minh, là người hỗ trợ tích cực cho Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam.

Cả hai tổ chức đều nhờ Hồ Chí Minh để thâu đoạt thắng lợi, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử đối với đất nước. Lý tưởng mà Hồ Chí Minh theo đuổi đã được kể là dựa trên nền tảng hình thành từ tính chất đáp ứng nguyện vọng dân tộc chính đáng của hai tổ chức trên.

Tương đồng và dị biệt giữa thực tế với nhận định được nêu trên ra sao?

Theo tài liệu của Cộng Sản Việt Nam, Mặt Trận Việt Minh ra đời tại hang Pac Bó tỉnh Cao Bằng ngày 19/5/1941 theo sáng kiến của Hồ Chí Minh trong một phiên họp được gọi là Hội Nghị kỳ 8 Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hồ Chí Minh chủ tọa Hội Nghị với tư cách đại diện Đệ Tam Quốc Tế. Số người có mặt gồm Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên và một đại biểu Bắc Kỳ, một đại biểu Trung Kỳ.[1] "*Hội nghị khẳng định: Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc...Trong lúc này, khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật... nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc chịu mãn kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được.*

Theo sáng kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, hội nghị đã quyết định thành lập mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi

mang tên Việt Nam Độc Lập Đồng Minh (gọi tắt là Việt Minh) nhằm liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước không phân biệt giàu nghèo, già trẻ trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị...”[2]

Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945 ghi lại chi tiết hơn: “*Phân tích tình hình thế giới, nghị quyết của Hội Nghị nhận định: Nếu cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã đẻ ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc chiến tranh đế quốc lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công... Hội Nghị tán thành nghị quyết của hai hội nghị Trung Ương trước đó về việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược nhằm nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, ngày 19-5-1941, Hội Nghị quyết định thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (gọi tắt là Việt Minh) thay cho Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất Phản Đế Đông Dương và đặt ra nhiệm vụ giúp đỡ các dân tộc Lào và Campuchia thành lập mặt trận của mình. Các tổ chức của Việt Minh sẽ là các Hội Cứu Quốc. Hội Nghị quyết định tiếp tục chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất để tranh thủ mở rộng mặt trận dân tộc”*[3]

Những dòng ghi vắn gọn trên cho thấy rõ Mặt Trận Việt Minh không hề theo đuổi mục tiêu đấu tranh cho nguyện vọng dân tộc.

Sự ra đời của tổ chức chỉ nhắm khai thác tâm lý quần chúng để gây dựng lực lượng và củng cố vị thế của Đảng Cộng Sản tùy theo từng giai đoạn.

Những ngày trước đó, Đảng Cộng Sản nấp dưới chiêu bài Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất Phản Đế Đông Dương

thành lập tháng 11-1939, vì không thể công khai đấu tranh sau biến cố Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Trước nữa, Đảng Cộng Sản đã lập Mặt Trận Phản Đế vào tháng 11-1930 và Mặt Trận Dân Chủ vào năm 1936.

Hình thức mặt trận nẩy sinh từ quan điểm chiến lược sách lược Lênin nhắm tập họp, liên minh với các lực lượng, kể cả thành phần thù địch nhưng cần khai thác trong thời gian trước mắt hay một thời khoảng nào đó. Vì thế, mặc dù coi mọi giai cấp đều là kẻ thù của giai cấp Vô Sản, Mặt Trận Việt Minh vẫn chuyển hướng chỉ đạo để hô hào *liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị* và nêu chủ trương *tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất để tranh thủ mở rộng mặt trận dân tộc.*

Chuyển hướng và tạm gác chắc chắn chỉ là những việc mang tính giai đoạn chứ không phải hướng nhắm thực sự cuối cùng. Cho nên, Douglas Pike đã hết lời ca ngợi Hồ Chí Minh: "*Thiên tài số một của Hồ là tổ chức... Hầu hết những thắng lợi chính trị của Hồ trong thời kỳ tiền Việt Minh là kết quả của tài tổ chức: tạo dựng, xử dụng và đưa ra ánh sáng một cách thuận lợi một chuỗi những tổ chức mặt trận thống nhất, cái sau bao giờ cũng cao hơn cái trước, mỗi cái đều tăng cường quyền lực của đảng, mở rộng thêm sự ủng hộ của cơ sở quần chúng và loại trừ đối lập (rivals). Kỹ thuật (loại trừ) này gồm có việc bao lấy tổ chức đối lập đưa nó vào trong một cộng đồng xã hội rộng lớn hơn như một phương cách làm lu mờ căn cước riêng của nó và như một màn mở đầu để chặt mất đầu, không còn lãnh tụ nên phải tan rã...*"[4]

Không chỉ trong thời kỳ tiền Việt Minh mà các thời kỳ

sau cũng mang cùng tính chất. Thực tế xã hội Việt Nam giai đoạn này cho thấy Đảng Cộng Sản Việt Nam không thể thành công nếu cứ tiếp tục hô hào đấu tranh giai cấp và cải cách ruộng đất như những năm 1929-1930. Chính sách thực dân và thái độ tàn nhẫn của người Pháp đối với dân chúng đã tạo sự căm phẫn ngay nơi nhiều người Pháp. Andrée Viollis đã ghi lại không biết bao nhiêu cảnh sống uất nghẹn của người dân Việt Nam:

"Từ khi tôi đến Huế, vào mỗi sáng tôi thường bị đánh thức bởi giọng khàn gắt của những người còn say rượu, mắng bồi bếp "Đồ súc vật, mày có đến không?... Phải mất bao nhiêu thời giờ mới gọi được mày? Đến mau... sà-lù... Đôi khi tôi nghe thấy tiếng ghế đổ loảng xoảng, tiếng giầy dép quăng ném loạn xạ...

Một bà Pháp, đốc học trường Nữ ở Huế lái xe hơi, đụng té hai người nhà quê gánh rau vào thành phố. Họ bị thương nhẹ. Bà nọ đang tính bồi thường thì một viên chức nổi giận vì đám nhà quê dám hỗn xược đòi tiền một bà đầm. Y vừa đánh hai người kia vừa la lối: "Nếu tao mang súng theo thì tao giết tụi bay rồi. Cút đi! Đừng vác mặt đến đây nữa, nếu không sẽ biết tay tao". Hai người đàn bà tội nghiệp mất cả gánh rau, mặt đầy máu, lấm lét bỏ trốn mà vẫn mừng đã thoát nạn".[5]

Cảnh ngoài đường phố đó không đáng gì so với cảnh một nhà giam năm 1929-30 mà Andrée Viollis chứng kiến: "Tôi *nhận ra hai hàng tù nhân, chân bị cùm, ngồi hay nằm sát chặt lấy nhau. Mỗi căn có 200 người. Tất cả đều nhìn chúng tôi bằng con mắt tuyệt vọng và sốt nóng vừa dơ bàn tay ra van nài... Mặt của họ nám đen, khô đét, má hóp, môi chảy ra nứt nẻ, cánh tay thì đầy mụn nhọt và vết thương. Hầu hết đều ghẻ hoặc bị chấy rận dày vò... Cả ngày người ta chỉ tháo*

cùm cho họ hai lần, mỗi lần mười phút để lo việc cần. Họ chỉ có quyền rửa mặt mỗi tuần một lần... Họ tiểu tụy đến nỗi nhiều người không chống lại nổi bệnh kiết lị mà hầu hết đều bị. Mỗi sáng, người ta đến lấy những xác chết đem đi. Trung bình có hai hoặc ba người chết mỗi ngày trong một căn." [6]

Andrée Viollis ghi lại một sự việc xảy ra tại nhà tù ngày 29/5/1931: "*Hai tên Lê Dương Van Bargen và Layon lấy cưa xén tóc một phạm nhân để giỡn. Nghịch chán, Van Bargen rút súng lục bắn vào đùi phạm nhân rồi hất vào phòng giam. Một lúc sau, Van Bargen lại chĩa súng bắn xối xả vào các phạm nhân. Tất cả đều bị thương. Chúng chất các phạm nhân bị thương lên xe đưa đến một nơi vắng vẻ dùng súng lục bắn chết từng người, quăng xác vào bụi. Ra tòa, Van Bargen khai là chỉ bắt chước cấp trên thường chém đầu phạm nhân để giỡn chơi. Tên quan ba Doucin khai do nhà giam chật hẹp, số phạm nhân lại quá nhiều nên phải giết bớt đi*".[7]

Đó là cách đối phó với các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng trước và sau thời gian xảy ra cuộc khởi nghĩa Yên Báy.

Những tên cai tù giết người được tòa tuyên bố trắng án trong khi một số tù nhân bị tử hình. Một chứng nhân người Pháp khác là Louis Roubaud[8] đã ghi lại phản ứng của nhiều người tù trước tòa.

Trong phiên xử ngày 26/5/1930 tại Phú Thọ, *Nguyễn Văn Toại không chờ Tòa lên tiếng đã nói: "Tôi nhận hết!" Tòa hỏi: "Anh có phải đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng không?" Toại đáp: "Tôi chỉ là một người Việt Nam. Tôi thương xót đồng bào tôi bị cực khổ nên tôi tham gia tấn công đồn binh Pháp".*

Nguyễn Văn Toại mới 33 tuổi và là một trong 5 người bị chém đầu tại Phú Thọ ngày 22/11/1930.

Cùng trong phiên xử đó, một người khác dõng dạc nói trước Tòa: *"Tôi không có chân trong hội kín hội hở nào hết. Tôi là người Việt Nam, tôi có bổn phận phải đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước tôi để khôi phục nền độc lập cho Tổ Quốc"*.

Ngày 23/6/1931, trước khi bị đưa ra hành quyết tại Hỏa Lò, Lê Hữu Cảnh đã tươi cười nói với linh mục Dromet: "*Chết vì tổ quốc, lên Thiên Đường nhanh lắm*".

Nhượng Tống ghi lại hình ảnh cuối cùng của Lê Hữu Cảnh: "*Người ta trông thấy anh hớn hở khi hô xong câu "Việt Nam vạn tuế!" rồi đâm đầu vào máy chém*"[9]

Cuộc sống tủi nhục đọa đày dưới ách thống trị tàn khốc đã khiến toàn cõi Việt Nam là một lò lửa hận thù ngùn ngụt đối với thực dân Pháp đúng như L. Bonnafont đã viết trong ***Trente ans de Tonkin***: *"Hòn Gay không đem lại gì cho chúng ta, ngoại trừ mối căm thù của hàng ngàn cu-li"*[10].

Nguyện vọng giành độc lập cho Tổ Quốc là nguyện vọng chung của hết thẩy mọi người vì đó là lối thoát duy nhất cho cảnh sống đói rét dưới roi vọt. Đó cũng là lý do khiến Đảng Cộng Sản thấy cần vận dụng chiêu bài giải phóng dân tộc và tạm thời che kín chủ trương đấu tranh giai cấp.

Ngay Đào Duy Anh khi mới tham gia đấu tranh trong đảng Tân Việt cũng phát biểu: *"Không thể căn cứ vào một giai cấp nào để lấy đảng viên được, tầng lớp thợ thuyền còn quá ít ỏi và chưa có đường lối rõ rệt, trong khi tầng lớp nông dân cũng chưa thuần nhất và ít giác ngộ về đường lối."*[11]

Trên thực tế từ ngày 18/11/1930 Trung Ương Đảng Cộng Sản Đông Dương đã gửi chỉ thị tới các cấp ủy Đảng "*khẳng định lại đường lối chiến lược và sách lược của Đảng trình bày trong Luận Cương, nhấn mạnh tới tầm quan trọng của công tác xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất mà trong giai đoạn lịch sử này việc tổ chức Hội Phản Đế Đồng Minh là chủ trương đúng đắn và cấp thiết*".[12]

Như thế, 11 năm trước khi Mặt Trận Việt Minh ra đời, công tác xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất đã được minh thị là một công tác mang tầm chiến lược và sách lược của Đệ Tam Quốc Tế tức không phải sáng kiến của một cá nhân nào, kể cả Hồ Chí Minh.

Năm 1930, theo thẩm định tình hình, Đảng cần chiêu bài Phản Đế nên Mặt Trận Phản Đế Đồng Minh xuất hiện.

6 năm sau, sự thắng thế của Mặt Trận Bình Dân trên chính trường Pháp khiến chiêu bài Dân Chủ thích hợp hơn nên Phản Đế Đồng Minh được thay thế bằng Mặt Trận Dân Chủ. Rồi tình hình lại xoay chuyển khiến xuất hiện Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc Phản Đế Đông Dương ngày 18/11/1939.

Sau đó, chiêu bài Phản Đế tỏ ra không cuốn hút bằng chiêu bài Độc Lập nên Mặt Trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh ra đời.

Ưu điểm của sách lược vận dụng mặt trận không chỉ là tính hấp dẫn của những chiêu bài đối với quần chúng mà nằm ngay trong thái độ khác biệt về ý thức giữa những người đấu tranh không cộng sản và thuộc hàng ngũ cộng sản.

Người Cộng Sản được rèn giũa, nhắc nhở thường xuyên về *bạn và thù*, không lúc nào quên vấn đề chủ yếu trong

liên minh là phải nắm vững thế chỉ đạo bằng mọi giá, kể cả vu cáo triệt hạ, ám toán tiêu diệt những kẻ gây trở ngại.

Trong khi đó, người không cộng sản bước vào mọi cuộc liên minh với sự tin cậy thiện chí hợp tác của bất kỳ ai, sẵn sàng chấp nhận bất kỳ vai trò nào miễn là có người cùng chia xẻ nhiệm vụ đấu tranh.

Cho nên, người Cộng Sản gần như không gặp khó khăn trong sự thực hiện các mưu đồ mà Douglas Pike đã mô tả là bao lấy tổ chức đối lập đưa vào một cộng đồng rộng lớn hơn *làm lu mờ căn cước riêng của nó và chặt mất đầu, không còn lãnh tụ nên phải tan rã...*

Với những người sôi sục nhiệt tâm chống thực dân để giành độc lập nhưng chưa từng tham gia tổ chức đấu tranh nào, mức thuận lợi càng lớn hơn cho Cộng Sản, nhất là sự hoàn toàn mờ mịt về chủ thuyết Cộng Sản.

Cho tới thập niên 1970, đại đa số dân chúng Việt Nam vẫn nghĩ về Cộng Sản như một tập thể chủ trương bạo động để bênh vực người nghèo khó, chống lại cường quyền áp chế và những kẻ giàu sang độc ác.

Khi đã vượt qua tâm trạng e dè với phương pháp bạo động, không mấy ai còn băn khoăn tìm hiểu tổ chức mình sẽ tham gia là Cộng Sản hay không Cộng Sản. Ngay trong giới trí thức, thậm chí giữa những người đang hoạt động đảng phái, vẫn có luận điệu "*Danh xưng tổ chức là gì không quan trọng, chỉ cần chung sức đánh Tây thôi. Cộng Sản hay không cộng sản cũng là người Việt Nam đang sống trong nô lệ và mong mỏi độc lập như mình.*"

Ý kiến về đảng phái của nhà cách mạng lão thành Huỳnh Thúc Kháng được Võ Nguyên Giáp ghi lại chính là bằng

chứng cụ thể cho cách suy nghĩ về quốc gia và cộng sản đương thời: "*Tới Hà Nội gặp chúng tôi, cụ Huỳnh tỏ ý lo lắng về cái mà cụ gọi là tình hình "đảng tranh" hiện thời. Theo ý cụ thì Việt Minh, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh đều tranh đấu cho dân, các vị lãnh đạo đều là những người yêu nước đã bôn ba hải ngoại, giờ phải đặt quyền lợi quốc gia lên trên, phải đoàn kết lại, không nên xung đột vì chuyện đảng phái*".[13]

Hơn nữa, người trong nước đã có thói quen trông chờ sự tiếp sức từ bên ngoài kể từ khi phong trào Đông Du được Phan Bội Châu phát động. Tin tức đấu tranh từ Trung Hoa, Thái Lan luôn là nguồn hứng khởi và đề tài bàn thảo.

Sau Cách Mạng Tân Hợi 1911 Trung Hoa, chính Phan Bội Châu đã ngả theo xu hướng canh tân, chủ trương dân chủ hóa, hô hào làm cách mạng xã hội để hình thành tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội. Lớp trí thức trẻ trong nước cũng choáng ngợp trước nhiều nguồn ánh sáng tư tưởng Tây Phương và Việt Nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn Thái Học đã tiếp nối Phan Bội Châu không ngừng hô hào làm cách mạng xã hội. Điểm quan trọng là không có sự phân biệt rạch ròi về cách mạng xã hội theo tinh thần Tam Dân Chủ Nghĩa của Cách Mạng Tân Hợi Trung Hoa mà Phan Bội Châu đề xướng với cách mạng xã hội theo tinh thần giai cấp đấu tranh của Đệ Tam Quốc Tế.

Toàn bộ khung cảnh thực tế đấu tranh chính trị tại Việt Nam giữa người cộng sản với người không cộng sản là một thiểu số kín đáo kiên trì theo đuổi mưu đồ thâu tóm trọn quyền lực và một tập thể ngay tình, chân thực luôn sẵn sàng chấp nhận bất kỳ ai tuyên bố đòi đập lập đều là bạn.

Kết quả, sách lược dân tộc thống nhất đã làm tan rã các tổ chức không cộng sản, thu hút thêm người về cho đảng Cộng Sản.

Trên thực tế, qua các cửa ngõ không cộng sản như Tâm Tâm Xã, Phục Việt, Tân Việt, Tổng Hội Sinh Viên... những người trẻ như Vương Thúc Oánh, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Đào Duy Anh... đã bị cuốn hút để trở thành đảng viên nòng cốt của Cộng Sản. Sau một quá trình huấn luyện, nhất là sau khi được chọn lọc gửi đi thụ huấn tại Mạc Tư Khoa, những người trên đều thay đổi ý niệm về đường hướng đấu tranh.

Lúc này, họ đã thuộc về một lực lượng mới với một sứ mạng mới là giải phóng nhân dân lao động toàn thế giới. Cuộc chiến mà họ bước vào do lòng yêu nước thúc đẩy chỉ còn là một bộ phận nhỏ trong cuộc chiến mà họ vừa giác ngộ. Họ ý thức rõ rệt điều đó và còn được chỉ dẫn kỹ lưỡng để khai thác những cuộc chiến cục bộ như thế nào để hoàn thành sứ mạng mới mà họ đã chọn lựa.

Những người không cộng sản chỉ nhìn thấy Mặt Trận là một hình thức kết hợp mọi người tạo thành lực lượng đấu tranh đánh đuổi kẻ thù thực dân Pháp giành lại nền độc lập dân tộc và những người cùng tham gia Mặt Trận đều là đồng chí.

Khi bước vào Mặt Trận, những phần tử hoặc tổ chức không cộng sản đều tự đồng hóa với Mặt Trận theo tinh thần hòa nhập để chung lo công việc. Mọi nhiệm vụ do Mặt Trận đề ra là nhiệm vụ của mình và mục tiêu Mặt Trận nhắm tới là mục tiêu phụng sự của mình.

Nhưng người Cộng Sản đã được chỉ thị rõ ràng để không quên rằng họ chỉ *tạm thời gác lại chủ trương giai cấp đấu tranh và Mặt Trận là một vỏ bọc cần thiết trong giai đoạn.* Họ là người thuộc về Đảng, tức cái nhân của Mặt Trận. Nhiệm vụ chủ yếu của họ là phát triển và củng cố cái nhân chứ không xả thân cho mục tiêu của cái vỏ.

Chính vì thế, họ phải nắm quyền chủ động trong Mặt Trận để giữ vững các điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và củng cố Đảng. Mặt Trận chỉ là vỏ bọc nên cũng như chiếc áo. Mỗi trường hợp, mỗi hoàn cảnh cần có những chiếc áo khác nhau nên nắm vững quyền chủ động có nghĩa là tránh bị lệ thuộc chiếc áo để luôn luôn ứng phó kịp thời với mọi tình huống hầu bảo vệ hữu hiệu cho cái nhân.

Cộng Sản không đồng hóa với Mặt Trận mà vận dụng Mặt Trận như một công cụ phục vụ cho mục đích của mình. Tương quan giữa Đảng Cộng Sản với Mặt Trận là tương quan giữa người chỉ huy với kẻ thừa hành.

Thêm nữa, Mặt Trận không đơn thuần là một danh xưng hay một hình thức tổ chức mà chính là một trận tuyến.

Đối với Cộng Sản, những người cùng tham gia Mặt Trận chưa hề là đồng chí mà còn có thể là kẻ thù. Cộng Sản mời gọi những người này tham dự liên minh để lợi dụng, chinh phục hoặc giăng bẫy thanh toán. Liên minh trong quan điểm chiến lược sách lược Cộng Sản là một cuộc chiến dưới hình thức sống chung hòa bình trong lúc kẻ thù bị ru ngủ bởi hình thức đó.

Đấu tranh giai cấp là cuộc chiến liên tục và trường kỳ dưới mọi hình thức để giành mục tiêu thiết lập nền chuyên

chính vô sản trên toàn thế giới nên không thể ngưng diễn tiến một ngày một giờ nào và ở bất kỳ nơi đâu. Mặt Trận là trận tuyến trên đó cuộc chiến liên tục diễn ra với những kẻ thù tuy đang là đồng minh nhưng không theo cộng sản.

Ý nghĩa chứa đựng trong danh từ Mặt Trận đối với Cộng Sản là ý nghĩa này chứ không phải ý nghĩa theo cách hiểu của người không cộng sản vẫn được trưng dẫn để thuyết phục các đối tượng quần chúng.

Hơn 40 năm trước đây, trong cuốn ***Sách lược xâm lăng của cộng sản***, chúng tôi đã có dịp phân tích 4 loại sách lược thường được Cộng Sản dùng để thôn tính các nước là *mặt trận*, *liên hiệp, trung lập, hòa bình*.

Hòa bình là một vũ khí, một chiến lược, một mặt trận đánh vào đối phương, để chia rẽ, phân hóa, làm cho đối phương mất hết ý chí chiến đấu, trong khi Cộng Sản tiếp tục tấn công.

Tác động của các phong trào phản chiến tại miền Nam Việt Nam và tại Mỹ trước đây là minh chứng cụ thể về sự vận dụng vũ khí hòa bình.

Tưởng cũng nên nhắc lại, ngay trong lúc nêu chủ trương sống chung hòa bình, lãnh tụ Liên Xô Nikita Khrutshchev vẫn tuyên bố "*muốn sống đến ngày được thấy ngọn cờ đỏ bay phất phới khắp năm châu*".

Cũng chính Khrutshchev đã ra lệnh đàn áp phong trào đấu tranh tách khỏi vòng kiềm chế Liên Xô của nhân dân Ba Lan (vụ Poznan) và nhân dân Hung Gia Lợi (vụ Budapest).

Lãnh tụ Cộng Sản Trung Cộng Chu Ân Lai nêu năm nguyên tắc sống chung hòa bình tại hội nghị Băng Đung

1955 không ngoài mục đích ru ngủ và bó tay các quốc gia Ai Cập, Nam Dương, Ấn Độ... đồng thời phân hóa đối thủ, giảm thiểu lực lượng chống Cộng trên thế giới trong khi phe Cộng Sản không lơi tay súng.

Liên hiệp là mượn danh nghĩa sống chung để xâm nhập, lũng đoạn, xuyên tạc, ám toán nhắm đánh phá, tiêu diệt người bất đồng chính kiến.

Các đoàn thể từng tham gia chính phủ liên hiệp Việt Minh trong năm 1946 sẽ không bao giờ quên nổi bài học đắng cay, thấm thía về liên hiệp. Hồ Chí Minh nhân danh "đoàn kết" lập chính phủ liên hiệp để triệt tiêu lý do chống đối của các phe đối lập đồng thời trình diễn bộ mặt "hòa hợp dân tộc" trước các cường quốc Tây Phương. Nhưng cùng lúc đó, các đoàn thể chấp nhận liên hiệp với Cộng Sản Việt Nam đã lập tức trở thành những miếng mồi ngon vì lâm cảnh ngộ ngồi chung với bầy sói.

Trung lập là cô lập đối phương. Bài học về hiệp ước Genève 1962 trung lập hóa Ai Lao là bài học tiêu biểu về trung lập. Ai Lao trung lập có nghĩa là Ai Lao bị cô lập, và miền Nam Việt Nam bị cô lập theo. Bởi, các nước không được quyền giúp phe quốc gia Ai Lao trong khi Cộng Sản Việt Nam không ngừng hỗ trợ cộng sản Ai Lao tấn công phe quốc gia.

Cộng Sản còn dùng Ai Lao làm bàn đạp xâm nhập đánh phá miền Nam Việt Nam. Đường mòn Hồ Chí Minh xuyên qua lãnh thổ Ai Lao "trung lập" trở thành con đường bất khả xâm phạm của Cộng Sản. Các nước ký kết bắt buộc phải tôn trọng chữ ký của mình trong khi Cộng Sản coi mọi phương tiện đều tốt. Nói dối, vi phạm hiệp ước... là

điều cần làm vì lợi ích của đấu tranh giai cấp - *cứu cánh biện minh cho phương tiện*.

Mặt trận nhằm tập họp vào hàng ngũ do Cộng Sản lãnh đạo những thành phần yêu nước đang đấu tranh giành độc lập dân tộc để lợi dụng, khai thác cho mục tiêu tận diệt mọi giai cấp chống lại giai cấp vô sản mà đảng Cộng Sản tự ban cho mình vai trò đại diện với tư cách đội tiền phong.

Với quan niệm chiến tranh thường trực trong giai cấp đấu tranh và chiến lược toàn cầu của Cộng Sản nhắm đánh đổ tư bản, mặt trận dù xưng danh là Độc Lập Đồng Minh cũng không bao giờ thực sự đấu tranh vì Độc Lập dân tộc mà chỉ là sách lược giai đoạn vận dụng chiêu bài Độc Lập dân tộc để giành quyền chuyên chính vô sản.

Danh nghĩa mặt trận sẽ giúp Cộng Sản thu hút đông đảo quần chúng vào vòng chi phối đồng thời có thể buộc hết thẩy khép mình dưới kỷ luật sắt như binh sĩ trong một trại quân.

Ý đồ vận dụng Mặt Trận Việt Minh để tập họp mọi thành phần quần chúng, biến thành lực lượng đấu tranh lâu dài cho mục tiêu chuyên chính vô sản còn biểu hiện qua các nghị quyết và chỉ thị đưa ra trong Hội Nghị kỳ 8 Trung Ương Đảng. Các chỉ thị này đã nêu rõ *nhiệm vụ của Đoàn Thanh Niên Cứu Quốc là tổ chức và phụ trách Đội Thiếu Niên Tiền Phong và Hội Nhi Đồng Cứu Vong để tập họp thế hệ nhỏ vào mục đích dự bị cho cuộc đấu tranh*. Chỉ thị này còn được biến thành một điều khoản trong điều lệ của Hội Nhi Đồng Cứu Vong[14].

Tóm lại, nhìn từ khía cạnh chiến lược sách lược Lênin và qua các Nghị Quyết của Trung Ương Đảng Cộng Sản

Việt Na m, dù Mặt Trận Việt Minh qui tụ rộng rãi các thành phần dân chúng và có mặt nhiều phần tử yêu nước vẫn không thể xác định là một lực lượng đấu tranh yêu nước hình thành do yêu cầu giành độc lập của dân tộc Việt Nam.

Do ngưỡng mộ Hồ Chí Minh, Douglas Pike coi sách lược mặt trận dân tộc là biểu hiện một thiên tài về tổ chức đấu tranh. Chỉ giới hạn trong phạm vi hành động thì lời khen của Douglas có thể có cơ sở, ngoài ra, sẽ là một lời ca tụng mù quáng.

Vì sách lược này không phải phát kiến của Hồ Chí Minh mà được đề ra bởi Lênin. Hồ Chí Minh chỉ là người thi hành chỉ thị của Đệ Tam Quốc Tế và tính chất này đã là nền tảng để Duncanson đánh giá "*phong trào cộng sản ở Việt Nam khác với các phong trào chính trị về một phương diện quan trọng: nó là một phong trào khuynh đảo phát động từ bên ngoài do chính phủ Liên Xô dùng làm khí cụ quấy phá Pháp.*"

Do đó, Duncanson cho rằng *đảng Cộng Sản Đông Dương không bao giờ là một lực lượng đấu tranh yêu nước mà trái lại, còn gần như một lực lượng chống-lại-những-người-yêu-nước-chống-thực-dân - almost anti-anti-colonial.*

Mặt Trận Việt Minh do Đảng Cộng Sản Đông Dương thành lập và nắm quyền chỉ đạo nên kết luận của Duncanson cũng là lời bác bỏ sự xác định lý tưởng dân tộc của Hồ Chí Minh dựa trên chủ trương được quảng bá của Mặt Trận này.

Đặt vấn đề vào thực tế, chỉ có thể coi Mặt Trận Việt Minh là phát kiến của Hồ Chí Minh trong giới hạn ý đồ vận dụng danh xưng Việt Minh.

Vì từ 1935, Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội với tên gọi tắt Việt Minh đã được Hồ Học Lãm thành lập tại Nam Kinh. Trong hồi ký ***Giọt nước trong biển cả***, Hoàng Văn Hoan ghi rõ nhiều chi tiết về tổ chức này của những người quốc gia yêu nước tại Hoa Nam.

Theo Hoàng Văn Hoan, chính Hồ Chí Minh cùng nhiều đồng chí trong số có Hoàng Văn Hoan đã tham gia Việt Minh để hoạt động.

Hoàng Văn Hoan viết: "*Vấn đề đầu tiên là vấn đề lấy danh nghĩa gì để hoạt động? Bác chủ trương lấy danh nghĩa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, và mời ông Hồ Học Lãm đứng ra chủ trì để chúng ta dựa vào đó mà hoạt động. Chủ trương đó phát xuất từ chỗ Việt Minh là một tổ chức mà trước kia đã cùng với ông Hồ Học Lãm lập ra và đăng ký ở Nam Kinh; xuất phát từ chỗ ông Hồ Học Lãm không phải là Cộng Sản mà lại thực lòng ủng hộ chúng ta...* "[15]

Trong ***Danh nhân Hồ Chí Minh***[16], Trần Đình Huỳnh cũng cho biết từ tháng 9/1940, Hồ Chí Minh bắt liên lạc với Hồ Học Lãm và được Hồ Học Lãm cho biết thời cơ về nước đã tới. Vì thế, ngày 6/1/1941, Hồ Chí Mi nh mới cùng Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp là những người có mặt trong Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội chuẩn bị về nước bằng việc tổ chức tại làng Nậm Quang thuộc Quảng Tây, Trung Quốc, một khóa huấn luyện chính trị cho 43 cán bộ, dẫn giải về việc thành lập mặt trận dân tộc rộng rãi ở trong nước.

Tháng 2/1941, Hồ Chí Minh về Pac Bó thuộc tỉnh Cao Bằng và công việc đầu tiên là giao cho Vũ Anh, Hoàng Văn Thụ tiến hành tổ chức thí điểm Mặt Trận Việt Minh tại Cao Bằng.

Như vậy tới tháng 2/1941, trên danh nghĩa, Hồ Chí Minh vẫn thuộc tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của Hồ Học Lãm với tên gọi tắt là Việt Minh.

Ngày 19/5/1941, Hồ Chí Minh chỉ có phát kiến tách khỏi tổ chức trên bằng cách thay chữ *Hội* bằng 2 chữ *Mặt Trận* và vẫn giữ cái tên tắt Việt Minh quen thuộc trong hoạt động.

Lập Mặt Trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh để không còn chịu sự chi phối của Hồ Học Lãm, dù chỉ là sự chi phối không đáng kể về ý kiến do cung cách hoạt động lỏng lẻo sẵn có của tổ chức này. Tuy thế, vẫn giữ tên Việt Minh để tiếp tục khai thác mọi thành quả mà tổ chức này dành được từ trước, nhất là để vận động các thế lực quốc tế như Quốc Dân Đảng Trung Hoa và các quốc gia Đồng Minh kháng Nhật do mối tương quan mà Hồ Học Lãm đã có.

Với tên Việt Minh, đảng Cộng Sản đã có chiếc áo quốc gia yêu nước từng được quần chúng và ngay cả các giới chức Trung Hoa biết tới từ năm 1935.

Ưu điểm này không những giúp Cộng Sản dễ dàng lôi cuốn nhiều phần tử nhiệt huyết trong nước chẳng hạn như lớp trí thức trẻ Dương Đức Hiền, Nguyễn Xiển, Nghiêm Xuân Yêm... mà còn thuyết phục cả tư lệnh Đệ Tứ Chiến Khu Trung Hoa Dân Quốc là Trương Phát Khuê cùng các sĩ quan Mỹ hoạt động tại Hoa Nam.

Tưởng Vĩnh Kính trong ***Hồ Chí Minh tại Trung Quốc*** đã viết: "... *Tại sao ông Hồ và trung ương đản g Cộng Sản Việt Nam muốn lợi dụng lá cờ Việt Nam Độc Lập Đồng Minh* (*chỉ bỏ chữ "hội" mà thôi*) *? Cách thức đó chính là lặp lại một cách khéo léo điều mà người Cộng Sản gọi là "chiếm lĩnh cơ quan, làm phe tả của họ"*. *Ý đồ của họ, xét ra không ngoài việc*

lợi dụng danh nghĩa Độc Lập Đồng Minh Hội... nhằm chiêu dụ tổ chức quần chúng của hội này... Căn cứ vào các tư liệu tại Quảng Tây thời đó, "Việt Nam Độc Lập Đồng Minh được thành lập tháng 7 năm 1935, là sự hợp thành của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Độc Lập Đảng, Tân Việt Đảng... Các tổ chức quần chúng của nó cũng được ông Hồ đổi thành các hội "Cứu Quốc"... Ý đồ lớn nhất của ông Hồ khi lợi dụng cơ cấu Việt Minh là che giấu cái bộ mặt cộng sản, lợi dụng tình thế cùng tâm lý quần chúng Việt Nam, ngụy trang bằng chủ nghĩa dân tộc, nhằm phát triển thực lực của bản thân." **16**

Chủ ý lợi dụng danh nghĩa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội không còn là nghi vấn vì chính Hoàng Văn Hoan đã ghi rõ.

Nhưng trong thời điểm 1940-1945, Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng riêng danh nghĩa Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội. Cũng theo Hoàng Văn Hoan, vào năm 1943, khi có cơ hội gặp gỡ và nhận đứng ra tổ chức mạng lưới tình báo tại Việt Nam cho Trương Phát Khuê, Hồ Chí Minh đã yêu cầu Trương Phát Khuê can thiệp với Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội của Nguyễn Hải Thần để "*có một ủy nhiệm thu của Trung Ương Việt Cách phái Hồ chủ tịch về nước công tác*". Trương Phát Khuê chấp thuận nên Hồ Chí Minh đã " *đến Côn Minh với danh nghĩa là ủy viên Trung ương của hội Việt Cách, có trách nhiệm xem xét tình hình phân hội Việt Cách ở Vân Nam....* "**17**

Theo sử gia Trần Trọng Kim trong hồi ký ***Một Cơn Gió Bụi***, khoảng 1942, chính quyền Trung Hoa Dân Quốc đã ra lệnh giải tán Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của Hồ Học Lãm vì thấy trong đó có nhiều người hành động theo chủ nghĩa Cộng Sản. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc

lúc đó cũng muốn người Việt Nam lưu vong họp thành một lực lượng duy nhất.

Ngày 1/10/1942 tại Liễu Châu, Hoàng Lương vốn thuộc lực lượng võ trang Phục Quốc Quân của Trần Trung Lập triệu tập một hội nghị thành lập Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội gọi tắt là Việt Cách bao gồm các tổ chức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội vừa có lệnh giải tán, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội cùng một số người không đảng phái. Hội nghị lập ra một Ủy Ban Trừ Bị gồm Nguyễn Hải Thần, Hoàng Lương, Hồ Học Lãm, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Trương Bội Công, Trương Trung Phụng, Trần Báo.

Ủy Ban Trừ Bị Việt Cách đã đề nghị Trương Phát Khuê trả tự do cho Hồ Chí Minh bị bắt ngày 29/2/1942, khi từ Pac Bó trở qua Quảng Tây. Hồ Chí Minh được trả tự do ngày 13/9/1943 tại Liễu Châu, tuyên thệ hết lòng trung thành với Việt Cách đồng thời trở thành một nhân viên tình báo của tướng Trương Phát Khuê.

Lúc này Ủy Ban Trừ Bị Việt Cách đã đổi thành Ủy Ban Chấp Hành với thành phần chính thức gồm Trương Bội Công, Trần Đình Xuyên, Nguyễn Hải Thần thuộc chủ tọa đoàn và các ủy viên Vũ Hồng Khanh, Bồ Xuân Luật, Trương Trung Phụng, Nông Kính Du và Trần Báo.

Vì Hoàng Lương có chuyện bất đồng với các giới chức Trung Hoa nên bị bắt đưa về Trùng Khánh và Trương Phát Khuê đề nghị Việt Cách nhận thêm Hồ Chí Minh vào nhóm ủy viên. Suốt thời gian hoạt động tại Hoa Nam sau đó, Hồ Chí Minh luôn nhận là đại biểu của Việt Minh tức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội trong tổ chức Việt Cách.

Trần Trọng Kim viết: *"Khoảng tháng 9/1944, Việt Nam*

Cách Mệnh Đồng Minh Hội dời về Quảng Tây và cho Hồ Chí Minh về Bách Sắc để trù liệu kế hoạch nhập Việt. Sau đó Hội cho Hồ Chí Minh cùng 22 đảng viên phần nhiều là người trong đảng Phục Quốc về nước để khởi sự hành động. Trong số 22 người ấy có một nữ đảng viên tên Đỗ Thị Lạc là người về sau có đứa con gái với Hồ Chí Minh. Người ta nói khi về đến địa hạt Bắc Giang, có ba đảng viên trong 22 người ấy bị giết vì không chịu theo cộng sản".[18] Cho tới tháng 6/1945, Hồ Chí Minh vừa nhân danh Việt Minh, Việt Cách vừa sử dụng giấy tờ chứng nhận của tướng Trương Phát Khuê trong mọi hoạt động để tuyên truyền lôi cuốn những phần tử còn e dè với Cộng Sản và bắt liên lạc với các toán hoạt động đặc biệt của Mỹ tại Hoa Nam.

Nhưng Hồ Chí Minh không đem lại thành quả tốt đẹp nào cho các tổ chức kia cũng như cho tướng Trương Phát Khuê trong khi Mặt Trận Việt Minh tiếp tục phát triển theo hướng gia tăng uy thế của Cộng Sản Việt Nam.

Những lời nói của Hồ Chí Minh trong thời gian này với người ngoài và với đồng chí phản ảnh rất cụ thể nhận định của Tướng Vĩnh Kính về hướng nhắm chủ yếu của Hồ Chí Minh - *Nỗi thao thức chính yếu của ông Hồ vào lúc đó không phải là vấn đề có thể sớm đạt được một nền độc lập hay không, mà chính là vấn đề "bản thân Việt Minh có thể đoạt thủ được chính quyền hay không... "*

Suốt thời gian này với người ngoài, Hồ Chí Minh luôn che giấu nguồn gốc Cộng Sản, trong khi với nội bộ, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở phải củng cố và phát triển đảng.

Trong một đoạn nhật ký ghi lại những câu chuyện với Hồ Chí Minh vào khoảng tháng 2-1945, Charles Fenn,

trung úy OSS Mỹ ghi: "*Tôi đã nghe phong phanh người này là Cộng Sản và tôi hỏi về điều đó. Hồ nói rằng người Pháp gọi tất cả những người Việt Nam mong muốn độc lập đều là Cộng Sản...Giọng nói của ông rõ ràng, dứt khoát, gây cho tôi một ấn tượng mạnh mẽ*".

Ngày 17/7/1945, Hồ Chí Minh nói với Thomas , thiếu tá Mỹ chỉ huy toán Deer vừa nhảy dù xuống Tân Trào: "*Mặt Trận Việt Minh là tập hợp các đảng phái chính trị được tổ chức với mục đích duy nhất là đấu tranh cho tự do và độc lập*".

Với người như Trương Phát Khuê, Hồ Chí Minh không thể chối quanh nhưng cũng có cách nói: "*Tôi là một người Cộng Sản, nhưng điều tôi quan tâm hiện nay là độc lập và tự do cho nước Việt Nam. Tôi có một lời bảo đảm đặc biệt với ông rằng chủ nghĩa Cộng Sản sẽ chưa được thực hiện ở Việt Nam trong vòng 50 năm tới*".

Trương Phát Khuê nghe Hồ Chí Minh nói những lời này ngày 9 /8/1944 và đã thâu nhận Hồ Chí Minh làm một nhân viên tình báo.

Trong thời gian đó, tháng 12/1944, khi gặp Võ Nguyên Giáp để quyết định thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên, Hồ Chí Minh đã thêm hai chữ "*tuyên truyền*" vào tên đơn vị này và dặn Võ Nguyên Giáp: "*Nhớ bí mật*: *Ta ở Đông, địch tưởng ta ở Tây*". Lời dặn này không chỉ nhắm về mưu lược quân sự, bởi dưới quyền Võ Nguyên Giáp lúc đó chỉ là một trung đội nhỏ nhoi. Võ Nguyên Giáp từng biết rõ Hồ Chí Minh chỉ có 3 ngày vui lớn. " *Đó là ngày Bác tìm thấy con đường giải phóng dân tộc khi đọc Luận Cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đó là ngày thành lập Đảng Cộng Sản Pháp năm 1920 mà Bác là một thành viên. Và ngày*

lịch sử mồng 3 tháng Hai năm 1930, ngày thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương".[19]

Cho nên nghe lời dặn của Hồ Chí Minh, nhất là khi Hồ Chí Minh thêm hai chữ "*tuyên truyền*" vào tên gọi của đội vũ trang đầu tiên, Võ Nguyên Giáp đã nhớ ngay tới con đường phải đi và công việc phải làm của mình.

Đó là công việc kín đ áo tuyên truyền cho con đường mà Hồ Chí Minh đã chọn. "*Giữa lúc vàng thau lẫn lộn, giả thật khó phân, Bác đã nhanh chóng nhìn thấy ánh sáng của chân lý. Bác đã đến với chủ nghĩa Lênin. Bác đã thấy học thuyết Lênin chính là mặt trời đưa lại nguồn tươi vui. Bác đã thấy ngọn cờ Lênin là tượng trưng cho lòng tin và đuốc sáng của hy vọng*".[20]

Tháng 7/1945, Hồ Chí Minh lại nhắc Võ Nguyên Giáp: "*Lúc nào cũng phải chú ý xây dựng chi bộ, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và các phần tử trung kiên*".

Võ Nguyên Giáp ghi lại không khí sôi sục nhiệt tình hưởng ứng của dân chúng đối với mọi lời hô hào đấu tranh yêu nước. "*Phong trào tìm kiếm, chế tạo, mua sắm vũ khí rất sôi nổi. Những lò rèn ở nông thôn trở thành nơi sản xuất dáo mác, mã tấu cho các đội tự vệ, dân quân. Các em nhỏ đua nhau đi lượm nhặt sắt thép vụn. Người lớn đem tới góp những đồ dùng hàng ngày trong nhà như mâm thau, nồi đồng... cả những đồ thờ cúng như lư hương, đỉnh đồng để đúc thành vũ khí... Với thanh mã tấu, ngọn dáo dài trong tay, tinh thần khí phách thượng võ của dân tộc đã trỗi dậy mạnh mẽ hơn bao giờ hết trong anh tự vệ đứng bên trống canh tại trạm gác đầu làng. Các tổ chức tự vệ, du kích phát triển rất nhanh... Hầu hết các thôn xã, đường phố, nhà máy đều có lực lượng tự vệ*".[21] Năng

lực và nhiệt tình đó không hề được vận dụng vào mục tiêu phụng sự dân tộc mà được tính toán để trở thành công cụ riêng của Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Võ Nguyên Giáp cho biết: "*Lực lượng tư vệ được sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng... nhưng hoàn toàn tự cấp và tự túc về sinh hoạt v à trang bị, vũ khí... Đó là một công cụ chuyên chính đắc lực của chính quyền cách mạng để bảo vệ các cơ quan Đảng, Nhà Nước, Mặt Trận... giữ gìn trật tự, trị an, trấn áp bọn phản động... Đi đôi với công tác bảo vệ chính quyền cách mạng, trấn áp bọn phản động, các chiến sĩ tự vệ chiến đấu còn làm công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Mặt Trận, Nhà Nước...*"

Khi các lực lượng tự vệ được biến thành Vệ Quốc Đoàn, "*tất cả các đơn vị Vệ Quốc Đoàn đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua tổ chức của Đảng tr ong quân đội, thông qua các chi bộ và những cán bộ là đảng viên giữ những vai trò quan trọng*".[22] Nhiệm vụ quan trọng của các lực lượng vũ trang đầu tiên hình thành do mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng chiêu bài giành độc lập đã được Võ Nguyên Giáp nêu rõ là *trấn áp phản động* tức là *trấn áp những người yêu nước không chấp nhận Cộng Sản đang nấp dưới danh nghĩa Việt Minh*.

Rõ ràng hơn là lời xác nhận của Hồ Chí Minh trong báo cáo chính trị trước Đại Hội Đảng về thành tích của Mặt Trận Việt Minh: "*Từ năm 1941,... một số có tinh thần dân tộc đã tham gia những hoạt động tiến bộ của các tổ chức như Tổng Hội Sinh Viên, Hướng Đạo, Phong Trào Truyền Bá Quốc Ngữ hoặc các nhóm tiến bộ tập hợp quanh một số tờ báo tiến bộ như Tri Tân, Thanh Nghị, Thanh Niên... tổ chức một số hình thức sinh hoạt tập thể để qua đó giác ngộ lòng yêu nước... Tuy*

nhiên, những nhóm này vẫn chưa hình thành tổ chức và chưa tìm thấy hướng đi chính trị của mình. Thực hiện chủ trương mở rộng khối đoàn kết dân tộc của mình, Đảng Cộng Sản Đông Dương đã giúp những anh em trí thức tiến bộ thành lập Đảng Dân Chủ Việt Nam làm mau tan rã hàng ngũ bọn Đại Việt..."[23] Mấy tiếng "*bọn Đại Việt*" trong bản báo cáo của Hồ Chí Minh ám chỉ các đảng Đại Việt Duy Dân, Đại Việt Dân Chính, Đại Việt Quốc Xã, Đại Việt Quốc Dân Đảng... trong tổ chức Đại Việt Quốc Gia Liên Minh phản ảnh rõ thái độ thù địch đối với những người khác chính kiến và Mặt Trận Việt Minh luôn chú trọng đánh phá các tổ chức quốc gia để phát triển Đảng Cộng Sản hơn là chung sức xây dựng một lực lượng dân tộc.

Với Mặt Trận Việt Minh, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản đã cướp được chính quyền vào tháng 8-1945 và động viên toàn dân hưởng ứng c uộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ sau đó. Những thành quả này được nhiều người coi như thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong công cuộc đấu tranh giành độc lập.

Trên thực tế, nền độc lập Việt Nam vẫn tiếp tục là chiếc bánh vẽ do tính chất lệ thuộc của Đảng Cộng Sản Đông Dương đối với Đệ Tam Quốc Tế. Thành công lớn nhất mà Mặt Trận Việt Minh mang lại chỉ là sự phát triển và củng cố quyền lực của Đảng Cộng Sản bằng cái giá mà dân tộc phải trả là xương máu của hàng triệu con dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp và sự tan rã của nhiều hội đoàn yêu nước do bị vu cáo, trấn áp, ám toán với kết quả hàng trăm ngàn chiến sĩ quốc gia bị sát hại man rợ đồng thời dân tộc bị phân rẽ thành những tập đoàn thù địch đẩy lui đất nước vào tình trạng thoái hóa, nghèo đói...

Bernard Fall so sánh việc Hồ Chí Minh nhân danh Mặt Trận Việt Minh lập ra Ủy Ban Dân Tộc Giải Phóng để cướp chính quyền tại Việt Nam với việc Ủy Ban Quốc Gia Ba Lan do Mạc Tư Khoa điều khiển để cướp chính quyền tại Ba Lan năm 1944 và nhận định là có sự trùng hợp kỳ lạ tới mức gần như giống nhau về mọi chi tiết.[24]

Thực ra, sự trùng hợp này hoàn toàn không kỳ lạ vì cả Ba Lan lẫn Việt Nam đều chỉ là những chi bộ của Đệ Tam Quốc Tế và tình hình diễn tiến ở hai quốc gia lúc đó không hề khác biệt nếu được đặt vào bối cảnh chung của cuộc chiến ý thức hệ.

Sứ mạng lịch sử của Mặt Trận Việt Minh là đưa Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản tới vị thế nắm độc quyền lãnh đạo tại Việt Nam và tạo được một lực lượng trấn áp để thiết lập chế độ cai trị theo đúng kiểu mẫu Liên Xô, bất chấp nguyện vọng của mọi tầng lớp dân chúng Việt Nam.

Nhìn chung, từ nguyên tắc chiến lược Cộng Sản tới hành động thực tiễn của Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam, Mặt Trận Việt Minh không tượng trưng cho một ý nghĩa nào khác tính chất công cụ của Đệ Tam Quốc Tế trong việc mở rộng ảnh hưởng tại Đông Dương.

Qua Mặt Trận Việt Minh, Hồ Chí Minh là một cán bộ Cộng Sản xuất sắc nhưng không bao giờ có thể biến hình thành một người yêu nước.

Mặt Trận Việt Minh chính là cái bẫy khổng lồ tinh xảo do Cộng Sản dựng lên để qua đó cả dân tộc rơi vào vòng chi phối khai thác của Cộng Sản cho mục tiêu tranh thủ quyền chuyên chính vô sản. Đây cũng là trường hợp ra đời sau này của nhiều mặt trận khác trong số có Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam.

Chú thích

1 Theo Jean Lacouture thì nó ra đời trong một túp lều lá, với một cái bàn duy nhất. Hiện diện chỉ có mấy người thân tín của *ông* Hồ từ khi còn ở Hoa Nam như Phạm Văn *Đồng,* Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Vũ Anh và Hoàng Văn Thụ, Trường Chinh.

2 *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Trần Đình Huỳnh, NXB Văn Học, Hà Nội 2001, tr. 68-69

3 *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, Dương Trung Quốc, NXB Giáo Dục, Hà Nội 2001, tr. 330

4 Douglas Pike - Xin xem chương 22

5-6-7 *Indochine S.O.S*, Andrée Viollis, Gallimard, Paris 1955, tr.112 & 148

8 *Vietnam, la tragédie Indochinoise*, Louis Roubaud, Paris 1931, tr. 126

9 *Hoa cành Nam*, Nhượng Tống, Khai Trí, Sài Gòn 1973, tr.180

10 *Trente ans de Tonkin*, L. Bonnafant, Paris 1924, tr. 214

11 *Lịch trình diễn tiến phong trào quốc gia Việt Nam*, Nghiêm Xuân Hồng, Ngày Về, Cali. 1973 tr.43-44

12-14 *Việt nam những sự kiện lịch sử*, tr.196 & 330-331. Hội Nhi Đồng Cứu Vong được đổi thành Hội Nhi Đồng Cứu Quốc vào tháng 8/1945, Hội Thiếu Nhi Tháng Tám vào tháng 3/1951, Đội Thiếu Niên Tiền Phong vào tháng 1/1956, phát triển thêm Đội Nhi Đồng Tháng Tám vào tháng 3/1960 và từ 1970 tới nay biến thành *Đội* Thiếu Niên Tiền Phong Hồ Chí Minh và Đội Nhi *Đồng* Hồ Chí Minh.

13-19-20-21-22 *Những năm tháng không thể nào quên*, Võ Nguyên Giáp, NXB QĐND, Hà Nội 2001, tr. 137, 9, 13, 77-78 & 80.

15-17 *Giọt nước trong biển cả*, Hoàng Văn Hoan. Xin xem chương 35.

16 *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Trần *Đình* Huỳnh, NXB Văn Học, Hà Nội 2001, tr. 65-67

18 Theo Trần Đình Huỳnh trong *Danh Nhân Hồ Chí Minh* thì ngày 9-8-1944, Hồ Chí Minh *được* tướng Trương Phát Khuê trả tự do và cho phép về nước cùng với 18 thanh niên do Hồ Chí Minh chọn lựa. *Đối* chiếu

con số này với con số do Trần Trọng Kim ghi thì có thể các tài liệu của Đảng đã cố tình bỏ quên *Đỗ* Thị Lạc và 3 người bị giết.

23 *Việt nam những sự kiện lịch sử***,** Dương Trung Quốc, tr.377

24 Theo Bernard Fall, trong số 14 ủy viên của mặt trận, 11 người đã là đảng viên ĐDCSĐ.

Chương 48
Hồ Chí Minh và tình trạng bị thủ hạ khống chế

Dương Thu Hương hãy đọc chương này, Lời ngỏ - Tháng trước, khi chương 51 cuốn *Hồ Chí Minh nhận định tổng hợp* được phổ biến tại đây, có độc giả đã phát biểu rằng nên đổi lại tiêu đề chương sách là *Hồ Chí Minh là đại gian hùng bán nước* thay vì *Hồ Chí Minh là vị đại anh hùng yêu nước*. Có lẽ khi đọc chương 48 dưới đây vị đó sẽ khuyên nên đổi tiêu đề là *Hồ Chí Minh không hề bị thủ hạ khống chế*.

Vì vậy, chúng tôi xin có đôi lời giải thích, tại sao chúng tôi không đặt nhan đề sách hay tiêu đề các chương sách giống như các tác giả Việt Thường (*Con Yêu Râu Xanh*), Hoàng Quốc Kỳ (*Ma đầu Hồ Chí Minh*), hay Nguyễn Phương Minh (*Hồ Chí Minh, tên phản quốc số một của thời đại*), mặc dầu tác phẩm (chưa xuất bản) của Nguyễn Phương Minh thuộc loại khảo cứu nghiêm chỉnh chứ không chỉ gồm những nhận định chủ quan.

Lý do thứ nhất là vì chúng tôi muốn có một thái độ nhất quán trong toàn bộ tác phẩm. Đã đặt nhan sách là *Hồ*

Chí Minh nhận định tổng hợp, có nghĩa là người viết muốn phân tích kỹ những tác phẩm của nhiều tác giả đi trước để rồi tổng hợp lại theo một phương pháp có tính khoa học khách quan, chứ không chỉ đưa ra nhận định sẵn có của mình mà thôi. Vẫn biết tính khoa học của một tác phẩm thuộc loại nhân văn không thể nào chặt chẽ và tuyệt đối giống như những tác phẩm khoa học vật lý được. Trong số những tác phẩm về Hồ Chí Minh được biên soạn trước có những ý kiến, nhận định đa dạng từ cực hữu sang cực tả đối chọi nhau chan chát. Chúng tôi muốn lần lượt đưa chúng lên mặt giấy (bàn mổ) với càng nhiều ý kiến càng tốt. Sau đó mới phân tích (mổ xẻ), phê bình, phản bác, nếu cần.... để rồi đưa ra kết luận của mình cho độc giả phán xét.

Lý do thứ hai là vì đối tượng độc giả mà chúng tôi nhắm tới cũng rất đa dạng và phức tạp chứ không chỉ toàn là những nạn nhân và chuyên viên chống cộng mà phần đông đã hiểu thấu mưu mô xảo quyệt và lòng dạ của Cộng Sản. Trong số những độc giả này có một số rất đông, từ trước chưa từng nếm mùi khói lửa chiến tranh, chưa nghe ai phê bình chỉ trích ông Hồ mà trái lại chỉ nghe những lời tán tụng tôn thờ như thần thánh. Đó là nói về giới trẻ trong nước. Thế hệ trẻ của chúng ta ở ngoại quốc, không bị Việt Cộng tuyên truyền, thì lại bị những sách báo và phim ảnh địa phương (phần lớn thiên tả) nhồi sọ hàng ngày rằng Hồ Chí Minh là nhà ái quốc có công giải phóng dân tộc.Vì vậy một số đông, nếu không được thế hệ cha anh hướng dẫn, cũng sẽ có ý nghĩ tốt về Hồ Chí Minh. Với các độc giả trẻ này một tiêu đề có vẻ vô tư sẽ lôi cuốn hơn.

Từ ngày sang Mỹ nhiều lần chúng tôi đã trông thấy nhãn tiền những cựu chiến binh Mỹ vô gia cư, bị bệnh tâm thần,

lang thang ngòai đường phố. Tìm hiểu thì thấy họ là nạn nhân của một phong trào phản chiến ngu ngốc điên rồ. Phản chiến phát xuất từ sự tin tưởng và loan truyền rằng, Hồ Chí Minh và cộng đảng mới là người yêu nước Việt Nam, còn Ngô Đình Diệm và phe quốc gia chỉ là tay sai ngọai quốc. Do đó chiến tranh chống Hồ Chí Minh là chiến tranh bẩn thỉu vô luân, cần phải chống đối. Vì phong trào phản chiến này mà chẳng những các chiến sĩ chúng ta bị hiểu lầm, mạt sát, khinh rẻ, mà cả các chiến binh Mỹ khi từ chiến trường Việt Nam trở về nước đã bị miệt thị, khinh khi khiến họ tủi hổ, đau khổ trăm chiều. Khỏi cần nhắc lại rằng chúng ta và đồng minh đã thua vì phong trào phản chiến này chứ không phải vì thiếu tinh thần chiến đấu hay thiếu vũ khí.

Thưa quý vị, trở lại vấn đề đó sẽ làm mất thời giờ quý báu của quý vị. Vậy xin mời quý vị đọc chương sách mà chúng tôi muốn đề nghị nhà văn "phản tỉnh" Dương Thu Hương, tác giả *Đỉnh Cao Chói Lọi*, hãy thử đọc xem bà có thấy *chói* mắt không.

Một số người Mỹ như Archimedes Patti, Charles Fenn, Gallagher... từng gặp Hồ Chí Minh trước tháng 8/1945 và các tác giả Pháp như Bernard Fall, Jean Lacouture, Jean Sainteny... đều mô tả Hồ Chí Minh là người hiếu hòa không thích bạo động.

Do đó, khi xảy ra cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968 tại miền Nam đã có người cho rằng Hồ Chí Minh không dính dấp tới sự việc, thậm chí Hồ Chí Minh còn chống lại chủ trương thống nhất đất nước bằng võ lực.

Ngoài bản tính hiếu hòa, lý do chính được viện dẫn là Hồ Chí Minh đã cao tuổi không còn nắm thực quyền chỉ

đạo chế độ miền Bắc, đặc biệt trong những năm cuối đời, Hồ Chí Minh đã bị nhóm Lê Duẩn khống chế.

Nhiều cách biện giải để chứng minh cho nhận định trên đã được đưa ra, trước hết là cuộc "tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu Thân" xảy ra chỉ cách ngày cuối đời của Hồ Chí Minh không đầy hai năm và cũng là thời điểm Hồ Chí Minh dưỡng bệnh tại Trung Quốc.

Trước đó, tình trạng chia rẽ trong nội bộ Cộng Sản Việt Nam cũng là nguyên do hạn chế quyền lực của Hồ Chí Minh.

Theo nhiều tác giả, sự phân bè kết nhóm do ảnh hưởng cuộc xung đột Liên Xô - Trung Cộng đã khiến Hồ Chí Minh không còn giữ được vị thế tối cao của thời gian trước 1954 vì thuộc phe yếu thế.

Dựa vào quá trình hoạt động, những người nêu nhận định này cho rằng Hồ Chí Minh đã ngả về phe thân Liên Xô. Đối với Hồ Chí Minh, Mạc Tư Khoa là nơi mở đầu cuộc hành trình đưa vào thế giới Cộng Sản và cũng là vùng đất thiêng tượng trưng cho lý tưởng đấu tranh.

Tương quan giữa Hồ Chí Minh với các đồng chí Liên Xô luôn chặt chẽ và đậm đà hơn tương quan với các đồng chí Trung Cộng. Dù được trao vai trò phụ trách vùng Đông Á và có mặt tại Trung Hoa từ cuối năm 1924, Hồ Chí Minh luôn gắn bó với các giới chức Liên Xô trong mọi công tác vì là nhân viên của Đệ Tam Quốc Tế. Ngoài ra, do bản tính ôn hòa, Hồ Chí Minh không tán thành chủ trương sắt máu của Mao Trạch Đông.

Kèm theo các biện giải trên là sự viện dẫn một số sự việc ghi nhận qua sách báo viết về Hồ Chí Minh, đặc biệt là một số sự việc mà người kể tự nhận chính là nhân chứng.

Những câu chuyện được nhắc lại nhiều lần để chứng minh cho bản tính hiếu hòa, nhân ái là Hồ Chí Minh thường luôn ôm hôn trẻ em mỗi khi gặp gỡ, thường không ngăn được nước mắt ngay trước các đám đông, từng cởi áo khoác tặng một sĩ quan ngoại quốc hay đưa áo len của mình cho một người lính gác giữa mùa đông với manh áo mỏng...

Lời lẽ, cử chỉ và dáng vẻ bề ngoài của Hồ Chí Minh khi gặp gỡ cũng lưu lại một ấn tượng thoải mái với Archimedes Patti, Fenn, Gallagher hay Sainteny, Wilfred Burchett, France Fitzgerald ... Và, Lacouture, Bernard Fall đều không quên hình ảnh Hồ Chí Minh đi dép ăn mặc sơ sài từ ngoài bước vào, "tiếng chân nhẹ nhàng như tiếng lụa xào xạc", (chữ của Lacouture) khi họ đang phỏng vấn thủ tướng Phạm Văn Đồng về những vấn đề quan trọng.

Cùng với cách xuất hiện đột ngột đó là những lời thăm hỏi hết sức tự nhiên. Các nhà báo trên đều ghi lại Hồ Chí Minh đã điềm nhiên chuyển câu chuyện qua các đề tài thân mật với từng nhà báo như việc phu nhân Bernard Fall vẽ chân dung Hồ Chí Minh ra sao hay Paris lúc này có gì lạ không, v.v.

Mặt khác, việc Hồ Chí Minh giải tán đảng Cộng Sản, lập chính phủ liên hiệp với những người đối lập, việc ký hiệp định sơ bộ 6/3/1946 với Pháp cũng như nội dung hai bản hiến pháp 1946, 1959 ra đời thuở Hồ Chí Minh còn sống đều không nói đến chuyên chính vô sản và độc quyền lãnh đạo của đảng Cộng Sản... và đặc biệt, một tin đồn cho tới nay vẫn chưa có bằng chứng xác nhận cũng được nhắc như các chứng cớ biểu hiện tính hiếu hòa và chủ trương chống

giải pháp võ lực của Hồ Chí Minh. Đó là tin đồn về việc Hồ Chí Minh gửi tặng Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm một cành đào đính kèm tấm thiệp chúc Tết nhân dịp đón Xuân Quý Mão 1963.

Theo tin đồn, thời khoảng sau đó cho tới trước khi xảy ra cuộc đảo chính 1/11/1963 tại Miền Nam, Hồ Chí Minh đã có một loạt cử chỉ bày tỏ thiện chí muốn thương thuyết với chế độ Việt Nam Cộng Hòa tại miền Nam để đi tới thống nhất đất nước trong hòa bình.

Trong *Đêm giữa ban ngày*, Vũ Thư Hiên trưng dẫn ý kiến của cha mình, Vũ Đình Huỳnh, vốn là người thân cận với Hồ Chí Minh cho rằng Hồ Chí Minh không chủ trương bạo lực:

"Sau vụ bắt bớ giam cầm những người cộng sản bất đồng chính kiến, nhiều người buộc tội ông Hồ Chí Minh, thậm chí gán cho ông những tính chất mà ông không có, như tính hiếu chiến, hiếu sát. Cha tôi giận ông Hồ, nhưng không đồng tình với lời buộc tội đó. Những ngày ở trong rừng Việt Bắc, cha tôi kể, mỗi khi sắp mở một chiến dịch ông Hồ trở nên bẳn gắt và hút thuốc lá luôn miệng, có khi thức trắng đêm. Hồ Chí Minh hiểu hơn ai rằng gắn liền với mỗi thắng lợi trên chiến trường là máu chiến sĩ, đồng bào phải đổ ra."[1]

Riêng Vũ Thư Hiên cũng nhận định về Hồ Chí Minh:

"Khi ban lãnh đạo Đảng ngả theo Bắc Kinh, ông Hồ còn buồn hơn. Ông hiểu Mao Trạch Đông, hiểu tham vọng bá, tính cách bá của ông ta. Với đường lối 'tọa sơn quan hổ đấu' (ngồi trên núi xem hổ đánh nhau) đã nhiều năm Mao xúi Liên Xô đụng đầu với Mỹ, nay ông ta lại khuyến khích

Việt Nam xông trận. Mao sẵn sàng hy sinh đến người Việt Nam cuối cùng trong cuộc đấu tranh chống 'con hổ giấy' là điều Hồ Chí Minh hiểu hơn ai hết."[2]

Về Lê Duẩn, Vũ Thư Hiên viết, "Không có chiến tranh, Lê Duẩn không còn là Lê Duẩn. Lê Duẩn chẳng ngần ngại chê bai Hồ Chí Minh không dám chủ trương dùng bạo lực giải phóng miền Nam." Bác còn do dự, chớ khi rời miền Nam tui đã chuẩn bị hết cả rồi. Với tui chỉ có uýnh thôi, uýnh cho tới thắng lợi cuối cùng."[3]

Trong *Vietnam, la face cachée du régime*, Bùi Tín kể lại chính mình đã ghi âm trước nhiều nhân chứng khác, những lời Lê Duẩn tự khoe và chê Hồ Chí Minh không dám chủ trương chiến tranh, chỉ nuôi ảo vọng thực hiện thống nhất bằng đường lối hòa bình. Bùi Tín viết:

"Một hôm ông ta (Lê Duẩn) khoe trước những người được chính thức cử viết tiểu sử của ông ta - trong đó có tôi - rằng: Sau hiệp định Genève, bác Hồ vẫn tiếp tục tin là tổng tuyển cử sẽ có thể xảy ra được trên toàn quốc. Đó chỉ là ảo tưởng. Tôi nhìn sự việc đúng hơn Bác. Tôi tiên liệu ngay việc phải dùng tới bạo lực cách mạng. Tôi bảo các đồng chí miền Nam hãy chôn vũ khí. Chính tôi đã bảo họ để lại lực lượng tại miền Nam chứ đừng tập kết hết ra Bắc."[4]

Bùi Tín tỏ ra không tin những lời khoe được đưa ra quá muộn - năm 1983 - nhưng vẫn nhắc lại có lẽ chỉ nhằm cho thấy Hồ Chí Minh ít hiếu sát hơn các thủ hạ và việc xử dụng võ lực là ngoài ý muốn.

Cả Vũ Thư Hiên lẫn Bùi Tín đều nhắc đến uy thế và lập trường chủ chiến của Lê Duẩn, nhưng không xác nhận

tình huống Hồ Chí Minh bị nhóm Lê Duẩn khống chế như Nguyễn Văn Trấn, một trong số cán bộ Cộng Sản cao cấp nhất của miền Nam. Sau năm 1975, khi thất vọng về lý tưởng Cộng Sản, Nguyễn Văn Trấn đã ghi lại trong *Viết Gửi Mẹ và Quốc Hội* về thái độ của Hồ Chí Minh ngả theo đường lối "sống chung hòa bình" của Khrutshchev, nhưng thuộc nhóm thiểu số nên bị nhóm Lê Duẩn - Lê Đức Thọ khống chế.

Nguyễn Văn Trấn trích dẫn lời Bùi Công Trừng tả cảnh Hồ Chí Minh chủ trì Hội Nghị Trung Ương kỳ 9 ngày 11/12/1963 - chỉ hơn một tháng sau khi chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam bị lật đổ tại Sài Gòn.

Bùi Công Trừng nói với tác giả nguyên văn như sau:

"*Mày coi, coi nó tội nghiệp không. Đồng chí Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu của chúng ta bận đồ lụa gụ, chủ trì hội nghị mà mặt day ra sân. Có lỗ tai tự nhiên nó phải hứng những lời công kích mạt sát Liên Xô. Khi chướng tai quá, quay vô, đưa tay để nói, thì thằng Thọ lễ phép Bắc Hà, 'Bác hãy để cho anh em người ta nói đã mà.' Tao đếm lão Hồ đưa tay mấy lần, lần nào thằng Thọ cũng kịp ngăn. Cuối cùng ông cũng cho hội nghị nghe, ông nói ca dao bằng tiếng khóc, 'Khi thương trái ấu cũng tròn. Khi ghét bồ hòn cũng méo.'* Và ông nói xụi lơ, *'Thấy lợi người ta cho tên lửa vô; thấy bất lợi người ta rút ra mà!'*"[5]

Đó là quang cảnh hội nghị kỳ 9 Trung Ương Đảng đưa ra nghị quyết số 9, nghị quyết tối quan trọng mở màn cho cuộc tấn công miền Nam, sau khi tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm rồi tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy bị giết trong tháng trước. Hai vị tổng thống trên

đều chủ trương rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam, dù lúc ấy cũng chỉ mới có 16 ngàn lính Mỹ được tăng cường từ cuối 1962.

Tóm lại, nhiều người kể cả một số người Cộng Sản Việt Nam đã rời bỏ hàng ngũ đều nghĩ rằng sự bùng nổ cuộc chiến Việt Nam sau 1954 cũng như cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 hoàn toàn ngoài ý muốn của Hồ Chí Minh.

Hồ Chủ tịch và thư ký riêng Vũ Đình Huỳnh tại Paris năm 1946 chuẩn bị cho Hội nghị Fontainebleau.
Ảnh tư liệu của Sơn Tùng

Ba lý do được viện dẫn cho nhận định này là Hồ Chí Minh vốn do bản tính hiếu hòa nhân ái không ưa chuyện giết chóc, tuổi già bệnh hoạn khiến không thể bao quát mọi công việc và bị một nhóm thủ hạ thân Trung Cộng, cụ thể là nhóm Lê Duẩn vốn theo đuổi chủ trương gây chiến khống chế.

Về bản tính hiếu hòa, luận cứ được viện dẫn hầu hết thuộc ý nghĩ chủ quan dựa trên một số giai thoại trong đó gồm cả những giai thoại do chính Hồ Chí Minh dựng nên.

Giả dụ hết thảy những giai thoại này đều xác thực vẫn chưa đủ minh chứng bản tính của một con người luôn đặt vấn đề tuyên truyền lên hàng đầu và từng nhắc một người thân rằng *"Làm chính trị phải biết cười khi cần cười, biết khóc khi cần khóc."* Đó là lời Hồ Chí Minh nhắc Vũ Đình Huỳnh mùa thu năm 1946 ở Paris khi Vũ Đình Huỳnh thắc mắc tại sao ông ta có thể khóc dễ dàng như vậy tại nghĩa trang Père Lachaise.

Với một người dễ dàng cười khóc theo nhu cầu đối phó với từng hoàn cảnh thì việc ôm hôn trẻ con, việc cởi áo tặng một thuộc hạ thiếu áo, việc băn khoăn bứt rứt sau khi hạ lệnh mở một chiến dịch, việc xuất hiện nhẹ nhàng, nói năng giản dị với các nhà báo ngoại quốc... đều có thể chứa hậu ý tuyên truyền một điều gì đó.

Sẽ không khó hiểu nếu bảo những cử chỉ hay lời nói rất tự nhiên trước mắt mọi người thực ra đã được xếp đặt để chinh phục tình cảm hay '*đắc nhân tâm*' vốn là mục tiêu mà chính khách chuyên nghiệp nào cũng luôn chú trọng.

Vấn đề chỉ là không phải bất kỳ ai cũng đạt nổi mức tự nhiên để che giấu tính giả tạo của những cử chỉ hay lời nói

đó. Hồ Chí Minh đã được rèn luyện kỹ về nghệ thuật tuyên truyền, về kỹ thuật điệp báo và có thể nhờ sự khôn khéo thiên bẩm nên dễ dàng thành công hơn nhiều người khác trong sự giả tạo một cách rất tự nhiên.

Vả lại, bên cạnh những giai thoại trên vẫn hiện diện không ít giai thoại phản ảnh một bản tính ngược lại. Trong hồi ký của Võ Nguyên Giáp và trong các tài liệu lịch sử chính thức của Cộng Sản Việt Nam đều ghi một lời nói của Hồ Chí Minh năm 1945 trong cơn mê sảng dặn Võ Nguyên Giáp, *"Dù cho phải đốt cả dãy Trường Sơn thì cũng quyết dành cho được nền độc lập."*

18 năm sau, 1963, Hồ Chí Minh cũng nói một câu tương tự với Chu Ân Lai: *"Đừng nói phải đánh 5 năm, 10 năm, dù có 20 năm, 30 năm, thậm chí 50 năm cũng phải đánh."*

Tròn ba tháng sau khi gặp Chu Ân Lai để phát biểu như trên, Hồ Chí Minh đã lên tiếng trong phiên họp Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng chỉ thị về một phương cách tiến hành cuộc chiến tại miền Nam, *"Ta vừa tiêu diệt, vừa tuyên truyền."* Những lời lẽ này không chỉ bác bỏ bản tính hiếu hòa của người nói mà còn cho thấy rõ mưu toan vận dụng tuyên truyền để che giấu mức độ hiếu chiến.

Thêm nữa, ngay khi nói về bản tính hiếu hòa của Hồ Chí Minh, thậm chí còn nghĩ Hồ Chí Minh tin Chúa Jesus, chính Sainteny lại cho biết không hề ảo tưởng thuyết phục được Hồ Chí Minh nhượng bộ trong cuộc thương thuyết giữa hai người và giải thích về con người Hồ Chí Minh như sau, "*Khi những mưu tính của ông ta hay đồng chí của ông ta, hoặc chính bản thân ông ta bị đe dọa, ông ta sẽ không do dự dùng những cách tàn bạo. Về phương diện này, ông ta hoàn*

toàn thuộc về cái thứ châu Á quá nhiều mâu thuẫn, ở đó người ta áp dụng các hình thức tra tấn cực hình tinh vi nhất tiếp theo những nghi thức xã giao rất ư ngọt ngào."

Sainteny đã tự xô đổ hình ảnh thần tượng của mình.

Bởi, cái *tính Á Châu quá nhiều mâu thuẫn* được viện dẫn không thể biến một kẻ không do dự dùng những phương cách tàn bạo thành một kẻ hiếu hòa, nhất là kẻ đó lại đủ thủ đoạn để vẫn nói *cười ngọt ngào giữa lúc thi thố những cực hình man rợ*. Ngôn ngữ Á Châu hay ngôn ngữ Việt Nam đã có những từ để chỉ loại người đó là tàn ác nham hiểm. Người hiếu hòa nhân ái và kẻ tàn ác nham hiểm luôn luôn là hai đối cực ngay tại Á Châu chứ không bao giờ là hai mặt của một con người Á Châu quá nhiều mâu thuẫn.

Duiker trong khi bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với Hồ Chí Minh cũng cho biết Hồ Chí Minh hết sức trung thành với quan điểm về người đấu tranh cách mạng theo diễn tả của Sergey Nechayev như sau, "*Anh ta phải tàn nhẫn, nham hiểm như Machiavel, trong khi cổ võ cho mục đích cách mạng. Anh ta phải tỏ ra tuyệt đối phục tùng đảng của anh ta. và sẵn sàng từ bỏ mọi liên hệ bạn bè và gia đình. Cũng phải sẵn sàng hy sinh những tiêu chuẩn đạo lý đã được nhìn nhận một cách phổ quát, để có thể nói dối, ăn gian vì lợi ích cách mạng...*"

Kẻ đã chấp nhận *từ bỏ mọi liên hệ bạn bè, gia đình để sẵn sàng ăn gian nói dối, sẵn sàng hành động tàn nhẫn nham hiểm* không thể là kẻ hiếu hòa nhân ái.

Hai bản hiến pháp 1946, 1959 ban hành khi Hồ Chí Minh còn sống không có những điều khoản minh thị nền chuyên chính vô sản như hai bản hiến pháp 1976, 1992 không phải vì Hồ Chí Minh có tinh thần dân chủ hơn mà

chỉ vì theo sách lược giai đoạn khi chưa đoạt được quyền lãnh đạo trên cả nước thì chưa thể lộ bản chất độc tài.

Trên thực tế, nội dung hai bản Hiến Pháp đó có thể mang thêm nhiều điều khoản tốt đẹp hơn nữa cũng không có ý nghĩa gì. Bởi, ngay trong thời gian Hồ Chí Minh còn sống, các bản Hiến Pháp vẫn không hề có hiệu lực thực tế mà chỉ là món đồ trang trí không hơn không kém. Hiến Pháp quy định mọi thứ quyền công dân nhưng đủ loại công dân đã bị lôi ra đấu tố, tàn sát trong Cải Cách Ruộng Đất mà chính Hồ Chí Minh diễn tả là cuộc *đấu tranh long trời lở đất*. Hiến Pháp xác nhận quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí nhưng hàng loạt văn nghệ sĩ bị xiềng xích trong các nhà giam với vụ Nhân Văn Giai Phẩm và hàng loạt đồng chí của Hồ Chí Minh chỉ do phát biểu về những sai lầm của giới lãnh đạo đã bị tù đày, bị hành hạ tới chết như Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, Bùi Công Trừng, Phạm Viết, Phạm Kỳ Vân, Ung Văn Khiêm, Lê Liêm, Nguyễn Văn Vịnh... thậm chí bị hạ sát tức khắc như Dương Bạch Mai để không thể mở miệng nói ra ý nghĩ của mình.

Những sự việc trước đó như tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản, thành lập chính phủ liên hiệp, hô hào đoàn kết dân tộc, ký kết hiệp định Sơ Bộ 06/03/1946... cũng không khác những bản Hiến Pháp chỉ có tính trang trí.

Bởi mặt trái của những sự việc đã nói quá rõ về các mưu tính, các thủ đoạn thấm đẫm xương máu của không biết bao nhiêu nạn nhân.

Hết thảy những sự việc trên đều diễn ra ngay trước mắt Hồ Chí Minh, thậm chí do chính bàn tay sắp đặt của Hồ Chí Minh vào giữa thời điểm mà mỗi lời nói của ông đều

là một lời 'Thánh huấn'. Dù muốn dù không, những tiếng nói thực tế này sẽ tiếp tục cất lên bất chấp một số cá nhân cố sức diễn tả Hồ Chí Minh là người hiếu hòa nhân ái.

Bùi Tín cũng là một người cho rằng Hồ Chí Minh không có tính hiếu sát nhưng lại diễn tả về cách hành sử của Hồ Chí Minh đối với những người Cộng Sản Việt Nam thuộc Đệ Tứ Quốc Tế như sau, "*Cuối năm 1939, Nguyễn Ái Quốc trong báo cáo gửi Quốc Tế Cộng Sản chỉ rõ,* 'Đối với bọn trốt-kýt không thể có một thỏa hiệp hay nhân nhượng nào cả. Phải lột mặt nạ chúng như là tay sai của phát-xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị.' *Sau đó, từ Trung Quốc, ông gửi thư về nước, chỉ rõ, 'Bọn trốt-kýt là một lũ bất lương, những con chó săn của chủ nghĩa phát-xít Nhật và chủ nghĩa phát-xít quốc tế... Vu khống chụp mũ những người trốt-kýt Việt Nam, ám sát, thủ tiêu những người lãnh đạo trốt-kýt như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch là những bạn chiến đấu một thời của những người Cộng Sản, những người lãnh đạo Đông Dương đã thực hiện chủ nghĩa Staline, đã phạm một tội ác trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của dân tộc*'."[6] Bộ áo không làm thành nhà tu nhưng trong rất nhiều trường hợp, bộ áo vẫn có thể gây ra sự ngộ nhận một kẻ sát nhân là nhà tu. Riêng trong câu chuyện về con người Hồ Chí Minh, bộ áo hiếu hòa nhân ái mà một số người đưa ra để che đậy bản tính tàn ác nham hiểm đã không che nổi hai bàn tay thọc quá sâu vào những thảm trạng đẫm máu kéo dài suốt một thời kỳ lịch sử hơn 30 năm kể từ 1930.

Tuổi già và bệnh hoạn cũng là lý do được viện dẫn để đẩy Hồ Chí Minh xa khỏi những quyết định về trận đánh Tết Mậu Thân 1968.

Cho tới nay, trận đánh này vẫn được ca ngợi là một trận đại thắng của Cộng Sản Việt Nam với tầm mức quyết định toàn bộ kết quả cuộc chiến vào tháng 4/1975.

Tuy nhiên, những người ca ngợi ở khắp nơi, kể cả giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam, đều có vẻ chưa thoát khỏi một mặc cảm gì đó khi nhắc đến trận đánh. Sự vướng mắc có thể khởi phát từ thực tế hiển nhiên là mức tổn thất quá nặng cùng một số phản ứng bất lợi trong dư luận quốc tế đối với đảng Cộng Sản Việt Nam do vụ thảm sát dân chúng tại Huế[7].

Về hai sự việc này, Bùi Tín ghi lại, "Đầu năm 1988, nhân dịp kỷ niệm 20 năm Tết Mậu Thân, Bộ Quốc Phòng có tổ chức một cuộc họp có ý nghĩa tổng kết về cuộc tiến công Mậu Thân 1968. Có đại diện Bộ Ngoại Giao đến dự và phát biểu về tác động của thắng lợi ấy về mặt đấu tranh ngoại giao. Theo những con số được đưa ra thì quả thật, hy sinh thật là lớn. Hy sinh trong đợt đầu (tháng Giêng 1968) không nhiều, nhưng đến đợt 2 (tháng 5/1968) thì nhiều hơn và đợt 3 (tháng 9/1968) lại nhiều hơn nữa. Thiệt hại còn kéo dài sang năm 1969 và đầu năm 1970 với những chiến dịch bình định, bình định cấp tốc rất ác liệt. Qua Mậu Thân, các lực lượng cơ sở, du kích, bộ đội địa phương xây dựng hàng chục năm bị lộ gần hết, bị đánh quét bật ra khỏi các địa bàn quan trọng. Từ giữa năm 1970 tình hình mới khôi phục dần. Ai cũng thấy từ giữa 1968 đến đầu 1970 là thời kỳ chuyển vào thoái trào, phải bị động bảo toàn lực lượng để rồi khôi phục dần cơ sở, sức lực bị tổn thất là lớn nhất so với các thời kỳ khác của cuộc chiến tranh...

Trong cuộc tiến công Mậu Thân 1968, cuộc tàn sát ở

Huế được dư luận thế giới hết sức chú ý... Hồi ấy, trong không khí căng thẳng đột nhập thành phố, thấy dân không nổi dậy, lại còn bỏ chạy, rất ít người đón chào, phối hợp giúp đỡ bộ đội, nên bộ đội nhập thành phố liền có thành kiến với dân Huế. Họ bảo nhau: Đúng là dân 'ngụy' rất nặng căn... Danh từ 'ác ôn' hồi ấy dùng cũng tràn lan tùy tiện ... Cho nên những vụ tàn sát tập thể có thể đã xảy ra ở các tiểu đoàn đang hành quân rút lui... Các vụ tàn sát này về sau đã được giải quyết ra sao? Có ai bị kỷ luật không? Theo tôi được biết, do dư luận miền Nam, dư luận quốc tế xôn xao, xúc động mạnh nên Tổng Cục Chính Trị, cơ quan thanh tra quân đội có chú ý vụ này. Việc có 5 bác sĩ Cộng Hòa Liên Bang Đức bị giết cũng làm cho vụ này vang động hơn. Tướng Trần Văn Quang có bị phê bình. Chính Ủy Lê Chưởng của mặt trận Trị Thiên về sau chuyển ngành ra Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục. Ông chết trong một tai nạn ô tô ở Nghệ An. Đại tá Lê Minh chỉ huy cánh quân ở tả ngạn sông Hương cũng bị phê bình, ông chết bệnh sau đó.

Cách giải quyết những sự việc lớn của chế độ hiện hành luôn che giấu, ém nhẹm, xử lý nội bộ, úp úp mở mở... Việc giáo dục căm thù cần thiết trong chiến tranh đã đẩy tới mức cực đoan quy định tràn lan là 'ác ôn', kẻ thù tối nguy hiểm, không được để bỏ trốn ... đã tạo nên những vụ tàn sát khốc liệt. Lẽ ra trong vụ này, công lý đã phải lên tiếng một cách công khai rõ ràng vì liên quan đến mạng sống của hàng ngàn con người... Lẽ ra tất cả hệ thống chỉ huy Trị Thiên đều phải bị điều tra và xử lý về vụ này để qui rõ trách nhiệm từng người, để kết luận một cách công minh, để giảm bớt phần nào nỗi đau của những người trong cuộc

và gia đình người thân của họ. Điều tệ hại là những người lãnh đạo đảng Cộng Sản có khuynh hướng coi những sai lầm "tả" khuynh là nhẹ. Như bắt người trong Cải Cách Ruộng Đất, thái độ hung hãn với các tôn giáo, qui định quá mức trong Cải Tạo Tư Sản... đều xử trí qua loa. Họ lập luận rất kỳ quặc là hữu khuynh mới thật tai hại! Hữu khuynh là thiếu tinh thần cách mạng, còn tả khuynh là thừa tinh thần cách mạng. Cho nên, ông Đồng Sỹ Nguyên hồi 1947-1948 ở Quảng Bình phạm tội đốt phá bắn giết một số làng Công Giáo, bị kết án cho yên lòng dân, sau đổi tên (tên thật hồi ấy là Nguyễn Sỹ Đồng) ra Hà Nội làm Cục Trưởng Dân Quân, rồi cứ lên mãi đến Ủy Viên Bộ Chính Trị, Phó Thủ Tướng[8]...

Qua ghi nhận của Bùi Tín, trận đánh Tết Mậu Thân 1968 dù được coi là một cuộc tấn công đặc sắc, táo bạo cùng một lúc đánh vào 44 thị trấn và hơn 100 cứ điểm miền Nam gây một tiếng vang lớn trên thế giới nhưng rõ ràng đã gợi nhắc nhiều nỗi nhức nhối với những người Cộng Sản.

Trước hết, trận đánh đã đẩy lui Cộng Sản vào tình trạng thoái trào kéo dài tới giữa năm 1970 do tổn thất nặng nề về nhân sự. Ngoài một số đại đơn vị gần như bị xóa sổ, hầu hết lực lượng cơ sở gồm cán bộ cài đặt từ 1954 và du kích, bộ đội địa phương tốn công tổ chức hàng chục năm cũng bị quét khỏi địa bàn hoạt động.

Tổn thất này khiến hầu hết người dân miền Bắc đều mất mát người thân và là một lý do gây bất ổn trong tâm lý quần chúng. Dù chính sách trấn áp vẫn giữ vững quyền lực cho Đảng Cộng Sản, nhưng không thể phủ nhận mức

sút giảm uy tín của giới lãnh đạo trước con mắt oán trách đã có từ mọi thành phần, kể cả trong hàng ngũ quân đội.

Lực lượng bị tổn hại quá lớn, dân chúng đau đớn vì mất mát người thân, tinh thần binh sĩ xuống thấp vì lâm thế bị động trốn tránh là những hậu quả cụ thể nhất của trận đánh Tết Mậu Thân 1968, trong khi kích đẩy tinh thần chống Cộng của nhiều người dân Miền Nam cho tới lúc đó thường vẫn thờ ơ với mọi vấn đề chính trị.

Nói cách khác, đây là một trận thảm bại của Cộng Sản Việt Nam nếu nhìn thuần túy về mặt quân sự và chính trị, vì ngoài những hậu quả trên, trận đánh không đem lại điều gì tốt đẹp.

Ngay trên mặt trận ngoại giao và tuyên truyền luôn được coi là quan trọng hàng đầu với Cộng Sản cũng xuất hiện những trở ngại hiển nhiên là dư luận bất lợi về chiêu bài chính nghĩa mà cả khối Cộng Sản Quốc Tế đang vận động những phong trào phản chiến tô vẽ cho chế độ Hà Nội.

Cuộc tàn sát tại Huế - Quảng Ngãi và sự vi phạm lệnh hưu chiến nhân dịp Tết để tạo yếu tố bất ngờ cho trận đánh đã đặt nỗ lực ngoại giao và tuyên truyền vào cảnh chống đỡ nhiều hơn tấn công. Chủ trương hận thù giai cấp và tận diệt mọi thành phần đối nghịch mà người Cộng Sản vẫn che đậy bằng bộ mặt yêu nước thương dân lâm thế bị đe dọa bóc trần do hành động được gọi là tả khuynh vốn là kết quả trồng người của Đảng.

Bùi Tín cho rằng các cán binh *tả khuynh tàn sát những người rơi vào tay họ chỉ bởi đã ngộ nhận* về thái độ thờ ơ và trốn chạy của người dân Huế khi Cộng Sản xâm nhập với

danh nghĩa giải phóng. Bùi Tín muốn giảm nhẹ tội ác bằng cách đẩy cho những phần tử quá khích không phân biệt nổi bạn và thù do thái độ của người dân Huế lúc đó.

Trong lời biện giải đã hiện lên cùng một lúc hai sự thực, *dân chúng xa lánh Cộng Sản và Cộng Sản Việt Nam chỉ theo đuổi việc giành độc quyền thống trị.*

Vì thế, họ đã giáo dục về bạn, thù theo cách biến bất kỳ ai không chịu vỗ tay tán thưởng suy tôn họ đều trở thành ngụy, ác ôn trong mắt cán binh của họ. Những cán binh này cũng được giáo dục kỹ lưỡng về cách đối phó với kẻ thù là tận diệt thay vì để cho trốn thoát.

Lời biện giải có thể giúp giảm nhẹ tội lỗi cho những kẻ trực tiếp nhúng tay vào máu nhưng lại gia tăng tội lỗi của giới lãnh đạo vì chính là lời xác nhận hướng nhắm của Cộng Sản luôn ngược với mọi nguyện vọng của dân tộc. Như thế, nhắc tới trận đánh Tết Mậu Thân 1968 theo cách nào cũng khó tránh chạm tới mối đe dọa bóc trần bộ mặt thực của giới lãnh đạo Cộng Sản, đặt họ vào vị thế của những tội phạm đối với dân tộc và nhân loại. Vì qua trận đánh đó, họ chỉ nhắm giành quyền lực tối cao cho tập thể Đảng và sẵn sàng giết người dù đó là những đồng bào vô tội.

Kể từ khi thành lập tổ chức đầu tiên năm 1925 tại Hoa Nam cho tới năm 1973, nhiều nhân vật Cộng Sản Việt Nam trong số có cả Hồ Chí Minh gần như luôn tuyên bố với báo chí quốc tế rằng họ không phải Cộng Sản.

Sự chối cãi này chính là lời xác nhận giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam ý thức rõ rệt hơn bất kỳ ai hết về mục tiêu họ theo đuổi hoàn toàn ngược với nguyện vọng dân tộc. Cho nên, phủ nhận là việc cần thiết để khai thác sức mạnh

dân tộc đồng thời giữ vững chiêu bài yêu nước thương dân trước dư luận thế giới. Không nắm vững được hai yếu tố này, Cộng Sản không những khó hy vọng đạt nổi mục tiêu giành quyền lực cho riêng mình mà còn có thể tiêu tan.

Hơn nữa, dù được mô tả là một trận đại thắng, nhưng chính họ lại hiểu hơn ai hết trận đánh Mậu Thân là một thảm bại của họ. Năm 1993, năm năm sau kỳ tổng kết mà Bùi Tín thuật lại, tạp chí *Nghiên Cứu Lịch Sử* xuất bản tại Hà Nội đã viết về trận đánh Mậu Thân như sau, "Sau tết Mậu Thân, vùng làm chủ của ta bị thu hẹp, cơ sở bị tổn thất, lực lượng vũ trang bị tiêu hao, phải rút dần lên miền núi. Thế trận chiến tranh nhân dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các sư đoàn, 5, 7, 9 chủ lực của miền Nam mất bàn đạp, mất chỗ đứng chân phải lên vùng biên giới Cao Miên. Khu 8 có 2 trung đoàn, còn 1. Khu 9 có 3 trung đoàn còn 1 trung đoàn và một tiểu đoàn. Du kích đặc khu Sài Gòn chỉ còn 1 phần 3..."[9]

Cho nên, một số thân tín muốn đẩy trận đánh xa khỏi tầm trách nhiệm của Hồ Chí Minh đồng thời những người ngưỡng mộ Hồ Chí Minh cũng muốn làm việc đó để tránh cảnh thần tượng bị nhuộm máu.

Douglas Pike là người luôn coi mọi thủ đoạn tàn ác và xảo trá của Hồ Chí Minh đều là hành vi biểu hiện thiên tài tổ chức đấu tranh vẫn phải ghi nhận cuộc đấu tranh mà Hồ Chí Minh theo đuổi qua hình ảnh sau, "Khi thực dân bị đánh bại và người Pháp bị đuổi rồi, cái chính nghĩa chống thực dân bị biến đổi từ quyền tự quyết của nhân dân biến thành quyền độc tôn của đảng. Danh nghĩa không thay đổi; người ta chỉ đổi lại định nghĩa của sự chống thực dân.

Cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục, nay là để chống lại nhân dân Việt Nam, một cuộc chiến dành quyền lực, vì quyền lực... Cái chủ nghĩa chống thực dân cao cả đã trở thành một giai đoạn lịch sử chuyên chế, ham hố quyền lực."

Douglas Pike viết tiếp, *"Rất có thể, ông Hồ đã không muốn nó trở thành như vậy."*

Câu bào chữa này cũng mơ hồ như lời phát biểu Hồ Chí Minh bệnh hoạn không thể tham gia công việc hoặc như Lữ Phương, một người chạy theo Cộng Sản vào dịp Tết Mậu Thân 1968, được ban chức Thứ Trưởng Văn Hóa của chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam thuở đó, nhưng sau 1975 bị mất chức, tham gia nhóm phản tỉnh, biện bạch rằng Hồ Chí Minh chỉ góp cho cuộc tổng nổi dậy Mậu Thân 1968 một bài thơ.

Những người như Douglas Pike, Lacouture, Jean Sainteny, Bernard Fall...hay Lữ Phương, Vũ Thư Hiên, thậm chí Bùi Tín đều chỉ nêu cảm nghĩ chủ quan chứ không có điều kiện gắn bó kề cận với Hồ Chí Minh như Vũ Kỳ trong thời gian chuẩn bị trận đánh Tết Mậu Thân 1968.

Vũ Kỳ là bí thư riêng của Hồ Chí Minh trong thời điểm đó đã viết một bài đăng trên ba tờ báo *Văn Nghệ, Tiền Phong và Nghệ An* với tựa đề *"Bác Hồ vui Tết Mậu Thân năm ấy"*.

Theo Vũ Kỳ, ngày 21/12/1967 Bộ Chính Trị điện sang Bắc Kinh mời *"bác về dự hội nghị Bộ Chính Trị ngày 28/12/1967"* quyết định ra lệnh tổng tấn công miền Nam.

Trận đánh được dự trù khai diễn vào giữa giờ hưu chiến Đêm Giao Thừa miền Nam trong dịp Tết để giành yếu tố bất ngờ. Như thường lệ, nhân dịp Tết Mậu Thân, cả hai phía đều ra lệnh ngưng bắn vào ngày cuối năm cũ và ngày

đầu năm mới tức Ba Mươi Tết và Mùng Một Tết trùng với ngày 28 và 29/1/1968.

Chuẩn bị thực hiện kế hoạch tấn công bất ngờ trên, tháng 8-1967, Cộng Sản Việt Nam sửa đổi âm lịch, đẩy nhanh lên 24 giờ để tối Mùng Một Tết tại miền Bắc là Đêm Giao Thừa tại miền Nam, tức giữa lúc lệnh ngưng bắn dứt với quân đội miền Bắc nhưng đang còn hiệu lực với quân đội miền Nam.

Cùng với việc sửa lịch, chính quyền Hà Nội đưa ra một loạt hoạt động có vẻ xuống thang chiến tranh. Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố sẵn sàng mở các cuộc hòa đàm với Mỹ rồi thủ tướng Phạm Văn Đồng nhờ Roumanie đóng vai trung gian cho các cuộc thương thuyết. Trước đó, Hồ Chí Minh hai lần bắn tiếng qua các phái đoàn hòa bình, phản chiến Mỹ tới thăm Hà Nội ngỏ ý muốn nói chuyện với Mỹ để chấm dứt chiến tranh. Ngày 17/1/1967, Hồ Chí Minh tuyên bố, "*Tổng Thống Johnson đã nói rằng ông ta sẽ gặp bất cứ ai, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào để nói chuyện hòa bình. Tôi xin mời ông Johnson đến Hà Nội như là khách của chúng tôi... Tôi xin bảo đảm rằng Tổng Thống sẽ an toàn tuyệt đối.*"**10**

Việc đánh lạc hướng còn bao gồm cả sự điều động 3 sư đoàn tinh nhuệ 304, 320, 325C và một trung đoàn của sư đoàn 324 về quanh căn cứ Khe Sanh như có vẻ chuẩn bị đánh lớn ở đây để lôi kéo sự chú ý về vùng phi quân sự phía Bắc của Việt Nam Cộng Hòa trong khi bí mật chuyển lực lượng và võ khí xâm nhập các thị trấn phía Nam.

Song song với các nỗ lực đánh lạc hướng đối phương, bắt đầu từ tháng 7/1967, Hà Nội còn thực hiện một cuộc

thanh trừng nội bộ, bắt giam nhiều đảng viên cao cấp bị coi là có ý chống lại chủ trương tổng công kích trong số có Hoàng Minh Chính, Lê Liêm, Vũ Đình Huỳnh, Ung Văn Khiêm, Bùi Công Trừng ...

Hồ Chí Minh về đến Hà Nội sau một chuyến bay có vẻ nguy hiểm khiến Sơn Tùng, trong buổi nói chuyện tại trường Cán Bộ Quản Lý Giáo Dục tại Hà Nội ngày 11/04/2001, đã đưa ra với ngụ ý như ngầm nhắc từng có âm mưu ám toán Hồ Chí Minh. Sơn Tùng cũng là một người trong số người chủ trương Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm về các tai họa đã xảy ra từ sau 1954. Nhưng ngoài những trục trặc kỹ thuật khiến chuyến bay có vẻ nguy hiểm, Vũ Kỳ đã cho biết về hoạt động của Hồ Chí Minh những ngày sau đó:

"... Trên các chiến trường, công tác chuẩn bị vẫn được khẩn trương tiến hành. Một số lượng khá lớn chất nổ, vũ khí bí mật đã được chuyển vào các đô thị, thành phố miền Nam.

Sáng 25/12/67, thứ hai, 7 giờ 15 phút, Bác sang hội trường Ba Đình, chủ tọa cuộc gặp mặt chúc mừng năm mới của đoàn Ngoại Giao ở Hànội. Bác rất vui, chúc năm mới đoàn Ngoại Giao, tiếng bác sang sảng như trẻ ra.

Ngày 28/12/67, Bộ Chính Trị họp phiên đặc biệt ngay bên nhà bác Hồ, có bản đồ to kê trên bục trong phòng họp và nhiều tướng lãnh đến báo cáo...

Chiều 29/12/67, bác Hồ mời bác Tôn đến cùng ăn cơm. Ngắm hai cụ già thân thiết đi bên nhau, thanh thản, ung dung, nói cười vui vẻ, ta cảm thấy cuộc đời đẹp biết bao, tưởng như đất nước thanh bình.

Ngày 30/12/67... buổi sáng họp tiếp bộ chính trị. Buổi chiều họp hội đồng chính phủ...

Ngày 31/12/67, 7 giờ sáng bác Hồ ung dung ra phủ chủ tịch thu thanh lời chúc mừng năm Mậu Thân, mà bác đã ngẫm nghĩ và trao đổi có lẽ đến ba tháng ròng. Bài thơ *Toàn thắng ắt về ta* như bài hịch đã đi vào lịch sử."

Bài thơ chúc mừng năm Mậu Thân với tựa đề *Toàn thắng ắt về ta* mà Hồ Chí Minh *phải ngẫm nghĩ và trao đổi suốt ba tháng* chỉ gồm 28 chữ, nguyên văn như sau:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua.
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!

Thảm sát Tết Mậu Thân với HCM là *Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua.*

Chắc chắn Hồ Chí Minh giữa kỳ dưỡng bệnh không thể hao tổn tâm lực nhiều như thế để mong có một tuyệt tác văn học. Trên thực tế, bài thơ đó không thể gọi được là thơ. Sự đắn đo suy nghĩ và trao đổi với mọi người bắt buộc phải có chỉ vì bài thơ chính là mật lệnh khởi phát cuộc tổng tấn công trong kế hoạch đã trù liệu. Trận đánh được quyết định từ nhiều tháng trước, ít nhất cũng từ trước khi Hồ Chí Minh sang Bắc Kinh dưỡng bệnh vào mùa thu 1967 là thời gian mà ý định rút khỏi chiến trường Việt Nam của người Mỹ đã trở nên rõ rệt.

Cho nên ngày 21/12/1967 khi nhận điện tín của Bộ Chính Trị, Hồ Chí Minh đã qua 3 tháng nghiền ngẫm về bài thơ được gọi là bài hịch lịch sử đó. Như thế không thể cho rằng Hồ Chí Minh vì bệnh hoạn nên không biết đến công việc. Trên thực tế, Hồ Chí Minh đã tham gia chuẩn bị công việc từ nhiều tháng trước.

Vũ Kỳ thuật tiếp về những ngày sau đó, khi Hồ Chí Minh trở lại Bắc Kinh:

"Thế trận đã dàn xong, ba quân đã sẵn sàng. Lời hịch (tức bài thơ nói trên) đã phát. Bác Hồ ra đi chuyến này yên tâm hơn.

Ngoài liên lạc hàng ngày, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà Nước ta vẫn thay nhau sang Bắc Kinh trực tiếp báo cáo và xin ý kiến Bác. Bốn giờ chiều thứ bảy, 20/1/ 68, đồng chí Lê Đức Thọ sang làm việc với bác đến 6 giờ tối. Sáng ngày 25 tháng 1 năm 1968, đồng chí Võ Nguyên Giáp điện trực tiếp báo cáo với bác từ 8 giờ đến 9 giờ 15 phút. Tối 26/1/68, đã gần đến Tết Mậu Thân, từ 7 giờ đến 8 giờ, hai bác cháu ngồi im lặng trong phòng, vặn nhỏ đài Tiếng nói Việt Nam..."

Vũ Kỳ thuật lại chi tiết buổi tối hồi hộp chờ đợi đó và cho biết khi nghe hết bài thơ chúc Tết 28 chữ, Hồ Chí Minh phấn khởi nói với Vũ Kỳ, "*Giờ này miền Nam đang nổ súng*" Sau đó, sáng Mùng Một khi được báo tin "*đánh khắp miền Nam*", Vũ Kỳ thấy "*ánh mắt Bác rực sáng niềm vui*".[11]

Những dòng hồi ký của Vũ Kỳ nêu rõ Hồ Chí Minh tuy ở Bắc Kinh vẫn nhận báo cáo hàng ngày từ trong nước và sáng suốt điều khiển Bộ Chính Trị tại Hà Nội.

Khi đứng trước những vấn đề hệ trọng, Hồ Chí Minh dù đang dưỡng bệnh, vẫn phải trở về trong một chuyến bay vất vả và nguy hiểm chứng tỏ Bộ Chính Trị rất cần sự quyết định tại chỗ và những mệnh lệnh trực tiếp của ông trước đầy đủ bộ tham mưu cao cấp của đảng.

Trong khi đó, *ánh mắt rực sáng niềm vui* và lời nói đầy phấn khởi giờ này miền Nam đang nổ súng đã diễn tả trọn vẹn tâm tư và ý hướng của Hồ Chí Minh.

Đó không phải là tâm tư và ý hướng của một người chống lại chủ trương dùng võ lực.

Lý do viện dẫn cuối cùng là Hồ Chí Minh đã bị Lê Duẩn lấn áp, khống chế. Lý do này thực sự không còn nền tảng qua những sự việc cho thấy vai trò nổi bật tới những ngày cuối đời của Hồ Chí Minh và niềm vui bộc lộ khi nghe tin đang *đánh khắp miền Nam*.

Dù Lê Duẩn được diễn tả là nắm quyền hành bao trùm miền Bắc thì hơn một tuần trước khi khai diễn trận đánh Tết Mậu Thân vẫn phải cử cánh tay thân tín nhất của mình là Lê Đức Thọ, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương đảng, đích thân bay sang Bắc Kinh gặp Hồ Chí Minh để báo cáo tình hình và nhận thêm chỉ thị từ 4 giờ đến 6 giờ chiều ngày 20/1/68.

Như thế, Hồ Chí Minh chẳng những chủ tọa các phiên họp của Bộ Chính Trị vào ngày 28 và buổi sáng 30 tháng 12 mà sau đó vẫn tiếp tục ra chỉ thị cho Bộ Chính Trị.

Ngoài ra, người chỉ huy cao nhất của lực lượng võ trang Cộng Sản Việt Nam là Võ Nguyên Giáp cũng điện thoại trực tiếp báo cáo cho Hồ Chí Minh hơn một tiếng đồng hồ vào sáng 25/1/1968 tức 3 ngày trước khi nổ súng.

Những sự việc thực tế đó không cho phép đặt Hồ Chí Minh vào vai trò bù nhìn thất thế. Dù tập thể lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam phân bè kết nhóm ra sao thì mọi phe nhóm đều khó dám trái ý Hồ Chí Minh.

Điều mà Hồ Chí Minh nói với tướng Salan năm 1946 vẫn hoàn toàn đúng cho tới những ngày cuối đời của ông - Họ làm được cái gì mà không có tôi. Chính tôi đã tác thành họ mà!

Giả dụ những sự việc đã trở thành sử liệu của Cộng Sản Việt Nam trong *Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh* và những điều do Vũ Kỳ ghi lại đều chỉ là những sự việc có tính trình diễn để khai thác uy thế của Hồ Chí Minh cho đường lối chủ chiến của nhóm Lê Duẩn thì lúc đó vai trò và vị thế của Lê Duẩn đang đạt độ cao nào?

So với đám thủ hạ vây quanh Hồ Chí Minh từ 1925, Lê Duẩn không phải là một khuôn mặt nổi bật.

Lê Duẩn sinh tại Triệu Phong, thuộc tỉnh Quảng Trị liền dưới vĩ tuyến 17, xuất thân từ một gia đình thợ mộc, học thức mới qua bậc tiểu học, làm việc bẻ ghi cho công ty đường sắt.

Lê Duẩn tham gia hoạt động Cộng Sản tại miền Nam đầu thập niên 1930, bị tù 2 lần tại Côn Đảo từ 1931 đến 1936 rồi từ 1940 đến 1945.

Bùi Tín đánh giá Lê Duẩn là cùng loại với những Lê Thanh Nghị, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng... là những người làm công tác đảng chuyên nghiệp không có học vấn mà Nguyễn Khắc Viện mô tả là những người làm thành *nền chuyên chính vô... học*.

Tháng 8/1945, Lê Duẩn bị chính các đồng chí bỏ quên nên mãi mấy tuần sau mới được đưa ra khỏi nhà tù Côn Đảo và chỉ được giao cho một chức vụ nhỏ tại miền Nam. Phải mất ít nhất năm năm cho tới đầu thập niên 1950, Lê Duẩn mới vươn lên trong hàng ngũ lãnh đạo thay tướng Nguyễn Bình lãnh đạo "Cục R", là tổ chức trung ương của chi nhánh Cộng Sản tại miền Nam, sau khi Nguyễn Bình bị loại.[12]

Sau hiệp định Geneva 1954, Lê Duẩn tình nguyện ở lại nằm vùng để duy trì lực lượng, tiếp tục gây rối miền Nam và được coi là có óc tổ chức giỏi.

Đây là những lý do để Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý tới Lê Duẩn và sau Cải Cách Ruộng Đất, Lê Duẩn được chuyển ra hoạt động tại Hà Nội bên cạnh Hồ Chí Minh rồi trở thành Bí Thư Thứ Nhất đảng Lao Động Việt Nam do chính Hồ Chí Minh đề cử nhân Đại Hội kỳ 3 Trung Ương Đảng năm 1960.

Cho đến thời điểm này, Lê Duẩn vẫn chưa thể sánh ngang với nhiều nhân vật hoạt động tại miền Bắc, đặc biệt là so với Võ Nguyên Giáp.

Thế nhưng, Hồ Chí Minh đã chọn Lê Duẩn. Vũ Thư Hiên viết về sự việc này, "Mọi người đều ngạc nhiên trước kết quả của Đại Hội. Trong kháng chiến chống Pháp, Võ Nguyên Giáp là nhân vật lãnh đạo thứ ba, chỉ sau có Hồ Chí

Minh và Trường Chinh. Trường Chinh ra đi, chức Tổng Bí Thư mặc nhiên phải thuộc về Võ Nguyên Giáp, ai chả nghĩ thế... Theo nhận xét của những người thuộc thế hệ đầu tiên thì cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh đều lo ngại ông tướng đã có quá nhiều vinh quang sẽ trở nên không dễ bảo sau cuộc đảo lộn ngôi thứ. Mà cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh đều muốn giữ lại vị trí trước kia của họ về thực chất, cho dù danh nghĩa không còn. Cần phải chọn một người có vị trí và uy tín kém hơn Võ Nguyên Giáp. Do biết ơn người cất nhắc mình, người đó sẽ vừa ngoan ngoãn vừa trung thành, Lê Duẩn thích hợp hơn cả với vai trò đó. Trong điều kiện đất nước chia hai, mà trước mắt là mục tiêu thống nhất đất nước thì đưa một người từng lãnh đạo miền Nam lên làm Tổng Bí Thư cũng là lý do dễ thuyết phục."[13]

Lê Duẩn đã chính thức thay thế Trường Chinh nhưng chỉ có danh hiệu Bí Thư Thứ Nhất chứ không phải Tổng Bí Thư.

Hồ Chí Minh dùng danh hiệu này vừa bắt chước máy móc theo Khrutschev lúc ấy ở Liên Xô và cũng có thể do ý muốn dựng sẵn một hàng rào hạn chế quyền lực của bất kỳ kẻ nào trở thành người lãnh đạo Đảng, ít nhất là trong tương quan với Hồ Chí Minh - theo lập luận phổ biến ở miền Bắc là Bí Thư Thứ Nhất khác với Tổng Bí Thư.

Thời gian Lê Duẩn có mặt bên cạnh Hồ Chí Minh trước khi chính thức trở thành Bí Thư Thứ Nhất là ba năm hẳn đã quá đủ để không thể che đậy xu hướng thực hiện thống nhất bằng bất cứ giá nào, kể cả cuộc chiến đẫm máu. Như vậy, điều này cũng có thể là một trong những lý do chọn

lựa của Hồ Chí Minh, vì không có sự việc nào chứng tỏ Hồ Chí Minh phải miễn cưỡng chọn lựa Lê Duẩn.

Những lời Hồ Chí Minh thốt ra với Võ Nguyên Giáp trong cơn mê sảng khi còn ở Việt Bắc cũng như những lời nói với Chu Ân Lai sau này cho thấy Hồ Chí Minh đã tìm được ở Lê Duẩn sự tán đồng tuyệt đối.

Có thể nghĩ không sợ lầm lẫn rằng sau ba năm kề cận, Hồ Chí Minh đã biết chắc Lê Duẩn thực sự là cánh tay phụ tá đắc lực nên không ngần ngại chính danh vai trò phụ tá cho Lê Duẩn trong hệ thống tổ chức Đảng, đồng thời quyết định luôn cả việc kế thừa quyền lực của mình.

Tương quan giữa Lê Duẩn với Hồ Chí Minh trong khung cảnh thực tế đó có thể đúng như diễn tả của Vũ Thư Hiên là giữa người gia ơn với người chịu ơn ngoan ngoãn và trung thành.

Theo Vũ Thư Hiên, sau đó ma tuý quyền lực đã khiến Lê Duẩn mù quáng kết nhóm với Lê Đức Thọ thanh toán một loạt những người quan hệ với Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp đồng thời cũng là những người có nhiều thời gian kề cận với Hồ Chí Minh hầu củng cố địa vị.

Dẫn chứng cho nhận định này, Vũ Thư Hiên đã kể trường hợp của tướng Lê Liêm, của Dương Bạch Mai và hàng loạt người khác bị nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ tống vào nhà giam.

Cũng tương tự là nhận định của Bùi Công Trừng, Nguyễn Văn Trấn cho rằng Hồ Chí Minh đã bị nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ qua mặt bằng cách nào đó khi hành động như trên.

Nhưng chính Vũ Thư Hiên đã nêu ý kiến của bà mẹ là

người biết rõ Hồ Chí Minh từ nhiều năm trước, "Mẹ tôi không tin. Bà cho rằng để khởi lên một vụ lớn như thế này, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ không thể không hỏi ý kiến ông Hồ, ông không thể không biết. Vụ bắt bớ chỉ được tiến hành một khi có sự đồng ý của Chủ Tịch Nước".

Thực ra, không thể quy kết những người bị thanh trừng là phe cánh của Trường Chinh hay Võ Nguyên Giáp, vì một số đông trong đó là những nhân vật miền Nam và lý do chủ yếu bị thanh trừng, như Vũ Thư Hiên đã nhắc, là xu hướng phản đối dùng võ lực để thống nhất đất nước, cụ thể như trường hợp Dương Bạch Mai.

Hầu như hết thảy đều cho rằng chủ chiến là đường lối riêng của Lê Duẩn vốn nghiêng theo Bắc Kinh còn Hồ Chí Minh muốn thực hiện đường lối *"sống chung hòa bình"* của Krutschev, nhưng Hồ Chí Minh yếu thế hơn nên bị khống chế.

Cho tới nay, ngoài những danh từ trống rỗng thiếu hẳn nền tảng thực tế, không ai nêu cụ thể nổi mức độ mạnh, yếu ra sao trong vị thế của Hồ Chí Minh và Lê Duẩn ở thời khoảng từ 1960 cho tới lúc Hồ Chí Minh chết.

Người ta cũng quên thái độ của Hồ Chí Minh lúc đó trước các áp lực của Liên Xô và Trung Cộng đã được Bùi Tín kể lại,

"... Tuy dựa vào Liên Xô và Trung Quốc, ông vẫn giữ thái độ tự chủ trong lãnh đạo chiến tranh. Không nghe theo lời Mao và Lâm Bưu khuyên là ở miền Nam chỉ nên duy trì chiến tranh du kích, chỉ nên đánh ở cỡ đại đội, nếu đánh cỡ tiểu đoàn, trung đoàn trở lên sẽ bị hỏa lực của Không Quân và Pháo Binh Mỹ diệt hết! Ông cũng

không nghe theo lời Liên Xô khuyên là nên hạ súng, tìm giải pháp hòa bình vì Việt Nam không thể chống nổi Mỹ về mặt quân sự như lời nguyên soái Kulikov tư lệnh khối Varsovie nhận xét rằng: Việt Nam mà cứ một mực đánh Mỹ thì đất nước tan tành hết, rồi đến cái quần đùi cũng không có mà mặc."[14]

Trước khi nêu sự việc trên, Bùi Tín mô tả, "Hồ Chí Minh là người truyền bá mạnh mẽ chủ nghĩa Mác - Lênin, rồi cả chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao ở Việt Nam. Ông làm công việc tuyên truyền, giới thiệu các chủ nghĩa này với tất cả lòng hăng hái, tận tâm, coi đó là cẩm nang, là vũ khí, lý luận và tư tưởng, là chân lý dẫn đến độc lập, giải phóng, hạnh phúc ở Việt Nam, ở Đông Dương và khắp mọi nơi".[15]

Con người Hồ Chí Minh qua mô tả của Bùi Tín không thể dễ dàng bị một thủ hạ chỉ là phụ tá cho mình lấn áp, khống chế, dù kẻ thủ hạ này được sự hỗ trợ của Bắc Kinh.

Vả lại, qua Bùi Tín, chính Liên Xô, Trung Cộng cũng muốn xuống thang chiến tranh hoặc giải quyết vấn đề trong hòa bình nhưng không được Hồ Chí Minh nghe theo thì Lê Duẩn dựa vào đâu để ép buộc nổi Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã thản nhiên gạt bỏ lời cảnh cáo của một nguyên soái Liên Xô rằng cứ một mực đánh Mỹ thì *đất nước tan tành hết, đến cái quần đùi cũng không có mà mặc* vì Hồ Chí Minh là người tận tâm với chủ nghĩa Cộng Sản coi mục tiêu thiết lập chế độ vô sản chuyên chính bằng bạo lực mà Marx, Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông vạch ra là chân lý tuyệt đối phải được tuân hành. Để đạt tới chân lý đó cái giá *đất nước tan tành cũng chấp nhận* được thì rũ bỏ một số thủ hạ nghịch ý mình đâu phải vấn đề khó khăn.

Nhưng vốn được đào tạo qui mô về nghệ thuật tuyên truyền và sẵn có biệt tài ứng phó, Hồ Chí Minh đã đạt tới phương cách hành sử luôn giữ vẹn uy danh ngay trong lúc theo đuổi những chuyện nghịch nhân tâm.

Trong quá khứ, người ta từng kết án Lâm Đức Thụ giao nạp những phần tử yêu nước nhưng chống Cộng Sản cho Pháp, từng kết án Võ Nguyên Giáp lợi dụng lúc Hồ Chí Minh vắng mặt để triệt hạ, tàn sát các đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, từng kết án Trường Chinh tàn nhẫn giết bà Nguyễn Thị Năm và hàng trăm ngàn nạn nhân trong Cải Cách Ruộng Đất... và cho rằng Hồ Chí Minh hoàn toàn vô can hoặc do áp lực buộc phải im lặng.

Trên thực tế, vào những thời điểm đó, Lâm Đức Thụ, Võ Nguyên Giáp, Trường Chính đều là kẻ núp dưới bóng Hồ Chí Minh và những sự việc kia luôn đem lại thành quả mà Hồ Chí Minh mong đợi. Hành vi của Lâm Đức Thụ đã giúp Hồ Chí Minh mặc sức tung hoành tại Hoa Nam để tuyên truyền phát triển chủ nghĩa Cộng Sản. Hành vi của Võ Nguyên Giáp đã giúp Hồ Chí Minh quét sạch những kẻ thù số một - theo mô tả của Võ Nguyên Giáp - đe dọa chia xẻ quyền lực để giữ vững thế độc tôn trên chính trường Việt Nam. Hành vi của Trường Chinh đã giúp Hồ Chí Minh mở xong đoạn đường đầu tiên xây dựng xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc và tăng cao uy tín vì là người đứng ra ngăn chặn lỗi lầm của các cán bộ tả khuynh.

Chính Vũ Thư Hiên đã viết về tương quan giữa Hồ Chí Minh với các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam như sau, "Đối với ông Hồ Chí Minh, họ lúc nào cũng giữ tư cách những học trò khiêm tốn. Bên cạnh ngôi sao sáng Hồ Chí Minh, tổng

bí thư Trường Chinh không có vai trò lớn như nhiều người lầm tưởng. Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không bao giờ dám và cũng không bao giờ được phép tự mình quyết định những chủ trương lớn."[16]

Cũng theo Vũ Thư Hiên, vai vế của Lê Duẩn chưa so nổi với Võ Nguyên Giáp và Lê Duẩn trở thành Bí Thư Thứ Nhất hoàn toàn do cất nhắc của Hồ Chí Minh. Riêng Bùi Tín còn cho thấy Lê Duẩn chưa hề được nể phục qua câu chuyện những kẻ làm thành nền *chuyên chính vô học* của Nguyễn Khắc Viện.

Như vậy, Lê Duẩn có đủ can đảm và đủ quyền lực để tự quyết định các chủ trương lớn đồng thời ép buộc Hồ Chí Minh phải nghe theo không?

Tuy nhiên, Nguyễn Văn Trấn không bịa ra câu chuyện quang cảnh Hội Nghị Trung Ương kỳ 9 qua lời kể của Bùi Công Trừng. Nguyễn Văn Trấn ghi lại câu chuyện khi ở tuổi 80 và ghi trong tinh thần chuyện trò với Mẹ nên chắc chắn là chuyện thực. Cũng thế, Vũ Thư Hiên không bịa ra câu chuyện tướng Lê Liêm được Hồ Chí Minh khuyến khích phát biểu công khai quan điểm chống chủ trương dùng bạo lực của Mao Trạch Đông rồi sau đó bỏ mặc cho nhóm Lê Duẩn xử trí.

Những chuyện này đều có thực.

Nhưng Nguyễn Văn Trấn, Bùi Công Trừng và Vũ Thư Hiên đã nhìn những chuyện thực này theo cái hướng không có thực là Hồ Chí Minh bị phe nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ khống chế. Đây cũng là cái nhìn mà Sainteny từng có khi cho rằng tại hội nghị Đà Lạt, Võ Nguyên Giáp quá cứng dắn khác hẳn thái độ mềm dẻo của Hồ Chí Minh.

Phùng Thế Tài đã ghi rõ trong hội nghị Đà Lạt, Võ Nguyên Giáp chỉ là người chấp hành mọi chỉ thị của Hồ Chí Minh do Phùng Thế Tài trực tiếp chuyển lại.

Sainteny phàn nàn Võ Nguyên Giáp trong khi ca ngợi Hồ Chí Minh chỉ do không nhìn thấy bàn tay Hồ Chí Minh đặt sau lưng Võ Nguyên Giáp.

Nguyễn Văn Trấn, Bùi Công Trừng và Vũ Thư Hiên cũng rơi vào tình thế của Sainteny những ngày trước. Hết thẩy đều đinh ninh Hồ Chí Minh bị Lê Duẩn qua mặt hoặc khống chế vì định kiến tốt đẹp sẵn có đối với Hồ Chí Minh hoặc vì không hình dung nổi phương pháp 'tay xoa tay đấm' quen thuộc của Hồ Chí Minh.

Vì thế, Nguyễn Văn Trấn, Bùi Công Trừng đã tỏ ý tội nghiệp Hồ Chí Minh bị Lê Đức Thọ chặn họng không cho lên tiếng trước hội nghị trong khi Vũ Thư Hiên buộc tội Hồ Chí Minh vì sợ Lê Duẩn mà nuốt lời hứa với tướng Lê Liêm.

Câu chuyện nhỏ được kể bởi nhà báo Việt Thường từng sống nhiều năm trong chế độ miền Bắc cũng có thể giúp một phần đáng kể cho việc tìm hiểu ý nghĩa thực của những chuyện kể trên.

Theo Việt Thường, vài tháng trước Tết Mậu Thân 1968, Hồ Chí Minh có nhiều cán bộ cao cấp kể cả Võ Nguyên Giáp, Tố Hữu tháp tùng... sang sân bay Gia Lâm, thăm đơn vị tên lửa và không quân để động viên.

Câu chuyện do Việt Thường ghi thuộc loại chuyện bên lề không đăng trên tờ báo nào tại Hà Nội lúc đó, nhưng được kể ở hầu hết các tòa soạn báo, đài và cả ở quán cà phê, quán bia hơi ở Hà Nội.

"Khi nghe tin Hồ đến thăm đơn vị, lính ngụy[17] trong binh chủng phòng không, không quân vừa đi học ở Nga Xô về, ào ào chạy ra chẳng có hàng ngũ gì cả. Từ tư lệnh binh chủng cho đến tụi bảo vệ, cho đến Tố Hữu, Văn Tiến Dũng đều vây quanh Hồ để bảo vệ, trong khi Võ Nguyên Giáp cầm loa điện cầm tay gào lên: 'Yêu cầu trật tự', mà lính ngụy cứ lờ đi. Hồ bèn giật lấy loa trên tay Giáp và hô: 'Nghiêm'. Theo 'phản xạ lính', tất cả đứng nghiêm. Hồ lại hô: 'Tất cả xếp hàng, 5 hàng dọc'! Bọn lính vội xếp hàng. Hồ hô tiếp 'Nghiêm'! rồi lại hô 'Nghỉ'; và cuối cùng hô: 'Nghiêm! Đằng sau quay! Đều bước'! Bọn lính ngụy răm rắp làm theo. Bấy giờ Hồ cười cười quay lại bảo Giáp: 'Chú là đại tướng vậy mà không biết điều khiển lính'!"[18]

Thuật lại chuyện này, Việt Thường đã nêu câu hỏi, *"Một tên gián điệp lão luyện, phản ứng rất nhanh như Hồ, ăn nói với phó thủ tướng, bộ trưởng, đại tướng như nói với thằng nhỏ, con sen như vậy, liệu có thể là kẻ để cho Lê Duẩn khống chế không?"*[19]

Trước Tết Mậu Thân vài tháng, Hồ Chí Minh đang phải dưỡng bệnh mà vẫn giữ nguyên phong độ chế ngự thuộc cấp như vậy thì 4 năm trước đó, năm 1963, Hồ Chí Minh có thể khoanh tay chịu nín khe dưới sự khống chế của một kẻ phụ tá vừa được chính mình ban cho ngôi vị không?

Chiếu theo câu chuyện này và uy thế mà Hồ Chí Minh có cho đến trước trận đánh Tết Mậu Thân 1968, chỉ có thể nói trong kỳ hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng 1963, tướng Lê Liêm đã sa bẫy, bị Hồ Chí Minh lợi dụng làm con mồi lôi kéo để làm lộ mặt những kẻ chống chủ trương đánh lớn và việc Hồ Chí Minh khoanh tay im lặng

là tấn tuồng trút mọi trách nhiệm cho Lê Duẩn, Lê Đức Thọ không hơn không kém.

Có thể chính Lê Duẩn, Lê Đức Thọ cũng sa bẫy như Lê Liêm dưới một hình thức nào đó mà không hay nên sau này mới tự hào là đã sáng suốt chủ chiến.

Những người tin rằng Lê Duẩn đặt được Hồ Chí Minh vào cảnh '*ngồi chơi xơi nước*' để phát động chiến tranh chống lại miền Nam và mở cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, có thể không lưu tâm tới một số hoạt động của Hồ Chí Minh từ hội nghị 9 kể trên tới phiên họp Bộ Chính Trị ngày 28/12/1967 đã được ghi rõ trong *Biên niên tiểu sử và Hồ Chí Minh toàn tập*:

- Ngày 10/12/1963: Hồ Chủ Tịch họp Bộ Chính Trị bàn về vấn đề miền Nam sau khi Ngô Đình Diệm bị đảo chính...

- Ngày 27 & 28/03/1964: Hồ Chủ Tịch chủ trì Hội Nghị Chính Trị Đặc Biệt họp tại Hà Nội ... chỉ thị cho đồng bào, cán bộ miền Bắc... "phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào ruột thịt miền Nam"...

- Ngày 19/07/1964: Phát biểu tại cuộc mít tinh của hơn 40 vạn đồng bào thủ đô, Người kêu gọi "mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam."

- Ngày 25/09/1964: Chủ Tịch Hồ Chí Minh họp Bộ Chính Trị bàn về chủ trương đấu tranh và đường lối quân sự trước tình hình Mỹ tăng cường lực lượng quân sự ở miền Nam ... Hồ Chủ Tịch mời cơm Đại Tướng Nguyễn Chí Thanh và Thiếu Tướng Lê Trọng Tấn chuẩn bị vào chiến trường công tác...

- Tháng 3,/1965: Hồ Chủ Tịch chủ trì ba hội nghị Bộ Chính Trị và một hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương để

bàn về cách mạng miền Nam, về tình hình nhiệm vụ cấp bách trước mắt...

- Ngày 10/04/1965: Trong phiên bế mạc kỳ họp thứ 2 Quốc Hội khóa III, Người khẳng định, "Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước,"

- Ngày 14/07/1965: Hồ Chủ Tịch họp hội nghị Bộ Chính Trị bàn về tình hình miền Nam. Người nêu cao quyết tâm "Tất cả để chiến thắng ở miền Nam".

- Ngày 20/07/1965: Hồ Chủ Tịch ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước... là "dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn".

- Ngày 7 tới 18/12/1965: Hồ Chủ Tịch họp Bộ Chính Trị bàn về tình hình miền Nam và công tác ngoại giao.

- Ngày 30/12/1965: Hồ Chủ Tịch họp Bộ Chính Trị bàn về thái độ của ta đối với tuyên bố 14 điểm của Chính Phủ Mỹ về thương lượng hòa bình. Người đề nghị ta chỉ đưa ra 'Tuyên bố bốn điểm' trả lời trước dư luận Mỹ và thế giới thì tự nhiên tuyên bố của Mỹ sẽ "như ném hạt cát vào mắt người ta".

- Ngày 06/01/1966: Hồ Chủ Tịch tiếp thứ trưởng ngoại giao Ba Lan. Người nói, "Tại sao Mỹ phải đi gõ cửa khắp nơi? Chính Mỹ gửi quân đến đây, bây giờ Mỹ phải đình chỉ xâm lược... Mỹ phải cút đi!... Dù Mỹ có tăng thêm quân bao nhiêu cũng không làm gì được chúng tôi. Nhân dân Việt Nam không sợ. Nếu đời chúng tôi không hoàn thành thì con cháu chúng tôi sẽ hoàn thành".

- Ngày 16/01/1966: Hồ Chủ Tịch thăm và nói chuyện

với Hội Nghị cán bộ cao cấp... khẳng định, "Bây giờ Mỹ có 20 vạn quân ở miền Nam, có có thể đưa thêm vào hơn nữa đến 30, 40, 50 vạn quân. Ta vẫn thắng, nhất định thắng".

- Ngày 12/03/1966: Hồ Chủ Tịch họp Bộ Chính Trị nghe báo cáo tình hình chiến sự miền Nam, đồng ý tuyển 50.000 quân đợt 3 và đợt 4 năm 1966... và cho tuyển 5.000 nữ (hoặc hơn) nhập ngũ đợt này...

- Ngày 16 & 17/10/1966: Hồ Chủ Tịch họp Bộ Chính Trị nhấn mạnh bất luận thế nào ta cũng phải nắm phần chủ động đánh Mỹ, thắng Mỹ, "Vô luận thế nào, không đánh cho nó nhừ tử thì nói gì cũng khó".

- Từ 15 đến 30/08/1967: Hồ Chủ Tịch họp Bộ Chính Trị cho ý kiến về bản cương lĩnh chính trị của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam...

Hoạt động và lời lẽ tuyên bố đó đủ để khắc họa chủ trương của Hồ Chí Minh và đủ để xác nhận chưa bao giờ Hồ Chí Minh lâm cảnh 'ngồi chơi xơi nước', ngay cả trong trường hợp nhóm Lê Duẩn tha thiết mong làm việc này.

Như vậy, cả ba lý do viện dẫn để đẩy Hồ Chí Minh xa khỏi việc khởi chiến chống lại miền Nam và trận đánh Tết Mậu Thân 1968 đều không còn cơ sở.

Một viện dẫn khác là những tin đồn về việc Hồ Chí Minh đã gửi thiệp chúc Tết tới Ngô Đình Diệm và cho mở những tiếp xúc sơ khởi với Ngô Đình Nhu trong ý hướng tiến tới lập '*liên bang Đông Dương*'.

Cho tới nay, không hề có một tài liệu nào ở cả mọi phía cho thấy những tin đồn trên là sự thực. Nhưng cứ giả dụ những điều đó đã xẩy ra thì cũng không ai quên Hồ Chí Minh là môn đệ tận trung của Lênin, là kẻ theo chủ nghĩa

Stalin thuần thành, từng được chính Khrutshchev gọi là 'tông đồ' Cộng Sản.

Do đó, trong đấu tranh, Hồ Chí Minh không bao giờ có thể bỏ quên các nguyên lý chủ nghĩa Lênin nên tuy 'ông sống và làm việc nhưng không phải ông, mà chính Lênin sống và hoạt động trong ông'.[20]

Với tư cách đó, mục tiêu chiến lược tối hậu của Hồ Chí Minh phải là tiêu diệt chủ nghĩa tư bản nên tỏ ý hòa hoãn với chế độ Việt Nam Cộng Hòa khó thể nằm ngoài sách lược giai đoạn để tiến tới thôn tính. Nhưng thực hiện sách lược giai đoạn này không hoàn toàn tùy thuộc ý muốn của Hồ Chí Minh. Vì phía sau Hồ Chí Minh còn có áp lực của Liên Xô, Trung Quốc và phía sau Việt Nam Cộng Hòa còn có áp lực của Mỹ.

Thêm nữa, những người lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa như Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu đều có kinh nghiệm về liên hiệp với Cộng Sản nên ngay cả khi không có những áp lực quốc tế cũng chưa dễ tiến đến hiệp thương, trừ phi Hồ Chí Minh không còn là tín đồ của Cộng Sản chủ nghĩa tức là thành tâm đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết. Đòi hỏi này hoàn toàn bất khả với mẫu người Hồ Chí Minh đã được biểu hiện qua mọi hành động và ngôn ngữ suốt nhiều năm tháng kể từ những năm giữa thập niên 1920.

Cho nên, dù quả tình Hồ Chí Minh đã gửi thiệp chúc Tết cho Ngô Đình Diệm thì hành vi này cũng không hơn hành vi tuyên bố giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương năm 1945 hoặc những cử chỉ khiêm nhường, bày tỏ thiện chí với Huỳnh Thúc Kháng, với Nguyễn Hải Thần... từng có.

Tóm lại, mọi biện giải cho rằng Hồ Chí Minh là người hiếu hòa, không dính dấp tới cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968 tại miền Nam, thậm chí Hồ Chí Minh còn chống lại chủ trương thống nhất đất nước bằng võ lực đều chỉ là những lời lẽ mơ hồ.

Càng mơ hồ hơn nữa là nhận định cho rằng Hồ Chí Minh đã bị thủ hạ khống chế. Thực tế tại Việt Nam trước và sau khi Hồ Chí Minh chết đều nói ngược lại với nhận định trên.

Tại Việt Nam cho tới giờ này, chưa một lãnh tụ nào dám hé răng phê bình Hồ Chí Minh về bất cứ điều gì trong khi cố sức tôn vinh Hồ Chí Minh bằng mọi hình thức và hàng ngày hết thẩy vẫn không ngừng nhắc lại một câu nói của Hồ Chí Minh, "*Chỉ có chủ nghĩa Cộng Sản mới cứu nhân loại... Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới.*"

Rõ ràng cho tới nay, hết thẩy vẫn còn đang được Hồ Chí Minh dắt dẫn hay nói khác đi là chưa thoát khỏi vòng khống chế của Hồ Chí Minh.

Chú thích

1-3 *Đêm giữa ban ngày*, Vũ Thư Hiên, tr. 228-230

4 *Vietnam, la face cachée du régime*, Bùi Tín, tr. 71. Dưới cước chú, tác giả ghi là chuyện xảy ra năm 1983 và tác giả ghi âm trước sự chứng kiến của nhiều người trong đó có Hoàng Tùng, ủy viên ủy ban tư tưởng của đảng, Đông Ngạc, phụ tá tổng bí thư đảng và Nguyễn Cần.

5 *Viết Gửi Mẹ và Quốc Hội*, Nguyễn Văn Trấn, tr. 328

6-8 *Mặt thật*, Thành Tín, tr. 113-114 & 179-187

7 Về các vụ tàn sát tập thể này, tin tức cho biết trong số nạn nhân có hai linh mục Việt Nam là Hoàng Ngọc Bang và Lê Văn Hộ; hai linh mục

Pháp là Urbain và Guy thuộc dòng Benedicto Thiên An. Tên 4 người Đức được ghi nhận là bác sĩ và bà Hort Gunther Krainick, bác sĩ Raimund Discher, và bác sĩ Alois Alterkoster. Họ là những người tình nguyện đến dạy học ở Đại Học Y khoa Huế, bị Cộng Sản bắt ngày 5/2/1968, về sau tìm thấy xác gần khu Chùa Tường Vân. Theo Bùi Tín trong hồi ký *Mặt Thật* thì có 5 bác sĩ Đức bị giết. Ông Nguyễn Lý Tưởng ghi thêm tên một linh mục Việt bị giết nữa là cha Bửu Đồng. Và ông Nguyễn Trân nói còn có thêm nhiều người Phi Luật Tân cũng bị giết trong vụ này.

Trong hồi ký *Mặt Thật*, Bùi Tín cho là con số 3.000 là hơi cao so với thực tế, vì "Đào lên 50, 100 cho đến 200 thi hài thì đã cảm thấy ghê gớm lắm, có cảm giác như là 400, 500..."

Nhưng tác giả Trần Gia Phụng, trong cuốn *Án tích Cộng Sản Việt Nam* (tr. 310) đã ghi lại một bản tổng kê số người bị giết ở 19 địa điểm khác nhau thì thấy có những con số rất là chi tiết, ví dụ: Trường Gia Hội 203 xác; chợ Thông 102 xác; Khe Đá Mài 428 xác v.v. cộng là 2326 xác. Trần Gia Phụng chú thích là ghi theo số liệu của Bác Sĩ Elje Vannema, người Hòa Lan nhập tịch Canada, dậy ở Đại Học Y khoa New York viết trong cuốn *The Vietcong Massacre at Hue*. Lúc xảy ra biến cố, vị Bác sĩ này có mặt tại chỗ. Theo Stephen Hosmer tác giả cuốn *Vietcong Repression and its implications for the future* (tr. 217), ngày 14- 6- 1968, sư đoàn 1 không kỵ Hoa Kỳ đã bắt được một tài liệu của của VC trong đó có cuốn sổ tay của một cán bộ CS ghi, "Toàn bộ hệ thống chính quyền ngụy từ xã tới tỉnh đã bị tiêu diệt hoặc phá vỡ. Hơn 3000 tên đã bị giết."

Trong tác phẩm của bác sĩ Vannema, các mồ tập thể được nói rất chi tiết. Ví dụ ngay khu trường Gia Hội tuy nói có 203 xác, nhưng không phải chôn chung trong một hố mà có tới 14 hố tìm thấy trước gồm 101 xác, sau mới khám phá thêm nhiều hố khác, cộng cả lại là 203. Như vậy, con số 2326 xác không phải là phóng đại hay do lóa mắt nhìn sai, đếm tăng lên. Con số này chỉ là số xác đã tìm thấy trong khi có thể còn nhiều xác khác chưa tìm được. Cho nên nếu ước lượng khoảng 3000 cũng không hẳn là thổi phồng hay bịa đặt như sử gia Mỹ Marylin Young đã viết.

9 *Về tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân 1968*, Cao Văn Lượng. *Nghiên cứu lịch sử* số 1 - Tháng 1 & 2-1993.

10 *Biên niên tiểu sử* - T. 10, tr. 24

11 Bài báo của Vũ Kỳ trích dẫn ở đây do Sơn Tùng đọc ngày 11/4/2001 tại trường Cán Bộ Quản Lý Giáo Dục Hà Nội.

12 Nhiều người nghi có bàn tay Lê Duẩn trong việc tướng Nguyễn Bình bị Pháp giết vào năm 1951, khi ông bị gọi ra Bắc. Lộ trình của Nguyễn Bình đã bị một kẻ nào đó mật báo cho Pháp. Nguyễn Bình tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng rồi hợp tác với Cộng Sản, trở thành Tư Lệnh Lực Lượng Kháng Chiến chống Pháp tại Miền Nam từ 1945.

13–16 *Đêm giữa ban ngày* - Vũ Thư Hiên, tr. 328 & 223

14–15 *Mặt thật* - Thành Tín, tr. 91 & 89

17–19 *Con yêu râu xanh* - Việt Thường tr. 227- 228. Việt Thường luôn dùng chữ Ngụy để gọi Cộng Sản, xin đừng lầm với chữ Ngụy do Cộng Sản gán cho chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

20 Nhân hai chữ 'tông đồ' mà Khutshchev tặng ông Hồ, chúng tôi liên tưởng tới lời St. Paul là đại tông đồ của chúa Giêsu Kitô, *"Vivo, jam non ego. Vivit vero in me Christus"* - Tôi sống, song không phải tôi sống, mà là đấng Kitô sống trong tôi.

Chương 49
Hồ Chí Minh và cuộc sống "thánh thiện"

Lời dẫn: (gợi ý) *Đầu tháng 9 hàng năm Việt Cộng trong nước thường lợi dụng cái gọi là ngày quốc khánh mồng 2 tháng chín để đề cao, tâng bốc, thần thánh hóa ông Hồ, một cái phao cuối cùng cần bấu víu mà tồn tại trước giông bão của thời đại và phong trào đấu tranh cho dân chủ tự do. Nhân dịp này chúng tôi xin giới thiệu với độc giả bài của Minh Võ về cuộc sống hai mặt của ông Hồ để so sánh những gì CS tuyên truyền với thực tại phũ phàng đê tiện.*

Từ khoảng mùa hè 1946, trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang tiếp diễn tại Nam Bộ, hầu như khắp các thôn xã miền Bắc thường xuyên có những buổi tập họp dân chúng vào ban đêm để liên hoan văn nghệ hoặc sinh hoạt chính trị mà Võ Nguyên Giáp đã mô tả: "Từ thành thị đến làng quê, đâu đâu cũng cờ mở trống giong, ngày mít tinh, đêm khai hội. Vùng nông thôn Việt Nam lâu đời yên tĩnh chưa bao giờ sôi nổi, rộn ràng như vậy."[1]

Những buổi tập họp bao giờ cũng mở đầu bằng màn trình diễn có tên "Suy tôn Bác Hồ".

Sau lời hô ra lệnh, đèn sân khấu vụt tắt và hai thanh niên để mình trần, đầu chít khăn quì gối giơ cao hai ngọn đuốc trước chân dung Hồ Chí Minh trên bàn thờ Tổ Quốc.

Trong ánh đuốc bập bùng, một giọng hùng tráng cất lên kể công ơn lãnh tụ với những lời cuối cùng vang dội: "Hồ Chí Minh, Người là ông Thánh Sống!"

Nối theo tức khắc là bản đồng ca quen thuộc:

"Đúc gươm thiêng vung cho nước nhà,
Dắt dân Việt đi tới đích xa,
Hồ Chí Minh, anh hùng bao năm luôn tranh đấu,
Thắng gian nguy, tranh công đầu ...
Hồ Chí Minh muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm!..."

Màn suy tôn được lập lại không ngừng đêm này qua đêm khác, năm này qua năm khác, thôn này qua thôn khác... đã tạo trong trí tưởng đa số dân quê một hình tượng lãnh tụ phi phàm sánh ngang thần thánh.

Hình tượng này còn được liên tục tô chuốt mỗi ngày bằng những chuyện kể về "sự dị thường của Bác" với cặp mắt có hai con ngươi, với tình thương bao la như trời biển chỉ nghĩ tới nhân dân, với cuộc sống hy sinh trọn vẹn mọi sinh thú bản thân để dồn hết tâm lực cho đất nước... và đã xuất hiện nơi không ít tác phẩm viết về Hồ Chí Minh cho tới nay.

Với Duiker, "ông Hồ đã chiếm được một chỗ trong ngôi đền thờ những anh hùng cách mạng từng đấu tranh mạnh mẽ để những người cùng khổ trên thế giới có được tiếng nói đích thực của họ"

Với Halberstam, "Hồ Chí Minh là anh hùng số một, anh hùng duy nhất của Việt Nam... là hiện thân cuộc cách mạng của dân tộc ông đối với dân tộc ông và cả đối với thế giới... là nhà ái quốc vĩ đại nhất Việt Nam ở thế kỷ 20".

Với Douglas Pike, "Hồ Chí Minh có tài về tổ chức, tận tụy hy sinh, chí công vô tư, lo trước dân, hưởng sau dân ..."

Với nữ ký giả Hélène Tourmaire: "Hình ảnh của Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh với sự kết hợp đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin và tình cảm của một người chủ gia tộc, tất cả bao bọc trong dáng dấp rất tự nhiên".

Với Phạm Văn Đồng: "Một con người phi thường và xuất chúng, năng động và linh hoạt trong mọi ứng biến, minh khiết và thanh thản trong tâm hồn và phong độ, người của chủ nghĩa nhân đạo trong ý nghĩa đầy đủ nhất, nhà chiến lược, nhà lãnh đạo, nhà tổ chức, đồng thời là nhà văn hóa, nhà báo, nhà thơ lớn."

Bùi Tín xác định kỹ hơn: "Cá nhân tôi kính trọng ông Hồ Chí Minh...Đây chính là con người thẳng thắn lương thiện (honnête), sống rất giản dị, yêu thích trẻ con và dễ gần gụi với những người hèn mọn nhất (humbles)... Tôi cực lực bác bỏ giả thuyết cho rằng đó chỉ là cái tài đóng kịch của ông."

Nhưng, chính trong tác phẩm của Duiker, Douglas Pike, Halberstam, Bùi Tín ... cuộc sống và con người Hồ Chí Minh đã được diễn tả ra sao?

Duiker đã kể về đời tư Hồ Chí Minh với một loạt người tình và vợ như Nguyễn Thị Minh Khai, Tăng Tuyết Minh, Đỗ Thị Lạc, Nông Thị Xuân vv... một cô ở Pháp, vài cô ở

Nga và cả chuyện Hồ Chí Minh vào lúc cuối đời nhờ một cán bộ cao cấp Trung Cộng giới thiệu cho một cô gái trẻ để hưởng tuổi già...

Duiker còn nêu rõ liên hệ tình cảm giữa Hồ Chí Minh và Nguyễn Thị Minh Khai là một bí ẩn rắc rối nhất trong đời ông Hồ do Nguyễn Thị Minh Khai là vợ của Lê Hồng Phong.

Halberstam ca ngợi Hồ Chí Minh có thủ đoạn hơn người để quét sạch các phần tử đối địch gồm hầu hết là những người yêu nước kể cả người được kính ngưỡng như Phan Bội Châu bằng cách báo cho mật thám Pháp bắt hoặc cho thủ hạ tàn sát sau khi phao vu là lưu manh, phản quốc...

Douglas Pike nhắc lại những sự việc đã được Halberstam đề cập và kể thêm: "Theo các nguồn tin đáng tin cậy, ngày thế chiến II bùng nổ (1-9-1939) có kẻ trao cho mật thám Pháp ở Saigon đầy đủ danh sách của nhóm Đệ Tứ với bí danh và địa chỉ của từng người kể cả nơi cư trú địa phương trên toàn quốc. Chỉ trong vài giờ cảnh sát Pháp đã tóm hết các lãnh tụ đầy đi New Hebrides, New Caledonia, Madagascar và những thuộc địa khác của Pháp xa Đông Dương... Sau này nhiều sử gia và các chuyên gia về chính trị quả quyết chỉ có Cộng Sản Việt Nam có tài liệu và khả năng làm một việc có tính tình báo chiến thuật đó."

Và, Douglas Pike tán đồng nhận định của Halberstam với kết luận: "...Hồ luôn luôn chứng tỏ là kẻ đại tài về xảo trá và tàn bạo".[2]

Riêng Bùi Tín phát biểu: "Hồi 1945, mới 55 tuổi, ông tự nhận là cha già dân tộc và xưng Bác với đồng bào trong đó có cả cụ già 70, 80 tuổi là không ổn... Ông viết về bản thân mình, ký tên là Trần Dân Tiên và T. Lan tự khen mình là vĩ

đại hơn Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, tự nói về mình rằng: "Bác Hồ rất khiêm tốn, người không bao giờ muốn nói đến bản thân mình" thì thật mỉa mai đến buồn cười!"[3]

Dù thành tâm ngưỡng mộ cách nào, những tác giả trên cũng không thể tô điểm cho Vị Thánh Sống của mình bằng những sự việc đã kể.

Bởi tất cả những sự việc đó chỉ phản ảnh một tính cách đối nghịch cùng cực với những điều tốt đẹp.

Chỉ nhìn riêng về cuộc sống tình cảm riêng tư, các tác giả đã ghi nhận hoặc không dám chối bỏ việc ngoài rất nhiều người tình, Hồ Chí Minh ít nhất đã chung sống như vợ chồng với 5 người phụ nữ:

1- Trong Từ thực dân đến cộng sản, Hoàng Văn Chí thuật theo lời kể của Nguyễn Khánh Toàn, cho biết trong thời gian học ở Liên Xô, Hồ Chí Minh cũng như Nguyễn Khánh Toàn đã được Quốc Tế Cộng Sản cấp cho một người Nga làm vợ hờ. Vì Hoàng Văn Chí chỉ nói theo Nguyễn Khánh Toàn rằng có một cô vợ hờ, mà không nói tên, tuy cũng có người bảo Vera Vasilieva là người tình của Hồ nhưng khó tin vì cô này là cán bộ cao cấp, người từng bao che bênh vực Hồ.

2- Năm 2001, sử gia Trung Cộng, giáo sư Hoàng Tranh, viết một bài báo dài kể lại rất nhiều chi tiết về việc Hồ Chí Minh chính thức lập hôn thú với một nữ hộ sinh người Trung Hoa theo Kitô giáo tên là Tăng Tuyết Minh mới 21 tuổi. Tiệc cưới được tổ chức vào tháng 10-1926 tại nhà hàng Thái Bình ở Quảng Châu là nơi trước đó Chu Ân Lai đã làm lễ cưới với Đặng Dĩnh Siêu.

Năm 1927, khi Tưởng Giới Thạch bắt đầu diệt cộng,

Hồ Chí Minh phải cùng với Borodin trở về Liên Xô, không kịp liên lạc với vợ nhưng Tăng Tuyết Minh vẫn một lòng chung thủy ở vậy chờ chồng cho đến khi lâm chung vào tuổi 91. Nhiều lần bà đã gửi thư cho sứ quán Cộng Sản Việt Nam ở Trung Quốc (lúc ấy do Hoàng Văn Hoan làm đại sứ), cũng như nhờ người chuyển thư sang Hà Nội, khi biết tin chồng bà đã thành chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa nhưng không bao giờ có hồi âm.

Theo Pierre Brocheux, người mối lái cho đám cưới này là Lý Huệ Quần, vợ Lâm Đức Thụ vì Tăng Tuyết Minh rất thân với Lý Huệ Quần. Brocheux ghi theo một tài liệu cho biết chính Lâm Đức Thụ đã kể lại như sau: "Tháng 10 năm 1926, Lý Thụy, tức Nguyễn Ái Quốc, tức Hồ Chí Minh đã thành hôn với một nữ hộ sinh đồng môn với vợ tôi. Nguyễn Hải Thần và Lê Hồng Sơn không tán thành cuộc hôn phối này nên tìm cách chống. Nhưng Lý Thụy đã trả lời: "Tôi cứ lấy vợ, bất chấp các anh không chấp thuận, vì tôi cần một người đàn bà dậy tiếng Trung Hoa cho tôi và săn sóc việc nhà."[4]

3- Nguyễn Thị Minh Khai, theo thông tin chính thức của Đảng, là vợ của Lê Hồng Phong, nhưng William J. Duiker và cả Bùi Tín đều nhắc các tài liệu cho biết từng có thời gian là vợ Hồ Chí Minh vào khoảng 1934-1935.

Riêng nhà báo Việt Thường nói Hồ Chí Minh (khi đó còn mang tên Lin và Nguyễn Ái Quốc) đã làm hôn thú với Nguyễn Thị Minh Khai, mặc dù cô này đã hứa hôn với Lê Hồng Phong. Hồ Chí Minh đoạt vị hôn thê của đồng chí trong thời gian Minh Khai thụ huấn lớp đào tạo cán bộ do Hồ Chí Minh phụ trách ở Hồng Kông.

Theo Việt Thường, cô con gái của Nguyễn Thị Minh Khai hiện sống ở Saigon và được nói là con của Lê Hồng Phong chính là con của Hồ Chí Minh.

Sophie Quinn-Judge, tác giả cuốn tiểu sử Hồ Chí Minh mới nhất, người đã trực tiếp nghiên cứu các tài liệu mới được giải mật ở văn khố Liên Bang Nga cũng cho biết chính Minh Khai đã khai trong lý lịch bà là vợ của Lin (bí danh Hồ lúc ấy).

4- Trong Một Cơn Gió Bụi, sử gia Trần Trọng Kim ghi: "Khoảng tháng 9-1944, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội dời về Quảng Tây và cho Hồ Chí Minh về Bách Sắc để trù liệu kế hoạch nhập Việt. Sau đó Hội cho Hồ Chí Minh cùng 22 đảng viên phần nhiều là người trong đảng Phục Quốc về nước để khởi sự hành động. Trong số 22 người ấy có một nữ đảng viên tên Đỗ Thị Lạc là người về sau có đứa con gái với Hồ Chí Minh.

5- Cô Xuân[5] là người phụ nữ thứ năm sống như vợ chồng với Hồ Chí Minh.

Cô Xuân thuộc sắc tộc Nùng, người huyện Hòa An, Cao Bằng, đầu năm 1955, được tuyển "đưa về Hà Nội phục vụ Bác Hồ" và được bố trí sống tại ngôi nhà số 66 phố Hàng Bông Thợ Nhuộm. Liên hệ giữa Hồ Chí Minh và cô Xuân gần như không ai biết, ngoại trừ Trần Quốc Hoàn lúc đó là Bộ Trưởng Công An, có nhiệm vụ đưa đón cô Xuân ra vào Phủ Chủ Tịch.

Năm 1956, cô Xuân sinh con trai, được Hồ Chí Minh đặt tên là Nguyễn Tất Trung, nhưng Hồ Chí Minh không đồng ý cho cô Xuân vào sống tại Phủ Chủ Tịch như vợ chính thức. Khoảng hơn 3 tháng sau, đầu năm 1957, người

ta tìm thấy một xác chết ở dốc Cổ Ngư, đưa về bệnh viện Việt Đức nhận dạng là xác cô Xuân và được chôn cất vội vã theo lệnh của Trần Quốc Hoàn.

Chuyện cô Xuân được Nguyễn Minh Cần và Vũ Thư Hiên ghi lại với nhiều tình tiết và nêu tên nhiều người liên hệ. Nguyễn Minh Cần lúc đó là Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chính Hà Nội đã kể: "Hôm đó, vào mùa xuân năm 1957, tôi đang thường trực thì anh Nguyễn Quốc Hùng, thành ủy viên, tới báo cáo có vụ xe cán chết người trên đường Nhật Tân, công an báo cáo người bị cán đã là một xác chết. Anh em công an nói chiếc xe mang biển số của Phủ Chủ Tịch. Mấy hôm sau tôi có hỏi anh Trần Danh Tuyên, bí thư thành ủy, về vụ này thì anh ta nói "Vụ đó giải quyết xong rồi".

Trong Đêm *giữa ban ngày*, Vũ Thư Hiên kể:

"Tôi nhớ một buổi chiều thu 1964, cha tôi đột nhiên bảo tôi:

- Con lấy xe đưa bố đi một lát....

Cha tôi sai tôi chở ông lên đường Cổ Ngư cũ về phía Chèm. Tới dốc lên đê, ông bảo tôi dừng xe. Châm một điếu thuốc, ông chọn chỗ cỏ sạch để ngồi xuống và bảo tôi ngồi xuống bên ông...

- Con nhớ lấy chỗ này, quãng gốc cây thứ tư và thứ năm từ trên đê đổ xuống - cha tôi chỉ tay về phía trước - Nơi này đã xảy ra một tấn thảm kịch mà rồi đây con phải tìm hiểu để mà viết. Nó là tấn thảm kịch có tính chất tượng trưng cho một sự đổ vỡ lớn của một nền đạo đức và rộng ra, của cả một thời đại.

Mắt cha tôi mờ đi. Giọng ông đứt quãng.

- Con không hiểu bố muốn nói gì.

- Lúc này con không hiểu cũng được. Hiểu bây giờ vừa sớm vừa nguy hiểm. Việc của bố là đánh động trí nhớ của con, bắt nó ghi lại một lời nói không rõ ràng để đừng quên sau này ...

Ông Nguyễn Tạo[6] đã giải đáp cho tôi câu hỏi đó, nhiều năm về sau:

- Bố anh không muốn kể vì vào thời kỳ câu chuyện xẩy ra bố anh không còn làm việc với Bác Hồ nữa, bố anh e mình không nắm rõ, không trực tiếp biết sự việc, không biết chi tiết, kể sẽ không đầy đủ, không khách quan. Hoặc giả, bố anh sợ anh biết câu chuyện quá sớm thì hại cho anh ... Nhưng bố anh muốn anh biết để có lúc anh sẽ phải viết ra. Bố anh bảo tôi kể cho anh nghe cũng không ngoài ý đó...

- Vậy chuyện gì đã xảy ra ở dốc Chèm, thưa bác?

- Một vụ án mạng oan khuất.

- Ở chính nơi bố cháu chỉ cho cháu?

- Ở đó. Có một người đàn bà bị xe cán chết, hay nói cho đúng hơn, cán xác của người đó.

- Một hiện trường giả?

- Chính là như vậy...Người đàn bà này bố anh cũng biết, tên là Xuân, quê ở huyện Hòa An tỉnh Cao Bằng. Cô Xuân rất xinh gái, da trắng nõn, miệng tươi như hoa, được Ban Bảo Vệ Sức Khỏe Trung Ương tuyển vào trông nom sức khỏe cho Bác Hồ...

- Thời gian nào, thưa bác?

- Sau khi hòa bình lập lại, khoảng năm 1955... Cùng được tuyển với cô Xuân còn có hai người em gái cô ta,

một em ruột, một em họ cũng là con cái gia đình gốc gác cách mạng cả. Họ được bố trí ở trong một ngôi nhà ở phố hàng Bông Thợ Nhộm, sát đường Quang Trung. Thông thường, Trần Quốc Hoàn tự thân đưa cô Xuân vào gặp Bác rồi đưa về...

- Mỗi lần như vậy bà ta ở lại bao lâu?

- Không chừng. Có khi chỉ một đêm, có khi đôi ba hôm. Cô Xuân rất được lòng Bác. Họ có với nhau một con trai, được đặt tên Trung, Nguyễn Tất Trung. Về sau, trước khi Bác mất Bác ủy thác thằng Trung cho Vũ Kỳ chăm sóc, coi như con nuôi...

Tôi sững sờ. Lại thêm một bí mật tôi được biết trong những bí mật cung đình được giữ rất kín.

- Như vậy, có thể coi bà Xuân là bà hoàng hậu cuối cùng trong lịch sử Việt Nam?

- Có thể coi là như vậy. Và là bà hoàng hậu bất hạnh nhất trong lịch sử Việt Nam. Bất hạnh vì không một ngày được thừa nhận là hoàng hậu, vì đẻ ra đứa con không được gọi cha ruột của nó bằng cha... Tất cả diễn ra trong sự lén lút nhục nhã...

- Ai đã giết bà Xuân?

- ... Ta hãy ghi nhận sự việc này: Vào một buổi sáng mùa Xuân năm 1957, người ta thấy có xác một người đàn bà bị xe ô tô đụng chết ở dốc Cổ Ngư lên Chèm. Xác chết được đưa vào bệnh viện Việt Đức, được nhận dạng. Chính là cô Xuân. Nhưng xác không được mổ theo thường lệ mà bị chôn cất vội vã theo lệnh của Trần Quốc Hoàn...

- Rồi sau thì sao?

- Chưa hết. Sau, em ruột cô Xuân bị điều đi học một lớp y tá ở Thái Nguyên rồi bị đưa về Cao Bằng điều trị bệnh... thần

kinh. Ít lâu sau, xác cô nổi lên ở một cây cầu trên sông Bằng Giang... Cô em gái họ cũng biến mất. Như vậy cùng một thời gian, cùng một sự việc, có tới ba người thiệt mạng..."[7]

Theo Nguyễn Minh Cần, Trần Quốc Hoàn nhiều lần đến nhà cô Xuân để hãm hiếp cô từ ngày 6/2/1957 tới ngày 11/2/1957 thì giết cô bằng cách đánh búa vào đỉnh đầu rồi quăng xác ở dốc Cổ Ngư dàn cảnh xe cán.

Nguyễn Minh Cần cho rằng sự việc có thể xuất phát từ chính Hồ Chí Minh hoặc Bộ Chính Trị đã quyết định thanh toán cô Xuân do cô muốn công khai hóa mối liên hệ và đòi chính thức nhìn nhận đứa con. Trần Quốc Hoàn được giao cho thi hành nên mới dám ngang nhiên hãm hiếp cô Xuân trước khi hạ sát và sau đó giết luôn hai người em cô Xuân vì biết rõ sự việc.[8]

Theo Vũ Thư Hiên, một thương binh nhận là chồng của cô Vàng, cuối năm 1983, đã gửi thư lên Văn Phòng Chủ Tịch Quốc Hội ghi lại nhiều chi tiết của sự việc qua lời kể của cô Vàng trước khi bị thủ tiêu. Lá thư dài ghi viết tại Cao Bằng ngày 29 tháng 7 năm 1983 kính gửi ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ Tịch Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, mở đầu với lời tự giới thiệu như sau:

"Tôi là một thương binh đã 25 năm nay vô cùng đau khổ, không dám hé răng với ai. Không phải chỉ vì vết thương bom đạn, chiến tranh mà là một vết thương lòng vô cùng nhức nhối. Nay tôi sắp được từ giã cái xã hội vô cùng đen tối này đi sang thế giới khác, tôi phải chạy vạy rất khó khăn mới viết được bức thư này lên Chủ Tịch hy vọng ông còn lương tri, lương tâm đem ra ánh sáng một vụ bê bối vô cùng nghiêm trọng tàn ác mà người vợ chưa cưới của tôi là nạn nhân..."

Thư trình bày tiếp sự việc cho biết từ năm 1954, người viết thư có người yêu tên Nguyễn Thị Vàng, 22 tuổi quê làng Hà Mạ, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Cô Vàng có người chị họ là Nguyễn Thị Xuân, tên gọi trong gia đình là cô Sang tức Minh Xuân. Cuối năm 1952, cô Vàng và cô Xuân tình nguyện vào công tác hộ lý trong một đơn vị quân nhu. Mấy tháng sau, Trần Đăng Ninh, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Hậu Cần mấy lần đến gặp cô Xuân và đầu năm 1955 thì đem xe tới đón về Hà Nội, nói là để phục vụ Bác Hồ. Được mấy tháng sau thì cô Xuân cũng xin cho cô Vàng về Hà Nội ở trên gác căn nhà số 66 Hàng Bông Thợ Nhuộm với cô Xuân và cô Nguyệt là con gái ông Hoàng Văn Đệ, cậu ruột cô Xuân. Thư viết tiếp:

Đã luôn hai năm, tôi chỉ được tiếp thư chứ không được gặp cô Vàng, người yêu của tôi. Nhưng khoảng tháng 10 năm 1957, tôi bị thương nhẹ được đưa về điều trị tại bệnh viện huyện Hòa An. Chúng tôi vô cùng sung sướng lại được gặp nhau. Trong một tuần lễ, cô Vàng kể lại mọi nỗi đau xót cô đã gặp phải cho tôi nghe. Tôi xin ghi lại tỉ mỉ những lời cô Vàng tâm sự với tôi mà không bao giờ tôi có thể lãng quên được."

Thư ghi lại nhiều chi tiết theo lời kể của cô Vàng cho biết khoảng đêm 6 hoặc 7 tháng 2 năm 1957, sau khi cô Xuân sinh con hơn 3 tháng, Trần Quốc Hoàn tới nhà ngang nhiên trói cô Xuân hãm hiếp ngay trước mắt hai cô Vàng và Nguyệt. Sau sự việc này, cô Xuân đã kể với các em: "Sau ngày sinh cháu Trung, chị thưa với Bác, bây giờ đã có con trai, xin Bác cho mẹ con ra công khai". Bác nói: "Cô xin như vậy là hợp tình, hợp lý. Nhưng phải được Bộ Chính Trị đồng ý, nhất là mấy ông Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt đồng ý mới được".

Do đó, cô Xuân đành phải im lặng chờ đợi cho tới khi sự việc xẩy ra theo cô Vàng kể với người tình:

"Khoảng một tuần sau, lúc 7 giờ tối ngày 11 tháng 2 năm 1957, ngày em còn nhớ như đinh đóng cột. Một chiếc xe com măng ca thường đón chị Xuân lên gặp bác Hồ, anh Ninh xồm, người bảo vệ Trần Quốc Hoàn chuyển lên bảo vệ Bác, vào gặp chị Xuân nói lên gặp Bác. Chị Xuân mặc quần áo, xoa nước hoa rồi ra đi. Sáng hôm sau 12 tháng 2, một nhân viên Công An Hà Nội đến báo tin chị Xuân gặp tai nạn ô tô chết rồi, hiện còn để ở nhà xác bệnh viện Phủ Doãn...Em không được vô nhà xác, họ nói còn mổ tử thi...Sau một tiếng, hai bác sĩ, một cán bộ Công An, một Kiểm Sát Viên lên phòng chờ, đem theo một tờ biên bản đọc to lên cho mọi người nghe. Tử thi không có thương tích gì, thấy rõ không bị tai nạn ô tô... Duy chỉ có xương đỉnh đầu bị rạn nứt... Bác sĩ tuyên bố đây có thể bị chùm chăn lên đầu rồi dùng búa đánh giữa đầu...

Ít lâu sau một cán bộ Công An đến bế cháu Trung đi, chúng em không được biết đi đâu[9]*. Rồi em thì được đi học một lớp y tá của khu tự trị Việt Bắc ở Thái Nguyên. Chị Nguyệt không biết họ cho đi đâu sống chết thế nào. Học mấy tháng thì em được chuyển về bệnh viện Cao Bằng, em khóc luôn, họ cho là em bị thần kinh nên cho về đây điều trị. May lại được gặp anh kể hết mọi chuyện cho anh nghe... Em chắc chắn sẽ bị chúng giết vì em đã nói vụ này cho nhiều chị em bà con biết...*

Tôi chỉ được gặp Vàng em tôi có một tháng, đến ngày mồng 2 tháng 11 năm 1957, cô Vàng đi về thăm ông cậu Hoàng Văn Đệ. Hung thủ đi theo rồi giết chết em tôi quăng xác xuống sông Bằng Giang đến ngày mồng 5 tháng 11 mới nổi lên ở cầu Hoàng Bồ. Tôi được tin sửng sốt chạy về cầu Hoàng Bồ thì thi hài đã được kiểm nghiệm và chôn cất rồi. Nghe dư luận xôn

xao bị đánh vỡ sọ...Tôi đâm bổ về Hà Nội liên lạc được với một cậu bạn cùng học làm việc ở Tòa Án Hà Nội. Tôi kể vụ án em tôi bị giết thì bạn tôi sao cho tôi một bản Công Văn Viện Kiểm Sát hỏi tòa án về vụ em tôi và cô Xuân bị giết. Tôi xin sao bản văn đó trình ông để tiện việc điều tra. Vụ này nhiều người bị giết. Cô Xuân, vợ cụ Hồ Chí Minh, cô Vàng, vợ chưa cưới của tôi, cô Nguyệt, còn nhiều người ở Trường Y Tá Thái Nguyên nghe chuyện Vàng kể đi nói chuyện lại cũng bị giết lây"...

Cuối thư ký tên vợ chồng Nguyễn Thị Vàng sau khi cho biết người lái xe tới đón cô Xuân đi giết là Tạ Quang Chiến vào năm 1983 đang giữ chức Tổng Cục Phó Tổng Cục Thể Dục Thể Thao và ghi lời cầu xin: "Tôi, một thương binh sắp đi qua thế giới khác, máu hòa nước mắt viết thư này nhờ một người bạn chí tình, thành tâm bảo vệ lẽ phải, đánh máy bức thư gửi tới trình ông".[10]

Trước phát giác về cuộc sống tình cảm phức tạp của Hồ Chí Minh, Bùi Tín phát biểu: "Ở trong nước, việc đánh giá lại ông Hồ Chí Minh là điều cấm kỵ một cách tuyệt đối. Vì ông là chỗ dựa cuối cùng để những người lãnh đạo duy trì con đường "xã hội chủ nghĩa", "giữ vững ổn định chính trị" có nghĩa là họ không mất quyền lãnh đạo... Nhà báo Kim Hạnh chỉ giới thiệu về cuốn sách của giáo sư sử học Daniel Hemery nói rằng hồi trẻ ông Hồ có thể có vợ ở Trung Quốc đã lập tức bị mất chức tổng biên tập báo *Tuổi Trẻ*. Ông Bùi Đình Kế, cục trưởng cục lưu trữ quốc gia viết một bài tương tự trên báo *Nhân Dân* Chủ Nhật cũng bị khiển trách rồi "cho về hưu". Lập luận của Ban Văn Hóa và Tư Tưởng là tất cả những chuyện kể trên đều là bịa đặt bậy bạ với ý đồ xấu xa phá hoại đất nước". Theo Bùi Tín,

"nếu quả thật ông có người yêu, có vợ khi còn trẻ thì có gì là xấu? Nếu có cô Brière (Pháp), cô Tuyết Cần (Trung Hoa), cô Véra Vasiliera (Nga)... là bạn, người yêu, là vợ thì cũng là tự nhiên, bình thường, có thể là nét đẹp nữa, vì ông cũng có trái tim như mọi người chứ. Chỉ có kẻ đạo đức giả mới muốn coi ông là thánh".[11]

Quả thật không có gì xấu trong cuộc sống tình cảm tự nhiên của con người. Nhưng, vấn đề được đặt ra không bởi sự việc Hồ Chí Minh từng viết thư tán tỉnh phụ nữ, từng có người yêu. Vấn đề được đặt ra cũng không bởi sự việc Hồ Chí Minh đã nhiều lần có vợ và bỏ vợ.

Vấn đề được đặt ra chỉ bởi cách đối xử của Hồ Chí Minh với những người vợ, những đứa con của mình và quan trọng hơn là sự cố tình bịa đặt một cuộc sống tình cảm không có thực để dối gạt dư luận.

Những năm trước 1945, việc quần chúng không hiểu rõ cuộc sống riêng của Hồ Chí Minh có thể viện dẫn tình trạng hoạt động bí mật không cho phép nói rõ về bản thân.

Tuy nhiên từ 1945 về sau, mọi tài liệu sách báo đều không ngừng nói về cuộc sống độc thân của Hồ Chí Minh như chứng cớ cụ thể nhất biểu hiện tinh thần vì nước quên mình, hy sinh hạnh phúc cá nhân để phục vụ nhân dân.

Hết thẩy sách báo đều mô tả Hồ Chí Minh từ tuổi thiếu niên không ngừng băn khoăn tìm đường cứu nước, trọn đời sống khổ hạnh như một bậc chân tu không biết đến niềm vui riêng nào, luôn dồn hết tâm lực cho việc đấu tranh giải phóng dân tộc và cán bộ tuyên truyền khắp nước đã dựng lên màn suy tôn Thánh Sống Hồ Chí Minh cho quần chúng.

Trong khi đó, gần như không lúc nào Hồ Chí Minh không nghĩ đến đàn bà và gần như không lúc nào Hồ Chí Minh không có đàn bà ở bên cạnh.

Thời gian theo Phan Chu Trinh học nghề thợ ảnh tại Paris, Hồ Chí Minh đeo theo tán tỉnh một cô gái Pháp có tên Bourdon, viết những lá thư tình dài dặc mà sau này Gaspard Thu Trang thu góp in trong cuốn Hồ Chí Minh à Paris.

Những ngày nối sau, khi là đảng viên Xã Hội Pháp, Hồ Chí Minh đã có một người tình cũng là đồng chí, có tên Marie Brière được sử gia Daniel Héméry ghi lại trong cuốn Hồ Chí Minh, de l'Indochine au Việt Nam.

Những năm đầu ở Mạc Tư Khoa, Hồ Chí Minh cũng không thiếu đàn bà trong sinh hoạt thường nhật. Manabendra N. Roy, lãnh tụ Cộng Sản Ấn Độ từng là ủy viên chính trị của Đệ Tam Quốc Tế, nhưng bị khai trừ năm 1928 trong tác phẩm Men I met kể về những người từng một thời gặp gỡ có đoạn nhắc đến Hồ Chí Minh với cách sinh hoạt như sau: "Vì ở Nga không có những quán cà phê kiểu Paris mà ông ta thường lui tới nên để bù lại cuộc sống kham khổ buồn chán của Mạc Tư Khoa trong những năm 20, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thú vui nơi đàn bà. Đó là các nàng tư sản sa đọa hay các thanh nữ cộng sản phóng đãng bị thu hút mãnh liệt bởi những khóa sinh người châu Á."[12]

Rời Mạc Tư Khoa về Quảng Châu, Hồ Chí Minh lấy vợ năm 1926.

Ngày 6-6-1931, lúc bị Cảnh Sát Anh bắt tại Cửu Long, Hồ Chí Minh lại đang sống với một phụ nữ tên Li Sam.

Ba năm sau đó, năm 1934, Hồ Chí Minh có con với Nguyễn Thị Minh Khai. Khi Minh Khai về nước, Hồ Chí

Minh ở lại cùng Nguyễn Khánh Toàn và đã có một người vợ Nga để có thêm một đứa con lai.

Ít năm sau Hồ Chí Minh về nước, sống tại vùng rừng núi Cao Bằng và sinh hoạt tại đây cũng không thiếu đàn bà. Brocheux ghi lời của đại úy Pháp Desfourneaux là người từng có mặt bên Hồ Chí Minh lúc đó kể về một buổi Hồ Chí Minh tiếp đón nhóm sĩ quan đặc vụ Mỹ: "Trong cái trại có cả người Mỹ lẫn người Việt tụ tập thấy có 15 phụ nữ trẻ từ Hà Nội đến để liên hoan. Ông Hồ giới thiệu họ là những "cô gái giải trí chuyên nghiệp" (professional entertainers). Trước buổi liên hoan ông Hồ đã cho chuẩn bị sẵn một hợp chất gồm dược thảo và lộc nhung được coi là có dược tính khích dâm. Người Mỹ từ chối khi được mời tham dự buổi liên hoan".

Desfoureaux thuật lại "nhìn thấy trong ánh mắt ông Hồ như có một ngọn lửa lóe lên khi các nàng kiều nữ tới trại".

Ghi lại mẩu chuyện này, Brocheux thắc mắc "các cô giải trí chuyên nghiệp, thường được hiểu là biết nhảy, biết ca hát... Tại sao lại pha chế thuốc kích dâm (aphrodisiaques) trước khi liên hoan"?[13]

Năm 1942, Hồ Chí Minh rời căn cứ Cao Bằng trở qua Hoa Nam hơn hai năm. Trên đường trở lại Cao Bằng vào tháng 8/1944, Hồ Chí Minh lại có một phụ nữ cùng đi là Đỗ Thị Lạc và sau đó có cùng bà này một cô con gái.

Chỉ riêng với những trường hợp đã được ghi nhận rõ ràng, hơn hai mươi năm hoạt động đấu tranh của Hồ Chí Minh cũng là hơn hai mươi năm liên tục đắm chìm trong lạc thú yêu đương.

Nói như Bùi Tín, như Duiker, v.v., chuyện này chẳng có gì xấu. Nhưng trong lúc sống như vậy, Hồ Chí Minh lại dối gạt mọi người rằng mình là một lãnh tụ cách mạng thanh cao, đạo đức luôn khép mình trong cuộc đời khổ hạnh của một đấng chân tu, một vị Thánh.

Chính Bùi Tín từng nghĩ Hồ Chí Minh tự nhận là cha già dân tộc và xưng Bác với đồng bào trong đó có cả cụ già 70, 80 tuổi là không ổn... và cho là mỉa mai đến buồn cười khi Hồ Chí Minh ký tên khác để viết về bản thân mình, tự khen mình là vĩ đại hơn Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, tự nói về mình rằng: "Bác Hồ rất khiêm tốn, Người không bao giờ muốn nói đến bản thân ..."

Bùi Tín nêu một loạt tiêu chuẩn cho việc nhận diện Hồ Chí Minh là cần khách quan, công bằng, không nên dự đoán và suy diễn. Các tác giả như William Duiker, Halberstam, Douglas Pike, Sainteny, Bernard Fall... và hết thảy những người khác hẳn cũng nghĩ thế. Vấn đề là hết thảy có theo nổi đúng những tiêu chuẩn do chính mình đã nêu không?

Riêng với Bùi Tín chắc chắn là "không", qua lời phát biểu: "Cá nhân tôi kính trọng ông Hồ Chí Minh... Đây chính là con người thẳng thắn lương thiện (honnête), sống rất giản dị, yêu thích trẻ con và dễ gần gụi với những người hèn mọn nhất (humbles)... Tôi cực lực bác bỏ giả thuyết cho rằng đó chỉ là cái tài đóng kịch của ông."

Bởi vì, có thể gọi là người thẳng thắn, lương thiện không, khi người đó dùng mọi cách che giấu những hành vi thực của mình, thậm chí giả xưng nhà văn, nhà báo viết sách ca ngợi mình là anh hùng vĩ đại, là khiêm tốn, là cao thượng?

Có thể gọi người luôn tìm cách đẩy vợ vào bóng tối để trình diễn cuộc sống độc thân và rũ bỏ những đứa con của chính mình là người giản dị, yêu thích trẻ con không?

Có thể gọi người thản nhiên vô cảm trước hành vi sát nhân mà nạn nhân chính là kẻ đầu gối tay ấp với mình là người nhân ái, dễ gần gụi với những kẻ hèn mọn không?

Có thể gọi người nhân danh lý tưởng để lạm dụng quyền hành vào việc thỏa mãn những thú vui riêng của bản thân là người tận tụy hy sinh không?

Có thể gọi người ôm ấp phụ nữ trên giường giữa lúc khắp nơi dân chúng kêu khóc và máu của các đồng chí đang tuôn đổ là người lo trước dân, hưởng sau dân không?

Có thể gọi người luôn ngoảnh mặt làm ngơ trước những chuyện bất bình đau đớn bằng cách viện dẫn phải chiều theo một áp lực nào đó là người chí công vô tư không?

Và, có thể gọi một người làm tất cả những việc đó mà luôn xuất hiện trước đám đông với bộ mặt dịu dàng, cử chỉ âu yếm, lời lẽ ngọt ngào khuyên nhủ cần sống hợp đạo lý, cần hết lòng thương yêu kẻ khác là người không biết đóng kịch không?

Duiker, Halberstam, Douglas Pike, Bùi Tín vv... có thể kính trọng, ngưỡng mộ Hồ Chí Minh, chọn Hồ Chí Minh làm thần tượng không cần giải thích lý do.

Tuy nhiên, mọi câu trả lời khách quan cho những nghi vấn trên chỉ phác họa chân dung một kẻ luôn che giấu cuộc sống thực bằng những thủ đoạn trình diễn kiệt xuất như chính Douglas Pike và Halberstam đã nhìn nhận "... Hồ luôn luôn chứng tỏ là kẻ đại tài về xảo trá và tàn bạo".

Bùi Tín cũng đã kết án việc "vu khống chụp mũ, ám

sát, thủ tiêu những người lãnh đạo trốt-kýt như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch là ... một tội ác trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của dân tộc". Tuy Bùi Tín thận trọng ghi tội ác này là của những người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Đông Dương, nhưng lại xác nhận mọi việc khởi từ chỉ thị của Hồ Chí Minh, nhân danh thực hiện chủ nghĩa Stalin.

Không dễ tìm nổi mối tương đồng giữa kẻ chủ trương vu cáo, thủ tiêu những người yêu nước, phạm tội ác trong lịch sử đấu tranh với người nhân ái, có công đầu trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cũng không dễ tìm nổi mối tương đồng giữa kẻ xảo trá tàn bạo với người thẳng thắn lương thiện, giữa kẻ gạt bỏ tất cả những đứa con của mình và nhẫn tâm sát hại chính vợ mình với người giản dị, yêu thương con trẻ và người hèn mọn...

Càng khó tìm nổi mối tương đồng giữa kẻ đã nhúng tay vào tội ác và có cuộc sống riêng nhầy nhụa, lén lút nhưng luôn tô vẽ mình là anh hùng vĩ đại, đạo đức tuyệt vời, gương mẫu bậc nhất với người luôn thẳng thắn, không hề biết đóng kịch.

Nhiều người vì một lý do riêng nào đó đã cố gắng xóa lằn ranh giữa tàn bạo và nhân ái, giữa lương thiện và xảo trá, giữa giản dị và quanh co, giữa thẳng thắn và gian dối... nhưng đây là việc bất khả thi dù tốn hao công sức cỡ nào.

Lằn ranh kia sẽ tiếp tục tồn tại và tồn tại mãi mãi để phân biệt hai mặt thực tế và xác định ý hướng của mỗi con người trong cuộc sống.

Chọn lựa thẳng thắn hay gian dối, chọn lựa giản dị hay quanh co... nằm trong ý hướng và nỗ lực của mỗi con người được chứng minh bằng chính hành vi của con người đó.

Hành vi của Hồ Chí Minh đã chứng tỏ ý hướng và nỗ lực của ông nghiêng về phía nào, bất chấp mọi biện giải của những người khác ở xung quanh ra sao.

Cho nên, để nhận diện Hồ Chí Minh một cách khách quan và công bằng không thể dựa vào những biện giải mà chỉ có thể nhìn thẳng vào hành vi của chính Hồ Chí Minh.

Trên thực tế, Hồ Chí Minh từng có vợ, có con và có nhiều vợ, nhiều con từ tuổi ba mươi tới cuối đời. Đây là một thực tế không thể phủ nhận.

Suốt thời gian đó, Hồ Chí Minh luôn tránh né đề cập đến việc vợ con và năm 1967, khi Bernard Fall nêu câu hỏi về vấn đề này, chính Hồ Chí Minh đã cho rằng tất cả chỉ là tin đồn sai sự thực.[14] Đây cũng là một thực tế hiển nhiên.

Sự hiện diện song song của hai thực tế này đủ bài bác mọi lời biện giải khởi từ những dự đoán hay suy diễn mang tính chủ quan của mọi người.

Bùi Tín luôn kính trọng Hồ Chí Minh cũng không thể phủ nhận tiếng nói này của thực tế. Tuy nhiên, theo Bùi Tín, Hồ Chí Minh phải tuân hành ý Đảng.

Giả dụ cứ cho rằng ý nghĩ này không phải dự đoán và suy diễn để coi là thực tế thì lại gặp một thực tế ngược lại. Đó là sự có mặt của cuốn sách do chính Hồ Chí Minh giả xưng nhà báo Trần Dân Tiên để viết về mình với những dòng mở đầu: "Nhiều nhà văn, nhà báo Việt Nam và ngoại quốc muốn viết tiểu sử của vị Chủ Tịch nước Việt Nam

Dân Chủ Cộng Hòa nhưng mãi đến nay chưa có người nào thành công. Nguyên nhân rất giản đơn: Chủ Tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại thân thế mình".

Bùi Tín nói đây là điều mỉa mai đến buồn cười vì cảnh Hồ Chí Minh ngồi nắn nót hàng chữ trang trọng "Chủ Tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại thân thế".[15]

Nhưng đây mới chỉ là bước mở đầu cho những bước tiếp không còn buồn cười mà phải cười ra nước mắt khi hình dung chính Hồ Chí Minh đang viết những dòng sau: "Một người như Hồ Chủ Tịch của chúng ta, với đức khiêm nhường dường ấy và đương lúc bề bộn bao nhiêu công việc làm sao có thể kể lại cho tôi nghe bình sinh của người được."

Kiều Phong trong *Chân dung Bác Hồ* phát biểu: "Nếu bác tôn trọng lời bác nói thì cuốn sách... không bao giờ được viết ra vì từ ngày 4/9/1945 cho tới chết, có bao giờ hết cảnh 'rất nhiều đồng bào đang đói khổ' hay có khi nào bác hết 'những công việc cần kíp đâu.'[16]

Tất nhiên Hồ Chí Minh không tôn trọng lời nói của mình vì biết rõ mình đang nói dối và thấy nói dối là cần nên đã tiếp tục kể: "Khi Chủ Tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên mười lăm tuổi... đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào... đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào... đã tham gia công tác bí mật, nhận việc liên lạc... nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào, vì: Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương. Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi

Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau". Cụ Hoàng Hoa Thám trực tiếp chống Pháp, nhưng còn nặng cốt cách phong kiến. Anh thấy rõ và quyết định con đường nên đi..."

Hồ Chí Minh tả tiếp về mình vào ngày 2 tháng 9 năm 1945 sau khi đã chọn được con đường nên đi: "Ngày hôm đó, lần đầu tiên thủ đô Hà Nội được "mắt thấy" người con yêu quý nhất của dân tộc Việt Nam... Nhân dân nhận thấy Hồ Chủ Tịch giản dị, thân mật như một người cha hiền về với đám con... Quần chúng cảm thấy sâu sắc lòng thương yêu của một người Cha..."

Và, hình ảnh Hồ Chí Minh do Hồ Chí Minh giới thiệu trước công chúng như sau: "Nhân dân Việt Nam muôn người như một, nghe theo lời Hồ Chủ Tịch, vì họ hoàn toàn tin tưởng ở Hồ Chủ Tịch, họ hoàn toàn kính yêu Hồ Chủ Tịch. Không có gì so sánh được với lòng dân Việt Nam kính mến tin tưởng lãnh tụ Hồ Chí Minh... Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng yêu nước, yêu nhân dân... Hơn bốn mươi năm nay, Hồ Chủ Tịch chỉ đeo đuổi một mục đích giải phóng Tổ Quốc và đồng bào... Chủ Tịch đã từng chịu đựng khổ sở vất vả không thể tưởng tượng được suốt trong thời kỳ hoạt động bí mật... Nhưng Chủ Tịch dũng cảm và kiên quyết vượt qua mọi khó khăn. Chủ Tịch không bao giờ thay đổi, vẫn luôn luôn là một người yêu nước trong sạch và nhiệt tình... Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng hy sinh và lòng nhân từ của Người. Đúng như lời nói của Mặc Tử, nhà triết học Trung Quốc đời xưa: 'Nếu có lợi cho thiên hạ thì dù mình bị mài mòn từ gót đến đầu cũng vui lòng'... Chủ Tịch không bao

giờ nghĩ đến mình. Người chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến nhân dân. Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do tính cương trực và lòng trong sạch của Người. Thái độ của Người ngay thẳng... Vì Bác Hồ mà những người lao động trong nhà máy và trên đồng ruộng tăng thêm năng suất. Đối với nhi đồng, tên bác Hồ như là một người mẹ hiền. Chỉ nhắc đến tên Bác là các em trở nên ngoan ngoãn... Nhân dân gọi Chủ Tịch là Cha Già của Dân Tộc..."[17]

Kiều Phong nhận xét: "Hãy bỏ qua những câu chuyện dại dột, lố bịch... chỉ cần nhìn lại chính cái giây phút Bác ngồi nắn nót viết câu đó là thấy Bác man trá chừng nào. Đất nước còn nghèo, nhân dân còn đói, chiến tranh còn khốc liệt... con người 'chỉ nghĩ đến nhân dân' ấy lại tranh nghề của bọn văn nô, bỏ hết thời giờ tâm trí vào việc ngồi viết văn tự tâng bốc. Vào lúc người dân Việt đang thi đua gục ngã ở chiến trường theo sự hướng dẫn của Chủ Tịch thì vị 'cha già dân tộc' cứ say sưa bận rộn với sự nghiệp tự nâng bi. Có ông Cha già nào trên đời lại nhố nhăng, vị kỷ và bất nhân đến thế!" (18)

Thực ra phải nói không một người nào, dù chỉ đạt mức thẳng thắn và lương thiện tối thiểu, lại dám tự gán cho mình những mỹ hiệu tột đỉnh như "người con yêu quý nhất của Việt Nam, người cha hiền của quần chúng, người được toàn dân kính yêu không gì so sánh nổi, người sẵn sàng mài mòn từ gót đến đầu để mưu lợi ích cho thiên hạ, người dũng cảm, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn, người chịu đựng mọi gian khổ cùng cực, người cương trực, trong sạch và người được nhân dân gọi là Cha Già của Dân Tộc..."

Trong lịch sử nhân loại chắc chỉ duy nhất có một người hoàn hảo như vậy, một người mà danh hiệu Thánh Sống cũng chưa diễn tả hết những đức tính tuyệt vời.

Nhưng thực tế cuộc sống của người đó ra sao?

Mức gian khổ cùng cực được đưa ra là gì?

Phải chăng là vỏn vẹn hai lần bị bắt tại Trung Hoa vì lý do hoạt động cho Cộng Sản với không đầy ba năm tù và chưa từng bị đòn vọt?

Phải chăng là những năm tháng đóng vai nhà báo, đóng vai sĩ quan Trung Cộng... với nguồn tiền bạc do Đệ Tam Quốc Tế cung cấp đều đặn?

Phải chăng là những buổi liên hoan có cả thuốc kích dâm ngay giữa mật khu và ở đâu, lúc nào cũng không thiếu đàn bà bên cạnh? ...

Theo Bùi Tín, Nguyễn Tạo và cả Vũ Thư Hiên, Hồ Chí Minh ở vào thế không thể đi ngược ý muốn của tổ chức, cụ thể là do Đảng quyết định.

Đảng muốn biến Hồ Chí Minh thành "Thánh Sống" trước mắt dân chúng để trở thành "Cha Già Dân Tộc" và Hồ Chí Minh bắt buộc phải tuân theo.

Như vậy, tội xảo trá lừa gạt là tội của Đảng còn Hồ Chí Minh đã trở thành Thánh Sống, thành Cha Già Dân Tộc một cách bất đắc dĩ.

Nhưng cả Bùi Tín lẫn Vũ Thư Hiên đều thấy việc Hồ Chí Minh giả xưng nhà báo để viết hai cuốn sách về mình không do lệnh Đảng. Bùi Tín nghĩ là điều mỉa mai buồn cười còn Vũ Thư Hiên cho là hành động ngớ ngẩn thừa thãi.

Thực ra, người ngớ ngẩn đáng buồn cười không bao

giờ là Hồ Chí Minh. Chính Bùi Tín từng nói Hồ Chí Minh tuyệt đối tin tưởng ở đường lối và kinh nghiệm của Liên Xô với thái độ giáo điều, đã đi đầu trong việc mang chủ nghĩa Mác-Lênin được Stalin hóa vào Việt Nam.

Như vậy, hơn ai hết, Hồ Chí Minh ý thức rất rõ tầm vóc quan trọng của võ khí tuyên truyền, trong đó việc tạo dựng thần tượng là một yếu tố quyết định thành bại của nỗ lực đấu tranh.

Thần tượng tạo sức mạnh thu hút, đồng thời cũng tạo sức mạnh chi phối đối với quần chúng và dư luận. Để đạt mục tiêu này, thần tượng phải bao gồm mọi khía cạnh đáp ứng đúng nhu cầu tình thế và nguyện vọng quần chúng.

Trong hoàn cảnh toàn dân sôi sục nhiệt tình yêu nước, thần tượng không thể chỉ hiện ra như một nhân vật tài năng quán thế mà còn phải là biểu tượng tột cùng của tinh thần dân tộc.

Đây cũng là khía cạnh vô cùng quan trọng trong đòi hỏi của tình hình thế giới đang bắt đầu hình thành trận tuyến giữa tự do và cộng sản. Chính vì thế, mặc dù tự gán cho mình mọi màu sắc tuyệt vời, Hồ Chí Minh đã nỗ lực che giấu niềm tự hào cao nhất là tính chất Cộng Sản.

Hồ Chí Minh không hề ngớ ngẩn thừa thãi hoặc làm trò cười khi vùi lấp vóc dáng thực là Vị Thánh của Chủ Nghĩa Cộng Sản như Krutshchev đã mô tả để tự gán cho mình danh hiệu Cha Già Dân Tộc.

Danh hiệu này chính là võ khí cần thiết cho việc thu hút những người yêu nước, đặt tất cả dưới sự chi phối đồng thời vận động sự hỗ trợ trên khắp thế giới để tạo một thế trận dư luận bao vây cô lập mọi đối thủ.

Diễn trình cuộc chiến Việt Nam trước và sau 1954 đã nói lên thực tế này rất rõ ràng với không ít chứng liệu.

Hồ Chí Minh, như Bùi Tín diễn tả, là người đi đầu trong việc truyền bá lý tưởng Cộng Sản, là tín đồ nặng tinh thần giáo điều của chủ thuyết Stalin, nên không thể nhắm mục tiêu nào ngoài việc phát triển ảnh hưởng Cộng Sản để đi tới thiết lập nền chuyên chính vô sản trên toàn thế giới.

Nhưng đã không ít lần, Hồ Chí Minh cũng như các thủ hạ từng tuyên bố mình không hề là Cộng Sản, mục đích của mình chỉ là giải phóng dân tộc.

Luận điệu tuyên truyền này được phụ họa với dàn đồng ca xưng tụng thần tượng là Cha Già Dân Tộc cất lên không ngừng ở bất kỳ nơi nào đã tạo ảnh hưởng không nhỏ trong dư luận thế giới mà chứng tích đầy rẫy trong sách báo. Ảnh hưởng đó đã góp phần quyết định thắng lợi cho Cộng Sản trong mục tiêu giành quyền thống trị.

Tự phong là Cha Già Dân Tộc, Hồ Chí Minh không hề ngớ ngẩn mà đã mở ra một chiến dịch lớn trên mặt trận tuyên truyền tấn công thẳng vào dư luận cả trong lẫn ngoài nước để củng cố chiêu bài giải phóng dân tộc cho Đảng Cộng Sản theo đuổi mục tiêu độc chiếm quyền lực tại Việt Nam.

Tầm mức quan trọng đó khiến Hồ Chí Minh phải đích thân tự tô vẽ bức tranh thần tượng của mình thay vì trao cho thủ hạ. Cho tới nay, nhiều hình ảnh Hồ Chí Minh được giới thiệu ở khắp nơi đều rập theo khuôn mẫu do Hồ Chí Minh đưa ra từ đầu năm 1948 cho thấy ảnh hưởng của trận đánh tuyên truyền này sâu rộng tới mức nào.

Nhưng dù nhắm mục đích nào, lường gạt vẫn là lường gạt.

Hồ Chí Minh đã lường gạt quần chúng Việt Nam và lường gạt cả dư luận thế giới để giành thắng lợi cho Cộng Sản.

Biện giải để trút bỏ trách nhiệm lường gạt từ Hồ Chí Minh qua Đảng Cộng Sản Đông Dương là điều ngược với thực tế.

Bởi lẽ, Đảng trị chỉ là tên gọi khác của một kiểu mẫu chế độ độc tài mà trong đó lãnh tụ luôn nắm quyền uy tuyệt đối của một bạo chúa.

Bùi Tín đã nhìn về Đảng Cộng Sản Việt Nam như sau: "Đảng độc quyền lãnh đạo, không cho phe phái xuất hiện trong Đảng, giữ một khối thống nhất nguyên khối (monolithique) ... Đảng là nhà nước, đồng nhất với nhà nước, Đảng là luật pháp, coi thường luật pháp... Đảng và chính quyền là của một nhóm lãnh đạo, là của một lãnh tụ duy nhất".[19] Khi Đảng đã là thứ nằm dưới quyền sai xử của một lãnh tụ duy nhất thì có thể ban chỉ thị cho lãnh tụ chăng?

Nếu Đảng có đủ uy lực ép buộc Hồ Chí Minh phải làm ngược ý muốn chắc chắn Hồ Chí Minh đã không thể có cuộc sống hoang tàng như từng có.

Để diễn tả chính xác, chỉ có thể bảo Đảng chính là một công cụ vận dụng tối đa uy lực để phục vụ Hồ Chí Minh.

Trước hết, chính các cán bộ cao cấp của Đảng đã phải đi kiếm gái đẹp về cho Hồ Chí Minh. Trường hợp cô Xuân là một chứng minh và có thể kể thêm trường hợp bất thành với cô Nguyễn Thị Phương Mai tại Thanh Hóa.

Kế tiếp, chính các cán bộ cao cấp của Đảng phải cúi đầu nhận cái công việc đêm đêm lén lút đưa gái tới với Hồ Chí Minh.

Sau đó, cơ cấu chỉ đạo cao nhất của Đảng cùng các cơ quan viên chức Nhà Nước lại lên tiếng ca ngợi Hồ Chí Minh là ông Thánh Sống, là bậc chân tu đạo hạnh tuyệt vời để dối gạt dư luận. Hồ Chí Minh đã hóa thân thành Đảng và nhân danh Đảng để biến đồng chí thành một nhóm thủ hạ tận trung tới mức sẵn sàng làm mọi việc kể cả nhúng tay vào máu như trường hợp cô Xuân, khi phát giác thấy dấu hiệu đe dọa sự nguyên vẹn của tấm áo thần thánh mà Hồ Chí Minh đang mặc.

Chiếu theo thực tế, uy quyền của Hồ Chí Minh trong tương quan với Đảng Cộng Sản Việt Nam còn vượt khỏi phạm vi diễn tả của Bùi Tín.

Trước 1945, Đảng chỉ có tư cách một chi bộ độc lập trực thuộc Đệ Tam Quốc Tế mà Hồ Chí Minh là đại diện nên người ra chỉ thị cho Đảng, quyết định mọi đường đi nước bước của Đảng chính là Hồ Chí Minh.

Trong tương quan cá nhân, hết thảy tập thể lãnh đạo Đảng đều thuộc vai học trò của Hồ Chí Minh nên Hồ Chí Minh từng thoải mái tuyên bố là không ai có thể làm được điều gì nếu không có Hồ Chí Minh.

Kể từ 1945, khi Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo Đảng thì uy quyền trở nên tuyệt đối hơn. Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng... đều đã bày tỏ thái độ tuân phục triệt để trước Hồ Chí Minh mà chứng cớ cụ thể là lời lẽ phát biểu về lãnh tụ trong các tác phẩm viết nối tiếp sau tác phẩm của Hồ Chí Minh tự ca ngợi mình.

P.J Honey từng mô tả về uy quyền lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong Đảng và Nhà Nước ở Hà Nội: "Chỉ một mình ông quyết định những vấn đề chính trị cao cấp, còn những

kẻ khác, kể cả các ủy viên bộ chính trị, chỉ có việc chấp nhận và tuân hành mệnh lệnh của ông về các vấn đề liên quan".

Cho nên, không thể cho rằng Đảng ép buộc Hồ Chí Minh phải trở thành Thánh Sống.

Trên thực tế, chính Hồ Chí Minh đã chỉ đường vạch lối cho Đảng phải thần thánh hóa mình và còn vẽ ra cả hình thù của vị thánh Hồ Chí Minh. Bằng chứng về ý muốn này của Hồ Chí Minh đã hiện diện ngay trước mắt mọi người là 2 cuốn sách ký tên Trần Dân Tiên và T. Lan.

Dù 2 cuốn sách được viết ra bởi bất kỳ lý do nào thì vẫn chứa đựng ý của người viết muốn tô điểm mình thành một khuôn mẫu nhân vật do chính mình diễn tả bằng mọi thứ mỹ từ như anh hùng cứu nước, con yêu của đất nước, cha già dân tộc...

Khởi từ đây, Đảng đã tô vẽ cuộc đời đấu tranh không thiếu niềm vui của Hồ Chí Minh thành cuộc đời đầy gian lao khổ hạnh, đã làm mọi cách để vùi lấp những người đàn bà sống bên cạnh Hồ Chí Minh kể cả nhúng tay vào máu, đã phải đi từ khuyến dụ tới ép buộc mọi người dành riêng tiếng Bác để gọi Hồ Chí Minh và tô vẽ cho Hồ Chí Minh những màu sắc huy hoàng nhất bằng các màn trình diễn suy tôn Thánh Sống trong các buổi sinh hoạt với dân chúng trên toàn miền Bắc từ năm 1946.

Khi Hồ Chí Minh giả xưng nhà báo có tên Trần Dân Tiên tạo ra khuôn mẫu thần tượng cho bản thân mình thì toàn Đảng có nhiệm vụ phổ biến khuôn mẫu thần tượng này. Đảng chỉ tuân hành chỉ thị còn người chủ trương xảo trá, lừa gạt không là ai khác, ngoài Hồ Chí Minh, dù đã có những biện giải ra sao.

Với thực tế này, việc Hồ Chí Minh có tài đóng kịch đã trở thành rõ ràng. Bởi kẻ thiếu tài đóng kịch để che giấu chân tướng thì không lường gạt nổi ai.

Cho tới giờ này, sự kiện Hồ Chí Minh vẫn được Bùi Tín kính trọng vì cho là người lương thiện, vẫn được Sainteny nghĩ là người tin ở Chúa Jésus, vẫn được Nguyễn Tạo, Vũ Thư Hiên tội nghiệp do bị áp lực đến nỗi phải im lặng khi vợ mình bị thủ hạ sát hại và vẫn được nhiều người cho là nhà ái quốc vĩ đại hết lòng lo cho dân, cho nước... chứng tỏ Hồ Chí Minh không chỉ có tài đóng kịch mà còn là kịch sĩ kiệt xuất đã che mắt không chỉ một người mà nhiều người trong một thời gian dài.

Tài đóng kịch của Hồ Chí Minh có thể do thiên phú và phần khác do được rèn luyện về các kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng điệp báo...

Truy tầm nguồn gốc các kỹ năng này hoàn toàn không cần thiết bởi chủ điểm của vấn đề ở đây chỉ là Hồ Chí Minh có tài đóng kịch hay không. Chủ điểm đó đã có lời giải đáp qua thực tế con người hai mặt không thể phủ nhận của Hồ Chí Minh với đủ loại huyền thoại.

Dù sao, công bình mà nói phải nhận là về phương diện này Hồ Chí Minh đã chứng tỏ tài trí hơn người. Cứ tưởng tượng một diễn viên điện ảnh hay một điệp viên quốc tế đã phải tốn biết bao công phu rèn luyện mới leo lên đến bậc siêu sao hay điệp viên thượng thặng. Thế mà Hồ Chí Minh, ngoài cái tài xuất chúng về tuyên truyền chẳng khác gì một nhạc trưởng của dàn nhạc giao hưởng, ông còn có tài "đóng kịch" một cách kiệt xuất, đến nỗi những kẻ gần bên ông như Bùi Tín, hay những bậc thức giả như Bernard

Fall đã phải thốt lên: "Không phải kịch!" hay "Không thể nào đóng kịch tài đến thế trong suốt một thời gian dài đến thế!" Nhiều người đã đánh giá ông Hồ quá thấp khi bảo tuyên truyền chỉ là nói dối, ai làm không được. Hoặc đóng kịch chỉ là đánh lừa, cái tài của bọn gian manh!

Thực ra tuyên truyền chính trị là một khoa học, hơn nữa đồng thời cũng là một nghệ thuật mà người lãnh đạo mặt trận này được ví như nhạc trưởng tài ba vừa thông thạo nhạc lý, vừa có khả năng sử dụng một cách điêu luyện nhiều nhạc cụ, lại có uy tín đủ để tập hợp được một tập thể nhạc công có tài... Và nghề điệp báo hay diễn viên điện ảnh cũng là cả một khoa học phức tạp không có tài thiên phú khó mà thành công. Cho nên phải nhìn nhận Hồ Chí Minh đã phải có chí lớn, có một lý tưởng mà ông tôn thờ, say mê nhắm tới mới có thể bền chí khổ công rèn luyện mà thành. Chỉ tiếc rằng lý tưởng của ông là ảo tưởng (của chủ nghĩa Mác-Lênin), và cái tài của ông đã được xử dụng để đánh lừa và nhấn chìm cả một dân tộc vào cảnh máu lửa triền miên.

Hồ Chí Minh đã có hàng trăm huyền thoại về cười, khóc, về cung cách thân mật, về lời lẽ ngọt ngào, về hành vi nhân ái... Giữa những huyền thoại đó, huyền thoại về đôi dép râu được nhắc lại không biết bao nhiêu lần như một chứng liệu về nếp sống giản dị và sự quên mình của Hồ Chí Minh.

Theo lời kể, Hồ Chí Minh gần như không khi nào rời đôi dép râu, kể cả khi đón tiếp quốc khách quan trọng như Mao Trạch Đông. Chuyện kể ngụ ý Hồ Chí Minh có tính tình giản dị và luôn tiết kiệm, nhất là có xu hướng gần gũi với người nghèo khổ.

Sau năm 2000 Lữ Phương còn say sưa kể lại chuyện này để đề cao lãnh tụ: "Bác Hồ đi dép râu thì ai cũng biết. Bác đi một đôi dép đến mòn lẳn. Cậu bảo vệ để nghị Bác thay nhiều lần nhưng Bác nhất định không chịu. Cuối cùng nài nỉ mãi không được, cậu phải lấy lén đôi dép ấy đi đổi. Khi phát hiện, Bác không vừa lòng và nhất quyết bắt cậu bảo vệ đi lấy lại đôi dép cũ."[20]

Nhưng Hồ Chí Minh trung thành với đôi dép râu tới mức đó chưa hẳn do ý hướng như người kể muốn nhắc.

Trên thực tế, chuyện đã gợi nhớ lời kể của Võ Nguyên Giáp: "Bác chỉ định mấy đồng chí cùng đi. Thấy một đồng chí mang dép, Bác bảo về nhà thay giày. Bác nói: Khi nào gặp "người ta", tôi ăn mặc thế nào cứ mặc tôi, nhưng các chú thì phải cho tề chỉnh".

Lời kể này diễn tả khá đầy đủ ý nghĩa việc Hồ Chí Minh nằng nặc đòi lại đôi dép cũ và đã phản ảnh sự việc không hề do bản tính tự nhiên mà có chủ ý rõ rệt. Mấy câu thơ của Nguyễn Chí Thiện trong Hoa Địa Ngục có lẽ cũng bắt nguồn từ giai thoại về đôi dép này:

Chân đi dép lốp
Mồm đốt đôla
Bác Hồ chúng ta
Kịch gia xuất sắc.

Phía sau con người thánh thiện Hồ Chí Minh đã hiển hiện một con người đúng như Olivier Todd diễn tả là dù "chết hay sống, chúng ta không có quyền nhìn quá lâu, hoặc quá gần".[21]

October 03, 2005

Chú thích

1 *Những năm tháng không thể nào quên*, Võ Nguyên Giáp, tr. 76.

2 Về những đoạn trích dẫn, xin đọc thêm những chương về những tác giả liên hệ.

3-11-19 *Mặt Thật*, Thành Tín, tr. 91, 91-92, 98-99.

4-12-13 *Hồ Chí Minh*, Pierre Brocheux, Presses de Sciences PO, Paris 2000, tr. 104, 105-106

5 Vũ Thư Hiên chỉ ghi tên Xuân không xác định họ. Nguyễn Minh Cần ghi họ Nguyễn trong khi nhiều tài liệu khác ghi họ Nông.

6 Nguyễn Tạo nguyên Phó Tổng Giám Đốc Nha Công An thời Lê Giản làm Tổng Giám Đốc cho tới cuối năm 1954 Nha này biến thành Bộ Công An do Trần Quốc Hoàn làm Bộ Trưởng mới chuyển qua làm Thứ Trưởng Lâm Nghiệp.

7-10 Đêm *giữa ban ngày*, Văn Nghệ, Cali 1997, tr. 605- 609, Phần phụ lục, tr. I-VII

8 Thế kỷ 21 số 96. Cali, tháng 4-1997 - Nguyễn Minh Cần: Thêm vài mẩu chuyện về cuộc đời của Hồ Chí Minh.

9 Sau khi cô Xuân bị giết, đứa con được giao cho Nguyễn Lương Bằng nuôi tới khoảng 1961-1962 gửi cho Chu Văn Tấn, tới 1969 khi Hồ Chí Minh chết, được giao cho Vũ Kỳ nhận làm con nuôi, đổi tên là Vũ Trung.

14 Xin coi thêm chương về Bernard Fall và tác phẩm *Ho Chi Minh on Revolution*.

15 Tác giả Kiều Phong châm biếm: "Không muốn nhắc mà lại tự mình ngồi viết cả một cuốn sách bốc thơm mình..." "Không" cái kiểu ấy hơi lạ. Đáng lẽ phải viết: "Chủ tịch Hồ Chí Minh không muốn đứa khác viết về thân thế của Người. Chính người phải tự viết lấy, tự ca tụng mình thì mới đã đời", *Chân Dung Bác Hồ*, Cali 1989, tr. 87.

16-18 *Chân Dung Bác Hồ*, Kiều Phong, Cali 1989, tr. 20 và 137.

17 Xin đọc thêm chương 8 về *Những mẩu chuyện trong* đời *hoạt* động *của Hồ Chủ Tịch*.

20 *Huyền Thoại Hồ Chí Minh*, Lữ Phương, đăng trên nhiều báo ở Mỹ, tháng 10-2001.

21 Xin coi thêm chương về Nhóm Đường Mới, phần nói về Olivier Todd.

Chương 50
HỒ CHÍ MINH và Tito Việt Nam?

Không chỉ riêng Neil Sheehan trưng dẫn ý kiến của nhà ngoại giao George Tabbott để cho rằng nếu các chính quyền Mỹ đừng ruồng rẫy Hồ Chí Minh thì ông ta đã có thể thành một thứ Tito của Việt Nam và như vậy đã tránh được chiến tranh.

Nhiều sử gia khác như Joseph Buttinger, Robert Shaplen, Stanley Karnow... cũng khẳng định tương tự.

Hai nhân vật này có gì giống nhau và khác nhau?

Hoàn cảnh hai đảng, hai nước cộng sản Nam Tư -Việt Nam như thế nào?

Và điều được các sử gia nói gần gũi ra sao với sự thật?

Josip Broz Tito sinh năm 1892 trẻ hơn Hồ Chí Minh 1 hoặc 2 tuổi[1] và mất năm 1980, sau Hồ Chí Minh 11 năm.

Tito được đào tạo tại Liên Xô, đã sống tại đây khoảng 7 năm. Hồ Chí Minh cũng được đào tạo tại Liên Xô và sống ở đây khoảng 5 năm.

Cả hai đều là lãnh tụ cộng sản, đến khi chết vẫn hãnh diện là đồ đệ trung kiên của Mác - Lênin.

Cả hai đều tàn sát những người khác chính kiến, đều áp dụng nguyên lý duy vật biện chứng trong cách hành xử, giành quyền bính bằng mọi giá.

Cả hai đều đề cao lý tưởng cách mạng vô sản, đều cổ võ tiến tới vô sản chuyên chính, lấy đó làm cứu cánh biện minh cho mọi hành động.

Trên thực tế, sau khi cả hai nắm được quyền lực, giai cấp vô sản tại cả hai quốc gia Nam Tư - Việt Nam lại bị thiệt thòi hơn hết.

Điểm khác biệt thứ nhất là Tito nhờ tách khỏi khối Cộng Sản Liên Xô nên được Tây phương viện trợ dồi dào khiến người dân Nam Tư có một chút tự do hơn, đỡ đói khổ hơn so với người dân Việt Nam. Điểm khác biệt thứ hai là Nam Tư không phải trải một cuộc chiến kéo dài ba mươi năm như Việt Nam.

Theo các sử gia trên, nếu Hồ Chí Minh trở thành Tito Việt Nam thì điểm khác biệt thứ hai chắc chắn không xẩy ra, tức là người dân Việt Nam không phải trải cảnh máu lửa, đồng thời các quốc gia Tây Phương như Pháp, đặc biệt là Mỹ không vướng vào chiến tranh như đã vướng.

Trở ngại lớn nhất khiến Hồ Chí Minh không thể biến thành Tito Việt Nam, theo các sử gia trên, là do các chính quyền Mỹ từ chối lời cầu thân của Hồ Chí Minh được đưa ra vào năm 1945. Sự từ chối khiến Hồ Chí Minh không còn chọn lựa nào khác ngoài việc chấp nhận dựa vào Liên Xô - Trung Cộng trong khi Mỹ theo đuổi đường lối ngăn chặn sự bành trướng ảnh hưởng Cộng Sản trên thế giới.

Lập luận này nêu hai lý do trực tiếp đưa đến cuộc chiến Việt Nam: thứ nhất là nguyện vọng giải phóng dân tộc do Mặt Trận Việt Minh theo đuổi và thứ hai là mục tiêu chống Cộng của các chính quyền Mỹ.

Do mục tiêu chống Cộng, các chính quyền Mỹ đã hỗ trợ Pháp trở lại Việt Nam và do mục tiêu giải phóng dân tộc, Mặt Trận Việt Minh đã phát động kháng chiến với hậu quả kéo dài tới mãi năm 1975.

Những người nêu lập luận cho rằng cả hai lý do trên đều không xẩy ra nếu các chính quyền Mỹ chấp nhận lời cầu thân của Hồ Chí Minh. Bởi, trong trường hợp này, Pháp không có sự hỗ trợ của Mỹ sẽ phải tôn trọng nền độc lập của Việt Nam và Hồ Chí Minh được Mỹ nhận là đồng minh sẽ tách khỏi khối Cộng Sản, như Tito năm 1948.

Như thế, cả lý do giải phóng dân tộc lẫn lý do chống Cộng đều đã giải trừ và cuộc chiến Việt Nam không thể bùng nổ.

Robert Shaplen viết: "... *Pháp và Mỹ, nhất là những nhà làm chính sách ở Paris, đã sai lầm lớn khi không thương lượng với Hồ Chí Minh một cách thực tiễn hơn trong những năm 1945-46 là lúc ông ta rất có thể đã được biến thành Titô (Titofied), ngay trước khi chưa nghe ai nói đến Titô hay "chủ nghĩa Titô" (Titoism); và như vậy một loạt biến cố đã có thể khác đi và đã tránh được nhiều máu đổ; và ngày nay đã có được một nước Việt Nam thống nhất; ngay cả nếu có bị lãnh đạo bởi phe tả, thì vẫn trở thành bức tường ngăn chặn của khối quốc gia trung lập ở Đông Nam Á là những nước đang muốn tránh bị Trung Cộng thống trị*".[2]

Xóa bỏ các biến cố đã xẩy ra để thay thế bằng các biến

cố giả tượng là việc làm hoàn toàn vô nghĩa, nhất là trong trường hợp sự giả tưởng chỉ theo suy diễn chủ quan dựa trên nền tảng là những sự việc vụn vặt mơ hồ được cố tình gán ghép một ý nghĩa nào đó.

Thực khó nghĩ là đang đối diện với một người nghiêm túc khi nghe người đó xác quyết chắc chắn tránh khỏi cuộc chiến Việt Nam, nếu chính quyền Mỹ hiểu như anh trung úy John nào đó rằng Hồ Chí Minh là người *dịu ngọt kinh khủng, rằng Hồ Chí Minh từng viết thư cho tướng Trương Phát Khuê của Trung Hoa Dân Quốc hứa sẽ giúp tổ chức mạng lưới tình báo ở Đông Dương và rằng từng có vài người Mỹ nghĩ ông ta sẵn sàng đứng về phe Tây Phương...*

Nhưng theo các tác giả Shaplen, Buttinger, Lacouture, Neil Sheehan... đây chính là những chứng liệu bằng vàng cho thấy lịch sử bắt buộc phải xoay chiều nếu giới lãnh đạo Mỹ không *quá ngu* để nhìn ra vào năm 1945!

Buttinger còn quả quyết: "*Tôi có thể đi xa hơn nữa để nói rằng vì những lý do thúc bách của lịch sử, Hồ Chí Minh đã trở thành một người theo chủ nghĩa Titô hơn cả chính Titô*".

Những chứng liệu bằng vàng này cùng lập luận về *lịch sử xoay chiều* kể trên khó tránh dẫn đến những nụ cười dành cho một trình độ nhận thức chính trị mang nặng tính hài hước.

Tuy nhiên, cứ giả dụ Buttinger và các tác giả trên hoàn toàn có lý và cứ giả dụ các chính quyền Mỹ biết rõ Hồ Chí Minh là người *dịu ngọt kinh khủng* và bắt tay với ông ta thì thực tế Việt Nam sẽ ra sao?

Năm 1985, nữ học giả Anh, Nora Beloff viết tác phẩm ***Tito's Flawed Legacy - Di sản có tỳ vết của Titô,***[3] sau

nhiều năm lui tới nghiên cứu tại chỗ về Nam Tư đã có một số ghi nhận đáng lưu ý, đại để như Ti Tô không đánh phát xít Đức bằng đánh phe quốc gia thân Tây Phương, trong đó có cộng đồng người Chetniks[4] mà lãnh tụ là nhà ái quốc Mihaelovic. Nhân vật này không tìm cách trốn ra ngoại quốc, sau khi cộng sản toàn thắng ở Nam Tư, ở lại tìm cách quy tụ người Serb chống Cộng. Ông bị bắt trong rừng, bị kết tội phản quốc và xử tử ngày 17/7/1947.[5]

Nữ tác giả Nora Beloff khẳng định Tito không phải nhà ái quốc. Ông ta luôn luôn đặt quyền lực và chủ nghĩa cộng sản trên tổ quốc. Nora Beloff cũng chê Churchill và Roosevelt ngây thơ, dễ tin khi xử trí với Tito, vì Tito theo đúng con đường của Stalin là độc đảng, độc tài, diệt đối lập, kể cả đồng chí như Djilas chẳng hạn. Tác giả nhắc lại lời Stalin khen tặng Tito sau thế chiến II về sự tàn bạo đối với phe đối lập: "*Tito là ngọn tháp của sức mạnh. Ông ta đã quét sạch bọn chúng*".[6] Theo Nora Beloff, không nên nhìn Nam Tư qua màu kính hồng mà nên ủng hộ những ý kiến tiến bộ đang nảy nở trên đất nước này, tức là sau khi chế độ Cộng Sản sụp đổ tại đây.

Tito trở nên nổi tiếng và có danh từ chủ nghĩa Tito chỉ do quyết định tách khỏi tổ chức quốc tế Cộng Sản, không chịu đặt dưới sự lãnh đạo của Đệ Tam Quốc Tế từ tháng 6-1948 (lúc ấy không còn mang tên Comintern mà trở thành Cominform - Phòng Thông Tin Quốc Tế Cộng Sản).

Hành động này rõ ràng xác định thế tự chủ, chống lại sự chi phối của Liên Xô nên được Tây Phương hỗ trợ. Nhờ vị trí Nam Tư ở giữa nhiều quốc gia thuộc khối Tây Phương như Ý, Áo, Hy Lạp và được Mỹ, Anh ủng hộ nên

Stalin không đàn áp nổi phong trào ly khai này. Đây là trường hợp ly khai thành công duy nhất trong khối Cộng Sản Đông Âu.

Tito thành công trong việc thoát khỏi vòng kiềm tỏa Liên Xô và được báo chí thế giới lấy tên đặt tên cho một chủ thuyết chính trị mới là chủ nghĩa Tito.

Nhưng chủ nghĩa Tito là gì, đã mang lại gì cho đời sống của đất nước Nam Tư?

Nữ tác giả Nora Beloff xác định đó chỉ là con đường độc đảng, độc tài, diệt đối lập bất kể đồng chí hay người yêu nước, rập khuôn đúng chủ thuyết Stalin tàn bạo.

Điều mà Nora Beloff nêu lên đã được Milovan Djilas, nhân vật lãnh đạo thứ hai của Nam Tư sau Tito nêu lên từ cuối thập niên 1950.

Milovan Djilas là đồng chí kề cận, là bạn thân của Tito nhiều năm trong tranh đấu nhưng nhìn thấy Cộng Sản là một chủ nghĩa hoàn toàn không tưởng và cũng nhìn thấy Tito không thể từ bỏ chủ nghĩa Cộng Sản dù đã tách khỏi khối Cộng Sản Quốc Tế và được Tây Phương hỗ trợ.

Với vai trò phụ tá cho Tito, Milovan Djilas thấy rõ Tito vẫn tiếp tục là Cộng Sản và tiếp tục áp dụng chế độ Cộng Sản Mác - Lênin tại Nam Tư, bất chấp những hậu quả phản lại nguyện vọng nhân dân đồng thời di hại cho đất nước.

Theo Milovan Djilas, sở dĩ Tito bám lấy chủ nghĩa không tưởng này vì "*nó tạo nên quyền lực của lãnh tụ cũng như nó đòi hỏi điều kiện tiên quyết là một đảng có kỷ luật tuyệt đối và một lãnh tụ độc tôn.*"

Cho nên, dù ảnh hưởng viện trợ kinh tế Anh, Mỹ buộc Tito phải có một số nới lỏng trong chính sách cai trị so với

Liên Xô, chế độ ở Nam Tư vẫn hoàn toàn là chế độ "*chuyên chính vô sản*"- *dictatorship of the proletariat*, nghĩa là chế độ độc tài toàn diện[7].

Các nhân vật đối lập vẫn bị bỏ tù, bị sát hại. Mọi mầm mống dân chủ hóa đều bị triệt tiêu. Tình trạng này không được miễn trừ ngay với Milovan Djilas, khi nhân vật này cho phổ biến tác phẩm ***Giai cấp mới*** năm 1957 mô tả tình trạng bất công trong xã hội Nam Tư, vì chế độ chính trị đã tạo ra một giai cấp đặc quyền đặc lợi, mặc tình tác oai, tác quái những lạm, hà hiếp quần chúng để thâu đoạt lợi lộc cho bản thân.

Trên thực tế, Milovan Djilas không hô hào nổi dậy chống Tito, không kêu gọi lật đổ chế độ Cộng Sản. Milovan Djilas chỉ phân tích thực tế đời sống, nêu ra các mặt tệ hại không nên kéo dài để đề nghị tìm biện pháp cải tổ cần thiết hầu đem lại cho người dân những điều kiện dễ thở hơn đôi chút về cơm áo và tự do. Ngay lập tức, Milovan Djilas đã bị Tito lột hết quyền chức, tống vào nhà tù với tội danh "*theo chủ nghĩa xét lại*".

Riêng cái tên *tội danh chủ nghĩa xét* lại gán cho Milovan Djilas đủ cho thấy không có sự khác biệt giữa chủ nghĩa Tito với *chủ nghĩa Mác-Lênin,* vì dù mang tên nào chủ nghĩa đó cũng không rời con đường độc tài thống trị, đặt dân chúng vào cảnh sống không còn một quyền hạn tối thiểu, ngoài phận sự phục tùng mọi chỉ thị của kẻ cầm quyền.

Trong chế độ đó, đối tượng phụng sự không phải đất nước, không phải nhân dân mà chỉ là cá nhân lãnh tụ với một thiểu số nô bộc xung quanh.

Milovan Djilas gọi thiểu số này là *giai cấp mới*, dựa theo uy quyền tối cao của lãnh tụ vun quén một cuộc sống phè phỡn thừa mứa trong khi đại đa số nhân dân quật quã trong áp bức, đói rét. Đây là luận cứ để nữ tác giả Nora Beloff nói Tito không phải người yêu nước vì luôn đặt quyền lực và chủ nghĩa Cộng Sản lên trên hết.

Về điểm này, chắc chắn không cần sự chấp nhận kết giao của các chính quyền Mỹ, không cần sự thương lượng thực tiễn của người Pháp, Hồ Chí Minh đã biến thành Tito từ trước khi có chủ nghĩa Tito.

Tito và Hồ Chí Minh là hai lãnh tụ có cùng một tính chất, có cùng một lý tưởng và cùng được rèn rũa kỹ lưỡng theo một đường lối hành động từ cùng một lò đào tạo.

Tito kiên trì theo đuổi chủ nghĩa Cộng Sản với chủ trương giành đoạt và duy trì quyền lực độc tôn bằng mọi giá. Cho nên, dù được Tây Phương hỗ trợ thoát khỏi vòng kiềm tỏa của Liên Xô, Tito vẫn không rời chủ nghĩa Cộng Sản, tự phong là Tổng Thống trọn đời và tiếp tục củng cố địa vị bằng những biện pháp sắt máu bất kể hậu quả của những biện pháp này xô đẩy đời sống người dân Nam Tư vào cảnh ngộ bị đày đọa ra sao. Nói cách khác, Tito chỉ đam mê theo đuổi tham vọng cá nhân chứ không nghĩ đến quyền lợi của nhân dân Nam Tư.

Hồ Chí Minh không hề khác biệt Tito qua lời tán tụng của Krutshshev về sự tận tụy với chủ nghĩa Cộng Sản và qua thổ lộ của chính Hồ Chí Minh với Lucien Laurat : *"Tôi luôn đứng về phía quyền lực. Chỉ có bộ phận này mới có thể hậu thuẫn được cho tôi."*[8]

Thực tế Nam Tư qua diễn tả của Milovan Djilas và

Nora Beloff cũng không khác biệt với diễn tả của Michel Tauriac về thực tế Việt Nam -*một xã hội công an lúc nhúc như rắn rết, linh mục bị đàn áp, tăng sĩ bị tấn công, trẻ ăn xin đầy đường phố, giới trẻ không phương hướng, bắt giam người không cần xét xử, nhà văn bị cấm viết những gì cần viết, nhà báo nhận lệnh phải viết bất cứ thứ gì, quan chức tham ô nhét tiền đầy túi trong khi dân chúng luôn quần quại với cái bụng trống không*.[9]

Bùi Tín luôn kính trọng Hồ Chí Minh cũng thú nhận dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Việt Nam vắng bóng hẳn ba hạng người cần thiết cho đời sống là người phát triển kinh tế, người bảo vệ luật pháp và người thể hiện tự do.

Tất nhiên, sự vắng bóng ba loại người trên không do lịch sử thôi thúc, không do Pháp - Mỹ từ chối kết thân với Hồ Chí Minh mà chủ yếu khởi phát từ những biện pháp củng cố quyền lực của Hồ Chí Minh, tức từ nhu cầu thể hiện tham vọng cá nhân của lãnh tụ bao hàm trong chân lý mà lãnh tụ tôn thờ và đường lối hành động mà lãnh tụ chọn lựa.

Kết quả cụ thể là lãnh tụ trở thành thần thánh ngự trị trên ngai quyền lực còn quần chúng sống trong nghèo đói, bất công và áp chế.

Joseph Buttinger, Robert Shaplen, Stanley Karnow, Neil Sheehan... chê bai các chính quyền Pháp - Mỹ *quá ngu dốt* khăng khăng duy trì chính sách ngăn chống Cộng Sản đến nỗi bỏ lỡ cơ hội biến Hồ Chí Minh thành Tito đã cho thấy một khoảng trống trong kiến thức về Cộng Sản và về thực tế ở cả Việt Nam lẫn Nam Tư.

Vì trên thực tế, Hồ Chí Minh không khác Tito và chủ nghĩa Tito cũng chỉ là cái tên gọi khác của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được Stalin hóa.

Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành Tito từ trước năm 1948 và rõ ràng còn Tito hơn cả Tito như Buttingger từng mong ước.

Tito tách khỏi vòng chi phối của Liên Xô nhưng vẫn đối xử với những người khác chính kiến theo cung cách của Stalin. Trong cuốn ***Tito***[10], Milovan Djilas nhắc tới các trại tập trung nổi tiếng ở Goli Otok trong đó riêng số đảng viên bị giam giữ vì nghi ngờ phản đảng hay có khuynh hướng thân Liên Xô, còn luyến tiếc Phòng Thông Tin Quốc Tế Kominform đã có khoảng 15 ngàn người. Những người này thường xuyên bị tra tấn, có khi bị dúi đầu vào đống phân và khi được thả hầu hết không còn hình dạng người nữa.

Cảnh tù đầy không thiếu tại Việt Nam và đã được Tauriac lược thuật: "*70 hoặc 80 người bị nhét vào một xà lim dành cho 20 người với một cái lỗ đào dưới đất để tiểu tiện, một chút nước với chút gạo đỏ trộn sạn làm thức ăn, nước uống nhiễm độc và rất hiếm hoi, không thuốc men, không một tấm mền che gió bấc lạnh thấu xương ở vài vùng, không thư từ, không thăm viếng ... Việc lao động khổ sai bất kể tuổi tác (nhiều khi cải tạo già hơn 70 tuổi) dưới mặt trời thiêu đốt hay trong gió mùa khốc liệt ... Kẻ hành hạ "không cần nghe nạn nhân giải thích lý do hành động của mình, cũng không cần nêu bất kỳ lý do nào để cho nạn nhân biết tại sao họ bị giết" ... Cán bộ tuyên bố với tù nhân là mình được đào tạo để trừng trị cặn bã của xã hội tư bản bằng cách tận diệt chúng... Đảng đã ra lệnh như thế.*"[11]

Trong ***A Dragon Embattled***, Buttinger đã viết về việc Hồ Chí Minh thành lập Mặt Trận Liên Việt ngày 27-5-1946 như sau: *"Thực ra Liên Việt chẳng là gì khác hơn một thứ siêu Việt Minh. Kẻ nào từ chối không chịu tham gia Mặt Trận Liên Việt sẽ bị tố cáo là chống độc lập dân chủ và bị dán cho nhãn hiệu phản động, để có thể bị giết ..."*

Và, theo Buttinger, *"điều khiến ông Hồ vui là tay chân của ông đã tiêu diệt được những đảng phái thân Trung Hoa - tức các đảng quốc gia đối lập"*.

Vu cáo, tàn sát, giam giữ những người chống đối để củng cố quyền lực là hành vi quen thuộc của cả Tito lẫn Hồ Chí Minh không cần có điều kiện lịch sử thúc đẩy và không hề tùy thuộc thái độ của các nước Tây Phương.

Sự tương đồng giữa Tito và Hồ Chí Minh còn có trong cả đời sống cá nhân.

Theo Milovan Djilas, các bà vợ và tình nhân của Tito đều *"đẹp một cách lạ lùng"* và đều rất trẻ. Bà vợ đầu tiên kém Tito 9 tuổi, bà vợ thứ hai kém 12 tuổi, bà vợ thứ năm và cuối cùng kém 31 tuổi. Tất cả đều không được sống trọn đời với Tito. Ngay Jovanka Budisavljevic duyên dáng, đẹp tuyệt vời, kém Tito 31 tuổi, từng qua nhiều năm chăm sóc Tito với tư cách trợ lý, thư ký, bảo vệ... trước khi thành hôn, cũng bị Tito ruồng bỏ vào lúc ông đã ngoài 80 tuổi khiến không ai dám nhắc tới tên bà nữa.

Milovan Djilas vốn rất thân với Tito khi chưa ly khai và chưa bị bỏ tù nên biết nhiều về liên hệ gia đình của Tito, kể rằng khi Tito bị bệnh thập tử nhất sinh, bác sĩ Lavric đã tâm sự với Djilas là nếu không có Jovanka (lúc ấy còn vài năm nữa mới thành hôn với Tito) và một bà phước ở bên

cạnh để săn sóc bệnh nhân thì bác sĩ đã không dám tiến hành giải phẫu.

Jovanka yêu Tito đến độ tận tụy với nhiệm vụ như một bà phước, nhưng chẳng những bị Tito ruồng rẫy vào những năm cuối đời mà ngay khi mới lấy nhau cũng không được Tito đối xử một cách xứng đáng. Trong tác phẩm mang tựa đề ***Tito***, Djilas viết về cuộc hôn nhân này như sau: "*Cuộc hôn phối thật bất hạnh và tàn phá, đặc biệt đối với Jovanka. Bà không có cuộc sống riêng bên ngoài nhóm cận thần của Tito và công việc tẻ nhạt thường ngày theo nhiệm vụ của bà. Nhiều buổi tối khi chúng tôi đến thăm Tito, chúng tôi đã thấy bà phải ngồi ở lối đi của sảnh đường để canh chừng cùng với đoàn hộ tống của chồng cho đến khi Tito đi ngủ. Trong hoàn cảnh đó, sự thèm muốn và đố kỵ, sự ngờ vực từ phía những người xung quanh là điều không thể tránh. Sự thân mật giữa bà với Tito sẽ có thể bị giải thích bằng nhiều cách khác nhau, bất lợi và bất công cho bà, như: hám danh, bợ đỡ, hai lòng, đa dâm, lợi dụng sự cô đơn của Tito, tham lam. Đôi khi nhân viên an ninh, vì ác tâm hoặc nghi ngờ đã bắt bà phải ăn thử trước những món ăn mà bà nấu cho chồng với tất cả tình yêu của mình.*"[12]

Bà vợ thứ hai có một sắc đẹp quý phái trưởng giả, tên Harta Hass, kém Tito 12 tuổi, đã bị Tito ruồng rẫy để lấy bà thứ ba là Zdenka. Harta từng khóc nức nở trên vai Milovan Djilas khi nghe tin Tito bỏ bà để gắn bó với Zdenka.

Về mặt này hiển nhiên Hồ Chí Minh không thua kém Tito. Tăng Tuyết Minh cũng rất chung tình, đảm đang, chăm lo cho chồng nhưng chỉ được ở với chồng một thời gian ngắn. Khi Hồ Chí Minh thành công, trở thành Chủ

Tịch Nhà Nước đã tuyệt nhiên không nhớ tới cô nữa, dù nhiều lần cô gửi thư, nhờ cả tòa đại sứ Cộng Sản Việt Nam ở Bắc Kinh và các nhà lãnh đạo Trung Quốc can thiệp.

Rồi Nông Thị Xuân cũng rất đẹp, rất trẻ, kém Hồ Chí Minh trên 40 tuổi, có con với Hồ Chí Minh đã bị ruồng rẫy và hạ sát thê thảm. Những người khác như Nguyễn Thị Minh Khai, Đỗ Thị Lạc, v.v. dù đã có con với Hồ Chí Minh cũng bị đẩy ra xa kể như không quen biết.

Về phương diện này, Hồ Chí Minh khác với Tito là có nhiều mối tình và có số lượng phụ nữ ở bên cạnh đông hơn. Một điểm khác nữa là Tito xử sự tương đối công khai, không lén lút, giả đạo đức. Tito không che giấu chuyện tình cảm, không ra lệnh cho Đảng che giấu giùm để tạo huyền thoại hy sinh trọn đời cho cách mạng giải phóng dân tộc, quên hết tình cảm bản thân....

Giữa Tito và Hồ Chí Minh cũng còn một khác biệt trong đời sống riêng. Cả thế giới đều biết Tito rất thích ở nhà đẹp và sang trọng. Chỗ ở của Tito thường là những lâu đài vua chúa thời xưa. Tito còn bỏ công quỹ xây thêm một tư dinh vĩ đại theo kiểu tối tân. Riêng Hồ Chí Minh không chiếm Phủ Toàn Quyền cũ hay Tòa Khâm Sứ mà chỉ cho làm một ngôi nhà gỗ bên cạnh. Về căn nhà này, Hoàng Quốc Kỳ đã châm biếm, mỉa mai là tấn kịch giả dối vụng về với dụng ý tuyên truyền cho tính giản dị và gần gũi dân chúng. Dù sao, đây cũng là sự khác biệt của Hồ Chí Minh so với Tito.

Những khác biệt hoặc tương đồng về đời sống riêng tư chắc chắn không quan trọng đủ khiến có sự tiếc rẻ cho việc Pháp - Mỹ đã bỏ lỡ cơ hội biến Hồ Chí Minh thành Tito để xoay chiều lịch sử theo một hướng khác.

Thực ra, cơ hội đó thực sự có hay không?

Luận cứ thứ nhất do Jean Lacouture đưa ra để chứng minh cho cơ hội này là sự đặc biệt lưu tâm của Hồ Chí Minh tới nước Mỹ và chính trị Mỹ. Theo Jean Lacouture, Hồ Chí Minh từng tới Mỹ vào khoảng 1915-1916; từng gửi yêu sách 8 điểm cho hội nghị Versailles d o sáng kiến của Tổng Thống Mỹ Willson vào tháng 6-1919; từng giúp viên phi công Shaw của Mỹ bị rớt máy bay tại Cao Bằng cuối năm 1944 rồi sau đó cộng tác với toán đặc vụ tình báo Mỹ OSS tại Hoa Nam để được giúp đỡ về võ khí, từng trích Tuyên Ngôn Độc Lập Mỹ vào Tuyên Ngôn Độc Lập Việt Nam đọc ngày 2-9-1945; khi ở tù làm thơ từng nhắc đến tên ứng cử viên tổng thống Mỹ Wendell Willkie; từng nghiên cứu Tam Dân Chủ Nghĩa vì Tôn Dật Tiên nói đến Abraham Lincoln; từng lưu tâm tới chính sách chống thực dân của tổn g thống Mỹ Roosevelt và tại Hà Nội thời 1945-46 đã có một hội Hữu Nghị Việt Mỹ, đồng thời trên khắp phố phường luôn xuất hiện cờ Mỹ và nhiều biểu ngữ bằng tiếng Anh, chứ không có biểu ngữ nào bằng tiếng Pháp, tiếng Trung Hoa, hay tiếng Nga, v.v.

Có thể kể thêm hàng loạt những sự kiện loại này, nhưng nếu cho đây là bằng chứng cụ thể về sự thành tâm muốn kết thân với Mỹ, muốn trở thành đồng minh của Mỹ thì rõ ràng đã quá cường điệu hóa . Vì hết thảy đều vụn vặt và nặng tính cá nhân không đủ tầm vóc biểu hiện một chính sách quốc gia, thậm chí vô nghĩa, chẳng hạn việc Hồ Chí Minh từng đặt chân lên đất Mỹ, việc Hồ Chí Minh khi còn tham gia nhóm Phan Chu Trinh gửi yêu sách 8 điểm cho hội nghị Versailles, việc tương quan với nhóm tình báo

đặc vụ Mỹ tại Hoa Nam, một câu thơ viết trong tù hay cờ Mỹ tung bay tại Hà Nội... Các sự kiện này đã được gán cho cái ý nghĩa mà bản thân không đủ tầm vóc chứa đựng.

Luận cứ thứ hai được nhắc tới là bản tính dịu ngọt, mềm mỏng và ý hướng của Hồ Chí Minh muốn kết thân với Mỹ theo ghi nhận của một số nhân viên tình báo đặc vụ Mỹ OSS từng có mặt một thời gian tại vùng Việt Bắc, đặc biệt là thái độ thân hữu của các cán bộ lãnh đạo Mặt Trận Việt Minh biểu hiện bằng hành vi Võ Nguyên Giáp đã đứng nghiêm đưa nắm tay chào khi nghe cử bản quốc thiều Mỹ...

Nêu tính nết con người và cách xã giao giữa một số cá nhân để suy luận đã có cơ hội bằng vàng xoay chiều lịch sử là vấn đề cần xét lại về tính nghiêm túc.

Nhưng Duiker vẫn dựa theo đó và nêu thêm mấy lá thư Hồ Chí Minh nhờ gửi tới nhà cầm quyền Mỹ đương thời.

Lá thư thứ nhất viết đầu tháng 5-1945 nhờ thiếu tá Patti chuyển cho phái đoàn Mỹ tại Hội Nghị Liên Hiệp Quốc. Nội dung thư kêu gọi Hội Nghị trên ủng hộ nền độc lập của Việt Nam, ký tên Đảng Quốc Dân Đông Dương.

Lá thư thứ hai nhân danh Mặt Trận Việt Minh viết ngày 15-8-1945 gửi cho trung úy Mỹ tên John nhờ chuyển về Bộ Chỉ Huy của ông ta với nội dung như sau: "*Ủy Ban Dân Tộc Giải Phóng của Mặt Trận Việt Minh yêu cầu nhà cầm quyền Hoa Kỳ báo cho Liên Hiệp Quốc rằng chúng tôi đã đứng về phía Liên Hiệp Quốc chống lại bọn Nhật. Nay bọn Nhật đã đầu hàng. Chúng tôi yêu cầu Liên Hiệp Quốc thực hiện lời hứa long trọng của mình là tất cả các dân tộc đều được hưởng dân chủ và độc lập.*"[13]

Sau đó, từ 29 -9-1945 tới 16-2-1946, Hồ Chí Minh gửi thư 7 lần gồm 2 lần gửi Ngoại Trưởng James Byrnes và 5 lần gửi Tổng Thống Truman. Trong 7 lá thư này, 4 lá lập lại nội dung 2 lá thư nhờ các sĩ quan OSS chuyển và 3 lần gửi vào ngày 18-10-1945, 18/1/1946, 16/2/1946 còn gửi chung cho các nhà lãnh đạo Anh, Hoa, Nga.

Nội dung riêng biệt chỉ có trong 3 lá thư ngày 1-11-1945, 29-9-1945 và 9-11-1945.

Thư ngày 1-11-1945 gửi Ngoại Trưởng Mỹ James Byrnes, Hồ Chí Minh nhân danh chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đề nghị "*được gửi phái đoàn khoảng 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ để thiết lập quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ và xúc tiến việc nghiên cứu kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lãnh vực chuyên môn khác*".[14] Thư ngày 29-9-1945, gửi Tổng Thống Truman, Hồ Chí Minh ngỏ lời phân ưu về trường hợp trung tá OSS Mỹ Dewey bị hạ sát tại Sài Gòn ngày 26-9-1945.

Thư ngày 9/11/1945, gửi Tổng Thống Truman, Hồ Chí Minh tả về cảnh đói của dân chúng Việt Nam, xin được Mỹ viện trợ và giúp ngăn chặn quân Pháp trở lại Việt Nam. Lời yêu cầu giúp ngăn chặn quân Pháp cũng được Hồ Chí Minh gửi cho Tưởng Giới Thạch trong các lá thư khác.

Trong cùng thời điểm đó, theo ghi nhận của Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh vẫn không ngừng nhắc mọi người rằng "*Hồng Quân Trung Hoa mới là bạn của ta. Quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch chính là kẻ thù của nhân dân và cách mạng Trung Quốc, cũng là kẻ thù của nhân dân và cách mạng Việt Nam.*"[15]

Như vậy, những lá thư trên không dễ coi là bằng cớ cho ý muốn thành thực kết thân.Võ Nguyên Giáp cũng

nói rõ dụng tâm che giấu thực chất Cộng S ản trong thời gian này: "*Đầu tháng Chín, Bác ra mắt nhân dân với danh hiệu Chủ Tịch Hồ Chí Minh. Đó là một bí danh Bác đã dùng mấy năm trước để che mắt bọn Quốc Dân Đảng Trung Hoa. Những người cách mạng đã qua thời kỳ ẩn náu, lẩn tránh, về sống giữa đồng bào, nhưng mọi hoạt động của Đảng vẫn tiến hành theo phương thức bí mật ... Hầu hết đảng viên đều công tác dưới danh nghĩa cán bộ Việt Minh*"[16]

Vì thế, hai lá thư gửi tới các giới chức Mỹ qua sự chuyển giao của thiếu tá Patti và trung úy John đều nhấn mạnh mục tiêu tranh thủ độc lập cho dân tộc và còn ẩn danh dưới một đoàn thể không hề có mặt trên thực tế là Đảng Quốc Dân Đông Dương. Yếu tố thành tâm mà Duiker và nhiều người khác nhắc tới là điều hết sức đáng ngờ.

Nói về cùng sự kiện này, Bernard Fall cho rằng Hồ Chí Minh cố tình tỏ ra thân Mỹ chỉ với mục đích mong được tiếp trợ về võ khí và hư trương là được phe Đồng Minh công nhận hầu che kín thực chất Cộng Sản trong sự vận dụng chiêu bài giải phóng dân tộc đối với quần chúng và các phe phái chính trị đương thời.

Tiết lộ của Cựu Hoàng Bảo Đại vào đầu thập niên 1990 xác nhận quan điểm của Bernard Fall rất gần thực tế.

Trước khi qua đời, Cựu Hoàng Bảo Đại đã gián tiếp thú nhận mình lầm khi nói với một nhà báo về lý do thoái vị trao quyền cho Hồ Chí Minh như sau: " *Lúc ấy tôi chỉ biết Hồ Chí Minh có chí hướng quốc gia muốn mưu tìm độc lập, thống nhất cho Việt Nam. Hồ Chí Minh được giới thiệu như người cộng tác với Đồng Minh và được đại tá Patti trong tổ chức OSS ở Vân Nam của Mỹ ủng hộ.*"[17] Dù sao, tất cả đều trở thành việc đã rồi.

Tuy nhiên cứ giả dụ lịch sử thực sự xoay chiều khiến Hồ Chí Minh trở thành Tito Việt Nam thì có tránh được cái hậu quả thảm khốc cho nhân dân Việt Nam và cho cả thế giới như W.J. Duiker và một số tác giả khác đã nói không?

Điều kiện xoay chiều lịch sử được nêu ra chỉ đơn giản là Tổng Thống Truman chấp thuận ủng hộ Hồ Chí Minh. Có điều kiện này, Pháp không thể đưa quân trở lại Việt Nam khiến bùng nổ cuộc chiến 1945-1954 và Việt Nam hoàn toàn độc lập thống nhất, nằm ngoài vòng chi phối của Liên Xô nên Mỹ không cần đưa quân tới chống Cộng Sản kéo dài cuộc chiến thêm 20 năm. Nền tảng của xác quyết này hết sức mong manh vì chỉ là sự phán đoán về thái độ của cả Pháp lẫn Hồ Chí Minh theo chủ quan.

Trên thực tế, sau khi Pétain chính thức đầu hàng Đức ngày 22/6/1940, ảnh hưởng Nhật bao trùm khắp Đông Dương nhưng chính quyền tại đây vẫn nằm trong tay Pháp.

Năm 1943, trước và sau cuộc đổ bộ Phi Châu của đồng minh, lực lượng kháng chiến Pháp do De Gaulle lãnh đạo đã có nhiều nỗ lực ngoại giao cùng các hành động chuẩn bị tiếp tục duy trì chủ quyền tại Đông Dương.

Ngày 8-12-1943, De Gaulle công bố chính sách đối với các quốc gia Đông Dương với lời hứa hẹn *"từng bước trao trả quyền tự trị"* cho vùng đất này, tuy nhiên lại lập Ủy Ban Hành Động Giải Phóng Đông Dương - *Comité d'Action pour la Libération de l'Indochine,* lập Lực Lượng Viễn Chinh Pháp ở Đông Dương - *Forces Expéditionnaires Francaises d'Extrême-Orient* và cử tướng Mordant làm Cao Ủy Đông Dương.

Suốt thời gian này, các giới lãnh đạo Mỹ thường chống lại quan điểm của De Gaulle về Đông Dương mà kết quả cụ thể là Hội Nghị Cairo tháng 11-1943 và đặc biệt là hội nghị

Postdam tháng 7/1945 không dành cho Pháp vai trò nào tại Đông Nam Á, dù ngày 24 /3/1945, De Gaulle đã công bố một số cải cách trong chính sách về Đông Dương với các điểm sau:

- Liên bang Đông Dương sẽ được thành lập bao gồm 5 xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Ai Lao, Cao Miên và nằm trong khối Liên Hiệp Pháp.

- Liên bang sẽ có một Quốc Hội do dân cử thông qua các cuộc đầu phiếu tự do và có quyền tự trị về kinh tế tài chính.

- Liên bang được lãnh đạo bởi một Chính Phủ với thành phần nhân sự gồm một nửa là người bản xứ, do một toàn quyền Pháp lãnh đạo. Pháp sẽ thay mặt cho liên bang trong các hoạt động ngoại giao.

- Liên bang sẽ được trao trả quyền tự trị chính trị sau một thời gian tùy thực tế.

Chính sách trên không được Mỹ tán thành nhưng De Gaulle tiếp tục đi tới. Ngày 15/8/1945, đô đốc D'Argenlieu được cử làm Cao Ủy Đông Dương thay tướng Mordant trong khi Bộ Quốc Phòng Pháp đưa một số đơn vị đang đóng tại Đức vào Lực Lượng Viễn Chinh Đông Dương.

Hai ngày sau, tướng Leclerc tới Ấn Độ trực tiếp vận động Anh giúp đỡ đưa một số đơn vị biệt kích Pháp đổ bộ Sài Gòn.

Ngày 24-8-1945, trong dịp chính thức viếng thăm Mỹ, De Gaulle tuyên bố thẳng tại Hoa Thịnh Đốn: "*Thế kỷ 20*

này là thế kỷ độc lập của mọi dân tộc kể cả các quốc gia thuộc địa, nhưng điều này chưa thể xẩy ra ngay tại Viễn Đông... Chính sách của Pháp đối với các xứ Đông Dương trong lúc này là phải xác lập chủ quyền tại đây".[18]

Kết quả là ngày 23-9-1945, chiến tranh Việt - Pháp bùng nổ tại Sài Gòn, trước khi Hồ Chí Minh gửi thư chính thức cho Bộ Ngoại Giao và Tổng Thống Mỹ.

Nếu Truman chấp nhận xiết tay Hồ Chí Minh thì cuộc chiến cũng đã mở màn và thực tế cho thấy cái xiết tay này khó có uy lực buộc Pháp thay đổi đường lối mà De Gaulle vạch ra từ mấy năm trước với những chuẩn bị ráo riết để sẵn sàng tiến hành. Bởi ngay khi đưa quân trở lại Đông Dương, De Gaulle vẫn phải chống chọi với thái độ phản đối của Mỹ và tỏ ra không hề nao núng.

Về phần Hồ Chí Minh sẽ có thái độ nào đối với Mỹ, có thực sự trở thành đồng minh của Mỹ và sẵn sàng tách khỏi khối Liên Xô không?

Sau khi Stalin tuyên bố giải tán Đệ Tam Quốc Tế, Tổng Bí Thư Trường Chinh đã đưa ra chỉ thị ngày15-7-1943: "*Vô luận trong tình thế nào, những người Cộng Sản Đông Dương cũng không được sao lãng việc tuyên truyền chủ nghĩa Cộng Sản và việc phát triển tổ chức Đảng... không được hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, coi thường nhiệm vụ Đảng hoặc làm lu mờ sứ mệnh thiêng liêng của giai cấp vô sản Đông Dương*"[19]

Trong lúc Hồ Chí Minh gửi thư tỏ ý muốn kết thân với Mỹ và tuyên bố giải tán Đảng, Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng tiếp tục đưa ra chỉ thị ngày 25-11-1945 nêu rõ: "*Kẻ thù cụ thể trước mắt lúc này là bọn phản động Pháp. Chúng chủ trương câu kết với đế quốc Mỹ và đế quốc Anh để bao vây Liên Xô*".

Đồng thời, đường lối tuyên truyền và ngoại giao của Đảng theo chỉ thị của Hồ Chí Minh là "*phải lợi dụng sự mâu thuẫn của Trung Hoa - Mỹ và Anh - Đờ Gôn*". Chính vì thế, Võ Nguyên Giáp không tiếc lời xỉ vả Nguyễn Tường Tam do chủ trương tìm sự giúp đỡ từ phía Mỹ. Vào lúc Hồ Chí Minh ve vuốt các quân nhân Mỹ có mặt ở Hà Nội, gửi thư tới giới lãnh đạo Mỹ thì Võ Nguyên Giáp kết án mọi xu hướng ngả về phía Mỹ: " *Những phần tử phản động của Việt Nam Quốc Dân Đảng trong chính phủ liên hiệp chủ trương nên tìm chỗ dựa ở Tưởng và Mỹ. Ngày 12 tháng Ba, Nguyễn Tường Tam tới Bộ Ngoại Giao nhận chức, tuyên bố: "Trung Hoa và Mỹ có nhiệm vụ duy trì nền hòa bình ở Viễn Đông". Y luôn luôn nhắc tới việc cần liên hệ với Mỹ, cần tranh thủ sự giúp đỡ của Mỹ..."*[20]

Nguyễn Tường Tam bị kết án vì thực sự muốn kết thân với Mỹ, trong khi đảng Cộng Sản Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh luôn coi Mỹ-Anh là đế quốc thù địch với Liên Xô và chỉ muốn khai thác tình thế đương thời để lợi dụng Mỹ thôi. Ý nghĩa thực của những diễn biến trên chỉ có thể ghi nhận như thế.

Cho nên Tưởng Vĩnh Kính từng nhận định: "*Hành động "liên kết với Mỹ" và "bài Hoa" của ông Hồ và Mặt Trận Việt Minh hoàn toàn đặt cơ sở trên nỗi thao thức về vấn đề sinh tồn và phát triển của bản thân họ", bởi Hồ Chí Minh luôn trung thành với điều đã ghi trong tác phẩm* ***Con Đường Kách Mệnh*** *: "Một là, nhiệm vụ cách mạng không phải vì một thiểu số người nào mà vì quảng đại giai cấp công nhân và quần chúng nông dân, do đó cần phải tổ chức quần chúng. Hai là, cách mạng tất yếu phải chịu sự chỉ huy của chủ nghĩa Mác Lênin.*

Ba là, cuộc vận động cách mạng ở mỗi quốc gia phải được kết hợp chặt chẽ với giai cấp vô sản quốc tế; công nhân và quần chúng nông dân phải phân biệt rõ giữa đệ tam và đệ tứ quốc tế."

Theo Tưởng Vĩnh Kính, mục đích tối hậu của Hồ Chí Minh là đoạt chính quyền để tiến hành cách mạng vô sản quốc tế nên nỗi thao thức chính yếu lúc đó không phải vấn đề *"có thể sớm đạt được một nền độc lập hay không"*, mà là vấn đề *"bản thân Việt Minh có thể đoạt thủ được chính quyền hay không..."*[21]

Khi đặt vấn đề Hồ Chí Minh là người quốc gia hay Cộng Sản, Bùi Tín cũng phát biểu: "*Thật ra ông Hồ Chí Minh ít có chính kiến riêng về đường lối chính trị. Đến tinh thần dân tộc trong tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin như ông Tito ở Nam Tư, ông Hồ cũng không có. Ông tuyệt đối tin ở đường lối và kinh nghiệm của Liên Xô, không một chút phê phán, với thái độ giáo điều*".[22]

Một người hoàn toàn tin tưởng ở Liên Xô như thế và với chủ trương, đường lối đã được thực tế biểu thị như thế hẳn khó sẵn sàng từ bỏ Liên Xô để trở thành đồng minh của Mỹ.

Thực ra, trường hợp Tito ngả về phía Tây Phương đã xẩy ra trong khung cảnh hoàn toàn khác với khung cảnh Việt Nam.

Tito lúc đó không được Stalin tin cậy và trở thành đối tượng cần loại trừ. Trong tình thế hiểm nghèo, Tito tách khỏi Cominform, thối thân của Comintern cũ, cả hai hoàn toàn do Liên xô chi phối. Sự hỗ trợ của Anh - Mỹ chỉ đơn giản là hành vi đáp ứng trước một thực tế hiển nhiên.

Với Hồ Chí Minh, sự việc chỉ nằm trong vòng dự đoán qua những lá thư hoàn toàn mập mờ trong khi các nguồn tin do Bộ Ngoại Giao Mỹ tiếp nhận không hề ngờ vực về tương quan giữa Hồ Chí Minh với Liên Xô.

Vì vậy, dù vẫn theo đuổi các nỗ lực ngoại giao nhằm thúc đẩy hai phía giải quyết vấn đề Đông Dương bằng thương thuyết, chính quyền Mỹ đã không thể hoàn toàn loại bỏ mối lo ngại Liên Xô sẽ mở một đầu cầu tại Đông Nam Á nên Mỹ không thể dứt khoát nghiêng về phía nào.

Các viên chức trong Đông Nam Á Sự Vụ của Bộ Ngoại Giao Mỹ như Moffat, Landon ngay từ những ngày đầu năm 1946 đã nhiều lần lui tới Sài Gòn, Hà Nội gặp gỡ D'Argenlieu và Hồ Chí Minh nhưng không tìm được điều kiện dung hòa.

Trở ngại lớn nhất là cả hai phía Pháp và Hồ Chí Minh đều có những dự tính nằm ngoài các vấn đề thường được nêu ra trong thương thuyết. Theo đánh giá của Bộ Ngoại Giao Mỹ, đặc biệt là của Phụ Tá Ngoại Trưởng Dean Acheson, Hồ Chí Minh liên hệ mật thiết với Mạc Tư Khoa và Diên An nên sẽ cố giữ thế toàn quyền hành động để tiến tới bành trướng ảnh hưởng Cộng Sản trong tương lai.

Ngược lại, Pháp luôn ngờ vực về sự thành thực của đối phương và cũng muốn tái lập chế độ bảo hộ. Thực ra, ngay từ thời điểm đó, việc kéo Hồ Chí Minh về phía Tây Phương đã được nghĩ tới qua ghi nhận của lãnh sự Mỹ Reed tại Sài Gòn trong báo cáo với Bộ Ngoại Giao Mỹ là *thái độ trung lập của Mỹ đối với vấn đề Đông Dương có thể khiến Hồ Chí Minh ngả về phía Liên Xô. Thông* báo ngày 16/12/1946 của Ngoại Trưởng Byrnes gửi các đại sứ Mỹ xác nhận mối liên

hệ chặt chẽ với Đệ Tam Quốc Tế của Hồ Chí Minh có thể coi như lời giải đáp.

Vấn đề có thể hiểu là *không làm được* chứ không phải bỏ lỡ *không chịu làm*.[23] Một điểm so sánh đáng kể khác giữa Hồ Chí Minh và Tito, là "*Tito tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin với tinh thần dân tộc*", như Bùi Tín đã nhận định, trong khi "*Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tín ngưỡng Cộng Sản*" theo mô tả của Krutshchev.

Hồ Chí Minh và Tito không hoàn toàn giống nhau về tương quan với Cộng Sản, tuy cả hai đều trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin và Stalin. Tito vận dụng chủ nghĩa Cộng Sản như một phương tiện củng cố quyền lực và giới hạn trong phạm vi một quốc gia còn Hồ Chí Minh say sưa với giấc mơ tiến tới nền chuyên chính vô sản trên toàn thế giới.

Trên thực tế, Hồ Chí Minh được người lãnh đạo tối cao là Stalin tin cậy còn Tito thì ngược lại. Vào lúc Tito cảm thấy tính mạng và địa vị bị đe dọa thì Hồ Chí Minh hoàn toàn thoải mái, nên giữa cảnh ngộ khó khăn của Việt Nam 1945 vẫn đặt nặng vấn đề bảo vệ Liên Xô qua lời Võ Nguyên Giáp: "*Kẻ thù cụ thể trước mắt lúc này là bọn phản động Pháp... câu kết với đế quốc Mỹ và đế quốc Anh để bao vây Liên Xô*".[24]

Trong nỗi thao thức của Hồ Chí Minh, Liên Xô lớn hơn Việt Nam và vấn đề đoạt thủ quyền lực cho đảng Cộng Sản lớn hơn nền độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh không nhìn Liên Xô như một quốc gia mà như một mục tiêu phụng sự. Đây không phải ý nghĩ chủ quan của Tưởng Vĩnh Kính mà là tiếng nói cất lên từ những diễn biến thực tế đã có.

Cho nên, Cộng Sản Việt Nam nguyền rủa Tito là "*phản bội để kiếm đô-la Mỹ*" và Hồ Chí Minh đã làm một việc hết sức bất thường là đả kích Tito liền ngay sau ngày 22-2-1950 là ngày Nam Tư công bố sẵn sàng lập bang giao với Việt Nam theo Hồ Chí Minh yêu cầu.

Trong cuốn ***Tito***[25], Vladimir Dedijer cho rằng việc Hồ Chí Minh yêu cầu Nam Tư công nhận Việt Nam chỉ là thủ đoạn của Liên Xô nhằm đẩy Tito vào thế khó khăn trong bang giao với Pháp, Mỹ do Hồ Chí Minh được lệnh thực hiện.

Liệu chỉ bằng một cử chỉ bắt tay thân thiện, Tổng Thống Mỹ Truman có thể biến đổi hoàn toàn con người Hồ Chí Minh như thế thành thù địch với Liên Xô như Tito không? Câu trả lời thuận tình nhất khó tránh là một câu phủ định.

Từ lời nói, từ việc làm, Hồ Chí Minh luôn chứng tỏ chỉ muốn lợi dụng Mỹ để tranh thủ các mục tiêu của mình như đã từng lợi dụng Trung Hoa Dân Quốc, lợi dụng các đảng phái quốc gia và lợi dụng chiêu bài giải phóng dân tộc.

Do đó, nếu Truman bắt tay Hồ Chí Minh thì cũng chỉ có nhiều triển vọng là thêm một nạn nhân sập bẫy, không hơn không kém. Trong trường hợp này, Hồ Chí Minh có thể dễ dàng hơn trong việc củng cố quyền hành cho bản thân và đảng Cộng Sản Đông Dương để mau chóng tiến hành "*nhiệm vụ quốc tế*" tại Đông Nam Á là quét sạch ảnh hưởng chủ nghĩa tư bản tại đây.

Như thế, có thể Mỹ sẽ phải đối đầu với một cuộc chiến khốc liệt hơn và Việt Nam còn có thể biến thành cuộc chiến toàn cầu gây chết chóc nhiều hơn nữa.

Nhưng cứ giả sử Hồ Chí Minh dám tách khỏi Liên Xô như Tito và Mỹ tránh được cuộc chiến tại Việt Nam thì nhân dân Việt Nam hiển nhiên vẫn phải sống dưới một chế độ độc tài sắt máu. Vì Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam cũng giống như Tito và "*Liên đoàn những người cộng sản Nam Tư*"[26] vẫn theo chủ nghĩa cộng sản, vẫn áp dụng chế độ độc đảng, vẫn tàn sát những người không chịu cúi đầu tuân phục...

Tổng thống trọn đời Tito đã đem lại cho đất nước Nam Tư cuộc sống đầy bất công và áp bức.

Thực tế Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh không khác bao nhiêu. Dù có cái bắt tay của Truman hay không, lịch sử vẫn đã xoay theo đúng hướng của nó.

Chú thích

[1] Theo tài liệu chính thức, Hồ Chí Minh sinh năm 1890. Nhưng cũng có những tài liệu khả tín khác nói Hồ Chí Minh tuổi con Mèo tức sinh năm Tân Mão, 1891. Riêng tài liệu hộ tịch của làng Kim Liên, theo sử gia Daniel Hemery, ghi Hồ Chí Minh sinh năm 1894.

[2] *The Lost Revolution*, Robert Shaplen - tr. 28.

[3] Nxb Westview Press, Colorado 1985.

[4] Thuộc chủng tộc Serb, trong khi Tito người gốc Croat.

[5] Trong thế chiến II, quân đội Chetniks (thuộc sắc dân Serbia) của Mihaelovic bị cộng quân tấn công tàn sát dữ quá, đã có lúc phải tạm dựa vào quân Đức, nhưng vẫn được quân Anh kháng Đức tiếp tế, yểm trợ.

[6] Theo Milovan Djilas trong cuốn *Tito*, Stalin nói câu này vào lúc khiển trách phái đoàn Ba Lan về sự do dự yếu kém của cộng đảng Ba Lan đối với phe đối lập. Một nhà ngoại giao rất trẻ thuộc đảng CS Ba Lan kể lại cho tác giả khi ngồi trên xe với ông, *SĐD tr. 39*.

[7] Chúng tôi không dùng từ "toàn trị" để dịch từ "totalitarian regime", vì nó không lột hết nghĩa chuyên chế, cực quyền mà còn có thể gây hiểu lầm là một chế độ cai trị tốt (toàn hảo, toàn thiện).

8 Theo Bùi Xuân Quang, xin đọc chương về Nhóm Đường Mới.

9 Bản dịch Anh ngữ xuất bản tại Hoa Kỳ 1980, tr. 71- 91

10-12 *Viêt Nam, le dossier noir du communisme*, Michel Tauriac, Bản Việt ngữ, tr.308, 45

11 SĐD tr. 144-145

13-14 *BNTS,* T. 2 tr. 228, 261, 57

15-16-20-24 *Những năm tháng không thể nào quên*, Võ Nguyên Giáp, tr. 30, 68-69, 19, 183

17 *Diễn Đàn Phụ Nữ*, tháng 9/1992 - Bài phỏng vấn của ký giả Phan Thế Trường.

18-19 *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, Dương Trung Quốc, tr. 417, 366

21 *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc,* Tưởng Vĩnh Kính , tr. 361

22 *Mặt thật*, Thành Tín, tr. 99

23 Nội dung thông báo của James Byrnes cho biết Hồ Chí Minh tương quan mật thiết với Liên Xô và hướng nhắm của Hồ Chí Minh trong " giai đoạn đầu là thực hiện một quốc gia độc lập rồi tiến tới Cộng Sản hóa "- Theo *Việt Nam niên biểu,* Chính Đạo, tr. 369

25 Nxb Simon and Schuster, New York 1953.

26 Danh xưng của cộng đảng Nam Tư kể từ sau đại hội 6 của đảng này vào năm 1952, 4 năm sau khi ly khai khối CS Liên Xô.

Chương 51
HỒ CHÍ MINH và vị đại anh hùng ái quốc?

Không một ai thắc mắc khi nghe nhắc Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... là những đại anh hùng cứu quốc hoặc Trần Bình Trọng, Lê Lai hay Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học... là những anh hùng dân tộc và Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... là những nhà cách mạng yêu nước.

Cũng không một ai thắc mắc khi các danh xưng trên không được dành cho nhiều nhân vật lịch sử lừng danh như Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung, Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Ánh...

Vấn đề không phản ảnh thái độ gán ghép chủ quan mà thể hiện sự đáp ứng trọn vẹn các tiêu chuẩn trong hàm nghĩa của ngôn từ. Hành vi và quyền lực của Trần Thủ Độ chưa dễ có người sánh nổi hoặc vượt qua, nhưng Trần Thủ Độ vẫn mãi mãi chỉ là Trần Thủ Độ. Trần Thủ Độ là nhân vật trung tâm gây dựng một triều đại lẫy lừng nhưng

lịch sử đã ghi nhận xu hướng mưu đồ cho một dòng họ và thủ đoạn tranh đoạt quyền hành bá đạo. Trần Thủ Độ đã thành công, đã chứng tỏ tầm vóc phi thường nhưng không phải anh hùng, cũng không phải người yêu nước.

Lịch sử không nghiệt ngã, thiên kiến nhưng công bằng.

Bởi danh hiệu anh hùng, yêu nước luôn bác bỏ việc đặt quyền lợi cá nhân hoặc phe phái cao hơn cuộc sống toàn dân và bác bỏ mọi hành vi đi ngược nhân tính. Ở các trường hợp trên, mọi tiêu chuẩn trong hàm nghĩa của ngôn từ đều được thực tế đáp ứng nên *danh chính khiến ngôn thuận*, và vì thế, không còn thắc mắc.

Trong trường hợp Hồ Chí Minh, việc phù hợp với danh hiệu nào không đơn giản. Tuy đều dựa vào nền tảng thực tế, mọi danh hiệu luôn có vẻ thiếu chính danh và tiếp tục khơi gợi những thắc mắc.

Người xưng tụng Hồ Chí Minh là anh hùng, yêu nước cũng như người kết tội Hồ Chí Minh là phản dân, hại nước đều có thể nêu chứng cớ và đều gặp chống đối.

Người xưng tụng dựa trước hết vào mục tiêu đoàn kết dân tộc chống xâm lăng, giải phóng đất nước của các tổ chức đấu tranh mà Hồ Chí Minh tham dự qua nhiều thời kỳ.

Kế tiếp, là lòng yêu nước và bản tính nhân hậu bẩm sinh được tô bồi từ thuở thơ ấu bởi cả hoàn cảnh gia đình lẫn xã hội đã sớm đặt Hồ Chí Minh vào sự chọn lựa ý hướng tự nguyện hy sinh, sống trọn đời gian khổ vì dân, vì nước.

Cuối cùng là thái độ sùng kính mà toàn dân dành cho Hồ Chí Minh thể hiện qua sự triệt để hưởng ứng mọi hành động của Hồ Chí Minh, qua danh hiệu *Cha già dân tộc* và qua tiếng gọi Bác thân thiết...

Những người khác phủ nhận mọi viện dẫn trên cho rằng tất cả chỉ là trò trình diễn lường gạt nhằm lôi cuốn quần chúng để khai thác cho tham vọng cá nhân và mục tiêu truyền bá ảnh hưởng Liên Xô tại vùng Đông Á là nhiệm vụ mà Hồ Chí Minh được Đệ Tam Quốc Tế giao phó.

Bởi, từ thập niên 1920, Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành *tín đồ Cộng Sản*,[1] đã dứt khoát chọn con đường cách mạng vô sản thế giới và chưa bao giờ tỏ một dấu hiệu nào cho thấy chỉ dựa vào Liên Xô như một phương tiện khai thác cho cuộc đấu tranh giải phóng đất nước.

Cho nên, Hồ Chí Minh từng bị dân chúng gọi là *Cáo Hồ, là Quỷ Vương,* Mặt Trận Việt Minh từng bị coi là tiêu biểu của dối trá qua tiếng Vẹm[2] phổ biến từ 1945...

Sự khác biệt như ngày với đêm, như nước với lửa bắt nguồn từ thực tế phức tạp của một giai đoạn lịch sử mà mỗi sự việc, mỗi biến cố, mỗi hành vi của các nhân vật đều có thể hiểu theo nhiều cách, tùy thế đứng, tùy trình độ và tùy cả cảm quan cá nhân. Nói một cách khác, thực tế đã trải nhiều uốn nắn cho phù hợp với những phát biểu mang nặng tính chủ quan thay vì được giới thiệu chính xác để tự phát biểu.

Sau ngót 7 năm xuôi ngược mưu sinh, cuối năm 1917, Hồ Chí Minh định cư tại Pháp và bắt đầu tham gia đấu tranh qua tổ chức Những Người Việt Nam Yêu Nước của Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường. Nhưng toàn bộ hoạt động của Hồ Chí Minh cho tới cuối năm 1920 hoàn toàn không đáng kể, ngoại trừ sự gia nhập Đảng Xã Hội Pháp theo thúc đẩy của Phan Văn Trường là người lúc đó có nhiều tương quan với tổ chức này.

Cuối tháng 12/1920, Hồ Chí Minh ngả theo nhóm đảng viên Xã Hội ly khai để một năm sau, cuối tháng 12/1921, có mặt trong số những người thành lập Đảng Cộng Sản Pháp rồi được cử sang Nga vào năm 1923.

Từ đây, Hồ Chí Minh mới thực sự bước vào đấu tranh với một quá trình hoạt động có thể phân thành 3 thời kỳ chủ yếu:

- Thời kỳ hoạt động giải phóng dân tộc 1924-1945.
- Thời kỳ cầm đầu lực lượng kháng chiến 1945-1954.
- Thời kỳ "chiếu cố miền Nam" từ 1954 tới cuối đời.

Thời kỳ hoạt động giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh khởi sự cuối năm 1924 tại Hoa Nam là vùng đất quy tụ người Việt Nam lưu vong đấu tranh chống thực dân Pháp

Từ đầu thập niên 1920, diễn biến chính trị tại Á Đông không thể rũ bỏ ảnh hưởng của cuộc chính biến tháng 11, 1917 tại Nga. Trong khung cảnh này, việc Lenin và đảng Cộng Sản Nga đoạt được quyền lãnh đạo đất nước có tác động hết sức lớn đối với hết thẩy người Việt Nam đang đấu tranh giành lại chủ quyền độc lập.

Câu hỏi đến với mọi người lúc đó không phải chủ nghĩa Cộng Sản ra sao mà chỉ đơn giản là người Nga có bí quyết gì để lật đổ nổi chế độ Nga hoàng?

Nguyện vọng đánh đuổi thực dân Pháp thúc đẩy tâm trạng nôn nóng muốn nắm ngay bí quyết này. Cho nên, năm 1920, Phan Bội Châu đã tìm gặp các viên chức Nga tại Bắc Kinh ngỏ ý nhờ giúp đỡ huấn luyện về kỹ thuật đấu tranh.

Phan Bội Châu không đạt ý muốn vì bị đặt trước đòi hỏi phải chấp nhận sự ràng buộc của Liên Xô.

Ảnh hưởng chính biến tại Nga cũng gây chấn động với giới lãnh đạo cuộc Cách Mạng Tân Hợi 1911 của Trung Hoa khiến lãnh tụ Tôn Dật Tiên đã chấp nhận dung nạp Cộng Sản Trung Quốc để liên kết với Nga qua việc ban bố chính sách *Liên Nga Dung Cộng*. Việc liên kết Liên Xô - Trung Hoa Dân Quốc dẫn tới sự xuất hiện phái bộ cố vấn Borodin tại Quảng Châu là lý do Hồ Chí Minh có mặt tại đây từ cuối tháng 11-1924 với cái tên Lý Thụy[3].

Sự có mặt của Hồ Chí Minh khiến Hoa Nam không còn là địa bàn hoạt động riêng của những người Việt Nam đấu tranh thuần túy cho mục tiêu giải phóng dân tộc mà bắt đầu có sự chen chân của Cộng Sản Quốc Tế với mục tiêu vận động giai cấp đấu tranh tiến tới chuyên chính vô sản thế giới.

Vì tuy là người Việt Nam, Hồ Chí Minh đã có mặt với tư cách một cán bộ Đệ Tam Quốc Tế để thực hiện các nhiệm vụ ghi rõ trong quyết định ngày 25/9/1924 dưới sự chỉ huy trực tiếp của các cán bộ thuộc Bộ Phương Đông Đệ Tam Quốc Tế như Hilaire Noulens, Serge Lefrank... và theo lời lẽ của Hồ Chí Minh qua bản báo cáo ngày 18/12/1924 khi bắt đầu có mặt tại đây: *"Trong lúc này, tôi là một người Trung Quốc chứ không phải là một người Việt Nam và tên tôi là Lý Thụy chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc"*.

Công việc trước mắt của Hồ Chí Minh cũng được ghi rõ trong một văn thư của Quốc Tế Nông Hội thuộc Đệ Tam Quốc Tế:

"Theo nghị quyết của đoàn chủ tịch ngày 31/7 (1925), đồng chí được phân công phụ trách không những phong trào của nông dân Trung Quốc mà còn của tất cả các thuộc địa

mà đồng chí có thể liên hệ được từ Quảng Châu, nghĩa là của Đông Dương, Miến Điện, Xiêm, Đài Loan và Nam Dương. Đồng chí đặt ngay liên lạc với những thuộc địa trên và tiến tới lập những nông hội ở đấy".

Thời gian này, Hồ Chí Minh thường xuyên báo cáo công tác của mình và nguyên văn một đoạn báo cáo gửi về Mạc Tư Khoa mùa hè 1926 như sau:

"*Từ khi tới đây tôi đã làm những việc sau đây cho Đông Dương:*

1. Lập một tổ chức bí mật.

2. Lập một hội nông dân (của những Việt Kiều sống ở Xiêm).

3. Lập một nhóm thiếu niên tiền phong Đông Dương, con cái công nông. Các cháu đang ở Quảng Châu do chúng tôi nuôi dậy.

4. Tổ chức một nhóm phụ nữ cách mạng (bắt đầu từ tháng tư, có khoảng 12 thành viên)

5. Lập một trường tuyên truyền..."

Bản báo cáo còn đề cập tới vấn đề tài chánh cung cấp bởi Đệ Tam Quốc Tế: "*Các chuyến đi dài ngày (khoảng 2 tuần) nguy hiểm và tốn kém nhiều mà phương tiện của chúng tôi lại ít ỏi (với tiền lương của tôi cộng với tiền lương của một trong số các đồng chí Liên Xô, công việc vẫn chưa chạy nhanh như mong muốn)...*"[4]

Không thể xóa bỏ nguồn cỗi Việt Nam, nhưng Hồ Chí Minh không còn coi mình là người Việt Nam như lời tự xác nhận vì đã chọn ý hướng phục vụ Đệ Tam Quốc Tế, được tổ chức này nuôi dưỡng và chỉ thị trong từng bước hành động.

Tuy nhiên để đạt hiệu quả trong thực tế, Hồ Chí Minh không thể công khai hóa tư cách Cộng Sản mà cần có bộ áo quốc gia che kín thân hình màu đỏ xẫm của mình tức không thể tách rời khỏi hàng ngũ người Việt Nam yêu nước.

Theo đúng chiến lược Lenin *"đường tới Paris phải qua Bắc Kinh"*, Liên Xô đặc biệt chú trọng việc bành trướng ảnh hưởng về phương Đông mà hầu hết các quốc gia đều mất quyền tự chủ nên đang sôi sục nguyện vọng giải phóng dân tộc.

Lenin đã đề ra sách lược liên minh qua chính sách mặt trận dân tộc với lời nhắc nhở: *"Thắng lợi của cách mạng thế giới sẽ không thể có, nếu không có liên minh cách mạng giữa vô sản tại các nước tiên tiến với các dân tộc bị áp bức tại các thuộc địa bị nô dịch."*

Liên minh để tăng sức mạnh cho giai cấp vô sản đồng thời phân rẽ kẻ thù tư sản thành từng cụm nhỏ cô lập.

Tại phương Đông, cụm kẻ thù đầu tiên là các chính quyền thực dân và liên minh là đoàn kết với các thành phần chống đối thực dân. Nhưng nghĩa chữ đoàn kết theo Cộng Sản đã được Bùi Tín nêu rõ như sau:

"Với những người lãnh đạo Cộng Sản, chữ đoàn kết có ý nghĩa khác với ý nghĩa thông thường...

Đoàn kết luôn có nghĩa và chỉ có một ý nghĩa là: Theo tôi! Đoàn kết trong Mặt Trận Việt Minh, trong Mặt Trận Liên Việt hay trong Mặt Trận Tổ Quốc có nghĩa là theo sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, chịu mọi sự áp đặt của Đảng Cộng Sản. Nói khác với Đảng, cãi lại Đảng là vi phạm tinh thần đoàn kết, là phá vỡ khối đoàn kết, là có tội...

Ngay ở trong Đảng, vấn đề giữ đoàn kết của Đảng như con ngươi của mắt mình, có nghĩa là luôn phải tuân theo ý kiến của lãnh đạo, không được có ý kiến khác, nếu có ý kiến khác thì liền bị kết tội bè phái, chia rẽ, phá vỡ sự đoàn kết, thậm chí là phản bội, phản động...

Trong phe xã hội chủ nghĩa, đoàn kết với Liên Xô luôn bao hàm ý tuân theo sự lãnh đạo và chỉ huy của Liên Xô, những ý kiến của Liên Xô phải coi là chỉ thị để chấp hành nghiêm chỉnh.

Trong mối quan hệ trên bán đảo Đông Dương, giữa ba nước Việt Miên Lào cũng vậy, đoàn kết bao gồm ý phải công nhận sự lãnh đạo của Việt Nam, phải coi ông Hồ Chí Minh là người lãnh đạo của cả ba đảng...

Đoàn kết trở thành sợi dây vô hình trói buộc mọi cá nhân với Đảng, mọi tổ chức với Đảng Cộng Sản, thủ tiêu các quyền dân chủ, thủ tiêu sự bình đẳng, làm cơ sở cho mọi sự chuyên quyền và độc đoán tệ hại. Đây cũng là một kiểu cách lạt mềm buộc chặt của ông Hồ Chí Minh."[5]

Cuối năm 1924, Hồ Chí Minh có mặt bên cạnh các phần tử dân tộc đấu tranh tại Hoa Nam trong tinh thần liên minh và đoàn kết theo đúng hướng đã học tập.

Để thuận tình hợp cảnh, Hồ Chí Minh bắt buộc phải xuất hiện như một người yêu nước nhiệt thành với nguyện vọng tranh thủ độc lập và chủ nghĩa Cộng Sản chỉ được trình bày như phương tiện hữu hiệu duy nhất để đạt nguyện vọng này.

Đây không phải thủ đoạn cá nhân mà chính là nguyên tắc đấu tranh đã trở thành kinh điển. Không chỉ Hồ Chí Minh trình diễn bộ mặt yêu nước mà hết thẩy những

người khác sau khi trở thành đảng viên Cộng Sản cũng phải trình diễn tương tự.

Cũng không riêng các cá nhân mà mọi tổ chức Cộng Sản đều phải thực hiện cùng một cung cách, dù hết thẩy đảng viên Cộng Sản các cấp đều thuộc lòng điều tâm niệm *"dân tộc chỉ là màu sắc chứ không phải bản chất và chủ nghĩa ái quốc là một điều nguy hiểm"* như khẳng định của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội trên báo Thanh Niên, cơ quan ngôn luận của Hội số ra ngày 20/12/1926.

Trước đó, tháng 6, 1924, nghị quyết đại hội V của Đệ Tam Quốc Tế về sự hợp tác với các phần tử dân tộc tại Phương Đông cũng ghi rõ:

"Điều mà chúng ta bắt buộc các đảng Cộng Sản phải làm là tìm cách xử dụng các phần tử dân tộc chống lại giai cấp tư sản. Các đảng Cộng Sản phải thúc đẩy các phần tử bất mãn chống lại chế độ...Dĩ nhiên chúng ta không bao giờ chấp nhận các phần tử dân tộc...Chúng ta chỉ lợi dụng sự bất mãn của họ để phục vụ cuộc cách mạng vô sản."[6]

Hồ Chí Minh có mặt tại đại hội này và từng phát biểu: *"Hiện nay nọc độc và sức sống của bọn rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc."*[7]

Lời phát biểu không chỉ bày tỏ sự tán trợ sách lược vận dụng hình thức mặt trận dân tộc đoàn kết, lợi dụng các phần tử yêu nước mà còn xác nhận thế đứng dứt khoát trong trận tuyến đấu tranh giai cấp tiêu diệt kẻ thù tư bản.

Mục tiêu theo đuổi của Hồ Chí Minh không còn là nền độc lập dân tộc nữa mà là sự thành công của cách mạng vô sản và kẻ thù không chỉ là các guồng máy thực dân thống trị mà là toàn thể bọn *rắn độc tư bản chủ nghĩa*.

Dân tộc Việt Nam trước mắt Hồ Chí Minh không còn là một tập thể đồng bào cùng chung huyết mạch mà là một tập thể đầy rẫy *rắn độc tư bản chủ nghĩa*, kẻ thù không đội trời chung của giai cấp vô sản là giai cấp tiền phong trong cuộc đấu tranh cách mạng đem lại hạnh phúc cho con người và cũng là giai cấp được Hồ Chí Minh chọn lựa phụng sự.

Trong tầm nhìn mới của Hồ Chí Minh so với ba năm trước, đấu tranh giải phóng dân tộc chỉ còn là đoạn đường đoạt thủ quyền lực, cụ thể là đoạt thủ chính quyền cho giai cấp vô sản.

Do các phần tử đấu tranh giải phóng dân tộc đều nhắm mục tiêu lật đổ guồng máy thực dân thống trị để giành độc lập nên tạm thời được coi như đối tượng liên minh cần thiết để tăng triển sức mạnh đối đầu với kẻ thù tư bản trong đó các phần tử thực dân là đối tượng cần tiêu diệt trước hết.

Liên minh chỉ là giai đoạn và ngay trong liên minh vẫn phải nắm quyền chủ động để bảo đảm chính quyền thuộc về giai cấp vô sản khi thực dân bị xô đổ, bởi như Engels đã định nghĩa, *chính quyền chỉ là bộ máy mà một giai cấp dùng để hủy diệt giai cấp kia* nên không thể để rơi vào tay các giai cấp khác, dù là giai cấp đang được liên minh.

Suốt thời gian hoạt động tại Hoa Nam, Thái Lan và cho tới cuối đời, trong mọi cuộc liên minh, Hồ Chí Minh đã tuân thủ triệt để ý nghĩa đoàn kết mà Bùi Tín diễn tả chính bởi mục tiêu này.

Liên minh để tăng triển lực lượng đấu tranh với điều kiện bảo đảm vị thế độc tôn của giai cấp vô sản nên đoàn kết trở thành tiêu diệt mọi dị kiến.

Trước hết là biến đổi các đối tượng đã tuân phục thành tín đồ tận tụy và kế tiếp là thanh lọc bằng mọi cách các đối tượng không chịu tuân phục. Cho nên khi Phùng Thế Tài bài bác việc gia nhập hàng ngũ các tổ chức đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã giảng giải:

"*Không vào là sai rồi. Tại sao không vào? Chúng mở cửa cho ta vào nắm quần chúng, sao ta lại quay đi? Chúng mở được hội, thì chúng có khả năng triệu tập quần chúng. Ta phải lợi dụng khả năng ấy. Phải vào mà biến tổ chức địch thành tổ chức ta.*"

Tới Quảng Châu tháng 11, 1924, chỉ vài tuần lễ sau, Hồ Chí Minh đã tiếp cận tổ chức Tâm Tâm Xã và tháng 6, 1925 biến tổ chức này thành Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội với cái nhân được gọi là nhóm bí mật *Cộng Sản Đoàn*.

Nhóm bí mật gồm Hồ Chí Minh và 8 thành viên Tâm Tâm Xã tuân phục Hồ Chí Minh đã điều khiển tổ chức gồm rất đông hội viên đang có mặt tại Hoa Nam, Thái Lan, Việt Nam vận dụng chiêu bài giải phóng dân tộc, ngấm ngầm truyền bá tư tưởng Cộng Sản.

Với danh nghĩa Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội và chiêu bài tranh thủ độc lập, kể từ 1925, Hồ Chí Minh thu hút nhiều phần tử dân tộc đấu tranh ở trong nước tham gia Cộng Sản như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Đặng Xuân Khu, Tôn Quang Phiệt, Đào Duy Anh... cùng nhiều phần tử chống Pháp khác đang hoạt động tại Thái Lan, Hoa Nam...

Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội nêu

mục đích "*hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc, đập tan bọn Pháp, giành lại độc lập cho xứ sở, rồi sau làm cách mạng thế giới, lật đổ chủ nghĩa đế quốc*", nhưng trong công tác tuyên truyền vận động quần chúng, phần được nhấn mạnh chỉ là làm cách mạng dân tộc.

Đầu năm 1930, khi Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội bị xóa tên để trở thành Đảng Cộng Sản Đông Dương thì đảng viên Cộng Sản tiếp tục xâm nhập các tổ chức yêu nước khác như Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội của Hồ Học Lãm, Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội của Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần... đồng thời nêu chiêu bài dân tộc đấu tranh chống Thực Dân Đế Quốc qua một loạt tổ chức, trước hết là Hội Phản Đế Đồng Minh xuất hiện tháng 11-1930, rồi Mặt Trận Phản Đế Đông Dương tháng 4, 1931, Đông Dương Phản Đế Liên Minh tháng 3-1935, Mặt Trận Dân Chúng Thống Nhất Phản Đế tháng 6, 1936, Mặt Trận Nhân Dân Đông Dương tháng 10-1936, Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương tháng 3, 1939, Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất Phản Đế Đông Dương tháng 11, 1939 và Mặt Trận Việt Nam Độc Lập Đồng Minh tức Mặt Trận Việt Minh tháng 5/1941 với lời tuyên truyền *Việt Minh không phải là đảng cộng sản, chỉ là một mặt trận gồm tất cả các đảng phái lấy lại độc lập cho nước nhà* - theo ghi nhận của Trần Trọng Kim.

Suốt 20 năm từ 1925 đến 1945, Hồ Chí Minh không ngừng thúc đẩy đồng chí tuyên truyền cho mục tiêu đấu tranh của Cộng Sản là đập tan chế độ thực dân Pháp để thu hồi độc lập dân tộc và không ngừng hô hào *đoàn kết dân tộc, thống nhất lực lượng đấu tranh để sớm đi tới thành*

công. Nhưng trong hành động thực tiễn, Hồ Chí Minh và các đồng chí không rời xa ý hướng gây dựng và phát triển sự tồn tại duy nhất của đảng Cộng Sản.

Cho nên Douglas Pike mô tả về hoạt động của Hồ Chí Minh trong giai đoạn này như sau:

"*Hầu hết những thắng lợi chính trị của Hồ trong thời kỳ tiền Việt Minh là kết quả của tài tổ chức: tạo dựng, xử dụng và đưa ra ánh sáng một cách thuận lợi một chuỗi những tổ chức mặt trận thống nhất, cái sau bao giờ cũng cao hơn cái trước, mỗi cái đều tăng cường quyền lực của đảng, mở rộng thêm sự ủng hộ của cơ sở quần chúng và loại trừ đối lập (rivals). Kỹ thuật (loại trừ) này gồm có việc bao lấy tổ chức đối lập đưa nó vào trong một cộng đồng xã hội rộng lớn hơn như một phương cách làm lu mờ căn cước riêng của nó và như một màn mở đầu để chặt mất đầu, không còn lãnh tụ nên phải tan rã...*"

Thực chất sách lược liên minh hay đoàn kết dân tộc dành cho tất cả các tổ chức chấp thuận liên hiệp cùng Cộng Sản dưới một hình thức nào đó với mục đích tăng cường lực lượng chống thực dân chỉ là lôi cuốn, khai thác, lũng đoạn để cuối cùng chiếm đoạt hoặc tiêu diệt theo cách Hồ Chí Minh từng giải thích với Phùng Thế Tài là *biến tổ chức địch thành tổ chức ta*.

Để giữ vững thành quả, sách lược này còn bao gồm một loạt hành động nối tiếp nhắm loại trừ trở ngại và những mầm mống đe dọa được định danh là kẻ địch.

Quan niệm không có chân lý thứ hai ngoài chân lý Cộng Sản đã biến mọi tổ chức hay phần tử không tuân phục Cộng Sản đều trở thành kẻ địch. Tất nhiên, trong loại trừ kẻ địch thì mọi phương tiện đều tốt, bất kể kẻ địch là ai, ở đâu.

Bernard Fall ghi lại cách đối phó của Hồ Chí Minh với những người từng tham gia các lớp huấn luyện do Hồ Chí Minh hướng dẫn tại Quảng Châu nhưng không chịu từ bỏ tinh thần dân tộc:

"*Đối với những kẻ chứng tỏ không đáng tin cậy, hoặc sau khi tốt nghiệp trường Hoàng Phố mà từ chối không theo cộng sản, Hồ dùng một liều thuốc rất công hiệu: sai đảng viên cộng sản tiết lộ danh tánh họ cho tình báo Pháp. Sở an ninh trong nước sẽ tóm cổ họ ngay khi về tới.*"

Cộng tác với mật thám Pháp chỉ là một trong nhiều phương cách thanh trừng trở ngại. Hai phương cách khác đã trở thành hoạt động đấu tranh của Cộng Sản là vu cáo, bôi nhọ hết thẩy các tổ chức, phần tử dân tộc có uy tín trong quần chúng hoặc thủ tiêu, ám sát.

Sẽ hoàn toàn vô nghĩa nếu nhìn phương cách hành động của Hồ Chí Minh qua sự biểu hiện một tài năng đấu tranh siêu việt theo kiểu nhìn của Halberstam, Douglas Pike, Buttinger ... hoặc như chứng cớ cho một bản tính hiểm độc tàn ác theo kiểu nhìn của nhiều người khác.

Đó là những kiểu nhìn chỉ nhắm dẫn đến những lời khen hay tiếng chê về một con người biệt lập chứ không đóng góp tích cực cho nhu cầu xác định các biến cố đã xẩy ra trong thực tế với tính cách lịch sử.

Tiếng nói quan trọng cất lên từ phương cách hành động của Hồ Chí Minh đối với những người nặng tinh thần dân tộc, không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản là tiếng nói xác định ý hướng phụng sự của Hồ Chí Minh.

Ít nhất kể từ 1918, Hồ Chí Minh đã tham gia hoạt động trong nhóm Phan Chu Trinh do thúc đẩy của lòng yêu nước.

Nhưng từ 1923, khi trở thành cán bộ Đệ Tam Quốc Tế, Hồ Chí Minh tin tưởng tuyệt đối rằng "chủ nghĩa Mác-Lenin là ánh sáng chân lý, là mặt trời đưa lại nguồn vui"[8] Ánh sáng của vừng mặt trời này cho thấy ngoại trừ giai cấp vô sản và những người tin theo Cộng Sản, mọi giai cấp hoặc phần tử khác đều thuộc hàng ngũ kẻ thù tức *bọn rắn độc tư bản chủ nghĩa* - theo ngôn ngữ của Hồ Chí Minh.

Vì thế, lòng yêu nước theo cái nghĩa thông thường đã được chính Hồ Chí Minh chỉ cho các đồng chí trong Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội hiểu là nguy hiểm bởi vừa khuôn hạn giữa các biên giới quốc gia nhỏ hẹp vừa đồng nghĩa với sự yêu thương bọn rắn độc tư bản.

Lòng yêu nước, nếu không được hiểu như một vỏ ngoài theo sách lược, sẽ phải hàm chứa ý nghĩa mới là mở rộng theo tầm soi rọi của ánh sáng chân lý Mác - Lenin tức bao quát hết thảy giai cấp vô sản cùng những người tin theo Cộng Sản trên thế giới. Đất nước của Hồ Chí Minh không còn mang tên Việt Nam mà đã đổi thành quê hương của giai cấp vô sản.

Cho nên mới có lời nhắc nhở của Hồ Chí Minh về tính chất cuộc cách mạng tại Việt Nam như Trần Văn Giàu đã lập lại: "*Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc thực dân tức là đánh tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó có qui mô thế giới mà cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận.*"

Tính giai cấp đã hoàn toàn thay thế mọi thứ tình nhân loại, tình đồng bào... thậm chí cả tình gia đình ruột thịt.

Bởi tất cả những thứ tình này đều đe dọa gây trở ngại cho hoạt động đấu tranh cách mạng vô sản trong trường hợp thiếu nền tảng giai cấp tính.

Sách lược đấu tranh đòi hỏi Hồ Chí Minh phải vận dụng lòng yêu nước theo cái nghĩa thông thường, nhưng ý hướng đấu tranh và mục tiêu phụng sự của Hồ Chí Minh đã đặt trọn vào giai cấp vô sản. Phương cách hành động của Hồ Chí Minh từ 1924 tới 1945 là tiếng nói dứt khoát khẳng định thực tế này và phương châm hành động của Cộng Sản là *cứu cánh biện minh cho phương tiện*.

Từ đây tiếng nói quan trọng thứ hai đã cất lên là tiếng nói xác định những tổn hại mà lực lượng dân tộc yêu nước phải gánh chịu do phương cách hành động của Hồ Chí Minh.

Sau 20 năm hoạt động, Hồ Chí Minh đã có trong tay Đảng Cộng Sản Đông Dương đủ sức đoạt chính quyền vào Tháng Tám 1945. Sự lớn mạnh của Đảng này tất nhiên do tinh thần tích cực của các đảng viên nhưng không thể phủ nhận xương máu của nhiều nạn nhân là những người Việt Nam yêu nước kể từ tháng 6, 1925. Những nạn nhân này đã đóng góp mạng sống vào sự phát triển của Đảng Cộng Sản bằng cách tự nguyện hy sinh cho chiêu bài yêu nước mà Hồ Chí Minh và các đồng chí luôn giương cao hoặc bằng cách bị đẩy vào ngục tù thực dân hay bị âm thầm hạ sát bởi những người Cộng Sản.

Song song với sự lớn mạnh của Đảng Cộng Sản, lực lượng dân tộc yêu nước đã liên tục bị triệt hạ, bị tiêu hao không vì mục tiêu phụng sự dân tộc hằng mong mỏi. Duncanson tỏ ra không xa thực tế khi cho rằng dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng Sản Đông Dương đã trở thành *lực lượng chống lại những người-yêu-nước-chống-thực-dân*.

Bởi khó thể nói khác rằng sức mạnh của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Đông Dương đã được nuôi dưỡng bằng xác chết của không biết bao nhiêu tổ chức dân tộc đấu tranh và những người Việt Nam yêu nước.

Douglas Pike biện giải rằng dù thực tế diễn ra như thế nhưng *có thể ông Hồ không muốn thế* và Larteguy coi đây là cái giá phải trả cho một cuộc cách mạng - *"Để giữ nguyên sự thán phục dành cho cuộc cách mạng, tốt nhất là không nên nhắc đến các nạn nhân của nó."*

Douglas Pike, Larteguy là những người ngoài cuộc có thể phát biểu theo bất kể cách suy nghĩ đảo điên nào, nhưng tiếng nói cất lên từ thực tế Việt Nam vẫn khẳng định Hồ Chí Minh đã tranh thủ vị thế lãnh đạo bằng cái giá gây tổn hại đau đớn nặng nề cho dân tộc và hàng ngũ những người yêu nước đấu tranh.

Hồ Chí Minh đã nhân danh lòng yêu nước, nhân danh mục tiêu tranh thủ độc lập để tiến hành thủ đoạn tiêu diệt các lực lượng yêu nước hầu đi tới việc độc chiếm quyền hành vào Tháng Tám 1945.

Thời kỳ được gọi là đấu tranh giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh đã diễn ra theo chiều hướng này với những nỗ lực nhắm chủ yếu gây sức mạnh và giành quyền lực cho đảng Cộng Sản Đông Dương.

Hồ Chí Minh đã hoàn thành nhiệm vụ do Đệ Tam Quốc Tế giao phó là mở một đầu cầu bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản tại vùng Đông Nam Á bằng cách vận dụng hữu hiệu các nguyên tắc chiến lược sách lược Lenin-được-Stalin-hóa để tiêu diệt hầu hết trở ngại là các tổ chức dân tộc yêu nước Việt Nam.

Điểm chính trong chiến lược sách lược này là phải kết hợp mọi tầng lớp nhân dân trong nước bị trị dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, hay dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản do Hồ Chí Minh, đại diện Đệ Tam Quốc Tế sáng lập và lãnh đạo. Mục tiêu tối hậu của mọi hoạt động là nắm chính quyền tại Đông Dương để tiến tới Cộng Sản hóa vùng Đông Nam Á.

Hồ Chí Minh đã thành công nhưng hàng loạt bàn tay khối óc cần thiết cho công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam đã bị hãm hại, thủ tiêu đồng thời đẩy tập thể dân tộc vào cảnh ngộ phân ly thù hận không thể hàn gắn tới ngày nay.

Bởi vì cuối cùng những người yêu nước đã thấy không còn chọn lựa nào ngoài sự cúi đầu cho Cộng Sản sai phái hay trở thành nạn nhân bị thanh toán. Tất nhiên, khi không chịu trở thành công cụ và muốn tránh số phận nạn nhân thì hành vi đối đầu tự vệ là hành vi bắt buộc phải làm và do đó không thể tránh tình trạng phân ly thù hận.

Thời kỳ thứ hai là thời kỳ Hồ Chí Minh cầm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp từ 1945 tới 1954

Biến cố mở đầu được gọi là Cách Mạng Tháng Tám hoặc cuộc Tổng Khởi Nghĩa Cướp Chính Quyền Về Cho Nhân Dân xẩy ra ngày 19/08/1945 là cuộc biểu tình tổ chức tại Công Trường Nhà Hát Lớn Hà Nội, sau đó biến thành tuần hành tới một số cơ quan để đại diện Việt Minh tiếp thu chính quyền theo thỏa thuận đã dàn xếp.

Mấy ngày sau, 27/08/1945, Hồ Chí Minh ra tuyên cáo về việc Ủy Ban Dân Tộc Giải Phóng thuộc Mặt Trận Việt Minh.

"Tự cải tổ thành Chính Phủ Lâm Thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, mời thêm một số nhân sĩ tham gia để cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó... Chính Phủ lâm thời không phải là chính phủ riêng của Mặt Trận Việt Minh... Nó thật là một chính phủ thống nhất quốc gia giữ trọng trách chỉ đạo cho toàn quốc, đợi ngày triệu tập được Quốc Hội để cử ra một Chính Phủ Dân Chủ Cộng Hòa chính thức..."

Trước đó, ngày 25/8/1945 tại Huế, Bảo Đại chính thức tuyên bố thoái vị, trao ấn kiếm cho đại diện Việt Minh đồng thời tại Sài Gòn, Khâm Sai Nguyễn Văn Sâm cũng bàn giao chính quyền cho Lâm Ủy Hành Chánh do Trần Văn Giàu làm Chủ Tịch.

Các phe phái không Cộng Sản trên khắp nước đã bày tỏ cụ thể tinh thần liên hiệp đoàn kết. Hồ Chí Minh đã tuyên cáo chính phủ không phải của riêng Mặt Trận Việt Minh mà là chính phủ thống nhất quốc gia.

Khó khăn trước mắt là hậu quả nạn đói và trận lụt vừa xảy ra bắt đầu từ ngày 18-8-1945 tại nhiều tỉnh miền Bắc cùng với thái độ của nhiều phần tử thực dân trong chính giới Pháp không muốn từ bỏ chủ quyền tại Đông Dương.

Tuy nhiên, công việc đầu tiên của chính phủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo lại xoay theo hướng khác.

Chỉ mấy ngày sau khi chính phủ chính thức ra mắt, ngày 1/9/1945, lực lượng võ trang Việt Minh mở cuộc tấn công tiêu diệt căn cứ Nga My, Ninh Bình của Đảng Đại Việt Duy Dân.

Trong 10 ngày đầu tháng 9/1945, Võ Nguyên Giáp nhân danh Bộ Trưởng Nội Vụ ký một loạt sắc lệnh giải tán các

đảng Đại Việt Quốc Gia Xã Hội, Đại Việt Quốc Dân Đảng... *vì âm mưu với ngoại quốc đe dọa nền Độc Lập của Việt Nam* và bắt giữ nhóm lãnh đạo Thanh Niên Ái Quốc Hội với tội danh *Việt gian*.

Tại miền Nam, các nhân vật giáo phái và nhóm Cộng Sản Đệ Tứ Quốc Tế bị lùng bắt với tội danh âm mưu đảo chính. Hành động này khiến bùng nổ cuộc biểu tình phản đối của tín đồ Hòa Hảo tại Cần Thơ ngày 8/9/1945 và trở thành một vụ thảm sát khi Việt Minh đưa lực lượng võ trang tới trấn áp.

Trả lời dư luận thắc mắc, ngày 10/9/1945, Trần Huy Liệu họp báo tại Hà Nội thanh minh chính phủ không hề khủng bố hay bắt bớ tràn lan *"mà chỉ bắt những kẻ đã được nhận thấy là có phương hại tới chính quyền của nhân dân"*.

Ngày 11/09/1945, báo Cứu Quốc của Việt Minh loan tin bắt giữ một số Việt gian xâm nhập từ các tỉnh Cao Bằng, Lào Kay mà thực tế chỉ là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Thanh Niên Ái Quốc Hội...

Trong cùng ngày, Võ Nguyên Giáp ký sắc lệnh giải tán Việt Nam Hưng Quốc Thanh Niên Hội, Việt Nam Thanh Niên Ái Quốc Hội.

Hai ngày sau, 13/09/1945, báo Cứu Quốc loan tin bắt giữ hai lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng từng là đồng chí của Nguyễn Thái Học là Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Thế Nghiệp với tội danh phản quốc. Hai người này đều bị giết sau đó. Tờ báo đăng một bài dài mạ lỵ nhóm lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng đồng thời, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 31 buộc mọi công dân *"phải khai báo ý định biểu tình, hội họp cho chính quyền trước 24 giờ"* và ngày 15/9/1945, Hồ

Chí Minh ký thêm sắc lệnh "*đưa đi an trí tất cả những phần tử nguy hiểm cho cách mạng*"...

Bộ máy chính quyền đã được vận dụng tối đa và tức khắc vào việc trấn áp các phần tử được nhận thấy *có phương hại tới chính quyền của nhân dân* như cách nói của Trần Huy Liệu.

Chỉ có một thay đổi nhỏ so với thời kỳ trước là không cần sự tiếp tay của cơ quan mật thám Pháp vì lúc này Đảng Cộng Sản đã nắm quyền trong tay.

Bernard Fall nói về hoạt động của Hồ Chí Minh:

"*Ông ta quyết tâm làm cho cái Nhà Nước Việt Nam (Dân Chủ Cộng Hòa) sống sót bằng bất cứ giá nào...Khi Hồ thương thuyết với Pháp ở Fontainebleau thì đồng chí của ông là Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giầu, Nguyễn Bình, Phạm Văn Bạch thanh toán "các kẻ nội thù của chế độ" gồm các nhà lãnh đạo các giáo phái, các quan lại (Ngô Đình Khôi), các nhà trí thức (như Phạm Qùynh), nhóm Trotskit, và các người yêu nước chống cộng" khiến dẫn đến cái hậu quả là " tại Nam Kỳ, cả hai phía, giáo phái và Việt Minh đã giải quyết thanh toán những phần tử cảm tình của đối phương như sau: Trói lại từng chùm rồi thả xuống sông Mê Kông cho chết trôi ra biển.*"

Trong lúc tiến hành các thủ đoạn khủng bố tàn khốc đó, Hồ Chí Minh luôn tỏ ra sẵn sàng chấp nhận sự nhượng bộ tối đa trước đòi hỏi của các lực lượng dân tộc để chứng minh lòng yêu nước.

Ngày 11/11/1945, Hồ Chí Minh công bố nghị quyết tự động giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương với lời phát biểu muốn "*hợp tác tinh thành với các đảng phái khác*" trong tinh thần đoàn kết dân tộc và tiến tới thành lập chính phủ liên hiệp để cùng chung lo việc nước.

Các lực lượng Việt Cách, Việt Quốc từ Hoa Nam trở về đáp ứng lời kêu gọi đoàn kết qua bản thông cáo chung ký tên Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh ngày 24/12/1945 với mục tiêu cụ thể:

- Độc lập trên hết, đoàn kết trên hết, tinh thành cùng nhau thảo luận để giải quyết hết thẩy những vấn đề khó khăn trước mắt.

- Ủng hộ một cách thiết thực cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc Hội.

- Đình chỉ mọi sự công kích nhau bằng ngôn luận và hành động.

Rồi chính phủ liên hiệp ra mắt, bầu cử Quốc Hội được tiến hành. Trên thực tế, cuộc liên hiệp chỉ giúp Hồ Chí Minh củng cố vai trò lãnh đạo trong hoạt động ngoại giao với Pháp, ngoài ra các biện pháp tấn công phe đối lập vẫn tiếp diễn.

Trong Một Cơn Gió Bụi, Trần Trọng Kim ghi lại diễn tiến liên hiệp thời điểm đó:

"Việt Minh đem một số người ở ngoài đảng của họ vào trong chính phủ như Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Văn Tố, Đào Trọng Kim vv... để tỏ ra là một chính phủ liên hiệp có cả các hạng người. Song những cơ quan trọng yếu như quốc phòng, nội vụ, tài chính, tuyên truyền đều ở tay những người chính thức Việt Minh, tức là cộng sản như Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu, Lê Văn Hiến, Phạm Văn Đồng, vv...

Về phương diện quân sự thì quân của Việt Minh có Giải Phóng Quân là quân đã được huấn luyện chính trị cộng sản, Vệ Quốc Quân và Tự Vệ Quân tức là công dân do các ủy ban xã, phố cắt để canh gác và giữ trật tự.

Quân của Quốc Dân Đảng thì có từng khu riêng. Tuy bề ngoài nói các quân đội thuộc về bộ quốc phòng, nhưng thực ra bộ ấy không có quyền hành gì cả. Việc gì cũng quyết định ở quân sự ủy viên hội có Võ Nguyên Giáp, Cộng Sản, làm chủ tịch ... Lúc ấy khẩu hiệu của chính phủ là "thống nhất quân đội" mà ba tháng sau khi chính phủ liên hiệp thành lập, quân đội vẫn không thống nhất được... Quân Việt Minh chỉ rình có cơ hội là đánh quân Quốc Dân Đảng, hay bao vây để tiêu diệt lực lượng đối phương, thành ra hai bên cứ kình địch nhau mãi... Sở công an Việt Minh bắt những người Việt Nam Quốc Dân Đảng hay những người bị tình nghi vào tra tấn cực hình, có khi dùng những cách tàn nhẫn ghê gớm hơn thời Pháp và Nhật cai trị. Người một nước với nhau mà đối xử vô nhân đạo như thế, thật là thê thảm."

Về tình hình chung, Trần Trọng Kim nhận định:

"*Cộng sản đảng, theo cách tổ chức và hành động, là một tôn giáo mới... Ai không tin theo và phản đối những người đứng đầu đảng tức những bậc giáo chủ, là người phản đạo, phải trừng trị rất nghiêm... Cho nên cha con, anh em, bè bạn không có tình nghĩa gì cả, chỉ biết tôn trọng chủ nghĩa cộng sản và phục tòng người cầm quyền của đảng, ngoại giả, giết hại lẫn nhau, lừa đảo nhau: hễ ai làm những việc lợi cho đảng là người giỏi, người tốt... để thành lập xã hội mới. Xã hội mới ấy không tranh đấu cho quốc gia hay dân tộc. Dù có nói tranh đấu cho quốc gia hay dân tộc, cũng chỉ là phương pháp dùng tạm thời cho được việc mà thôi, chứ mục đích cốt yếu là tranh đấu cho giai cấp vô sản... để thực hiện một thế giới đại đồng, đặt dưới quyền chỉ huy của giáo chủ cộng sản ở bên Nga... Phương thuật của đảng cộng sản bên Nga nói là bài trừ đế quốc chủ nghĩa và tiêu diệt những chế độ*

độc tài áp chế nhưng lại áp dụng chế độ độc tài áp chế hà khốc và tàn ác hơn... Người cộng sản hay dùng chữ giải phóng...Có phải trước kia có cái cũi giam người, bây giờ đem cái cũi kiểu mới đến bên cạnh rồi bảo người ta chạy sang cái cũi mới ấy là giải phóng không? Nếu cái nghĩa giải phóng là thế, thì cũi cũ hay cũi mới cũng vẫn là cái cũi, chứ hơn gì?... Người nào công kích người cầm quyền của đảng là phải tội bị đày, bị giết. Ai không sốt sắng theo mình thì bị tình nghi, phải chịu mọi phiền khổ. Nhân dân vẫn bị đàn áp lầm than...Như thế thì giải phóng ở đâu?...Lúc đầu Việt Minh tuyên truyền rầm rĩ: "Nước Việt Nam đã được Đồng Minh cho hoàn toàn độc lập, dân được tha hết các thứ thuế"... Dân nghe nói thế chạy ùa ùa theo. Sau chẳng thấy độc lập đâu và dân lại phải đóng góp nặng hơn trước... Thủ đoạn của Việt Minh là dùng mọi cách bạo ngược, giả dối cho được việc trong một lúc. Như họ đối với Việt Nam Quốc Dân Đảng, nay nói đoàn kết, mai nói đoàn kết, nhưng vẫn đánh úp, vẫn bao vây cho tuyệt lương thực. Khi đánh được thì giết phá, đánh không được thì lại đoàn kết, rồi cách ngày lại đánh phá..."

Cho nên, giữa lúc hiện diện chính phủ liên hiệp, tháng 7/1946, Võ Nguyên Giáp đã chỉ huy công an tấn công các trụ sở Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Hà Nội với lý do triệt hạ bọn cướp của giết người và cán bộ Cộng Sản dựng hình nộm khắp các cửa chợ, bến sông với tấm băng quàng trước ngực ghi tên Việt gian Nguyễn Hải Thần, Việt gian Vũ Hồng Khanh, Việt gian Nguyễn Tường Tam... là những người có mặt trong chính phủ liên hiệp nhưng không chấp nhận Cộng Sản...

Hồ Chí Minh đã tiếp nối hoạt động của thời kỳ trước với mức độ cao hơn.

Nhu cầu đoàn kết dân tộc khẩn thiết hơn bao giờ hết khi chiến tranh Việt - Pháp bùng nổ cuối tháng 12-1946, nhưng với Hồ Chí Minh, chiến tranh là cơ hội tốt để thanh toán các phần tử đối lập hầu củng cố đảng Cộng Sản được tuyên bố giải tán từ cuối năm 1945. Bernard Fall là người từng gặp gỡ và có nhiều thiện cảm với Hồ Chí Minh đã ghi lại:

"*Chiến tranh Đông Dương bùng nổ đã đơn giản hóa những khó khăn về chính trị của ông Hồ. Không cần phải đối xử với phe đối lập bằng bàn tay bọc nhung nữa: Cứ việc gọi họ một cách đơn giản là Việt gian.*"

Tất nhiên không phải toàn thể quần chúng đều dễ dàng tin theo luận điệu chụp mũ vu cáo do Cộng Sản đưa ra.

Nếu có những người do lòng yêu nước thúc đẩy chỉ dồn trọn tâm lực vào việc chiến đấu chống Pháp không băn khoăn về mọi diễn tiến khác thì cũng có những người ưu tư về chủ trương của Hồ Chí Minh.

Những người sau này đã nhận thấy đối với Hồ Chí Minh, không phải thực dân Pháp mà chính những người yêu nước không chấp nhận Cộng Sản mới là kẻ thù số một. Cho nên thay vì tập trung sức mạnh toàn dân để ngăn chống Pháp, Hồ Chí Minh đã lợi dụng tình thế chiến tranh để tiêu diệt các phần tử đối lập bằng mọi thủ đoạn.

Mục tiêu phụng sự quốc gia dân tộc mà Hồ Chí Minh luôn tuyên bố đã hiện hình là chiêu bài che đậy cho mục tiêu giai cấp đấu tranh. Quốc gia dân tộc chỉ là phương tiện giúp Hồ Chí Minh và các đồng chí áp đặt một đường lối chính trị vào Việt Nam.

Ý thức này khiến mọi hy vọng cuối cùng về hòa hợp hòa giải dân tộc hết lý do tồn tại và không ít người đã dứt

khoát từ bỏ hàng ngũ kháng chiến do Cộng Sản đang khai thác để mở ra cục diện tình hình mới là sự hình thành trận tuyến những người Việt Nam yêu nước chống Cộng Sản.

Trên thực tế, sự hiện diện của yếu tố Cộng Sản trong tình hình Việt Nam ngay từ 1945 đã trở thành vấn đề hết sức phức tạp đối với chính giới Pháp, Mỹ. Tư cách cán bộ Đệ Tam Quốc Tế của Hồ Chí Minh giúp thêm lý do cho các phần tử thực dân Pháp theo đuổi tham vọng tái lập chủ quyền tại Đông Dương, đồng thời trở thành chướng ngại cho chủ trương của Mỹ chống đối chế độ thực dân. Bốn tháng trước khi chính thức tuyên chiến với Đức, Tổng Thống Roosevelt đã thuyết phục Thủ Tướng Anh Churchill cùng ký tên trong bản Tuyên Cáo 14/08/1941 được gọi là Hiến Chương Đại Tây Dương cam kết tôn trọng quyền tự quyết của các quốc gia bị trị. Với chủ trương này, Mỹ không đồng ý cho quân Pháp giải giới Nhật tại Đông Dương và đặt lực lượng Đồng Minh tại Đông Nam Á dưới sự chỉ huy của Anh. Do đó, đơn vị đặc vụ Mỹ tại Hoa Nam đã hỗ trợ Việt Minh từ đầu năm 1945 và nhiều sĩ quan Mỹ tỏ ra có thiện cảm với Hồ Chí Minh. Trong ngày tuyên ngôn độc lập 02/09/1945 của Việt Nam, một số tướng tá Mỹ đã hiện diện trên khán đài ở Hà Nội, thậm chí tướng Gallagher còn lên đài phát thanh Hà Nội hát "quốc ca" đòi "*phanh thây uống máu quân thù*" đến nỗi sau đó bị khiển trách. Tuy nhiên, Mỹ lại nắm chắc tính lệ thuộc Liên Xô của Hồ Chí Minh và đang đối diện với mối lo về tình trạng Liên Xô mở rộng ảnh hưởng khắp Đông Âu sau sự sụp đổ của Đức. Một chính quyền Cộng Sản xuất hiện tại Việt Nam với tư cách đầu cầu cho Liên Xô tràn lấn khắp Đông

Nam Á là điều ngoài ý muốn của Mỹ. Cũng ngoài ý muốn của Mỹ nếu Pháp tái lập chế độ bảo hộ tại đây.

Thực ra không phải chính quyền Paris lúc đó không chia xẻ mối ưu tư của Mỹ về hiểm hoạ Cộng Sản. Ngay trong thời gian tiến hành hội nghị Fontainebleau, thủ tướng Pháp George Bidault đã căn dặn trưởng đoàn Pháp Max André về thái độ thận trọng để không biến Hồ Chí Minh thành con cờ của Liên Xô như chính Võ Nguyên Giáp đã ghi lại trong tập hồi ký *Những năm tháng không thể nào quên*.

Lời căn dặn của Bidault có thể hiểu là lời nhắc nhở phái đoàn Pháp nên uyển chuyển, thậm chí sẵn sàng mềm dẻo tới mức tối đa để thu hút Hồ Chí Minh về phía Tây Phương. Nhưng thái độ của Hồ Chí Minh đã khiến mọi nỗ lực của Pháp không thể đưa tới kết quả mong muốn. Khởi từ sự việc này, có thể nói sự có mặt của Pháp tại Việt Nam đã mang ý nghĩa ngăn chống Cộng Sản ngay từ năm 1946, cụ thể là ngăn chống sự bành trướng ảnh hưởng của Liên Xô. Tuy nhiên, ý nghĩa này đã bị che khuất bởi các định kiến sẵn có từ lâu về vai trò thực dân của Pháp tại Đông Dương, nhất là khó tránh bị khai thác bởi một số người vẫn chưa thể chấm dứt giấc mơ tái lập chế độ thuộc địa.

Những yếu tố phụ thuộc này đã dễ dàng biến ý hướng ngăn chống Cộng Sản của người Pháp thành một chiêu bài che giấu ý đồ thực dân và vì thế đã đặt Pháp vào một trận tuyến không được dư luận quốc tế hỗ trợ.

Chính vì thế, trong bản thông báo ngày 16/12/1946 gửi các đại sứ Mỹ, Ngoại Trưởng James Byrnes tuy ghi nhận ảnh hưởng Pháp tại Việt Nam không chỉ là kháng tố với

ảnh hưởng Liên Xô mà còn mang tính bảo vệ toàn vùng Đông Nam Á trước đà bành trướng của Cộng Sản, nhưng Mỹ vẫn giữ thái độ hết sức dè dặt. Do đó, nhiều viên chức ngoại giao Mỹ như Abbott, Landon, Reed, O'Sullivan đã tới Việt Nam với vai trò điều giải cố tìm một lối thoát cho tình thế khó khăn tại đây đã không vượt khỏi tình trạng thụ động chờ đợi.

Cuối cùng, tháng 12, 1946, Abbott thú nhận đành bó tay, bởi *thay vì nhắm tạo một liên bang kinh tế cần thiết cho cả hai bên* thì Pháp cũng như Việt Minh đều nhìn theo hướng khác. *Pháp không thể xác định nổi thế nào là quan điểm quốc gia tự do trong khối Liên Hiệp Pháp còn Việt Minh giữ thái độ như trẻ nít chỉ nêu đòi hỏi trong sự thiếu kém kiến thức cả về kinh tế lẫn vấn đề độc lập.* Việt Minh không rời bỏ ý đồ độc bá trong khi Pháp không thể dễ dàng đặt các xứ Đông Dương vào vòng ảnh hưởng của Liên Xô. Nhưng lập trường ngăn chống Cộng Sản của Pháp luôn bị đồng hoá với mong muốn tái lập đặc quyền của Pháp, trong khi Việt Minh lại nắm được chiêu bài tranh thủ độc lập cho dân tộc. Trên thực tế, mong muốn tái lập đặc quyền của Pháp vẫn tồn tại với không ít nhân vật trong chính giới Pháp lúc đó và trở thành một xu hướng có ảnh hưởng đáng kể. Hai xu hướng này chỉ có một điểm gặp gỡ là cùng đối đầu với lực lượng yêu nước Việt Nam nên đã có lúc mặc nhiên hợp sức cố loại khỏi chính trường tiếng nói đại diện trung thực cho nhân dân Việt Nam, và chỉ ngừng tại đó.[9]

Thành ra Mỹ không có lý do can thiệp vào nội tình Đông Dương, cũng không thể nghiêng về phía Việt Minh hay về phía Pháp, và chiến tranh trở thành tất yếu. Đương

nhiên, cả hai phía đều cố che giấu thực chất của mình. Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản đã có sẵn bộ áo dân tộc yêu nước để hô hào toàn dân hỗ trợ chống xâm lăng trong khi những phần tử chủ trương tái lập chế độ thuộc địa cũng khai thác danh nghĩa ngăn chống Cộng Sản của Pháp để thúc đẩy tình hình diễn biến theo những tính toán của mình. Thực tế phức tạp này đã đem lại thuận lợi nhiều hơn cho chiêu bài yêu nước của Hồ Chí Minh trong khi phủ mờ ý nghĩa ngăn chống Cộng Sản của Pháp vào thời gian bùng nổ cuộc chiến, nhất là khi Cộng Sản Quốc Tế mở rộng mặt trận tuyên truyền trên khắp thế giới.

Tháng 9/1947, tổ chức Đệ Tam Quốc Tế Komintern sống lại dưới cái tên Phòng Thông Tin Quốc Tế Cộng Sản Kominform đặt các quốc gia và tổ chức Cộng Sản khắp nơi vào cuộc đấu tranh cho cách mạng thế giới do Liên Xô lãnh đạo.

Do ảnh hưởng Liên Xô mở rộng sau chiến tranh, cuộc cách mạng thế giới không còn hạn chế trong phạm vi hưởng ứng của một số tổ chức mà có sự tiếp tay qui mô của nhiều quốc gia. Tình hình thế giới lập tức biến thành thế phân cực đối đầu giữa Liên Xô và các nước Tây Phương.

Do đặt dưới quyền chỉ đạo của Cộng Sản, cuộc kháng chiến tại Việt Nam đã gắn kết chặt chẽ với cuộc chiến ý thức hệ giữa hai khối Tự Do và Cộng Sản như Hồ Chí Minh tuyên bố:

"*Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc thực dân tức là đánh tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó có qui mô thế giới mà cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận. Cách mạng Việt Nam được sự ủng hộ của cách mạng*

thế giới, và cách mạng Việt Nam góp phần vào cuộc cách mạng thế giới đó."

Lời tuyên bố của Hồ Chí Minh cho thấy rõ cuộc kháng chiến không hoàn toàn nhắm mục tiêu giải phóng dân tộc mà nhắm góp phần vào cuộc cách mạng thế giới đánh đổ tư bản chủ nghĩa. Nền độc lập của Việt Nam trở thành thứ yếu vì cuộc chiến mang tính cục bộ của cách mạng vô sản thế giới với mục tiêu bành trướng ảnh hưởng tại Đông Nam Á. Hồ Chí Minh và Cộng Sản Việt Nam được sự ủng hộ của cách mạng thế giới - như lời Hồ Chí Minh tuyên bố - để đẩy nhân dân Việt Nam vào một cuộc trường chinh mở rộng biên thùy cho thế giới Cộng Sản.

Vai trò chống Cộng Sản của Pháp tại Đông Nam Á trở thành sự thực, nhưng hình ảnh thực dân vốn có nơi Pháp không dễ xóa nhòa trong dư luận.

Dân chúng Việt Nam sau gần một thế kỷ bị Pháp đô hộ đã quen đồng hóa người Pháp vào các quan chức thuộc địa.

Với dư luận thế giới, sự xuất hiện những đoàn quân viễn chinh trên một đất nước xa lạ để chống người dân địa phương không dễ giải thích bằng việc bảo vệ bất kỳ thứ lý tưởng nào.

Hơn nữa, nhiều người còn ngờ vực về cuộc chiến tranh ý thức hệ, vì không nhìn thấy cuộc chiến đó ở đâu và ngờ vực luôn cả sự hiện diện của tình trạng chiến tranh lạnh.

Tâm trạng này xuất phát từ nhiều lý do, trong đó quan trọng hơn hết là sự không lưu tâm tới quan niệm đấu tranh giai cấp với chủ trương liên tục và trường kỳ chiến đấu khắp toàn cầu dưới mọi hình thức để xóa bỏ ý thức hệ

Tư Bản. Từ quan niệm này, Cộng Sản đã phát động cuộc chiến mệnh danh chiến tranh ý thức hệ bất chấp thái độ của kẻ địch, kể cả trường hợp kẻ địch phủ nhận sự hiện diện của ý thức hệ Tư Bản - *một cuộc chiến tất yếu theo quan niệm đấu tranh giai cấp và xảy ra dưới nhiều hình thức nhắm đánh đổ mọi kẻ địch được nêu rõ theo lập luận duy vật biện chứng, kể cả những kẻ không hề nghĩ tới Cộng Sản hay chống lại Cộng Sản*. Cũng do đó đã xuất hiện danh từ "chiến tranh lạnh" để diễn tả tình trạng chiến tranh không có tiếng súng. Dưới sự lãnh đạo của Liên Xô, các quốc gia và tổ chức Cộng Sản khắp nơi kết thành một trận tuyến chống lại mọi xu hướng tư tưởng khác với tư tưởng Cộng Sản bao gồm Phong Kiến, Thực Dân, Tư Bản, Dân Tộc... kể cả các hệ phái Cộng Sản ngoài Đệ Tam Quốc Tế như Kausky, Trotsky ...

Hồ Chí Minh là cán bộ Đệ Tam Quốc Tế từ 1923, Đảng Cộng Sản Đông Dương là chi bộ trực thuộc Đệ Tam Quốc Tế từ 1931 nên cuộc chiến chống Pháp tại Việt Nam gắn chặt với trận tuyến này, tức không thể không mang tính cục bộ của cuộc chiến ý thức hệ thế giới đang diễn ra giữa hai phe Cộng Sản và Tư Bản.

Từ đây, không thể phủ nhận vai trò chống Cộng Sản của Pháp dù trong chính giới Pháp vẫn tồn tại những phần tử chưa muốn từ bỏ chính sách thực dân.

Theo đúng nguyên lý Lenin với sách lược mặt trận dân tộc, hết thảy các quốc gia và đoàn thể chịu ảnh hưởng Liên Xô đã khai thác sự hiện diện của những phần tử thực dân để vùi dập, bôi nhọ vai trò chống Cộng Sản của Pháp đồng thời khai thác sự hiện diện của những người yêu nước

trong hàng ngũ kháng chiến Việt Nam để tán dương chính nghĩa chống xâm lăng của Hồ Chí Minh. Để tăng hiệu quả cho lời tán dương này cũng xuất hiện những lập luận vu cáo, kết án mọi phần tử yêu nước từ bỏ hàng ngũ kháng chiến vì nhận rõ con đường đi ngược nguyện vọng dân tộc của Hồ Chí Minh.

Chính nghĩa và ngụy nghĩa trở thành xen lấn, đảo lộn trong tình thế thực giả, khó phân. Vai trò chống Cộng Sản của Pháp không thể hoàn toàn hiển thị vào lúc đầu nên bị bôi xóa dễ dàng và ảnh hưởng nặng nề tới trận tuyến của những người Việt Nam yêu nước khi từ bỏ hàng ngũ kháng chiến để liên kết với Pháp.

Cuộc liên kết giữa những người Việt Nam yêu nước với Pháp khởi từ cuối năm 1947 là một quá trình vận động hết sức gập ghềnh cho cả hai phía.

Để đại diện cho tiếng nói dân tộc, những người Việt Nam yêu nước phải đẩy Pháp về vị trí đồng minh thuần túy trong cuộc chiến ngăn chống Cộng Sản, trong khi Pháp một phần bị ràng buộc bởi thực tế chiến trường phần khác vẫn có những phần tử chưa thể từ bỏ ngay các đặc quyền. Tới cuối năm 1947, nhiều nhân vật chính trị Pháp vẫn nuôi ý đồ dùng các phần tử yêu nước Việt Nam như một chiêu bài trong chiêu bài chống Cộng Sản. Vì thế, không ít khó khăn đã kéo dài với việc chấp thuận các điều kiện liên kết do những người Việt Nam yêu nước đặt ra, trong số có 2 vấn đề:

- Pháp thừa nhận Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm 3 miền Bắc, Trung, Nam có một chính phủ độc lập do người Việt Nam cử ra.

- Việt Nam sẽ có quân đội riêng do chính phủ Việt Nam độc lập nắm quyền điều động.

Đổi lại, Việt Nam chấp nhận gia nhập Liên Hiệp Pháp, *sẵn sàng dành cho Pháp thay mặt về các vấn đề ngoại giao và quân đội Việt Nam sẽ tham gia bảo vệ khối Liên Hiệp Pháp.*

Những đòi hỏi này được Cao Ủy Pháp tại Đông Dương Bollaert thỏa thuận với Bảo Đại từ cuộc gặp gỡ tại Hạ Long đầu tháng 12/1947 nhưng mãi 6 tháng sau mới được ghi thành điều 1 trong bản tuyên cáo chung 3 điểm Bollaert - Bảo Đại ngày 5/6/1948 như sau:

"*Nước Pháp long trọng nhìn nhận sự độc lập của Việt Nam. Từ rày về sau, việc tự do thực hiện nền thống nhất quốc gia tùy nơi nước Việt nam. Về phần mình, nước Việt Nam tuyên bố chịu gia nhập vào Liên Hiệp Pháp với danh nghĩa một quốc gia đồng hội với nước Pháp*"**10**

Bản tuyên cáo được gọi là Hiệp Ước Hạ Long không được Quốc Hội Pháp thông qua. Suốt thời gian này, Mỹ đã nhiều lần cảnh giác Pháp về việc có thể đẩy toàn bộ Đông Dương vào tay Liên Xô và ngày 09/07/1948 Tây Âu Sự Vụ của Bộ Ngoại Giao Mỹ đã đề nghị với ngoại trưởng Marshall chính thức nói rõ với chính phủ Pháp rằng Pháp đang đứng trước hai ngã đường: "*Hoặc chấp nhận ngay nguyên tắc Việt Nam thống nhất gồm cả 3 miền Nam, Trung, Bắc và độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp hoặc sẽ mất hết toàn cõi Đông Dương*".

Tuy vậy, vẫn phải chờ thêm 8 tháng nữa, hai bên mới tiến tới thỏa ước Élysée 8-3-1949 giữa Tổng Thống Pháp Vincent Auriol và Bảo Đại, chấp thuận các đòi hỏi mà những người yêu nước nêu ra.

Bản thỏa ước công nhận sự hình thành nước Việt Nam thống nhất độc lập với danh xưng Quốc Gia Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại, nhưng trên thực tế việc xây dựng một chính quyền hoàn toàn độc lập cho Việt Nam vẫn chưa hết khó khăn trong đó có những khó khăn ngay từ phía Pháp.

Khó khăn lớn nhất là dư luận chống đối dấy lên từ chính nước Pháp bởi các tổ chức Cộng Sản và những phần tử chưa muốn từ bỏ chính sách thực dân. Cộng Sản Pháp trong thế liên kết với cuộc chiến ý thức hệ đã vận dụng tối đa các phương tiện truyền thông triệt hạ uy tín của những người Việt Nam yêu nước hầu ngăn chặn mối nguy cho phe Cộng Sản do sự xuất hiện lực lượng dân tộc yêu nước tại Việt Nam.

Trong khi đó, các phần tử chủ trương tái lập chế độ bảo hộ bắt đầu nhìn thấy viễn tượng tan vỡ các đặc quyền. Những bài báo tương tự bài của Simone Terry gọi Hồ Chí Minh là *Bác Hồ - L'Oncle Ho* - từng xuất hiện trên tờ *L'Humanité* lúc Hồ Chí Minh tới Paris tháng 6, 1946 lại xuất hiện trên các báo *Revue Socialiste, Franc-Tireur*... ca ngợi "*Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qui tụ được những người quốc gia không đảng phái cũng như một số đông người Thiên Chúa Giáo yêu nước*" hoặc "*Việt Nam đứng sau lưng Hồ Chí Minh. Trước hết phải thương thuyết với Hồ Chí Minh - Le Vietnam est derrière Ho Chi Minh. Il faut traiter en premier lieu avec Ho Chi Minh...*"

Tại diễn đàn Quốc Hội Pháp, các dân biểu Cộng Sản và phe De Gaulle như Guillon, Marc Dupuy... vu cáo nhục mạ Cựu Hoàng Bảo Đại bằng đủ mọi lời lẽ như:

"Bảo Đại là tay sai của Nhật, đã giao Đông Dương cho Nhật, một ông vua mất chức được biết nhiều ở các sân Golf tại Cannes hay ở các hộp đêm..." và xuyên tạc những người Việt Nam yêu nước "chỉ là một nhóm cựu quan lại, cựu công chức, vài trưởng giả giàu có... chỉ nghĩ đến gia tăng quyền lợi bản thân trước khi nghĩ đến tổ quốc của họ..."

Những người này chống đối thỏa ước Élysée, cho rằng Pháp nhượng bộ quá nhiều so với các hiệp ước ký với Hồ Chí Minh năm 1946, vì Hồ Chí Minh đã đồng ý gác lại vấn đề Nam Kỳ, vẫn coi như lãnh thổ hải ngoại của Pháp...

Trận đánh không có tiếng súng này kìm chân Quốc Hội Pháp trì hoãn tới ngày 2/2/1950[11] mới phê chuẩn bản thỏa ước. Lúc này, nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã thành lập và công nhận chính phủ Hồ Chí Minh ngày 18/01/1950. Ngày 01/02/1950, Liên Xô cũng công nhận chính phủ Hồ Chí Minh và yêu cầu cử đại sứ tới Mạc Tư Khoa. Hồ Chí Minh đã có một hậu phương khổng lồ ở sát sau lưng với sự yểm trợ về mọi mặt của toàn khối Cộng Sản trong khi trận tuyến những người Việt Nam yêu nước chưa ổn định xong về mặt tổ chức.

Dù sao Quốc Gia Việt Nam đã thành hình với chủ quyền độc lập, lãnh thổ thống nhất, được Mỹ chính thức thừa nhận ngày 04/02/1950 và Anh thừa nhận ngày 07/02/1950.

Sự kiện thực tế này gần như luôn bị gạt qua bởi những người cố tình diễn tả cuộc chiến Việt Nam là cuộc chiến giải phóng đất nước. Theo những người này, lý do bùng nổ cuộc chiến là hành vi xâm lược của Pháp được Mỹ yểm trợ và chính quyền Quốc Gia Việt Nam chỉ là bù nhìn do Pháp dựng lên - *rập khuôn theo luận điệu tuyên truyền mà toàn thể khối Cộng Sản nỗ lực đưa vào dư luận thế giới.*

Người ta không chỉ gạt bỏ cuộc vận động giành lại chủ quyền dân tộc của những người yêu nước, gạt bỏ chủ trương tiêu diệt phe đối lập của Hồ Chí Minh mà còn cố tình quên tình trạng bị ràng buộc với Đệ Tam Quốc Tế khiến Hồ Chí Minh không thể làm khác được những việc đã làm, trong đó có cả điều mà Vụ trưởng Đông Nam Á Sự Vụ của Mỹ George Moffat Abbott từng mô tả là *"thái độ như trẻ nít chỉ nêu đòi hỏi trong sự thiếu kém kiến thức cả về kinh tế lẫn vấn đề độc lập"*.

Hồ Chí Minh không bao giờ là trẻ nít mà tuân thủ đúng nguyên tắc đấu tranh, đẩy mọi sự việc theo hướng cần thiết. Từ tháng 9-1945, sau khi quân Pháp đổ bộ Sài Gòn cho tới cuối 1946, Hồ Chí Minh vẫn nhượng bộ, không bàn về vấn đề Nam Kỳ và ký kết cho quân Pháp vào miền Bắc với dụng ý mà các tác giả Lacouture, Sainteny... đã thấy và chính Võ Nguyên Giáp đã ghi lại là tạm hòa với Pháp để có đồng minh tiêu diệt *kẻ thù số một vào lúc đó là các phần tử phản động tức những người yêu nước* không chấp nhận cả Cộng Sản lẫn Thực Dân.

Khi trấn áp xong lực lượng này thì đồng minh tạm thời là Pháp trở thành kẻ địch. Bước đi được định sẵn của Cộng Sản là lợi dụng các phần tử dân tộc bất mãn với thực dân nên hành động chặt đứt mọi hy vọng thương lượng, đẩy Pháp vào thế phải gây chiến là nước cờ theo đúng lớp lang.

Toàn thể dân tộc không còn chọn lựa nào ngoài việc kháng chiến chống Pháp trong khi Hồ Chí Minh và những người Cộng Sản với vị thế độc tôn lãnh đạo sẽ biến cuộc chiến thành một bộ phận của cách mạng thế giới và được sự ủng hộ của cách mạng thế giới để góp phần vào cách mạng thế giới như Hồ Chí Minh tuyên bố.

Chuyến du hành qua Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa đầu năm 1950 của Hồ Chí Minh và sự tái xuất hiện Đảng Cộng Sản dưới danh xưng Đảng Lao Động Việt Nam cuối 1951 để mở đầu cho chiến dịch thanh lọc rộng rãi kéo dài từ 1953 tới 1956 trong khuôn khổ các chính sách rèn cán chỉnh quân, cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp... là tiếng nói khẳng định mục tiêu bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản.

Sự việc càng cụ thể hơn, khi Liên Xô thay đổi đường lối sau cái chết của Stalin và Trung Cộng cần có thời gian hồi phục sau cuộc đối đầu với Mỹ tại Triều Tiên thì Hồ Chí Minh sẵn sàng chấp nhận giải pháp chia đôi đất nước năm 1954, bất kể nguyện vọng dân tộc ra sao, bất kể đã có bao nhiêu con dân Việt Nam bỏ mình vì mục tiêu bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.

Trong thời kỳ cầm đầu cuộc kháng chiến 1945-1954, Hồ Chí Minh vẫn luôn đặt quyền lợi tối thượng của dân tộc dưới quyền lợi của Cộng Sản Quốc Tế. Lòng yêu nước theo ý nghĩa thông thường đã khô cạn hẳn trong tâm tư Hồ Chí Minh nên dù hàng ngũ kháng chiến có mặt nhiều người yêu nước và ngay cả một số đảng viên cộng sản cũng kháng chiến vì yêu nước hơn vì lý tưởng cộng sản thì cuộc kháng chiến vẫn không vì lý tưởng quốc gia. Bởi hàng ngũ kháng chiến được lãnh đạo bởi một tông đồ (apostle) của tôn giáo Cộng Sản - *như Khrutshchev mô tả* - và không lúc nào tách khỏi sự chỉ đạo của Đệ Tam Quốc Tế, cụ thể là Liên Xô, nên luôn hướng cuộc kháng chiến xoay theo đích nhắm của khối Cộng Sản.

Kết quả là bất chấp 9 năm hy sinh xương máu của con dân, đất nước bị chia đôi tại vĩ tuyến 17, sau khi đã giành

được sự thống nhất Bắc-Trung-Nam với thỏa ước Élysée 1949 do nỗ lực của những người yêu nước.

Rõ ràng Hồ Chí Minh đặt nặng nhiệm vụ củng cố thế lực Cộng Sản hơn quyền lợi dân tộc nên dù luôn kêu gọi liên hiệp, hòa giải vẫn khăng khăng bảo vệ thế độc chiếm quyền hành, cắt đứt mọi điều kiện hình thành một khối dân tộc đoàn kết thực sự, kể cả bằng cái giá là chia đôi lãnh thổ.

Hiệp định Genève 1954 đã đem lại cho Hồ Chí Minh một nửa phần đất nước tựa lưng vào hậu phương Trung Cộng để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp nối của cuộc chiến cục bộ tại Đông Nam Á trong cách mạng thế giới, đẩy Việt Nam vào cục diện tranh chấp mới trong cuộc chiến ý thức hệ giữa Cộng Sản và thế giới tự do. Đây cũng là thời kỳ tranh đấu thứ ba của Hồ Chí Minh.

Thời kỳ thứ ba khởi từ 1954 với nhiệm vụ trước mắt là *"chiếu cố miền Nam"* theo nghị quyết của Đảng Cộng Sản

Trong thời kỳ này, bộ máy quyền lực tại miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh tiếp tục được vận dụng gần như không rời phương hướng cũ. Các chính sách rèn cán chỉnh quân, thanh lọc hàng ngũ, cải cách ruộng đất, cải tạo thương nghiệp... nhắm mục tiêu chủ yếu là củng cố tổ chức và quyền lực cho Cộng Sản đã làm tê liệt mọi sinh hoạt xã hội đồng thời gieo rắc thảm họa tang tóc khắp nơi.

Kết luận này không do gán ghép để chỉ trích Hồ Chí Minh mà được nói lên từ thực tế xã hội miền Bắc qua ghi nhận của chính các đảng viên Cộng Sản.

Theo Bùi Tín, *thực tế đã dẫn đến những nỗi khổ ải của nhân dân, sự đổ vỡ của nền kinh tế, sự lạc hậu triền miên của xã hội, tình trạng nghèo đói và bất công của số đông là những thất bại nặng nề mà Hồ Chí Minh và ban lãnh đạo đảng Cộng Sản chịu hoàn toàn trách nhiệm dù cho ông có thiện chí, có mong muốn tốt đi nữa.*[12]

Ngày 29/10/1956, trước công chúng tại sân vận động Hàng Đẫy Hà Nội, Võ Nguyên Giáp đã nói rõ hơn về nguyên nhân dẫn đến những thất bại đó:

"*Chúng ta đã giết quá nhiều người lương thiện ... chỗ nào cũng thấy địch và dùng tới khủng bố tràn lan ... Khi chỉnh đảng, chúng ta quá chú trọng tới giai cấp xã hội thay vì chỉ căn cứ vào khả năng chính trị mà thôi. Thay vì lấy giáo dục làm chính, ta chỉ dùng tới những biện pháp tổ chức như phạt kỷ luật, khai trừ, xử tử, giải tán tổ chức chi nhánh đảng hay những chi bộ đảng. Tệ hơn nữa, tra tấn được coi như việc bình thường trong thời gian chỉnh đốn tổ chức đảng.*"[13]

Việc xây dựng miền Bắc theo hướng củng cố và bành trướng sức mạnh cho đảng Cộng Sản bằng mọi cách, kể cả chém giết, dẫn đến một xã hội

"*sống kín mít...giống như đứng dưới đáy giếng. Ăn, mặc, ở, quan hệ với nhau coi như ổn, không thành vấn đề. Mặc gần như đồng phục, ăn uống cũng gần giống nhau, theo mức của tem phiếu. Lấy vợ lấy chồng cũng giống nhau, được phép của đảng, của tổ chức, đám cưới đơn sơ giản dị... không cần có động cơ vun đắp lứa đôi... chẳng khác gì xưa bố mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Nay là tổ chức đặt đâu, đảng đặt đâu xin ngồi nguyên đấy cho yên phận... Thế là trong gần 30 năm, do điều kiện chiến tranh, do chính sách bế quan tỏa cảng, hàng chục triệu nhân*

dân Việt Nam bị tước quyền được là công dân thế giới... Lý lịch là bản mệnh cán bộ và công dân. Nhận xét của cơ quan tổ chức cán bộ và cơ quan công an là có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh chính trị mỗi người. Đối với công dân được nhận xét là trung thành với chế độ, thông suốt chính sách của đảng và nhà nước là điểm son. Đối với cán bộ thì lập trường chính trị vững vàng, thông suốt đường lối chính sách, tin tưởng ở đảng và nhà nước, không có gì vướng mắc... là điểm ưu.[14]

Kiểu mẫu xã hội đó chắc chắn không cần thiết và cũng không phù hợp với nguyện vọng sống bình thường của con người ở mọi nơi, nhưng cần thiết cho đảng Cộng Sản Việt Nam để đẩy mạnh đấu tranh giai cấp với mục tiêu trước mắt là *"chiếu cố miền Nam"*.

Biến xã hội miền Bắc thành trại lính là điều kiện bảo đảm cho sự tiến hành chính sách *chiếu cố miền Nam* bằng bạo lực. Đảng Cộng Sản đã trù liệu chiến tranh từ khi ký hiệp định Geneva 1954 với kế hoạch chôn giấu vũ khí, cài đặt "cơ sở" tại miền Nam và chiến dịch dụng vợ gả chồng cho cán binh trước khi tập kết ra Bắc để tạo tương quan tình cảm...

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh và các đồng chí đã nhìn thấy sự từ khước chủ nghĩa Cộng Sản của đa số dân chúng, nhất là của những phần tử dân tộc yêu nước đang nắm quyền ở miền Nam, sau quá nhiều kinh nghiệm đoàn kết bi thảm với Cộng Sản trước và sau 1945.

Cũng hơn ai hết, Hồ Chí Minh và các đồng chí tự hiểu họ đã chọn con đường chỉ có một hướng nhắm duy nhất là tiêu diệt mọi xu hướng dị biệt. Khi các chiêu bài liên hiệp, đoàn kết để hãm hại ngầm không còn điều kiện tiến hành thì giải pháp duy nhất là sử dụng binh lực.

Bởi vì đích nhắm cuối cùng của Hồ Chí Minh với tư cách đảng viên Cộng Sản là góp phần vào cách mạng thế giới để tạo dựng một thế giới đại đồng dưới nền chuyên chính vô sản. Trong khuôn khổ cách mạng đó, mọi người Cộng Sản đều có nhiệm vụ tham gia trận chiến liên tục trường kỳ cho tới khi đạt thắng lợi cuối cùng.

Cho nên, phát động chiến tranh để chiếu cố miền Nam trở thành tất yếu, ngoài trừ trường hợp không thể xẩy ra là Hồ Chí Minh từ bỏ khối Cộng Sản để đặt mục tiêu phụng sự dân tộc lên hàng đầu và chân thành đoàn kết cùng mọi phần tử yêu nước khác chính kiến.

Bùi Tín vẫn nghĩ Hồ Chí Minh là người yêu nước vẫn phải nhận định:

"*Trở nên cán bộ của Quốc Tế Cộng Sản Ba, ông bị ảnh hưởng lớn của Stalin và Mao Trạch Đông, đích của ông là giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho đất nước và đích cao hơn nữa là cách mạng vô sản ở Đông Dương, ở châu Á và toàn thế giới... Sùng bái "mặt trời phương Đông", nể sợ "thiên triều" Bắc Kinh, ông Hồ đã truyền cho những người lãnh đạo khác ở quanh ông, cho cả đảng Cộng Sản một thái độ thụ động vô lý, mất hết khả năng phản kháng và tự vệ. Chính ông cũng bị cỗ xe Mác-Lenin và tư tưởng Mao Trạch Đông đè lên đầu trong khi cả Đảng Cộng Sản và xã hội bị cỗ xe ấy nghiền nát*".[15]

Tuy thế, Bùi Tín cho rằng

"*không phải bất cứ lúc nào Hồ Chí Minh cũng chỉ là tay sai ngoan ngoãn, trung thành và mù quáng của Đệ Tam Quốc Tế." Chứng cớ được viện dẫn là Hồ Chí Minh đã giữ thái độ tự chủ trong lãnh đạo chiến tranh. Không nghe theo lời Mao và Lâm Bưu khuyên là ở miền Nam chỉ nên duy trì chiến tranh du kích, chỉ nên đánh ở cỡ đại đội ... cũng không nghe theo lời*

Liên Xô khuyên là nên hạ súng tìm giải pháp hòa bình vì Việt Nam không thể chống nổi Mỹ về mặt quân sự.[16]

Trong tác phẩm của mình, Bùi Tín nhắc lại sự việc này nhiều lần, coi là ưu điểm của Hồ Chí Minh, "*cùng với một số người lãnh đạo khác trong Đảng không mù quáng theo lời khuyên của Mao là chỉ nên tiến hành chiến tranh du kích ở miền Nam và cũng không theo sức ép của Liên Xô là phải ngừng chiến tranh để tìm một giải pháp thương lượng nhằm chung sống hòa bình bằng mọi giá*".[17]

Cứ cho rằng đây là ưu điểm của Hồ Chí Minh thì đã dẫn đến kết quả thực tế ra sao?

Trước hết, Hồ Chí Minh vẫn đặt Việt Nam vào cuộc chiến ý thức hệ với mục tiêu bành trướng ảnh hưởng Cộng Sản thay vì đặt quyền lợi dân tộc vào hướng nhắm cuối cùng để giải quyết mọi mâu thuẫn với các lực lượng đối lập.

Vì điều mà Bùi Tín kể như ưu điểm do sáng suốt, không mù quáng của Hồ Chí Minh chỉ là *từ chối thương lượng và cương quyết mở lớn qui mô chiến tranh*.

Hồ Chí Minh và các đồng chí đã đạt ý muốn là đánh bại các phe phái đối lập, giành trọn quyền lãnh đạo để thành lập nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Nhưng cái giá thực tế mà dân tộc Việt Nam phải trả từ 1954 tới 1975 khó thể diễn tả là gì ngoài thảm cảnh tương tàn bi đát kinh hoàng với tất cả mọi người dân trên khắp các miền đất nước.

Thời kỳ thứ ba trong cuộc đời tranh đấu của Hồ Chí Minh tại miền Bắc là các *chính sách chỉnh đảng, chỉnh quân, cải cách ruộng đất, cải tạo thương nghiệp, ba khoan ba chống,*

ba đảm đang ba sẵn sàng... tới nay vẫn là ác mộng của nhiều người dân khi nhớ lại và còn lưu dấu trong tác phẩm của nhiều tác giả như Dương Thu Hương, Phùng Thế Lộc, Tạ Duy Anh, Bùi Ngọc Tấn... hay trong hồi ký của Nguyễn Minh Cần, Bùi Tín, Vũ Thư Hiên...

Với miền Nam là những ngày đêm khắc khoải âu lo trước tai họa pháo kích bất ngờ, trước nguy cơ khủng bố ám sát và cảnh sống hãi hùng dưới những trận mưa bom đạn luôn sẵn sàng ập tới...

Hậu quả thực tế của thời kỳ này do *ưu điểm trong chỉ đạo chiến tranh* của Hồ Chí Minh là mọi nỗ lực xây dựng đất nước trên cả hai miền Nam Bắc bị hạn chế tối đa, ruộng đồng trở thành chiến địa, nhà cửa bị tàn phá với hàng triệu người bị sát hại và hàng triệu người khác trở thành tàn phế, kéo lê cuộc sống vô dụng đau đớn...

Theo Bùi Tín, đây là tấn bi kịch của cả dân tộc bắt nguồn từ lòng tin tuyệt đối của Hồ Chí Minh đặt vào chủ nghĩa Cộng Sản: "*Bi kịch của cả dân tộc cũng là của ông Hồ là chính ông đã đi đầu trong việc đưa chủ nghĩa Mác-Lênin, nhất là chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao vào Việt Nam*". *Bùi Tín nhắc lại ý kiến của Phan Chu Trinh về chọn lựa của Hồ Chí Minh ngay từ năm 1921 và viết: "Cụ Phan phê phán Nguyễn Ái Quốc về phương pháp cách mạng... một mực can ngăn Nguyễn Ái Quốc chớ chủ quan cho phương pháp của mình là đúng. Cụ còn phê phán Nguyễn là xưa nay, từ Âu sang Á, chưa ai làm cái việc như Nguyễn làm... Con đường cụ Phan chủ trương gần giống như con đường của các ông Gandhi và Nehru ở Ấn Độ. Đó là con đường bất bạo động, con đường nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, mở mang học*

vấn, cổ động tinh thần đấu tranh, đồng thời tranh thủ các thế lực dân chủ và tiến bộ ở chính quốc...Nếu như hồi ấy, đường lối đấu tranh đại loại như của cụ Phan để xướng được chấp nhận và thành hiện thực thì đất nước ta rất có thể đã khác hẳn hiện nay, vừa có độc lập thống nhất, có dân chủ và phát triển, có thể tránh được chiến tranh và tránh bị cỗ máy nghiền mà chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao đã đưa đến thông qua đảng Cộng Sản với biết bao hậu quả nặng nề chưa biết đến bao giờ mới khắc phục được..."[18] Mong mỏi của Bùi Tín không xa với mong mỏi của mọi người nhưng không trở thành hiện thực, vì Việt Nam đã được gắn vào cuộc chiến toàn cầu giữa khối Cộng Sản và thế giới tự do theo đường lối lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Từ giữa thập niên 20, Hồ Chí Minh đã tận lực đấu tranh đưa đất nước vào chiều hướng dẫn tới thực tế như được diễn tả. Thực tế này không thể là nền tảng vững chắc cho sự xưng tụng Hồ Chí Minh là nhà ái quốc hay đại anh hùng của dân tộc Việt Nam. Dù muốn dù không, sự nghiệp của Hồ Chí Minh đã gắn liền với những tàn phá khủng khiếp mà dân tộc phải gánh chịu.

Tuy nhiên, sẽ bất công nếu khẳng định Hồ Chí Minh chỉ là kẻ nuôi mưu đồ phản dân, hại nước. Trên thực tế Hồ Chí Minh đã bước vào đấu tranh do thúc đẩy của lòng yêu nước, góp mặt bên cạnh các lãnh tụ Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường.

Sự thay đổi sau đó không hẳn do Hồ Chí Minh muốn bán rẻ đất nước cho ngoại bang như nhiều người đã kết buộc mà chủ yếu do niềm tin mù quáng ở khám phá của mình để chọn lựa một lý tưởng bôi xóa dân tộc trong quan niệm phân chia giai cấp.

Hồ Chí Minh chắc chắn không muốn bán rẻ đất nước, nhưng đã biến giai cấp vô sản thành toàn thể dân tộc. Ngoài giai cấp vô sản, mọi thành phần giai cấp khác đều trở thành rắn độc trước mắt Hồ Chí Minh.

Quan niệm về đồng chí, đồng bào của Hồ Chí Minh đã đặt trên một nền tảng tư duy khác biệt hoàn toàn so với nền tảng tư duy thông thường. Khi triệt hạ những người yêu nước, Hồ Chí Minh có thể chỉ nghĩ đang thực hiện sứ mạng triệt hạ những con rắn độc để đem lại an toàn cho đời sống của con người đã được nêu rõ là chỉ gồm giai cấp vô sản.

Trong hoàn cảnh đó, không thể phủ nhận những ý định tốt - dù là mù quáng - để quả quyết Hồ Chí Minh chỉ có ý định phản dân hại nước. Nhưng, ý định tốt hay xấu không thể là nền tảng để đánh giá con người, nhất là những con người mà cuộc đời gắn liền vào lịch sử.

Trên thực tế, vẫn diễn ra không ít trường hợp *"nền hỏa ngục lát bằng những ý định tốt" - L'enfer est pavé de bonnes intentions"*.

Cho nên, tư tưởng gia Revel đã định nghĩa *"Lịch sử không phải là kết quả do những ý định của người ta mà là kết quả do những hành động của họ"*.

Những bạo chúa trong lịch sử nhân loại như Tần Thủy Hoàng, Néron hay những lãnh tụ khát máu như Hitler, Staline ... vẫn có thể theo đuổi ý định tốt nào đó, nhưng ý định này không thể xóa nhòa kết quả hành động của họ là hàng triệu nạn nhân bị tàn sát và những tai họa kinh hoàng mà con người phải gánh chịu. Do đó, đánh giá về Hồ Chí Minh, Revel không nghĩ Hồ Chí Minh có ý định xấu khi chọn lựa lý tưởng Cộng Sản và tôn thờ Lenin như thầy, như cha...

Vào lúc chọn lựa, Hồ Chí Minh có thể đang nuôi nhiều ý định tốt nhưng kết quả hành động rõ ràng chỉ đưa lại những thảm họa cho dân tộc Việt Nam:

"*... Những kết quả còn đó: Nô lệ, xương máu, chết chóc và đói khát. Đã trưng dụng cuộc chiến đấu chống thực dân để đưa đến một tình trạng suy sụp như thế thì chẳng còn cách gì chống chế để chạy tội cả. Trái lại, đây là một trường hợp phạm tội gia trọng, một vụ đánh cắp, một vụ lừa bịp không hơn không kém.*"

So với mọi cách đánh giá đã có, lối nhìn theo tiêu chuẩn thực tế của Revel là cách đánh giá trung thực và công bằng nhất, vì không mang nặng ảnh hưởng của những thiên kiến có tính gán ghép chủ quan.

Nhưng, khó thể gọi *kẻ đã hành động lừa bịp, đã phạm tội gia trọng là anh hùng yêu nước*, dù trong khi hành động vẫn có thể có ý định tốt là muốn phục vụ cho một mục tiêu lý tưởng nào đó. Vả lại, trong mỗi con người đều tiềm ẩn hai mặt tốt và xấu với những xu hướng khi nhịp nhàng ăn khớp với nhau, khi xung khắc loại trừ nhau.

Cá nhân Hồ Chí Minh dù là một chính trị gia, một lãnh tụ hẳn cũng có những xu hướng trái ngược, một bên là ông thánh, một bên là con quỷ, hay nói theo Pascal, một bên là thiên thần, một bên là con thú. Bi kịch là lòng ham muốn trở thành thiên thần quá mạnh lại dễ biến con người thành con thú.

Với cách đánh giá này, các cơ sở khác đã được nêu ra như lòng ái quốc bẩm sinh khiến Hồ Chí Minh sớm chọn ý hướng hy sinh, sống đời gian khổ vì dân, vì nước và được toàn dân sùng kính, triệt để tin theo không còn đáng kể nữa.

Dù vậy, vẫn có thể nhìn lại các luận cứ viện dẫn để nhận diện thêm về đối tượng.

Duiker là tác giả tiêu biểu cho những người đề cao Hồ Chí Minh dựa trên hai cơ sở này. Trong *Ho Chi Minh, a life*, Duiker dành nhiều trang tả thời thơ ấu của Hồ Chí Minh chìm ngập giữa tác động của lòng yêu nước và quả quyết Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra sự lạc hướng trong đấu tranh của các bậc tiền bối.

Theo Duiker, từ thuở mới lọt lòng, Hồ Chí Minh đã được mẹ ru bằng ca dao và những vần thơ Kiều rồi được nghe bà kể chuyện về các bậc anh hùng, được cha là một nhân sĩ yêu nước chống Pháp nhắc về các nhân vật lịch sử, được một người thợ rèn hàng xóm nói về các cuộc khởi nghĩa chống xâm lăng...

Trong không khí un đúc này, Hồ Chí Minh sớm nẩy nở tinh thần cứu nước và sớm nhận ra các phong trào đấu tranh lúc đó của các lãnh tụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... đều sai hướng nên năm 1911 đã xuất ngoại tự tìm lấy con đường cứu nước để trở thành nhà ái quốc vĩ đại, trở thành vị anh hùng dân tộc của Việt Nam.

Duiker trưng dẫn nhiều nguồn tài liệu khi viết *Ho Chi Minh, a life*, nhưng những trang viết về đoạn đời này của Hồ Chí Minh chỉ phản ảnh trọn vẹn tài liệu của các sử gia Cộng Sản Việt Nam.

Bùi Tín tuy ngưỡng mộ Hồ Chí Minh đã phát biểu về khuôn mẫu này như sau:

"*Những người viết sử ở Hà Nội theo sự chỉ đạo của Đảng đã tô vẽ ông Nguyễn Sinh Sắc thành một nhân vật cách mạng*

kiên cường chống thực dân nên bị mất chức, là cố tình bịa đặt sai sự thật. Việc nêu lên chuyện anh Nguyễn Tất Thành vì thấy cách mạng bế tắc do chủ trương Đông Du và cải lương thất bại nên ra đi để tìm đường cứu nước là cố nói lấy được nhằm tô vẽ lãnh tụ đã giác ngộ cách mạng từ lúc còn rất trẻ cũng là việc sai sự thật lịch sử".

Dựa theo các tài liệu xác tín[19] do sử gia Daniel Hemery sưu tập và nhiều nguồn tài liệu khác, Bùi Tín cho thấy cuộc đời thực của Hồ Chí Minh tương phản hoàn toàn với bức họa của William J. Duiker.

Trên thực tế, Nguyễn Sinh Sắc (cha của Hồ Chí Minh) chưa từng tham gia đấu tranh. Nguyễn Sinh Sắc sinh năm 1863, mồ côi cha mẹ năm 1868, được ông đồ Hoàng Xuân Đường đem về nuôi dạy. Năm 1881, Nguyễn Sinh Sắc thành con rể của Hoàng Xuân Đường, được cha mẹ vợ tặng cho một số vốn ra sống riêng, theo đuổi con đường cử nghiệp nhưng tiếp tục lận đận. Năm 1893, ông đồ Hoàng Xuân Đường qua đời nên Nguyễn Sinh Sắc cùng vợ con trở về sống chung với mẹ vợ.

Ngoài 30 tuổi, Nguyễn Sinh Sắc mới đậu cử nhân kỳ thi Hương 1894, nhưng năm 1895 thi trượt kỳ thi Hội.

Năm 1898, Nguyễn Sinh Sắc lại thi trượt nên đổi tên là Nguyễn Sinh Huy và đổi tên hai con trai từ Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Cung thành Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành.

Năm 1901, Nguyễn Sinh Huy thi Hội đậu Phó Bảng[20] và theo phép nước lúc đó, dân làng Kim Liên phải cất cho vị tân khoa một căn nhà lá 5 gian. Năm 1902, vợ Nguyễn Sinh Huy qua đời và năm 1904, Nguyễn Sinh Huy được bổ

nhiệm làm một viên chức nhỏ trong bộ Lễ nên dẫn các con về Huế.

Tháng 5, 1909, Nguyễn Sinh Huy được cử làm tri huyện Bình Khê, Bình Định, nhưng năm 1910 bị sa thải vì tội say rượu đánh đập đến chết một nông dân tên Tạ Đức Quang.

Sở Mật Thám mở cuộc điều tra xác định ngộ sát do Nguyễn Sinh Huy say rượu, nhưng Hội Đồng Nhiếp Chính ở Huế quyết định tước mọi chức quyền. Thế là gần 50 tuổi bị thu hồi ấn tín, sa thải khỏi quan ngạch, Nguyễn Sinh Huy vỡ mộng quan trường, lâm cảnh sinh kế cùng quẫn phải về Lộc Ninh làm giám thị cho một đồn điền cao su. Tại đây, Nguyễn Sinh Huy đã nhiều lần gửi đơn lên Khâm Sứ Trung Kỳ tả cảnh nghèo khó của mình để xin được giao cho một công việc nào đó.[21]

Bùi Tín viết về Hồ Chí Minh thuở đó đại để như sau:

"Năm 1911, khi anh thanh niên Nguyễn Tất Thành xuống tàu xuất dương, anh chưa nghĩ đó là đi tìm đường cứu nước... Bằng cấp anh có trong tay chỉ là bằng Certificat (tiểu học)... Anh vào trường Dục Thanh, Phan Thiết làm trợ giáo là do sinh kế. Bi kịch gia đình đang tác động mạnh mẽ đến anh. Ông Nguyễn Sinh Huy vốn nghiện rượu rất nặng...Bà Thanh kể rằng hồi ấy cứ lên cơn thèm rượu và say rượu là bà bị ông bố đánh bằng tay và bằng roi rất tàn nhẫn... Cho nên khi xuống tàu xuất dương, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đang ở tâm trạng bế tắc, việc học dở dang, ông thân sinh bị "đứt gánh" đột nhiên trên con đường hoạn lộ. Anh ra đi để cứu mình trước hết, tìm việc tìm nghề và phần nào để giúp gia đình...

Cho nên ngay khi vừa đến Pháp, ngày 15-9-1911, anh đã nộp đơn xin vào trường Thuộc Địa. Anh bị từ chối vì không

thuộc tầng lớp con cháu quan lại cao cấp bản xứ và không có học vấn khá. Từ đó, anh trở thành bồi tàu với mối lo lớn nhất là sự sống của gia đình và niềm mong ước là có lúc bản thân sẽ trở thành một maitre d'hotel...

Cuối năm 1912, khi tới New York, anh đã liên tiếp gửi 2 lá thư cho Khâm Sứ Trung Kỳ kèm theo số tiền 15 đồng bạc Đông Dương nhờ chuyển cho cha và "cầu mong Ngài Khâm Sứ vui lòng cho cha tôi được nhận một công việc như Thừa Biện ở các Bộ"[22]... Phải đến sau đệ nhất thế chiến 1914-1918, tư tưởng chính trị của Nguyễn Tất Thành mới thành hình rõ nét, sau khi tiếp xúc với Đảng Xã Hội, tiếp đó là Đảng Cộng Sản Pháp".

Theo Bùi Tín, Đảng đã chỉ thị cho các sử gia dựng lên khuôn mẫu nhân vật Hồ Chí Minh thuộc một gia đình chí sĩ cách mạng, được un đúc lòng yêu nước từ tuổi ấu thơ, cha bị cách chức vì chống chính sách sưu cao thuế nặng đối với dân chúng nên sớm nuôi chí đấu tranh rời quê hương đi tìm phương cứu nước cứu dân...

Không thể ngờ vực việc Đảng ra chỉ thị nhưng không thể quên rằng khuôn mẫu trên không do Đảng hay các sử gia mà do chính Hồ Chí Minh đã dựng lên trong tác phẩm *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* được Hồ Chí Minh viết dưới bút hiệu ẩn danh Trần Dân Tiên. Con người yêu nước từ thuở sơ sinh và sáng suốt hơn bất kỳ người Việt Nam nào của thế kỷ 20 chỉ là con người trong tưởng tượng của Hồ Chí Minh, sau đó được các nỗ lực tuyên truyền Cộng Sản trên khắp thế giới tô vẽ lại và Duiker tin theo. Con người này rõ ràng khác rất xa với con người viết thư cho một quan chức thuộc địa cầu xin ân huệ với lời lẽ như *"sự quan tâm cao quý của Ngài"* và

"xin Ngài nhận những lời chào kính cẩn của kẻ dân-con và kẻ tôi tớ chịu ơn Ngài"... Kẻ có lời lẽ đó không thể là khuôn mẫu anh hùng từ tuổi thiếu niên đã quyết bỏ trọn đời đấu tranh cứu dân cứu nước.

Duiker cùng các tác giả xưng tụng Hồ Chí Minh cũng nhắc rằng Hồ Chí Minh đã trải nhiều gian khổ, đã hy sinh mọi sinh thú cá nhân tận tụy đấu tranh để cuối cùng trở thành *nhà ái quốc vĩ đại, là vị anh hùng dân tộc lớn nhất* trong lịch sử Việt Nam ...

Trên thực tế, trọn đời đấu tranh của Hồ Chí Minh chỉ là lãnh lương của Đệ Tam Quốc Tế, đi lại đó đây như một du khách từ Pháp, qua Nga, qua Đức, qua Trung Hoa, qua Đông Nam Á... với cả nửa tá người tình. Gian khổ cùng cực của Hồ Chí Minh chỉ là 18 tháng bị Trung Hoa Dân Quốc bắt giữ do nhập cảnh trái phép và 13 tháng nằm trong nhà giam Hương Cảng của người Anh vì là tay sai Nga bị nghi ngờ muốn phá hoại Hương Cảng.

Hồ Chí Minh bị bắt không do đấu tranh cho đất nước, chưa qua một ngày trong ngục tù thực dân, không chịu một ngọn đòn tra tấn nào, dù chỉ là một cái bạt tai.

Cảnh ở tù được chính Hồ Chí Minh kể lại là "*mỗi tuần hai lần, chúng cho ông ăn thịt bò, cơm trắng... Mỗi ngày, chúng cho ông ra sân đi bách bộ mười lăm phút... Những buổi đi hỏi cung là những lúc nghỉ ngơi khoái nhất trong khi ở tù. Vì bọn mật thám thường mời ông hút thuốc lá Anh...*"[23]

Cảnh tù đầy đó so với cảnh sống của người dân Việt Nam hiện nay vẫn là cảnh thần tiên nên khó thể trở thành mức hy sinh gian khổ đủ khiến toàn dân kính phục tri ân người phải trải qua để xưng tụng là *Cha già dân tộc*. Danh

hiệu này cũng do Hồ Chí Minh tự gán qua cuốn sách viết về mình và được các họng loa tuyên truyền đổi thành lời xưng tụng của nhân dân.

Riêng người dân nghĩ về Hồ Chí Minh ra sao thì Vũ Thư Hiên từng có thời quấn quít bên Hồ Chí Minh, coi Hồ Chí Minh như người bác thực sự đã ghi lại lời của một bạn thân: "*Chúng ta nhầm... Ông Hồ cũng là vua như các ông vua khác, lại không phải vua hiền. Ông ấy biến những con người lương thiện thành những con quỷ. Ông ấy là Quỷ Vương*"[24]

Thái độ rõ rệt nhất đối với Hồ Chí Minh do thực tế nêu lên là hơn một triệu người dân miền Bắc ào ạt chạy vào Nam sau hiệp định Geneva 1954 khi biết miền Bắc sẽ đặt dưới sự lãnh đạo của "vị Cha Già Dân Tộc" và chọn lựa tương tự của số đông gấp nhiều lần với những nguy hiểm lớn gấp nhiều lần sau tháng 4, 1975 tạo thành những trang sử được Michel Tauriac diễn tả

"*đó là lịch sử của những người được gọi là boat people và còn được mệnh danh là những kẻ chết đắm của tự do. Lịch sử của một dân tộc đã bị tàn hại bởi thứ chính trị hận thù và phân rẽ của chủ nghĩa Cộng Sản*"[25]

Diễn tả vắn gọn của Michel Tauriac có thể coi là bao quát hết diễn tiến thực tế lịch sử Việt Nam từ giữa thập niên 1920 về sau. Mức tàn phá của thứ chính trị hận thù và phân rẽ theo quan điểm Cộng Sản trước hết đã đánh phá hàng ngũ người Việt Nam yêu nước đang đấu tranh đòi độc lập, khi Hồ Chí Minh hoạt động bí mật. Sau đó, khi Hồ Chí Minh giành được chính quyền thì toàn thể dân tộc trở thành đội ngũ tiền phong xung trận trong cuộc chiến ý thức hệ giữa hai khối cực quyền trên thế giới.

Tính chất kháng chiến giành độc lập được gán cho giai đoạn 1945-1954 và kháng chiến chống xâm lăng được gán cho giai đoạn 1954-1975 không hề phản ảnh thực tế mà chỉ là kết quả của một trận chiến tuyên truyền với phạm vi bao trùm dư luận khắp thế giới.

Trong giai đoạn 1945-1954, sự hiện diện của quân đội Pháp bên cạnh hàng ngũ yêu nước và sự có mặt của những người yêu nước trong hàng ngũ kháng chiến khiến các luận điệu che giấu tính cục bộ của cuộc chiến ý thức hệ bằng chiêu bài giải phóng dân tộc dễ được chấp nhận.

Trong giai đoạn 1954-1975, sự có mặt của quân đội Mỹ bên cạnh quân đội miền Nam tiếp tục bị khai thác theo hướng cũ với chiêu bài chống ngoại xâm cũng dễ thu đạt hiệu quả do các nỗ lực tuyên truyền của Cộng Sản.

Có thể nói không sợ lầm lẫn rằng trong cuộc chiến ý thức hệ, Cộng Sản luôn nắm ưu thế tuyệt đối về tuyên truyền.

Lý do trước hết là thế giới tự do không đặt nặng việc tuyên truyền trong khi Cộng Sản coi tuyên truyền là mặt trận quan trọng có tầm mức quyết định lớn hơn các mặt trận sử dụng bom đạn.

Lý do kế tiếp là Cộng Sản đã có một quá trình kết khối với kỷ luật rõ ràng là tuân hành mọi chỉ thị từ Liên Xô khiến mọi hành vi đều phối hợp nhịp nhàng với qui mô phủ khắp thế giới nên một luận điệu tuyên truyền được đưa ra ở nơi này sẽ lập tức được lập lại ở nhiều nơi khác để tăng cường tối đa hiệu quả.

Lý do khác không kém quan trọng là kỷ luật thép trong chính sách cai trị tại các quốc gia Cộng Sản và không khí

sinh hoạt dân chủ tại phía thế giới tự do. Mọi phương tiện truyền thông, thậm chí mọi lời nói của từng cá nhân tại các quốc gia Cộng Sản đều phải lập lại quan điểm của giới lãnh đạo trong khi người dân phía thế giới tự do có toàn quyền bày tỏ chính kiến theo bất kỳ quan điểm nào. Ưu điểm trong sinh hoạt dân chủ đã mở ra khoảng trống khổng lồ cho Cộng Sản tấn công tuyên truyền tại bất kỳ nơi nào, với bất kỳ thành phần quần chúng nào.

Cuối cùng, cuộc chiến Việt Nam với tính cục bộ trong cuộc chiến ý thức hệ đã thành cuộc chiến của mọi quốc gia Cộng Sản, mọi đảng Cộng Sản, mọi tổ chức Cộng Sản. Tất cả đều đứng trước đòi hỏi phải góp phần, vì là nhiệm vụ chung trên đường đấu tranh giai cấp để giành thắng lợi cuối cùng cho lý tưởng Cộng Sản, nên hợp quần chiến đấu trong mặt trận tuyên truyền bằng những luận điệu xuyên tạc thực tế, vu cáo bôi nhọ tạo một dư luận dẫn tới cô lập đối phương.

Trong diễn tiến tình hình, vũ khí chiến cụ do Liên Xô, Trung Cộng tiếp trợ gần như chỉ đủ giúp Cộng Sản Việt Nam mở các trận đánh duy trì tình trạng chiến tranh để toàn khối Cộng Sản khai thác vào mặt trận tuyên truyền với tầm mức quyết định kết quả cuộc chiến.

Trên mặt trận này, Hồ Chí Minh đã góp phần không nhỏ là dựng bản thân mình thành một người yêu nước, một anh hùng dân tộc để qua đó thu hút sự hỗ trợ của dư luận quốc tế tạo thành áp lực chính trị nặng nề cho đối phương. Khuôn mẫu nhân vật yêu nước Hồ Chí Minh do Hồ Chí Minh nêu lên đã được chép lại ở khắp nơi và chinh phục sự ngưỡng mộ của nhiều người.

Cuốn sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* ký tên tác giả Trần Dân Tiên chính là công binh xưởng số một, lò đúc võ khí vô tận không ngừng được tiếp tế tài nguyên dồi dào của bộ chỉ huy chiến tranh ý thức hệ toàn cầu ở Mạc Tư Khoa.[26]

Khuôn mẫu nhân vật yêu nước Hồ Chí Minh khiến nhiều người không nhìn ra một phần lý do khiến người Pháp ngay từ 1945 không muốn trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam là mối lo Liên Xô bành trướng qua Đông Nam Á nên đã phủ nhận tính cục bộ trong chiến tranh ý thức hệ của cuộc chiến Đông Dương I.

Không riêng dư luận quốc tế mà nhiều người ở trong nước cũng bị chinh phục bởi khuôn mẫu này. Do đó, đã có những người yêu nước đứng trong hàng ngũ do Hồ Chí Minh lãnh đạo và không thiếu người xin gia nhập đảng Cộng Sản vì tin rằng Đảng đang chiến đấu giành độc lập cho đất nước. Gương hy sinh chiến đấu của những người này đã góp phần không nhỏ vào việc tạo sự nể phục cho dư luận đối với lập trường cứu nước của đảng Cộng Sản và Hồ Chí Minh.

Thực ra, Hồ Chí Minh không chỉ tạo ra khuôn mẫu yêu nước cho bản thân bằng cuốn sách ký tên Trần Dân Tiên mà bằng rất nhiều thủ đoạn khác.

Cuối năm 1945, Hồ Chí Minh từng ôm Nguyễn Hải Thần khóc nức nở với lời nói tha thiết: "*Cả Nam Bộ lại lọt vào tay thực dân Pháp. Mong cụ và anh em Việt Nam Quốc Dân Đảng hãy vì Tổ Quốc Việt Nam gánh vác trách nhiệm chung với chúng tôi*". Tính chất của lời nói đã được chứng minh bằng hành vi thực tế đối với Nguyễn Hải Thần và Việt Nam Quốc Dân Đảng vào mấy tháng sau.

Trước đó, Hồ Chí Minh từng tuyên bố giải tán Đảng Cộng Sản để chứng tỏ một lòng vì dân tộc, trong khi trên thực tế đảng Cộng Sản vẫn tiếp tục hoạt động và năm 1951 đổi tên để tái xuất hiện công khai. Về sự việc này, Nguyễn Minh Cần đã ghi lại lời lẽ và cử chỉ của Hồ Chí Minh trong hội nghị quyết định đổi tên Đảng:

"*Ông giơ cao nắp hộp thuốc lá thơm Craven 'A' của ông lên về phía có nhãn hiệu thuốc và nói: 'Đây là Đảng Cộng sản', rồi ông quay phía trong nắp không có nhãn hiệu và nói: 'Còn đây là đảng Lao Động'. Ông lại lớn tiếng hỏi: 'Thế thì các cô các chú có thấy khác gì nhau không?' Cả hội trường đồng thanh đáp vang: 'Dạ không ạ.' Ông nghiêm nghị nói: 'Các cô các chú nên biết rằng việc đổi tên đảng ta, bác đã xin ý kiến các đồng chí Stalin và Mao Trạch Đông rồi* (*chúng tôi được biết hồi ấy ông vừa đi Moskva về*)*, các đồng chí đã đồng ý. Các cô các chú nên biết rằng: Ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được.' Cả hội trường vỗ tay rầm rầm.*"[27]

Cung cách và hành vi của Hồ Chí Minh nếu được những người như Douglas Pike, Robert Shaplen, Halberstam... coi là biểu hiện mức độ tài năng siêu việt thì bị nhiều người khác, thậm chí cả Honey, Sainteny... nhìn thành hiểm ác, xảo trá. Những hướng nhìn đó không đánh giá chính xác con người Hồ Chí Minh để giải đáp nghi vấn vẫn treo lơ lửng là nhà anh hùng cứu nước hay kẻ đại phản quốc.

Thay vì khen chê theo những tiêu chuẩn đạo đức hay khả năng cần đặt mọi cung cách, ngôn ngữ và hành vi đó thành nền tảng cho sự xác định con đường phục vụ và phương pháp đấu tranh của Hồ Chí Minh.

Bằng thực tế, Hồ Chí Minh cho thấy đã gắn bó với đức tin của một tín đồ vào tín ngưỡng Cộng Sản từ năm 1921. Sau sự chọn lựa này, Hồ Chí Minh đã tận tụy không ngừng trong việc thực hiện sứ mạng tông đồ nên ngay từ năm 1926, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở các đồng chí rằng *dân tộc chỉ là màu sắc và chủ nghĩa ái quốc là điều nguy hiểm.*

Bởi vì, trong giáo điều của tín ngưỡng Cộng Sản không hề có quốc gia dân tộc mà chỉ có giai cấp và giai cấp duy nhất được quyền tồn tại là giai cấp vô sản theo đúng quy luật biện chứng lịch sử. Các giai cấp khác bắt buộc phải bị đào thải theo những ý thức hệ phụ thuộc bao gồm mọi hình thái chủ nghĩa đế quốc thực dân, quốc gia dân tộc...

Trước mắt Hồ Chí Minh chỉ còn duy nhất *"chủ nghĩa Mác-Lenin là ánh sáng chân lý, là mặt trời đưa lại nguồn vui"* và con đường phục vụ của Hồ Chí Minh hướng trọn về phía ánh sáng chân lý này.

Sở dĩ Hồ Chí Minh luôn xuất hiện dưới vóc dáng người yêu nước, một tín đồ dân tộc chủ nghĩa, vì theo nguyên tắc sách lược Lenin, phải thích ứng với thực tế từng giai đoạn để từng bước tiến lên. Không thể với *một bước nhảy vọt hoặc theo một con đường thẳng tắp để đi từ chân lên đỉnh núi.* Dù không muốn, vẫn phải tùy địa thế dựa theo các triền dốc, uốn theo các khúc quanh. Vóc dáng người yêu nước hay màu sắc dân tộc chính là những khúc quanh, những triền dốc bắt buộc phải bám theo trong phương pháp đấu tranh để đi tới mục tiêu cuối cùng.

Trên tờ *Học Tập*, cơ quan lý luận và tuyên huấn của đảng Cộng Sản Việt Nam, số tháng 1-1960 nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập đảng, Hồ Chí Minh đã viết: *"Năm*

nay đảng ta 30 tuổi chẵn.... Chúng ta chân thành cảm ơn đảng Cộng Sản Liên Xô và đảng Cộng Sản Trung Quốc đã giúp ta tự rèn luyện thành một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân."

Trong cùng số báo đó, Lê Duẩn viết: *"30 năm nay, lý luận khoa học Mác-Lênin luôn luôn là kim chỉ nam cho mọi hành động của đảng ta"*

Lênin đã phát biểu:

"Chiến tranh lật đổ chế độ tư sản quốc tế là cuộc chiến tranh trăm phần khó khăn, lâu dài, phức tạp hơn bất cứ cuộc chiến tranh nào giữa các quốc gia. Nếu ngay từ đầu đã từ bỏ không chịu dùng những con đường quanh co, khai thác các mối mâu thuẫn, xung đột quyền lợi thường chia rẽ các đối phương, không chịu thỏa hiệp ký kết thì có khác gì, trong một cuộc mạo hiểm leo núi chưa từng có ai đặt chân tới, mà lại từ chối ngay từ đầu, không chịu đi quanh co một đôi lúc và, đôi khi, quay đầu trở lại, để tìm một hướng đi mới?"[28]

Khai triển ý niệm trên, trong *Những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin*, Stalin đã viết:

"Nhiều người nghĩ rằng chủ nghĩa Lênin, nói chung, chống lại cải cách, hiệp ước và điều đình. Điều đó hoàn toàn sai. Người Bolshevick cũng biết rõ như ai rằng ở những hoàn cảnh nào đó, cải cách nói chung và điều giải, thỏa hiệp nói riêng, là điều cần thiết. Chiến sĩ cách mạng chấp nhận sự cải cách, để dùng làm một thứ mồi lửa phối hợp công tác bất hợp pháp, dùng làm nơi ẩn náu ngõ hầu tăng cường công tác bất hợp pháp, chuẩn bị quần chúng làm cách mạng lật đổ chế độ tư bản."[29]

Mọi cung cách nói năng và hành động của Hồ Chí Minh trong diễn tiến tình hình Việt Nam kể từ thập niên 1920, chiếu theo diễn giải của Stalin, chỉ là những điều giải, thỏa

hiệp mang tính ẩn náu trong từng giai đoạn hoặc các mồi lửa với mục đích tăng cường chuẩn bị lực lượng làm cách mạng lật đổ chế độ tư bản.

Trong trường hợp gạt bỏ nền tảng thực tế mà Revel đã nhắc tới để chỉ nhận diện Hồ Chí Minh trên nền tảng lý tưởng và phương pháp đấu tranh, việc xưng tụng Hồ Chí Minh là nhà đại ái quốc hay anh hùng dân tộc cũng hoàn toàn thiếu căn bản.

Hình ảnh chính xác nhất của Hồ Chí Minh vẫn là hình ảnh theo Krutshchev diễn tả: *"Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tôn giáo Cộng Sản... là vị thánh của chủ nghĩa Cộng Sản, người nhiệt thành xả thân vì đại nghĩa Cộng Sản"*. Vì thế, Krutshchev đã kêu gọi những người Cộng Sản: *"Các bạn phải tôn kính người này, hãy quỳ gối trước ông ấy để tỏ lòng biết ơn về những đóng góp vô vị lợi của ông ấy cho chính nghĩa Cộng Sản"*.

Với Cộng Sản, dân tộc chỉ là một tập hợp *đầy rẫy nọc rắn độc và chủ nghĩa yêu nước là điều nguy hiểm* - như Hồ Chí Minh nhắc nhở - nên sự đóng góp lớn lao cho chủ nghĩa Cộng Sản của Hồ Chí Minh đến mức lãnh tụ Krutschev đòi các đồng chí phải quỳ gối tôn kính cũng đồng nghĩa với sự tàn phá khủng khiếp mà dân tộc phải gánh chịu.

Dù theo đuổi ý đồ tốt đẹp nào trong tranh đấu, Hồ Chí Minh cũng không thể được đặt vào hàng ngũ yêu nước để trở thành anh hùng dân tộc.

Thái độ của người dân Đức hiện nay với Hitler hay người dân Nga hiện nay với Stalin có thể là thái độ thích hợp nhất đối với mọi người Việt Nam để dành cho thần tượng Hồ Chí Minh./.

Chú thích

[1] Tín đồ cộng sản là từ do chính đảng Cộng Sản Đông Dương dùng để gọi các đảng viên. Trong nghị quyết ngày 5/11/1945 tự giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương được Hồ Chí Minh công bố ngày 11/11/1945 có câu: *"Những tín đồ của chủ nghĩa Cộng Sản muốn tiến hành việc nghiên cứu chủ nghĩa sẽ gia nhập Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mã Khắc Tư ở Đông Dương"*

[2] Vẹm là từ ngữ xuất hiện từ chữ VM viết tắt của Việt Minh với hàm nghĩa nói dối. Tiếng Vẹm rất phổ biến trong quần chúng Việt Nam từ 1945: *Nói dối như Vẹm...*

[3] Dùng thay cho tên Nguyễn Ái Quốc mang từ khi gia nhập đảng Xã Hội Pháp đầu năm 1919 và được nhắc tới nhiều từ sau tháng 6, 1919.

[4] *Bác Hồ trên đất nước Lenin,* Hồng Hà, tr. 190

[5] *Mặt Thật,* Thành Tín, tr. 120-121

[6] Xin xem *Hồ Chí Minh, tên phản quốc...,* Nguyễn Phương Minh .

[7] *Biên niên tiểu sử, Tập I, tr. 224*

[8] *Những năm tháng không thể nào quên,* Võ Nguyên Giáp, tr. 13

[9] A Dragon Embattled, Buttinger, tr.402 viết về khung cảnh Việt Nam sau hiệp ước 6/3/1946: "... Những cuộc tuần tiễu hỗn hợp Pháp - Việt Minh được thành lập để giữ trật tự và đề phòng bạo động chống Pháp thêm nữa. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu. Những bước tiếp theo cho thấy Việt Minh đã nhìn ra rằng đây là dịp tốt để họ tiêu diệt các đảng thân Trung Hoa và người Pháp vốn coi phe quốc gia không thể thỏa hiệp còn tệ hơn phe cộng sản chịu hợp tác nên quyết định ủng hộ Việt Minh trong vấn đề này. Nhằm mục đích loại trừ kẻ thù không cộng sản, Pháp đã trở thành đồng minh tạm thời của Việt Minh."

[10] Nguyên văn tiếng Pháp: "La France reconnait solennellement l'indépendance du Vietnam auquel il appartient de réaliser librement son unité. De son côté, le Vietnam proclame son adhésion à l'Union Française en qualité d'État associé à la France. L'indépendance du Vietnam n'a d'autres limites que celles que lui impose son appartenance à l'Union Française".

[11] Trong *The Struggle For Indochina*, Ellen J. Hammer ghi Quốc Hội Pháp phê chuẩn Thỏa Ước Élysée ngày 23-4-1949. Thực ra vào ngày trên

chỉ mới có việc Hội Đồng Lãnh Thổ Nam Kỳ thông qua sáp nhập Nam Kỳ vào Việt Nam. Từ đó cho tới ngày 2-2-1950 là ngày Quốc Hội Pháp phê chuẩn bản thỏa ước, giao dịch giữa Việt Nam và Pháp chỉ dựa trên văn thư chính thức giữa các đại diện hành pháp là Auriol, Pignon và Bảo Đại.

12-14 18 *Mặt thật,* Bùi Tín, tr. 99, 128-129 & 134, 39, 91, 99, 98-102

13 *Vision accomplished?,* Nguyễn Khắc Huyên - tr. 260

19 21 tài liệu gồm thư của Nguyễn Sinh Huy (cha Hồ Chí Minh) gửi Khâm Sứ Trung Kỳ, thư của Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) gửi Khâm Sứ Trung Kỳ, công văn của Sở Mật Thám Trung Kỳ, lời khai của trưởng làng Kim Liên, lời khai của các hương chức Kim Liên, lời khai của Nguyễn Tất Đạt (anh Hồ Chí Minh), lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh (chị Hồ Chí Minh), ghi chép của Sở Mật Thám Nam Bộ, điện của Toàn Quyền Đông Dương ...

20 Từ thời Minh Mệnh, bãi bỏ chức Trạng Nguyên nhưng thêm Phó Bảng là bậc cuối cùng trong 5 cấp đậu trong kỳ thi Hội theo thứ tự sau: Bảng Nhãn, Thám Hoa, Hoàng Giáp, Đồng Tiến Sĩ Xuất Thân và Phó Bảng.

21 Nguyễn Lý Tưởng, tác giả *Thuyền Ai Đợi Bến Văn Lâu* (Tác giả XB, Nam Cali, 2001) cho biết, theo lời kể của ông Võ Như Nguyện, con cụ Võ Bá Hạp bạn thân và đồng môn với cụ Phan Bội Châu (tuy kém Phan 10 tuổi), ông Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ ông Hồ, sau khi vợ chết và bị mất chức, đã đem ba người con là Nguyễn Thị Thanh tức Kim Liên, Nguyễn Tất Đạt tức cả Khươm hay Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Côn tức Nguyễn Tất Thành vào Huế gửi ông nội của ông Nguyện là cụ Võ Văn Giáp trông coi hộ. Ông Võ Như Nguyện cũng kể rằng, khi ông bị Việt Minh bắt sau cách mạng Tháng Tám, chính ông Nguyễn Tất Đạt, tức Cả Khiêm đã tự động can thiệp với Trần Hữu Dực lúc ấy là chủ tịch Việt Minh Trung Bộ thả ông, vì nhớ ơn gia đình ông. Hiện ông Võ Như Nguyện sinh sống tại Pau, miền Nam nước Pháp. - xem SĐD trang 73- 75.

22 Một đoạn thư của Hồ Chí Minh ký tên Paul Tất Thành viết ngày 15/12/1912 như sau: "J'ose même désirer vous prier de bien vouloir lui accorder un emploi comme Thừa Biện des Bộ ou Huấn Đạo, Giáo Thụ, afin qu'il puisse se gagner sa vie sous votre haute bienveillance. En espérant que votre bonté ne refuserait la demande d'un enfant qui, pour

remplir son devoir, n'a l'appui que vous et en attendant votre réponse, veuillez agréer, Monsieur le Résident Supérieur, les respectueuses salutations de votre filial peuple et reconnaissant serviteur". PAUL TẤT THÀNH, New York le 15 Décembre 1912 - Tôi cầu mong Ngài vui lòng cho cha tôi được nhận một công việc như Thừa Biện ở các Bộ hoặc là Huấn Đạo hay Giáo Thụ để cha tôi sinh sống dưới sự quan tâm cao quý của Ngài. Với mong mỏi lòng tốt của Ngài sẽ không từ chối lời yêu cầu của một đứa con chỉ còn biết dựa vào Ngài để làm bổn phận của mình, xin Ngài Khâm Sứ nhận những lời chào kính cẩn của người dân-con và kẻ tôi tớ chịu ơn Ngài."

23 *Những mẩu chuyện trong đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch,* Trần Dân Tiên, tr. 90-91

24 *Đêm giữa ban ngày* - Vũ Thư Hiên, tr.251

25 *Vietnam, le dossier noir du Communisme* - Michel Tauriac - Bản Việt ngữ, tr. 82.

26 Về TUYÊN TRUYỀN có hàng trăm đề tài để nói. Chỉ xin đưa một ví dụ rất đơn giản về TIN ĐỒN. Một cán bộ được huấn luyện về tuyên truyền sẽ biết cách tạo ra tin đồn sao cho có nội dung gần với sự thật, nhưng không phải sự thật rồi chọn đúng nơi, đúng lúc, đúng người để gieo cái tin đồn đó. Nó khởi sự bằng cách khoác cái áo mờ ảo "nửa thật nửa giả". Những tin đồn loại đó sẽ tạo ra huyền thoại và nhiều huyền thoại sẽ tạo nên thần tượng. Không có huyền thoại không có thần tượng. Do đó thần tượng Hồ Chí Minh đã được tạo nên bởi phần lớn những huyền thoại do chính ông Hồ tạo nên trong tác phẩm tự kể về mình theo phương pháp "vẽ rồng không có đuôi". Huyền thoại còn được tạo nên bằng tin đồn do cán bộ tuyên truyền và khuấy động quần chúng sáng tác, được lặp đi lặp lại qua bộ máy truyền thông do họ nắm độc quyền. Khi đã giữ độc quyền truyền thông thì dễ dàng chi phối các tin đồn và đối phương hay dân chúng không có cách gì kiểm tra hay cải chính. Chính vì thế, ngay sau ngày 19 tháng 8 năm 1945, Việt Minh đã nắm ngay đài phátmới về tới HàNội, Việt Minh đã chiếm ngay nhà "Giây Thép", đài phát thanh và đặt mọi tờ báo dưới quyền Trần Huy Liệu bộ trưởng bộ tuyên truyền.

27 Xin xem *Đảng Cộng Sản Việt Nam qua những biến cố,* Nguyễn Minh Cần.

28–29 *Sách Lược Xâm Lăng của Cộng Sản,* Minh Võ, Saigon 1970, t. 68.

Chương 52
LỜI CUỐI SÁCH

Hết thẩy các tác giả viết về Hồ Chí Minh được đề cập trong những chương trên dù thuộc xu hướng nào đều đồng ý về hai điểm.

- Thứ nhất, Hồ Chí Minh là một tín đồ Cộng Sản và là một tín đồ thuần thành, tin tưởng tuyệt đối ở mục tiêu xây dựng của lý tưởng Cộng Sản cũng như hiệu năng của phương pháp đấu tranh do Lenin ấn định trong các nguyên tắc chiến lược sách lược được khai triển bởi Stalin.

Đối với Hồ Chí Minh, *chủ nghĩa Mác-Lenin là ánh sáng chân lý, là mặt trời đưa lại nguồn vui,* vì ngay từ 1923, Hồ Chí Minh đã khẳng định: "*Chỉ có chủ nghĩa Cộng Sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc nguồn gốc, sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa chỉ là vách*

tường dày ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau."

- Thứ hai, từ sau khi tham gia nhóm sáng lập Đảng Cộng Sản Pháp cho tới cuối đời, Hồ Chí Minh luôn là cán bộ Cộng Sản Quốc Tế thuộc thành phần lãnh đạo với nhiều nhiệm vụ cụ thể tại Trung Hoa và Đông Nam Á. Liên tục nhiều năm kể từ 1924, Hồ Chí Minh được Quốc Tế Cộng Sản trả lương và tài trợ mọi phí khoản để hoàn thành các công tác do ban lãnh đạo Cục Đông Phương của Quốc Tế Cộng Sản trao phó.

Hồ Chí Minh đã hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi công tác, nhất là các nhiệm vụ trên bán đảo Đông Dương, do đó, đã nhận được lời tán tụng nồng nhiệt của lãnh tụ Liên Xô Krutschev: "*Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tôn giáo Cộng Sản, là vị thánh của chủ nghĩa Cộng Sản, người nhiệt thành xả thân vì đại nghĩa ...Các bạn phải tôn kính người này, hãy quỳ gối trước ông ấy để tỏ lòng biết ơn về những đóng góp vô vị lợi của ông ấy cho chính nghĩa Cộng Sản, đã dành cho nó tất cả sức lực và khả năng của mình.*"

Ngoài hai điểm trên, nhận định về Hồ Chí Minh luôn đưa ra những hình tượng khác biệt, thậm chí hoàn toàn đối nghịch.

Với tác giả này, Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc vĩ đại nhất của Việt Nam thì với tác giả khác, Hồ Chí Minh là kẻ gieo rắc đại họa chưa từng có trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Với tác giả này, Hồ Chí Minh là người luôn chủ trương ôn hòa, giàu lòng nhân ái nhưng bị thủ hạ lấn áp, khống chế nên phải bó tay trước các chủ trương gây ra nhiều

thảm họa từ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh qua chính sách cải cách ruộng đất, đàn áp văn nghệ sĩ, trí thức, đối lập tới các chiến thuật biển người tại vùng Việt Bắc, Điện Biên Phủ trước 1954 và *chiếu cố miền Nam* bằng binh lực, ra lệnh Tổng Công Kích Tết Mậu Thân 1968... thì với tác giả khác hết thẩy những việc trên đều do chính Hồ Chí Minh quyết định.

Với tác giả này, Hồ Chí Minh là người ngay thẳng, trung thực, một lòng vì dân vì nước nên được toàn dân ngưỡng mộ suy tôn là Cha Già Dân Tộc thì với tác giả khác, Hồ Chí Minh là hiện thân của xảo quyệt, tàn ác, theo đuổi tham vọng cá nhân bằng mọi giá nên bị dân chúng căm thù từng đặt ra nhiều giai thoại để rủa xả, thậm chí gọi là Cáo già, là Quỷ Vương, là Hồ ly tinh...

Cũng thế, có tác giả cho rằng nếu không có Hồ Chí Minh, Việt Nam đã tránh được thảm họa chiến tranh và trở thành một quốc gia độc lập thống nhất phát triển từ lâu, nhưng lại có tác giả phát biểu Hồ Chí Minh là người lập công đầu trong việc giành độc lập và thống nhất cho đất nước vì đã lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến chống âm mưu xâm lược của các đế quốc thực dân Pháp - Mỹ...

Bỏ qua các động cơ do phe phái hoặc do mưu tính cá nhân với một dụng ý nào đó, sự khác biệt trong các nhận định xuất phát trước hết từ nhận thức về bối cảnh lịch sử Việt Nam trong thế kỷ qua.

Với một số tác giả, mục tiêu mà mọi phong trào, mọi lực lượng đấu tranh tại Việt Nam theo đuổi là chống lại các thế lực ngoại bang để giành độc lập, thống nhất quốc

gia. Quá trình đấu tranh tuy gồm nhiều giai đoạn đặc thù từ đầu thế kỷ nhưng toàn bộ cuộc đấu tranh chỉ thể hiện ý nghĩa duy nhất là tranh thủ và bảo vệ quyền sống tự do tự chủ cho dân tộc.

Trong quá trình đấu tranh này, lực lượng do Hồ Chí Minh lãnh đạo hoạt động hữu hiệu hơn hết và cuối cùng đã đem lại thành quả đúng với mong muốn của toàn dân.

Với số tác giả khác, Việt Nam đã giành lại chủ quyền và thống nhất lãnh thổ sau biến cố Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945, vì ngay từ ngày 11/3/1945, Bảo Đại đã tuyên bố hủy bỏ hiệp ước 1884 và sau đó, ngày 14.8.1945 hủy bỏ tất cả các hiệp ước bất bình đẳng 1862, 1874 do triều đình Huế ký với Pháp. Ngoài ra, ngày 27/4/1945, Bảo Đại đã ký dụ số 11 cử Phan Kế Toại làm Khâm Sai Bắc Kỳ và ngày 14/8/1945 ký dụ số 108, cử Nguyễn Văn Sâm làm Khâm Sai Nam Kỳ, thu hồi lãnh thổ về một mối.

Do Hồ Chí Minh muốn biến Việt Nam thành chư hầu của Liên Xô để mở rộng ảnh hưởng Cộng Sản tại Đông Nam Á nên năm 1945 Pháp phải can thiệp với mục đích ngăn chặn và dẫn đến sự có mặt của Mỹ sau 1954.

Không thể phủ nhận nền tảng thực tế của hết thảy các sự việc nêu trên, nhưng không thể nhìn toàn bộ diễn biến tình hình Việt Nam trong thế kỷ 20 chỉ qua một số sự việc được lọc lựa theo chủ quan.

Thực ra, tình hình Việt Nam là sự đan xen hết sức phức tạp của các sự việc đã được nhắc tới trong bối cảnh quốc tế cũng không kém phần phức tạp từ sau sự hình thành khối Cộng Sản Quốc Tế, nhất là sau khi chấm dứt đệ nhị thế chiến.

Ảnh hưởng mở rộng của Liên Xô tại Đông Âu nói riêng và trên thế giới nói chung đã hình thành rõ rệt thế lưỡng cực đối đầu quốc tế đặt dưới sự lãnh đạo của Liên Xô ở một phía và Mỹ-Anh-Pháp ở phía kia.

Giữa bối cảnh này, sự bừng tỉnh của ý thức dân tộc tự quyết cũng trở thành động cơ thúc đẩy hình thành phong trào đấu tranh tại nhiều quốc gia trên thế giới chống lại mọi chủ trương thực dân đế quốc, đặc biệt là tại các quốc gia đang bị mất chủ quyền hoặc đang bị khống chế dưới một hình thức nào đó bởi các cường quốc Tây Phương, cụ thể là các quốc gia nhược tiểu Á Phi và Nam Mỹ trong đó bao gồm cả Việt Nam.

Chính khối các quốc gia nhược tiểu này là mục tiêu chinh phục trước mắt của Liên Xô và vì thế trở thành mục tiêu phải bảo vệ của Mỹ-Anh-Pháp.

Cả hai khối cực quyền đều thấy rõ tình thế đối đầu một mất một còn nhưng không nhắm thẳng vào nhau mà tiến hành tranh chấp ở mức độ hạn chế theo quan điểm chiến lược riêng tại lãnh thổ các quốc gia nhược tiểu.

Liên Xô tuy theo đuổi mục tiêu xóa bỏ toàn bộ khối Tư Bản để thiết lập nền chuyên chính vô sản trên toàn thế giới như chủ nghĩa Cộng Sản đã ấn định, nhưng không thể rời xa nguyên tắc đấu tranh của Lenin là phải tùy giai đoạn, uốn theo *những khúc quanh để đi dần lên đỉnh núi*. Một khúc quanh trong chiến lược Lenin là khai thác các phần tử dân tộc yêu nước để từng bước tiêu hao sức mạnh của kẻ thù tư bản như đã được đề ra trong đại hội 5 Quốc Tế Cộng Sản vào tháng 6/1924.

Áp dụng nguyên tắc chiến lược này, Liên Xô đã duy trì

tình trạng chiến tranh thường trực, liên tục tấn công Tây Phương theo đúng chủ trương đấu tranh giai cấp, nhưng luôn ẩn mình sau chiêu bài giải phóng dân tộc vận dụng các lực lượng ngoại vi, thay vì công khai lộ diện trên trận tuyến.

Do đó tình trạng chiến tranh giữa hai khối cực quyền sau đệ nhị thế chiến đã được gọi là *chiến tranh gián chỉ* hoặc *chiến tranh lạnh* vì không có sự đối đầu trực tiếp bằng bom đạn giữa các phe đối địch mà chỉ diễn ra thông qua các lực lượng trung gian dưới nhiều hình thức tại các quốc gia nhược tiểu.

Mục tiêu trước mắt của Liên Xô là thúc đẩy khối nhược tiểu thù hận Tây Phương để thu hẹp phạm vi thế lực đối phương trong lúc bành trướng thế lực bản thân hầu tiến dần tới thế cô lập đối phương trước khi bước vào trận đánh cuối cùng.

Tất nhiên phản ứng của Tây Phương là ngăn chống mưu đồ tràn lấn này. Nhưng khi ngăn chống, Tây Phương luôn phải lộ diện công khai trên trận tuyến trong lúc quần chúng ở khắp nơi, ngay cả tại nội bộ các quốc gia Tây Phương, vẫn chưa hoàn toàn nhận thức rõ về mối hiểm họa Cộng Sản thường được nêu ra như lý do chủ yếu đòi hỏi phải hành động.

Thêm vào đó là sự tiếp tục hiện diện nhiều phần tử còn tiếc nuối chính sách thực dân trong chính giới Tây Phương bên cạnh những phần tử tiến bộ chủ trương tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc.

Tình thế chen lấn vàng, thau và nhận thức còn nhiều nghiêng ngả về các đường lối chính trị, kể cả nhận thức về mục tiêu đích thực của Cộng Sản, đã dẫn tới những chọn

lựa vội vã về thế đứng càng khiến cho thực tế trở thành phức tạp hơn. Tuy cục diện thế giới phân định rõ ràng thành hai khối cực quyền không thể cùng tồn tại do chủ trương tiêu diệt mọi ý hệ dị biệt của Cộng Sản, nhưng trên thực tế, hàng ngũ các lực lượng đấu tranh không kết thành trận tuyến rõ ràng theo phân định đó.

Cộng Sản luôn ẩn mình trong các lực lượng dân tộc yêu nước trong khi hàng ngũ Thế Giới Tự Do luôn có sự trà trộn của những phần tử không coi trọng việc ngăn chống Cộng Sản bằng các đường lối chính trị trục lợi.

Nói chung, thế đối đầu giữa hai khối Cộng Sản - Tự Do với danh xưng cuộc xung đột giữa hai khối Đông - Tây đã thực sự xảy ra ngay sau đệ nhị thế chiến, nhưng không hiện hình rõ rệt. Trong diễn tiến thực tế, tình trạng đối đầu chỉ là những cuộc chiến giành quyền lãnh đạo tại các quốc gia nhược tiểu được gọi là các cuộc chiến cục bộ hoặc như chính Hồ Chí Minh từng diễn tả: "*Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc thực dân tức là đánh tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó có qui mô thế giới mà cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận*".

Cộng Sản là một khối đồng nhất trong mọi hành động nên toàn thể các cuộc chiến cục bộ ở mọi nơi đều là những mặt trận liên kết thuộc một trận đánh mang tính quy mô thế giới dưới sự chỉ đạo của Liên Xô nhắm tấn công kẻ thù tư bản.

Trong khi đó, Tây Phương chỉ là một nhóm quốc gia với những chủ trương khác biệt nên nhiệm vụ ngăn chống Cộng Sản thường được coi là công việc riêng của từng quốc gia tùy theo khu vực bùng nổ các cuộc chiến cục

bộ. Sự yểm trợ quốc tế gần như chỉ bó hẹp giữa vài quốc gia đồng minh và giới hạn ở một số lãnh vực nào đó theo những thỏa thuận có điều kiện. Cuộc chiến Việt Nam 1945-1954 đã diễn ra trong khung cảnh này.

Quan niệm Đông Dương vốn là phần đất thuộc Pháp khiến người Anh chuyển giao vai trò giải giới quân Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16 gần như với ý nghĩa trả về cho Pháp việc ngăn chống Cộng Sản tại vùng đất này. Trong khi đó, trong chính giới Pháp vẫn hiện diện nhiều phần tử chưa thể dứt khoát từ bỏ toan tính tái lập quyền bảo hộ tại đây mặc dù đã thấy rõ bàn tay Liên Xô ở phía sau lực lượng do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Ít nhất từ tháng 9-1945 tới hết năm 1947, Pháp tuy đã tự đặt cho mình nhiệm vụ ngăn chống Cộng Sản nhưng nhiệm vụ này vẫn bị chi phối bởi các âm mưu khai thác như một chiêu bài nhắm thuyết phục Mỹ hỗ trợ việc tái lập chủ quyền ở Đông Dương là điều mà Mỹ quyết liệt phản đối.

Riêng Mỹ tuy biết chắc Hồ Chí Minh là cán bộ Quốc Tế Cộng Sản nhưng không tin tưởng hoàn toàn đường lối chính trị của Pháp nên đã chọn thế đứng trung lập sau khi cảnh giác Pháp về hiểm họa Cộng Sản có thể lan tràn khắp Đông Dương. Chính vì thế, vào những ngày mở đầu, cuộc chiến Việt Nam đã thể hiện gần như hiển nhiên ý nghĩa kháng chiến chống xâm lăng mặc dù phía người Pháp vẫn nhắc đến mục tiêu ngăn chống Cộng Sản.

Khi những khó khăn từ nội tình chính quốc khiến hy vọng thắng trận tại Đông Dương trở nên mờ mịt, nhất là trước viễn tượng Trung Cộng thành công tại Hoa Lục, Pháp mới khởi sự tìm liên kết với lực lượng dân tộc yêu nước Việt Nam.

Nhưng sự đổi thay này không dễ xóa nhòa ấn tượng dân tộc kháng chiến trong những ngày đầu của cuộc chiến. Vì thế ngộ nhận tiếp tục kéo dài với cả dư luận quốc tế lẫn quần chúng quốc nội, nhất là Cộng Sản dù nắm trọn quyền lãnh đạo vẫn luôn giấu kín hình tích, trong khi không thể phủ nhận sự hiện diện nhiều phần tử dân tộc yêu nước nơi hàng ngũ kháng chiến.

Song song với thực tế này là những khó khăn tất yếu tồn tại trong quá trình thực hiện liên kết giữa Pháp và lực lượng dân tộc yêu nước Việt Nam ở trận tuyến bên kia.

Hình ảnh các quan thuộc địa kéo dài từ ngót một thế kỷ không thể tan biến ngay, trong khi sự đối đầu giữa một đội quân viễn chinh với một lực lượng bản xứ luôn tạo ấn tượng về sự hiện diện giữa phe xâm lược ở phía này và phe yêu nước ở phía khác. Thành ra, dù Việt Nam thực sự trở thành cuộc chiến cục bộ trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ Cộng Sản - Tự Do ngay từ 1948, nhưng tính chất này tiếp tục bị vùi lấp.

Vai trò chủ động của lực lượng dân tộc yêu nước Việt Nam bên cạnh người Pháp trong trận tuyến ngăn chống Cộng Sản không được nhận ra, thậm chí còn bị xuyên tạc là một thứ bù nhìn cho thực dân.

Sau 1954, khi đất nước bị chia đôi và cuộc chiến đã chuyển sang một giai đoạn khác, lối nhìn này tiếp tục tồn tại với nhiều người bất chấp mọi thực tế lịch sử để đặt ngay người Mỹ vào vị thế cũ của người Pháp.

Nhưng thực tế phức tạp chỉ là một phần nguyên do dẫn đến cái nhìn thiếu chính xác về tính chất cuộc chiến Việt Nam, nhất là cuộc chiến sau 1954.

Nguyên do chủ yếu dẫn tới tình trạng ngộ nhận thuộc về trận tuyến tuyên truyền mà Cộng Sản liên tục nắm quyền chủ động.

Với quan niệm chiến tranh liên tục, trường kỳ và toàn diện, Cộng Sản không giới hạn sự đối đầu với kẻ địch trong một phương diện nào mà luôn tạo thế hỗ tương giữa nhiều trận tuyến, trong đó tuyên truyền là trận tuyến được đặc biệt chú trọng.

Trước hết, trận tuyến tuyên truyền không cần bom đạn vẫn đem lại thành quả lớn gấp bội lần so với những trận đánh sử dụng bom đạn.

Trong quan niệm đấu tranh Cộng Sản, tuyên truyền vận dụng mọi khả năng nên tiến hành dễ dàng ở mọi nơi, mọi lúc và gần như luôn tạo ra sức mạnh quyết định kết quả của mọi trận đánh. Tuyên truyền vừa tiêu hao lực lượng kẻ địch vừa biến đổi, chi phối kẻ địch theo ý đồ sai sử, vì tác dụng chủ yếu của tuyên truyền là thuyết phục, dẫn dắt tâm lý, tư tưởng đối tượng để xoay chuyển về một định hướng trù liệu.

Suốt hai giai đoạn chiến tranh Việt Nam từ 1945 tới 1975, trận tuyến tuyên truyền Cộng Sản không ngừng nỗ lực xoay chuyển tâm lý, tư tưởng mọi đối tượng theo hướng kết buộc các cường quốc Tây Phương, cụ thể là Pháp rồi Mỹ, đã nối nhau theo đuổi tham vọng thực dân đế quốc.

Mục tiêu của nỗ lực này không chỉ nhằm thuyết phục riêng quần chúng Việt Nam tham gia lực lượng do Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo mà nhằm gieo rắc thái độ bất bình, thù hận Tây Phương ở khắp nơi trên thế giới trong khuôn khổ cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu do Cộng Sản Quốc Tế phát động.

Phụ Lục

01 * ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG

bầu trong "Quốc Dân Đại Hội" Tân Trào 8/7/1945

* *Chủ Tịch*:

Hồ Chí Minh

* *Phó Chủ Tịch*:

Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Chu Văn Tấn.

* *Các ủy viên*:

Nguyễn Lương Bằng, Vũ Đình Hòe, Dương Đức Hiền, Cù Huy Cận, Nguyễnvăn Xuyến, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Văn Thạch, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Đình Thi.

Gọi là đại hội, nhưng thực ra chỉ có chừng ấy người tham dự.

02 * CHÍNH PHỦ ĐẦU TIÊN (Lâm Thời)

thành lập ngày 29/ 8/1945

- *Chủ Tịch kiêm Bộ Trưởng Ngoại Giao*: Hồ Chí Minh
- *Bộ Trưởng Nội Vụ*: Võ Nguyên Giáp
- *Bộ Trưởng Tuyên Truyền*: Trần Huy Liệu
- *Bộ Trưởng Quốc Phòng*: Chu VĂN Tấn
- *Bộ Trưởng Tài Chính*: Phạm Văn Đồng
- *Bộ Trưởng Kinh Tế*: Nguyễn Mạnh Hà
- *Bộ Trưởng Lao Động*: LÊ VĂN Hiến
- *Bộ Trưởng Thanh Niên*: Dương Đức Hiền
- *Bộ Trưởng Giáo Dục*: Vũ Đình Hòe
- *Bộ Trưởng Tư Pháp*: Vũ Trọng Khánh
- *Bộ Trưởng Giao Thông Công Chánh*: Đào Trọng Kim
- *Bộ Trưởng Y Tế, Vệ Sinh*: Phạm Ngọc Thạch

5 Bộ quan trọng Ngoại Giao, Nội Vụ, Tuyên Truyền, Quốc Phòng, Tài Chính đều do cán bộ cao cấp cộng sản giữ. Bộ Tuyên Truyền đối với Cộng Sản còn quan trọng hơn cả Bộ Quốc Phòng. Trần Huy Liệu chỉ đứng sau Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp

03 * CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP (Lâm Thời)

ngày 01 tháng 01 năm 1946

- *Chủ Tịch*: Hồ Chí Minh
- *Phó Chủ Tịch*: Nguyễn Hải Thần

Việt Quốc và Việt Cách giữ 2 Bộ Kinh Tế và Vệ Sinh. Còn lại là Việt Minh.

04 * CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP (Thứ Nhất)

ngày 02 tháng 03 năm 1946

- *Chủ Tịch*: Hồ Chí Minh (VM)
- *Phó Chủ Tịch*: Nguyễn Hải Thần (Việt Cách)
- *Bộ Trưởng Tư Pháp*: Vũ Đình Hòe (VM)
- *Bộ Trưởng Giáo Dục*: Đặng Thái Mai (VM)
- *Bộ Trưởng Tài Chính*: Lê Văn Hiến (VM)
- *Bộ Trưởng Công Chánh*: Trần Đăng Khoa (VM)
- *Bộ Trưởng Ngoại Giao*: Nguyễn Tường Tam (VNQDĐ)
- *Bộ Trưởng Kinh Tế*: Chu Bá Phượng (VNQDĐ)
- *Bộ Trưởng Y Tế*: Trương Đình Tri (Việt Cách)
- *Bộ Trưởng Canh Nông*: Bồ Xuân Luật (Việt Cách)
- *Bộ Trưởng Nội Vụ*: Huỳnh Thúc Kháng (Không đảng phái)
- *Bộ Trưởng Quốc Phòng*: Phan Anh (Không đảng phái)

*** Chú thích 1:** *Theo Võ Nguyên Giáp trong* ***Những năm tháng không thể nào quên****, 2 ghế đáng lẽ dành cho Nam Bộ, được dành cho các đảng đối lập, 2 Bộ Nội Vụ và Quốc Phòng dành cho trung lập. Việt Minh và Dân Chủ giữ 4 Bộ Tài Chính, Giáo Dục, Tư Pháp, Giao Thông. Việt Quốc và Việt Cách giữ 4 Bộ Ngoại Giao, Kinh Tế, Xã Hội, Canh Nông. Phó chủ tịch: Nguyễn Hải Thần (vắng mặt). Chính phủ thành lập trong nửa giờ, ngay tại Quốc Hội mà chủ tịch là Ngô Tử Hạ, một nhân sĩ Công Giáo.*

**** Chú thích 2: Theo Án Tích Cộng Sản Việt Nam của Trần Gia Phụng, tr. 78,*** *thêm Dương Đức Hiền giữ Bộ Thanh Niên, Nguyễn Văn Tạo giữ Bộ Lao Động, Nghiêm Kế Tổ giữ chức Thứ Trưởng Ngoại Giao, Cù Huy Cận giữ chức Thứ Trưởng Canh Nông.*

05 * CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP (Thứ Hai)

ngày 13 tháng 11 năm 1946

Cố Vấn Tối Cao: Vĩnh Thụy (Đã bỏ qua HK)
Chủ Tịch Kiêm Bộ Trưởng Ngoại Giao: Hồ Chí Minh
- *Bộ Trưởng Nội Vụ*: Huỳnh Thúc Kháng
- *Bộ Trưởng Quốc Phòng*: Võ Nguyên Giáp
- *Bộ Trưởng Tư Pháp*: Vũ Đình Hòe
- *Bộ Trưởng Tài Chính*: Lê Văn Hiến
- *Bộ Trưởng Giáo Dục*: Nguyễn Văn Huyên
- *Bộ Trưởng Canh Nông*: Ngô Tấn Nhơn
- *Bộ Trưởng Giao Thông Công Chánh*: Trần Đăng Khoa
- *Bộ Trưởng Lao Động*: Nguyễn Văn Tạo
- *Bộ Trưởng Y Tế*: Hoàng Tích Tri
- *Bộ Trưởng Xã Hội*: Chu Bá Phượng
- *Thứ Trưởng Ngoại Giao*: Hoàng Minh Giám
- *Thứ Trưởng Nội Vụ*: Hoàng Hữu Nam, Tức Phan Bôi
- *Thứ Trưởng Quốc Phòng*: Tạ Quang Bửu
- *Thứ Trưởng Tư Pháp*: Trần Công Tường
- *Thứ Trưởng Kinh Tế*: Phạm Văn Đồng
- *Thứ Trưởng Tài Chính*: Trịnh Văn Bính
- *Thứ Trưởng Giáo Dục*: Nguyễn Khánh Toàn
- *Thứ Trưởng Canh Nông*: Cù Huy Cận
- *Thứ Trưởng Giao Thông Công Chánh*: Đặng Phúc Thông
- *Quốc Vụ Khanh* (*Bộ Trưởng Không Bộ*): Nguyễn Văn Tố, Bồ Xuân Luật.

06 * THÀNH PHẦN DB QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN tháng 01-1946

- Mác xít: 10 đại biểu
- Xã hội: 27 đại biểu
- Dân chủ: 15 đại biểu
- Việt Cách: 22 đại biểu
- Việt Quốc: 26 đại biểu
- Việt Minh: 82 đại biểu

- Độc lập: 90 đại biểu.

(**các con số chính thức lúc ấy**)

07 * CHÍNH PHỦ LÂM THỜI CHMNVN

thành lập ngày 8/6/1969

- *Thủ Tướng*: Huỳnh Tấn Phát
- *Phó Thủ Tướng*: Phùng Văn Cung
- *Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng*: Trần Bửu Kiếm
- *Bộ Trưởng Quốc Phòng*: Trần Nam Trung
- *Bộ Trưởng Ngoại Giao*: Nguyễn Thị Bình
- *Bộ Trưởng Nội Vụ*: Phùng Văn Cung
- *Bộ Trưởng Kinh Tài*: Cao Văn Bốn
- *Bộ Trưởng Thông Tin Văn Hóa*: Lưu Hữu Phước
- *Bộ Trưởng Tư Pháp*: Trương Như Tảng
- *Bộ Trưởng Y Tế*: Dương Quỳnh Hoa
- *Bộ Trưởng Giáo Dục*: Nguyễn Văn Kiết

08 * NỘI CÁC CUỐI CÙNG

của triều Nguyễn với vua Bảo Đại

Thượng Thư Bộ Lại (*Nội Vụ, tương đương Thủ Tướng*): PHẠM QUỲNH

- *Thượng Thư Bộ Hộ* (Tài Chánh): Hồ Đắc Khải
- *Thượng Thư Bộ Lễ*: Ưng Ủy
- *Thượng Thư Bộ Hình* (Tư Pháp): Bùi Bằng Đoàn
- *Thượng Thư Bộ Học*: Trần Thanh Đạt
- *Thượng Thư Bộ Kinh* (Tế): Trương Như Định

09 * CHÍNH PHỦ TRẦN TRỌNG KIM

(**sau Nhật đảo chính Pháp**)

- *Thủ Tướng*: Trần Trọng Kim
- *Bộ Trưởng Nội Vụ*: Trần Đình Nam
- *Bộ Trưởng Ngoại Giao*: Trần Văn Chương
- *Bộ Trưởng Tài Chính*: Vũ Văn Hiền
- *Bộ Trưởng Kinh Tế*: Hồ Bá Khanh
- *Bộ Trưởng Tiếp Tế*: Nguyễn Hữu Thi
- *Bộ Trưởng Giáo Dục Và Mỹ Thuật*: Hoàng Xuân Hãn
- *Bộ Trưởng Tư Pháp*: Trịnh Đình Thảo
- *Bộ Trưởng Giao Thông Công Chánh*: Lưu Văn Lang
- *Bộ Trưởng Y Tế Và Cứu Tế*: Vũ Ngọc Anh
- *Bộ Trưởng Thanh Niên*: Phan Anh.

10 * VÀI BÚT HIỆU và BÍ DANH của HỒ CHÍ MINH

được nhắc tới trong sách

- NGUYỄN SINH CUNG
- NGUYỄN TẤT THÀNH
- BA
- PAUL
- NGUYỄN ÁI QUỐC, QUỐC, QUẮC hay NGUYỄN.
- LÝ THỤY, LY, LEE (phụ tá và thông ngôn của Borodin),
- VƯƠNG, VƯƠNG SƠN NHỊ,
- TRƯƠNG NHƯỢC TRỪNG
- TỐNG VĂN SƠ
- HỒ QUANG

- NILOPSKI (1925-1927 ở Hoa Nam)
- LIN, LINOV (khi ở LX)
- LU, LOU (phóng viên báo Rosta ở Hoa Nam)
- TRẦN DÂN TIÊN, TRẦN ZÂN TIÊN (bút hiệu)
- T. LAN (như trên)
- XYZ (bút hiệu)
- TRẦN LỰC (bút hiệu)
- LUCIUS (bí danh để liên lạc với OSS của Mỹ)

11 * NHỮNG NĂM SINH của HỒ CHÍ MINH

- 1890: (ngày 19 tháng 5) được chính thức công nhận. Nhưng không có gì bảo đảm là đúng, nhất là về ngày sinh.

- 1891: được anh ông Hồ là Nguyễn Tất Đạt, cũng gọi là Nguyễn Sinh Khiêm khai. Sơn Tùng (CS) và Cao Thế Dung khẳng định là đúng.

- 1892: được chính Hồ Chí Minh ghi trong đơn xin nhập học trường thuộc địa.

- 1893: theo bà Nguyễn Thị Thanh, chị ông Hồ khai

- 1894: ghi tại hồ sơ cảnh sát Pháp và sổ hộ làng Kim Liên.

- 1895: Nguyễn Ái Quốc khai tại tòa đại sứ Liên Xô ở Đức.

12 * CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ CỘNG SẢN

- QUỐC TẾ 1 hay ĐỆ NHẤT QUỐC TẾ:

tức Hội Quốc Tế Công Nhân do Marx và Engels lập ngày 28-9-1864 tại London, Anh Quốc. Giải tán năm 1876 tại Philadelphia, Hoa Kỳ.

- QUỐC TẾ 2 hay ĐỆ NHỊ QUỐC TẾ:

tức Liên Minh Quốc Tế Các Đảng Xã Hội thành lập tại Paris năm1889.

- QUỐC TẾ 3 hay ĐỆ TAM QUỐC TẾ

tức Comintern hay Quốc Tế Cộng Sản do Lênin lập năm 1919 tại Moscow. Giải tán theo lệnh của Stalin năm 1943.

- QUỐC TẾ 4 hay ĐỆ TỨ QUỐC TẾ

do Trotsky lập năm 1938 ở Pháp trong tình trạng bị trục xuất khỏi Liên Xô.

13 * CÁC ĐẠI HỘI QUỐC TẾ 3

từ đại hội 1 đến đại hội 7

- Đại Hội 1: từ 2 đến 6/3/1919

- Đại Hội 2: 1920 tại Petrograd (các đại hội khác họp tại Moscow)

- Đại Hội 3: từ tháng 6 đến tháng 7/1921

- Đại Hội 4: tháng 11 và 12/1922.

- Đại Hội 5: 17/6 đến 8/7/1924 có 504 đại biểu của 49 đảng Cộng Sản, 10 tổ chức quốc tế. Hồ Chí Minh là đại biểu đầu tiên và duy nhất của Đông Dương

- Đại Hội 6: ngày 8/9/1928, Hồ Chí Minh không dự, tả khuynh.

Chống thỏa hiệp, liên hệ với tư sản và các phong trào dân chủ. Lãnh tụ Cộng Sản Ấn M. N. Roy bị khai trừ vì chống đường lối của đại hội này. (*theo Hồng Hà*)

- Đại Hội 7: ngày 25/7/1935 cũng là đại hội chót của Quốc Tế 3.

Trong số 513 đại biểu của 76 đảng đại diện 3 triệu 140,000 đảng viên, có 3 người Việt Nam là Lê Hồng Phong, Tú Hưu và Nguyễn Thị Minh Khai.

Theo Hồng Hà,"Anh Nguyễn chỉ được mời với tư cách là *đại biểu tư vấn". Đề tài chính trong đại hội này là "chống chủ nghĩa phát-xít."*

14- CÁC ĐẠI HỘI

Đảng Cộng Sản Việt Nam

- Đại Hội 1: 1935, tại Macao. Số đảng viên chỉ mấy trăm, sau tháng 8/1945 lên 5.000 đảng viên. Ngày 11/11/1945, Đảng Cộng Sản tự giải tán, rút vào bí mật trở thành Hội Nghiên Cứu Mác Xít.

- Đại Hội 2: 1951, Hội Nghiên Cứu Mác Xít biến thành đảng Lao Động tại Tuyên Quang số đảng viên khi giải tán chỉ có khoảng 5.000, sau 6 năm lên 760.000.

- Đại Hội 3: 1960, tại Hànội (tất cả các đại hội từ nay đều ở Hànội). Lê Duẩn được cử làm bí thư thứ nhất.(danh xưng theo LX lúc ấy Khrutshchev cũng tự xưng bí thư thứ nhất. Thực chất không khác tổng bí thư.

- Đại Hội 4: 1976, Đảng Cộng Sản tái lập sau khi chiếm miền Nam. Số đảng viên là 1,553,500 (trong số 49.6 triệu dân, bằng 3,22% dân số toàn quốc). Lê Duẩn chủ trì.

- Đại Hội 5: 1982, 5 người bị loại khỏi Bộ Chính Trị: Võ Nguyên Giáp, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Linh.

- Đại Hội 6: 1986, quyết định "Đổi Mới", bầu Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí Thư.

- Đại Hội 7: 1991, Đỗ Mười làm Tổng Bí Thư.

- Đại Hội 8: 1996, Đỗ Mười và Lê Khả Phiêu

- Đại Hội 9: 2001, Nông Đức Mạnh.

15- DANH SÁCH 20 ĐẢNG VIÊN CSVN

được đào tạo tại trường Lao Động Đông Phương tại Mạc Tư Khoa (**Trường Stalin**)

01- Bùi Công Trừng (1905-1977)
02- Bùi Lâm, tức Nguyễn Văn Xích (1896- ?)
03- Dương Bạch Mai (1905-1964)
04- Hà Huy Tập (1902-1941)
05- Hồ Tùng Mậu (1896-1951)
06- Hoàng Văn Nọn (Tú Hưu)
07- Lê Hồng Phong tự Litvinov (1902-1942)
08- Ngô Đức Trì (1902-?), con Ngô Đức Kế
09- Nguyễn Hữu Cần
10- Nguyễn Khánh Toàn bí danh Robert (1905-1993)
11- Nguyễn Thế Rục (1905-1937)
12- Nguyễn Thế Vinh (1904-1945)
13- Nguyễn Thị Minh Khai hay cô Duy (1910-1941)
14- Nguyễn Văn Dựt
15- Nguyễn Văn Trấn bí danh Prigorny (1914-1998)
16- Phùng Chí Kiên (1901-1941)
17- Trần Ngọc Danh, em Trần Phú, (1908 -1950)
18- Trần Phú (1904-1931)
19- Trần Văn Giàu (1911)
20- Trần Văn Kiệt

Chú thích: *Trừ Trần Văn Giàu còn sống, Nguyễn Khánh Toàn và Nguyễn Văn Trấn tương đối thọ, hầu hết đều chết trẻ. Điểm đáng lưu ý là cả 20 người được đào tạo tại lò Stalin này, không ai có chân trong các chính phủ đầu tiên của Hồ Chí Minh. Ngay cả trong ủy ban giải phóng tiền cách mạng tháng tám cũng không. Như vậy chỉ có một mình Hồ Chí Minh do Liên xô trực tiếp đào tạo, rèn đúc, đại diện duy nhất của Quốc Tế 3, toàn quyền xử trí mọi việc.*

Thơ mục

A - TÁC GIẢ VIỆT NAM

BẢO ĐẠI

* ***Con Rồng Việt Nam,*** Nguyễn Phước Tộc, Cali 1990.
Nguyên tác "**Le Dragon D'Annam**", Ed. Plon, Paris 1980

BÙI NGỌC TẤN

- ***Chuyện kể năm 2000,*** Tuổi Xanh, Cali 2000
(bị Hà Nội tịch thu)

BÙI TÍN

- ***Hoa xuyên tuyết,*** Nhân Quyền, Paris 1991
- ***Mây mù thế kỷ,*** Đa Nguyên Paris 1998
- ***1945-1999 Vietnam, la face cachée du régime,*** Éditions Kergour, Paris 1999 (traduction de l'original)

Following HCM, the memoir of a North Vietnamese Colonel, publié à Londre en 1995 par Hurst & Company)

BÙI XUÂN QUANG

- ***HCM, sự thật về thân thế và sự nghiệp***, Nam Á Paris 1990

- ***Những điều trông thấy trong cuộc đời HCM,*** -nt-

CAO THẾ DUNG

- ***Ba mươi năm máu lửa.*** Alfa, Falls Church, VA. 1991

- ***Làm thế nào để giết một tổng thống?*** *Hòa Bình, Sài Gòn 1970.*

- ***Chân tướng HCM và Cộng Sản VN,*** Hưng Việt, USA 1988

- ***Việt Nam huyết lệ sử,*** Đồng Hướng, USA 1996

CHÍNH ĐẠO

- ***Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại,*** Văn Hóa, USA 1991

CƯỜNG ĐỂ

- ***Cuộc đời cách mạng,*** Hồi ký, Sài Gòn 1968

DƯƠNG THU HƯƠNG

- ***Những thiên đường mù,*** Hà Nội 1990

DƯƠNG TRUNG QUỐC

-***Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945,*** Nxb Giáo Dục, Hà Nội 2001

ĐẶNG HÒA

- ***Bác Hồ, những năm tháng ở nước ngoài***

Trung Tâm UNESCO & Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộcViệt Nam, Hà Nội 2001

ĐỖ MẠNH TRI

- ***Di sản Mác xít tại Việt Nam,*** Tự Do, Nam Cali 2002

HOÀNG HỮU QUỲNH

- *Tôi bỏ đảng,* Paris 1989

HOÀNG NGỌC THÀNH

- *Những ngày cuối cùng của TT Ngô Đình Diệm,* Cali 1994.

- *Why The Vietnam War? President Ngô Đình Diệm and the US. His overthrow and assassination*. Đại Nam Publishers, Cali 2001.

HOÀNG QUỐC KỲ

- *Ma đầu Hồ Chí Minh,* Mặt Trận Quốc Dân, Cali. 1995.

HOÀNG VĂN CHÍ

- ***From Colonialism to Communism,*** Frederick A Praeger, New York 1964

- ***Trăm Hoa đua nở trên đất Bắc,*** Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa, Sài Gòn 1959.

HOÀNG VĂN HOAN

- ***Giọt nước trong biển cả,*** Nhóm tìm hiểu lịch sử, 1991

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

- ***Lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam,*** Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội 1999

HỒ CHÍ MINH

- ***Toàn tập,*** Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1996

HỒ SĨ KHUÊ

- ***Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và mặt trận Giải Phóng,*** Văn Nghệ, Cali 1992.

HỒNG HÀ

- ***Bác Hồ trên đất nước Lênin,*** Thanh Niên, Hà Nội 2000.

HUY PHONG và YẾN ANH

- ***Exploring The Hồ Myth*** – Thằng Mõ, USA 1989

KIỀU PHONG

- ***Chân Dung Bác Hồ*** – Bất Khuất, USA 1989.

LÂM THÀNH LIÊM

- Chính sách cải cách ruộng đất của HCM, sai lầm hay tội ác? Nam Á, Paris 1990

LÊ TÙNG MINH

- **Vụ án thế kỷ đ- tròng vào cổ đảng CSVN,** Tạp Chí Cách Mạng, số 31, tháng 12-2002

LỮ GIANG

- ***Những bí ẩn lịch sử đàng sau cuộc chiến Việt Nam,*** Tác giả xb, USA 1998.

MINH VÕ

- *Sách lược xâm lăng của cộng sản,* Tác giả xb, Saigon 1963–1970

- *Phản Tỉnh Phản Kháng Thực Hay Hư,* Thông Vũ, Nam Cali 1999.

- *Tâm Sự Nước Non, Ai Giết HCM*? Tiếng Quê Hương, Virginia 2002

NGHIÊM XUÂN HỒNG

- *Lịch trình diễn tiến phong trào quốc gia Việt Nam,* Ngày Về, Denver 1985

NGUYỄN CHÍ THIỆN

- ***Hoa Địa Ngục,*** *tức* ***Bản chúc thư của một người Việt Nam,*** Văn Nghệ Tiền Phong, tháng 10-1980.

NGUYỄN KHẮC HUYÊN

- ***Vision Accomplished? The Enigma of HCM,*** Macmillan, New York 1971.

NGUYỄN LÝ TƯỞNG

- ***Thuyền ai đợi bến Văn Lâu,*** Tác giả xb Hoa Kỳ 2001.

NGUYỄN MINH CẦN

-***Đảng CSVN, qua những biến động trong phong trào CS Quốc Tế,*** Tuổi Xanh, 2001

NGUYỄN NGỌC HUY

-***Vị trí Hồ Chí Minh trong diễn tiến của tình trạng nhân quyền tại VN,*** Nam Á, Paris 1990.

NGUYỄN PHƯƠNG MINH

- ***Hồ Chí Minh, tên phản quốc số một của thời đại.*** Chưa xuất bản.

NGUYỄN QUANG NGỌC

- ***Tiến trình lịch sử Việt Nam,*** Nxb Giáo Dục, Hà Nội 2001

NGUYỄN THẾ ANH

- ***Hành trình chính trị của Hồ Chí Minh,*** Nam Á, Paris 1989

NGUYỄN THỊ BÌNH

- ***MTDTGP - CPLT tại hội nghị Paris về VN,*** Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội 2001

NGUYỄN THUYÊN

- ***Bộ mặt thật của Hồ Chí Minh,*** Tiếng Chuông, Australia 1990.

NGUYỄN VĂN CANH

- ***Vietnam under Communism, 1975- 1982,*** Hoover Institution, Stanford, University, USA 2002.

NGUYỄN VĂN TRẤN

- ***Viết gửi mẹ và quốc hội*** (bị Hà Nội tịch thu, 1995).

NHƯỢNG TỐNG

- ***Hoa cành Nam,*** Khai Trí, Sài Gòn tái bản 1973

PHẠM MINH

- ***Việt Nam đất nước tôi,*** Tổ chức Hưng Việt, Australia 2001

PHẠM VĂN SƠN

- ***Việt Sử Tân Biên*** – Đại Nam, Sài Gòn 1972

PHAN BỘI CHÂU

- ***Phan Bội Châu Niên Biểu,*** Nhóm Nghiên Cứu Lịch Sử, Sài Gòn 1972

- ***Phan Bội Châu Toàn Tập,*** Nxb Thuận Hóa, Huế 1990

PHÙNG THẾ TÀI

- ***Bác Hồ, những kỷ niệm không quên,*** Nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội 2002

SƠN TÙNG

- ***Tham luận về vai trò l-nh đạo của HCM,*** Bài đọc tại trường quản lý cán bộ, Hà Nội ngày 11-4-2001.

T. LAN

- ***Vừa đi đường vừa kể chuyện*** – NXB Trẻ, Sài Gòn 1999

TÔN THẤT THIỆN

- ***Cái đúng và cái giả dối về chuyện Hồ Chí Minh,*** Nam Á, Paris 1989

TRẦN DÂN TIÊN

- ***Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ chủ tịch.*** Văn Học, Hà Nội 2001

TRẦN ĐÌNH HUỲNH

- ***Danh Nhân Hồ Chí Minh,*** Nxb Văn Học, Hà Nội 2001

TRẦN GIA PHỤNG

- ***Án tích cộng sản Việt Nam,*** Non Nước, Toronto, Canada 2001.

TRẦN VĂN GIÀU

- ***Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam – Tập III: Thành công của chủ nghĩa Mác-Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh.*** Nxb TP. HCM, Sài Gòn 1993.

TRƯƠNG NHƯ TẢNG

- ***A Viet Cong Memoir.*** Harcourt Brace Jovanovich, San Diego 1985

VĂN TIẾN DŨNG

- ***Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước***

- ***Đi theo con đường của Bác,*** Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội 1993.

VIỆT THƯỜNG

- ***Sự Tích Con Yêu Râu Xanh ở VN,*** Quật Khởi, 2002

- ***Chuyện thâm cung dưới triều đại HCM,*** Hưng Việt, USA 2000

VÕ NGUYÊN GIÁP

- **Những năm tháng không thể nào quên,** Nxb QĐND Hà Nội in lần đầu 1970, lần thứ 5 năm 2001.

VŨ THƯ HIÊN

- ***Đêm Giữa Ban Ngày, Văn Nghệ,*** Nam Cali 1997.

B - TÁC GIẢ NGOẠI QUỐC

ANDRÉE VIOLLIS

- ***Indochine S.O.S*** Gallimard, Paris 1955

BERNARD F. FALL

- ***Le Viet Minh, la république démocratique du Việt Nam 1945-1960,*** Sciences Politiques, Librairie Armand Colin, Paris 1960.

- ***The two Vietnams,*** Frederick A. Praeger, USA 1967

- ***Ho Chi Minh on Revolution,*** Frederick A. Praeger, USA 1967

BONNAFANT, L.

- ***Trente ans de Tonkin,*** Ed. Figuière, Paris 1924

DANIEL ELLSBERG

- ***Secret,*** Viking Penguin, New York 2002

DAVID HALBERSTAM

- ***HO,*** McGraw-Hill Inc. New York 1971

DENNIS J. DUNCANSON

- ***Government and revolution in Vietnam.*** Oxford University Press, New York & London 1968

DENIS WARNER

- ***The Last Confucian,*** The Macmillan, New York 1963

DOUGLAS PIKE

- ***Viet Cong,*** MIT (Ma. Inst. of Tec.) MA 1966.

- ***History of VN Communism, 1925- 1976,*** Hoover Institution Press, 1978

EDUARD BERNSTEIN

- ***Cromwell & Communism...,*** Schocken Books, New York 1963

ELLEN HAMMER

- ***A Death In November: America in Vietnam, 1963.*** E.P. Dutton, 1987.

- ***The Emergence of Vietnam,*** Institute of foreign relations, New York 1947

- ***The Struggle for Indochina,*** Stanford Un. 1954.

HENRY KISSINGER

- ***Years of renewal,*** Simon & Schuster, New York 1999.

JEAN FRANCOIS RÉVEL

- ***Hồ Chí Minh, Lòng yêu nước bị chuyển hướng.*** Nam Á, Paris 1989.

JEAN LACOUTURE

- ***Ho Chi Minh, A political Biography,*** (English version by Peter Wiles) Random House, NY 1968

JEAN SAINTENY

- ***Face à Hô Chí Minh,*** Éditions Seghers, Paris 1970

- ***Ho Chi Minh and his Vietnam, a personal memoir,***

(English version), Cowles Book Co. Inc., Chicago 1972

- ***Histoire d'une paix manquée: Indochine 1945-1947,*** Fayard, Paris 1967.

JOSEPH BUTTINGER

- ***Vietnam, A Dragon Embattled, Political history of VN,*** 1967

- ***Vietnam, the unforgettable tragedy,*** Horizon Press New York 1977

JOSEPH STALIN

- **Les principes du Léninisme,** Selected writings, Greenwood Press, Westport, CT 1970

KARL MARX

- ***The Portable Karl Marx,*** Viking Press, New York 1983

KARL MARX & FREDERICK ENGELS

- ***The Communist Manifesto,*** International Publishers, 1948.

KARL VON CLAUSEWITZ

- ***On War, Modern Library,*** Random House, New York 1943

LOUIS ROUBAUD

- ***Vietnam, la tragédie Indochinoise,*** Valois, Paris 1931

LUCIEN BRODARD

- ***The Quicksand War, Prelude to VN,*** (English version by Patrick O'Brian), New York 1963

MARILYN B. YOUNG

- ***The Vietnam wars: 1945-1990,*** Harper Collins, 1991.

MICHEL TAURIAC

- ***Le dossier noir du Communisme, de 1945 à nos jours,*** Plon, Paris 2001

MIECZYSLAW MANELI

- ***War of the vanquished.*** (Bản dịch Anh ngữ của Maria De Gorgey). Harper & Row 1971

MILOVAN DJILAS

- ***The New Class,*** Praeger, New York 1957.

- ***Tito,*** Harcourt Brace, New York 1980.

NEIL SHEEHAN

- ***A Bright Shining Lie,*** Random, New York 1988

- ***After the war was over,*** Random House, New York 1997

NIKITA KHRUTSHCHEV

- ***Khrutshchev Remembers,*** Volume I, 1970; vol. III – Little Brown and Company Inc.1990.

NORA BELOFF

- ***Tito's flawed legacy,*** Westview Press, Bocelder Colorado 1985 .

OLIVIER TODD

- ***Cruel Avril, 1975 La chute de Saigon.*** France Loisirs, Paris 1987

- ***Huyền Thoại Hồ Chí Minh,*** Nam Á, Paris 1990

PIERRE BROCHEUX

- ***Ho Chi Minh,*** Presses de Sciences Po, Paris 2000

PHILLIP B. DAVIDSON

- ***Vietnam at war,*** Presidio Press, Novato, Cali1988.

PHILIPPE DEVILLERS and JEAN LACOUTURE

- ***End of A War,*** (English Version from La Fin D'une Guerre by Alexander Lieven & Adam Roberts), Frederick A. Praeger Inc, New York 1970.

RALPH SMITH

- ***Thập Niên Cuối của cuộc đời Hồ Chí Minh,*** Nam Á, Paris 1990

RICHARD H. CROSSMAN

- ***The God That Failed,*** Harper & Row, New York 1963, 1965.

RICHARD M. NIXON

- ***No more Vietnam,*** Harbor House, New York 1985.

ROBERT SHAPLEN

- ***The Lost Revolution,*** Harper & Row, New York 1965
- ***The road from war,*** Harper & Row, New York 1970

ROBERT STRAUSZ-HUPÉ

- ***Protracted Conflict,*** Harper & Brothers, New York 1959

ROBERT TEMPLER

- ***Shadows and Wind, A view of modern Vietnam,*** Pinguin books. New York 1999.

SOPHIE QUINN-JUDGE

- ***Ho Chi Minh, the missing years, 1919-1941,*** Uni. of Cali. Berkeley, Los Angeles 2002.

STANLEY KARNOW

- ***Vietnam, a history,*** Pinguin group, New York 1991

STÉPHANE COURTOIS et 5 AUTRES AUTEURS

- ***Le livre noir du communisme: Crimes, Terreur, Répression*** (English Version by Jonathan Murphy & Mark Kramer, Harvard 2000), Robert Laffon, Paris 1997.

STEPHEN R. GRAUBARD

- ***A mind's Profile,*** W.W. Norton and Company Inc. New York 1974

TƯỞNG VĨNH KÍNH

- ***Hồ Chí Minh tại Trung Quốc,*** Đài Bắc, 1972 (Bản Việt ngữ của Thượng Huyền, xb tại Hoa kỳ 1999.)

VLADIMIR DEDIJER

- ***Biography of Tito,*** Simon & Schuster, New York 1953.

VLADIMIR IL'ICH LENIN

- ***Colected works,*** Foreign Language Pub. House, Moscow 1960

WILLIAM J. DUIKER

- ***Ho Chi Minh, a life.*** Hiperion, New York 2000.

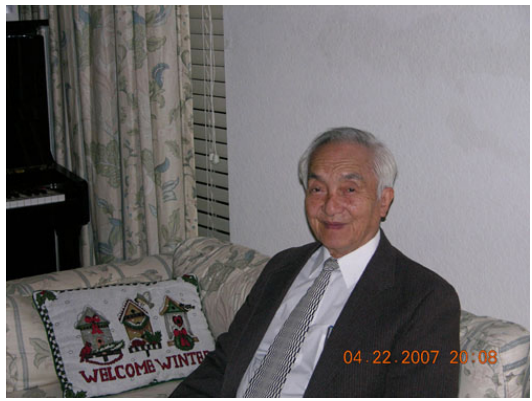

Về tác giả Minh Võ

Minh Võ là bút hiệu của ông Vũ Đức Minh, sinh năm 1931 tại tỉnh Nam Định, Bắc Việt.

Sau khi đậu tú tài hai Sinh Ngữ tại Hà-Nội năm 1953, ông bị bắt vào trường Sĩ Quan Trừ BỊ Thủ Đức, nhập học (trễ gần một tháng) khóa 3 phụ.

Tốt nghiệp vào năm sau ông được chọn ở lại làm huấn luyện viên, trung đội trưởng khóa sinh khóa 4 phụ.

Năm sau ông thăng Trung úy, được cử làm trưởng phòng 5 của trường, vừa đổi tên là Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức.

Năm 1956 ông đổi về bộ Tổng Tham-Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, làm tổng thư ký tòa soạn báo Tinh Thần thuộc Nha Tuyên úy Công-giáo.

Sau một tháng tu nghiệp tại Bộ Quốc Phòng Phi Luật Tân, ông về nước phục vụ tại Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng. Sau đó được cử coi đài phát-thanh Tiếng Nói Quân Đội.

Năm 1960 được biệt phái ngoại ngạch phục vụ tại Nha Vô Tuyến Truyền Thanh với chức vụ trưởng phòng Bình Luận.

Sau gần một năm tu nghiệp tại đài Phát Thanh BBC, Luân Đôn, Anh Quốc, ông về nước năm 1964, rồi năm 1966 lên coi sở chương trình Nha Vô Tuyến Truyền Thanh. Trong thời gian này ông kiêm nhiệm chức sĩ quan liên lạc của Hiệp Hội Vô Tuyến Truyền Thanh và Truyền Hinh Á-châu và Thái Bình Dương, nhiều lần lãnh-đạo phái đoàn Việt Nam tham dự các hội nghị của Hiệp Hội, trong đó có hai lần làm giám khảo chấm thi các giải thưởng Quốc Tế về Truyền Thanh, như giải ABU năm 1966, Giải NHK Nhật Bản năm 1970.

Tác phẩm biên khảo đầu tay của ông (sau 3 tác phẩm phiên dịch) nhan đề *Sách-lược Xâm Lăng Của Cộng Sản*, xuất bản năm 1963, được Nguyệt San Tin Sách của Văn Bút Việt Nam đánh giá là một trong vài cuốn sách hay nhất trong vòng 15 năm, và được đài VOA, Tiếng Nói Hoa Kỳ, trích đọc trong nhiều tuần lễ. Rồi sau đó, đài này đã lập hẳn một chương trình mới, 10 phút, phát-thanh hàng tuần, để mời ông làm chủ biên phụ trách trong 7 năm liên tục, từ 1964 đến 1971, là lúc ông được cử làm phó giám đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thanh, cũng là lúc ông thôi cộng tác với đài VOA. Và chương trình do ông phụ trách cũng ngưng hoạt động. Ông đã được Đài VOA trao tặng huy chương đặc biệt (medallion) trong dịp này.

Chương trình này có tên là *Viễn Ảnh Việt Nam Dân-chủ Cộng Hòa* (Perspective of the Democratic Republic of Viet Nam), chuyên trình bày về các mặt sinh hoạt của miền Bắc Việt Nam dưới chế độ Cộng Sản. Phòng Thông Tin Mỹ (USIS), sau đổi là (JUSPAO) cung cấp phần lớn tài-liệu cho chương trình.

Sau khi miền Nam mất vào tay Cộng Sản, tất cả các bài viết của Minh Võ cho chương trình này cũng như nhiều tài-liệu phiên dịch, các bài báo viết cho Đài Tự Do, nguyệt San Chỉ Đạo của Bộ quốc Phòng hay nhật báo Chính Luận đều mất hay bị thiêu hủy cùng với nhiều hình ảnh lưu niệm trong các chuyến du hành, công tác tại nước ngoài.

Đầu năm 1975 ông được Bộ Quốc Phòng cho giải ngũ kể từ 1/7/1975. Nhưng được nghỉ việc để đi phép có lương trong 3 tháng từ 1/41975.

Mặc dầu đã cầm giấy phép giải ngũ và đã rời nhiệm sở ở Hệ Thống Truyền Thanh từ đầu tháng tư, ông vẫn phải đi trình diện "học-tập cải tạo", đúng ra là vào tù Cộng Sản. Ông bị giam 9 năm 9 tháng tại 8 trại tù từ Nam ra Bắc.

Đầu năm 1985 ông được ra khỏi tù, mang theo nhiều chứng bệnh nan trị. Cuối năm 1991 ông được sang định cư tại Mỹ theo chương trình HO. Sau 4 năm chữa trị và tĩnh dưỡng, ông bắt đầu viết trở lại vào năm 1998.

Sau đây là mấy tác phẩm biên khảo Minh Võ viết ở Hoa Kỳ:

Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê, (380 trang, 16 MK), Thông Vũ xuất bản năm 1998 (đã in ba lần)

Phản Tỉnh Phản Kháng Thực Hay Hư (650 trang giá 28 MK), Thông Vũ XB năm 1999 (đã in 2 lần)

Ai Giết Hồ Chí Minh? Tâm Sự Nước Non (350 trang giá 18 MK. Đã hết từ lâu), Tủ Sách Tiếng Quê Hương XB năm 2000.

Hồ Chí Minh, nhận định tổng hợp (780 trang, giá 32 MK) Tủ Sách Tiếng Quê Hương xuất bản năm 2003 (in 2 lần)

Hàng chục nhật báo và tuần san, nguyệt san ở Mỹ và ngoài Mỹ đã đăng bài của Minh Võ trong 9 năm qua.

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU 7
Thư Nhà xuất bản 23
PHẦN I: NHẬN ĐỊNH VỀ HỒ CHÍ MINH
- từ một số tác phẩm loại tiểu sử **27**
Chương 1 WILLIAM J. DUIKER và
Ho Chi Minh, a life 29
Chương 2 JEAN LACOUTURE và
HCM, A Political Biography 53
Chương3 PIERRE BROCHEUX và *Hồ Chí Minh* 77
Chương 4 DAVID HALBERSTAM và *Ho* 89
Chương 5 BERNARD FALL và
Ho Chi Minh on Revolution 101
Chương 6 JEAN SAINTENY và
Face à Ho Chi Minh 121
Chương 7 TƯỞNG VĨNH KÍNH và
Hồ Chí Minh tại Trung Quốc 131

Chương 8 SOPHIE QUINN-JUDGE và
Ho Chi Minh, the missing years 143
Chương 9 TRẦN DÂN TIÊN và
Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch 173
Chương 10 HỒNG HÀ và
Bác Hồ trên đất nước Lê Nin 197
Chương 11 PHÙNG THẾ TÀI và
Bác Hồ, những kỷ niệm không quên 213
Chương 12 NGUYỄN KHẮC HUYÊN và
Vision accomplished? 223
Chương 13 NHÓM ĐƯỜNG MỚI và
HCM, sự thật về thân thế và sự nghiệp 241
Chương 15 HOÀNG QUỐC KỲ và
Ma đầu Hồ Chí Minh 261
Chương 15 NGUYỄN THUYÊN và
Bộ mặt thật của Hồ Chí Minh 267
Chương 16 VIỆT THƯỜNG và
Con Yêu Râu Xanh 275
Chương 17 NGUYỄN PHƯƠNG MINH và
HCM tên phản quốc số một của thời đại 289
PHẦN II: NHẬN ĐỊNH VỀ HỒ CHÍ MINH - từ một số tác phẩm viết về cuộc chiến VN 301
Chương 18 6 TÁC GIẢ và
Le Livre Noir du Communisme 303
Chương 19 JOSEPH BUTTINGER và
Vietnam: The Unforgettable Tragedy 317
Chương 20 DOUGLAS PIKE và
History of VN Communism 331

Chương 21 ROBERT SHAPLEN và
The Lost Revolution 343
Chương 22 MICHEL TAURIAC và
Viet Nam, le dossier noir du Communisme 351
Chương 23 P. J. HONEY và
Communism in North Việt Nam 361
Chương 24 PHILLIP B. DAVIDSON và
Vietnam At War 373
Chương 25 ELLEN HAMMER và
The Struggle For Indochina 379
Chương 26 DANIEL ELLSBERG và
Secrets 391
Chương 27 DENNIS J. DUNCANSON và
Government and Revolution in Viet Nam 405
Chương 28 P. DEVILLERS & J. LACOUTURE và
La Fin d'une Guerre 413
Chương 29 DENIS WARNER và
The Last Confucian 421
Chương 30 VÕ NGUYÊN GIÁP và
Những năm tháng không thể nào quên 431
Chương 31 NGUYỄN THỊ BÌNH và
Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng MNVN 447
Chương32 TRẦN VĂN GIÀU và
Sự phát triển tư tưởng tại Việt Nam 455
Chương 33 HOÀNG VĂN HOAN và
Giọt Nước Trong Biển Cả 465
Chương 34 SƠN TÙNG và
bài nói về Hồ Chí Minh 477
Chương 35 HOÀNG TÙNG và

HCM, Trung Quốc và Liên Xô 489
Chương 36 BÙI TÍN và
Vietnam, la face cachée du régime 495
Chương 37 NGUYỄN MINH CẦN và
Đảng Cộng Sản Việt Nam... 505
Chương 38 VŨ THƯ HIÊN và
Đêm giữa ban ngày 515
Chương 39 BẢO ĐẠI và
Con rồng Việt Nam 525
Chương 40 TRẦN GIA PHỤNG và
Án Tích Cộng Sản Việt Nam 533
Chương 41 ĐỖ MẠNH TRI và
Di sản Mác-xít tại Việt Nam 547
Chương 42 MỘT SỐ TÁC GIẢ KHÁC
(không nội dung) 553
PHẦN III: MỘT SỐ VẤN ĐỀ về
trách nhiệm của HỒ CHÍ MINH **555**
Chương43 Bối cảnh chiến tranh ý thức hệ
của tình hình Việt Nam 557
Chương 44 HỒ CHÍ MINH và sự du nhập
chủ nghĩa Cộng Sản vào Việt Nam 585
Chương 45 HỒ CHÍ MINH và
vụ bán Phan Bội Châu cho Pháp 611
Chương 46 HỒ CHÍ MINH từ Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930
tới Cải Cách Ruộng Đất 1953 641
Chương 47 HỒ CHÍ MINH và Mặt trận Việt Minh 665
Chương 48 HỒ CHÍ MINH và
tình trạng bị thủ hạ khống chế 695
Chương 49 HỒ CHÍ MINH và

cuộc sống thánh thiện 739
Chương 50 HỒ CHÍ MINH và
Tito Việt Nam? 773
Chương 51 HỒ CHÍ MINH và
vị đại anh hùng ái quốc 801
Chương 52 LỜI CUỐI SÁCH 863
Phụ Lục 873
Thơ Mục 883
Về tác giả Minh Võ 895